Việt dịch:

HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM

Chiết giải:

LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU



TỔNG LUẬN
ĐẠI BÁT NHÃ

TẬP 4

TỔNG LUẬN

ĐẠI BÁT NHÃ

(Phiên bản III)

Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU

Thiết kế: Cư sĩ **Thiện Bửu, Tâm Từ, Steve To**
Kiểm tra chánh tả: Cư sĩ **Thanh Phi, Phương Nhật**

PHẬT LỊCH 2569

TẬP 4

Tiếp theo nửa phần trên Hội thứ II, ĐBN với các phẩm:

Hết TẬP 4, Hội thứ II, ĐBN.

---o0o---

Xin tiếp tục đọc nửa phần dưới, Hội thứ II, ĐBN
với phẩm "Chỉ Tướng":

47. PHẨM "CHỈ TƯỚNG"

Phần sau Q.442 đến hết Q.443, Hội thứ II, ĐBN.
(Phẩm này có chủ đề "Bát Nhã lấy gì làm tướng", tương đương với phần sau phẩm "Phật Mẫu" Q.306 trở đi, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Chỉ Tướng" đề cập đến 2 vấn đề: 1. Bát Nhã lấy gì làm tướng? 2. Bát Nhã không thể nghĩ bàn.

Phần "Bát Nhã lấy gì làm tướng?" lại tương đương với phần sau phẩm "Phật Mẫu" và phần "Bát Nhã không thể nghĩ bàn" lại thuộc phẩm "Chẳng Nghĩ Bàn", cuối Q.308 đến Q.310, Hội thứ I, ĐBN. Chúng tôi trình bày phẩm này cũng chia làm 2 phần để tóm lược và luận giải.

*Cũng nên nói thêm rằng phẩm "Chỉ Tướng" của Hội thứ II tương đương với **phẩm thứ 48, "Vấn Tướng" , Tập 4, quyển 70 của Đại Trí Độ Luận**. Đây là một phẩm có giáo lý rất phức tạp, khó khăn. Phải đi từng bước một mới có hy vọng thâm nhập được giáo lý của các pháp này.*

Tóm lược:

(1. Bát Nhã Ba mật lấy gì làm tướng?)

(1- Thuyết tướng Bát Nhã):

Bấy giờ, Tam thiên đại thiên thế giới chư thiên cõi Dục, cõi Sắc đều đem các thứ hoa hương trời mầu nhiệm từ xa rải cúng dường Thế Tôn, rồi đi đến chỗ Phật đảnh lễ hai chân, lui đứng một bên, đồng thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật **thẳm sâu lấy gì làm tướng**?

Bấy giờ, Phật bảo chúng chư thiên rằng:

- Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy **không** làm tướng, lấy **vô tướng** làm tướng, lấy **vô nguyện** làm tướng, lấy **vô tác** làm tướng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy **vô sanh vô diệt** làm tướng, lấy **vô nhiễm vô tịnh** làm tướng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy **vô tánh vô tướng** làm tướng, lấy **vô y vô trụ** làm tướng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy **chẳng đoạn chẳng thường** làm tướng, **lấy chẳng một chẳng khác**

làm tướng, lấy **vô khứ vô lai** làm tướng, Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy **hư không** làm tướng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu có vô lượng tướng.

Chư thiên phải biết: Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì muốn nhiêu ích thế gian trời người A tu la nương thế tục, thi thiết diễn nói, chẳng nương thắng nghĩa.

Chư thiên phải biết: Các tướng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, thế gian trời người A tu la đều chẳng phá hoại được. Vì sao? Vì thế gian trời người A tu la cũng đều là tướng vậy.

Chư thiên phải biết: Các tướng chẳng năng phá hoại các tướng, các tướng chẳng năng biết các tướng. Các tướng chẳng năng phá hoại vô tướng, các tướng chẳng năng biết vô tướng. Vô tướng chẳng năng phá hoại các tướng, vô tướng chẳng năng biết các tướng. Vô tướng chẳng năng phá hoại vô tướng, vô tướng chẳng năng biết vô tướng. Vì sao? **Hoặc tướng hoặc vô tướng, hoặc tướng vô tướng đều vô sở hữu. Năng phá năng biết, sở phá sở biết, kẻ phá kẻ biết bất khả đắc vậy**.

Chư thiên phải biết: **Các tướng như thế chẳng phải do sắc làm ra**, chẳng phải do thọ tưởng hành thức làm ra. Chẳng phải do 12 xứ, mười 18 làm ra. Chẳng phải bố thí làm ra, chẳng phải tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật làm ra. Chẳng nội không cho đến vô tánh tự tánh không làm ra. Chẳng chơn như làm ra; chẳng pháp giới cho đến bất tư nghì giới làm ra. Chẳng tứ Thánh đế làm ra. Chẳng 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc làm ra. Chẳng 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ làm ra. Chẳng phải 37 pháp trợ đạo làm ra. Chẳng Tịnh quán địa làm ra; chẳng Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ Tát địa, Như Lai địa làm ra *(Bồ Tát thập vị cộng Tam thừa)*. Chẳng Cực hỷ địa làm ra; chẳng ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa, Pháp vân địa *(Bồ Tát Thập địa)* làm ra. Chẳng phải 5 nhãn, 6 thần thông làm ra. Chẳng phải Như Lai 10 lực làm ra; chẳng 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng làm ra. Chẳng phải 32 tướng Đại sĩ làm ra, chẳng 80 tùy hảo làm ra. Chẳng pháp vô vong thất làm ra, chẳng tánh hằng trụ xả làm ra. Chẳng phải tất cả Đà

la ni, Tam ma địa môn làm ra. Chẳng phải Nhất thiết trí làm ra; chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí làm ra.

Chư thiên phải biết: Các tướng như thế chẳng phải trời làm ra, chẳng phải người làm ra, cũng chẳng phải cả hai làm ra. Chẳng phải trời có được, chẳng phải người có được, cũng chẳng phải cả hai có được. Chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng hữu vi chẳng phải vô vi, không chỗ hệ thuộc chẳng thể tuyên nói.

Chư thiên phải biết: **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lìa các tướng, chẳng nên hỏi Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy gì làm tướng**. Chư Thiên, các ông nghĩ sao? Nếu có người hỏi hư không tướng gì? Hỏi như thế có chánh đáng không?

Chư thiên đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng chánh đáng! Bạch Thiện Thệ! Chẳng chánh đáng! Vì sao? Vì hư không vô thể vô tướng vô vi chẳng nên hỏi vậy.

Phật liền bảo:

- Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, chẳng nên hỏi. Tướng các pháp có Phật, không Phật, pháp giới, pháp trụ, đối với các tướng này Phật như thật biết, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Khi ấy, chúng chư Thiên đồng thưa Phật rằng:

- Như Lai giác ngộ các tướng như thế rất thẳm sâu khó thấy, khó biết. Như Lai chứng đắc các tướng như thế nên đối với tất cả pháp dùng trí vô ngại để chuyển*(1)*. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ tướng như thế, vì các hữu tình nhóm tướng các pháp, dùng phương tiện khai thị làm cho họ đối với Bát nhã Ba la mật được trí vô ngại.

Bạch Thế Tôn! Hiếm có! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là chỗ các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường đã sẽ đang hành; tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hành chỗ này nên chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình phân biệt khai chỉ tướng tất cả pháp. Nghĩa là phân biệt khai chỉ tướng sắc, phân biệt khai chỉ tướng thọ tưởng hành thức. Phân biệt khai chỉ tướng 12 xứ, 18 giới. Phân biệt khai chỉ tướng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, phân biệt khai chỉ tướng nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Phân biệt khai chỉ tướng bố thí Ba la mật; phân biệt khai chỉ tướng tịnh giới, an

nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Phân biệt khai chỉ tướng nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Phân biệt khai chỉ tướng chơn như; phân biệt khai chỉ tướng pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới. Phân biệt khai chỉ tướng tứ Thánh đế cho đến 37 pháp trợ đạo. Phân biệt khai chỉ tướng 8 giải thoát; phân biệt khai chỉ tướng 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ cho đến phân biệt khai chỉ tướng Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bấy giờ, Phật bảo chúng chư thiên rằng:

- Như vậy! Đúng như các ngươi đã nói! Chư thiên phải biết: Tướng tất cả pháp, Như Lai như thật biết là vô tướng. Nghĩa là biến ngại là tướng sắc, Như Lai như thật biết là vô tướng. Lãnh nạp là tướng thọ; lấy tượng là tướng tưởng; tạo tác là tướng hành; phân biệt là tướng thức, Như Lai như thật biết là vô tướng. Đống khổ não là tướng uẩn; cửa sanh trưởng là tướng xứ; nhiều độc hại là tướng giới, Như Lai như thật biết là vô tướng. Năng xả là tướng bố thí Ba la mật; không bức ngặt là tướng tịnh giới Ba la mật; chẳng sân hận là tướng an nhẫn Ba la mật; chẳng thể khuất phục là tướng tinh tấn Ba la mật; không tán loạn là tướng tĩnh lự Ba la mật; không chấp đắm là tướng Bát nhã Ba la mật, Như Lai như thật biết là vô tướng. Không có sở hữu là tướng nội không v.v…, Như Lai như thật biết là vô tướng. Chẳng điên đảo là tướng chơn như v.v…, Như Lai như thật biết là vô tướng. Chẳng hư dối là tướng bốn Thánh đế, Như lai như thật biết là vô tướng. Không ưu não là tướng bốn tĩnh lự; không hạn ngại là tướng bốn vô lượng, không ồn tạp là tướng bốn định vô sắc, Như Lai như thật biết là vô tướng. Không ràng buộc là tướng tám giải thoát; năng chế phục là tướng tám thắng xứ; năng vắng lặng là tướng chín định thứ lớp; không ngằn mé là tướng mười biến xứ, Như Lai như thật biết là vô tướng. Năng xuất ly là tướng ba mươi bảy Bồ đề phần pháp, Như Lai như thật biết là vô tướng. Năng xa lìa là tướng không giải thoát môn, không đắm lấy là tướng vô tướng giải thoát môn, không sở cầu là tướng vô nguyện giải thoát môn, Như Lai như thật biết là vô tướng. Nhiếp tịnh trụ là tướng Tam thừa thập địa, Như Lai như thật biết là vô tướng. Tới Đại giác là tướng Bồ Tát thập

địa, Như Lai như thật biết là vô tướng. Năng quán chiếu là tướng năm nhãn, Như Lai như thật biết là vô tướng. Không trệ ngại là tướng sáu thần thông, Như Lai như thật biết là vô tướng. Khó khuất phục là tướng Như Lai mười lực, không khiếp sợ là tướng bốn vô sở úy, không đoạn tuyệt là tướng bốn vô ngại giải, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Cho lợi vui là tướng đại từ, *(cứu)***vớt suy khổ là tướng đại bi, mừng việc thiện là tướng đại hỷ, phủi sạch tất cả là tướng đại xả, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Không có phần là 18 pháp Phật bất cộng, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Năng nghiêm sức là tướng tướng hảo, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Năng nhớ nghĩ là tướng pháp không quên mất, không sở chấp là tướng tánh hằng trụ xả, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Khắp nhiếp trì là tướng tất cả Đà la ni môn, khắp nhiếp thọ là tướng tất cả Tam ma địa môn, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Khéo thọ giáo là tướng bốn quả Sa môn, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Tự khai ngộ là tướng Độc giác Bồ đề, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Năng thành xong đại sự là tướng Bồ Tát hạnh, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Đủ đại tác dụng là tướng chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Như Lai như thật giác biết là vô tướng. Hiện Chánh đẳng giác là tướng Nhất thiết trí, khéo thông đạt là tướng Đạo tướng trí, hiện đẳng biệt giác là tướng Nhất thiết tướng trí, Như Lai như thật giác biết là vô tướng.** *(Q. 443, ĐBN)*

Chư thiên phải biết: Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với hết thảy tướng của tất cả pháp như thế*(tức là các pháp Phật)* **đều năng như thật giác biết là vô tướng. Vậy nên, Ta nói tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có trí vô ngại không ai bằng.**

(Để giải thích đoạn kinh này ***Đại Trí độ Luận, phẩm thứ 48, "Vấn Tướng", Tập 4, quyển 70,*** *thuyết rằng:*

Hỏi: *Trước đây đã nói nhiều về không tướng, vô tướng tướng, vô tác tướng... dẫn đến vô sở hữu tướng là tướng của Bát nhã Ba la mật rồi. Nay vì sao chư Thiên còn hỏi nữa?*

Đáp: Phật tùy nơi, tùy thời, tùy căn cơ của chúng sanh đến nghe pháp mà thuyết, để chúng sanh được lợi lạc. Có lúc Phật thuyết "vô", có lúc thuyết "hữu", có lúc thuyết về nhân quả, có lúc thuyết về tội phước v.v…

Nay chư Thiên hỏi về Bát nhã Ba la mật tướng, nên Phật mới rộng nói về các tướng của Bát nhã Ba la mật.

Trước đây Phật đã nói "Bát nhã Ba la mật tướng là như mộng, như huyễn"… tợ như khả đắc (có thể được) mà thật chẳng có tướng khả thủ (có thể nắm bắt được). Chỉ có chư Phật mới có thể như thật biết về tướng ấy. Chư Thiên, dù có lợi trí, nhưng chẳng thể nào biết rõ được nên mới thưa hỏi Phật như vậy.

Phật dạy rằng chư Thiên cũng như hết thảy các pháp khác đều là Bát nhã Ba la mật tướng, là **không tướng**.

Hết thảy pháp đều là "không tướng", có nghĩa là hết thảy pháp đều là "vô tướng tướng".

Đã là vô tướng tướng thì chẳng có các nguyên nhân dẫn sanh thân sau, nên cũng là "vô tác tướng" vậy.

Bởi vậy nên nói tam giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác" là ba cửa dẫn vào ba thừa đạo. Đây là cộng tướng của cả ba thừa đạo, vì cả ba thừa đều có nói đến.

Ví như ở cả ba thừa đều nói đến pháp tướng là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, đều là vô y chỉ, là như hư không. Đây cũng chính là Bát nhã Ba la mật tướng vậy.

--o0o--

"Cửa Không" chỉ có một, nhưng tùy người căn trí lợi hay độn mà cách vào "cửa Không" có nhiều sai khác. Bởi vậy nên mới phân biệt nói không, nói vô sanh, nói vô diệt v.v…

Chư Thiên tự niệm rằng: Bát nhã Ba la mật là không, là vô sở hữu, thì tướng của Bát nhã Ba la mật là tướng của hư không. Như vậy làm sao có thể diễn bày được. Vì sao? Vì nếu tướng ấy có thể diễn bày được, thì ắt phải là hữu tướng, chẳng phải là vô tướng vậy.

Tự niệm như vậy, nhưng vì sợ oai đức của Phật, nên chư Thiên chẳng dám thưa hỏi. Phật biết rõ tâm niệm của chư Thiên, nên dạy: Phật thương xót chúng sanh, nên dùng thế đế để diễn bày "không tướng", mà chẳng

dùng đệ nhất nghĩa đế. Vì Phật dùng thế đế, nên chẳng có gì để nạn vấn cả.

Lại nữa, tuy thuyết "không", mà chẳng thủ chấp "không", tuy thuyết thế đế, mà chẳng rơi lọt vào thế đế, nên là đồng một tướng vô phân biệt vậy. Tuy nói Bát nhã Ba la mật tướng là vô sở hữu, là như hư không tướng, chẳng có pháp nào mà chẳng vào trong tướng ấy cả, nên nói hết thảy tướng thế gian đều chẳng thể hoại được. Vì sao? Vì hết thảy thế gian, Trời, người, A Tu La cũng đều là tướng ấy cả, mà tướng thì chẳng thể phá hoại tướng. Ví như lửa chẳng thể diệt được lửa, nước chẳng thể diệt được nước vậy. Dù miệng nói "phá tướng cho đến chỗ rốt ráo" nhưng "rốt ráo" là bất khả tư nghì, là chẳng thể phá hoại được.

Phật dạy: **Bát nhã Ba la mật là rốt ráo không, là vô tướng, là vô tác. Bởi vậy nên tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, tướng cũng chẳng thể phá hoại tướng.** Vì sao? Vì các pháp dù phân tán, dù tập hợp, thì cũng đều rốt ráo chẳng tăng giảm, rốt ráo chẳng có chỗ phá được. Ví như lấy búa chẻ khúc gỗ lớn ra thành nhiều miếng củi nhỏ, thì lượng gỗ vẫn chẳng có tăng giảm. Lại nữa, hết thảy pháp đều chẳng có định tướng nên chẳng thể phá hoại được. Ví như cây do gốc rễ, thân, cành, lá… họp lại, mà chẳng có pháp nào nhất định gọi là cây.

Hỏi: *Hết thảy sắc pháp chẳng có tánh giác, nên chẳng hay chẳng biết được. Còn tâm sở pháp có thể hay biết được các tướng. Như vậy vì sao lại nói chẳng hay biết?*

Đáp: Nơi đây Phật nói về thật tướng pháp nên nói sự "thấy, nghe, hay, biết" của phàm phu đều là hư vọng. Do chấp có hữu vi pháp tướng mới có nhân duyên hòa hợp sanh, nên nói các pháp là hư vọng, chẳng thật có.

Nên biết rằng:

- Nếu dùng trí để phân biệt các pháp là thường, là vô thường, là không, là tịch diệt v.v… thì vẫn chưa đến được chỗ vô sở hữu.

- Trái lại, nếu "như thật biết" các pháp, thì chẳng cần dùng đến trí dụng, vì trí dụng là trí tướng mà đã là tướng thì chẳng thể biết tướng, tướng chẳng thể biết vô tướng. Nội, tuy có trí mà thật sự là tánh không, ngoại, tuy có tướng, mà cũng vẫn là tánh không. Nội cũng như ngoại đều chẳng có pháp có thể biết được. Có thuyết nói duyên tướng bên ngoài là vô duyên (chẳng có duyên), nên tướng bên ngoài chẳng phải do trí huệ

sanh. Cho nên nói trí tướng tướng chẳng có thể biết được vô tướng. Ví như con dao, dù rất bén, cũng chẳng có thể chém được hư không vậy.

Có thuyết nói trí huệ ở bên trong, chẳng có định tướng, mà các pháp bên ngoài lại có định tướng, và nói tâm tùy duyên sanh. Cho nên nói vô tướng chẳng thể biết được tướng. Ví như nếu chẳng có những dụng cụ để cưa xẻ gỗ, thì chẳng sao có thể cưa xẻ khúc gỗ lớn ra làm nhiều tấm ván mỏng được vậy.

--o0o--

Tóm lại, “thật tướng pháp” là vô tướng tướng. Hết thảy các pháp ở nơi thật tướng đều là không tướng, là vô tướng tướng nên đều là bất khả tri (chẳng thể biết được), bất khả đắc (chẳng thể đắc được).

Hỏi: *Vì sao nói tướng chẳng vào được vô tướng?*

Đáp: Vì vào chỗ vô tướng là đã ly tướng rồi, mà vô tướng là vô sở hữu xứ (chẳng có xứ sở) vậy. Bởi vậy nên tướng chẳng có vào được vô tướng.

Lại nữa, “năng tướng” và “sở tướng” đều chẳng có định tướng. Do có sở tướng, mới có năng tướng, và ngược lại. Nếu nói trước đã có năng tướng, mà năng tướng lại là vô tướng (chẳng có tướng), thì chẳng thể nào có sở tướng được. Còn nếu nói trước đã có sở tướng, mà sở tướng là vô tướng, thì cũng chẳng thể nào có năng tướng được.

Cả năng tướng và sở tướng đều chẳng có định tướng, nên các tướng ấy đều chẳng phải là thật tướng. Cho nên nói năng tướng và sở tướng đều là bất khả đắc cả.

--o0o--

Như trước đây đã nói “hết thảy các pháp tướng đều là không tướng, là vô tướng”. Như vậy là tướng chẳng phải do ngũ ấm làm ra, chẳng phải do sáu Ba La Mật làm ra… dẫn đến chẳng phải do Nhất thiết chủng trí làm ra. **Tướng là vô vi tánh, nên chẳng do pháp nào làm ra, chẳng do người làm ra… dẫn đến chẳng do chư Thiên, chư Bồ Tát, chư Phật làm ra.**

Vì sao? Vì tướng là rốt ráo không, chẳng phải là hữu lậu hay vô lậu, chẳng phải là thế gian hay xuất thế gian vậy.

--o0o--

Trước đây nói vô vi tướng nhằm đối trị sự lầm chấp về hữu vi tướng. Nay nói vô vi tướng cũng chẳng có định tướng, khiến có nhiều người nghi, nên Phật nói rõ với chư Thiên rằng: Dù có Phật, dù chẳng có Phật, thì **các tướng vẫn thường trú**. Người biết rõ như vậy là vào được Phật đạo.

Lúc bấy giờ, hàng chư Thiên hoan hỷ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là thậm thâm. Tuy chẳng chấp thủ pháp tướng, mà vẫn có thể tu hành để thành tựu vô thượng phước quả.

Phật dạy: Nếu thấu rõ được tánh tướng như vậy là được vô ngại trí. Nếu chẳng thấu rõ thậm thâm tánh tướng như vậy, thì chẳng có được vô ngại trí.

Phật thông đạt vô ngại, thể nhập vào thật tướng pháp, để rồi từ đó rộng thuyết về tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp, từ não hại tướng, tức là sắc tướng… dẫn đến "liễu vi tướng", tức là Nhất thiết chủng trí tướng. Phật đã như vậy mà phân biệt ra các tướng.

Phàm phu, do chấp tướng, mà phân biệt ra có các tướng riêng khác. Còn Phật biết rõ hết thảy các pháp tướng đều là không tướng, mà không tướng cũng là vô tướng. Phật khắp biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp, mà thật tướng pháp chính là Bát nhã Ba la mật tướng vậy").

(2- Bát nhã Ba la mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Thiện Hiện! Phải biết Bát nhã Ba la mật là mẹ chư Phật. Bát nhã Ba la mật năng chỉ thật tướng các pháp thế gian*(2)*. Vậy nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương pháp mà trụ, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì pháp sở y trụ. Pháp đây tức là Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nương dựa Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì. Vì sao? Vì Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều nhờ Bát nhã Ba la mật như thế mà được sanh trưởng. Bát Nhã làm chỗ sở y cho các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường chỉ

thật tướng các pháp thế gian. Thiện Hiện phải biết: Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là kẻ biết ơn, kẻ năng đền ơn.

Thiện Hiện! Nếu có người hỏi rằng: Ai là kẻ biết ơn, kẻ năng đền ơn? Nên đáp ngay rằng: Phật là kẻ biết ơn năng đền ơn. Vì sao? Vì tất cả thế gian biết ơn đền ơn không ai hơn Phật.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết ơn đền ơn?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác lái xe như vậy, trên con đường như vậy, đến được Vô thượng Bồ đề. Sau khi đắc đạo Bồ đề, luôn luôn cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, nhiếp thọ, hộ trì xe ấy, đường ấy thường không dừng nghỉ. Nên biết xe ấy, đường ấy là Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Thiện Hiện! Đây gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết ơn và đền ơn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không những đều nương Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, giác biết tất cả pháp đều vô tác dụng, vì kẻ năng tác vô sở hữu. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không những đều nương Bát nhã Ba la mật giác biết tất cả pháp đều **vô sở thành xong***(không thành tựu)*, vì bản chất bất khả đắc.

Thiện Hiện! Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương Bát nhã Ba la mật như thế, giác biết tất cả pháp đều **vô tác dụng**, vô sở thành xong, với tất cả thời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì từng không gián đoạn, nên gọi chơn thật biết ơn đền ơn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không những đều nương Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, đối tất cả pháp vô tác, vô thành, vô sanh trí chuyển; lại năng biết nhân duyên đây vô chuyển, vậy nên phải biết Bát nhã Ba la mật thường sanh chư Phật, cũng thường chỉ thật tướng các pháp thế gian.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói tánh tất cả pháp không sanh, không khởi, không biết, không thấy, làm sao nói được Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường sanh chư Phật, thường chỉ thật tướng các pháp thế gian?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, đúng như ngươi đã nói! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói tất cả pháp không sanh không khởi, không biết không thấy, nương thế tục mà nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường sanh chư Phật, cũng thường chỉ thật tướng các pháp thế gian.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp không sanh không khởi, không biết không thấy?

Phật nói:

- Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp đều chẳng tự tại, hư dối chẳng bền, nên tất cả pháp không sanh không khởi, không biết không thấy. Lại nữa, tánh tất cả pháp không chỗ nương dựa, không bị hệ thuộc. Bởi nhân duyên đây không sanh không khởi, không biết không thấy.**

Thiện Hiện phải biết: Bát Nhã tuy sanh chư Phật, cũng thường chỉ thật tướng thế gian mà không sở sanh, cũng không sở chỉ.

Thiện Hiện phải biết: **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu chẳng thấy sắc, nên gọi chỉ tướng sắc**; chẳng thấy thọ tưởng hành thức, nên gọi chỉ tướng thọ tưởng hành thức. Chẳng thấy 12 xứ, nên gọi chỉ tướng 12 xứ; chẳng thấy 18 giới, nên gọi chỉ tướng 18 giới. Chẳng thấy nhãn xúc, nên gọi chỉ tướng nhãn xúc; chẳng thấy nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc, nên gọi chỉ tướng nhỉ tỹ thiệt thân ý xúc. Chẳng thấy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, nên gọi chỉ tướng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ; chẳng thấy nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, nên gọi chỉ tướng nhỉ tỹ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng thấy địa giới, nên gọi chỉ tướng địa giới; chẳng thấy thủy hỏa phong không thức giới, nên gọi chỉ tướng thủy hỏa phong không thức giới. Chẳng thấy bố thí Ba la mật, nên gọi chỉ tướng bố thí Ba la mật; chẳng thấy tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nên gọi chỉ tướng tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng thấy nội không, nên gọi chỉ tướng nội không; cho đến chẳng thấy vô tánh tự tánh không, nên gọi chỉ tướng vô tánh tự tánh không. Chẳng thấy chơn như, nên gọi chỉ tướng chơn như; chẳng thấy pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới, nên gọi chỉ tướng pháp giới cho đến bất tư nghì giới. Chẳng thấy 8 giải thoát, nên gọi chỉ

tướng 8 giải thoát; chẳng thấy 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ, nên gọi chỉ tướng 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. Chẳng thấy Tứ đế, chẳng thấy 37 pháp trợ đạo, nên gọi chỉ tướng Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo. Chẳng thấy Như Lai 10 lực, nên gọi chỉ tướng Như Lai 10 lực; chẳng thấy 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, nên gọi chỉ tướng 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Cho đến chẳng thấy Nhất thiết trí, nên gọi chỉ tướng Nhất thiết trí; chẳng thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, nên gọi chỉ tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế nên nói Bát nhã Ba la mật thường chỉ thật tướng các pháp thế gian, nên gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật như thế chẳng thấy sắc, nên gọi chỉ tướng sắc; chẳng thấy thọ tưởng hành thức, nên gọi chỉ tướng thọ tưởng hành thức? Như vậy, cho đến chẳng thấy Nhất thiết trí, nên gọi chỉ tướng Nhất thiết trí; chẳng thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, nên gọi chỉ tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật bởi **chẳng duyên sắc mà <u>sanh thức</u>, đấy là chẳng thấy sắc, nên gọi chỉ tướng sắc**. Chẳng duyên thọ tưởng hành thức mà sanh thức, đấy là chẳng thấy thọ tưởng hành thức, nên gọi chỉ tướng thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến bởi chẳng duyên Nhất thiết trí mà sanh thức, đấy là chẳng thấy Nhất thiết trí, nên gọi chỉ tướng Nhất thiết trí. Chẳng duyên Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà sanh thức, đấy gọi là chẳng thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, nên gọi chỉ tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Thiện Hiện! Do nghĩa như thế, Bát nhã Ba la mật năng chỉ thật tướng các pháp thế gian, nên gọi là mẹ chư Phật, năng sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường vì chư Phật **hiển bày thế gian không**, nên gọi là mẹ chư Phật, thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian*(3)*.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã Ba la mật thường vì chư Phật hiển bày thế gian không?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường **vì chư Phật hiển bày sắc thế gian không**, hiển bày thọ tưởng hành thức thế gian không. Hiển bày 12 xứ, 18 giới thế gian không. Hiển bày nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ thế gian không, hiển bày nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thế gian không. Hiển bày địa giới thế gian không, hiển bày thủy, hỏa, phong, không, thức giới thế gian không. Hiển bày bố thí thế gian không, cho đến hiển bày Bát nhã Ba la mật thế gian không. Hiển bày nội không thế gian không, cho đến hiển bày vô tánh tự tánh không thế gian không. Hiển bày tất cả pháp Phật thế gian không. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên nói Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương Bát Nhã thẳm sâu thường vì thế gian hiển bày sắc thế gian không; hiển bày thọ, tưởng, hành, thức thế gian không; như vậy, cho đến hiển bày Nhất thiết trí thế gian không; hiển bày Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian không, làm cho các thế gian nhận biết thế gian không, tưởng thế gian không, nghĩ thế gian không, thấu rõ thế gian không. Thiện Hiện! Do nghĩa đó mà nói Bát Nhã thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, nên gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.*(Q.443, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường khiến chư Phật **thấy thế gian không**. Thấy những gì thuộc thế gian không? Là thấy **sắc thế gian không**, thấy thọ tưởng hành thức thế gian không. Như vậy, cho đến thấy Nhất thiết trí thế gian không, thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian không. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường chỉ Như Lai tướng **thế gian chẳng thể nghĩ bàn**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật, thường chỉ Như Lai tướng thế gian chẳng thể nghĩ bàn?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian chẳng thể nghĩ bàn, tướng thọ tưởng hành thức thế gian chẳng thể nghĩ bàn**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian chẳng thể nghĩ bàn, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian chẳng thể nghĩ bàn. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng **thế gian xa lìa.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật như thế thường chỉ Như Lai tướng thế gian xa lìa?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng **sắc thế gian xa lìa, tướng thọ tưởng hành thức thế gian xa lìa**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian xa lìa, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian xa lìa. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường chỉ Như Lai tướng thế gian **vắng lặng**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian vắng lặng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian vắng lặng, tướng thọ tưởng hành thức thế gian vắng lặng**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian vắng lặng, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian vắng lặng. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian **rốt ráo không**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật, thường chỉ Như Lai tướng thế gian rốt ráo không?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian rốt ráo không, tướng thọ tưởng hành thức thế gian rốt ráo không**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian rốt ráo không, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian rốt ráo không. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên Bát nhã Ba la mật năng chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian **vô tánh không**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật như thế thường chỉ Như Lai tướng thế gian vô tánh không?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian vô tánh không, tướng thọ tưởng hành thức thế gian vô tánh không**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian vô tánh không, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian vô tánh không. Thiện Hiện! Bởi nghĩ như thế, nên Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian **tự tánh không**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật như thế thường chỉ Như Lai tướng thế gian tự tánh không?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian tự tánh không, tướng thọ tưởng hành thức thế gian tự tánh không**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian vô tánh tự tánh không, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian tự tánh không. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian **vô tánh tự tánh không**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật như thế thường chỉ Như Lai tướng thế gian vô tánh tự tánh không?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian vô tánh tự tánh không, tướng thọ tưởng hành thức thế gian vô tánh tự tánh không**. Như vậy cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian vô tánh tự tánh không, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian vô tánh tự tánh không. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng thế gian thuần không**(4).

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật như thế thường chỉ Như Lai tướng thế gian thuần không?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian thuần không, tướng thọ tưởng hành thức thế gian thuần không**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian thuần không, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian thuần không. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng thế gian thuần vô tướng, vô nguyện.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai tướng thế gian thuần vô tướng, vô nguyện?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian thuần vô tướng vô nguyện, tướng thọ tưởng hành thức thế gian thuần vô tướng vô nguyện**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian thuần vô tướng vô nguyện, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian thuần vô tướng vô nguyện. Thiện Hiện! Bởi nghĩa

như thế, nên Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng thế gian vô ngã**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bát nhã Ba la mật như thế thường chỉ Như Lai tướng thế gian vô ngã?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường chỉ Như Lai **tướng sắc thế gian vô ngã, tướng thọ tưởng hành thức thế gian vô ngã**. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết trí thế gian vô ngã, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thế gian vô ngã. Thiện Hiện! Bởi nghĩa như thế, nên Bát Nhã thẩm sâu thường chỉ Như Lai thật tướng thế gian, gọi là mẹ chư Phật, thường sanh chư Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẩm sâu thường chỉ Như Lai tướng thế gian ấy, nghĩa là chẳng cho khởi tưởng thế gian này, cũng chẳng cho khởi tưởng thế gian nọ. Sở dĩ như vậy là vì sao? **Vì tất cả pháp đều vô sở hữu, thật bất khả đắc, không thể vin vào đó mà khởi tưởng thế gian này thế gian nọ**.

(2. Thế nào Bát Nhã là đại pháp sự, là bất khả tư nghì sự, là bất khả xứng tự, bất khả lượng sự và là vô đẳng đẳng sự?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bát nhã Ba la mật vì **đại sự nhân duyên** nên xuất hiện thế gian; Bát nhã Ba la mật vì việc **chẳng thể nghĩ bàn** mà xuất hiện thế gian; Bát nhã Ba la mật vì việc **chẳng thể xưng lường** mà xuất hiện thế gian; Bát nhã Ba la mật vì việc **không có hạn lượng** mà xuất hiện thế gian, Bát nhã Ba la mật vì việc **không gì sánh bằng** mà xuất hiện thế gian.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy, đúng như ngươi đã nói! Bát nhã Ba la mật vì đại sự nhân duyên nên xuất hiện thế gian. Vì việc chẳng thể nghĩ bàn nên xuất hiện thế gian. Vì việc chẳng thể cân lường nên xuất hiện thế gian. Vì việc không số lượng nên xuất hiện thế gian. Vì việc không

gì sánh bằng nên xuất hiện thế gian. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, **lấy việc cứu độ khắp tất cả hữu tình không ngưng nghỉ làm đại sự mà xuất hiện thế gian.**

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Chánh đẳng giác tánh*(5)*, Như Lai tánh*(6)*, Tự nhiên giác tánh*(7)*, Nhất thiết trí tánh đều là việc chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không có hạn lượng, không có gì sánh bằng mà xuất hiện thế gian.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có Chánh đẳng giác tánh, Như Lai tánh, Tự nhiên giác tánh, Nhất thiết trí tánh chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể cân lường, không số lượng, không gì sánh bằng hay lại còn pháp nào khác nữa cũng lại như thế?

Phật nói:

- Chẳng phải chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Chánh đẳng giác tánh, Như Lai tánh, Tự nhiên giác tánh, Nhất thiết trí tánh chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng mà **Sắc cũng chẳng nghĩ bàn được**, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Thọ tưởng hành thức cũng chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí cũng chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể cân lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Thiện Hiện! **Tất cả pháp cũng chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Ở trong chơn pháp tánh, tâm và tâm sở chẳng thể nắm bắt được**. *(Q.443, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Tánh sắc chẳng khá thi thiết, chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Như vậy, cho đến tánh Nhất thiết trí cũng chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Tánh Đạo tướng trí, Nhất thiết

tướng trí cũng chẳng nghĩ bàn được, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì duyên cớ gì mà nói tánh sắc chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng? Duyên cớ gì mà nói tánh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng lại như thế?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Vì **tự tánh sắc chẳng thể nghĩ bàn**, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. **Vì không có tự tánh**, nên **tánh sắc** chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng. Tự tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Vì không có tự tánh, nên tánh thọ tưởng hành thức chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng. Như vậy, cho đến tự tánh Nhất thiết trí, tự tánh Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Vì vô tự tánh nên tánh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc bất khả đắc** nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Thọ tưởng hành thức cũng bất khả đắc nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng bất khả đắc nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì duyên cớ gì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết tướng trí bất khả đắc nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! **Sắc không hạn lượng nên bất khả đắc**. Bất khả đắc nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Thọ tưởng hành thức cũng không hạn lượng nên bất khả đắc. Bất khả đắc nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Như vậy, cho đến Nhất thiết tướng trí không hạn lượng nên bất khả đắc. Bất khả đắc nên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì duyên cớ gì nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết tướng trí không hạn lượng nên bất khả đắc?

Phật nói:

- Thiện Hiện! **Tướng sắc chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng nên không hạn lượng. Tướng thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng nên không hạn lượng. Như vậy, cho đến tướng Nhất thiết tướng trí chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng nên không hạn lượng.**

Phật hỏi:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao: Trong cái chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, không có tự tánh của sắc, sắc **có thể nắm bắt được chăng**? Trong cái chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, không có tự tánh của thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức có thể nắm bắt được chăng? Trong cái chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, không có tự tánh của Nhất thiết trí, cho đến Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, ba trí này có thể nắm bắt được chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được! Bạch Thiện Thệ! Chẳng được!

Này Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng nên Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng chẳng thể**

nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, vì dứt nghĩ bàn. Chẳng thể xưng lường, vì dứt xưng lường. Không hạn lượng, vì dứt so lường. Không gì sánh bằng, vì dứt so sánh hơn thua vậy. Do nhân duyên này nên nói tất cả pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng là chỉ có trên phương diện ngôn thuyết. Tất cả đều giống như hư không. Vì hư không chẳng thể so sánh, xưng tán được: Chẳng thể nghĩ bàn là chẳng thể nghĩ bàn như hư không; chẳng thể xưng lường là chẳng thể xưng lường như hư không; không hạn lượng là không có giới hạn như hư không; không gì sánh bằng là không có gì có thể so sánh với hư không. *(Q.443, ĐBN)*

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp, Thanh văn, Độc giác, thế gian, trời, người, A tu la v.v… đều chẳng thể nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, so sánh được. Do nhân duyên nầy nên nói tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng khá xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Khi Phật thuyết phẩm Bất Khả Tư Nghì, Bất Khả Xứng Lượng, Vô Số Lượng, Vô Đẳng Đẳng như thế, trong chúng có năm trăm Tỳ kheo, hai trăm Tỳ kheo ni chẳng còn các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Lại có sáu trăm cư sĩ nam, ba trăm cư sĩ nữ đối với các pháp xa trần lìa cấu, sanh tịnh pháp nhãn. Lại có hai ngàn đại Bồ Tát được Vô sanh pháp nhẫn, ở trong Hiền kiếp sẽ được Phật thọ ký.

Thích nghĩa:

(1). Kinh nói "vì không bị tướng chuyển, nên có thể chuyển các tướng".

(2). Năng chỉ thực tướng các pháp thế gian: 能năng 示thị 世thế 間gian 諸chư 法pháp 實thật 相tướng. *"Thực tướng các pháp" dịch từ chữ Hán "**Chư pháp thực tướng**":* (諸法實相) *Chư pháp, hết thảy muôn pháp trong thế gian và xuất thế gian là các hiện tượng sai biệt, là các pháp tùy* duyên - *Thực tướng, thể tướng chân thực của các pháp là thực tại bình đẳng, là lý bất biến. Chư pháp thực tướng là một pháp ấn của Phật giáo Đại thừa, đối lại với ba pháp ấn của Tiểu thừa. Căn cứ theo Kinh Đại phẩm Bát Nhã quyển 17 phẩm Thâm áo và Kinh Pháp hoa quyển 1, phẩm Phương tiện nói, thì **thực tướng của các pháp duy chỉ có Phật tự chứng biết chứ không thể diễn bày được bằng lời nói**. Luận Đại trí độ quyển 18 bảo thực tướng của các pháp tức là Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là thực tướng các pháp mà thế tục nói chỉ là yên nước giữ nhà, tuyệt chẳng phải chân thực - còn thực tướng của các pháp mà ngoại đạo nói đều rơi vào trong pháp tà kiến, tâm có đắm đuối, cho nên chẳng phải chân thực - trong pháp Thanh văn tuy lấy vô thường, khổ, không, vô ngã mà quán xét thực tướng của các pháp, nhưng họ chỉ tự cầu giải thoát khỏi những cái khổ già, bệnh, chết chứ chẳng vì hết thảy chúng sinh, không đầy đủ trí tuệ, cho nên chưa có thể cùng suốt thực tướng - duy chỉ có Bồ Tát vào lúc mới phát tâm đã phát thệ nguyện rộng lớn, khởi đại từ bi cúng dường hết thảy chư Phật, dùng trí đại lợi, bỏ hết các pháp quán vọng kiến, như quán sạch, quán chẳng sạch, quán vui, quán khổ v.v... mà quán các pháp chẳng phải sạch, chẳng phải chẳng sạch, cho đến chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, rồi lại bỏ các pháp quán như trên, mà đạt đến mức **dứt đường nói năng, diệt chỗ tâm hành**, đó mới là cùng suốt thực tướng của các pháp. Trung luận quyển 3 phẩm Quán pháp, luận Đại trí độ quyển 15, Tư duy lược yếu pháp v.v... cũng cho tách lìa những hí luận, như chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đoạn, chẳng thường, tâm hành xứ diệt, tức là thực tướng của các pháp. Đại sư Gia Tường thuộc tông Tam luận, trong Đại thừa huyền luận quyển 4, bảo thực tướng là cái mà thực trí Bát Nhã soi rọi. Ngài Trí Khải tông Thiên thai, trong Ma ha chỉ quán quyển 1 phần trên, bảo thực tướng là đối cảnh do Viên đốn chỉ quán quán xét. **Trung luận và luận Đại trí độ đều nói "rốt ráo không là thực tướng các pháp"**, còn Ngài Trí Khải thì lại lấy Trung đạo làm thực tướng, đồng thời, trong Pháp hoa Kinh huyền nghĩa quyển 8 phần dưới, quyển 9 phần trên, có nêu lên mười hai tên gọi khác của thực tướng, như Diệu hữu, Như như, Hư*

không Phật tính, Phi hữu phi vô trung đạo v.v... Cho nên, ***sự giải thích của các tông về thực tướng của các pháp không nhất trí****. Lại như tông Tịnh độ lấy danh hiệu của Phật A di đà làm thực tướng của các pháp,* tông *Chân ngôn thì lấy chữ A vốn chẳng sinh làm thực tướng các pháp, tông Hoa nghiêm lại lấy Nhất chân pháp giới làm thực tướng các pháp, tông Pháp tướng thì lấy tính viên thành thực làm thực tướng pháp giới, tông Thành thực lấy giai không làm thực tướng các pháp, còn Hữu bộ tông thì lấy khổ, không, vô thường, vô ngã làm thực tướng các pháp. Trong tư tưởng Đại thừa, thuyết có khả năng biểu hiện thực tướng các pháp một cách độc lập nhất, thì trước hết phải kể đến giáo nghĩa thuộc hệ thống Long Thụ, sau lại chia lập thành hai phái Trung luận và Đại trí độ luận. Nay lấy hai tông Tam luận và Thiên thai là các tông đã nối theo hai tư trào trên đây để thuyết minh: 1- Tông Tam luận, theo thuyết trong Kinh Bát Nhã, nhất là coi trọng văn tụng Bát bất trong Trung luận (Đại 30, 1 trung): Chẳng sinh cũng chẳng diệt, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng một cũng chẳng khác, chẳng đến cũng chẳng đi. Cho rằng* ***cái không chẳng thể được là thực tướng của các pháp****, đó là cái lý phủ định tuyệt đối bất khả tư nghị, siêu việt cả khẳng định và phủ định thông thường - cũng tức là cái chân lý chẳng thể được mà khi đã phá trừ hết tất cả mê vọng thì liền thấy. 2- Tông Thiên thai, về thực tướng các pháp, tông Thiên thai chia ra ba lớp để giải thích: 1/. Hết thảy hiện tượng (các pháp) nương vào nhân duyên mà sinh, chỉ là nhân duyên giả hiện chứ không có thực thể - vì bản chất của các pháp là lý không (thực tướng), cho nên gọi lý ấy là thực tướng của các pháp. 2/. Tất cả cái không và cái có gọi là các* pháp, *cái lý trung đạo (thực tướng) khẳng định tuyệt đối, siêu việt không và có, đó tức là thực tướng các pháp. 3/. Hết thảy sự sự vật trong thế giới hiện tượng khế hợp với lý thực tướng của ba đế Tức không, Tức giả, Tức trung, như vậy các pháp tức là thực tướng và đó chính là thực tướng của các pháp. Trên đây, hai lớp trước là thuộc Đại thừa thiên giáo (giáo chỉ thiên về một bên, chỉ cho Tiểu thừa và Quyền giáo trong Đại thừa) - lớp thứ ba thuộc Đại thừa viên giáo. Ngoài ra Thiền tông thì cho thực tướng của các pháp là cái Bản lai diện mục. (cái mặt mày thật) do chư Phật hoặc lịch đại Tổ sư đã ngộ đạo biểu hiện. [X. Kinh Đại bảo tích Q.78 phẩm Cụ thiện căn - Kinh Chư pháp vô hành - Kinh Phật tạng Q.thượng phẩm Chư pháp thực tướng - Kinh Tọa thiền tam muội Q.hạ - Đại nhật*

Kinh sớ Q.1 - Đại thừa nghĩa chương Q.trung - Chú Duy ma Kinh Q.2 - Pháp hoa nghĩa ký Q.2 - Tứ niệm xứ Q.3 - Tam luận huyền nghĩa - Tông kính lục Q.40].- Tự điển Phật Quang.

Thật quá nhiều lý lẻ, khi chưa chứng được thật tướng của tất cả pháp. Nên nói chỉ có Phật mới biết thật tướng các pháp. Học Bát nhã Ba la mật chúng ta biết thật tướng của tất cả pháp là không, là vô tướng mà vô tướng là không có định tướng, nên cũng nói là không. Bát nhã Ba la mật cũng không, nên nói Bát nhã Ba la mật là thật tướng. ***TB****.*

(3). Như Lai thế gian thực tướng dịch từ Hán ngữ "如Như 來Lai 世thế 間gian 實thật 相tướng".

*1- **Thực tướng hay thật tướng**(實相): Nói gọn là bản thể, thực thể, chân tướng, bản tính...; từ đó được khai triển để chỉ cho thể tướng chân thực bất hư của tất cả muôn pháp, hoặc lý pháp chân thực, lý bất biến, chân như, pháp tính.*

*2- **Chư pháp thực tướng** nói nôm na là thể tướng chân thực, bình đẳng, bất biến của tất cả pháp.*

*3- **Như Lai thực tướng:** Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi. Như vậy, Như lai tức là Thật tánh, là Chơn như.*

Phải giải thích sự khác biệt giữa "chư pháp thực tướng" và "Như lai thực tướng" như thế nào? Các pháp là như như tướng, người thấy như như tướng thì gọi là Như Lai. Vậy, đứng về hình thức (tức ngoại biểu) mà nói sự khác biệt chỉ có trên ngôn từ. Các pháp không ngoài tâm và vật dù là chư pháp hay Như Lai pháp. Vì các pháp cùng đồng một tướng, chỗ gọi là vô tướng, nên không hai không khác. Cách chuyển ngữ ở đây hết sức tế nhị, vì Kinh đôi khi nói về chư pháp thực tướng thế gian, đôi khi lại nói Như Lai thực tướng thế gian. Xem lại phẩm "Phật Mẫu".

*(4). **Tất cả pháp tướng thế gian thuần không**. Nguyên văn câu chữ Hán là:*

"世Thế 尊Tôn 。云vân 何hà 如như 是thị 甚thậm 深thâm 。般Bát 若Nhã 波Ba 羅La 蜜Mật 多Đa 。能năng 示thị 如Như 來Lai 。應Ứng 。正Chánh 等Đẳng 覺Giác 世thế 間gian 純thuần 空không 相tương/tướng" 。*Dịch:*

"Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường chỉ Như Lai tướng **thế gian thuần không**".

Chữ "純" có nghĩa là thuần, không lẫn lộn, nguyên chất.

Chữ "空" có nghĩa là rỗng không, hư không.

Cách dịch như vậy là quá đúng. "Tướng thế gian thuần không" có nghĩa tướng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới thế gian thuần không; tất cả pháp đều không, tự tướng không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không... cho đến tướng Nhất thiết chủng trí hay nói chung là tất cả pháp mầu Phật đạo thuần không. Thấy như vậy là "tận không". Đây chỉ dựa vào Kinh mà giải thích cụm từ này.

(5). Chánh đẳng giác tánh: Tánh giác biết các pháp không sai biệt.

(6). Như Lai tánh: Bản thể của tự tánh cùng khắp không gian, bất khứ bất lai, đúng như bổn lai nên gọi là Như lai.

(7). Tự nhiên giác tánh: Tánh tự nhiên giác ngộ bằng cách giữ lấy chân lý ngay nơi tâm mình.

Chánh đẳng giác tánh(5), Như Lai tánh(6), Tự nhiên giác tánh(7), Nhất thiết trí tánh như nhau, không hai không khác.

Sơ giải:

Dẫn ý:

*Trong phần **chánh văn** tóm lược trên chúng tôi có dẫn chứng lời bình giải của Đại Trí Độ Luận rồi. Nên ở đây chỉ nói ý chánh về "thật tướng" của Bát nhã Ba la mật mà thôi. Biết được thật tướng Bát Nhã và tu theo thì sẽ không bị lầm lỗi, mau viên mãn đạo Bồ đề.*

1. Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?

1- Thật tướng Bát Nhã:

*Kinh nói: Bát nhã Ba la mật thậm thâm **lấy không làm tướng**; Bát Nhã lấy vô tướng, vô nguyện làm tướng; Bát Nhã lấy vô tác, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tánh làm tướng; Bát Nhã lấy vô tự tánh, vô sở y, phi đoạn phi thường, phi nhất phi dị, vô lai vô khứ làm tướng; Bát Nhã lấy hư không làm tướng; Bát nhã Ba la mật có vô lượng tướng như thế.*

*Các tướng như thế, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **nương vào thế tục mà nói**, chứ không nương vào thắng nghĩa. Các tướng như*

thế trời, người, A tu la v.v... trong thế gian đều chẳng thể phá hoại. Vì sao? Vì trời, người, A tu la v.v... trong thế gian cũng là tướng.

Các tướng chẳng thể phá hoại các tướng, các tướng chẳng thể biết các tướng, các tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, các tướng chẳng thể biết rõ vô tướng; vô tướng chẳng thể phá hoại các tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ các tướng, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ vô tướng. Vì sao? Vì hoặc tướng, hoặc vô tướng, hoặc tướng vô tướng đều vô sở hữu, năng phá, năng tri, sở phá, sở tri, sự phá, sự biết đều chẳng thể nắm bắt được.

Đây không phải là xáo ngữ, có tánh cách áp đặt mà đây là sở tri của Phật. Khi nói là không, rỗng không có nghĩa là không có tánh tướng gì cả. Đó là pháp không, vô tướng. Nếu không có gì cả thì không phải là thật vật, nếu không phải là thật vật thì có gì để lấy để bỏ. Nên nói là vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Vì vậy, nên nói các tướng như thế chẳng do sắc tạo ra, chẳng do thọ, tưởng, hành, thức tạo ra; chẳng do 12 xứ, 18 giới tạo ra, chẳng do tất cả pháp Phật tạo ra. Các tướng như thế chẳng phải do chư Phật tạo, Bồ Tát, Thanh văn, Thiên tạo ra, chẳng phải do phi thiên tạo ra, chẳng phải do Nhơn tạo ra, chẳng phải do phi nhơn tạo ra, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không hệ thuộc vào đâu. Vì chẳng phải là thật vật, nên chẳng thể tuyên thuyết. Bát Nhã xa lìa tất cả tướng.

Vì pháp không thấy pháp, pháp không biết pháp. Không thấy cái gì, không biết cái gì? Không thấy, không biết tướng của các pháp, chỗ không thấy không biết tướng của các pháp đó nên gọi là vô tướng. Chỉ có con người nhìn thấy pháp, cho đó là đẹp xấu, vuông tròn, lớn nhỏ… Đẹp xấu, vuông tròn v.v… là tướng, thấy biết tướng nên chấp tướng, rồi sanh thức tức cảm thọ, mà khởi tạo tác. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát Nhã thậm thâm, đối với các pháp (dù hữu tướng hay vô tướng) đều biểu hiện sự ***giác ngộ bình đẳng, nên không tạo tác. Nếu không thấy tướng, chỗ gọi là vô tướng thì tâm sẽ được như như, tâm như như là tâm giác ngộ bình đẳng.*** *Vì giác ngộ bình đẳng nên mới được thanh tịnh. Đó có thể nói là hệ quả của cái thấy biết không phân biệt, không chấp để thực hiện một sự*

chuyển y, tức biến thức thành trí. Trí này soi thấy thật tướng các pháp thế gian.

Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: "Thiện Hiện nên biết! Bát nhã Ba la mật thậm thâm là mẹ của chư Phật, Bát nhã Ba la mật có công năng chỉ rõ thật tướng của các pháp thế gian. Cho nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương pháp ấy mà an trụ, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì. **Pháp ấy tức là Bát nhã Ba la mật thậm thâm**. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật có khả năng xuất sanh chư Phật, có khả năng làm nơi nương tựa cho chư Phật, có khả năng chỉ rõ thật tướng các pháp thế gian".

Cho nên, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là bậc biết ơn, đền ơn Bát Nhã như các con phải biết ơn, đền ơn mẹ hiền!

2- Bát nhã Ba la mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

(Luận Đại Trí Độ phẩm thứ 48, "Vấn Tướng" , Tập 4, quyển 70 nói:

"Ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là độn tướng, đều chẳng thể biết, chẳng thể thấy, thì làm sao Bát nhã Ba la mật xuất sanh chư Phật, khai thị thế gian pháp tướng?

Phật dạy: Hết thảy pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là tự tánh không, đều là hư vọng, đều chẳng kiên cố. Lại nữa, vì hết thảy pháp đều chẳng có chỗ y chỉ, đều chẳng có gì trói buộc. Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba la mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

--o0o--

Hành giả phải phá hết thảy các pháp tướng, mới nhập vào được pháp "không". Ví như:

- Nếu chấp "có" thì khi phá pháp tướng sẽ thấy "không", nhập vào pháp "không".

- Nếu chấp "thường" thì khi phá pháp tướng sẽ thấy "vô thường", nhập vào pháp "không".

- Nếu chấp "thật" thì khi phá pháp tướng sẽ thấy "rốt ráo tận", nhập vào pháp "không".

- Nếu chấp "ngã" thì khi phá pháp tướng sẽ thấy "vô ngã", nhập vào pháp "không".

- Nếu chấp "Nhất thiết chủng trí" thì khi phá pháp tướng sẽ thấy "rốt ráo ly Nhất thiết chủng trí", nhập vào pháp "không" v.v…

Như vậy là **hết thảy các pháp tướng đều nhập vào "không tướng".** Bởi vậy nên nói hết thảy các pháp đều chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ y chỉ, chẳng có bị ràng buộc, chẳng có bị lệ thuộc, nên là bất sanh bất diệt.

Cũng do vậy, mà nói "thật tướng pháp" chẳng bị trói buộc trong ba cõi. Vì sao? Vì ba cõi là hư vọng, là chẳng thật có. Do ba cõi đều là hư vọng, nên nói hết thảy pháp đều là vô tri giả, vô kiến giả, tức là chẳng có người biết, chẳng có người thấy vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba la mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ở nơi đây, Phật muốn nêu lên các nhân duyên cho thấy rằng, ở nơi thể tánh, các pháp chẳng có duyên thức… dẫn đến chẳng có duyên Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là chẳng biết, chẳng thấy hết thảy các pháp vậy").

Mỗi khi duyên thức tức có phân biệt chấp đắm nên sanh tạo tác thi vi thì tâm không còn như như bất động. Như như bất động là chẳng thủ giữ vậy.

(Vả lại, Luận nói: "... khi vào trong Bát nhã Ba la mật rồi, thì sẽ biết rõ các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh. Vì do nhân duyên hòa hợp sanh, nên hết thảy các pháp, từ sắc… dẫn đến Nhất thiết chủng trí, đều là tự tánh không, đều là vô sở hữu. Như vậy là Bát nhã Ba la mật khai thị thế gian pháp tướng không.

Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, khi quán các pháp, dù lớn, dù nhỏ, dù ở trong, dù ở ngoài… đều biết là rốt ráo không. Như vậy gọi là Bát nhã Ba la mật khai thị thế gian pháp tướng không.

--o0o--

Khi Phật khai thị thế gian không, có người nghi rằng Phật còn chấp trước pháp. Họ nghĩ rằng: Phật thuyết Bát nhã Ba la mật, khai thị thế gian không mà chẳng phải thật tướng pháp là thường không như vậy.

Phật biết rõ tâm niệm của họ, nên dạy rằng: Ta chẳng ái pháp, nên ta biết rõ hết thảy các pháp tướng, trước sau, chỉ do tư duy trù lượng mà có; thật chẳng có pháp nào xuất sanh từ không cả.

Phật lại dạy: Chẳng phải do đọc tụng, chẳng phải do nghe người khác nói, mà ta thuyết như vậy. **Ta dùng trí tuệ Bát nhã Ba la mật, tư duy, phân biệt, mới khai thị thế gian pháp tướng không**.

Lại nữa, trong chúng hội có người nghĩ rằng: Chỉ có Bát nhã Ba la mật là rốt ráo không.

Phật biết rõ tâm niệm của họ, nên dạy rằng: Bất khả tư nghì cũng là rốt ráo không, cũng là bất khả đắc. Rốt ráo không còn được gọi là ly, là tịch diệt v.v… *(Đạt tới chỗ đó là thấy Niết Bàn)*

Ly, nói ở đây, có nghĩa là phân tán cho đến chỗ rốt ráo không, chẳng còn gì để phân tán nữa. **Khi đã vào được nơi rốt ráo không, là ly được các tâm và tâm sở pháp, ly được ngôn ngữ, văn tự… Như vậy gọi là tịch diệt**”).

Đây là lời bình giải trí tuệ của bậc thật tu thật chứng: Thật chẳng có pháp nào xuất sanh từ không cả, không là rỗng không làm gì có đến có đi, có xuất có nhập. Không ở đây không phải là tương đãi giữa Có và Không. Khi đã vào được nơi rốt ráo không, là ly được tâm và tâm sở, ly được ngôn ngữ, văn tự… Như vậy gọi là tịch diệt. Tịch diệt cũng chính là Niết Bàn, mà Niết bàn là giải thoát mọi hệ lụy thế gian!

Tịch diệt tức Niết bàn. Khi xa lìa được các hệ lụy thế gian, đạt chỗ tâm và tâm sở đều không, không còn gì hết, thì gọi là tịch diệt hay giải thoát. Tịch diệt hay giải thoát là tên khác của Niết bàn!

(Đại Trí Độ Luận thuyết tiếp:

Hỏi: *Vì sao nói hết thảy pháp đều là tự tánh không?*

Đáp: Vì nếu còn phân biệt nói có “mười tám không” là còn có sự đối đãi giữa các pháp.

Ví như nói “nội không” là do y vào nội pháp mà nói. Nếu chẳng có sự phân biệt giữa nội pháp và ngoại pháp, thì chẳng nói đến “nội không”. Dẫn đến “vô pháp hữu pháp không” cũng là như vậy.

---o0o---

"Ở Đoạn kinh trên đây có nói đến "độc không"*(1)*.

Nói "độc không" là chẳng phải do nhân duyên đối đãi mà nói.

"Độc không" là như hư không, là như pháp tánh thật tế vậy.

---o0o---

Có người chấp có đời này, mà chẳng có đời sau. Như vậy là tà kiến, đọa vào đoạn diệt.

Có người chấp có đời này, và chấp có thần thường trú sẽ nhập vào thân ở đời sau. Như vậy cũng là tà kiến, đọa vào thường kiến.

Bát nhã Ba la mật ly chấp cả hai bên. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là "trung đạo đế".

Tuy nói "không" mà chẳng chấp "không", nên Bồ Tát mới có thể vì chúng sanh thuyết về tội phước. Tuy nói tội phước mà chẳng đọa vào thường kiến, nên Bồ Tát ở nơi không mà vẫn vô ngại.

Nơi đây, Phật thuyết hết thảy pháp rốt ráo không, mà chẳng chấp đời này, đời sau, chẳng chấp thường, chấp đoạn vậy").

Lại là lời bình luận trí tuệ nữa. Cuối cùng Luận phá luôn "18 pháp không" khi Kinh nói đến "độc không". Rốt ráo 18 pháp không cũng không nốt. Còn nói đến 18 pháp không thì chưa đạt được cái "bất khả đắc không", chưa được gọi là đệ-nhất-nghĩa-không, nghĩa là vẫn còn nằm trong vòng phân biệt đối đãi. Điều đó có nghĩa khi nói đến độc không, phải nghĩ đến hư không. Hư không không có bất cứ biên giới nào trong cái vô biên vô tận đó. Nên độc không cũng chính là chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế v.v... Để tránh cái chấp phân hai đó cuối cùng tác giả của Đại Trí Độ Luận nói "Bát nhã Ba la mật là "trung đạo đế".

Ở đây chúng tôi không luận về cái tương đãi của không, chúng tôi cũng không nói đến độc không, thiên không, vạn không cho đến "tận không" mà chúng tôi muốn nói đến vô thức, vô niệm, vô tâm của Tánh không Bát Nhã. Tu Bát nhã Ba la mật hay tu pháp không, rốt ráo là đi đến chỗ rỗng không này! Khi đạt đến chỗ này thì được vô thức vô niệm

vô tâm. Tới đó thì cái tận không cũng không nói, hiến chi đến thuần không, cái độc không, thiên không, vạn không. Một phút tư duy cuối phần chiết giải này sẽ chứng minh thế nào là vô thức, vô niệm, vô tâm.

2. Thế nào Bát Nhã là đại pháp sự, là bất khả tư nghì sự, là bất khả xứng sự, bất khả lượng sự và là vô đẳng đẳng sự?

"Bát nhã Ba la mật thậm thậm vì **đại sự nhân duyên** *(đại pháp sự)* nên xuất hiện thế gian; Bát nhã Ba la mật vì việc **chẳng thể nghĩ bàn** *(bất khả tư nghì sự)* mà xuất hiện thế gian; Bát nhã Ba la mật vì việc **chẳng thể xưng lường** *(bất khả xứng sự)* mà xuất hiện thế gian; Bát nhã Ba la mật vì việc **không có hạn lượng** *(bất khả lượng sự)* mà xuất hiện thế gian, Bát nhã Ba la mật vì việc **không gì sánh bằng** *(vô đẳng đẳng sự)* mà xuất hiện thế gian".

Đại Trí Luận cùng phẩm trên giải thích các thắng sự trên như sau:

"**1- Đại pháp sự:**

Đại pháp sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh ra khỏi các khổ đau, ách nạn, thường ban phát cho chúng sanh vô lượng Phật pháp, chẳng xả bỏ hết thảy chúng sanh.

2- Bất khả tư nghì sự:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả tư nghì. Chẳng có chúng sanh nào có thể nghĩ bàn được.

Phật dạy rằng: Vì thương xót chúng sanh, vì muốn cứu độ chúng sanh mà chư Phật ở khắp mười phương thường dùng bình đẳng pháp để dìu dắt chúng sanh đến Niết Bàn. Như vậy gọi là bất khả tư nghì sự.

Lại nữa, có nhiều vị Bồ Tát đã được vô sanh pháp nhẫn rồi, mà vẫn chẳng ly chúng sanh, chưa vội nhập Niết Bàn. Chư vị đại Bồ Tát ấy, dù đã vĩnh viễn ly dục, mà vẫn thị hiện thọ ngũ dục, để phương tiện hóa độ chúng sanh. Các ngài phát đại thệ nguyện thọ sanh thân, làm những việc rất khó làm, như:

- Chịu khổ thay cho chúng sanh.
- Xả thiền định lạc để cùng sống chung với chúng sanh.

- Đồng sự với kẻ ác để phương tiện giáo hóa họ.
- Vào trong Pháp hội để hướng dẫn chúng hội v.v…

Như vậy gọi là bất khả tư nghì sự.

Hết thảy chúng sanh, chẳng có ai có thể nghĩ bàn được về các đại pháp sự, bất khả tư nghì của chư Phật và chư đại Bồ Tát.

3- Bất khả xứng sự:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả xứng*(xưng)*. Chẳng có chúng sanh nào có thể tư duy, xứng lượng được.

- Bát nhã Ba la mật khai thị thật tướng pháp, là trí huệ thâm diệu, chẳng phải như trí huệ thế gian cạn cợt, thô thiển.
- Bát nhã Ba la mật quảng đại, rộng mênh mông, chẳng phải như trí huệ thế gian thiển cận, hẹp hòi.
- Bát nhã Ba la mật đem lại đại lợi ích cho chúng sanh. Khi tu chưa thành, thì cũng được vô lượng phước báo ở cõi Trời, cõi Người.

Khi tu viên mãn rồi, thì được Nhất thiết chủng trí, được quả vị Phật. Chư Phật và chư đại Bồ Tát dùng trí huệ Bát nhã Ba la mật hành các pháp sự.

Hết thảy chúng sanh, chẳng có ai có thể tư duy, xứng lượng về các pháp sự bất khả xứng của chư Phật và của chư đại Bồ Tát.

4- Bất khả lượng:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả lượng. Chẳng có chúng sanh nào có thể suy lường được.

Vì sao? Vì dù là thường, là vô thường, là thật, là hư, là hữu, là vô v.v… thì các pháp bản lai cũng **vốn là vô tướng, nên là bất khả lượng** (chẳng thể cân so được) vậy.

Lại có thuyết nói rằng chấp tướng là có hạn lượng, chẳng có chấp tướng là chẳng có hạn lượng, là vô lượng vậy. Bát nhã Ba la mật chẳng có chấp tướng, nên nói Bát nhã Ba la mật là bất khả lượng.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường hành tứ vô lượng tâm, nên nói Bát nhã Ba la mật là bất khả lượng.

Lại nữa, trí huệ thế gian của phàm phu, trí huệ của hàng Nhị Thừa là có hạn lượng, còn trí huệ của Phật và của chư đại Bồ Tát là vô hạn lượng, nên nói Bát nhã Ba la mật là bất khả lượng.

Hết thảy chúng sanh, chẳng có ai có thể suy lường về các pháp sự bất khả lượng của chư Phật và chư đại Bồ Tát.

5- Vô đẳng đẳng sự:

Đại pháp sự của chư Phật là vô đẳng đẳng. Chẳng có chúng sanh nào có thể sánh kịp, chẳng có thể ngang bằng được.

Pháp sự vô đẳng đẳng, nói ở đây, cũng có nghĩa là pháp Niết Bàn, là Bát nhã Ba la mật.

- Pháp Niết Bàn là vô đẳng đẳng. Chẳng có pháp hữu vi nào có thể sánh kịp.

Thế nhưng, nên biết ở cả ba thừa đều có Niết Bàn. Đó là: Niết Bàn Thanh Văn, Niết Bàn Bích Chi Phật và Niết Bàn Phật thừa cũng còn gọi là Niết Bàn Đại Thừa.

Niết Bàn Đại Thừa là trên hết, chẳng có Niết Bàn nào sánh kịp.

Bởi vậy nên nói Niết Bàn Đại Thừa là vô đẳng đẳng.

- Bát nhã Ba la mật đem lại đại lợi cho chúng sanh, chẳng có pháp nào có thể sánh kịp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là vô đẳng đẳng.

- Bát nhã Ba la mật là Phật pháp vi diệu đệ nhất, chẳng có pháp nào có thể sánh kịp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là vô đẳng đẳng.

Với phương tiện lực Bát nhã Ba la mật, hành giả thể nhập được vào nơi "thật tướng pháp". Trong tất cả các pháp quán, thì pháp quán về "thật tướng pháp" và "tánh không" tối diệu, phá được lưới tà kiến chấp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là vô đẳng đẳng.

Bồ Tát được pháp quán bình đẳng này, nên thường khởi đại bi tâm, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Như vậy gọi là vô đẳng đẳng sự".

--o0o--

Phật dạy: Bát nhã Ba la mật vì các đại pháp sự bất khả tư nghì, bất khả xứng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng mà khởi. Các đại pháp sự đó là Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên trí pháp, Nhất thiết trí pháp.

Tất cả bốn pháp, nêu ở Đoạn kinh trên đây, đều là Phật pháp cả. Sở dĩ có bốn tên gọi như vậy, vì Phật cũng được gọi là đấng Như Lai, là đấng Tự Nhiên Trí, là đấng Nhất Thiết Trí.

Vì Phật có vô lượng công đức, nên ngoài bốn danh hiệu này, Phật còn có vô lượng danh hiệu khác nữa".

Để chấm dứt phẩm này, chúng tôi ghi lại câu Phật bảo:

"Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thường chỉ Như Lai tướng thế gian ấy, nghĩa là chẳng cho khởi tưởng thế gian này, cũng chẳng cho khởi tưởng thế gian nọ. Sở dĩ như vậy là vì sao? **Vì tất cả pháp đều vô sở hữu, thật bất khả đắc, không thể vin vào đó mà khởi tưởng thế gian này thế gian nọ**".

Rốt ráo, Bát nhã Ba la mật thường chỉ cho Như Lai hết thảy tướng tất cả pháp thế gian là không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô khởi, vô tận, vô vi, vô tác, vô tánh, thật tế. Vì sao? Vì tất cả pháp đều vô sở hữu, thật bất khả đắc, không thể vin vào đó mà khởi tưởng thế gian như thế này hay thế gian như thế nọ.

Khi nói thắng sự của Bát nhã Ba la mật là bất khả tư nghì tức là đặt thắng sự Bát Nhã (tức Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên trí pháp, Nhất thiết trí pháp) ngang hàng với thập nhị chơn như mà 12 chơn như gồm: 1. Chơn Như, 2. Pháp giới, 3. Pháp Tánh, 4. Bất Hư Vọng Tánh, 5. Bất Biến Dị Tánh, 6. Bình Đẳng Tánh, 7. Ly Sanh Tánh, 8. Pháp Định, 9. Pháp Trụ, 10. Thật Tế, 11. Hư Không Giới và 12. Bất Tư Nghì Giới.

Vậy, phạm trù của Bát nhã Ba la mật là vô hạng lượng như pháp giới, không có gì sánh bằng ngang đồng hư không, chẳng có gì làm lạ! Đó là lý do tại sao nói Bát nhã Ba la mật được gọi là mẹ của chư Phật chư Bồ Tát mà tất cả thế gian Trời, Người, A tu la... thường kính lễ và chư Phật chư Bồ Tát phải chăm lo Bát nhã Ba la mật như con chăm lo mẹ hiền mà phẩm trước có tên là "Phật Mẫu" và phẩm này có tên là "Chỉ Tướng", vì nhân duyên đại sự mà xuất hiên thế gian. Vai trò đó xứng đáng được tâng bốc hơn bao giờ hết!

Thích nghĩa cho phần Sơ giải:

(1)."Độc không": Dịch giả dịch đoạn Kinh này trong phẩm "Vấn Tướng", Kinh MHBNBLMĐ: "**Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba la mật hay khai thị Phật thế gian độc không.**

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị ngũ ấm thế gian độc không… dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian độc không".

Cụm từ "độc không", không có giải thích ở đây. Các dịch giả thường dùng từ "thuần không" hay "độc không". Chúng tôi nghĩ dịch giả của Đại Trí Độ Luận dịch từ "độc không" giống như nghĩa của "thuần không" trong Kinh ĐBN. Nhưng chúng tôi không có bản chữ Hán để so chiếu. ***TB***

Một phút tư duy:

Không những trong phẩm này mà hầu như trong toàn thiên Đại Bát Nhã Ba La Mật thường nói cả đến các bậc Tổ trong Thiền tông hay các bậc cao Tăng có công phu sâu dày cũng thường đề cập đến là ***Vô thức, Vô niệm, Vô tâm****. Ba cụm từ này nằm ở tầng cao trong sự thâm hiểu Bát Nhã Tánh Không, là một thực chứng thâm diệu không thể chối cãi được.*

*Tuy còn quá sớm khi nói đến vấn đề này, tuy nhiên để chứng minh cho cái gọi là "****vô tâm tướng****" của Đại Trí Độ Luận chúng tôi dẫn chứng bài pháp(1) do Tổ thứ 28 Thiền Tây Thiên, truyền thừa từ đức Phật Thích Ca Mâu Ni là* ***Bồ đề Đạt Ma,*** *trao cho đệ tử "****thế nào là VÔ TÂM trong cái thấy nghe nghĩ biết****" của con người đạt đạo như sau:*

"Đ (Đệ tử hỏi): (Lý rốt ráo) là hữu tâm hay vô tâm?

T (Tổ đáp): Vô tâm.

Đ: Nếu là Vô tâm, ai đang thấy, nghe, nghĩ biết? Cái người nhận biết rằng vô tâm ấy là ai?

T: Chính do Vô tâm mà có thấy, nghe, nghĩ, biết; chính do Vô tâm mà biết là Vô tâm.

Đ: Làm sao Vô tâm lại có thể thấy, nghe, nghĩ, biết? Lẽ ra Vô tâm không thể làm được hết thảy việc này.

T: Dù rằng thuộc Vô tâm nhưng vẫn có thể thấy, nghe, nghĩ, biết.

Đ: Nếu có thể thấy, nghe, nghĩ, biết thì không thể thuộc Vô tâm, mà phải là một loại hữu tâm.

T: Thấy, nghe, nghĩ, biết, hết thảy chính là những hoạt dụng của Vô tâm. Ngoài thấy, nghe, nghĩ, biết, không có Vô tâm. Ta e rằng con không lĩnh hội điều đó, nên ta sẽ tìm cách giảng giải vấn đề từng bước một để dẫn con hội diện với chân lý. Thí dụ, khi đang thấy, tất nhiên có cái đang thấy, như thế là vì có cái không thấy; cái đang thấy như thế chính là Vô tâm. Khi đang nghe, tất nhiên có cái đang nghe, như thế là vì có cái không nghe; nghe chính là của Vô tâm. Khi đang nhớ nghĩ, tất nhiên có cái đang nghĩ, như thế là vì có cái không nhớ nghĩ; nhớ nghĩ chính là của Vô tâm. Khi đang biết, tất nhiên có cái đang biết, như thế là vì có cái không biết; đang biết chính là của Vô tâm. Khi đang làm, tất nhiên có cái đang làm, như thế là vì có cái không làm; đang làm chính là của Vô tâm. Vì vậy, ta nói rằng thấy, nghe, nghĩ, biết, hết thảy đều là Vô tâm.

Đ: Làm sao biết rằng của ấy là của Vô tâm?

T: Con cứ xét kỹ vấn đề thêm, rồi nói cho ta rõ Tâm có hình tướng khả nghi nào không. Nếu có, như thế sẽ không phải là Tâm chân thật. Phải nhìn nó có ở trong, ở ngoài hay ở giữa. Tâm không ở đâu trong ba chỗ ấy. Cũng không phải được trực nhận như là có ở những nơi khác nào đó. Vì vậy, gọi là Vô tâm.

Đ: Bạch Thầy, nếu chính Vô tâm ở khắp mọi nơi, vậy lẽ ra không có thiện ác. Tại sao mọi loài trôi lăn trong sáu nẻo và mãi mãi trong vòng sống chết?

T: Đây là do chúng sinh điên đảo trong tâm ôm ấp ý tưởng huyền hoặc về một thực tại(cá biệt)nơi Vô tâm, và, khi tạo tác mọi hành vi, chấp trước mê lầm quan niệm cho rằng quả thực có một cái tâm hữu tâm. Vì lý do đó, chúng trôi lăn trong sáu nẻo và mãi mãi trong vòng sống chết.

Như một người khi thấy một cái bàn tay hay một đoạn dây trong bóng tối mà tưởng là hồn ma hay con rắn, rồi sợ hãi. Cũng vậy, chúng sinh chấp trước mê hoặc những tạo tác của chúng. Ở chỗ Vô tâm, lầm tưởng là thực tại của một tâm hữu tâm. Có bấy nhiêu hành vi tạo tác như thế, quả thật có trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi. Vậy nên phải khuyên dạy những chúng sinh như thế hãy đến kiếm một người bạn tốt, (có đạo nhãn) rộng lớn và hãy tu tập Thiền định, nhờ đó sẽ chứng ngộ được Vô tâm. Khi tu tập như vầy, hết thảy nghiệp chướng của chúng tiêu trừ và chuỗi dây sinh tử bị triệt đoạn. Như ánh mặt trời một khi soi thấu vào chỗ tối tăm xua đuổi tất

cả những gì tối tăm, hết thảy tội lỗi của chúng đều bị diệt trừ khi chúng chứng được Vô tâm.

Đ: Vì là ngu muội, tâm con chưa hoàn toàn tỏ rõ đối với công năng của Lục tình đáp ứng (sự kích thích) ở mọi nơi ra sao.

T: Lắm nhiều mưu chước được tiếp diễn bằng lời.

Đ: Tham dục và Giác ngộ, Sinh tử và Niết bàn, phải chăng chúng cũng là của Vô tâm?

T: Quả vậy, chúng thuộc Vô tâm. Chính vì chúng sinh chấp trước sai lầm ý tưởng về một tâm hữu tâm nên có đủ tất cả những Tham dục và Sinh tử, Giác ngộ và Niết bàn. Nếu tỏ ngộ Vô tâm, không có Tham dục, không có Sinh tử, không có Niết bàn. Bởi vậy, vì những người ôm giữ ý tưởng về một cái tâm hữu tâm, nên Như lai nói về Sinh tử; Giác ngộ đối với Tham dục, và Niết bàn đối đãi với Sinh tử. Tất cả những danh tự đó đều là pháp nhân duyên. Khi chứng đạt Vô tâm, không còn có Tham dục hay Giác ngộ, Sinh tử hay Niết bàn.

Đ: Nếu không có Giác ngộ, không có Niết bàn, vậy nói sao về sự giác ngộ mà chư Phật trong quá khứ đã chứng đắc?

T: Cái đó chỉ nói theo văn cú ước lệ (thế tục). Đối với chân lý tuyệt đối (Thánh đế), chẳng có cái gì như vậy. Do đó, Kinh Duy ma cật (Vimalakìrti) nói rằng trong thân không có giác ngộ để mà chứng, trong tâm không có giác ngộ để mà chứng. Lại nữa Kinh Kim cương nói rằng không có pháp cần phải chứng đắc, sự chứng đắc của hết thảy chư Phật là không chứng đắc. Do đó, **nên biết rằng tất cả các pháp khởi lên khi thấy có hữu tâm, các pháp diệt mất khi chứng được Vô tâm**.

Đ: Bạch Thầy, thầy nói rằng Vô tâm biến hành mọi nơi. Vậy ra, gỗ đá đều thuộc Vô tâm, phải chăng (hết thảy chúng sinh) đều như gỗ đá?

T: Nhưng Vô tâm được chứng ngộ trong tâm thức ta không phải là của gỗ đá. Tại sao? Nó như cỗ trống trời, đang im lìm bỗng chốc tự nhiên trỗi lên nhiều thứ âm thanh vi diệu để giáo huấn hết thảy các loài. Lại cũng như hạt như ý bảo châu (mai), tự nhiên đột khởi vô số hình sắc. Cũng vậy, **Vô tâm tạo tác ngang qua tâm thức của ta, khiến cho nó thấu hiểu chân tính của thực tại; nó có cả trí tuệ siêu việt chân thật, nó là chủ của Ba Thân, nó có công năng tự tại.** Như Kinh Bảo Tích (Ratnakùta) có nói rằng tâm tạo tác do Vô tâm mà không hay biết. Vậy sao lại có thể như gỗ đá? Vô tâm là Chân tâm, Chân tâm là Vô tâm.

Đ: Vậy phải tự tu tập như thế nào với tâm (tương đối) của chúng ta đây?

T: Chỉ cần tỏ ngộ Vô tâm trong tất cả các pháp, trong tất cả các hành vi. Đây là con đường tu tập, không có con đường nào khác, như thế biết rằng khi ngộ Vô tâm thì các pháp không còn nhiễu loạn chúng ta nữa.

Khi nghe điều này, đồ đệ tức thì chứng ngộ và nhận ra rằng không có vật ở ngoài tâm, không có tâm ở ngoài vật, đạt được tự do viên mãn trong tất cả cử chỉ và hành vi của mình; hết thảy màng lưới nghi ngờ bị xé tan thành mảnh vụn và không thấy còn có chướng ngại nào nữa".

Chứng được vô thức vô niệm vô tâm là con đường tắt trong việc tu học Bát Nhã. Hiểu liền hiểu, không do dự, đắng đo! Có thức mà không phân biệt, có niệm mà không tưởng, có tâm mà không thấy tâm. Đó là vô thức vô niệm vô tâm nhưng ngang qua đó chẳng có gì mà tâm chẳng biết.

Đó cũng chính là giáo nghĩa của Đệ nhất nghĩa không, chỗ siêu xuất mà chúng tôi tạm gọi là Diệu đế vượt trên Tục đế và cả Chân đế nữa./.

Thích nghĩa cho phần tư duy này:

(1). Đối thoại này được trích từ Thiền luận III trong mục nói về "Luận một: Từ Thiền Đến Hoa Nghiêm".

---o0o---

48. PHẨM "THÀNH BIỆN"
(Các Yếu Tố Đưa Đến Thành Tựu)

Đầu quyển 444, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Biện Sự", phần sau Q.310 cho đến đầu Q.311, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu vì đại sự nhân duyên xuất hiện ở thế gian; vì việc không thể nghĩ bàn nên xuất hiện ở thế gian; vì việc không thể tính lường nên xuất hiện ở thế gian; vì việc không hạn lượng nên xuất hiện ở thế gian; vì việc không gì sánh bằng nên xuất hiện ở thế gian.**

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, Bát nhã Ba la mật vì đại sự nhân duyên xuất hiện ở thế gian, cho đến vì việc không gì sánh bằng nên xuất hiện ở thế gian. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật thành tựu bố thí Ba la mật, cũng thành tựu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Thành tựu 18 pháp Không. Thành tựu chơn như, cũng thành tựu pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì. Thành tựu Tứ đế. Thành tựu 4 tịnh lự, cũng thành tựu 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Thành tựu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ. Thành tựu 37 pháp trợ đạo. Thành tựu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Thành tựu thập địa Tam thừa, cũng thành tựu Bồ Tát thập địa*(1)*. Thành tựu 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Thành tựu Phật 10 lực, cũng thành tựu 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, cho đến... Nhất thiết tướng trí hay nói rộng tức là **thành đạt tất cả các pháp mầu Phật đạo.** *(Q.444, ĐBN)*

Thiện Hiện! Như Sát đế lợi quán đảnh đại vương, oai đức tự tại, chiến thắng tất cả, đem các quốc sự giao phó Đại thần, rồi thong dong hưởng nhàn. Như Lai cũng vậy, là Đại pháp vương, oai đức tự tại, chế ngự tất cả,

đem pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp chư Phật đều qui về Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Do đó, nên Bát nhã Ba la mật đều thành tựu tất cả sự nghiệp. Thế nên, này Thiện Hiện! **Bát nhã Ba la mật vì đại sự nhân duyên xuất hiện ở thế gian, cho đến vì việc không gì sánh bằng nên xuất hiện ở thế gian**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu **đối với sắc không thủ, không chấp**, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với thọ, tưởng, hành, thức không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với 12 xứ, 18 giới không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với nhãn xúc không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với địa giới không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với vô minh không thủ, không chấp; đối với 12 duyên khởi không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; đối với lục Ba la mật không thủ, không chấp, đối với 18 pháp không, chơn như, pháp giới pháp tánh cho đến đối với cảnh giới bất khả tư nghì không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp; nói rộng ra đối với tất cả pháp Phật không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã Ba la mật đối với sắc không thủ, không chấp; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không thủ, không chấp. Cho đến đối với tất cả pháp Phật cũng không thủ, không chấp, nên xuất hiện ở thế gian và thành tựu sự nghiệp?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Ông thấy sắc thủ được, chấp được không? Thấy thọ, tưởng, hành, thức thủ được, chấp được không? Cho đến thấy tất cả pháp Phật thủ được, chấp được không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Hay thay! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Thiện Hiện! Ta cũng không thấy sắc thủ được, chấp được, không thấy thọ, tưởng, hành, thức thủ được, chấp được, cho đến không thấy tất cả pháp Phật thủ được, chấp được. **Do không thấy nên không thủ, do không thủ nên không chấp**. Do nhân duyên này nên Bát Nhã đối với sắc không thủ, không chấp; đối với thọ, tưởng, hành, thức không thủ, không chấp. Như vậy, cho đến đối với tất cả pháp Phật cũng không thủ, không chấp.

Thiện Hiện! Ta cũng không thấy tất cả Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp của hết thảy các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thủ được, chấp được. **Do không thấy nên không thủ, do không thủ nên không chấp**. Bát Nhã cũng lại như thế, đều không thấy có tất cả Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp của hết thảy các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thủ được, chấp được. Do nhân duyên này nên không thủ, không chấp. Thế nên, Thiện Hiện! **Các Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã không nên đối với sắc hoặc thủ, hoặc chấp;** không nên đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc thủ, hoặc chấp. Như vậy, cho đến không nên đối với tất cả pháp Phật hoặc thủ, hoặc chấp. Cũng không nên đối với tất cả Chánh đẳng giác pháp, Như Lai pháp, tự nhiên giác pháp, Nhất thiết trí pháp của hết thảy các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc thủ, hoặc chấp.

Lúc ấy, chư thiên cõi Dục, cõi Sắc đồng thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế rất sâu xa, khó thấy, khó biết, không thể suy lường, vượt khỏi suy lường, vắng lặng mầu nhiệm, chân thật thẳm sâu. Người rất thông tuệ suy nghĩ kỹ mới hiểu rõ được. Các hữu tình nào sanh lòng tin hiểu thâm sâu Bát Nhã như thế thì nên biết họ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật quá khứ, đã phát thệ nguyện rộng đối với chư Phật, trồng nhiều thiện căn, gần gũi nhiều thiện hữu, được vô lượng thiện hữu thủ hộ mới có thể tin hiểu Bát nhã Ba la mật như thế. Hoặc người nào được nghe Bát nhã Ba la mật như thế sanh lòng tin hiểu thâm sâu, nên biết họ là Bồ Tát, nhất định đắc Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Giả sử các loài hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đều đạt tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, họ đã thành tựu hoặc trí, hoặc đoạn, nhưng

không bằng 1 người trong một ngày đối với Bát Nhã này chấp nhận ưa thích, suy nghĩ, quán sát rõ ràng. Người này đối với Bát Nhã đây đã thành tựu nhẫn hơn người kia có trí, có đoạn... vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì các tùy tín hành hoặc trí, hoặc đoạn, cho đến Độc giác hoặc trí, hoặc đoạn đều chỉ bằng một phần nhỏ nhẫn của các Đại Bồ Tát đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Phật bảo chư thiên:

- Hay thay! Hay thay! Như các ông đã nói những trí và đoạn của các tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác đều chỉ bằng một phần nhỏ nhẫn của các Đại Bồ Tát đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Thiên chúng các ông nên biết: Các thiện nam, thiện nữ… nào tạm nghe Bát Nhã như thế, nghe rồi tin hiểu, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói thì các thiện nam, thiện nữ… này mau thoát khỏi sanh tử, chứng đắc Niết bàn, thành tựu Như Lai trí, hơn các thiện nam, thiện nữ… cầu Nhị thừa, xa lìa Bát nhã Ba la mật, học các Kinh điển khác, trải qua một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Vì sao? Vì trong Kinh Bát nhã Ba la mật đây nói rộng tất cả thắng pháp nhiệm mầu. Các tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đại Bồ Tát đều nên nương đây tinh tấn tu học, tùy theo nguyện cầu, làm việc gì sự nghiệp đều mau thành tựu. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương đây học đã chứng, đang và sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Khi ấy, chư Thiên đồng ca ngợi:

- Bát nhã Ba la mật như thế là đại Ba la mật, là Ba la mật không thể nghĩ bàn, là Ba la mật không thể tính lường, là Bát nhã Ba la mật không số lượng, là Bát nhã Ba la mật không gì sánh bằng.

Bạch Thế Tôn! Các vị tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đều nương Bát nhã Ba la mật này tinh tấn tu học, mau thoát khỏi sanh tử, chứng Vô dư y Niết bàn. Tất cả chúng đại Bồ Tát đều nương Bát nhã Ba la mật thậm sâu này tinh tấn tu học, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vào Vô dư y Niết bàn.

Bạch Thế Tôn! Tuy các Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát đều nương Bát nhã Ba la mật thâm sâu như thế, tinh tấn tu học, làm việc gì đều được thành tựu nhưng Bát nhã Ba la mật này không thêm, không bớt.

Chư thiên cõi Dục, cõi Sắc vừa dứt lời đều vui mừng hớn hở, đối với Bát Nhã sanh tâm tin vui. Sau đó đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh hữu ba vòng, từ tạ Phật về cung, đi cách hội không xa bỗng nhiên biến mất.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thâm sâu như thế, sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Đại Bồ Tát ấy từ cảnh giới nào mà sanh đến đây?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào nghe thuyết Bát nhã Ba la mật như thế sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập tư duy đúng lý, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Thường theo Pháp sư thỉnh hỏi ý nghĩa, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, không chút dừng nghỉ. Như nghé *(trâu con)* mới sanh không lìa khỏi mẹ, cho đến tuy chưa thông đạt ý nghĩa rốt ráo của Bát nhã Ba la mật thâm sâu để có thể giảng dạy cho người khác thì quyết không bao giờ xa lìa Kinh điển và người thuyết Bát nhã Ba la mật thâm sâu như thế.

Thiện Hiện nên biết: Đại Bồ Tát này **từ cõi người sanh đến đây**. Vì sao? Thiện Hiện! Đời trước Đại Bồ Tát này đã nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu, nghe rồi thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy đúng lý; lại ghi chép và trang sức các đồ báu. Lại dùng các loại tràng hoa đẹp nhất, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Nhờ thiện căn này nên lìa tám nạn xứ(2). **Từ cõi người sanh lại cõi người**, nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thâm sâu sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì, đọc tụng v.v…

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có Đại Bồ Tát nào thành tựu công đức thù thắng như thế, cúng dường phụng thờ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **ở phương khác**. Từ chỗ đó rồi sanh vào cõi này, nghe thuyết Bát Nhã thâm sâu như thế, sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì, v.v... không lười nhác chăng?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Các Đại Bồ Tát thành tựu công đức thù thắng như thế, cúng dường phụng thờ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **ở phương khác. Từ chỗ đó vào cõi này** nghe thuyết Bát Nhã như thế, sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì v.v… tâm không lười nhác. Vì

sao? Vì đời trước đại Bồ Tát này đã **ở chỗ vô lượng Phật nơi phương khác**, nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thâm sâu như thế, sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì v.v… tâm không lười nhác. Họ nhờ năng lực thiện căn như thế, nên **từ cõi kia sanh vào nơi này.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát từ thiên chúng ở **cõi trời Đổ sử đa sanh vào cõi người**. Họ cũng thành tựu công đức như thế. Vì sao? Vì đời trước Đại Bồ Tát này đã ở cõi trời Đổ sử đa chỗ Bồ Tát Từ Thị thỉnh hỏi ý nghĩa Bát Nhã thâm sâu. Họ nhờ năng lực thiện căn như thế, nên từ chỗ kia sanh vào cõi người, nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thâm sâu như thế sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì v.v… tâm không lười nhác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, dù đời trước được nghe Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật nhưng không thỉnh hỏi ý nghĩa sâu xa, nên nay sanh vào cõi người nghe thuyết Bát Nhã như thế, tâm ý mờ mịt, do dự khiếp sợ, hoặc sanh hiểu biết khác, khó khai ngộ được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, dù đời trước nghe pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không, **nhưng không thỉnh hỏi ý nghĩa sâu xa**. Dù đời trước được nghe chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì nhưng không thỉnh hỏi ý nghĩa sâu xa. Dù đời trước được nghe tất cả pháp Phật nhưng không thỉnh hỏi ý nghĩa sâu xa, nên nay sanh trong loài người nghe thuyết Bát Nhã như thế, tâm ý mờ mịt, do dự, khiếp nhược, hoặc sanh hiểu biết khác, khó khai ngộ được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, dù ở đời trước được nghe Bát nhã Ba la mật, cũng từng thỉnh hỏi nghĩa thú thẩm sâu, hoặc trải một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, mà chẳng như thuyết tinh tấn tu hành. Nay sanh trong người nghe thuyết Bát nhã Ba la mật như thế, hoặc trải một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày mặc dù vậy, tâm vẫn bền chắc, không lay động được.

Nhưng nếu lìa Bát nhã Ba la mật đã nghe liền bèn lui mất, tâm sanh do dự. Vì sao? Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này nhờ ở đời trước được nghe Bát Nhã, cũng thỉnh hỏi nghĩa thú thẩm sâu nhưng chẳng như thuyết tinh tấn tu hành, nên đến đời nay nếu gặp bạn lành ân cần khuyên gắng, bèn muốn nghe thọ Bát Nhã. Nếu không bạn lành ân cần khuyên gắng, tất đối Kinh này chẳng muốn nghe thọ. Các thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật hoặc khi muốn nghe, hoặc khi chẳng muốn, hoặc

tâm bền chắc, hoặc khi lui mất, dễ bị loạn động, tiến thối phi hằng, in như lông nhẹ bay theo gió. Phải biết các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa như thế, phát tới Đại thừa trải qua thời gian chưa lâu, chưa gần gũi nhiều chơn thiện tri thức, chưa cúng dường nhiều chư Phật Thế Tôn, chưa từng thọ trì đọc tụng thơ tả suy nghĩ diễn nói Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện phải biết: Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này chưa học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Chưa học nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chưa học chơn như cho đến bất tư nghì giới. Chưa học khổ tập diệt đạo Thánh đế. Chưa học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Chưa học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. Chưa học 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Chưa học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Chưa học Tam thừa Bồ Tát thập địa. Chưa học 5 nhãn, 6 thần thông. Chưa học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Chưa học 32 tướng Đại sĩ, 80 tùy hảo. Chưa học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Chưa học tất cả Bồ Tát hạnh. Chưa học chư Phật Vô thượng Bồ đề Chưa học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Thiện Hiện phải biết: Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này mới hướng tới Đại thừa, đối pháp Đại thừa, chỉ được phần ít kính tin ưa muốn, chưa có thể thơ tả thọ trì đọc tụng, tu tập suy nghĩ, vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu chẳng thơ tả thọ trì đọc tụng tu tập suy nghĩ vì người diễn nói Bát Nhã; nếu chẳng đem Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật **nhiếp thọ hữu tình**. Cho đến nếu chẳng đem Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nhiếp thọ hữu tình. Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này chẳng được Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật thủ hộ, cho đến chẳng được Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thủ hộ. Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này chẳng tùy thuận tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Cho đến chẳng có khả năng tùy thuận tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Bởi nhân duyên đây đọa bậc Thanh văn hoặc bậc Độc giác. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu chẳng thường thơ tả thọ trì đọc tụng, tu tập suy nghĩ vì người diễn nói. Cũng chẳng thường đem Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí nhiếp thọ hữu tình.

Chẳng thường tùy thuận tu hành Bát Nhã, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Chẳng được Bát Nhã thủ hộ cho đến chẳng được Nhất thiết tướng trí thủ hộ. Bởi nhân duyên đây đọa bậc Thanh văn hay Độc giác.

Thích nghĩa:

(1). Bồ Tát thập địa gồm: 1- Cực hỷ địa, 2- Ly cấu địa, 3- Phát quang địa, 4- Diệm tuệ địa, 5- Nan thắng địa, 6- Hiện tiền địa, 7- Viễn hành địa, 8- Bất động địa, 9-Thiện tuệ địa, 10- Pháp vân địa. Xin đừng lẫn lộn ***Bồ Tát thập địa và Bồ Tát thập vị cộng Tam thừa****. Tuy cách diễn tả có khác nhưng kết quả chỉ là một. Hai hệ cấp nầy tùy theo Kinh hay tùy theo các tông phái đặt ra. Kinh Đại Bát Nhã đã phân định như vậy nên chúng tôi thích nghĩa như vậy. Đã giải thích trong phần thứ I Tổng luận.*

(2). Tám nạn xứ, nói gọn là tám nạn: Là tám điều kiện bất lợi, tám trường hợp không may có thể xảy ra trên con đường tu học, gây khó khăn trở ngại cho việc tu hành. Tám nạn bao gồm: 1- Địa ngục; 2- Súc sanh; 3- Ngạ quỉ; 4- Trường thọ thiên; 5- Biên địa; 6- Căn khuyết (根缺; *Phạn ngữ: Indriyavaikalya*)*; 7- Tà kiến; 8- Như Lai bất xuất sanh.*

Sơ giải:

Phẩm này của Hội thứ II và phẩm "Biện Sự" của Hội thứ I do nhóm của Ngài Huyền trang dịch chỉ là một, tương đương với phẩm "Thành Biện" của Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài La Thập dịch như đã gợi ý ở trên. ***Phẩm thứ 50, cũng có cùng tên phẩm là "Thành Biện", Tập 4, quyển 71, Đại Trí Độ Luận*** *nội dung cũng giống như Kinh ĐBN và Kinh MHBNBLMĐ. Đọc một phẩm biết cả ba.*

Mấu chốt của phẩm này ở câu Phật nói "Ta chẳng thấy sắc có thể chấp, có thể trước; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể chấp, có thể trước. Ta cũng chẳng thấy có pháp nào có thể chấp có thể trước, cũng chẳng thấy do pháp ấy mà có chấp có trước; do chẳng thấy nên chẳng chấp, do chẳng chấp nên chẳng trước".

Tại sao có chấp? Do lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) tiếp xúc với lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) khởi phân biệt mà sanh ra lục thức (thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Tất cả lập cước của đạo Phật đều

nằm trên căn bản này. Vì do thấy sắc nên sanh ra phân biệt, do phân biệt, nên sanh chấp. Rồi từ chấp mới sanh tạo tác thi vi. Thấy đẹp nên muốn gần gũi ôm ấp, nên nói là thủ giữ; thấy xấu thì ghét bỏ, đuổi xua, xa lánh. Đầu mối là ở phân biệt chấp trước mà ra.

Bản thể của tất cả pháp là vô tri trì độn, như huyễn như mộng… duyên hợp thì có, duyên tan thì rã rời biến hoại, không có tự tánh nên bảo là không. Nếu nhập được pháp không rồi, không còn chấp ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới… cho đến Nhất thiết chủng trí nữa. Vậy cái đáng qui trách gây động niệm là ở phân biệt chấp trước.

Thấy thì ai có nhãn căn đều thấy cả. Phân biệt thì ai cũng phân biệt cả. Phật là người phân biệt giỏi nhất thế gian này, nhưng Phật không bị sắc trần níu kéo, vì Phật không dính mắc. Không vướng mắc, nên Phật không chấp, do công năng vô chấp mới được như như bất động. Do như như bất động nên Phật được thanh tịnh. Còn chúng sanh thấy sắc mà tâm ôm cứng lấy, không rời một bước… dù có đổi lấy thân mạng. Tất cả đều do thủ tâm chấp tướng mà ra.

Ngài Hoàng Bá lại nói "Tất cả thanh *(nghe)* sắc *(thấy)* đều là mắt tuệ Phật". *Cũng cùng cái nghe thấy đó mà biết quay lại thì cái nghe thấy ấy chính là mắt tuệ (tức là thấy tâm). Thấy như vậy tức "kiến chiếu vào tự tánh" liền thấy tánh mà được giác ngộ. Đó là cái thấy đặc biệt, nên bảo là mắt tuệ của chư Phật.*

Kinh Lăng nghiêm Phật bảo ông A nan: "Căn trần đồng một thể *(tâm)*, triền phược và giải thoát không hai *(mê thì triền phược, ngộ thì giải thoát)*. Các thứ hư vọng như hoa đốm giữa hư không. Vì có trần cảnh, nên ở nơi căn khởi ra phân biệt. Vì có năng phân biệt ở nơi căn, nên mới hiện ra cái tướng bị phân biệt là cảnh. Căn *(kiến)* và cảnh *(sắc tướng)* đối đãi vọng hiện, chớ không có thật *(vô tâm)*. Cũng như hình cây lau gác nhau. Thế nên, khi thấy, nghe, hay, biết mà khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc vô minh triền phược. **Còn khi thấy, nghe, hay, biết mà không khởi vọng niệm phân biệt, đó là Niết bàn. Ở trong chơn tâm thanh tịnh, không dung chứa vật nào khác**!"

Đó là cái thấy của chơn tâm theo Kinh Lăng Nghiêm. Còn một khi thâm nhập Bát nhã Ba la mật, biết "nhân không, pháp không" rồi thì dù cho thấy nghe hay biết cũng đều là không cả. Do đó Kinh bảo "**Ta chẳng thấy sắc có thể chấp, có thể trước**; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức có

thể chấp, có thể trước. Ta cũng chẳng thấy có pháp nào có thể chấp có thể trước, cũng chẳng thấy do pháp ấy mà có chấp có trước; do chẳng thấy nên chẳng chấp, do chẳng chấp nên chẳng trước".

Do đó, Kinh MHBNBLMĐ, Phật dạy:

"Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nhất thiết chủng trí, Vô Thượng Bồ Đề có thể thủ, có thể chấp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bach Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy sắc… dẫn đến thức có thể thủ, có thể chấp, cũng chẳng thấy Nhất thiết chủng trí, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên trí pháp, Nhất thiết trí pháp có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lúc bấy giờ hàng chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất thậm thâm, khó thấy, khó giải, chẳng thể suy lường mà biết được. Chỉ có bậc thiện xảo vi diệu, trí huệ tịch diệt, mới có thể tín giải được.

Nếu người nào thâm tín Bát nhã Ba la mật này, thì phải biết đó là bậc đại Bồ Tát. Người đó trong vô lượng kiếp đã cúng dường chư Phật, đã gieo trồng thiện căn, đã thân cận chư thiện tri thức, mới có thể thâm giải Bát nhã Ba la mật này vậy".

Như vậy, mới biết thủ tâm chấp tướng là điên đảo của cuộc đời thường. Muốn tránh thì phải buông bỏ phủi sạch, tự mình đập vỡ thùng keo sơn để được rỗng không./.

---o0o---

49. PHẨM "DỤ THUYỀN THẢY"

Cuối Q.444 đến đầu Q.445, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Các Dụ", cuối Q.311 đến đầu Q.313, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Thí như thuyền bị vỡ giữa biển khơi**, những người trong thuyền nếu không nắm được gỗ, đồ vật, phao, tấm ván, thây chết làm vật nương tựa, thì chắc bị chết chìm. Nếu ôm được đồ vật làm vật nương tựa, thì nên biết chắc chắn họ được yên ổn vào bờ, không bị tổn thương, hưởng các thứ vui. Như vậy, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ... trụ Bồ Tát thừa, tuy đối với Đại thừa chỉ thành tựu một phần nhỏ về lòng tin, cung kính, mong muốn, ưa thích, nhưng nếu không ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người diễn nói Bát Nhã làm chỗ nương tựa, thì nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường bị suy bại, không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác. Nếu các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa tuy đối với Đại thừa thành tựu viên mãn lòng tin cung kính, mong muốn, ưa thích, hoặc ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Bát Nhã thẳm sâu làm chỗ nương tựa, nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế chắc chắn giữa đường không rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác, quyết định chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Lại nữa, Thiện Hiện! **Như người muốn qua đồng hoang hiểm ác**, nếu không mang theo lương thực binh khí thì không đến được cõi nước an lạc, giữa đường gặp khổ mất mạng. Như vậy, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, tuy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề dù có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có sự ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn. Nếu không nhiếp thọ Bát Nhã thẳm sâu và các công đức khác thì nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường sẽ suy bại, không chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Thiện Hiện nên biết: Như người muốn qua đồng hoang hiểm ác, nếu **thường mang theo lương thực binh khí vật dụng** thì sẽ đến được cõi nước an vui, chắc chắn giữa đường không gặp khổ bỏ mạng. Như vậy, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có sự ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn, lại thường nhiếp thọ Bát Nhã thẳm sâu và các công đức khác. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường chắc chắn không bị suy bại, thối lui, vượt khỏi bậc Thanh văn và Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Lại nữa, Thiện Hiện! Thí như người nam hoặc người nữ… **đem bình bằng đất còn sống** *(chưa nung)* **đến sông, hoặc ao, hoặc giếng, hoặc suối, hoặc mương lấy nước**. Nên biết bình này mau rã. Vì sao? Vì bình này chưa nung chín, không đựng nước được. Như vậy, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, tuy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề dù có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có sự ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn, nhưng không có phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thẳm sâu hộ trì thì xa lìa Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Cũng lại xa lìa 18 pháp không. Cũng lại xa lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì. Cũng lại xa lìa tứ Thánh đế. Cũng lại xa lìa bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vố sắc. Cũng lại xa lìa tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ. Cũng lại xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo. Cũng lại xa lìa pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Cũng lại xa lìa thập địa Bồ Tát. Cũng lại xa lìa 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Cũng lại xa lìa Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng. Cũng lại xa lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Cũng lại xa lìa Đà la ni, Tam ma địa môn. Cũng lại xa lìa thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Cũng lại xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường bị suy bại không chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Thiện Hiện nên biết: **Thí như người nam hoặc người nữ đem bình đã nung chín** đến sông, hoặc ao, hoặc giếng, hoặc suối, hoặc mương lấy

nước. Nên biết bình này chắc chắn không rã. Vì sao? Vì bình này nung chín kỹ, đựng nước được, rất bền chắc. Như vậy, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, nếu đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có sự ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn. Lại thường dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thọ Bát Nhã thẳm sâu thì không xa lìa Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến không xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, nên thường được chư Phật và chúng Đại Bồ Tát nhiếp thọ hộ niệm. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường chắc chắn không bị suy bại thối lui, vượt khỏi Thanh văn địa và Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Lại nữa, Thiện Hiện! Thí như **lái buôn không có trí, thuyền còn ở trên bờ, sửa chữa thiết bị chưa xong**, liền đem của cải chất lên thuyền, đẩy thuyền ra khơi. Nên biết thuyền này giữa đường bị hư chìm, người thuyền của cải đều bị tản mác khắp nơi. Người buôn không có trí lanh lợi như thế làm mất thân mạng, của cải.

Như vậy, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, tuy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có sự ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn, nhưng không có phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thẳm sâu hộ trì nên xa lìa Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường suy bại, mất cả thân mạng và nhiều của báu. Mất cả thân mạng là rơi vào Thanh văn hoặc Độc giác. Mất của báu là mất Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Thiện Hiện nên biết: Thí như người buôn có trí lanh lợi, **thuyền còn ở trên bờ, trước tiên phải sửa chữa xong rồi, biết không còn bị hư hỏng**, mới đẩy xuống nước, sau đó đem của cải chất lên thuyền mà đi. Nên biết thuyền này chắc chắn không bị hư chìm, đưa người và của đến nơi an toàn.

Như vậy, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, nếu đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn. Lại có phương tiện thiện xảo của

Bát Nhã thẳm sâu hộ trì nên không xa lìa Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; cho đến không xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó nên thường được chư Phật và chúng đại Bồ Tát nhiếp thọ hộ niệm. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường chắc chắn không bị suy bại thối lui, vượt khỏi bậc Thanh văn và Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Lại nữa, Thiện Hiện! Thí như **người có một trăm hai mươi tuổi**, già cả suy yếu lại thêm nhiều bệnh. Đó là bệnh gió, bệnh nóng, bệnh đàm, hoặc cả ba bệnh. Ý ông nghĩ sao? Người bệnh già này từ giường nằm tự đứng dậy được không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Người này nếu được nâng đỡ đứng dậy cũng không đủ sức đi một Câu lô xá*(1)*, hai Câu lô xá, ba Câu lô xá. Vì sao? Vì quá già lại mang bệnh. Như vậy, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, tuy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn, nhưng không có phương tiện thiện xảo của Bát Nhã thẳm sâu, nên xa lìa Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường suy bại, không chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác. Vì sao? Vì **không có phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật** hộ trì nên lìa các công đức. Nên chư Phật, Bồ Tát không hộ niệm.

Thiện Hiện: Thí như có người một trăm hai mươi tuổi, già cả suy yếu, lại thêm nhiều bệnh, đó là bệnh gió, nóng, đàm, hoặc cả ba bệnh. Người già bệnh này muốn từ giường đứng dậy đi đến nơi khác nhưng tự gượng không được. **Có hai người mạnh hai bên sóc nách**, nâng từ từ đứng dậy và nói: Không có việc gì khó cả, cụ muốn đi đâu hai chúng tôi sẽ đưa đến tận nơi an ổn.

Như vậy, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa tuy đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn. Lại **có phương tiện thiện xảo**

Bát Nhã hộ trì nên không xa lìa Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến không xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên biết các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, giữa đường chắc chắn không bị suy bại thối lui, vượt khỏi bậc Thanh văn và Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Vì sao? Vì có phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật hộ trì nên đủ các công đức và được chư Phật, Bồ Tát cùng hộ niệm.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, do không có phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật hộ trì nên lìa các công đức, rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, không chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Hay thay! Ông vì làm lợi lạc cho các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa nên hỏi việc như thế. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Thiện Hiện nên biết: Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, từ sơ phát tâm **chấp ngã, ngã sở** tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Các thiện nam, thiện nữ… này khi tu bố thí suy nghĩ như vầy: Ta thường hành bố thí, ta bố thí vật này, người kia nhận vật ta bố thí. Khi tu tịnh giới suy nghĩ như vầy: Ta thường trì giới, ta trì giới này, ta đủ giới này. Khi tu an nhẫn, suy nghĩ như vầy: Ta thường tu nhẫn, ta nhẫn vì người kia, ta đủ nhẫn này. Khi tu tinh tấn, suy nghĩ như vầy: Ta thường tinh tấn, ta vì đây tinh tấn, ta đủ tinh tấn này. Khi tu tịnh lự, suy nghĩ như vầy: Ta thường tu định, ta vì đây tu định, ta đủ định này. Khi tu Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ như vầy: Ta thường có tuệ, ta vì đây tu tuệ, ta đủ tuệ này.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… này khi bố thí chấp có bố thí, **chấp bố thí là ngã sở**. Khi tu tịnh giới, chấp có tịnh giới, chấp tịnh giới là ngã sở. Khi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng chấp như trên. Chấp như vậy là chấp ngã sở. Các thiện nam, thiện nữ… này chấp ngã, ngã sở luôn luôn đeo đẳng, nên thực hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chỉ làm tăng thêm sanh tử, không thể giải thoát hết khổ. Vì sao? Vì trong bố thí Ba la mật không phân biệt như thế, không thể phát khởi chấp này, cho đến trong Bát nhã Ba la mật cũng không phân biệt như

thế, không thể phát khởi chấp này chấp nọ. Vì sao? **Vì xa lìa bờ này bờ kia là tướng bố thí Ba la mật… cho đến tướng Bát nhã Ba la mật.**

Thiện Hiện phải biết: Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa đây chẳng biết tướng bờ đây bờ kia, nên chẳng thể nhiếp thọ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, cho đến chẳng năng nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do nhân duyên này các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa đây đọa bậc Thanh văn hoặc bậc Độc giác, chẳng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, vì sao **không có phương tiện thiện xảo** tu hành sáu pháp Ba la mật mà lại rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác, không chứng quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, từ sơ phát tâm **không có phương tiện thiện xảo**, nên khi tu bố thí, suy nghĩ như vầy: Ta thường hành bố thí, ta bố thí vật này, người kia nhận vật thí của ta. Khi tu tịnh giới, suy nghĩ như vầy: Ta thường trì giới, ta trì giới này, ta trọn giới này. Khi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng suy nghĩ như vậy. Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, **khi tu bố thí chấp có bố thí này, chấp là ngã, ngã sở nên sanh kiêu mạn**. Khi tu tịnh giới chấp có tịnh giới này, chấp tịnh giới là ngã, ngã sở nên sanh kiêu mạn. Khi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng chấp vào các pháp này. Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này, chấp chặt ngã, ngã sở, nên khi tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chỉ tăng thêm sanh tử không thể giải thoát các khổ. Vì sao? Vì trong bố thí Ba la mật không phân biệt như thế. Vì sao? Vì không phải đến bờ này, bờ kia là tướng của bố thí Ba la mật. Cho đến trong Bát nhã Ba la mật cũng không phân biệt như thế. Vì sao? Vì không phải đến bờ này, bờ kia là tướng của Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện nên biết: Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này không biết tướng bờ này, bờ kia nên không thể nhiếp thọ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến không thể nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, nên các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác, không chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, không dùng phương tiện thiện xảo như thế, tu hành sáu pháp Ba la mật nên rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác, không chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, do **có phương tiện thiện xảo** của Bát nhã Ba la mật thẳm sâu hộ trì nên đủ các công đức, không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, từ sơ phát tâm, lìa chấp ngã, ngã sở tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thâm sâu. Các thiện nam, thiện nữ… này khi tu bố thí không suy nghĩ: Ta thường hành bố thí, ta bố thí vật này, người kia thọ vật thí của ta. Khi tu tịnh giới không suy nghĩ: Ta thường trì giới, ta trì giới này, ta đủ giới này. Khi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng không suy nghĩ ta thường tu pháp này, ta đắc pháp nọ v.v...

Nếu các thiện nam, thiện nữ… này, **khi tu bố thí không chấp có bố thí, không chấp do bố thí này**. Khi tu tịnh giới không chấp có tịnh giới, không chấp do tịnh giới này. Khi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và không chấp các pháp này. Có chấp là có ngã, ngã sở . Các thiện nam, thiện nữ… này do không chấp ngã, ngã sở nên khi tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật làm suy giảm được sanh tử, mau được giải thoát các khổ. Vì sao? Vì trong bố thí Ba la mật không phân biệt như thế, nên không khởi chấp này, cho đến trong Bát nhã Ba la mật cũng không phân biệt như thế không khởi chấp này chấp nọ. Vì sao? Vì xa lìa bờ này, bờ kia là tướng của bố thí cũng là tướng của Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện nên biết: Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này khéo biết tướng bờ này, bờ kia, nên thường nhiếp thọ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến thường nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó nên các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này, không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, **làm thế nào để có phương tiện thiện xảo tu hành sáu pháp Ba la mật** nên

không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, từ sơ phát tâm đã **có phương tiện thiện xảo**, khi tu bố thí không suy nghĩ: Ta thường hành bố thí, ta bố thí vật này, người kia nhận vật ta bố thí. Khi tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật không suy nghĩ: Ta thường tu các pháp này nên được các thắng lợi như thế v.v... Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này khi tu bố thí không chấp có bố thí, không chấp do bố thí này, không chấp là không ngã, ngã sở, nên không kiêu mạn. Khi tu tịnh giới, an nhẫn v.v... cũng không chấp có tịnh giới, có an nhẫn v.v... Không chấp là không ngã, ngã sở nên **không kiêu mạn**. Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này không theo chấp ngã, ngã sở, nên việc tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật làm suy giảm sanh tử, mau được giải thoát các khổ. Vì sao? Vì trong tướng bố thí Ba la mật không phân biệt như thế. Vì không phải đến bờ này, bờ kia là tướng của bố thí Ba la mật cũng là tướng của Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện nên biết: Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này khéo biết tướng bờ này, bờ kia, nên thường nhiếp thọ bố thí, tinh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cho đến thường nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, nên các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa này không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa như thế, có phương tiện thiện xảo tu hành sáu pháp Ba la mật, nên không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Thích nghĩa:

(1). Câu lô xá (Krosa (skt)—Câu Lâu Xá—Câu Lô Xa. 1- Khoảng xa nhất có thể nghe tiếng bò rống hay tiếng trống đánh; 2- Một phần tám của Dụ Thiên Na hay 5 dậm.

Sơ giải:

Để mở đầu chiết giải cho phẩm này, ***Đại Trí Độ Luận phẩm thứ 51, "Thí Dụ", Tập 4, quyển 71,*** *giải thích thế nào là* **"có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn…?".** Như sau:

"Đoạn Kinh trên đây nói có 2 hạng Bồ Tát. Đó là:

- Hạng Bồ Tát đã vào được thật tướng các pháp.
- Hạng Bồ Tát tuy chưa vào được thật tướng các pháp, nhưng ở nơi Phật đạo đã có tín tâm, có nhẫn tâm, có tịnh tâm, có thâm tâm, lại cũng đã có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn.

"Tín" là tin có các nhân duyên tội phước, có quả báo, lại tin rằng do tu tập 6 pháp Ba La Mật, mà sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Có người tuy tin Phật đạo, nhưng do tư duy, trù lượng mà chưa được nhẫn tâm. Cho nên phải có **"nhẫn"**.

Có người tuy đã có nhẫn nhưng chưa dứt bỏ được các tà nghi, khiến tâm loạn động. Cho nên phải có **"tịnh"**, tức là phải có định tâm.

Có người tuy đã có định nhưng trí tuệ còn nông cạn, chưa thấu rõ được chỗ thâm diệu của kinh. Cho nên phải có **"thâm"**, tức là phải có trí tuệ thậm thâm.

Khi đã có đầy đủ 4 tâm trên đây rồi, hành giả lại phải nhất tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên phải có **"nguyện"**.

Lại nữa, hành giả cần xem thế gian là việc nhỏ, chẳng nên tham đắm. Cho nên phải có **"giải"**.

Khi đã có **"tịnh"**, có **"nguyện"**, có **"giải"** rồi, thì hành giả xả tài vật, xả sân nhuế v.v… Cho nên phải có **"xả'**.

Đầy đủ các pháp nói trên đây rồi, hành giả phải siêng năng tu tập, chẳng có giải đãi, thối thất. Cho nên phải có **"tinh tấn"**.

Mặc dù đã có được đầy đủ các công đức hữu tin, hữu nhẫn, hữu ái, hữu dục, hữu giải, hữu hành, hữu hỉ, hữu lạc, hữu xả, hữu tinh tấn, hữu tôn trọng, hữu tịnh tâm, ly phóng dật, bất tán loạn... như trên mà ***không nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật và tất cả pháp Phật làm phương tiện*** *thì cũng giống:*

1. Như người đi biển không dùng phao làm chỗ nương tựa, làm sao khỏi chết chìm? 2. Người đi lấy nước mà dùng bình bằng đất chưa nung chín, bình này rất dễ tan rã làm sao lấy được nước? 3. Người muốn qua đồng hoang hiểm ác, nếu không mang theo lương thực khí giới thì không

thể đến được cõi nước an lạc, giữa đường gặp khổ có thể tán thân mất mạng. 4. Như lái buôn không có trí, thuyền còn ở trên bờ, sửa chữa thiết bị chưa xong, vội vã chất hàng hóa lên thuyền rồi giục tốc ra khơi. Thuyền có thể bị vỡ, hàng hóa, người trôi nổi tứ phương, có thể chết làm sao đến được bến bờ an vui? 5. Cũng như người già 120 tuổi lại lắm bệnh, nếu không có hai trai tráng khỏe mạnh xốc nách làm sao có thể đứng dậy đi vài bước nói chi có thể đi cả dặm để thưởng ngoạn?

Vì vậy, ***tu Bát nhã Ba la mật là phải biên chép, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, tu tập, vì người diễn nói mới không bị thối thất nửa đường, phải rơi vào bậc Thanh văn hay Độc giác****. Hơn nữa, tu Bát nhã Ba la mật là không nên chấp ngã và ngã sở, không* **"phân biệt, phải xả ly mọi tướng phân biệt, xa lìa chấp có bờ này bờ kia, thì mới vào được thật tướng của 6 Ba La Mật",** *lại nhờ phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật mới hy vọng đạt sở nguyện.*

Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 50, "Thành Biện", Tập 4, quyển 71. *Nói:*

"Phật lại dạy tiếp rằng: Bên trong phải quán **"ngã không"** và bên ngoài phải quán **"pháp không"**. Chẳng chấp các pháp tướng như vậy là được phương tiện lực của Bát nhã Ba la mật.

Nếu đã có Bát nhã Ba la mật hộ trì, có được phương tiện lực Bát nhã Ba la mật, thì người cầu Phật đạo mới chẳng bị lạc về Nhị Thừa địa, mau đến được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ Tát phải như thế mà tu tập mới có thể thành tựu viên mãn "Bồ Tát Bổn nguyện" vậy".

Phẩm này dễ hiểu, Kinh và Luận diễn giảng rõ ràng. Vả lại, phẩm này đã thuyết đầy đủ ở Hội thứ I rồi, nên không cần thêm thắt nữa./.

---o0o---

50. PHẨM "SƠ NGHIỆP"

Phần sau Q.445 đến đầu Q.446, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Chơn Thiện Hữu", phần sau Q.313 đến đầu Q.316, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Sơ Nghiệp" hay còn gọi là "Thiện Tri Thức" đều thuyết cùng một đề tài về hạnh nguyện của Bồ Tát sơ nghiệp đại thừa. Hạnh nguyện này là "thượng cầu quả vị Giác ngộ tối cao và dưới hóa độ chúng sanh". Đó chính là Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo. Muốn hoàn thành sứ mạng đó điều kiện tiên quyết là: Bồ Tát phải là bạn lành chân thật (thiện hữu tri thức) của tất cả hữu tình và phải có phương tiện để thực hiện các hạnh nguyện đó. Phương tiện đó chính là 6 pháp Ba la mật, hành trang vi diệu trên con đường cứu khổ.

Phẩm "Sơ Nghiệp" này của Hội thứ II tương đương với ***phẩm thứ 52, "Thiện Tri Thức", Tập 4, quyển 71, Đại Trí Độ Luận****.*

Ưu điểm của phẩm này là Kinh đã nói lên được ***tất cả những đặc tánh vi diệu của Bát nhã Ba la mật*** *mà chúng ta cần học cần tu.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát sơ phát tâm làm thế nào học Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Bồ Tát sơ phát tâm, nếu muốn tu học Bát Nhã cho đến Bố thí Ba la mật, thì trước nên thân cận thừa sự, cúng dường **chơn thiện tri thức** giỏi tuyên nói lục Ba la mật. Nghĩa là khi thuyết, dạy bảo, trao truyền Kinh Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát nói: Thiện nam tử đến đây, ngươi hãy siêng tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Khi tu, nên **dùng vô sở đắc làm phương tiện** đối xử với tất cả hữu tình bình đẳng, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Các ngươi **chớ lấy sắc mà cầu là quả vị Giác ngộ tối c**ao; cũng chớ lấy thọ, tưởng, hành, thức mà cầu là quả vị Giác ngộ tối cao. Chớ lấy 12 xứ, 18 giới mà cầu là quả vị

Giác ngộ tối cao cũng chớ cầu các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra mà chấp là quả vị Giác ngộ tối cao. Các ngươi chớ lấy bố thí Ba la mật mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao; cũng chớ lấy tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Chớ lấy 18 pháp không cũng chớ lấy chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... cho đến cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Chớ lấy 4 Thánh đế, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Chớ lấy ba 37 pháp trợ đạo cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì chẳng phải lấy sắc mà được quả vị Giác ngộ tối cao; chẳng phải lấy thọ, tưởng, hành, thức mà được quả vị Giác ngộ tối cao. Như vậy, cho đến chẳng phải lấy Nhất thiết trí mà được quả vị Giác ngộ tối cao; chẳng phải lấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà được quả vị Giác ngộ tối cao.

Này thiện nam tử! Khi tu hành Bát Nhã, chớ đối với sắc **sanh tham ái**; chớ đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh tham ái. Vì sắc cho đến thức không thể tham ái. Vì sao? **Vì tự tánh tất cả pháp là không**. Chớ đối với 12 xứ, 18 giới sanh tham ái. Vì 12 xứ, 18 giới không thể tham ái. Vì sao? Vì tự tánh 12 xứ 18 giới là không. Chớ đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra sanh tham ái. Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không thể tham ái. Vì sao? Vì tự tánh 12 xứ 18 giới là không. Chớ đối với 6 Ba la mật, 18 pháp không cho đến chơn pháp giới, pháp tánh, thật tế... cho đến cảnh giới bất tư nghì sanh tham ái. Vì sao? Vì tự tánh 6 Ba la mật cho đến cảnh giới bất khả tư nghì tự tánh là không. Nói rộng ra, chớ đối với tất cả pháp Phật sanh tham ái. Vì tất cả pháp Phật không thể tham ái. Vì sao? **Vì tự tánh tất cả pháp kể cả pháp Phật là không**. *(Q.445, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát có khả năng làm việc khó làm, là ở trong tự tánh không của tất cả pháp, mà lại mong cầu quả vị Giác ngộ, lại muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Các đại Bồ Tát có khả năng làm việc khó làm, là ở trong tự tánh không của tất cả pháp, lại mong cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tuy thấu đạt tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như bóng sáng, như sóng nắng, như việc biến hoá, như thành tầm hương, tự tánh đều không, nhưng vì thế gian được nghĩa lợi nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì làm cho thế gian được lợi ích, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì làm cho thế gian được an vui, vì muốn cứu vớt các thế gian, vì làm nơi nương tựa cho thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì làm nhà cửa, vì muốn chỉ đường rốt ráo*(1)*** **cho thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì làm hòn đảo, vì làm đèn đuốc nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì làm đạo sư, vì làm tướng soái cho thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì làm chỗ hướng đến cho thế gian, vì thương xót khổ sanh tử của thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.**

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì các thế gian **được nghĩa lợi**, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát vì muốn giải thoát các khổ não cho tất cả hữu tình, phương tiện tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là Đại Bồ Tát vì nghĩa lợi thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì làm cho thế gian **được lợi ích**, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát vì muốn tự trụ 6 pháp Ba la mật, phương tiện khuyên dẫn các loài hữu tình, giúp họ an trụ 6 pháp Ba la mật, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là Đại Bồ Tát vì muốn làm cho thế gian được lợi ích nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là Đại Bồ Tát vì làm cho thế gian **được an vui**, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát vì muốn tự trụ 10 thiện nghiệp đạo, phương tiện khuyên dẫn các loài hữu tình, giúp họ an trụ 10 thiện nghiệp đạo, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì làm cho thế gian được an vui nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì **muốn cứu vớt** thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thấy các hữu tình đọa ba đường ác, muốn cứu vớt khiến tu thiện nghiệp được chỗ

yên thân, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì muốn cứu vớt thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì muốn **làm chỗ nương về cho thế gian**, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát muốn vì hữu tình nói pháp không nương tựa. Nghĩa là sắc không nương tựa; thọ, tưởng, hành, thức không nương tựa. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí không nương tựa; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không nương tựa, làm cho các hữu tình sau khi nghe xong được giải thoát tất cả sanh, lão, bệnh, tử, sầu, than, khổ, ưu, não. Do đó, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát làm chỗ nương về cho thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì **làm nhà cửa** cho thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát muốn làm nơi nương dựa cho các hữu tình, và làm cho họ đến được cung đại Niết bàn không sợ không hãi, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì làm nhà cửa cho thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát muốn chỉ **đạo rốt ráo** cho thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thấy các hữu tình chẳng thông suốt đạo chẳng phải đạo tướng, rơi vào tham dục, muốn vì phương tiện tuyên nói pháp yếu khiến chúng biết rõ tướng đạo rốt ráo, phát tới quả vị Giác ngộ tối cao. Muốn vì hữu tình nói pháp yếu nào? Chỗ gọi nói rốt ráo sắc thường không sợ hãi, nói rốt ráo thọ tưởng hành thức thường không sợ hãi. Như vậy, cho đến nói rốt ráo Nhất thiết trí thường không sợ hãi; nói rốt ráo Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thường không sợ hãi. Nói rốt ráo sắc tức chẳng phải sắc, nói rốt ráo thọ tưởng hành thức tức chẳng phải thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến nói rốt ráo Nhất thiết trí tức chẳng phải Nhất thiết trí; nói rốt ráo Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tức chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Thiện Hiện! **Tướng rốt ráo của các pháp này như thế nào thì tướng tất cả pháp cũng như vậy.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tướng tất cả pháp như tướng rốt ráo ấy, đại Bồ Tát làm sao đối tất cả pháp ứng hiện Đẳng Giác? Vì sao? Bạch Thế Tôn!

Chẳng phải trong sắc rốt ráo có phân biệt, rằng đây là sắc. Cũng chẳng phải trong thọ tưởng hành thức rốt ráo có phân biệt, rằng đây là thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến chẳng phải trong Nhất thiết trí rốt ráo có phân biệt, rằng đây là Nhất thiết trí. Cũng chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo có phân biệt, rằng đây là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, đúng như ngươi đã nói! Trong sắc rốt ráo không phân biệt như vầy, rằng đây là sắc. Trong thọ tưởng hành thức rốt ráo không phân biệt như vầy, rằng đây là thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến trong Nhất thiết trí rốt ráo không phân biệt như vầy, rằng đây là Nhất thiết trí. Trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo không phân biệt, rằng đây là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. **Vì tất cả pháp bản tánh không vậy**.

Thiện Hiện! Đây là việc rất cực khó của đại Bồ Tát. Nghĩa là tuy quán tướng tất cả pháp đều vắng lặng, thẳm sâu mầu nhiệm mà tâm chẳng chìm đắm, tác nghĩ này rằng: Ta đối pháp này hiện đẳng giác rồi, chứng được quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình tuyên nói khai chỉ pháp vắng lặng thâm diệu.

Thiện Hiện! Đấy là đại Bồ Tát muốn chỉ đạo rốt ráo cho thế gian nên phát tới quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Sao là đại Bồ Tát vì **làm cồn đảo** cho thế gian nên phát tới quả vị Giác ngộ tối cao? Ví như trong biển sông ao lớn nhỏ, đất cao ở được, chung quanh nước dứt, gọi là cồn đảo. Thiện Hiện! Cũng vậy, khoảng trước, sau của sắc đều dứt, khoảng trước, sau của thọ, tưởng, hành, thức đều dứt; khoảng trước, sau của 12 xứ, 18 giới đều dứt, khoảng trước, sau của tất cả pháp Phật đều dứt.

Thiện Hiện! Do khoảng trước, khoảng sau đều dứt nên tất cả pháp đều dứt.

Thiện Hiện! **Khoảng trước, sau của tất cả pháp Phật đều dứt tức là tịch diệt, tức là vi diệu, tức là như thật, đó là không, vô sở đắc, con đường dứt ái hết, lìa nhiễm, vĩnh viễn Niết bàn. Đại Bồ Tát cầu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, muốn vì hữu tình tuyên thuyết khai thị pháp vi diệu tịch diệt như thế.**

Thiện Hiện! Đấy là đại Bồ Tát vì làm cồn đảo cho thế gian nên phát tới quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì **làm nhật nguyệt, đèn đuốc** cho thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát muốn vì hữu tình tuyên nói 6 pháp Ba la mật và 4 nhiếp pháp tương ưng nghĩa lý chơn thật của Kinh điển, dùng phương tiện chỉ dạy, làm cho họ siêng năng tu học để **phá trừ tất cả chủng tử vô minh đen tối**, hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì làm nhật nguyệt, đèn đuốc, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì **làm đạo sư, tướng soái** cho thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát muốn làm hữu tình xa lìa 4 chỗ không nên làm*(2)* của tà đạo, vì họ giảng nói nhất đạo để họ quay về chính đạo, người tạp nhiễm được thanh tịnh, người sầu não được vui tươi, người buồn khổ được an lạc, hữu tình phi lý chứng pháp như lý, hữu tình lưu chuyển được vào Niết bàn, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, muốn vì hữu tình tuyên nói khai thị **sắc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh;** thọ, tưởng, hành, thức không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. 12 xứ, 18 giới không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Nhãn xúc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Bố thí Ba la mật không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Pháp nội không cho đến vô tính tự tính không không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Chơn như không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Cho tới tất cả pháp mầu Phật đạo không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì **làm đạo sư, tướng soái cho thế gian**, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

***Tất cả pháp đều không, vô sở hữu, bất khả đắc*.**

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát vì **làm chỗ hướng đến***(3)* cho thế gian nên hướng đến Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát mong cầu quả vị Giác ngộ tối cao, tu Bồ Tát hạnh muốn đem 4 nhiếp sự *(tứ nhiếp pháp)* thu nhiếp tất cả hữu tình, đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Muốn vì hữu tình tuyên nói khai thị sắc lấy hư không làm chỗ hướng đến; thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy hư không làm chỗ hướng đến. Như vậy, cho đến tất cả pháp mầu Phật đạo lấy hư không làm chỗ hướng đến.

Muốn vì hữu tình tuyên nói khai thị sắc **không hướng đến, không phải không hướng đến**. Vì sao? Vì tánh sắc là không, trong không không hướng đến, không phải không hướng đến. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không hướng đến không phải không hướng đến. Vì sao? Vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không, trong không không hướng đến, không phải không hướng đến. Như vậy, cho đến tất cả pháp mầu Phật đạo không hướng đến không phải không hướng đến. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp mầu Phật đạo là không, trong không không hướng đến, không phải không hướng đến.

Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì làm chỗ hướng đến cho thế gian, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy không, vô tướng, vô nguyện làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không, vô tướng, vô nguyện hướng đến và không hướng đến **đều bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không khởi, không tác** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không khởi, không tác hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không sanh, không diệt** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không sanh, không diệt hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không nhiễm, không tịnh** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu

vượt. Vì sao? Vì trong không nhiễm, không tịnh hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy vô sở hữu làm chỗ hướng đến**. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? **Vì trong vô sở hữu hướng đến và không hướng đến cũng bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy huyễn, mộng, tiếng vang, hình tượng**, bóng sáng, sóng nắng, việc biến hóa, thành tầm hương làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong huyễn, mộng, tiếng vang, hình tượng, bóng sáng, sóng nắng, việc biến hóa, thành tầm hương hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy vô lượng, vô biên** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không cho, không nhận** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không cho, không nhận hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không nâng lên, không hạ xuống** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không nâng, không hạ hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không đi, không đến** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không đi, không đến hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không thêm, không bớt** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không thêm, không bớt hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không vào, không ra** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không vào, không ra hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không nhóm, không tan** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không nhóm, không tan hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy không hợp, không lìa** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không hợp, không lìa hướng đến và không hướng đến **bất khả đắc**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? **Vì ngã cho đến kiến giả rốt ráo vô sở hữu, bất khả đắc, huống chi có hướng đến, không hướng đến**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy vô ngã, vô hữu tình, vô mạng giả, vô sanh giả, vô dưỡng giả, vô sĩ phu, vô bổ đặc già la, vô ý sanh, vô nho đồng, vô tác giả, vô sử tác giả, vô khởi giả, vô sử khởi giả, vô thọ giả, vô sử thọ giả, vô tri giả, vô kiến giả làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? **Vì vô ngã cho đến vô kiến giả rốt ráo vô sở hữu, không thể nắm bắt được, huống chi có hướng đến, không hướng đến**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **thường, lạc, ngã, tịnh** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? **Vì thường, lạc, ngã, tịnh rốt ráo vô sở hữu, không thể nắm bắt được, huống chi có hướng đến, không hướng đến**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? **Vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh còn rốt ráo vô sở hữu, bất khả đắc, huống chi có hướng đến, không hướng đến**.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **việc tham, sân, si** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì việc tham, sân, si rốt ráo **vô sở hữu, không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy các kiến thú** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì

các kiến thú rốt ráo còn **vô sở hữu, không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì rốt ráo còn vô sở hữu, không thể nắm bắt được, huống chi có hướng đến, không hướng đến.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy tánh bất động** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì tánh bất động rốt ráo còn **vô sở hữu, không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **sắc thọ, tưởng, hành, thức** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì sắc cho đến thức rốt ráo còn **vô sở hữu, không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **12 xứ, 18 giới** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì mười hai xứ cho đến mười tám giới rốt ráo còn **vô sở hữu, không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì nhãn xúc cho đến ý xúc rốt ráo còn **vô sở hữu không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy các thọ do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra rốt ráo còn **vô sở hữu không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì bố thí cho đến Bát

nhã Ba la mật rốt ráo còn **vô sở hữu không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không** làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không rốt ráo còn **vô sở hữu không thể nắm bắt được**, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc.

Thiện Hiện! **Tất cả pháp đều lấy các pháp mầu Phật đạo làm chỗ hướng đến. Các đại Bồ Tát đối với việc hướng đến như thế không thể siêu vượt. Vì sao? Vì tất cả các pháp mầu Phật đạo rốt ráo còn vô sở hữu không thể nắm bắt được, huống chi có hướng đến, không hướng đến có thể đắc**.

(Tất cả pháp đều không, vô sở hữu, bất khả đắc làm sao nương tựa mong cầu nắm bắt mà nói hướng đến hay không hướng đến? Tuy nhiên, Bồ Tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian, nên phát nguyện trên hướng đến Giác ngộ, Vô thượng Bồ đề, đến Nhất thiết trí trí, để hóa độ chúng sanh. Đó là hạnh nguyện cao cả của những ai tu Bồ Tát đạo).

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì làm chỗ hướng đến cho thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát **thương xót khổ sanh tử thế gian** nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao? Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát vì được thần thông vô ngại tự tại, cứu vớt khổ lớn sanh tử cho các hữu tình, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát thương xót khổ sanh tử thế gian nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thích nghĩa:

(1). Đường rốt ráo: Nguyên văn chữ Hán là “究cứu 竟cánh 道đạo”. *Tác giả dịch* “道đạo” *là đường. Đạo trong nghĩa đạo lý, đường lối, nguyên tắc phải noi theo, như Khổng Tử nói “sớm thấy đạo, tối chết cũng cam!” Từ đạo của Hán ngữ trong triết học và tôn giáo có nhiều ý nghĩa và phổ thông hơn từ “đường” của Việt ngữ! Từ đạo không cần dịch ai đọc cũng có thể hiểu.*

(2). Lìa bốn chỗ không nên làm: Nguyên văn chữ Hán là 離ly 行hành 四tứ 種chủng 不bất 應ưng/ứng 行hành 處xứ. *Tứ chủng theo chúng tôi hiểu là* ***tứ chủng chướng*** (四種障) *là 4 thứ chướng đạo gồm: Duyên tướng, Nhân tướng, Sanh tướng và Hoại tướng. Nên cụm từ "lìa bốn chỗ không nên làm" có thể dịch là "xa lìa tứ chủng chướng chẳng nên hành". Xem lại thích nghĩa chi tiết ở phẩm "Chơn Thiện Hữu", phần sau Q.313 đến đầu Q.316, Hội thứ I, ĐBN.*

(3). Chỗ hướng đến chẳng phải chỗ hướng đến: Từ "hướng đến" là dịch từ chữ kép "thú hướng" tức hướng đến mục tiêu nào đó. Luận Đại trí Độ, phẩm thứ 52,"Thiện Tri Thức", Tập 4, quyển 71, giải thích rằng:

"Thú có nghĩa là đến. "Thú hướng" có nghĩa là hướng đến một mục tiêu nào. Đây là hướng đến Niết Bàn an lạc, vô úy. Như vậy là "muốn an lạc chúng sanh" và "muốn làm chỗ thú hướng cho chúng sanh" đồng nghĩa với nhau.

"Được an lạc nơi Niết Bàn" là cứu cánh, và "thú hướng Niết Bàn" là phương tiện. Vì "Thú hướng Niết Bàn là phương tiện nên phải rộng nói.

Đoạn kinh trên cho thấy rằng, hướng đến Niết Bàn là hướng đến **chỗ cứu cánh, chỗ rốt ráo không, tức là vào nơi thật tướng của các pháp vậy**. Đến chỗ "không tướng" là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến.

Vì sao? Vì trong "không" thì "đến" và "chẳng đến" cũng đều là bất khả đắc".

Sơ giải:

Phẩm "Sơ Nghiệp" của Hội thứ II chẳng khác gì phẩm "phẩm "Chơn Thiện Hữu", phần sau Q.313 cho đến đầu Q.316, Hội thứ I, ĐBN. Hai phẩm cùng thuyết một thể tài như nhau, nghĩa là nội dung nói về: 1. Ai là người có thể làm thiện tri thức cho tất cả hữu tình? 2. Đâu là chỗ hướng đến của Bồ Tát? 3. Chỗ hướng đến chẳng thể siêu vượt? Tất cả chiết giải đều xoay quanh 3 đề mục này:

1. Ai là người có thể làm thiện tri thức hay bạn lành chơn tịnh của tất cả hữu tình?

Chủ đề của phẩm này thay vì thuyết "ai là người có thể làm thiện tri thức, làm bạn lành chơn tịnh của chúng hữu tình?" lại đề cập đến những điều kiện để trở thành thiện hữu tri thức hay bạn lành chơn tịnh của tất cả hữu tình:

Kinh trả lời là muốn trở thành Thiện tri thức người ấy phải có khả năng tuyên thuyết, ban phát cho chúng hữu tình lục Ba la mật và tất cả pháp Phật, rồi cùng chung hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhưng dẫu vậy, người ấy ***không nên thủ đắc, tham đắm tất cả pháp kể cả quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*** *Một khi có thủ đắc thì không đắc, không thể giác ngộ, mà không đắc, không giác ngộ làm sao có khả năng làm đuốc tuệ, làm ánh sáng, làm đạo sư, làm cồn đảo, làm chỗ nương tựa, làm chỗ hướng đến... để giải thoát các nỗi thống khổ đồng thời mang lại nhiều phúc lợi cho toàn thể chúng sanh? Nên cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:*

"Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi mới bắt đầu sự nghiệp nên học lục Ba la mật như thế nào?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát mới bắt đầu sự nghiệp, nếu muốn tu học Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật thì **trước hết phải gần gũi, cung kính, cúng dường chơn thiện tri thức có khả năng giỏi nói Bát Nhã**, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, nghĩa là khi nói Kinh Bát nhã Ba la mật, nói như thế này: Thiện nam tử! Hãy đến đây! Khi ngươi bố thí thì, nên nghĩ thế này, việc tu bố thí này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi ngươi trì giới, nên nghĩ thế này, việc tu tịnh giới này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi ngươi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì nên nghĩ thế này, việc tu an nhẫn, việc tu tinh tấn, tịnh lư, Bát nhã Ba la mật này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao".

Rồi Phật khuyên:

"Người tu chẳng nên dựa vào tất cả pháp Phật để thủ đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu không chấp thủ quả vị Giác ngộ tối cao thì mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao".

Kinh bảo: "Tất cả những ai tuy biết tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như sự biến hóa, như ảo thành, tự tánh đều không, nhưng **vì nghĩa lợi thế gian**

mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì khiến cho thế gian **được lợi ích** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì khiến thế gian được **an lạc** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì **muốn cứu vớt thế gian**; vì muốn làm **nơi nương tựa** cho thế gian; vì muốn làm **nơi cư trú** cho thế gian; vì muốn làm **đạo rốt ráo** cho thế gian; vì làm **cù lao** cho thế gian; vì làm **ánh sáng** cho thế gian; vì làm **ngọn đuốc**, vì làm **đạo sư**; vì làm **tướng soái** cho thế gian; vì **làm chỗ hướng đến** cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao".

Bất cứ chúng sanh nào làm được như vậy thì có khả năng và xứng đáng làm thiện tri thức, làm bạn lành chơn tịnh cho tất cả hữu tình! Tất cả thế gian Trời Người nếu thân cận Thiện tri thức như thế sẽ có cơ hội tu sửa, sớm mở đạo nhãn thì có thể đem lại thường lạc ngã tịnh cho thế gian!

2. Đâu là chỗ hướng đến của Bồ Tát?

Chỗ hướng đến là giải thoát các nỗi thống khổ của tất cả hữu tình; cứu vớt hữu tình ra khỏi sự sợ hãi của lục đạo và đặt họ ở bờ Niết bàn an ổn. Đó là mục tiêu.

*Muốn thực hiên mục tiêu này phải **tạo đạo cứu cánh cho thế gian**. Tạo đạo cứu cánh cho thế gian là thuyết tất cả pháp rốt ráo "**không**", nói tất cả pháp rốt ráo là "**như tướng**" để chúng sanh hiểu biết tu tập đạt được đạo Bồ đề mà giải thoát. Muốn thế phải lập phương tiên.*

*Kinh bảo: Chỗ hướng đến thiết thực nhất là **tạo cù lao** cho thế gian vì muốn hữu tình dứt ái, lìa nhiễm. Chỗ hướng đến là **làm ánh sáng** cho thế gian vì muốn lột vỏ vô minh tâm tối cho hữu tình. Chỗ hướng đến là **làm ngọn đuốc** cho thế gian nên thuyết sáu pháp đưa người qua bờ bên kia. Chỗ hướng đến là **làm đạo sư vì** muốn hữu tình sa lìa tà đạo quay về nẻo chánh. Chỗ hướng đến là **làm tướng soái** cho thế gian vì hữu tình tuyên thuyết khai thị tất cả pháp vô sanh-vô diệt, vô nhiễm-vô tịnh v.v…*

Thực hiện được tất cả các điểm ấy, Bồ Tát mới được gọi là bạn lành chơn thiện của tất cả hữu tình.

Nhưng Phật lại nói: "Vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị **sắc chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến**. Vì sao? Vì tánh của **sắc là không**; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải chỗ hướng

đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến. Vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị 12 xứ, 18 giới chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của 12 xứ, 18 giới là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến; tất cả pháp Phật cũng chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp Phật là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến.

Vì tất cả pháp đều **lấy không,** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô tướng, vô nguyện** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, đều chẳng siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô tướng, vô nguyện chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Tất cả pháp đều lấy **vô sở hữu** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô sở hữu, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **huyễn, mộng, tiếng vang, ảnh tượng, bóng sáng, bóng nắng, việc biến hóa, ảo thành** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong huyễn, mộng… đến ảo thành, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô lượng, vô biên** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được*(bất khả đắc)*".

Bồ Tát biết rằng tất cả pháp đều như huyễn như hóa, tất cả pháp là không, vô tướng, vô tác, vô sỡ hữu không thể nắm bắt, không thể siêu vượt… Nhưng Bồ Tát tu nhẫn kiên cố, "trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh" nghĩa là vẫn thực hành đạo pháp, vẫn làm Phật sự, thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật đạo. Đó là chỗ uyên áo (sâu xa, huyền bí) của Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo trong việc thực thi công hạnh làm đẹp thế gian này.

3. Chỗ hướng đến chẳng thể siêu vượt.

"Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy việc chẳng cho-chẳng nhận, việc chẳng nâng-chẳng hạ, vô khứ-vô lai, không tăng-không giảm, bất nhập-bất xuất, chẳng hợp-chẳng lìa** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong chẳng cho-chẳng nhận cho đến chẳng hợp-chẳng lìa, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được".

Chỗ hướng đến của chúng sanh là chẳng cho-chẳng nhận cho đến chẳng hợp-chẳng lìa là pháp bất nhị, là bất khả đắc cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế. Trong đệ nhất nghĩa tất cả pháp đều bình đẳng, bình đẳng cũng tức tức không. Đã là không rồi thì làm gì có đến có đi, có vượt qua, vượt trên hay siêu vượt.

Kinh nói: "rốt ráo là vô sở hữu chẳng thể nắm bắt được, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến".

Thật là ngược đời khi Phật bảo phải lấy huyễn mộng... của tất cả pháp làm chỗ hướng đến. Phật cốt phủ nhận tánh cách bất thực của tất cả pháp cốt để chúng sanh không còn mong cầu nắm bắt cất giữ nữa. Điều đó có nghĩa là khi tri nhận các pháp chỉ là huyễn mộng... rồi, thì sẽ thấy cái phi huyễn đằng sau nó. Nhưng cái phi huyễn cũng chẳng phải là chỗ hướng đến. Vì huyễn mộng là không, phi huyễn cũng là không, trong "rỗng không" thì có gì để nắm bắt, cất giữ? Vậy chỗ nào là chỗ cần hướng đến? Khi đã thâm nhập được tất cả các pháp không, pháp như rồi, sống trong đệ nhất nghĩa đế, biết tất cả pháp đều bình đẳng, thì chẳng có gì ngược đời. Với tâm đại bi bình đẳng, Bồ Tát có thể thực thi bất cứ công trình nan hành nào trong việc đem lại phúc lợi cho toàn thể chúng sanh theo tinh thần của tứ vô lượng tâm./.

---o0o---

51. PHẨM "ĐIỀU PHỤC THAM ĐẲNG"

Giữa quyển 446, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Trí Hướng Đến", cuối Q.316, đến đầu Q.318, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Bồ Tát phải điều phục thân tâm, bằng cách lấy sự điều phục tham, sân, si và xa lìa tham, sân, si làm tánh, làm tướng, làm trạng, làm dung mạo. Bởi lý do đó, nên phẩm này của Hội thứ II mới có tên là "Điều Phục Tham Đẳng". Trong khi Hội thứ I thì gọi là "Trí Hướng Đến". Dù dưới "danh nghĩa" nào, một khi Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật sanh tịnh tín và đạt thắng giải thì đại Bồ Tát này có thể hướng đến Nhất thiết trí trí. Nếu có thể hướng đến Nhất thiết trí trí thì có thể làm chỗ hướng về cho tất cả hữu tình.

Phẩm này của Hội thứ II cũng tương đương ***phẩm thứ 53, "Thú Nhất Thiết Trí"****(Hướng Về Nhất Thiết Trí)***, Tập 4, quyển 71, Đại Trí Độ Luận**.

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ai là người đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa thường sanh tịnh tín và thắng giải*(1)*?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tâm cầu hướng đến, tinh tấn tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; đã từng cúng dường trăm ngàn, vô số đức Phật, ở chỗ chư Phật tu phạm hạnh lâu dài, phát thệ rộng lớn, thiện căn thuần thục, được vô lượng bạn lành giúp đỡ, hộ niệm, mới có thể đối với Bát nhã Ba la mật như thế thường sanh tịnh tín và thắng giải.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thường đối với Bát nhã Ba la mật như thế sanh tịnh tín và thắng giải, thì tâm đại Bồ Tát này tánh như thế nào, tướng như thế nào, trạng như thế nào, dung mạo như thế nào?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế sanh tịnh tín và thắng giải thì tâm Bồ Tát lấy sự điều phục **tham, sân, si và xa lìa tham, sân, si làm tánh, làm tướng, làm trạng, làm dung mạo**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tâm đại Bồ Tát này lấy **điều phục** tham, sân, si và không tham, sân, si; **xa lìa** tham, sân, si và không tham, sân, si làm tánh; làm tướng; làm trạng; làm dung mạo.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào thành tựu tánh, tướng, trạng, mạo như thế thì tâm mới có thể đối với Bát nhã Ba la mật thường sanh tịnh tín và thắng giải.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nào thường đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế sanh tịnh tín và thắng giải thì đại Bồ Tát này sẽ đến đâu?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **sẽ đến Nhất thiết trí trí**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải đại Bồ Tát nào đạt được Nhất thiết trí trí thì đại Bồ Tát ấy có thể làm nơi hướng đến cho tất cả hữu tình?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, đại Bồ Tát nào thường đối với Bát Nhã sâu xa như thế sanh tịnh tín và thắng giải thì đại Bồ Tát này thường hướng đến Nhất thiết trí trí**. Nếu thường hướng đến Nhất thiết trí trí thì thường làm chỗ hướng đến cho tất cả hữu tình.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này thường làm việc khó làm, nghĩa là mặc áo đội mũ bền chắc và nguyện: "Tôi sẽ độ thoát tất cả hữu tình, đều giúp họ chứng đắc Niết bàn rốt ráo". Tuy làm việc như thế đối với hữu tình nhưng hoàn toàn không thấy hữu tình được độ?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đã mặc áo mũ không thuộc sắc, cũng không thuộc thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc cho đến thức đều **rốt ráo vô sở hữu**, không Bồ Tát, không áo mũ. Nên nói áo mũ kia không thuộc sắc, cũng không thuộc thọ, tưởng, hành, thức. Đại Bồ Tát này đã mặc áo mũ không thuộc sắc cho đến Nhất thiết trí, cũng không thuộc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí

rốt ráo đều vô sở hữu, không Bồ Tát, không áo mũ. Nên nói áo mũ kia không thuộc Nhất thiết trí, cũng không thuộc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. **Đại Bồ Tát này đã mặc áo mũ không thuộc tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều rốt ráo vô sở hữu, không Bồ Tát, không áo mũ. Nên nói áo mũ kia không thuộc tất cả pháp.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tu hành Bát Nhã sâu xa như thế, nên thường mặc áo mũ công đức như vầy: Ta sẽ độ tất cả hữu tình, giúp họ chứng đắc Niết bàn rốt ráo.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nào thường mặc áo mũ bền chắc như vầy: Ta sẽ độ tất cả hữu tình, đều giúp họ chứng đắc Niết bàn rốt ráo thì Bồ Tát ấy không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì đại Bồ Tát này **an lập hữu tình không giới hạn** nên mặc áo mũ bền chắc như thế.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ông quán pháp nghĩa nào mà nói: Đại Bồ Tát thường mặc áo mũ bền chắc như thế thì không rơi vào bậc Thanh văn hay Độc giác?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này không vì độ thoát phần ít hữu tình mà mặc áo mũ bền chắc như thế, cũng không vì cầu phần ít trí mà mặc áo mũ bền chắc như thế. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này vì **cứu vớt khắp tất cả hữu tình,** giúp họ vào Niết bàn mà mặc áo mũ bền chắc như thế; chỉ vì cầu được Nhất thiết trí trí mà mặc áo mũ bền chắc như thế. Do đó nên không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật như thế rất là sâu xa, không kẻ năng tu, không pháp sở tu, cũng không chỗ tu, cũng không do đây mà được tu tập.** Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chẳng phải trong nghĩa sâu xa Bát nhã Ba la mật đây mà có phần ít thật pháp khá được gọi kẻ năng tu, pháp sở tu, hoặc nơi tu, hoặc do đây mà được tu tập.

Bạch Thế Tôn! Vì không phải trong nghĩa sâu xa của Bát nhã Ba la mật này mà có phần ít thật pháp có thể được gọi là người thường tu và pháp tu, hoặc chỗ tu, hoặc do đây mà được tu tập.

Bạch Thế Tôn! **Như tu hư không là tu Bát Nhã. Như tu tất cả pháp là tu Bát Nhã. Như tu pháp không thật là tu Bát Nhã. Như tu vô sở hữu là tu Bát Nhã. Như tu vô nhiếp thọ là tu Bát Nhã. Như tu trừ khiển là tu Bát Nhã.**

Phật hỏi:

- Thiện Hiện! Tu trừ khiển pháp nào là tu Bát Nhã?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Tu trừ khiển*(2)*sắc là tu Bát Nhã**; tu trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển 12 xứ, 18 giới là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển ngã là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển bố thí Ba la mật là tu Bát Nhã; tu trừ khiển tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển pháp nội Không cho đến pháp vô tánh tự tánh Không là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là tu Bát Nhã. Nói gọn, **tu trừ khiển tất cả các pháp Phật là tu Bát Nhã.**

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nên y Bát nhã Ba la mật như thế để quán sát đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Đại Bồ Tát nào tuy hành Bát Nhã mà **không chấp trước**, nên biết đây là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Đại Bồ Tát nào tuy hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật mà không chấp trước, nên biết đây là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Đại Bồ Tát nào tuy hành pháp nội Không cho đến pháp vô tánh tự tánh Không mà không chấp trước, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Đại Bồ Tát nào tuy hành

chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì mà không chấp trước, nên biết đây là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Đại Bồ Tát nào tuy hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo mà không chấp trước, nên biết đây là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Đại Bồ Tát nào tuy hành 4 niệm trụ nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí mà không chấp trước, nên biết đây là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát Bất thối chuyển khi hành Bát Nhã sâu xa không quán lời người và sự dạy răn của người khác cho là chơn yếu; không phải chỉ tin người có sở tác; không bị các tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn v.v… làm ô nhiễm tâm, cũng không bị chúng dẫn dắt. Các đại Bồ Tát Bất thối chuyển khi hành Bát Nhã sâu xa không lìa bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Các đại Bồ Tát Bất thối chuyển khi hành Bát Nhã, nghe thuyết Bát Nhã sâu xa như thế, không những chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, chẳng nghi, chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm cũng chẳng lui bỏ sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà đối với Bát Nhã lại vui thích muốn nghe, thọ trì, đọc tụng, thông hiểu tường tận, chánh niệm tư duy, như thuyết tu hành, không hề nhàm chán. Nên biết đại Bồ Tát này, đời trước đã từng nghe Bát nhã Ba la mật thọ trì, đọc tụng, chánh niệm tư duy v.v…

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào nghe thuyết Bát Nhã như thế, tâm không kinh, không khủng, không hãi, không chìm, không đắm, cũng không lui bỏ sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; đối với Bát Nhã, vui mừng thích nghe, thọ trì, đọc tụng, thông hiểu tường tận, chánh niệm tư duy, tinh tấn tu hành, tâm không nhàm chán, đại Bồ Tát này **tu hành Bát Nhã như thế nào?**

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **liên tục tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí** nên thực hành Bát Nhã như thế.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao đại Bồ Tát này liên tục tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí, thực hành Bát Nhã sâu xa?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào liên tục tùy thuận hướng đến không, vô tướng, vô nguyện, như hư không, vô sở hữu, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, như chơn như, pháp giới, pháp

tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, không tạo, không tác, như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như hình tượng, như bóng sáng, như sóng nắng, như việc biến hoá, như thành Tầm hương mà hành Bát Nhã, thì đây là đại Bồ Tát liên tục tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí, thực hành Bát Nhã sâu xa. *(Q.446, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

Bạch Thế Tôn! Như đức Thế Tôn đã nói, nếu đại Bồ Tát liên tục tùy thuận hướng đến không, vô tướng, vô nguyện, cho đến như thành tầm hương hành Bát Nhã thẳm sâu, thì Bồ Tát này tiếp nối tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí thực hành Bát Nhã thẳm sâu, ấy là Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu là hành sắc chăng? Là hành thọ tưởng hành thức chăng? Như vậy cho đến là hành Nhất thiết trí chăng? Là hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chăng?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi hành Bát Nhã sâu xa không hành sắc, không hành thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến không hành Nhất thiết trí, không hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đã tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí, không kẻ có thể hành được, không kẻ có thể phá hoại được, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ, không phương cõi, không số lượng, không đi, không đến. Đã không số lượng, không đi, không đến, thì cũng chẳng thể nắm bắt, cũng chẳng thể chứng đắc vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí như thế không thể lấy sắc chứng, không thể lấy thọ, tưởng, hành, thức chứng. Như vậy, cho đến không thể lấy Nhất thiết trí chứng, không thể lấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chứng. Vì sao? Vì sắc tức là tánh Nhất thiết trí trí; thọ, tưởng, hành, thức tức là tánh Nhất thiết trí trí. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí tức là tánh Nhất thiết trí trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tức là tánh Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác; hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác. Như vậy, cho đến

hoặc Nhất thiết trí như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác; hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác. Thế nên, Nhất thiết trí trí không thể lấy sắc chứng; không thể lấy thọ, tưởng, hành, thức chứng. Như vậy, cho đến không thể lấy Nhất thiết trí chứng; không thể lấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chứng.

Thích nghĩa:

(1). Thắng giải: (勝解) *Phạm: Adhimokwa. Pàli:Adhimutti. Cũng gọi Tín giải. Tên của tâm sở, 1 trong 10 Đại địa pháp thuộc 75 pháp của Câu xá, 1 trong 5 Biệt cảnh thuộc 100 pháp của Duy thức.* ***Nghĩa là sự hiểu rõ thù thắng, tức đối với các cảnh sở duyên*** *(đối tượng nhận thức)* ***khởi lên tác dụng phán đoán chính xác****. Nhưng về tâm sở này, các phái giải thích có khác nhau. Thuyết Nhất thiết hữu bộ và tông Câu xá cho rằng Thắng giải là 1 trong 10 Đại địa pháp, có thể tương ứng với tất cả tâm sở, tức trùm khắp tất cả tâm. Luận Câu xá quyển 4, (Đại 29, 19 thượng) nói: Thắng giải nghĩa là đối với các cảnh có năng lực hiểu rõ chính xác. Tức bất luận là thị phi, tà chính, tác dụng của tâm sở này đều có thể quyết đoán rõ ràng, chính xác. Ví dụ khi tâm đối trước cảnh, dù cảnh đó là hoa hay trăng, tâm liền quyết đoán là hoa, là trăng, cho nên tất cả tâm đều có tâm sở này. Nhưng tông Duy thức thì cho rằng Thắng giải là 1 trong 5 Biệt cảnh, không có công năng trùm khắp tất cả tâm sở. Luận Thành duy thức quyển 5 (Đại 31, 28 trung) nói: Thế nào là thắng giải? Nghĩa là khi đối trước cảnh tâm quyết định rõ ràng, phán đoán chính xác, đó là Thắng giải; còn nếu đối trước cảnh tâm còn do dự, nghi ngờ, không thể quyết đoán, thì không phải là Thắng giải, không thể trùm khắp. Còn Thượng tọa bộ thì chủ trương Thắng giải chính là quyết định và không khác gì với Trí tướng. Thuyết Nhất thiết hữu bộ thì cho rằng ấn khả là tác dụng khác của Thắng giải, vì thế khác với Thắng giải hoặc Trí tướng. Luận Đại tì bà sa quyển 101 cho rằng Trạch diệt là tự tính của giải thoát vô vi, còn Thắng giải thì là tự tính của giải thoát hữu vi. [X. luận Phẩm loại túc Q.1; luận Đại tì bà sa Q.16, 28]. - Từ điển Phật Quang.*

(2). Khiển có nghĩa là khiển trách, quở, lên án, phê phán. Tu trừ khiển: Tu để trừ bỏ bình phẩm hay phê phán, khen chê.

Sơ giải:

1. *Muốn chứng giác, muốn được Nhất thiết trí trí, muốn trở thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Bồ Tát phải liên tục tùy thuận Không, Vô tướng, Vô tác, như hư không mà tu, tu vô sở hữu, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tạo, không tác, như mộng, như ảo, như trò biến hóa, như ảo thành. Vì Chánh giác, Nhất thiết trí trí, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thể lấy sắc mà chứng, không thể lấy thọ tưởng hành thức mà chứng; cũng không thể lấy xứ giới mà chứng, cũng không thể lấy tất cả pháp Phật mà chứng.* "Vì sao? Vì đại Bồ Tát đã tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí, không kẻ có thể hành được, không kẻ có thể phá hoại được, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ, không phương cõi, không số lượng, không đi, không đến. Đã không số lượng, không đi, không đến, thì cũng chẳng thể nắm bắt, cũng chẳng thể chứng đắc vậy".

Phẩm"Huệ Đến Bờ Kia", Q.527, Hội thứ III, ĐBN nói rõ:

"Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát nhã Ba la mật, nếu nhớ có sắc và nghĩ phải tu, như vậy là chẳng trừ khiển sắc, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nếu nhớ có thọ tưởng hành thức và nghĩ phải tu, như vậy là chẳng trừ khiển thọ tưởng hành thức, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến nếu nhớ có dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau và nghĩ phải tu, như vậy là chẳng trừ khiển dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nếu nhớ có Nhất thiết trí trí và nghĩ phải tu đây, như vậy là chẳng trừ khiển Nhất thiết trí trí, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.

"Ngược lại, các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, **chẳng nhớ có sắc và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển sắc, là tu Bát nhã Ba la mật.** Chẳng nhớ có thọ tưởng hành thức và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển thọ tưởng hành thức, là tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến chẳng nhớ có dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau, là tu Bát nhã Ba la mật. Chẳng nhớ có Nhất thiết trí trí và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển Nhất thiết trí trí, là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì chẳng phải kẻ tưởng có dứt tham sân si, tùy miên trói buộc thường dễ tu Bát nhã Ba la mật**.

"Vậy nên, Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu đây, gọi tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển thọ tưởng hành thức, cũng trừ khiển tu đây gọi tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến tu trừ khiển dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau và trừ khiển tu đây, gọi tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển Nhất thiết trí trí và trừ khiển tu đây, gọi tu Bát nhã Ba la mật".

Nói nôm na tu trừ bỏ và trừ bỏ luôn "cái gọi là trừ bỏ". Đó chính là tu Bát Nhã. Nếu cứ nghĩ tưởng phải tu, phải hành, phải khiển, phải bỏ, phải chứng bất cứ pháp nào dù pháp đó mang nhiều công đức nhất thì cũng coi như chẳng tu Bát nhã Ba la mật. Nếu nhớ, nếu nghĩ ngũ uẩn là cái che đậy tánh giác thì nên khiển trừ cái nhớ cái nghĩ đó. Nhưng mỗi khi khởi niệm thì vọng sanh tâm không còn như như bất động nữa.

"Khiển" chính là một động niệm thì khiển cũng là cái đáng trừ, đáng bỏ mà "trừ khiển" cũng phải bỏ nốt. *Do đó, Phật nói:* "Tất cả pháp chẳng có tướng, chẳng không tướng. Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp hoặc có tướng hoặc không tướng, đều đồng nhất tướng, chỗ gọi vô tướng, tu vô tướng đây là tu Bát nhã Ba la mật". *Vô tướng tức không. Thấy nhân không, pháp cũng không là thâm nhập được Bát nhã Ba la mật thì được an nhiên tịch lặng thôi.*

Vậy lìa cũng bỏ, khiển cũng bỏ và cái bỏ sau cùng là "trừ khiển tu" đó cũng không nên nói đến nữa. Như thế thì tâm hành diệt, ngôn ngữ đoạn, mới an trụ trong tánh không, hành cảnh vô tướng, nguyện không phân biệt, tâm mới tuyệt đối an nhiên tịch lặng. Bát Nhã nghịch đời ở chỗ đó, vì cái suy lý thường tục bằng ý thức, thấy cái gì nghịch lại thói quen tập tục thì phải trừ, phải lìa, phải khiển mà không biết rằng chính cái phải trừ, phải lìa, phải khiển là những biện pháp chống lại sự an tịnh của tâm, cái mà Bát Nhã gọi là vô thức, vô niệm, vô tâm.

Cuối cùng Phật dạy**:** "…đại Bồ Tát nào thường đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế sanh tịnh tín và thắng giải thì đại Bồ Tát này thường hướng đến Nhất thiết trí trí. Nếu thường hướng đến Nhất thiết trí trí thì thường làm chỗ hướng đến cho tất cả hữu tình".

Trên đây chúng ta chỉ giải quyết vấn đề là tu khiển và tu trừ khiển tu.

***2.** Vấn đề thứ hai mắc mỏ hơn! Kinh hầu hết chỗ nào cũng nói đến hai chữ "không hành", nhưng nếu không hành Bồ Tát đạo làm sao tiến đến Bồ đề? Làm sao hiện chứng, làm sao đắc quả mà được giải thoát?*

Câu hỏi nếu không hành Bồ Tát đạo thì làm sao tiến đến Bồ đề? Câu hỏi này đặt đúng chỗ. Nhưng mệnh đề kế tiếp lại hỏi: Làm sao hiện chứng? Làm sao đắc quả? Là sai. Vì có tưởng niệm, có chủ đích đằng sau tu hành thì gọi là hành có sở đắc! Tu thì cứ tu, hành thì cứ hành, không ai ngăn, không ai cản. Nhưng có sở đắc thì không đắc, không hiện quán. Nên Kinh thường bảo là không hành hay hành như vô công dụng hạnh. Vả lại, nếu hành mà có nắm giữ chấp đắm là hành có sở đắc. Vì vậy, Phật dạy:

- "Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi hành Bát nhã Ba la mật sâu xa không hành sắc, không hành thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến không hành Nhất thiết trí, không hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí".

Phật bảo khi hành Bát Nhã là không hành sắc, không hành thọ tưởng hành thức. Vì sao? Vì ngũ uẩn còn gọi là ngũ che, nó che đậy tánh giác của chúng ta không cho thấy thật tướng của tất cả pháp. Nếu không thấy thật tướng của tất cả pháp thì làm sao giác ngộ. Nên không hành sắc thọ tưởng v.v… là phải. Vả lại, ngũ uẩn vô thường biến hoại sinh diệt đổi dời làm sao hành được. Nhưng không hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, 3 trí tối cao của những bậc chứng ngộ thì hành cái gì?

*Nhất thiết chủng trí, không có kẻ hành được, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ, không phương cõi, không số lượng. Đã không số lượng, không đi, không đến, vô sở hữu bất khả đắc thì làm sao nắm bắt để hành để chứng. Vì sao? Vì **tất cả pháp đều không chẳng khác nào huyễn mộng, không thể nắm bắt thì cũng chẳng thể chứng đắc**. Đó là nói theo đệ nhất nghĩa đế. Trong đệ nhất nghĩa không có chứng không có đắc. Vì vậy, những điều Phật phát biểu đều làm cho chúng ta có cảm tưởng nghịch đời. Vì tất cả phàm phu đều thuận dòng thế gian, nói có chứng có đắc, còn người thuận theo chánh lý thì ngược với thế gian.*

Tu đến mực độ nào đó chín mùi nứt vỡ thì đạt Tam minh, Ngũ nhãn, Lục thần thông, được giác ngộ và đạt Bát Nhã Trí… Muốn cũng không được, không muốn cũng không được. Khi giác ngộ, nhập chơn như, pháp giới rồi thì thấy thật tướng các pháp đều không, đều như: Sắc như, thọ tưởng hành thức như, Nhất thiết trí như, Đạo tướng trí như, Nhất thiết trí

trí như, tất cả đều một như không hai không khác. Người tri nhận tất cả các pháp như vô tận, nên gọi là Như Lai không khác!

Nhưng như cũng là không. Vậy ai hành "không" để được như? Ai hành không mà được giác ngộ, chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đắc Nhất thiết chủng trí? Muốn trả lời câu hỏi này thì phải học và phải hành Tánh không Bát Nhã, chẳng có con đường nào khác! Vậy, tuy nói không học không hành mà là học là hành Bát Nhã mới có thể chứng được Nhất thiết trí trí.

Kết luận:

Kinh Bát nhã Ba la mật quá mênh mông, khó thâm nhập toàn thể giáo lý do Phật thuyết. Phẩm này Phật bảo làm sao thực hành Bát nhã Ba la mật? Câu trả lời là muốn thực hành thì phải tùy thuận Nhất thiết trí trí. Nhưng phải dùng "không, vô tướng, vô tác" để tùy thuận. Phải dùng "vô sở hữu, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh" mà tùy thuận. Phải dùng "như mộng, như huyễn, như diệm, như hưởng, như ảnh, như hóa" để tùy thuận. Như vậy, mới gọi là thực hành đúng đắn Bát nhã Ba la mật. Hành mà chẳng có gì để hành, nên nói hành mà vô đạo hành, hành như vô sự.

*Đến chỗ này, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 53, "Thú Nhất Thiết Trí" Tập 4, quyển 71**, mới nói rằng:*

"Tùy thuận như vậy là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là vô pháp, là thật pháp, chẳng phải là hữu vi pháp. Bởi vậy nên nói chỗ hành xứ của Bồ Tát là pháp vô tác (chẳng phải được làm ra), vô hoại (chẳng thể hoại), vô khứ (chẳng có đi), vô lai (chẳng có đến).

Như vậy là hết thảy các pháp chẳng phải theo 6 pháp Ba La Mật mà đến, cũng chẳng vào trong Phật pháp, nên là chẳng từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu.

Lại nữa, hữu vi pháp là hư vọng, nên là chẳng có chỗ trú, vô vi pháp chẳng thể ức tưởng phân biệt được, nên là chẳng có chỗ trú.

Do nơi năm ấm hòa hợp mà khởi ra có sáu đường chúng sanh, khi năm ấm chẳng còn tương tục nữa, thì cũng chẳng còn có sáu đường chúng sanh nữa. Lúc bấy giờ các tâm hành đều diệt, các ngôn ngữ đều đoạn.

Bởi vậy nên **thực hành Bát nhã Ba la mật thậm thâm là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí**. Vì sao? Vì sắc tức là Bát nhã Ba la mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba la mật. Vì sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng, cùng với Bát nhã Ba la mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng phải khác".

Đây là lời giảng luận tổng quát về tánh cách "bất thực" của "học thuyết" vô tiền khoáng hậu này. Nó giải thích lý do tại sao Kinh nói là chẳng hành. Làm sao chấp trì Bát Nhã đây để dẫn dắt chúng sanh vào Niết bàn an lạc?

Vì vậy nên Kinh mới bảo: "... sắc tức là tánh Nhất thiết trí trí; thọ, tưởng, hành, thức tức là tánh Nhất thiết trí trí. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí tức là tánh Nhất thiết trí trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tức là tánh Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác…"

Nếu có cái thấy sắc tức là Nhất thiết trí trí, nếu thấy sắc như là nhất thiết trí trí nghĩa là thấy "tất cả thanh sắc đều là mắc tuệ Phật" thì có thể hành sắc cho đến hành Nhất thiết trí trí.

***Phẩm "Sơ Nghiệp"** vừa tụng ở phẩm trên, nói: "...* **tất cả pháp Phật đều dứt tức là tịch diệt, tức là vi diệu, tức là như thật, đó là không, vô sở đắc, con đường dứt ái hết, lìa nhiễm, vĩnh viễn Niết bàn".**

Khi nhập được pháp không pháp như, sống trong Đệ nhất nghĩa biết tất cả pháp là bình đẳng, là tịch diệt rồi thì không còn sở hành. Phật hay Bồ Tát nói như thế này hay như thế khác là tùy theo thế tục chẳng theo thắng nghĩa. Còn chúng sanh muốn giác ngộ, phải học phải hành, cho đến một ngày đẹp trời nào đó sẽ thành bậc vô học vô hành, thì thành đạo tướng trí! Nên đoạn Kinh trên bảo phải " **liên tục tùy thuận hướng đến Nhất thiết trí trí nên thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế**".

---o0o---

52. PHẨM “CHƠN NHƯ”

Cuối Q.446 cho đến đầu Q.448, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Chơn Như”, cuối Q.318 đến đầu Q.324, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều dùng bột hương chiên đàn, bột hương Đa yết la (Linh lăng hương), bột hương Đa ma la (Hoắc hương), và hoa sen xanh, đỏ, trắng, vàng trên trời một lượt đồng rải lên đức Phật, rồi đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, lui đứng một bên, chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế rất khó thấy, khó hiểu, không thể suy lường, vượt cảnh suy lường, vi diệu, vắng lặng, người thông tuệ mới có thể biết được, không phải thế gian ai cũng có thể tin thọ được. Chỉ có đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sau khi chứng đắc, đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa mới có thể tuyên nói: **Sắc tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức tức là Nhất thiết trí trí; Nhất thiết trí trí tức là thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tức là Nhất thiết trí trí; Nhất thiết trí trí tức là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì hoặc sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác, cũng không cùng tận; hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác, cũng không cùng tận. Như vậy, cho đến hoặc Nhất thiết trí như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác, cũng không cùng tận; hoặc Đạo tướng trí như, Nhất thiết tướng trí như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác, cũng không cùng tận.** *(Q.446, ĐBN)*

*(Đó là cách nói của đệ nhất nghĩa đế khi nhập được pháp không, pháp như. Không với không như nhau “**đều nhất như, không hai không khác,***

***cũng không cùng tận.** Đó là cái có thể hiểu được, vì tự tánh của tất cả đều không, không với không như nhau; như cũng là không, nên nói không hai không khác. Do đó, có thể nói: Cây cỏ với ta đồng gốc, sông nước với ta đồng nguồn. Tri giác như vậy là nhập pháp giới!)*

Phật bảo chư Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc:

- Đúng vậy! Đúng như các ông đã nói! Chư Thiên nên biết, Ta quán nghĩa này nên tâm thường hướng đến vắng lặng, không muốn thuyết pháp. Vì sao? Vì pháp này sâu xa khó thấy, khó hiểu, không thể suy lường, vượt cảnh suy lường, vi diệu, vắng lặng, chỉ có người thông tuệ mới có thể biết được, không phải thế gian ai cũng có thể tin thọ được. **Đó là Bát nhã Ba la mật sâu xa tức là quả vị Vô thượng Bồ đề** mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng. Chư Thiên nên biết, quả vị Vô thượng Bồ đề như thế không năng chứng, không sở chứng, không chỗ nương, không thời chứng.

Chư Thiên nên biết, pháp vi diệu nhiệm mầu này chỉ xuất hiện độc nhất, không phải chỗ thế gian có thể so lường được. Chư Thiên nên biết, hư không sâu xa nên pháp này sâu xa. Chơn như sâu xa nên pháp này sâu xa. Pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì sâu xa nên pháp này sâu xa. Vô lượng, vô biên sâu xa nên pháp này sâu xa. Không đi, không đến sâu xa nên pháp này sâu xa. Không sanh, không diệt sâu xa nên pháp này sâu xa. Không nhiễm, không tịnh sâu xa nên pháp này sâu xa. Không biết, không đắc sâu xa nên pháp này sâu xa. Không tạo, không tác sâu xa nên pháp này sâu xa. Ngã sâu xa nên pháp này sâu xa. Hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả sâu xa nên pháp này sâu xa. Sắc sâu xa nên pháp này sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức sâu xa nên pháp này sâu xa. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí sâu xa nên pháp này sâu xa; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí sâu xa nên pháp này sâu xa. Tất cả Phật pháp sâu xa nên pháp này sâu xa.

Khi ấy, chư Thiên thưa:

- Bạch Thế Tôn! Pháp đã nói đây sâu xa, vi diệu các thế gian không thể vội tin thọ được. Vì sao? Vì pháp vi diệu này **không vì nắm giữ sắc nên nói; không vì xả bỏ sắc nên nói**, không vì nắm giữ thọ, tưởng, hành, thức nên nói; không vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức nên nói. Như vậy, cho

đến không vì nắm giữ Nhất thiết trí nên nói, không vì xả bỏ Nhất thiết trí nên nói; không vì nắm giữ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên nói, không vì xả bỏ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên nói. **Không vì nắm giữ tất cả pháp Phật nên nói, không vì xả bỏ tất cả pháp Phật nên nói**. Thế gian, hữu tình phần nhiều tu hành vì nhiếp thủ mà khởi chấp ngã, ngã sở cho sắc là ta, là của ta; chấp thọ, tưởng, hành, thức là ta, là của ta. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí là ta, là của ta; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là ta, là của ta.

Phật bảo chư Thiên:

- Đúng vậy! Đúng như các ông đã nói! Pháp này vi diệu, không vì nắm giữ sắc nên nói, không vì xả bỏ sắc nên nói; không vì nắm giữ thọ, tưởng, hành, thức nên nói, không vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức nên nói. Như vậy, cho đến không vì nắm giữ Nhất thiết trí nên nói, không vì xả bỏ Nhất thiết trí nên nói; không vì nắm giữ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên nói, không vì xả bỏ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên nói. Không vì nắm giữ tất cả Phật pháp nên nói, không vì xả bỏ tất cả Phật pháp nên nói. Thế gian, hữu tình phần nhiều tu hành vì nhiếp thủ mà khởi chấp ngã, ngã sở cho sắc là ta, là của ta; thọ, tưởng, hành, thức là ta, là của ta. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí là ta, là của ta; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là ta, là của ta. Chư Thiên nên biết, nếu Bồ Tát vì nắm giữ sắc nên hành, vì xả bỏ sắc nên hành; vì nắm giữ thọ, tưởng, hành, thức nên hành, vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức nên hành. Như vậy, cho đến **vì nắm giữ** Nhất thiết trí nên hành, **vì xả bỏ** Nhất thiết trí nên hành; vì nắm giữ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên hành, vì xả bỏ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên hành **thì Bồ Tát này không thể tu Bát nhã Ba la mật**, cũng không thể tu tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến không thể tu Nhất thiết trí, cũng không thể tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này thường **tùy thuận tất cả pháp**. Tùy thuận tất cả pháp là những pháp nào? Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này thường tùy thuận Bát Nhã, cũng thường tùy thuận tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Pháp sâu xa này thường tùy thuận pháp nội Không, cũng thường tùy thuận pháp ngoại Không cho đến pháp vô tánh tự tánh Không. Pháp sâu xa này thường tùy thuận chơn như,

cũng thường tùy thuận pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì. Pháp sâu xa này thường tùy thuận tứ Thánh đế, thường tùy thuận 37 pháp trợ đạo. Pháp sâu xa này thường tùy thuận 4 tịnh lự, cũng thường tùy thuận 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Pháp sâu xa này thường tùy thuận 8 giải thoát, cũng thường tùy thuận 8 thắng xứ, 8 định thứ đệ, 8 biến xứ. Pháp sâu xa này thường tùy thuận pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Pháp sâu xa này thường tùy thuận Tịnh quán địa, cũng thường tùy thuận Chủng tánh địa cho đến Như Lai địa *(Bồ Tát thập vị cộng Tam thừa)*. Pháp sâu xa này thường tùy thuận Cực hỷ địa, cũng thường tùy thuận Ly cấu địa cho đến Pháp vân địa *(Bồ Tát thập địa)*. Pháp sâu xa này thường tùy thuận 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Pháp sâu xa này thường tùy thuận Phật 10 lực, 4 điều không sợ cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Pháp sâu xa này thường tùy thuận 32 tướng Đại sĩ, cũng thường tùy thuận 80 vẻ đẹp. Pháp sâu xa này thường tùy thuận pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Pháp sâu xa này thường tùy thuận Đà la ni, Tam ma địa môn. Pháp sâu xa này thường tùy thuận quả Dự lưu, cũng thường tùy thuận quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Pháp sâu xa này thường tùy thuận tất cả Bồ Tát hạnh, cũng thường tùy thuận quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Pháp sâu xa này thường tùy thuận Nhất thiết trí, cũng thường tùy thuận Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. *(Nghĩa là tùy thuận tất cả pháp Phật).*

Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này **hoàn toàn không bị ngăn ngại**. Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này đối với những gì là vô ngại? Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này đối với sắc là vô ngại; thọ, tưởng, hành, thức là vô ngại. Như vậy, cho đến đối với Nhất thiết trí là vô ngại; đối với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là vô ngại.

Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này **lấy vô ngại là tướng**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh hư không bình đẳng. Tánh chơn như bình đẳng. Tánh pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì bình đẳng. Tánh không, vô tướng, vô nguyện bình đẳng. Tánh không tạo, không tác bình đẳng. Tánh không nhiễm, không tịnh bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này **vô sanh-vô diệt**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì sắc vô sanh, vô diệt; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh-vô diệt. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí vô sanh-vô diệt; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí vô sanh-vô diệt. Đã là vô sanh-vô diệt thì bất khả đắc!

Bạch Thế Tôn! Pháp sâu xa này **hoàn toàn không có dấu vết**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì dấu vết sắc chẳng thể nắm bắt được; dấu vết thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, cho đến dấu vết Nhất thiết trí bất khả đắc; dấu vết Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng thể nắm bắt được.

(Đây là một đoạn Kinh hết sức quan trọng trong sự hiểu biết chơn như mà nhập được pháp giới, tức được giác ngộ).

(Như Lai tùy sanh)

Khi ấy, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Thiện Hiện là chơn đệ tử đức Phật, tùy Như Lai sanh. Vì sao? Vì đại đức Thiện Hiện đã thuyết **tất cả pháp đều tương ưng với không**.

Cụ thọ Thiện Hiện bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc:

- Chư Thiên các ông nói Thiện Hiện tôi là chơn đệ tử đức Phật, tùy Như Lai sanh. Thế nào là Thiện Hiện tùy Như Lai sanh? Nghĩa là **tùy Như Lai như sanh**. Vì sao? Vì Như Lai như không đến, không đi, Thiện Hiện như cũng không đến, không đi, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như tức tất cả pháp như, tất cả pháp như tức Như Lai như. Như, như thế là không tánh như, cũng không phải không tánh như. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như thường trụ là tướng, Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không biến đổi, không phân biệt, chuyển khắp các pháp. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không bị chướng ngại, tất cả pháp như cũng không bị chướng ngại. Hoặc Như Lai như, hoặc tất cả pháp như, đều đồng một như không hai, không khác, không tạo, không tác. Như, như thế là tướng thường như, không thời nào chẳng như. Vì tướng thường như, không thời nào chẳng như nên không hai, không khác. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như khắp mọi nơi không nhớ nghĩ, không phân biệt. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không đổi khác, bất khả đắc. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không lìa tất cả pháp như, tất cả pháp như

không lìa Như Lai như. Như, như thế là tướng thường như, không thời nào chẳng như. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Tuy nói tùy sanh nhưng không chỗ tùy sanh, vì Thiện Hiện như không khác chư Phật**.**

Như Lai như không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Tất cả pháp như cũng không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Quá khứ như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị quá khứ như. Vị lai như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị vị lai như. Hiện tại như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị hiện tại như. Hoặc quá khứ như, hoặc vị lai như, hoặc hiện tại như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác.

Sắc như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị sắc như. Thọ, tưởng, hành, thức như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị thọ, tưởng, hành, thức như. Hoặc sắc như, hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. 12 xứ như, 18 giới như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị 12 xứ, 18 giới như. Hoặc 12 xứ như, hoặc 18 giới như, hoặc Như Lai như đều đồng một như không hai không khác. Ngã như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị ngã như. Hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị hữu tình cho đến kiến giả như. Hoặc ngã như, hoặc hữu tình cho đến kiến giả như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Bố thí Ba la mật như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị bố thí như. Tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã ba la mật như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị tịnh giới cho đến Bát nhã ba la mật như. Hoặc bố thí Ba la mật như, hoặc tịnh giới cho đến Bát Nhã như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Pháp nội không như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức pháp nội không như cho đến Vô tánh tự tánh không như tức thị Như Lai như, Như Lai như vô tánh tự tánh không như. Hoặc pháp nội không như, hoặc pháp ngoại không cho đến pháp vô tánh tự tánh không như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. **Chơn như như tức Như Lai như, Như Lai như tức thị chơn như như. Pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì như tức thị Như**

Lai như, Như Lai như tức thị pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì như. Hoặc chơn như như, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Tất cả pháp Phật như tức thị Như Lai như, Như Lai như tức thị tất cả pháp Phật như. Hoặc tất cả pháp Phật như hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác.

Thiên chúng nên biết, các đại Bồ Tát đang chứng tất cả pháp như như thế. Thưa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác! Con tin hiểu sâu sắc các pháp như như thế nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh*(1)*.

Đang lúc Thiện Hiện thuyết tướng như như vậy, ở thế giới Tam thiên đại thiên này, các núi lớn biến động sáu cách. Khi ấy, Thiên chúng cõi Dục, cõi Sắc lại dùng bột hương chiên đàn, bột hương Đa yết la, bột hương Đa ma la và hoa sen xanh, đỏ, trắng, vàng trên trời một lượt rải lên Như Lai và Thiện Hiện sau đó đồng thưa Phật:

- Bạch Như Lai! Thật là chưa từng có. **Do như nên đại đức Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bảo chư Thiên:

- Chư Thiên nên biết, Thiện Hiện tôi không do sắc nên tùy Như Lai sanh, không do **sắc như** nên tùy Như Lai sanh; không lìa sắc nên tùy Như Lai sanh, không lìa sắc như nên tùy Như Lai sanh. Không do thọ, tưởng, hành, thức nên tùy Như Lai sanh, không do thọ, tưởng, hành, thức như nên tùy Như Lai sanh; không lìa thọ, tưởng, hành, thức nên tùy Như Lai sanh, không lìa thọ, tưởng, hành, thức như nên tùy Như Lai sanh. Như vậy, cho đến không do Nhất thiết trí nên tùy Như Lai sanh, không do Nhất thiết trí như nên tùy Như Lai sanh; không lìa Nhất thiết trí nên tùy Như Lai sanh, không lìa Nhất thiết trí như nên tùy Như Lai sanh. Không do Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên tùy Như Lai sanh, không do Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như nên tùy Như Lai sanh; không lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nên tùy Như Lai sanh, không lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như nên tùy Như Lai sanh. Không do hữu vi nên tùy Như Lai sanh, không do **hữu vi như** nên tùy Như Lai sanh; không lìa hữu vi nên tùy Như Lai sanh, không lìa hữu vi như nên tùy Như Lai sanh. Chẳng do vô vi nên tùy Như Lai sanh, chẳng do **vô vi như** nên tùy Như Lai sanh. Chẳng lìa vô vi nên tùy Như Lai sanh, chẳng lìa vô vi như nên tùy Như Lai sanh. Vì sao? Chư Thiên chúng! **Tất cả pháp này đều vô sở hữu.**

Các kẻ tùy sanh, hoặc sở tùy sanh, do đây tùy sanh, thời tùy sanh, tùy chỗ sanh đều bất khả đắc. *(Q.447, ĐBN)*

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì đều rất sâu xa. **Nghĩa là trong đó sắc bất khả đắc, sắc như cũng bất khả đắc**. Vì sao? Vì trong đó sắc còn bất khả đắc, huống nữa có sắc như khả đắc. Trong đó thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc; thọ, tưởng, hành, thức như cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì trong đó thọ, tưởng, hành, thức còn bất khả đắc, huống nữa có thọ, tưởng, hành, thức như khả đắc. Như vậy, cho đến trong đó Nhất thiết trí bất khả đắc, Nhất thiết trí như cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì trong đó Nhất thiết trí còn bất khả đắc, huống nữa có Nhất thiết trí như khả đắc. Trong đó Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí bất khả đắc; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì trong đó Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí còn bất khả đắc, huống chi có Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như khả đắc.

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Các pháp chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì đều rất sâu xa. Nghĩa là trong đó sắc bất khả đắc, sắc như cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì trong đó sắc còn bất khả đắc, huống nữa có sắc như khả đắc. Như thế cho đến trong đó Nhất thiết tướng trí bất khả đắc. Nhất thiết tướng trí như cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì trong đó Nhất thiết tướng trí còn bất khả đắc, huống chi có Nhất thiết tướng trí như khả đắc.

Khi đức Phật thuyết tướng Chơn như như vậy, có hai trăm Bí sô dứt hết các lậu, tâm được giải thoát, thành A la hán; lại có năm trăm chúng Bí sô ni xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sanh pháp nhãn thanh tịnh; năm ngàn Bồ Tát sanh trong trời, người được vô sanh nhẫn; sáu ngàn Bồ Tát dứt hết các lậu, tâm được giải thoát, thành A la hán.

Bấy giờ, Phật dạy Xá lợi Tử:

- Nay trong chúng đây có sáu ngàn Bồ Tát đã ở quá khứ gần gũi cúng dường năm trăm chư Phật. Ở chỗ mỗi đức Phật, phát hoằng thệ nguyện chánh tín xuất gia. Có tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự mà không thọ trì Bát nhã Ba la mật, xa lìa phương tiện thiện xảo, liền suy nghĩ

khác, hành hạnh khác. Khi tu bố thí, suy nghĩ như vầy: Đây là bố thí, đây là vật bố thí, đây là người nhận, ta hành bố thí. Khi tu tịnh giới, suy nghĩ như vầy: Đây là tịnh giới, đây là tội, là nghiệp, đây là cảnh được hộ, ta thường trì giới. Khi tu an nhẫn, suy nghĩ như vầy: Đây là an nhẫn, đây là chướng nhẫn, đây là cảnh được nhẫn, ta hành an nhẫn. Khi tu tinh tấn, suy nghĩ như vầy: Đây là tinh tấn, đây là lười nhác, đây là việc nên làm, ta thường tinh tấn. Khi tu tịnh lự, suy nghĩ như vầy: Đây là tịnh lự, đây là tán động, đây là việc nên tu, ta thường tu định. Đó là họ **không thọ trì Bát nhã Ba la mật, xa lìa phương tiện thiện xảo, nương suy nghĩ và hành lục Ba la mật sai khác**. Do suy nghĩ sai khác, hành sai khác. Do đó, nên không nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Do không được vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, nên đắc quả Dự lưu, lần đến quả A la hán. Thế nên, Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát dù có Bồ đề và có tùy thuận giải thoát không, vô tướng, vô nguyện mà **không thọ trì Bát nhã Ba la mật và xa lìa phương tiện thiện xảo**, bèn chứng thật tế, rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Cụ thọ Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì có những vị Bổ đặc già la Thanh văn thừa hoặc Độc giác thừa tu pháp không, vô tướng, vô nguyện không thọ trì Bát nhã Ba la mật, xa lìa phương tiện thiện xảo, bèn chứng thật tế rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác? Có những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa tu pháp không, vô tướng, vô nguyện, lại thọ trì Bát nhã Ba la mật, nương phương tiện thiện xảo, chứng thật tế được quả vị Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Những vị Bổ đặc già la Thanh văn thừa hoặc Độc giác thừa xa lìa tâm Nhất thiết trí trí, **không thọ trì Bát Nhã**, **không có phương tiện thiện xảo**, tu pháp không, vô tướng, vô nguyện nên chứng thật tế, rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa **chẳng xa lìa tâm Nhất thiết trí trí**, thọ trì Bát Nhã, **có phương tiện thiện xảo**, lấy đại bi tâm làm đầu tu pháp không, vô tướng, vô nguyện, nên có khả năng vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, có khả năng chứng quả vị Vô thượng Bồ đề.

Xá lợi Tử! Thí như có con chim, thân dài lớn trăm do tuần, hoặc hai trăm, hoặc ba trăm do tuần mà không có cánh. Từ trời Ba mươi ba gieo mình rơi xuống châu Thiệm bộ, lúc rơi giữa đường liền suy nghĩ: Ta muốn

trở lại trời Ba mươi ba. Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ nào? Chim này có thể về lại trời Ba mươi ba được không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Nhưng giữa đường chim này lại mong muốn đến châu Thiệm bộ mà thân không bị tổn thương. Xá lợi Tử! Ý ông thế nào? Sự mong muốn này có được như ý không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Chim này khi đến châu Thiệm bộ, chắc chắn bị tổn thương, có thể mất mạng, hoặc đau đến gần chết. Vì sao? Vì thân chim này lớn, từ cao rơi xuống lại không có cánh.

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Xá lợi Tử! Những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa cũng lại như vậy. Tuy trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, siêng tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự cũng tu Bát nhã Ba la mật cầu đến quả vị Vô thượng Bồ đề, **nhưng không thọ trì Bát Nhã, xa lìa phương tiện thiện xảo**, tu pháp không, vô tướng, vô nguyện chứng thật tế, thì cũng rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác. Vì sao? Xá lợi Tử! Những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa này xa lìa tâm Nhất thiết trí trí, dù trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, siêng tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, cũng tu Bát nhã Ba la mật mà không thọ trì Bát Nhã, xa lìa phương tiện thiện xảo, thì sẽ rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Xá lợi Tử! Những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa này dù nhớ chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại có giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn, cung kính cúng dường, tùy thuận tu hành, nhưng trong đó **chấp trước tướng**, nên hiểu không đúng lý công đức viên mãn về giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Các Đại Bồ Tát này vì không hiểu đúng lý công đức của chư Phật, nên dù nghe đạo Vô thượng Chánh đẳng giác và pháp không, vô tướng, vô nguyện nhưng nương âm thanh này chấp trước tướng. Chấp trước tướng rồi lại hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề. Những vị Bồ Tát thừa này tuy hồi hướng như thế nhưng không đắc quả vị Vô thượng Bồ đề, lại rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc

giác. Vì sao? Xá lợi Tử! Những vị Bồ Tát thừa này, do không thọ trì Bát Nhã và **xa lìa phương tiện thiện xảo**, nên dù đem các căn lành đã tu hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề nhưng vẫn rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Có những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa, từ sơ phát tâm **không xa lìa tâm Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu**, siêng tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, cũng tu diệu tuệ thọ trì Bát Nhã, không xa lìa phương tiện thiện xảo, vẫn nhớ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại nhưng **không chấp trước tướng**; tuy tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện nhưng cũng không chấp tướng. Vẫn nhớ các thứ công đức của mình và người, đem cho các hữu tình một cách bình đẳng, rồi cùng nhau hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng không chấp tướng.

Xá lợi Tử! Nên biết, Bổ đặc già la Bồ Tát thừa trụ như thế thẳng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, không rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa này, từ sơ phát tâm cho đến rốt ráo **không xa lìa tâm Nhất thiết trí trí**, trong tất cả thời luôn luôn lấy đại bi làm đầu. Vẫn tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, cũng tu Bát Nhã nhưng không chấp tướng. Tuy nhớ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không chấp tướng. Vẫn tu đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và pháp không, vô tướng, vô nguyện cũng không chấp tướng.

Xá lợi Tử! Những vị Bổ đặc già la Bồ Tát thừa này vì **có phương tiện thiện xảo** nên đem tâm ly tướng tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự và Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến **đem tâm ly tướng tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, quyết chắc chứng được mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu lời Phật thuyết Đại Bồ Tát nào từ sơ phát tâm cho đến rốt ráo, thọ trì Bát Nhã, **không xa lìa phương tiện thiện xảo** thì Đại Bồ Tát này gần được quả vị Vô Thượng Bồ đề. Vì sao? Vì Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm cho đến rốt ráo đều không thấy có một chút pháp nào khả đắc. Nghĩa là hoặc năng chứng, hoặc sở chứng, hoặc chỗ chứng, hoặc thời chứng, hoặc do đây chứng đều bất khả đắc. Đó là hoặc sắc, hoặc

thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đều bất khả đắc.

Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ… Bồ Tát thừa không thọ trì Bát Nhã, **xa lìa phương tiện thiện xảo** mà cầu quả vị Vô thượng Bồ đề, nên biết sự mong cầu này còn nghi hoặc, do dự chỗ đắc, hoặc không đắc. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ… Bồ Tát thừa này không thọ trì Bát Nhã, xa lìa phương tiện thiện xảo, nên đối với sự tu hành sáu pháp Ba la mật chấp tướng. Như vậy, cho đến sự tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đều **chấp tướng**. Do đó, nên các thiện nam, thiện nữ… Bồ Tát thừa này còn nghi hoặc do dự hoặc đắc, hoặc không đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề.

Thế nên, bạch Thế Tôn! **Đại Bồ Tát nào muốn chứng quả vị Vô Thượng Bồ đề, quyết định không nên xa lìa Bát Nhã phương tiện thiện xảo. Đại Bồ Tát này an trụ Bát Nhã phương tiện thiện xảo, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đem tâm vô tướng tu hành 6 pháp Ba la mật. Như vậy, cho đến đem tâm vô tướng tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát nào không xa lìa phương tiện thiện xảo, an trụ Bát nhã Ba la mật, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, đem tâm vô tướng tu hành tất cả Phật pháp như thế chắc chắn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Khi ấy, Thiên chúng cõi Dục, cõi Sắc đồng thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc. Vì sao? Vì các Đại Bồ Tát đối với tất cả pháp tự tướng cộng tướng đều chứng biết, nên mới có thể đạt được sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng sự hiểu biết pháp tướng của các chúng đại Bồ Tát đều vô sở hữu bất khả đắc?

Phật bảo chư Thiên:

- Đúng vậy! Đúng như các ông đã nói. Quả vị Vô Thượng Bồ đề rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc. Chư Thiên nên biết: **Ta cũng giác ngộ tướng tất cả pháp, chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng đều không đắc thắng nghĩa pháp tướng có thể gọi đây là năng chứng, đây là sở chứng, đây là chỗ chứng, đây là thời chứng, do đây mà chứng. Vì sao? Vì tất cả pháp rốt ráo vốn tịnh, hữu vi, vô vi rốt ráo không. Do đó nên quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ đề rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, quả vị Vô thượng Bồ đề rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc, nhưng con suy nghĩ quả vị Vô thượng Bồ đề rất dễ tin hiểu, rất dễ chứng đắc. Vì sao? Vì nếu tin hiểu: Không có pháp năng chứng, không pháp sở chứng, không có chỗ chứng, không có thời chứng, cũng không do đây mà có chứng đắc, thì tin hiểu được quả vị Vô thượng Bồ đề. Nếu chứng biết không có pháp năng chứng, không có pháp sở chứng, không có chỗ chứng v.v… thì chứng được sự mong cầu quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả pháp rốt ráo không. **Trong rốt ráo không, đều không có pháp có thể gọi năng chứng, có thể gọi sở chứng, có thể gọi chỗ chứng, có thể gọi thời chứng, có thể gọi do đây mà có chứng đắc. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh tướng đều không, hoặc tăng, hoặc giảm đều vô sở hữu, bất khả đắc. Do đó, sự tu hành 6 pháp Ba la mật của các đại Bồ Tát đều vô sở hữu, bất khả đắc. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đều vô sở hữu, bất khả đắc.**

Các Đại Bồ Tát quán sát các pháp, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu kiến, hoặc vô kiến, hoặc hữu đối, hoặc vô đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều vô sở hữu, bất khả đắc. Do đó nên con suy nghĩ ý nghĩa Phật nói quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật rất dễ tin hiểu, rất dễ chứng đắc.

Các đại Bồ Tát không nên bảo điều này khó tin khó hiểu và khó chứng đắc. Vì sao? Vì sắc, tự tánh sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức, tự tánh thọ, tưởng, hành, thức là không. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, tự tánh Nhất thiết trí là không; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tự tánh cũng không. **Đại Bồ Tát đối với nghĩa tự tánh không như thế, sanh lòng thâm hiểu, y như vậy mà tu hành sẽ đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**

Khi ấy, Xá Lợi Tử bảo với Thiện Hiện:

- Này Đại đức! Nếu quả vị Giác ngộ tối cao rất dễ tin, dễ hiểu, rất dễ chứng, thì tại sao lại có hằng hà sa số đại Bồ Tát mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, nửa đường lại thối chuyển, mặc dù các đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp hoàn toàn không có tự tánh, tất

cả đều không, giống như hư không. Vì vậy, nên tôi nói: Quả vị Giác ngộ tối cao rất khó tin, khó hiểu, rất khó chứng!

Cụ thọ Thiện Hiện hỏi Xá lợi Tử:

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Sắc đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Thọ, tưởng, hành, thức đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Không! Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? **Sắc như** đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Lìa thọ, tưởng, hành, thức như có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Cho đến lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? **Lìa sắc có pháp** đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Lìa thọ, tưởng, hành, thức có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Cho đến lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? **Lìa sắc như có pháp** đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Lìa thọ, tưởng, hành, thức như có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Cho đến lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như, có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Các pháp như đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Lìa pháp như có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

- Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Lìa pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì có pháp đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển không?

Xá lợi Tử đáp:

- Thiện Hiện! Không!

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Xá Lợi Tử rằng:

- Nếu tất cả pháp đều vô sở hữu, đều bất khả đắc, thời nói pháp nào đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thối chuyển?

Khi ấy, Xá Lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng:

- Như nhân giả đã nói, trong vô sanh pháp nhẫn đều không có pháp, cũng không Bồ Tát đối với Vô Thượng Bồ đề nói có thối chuyển. Nếu vậy tại sao Phật thuyết có ba thứ bổ đặc già la trụ Bồ Tát thừa *(nhất định có thối chuyển, nhất định không thối chuyển hay bất định)*, chỉ nên nói có một. Lại như nhân giả nói, lẽ ra không có Tam thừa Bồ Tát sai khác *(Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Vô Thượng thừa)*, mà chỉ nên có một là Vô Thượng thừa mà thôi?

Khi ấy, Mãn Từ Tử nói với Xá Lợi Tử rằng:

- Trước hết, nên hỏi Tôn giả Thiện Hiện có thừa nhận chỉ có một Bồ Tát thừa chăng? Nhiên hậu mới hỏi lẽ không nên kiến lập Tam thừa sai khác?

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Này Đại đức! Có phải chỉ chấp nhận có một Bồ Tát thừa chăng?

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện hỏi lại Xá Lợi Tử rằng:

- Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao trong **tất cả pháp như** có tướng ba thứ bổ đặc già la sai khác trụ Bồ Tát thừa là Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Vô thượng thừa chăng?

Xá Lợi Tử nói:

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao trong tất cả pháp như, có Tam thừa (Bồ Tát thừa) sai khác chăng?

Xá Lợi Tử nói:

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao trong tất cả pháp như, thật chỉ có "nhất định bất thối chuyển Bồ Tát thừa" chăng?

Xá Lợi Tử nói:

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao trong tất cả pháp như, thật chỉ có các Bồ Tát Vô Thượng thừa chăng?

Xá Lợi Tử nói:

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao trong các pháp như có một như, có hai như, có ba như chăng(1)?

Xá Lợi Tử nói:

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Xá Lợi Tử! Ý ông nghĩ sao trong tất cả pháp như chỉ có một pháp hoặc một Bồ Tát mà khá được chăng?

Xá Lợi Tử nói:

- Thiện Hiện! Chẳng có.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá Lợi Tử rằng:

- Nếu tất cả pháp đều vô sở hữu, đều không thể nắm bắt được, tại sao Xá Lợi Tử có thể khởi nghĩ này: "Bồ Tát như thế, đối Vô Thượng Bồ đề nhất định có thối chuyển; Bồ Tát như thế đối Vô Thượng Bồ đề nhất định không thối chuyển; Bồ Tát như thế đối Vô Thượng Bồ đề chẳng quyết định; Bồ Tát như thế là Thanh văn thừa; Bồ Tát như thế là Độc giác thừa; Bồ Tát như thế là Vô Thượng thừa; như thế là ba hay như thế là một?"

- Xá Lợi Tử! **Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp, đối với tất cả pháp như, năng khéo tin hiểu đều vô sở đắc, đối với Bồ Tát cũng vô sở đắc, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng vô sở đắc. Phải biết đấy là chơn Bồ Tát.**

- Xá Lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát nghe thuyết tướng các pháp như bất khả đắc, chẳng kinh chẳng hãi, chẳng nghi chẳng hối, chẳng thối chẳng chìm, Bồ Tát này mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ở thời gian giữa nhất định không bị thối chuyển.

(Đoạn Kinh sau đây thuộc phẩm "Bồ Tát An Trụ", cuối Q.324 đến đầu Q.325, Hội thứ I, ĐBN)

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen cụ thọ Thiện Hiện:

- Hay thay! Hay thay! Nay ông vì các đại Bồ Tát giỏi thuyết pháp yếu. Pháp ông đã thuyết đều là do oai thần của Như Lai, chẳng phải ông tự thuyết.

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đối với tướng pháp như bất khả đắc thậm sanh tin hiểu, biết tướng tất cả pháp không sai khác, nghe **thuyết tướng các pháp như bất khả đắc** như thế, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng nghi chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm. Đại Bồ Tát này mau được thành tựu sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Cụ thọ Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào thành tựu pháp này thì mau thành tựu sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, đại Bồ Tát nào thành tựu pháp này thì mau thành tựu mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào mau thành tựu mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì **phải trụ ở đâu** và **nên trụ thế nào**?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào muốn mau thành tựu sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải **đối với tất cả hữu tình trụ tâm bình đẳng**, không nên trụ tâm không bình đẳng. Phải đối với tất cả hữu tình sanh tâm bình đẳng, không nên sanh tâm không bình đẳng. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại từ**, không nên sanh tâm giận dữ. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại bi**, không nên sanh tâm não hại. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại hỷ**, không nên sanh tâm ganh ghét. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại xả**, không nên khởi tâm thiên vị. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm khiêm hạ**, không nên sanh tâm kiêu mạn. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm ngay thẳng**, không nên sanh tâm nịnh dối. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm mềm mỏng**, không nên sanh tâm cứng rắn. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm lợi ích**, không nên khởi tâm vô tích sự. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm an vui**, không nên khởi tâm không an vui. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm không ngăn ngại**, không nên sanh tâm chướng ngại. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm như cha mẹ, như anh em**... Phải đối với tất cả hữu

tình **sanh tâm bằng hữu**, cũng dùng tâm này nên cùng họ nói năng, đối xử. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm như thầy**, **như người khuôn mẫu, như đệ tử, như bạn đồng môn**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Phật,** cũng dùng tâm này cùng họ trau đổi nói năng. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm cứu vớt**, **thương xót, thủ hộ**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm rốt ráo Không, vô sở hữu, bất khả đắc**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm không, vô tướng, vô nguyện**. *(Q.448, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào muốn mau thành tựu sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự **xa lìa sự giết hại**, cũng khuyên người xa lìa sự giết hại, luôn ngợi khen pháp xa lìa sự giết hại, vui mừng tán thán người xa lìa giết hại. Cho đến nên **tự lìa tà kiến**, cũng khuyên người lìa tà kiến, luôn ngợi khen pháp xa lìa tà kiến, vui mừng tán thán người xa lìa tà kiến.

Nên tự **tu 4 tịnh lự**, **cũng khuyên người tu 4 tịnh lự, luôn ngợi khen pháp tu 4 tịnh lự, vui mừng tán thán người tu 4 tịnh lự**. Nên tự tu 4 vô lượng, 4 định vô sắc, cũng khuyên người tu 4 vô lượng, 4 định vô sắc, luôn ngợi khen pháp tu 4 vô lượng, 4 định vô sắc vui mừng tán thán người tu 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Nên tự viên mãn 6 pháp Ba la mật, cũng khuyên người viên mãn 6 pháp Ba la mật, luôn ngợi khen pháp viên mãn 6 pháp Ba la mật, vui mừng tán thán người viên mãn 6 pháp Ba la mật. Nên tự trụ 18 pháp không, cũng khuyên người trụ 18 pháp không, luôn ngợi khen người trụ 18 pháp không, vui mừng tán thán người trụ 18 pháp không. Nên tự trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, cũng khuyên người trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, luôn ngợi khen pháp trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, vui mừng tán thán người trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nên tự trụ Tứ đế, 37 pháp trợ đạo, cũng khuyên người trụ Tứ đế, 37 pháp trợ đạo, luôn ngợi khen pháp trụ Tứ đế, 37 pháp trợ đạo, vui mừng tán thưởng người trụ Tứ đế, 37 pháp trợ đạo. Nên tự tu Tam giải thoát môn, cũng khuyên người tu Tam giải thoát môn, luôn ngợi khen người tu Tam giải thoát môn, vui mừng tán thán người tu Tam giải thoát môn. Nên tự tu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; cũng khuyên

người tu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; luôn ngợi khen pháp tu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; vui mừng tán thán người tu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ. Nên tự viên mãn thập địa Bồ Tát, cũng khuyên người viên mãn thập địa Bồ Tát, luôn ngợi khen pháp tu viên mãn thập địa Bồ Tát, vui mừng tán thán người tu viên mãn thập địa Bồ Tát. Nên tự viên mãn 5 loại mắt, 6 phép thần thông; cũng khuyên người viên mãn 5 loại mắt, 6 phép thần thông; luôn ngợi khen pháp viên mãn 5 loại mắt, 6 phép thần thông; vui mừng tán thán người viên mãn 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Nên tự viên mãn Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng, cũng khuyên người viên mãn Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng, luôn ngợi khen pháp viên mãn Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng, vui mừng tán thán người viên mãn Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Nên tự viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng khuyên người viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; luôn ngợi khen pháp viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; vui mừng tán thán người viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Nên tự khởi trí chứng quả Dự lưu mà chẳng chứng thật tế được quả Dự lưu, cũng khuyên người khởi trí chứng quả Dự lưu và chứng thật tế được quả Dự lưu, luôn ngợi khen pháp khởi trí chứng quả Dự lưu và chứng thật tế được quả Dự lưu, vui mừng ngợi khen kẻ khởi trí chứng quả Dự lưu và chứng thật tế được quả Dự lưu. Nên tự khởi trí chứng quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề mà chẳng chứng thật tế được quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề; cũng khuyên người khởi trí chứng quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và chứng thật tế được quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề; luôn ngợi khen pháp khởi trí chứng quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và chứng thật tế được quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề; vui mừng tán thán kẻ khởi trí chứng quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và chứng thật tế được quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Nên tự vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, cũng khuyên người vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, luôn ngợi khen pháp vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, vui mừng tán thán người vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nên tự nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; cũng khuyên người nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; luôn ngợi khen pháp nghiêm tịnh cõi Phật,

thành thục hữu tình; vui mừng tán thán người nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình. Nên tự phát khởi thần thông Bồ Tát, cũng khuyên người phát khởi thần thông Bồ Tát, luôn ngợi khen pháp phát khởi thần thông Bồ Tát, vui mừng tán thán người phát khởi thần thông Bồ Tát. Nên tự phát sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng khuyên người phát sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; luôn ngợi khen pháp phát sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; vui mừng tán thán người phát sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên tự đoạn tất cả phiền não tập khí nối nhau, cũng khuyên người đoạn tất cả phiền não tập khí nối nhau, luôn ngợi khen pháp đoạn tất cả phiền não tập khí nối nhau, vui mừng tán thán người đoạn tất cả phiền não tập khí nối nhau. Nên tự thọ trì viên mãn thọ mạng, cũng khuyên người thọ trì viên mãn thọ mạng, luôn ngợi khen pháp thọ trì viên mãn thọ mạng, vui mừng tán thán người thọ trì viên mãn thọ mạng. Nên tự chuyển pháp luân, cũng khuyên người chuyển pháp luân, luôn ngợi khen pháp chuyển pháp luân, vui mừng tán thán người chuyển pháp luân. Nên tự gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ, cũng khuyên người gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ, luôn ngợi khen pháp gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ, vui mừng tán thán người gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ.

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát nào muốn mau thành tựu sự mong cầu quả vị Vô Thượng Bồ đề, thì đối với pháp như thế dùng vô sở đắc làm phương tiện và nên trụ như vậy.**

Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát nên học Bát nhã Ba la mật sâu xa, phương tiện thiện xảo như thế. Nếu học như thế mới có thể an trụ pháp đáng trụ. Nếu học như thế, an trụ như thế, **thì đối với các sắc không bị chướng ngại**, đối với thọ, tưởng, hành, thức không bị chướng ngại. Cho đến đối với việc chuyển pháp luân không bị chướng ngại, đối với Chánh pháp trụ không bị chướng ngại. Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này từ trước đến nay không nhiếp thọ sắc, không nhiếp thọ thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến không nhiếp thọ chuyển pháp luân, không nhiếp thọ Chánh pháp trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Vì sắc không thể nhiếp thọ, nếu sắc không thể nhiếp thọ thì không phải sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức không thể thọ trì, nếu thọ, tưởng, hành, thức không thể nhiếp thọ, thì không phải thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến vì chuyển pháp luân không thể nhiếp thọ, nếu chuyển pháp luân không thể nhiếp thọ, thì không phải chuyển pháp luân.

Vì chánh pháp trụ không thể nhiếp thọ, nếu Chánh pháp trụ không thể nhiếp thọ, thì không phải Chánh pháp trụ.

Khi đức Phật thuyết Bồ Tát trụ thì có hai ngàn Bồ Tát đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Thích nghĩa:

*(1). Không những trong đoạn Kinh tóm lược này, mà hầu hết trong toàn thiên Tổng luận, chúng tôi dùng từ "**như**" thay thế cho "**Chơn như**", chỉ trừ trường hợp bắt buộc phải gọi đích danh là chơn như. Thích nghĩa trong phần lược giải nói về "Như Lai tùy sinh" do ngài Tuệ sĩ ghi chú, được chúng tôi trích dẫn trong phẩm "Chơn như", cuối Q.318 đến đầu Q.324, Hội thứ I trước đây, đã đưa đến quyết định này. Từ "như" hay "như như" dùng trong trường hợp này diễn tả thật đầy đủ thế nào là chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… của tất cả pháp trong thế gian.*

(2). Các pháp như có một như, có hai như, có ba như chăng? Tất cả pháp như là đồng một như, không hai, không khác. Đã đồng một như thì dĩ nhiên không phải hai, không phải ba, không phải khác. Nhưng trong Kinh điển Phật học thường dùng cụm từ "không phải hai", có nghĩa chỉ có một thôi (chỉ có một thôi cũng tức không hai không khác).

Sơ giải:

Phẩm "Chơn Như" của Hội thứ II tương đương với 2 phẩm của Hội thứ I, ĐBN:

1. Phẩm "Chơn Như", cuối Q.318 đến đầu Q.324, Hội thứ I, ĐBN và

2. Phẩm "Bồ Tát An Trụ", cuối Q.324 đến đầu Q.325, Hội thứ I, ĐBN.

Phẩm "Chơn Như" là phẩm rất quan trọng trong việc thấu hiểu thật tướng các pháp, nên không gì hơn chúng tôi trình bày lại phẩm "Chơn Như" của Hội thứ I một lần nữa. Như nhiều lần chúng tôi lưu ý "người nào tri nhận được chơn như tức giác ngộ". Vậy, phần lặp lại này không đến nỗi thừa thãi lắm. Thú thật là phải trì tụng nhiều, phải tư duy nhiều mới có thể hiểu pháp sâu diệu này mà nhập pháp giới.

1. Các pháp Như thật:

1- Như của các pháp:

Phẩm "Vô Sở Đắc", Q.69, Hội thứ I, ĐBN. *Thiện Hiện nói với Xá Lợi Phất:*

"Xá Lợi Tử! Nói tóm lại, tất cả pháp thiện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp phi thiện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? **Vì bản tánh như vậy là như vậy**. Tất cả pháp hữu ký chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp vô ký chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp hữu lậu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp vô lậu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp hữu vi chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp vô vi chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy.

Xá Lợi Tử! Do duyên cớ này, nên tôi nói các pháp cũng như vậy, đều không có tự tánh".

Tất cả pháp tuy thiên sai vạn biệt biểu hiện dưới nhiều hình tướng khác nhau tùy theo cái nhìn (cảm quan và ý thức) của mỗi cá thể. Hình tướng có khác, nhưng tánh thì như nhau. Các pháp hiện hữu "như thực trong chơn như thật tánh"của nó. Nó như vậy bởi vì như vậy. Hòn sỏi đứng bên đường ngàn năm vẫn là hòn sỏi cũ. Nó không tự biết nó là xấu hay đẹp, to hay nhỏ, sạch hay dơ... Nó cũng không biết các hòn sỏi khác chung quanh nó. Các pháp tự tánh là không, nó không tự biết nó và cũng không biết các pháp khác, từ xưa đã vậy, nay vẫn vậy, nó là nó, nó là như như. Những biểu lộ đây kia đều do cảm quan và ý thức phân biệt của con người. Con người vì để dễ phân biệt vật nầy với vật khác, nên mới đặt tên: Đây là đá, đây là gạch, đây là sỏi. Một khi các pháp có tên gọi thì ngay đó có cảm thọ, có phân biệt chấp trước, tâm từ đó "hết như", đành theo khách trần mà lưu chuyển.

Các pháp vốn bình đẳng, chân thật, như như. Nên Phật bảo:

"Sắc tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức là sắc. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật là Nhất thiết chủng trí. Sắc tướng như, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng như là **một như, không hai, không khác**".

Vì vậy, có thể nói: Bát Nhã có khả năng soi thấy thế giới như thế là như thế, thấy các pháp trong bản tính như thực của chúng. Đấy là cái thấy xuyên qua tướng trạng để trực ngộ được chân tánh của vạn hữu mà tuyên bố rằng ***thấy như thế là thấy các pháp như thật trong chơn như thật tướng của chúng.***

2- "Tùy Như Lai sinh":

(Đây là nguyên văn đoạn Kinh nói về "Như Lai tùy sinh", phẩm "Chơn Như", Q.447, Hội thứ II, ĐBN)

"Chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Thiện Hiện là chơn đệ tử Phật, tùy Như Lai sanh. Vì sao? Vì đại đức Thiện Hiện đã thuyết tất cả pháp đều tương ưng với không.

Cụ thọ Thiện Hiện bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc:

- Chư Thiên các ông nói Thiện Hiện là chơn đệ tử Phật, tùy Như Lai sanh. Thế nào là Thiện Hiện tùy Như Lai sanh? Nghĩa là tùy Như Lai như sanh. Vì sao? Vì Như Lai như không đến, không đi, Thiện Hiện như cũng không đến, không đi, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như tức tất cả pháp như, tất cả pháp như tức Như Lai như. Như, như thế là không tánh như, cũng không phải không tánh như. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như thường trụ là tướng, Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không biến đổi, không phân biệt, chuyển khắp các pháp. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không quái ngại, tất cả pháp như cũng không quái ngại. Hoặc Như Lai như, hoặc tất cả pháp như, đều đồng một như không hai, không khác, không tạo, không tác. Như, như thế là tướng thường như, không thời nào chẳng như. Vì tướng thường như, không thời nào chẳng như nên không hai không khác. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như khắp mọi nơi không nhớ nghĩ, không phân biệt. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không đổi khác, bất khả đắc. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như

Lai sanh. Như Lai như không lìa tất cả pháp như, tất cả pháp như không lìa Như Lai như. Như, như thế thường như, không thời nào chẳng tướng như. Thiện Hiện như cũng lại như thế nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Dù nói tùy sanh mà không có chỗ tùy sanh, vì Thiện Hiện như chẳng khác Phật vậy.

Như Lai như không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Tất cả pháp như cũng không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Quá khứ như tức Như Lai như, Như Lai như tức quá khứ như. Vị lai như tức Như Lai như, Như Lai như tức vị lai như. Hiện tại như tức Như Lai như, Như Lai như tức hiện tại như. **Hoặc quá khứ như, hoặc vị lai như, hoặc hiện tại như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác**.

Sắc như tức Như Lai như, Như Lai như tức sắc như. Thọ, tưởng, hành, thức như tức Như Lai như, Như Lai như tức thọ, tưởng, hành, thức như. Hoặc sắc như, hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Mười hai xứ như, mười tám giới như, tứ thiền như, tứ vô sắc định như, mười tám pháp bất cộng như, Nhất thiết trí như, Đạo tướng trí như, Nhất thiết chủng trí như… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao như tức Như Lai như, Như Lai như tức mười hai xứ như, mười tám giới như, tứ thiền như, tứ vô sắc định như, mười tám pháp bất cộng như, Nhất thiết trí như, Đạo tướng trí như, Nhất thiết chủng trí như… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao như đều đồng một như không hai, không khác. Bồ Tát hạnh như tức Như Lai như, Như Lai như tức Bồ Tát hạnh như. Quả vị Vô Thượng Bồ đề như tức Như Lai như, Như Lai như tức quả vị Vô Thượng Bồ đề như. Hoặc tất cả Bồ Tát hạnh như, hoặc quả vị Vô Thượng Bồ đề như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Nhất thiết trí như tức Như Lai như, Như Lai như tức Nhất thiết trí như. Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí như tức Như Lai như, Như Lai như tức Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí như. Hoặc Nhất thiết trí như, hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác.

Thiên chúng nên biết, các Đại Bồ Tát đang chứng tất cả pháp như như thế nên gọi là Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác. Thưa Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác! Con tin hiểu sâu sắc các pháp như như thế nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh".

Để giải thích "các pháp như thật" và "Như Lai tùy sinh", không gì hơn là chúng tôi lấy một đoạn luận giải **"Bát Nhã như là soi thấy các Pháp Như thực"** ***trong Thiền Luận III, của Thiền sư D.T. Suzuki để Các đạo hữu thưởng thức thêm:***

"Do công năng vô chấp đó, chúng ta có thể nói rằng Bát Nhã có khả năng nhìn thấy thế giới như thế là như thế, **thấy các pháp trong bản tính như thực(yathàbhùtum)của chúng**. Đây là hoạt dụng đặc sắc nhất của Bát Nhã mà Bồ Tát sở đắc khi Ngài chứng ngộ rằng đến thì như thế mà đến, đến từ Bát Nhã, và do đó biết rằng Bát Nhã sinh ra Ngài cũng như sinh ra hết thảy chư Phật. Một khi đôi mắt của Bồ Tát mở ra cho sự thực này, Bồ Tát quan sát thế gian và hết thảy thiên sai vạn biệt của thế gian trong tổng trạng chân thực của chúng. Nói thế tức là, trong tầm tri giác của chúng ta, thế gian không ngừng biến đổi, chịu đủ hình thái thành và hoại. Nhưng Bồ Tát khi mà trí Bát Nhã của Ngài đã khai ngộ hoàn toàn, nhận thấy rằng, năm uẩn tạo thành thế gian này dù có những biến dịch bên ngoài của chúng, **trong tự tánh (svabhava) chúng không hề bị hoại diệt**, chúng không mang những hoại tướng, không bị chi phối bởi những thành hoại, không bị chi phối bởi sinh tử, không bị chi phối bởi những tham dục và phiền não.

Kinh điển Bát nhã Ba la mật vừa là một nền triết học và vừa là một nền tôn giáo, nên giáo thuyết của nó luôn luôn hỗn hợp bản thể học và tâm lý học. Sự thực, nó không nói tới sự hữu là như thế nào, nhưng nói tới những gì có nơi con người. **Biết rõ thế gian tức biết rõ tinh thần của con người và những tạo tác của nó**. Không có những vấn đề siêu hình nào mà cùng lúc không là những vấn đề về giải thoát và giác ngộ. Do đó khi Bồ Tát nhận thấy thế gian như là như thực (yathàbhùtam) Ngài cũng nhận thấy các loại tâm của con người như thế là như thế; thế rồi Ngài mới thi thiết các phương tiện thiện xảo(upàya) của mình. **Vậy, Kinh nói, bằng con mắt của trí Bát Nhã, Bồ Tát thấy rõ các loại tâm của tất cả các loại hữu tình, và Ngài biết rõ chúng sai biệt như thế nào, sai biệt về cá tính, sai biệt về hoạt dụng, sai biệt về thọ báo, sai biệt về giá trị đạo đức, về tâm tính, vân vân. Rồi tri**

kiến như thực(yathàbhùtam)của Ngài thấu triệt qua những giả tướng này và nhận ra rằng các tâm của chúng; tịnh hay bất tịnh, nhiếp tâm hay loạn tâm, nhiễm tâm hay ly nhiễm tâm, tất cả đều không tự tánh, không thủ trước, không phân biệt. Đấy được coi là nhìn vạn hữu trong chân như tướng của chúng, trong đó mọi sai biệt tan biến hết, đồng thời tự hiển lộ tự thân như thực trong ánh sáng của trí Bát Nhã.

Do đó, đương nhiên tri kiến như thực trong các Kinh Bát nhã Ba la mật có nghĩa là tri kiến xuyên qua bức màn trùng điệp phủ tối đôi mắt chúng ta, và rồi dùng trí Bát Nhã nắm lấy vạn hữu trong chân như của chúng. Chân như(tathatà)là một chữ quá lạ, nhưng trong thuật ngữ Phật giáo, nó là một trong những chữ ý vị nhất. Hiểu rõ nghĩa của nó là hiểu toàn bộ hệ thống tư tưởng của đạo Phật. **Chân như là như như** và đừng có hiểu lộn thành như nhau hay như một. Khi người ta nói đến vô dị tướng, thì có thể tưởng rằng các dị tướng bị biến thành vô sở tri hay vô sở hữu, để bộc lộ cái tướng như một của chúng. Nhưng cái mà các hành giả Bát Nhã muốn nói là những cái được thấu hiểu trong những tương quan chân thực của chúng, không chỉ tương quan giữa cái này với cái kia mà tương quan với lý tính hiện hữu của chúng.

"Kinh Bát Nhã có một đoạn dành cho Tu Bồ Đề(Subhùti)luận về Như lai Tùy sinh (Tathàgata-anujata). Tùy sinh(Anujàta)có nghĩa, sinh sau hay "sinh ra tùy theo". Chính Tu Bồ Đề(Subhuti), người nói triết học Bát Nhã, sinh ra sau Như lai, tức em ruột của Như lai, hay nói đúng hơn, Tu Bồ Đề được sinh ra tùy theo tự tướng của Như lai. Đó là một trong các đoạn quan trọng nhất của Bát Nhã, nhất là **khi xét tới liên hệ với giáo thuyết Chân như**. Như Lai(Tathagata)thông thường được coi như là một biệt hiệu của Phật, nghĩa đen hoặc "người đến như thế" hoặc "người đi như thế". Điểm quan trọng ở đây là ý nghĩa của chữ Như (tatha) hơn là Lai (agata, đến hay gata, đi); hình như tác giả của Kinh Bát Nhã nhấn mạnh trên chữ tatha coi đó là chìa khóa để hiểu giáo pháp Tathata(Chân như)hay Yathabhutam(Như thực). Khi ông nói tới Chân như của Như Lai(tathagata- tathata), ông muốn nói lý tánh, căn nguyên, hay lý tắc cho sự xuất hiện có thể có của Như Lai trong thế gian. Vì vậy, Tu Bồ Đề mà được sinh ra sau(anujata)Chân như của Như Lai, thì có nghĩa là Tu Bồ Đề và Như Lai cùng đến từ

bào thai vũ trụ mà Kinh Lăng già (Lankavatara)và các Kinh Phật khác gọi là Như Lai tạng(tathagatagarbha). Với giải thích sơ khởi này, đoạn dưới đây nói về Tùy sinh(Anujata)và Như Lai(Tathagata)sẽ trở nên dễ hiểu hơn.

"Khi nói Tu Bồ Đề sinh ra sau Như Lai, nói thế có nghĩa như vầy: Như của Như Lai là Như của Tu Bồ Đề, Như Như không hai không khác, vì Chân Như là một trong hết thảy các loại hữu tình và ở đây không hai tưởng, không phân biệt, không phân đôi; trong hết thảy Chân Như không có đến và cũng không có đi vì bản lai vô sinh; chúng không chỗ trụ nơi chúng thường trụ như là những pháp sai biệt; chúng là vô tác, vì có nghĩa rằng chúng không phải là sở tri như là đang hoạt dụng trong một phương thế quyết định nào đó để biểu lộ những tự tướng sai biệt của chúng; thế nhưng chúng cũng không phải là thường tịch và vô sở tác; **chúng luôn luôn như như trong tất cả mọi xứ sở, trong tất cả mọi thời gian, trong tất cả mọi cảnh giới, trong tất cả mọi tụ tập nhân duyên**; trong chúng không từng có quá khứ, không từng có hiện tại, không từng có vị lai mặc dù chúng hữu tình được coi như đang hiện hữu, tồn tại và biến mất; chúng không lệ thuộc sự phân biệt, không sắc tướng sai biệt, là bất khả đắc; và sau hết dù với những phẩm tính đó chúng vẫn xuất hiện như là những thực tại, có thể được định danh, được định nghĩa và được phân biệt, mặc dù như thế chúng không còn là Chân như nữa. Vì những lý do đó, Chân như của Tu Bồ Đề là Chân như của Như Lai, và Chân như của Như Lai là Chân như của hết thảy các pháp, cả hai không hai không khác. Chân như nhất như hiển hiện ở đây, nhưng ngay khi nói về Chân như như thế, Chân như không còn là Chân như nữa. Chân như chỉ là giả danh, nhưng nếu không có giả danh đó không có Như Lai, không có Tu Bồ Đề, không có Phật, không có A la hán, không có các loại hữu tình. Duy chỉ Như Lai mới thấu triệt như thế, không một chúng sinh nào có thể nắm nổi lý này. Tu Bồ Đề, vì Ngài thấu hiểu, nên có thể diễn nói những huyền diệu sâu xa của Bát nhã Ba la mật, và vì lý do đó, Ngài là Tùy sinh của Như Lai".

Thêm nữa, chúng ta đọc trong chương XVII, "Tướng Bất thối chuyển của Bồ Tát " (Avinivartaniyakaralinganimitta parivarta):

"Phật tử hành đạo trải qua các giai đoạn khác nhau của tâm linh, nhưng ở trong Chân như chúng không hai, không phân biệt. Bồ Tát từ Chân như nhất tướng đó mà có thể nhập vào Pháp tánh. Sau khi nhập vào Pháp tánh, ở đó cũng không sinh ra phân biệt. Dù khi nghe những giáo pháp khác, Bồ Tát cũng không hủy báng, vì biết rằng có nhiều pháp môn sai khác dẫn vào Pháp tánh. Dù khi nghe những danh tướng và ngôn thuyết, Bồ Tát cũng không sinh nghi hoặc đối với công năng thù thắng của Chân như mà Ngài đang hộ trì trong mình.

Một trong những hoạt dụng của Bát Nhã, vậy thì, chính là **tri nhận các pháp Như thực hay thấy Chân như tướng của chúng. Trong Chân như đó, thấy rằng hết thảy mọi loài, mọi sự hữu, không bị nhiễm ô, do đó chúng là một với chư Phật và trong phương diện đặc biệt này có thể gọi các Ngài là chư Như Lai**. Vì tất cả là một như thế, nên tất cả cùng là anh em(anujatà)với nhau, kể cả chư Phật và Bồ Tát. Cái thai mẹ sinh ra hết thảy những anh em này đích danh là Như Lai tạng(Tathagata- garbha). Vai trò làm mẹ của Bát Nhã ở đây thành xác chứng hơn bao giờ hết, và ý nghĩa đó thường được dùng để tán dương Bát Nhã càng là tự nhiên".

3- Chân Như Quan Bát Nhã:

Giữa hai lập trường vạn hữu là đổi dời, biến động hay là thường hằng, bất biến hay nói khác nó là tương đối hay tuyệt đối. Tương đối mà Bát nhã Ba la mật thường diễn đạt là sinh tử, tuyệt đối là Niết bàn. Bát nhã Ba la mật cũng diễn đạt thế giới Tục đế là thế giới tương đối, thế giới Chân đế hay Đệ nhất nghĩa đế là tuyệt đối. Nhưng cho dù là tương đối hay tuyệt đối, dù nhiễm hay tịnh, dù đa thù hay nhất thể, dù thường hằng hay bất biến cũng phát suất từ một cái tâm. Tâm sinh diệt, đổi dời là sinh tử, tâm tịch tịnh bất biến là Niết bàn hay gọi là chân như.

*Vấn đáp sau đây giữa Phật và Tu Bồ Đề, **phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.330, Hội thứ I, ĐBN**, nói lên quan điểm đó như sau:*

"Thiện Hiện! Theo ý ngươi, chân như tức là tâm chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, rời chân như có tâm chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, tâm tức chân như chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, rời tâm có chân như chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, chân như thấy chân như chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, nếu đại Bồ Tát năng hành như thế, là hành Bát nhã Ba la mật thậm thâm chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Nếu đại Bồ Tát năng hành như thế là hành Bát Nhã thậm thâm.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, nếu Bồ Tát năng hành như thế là hành chỗ nào?

Thiện Hiện đáp rằng: Nếu đại Bồ Tát năng hành như thế **đều không chỗ hành**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật không tâm hiện hành, không chỗ hiện hành. Bạch Thế Tôn! **Vì trụ trong chân như đều không hiện hành và chỗ hiện hành vậy.**

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã là hành ở chỗ nào?

Thiện Hiện đáp rằng: Nếu đại Bồ Tát hành Bát Nhã là **hành ở trong thắng nghĩa đế**, trong đây hiện hành và chỗ hiện hành đều vô sở hữu, vì năng lấy bị lấy chẳng thể được vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã là hành trong thắng nghĩa đế, tuy chẳng lấy tướng mà hành tướng chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã là hành trong thắng nghĩa đế vì hoại tướng mà hành chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo: Thiện Hiện! Theo ý ngươi, đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, hành trong thắng nghĩa đế vì hoại tướng tưởng chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nầy khi tu hành Bát nhã Ba la mật vì sao chẳng hoại tướng, cũng chẳng hoại tướng tưởng?

Thiện Hiện đáp rằng: Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng liền nghĩ: Ta sẽ hoại tướng, cũng chẳng liền nghĩ: Ta sẽ hoại tướng và hoại tướng tưởng, cũng chẳng liền nghĩ: Ta sẽ hoại vô tướng và hoại vô tướng tưởng. Vì đối tất cả pháp không có phân biệt".

Cảm quan và ý thức phân biệt đưa đến chấp trước. Bát Nhã là vô trước mà vô trước thì tâm như như bất động. Tâm như như bất động thì chân như thật tướng hiện tiền.

Vì vậy, Chân Như Quan rốt cuộc được coi là pháp tối cao của Phật đạo. Người nào hiểu được chân như người đó được coi là giác ngộ. Cuộc đối thoại giữa Phật và Thiện Hiện ở Q.320, ĐBN, chứng tỏ điều này:

"Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! **Chân như của các pháp là quả vị Giác ngộ tối cao.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch: Bạch Thế Tôn! Chân như của pháp nào mà nói là tất cả pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Sắc như là quả vị Giác ngộ tối cao; thọ, tưởng, hành, thức như là quả vị Giác ngộ tối cao; 12 xứ như, 18 giới như, tứ thiền, tứ vô sắc định, 18 pháp bất cộng như là quả vị Giác ngộ tối cao; Nhất thiết trí như… cho đến Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác như là quả vị Giác ngộ tối cao. Sanh tử như là quả vị Giác ngộ tối cao; cho đến Niết bàn như là quả vị Giác ngộ tối cao".

Khi thấy tất cả pháp đều như tức nhập pháp giới, thì pháp giới chính là các ông, các ông chính là pháp giới pháp giới không hai không khác. Vì vậy, ngài Thạch Đầu mới bảo **"Người hội muôn vật làm tự mình, ấy là Thánh nhân"** *và Triệu pháp sư cũng nói:* **"Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể".**

Và Kinh cũng thường lặp đi lặp lại câu nói: "Người biết các pháp như như thế thì gọi là Như Lai" không khác.

2. Bồ Tát an trụ:

Câu hỏi được đặt ra là: Đại Bồ Tát mau thành tựu mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì ***phải trụ ở đâu*** và ***nên trụ thế nào****?*

Phật trả lời:

- "Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào muốn mau thành tựu sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải **đối với tất cả hữu tình trụ tâm bình đẳng**, không nên trụ tâm không bình đẳng. Phải đối với tất cả hữu tình sanh tâm bình đẳng, không nên sanh tâm không bình đẳng. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại từ**, không nên sanh tâm giận dữ. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại bi**, không nên sanh tâm não hại. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại hỷ**, không nên sanh tâm ganh ghét. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm đại xả**, không nên khởi tâm thiên vị. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm khiêm hạ**, không nên sanh tâm kiêu mạn. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm ngay thẳng**, không nên sanh tâm nịnh dối. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm mềm mỏng**, không nên sanh tâm cứng rắn. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm lợi ích**, không nên khởi tâm vô tích sự. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm an vui**, không nên khởi tâm không an vui. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm không ngăn ngại**, không nên sanh tâm chướng ngại. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm như cha mẹ, như anh em**... Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm bằng hữu**, cũng dùng tâm này nên cùng họ nói năng, đối xử. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm như thầy**, **như người khuôn mẫu, như đệ tử, như bạn đồng môn**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Phật,** cũng dùng tâm này cùng họ trau đổi nói năng. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm cứu vớt**, **thương xót, thủ hộ**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm rốt ráo Không, vô sở hữu, bất khả đắc**. Phải đối với tất cả hữu tình **sanh tâm không, vô tướng, vô nguyện"**. *(Q.448, ĐBN)*

(Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 51, "Đại Như", Tập 4, quyển 72, *dựa vào lời Phật dạy, giải thích rằng:*

"Ban vui, cứu khổ cho hết thảy chúng sanh là bổn nguyện của Bồ Tát. Bởi vậy nên tâm Bồ Tát duyên khắp chúng sanh, lo cho chúng sanh, làm các việc lợi ích cho chúng sanh". *Nên:*

"1- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm bình đẳng:

Bồ Tát tự niệm rằng: Hết thảy pháp hữu vi đều vô thường, hết thảy chúng sanh đều thứ lớp sanh diệt. Chẳng nên phân biệt là đại nhân hay là tiểu nhân. Người thế gian điên đảo chấp các pháp có tướng sai khác, mà chẳng biết rằng các pháp đều chẳng có định tướng.

Ví như nước, lửa, tùy thời, tùy duyên mà có khi lớn, có khi nhỏ, chẳng thể định được. Cũng như vậy, chúng sanh tùy theo duyên nghiệp, có thể nay bần cùng hạ tiện, mà ở đời sau có thể trở thành giàu sang phú quý .

Lại nữa, Bồ Tát tuy có đầy đủ công đức, mà vẫn biết rõ công đức là tánh không, là như mộng, như huyễn nên chẳng chấp trước, chẳng nghĩ công đức của mình là lớn, là nhỏ.

Lại nữa, ở nơi Phật đạo, chúng sanh như thế nào thì chỉ có Phật mới biết rõ được. Bởi vậy Bồ Tát thường tự niệm rằng: Nếu ta dấy niệm khinh chê người hạ tiện, tướng mạo khó thương, tài năng thấp kém, thì như vậy là ta đã khinh chê Phật rồi vậy.

Bởi nhân duyên như vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường **giữ tâm bình đẳng, chẳng có phân biệt**.

2- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm đại từ bi:

Bồ Tát thường tự niệm: Ta đã phát thệ nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh. Nếu ta chẳng làm được gì lợi ích cho chúng sanh, thì như vậy là ta đã thối tâm rồi vậy.

Bồ Tát dụng tâm bình đẳng, vô phân biệt, làm những việc rất khó làm để đem lại niềm vui cho chúng sanh, và làm vơi nỗi khổ của họ.

Bởi nhân duyên như vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường trải rộng tâm từ bi.

3- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm khiêm tốn:

Bồ Tát biết rõ rằng tâm tự cao là nhân duyên dẫn sanh sân hận, đốt sạch rừng công đức.

Như người chủ nhà khi có khách đến thăm, phải khiêm tốn, tự hạ mình để cung tiếp khách, nếu chẳng có gì để phục vụ khách, làm vui lòng khách thì người chủ nhà phải tự thẹn với mình. Cũng như vậy, đối với Bồ Tát, chúng sanh là những vị khách mà Bồ Tát phải phục vụ

trong suốt quá trình hành Bồ Tát đạo. Đối với chúng sanh, Bồ Tát thường rất khiêm tốn, tạo nhân duyên dẫn dắt chúng sanh vào đạo.

Lại nữa, Bồ Tát tự niệm rằng: Khởi hạ tâm có rất nhiều lợi ích cho việc tu hành. Nếu ta tự cao tự đại, thì khi bị chúng sanh đến mắng nhiếc nhục mạ, dẫn đến hành hung..., ta sẽ khởi sân nhuế, chẳng thể viên thành đạo nghiệp được.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường khởi tâm khiêm tốn.

4- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm an ổn:

Bồ Tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, như thiện tri thức của mình, đem đến cho chúng sanh niềm vui rốt ráo ở đời này, và cả ở đời sau.

Cha mẹ chỉ đem lại cho con cái niềm vui ở đời hiện tại. Còn Bồ Tát dụng tâm bình đẳng, tâm từ bi tâm khiêm tốn, nên đem lại cho chúng sanh niềm an lạc trong nhiều đời.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường giữ tâm an ổn, khiến chúng sanh được an ổn.

5- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm vô ngại:

Trong lúc hành Bồ Tát hạnh, nếu gặp những người đến phỉ báng, chẳng tin theo lời mình, cho là mình dối trá, cầu danh, chẳng phải thật sự tu hành, thì Bồ Tát biết đó chỉ là ma sự nhằm thử thách lòng mình.

Do biết rõ như vậy nên đối với những kẻ ác tâm, Bồ Tát vẫn vận dụng tâm bình đẳng vô ngại.

Do được tâm vô ngại nên dù chúng sanh có phạm trọng tội, Bồ Tát vẫn muốn làm lợi ích cho họ mà chẳng khởi sanh phiền não.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường giữ tâm bình thản, vô ngại.

6- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm vô não:

Bồ Tát thương xót chúng sanh nên trong lời nói, trong việc làm, chẳng bao giờ làm não hại chúng sanh cả.

Lại nữa, vì muốn an ổn chúng sanh nên Bồ Tát tự mình cũng chẳng khởi sanh phiền não, làm não loạn tâm chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường giữ tâm vô não.

7- Đối với hết thảy hữu tình phải trụ tâm ái kính:

Bồ Tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, như thiện tri thức của mình. Đối với người lớn tuổi thì tôn trọng, cung kính như người con có hiếu, tôn trọng, cung kính, hết lòng thương yêu, lo lắng cho cha mẹ. Đối với người ngang tuổi hay kém tuổi, thì cũng thương yêu lo lắng như thương yêu lo lắng cho anh chị em mình, chẳng dấy tâm xằng bậy. Đối với tất cả mọi người, Bồ Tát đều ái kính, xem họ như bà con, bạn bè, thiện tri thức của mình cả.

Bồ Tát vì chúng sanh thường giữ tâm từ hòa ái kính như vậy, nên vào được "chúng sanh nhẫn", là sơ môn của pháp nhẫn vậy.

Bởi nhân duyên như vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát thường giữ tâm ái kính. Vận dụng các tâm nêu trên đây đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát lại còn tu tập hết thảy các thiện pháp, dạy cho chứng sanh tu tập hết thảy các thiện pháp, tán thán các thiện pháp ấy, và hoan hỷ tán thán người thành tựu các thiện pháp ấy.

- Bồ Tát tu tập 10 thiện đạo, vì tự nghĩ rằng: Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì ở thế gian vẫn thường có các thiện pháp. Bởi vậy nên phải y theo 48 hạnh nguyện mà tu tập 10 thiện đạo. Ta phải thâm niệm thiện pháp, thâm niệm từ tâm, thâm niệm chúng sanh, thâm niệm ly dục, thâm niệm ly thế gian pháp.

- Bồ Tát cũng tự quán thuận và quán nghịch mười hai nhân duyên, y theo bốn mươi tám hạnh nguyện mà tu tập sáu pháp Ba La Mật, tu tập bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn vô sắc định, tu tập ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo, tu tập mười tám pháp không... dẫn đến tu tập mười tám bất cộng pháp. Bồ Tát lại tự mình thành tựu các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật, thành tựu Bồ Tát vị, dẫn đến thành tựu pháp trụ. Vì sao? Vì Bồ Tát tự nghĩ rằng: Mặc dù hết thảy các pháp đều là ngoại pháp, nhưng đều do Phật thuyết, ta phải tu tập đầy đủ hết thảy các pháp, để hiển dụng phương tiện cứu độ chúng sanh.

Trên đây đã nói rõ Bồ Tát hành đầy đủ hết thảy các thiện pháp, gồm căn bản nội pháp và ngoại pháp.

Như vậy nên ở hiện đời, Bồ Tát được đầy đủ các thiện căn công đức, được trí huệ minh liễu, vô ngại, đến khi xả bỏ sắc thân thì sẽ được pháp thân vô ngại, thanh tịnh, tùy nguyện ứng biến, chu khắp 10 phương để giáo hóa chúng sanh".

"Qua thời pháp vi diệu này, Phật đã chỉ dạy cho chư vị Bồ Tát tu tập đầy đủ cả về **"thiện môn"** lẫn **"trí môn"**, dẫn đến liễu đạt được về "như pháp". "Phật dạy Bồ Tát phải nhiếp thân tâm, hành đầy đủ cả hai pháp, mới vào được vô sanh pháp nhẫn").

Rồi Phật bảo Thiện Hiện:

- "Nên tự gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ, cũng khuyên người gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ, luôn ngợi khen pháp gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ, vui mừng tán thán người gìn giữ hộ trì Chánh pháp khiến trụ. Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát nào muốn mau thành tựu sự mong cầu quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì đối với pháp như thế dùng vô sở đắc làm phương tiện và nên trụ như vậy.**

Đại Bồ Tát muốn mau thành tựu sở cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải trụ ở đâu và nên trụ thế nào? Bồ tát phải ***an trụ chúng sanh trong "thiện môn"*** *và* ***an trụ chánh pháp trong "trí môn"****. Kinh và Luận đã giải thích phần sau của phẩm có tên là "Bồ Tát An Trụ" như thế là quá đủ./.*

---o0o---

53. PHẨM "BẤT THỐI CHUYỂN"

Cuối Q.448 đến đầu Q.449, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Bất Thối Chuyển", Q.325 cho đến hết Q.327, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Thông thường, vì một lý do nào đó làm thối thất đạo Bồ đề thì gọi là thối chuyển. Nhưng nếu nguyên nhân đó dù trắc trở, gian nan cách mấy cũng không thể lung lạc, không làm cho Bồ Tát thay lòng đổi dạ thì Bồ Tát ấy được gọi là bất thối chuyển. Đó là lối suy nghĩ cũng như cách diễn đạt của người hiện đại. Nhưng Kinh MHBNBLMĐ quyển thứ 18, phẩm "Bất Thối Chuyển", Tu Bồ Đề lại bạch Phật:

- "Bạch đức Thế Tôn! Vì bất chuyển mà gọi là bất thối chuyển hay là vì chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì bất chuyển, vì chuyển cũng gọi là bất thối chuyển".

Câu trả lời của Phật: **"vì bất chuyển, vì chuyển cũng gọi là bất thối chuyển"**, *làm chúng ta lẫn lộn với cách nói của người thời nay. Thế nào là chuyển, thế nào là bất thối chuyển? Lìa xấu tức tốt, lìa mê tức ngộ, ly phiền não tức được Bồ đề. Trong một tâm không có hai thứ. Nếu có hai thứ thì có thể nói chuyển từ mê sang ngộ, từ phiền não trở thành Bồ đề, chuyển phàm thành Thánh. Bát Nhã nói các pháp không có chuyển có xoay. Đó là lý do Phật bảo vì chuyển và vì bất chuyển cũng gọi là bất thối chuyển.*

Thí dụ trong một lu nước đục, muốn có nước trong, người ta dùng phèn đánh lên, quậy mạnh nhiều lần để lắng lại vài ngày thì có nước trong. Hớt hết nước trong để dùng, nước bẩn đổ đi. Vậy trong lu không phải có 2 thứ nước: Nước đục tức nước trong, nước trong tức nước đục. Nếu có 2 thứ tức có chuyển, chuyển từ dơ sang sạch hay từ sạch sang dơ.

Tu hành cũng thế chẳng thấy tốt-xấu, Phàm-Thánh, mê-ngộ... bổn thể chỉ là một: Bỏ xấu tức tốt, lìa phàm tức Thánh, hết mê tức ngộ... tất cả phát xuất từ một "trái tim". Nếu hiểu như vậy, thì có thể nói "vì chuyển" hay "vì bất chuyển" cũng gọi là bất thối chuyển. Ngôn ngữ bị giới hạn giữa các danh từ, là thế!

Nói rộng ra, Kinh Phật bảo: "Chúng sanh đã thành Phật từ lâu". *Chỉ cần lìa mê tức giác, cái sẵn có từ trước khi cha mẹ sanh. Vậy, đừng dùng lối suy nghĩ hôm nay để diễn giảng ý của người xưa mà thất thố!*

Tóm lược:

(Thế nào gọi là thối chuyển, thế nào gọi là Bất thối chuyển?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con phải do **hành động tướng trạng** nào mà biết là Bồ Tát Bất thối chuyển?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát có khả năng như thật biết các bậc dị sanh*(phàm phu)*, các bậc Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai. Các bậc như thế tuy nói có khác, mà đối trong các pháp chơn như không biến khác, không phân biệt, đều không hai không hai phần. Bồ Tát này tuy thật ngộ vào các pháp như*(cũng gọi là chơn như)*, mà đối như không sở phân biệt, vì đem vô sở đắc làm phương tiện vậy. Bồ Tát này đã thật ngộ vào các pháp như, tuy nghe như cùng tất cả pháp không hai không riêng mà không trệ ngại. Vì sao? Vì **như cùng các pháp chẳng thể nói một, chẳng thể nói khác, chẳng thể nói đồng hay chẳng đồng** vậy. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới cũng lại như thế. Bồ Tát này trọn chẳng vội vã mà thốt ra lời, những lời nói ra đều dẫn nghĩa lợi, nếu không nghĩa lợi trọn chẳng phát lời. Bồ Tát này trọn chẳng xem tốt xấu hay dở của kẻ khác, bình đẳng thương xót mà vì thuyết pháp. Bồ Tát này chẳng xem chủng tánh tốt xấu của Pháp sư, chỉ cầu pháp sở thuyết nhiệm mầu mà thôi.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển đủ các hành động tướng trạng như thế v.v… Do các hành động tướng trạng như thế nên biết là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Những gì gọi là các hành động tướng trạng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! **Các pháp không hành, không trạng, không tướng; phải biết đấy là hành động tướng trạng.***(1)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp không hành, không tướng, không trạng, **đại Bồ Tát này đối pháp nào chuyển nên gọi Bất thối chuyển**?

Phật nói :

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đối **sắc chuyển nên gọi Bất thối chuyển**, đối thọ tưởng hành thức chuyển nên gọi Bất thối chuyển*(2)*. Đối 12 xứ cho đến 18 giới chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nhãn xúc chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối bố thí Ba la mật chuyển nên gọi Bất thối chuyển; đối tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nội không chuyển nên gọi Bất thối chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối chơn như chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối pháp giới cho đến bất tư nghì giới chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối với Tứ đế cho đến Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác hay nói rộng ra, đối với tất cả pháp Phật chuyển nên gọi là bất thối chuyển. Vì sao?

Thiện Hiện ! Vì tự tánh sắc vô sở hữu, tự tánh thọ tưởng hành thức vô sở hữu. Như vậy, cho đến tự tánh chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vô sở hữu. **Đại Bồ Tát này đối trong chẳng trụ, nên gọi là chẳng chuyển. Do chẳng chuyển nên gọi danh Bồ Tát Bất thối chuyển.** Nếu đại Bồ Tát có khả năng biết như thế, đấy gọi Bồ Tát Bất thối chuyển.

(Do chẳng trụ nên chẳng bị lay, do chẳng lay nên được gọi danh là Bồ Tát Bất thối chuyển. Lối giải thích này của Kinh cũng cùng một lối giải thích với phần gợi ý ở trên).

Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển quyết **không ưa xem hình tướng, nói năng của ngoại đạo**, Sa môn, Bà la môn... Vì các Sa môn, Bà la môn… đối với chỗ biết pháp thật tri, thật kiến, hoặc kiến lập pháp môn chánh kiến... điều đó không thể có được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển **đối với Luật tạng đức Phật đã tuyên thuyết không sanh nghi hoặc**. Đối với việc thế gian không theo giới cấm thủ*(3)*, không đọa ác kiến, không chấp nhận các

việc cát tường*(4)* của thế tục, chẳng thờ phụng, tế lễ, cúng dường các thiên thần và các ngoại đạo.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế nên biết là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển **không đọa địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, A tu la**. Cũng không sanh vào dòng họ ti tiện như hàng thịt, gánh thây chết... Cũng không thọ thân không đủ năm căn, biến đổi căn, không hình, hai hình hay nữ nhân. Cũng lại không thọ thân mù điếc, câm ngọng, cùi cụt, hủi lác, v.v...

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển **thường ưa thích thọ trì 10 thiện nghiệp đạo**: Tự xa lìa sự giết hại, cũng khuyên người xa lìa sự giết hại, luôn ngợi khen pháp xa lìa giết hại, vui mừng ngợi khen người lìa giết hại. Cho đến tự lìa tà kiến, cũng khuyên người lìa tà kiến, luôn ngợi khen pháp xa lìa tà kiến, vui mừng ngợi khen người xa lìa tà kiến. Đại Bồ Tát này, cho đến trong mộng cũng không phát khởi mười ác nghiệp, huống chi lúc thức.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển khắp vì lợi ích tất cả hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, luôn tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thường không gián đoạn.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển, **đã thọ trì tư duy, đọc tụng:** Khế Kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Bổn sanh, Bổn sự, Phương quảng, Hy pháp, Thí dụ, Luận nghị, tất cả đều rốt ráo thông thạo, thường ưa bố thí pháp như thế cho tất cả hữu tình và luôn luôn suy nghĩ: Làm sao cho các loài hữu tình nguyện cầu Chánh pháp đều được toại nguyện, lấy vô sở đắc mà làm phương tiện; lại đem thiện căn pháp thí như thế cùng các hữu tình bình đẳng chung có, rồi hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển đối với **pháp môn sâu xa của Phật đã thuyết, hoàn toàn không sanh nghi hoặc, do dự.** Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này không thấy có pháp hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức có thể nghi hoặc, do dự. Như vậy, cho đến không thấy có pháp, hoặc Bồ Tát hạnh, hoặc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thể nghi hoặc, do dự ở trong đó.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển **thành tựu thân, ngữ, ý nghiệp nhu hòa**, đối với các hữu tình tâm không ngăn ngại. Luôn luôn **thành tựu thân, ngữ, ý nghiệp nhu hòa**. Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển đối **với các vật thọ dụng như đồ nằm, y phục đều thường thơm sạch, không có các mùi hôi, cũng không có chí rận dơ bẩn**. Thân không tật bệnh, tâm ưa thanh tịnh.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển **thân tâm thanh tịnh**, không phải như thân thường nhân luôn bị tám vạn hộ trùng xâm hại. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát này thiện căn tăng thượng vượt khỏi thế gian, thọ thân hình trong ngoài thanh tịnh, nên không bị các loại trùng xâm phạm. Thiện căn như thế lần lần tăng trưởng. Như vậy, thân tâm càng thanh tịnh. Do đó thân tâm các Bồ Tát này trở nên kiên cố như kim cương, không bị nghịch duyên xâm hại. Đó là các thứ nóng lạnh, đói khát, muỗi mòng, gió nắng, trùng độc, dao gậy và các trói buộc không thể xâm hại được.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển như thế làm sao thanh tịnh được **thân, ngữ, ý**?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thiện căn như thế lần lần tăng trưởng. Như vậy, thanh tịnh thân, ngữ, ý. Do năng lực thiện căn phát sanh nên đời vị lai tam ác nghiệp hoàn toàn được đoạn trừ. Vì vậy, thường được thanh tịnh thân, ngữ, ý.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát này hiện tại có diệu hạnh về ba việc của thân, bốn việc của ngữ, ba việc của ý, nên luôn luôn thanh tịnh thân, ngữ, ý**. Do sự thanh tịnh này nên vượt khỏi bậc Thanh văn và Độc giác vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, không chứng thật tế, thường muốn thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Do đó, thường được thanh tịnh thân, ngữ, ý, trụ vào ngôi Bồ Tát kiên cố bất động.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển **không trọng danh lợi**. Đối với các thứ ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng nhà, của cải đều không tham đắm. Tuy thọ 12 công đức Đỗ đa nhưng không kiêu mạn, trong đó hoàn toàn không sanh tâm tương ưng với xan tham, phá giới, giận dữ, lười nhác, tán loạn, ngu si và các thứ phiền não ràng buộc khác.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành tướng động trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển có trí tuệ minh mẫn, giác ngộ sâu xa, lắng nghe Chánh pháp, cung kính tin thọ, chánh niệm tư duy, nghĩa lý rốt ráo. Pháp thế gian và xuất thế gian đã được nghe đều có phương tiện hội nhập nghĩa lý Bát Nhã sâu xa; tạo sự nghiệp thế gian cũng nương Bát Nhã hội nhập pháp tánh, không thấy một việc nào dù nhỏ nhiệm ra ngoài pháp tánh.**

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

(Ý chí và hành động của Bồ Tát Bất thối chuyển)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển, **dù có bị ác ma khuyến dụ hay dọa dẫm, tâm không động, cũng không lo sợ nghi hoặc**, chỉ suy nghĩ: Không có việc đại Bồ Tát được thọ ký Bất thối chuyển mà bị đọa địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, A tu la. Vì sao? Vì ngôi Bồ Tát

Bất thối chuyển quyết định không có nghiệp thiện cũng không có nghiệp bất thiện khiến rước lấy quả vui khổ. Chư Phật quyết định không nói lời dối gạt. Như Lai nói ra điều gì đều mang lợi ích an vui cho tất cả hữu tình do tâm đại từ bi lưu xuất.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu có ác ma **giả dạng Sa môn** đến chỗ Bồ Tát nói như vầy: "Trước kia ông đã nghe: Nên tu bố thí Ba la mật sẽ mau viên mãn; nên tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật sẽ mau viên mãn. Như vậy, cho đến nên chứng quả vị Vô thượng Bồ đề. Đã nghe như thế đều là tà thuyết, nên mau bỏ, chớ bảo là chơn thật. Lại nữa, trước kia ông đã nghe: Nên đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại từ sơ phát tâm cho đến pháp trụ, trong đó có công đức thiện căn, đều sanh tùy hỷ nhóm hợp tất cả, ban cho hữu tình một cách bình đẳng cùng nhau hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đã nghe như thế cũng là tà thuyết nên mau từ bỏ, đừng cho là chơn thật. Ta sẽ dạy ông Phật pháp chơn thật mau chứng Vô thượng Bồ đề. Những gì đã nghe trước kia chẳng phải lời chơn thật của Phật. Đó là văn tụng thế gian của người soạn tập để dối gạt. Lời ta nói ra là lời chơn thật của Phật, làm cho ông mau chứng sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nghe lời như thế tâm động, nghi sợ, nên biết Bồ Tát đó chưa được thọ ký Bất thối chuyển. Đối với Vô thượng Bồ đề còn do dự, chưa quyết định, chưa được gọi là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào nghe lời như thế **tâm không động**, cũng không nghi sợ, chỉ theo pháp tánh vô tác, vô tướng, vô sanh mà trụ. Đại Bồ Tát này có làm việc gì đều không tin, không nghe theo người khác mà tu bố thí Ba la mật; không tin, không nghe theo người khác mà tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Cho đến không tin, không nghe theo người khác mà hướng đến Vô thượng Bồ đề. Nên biết đại Bồ Tát như thế đối với quả vị Vô thượng Bồ đề sẽ được Bất thối chuyển.

Thiện Hiện! Như bậc lậu tận A la hán có làm việc gì đều không tin, không nghe lời người, chứng đắc pháp tánh không lầm, không nghi, tất cả ác ma không khuynh đảo được. Như vậy, tất cả Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo, ác ma v.v... không thể phá hoại, đè dẹp tâm Bất thối chuyển, khiến họ thối thất đạo Bồ đề.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này quyết chắc đã trụ bậc Bất thối chuyển, sở hữu sự nghiệp đều tự suy nghĩ, không phải tin người mà làm ngay. Cho đến lời dạy của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác còn không tín thọ, phụng hành ngay, huống nữa tin lời Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo, ác ma v.v... Không có việc các Bồ Tát tin theo sự dẫn dụ của người khác mà làm. Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này không thấy có pháp có thể tin mà hành. Vì sao? Thiện Hiện! Vì các Bồ Tát này không thấy có sắc có thể tin mà hành; không thấy có thọ, tưởng, hành, thức có thể tin mà hành. Cũng không thấy có sắc như có thể tin mà hành; không thấy thọ, tưởng, hành, thức như có thể tin mà hành. Như vậy, cho đến không thấy quả vị Vô thượng Bồ đề có thể tin mà hành, cũng không thấy quả vị Vô thượng Bồ đề như có thể tin mà hành.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển, nếu **có ác ma giả dạng** Bí sô đến chỗ Bồ Tát nói lời như vầy: "Việc làm của các ông là pháp sanh tử, không phải việc làm của Bồ Tát, do đây sẽ không được Nhất thiết trí trí. Nay các ông nên tu đạo hết khổ, mau hết khổ, chứng Niết bàn. Khi ấy ác ma thuyết pháp tương tự đạo sanh tử. Đó là quán tưởng về chín giai đoạn tan rã của thây chết *(cửu tưởng quán)*; hoặc bốn tịnh lự, hoặc bốn vô lượng, hoặc bốn định vô sắc". Ác ma lại bảo Bồ Tát: "Đây là chơn đạo, chơn hạnh. Ông dùng đạo này, hạnh này sẽ được quả Dự lưu cho đến sẽ được quả Độc giác Bồ đề. Ông nhờ đạo này, hạnh này, nên mau dứt được sanh, lão, bệnh, tử. Cần gì phải chịu khổ sanh tử lâu dài. Hãy tự nghĩ kỹ và bỏ những gì đã tin trước kia".

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi **nghe lời ác ma nói tâm không động, cũng không kinh sợ, nghi hoặc**, mà suy nghĩ như vầy: Nay Bí sô này đem lợi ích cho ta, vì ta mà thuyết đạo pháp tương tự, làm ta hiểu biết đạo này không chứng quả Dự lưu cho đến không chứng Độc giác Bồ đề được, huống chi chứng được Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát này suy nghĩ vậy rồi, rất vui mừng, lại suy nghĩ tiếp: Nay Bí sô này đem lợi ích cho ta không ít, phương tiện vì ta thuyết pháp chướng đạo, làm ta hiểu biết pháp chướng đạo nên đối với Tam thừa tự tại tu học.

Thiện Hiện! Khi ác ma kia lại nói tiếp: "Khốn thay nam tử! Nay ông muốn thấy các đại Bồ Tát hành việc vô ích chăng? Đó là các chúng đại Bồ

Tát trải qua hằng hà sa số đại kiếp, lại đem vô lượng thứ thượng diệu, y phục, thức ăn nước uống, đồ nằm, thuốc thang, của cải, hoa hương, cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn. Lại ở chỗ hằng hà sa số chư Phật, tu sáu pháp Ba la mật cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chúng đại Bồ Tát này cũng thân cận phụng sự hằng hà sa số chư Phật, ở chỗ chư Phật thỉnh hỏi đạo Vô thượng Chánh đẳng giác, hỏi: Thế nào là đại Bồ Tát an trụ đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Thế nào là đại Bồ Tát tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. An trụ pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không. An trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. An trụ tất cả pháp Phật. Như lời chư Phật dạy bảo an trụ tu học trải qua vô lượng kiếp, dõng mãnh tinh tấn, còn không chứng được sự mong cầu Vô thượng Bồ đề, huống chi nay việc tu, việc học của các ông mà chứng Vô thượng Bồ đề được ư?”

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này dù nghe lời ma kia nhưng tâm không đổi, không kinh, không sợ, không nghi, không lầm, vui mừng gấp bội và nghĩ: Nay Bí sô này làm nhiều lợi ích cho ta, dùng phương tiện vì ta thuyết pháp chướng đạo, làm ta biết pháp chướng đạo này quyết chắc không chứng được quả Dự lưu cho đến không chứng được quả Độc giác Bồ đề, huống chi chứng được sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Khi ác ma kia biết tâm Bồ Tát này không thối lui, không lầm, không nghi, ngay đó giả dạng vô lượng Bí sô bảo Bồ Tát: “Các Bí sô chúng tôi ở quá khứ đều cần cầu Vô thượng Bồ đề, trải qua vô lượng kiếp tu hành nhiều hạnh khó hành mà không chứng được sự mong cầu Vô thượng Bồ đề, nay đều lui chứng quả A la hán, các lậu đã hết không còn khổ nữa, các ông làm sao chứng được Vô thượng Bồ đề”.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thấy nghe như vậy rồi, liền suy nghĩ: Quyết chắc là ác ma giả dạng Bí sô này đến nhiễu loạn tâm ta, thuyết đạo pháp chướng ngại tương tự; chắc chắn không có đại Bồ Tát nào tu hành Bát nhã Ba la mật đến ngôi viên mãn, mà không chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, lại rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

Bấy giờ, Bồ Tát lại suy nghĩ tiếp: Chắc chắn không có việc đại Bồ Tát tu hành sáu pháp Ba la mật, đến ngôi viên mãn mà không chứng Vô thượng Bồ đề. Cho đến chắc chắn không có việc tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đến ngôi viên mãn mà không chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển luôn suy nghĩ như vầy: **Đại Bồ Tát nào như lời chư Phật dạy, tinh tấn tu học**, thường chẳng xa lìa tác ý tương ưng sở nhiếp diệu hạnh bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật; thường chẳng xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí; thường đem phương tiện khuyên dẫn các hữu tình tinh siêng tu học 6 pháp Ba la mật. Đại Bồ Tát này quyết định chẳng lui 6 Ba la mật, cho đến quyết định chẳng lui Nhất thiết tướng trí, tất chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển luôn suy nghĩ như vầy: **Bồ Tát nào hiểu biết ma sự, không theo ma sự; hiểu biết bạn ác, không theo lời bạn ác**; **hiểu biết cảnh giới, không theo cảnh giới chuyển**. Bồ Tát này quyết định không thối lui 6 pháp Ba la mật. Cho đến quyết định không thối lui Nhất thiết tướng trí, chắc chắn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả **đại Bồ Tát Bất thối chuyển nghe Phật Thế Tôn thuyết pháp yếu, sanh tâm vui mừng, cung kính, tin thọ,** hiểu biết ý nghĩa rốt ráo, tâm kiên cố hơn kim cương, không thể lay chuyển, không thể tước đoạt. Thường tinh tấn tu học 6 Ba la mật, tâm không nhàm chán, cũng khuyên người khác học 6 Ba la mật, tâm không mệt mỏi.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này chỉ gọi là bất thối chuyển hay cũng gọi là thối chuyển?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này, gọi là bất thối chuyển, cũng được gọi là thối chuyển.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này, vì sao được gọi là bất thối chuyển, vì sao cũng được gọi là thối chuyển?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này, chắc chắn không lui vào bậc Thanh văn, Độc giác v.v... quyết chứng được quả vị Vô Thượng Bồ đề. Do nhân duyên này gọi là bất thối chuyển. **Nhưng đối với các pháp có tưởng thối chuyển, nên cũng được gọi là thối chuyển**.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này đối với pháp nào có tưởng thối chuyển mà cũng gọi là thối chuyển?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đối với sắc có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển; đối với thọ, tưởng, hành, thức có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với 12 xứ, 18 giới có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với sáu xúc có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với các thọ do sáu xúc làm duyên sanh ra có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với tham, sân, si có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với các kiến thú có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với sáu pháp Ba la mật có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với 18 pháp không có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Đối với chơn như có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển. Nói rộng ra, cho đến <u>đối với tất cả pháp Phật có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển</u>. Đối với các dị sanh, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và Phật có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển.

(Nếu bảo "đối với tất cả pháp Phật có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là thối chuyển" *là hợp lý, thì câu nói ngược lại "đối với tất cả pháp Phật không có tưởng thối chuyển nên cũng gọi là bất thối chuyển" cũng hợp lý như trên).*

Nếu, Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này dùng tự tướng không để quán tất cả pháp. Đã vào ngôi Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, cho đến chẳng thấy chút pháp nào có thể đắc. Vì bất khả đắc nên không tạo tác. Vì không tạo tác nên rốt ráo chẳng sanh. Vì rốt ráo không

sanh nên gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do chứng được vô sanh pháp nhẫn này nên gọi là Đại Bồ Tát Bất thối chuyển. *(Q.449, ĐBN)*

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có những ác ma đến chỗ đại Bồ Tát này muốn làm cho Bồ Tát nhàm chán bỏ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nói với Bồ Tát: Nhất thiết trí trí ngang bằng với hư không, tự tướng vốn không, lấy vô tánh làm tánh. Các pháp cũng vậy, tự tướng vốn không, lấy vô tánh làm tánh, ngang bằng với hư không, như vậy tất cả ngang cùng hư không. Trong tánh tướng không ấy, không có pháp nào được gọi là năng chứng, cũng không pháp nào có thể gọi là sở chứng, chỗ chứng, thời chứng và do đây mà chứng, tất cả đều bất khả đắc. Biết tánh tướng tất cả pháp đều không và ngang bằng với hư không rồi, vì sao các ông luống chịu khổ cực cần cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trước đây, các ông đã nghe các chúng Bồ Tát cần cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đều là lời ma nói, chẳng phải lời Phật. Các ông nên bỏ đại nguyện Bồ đề, đừng vì lợi lạc của tất cả hữu tình mà tự chịu khổ cực lâu dài. Dù hành các thứ khổ hạnh khó hành mong cầu Bồ đề nhưng rốt cuộc không thể đắc, vì sao các ông luống chịu nhọc nhằn?

Thiện Hiện! Khi nghe những lời quở trách này rồi, các đại Bồ Tát này luôn quán sát suy nghĩ kỹ lời nói của ác ma này: Họ muốn phá hoại và làm thối lui tâm Bồ đề của ta. Ta nay chẳng nên tin nhận lời họ nói. Mặc dù tất cả pháp ngang đồng với hư không, tánh tướng đều không. Nhưng các hữu tình chẳng biết, chẳng thấy chịu nhiều kiếp sanh tử, do điên đảo buông lung nên chịu nhiều khổ não. Ta phải mang giáp mũ công đức: Tánh tướng đều không như hư không, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình thuyết pháp tương ưng khiến họ giải thoát khổ lớn sanh tử, chứng được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc chứng Vô thượng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát này từ sơ phát tâm đã nghe pháp đây, nơi tâm kiên cố chẳng lay chẳng chuyển. Nương vào tâm kiên cố chẳng lay chuyển này luôn tu hành đúng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Do 6 Ba la mật này, vị ấy viên mãn theo từng phần. Nhập vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, lại chính tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Do đây được trụ bậc Bất thối chuyển.

Vậy nên, các ác ma dù làm các phương tiện để thối hoại mà chẳng thể thối Bồ đề tâm mà Bồ Tát phát nguyện.

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát này vượt các bậc Thanh văn, Độc giác… tất cả ma sự chẳng thể thối chuyển sở cầu Vô Thượng Bồ đề, nên gọi tên Bất thối chuyển. Xa lìa tất cả sở chấp hư vọng phân biệt các pháp bậc Nhị thừa đây, nên cũng gọi tên Thối chuyển. Nên Bồ Tát đây được 2 thứ tên, chẳng phải như các ngôi khác chỉ có tên thối chuyển.**

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển muốn nhập vào sơ tịnh lự cho đến đệ tứ tịnh lự liền tùy ý vào ngay. Muốn nhập vào Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng liền tùy ý vào ngay. Muốn nhập vào định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ liền tùy ý vào ngay. Muốn nhập vào 37 pháp trợ đạo liền vào ngay. Muốn nhập vào sơ giải thoát cho đến diệt tưởng thọ giải thoát liền tùy ý vào ngay. Muốn nhập vào sơ thắng xứ cho đến thắng xứ thứ tám liền tùy ý vào ngay. Muốn nhập vào định sơ tịnh lự cho đến định diệt thọ tưởng liền tùy ý vào được ngay. Muốn nhập vào sơ biến xứ cho đến biến xứ thứ mười liền tùy ý vào ngay. Muốn nhập vào ba pháp môn giải thoát liền tùy ý vào ngay. Muốn phát khởi năm thần thông liền tùy ý phát khởi.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tuy nhập vào bốn tịnh lự cho đến phát khởi năm thần thông nhưng chẳng thọ quả ấy. Do nhân duyên này nên chẳng theo tịnh lự, vô lượng mà sanh, cho đến thế lực của diệt định và các công đức khác mà sanh. Cũng chẳng chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề. Vì muốn lợi lạc các hữu tình nên tùy theo ý muốn thọ thân ở nơi nào thì sở nguyện ấy đều được như ý.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển thành tựu tác ý Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, **luôn không xa lìa tâm Bồ đề**. Chẳng ưa chuộng sắc, chẳng ưa chuộng thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng quý trọng 12 xứ cho đến 18 giới. Chẳng quý trọng nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng quý trọng các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Chẳng quý trọng các tướng, chẳng quý trọng chỗ nương tựa, chẳng quý trọng bạn giúp đỡ. Chẳng quý trọng bố thí cho đến Bát nhã

Ba la mật. Chẳng quý trọng 18 không. Chẳng quý trọng chơn như cho đến bất tư nghì giới. Chẳng quý trọng 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Chẳng quý trọng 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Chẳng quý trọng 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. Chẳng quý trọng không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Chẳng quý trọng Tứ đế. Chẳng quý trọng thập địa. Chẳng quý trọng 5 nhãn, 6 thần thông. Chẳng quý trọng Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng quý trọng pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Chẳng quý trọng Đà la ni, Tam ma địa môn. Chẳng quý trọng Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng quý trọng Thanh văn địa, Độc giác địa, Bồ Tát địa, Như Lai địa. Chẳng quý trọng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Chẳng quý trọng tất cả Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chẳng quý trọng thấy nhiều chư Phật. Chẳng quý trọng sự gieo trồng các căn lành. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì đại Bồ Tát này hiểu rõ tất cả pháp: Tánh tướng đều không, ngang bằng với hư không và hoàn toàn bất khả đắc. Chẳng thấy có pháp nào để sanh quý trọng. Năng sanh, sở sanh, thời sanh, chỗ sanh hay do đây mà sanh đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tất cả pháp này ngang bằng với hư không, tự tướng vốn không, lấy vô tánh làm tánh.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thành tựu tác ý Vô thượng Bồ đề, thường chẳng xa lìa tâm Bồ đề. Bốn oai nghi của thân, ra vào qua lại, đưa chân cất bước, tâm không tán loạn, oai nghi đi đứng ngồi nằm tiến dừng thao tác, làm việc đều trụ trong chánh niệm.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên **phương tiện thiện xảo thị hiện** sống tại gia như người thường, dù hưởng thụ năm thứ dục lạc nhưng trong ấy chẳng sanh đắm nhiễm, đều vì giúp ích cho các hữu tình. Nghĩa là vì các hữu tình cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y cho y, cần xe cho xe. Cho đến tất cả vật chất cần dùng đều cung cấp đầy đủ để họ được như ý.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tự hành bố thí Ba la mật, cũng khuyên người hành bố thí Ba la mật, thường khen ngợi pháp hành bố thí Ba la mật, hoan hỷ tán thán người hành bố thí Ba la mật. Cho đến tự hành Bát

nhã Ba la mật, cũng khuyên người hành Bát nhã Ba la mật, thường khen ngợi pháp hành Ba la mật, hoan hỷ tán thán người hành Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thị hiện sống tại gia, dùng sức thần thông, hoặc năng lực đại nguyện nắm giữ các thứ của cải bảy báu đầy cả châu Thiệm bộ, cho đến đầy thế giới Tam thiên đại thiên, dùng để cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo và bố thí cho các hữu tình nghèo khổ.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **thị hiện ở tại gia, nhưng thường tu phạm hạnh, quyết không thọ dụng các cảnh dục lạc**. Tuy đang hưởng thụ các thứ quí báu, nhưng trong ấy chẳng sanh đắm nhiễm. Vả lại với khi nhiếp thọ các đồ dục lạc và của báu, trọn chẳng bức bách các loại hữu tình khiến sanh sầu khổ.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển được thần Dược xoa cầm chày kim cang thường âm thầm theo hai bên gia hộ, nghĩ: Đại Bồ Tát này chẳng bao lâu sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Ta nguyện luôn âm thầm theo hộ vệ, cho đến khi vị ấy chứng Vô thượng Bồ đề, thường có năm bộ thần cầm chày kim cang theo sát bảo vệ không lúc nào rời bỏ. Loài phi nhơn v.v… không thể hại được, các trời Ma Phạm và các thế gian cũng không ai có thể dùng phép phá hoại tâm Vô thượng Bồ đề. Do nhân duyên này, cho đến Vô thượng Bồ đề thân tâm an ổn thường không rối loạn. Năm căn thế gian của đại Bồ Tát này thường không khuyết giảm, đó là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Năm căn xuất thế gian gồm lòng tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ cũng không khuyết giảm. Thân thể của đại Bồ Tát này viên mãn, tướng hảo trang nghiêm. Các công đức của tâm niệm tăng tiến cho đến chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển thường làm thượng sĩ, chẳng làm hạ sĩ**.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao nói đại Bồ Tát này thường làm thượng sĩ, chẳng làm hạ sĩ?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả phiền não của đại Bồ Tát này không còn hiện tiền, công đức tăng tiến trong từng sát na cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bất cứ lúc nào tâm cũng không tán loạn. Thế nên, ta nói thường làm thượng sĩ, chẳng làm hạ sĩ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thành tựu tác ý Vô thượng Bồ đề, thường không xa lìa tâm Bồ đề. Luôn tu thanh tịnh thân mạng, không hành chú thuật, y dược, xem bói và các việc tà mạng. Chẳng dùng chú thuật của các quỷ thần nhập vào nam nữ hỏi điềm tốt xấu; cũng chẳng dùng chú cấm cho nam nữ lớn nhỏ, bàng sanh, quỷ thảy hiện ra việc hiếm có. Cũng chẳng xem tướng, tuổi thọ dài ngắn, tiền tài, địa vị và các việc thiện ác. Cũng chẳng đoán trước lạnh nóng, được mùa mất mùa, lành dữ tốt xấu làm não loạn mê hoặc hữu tình. Cũng chẳng dùng chú cấm hòa hợp thuốc thang, trị bệnh tà đạo, kết hảo với quý nhân. Cũng không vì người làm sứ mạng thông giao, hiện tướng thân hữu, theo lợi cầu danh. Chẳng nhiễm tâm nhìn ngắm nam nữ, nói cười đùa giỡn, huống có những việc khác. Cũng chẳng cung kính cúng dường quỷ thần. Thế nên ta nói thường làm thượng sĩ, chẳng làm hạ sĩ. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì đại Bồ Tát này biết tất cả pháp tánh tướng đều không, trong tánh tướng không ấy, không thấy có tướng.** Vì không thấy tướng nên xa lìa các tội tà mạng, chú thuật, y dược, xem tướng; chỉ cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thường làm lợi ích cho các hữu tình mà thôi.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! **đối với các văn chương, kỹ nghệ thế gian**, tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển tuy rất thiện xảo nhưng chẳng ưa đắm. Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này thấu rõ tánh tướng tất cả pháp đều không. Trong tánh tướng không này, thế gian có được bao thứ văn chương kỹ nghệ đều chẳng nắm bắt được. Vả lại văn chương, kỹ nghệ thế gian đều là thứ tạp uế, thuộc về tà mạng. Thế nên Bồ Tát biết mà chẳng làm.

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát này tuy biết rất giỏi thơ luận thế tục, ngoại đạo, nhưng chẳng đắm trước**. Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này thấu rõ tất cả pháp đều rốt ráo không. Trong rốt ráo không ấy, tất cả thơ luận đều chẳng nắm bắt được. Vả lại, phần nhiều sự lý đã nói trong các

thơ luận của thế tục và ngoại đạo có thêm bớt, không phù hợp Bồ Tát đạo, đều thuộc vào những lời hý luận tạp uế, nên các Bồ Tát biết mà chẳng ưa.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển còn có những hành động tướng trạng khác nữa để nhận biết. Ta sẽ phân biệt giải nói. Ông hãy lắng nghe, suy nghĩ cho kỹ.

Thiện Hiện thỉnh:

- Cúi xin Đức Thế Tôn nói cho. Đại chúng, chúng con dốc lòng muốn nghe!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển tu hành Bát nhã Ba la mật hiểu rõ **các pháp đều vô sở hữu**, nhưng không xa lìa tác ý Bồ đề. **Chẳng ưa xem xét luận nói về các uẩn, xứ, giới**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát đối với lý uẩn, xứ, giới, tánh tướng đều không, đã suy nghĩ rốt ráo và thông suốt hoàn toàn. Đại Bồ Tát này **chẳng ưa xem xét luận nói về việc quần chúng.** Vì sao? Vì đối với tất cả quần chúng, tánh tướng đều không, Đại Bồ Tát này đã suy nghĩ rốt ráo và thông suốt rốt ráo. Đại Bồ Tát này **chẳng ưa xem xét luận nói về việc vua**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này trụ bản tánh không, chẳng thấy có chút pháp nào có tướng hơn thua sang hèn. Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về việc giặc**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này trụ tự tướng không, chẳng thấy chút pháp có tướng được mất, ban cho hay cướp đoạt. Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về việc quân**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này trụ bản tánh không, không thấy tướng các pháp có nhiều có ít nhóm tan vậy. Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về việc chiến tranh**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này an trụ hoàn toàn vào chơn như tất cả pháp không, chẳng thấy chút pháp tướng có mạnh yếu thương giận. Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về việc thành ấp.** Vì sao? Vì đại Bồ Tát này trụ vào không của hư không giới, chẳng thấy chút pháp tướng có thuộc chẳng thuộc, tốt hay xấu. Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về chuyện xóm làng.** Vì sao? Vì đại Bồ Tát này trụ tất cả pháp không, chẳng thấy có chút pháp tướng có thêm có bớt hợp lìa vậy. Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về việc quốc độ**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này an trụ thật tế, chẳng thấy tướng các pháp có nhiếp thuộc chẳng nhiếp thuộc đây kia vậy.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này chẳng muốn xem xét luận nói về **việc của ta, hữu tình cho đến người biết, người thấy**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này trụ rốt ráo không, hoàn toàn không thấy tướng sai khác của ta cho đến người thấy hoặc có, hoặc không.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **chẳng muốn xem xét luận nói về việc tướng hảo**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này hoàn toàn an trụ vô tướng, không thấy các pháp có tướng đẹp, tướng xấu khác nhau.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này chẳng muốn xem xét luận nói về việc thế gian như vậy v.v... chỉ ưa xem xét luận nói về Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát Nhã thâm sâu, xa lìa các tướng, chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát này thường không xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, tu hành bố thí Ba la mật, lìa xan tham. Tu hành tịnh giới Ba la mật, lìa phá giới. Tu hành an nhẫn Ba la mật, lìa giận dữ. Tu hành tinh tấn Ba la mật, lìa biếng nhác. Tu hành tịnh lự Ba la mật, lìa tán loạn, dao động. Tu hành Bát nhã Ba la mật, lìa ác tuệ.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tuy **hành tất cả pháp là không** nhưng ưa muốn Chánh pháp, chẳng ưa phi pháp, hằng nguyện làm lợi ích cho tất cả hữu tình.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tuy **hành bất khả đắc không**, nhưng thường khen ngợi công đức Tam bảo, làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tuy **hành tướng chơn như các pháp** và pháp giới đồng một vị, nhưng thích khen ngợi các loại công đức của chơn như, pháp giới.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này biết các pháp rốt ráo đều không, nhưng lại mến bạn lành, chẳng mến bạn ác. Bạn lành là chư Phật, Bồ Tát, hoặc các Thanh văn, Độc giác thừa v.v... có thể giáo hóa và an lập hữu tình một cách hoàn hảo, khiến họ hướng tới quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên cũng gọi là bạn lành.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thường ưa gần gũi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nếu nghe Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở thế giới khác liền dùng nguyện lực sanh qua thế giới ấy, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, lắng nghe và lãnh thọ chánh pháp.

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát này hoặc ngày, hoặc đêm thường không xa lìa tác ý niệm Phật, thường không xa lìa tác ý nghe pháp**. Do nhân duyên này dù đức Phật Thế Tôn hiện đang thuyết chánh pháp ở quốc độ nào, vị ấy liền nương vào nguyện lực sanh đến nước đó, hoặc dùng thần thông đến đó nghe pháp. Do nhân duyên ấy mà các Bồ Tát này đời đời kiếp kiếp dù sanh đến chỗ nào cũng chẳng xa Phật, thường được nghe chánh pháp không gián đoạn.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này luôn vì lợi lạc các hữu tình, nên dù thường hiện khởi sơ tịnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhưng vẫn phương tiện thiện xảo khởi sanh tâm về cõi Dục, để dạy mười thiện nghiệp đạo cho các hữu tình, cũng tùy theo nguyện lực sanh vào quốc độ hiện có đức Phật thuộc cõi Dục để cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn và lắng nghe chánh pháp, tu các hạnh thù thắng.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại **Bồ Tát Bất thối chuyển thường tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Thường hành pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không.** Thường hành chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Thường hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Thường tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Thường tu 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Thường tu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ. Thường tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Thường tu 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Thường tu tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa. Thường tu Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Thường tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Thường tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Thường tu Bồ Tát hạnh. Thường tu quả vị Vô thượng Bồ đề. Nói chung là Bồ Tát hay thường học và hành tất cả các pháp mầu Phật đạo.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thường đối với tự địa*(5)* mình tu không khởi nghi: Ta là bậc Bất thối chuyển, ta không phải bậc Bất thối chuyển. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này chẳng thấy có chút pháp nào để nói là có thối chuyển, hoặc không thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Bồ đề.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đối pháp tự địa không lầm không nghi. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đối với pháp tự địa đã hiểu một cách rốt ráo, đã thông suốt hoàn toàn.

Thiện Hiện! Như bậc Dự lưu trụ quả Dự lưu không nghi hoặc đối với pháp của chính quả ấy; bậc Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát và các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều trụ quả của riêng mình và cũng không nghi hoặc đối với pháp của chính quả ấy. Đại Bồ Tát này cũng như vậy, đối với các pháp thuộc địa vị Bất thối chuyển mà chính vị ấy đang trụ thì biết rõ, thấy rõ, không còn mê hoặc nghi ngờ.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát trụ trong địa vị này để thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tu các công đức. Nếu có việc ma khởi lên liền giác tri nhưng không theo thế lực của việc ma mà chuyển đổi. Có thể đánh dẹp hoàn toàn các việc ma làm cho công đức tu hành không bị chướng ngại.

Thiện Hiện! Như có người tạo nghiệp vô gián, tâm vô gián kia luôn đeo đuổi vị ấy cho đến lúc mạng chung cũng chẳng rời bỏ. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nó hay phát sanh để tạo nghiệp vô gián, do thế lực tăng thêm, nên chuyển biến cho đến khi qua đời cũng không thể chế phục nổi. Giá như có tâm tốt khác cũng không thể ngăn chặn được. Đại Bồ Tát này cũng như thế, khi an trụ địa vị tự chứng, tâm chẳng dao động và không có sự phân biệt, nên không bị trời, người, A tu la v.v... trong thế gian xoay chuyển được. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tâm đại Bồ Tát này vững vàng, vượt qua trời, người, Ma vương, Phạm thiên vương, A tu la v.v... trong thế gian, đã nhập vào ngôi Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, trụ bậc Bất thối, đã được thần thông thù thắng của Bồ Tát để thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn và các đệ tử Phật, lắng nghe chánh pháp, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, thỉnh hỏi pháp nghĩa mà Bồ Tát đã học.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này an trụ địa vị tự chứng tu hành Bát nhã Ba la mật và các pháp lành. Nếu có việc ma hiện ra liền biết, quyết không chuyển đổi, dùng phương tiện thiện xảo diệt trừ, còn đối với pháp tự chứng cũng không mê hoặc, nghi ngờ. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này biết tất cả pháp đều vào thật tế, thông suốt thật tế chẳng phải một, chẳng phải nhiều. Ở trong thật tế không có sự phân biệt, vì không còn mê hoặc, nghi ngờ đối với thật tế, đối với pháp tự chứng cũng không còn do dự.

Thiện Hiện! Nếu có chuyển thân thọ sanh thì đại Bồ Tát này cũng chẳng thối lui đối với thật tế, quyết không phát khởi tâm hướng tới Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này biết tự tướng tất cả pháp đều không. Trong cái không này, chẳng thấy có pháp nào hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc nhiễm, hoặc tịnh.

Thiện Hiện! Cho đến khi chuyển thân đại Bồ Tát này cũng chẳng nghi ngờ: Ta sẽ được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hay không được. Vì sao? **Vì đại Bồ Tát này thông suốt tự tướng tất cả pháp đều không, tức là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này an trụ địa vị tự chứng chẳng theo duyên bên ngoài. Đối với pháp tự chứng không ai có thể phá hoại được. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này thành tựu trí không dao động, trí không thối chuyển, tất cả ác duyên không thể khuynh đảo được.

Thiện Hiện! Nếu có ác ma giả hình tướng Phật đi đến chỗ Bồ Tát này mà nói: "Nay ông nên cầu quả A la hán, chấm dứt các lậu, chứng nhập Niết bàn. Ông chưa được thọ ký đại Bồ đề, cũng chưa chứng được vô sanh pháp nhẫn. Nay ông chưa thành tựu đủ các bậc Bất thối chuyển, Như Lai không thể thọ ký Vô thượng Bồ đề cho ông. Ông phải thành tựu đủ các bậc Bất thối chuyển mới có thể mong chư Phật thọ ký Vô thượng Bồ đề".

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này nghe những lời này rồi, tâm không thay đổi, không thối lui, không sửng sốt, không sợ hãi. Đại Bồ Tát này phải tự chứng biết: Chắc chắn ta đã được chư Phật Thế Tôn trong quá khứ thọ ký. Vì sao? Vì Bồ Tát đã thành tựu các thắng pháp như vậy thì nhất định chư Phật Thế Tôn sẽ thọ ký đại Bồ đề.

Thiện Hiện! Đối với đại Bồ Tát này, nếu có ác ma hoặc sứ giả ma giả làm Phật đến chỗ Bồ Tát này và thọ ký bậc Thanh văn cho Bồ Tát, hoặc thọ ký bậc Độc giác cho Bồ Tát, bảo Bồ Tát: Thiện nam tử! Ông cần gì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chịu khổ lớn lâu dài, luân hồi sanh tử, hãy mau chứng vô dư Niết bàn, hãy chấm dứt sanh tử, an vui rốt ráo. Đại Bồ Tát nghe lời ấy rồi, bèn nghĩ: Chắc chắn đây là ác ma hoặc sứ giả của ma giả làm Phật để quấy nhiễu tâm ta, thọ ký cho ta bậc Thanh văn và Độc giác, khiến ta thối lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì nhất định không có chư Phật nào dạy các Bồ Tát hướng tới Thanh văn hoặc bậc Độc giác mà lìa bỏ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Đối với đại Bồ Tát này, nếu có ác ma hoặc sứ giả của ma giả hình tướng Phật nói với Bồ Tát : “Kinh điển Đại thừa mà ông đã thọ trì chẳng phải Phật thuyết, cũng chẳng phải đệ tử Phật thuyết. Đó là các ác ma, hoặc các ngoại đạo vì dối gạt ông nên nói như thế. Ông không nên thọ trì, đọc tụng”. Đại Bồ Tát này nghe lời ấy rồi, bèn nghĩ: Chắc chắn đây là ác ma hay quyến thuộc của ma khiến ta chán bỏ quả vị Vô thượng Bồ đề đã cầu, nên nói Kinh điển Đại thừa sâu xa kia chẳng phải Phật thuyết, cũng không phải đệ tử Như Lai đã thuyết. Vì sao? Vì lìa Kinh điển này mà có thể chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề thì chắc chắn không có lẽ đó.

Thiện Hiện nên biết: Đại Bồ Tát này đã an trụ bậc Bất thối chuyển, được chư Phật quá khứ thọ ký đại Bồ đề lâu rồi. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này thành tựu đầy đủ các hành động tướng trạng của bậc Bất thối chuyển.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Khi hành Bát Nhã thâm sâu, tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển nhiếp thọ chánh pháp, hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, huống gì của cải bà con. Đại Bồ Tát này thường nghĩ: Ta thà lìa bỏ bà con, bạn bè, của cải và thân mạng mình, quyết không lìa bỏ chánh pháp của chư Phật. Vì sao? Vì bà con, bạn bè, của cải và thân mạng mình đời đời thường có, rất là dễ được. **Còn chánh pháp của chư Phật trăm ngàn muôn ức kiếp mới được gặp một lần**. Gặp được chánh pháp đã lâu, được lợi lạc lớn nên ta nhất định phải siêng năng hộ trì.

Thiện Hiện! Khi hộ trì chánh pháp đại Bồ Tát này phải nghĩ: Ta không những hộ trì chánh pháp của một hay hai đức Phật cho đến trăm ngàn đức Phật, mà còn hộ trì chánh pháp của tất cả chư Phật khắp mười phương ba đời làm cho chánh pháp không bao giờ bị tổn giảm.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì là chánh pháp chư Phật? Tại sao đại Bồ Tát này hộ trì chẳng tiếc thân mạng?

(“Pháp không” là chánh pháp của chư Phật)

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, giác ngộ đã nói **tất cả pháp không**. **Như vậy gọi là chánh pháp của chư Phật.** Có hạng

ngu si chê bai hủy báng: Đây chẳng phải pháp, chẳng phải Tỳ nại da, chẳng phải Thánh giáo mà đấng Thiên Nhân Sư đã nói. Tu hành pháp này chẳng chứng Vô thượng Bồ đề, chẳng chứng Niết bàn rốt ráo an vui.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này hộ trì pháp này chẳng tiếc thân mạng, thường nghĩ: Chư Phật đã nói: **<u>Tất cả pháp không</u> là chỗ quay về nương tựa của các hữu tình. Bồ Tát tu học pháp này mau chứng quả vị Vô thượng Bồ đề, cứu các hữu tình khỏi sanh, lão, bệnh, tử, giúp họ đạt được Niết bàn an vui rốt ráo. Nên phải hộ trì chẳng tiếc thân mạng.**

Lại suy nghĩ: Ta cũng ở trong số các đức Phật tương lai. Đức Phật đã thọ ký đại Bồ đề cho ta. Do nhân duyên này, chánh pháp của chư Phật tức là chánh pháp của ta, ta phải hộ trì, chẳng tiếc thân mạng. Ở đời vị lai khi thành Phật ta cũng sẽ vì hữu tình thuyết các pháp Không như vậy.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này thấy được lợi ích và ý nghĩa việc hộ trì chánh pháp mà Như Lai đã thuyết nên chẳng tiếc thân mạng, cho đến quả vị Vô thượng Bồ đề thường không lười bỏ.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển nghe chánh pháp mà các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thuyết không có mê hoặc, nghi ngờ. Nghe rồi thọ trì, thường không quên mất, cho đến khi chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đã chứng được Đà la ni một cách rốt ráo.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này đã chứng được những Đà la ni nào mà nghe chánh pháp của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thuyết không có mê hoặc, nghi ngờ, nghe rồi thọ trì không quên mất?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đã được Vô tận tạng Đà la ni, Hải ấn Đà la ni, Liên hoa chúng tạng Đà la ni v.v... nên nghe các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết chánh pháp không có mê hoặc, nghi ngờ, nghe rồi thọ trì thường chẳng quên mất.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Đại Bồ Tát này chỉ nghe chánh pháp của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết không có mê hoặc, nghi ngờ, nghe rồi thọ trì thường chẳng quên mất; hay còn nghe chánh pháp Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, trời,

rồng, Dạ xoa, A tu la v.v... thuyết cũng không mê hoặc, nghi ngờ, nghe rồi thọ trì thường chẳng quên mất?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này nghe tất cả âm thanh, ngôn ngữ, văn tự, nghĩa lý của tất cả hữu tình và hiểu rõ được hết, không có mê hoặc, nghi ngờ, đến tận cùng đời vị lai cũng chẳng quên mất. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đã được Vô tận tạng Đà la ni v.v... giữ gìn điều đã thuyết làm cho không quên mất.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Thích nghĩa:

(1). Cũng cùng một ý như vậy, nhưng Kinh MHBNBLMĐ do Ngài Cưu Ma La Thập diễn tả rõ ràng hơn:

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch thế Tôn! Dùng hạnh như thế nào, loại như thế nào, tướng mạo như thế nào, để biết Bồ Tát nào đã được bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát, ở nơi hết thảy pháp, chẳng có hạnh (vô hạnh), chẳng có loại (vô loại), chẳng có tướng mạo (vô tướng mạo), thì phải biết đó là bậc Bồ Tát bất thối chuyển".

*(2). **Đoạn Kinh ghi đậm nét này được HT Thích Trí Nghiêm trong tuvienquangduc.com, dịch như sau:***

"Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa Phật rằng: Những gì gọi là các hành trạng tướng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Các pháp không hành, không trạng, không tướng; phải biết đấy là hành trạng tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp không hành trạng tướng, Bồ Tát Ma ha tát này đối pháp nào chuyển nên gọi Bất thối chuyển ?

Phật nói :

- Thiện Hiện! Bồ Tát Ma ha tát này **đối sắc chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối thọ tưởng hành thức chuyển nên gọi Bất thối chuyển".**

- Nguyên văn đoạn Kinh trên bằng chữ Hán trong hoavouu.com, như sau:

“爾nhĩ 時thời 。善thiện 現hiện 復phục 白bạch 佛Phật 言ngôn 。何hà 等đẳng 名danh 為vi 諸chư 行hành 。狀trạng 。相tương/tướng 。佛Phật 言ngôn 。善thiện 現hiện 。諸chư 法pháp 無vô 行hành 。無vô 狀trạng 。無vô 相tướng 。當đương 知tri 是thị 為vi 諸chư 行hành 。狀trạng 。相tương/tướng 。具cụ 壽thọ 善thiện 現hiện 。復phục 白bạch 佛Phật 言ngôn 。若nhược 一nhất 切thiết 法pháp 無vô 行hành 。狀trạng 。相tương/tướng 。是thị 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát 。於ư 何hà 轉chuyển 故cố 名danh 不bất 退thối 轉chuyển 。

佛Phật 言ngôn。善thiện 現hiện 。是thị 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát 。於ư 色sắc 轉chuyển 故cố 名danh 不bất 退thối 轉chuyển 。於ư 受thọ 。想tưởng 。行hành 。識thức 轉chuyển 故cố 名danh 不bất 退thối 轉chuyển”。

- Bản dịch đã nhuận văn trong thuvienhoasen.org và quangduc.com, cũng dịch như trên.

Cả ba bản dịch trên (tuvienquangduc.com, thuvienhoasen.org và quangduc.com) không có gì sai khác. Chỗ làm thắc mắc là câu trả lời của Phật: “Đại Bồ Tát này đối với sắc chuyển nên gọi Bất thối chuyển; đối với thọ, tưởng, hành, thức chuyển nên gọi Bất thối chuyển”.

Thông thường nói đối với sắc bị lôi cuốn, sa ngã thì gọi là thối chuyển. Nhưng nếu dịch “đối với sắc chuyển nên gọi là bất thối chuyển” *trở thành khó hiểu. Đó là điểm làm chúng ta thắc mắc. Động từ “chuyển” ở đây tùy theo điều kiện hay tình trạng tốt hay xấu mà trở thành thối chuyển hay bất thối chuyển! Hội thứ I cũng dịch như vậy, Hội này và các Hội kế tiếp dịch như vậy, nên chúng tôi cũng ghi lại như vậy. Xin xác định dịch như vậy không có gì sai quấy cả.*

Nhưng cuối đoạn Kinh này, Phật bảo: “Vì tự tánh sắc vô sở hữu, tự tánh thọ tưởng hành thức vô sở hữu. Như vậy, cho đến tự tánh chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vô sở hữu. **Đại Bồ Tát này đối trong chẳng trụ, nên gọi là chẳng chuyển. Do chẳng chuyển nên gọi danh Bồ Tát Bất thối chuyển.** Nếu đại Bồ Tát có khả năng biết như thế, đấy gọi Bồ Tát Bất thối chuyển”. *Đối với tất cả pháp mà chẳng trụ, nên gọi là chẳng chuyển. Vì sao chẳng trụ? Vì tất cả pháp đều là biến hoại đổi dời vô thường tức là không, thì có gì để bám trụ? Do không chỗ bám trụ, nên chẳng chuyển thì gọi là Bất thối chuyển. Câu trả lời của Phật cũng xác*

định như vậy: **"Đại Bồ Tát này đối trong chẳng trụ, nên gọi là chẳng chuyển. Do chẳng chuyển nên gọi danh Bồ Tát Bất thối chuyển"**. *Đoạn Kinh này đã được thích nghĩa rồi trong phẩm "Bất Thối Chuyển", cuối Q.325 đến hết Q.327, Hội thứ I, ĐBN. Ở đây, được lặp lại một lần nữa để tránh thắc mắc!*

Phẩm "Bất Thối Chuyển", Q.448, Hội thứ II. Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này chỉ gọi là bất thối chuyển hay cũng gọi là thối chuyển?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này, gọi là bất thối chuyển, cũng được gọi là thối chuyển".

Câu trả lời của Phật sau cùng cho biết Bất thối chuyển này được gọi là bất thối chuyển hay cũng gọi là thối chuyển, nghĩa là gọi thối chuyển hay bất thối chuyển cũng được. Tại sao? Chẳng có gì gọi là chuyển hay chẳng chuyển. Hết xấu tức là tốt, hết mê tức ngộ, hết phiền não tức Bồ đề. Sanh tử Niết bàn chỉ là một, Bồ Tát chúng sanh không hai, triền phược giải thoát không hai.

Chuyển hay bất thối chuyển, được hay mất, thành hay bại, nhiễm hay tịnh… trong một tâm chẳng có gì khác, tất cả cũng chỉ là danh tự, ngôn thuyết thế gian. Lìa triền phược(trói buộc) tức giải thoát, diệt hết tội lỗi thì gọi là thánh nhân. Chả có gì là chuyển hay bất thối chuyển ở đây, mỗi người chỉ có một tâm: Hết nhiễm tức tịnh, hết xấu tức tốt. Vào được Bát nhã Ba la mật biết tất cả pháp là không rồi thì không trụ, không trụ thì không chấp, không chấp tức không thi vi tạo tác nữa, nên nói là không chuyển. Nên Kinh MHBNBLMĐ, trong phẩm "A Bệ Bạt Trí"(Bất Thối Chuyển), Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát ở trong sắc mà chuyển... dẫn đến ở trong Vô Thượng Bồ đề mà chuyển, thì gọi là Bồ Tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì sắc là tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là tánh không, thì Bồ Tát đâu có chỗ nào để trú!" *Không trú hay không trụ, nên không chuyển. Lặp đi lặp lại hoài có vẽ lẩm cẩm. Nhưng khi hiểu được trạng thái chuyển hay bất thối chuyển trong một tâm thì trở thành bậc bất thối chuyển.*

(3). Giới cấm thủ: Ôm cứng những giới luật và cho là đúng mặc dù được người khác chỉ cho chỗ sai lầm nhưng không nghe, không theo.

(4). Cát tường: Điềm lành. Trong bói toán, đoán mộng, xem sao, gieo quẻ v.v... nói về điềm lành dữ.

*(5). Tự địa: Tu trị địa nghiệp mà mình đang tu. Bồ Tát thập địa, ở mỗi địa Bồ Tát phải tu tất cả pháp của địa vị ấy, thí dụ như **Bồ Tát trụ đệ ngũ Cực nan thắng địa** (Phạm: Sudurjayàbhùmi), ở địa nghiệp này, nên xa lìa mười pháp: Xa lìa gia cư, nên xa lìa nữ tu sĩ, xa lìa nhà tham lam ganh ghét, nên xa lìa chỗ hội đàm gây gổ giận hờn, xa lìa khen mình chê người, xa lìa mười đạo bất thiện nghiệp, xa lìa tăng thượng mạn, xa lìa điên đảo, xa lìa do dự, xa lìa tham sân si. Đó là tu tự địa mà mình đang tu. Để bỏ được mười thứ xấu thì phải tu mười thứ tốt. Đó là tu tất cả pháp của địa vị ấy. (Xem lại phẩm "Biện Đại Thừa", cuối Q.53 cho đến đầu Q.55, Hội thứ I, ĐBN).*

Sơ giải:

1. Làm thế nào để biết Bồ Tát Bất thối chuyển?

*Chủ đề chánh của phẩm này ở câu hỏi: Làm sao biết hành động tướng trạng của Bồ Tát Bất thối chuyển? Một khi xác định được **hành động tướng trạng** của Bồ Tát Bất thối chuyển rồi theo đó mà học mà hành, chắc chắn sẽ trở thành Bồ Tát Bất thối chuyển.*

Kinh MHBNBLMĐ, phẩm "A Bệ Bạt Trí" (Bất Thối Chuyển) Tu Bồ Đề bạch Phật:

- "Bạch thế Tôn! Dùng hạnh như thế nào, loại như thế nào, tướng mạo như thế nào, để biết Bồ Tát nào đã được bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát, ở nơi hết thảy pháp, chẳng có hạnh (vô hạnh), chẳng có loại (vô loại), chẳng có tướng mạo (vô tướng mạo), thì phải biết đó là bậc Bồ Tát bất thối chuyển".

Ai cũng cần biết hạnh, loại, mạo của Bồ Tát Bất thối chuyển mà Phật trả lời ngược đời là đối với tất cả pháp mà chẳng có hạnh (vô hạnh), chẳng có loại (vô loại), chẳng có tướng mạo (vô tướng mạo), thì phải biết đó là bậc Bồ Tát bất thối chuyển. Vậy làm sao biết ai là Bồ Tát Bất thối chuyển?

Câu trả lời: Những ai đối với tất cả pháp biết rõ là không, Bồ Tát cũng không, không có hạnh loại tướng mạo gì cả thì đó chính là Bồ Tát

Bất thối chuyển. Nếu ở nơi hết thảy pháp đều chẳng có hạnh, chẳng có loại, chẳng có tướng mạo, thì Bồ Tát lấy pháp gì chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

"Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát ở trong sắc mà chuyển... dẫn đến ở trong Vô Thượng Bồ đề mà chuyển, thì gọi là Bồ Tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì sắc là "tánh không"... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là "tánh không", thì Bồ Tát đâu có chỗ nào để trú!"

Câu trả lời quá rõ là tất cả pháp đều không kể cả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không, nên không trụ trong đó. Đại Bồ Tát này đối trong chẳng trụ, nên gọi là chẳng chuyển. Do chẳng chuyển nên gọi danh Bồ Tát Bất thối chuyển. Vậy, yếu tố chánh để trở thành Bồ Tát Bất thối chuyển chính là do diệu dụng của Tánh không Bát Nhã: Biết tất cả pháp không, không có định tướng là pháp không. Trong rỗng không, không có định tướng thì lấy gì để bám víu, nên không trụ. Do không trụ nên không chấp, do không chấp nên không bị động chuyển. Vì vậy, gọi là bất thối chuyển.

***Đó là ý chính của phẩm này**, nhưng trong thực tế những hành động, tướng trạng sau đây của các Bồ Tát cho biết:*

- Bồ Tát nào không ưa xem hình tướng, nói năng của ngoại đạo, Sa môn, Bà la môn..., đối với Luật tạng đức Phật đã tuyên thuyết không sanh nghi hoặc; đối với việc thế gian không theo giới cấm thủ, không đọa ác kiến, không chấp nhận các việc cát tường của thế tục, chẳng thờ phụng, tế lễ, cúng dường các thiên thần và các ngoại đạo;

- Bồ Tát nào chẳng đọa địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, A tu la; cũng không sanh vào dòng họ ti tiện như hàng thịt, gánh thây chết; cũng không thọ thân không đủ năm căn, biến đổi căn, không hình, hai hình hay nữ nhân; cũng lại không thọ thân mù điếc, câm ngọng, cùi cụt, hủi lác…

- Bồ Tát nào thường ưa thích thọ trì mười thiện nghiệp đạo, tự xa lìa giết hại cho đến tự lìa tà kiến cho đến trong mộng cũng không phát khởi mười ác nghiệp, huống chi lúc thức; thường thọ trì đọc tụng 12 bộ Kinh để làm bố thí pháp cho hữu tình, đối với pháp môn sâu xa do Phật đã thuyết, hoàn toàn không sanh nghi hoặc, do dự;

- Bồ Tát nào thành tựu thân, ngữ, ý nghiệp nhu hòa, đối với các vật thọ dụng như đồ nằm, y phục đều thường thơm sạch, không có mùi hôi, cũng không có chí rận, thân không tật bệnh, tâm ưa thanh tịnh;

- Bồ Tát nào chỉ quý Phật đạo, chẳng quý lợi dưỡng, chẳng thủ chấp pháp, tu hạnh đầu đà mà chẳng quý chốn A lan Nhã, không kiêu mạn, không sanh tâm tương ưng với xan tham, phá giới, giận dữ, lười biếng, tán loạn, ngu si và các thứ phiền não ràng buộc khác;

- Bồ Tát nào có tuệ giác kiên cố, có khả năng ngộ nhập sâu xa chánh pháp, tùy theo pháp thế gian và xuất thế đã nghe, đều có khả năng dùng phương tiện hội nhập nghĩa thú Bát nhã Ba la mật; v.v...

Bồ Tát nào đã thành tựu các hành động tướng trạng như thế, nên biết là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

2. Ý chí và hành động của Bồ Tát Bất thối chuyển.

Nếu ác ma hóa hiện tám đại Địa ngục, trong đó có ngàn ức vạn Bồ Tát đang bị đốt nấu thống khổ. Ác ma bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Những người trong Địa ngục đây toàn là bậc đại Bồ Tát Bất thối chuyển đã được đức Phật thọ ký mà đọa vào đây, nếu Ngài được đức Phật thọ ký bậc Bất thối chuyển cũng sẽ đọa vào đại Địa ngục nầy. Chi bằng xả bỏ tâm Bồ Tát thì chẳng bị đọa mà sẽ được sanh lên cõi Trời.

Dù thấy nghe như vậy, Bồ Tát nầy vẫn chẳng nao núng, chẳng nghi, chẳng sợ, chẳng thối. Dù cho ác ma trấn áp, dẫn dụ, khuynh đảo bằng cách nầy hay cách khác, Bồ Tát ấy cũng không bị lung lạc, thối chuyển mà trái lại khi nghe những lời dối trá huyễn hoặc của ác ma lại lấy làm hoan hỷ cho rằng nhờ lời nói này ta biết đâu là chánh đạo đâu là tà đạo, dễ tiến tu mau thành đạo nghiệp. Nếu thành tựu các hình trạng tướng mạo như thế, nên biết đó là bậc Bất thối chuyển.

Vị này thường hành Bát nhã Ba la mật, luôn luôn nghĩ: Nếu đại Bồ Tát theo lời Phật dạy, tinh cần tu học thường chẳng xa lìa diệu hạnh đã nhiếp thọ là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; thường chẳng xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí; thường dùng phương tiện khuyên các hữu tình tinh cần tu học lục Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy quyết định chẳng từ bỏ lục Ba la mật; quyết định chẳng từ bỏ 18 pháp không; chẳng từ bỏ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng,

tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; chẳng từ bỏ 37 pháp trợ đạo, chẳng từ bỏ tứ Thánh đế; chẳng từ bỏ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí... cho đến quyết định chẳng từ bỏ quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu thành tựu các hình trạng tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Vị này thường hành Bát nhã Ba la mật và luôn nghĩ: Nếu đại Bồ Tát hiểu biết việc ma, chẳng theo việc ma; hiểu biết bạn ác, chẳng nghe lời bạn ác; hiểu biết cảnh giới, chẳng chuyển theo cảnh giới; đại Bồ Tát ấy quyết định chẳng từ bỏ lục Ba la mật; quyết định chẳng từ bỏ 18 pháp không; chẳng từ bỏ chơn như pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác v.v… cho đến chẳng bỏ quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu thành tựu các hình, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Khi nghe pháp yếu mà chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói, thâm tâm hoan hỷ, cung kính tín thọ, khéo hiểu nghĩa thú; lại có ***tâm kiên cố như kim cương chẳng thể lay chuyển, chẳng thể lung lạc****, thường siêng tu học lục Ba la mật, cũng khuyên các hữu tình tinh cần tu học lục Ba la mật v.v… Đó là ý chí và hành động tạo thành tinh thể bất diệt của Bồ Tát nói riêng và Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo nói chung, gọi là Bồ Tát Bất thối chuyển trong tương lai được Phật thọ ký thay Phật làm Phật sự trong tam thiên đại thiên này.*

3. "Pháp không" là chánh pháp của chư Phật.

Kinh nói: "Nếu, Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này dùng **tự tướng không** để quán tất cả pháp. Đã vào ngôi Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, cho đến chẳng thấy chút pháp nào có thể đắc. Vì bất khả đắc nên không tạo tác. Vì không tạo tác nên rốt ráo chẳng sanh. Vì rốt ráo không sanh nên gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do chứng được vô sanh pháp nhẫn này nên gọi là Đại Bồ Tát Bất thối chuyển".

- "Vì đại Bồ Tát này hiểu rõ tất cả pháp: Tánh tướng đều không, ngang bằng với hư không và hoàn toàn bất khả đắc. Chẳng thấy có pháp nào để sanh quý trọng. Năng sanh, sở sanh, thời sanh, chỗ sanh hay do đây mà

sanh đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tất cả pháp ngang đồng hư không, tự tướng vốn không, lấy vô tánh làm tánh”.

- “Vì đại Bồ Tát này biết tất cả pháp tánh tướng đều không, trong tánh tướng không ấy, không thấy có tướng”.

Vì trong không, không thấy tướng, nên không tạo tác thi vi, mới không bị tướng chuyển. Không bị tướng chuyển, nên gọi là Bồ Tát Bất thối chuyển. Vì vậy, ngồi tại đạo tràng mà có thể chuyển pháp luân khắp 10 phương thế giới.

Phật bảo:

- “Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, giác ngộ đã nói **tất cả pháp không. Như vậy gọi là chánh pháp của chư Phật”.**

Vì nhập được pháp không rồi thì thấy nhân không, pháp không thì không còn thi vi tạo tác nữa. Chư Phật đã tuyên nói pháp không như thế. Đó gọi là chánh pháp của chư Phật. Phật rát hầu rã họng nói pháp không này ròng rã trong 22 năm trời. Hãy tin nhận phụng hành nếu muốn trở thành Bồ Tát Bất thối chuyển được trời người A tu la… cung kính cúng dường, chư Phật thủ hộ, ở giữa đại chúng tuyên dương công đức.

Bài pháp này Phật dạy không phải dành riêng cho Bồ Tát muốn trở thành Bồ Tát Bất thối chuyển, nó chỉ một phần. Phần lớn là áp dụng cho toàn thể chúng sanh, những sanh linh đang oằn oại trong cuộc sống đọa đầy biến động hôm nay. Nếu thực hiện được pháp tu này thì được “tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến”.

Kinh A Tỳ Đàm và luận Tỳ Bà Sa có nói: “Bồ Tát trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp tu tập mới vào được Bất Thối Chuyển địa”. *Nếu biết thời gian là phi thời gian, số kiếp là phi số kiếp, thì ba A tăng kỳ kiếp không phải là dài, luân hồi sanh tử mới dài, hãy cố gắng tu, tu để giải thoát./.*

---o0o---

54. PHẨM "GIÁO NGHĨA THẨM SÂU"

Cuối Q.449, đến hết Q.450, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.328 đến hết Q.330, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này, **thành tựu công đức thù thắng rộng lớn** vô lượng, vô số, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này thành tựu công đức thù thắng rộng lớn vô lượng, vô số, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này đã được trí thù thắng vô lượng, vô biên chẳng cùng với Thanh văn và Độc giác. Đại Bồ Tát Bất thối chuyển trụ trong trí này phát khởi bốn sự hiểu biết thông suốt thù thắng. Do bốn sự hiểu biết thông suốt thù thắng này, trời, người, A tu la v.v... ở thế gian không ai có thể vấn nạn làm cho trí tuệ biện tài của Bồ Tát này cạn được.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có thể trải qua hằng hà sa số kiếp tuyên thuyết các hành động tướng trạng của đại Bồ Tát Bất thối chuyển mà đức Phật đã nói hoặc hành động tướng trạng công đức thù thắng vô biên mà đại Bồ Tát Bất thối chuyển đã thành tựu. Cúi xin Thế Tôn vì chúng Bồ Tát lặp lại ý nghĩa sâu xa, khiến cho chúng Bồ Tát an trụ trong đó, có thể tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mau được viên mãn, có thể an trụ pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không mau được viên mãn. Có thể an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì mau được viên mãn. Nói rộng ra, có thể trụ trong tất cả pháp Phật được viên mãn?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Hay thay! Nay ông mới có thể vì các chúng Bồ Tát thỉnh hỏi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác về nghĩa lý sâu xa, làm cho các chúng Bồ Tát an trụ trong đó, tu các công đức mau được viên mãn.

Thiện Hiện nên biết: Nghĩa lý sâu xa ấy là không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, tịch tịnh, Niết bàn, chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế. Những pháp như vậy gọi là nghĩa lý thậm thâm. Tất cả những diễn đạt đó đều hiển bày nghĩa lý thậm thâm của Niết bàn.*(Q.449, ĐBN)*

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có Niết bàn được mang ý nghĩa thậm thâm, hay các pháp khác cũng mang nghĩa thậm thâm?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Tất cả pháp khác cũng gọi là thậm thâm**. Vì sao? Thiện Hiện! Vì **sắc cũng gọi là thậm thâm; thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là thậm thâm**. 12 xứ, 18 giới cũng gọi là thậm thâm. Nhãn xúc cho đến ý xúc cũng gọi là thậm thâm. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra cũng gọi là thậm thâm. Địa giới cho đến thức giới cũng gọi là thậm thâm. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng gọi là thậm thâm. 18 pháp không cũng gọi là thậm thâm. Chơn như cho đến bất tư nghì giới cũng gọi là thậm thâm. Nói rộng ra, cho đến tất cả pháp Phật cũng gọi là thậm thâm.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc cũng gọi là thậm thâm? Vì sao thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là thậm thâm. Như vậy, cho đến vì sao tất cả pháp Phật cũng gọi là thậm thâm?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Vì sắc như*(1)* thậm thâm nên sắc cũng gọi là thậm thâm; thọ, tưởng, hành, thức như thậm thâm nên thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là thậm thâm. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật như thậm thâm nên tất cả pháp Phật cũng gọi là thậm thâm.

(Tại sao khi nói tất cả pháp thậm thâm, Phật lại đề cập đến "pháp như"? Vì tất cả pháp là không; pháp như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, thật tế… cũng là không. Không này vô tận, như cũng vô tận không hai không khác. Vì vậy, khi nói tất cả pháp từ uẩn, xứ, giới… cho đến Bát nhã Ba la mật hoặc Vô thượng Bồ đề hoặc Nhất thiết trí trí… là một như, không hai không khác. Đó là lối chứng minh "tất cả pháp đều nằm trong chân như thật tướng của chúng").

Bấy giờ, Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc như thậm thâm? Vì sao thọ, tưởng, hành, thức như thậm thâm. Như vậy, cho đến vì sao tất cả pháp Phật như thậm thâm?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Vì sắc như chẳng phải là sắc, chẳng phải lìa sắc, cho nên thậm thâm; thọ, tưởng, hành, thức như chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức cho nên thậm thâm. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật như chẳng phải là tất cả pháp Phật, chẳng phải lìa tất cả pháp Phật cho nên thậm thâm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Như Lai rất lạ, nhiệm mầu khéo léo, **vì đại Bồ Tát Bất thối chuyển ngăn khiển các sắc chỉ rõ Niết bàn; ngăn khiển thọ, tưởng, hành, thức để hiển bày Niết bàn**. Như vậy, cho đến ngăn khiển tất cả pháp Phật để hiển bày Niết bàn. Thế Tôn rất lạ, nhiệm mầu khéo léo, vì đại Bồ Tát Bất thối chuyển ngăn khiển tất cả pháp hoặc sắc hoặc phi sắc, hoặc hữu kiến hoặc vô kiến, hoặc hữu đối hoặc vô đối, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc cộng hoặc bất cộng, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi, chỉ rõ Niết bàn. Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Như Lai thật kỳ lạ, đã dùng phương tiện vi diệu, làm cho đại Bồ Tát Bất thối chuyển ngăn khiển sắc để hiển bày Niết bàn; ngăn khiển thọ, tưởng, hành, thức để hiển bày Niết bàn… Ta dùng phương tiện vi diệu, làm cho đại Bồ Tát Bất thối chuyển ngăn khiển tất cả pháp hoặc sắc, hoặc chẳng phải sắc, hoặc hữu kiến, hoặc vô kiến, hoặc hữu đối, hoặc vô đối, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc cộng, hoặc bất cộng, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, để hiển bày Niết bàn.

(Tại sao Phật phải khiển, phải ngăn chận khiển để hiển bày Niết Bàn? Vì khiển hay ngăn khiển lại là một thứ động niệm khác làm cho tâm không còn an tịnh. Tâm an tịnh tức là Niết Bàn).

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát nên đối các chỗ thẳm sâu như thế, nương dựa lý thú tương ưng Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ xét kỹ, quan sát

cân lường, nên khởi nghĩ này: **Ta nay nên như Bát nhã Ba la mật đã dạy mà trụ. Ta nay nên như Bát Nhã đã thuyết mà học.**

Thiện Hiện! Đối với nghĩa lý thâm sâu này, Bồ Tát nào dựa vào nghĩa lý tương ưng Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ thật kỹ, quán sát so lường, như Bát nhã Ba la mật đã dạy mà trụ, như Bát Nhã đã thuyết mà học. Bồ Tát này tập trung tinh thần, siêng năng tinh tấn tu học, không ngừng nghỉ, không gián đoạn, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát dựa vào Bát nhã Ba la mật đã thuyết mà trụ, trải qua một ngày đêm thì đạt được công đức, nếu công đức này có hình tướng thì Tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng cũng không thể chứa hết. Giả sử có công đức khác đầy dẫy cả Tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, đem so sánh với công đức này thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần rất nhỏ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **xa lìa** Bát nhã Ba la mật, giả sử trải qua hằng hà sa số đại kiếp, bố thí cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước ấy vô số, vô lượng, vô biên.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **dựa vào** Bát nhã Ba la mật như thuyết mà học, trải qua một ngày đêm sẽ được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! Bát Nhã thâm sâu là đường mà các chúng Bồ Tát phải đi. Các Bồ Tát đi đường này nên mau tới quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, giả sử **trải qua hằng hà sa số đại kiếp**, bố thí cúng dường bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, Bồ Tát và chư Phật. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây các Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đó vô lượng, vô biên, vô số.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát dựa vào Bát Nhã thâm sâu **trải qua một ngày đêm** như thuyết mà học, sẽ được công đức hơn kia rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! Các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã vượt qua các bậc Thanh văn và

Độc giác, mau vào ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, lại lần lần tu hành Bồ Tát hạnh sẽ mau chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, giả sử trải qua hằng hà sa số đại kiếp tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây đại Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đó vô lượng, vô biên, vô số.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát dựa vào Bát nhã Ba la mật đã thuyết mà trụ, trải qua một ngày đêm tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự sẽ được công đức hơn kia rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! **Bát nhã Ba la mật là mẹ các Bồ Tát. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thâm sâu có thể sanh ra chúng Bồ Tát. Tất cả chúng Bồ Tát đều dựa vào Bát nhã Ba la mật thâm sâu, mau được viên mãn giáo pháp chư Phật.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, dù trải qua hằng hà sa số đại kiếp, đem **pháp thí** ban cho tất cả hữu tình. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đó vô lượng, vô biên, vô số.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **dựa vào Bát nhã Ba la mật đã thuyết mà trụ, trải qua 1 ngày đêm đem pháp thí ban cho tất cả hữu tình**, sẽ được công đức hơn kia rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, tức là xa lìa Nhất thiết trí trí. Nếu Bồ Tát chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, tức là chẳng lìa Nhất thiết trí trí. Thế nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn đắc quả vị Vô thượng Bồ đề thì không nên xa lìa Bát Nhã.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Nếu Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật**, dù trải qua hằng hà sa số đại kiếp tu hành bố thí cho đến tịnh lự Ba la mật. An trụ pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không. An trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. An trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Tu hành 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ. Tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Tu hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa. Tu hành tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa.

Tu hành 5 loại mắt, 6 phép thần thông. Tu hành Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đó vô lượng, vô biên, vô số.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Nếu Bồ Tát dựa vào Bát Nhã** đã thuyết mà trụ, trải qua một ngày đêm tu hành bố thí Ba la mật cho đến tu hành Nhất thiết tướng trí, sẽ được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, mà có sự thối lui đối với Nhất thiết trí trí thì điều này có thể xảy ra. Thế nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì chẳng nên xa lìa Bát Nhã thâm sâu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **xa lìa Bát Nhã**, dù trải qua hằng hà sa số đại kiếp tu hành các loại **tài thí, pháp thí**, ở chỗ thanh vắng, chú tâm suy nghĩ về phước mà trước đã tu, ban cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đó vô lượng, vô biên, vô số.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **dựa vào Bát nhã Ba la mật** đã thuyết mà trụ, trải qua một ngày một đêm tu hành các hạnh pháp thí, tài thí, ở chỗ thanh vắng, chú tâm suy nghĩ về phước mà trước đây đã tu, ban cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề, sẽ được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! Vì dựa vào Bát Nhã mà khởi lên sự hồi hướng, phải biết đây là sự hồi hướng tối thắng. Xa lìa Bát Nhã mà khởi lên sự hồi hướng, phải biết đây là sự hồi hướng thấp kém. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì Bát Nhã dẫn đầu tất cả Bồ đề phần pháp**. Thế nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn chứng được Vô thượng Bồ đề, thì chẳng nên xa lìa Bát Nhã, đem các loại công đức của sự tu hành ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **xa lìa Bát Nhã**, dù trải qua hằng hà sa số đại kiếp duyên theo căn lành công đức của tất cả Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại và hàng đệ tử hòa hợp tùy hỷ, ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Do nhân duyên đây Bồ Tát này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đó vô lượng, vô biên, vô số.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **dựa vào Bát nhã Ba la mật** đã thuyết mà trụ, trải qua một ngày đêm duyên theo căn lành công đức của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại và hàng đệ tử hòa hợp tùy hỷ, ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề, sẽ được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tất cả căn lành công đức của sự tùy hỷ hồi hướng đều lấy Bát Nhã làm đầu. Thế nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề, thì chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, **các hành đều do phân biệt tạo ra, đều do vọng tưởng sanh nên hoàn toàn không thật có**. Vậy do đâu các đại Bồ Tát ấy đạt được phước vô lượng, vô số, vô biên? Bạch Thế Tôn! Do phân biệt mà tạo ra các phước nghiệp nên không thể có chánh kiến ở thế gian, không thể hướng nhập vào Chánh tánh ly sanh, cũng không thể đắc quả Dự lưu cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Nhưng các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã biết tất cả loại phân biệt đã tạo hoàn toàn không, không có sở hữu, là hư vọng, không thật. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát học kỹ pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không. Sau khi an trụ vào tất cả không như vậy rồi, như như quán sát những gì do phân biệt tạo ra là hoàn toàn không, không có sở hữu, là hư vọng chẳng thật. Cho nên không bao giờ xa lìa Bát Nhã. Không xa lìa Bát Nhã thì đạt được vô lượng, vô số, vô biên phước đức. Do nhân duyên này mà phát sanh chánh kiến chân thật, cũng có thể nhập vào Chánh tánh ly sanh, cho đến có thể chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch:

- Bạch Thế Tôn! Vô lượng, vô biên, vô số đã nói có gì khác nhau không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nói vô số là số **bất khả đắc**, số không thể ở trong giới hữu vi, số không thể ở trong giới vô vi. Nói vô lượng là lượng bất khả đắc, lượng không thể ở trong pháp quá khứ, lượng không thể ở trong pháp vị lai, lượng không thể ở trong pháp hiện tại. Nói vô biên là biên bất khả đắc, không thể so lường bờ mé kia.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nhân duyên nào mà nói sắc là vô lượng, vô biên, vô số; thọ, tưởng, hành, thức cũng nói là vô lượng, vô biên, vô số?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Sắc tự tánh là không, nên cũng nói là vô lượng, vô biên, vô số**; thọ, tưởng, hành, thức tự tánh là không, nên cũng nói là vô lượng, vô biên, vô số.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có sắc tự tánh là không; thọ, tưởng, hành, thức tự tánh là không; hay tất cả pháp tự tánh cũng đều không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Trước đây ta từng chẳng nói tất cả pháp tự tánh đều là không sao?

Thiện Hiện thưa:

- Tuy Phật thường nói tất cả pháp tự tánh là không, con cũng đã rõ, nhưng các hữu tình chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, nên nay con hỏi như vậy.

Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp tự tánh không, tức là vô tận, cũng là vô số, cũng là vô lượng, cũng là vô biên? Bạch Thế Tôn! **Tất cả pháp trong tự tánh không, tận chẳng thể được, số chẳng thể được, lượng chẳng thể được, biên chẳng thể được. Do nhân duyên đây vô tận vô số vô lượng vô biên, hoặc nghĩa hoặc văn đều không sai khác.**

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Vô tận, vô số, vô lượng, vô biên, hoặc nghĩa, hoặc văn đều không sai khác, đều đồng hiển bày rõ các pháp không.

Thiện Hiện! Tất cả pháp không đều không thể nói. Như Lai phương tiện nói là vô tận, hoặc nói là vô số, hoặc nói là vô lượng, hoặc nói là vô biên, hoặc nói là không, hoặc nói là vô tướng, hoặc nói là vô nguyện, hoặc nói vô tác, hoặc nói vô sanh, hoặc nói vô diệt, hoặc nói lìa nhiễm, hoặc nói tịch diệt, hoặc nói Niết bàn, hoặc nói chơn như, hoặc nói thật tế. Những nghĩa v.v… như vậy Như Lai đều phương tiện giảng nói.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ, đối với phương tiện thiện xảo, thật tướng các pháp không thể tuyên thuyết nhưng vì hữu tình Thế Tôn đã phương tiện hiển bày. Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu ý nghĩa Phật nói là, tánh của tất cả pháp đều bất khả thuyết?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Tánh của tất cả pháp đều bất khả thuyết! Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp rốt ráo đều không, trong rốt ráo không, không ai có thể tuyên thuyết rốt ráo không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nghĩa của bất khả thuyết có tăng giảm không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nghĩa bất khả thuyết không tăng không giảm.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu nghĩa bất khả thuyết không tăng, không giảm thì bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng phải không tăng, không giảm. 37 pháp trợ đạo cũng không tăng, không giảm; 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc cũng không tăng, không giảm; 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ cũng không tăng, không giảm; pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng không tăng, không giảm; 5 loại mắt, 6 phép thần thông cũng không tăng, không giảm; Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng không tăng, không giảm; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng không tăng, không giảm; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không tăng, không giảm.

Bạch Thế Tôn! Nếu 6 pháp Ba la mật không tăng, không giảm, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không tăng, không giảm thì **6 pháp Ba la mật vô sở hữu, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu**. Nếu 6 pháp Ba la mật vô

sở hữu cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu; làm sao Bồ Tát tu hành 6 pháp Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Nghĩa bất khả thuyết không tăng, không giảm, 6 pháp Ba la mật cũng không tăng, không giảm, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không tăng, không giảm. Vì nghĩa bất khả thuyết vô sở hữu, nên 6 pháp Ba la mật cũng vô sở hữu, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu.

Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, an trụ Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, chẳng nên nghĩ rằng: Ta đối với bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật hoặc có tăng, có giảm, mà nên nghĩ: **Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chỉ là danh tưởng mà thôi**. Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, đem tác ý tương ưng với bố thí Ba la mật này và nương vào đây mà khởi tâm và căn lành, ban cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô thượng Bồ đề. Như vậy, cho đến tu hành Bát Nhã, đem tác ý tương ưng với Bát nhã Ba la mật và nương vào đây mà khởi tâm và căn lành, ban cho hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng quả vị Vô Thượng Bồ đề. Nhờ phương tiện thiện xảo của sự hồi hướng này mà chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề.

(Thế nào là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Tất cả pháp như gọi là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**

Khi ấy, Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tất cả pháp như mà nói tất cả pháp như là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Sắc như, thọ, tưởng, hành, thức như gọi là Vô thượng Bồ đề. 12 xứ như cho đến 18 giới như gọi là Vô thượng Bồ đề Nhãn xúc như cho đến ý xúc như, đấy gọi Vô thượng Bồ đề Nhãn xúc làm duyên

sanh ra các thọ như cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ như, đấy gọi Vô thượng Bồ đề Địa giới như cho đến thức giới như gọi là Vô thượng Bồ đề Bố thí Ba la mật như cho đến Bát nhã Ba la mật như gọi là Vô thượng Bồ đề. Pháp nội không như cho đến pháp vô tánh tự tánh không như gọi là Vô thượng Bồ đề. **Tất cả pháp Phật như là Vô thượng Bồ đề. Sanh tử như, Niết bàn như cũng gọi là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Thiện Hiện! Tất cả như không tăng, không giảm, nên quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật cũng không tăng, không giảm.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, thường an trụ trong các pháp như, hoàn toàn chẳng thấy pháp có tăng, có giảm. Do nhân duyên này, nghĩa bất khả thuyết không tăng, không giảm. Bố thí Ba la mật cũng không tăng, không giảm; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng không tăng, không giảm. Cho đến Nhất thiết trí không tăng, không giảm; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không tăng, không giảm. Nghĩa bất khả thuyết không có sở hữu, 6 pháp Ba la mật cũng không có sở hữu. Cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không có sở hữu.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát nương vào sự không tăng, không giảm, vô sở hữu làm phương tiện, tu hành Bát Nhã. Do đây làm cửa ngõ tập hợp các công đức liền chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát dựa vào sự không tăng, không giảm, vô sở hữu làm phương tiện, tu hành Bát Nhã. Vì đây là cửa ngõ tập hợp các công đức, nên liền chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát này tâm ban đầu phát khởi nên chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hay tâm sau khởi lên mà chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Bạch Thế Tôn! Nếu vì tâm ban đầu khởi mà Bồ Tát chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì khi tâm ban đầu khởi, tâm sau chưa khởi nên không có nghĩa hòa hợp? Nếu tâm sau khởi mà chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì khi tâm sau khởi, tâm trước đã diệt, cũng không có nghĩa hòa hợp? Như vậy, trước sau phát tâm, tâm sở, tiến thối suy gạn không có nghĩa hòa hợp làm sao có thể chứa nhóm căn lành? Nếu các căn lành không thể tích tập, thì các thắng trí không do đâu mà phát sanh. Nếu các thắng trí không phát sanh thì làm sao Bồ Tát này chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ta sẽ vì ngươi lược nói thí dụ, khiến kẻ có trí đối nghĩa sẽ nói dễ hiểu. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như khi đốt đèn thì ngọn lửa trước làm cháy tim hay ngọn lửa sau làm cháy tim?

Thiện Hiện đáp:

- Theo ý con, chẳng phải ngọn lửa trước làm cháy tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa trước làm cháy tim đèn; chẳng phải ngọn lửa sau làm cháy tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa sau làm cháy tim đèn.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi đốt đèn thì chính tim đèn bị cháy chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Theo thế gian thì thấy tim đèn bị cháy.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Ba la mật, chứng được Vô Thượng Bồ đề cũng lại như vậy: **Chẳng phải tâm ban đầu phát khởi thì chứng được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng phải lìa sự phát khởi tâm ban đầu mà chứng được Vô thượng Bồ đề. Chẳng phải tâm sau phát khởi chứng được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng phải lìa sự phát khởi của tâm sau mà chứng được Vô thượng Bồ đề. Nhưng các Bồ Tát tu hành Bát Nhã, làm cho căn lành tăng trưởng dần dần, chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát từ lúc mới phát tâm, tu hành Bát Nhã, viên mãn 10 địa, chứng được quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát tu học viên mãn 10 địa nào mà chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành từ Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa viên mãn, thì chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Cũng học Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa làm cho viên mãn, thì chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Đối với 10 địa này các Bồ Tát tinh siêng tu học, khi viên mãn, chẳng phải do tâm ban đầu phát khởi chứng được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng phải lìa sự phát khởi tâm ban đầu mà chứng, chẳng phải tâm

sau phát khởi mà chứng, cũng chẳng phải lìa tâm sau phát khởi mà chứng, các Bồ Tát do tinh cần tu học 10 địa viên mãn, nên chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Như Lai đã thuyết nghĩa lý duyên khởi rất là thậm thâm. Nghĩa là các Bồ Tát chẳng phải do tâm ban đầu phát khởi chứng được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng phải lìa sự phát khởi tâm ban đầu chứng được Vô thượng Bồ đề; chẳng phải tâm sau phát khởi thì chứng được, cũng chẳng phải lìa sự phát khởi tâm sau chứng, mà các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật làm cho các căn lành dần dần tăng trưởng, viên mãn 10 địa, chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề.**

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi tâm đã diệt rồi, có thể phát sanh lại được không?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu tâm đã sanh có pháp diệt chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy! Nếu tâm đã sanh rồi, nhất định có pháp diệt!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Có pháp diệt, tâm chẳng sẽ diệt chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng sẽ!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Tâm trụ là tâm như chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy! Tâm như, tâm trụ như thế.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu tâm trụ như, tâm này là thường như như chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thường!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các pháp như là thậm thâm chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Các pháp như rất là thậm thâm.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Tức như là tâm chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Lìa như có tâm chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Tâm tức là như chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Lìa tâm có như chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không có!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như có thể thấy được như chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy*(2)***!**

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu Bồ Tát hành được như vậy là hành Bát Nhã thâm sâu chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Nếu Bồ Tát hành được như vậy là hành Bát Nhã thâm sâu.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu Bồ Tát hành được như vậy là hành chỗ nào?

Thiện Hiện đáp:

- Nếu Bồ Tát hành được như thế đều vô sở hành. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát hành Bát Nhã thẳm sâu, không tâm hiện hành, không chỗ hiện hành. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu trụ trong như đều không hiện hành, không chỗ hiện hành và kẻ hiện hành vậy.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi Bồ Tát hành Bát Nhã thâm sâu là hành chỗ nào?

Thiện Hiện đáp:

- Khi Bồ Tát hành Bát Nhã thâm sâu là hành thắng nghĩa đế. Trong đây sự hiện hành và chỗ hiện hành đều vô sở hữu, có được và không được đều bất khả đắc.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu Bồ Tát khi hành Bát Nhã, hành trong thắng nghĩa đế dù chẳng lấy tướng mà hành tướng chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng hành!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? khi hành Bát Nhã, Bồ Tát này hành trong thắng nghĩa đế là khiển tưởng tướng chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Khi hành Bát Nhã, Bồ Tát này hành trong thắng nghĩa đế là chẳng khiển tướng tưởng chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng khiển!

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Bồ Tát này khi hành Bát Nhã, vì khiển tướng hay chẳng khiển tưởng tướng chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Khi hành Bát Nhã, Bồ Tát này chẳng nghĩ: Ta sẽ khiển tướng và khiển tưởng tướng. Cũng chẳng khởi nghĩ đây: Ta phải khiển vô tướng và khiển tưởng vô tướng. Đối tất cả thứ đó không phân biệt vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này hành Bát Nhã, dù có thể lìa được các phân biệt như thế mà tu Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng thảy vô lượng vô biên công đức thù thắng nhưng chưa viên mãn, nên chưa chứng Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này trọn nên phương tiện khéo léo nhiệm mầu, do phương tiện khéo léo nhiệm mầu đây, đối tất cả pháp chẳng thành chẳng hoại, chẳng lấy chẳng khiển. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này đạt tất cả pháp tự tướng không vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này trụ trong tự tướng không của tất cả pháp. Vì cứu độ các hữu tình nhập vào ba Tam ma địa*(3)*, do nguyện lực đại bi dẫn dắt, thúc đẩy, nương vào ba định này thành thục hữu tình.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói!

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

- Bồ Tát này nhập vào ba Tam ma địa ấy làm thế nào để thành thục hữu tình?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Bồ Tát này an trụ không Tam ma địa, thấy các hữu tình nhiều chấp ngã, ngã sở, dùng phương tiện giáo hóa làm cho họ **an trụ không** Tam ma địa. Rồi Bồ Tát này **an trụ vô tướng** Tam ma địa, thấy các hữu tình phần nhiều hành các pháp tướng, bèn dùng sức phương tiện giáo hóa làm cho họ an trụ vô tướng Tam ma địa. Bồ Tát này **an trụ vô nguyện** Tam ma địa, thấy các hữu tình có nhiều sở nguyện và ham muốn, bèn dùng sức phương tiện giáo hóa, làm cho họ an trụ vô nguyện Tam ma địa.

Thiện Hiện! Khi hành Bát Nhã, Bồ Tát này cứ như vậy mà vào ba Tam ma địa này tùy theo sự thích ứng, phương tiện thành thục tất cả hữu tình.

Thích nghĩa:

(1). Sắc như hay chơn như của sắc là một như, chỉ khác ở cách gọi. Các pháp như, các pháp như vậy bởi vì như vậy không hai không khác. Như đó là như thường tại, chẳng sanh diệt đổi dời, như như bất động, nên mới gọi là như. Tất cả pháp đều nằm trong pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế... nên cùng là anh em với nhau. Nếu chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... là thâm diệu, là Niết bàn thời tất cả pháp thế

gian, xuất thế gian cũng đều là thâm diệu, là Niết bàn. Vì chư Phật chứng "pháp như" vô tận như thế nên mới được gọi là Như Lai.

*(2). Nguyên đoạn Kinh này **(được ghi đậm nét)**, như chúng tôi đã nhiều lần lưu ý, dịch giả dùng từ kép "chơn như" để diễn tả cái như tánh của vạn pháp. Chúng tôi dùng một từ đơn là "như" thay vì chơn như.*

(3). Ba Tam ma địa: Còn gọi là Tam Tam ma địa: Không, vô tướng, vô nguyện tam muội. (Xem lại "Phần thứ I Tổng luận").

Sơ giải:

*Phẩm "Giáo Nghĩa Thẳm Sâu" của Hội thứ II này tương đương với phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.328 cho đến hết Q.330, Hội thứ I, ĐBN. Đây là một phẩm hay, có nhiều giáo lý thậm thâm. Phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo" đã tóm lược và giảng luận rồi, nên ở đây không cần lặp lại nữa. Tuy nhiên, để thay đổi không khí chúng tôi trích dẫn toàn bộ **phẩm thứ 57, "Thâm Áo"**(Thẳm Sâu)**, Tập 4, quyển 74, Đại Trí Độ Luận** từ chánh văn đến chiết giải để các đạo hữu hiểu rõ **chỗ thâm áo** của Kinh Bát nhã Ba la mật nằm ở chỗ nào?*

Đây là một phẩm nói lên giáo nghĩa thâm áo của "pháp không", "pháp như" nói riêng và tất cả pháp Phật nói chung. Nắm vững phẩm này là nắm vững giáo nghĩa của 5 Hội đầu, đồng thời hiểu được pháp như mà Kinh thường bảo chỉ có chư Như Lai với Như Lai mới hiểu "như" này. Xin chậm rãi thưởng thức.

Chánh văn:

Phẩm thứ năm mươi bảy "Thâm áo"(Sâu thẳm)

KINH:

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy là Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức.

Phật dạy: Đúng như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức. Vì sao?

Vì Bồ Tát bất thối chuyển được vô lượng vô biên trí huệ, nên thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ Tát an trú nơi trí huệ, nên khởi sanh 4 vô ngại trí. Do có được 4 vô ngại trí, nên tất cả hàng Trời, Người, chẳng có ai có thể sánh kịp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu khen ngợi các hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ Tát bất thối chuyển, thì trải qua hằng sa kiếp cũng chẳng sao nói hết được.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát bất thối chuyển an trú nơi chỗ thâm áo nào, mà khi thật hành 6 pháp Ba La Mật, thường được đầy đủ 4 niệm xứ… dẫn đến Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã khéo vì hàng Bồ Tát mà thưa hỏi về chỗ thâm áo đó.

Này Tu Bồ Đề! Chỗ thâm áo có nghĩa là chỗ không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm; là chỗ ly, tịch diệt; là chỗ pháp như, pháp tánh, thật tế; là Niết Bàn. Nghĩa của chỗ thâm áo là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có không, vô tướng, vô tác… dẫn đến Niết Bàn là chỗ thâm áo, hay còn có các pháp nào nữa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thảy các pháp đều là chỗ thâm áo cả. Sắc... dẫn đến thức, nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn giới... dẫn đến ý thức giới, đàn Ba La Mật… dẫn đến Bát nhã Ba la mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là chỗ thâm áo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều thâm áo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc như là thâm áo, nên nói sắc là thâm áo,... dẫn đến vì Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo, nên nói Vô Thượng Bồ Đề là thâm áo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc như là thâm áo... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc như chẳng phải là sắc, mà cũng chẳng ly sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề mà cũng chẳng ly Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật hy hữu bạch Thế Tôn! Do có lực phương tiện vi diệu mà Bồ Tát bất thối chuyển ly sắc xứ Niết Bàn... dẫn đến thức xứ Niết Bàn; cũng ly hết thảy pháp xứ Niết Bàn, dù là thế gian hay xuất thế gian, hữu tránh hay vô tránh, hữu lậu hay vô lậu pháp xứ Niết Bàn.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Do có lực phương tiện vi điệu mà Bồ Tát bất thối chuyển ly sắc xứ Niết Bàn... dẫn đến ly hữu lậu pháp xứ Niết Bàn, ly vô lậu pháp xứ Niết Đàn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát bất thối chuyển hành các pháp thâm áo như vậy là cùng với Bát nhã Ba la mật tương ưng. An trú nơi Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát quán sát tư duy, trù lượng, rồi tự niệm rằng: Ta phải hành như vậy, phải học như vậy, mới đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nào đúng như pháp mà hành, đúng như pháp mà học, đúng như pháp mà quán sát, lại đầy đủ tinh tấn và nhất tâm, thì chỉ phát khởi một niệm lợi sanh là vị ấy đã được vô lượng vô biên phước đức, siêu việt vô lượng kiếp, đến gần Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên nay vị Bồ Tát ấy hành Bát nhã Ba la mật đúng với niệm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như có người đam mê dâm dục chuẩn bị cuộc hẹn hò với một cô gái xinh đẹp, nhưng đến giờ hẹn nàng gặp trở ngại, chẳng đến được. Ý ông nghĩ sao? Người ấy sẽ niệm tưởng như thế nào về cô gái ấy?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy luôn luôn niệm tưởng đến cô gái ấy mong sớm được gặp lại, để cùng nhau ân ái, thỏa mãn dục tính.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong 1 ngày đêm, người ấy khởi bao nhiêu niệm tưởng về người con gái?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong 1 ngày đêm, người ấy khởi rất nhiều niệm tưởng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm tưởng về Bát nhã Ba la mật cũng là như vậy. Nếu thật hành đúng như lời Phật dạy, trong Bát nhã Ba la mật, thì chỉ trong 1 niệm cũng đã siêu việt được vô lượng kiếp.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba la mật, nếu Bồ Tát nào xả ly được hết thảy các chấp, thì chỉ trong 1 ngày cũng đã thành tựu được vô lượng vô biên thiện căn công đức. Người hành Bát nhã Ba la mật trong vô lượng kiếp mà còn chấp tâm, tuy có nhiều công đức, nhưng công đức của người này chẳng sao bì kịp công đức của vị Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật với tâm ly chấp, dù chỉ trong 1 ngày, trong trăm, ngàn, muôn ức phần... chẳng sao bằng được một, ... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh được.

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã được nghe Phật nói đầy đủ về hạnh loại và tướng mạo của Bồ Tát bất thối chuyển. Nay ngài lại được nghe Phật nói về các công đức của hàng Bồ Tát bất thối chuyển, nên ngài sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Phật tán thán lời tác bạch của ngài Tu Bồ Đề, rồi lần lượt nói về các công đức của hàng Bồ Tát bất thối chuyển, như: Bồ Tát có vô lượng trí huệ, vượt lên trên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, Bồ Tát an trú trong Bát nhã Ba la mật, thường sanh 4 vô ngại trí, biết rõ thật tướng các pháp, nên chẳng còn nghi ngại.

--o0o--

Do được "từ vô ngại trí" và "nghĩa vô ngại trí" nên Bồ Tát phân biệt được danh tự và nghĩa lý của các pháp một cách vô ngại.

Khi đã được "từ vô ngại trí" và "nghĩa vô ngại trí" rồi, thì thông đạt hết thảy các pháp và thuyết giảng thật nghĩa của hết thảy các pháp một cách vô ngại, nên Bồ Tát cũng thành tựu viên mãn "pháp vô ngại trí" và "lạc thuyết vô ngại trí" vậy.

Bồ Tát an trú trong 4 vô ngại trí, nên gặp bất cứ ai đến cầu pháp hay đến vấn nạn, Bồ Tát đều lý giải thông suốt, rõ ràng, chẳng có gì ngăn ngại.

Trí huệ của Bồ Tát tợ như biển lớn mênh mông, sâu thẳm, chẳng bao giờ khô cạn.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật khai thị về 4 vô ngại trí cũng là tướng mạo của Bồ Tát bất thối chuyển, vì Bồ Tát này được trí huệ vô lượng vô biên, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nên ngài đã hoan hỷ bạch Phật rằng: Nếu khen ngợi các hạnh loại và tướng mạo của Bồ Tát bất thối chuyển, thì trải qua hằng sa kiếp cũng chẳng sao nói hết được.

Phật tán thán lời ngài Tu Đồ Đề, và dạy rằng: Ông đã khéo vì hàng Bồ Tát, mà thưa hỏi Ta về chỗ thâm áo đó. Hết thảy các pháp, từ sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là "không", là "như" và đều là chỗ thâm áo cả.

Hỏi: *Các pháp hữu vi có thể chia chẻ đến chỗ vi tế mà người thế gian chẳng sao có thể biết được, nên gọi đó là chỗ thâm áo. Còn các pháp "không" đều là vô sở hữu. Vì sao lại gọi pháp "không" là chỗ thâm áo?*

Đáp: Chẳng có thể dùng ngữ ngôn, danh tự mà diễn bày nghĩa của pháp "không". Vì sao? Vì muốn giải rõ nghĩa về tướng "có", mà phương tiện nói đến tướng "không".

Tướng "không" cũng như tướng "có" chỉ là hai pháp đối đãi, chẳng thật có. Quán được như vậy thì sẽ biết rõ hết thảy các pháp tướng đều là hư vọng. Cho nên khi đã dứt trừ hết các chấp, thì dù nguyện sanh vào trong 3 cõi cũng vẫn được đạo, cũng vẫn thành tựu được pháp "không".

Nếu vào được "không" rồi mà còn chấp "không", thì còn có lỗi lầm, chẳng đến được chỗ thâm áo.

Nếu trú trong "không" mà chẳng chấp "không", thì mới gọi là thâm áo. Nếu dùng "không" nhằm phá các tà kiến chấp về "có - không" thì mới đến được chỗ thâm áo vậy.

Bồ Tát quán 5 ấm sanh diệt, nhằm phá chấp thường, rồi quán 5 ấm rốt ráo không, nhằm phá chấp sanh diệt. Vì sao? Vì nơi tánh "không", chẳng có vô thường hay thường, nên là bất sanh diệt.

Nơi đây nên biết có 2 nghĩa về "bất sanh diệt". Đó là:

- Do tà kiến, mà cho rằng thế gian là thường còn, là bất sanh diệt.
- Do muốn phá chấp về "sanh diệt", nên nói "bất sanh diệt".

Nếu phá được chấp về "sanh diệt" rồi mà cũng chẳng chấp "bất sanh diệt" thì mới gọi là thâm áo. Lại nữa, cũng nên biết:

- Phiền não khó đoạn mà đoạn được, thì gọi là thâm áo.
- Đam mê dục lạc thì dễ, mà ly dục thì rất khó, nên hành ly dục là thâm áo.
- Phóng tâm theo tà kiến thì dễ, mà định tâm hướng về thật tướng pháp, về chân thật pháp tánh thì rất khó, nên vào được pháp tánh thật tế là vào được chỗ thâm áo.
- 96 pháp ngoại đạo chẳng đưa đến giải thoát, chỉ có Niết Bàn đạo đưa đến giải thoát, nên Niết Bàn đạo là chỗ thâm áo.
- V.v...

Hỏi: *Trên đây nói các pháp "không" đều là chỗ thâm áo. Như vậy nghĩa "không" là như thế nào?*

Đáp: Có thuyết nói các tâm và các tâm sở đều có định tướng. Còn đối với các ngoại pháp, thì nếu dùng các tam muội "không, vô tướng và vô tác" để quán sát, sẽ thấy rõ các ngoại pháp đều là không.

Có thuyết nói: Ngoài tâm duyên sắc, thì các pháp đều là không. Các thuyết trên đây đều nói về "ngoại không", nếu dùng các tam muội "không, vô tướng và vô tác" mà quán sát, thì sẽ thấy hết thảy các ngoại pháp đều là không.

Chẳng thể như vậy được. Vì sao? Vì nếu các ngoại pháp chẳng phải là thật không, mà phải dùng "không tam muội" quán sát mới thấy rõ là "không", thì đó vẫn chỉ là hư vọng. Trái lại, nếu ngoại duyên thật sự là "không", thì chẳng có sanh "không tam muội" nữa. Vì nếu sanh "không tam muội" thì ngoại duyên chẳng phải là "không".

--o0o--

Ở đây Phật dạy về "trung đạo", ly cả hai chấp "có - không". Vì sao? Vì các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng phải là định pháp, nên nói các pháp đều là tự tánh không.

Các nhân duyên sanh pháp đều chẳng có tự tánh, nên hết thảy các pháp, ở nơi thật tướng đều rốt ráo không. Từ vô thỉ đến nay các pháp

bản lai đều là không, chẳng phải do Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra cả.

Vì thương xót chúng sanh mà chư Phật giải rõ về tánh không của các pháp. **Tánh không đó chính là pháp tánh thật tế của hết thảy pháp**.

Cũng nên biết rằng chẳng phải do quán "nội pháp" hay "ngoại pháp" mà biết được tướng "không" của các pháp. "Không tướng" cũng chỉ là danh tự. Đã là danh tự thì "không tướng" là chẳng phải trú, chẳng phải bất trú, nên là vô tướng, là tịch diệt, là ly, là Niết Bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề tuy biết rõ các Bồ Tát đến phó hội đều rất lợi căn, nhưng vẫn có thể thâm chấp Niết Bàn, nên ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

"Có phải chỉ có Không, vô tướng, vô tác,... dẫn đến Niết Bàn là thâm áo, hay còn có các pháp khác nữa?"

Phật dạy: Chánh quán hết thảy các sắc pháp là thành tựu được Niết Bàn. Hết thảy các pháp đều là nhân dẫn đến Niết Bàn, nên đều là chỗ thâm áo cả.

Hết thảy các pháp đều là như, nên đều là thâm áo.

Nghĩa "thâm áo" là "như", là chẳng phải thị, cũng chẳng phải phi.

Sắc như là thâm áo, vì chẳng phải là sắc cũng chẳng phải ly sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo, vì chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải ly Vô Thượng Bồ Đề.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề **biết rõ "như" là chỗ thâm áo của các pháp, vào được trong "pháp như" là vào được trong biển lớn của trí huệ**, nên ngài bạch Phật rằng: Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Phật đã dùng lực phương tiện vi diệu, khiến chư Bồ Tát bất thối chuyển xả ly sắc, vào Niết Bàn mà chẳng chấp Niết Bàn... dẫn đến xả ly hết thảy pháp vào Niết Bàn mà chẳng chấp Niết Bàn. Bồ Tát trú trong thế gian mà chẳng nhiễm chấp các dục lạc ở thế gian. Bồ Tát thường tư duy như vậy, thường quán như vậy, thường hành như vậy nên có được đầy đủ các lực phương tiện vi diệu.

Phật ấn chứng lời tán thán của ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Bồ Tát hành các pháp thâm áo như vậy nên được cùng với Bát nhã Ba la mật tương ưng. Khi quán sát, tư duy, Bồ Tát thường nhất niệm, bình đẳng, nên vừa hiển thị pháp lợi sanh là liền được vô lượng vô biên phước đức.

Hỏi: *Hàng Nhị Thừa tu vô lậu pháp còn chẳng có được quả báo phước đức. Nay vì sao nói Bồ Tát quán pháp không mà được vô lượng vô biên phước đức?*

Đáp: Hàng Nhị Thừa khi đã được vô lậu tâm, thì đã đoạn dứt phiền não, nên chẳng nói đến phước đức. Còn Bồ Tát, vì phải lưu hoặc để độ sanh, mà chưa dứt sạch phiền não, nên mới nói đến thành tựu quả báo phước đức.

Lại nữa, hàng Nhị Thừa thủ chứng Niết Bàn, nên đã tiêu hủy các quả báo phước đức. Còn Bồ Tát chẳng thủ chứng thật tế, vẫn còn khởi tâm niệm chúng sanh, nên còn có quả báo phước đức.

Người thế gian còn tà hạnh, nên chỉ được phước đức ít. Còn Bồ Tát thường an trú nơi chánh hạnh, nên được vô lượng vô biên phước đức.

Ví như bố thí cho hàng súc sanh được phước đức 100 lần hơn bố thí cho hàng người; bố thí cho người ác được phước đức 1.000 lần hơn bố thí cho người thiện, 10.000 lần hơn bố thí cho người đã ly dục, 100.000 lần hơn bố thí cho người đã chứng được quả Thánh.

Người tu hành đã ly dục, đã hành từ bi tâm, nhưng nếu chưa vào được nơi thật tướng pháp, thì vẫn chưa có được phước đức vô lượng. Còn Bồ Tát bất thối chuyển, đã thâm nhập vào thật tướng pháp, nên chỉ vừa tác niệm lợi sanh, là đã có được vô lượng vô biên phước đức.

Ví như chúng sanh, do niệm niệm sanh diệt, mà phải mãi trầm luân trong dòng sanh tử. Ví như người khát vọng dâm dục, mà dục tính chưa được thỏa mãn, thì cứ khởi niệm tưởng nhớ mãi, tưởng chừng như thời gian chờ đợi kéo dài đến vô tận.

Bồ Tát niệm tưởng về Bát nhã Ba la mật cũng là như vậy. Do Bồ Tát thật hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba la mật, nên chỉ trong 1 niệm đã siêu xuất được vô lượng kiếp.

Lại ví như người lâm bệnh cần phải uống thuốc. Nếu dùng loại thuốc xấu, thì người ấy phải trải qua thời gian lâu dài mới có thể lành bệnh được. Trái lại, nếu biết dùng thuốc tốt, đúng bệnh, thì sẽ có được hiệu quả cao hơn rất nhiều; có thể chỉ trong thời gian rất ngắn là có thể được lành bệnh.

Bồ Tát hành sáu pháp Ba la mật cũng là như vậy. Nếu chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba la mật hộ trì, thì phải trải qua nhiều A tăng kỳ

kiếp mới thành Phật được. Trái lại, nếu có được lực phương tiện Bát nhã Ba la mật hộ trì, thì sẽ rất mau đến được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Bởi nhân duyên vậy, nên ở Đoạn kinh trên đây có ghi rõ: Khi thật hành Bát nhã Ba la mật, nếu Bồ Tát nào **xả ly được hết thảy các chấp, thì chỉ trong 1 ngày cũng đã thành tựu được vô lượng vô biên thiện căn công đức**. Người hành Bát nhã Ba la mật trong vô lượng kiếp mà còn tâm chấp, tuy có nhiều công đức; nhưng công đức của người này chẳng sao bì kịp công đức của vị Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật với tâm ly chấp, dù chỉ trong 1 ngày. Trong trăm, ngàn, muôn, ức phần... chẳng sao bằng được một,... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà cúng dường 3 ngôi Tam Bảo trong hằng sa kiếp. Do nhân duyên cúng dường như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ Tát đúng như pháp mà hành Bát Nhã Đa La Mật, dù chỉ trong 1 ngày. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là đạo của chư đại Bồ Tát; nương theo Thừa đạo này mà tu tập sẽ mau đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà trải qua hằng sa kiếp cúng dường các bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên cúng dường như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dậy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ Tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba la mật, dù chỉ trong 1 ngày. Vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, lại mau đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà trải qua hằng sa kiếp hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên hành 5 pháp Ba La Mật như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ Tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba la mật, dù chỉ trong 1 ngày. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật tức là chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí vậy. Bởi vậy nên, muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà trải qua hằng sa kiếp tu Tập 4 niệm xứ... dẫn đến tu tập Nhất thiết chủng trí. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên tu tập như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ Tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật mà tu Tập 4 niệm xứ... dẫn đến tu tập Nhất thiết chủng trí, dù chỉ trong 1 ngày. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật, nên chẳng bao giờ thối chuyển Nhất thiết chủng trí.

Trái lại, nếu tu tập mà xa lìa Bát nhã Ba la mật, thì rất dễ bị thối tâm.

Bởi vậy nên trong quá trình tu tập chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà trải qua hằng sa kiếp hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề. Ý ông nghĩ sao! Người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ Tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật mà hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi tùy hỷ hồi hướng công đức về

Vô Thượng Bồ Đề, dù chỉ trong 1 ngày. Vì sao? Vì chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật mà hồi hướng mới là đệ nhất hồi hướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà trải qua hằng sa kiếp hòa hợp các thiện căn công đức của chư Phật trong 3 đời của chư đệ tử Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ Tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật, mà tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức của chư Phật và của chư đệ tử Phật về Vô Thượng Bồ Đề, dù chỉ trong 1 ngày. Vì sao? Vì chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật mà hồi hướng mới là đệ nhất hồi hướng vậy.

Bởi vậy nên, muốn tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì <u>phải dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật để tùy hỷ hồi hướng vậy</u>.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, thì các pháp do nhân duyên khởi tác đều từ vọng tưởng sanh, đều là chẳng thật có. Như vậy, vì sao các Thiện Nam, Thiện Nữ lại có được đại phước đức?

Bạch Thế Tôn! Nếu dùng pháp do nhân duyên tác khởi, thì chẳng được chánh kiến, chẳng vào được pháp vị, chẳng được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nếu dùng pháp do nhân duyên tác khởi thì chẳng được chánh kiến, chẳng vào được pháp vị, chẳng được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật biết rõ các pháp do nhân duyên tác khởi cũng là không, là chẳng kiên cố, là hư vọng, là chẳng thật có. Vì Bồ Tát khéo học nội không... dẫn đến học vô pháp hữu pháp không, an trú trong mười tám pháp không, quán các pháp do nhân duyên tác khởi đều là không, nên chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát tu tập như vậy, lần lần đến được vô số, vô lượng, vô biên phước đức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề!

- Nói "vô số" là nói chẳng ở trong danh số các pháp, dù là hữu vi tánh, dù là vô vi tánh.

- Nói "vô lượng" là nói chẳng thể lường được, vì lượng là bất khả đắc dù là ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai.

- Nói "vô biên" là nói các pháp chẳng có bờ mé, biên bờ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì "sắc không"... dẫn đến "thức không" là vô số, vô lượng, vô biên.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có 5 ấm là không, hay là hết thảy các pháp cũng đều là không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải ta đã thường nói hết thảy các pháp đều là "không" ư?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! <u>Phật đã dạy "hết thảy các pháp đều là không". Đã là "không", thì các pháp đều là bất khả tận, đều là vô số, vô lượng, vô biên.</u>

Bạch Thế Tôn! Trong "không", thì "số", "lượng" và "biên" đều là bất khả đắc. Bởi vậy nên nói "bất khả tận" cùng với "vô số", "vô lượng" và "vô biên" là chẳng khác nghĩa với nhau.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các nghĩa ấy chẳng có sai khác nhau.

Pháp nghĩa ấy là bất khả thuyết, chẳng thể dùng lời để diễn đạt ra được. Phật dùng lực phương tiện mà phân biệt nói đó là bất khả tận, là vô số, là vô lượng, là vô biên, là vô trước, là không, là vô tướng, là vô tác, là vô khởi, là vô sanh, là vô diệt, là vô nhiễm, là Niết Bàn v.v...

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Thật tướng các pháp là bất khả thuyết, mà Phật đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật để tuyên thuyết ra.

Bạch Thế Tôn! Theo như chỗ con được hiểu qua lời Phật dạy, thì hết thảy các pháp đều là bất khả thuyết.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thảy các pháp đều là bất khả thuyết, đều chẳng thể nói ra dược. Vì sao? <u>Vì hết thảy các pháp đều là tự tướng không, mà "tướng không" là chẳng thể nói ra được vậy.</u>

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu là bất khả thuyết, thì pháp nghĩa có tăng, có giảm chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp nghĩa bất khả thuyết là chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp nghĩa bất khả thuyết, thì bốn niệm xứ... dẫn đến tám thánh đạo, Đàn Ba La Mật... dẫn đến Bát nhã Ba la mật, Phật mười lực... dẫn đến mười tám bất cộng pháp v.v... cũng đều chẳng tăng chẳng giảm.

Bạch Thế Tôn! Nếu sáu pháp Ba La Mật... dẫn đến mười tám bất cộng pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm, thì làm sao Bồ Tát tu các pháp này mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì pháp nghĩa bất khả thuyết là chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bồ Tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật tự niệm rằng mình chẳng có thể làm tăng Đàn Ba La Mật... dẫn đến chẳng có thể làm tăng Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ các pháp Ba La Mật đều chỉ là danh tự.

Này Tu Bồ Đề! Ví như khi hành Đàn Ba La Mật, Bồ Tát tự niệm rằng: Tâm bố thí, thiện căn công đức hành bố thí, Vô Thượng Bồ Đề, tùy hỷ hồi hướng thiện căn công đức hành bố thí về Vô Thượng Bồ Đề đều chỉ là danh tự cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Pháp gì là Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! <u>Tất cả các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề.</u>

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói tất cả các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc như tướng... dẫn đến Niết Bàn như tướng đều là Vô Thượng Bồ Đề cả. Vì sao? Vì tướng "như" là chẳng tăng, chẳng giảm. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát, trọn chẳng ly

Bát nhã Ba la mật, thường quán "pháp như" ấy là chẳng tăng, chẳng giảm.

Bởi nhân duyên vậy, nên "bất khả thuyết" cũng có hàm nghĩa là bất tăng, bất giảm; Đàn Ba La Mật cũng bất tăng bất giảm... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng bất tăng bất giảm.

Bồ Tát Ma Ha Tát quán các pháp bất tăng bất giảm như vậy, nên được tương ưng với Bát nhã Ba la mật hạnh.

LUẬN:

Đoạn kinh trên đây nói rằng: Nếu xa lìa Bát nhã Ba la mật, thì dù trải qua hằng sa kiếp cúng dường 3 ngôi Tam Bảo, tu tập các thiện pháp, hành 6 pháp Ba la mật, gieo trồng thiện căn, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề v.v... cũng chẳng sao bằng được hành Bát nhã Ba la mật đúng như pháp, dù chỉ trong 1 ngày.

Nơi đây, Phật nói lên các nhân duyên Bồ Tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba la mật, dù chỉ trong 1 ngày, cũng đã có vô lượng công đức, thù thắng hơn hàng Nhị Thừa. Vì Bát nhã Ba la mật là pháp tối diệu, đưa Bồ Tát thẳng vào Vô Thượng đạo. Nếu xa lìa Bát nhã Ba la mật, thì dù trải qua hằng sa kiếp tu Tập 5 pháp Ba la mật kia cũng chẳng sao có thể bằng được 1 ngày an trú trong Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật là pháp tối thượng, vi diệu đệ nhất. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật; từ nơi Bát nhã Ba la mật xuất sanh ra 3 đời 10 phương chư Phật.

Bồ Tát an trú Bát nhã Ba la mật được đầy đủ các Phật pháp. Do được lực Bát nhã Ba la mật hộ trì, nên Bồ Tát tu Tập 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều được công đức thù thắng, vi diệu. Trái lại, người xa lìa Bát nhã Ba la mật mà tu Tập 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sao có được công đức như vậy.

--o0o--

Liên hệ đến vấn đề này, ngài Tu Bồ Đề đã nêu lên các câu hỏi, và đã được Phật giải đáp, với nội dung như sau:

Pháp hữu vi là hư vọng, nên chẳng có thể dùng pháp hư vọng để được chánh kiến, vào chánh vị... dẫn đến chứng quả Vô Thượng Bồ Đề được.

Khi đã vào được chánh đạo rồi, Bồ Tát trở lại ở thế gian, để hành phước đức, nhưng vẫn biết rõ pháp hữu vi là hư vọng, là chẳng thật có, nên chẳng trú chấp phước đức hữu vi.

Bởi vậy nên nói phước đức vô lậu, thanh tịnh thù thắng hơn phước đức hữu lậu. Ví như kim cương tuy nhỏ, mà có thể phá vỡ được cả tảng đá lớn.

Bồ Tát tu tập 18 pháp không, quán các pháp không, mà chẳng chấp "không" lại thường hành các công đức; tuy biết rõ Niết Bàn, biết rõ Vô Thượng đạo là không, mà vì thương xót chúng sanh, vẫn thường tu tập các phước đức; tuy biết rõ hết thảy pháp đều bất khả thuyết, mà vẫn thường dùng các lực phương tiện, để vì chúng sanh thuyết pháp; tuy biết rõ pháp tánh là vô phân biệt, là nhất tướng, là vô tướng, nhưng vì thương xót chúng sanh mà vẫn phương tiện phân biệt thuyết có ác, có thiện, có tội, có phước, có thủ, có xả v.v…

Nếu Bồ Tát chẳng ly Bát nhã Ba la mật, mà hành Bồ Tát đạo như vậy, thì sẽ được vô số, vô lượng, vô biên công đức. Vì sao? Vì khi Bồ Tát mới bắt đầu tu tập Bát nhã Ba la mật, thì thế lực các phiền não còn mạnh, khiến lực Bát nhã Ba la mật còn rất yếu kém, chưa có công năng tiêu trừ giặc phiền não; thế nhưng, khi Bồ Tát đã tu tập thuần thục Bát nhã Ba la mật rồi, thì lực phương tiện Bát nhã Ba la mật trở nên hùng mạnh, tận diệt hết phiền não. Đến lúc bấy giờ, Bồ Tát mới thành tựu được vô số vô lượng, vô biên phước đức.

Như trong kinh đã nói:

- Vô số là chẳng có trong danh số các pháp, dù là hữu vi hay vô vi.
- Vô lượng là chẳng có thể lượng được.
- Vô biên là chẳng có bờ mé, biên bờ.

Chẳng phải chỉ có các nhân duyên sanh ra 5 ấm là vô số, vô lượng, vô biên, mà hết thảy các nhân duyên sanh pháp đều là vô số, vô lượng, vô biên. Vì sao? <u>Vì hết thảy pháp đều là tự tướng "không". Pháp "không" là bất khả tận, nên là vô số, vô lượng, vô biên. Ở nơi "không", thì "số", "lượng" và "biên" đều là bất khả đắc, nên nói là vô số, vô lượng, vô biên vậy.</u>

Pháp "không" là bất khả thuyết, chẳng thể nói ra được. Thế nhưng, vì thương xót chúng sanh, Phật đã phương tiện dùng ngôn ngữ và danh tự mà phân biệt thuyết ra các nghĩa về pháp "không", để chúng sanh được biết rõ. Phật dạy nghĩa ấy là vô số, vô lượng, vô

biên, là thật tướng bất sanh, bất diệt, bất khởi, bất tác... của các pháp, nên nói nghĩa ấy là bất khả tận vậy.

Các bậc Thánh đã vào nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn đọa vào trong 6 đường chúng sanh.

Lại nữa, các bậc Thánh dùng thật trí huệ quán sát, biết rõ hết thảy pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo "không", nên chẳng đọa vào danh số hữu vi cũng như vô vi; đây là nghĩa "vô số". Các ngài biết rõ pháp "không" là bất khả lượng, nên mặc dù vẫn phương tiện dùng trí huệ xứng lượng các pháp có tốt, có xấu, có lớn, có nhỏ, có nhiều có ít, có thị có phi... nhưng vẫn chẳng chấp các pháp tướng; đây là nghĩa "vô lượng". Các ngài biết rõ pháp "không" là tịch diệt, nên chẳng còn chấp biên tế; đây là nghĩa "vô biên".

Lại nữa, **ở nơi thật tướng pháp, thì ngã và ngã sở đều là "không". Vì là "không" nên nói các pháp đều là vô tướng, vô tác, vô khởi. Tuy là "không", nhưng các pháp vẫn thường trú, bất hoại, nên nói là vô sanh, vô diệt.**

Lại nữa, vì ở trong 3 cõi, mà vẫn tự tại, nên nói là vô nhiễm; vì các phiền não nghiệp báo là hư vọng, chẳng thật có, nên nói là Niết Bàn.

Như vậy là có rất nhiều danh từ chỉ rõ về thật tướng pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật: Nếu các pháp đều là bất khả thuyết, thì có tăng, có giảm chăng? Nếu các pháp chẳng có tăng, chẳng có giảm, thì làm sao Bồ Tát tu 6 pháp Ba la mật, mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật đáp lại ngài Tu Bồ Đề, với nội dung như sau:

Nơi "bất khả thuyết" có hàm nghĩa bất tăng, bất giảm. Bồ Tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật hành 6 pháp Bát nhã Ba la mật… dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, mà vẫn thường quán các pháp ấy chẳng tăng, chẳng giảm. Ví như khi hành Đàn Ba la mật, nhằm phá chấp ngã, chấp pháp, tiêu trừ xan tham, kiêu mạn, Bồ Tát chẳng nên nghĩ rằng "hành như vậy là đã làm tăng Đàn Ba la mật". Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì các pháp đều bình đẳng, chẳng còn phân biệt nội pháp hay ngoại pháp.

Ở nơi đây, tâm bố thí, công đức bố thí, hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề… dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều chỉ là danh tự, đều là như tướng cả. **Các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề, vì tướng "như" là chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng động, chẳng hoại, là tịch diệt tướng vậy.**

Bồ Tát thường niệm Vô Thượng Bồ Đề là như tướng, là tịch diệt tướng nên biết rõ hết thảy pháp cũng là như tướng, là tịch diệt tướng cả.

Bồ Tát thường quán "bất khả thuyết" có hàm nghĩa bất tăng, bất giảm, nên thấy 6 pháp Ba la mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Bồ Tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật hành pháp như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát dùng "sơ tâm" mà được Vô Thượng Bồ Đề hay dùng "hậu tâm" mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! "Sơ tâm" chẳng đến "Hậu tâm". "Hậu tâm" chẳng ở nơi "sơ tâm".

Như vậy là các tâm và các tâm sở pháp chẳng cùng chung với nhau, thì làm sao mà tăng trưởng được thiện căn? Nếu chẳng tăng trưởng được thiện căn thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, ta sẽ vì ông mà nói lên thí dụ. Người có trí huệ nghe thí dụ này sẽ được rõ nghĩa hơn.

Này Tu Bồ Đề! Ví như thắp đèn, thì phải dùng cái tim lúc ban đầu để thắp, hay phải dùng cái tim lúc sau cùng để thắp?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải dùng cái tim lúc ban đầu để thắp đèn, cũng chẳng thể ly cái tim lúc ban đầu mà thắp đèn được. Chẳng phải dùng cái tim lúc sau cùng để thắp đèn, cũng chẳng thể ly cái tim lúc sau cùng mà thắp đèn được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cái tim đèn là đèn chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cái tim đèn chẳng phải là đèn, mà cũng chính là đèn vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ Tát chẳng dùng sơ tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng ly sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ sơ phát tâm đã thật hành Bát nhã Ba la mật; khi đầy đủ 10 địa sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát đầy đủ 10 địa, được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát khi vào được Càn Huệ Địa, mặc dù đã xa rời tâm tham dục và luyến ai, nhưng trí huệ vẫn còn cạn mỏng, khô khan. Từ địa ban sơ này, Bồ Tát thứ lớp tiến tu lên các địa, cho đến Bồ Tát địa và Phật địa. Khi đã đầy đủ 10 địa rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, chẳng phải dùng sơ tâm hay ly sơ tâm, cũng chẳng phải dùng hậu tâm hay ly hậu tâm, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Duyên pháp ấy rất thậm thâm, nên nói chẳng phải dùng sơ tâm hay ly sơ tâm, cũng chẳng phải dùng hậu tâm hay ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu tâm đã diệt rồi, thì có sanh trở lại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được như vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! "Tâm sanh" có tướng diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có tướng diệt vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tướng tâm diệt thì tâm có diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm an trú như vậy chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tâm trú như vậy là "như như trú".

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm như như trú là chứng thật tế chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm như như trú là thậm thâm chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất thậm thâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! "Như" có tâm chăng? Ly "như" có tâm chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! "Như" có thấy được "như" chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có phải Bồ Tát thường hành "như" là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy! Bạch Thế Tôn! Bồ Tát thường hành "như" là hành Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành "như" là hành như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành "như" là hành, mà chẳng có chỗ hành. Vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, an trú nơi pháp "như", chẳng khởi niệm có mình hành pháp "như", vì pháp "như" là chẳng có trú xứ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát y cứ vào đâu mà hành pháp "như"?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát y cứ nơi "đệ nhất nghĩa đế" mà hành pháp "như". Vì sao? Vì ở nơi "đệ nhất nghĩa", thì các tướng đều bất khả đắc, chẳng có sai biệt.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành "đệ nhất nghĩa" là chẳng có niệm hành. Hành như vậy có tướng hành chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành như vậy là có tướng hoại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng có khởi niệm hoại các pháp tướng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nào hành Bát nhã Ba la mật, mà chưa đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi, 18 bất cộng pháp, thì phải biết vị Bồ Tát ấy chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nào có đầy đủ các lực phương tiện, thì ở nơi hết thảy pháp, vị Bồ Tát ấy chẳng chấp thủ tướng, và cũng chẳng phá hoại tướng. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết rõ các pháp đều là tự tướng không. Vị Bồ Tát ấy an trú nơi các tam muội "không, vô tướng và vô tác", và dùng tam muội này để thành tựu các chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát dùng 3 tam muội "không, vô tướng và vô tác" để thành tựu chúng sanh như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trú trong 3 tam muội này, thấy chúng sanh hành pháp, tác pháp như thế nào; rồi dùng các lực phương tiện dẫn họ vào trong "không, vô tướng và vô tác".

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ Tát vào 3 tam muội "không, vô tướng và vô tác" và dùng 3 tam muội này để thành tựu chúng sanh.

(Đoạn Kinh này của MHBNBLMĐ viết rõ ràng hơn đoạn Kinh của ĐBN nhiều).

LUẬN:

Hỏi: *Vì nhân duyên gì mà Tu Bồ Đề hỏi Phật: "Bồ Tát dùng sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, hay dùng hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề?*

Đáp: Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã nghe Phật dạy các pháp là đều chẳng có tăng, chẳng có giảm, khiến ngài dấy niệm nghĩ rằng: Nếu các pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm, thì Bồ Tát làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Lại nữa, ngài nghĩ rằng: Phật đầy đủ chánh hạnh mới được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát chưa trừ được vi tế vô minh, chưa đầy đủ chánh hạnh, thì làm sao vào được Vô Thượng Bồ Đề? Nếu từ sơ tâm đến hậu tâm mà các thiện căn chẳng được tăng trưởng, thì Bồ Tát làm sao vào được Vô Thượng Bồ Đề?

Bởi các nhân duyên nói trên đây, nên ngài Tu Bồ Đề mới thưa hỏi Phật về nghĩa thâm áo này.

Phật dạy: Chẳng phải y nơi sơ tâm, cũng chẳng ly sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì nếu y nơi sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì Bồ Tát đã thành Phật, ngay khi mới sơ phát tâm rồi.

Thế nhưng sơ tâm là căn bản. Nếu chẳng có sơ tâm, thì cũng chẳng có hậu tâm, sơ tâm chẳng ly hậu tâm, và hậu tâm cũng chẳng ly sơ tâm. Nhờ có sơ tâm mà các công đức được chứa nhóm. Do có chứa nhóm công đức mới dẫn đến sự đoạn trừ phiền não, tập khí, và cuối cùng mới dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi Phật như trên đây, vì theo ngài thì sơ tâm và hậu tâm đều chẳng đầy đủ. Vì sao? Vì nếu quá khứ đã diệt thì chẳng có sự hòa hợp các thiện căn đang hiện hành. Nếu chẳng hòa hợp được các thiện căn, thì cũng chẳng thể chứa nhóm thiện căn được. Nếu chẳng chứa nhóm được thiện căn, thì cũng chẳng làm sao có thể được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật đã dùng thí dụ thực tiễn để giải nghi cho ngài Tu Bồ Đề: Như khi cây đèn được thắp sáng, thì đèn và tim đèn phải là một chẳng phải riêng khác. Chẳng phải y nơi tim lúc ban đầu cũng chẳng ly nơi tim lúc ban đầu mà ngọn đèn được thắp sáng; chẳng phải y nơi tim lúc sau cùng cũng chẳng phải ly tim lúc sau cùng mà đèn được thắp sáng.

Rồi Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: Người thế gian, dùng nhục nhãn, thấy ngọn đèn chẳng phải do nơi tim ban đầu, hay do nơi tim sau cùng mà được thắp sáng; cũng chẳng phải ly tim ban đầu hay ly tim sau cùng mà được thắp sáng. Cũng như vậy, Ta dùng Phật nhãn thấy các Bồ Tát chẳng phải do nơi sơ tâm, hay do nơi hậu tâm mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải ly sơ tâm hay ly hậu tâm mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

--o0o--

Ở thí dụ nêu trên đây, Phật đã dùng:

- Ngọn đèn dụ cho Bồ Tát đạo.
- Tim đèn dụ cho vô minh, phiền não.
- Tim đèn cháy sáng dụ cho vô minh, phiền não được tiêu trừ.

Khi vào sơ địa, trí huệ còn cạn mỏng, khô khan, nên mới chỉ là "càn huệ". Phải tiến tu thêm nữa, cho đến khi vào được Kim Cang tam muội được chân trí huệ.

Như vậy, ngọn đèn trí huệ đốt cháy vô minh phiền não, chẳng phải do sơ tâm trí, cũng chẳng phải do hậu tâm trí. Suốt quá trình tu tập, từ sơ tâm dẫn đến hậu tâm, vào Bồ Tát vị, Bồ Tát tương tục dùng đèn trí huệ đốt cháy vô minh, phiền não. Đến khi đốt cháy hết vô minh, phiền não, mới được Vô Thượng Bồ Đề.

--o0o--

Nơi đây cũng nên biết "Càn Huệ Địa" có hai bậc. Đó là:

- Càn Huệ địa của Thanh Văn.
- Càn Huệ địa của Bồ Tát.

Càn Huệ địa của Thanh Văn dẫn vào Niết Bàn. Hàng Thanh Văn tinh tấn trì giới thanh tịnh, tinh tấn tu tập các tam muội, tinh tấn hành các pháp quán, như quán bất tịnh…, tinh tấn tu tập để biết rõ vô thường, vô ngã, để

chứa nhóm các thiện pháp, xả bỏ các bất thiện pháp v.v… thì vào được địa này. Tuy đã có trí huệ, nhưng vì chưa có được thiền định, khiến trí huệ còn cạn mỏng, khô khan, nên gọi là "càn huệ địa".

Còn Bồ Tát, do từ sơ phát tâm đã tu tập "nhu thuận nhẫn", thâm ái thật tướng pháp, tu tập thiền định, nên vào "càn huệ địa".

Vào địa này rồi, Bồ Tát lại tu tập "khổ pháp nhẫn"… dẫn đến tu tập "đạo trí nhẫn", được 15 tâm nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ Tát vị.

Cũng nên biết, khi vào được "kiến địa" là đã vào dòng Thánh, bắt đầu chứng các quả Thánh. Từ địa này còn phải tinh tấn tu tập để tận đoạn các phiền não, xả trừ các tập khí kiết sử, vào "ly dục địa".

Từ "càn huệ địa" dẫn đến "ly dục địa", Bồ Tát phải thứ lớp tu tập từ "sơ địa" dẫn đến "thập địa" của Đại Thừa Bồ Tát Thập Địa*.

* Về Thập địa (10 địa), nên phân biệt có 3 loại. Đó là:

1- Tam Thừa Thập Địa: (10 địa chung cho cả 3 thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát), gồm: Càn huệ địa – Tánh địa – Nhập nhơn địa – Kiến địa – Bạc địa – Ly Dục địa – Dĩ biện địa – Bích Chi Phật địa – Bồ Tát địa – Phật địa.

2- Đại Thừa Bồ Tát Thập Địa (10 địa riêng của Bồ Tát Thừa) gồm: Hoan hỷ địa – Ly cấu địa – Phát quang địa – Diễm huệ địa – Cực nan thắng địa – Hiện tiền địa – Viễn hành địa – Bất động địa – Thiên huệ địa – Pháp vân địa.

3- Tứ Thừa Thập Địa. Trong 4 thừa (Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa và Phật thừa) mỗi thừa có 10 địa riêng biệt.

Có thuyết nói: Được "Kim Cang tam muội" rồi, mới gọi là vào Bồ Tát địa; được "Nhất thiết chủng trí" rồi, mới được quả vị Phật.

Bồ Tát phải tu đầy đủ 10 địa, luôn hành pháp tự lợi và lợi tha, mới được đầy đủ Bồ Tát hạnh.

Bồ Tát, khi vào được "Ly Dục địa" rồi, là ly sạch các dục, và các phiền não của cõi Dục, nên được đầy đủ 5 thần thông.

Hàng Thanh Văn, khi được tận trí, vô sanh trí, là chứng được quả vị A La Hán. Còn Bồ Tát, do muốn thành tựu Phật địa, nên còn phải tu quả Bích Chi Phật địa, dùng pháp quán 12 nhân duyên để thông quán các duyên pháp. Khi đã thành tựu Bích Chi Phật đạo, Bồ Tát còn phải viên thành Bồ Tát hạnh, tiến tu lên đến Phật địa.

Hỏi: *Vì sao Bồ Tát, trong khi hành Bồ Tát hạnh, mà còn phải tu tập Bích Chi Phật đạo nữa?*

Đáp: Trong 10 địa chung của 3 thừa giáo, có nói đến Bích Chi Phật địa. Vì sao? Vì Bồ Tát phải tu học đầy đủ 12 nhân duyên, nơi Bích Chi Phật đạo, để phương tiện độ thoát chúng sanh. Bởi vậy nên, dù vẫn dùng trí huệ Bát Nhã để hành Bồ Tát đạo, Bồ Tát vẫn phải tu tập đầy đủ giáo pháp của Thanh Văn thừa và của Bích Chi Phật thừa.

Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm có ghi: Ngài Văn Thù Sư Lợi là vị đại Bồ Tát đã từng trải qua 12 ức kiếp là Bích Chi Phật.

Như vậy là Bồ Tát phải đầy đủ mười địa, phải tu tập hết thảy Phật pháp, phải đầy đủ mười Phật lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, đại từ đại bi… dẫn đến mười tám bất cộng pháp, mới có thể được thọ ký thành Phật.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề biết do các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên chẳng phải dùng sơ tâm… dẫn đến chẳng phải dùng hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề; lại cũng chẳng phải dùng ly sơ tâm… dẫn đến ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề. Ngài bạch Phật: Duyên pháp ấy rất thậm thâm, nên nói "chẳng phải dùng sơ tâm hay hậu tâm, cũng chẳng phải ly sơ tâm hay hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề".

Phật hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Tâm đã diệt rồi có sanh trở lại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng các pháp rốt ráo là không, là bất sanh, bất diệt; chỉ vì chúng sanh chấp 6 tình mà thấy có sanh, có diệt vậy thôi. **Nếu nói tâm đã diệt rồi mà còn sanh lại, thì đó là chấp thường**. Nghĩ như vậy nên ngài đáp: Chẳng được vậy.

Phật lại hỏi: Tâm sanh có tướng diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng trước đây Phật hỏi về tâm quá khứ; nay Phật hỏi về tâm hiện tại. Vì sanh và diệt là hai pháp đối đãi, đã có sanh ắt phải có diệt. Tướng tâm trước là không, nay trở thành có, có rồi cũng lại trở thành không vậy. Nghĩ như vậy nên ngài đáp: Có tướng diệt vậy.

Phật lại hỏi: Tướng tâm diệt, thì tâm có diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng nếu nói tâm diệt, thì nơi một tâm có hai thời, gồm một thời sanh, một thời diệt. Còn nếu nói tâm là vô thường, thì tâm chẳng trú quá một niệm. Lại nữa, kinh A Tỳ Đàm nói có sanh pháp, có diệt pháp, có bất diệt pháp, có dục sanh pháp, có dục diệt pháp, ngay ở hiện tại, trong một tâm có hai thời, là thời sanh và thời muốn diệt; mà tướng muốn diệt là chẳng phải là sanh. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng có vậy.

Phật lại hỏi: Tâm có trú chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng nếu chẳng phải là có tướng diệt, thì phải là thường trú; nếu đã là thường trú, thì chẳng phải là có tướng diệt. Nếu nói có tướng diệt, thì phạm lỗi lầm là nơi 1 tâm có 2 thời. Nếu nói chẳng có tướng diệt, mà thật sự có tướng ấy, thì làm sao nói là chẳng diệt được.

Cả 2 điều nêu trên đây đều lỗi lầm cả. Nghĩ như vậy rồi, ngài tự chứng trí mà đáp: Tâm trú nơi như như tánh.

Phật lại hỏi: Nếu tâm trú nơi như như tánh, thì tâm đó có phải là thật tế chăng?

Mặc dù ngài Tu Bồ Đề từ lâu đã thấu rõ về pháp tánh thật tế, biết rõ như như tánh tức là trú nơi pháp tánh thật tế rồi vậy. Thế nhưng, ngài nghĩ rằng tâm tướng là pháp hư vọng, chẳng thể là thật tế được. Nghĩ như vậy nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

--o0o--

Ở đây cần đặt vấn đề vì sao Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu tâm trú nơi như như tánh, thì có phải là thật tế chăng?

Nên biết rằng “như như” là thật tướng của hết thảy pháp. Vậy nên, ở nơi thật tướng, thì tâm là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế, là Niết Bàn tướng.

Do vì ngài Tu Bồ Đề, nơi pháp Thanh Văn, còn quý trọng Niết Bàn, nên chẳng có chấp nhận rằng “tâm sanh diệt cũng tức là Niết Bàn”. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

Lại nữa, ngài nghĩ rằng: “thật tế là vô tướng” nên chẳng dám nói “tâm tướng là thật tế” vậy.

--o0o--

Phật lại hỏi: Tâm như như trú là thậm thâm chăng?

Phật nêu lên câu hỏi này, vì ngài Tu Bồ Đề đã nói "tâm như như trú" rồi sau lại nói "tâm như như trú chẳng phải là thật tế".

Do vì ngài chưa khắp biết, nên đã đáp: Tâm như như trú là rất thậm thâm.

Phật lại hỏi: "Như" là tâm chăng? Ly "như" có tâm chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng "như" là thật tướng, nên là nhất tướng, là vô tướng, chẳng có đối đãi, tâm tướng là tướng duyên hợp, đối đãi; "như" là chẳng có chỗ biết, tâm là có chỗ biết; "như" là rốt ráo thanh tịnh, tâm là có hay biết. Nên nói, "như" chẳng phải là tâm. Thế như, thật tướng của tâm là "như". Nên nói, ly "như" thì chẳng có tâm.

Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

Phật lại hỏi: "Như" có thấy được "như" chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng "như" là vô phân biệt. Nếu Bồ Tát trú trong như pháp tánh thật tế, thì chẳng thể hành thâm Bồ Tát đạo được.

Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng thấy được vậy.

Phật lại hỏi: Nếu Bồ Tát thường hành "như", thì có phải hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ Tát hành "như" là hành Bát nhã Ba la mật.

--o0o--

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có nhiều vị Bồ Tát sơ phát tâm nghe ngài Tu Bồ Đề đáp như vậy, cho rằng mình đã vượt khỏi Nhị Thừa và đã vào Đại Thừa.

Phật muốn phá cao tâm của các vị này, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề: Bồ Tát hành "như" là hành như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: Bồ Tát an trú trong như pháp tánh thật tế, nên chẳng còn khởi niệm phân biệt. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Hành "như" là hành mà chẳng có chỗ hành.

Phật sợ rằng các vị Bồ Tát sơ phát tâm, khi nghe ngài Tu Bồ Đề đáp như vậy, sẽ có thể đọa về đoạn diệt, nên lại hỏi: Bồ Tát y cứ vào đâu mà hành pháp "như"?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ Tát y cứ nơi "đệ nhất nghĩa" mà hành "như". Vì ở nơi đây chẳng có tướng sai biệt, các tướng đều bất khả đắc.

Phật lại hỏi: Ở nơi "đệ nhất nghĩa", Bồ Tát hành mà chẳng có niệm hành. Hành như vậy có tướng hành chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ Bồ Tát biết rõ các pháp tướng rốt ráo là không, nên chẳng còn có ức niệm, chẳng còn trú tướng hành. Nghĩ như vậy nên ngài đáp: Chẳng có vậy.

Phật lại hỏi: Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật có khởi niệm hoại các pháp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Khi hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát chẳng có dấy niệm phá hoại pháp tướng. Bồ Tát đầy đủ các Phật pháp, được lực phương tiện Bát nhã Ba la mật hộ trì, nên chẳng thủ tướng "có", cũng chẳng thủ tướng "không", biết rõ pháp tướng là hư vọng, thủ tướng là lầm lỗi. Bồ Tát lại biết rõ phá tướng thì rơi về đoạn diệt, cũng là lầm lỗi. Bởi vậy nên Bồ Tát chẳng chấp thủ tướng "có", chẳng chấp thủ tướng "không". Ly cả 2 chấp "có – không" mới là "đệ nhất nghĩa".

--o0o--

Đến đây, Phật khai thị thêm rằng: Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng thủ pháp tướng, chẳng hoại pháp tướng.

Bồ Tát trú nơi tự tướng không, mà vào 3 tam muội "không, vô tướng và vô tác" để làm lợi ích cho chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát thị hiện thọ thân vào trong 6 đường chúng sanh, nhằm hóa độ chúng sanh.

Bồ Tát quán biết trong số chúng sanh, có kẻ chẳng tu phước, buông lung phóng túng, tạo nên bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải đọa vào cảnh địa ngục, từ địa ngục này chuyển sang cõi địa ngục khác, hoặc sanh làm ngạ quỷ, súc sanh, xoay vần mãi trong các đường ác, dẫn đến khi thọ tội xong, được sanh lại làm người, cũng chỉ sanh vào nhà bần cùng, hạ tiện.

Bồ Tát lại quán biết có chúng sanh tu bố thí, xả bỏ xan tham, tu trì giới, được sanh về cõi trời Dục giới, hoặc sanh làm người vào nhà giàu sang, phú quý.

Bồ Tát lại quán biết có chúng sanh tu ly dục, trừ 5 cái, được 5 căn, tu thiền quán, được sanh về cõi trời Sắc giới.

Bồ Tát lại quán biết có chúng sanh xả sắc tướng, chẳng niệm các tạp tướng, vào vô biên hư không xứ định, được sanh về cõi trời Vô Sắc Giới.

Bồ Tát biết rõ tất cả các sự kiện nêu trên đây đều phát xuất từ tà niệm cả. Vì sao? Vì chưa có được giải thoát, dù được sanh lên các cõi trời, nhưng khi hưởng hết phước báo rồi thì cũng vẫn bị đọa lạc, xoay vần lên xuống trong 6 nẻo đường sanh tử. Ví như lấy một sợi dây dài buộc vào chân một con chim rồi thả cho nó bay bổng lên cao, thì cuối cùng chim vẫn bị sợi dây kéo nó về chỗ cũ.

Bồ Tát dùng "vô tác tam muội" dẫn dắt chúng sanh vào nơi vô tác, vô nguyện, dạy chúng sanh biết rõ thân này chỉ là như huyễn, như hóa, chỉ là một tập hợp da, thịt, xương, gân, máu huyết v.v… toàn là những thứ bất tịnh, còn tâm thì luôn dao động, chẳng có được an, niệm niệm sanh diệt chẳng có định tướng, nên cũng chỉ là như huyễn như hóa.

Lại nữa, do chúng sanh trú chấp vào các tướng ăn, uống, nằm, ngồi, đi, đứng v.v… chấp có ngã và ngã sở rồi ức tưởng phân biệt giữa ta với người, khởi sanh bao nhiêu tội lỗi.

Bồ Tát lại dùng "không tam muội" dạy chúng sanh đoạn chấp ngã và chấp pháp, dẫn dắt họ an trú nơi pháp "không".

Bồ Tát lại dùng "vô tướng tam muội" dạy chúng sanh đoạn hết thảy các chấp tướng, dẫn dắt họ vào nơi thật tế vô tướng. Bồ Tát dạy chúng sanh biết rõ hết thảy các tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Chúng sanh do phân biệt chấp có các pháp tướng, như các tướng nam, nữ, tốt xấu, vui buồn, thương ghét v.v… mà khởi sanh bao nhiêu tội lỗi, nên Bồ Tát dạy họ phải đoạn trừ các chấp tướng vậy.

Hỏi: *Giáo hóa chúng sanh khiến họ vào được nơi pháp "không" là đủ rồi. Vì sao lại phải dạy họ đầy đủ cả 3 tam muội "không, vô tướng và vô tác" làm gì?*

Đáp: Căn trí của chúng sanh chẳng có đồng đều nhau.

Hạng người lợi căn thượng trí, nghe thuyết về các pháp "không, vô tướng và vô tác" có thể tín giải, dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Hạng người độn căn thiểu trí, vừa nghe thuyết về pháp "không", liền chấp "không". Bởi vậy nên phải vì họ thuyết rõ thêm về "vô tướng", cho họ biết rõ ở nơi thật tướng hết thảy pháp đều là "không", là "vô tướng".

Có hạng người tuy đã biết được "không" và "vô tướng", nhưng lại vẫn chấp thân hữu vi, khiến khởi sanh bao nhiêu tội lỗi. Đối với hạng người này, thì phải nên vì họ thuyết về "vô tác", dạy họ biết rõ thân là hư vọng, chẳng thật có, chẳng có gì phải chấp đắm.

Trong kinh có dạy: Ngoài thân Bồ Tát ra thì hết thảy thân của các loài chúng sanh đều chẳng có được một niềm vui nho nhỏ trong khoảnh khắc, huống nữa là được hưởng sự an vui lâu dài. Bởi vậy nên đối với hạng người chấp đắm sắc thân, Bồ Tát phải vì họ thuyết về "vô tác", dạy cho họ biết rõ có thân là có khổ, chẳng nên chấp đắm thân này.

Tóm lại, tùy theo căn trí của chúng sanh, mà Bồ Tát phải phương tiện dùng 3 tam muội "không, vô tướng và vô tác" để giáo hóa họ".

Chiết giải của Đại Trí Độ Luận quá tỉ mỉ rõ ràng, nói lên được tính cách thẩm sâu của ***pháp không, pháp như cũng như tất cả pháp mầu Phật đạo****. Nên Kinh ĐBN nói phẩm này có "Giáo Nghĩa Thẳm Sâu" hay Kinh MHBNBLMĐ bảo phẩm này là "Thâm Áo". Đây là phẩm có giáo lý khó khăn, chỉ có bậc thật tu thật chứng như Bồ Tát Long Thọ mới có thể luận giải vi diệu như thế. Vậy, tụng đọc thọ trì Bát nhã Ba la mật phải tập trung cao độ mới có thể thâm nhập được.*

Đó là lý do khiến Kinh bảo chỉ có người có trí tuệ hòa nhã mới có thể thọ trì được Kinh này. Chúng ta không tự nhận là người hòa nhã mà chúng ta có thể nói nhờ phúc duyên tu tập nhiều đời nhiều kiếp Kinh này, lại phụng thờ các thiện tri thức và chư Phật chư Bồ Tát, lại hết lòng cung kính cúng dường chư vị nên mới có được dịp may phụng trì Kinh này. Vậy, phải cố gắng thôi./.

---o0o---

55. PHẨM "MỘNG HÀNH"

Đầu Q.451, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với phần cuối phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.330, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Nếu ở trong mộng, đại Bồ Tát thực hành ba Tam ma địa này, thì đối với Bát Nhã thẳm sâu có tăng ích chăng?

Thiện hiện đáp:

- Nếu vào ban ngày đại Bồ Tát thực hành ba Tam ma địa này có tăng ích đối với Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thì trong mộng vị ấy thực hành cũng có tăng ích. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì ban ngày hay mộng không sai khác vậy. Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát ban ngày hành Bát Nhã, đã gọi tu tập Bát Nhã, Bồ Tát này trong mộng hành Bát Nhã cũng gọi tu tập Bát nhã Ba la mật, không có gì sai khác. Ba tam ma địa đối Bát nhã Ba la mật năng làm tăng ích cũng lại như vậy.

Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Các bậc Bồ Tát tạo nghiệp ở trong mộng có tăng ích hay tổn giảm? Phật thường nói hữu vi hư dối chẳng thật như mộng sở tác, làm sao nghiệp kia có tăng giảm được? Vì sao? Vì **chẳng phải nghiệp sở tác ở trong mộng có được tăng ích hoặc tổn giảm, cần đến khi giác biết, nhớ tưởng phân biệt cảnh sở tác trong mộng mới có tăng giảm.**

Thiện Hiện đáp rằng:

- Có những vụ ban ngày giết người, ban đêm trong mộng nhớ tưởng phân biệt rất đỗi sung sướng; hoặc lại có người trong mộng dứt mạng kẻ khác, đến khi thức giấc rất vui mừng. Hai nghiệp như thế, ý Ngài hiểu sao?

Xá Lợi Tử nói:

- **Không sở duyên thì hoặc nghĩ, hoặc nghiệp đều chẳng sanh, cần có sở duyên thời nghĩ và nghiệp mới sanh**. Nghĩ và nghiệp trong mộng duyên đâu mà sanh?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Như vậy, như vậy! **Hoặc mộng hoặc giác không sở duyên thì nghĩ và nghiệp chẳng sanh. Cần có sở duyên nghĩ nghiệp mới khởi**. Vì sao? Xá Lợi Tử! Hoặc mộng, hoặc giác ở trong cái thấy cái biết nếu giác huệ chuyển, sẽ khởi nhiễm, khởi tịnh. Nếu trong cái thấy biết, giác huệ chẳng chuyển, thì cũng không có nhiễm tịnh. Do đây nên biết hoặc mộng, hoặc giác, có sở duyên nghĩ nghiệp mới khởi, không có sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh.

Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Phật nói nghĩ nghiệp đều xa lìa tự tánh, làm sao nói được có sở duyên thì có sanh khởi?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Tuy các nghĩ, nghiệp và sở duyên tự tánh đều không, mà do tự tâm nắm lấy tướng phân biệt nên nói nghĩ nghiệp có sở duyên sanh. Nếu không có sở duyên, nghĩ nghiệp chẳng khởi.

Bấy giờ Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Nếu ở trong mộng đại Bồ Tát tuy hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Bát nhã Ba la mật, rồi đem căn lành ấy ban cho khắp hữu tình một cách bình đẳng, để cùng nhau hồi hướng Vô thượng Bồ đề thì đại Bồ Tát ấy có thật sự hồi hướng để cầu Vô thượng Chánh đẳng giác không?

Thiện Hiện đáp:

- Bồ Tát Từ Thị đã được thọ ký Bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề từ lâu, chỉ còn một đời sẽ được làm Phật, Ngài có thể trả lời tất cả các lời vấn nạn; hội chúng nên thưa hỏi Ngài, nhất định Bổ Xứ Từ Tôn sẽ đáp cho.

Theo lời Thiện Hiện, Xá lợi Tử cung kính thưa hỏi Từ Thị Bồ Tát.

Từ Thị Bồ Tát bảo Xá Lợi Tử rằng:

- Sao gọi danh Từ Thị năng đáp? Vì sắc chăng, hay vì thọ tưởng hành thức chăng? Vì sắc không chăng, hay vì thọ tưởng hành thức không chăng? Vả lại, sắc chẳng năng đáp, thọ tưởng hành thức cũng chẳng năng đáp. Sắc không chẳng năng đáp, thọ tưởng hành thức không cũng chẳng năng đáp. Vì sao? Xá Lợi Tử! Ta đều chẳng thấy có pháp năng đáp, có pháp sở đáp, chỗ đáp, thời đáp và do đây mà đáp. Ta đều chẳng thấy có pháp năng ký, có pháp sở ký, chỗ ký, thời ký và do đây mà ký. Vì tất cả pháp bản tánh đều không, vô sở hữu, không hai không riêng, gạn tìm rốt ráo chẳng thể được vậy.

Cụ thọ Xá lợi Tử lại hỏi đại Bồ Tát Từ Thị:

- Thưa nhơn giả! Có phải pháp Ngài chứng được là như điều Ngài vừa nói không?

Từ Thị đại Bồ Tát nói:

- Pháp ta chứng được chẳng giống như điều ta đã thuyết. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì pháp ta đã chứng là bất khả thuyết.

Khi ấy, Xá lợi Tử suy nghĩ: Từ Thị Bồ Tát có trí tuệ sâu rộng, từ lâu đã tu tất cả các pháp bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật viên mãn, dùng vô sở đắc làm phương tiện nên mới có thể đối đáp được những lời gạn hỏi như vậy.

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Ý ngươi nghĩ sao? Nhờ pháp nào ông chứng quả A la hán, ông có thấy pháp đó khả thuyết không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Các Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, sở chứng các pháp cũng lại như vậy. Bồ Tát đó không nghĩ: Nhờ pháp này mà ta đã được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Cũng không nghĩ: Nhờ pháp này ta sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Xá lợi Tử! Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không có sanh tâm do dự tự hỏi: Ta có đắc được Vô thượng Bồ đề hay không mà chỉ nghĩ: Ta nhất định sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá Lợi Tử! Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật khi nghe pháp thậm thâm tâm họ không khiếp, không hãi, không ngại, không hối, không thối, không lo buồn, tự biết mình chắc chắn sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đã mong cầu và làm lợi lạc hữu tình cho đến tận đời vị lai.

Sơ giải:

Phẩm "Mộng Hành" của Hội thứ II tương đương với phần cuối phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.330, Hội thứ I, ĐBN, chúng tôi đã lược giải rồi. Tuy nhiên, đây là một phẩm hay, vì nó có thể trả lời những vấn đề thuộc nội tâm của chúng ta về tội lỗi hoặc vô tình không để ý hay không biết mà tạo nghiệp.

Phẩm "Tướng Không" Q.516, Hội thứ III và phẩm "Tham Hành" Q.563, Hội thứ V, ĐBN, do nhóm của Tam tạng Huyền Trang dịch *cùng*

một tư tưởng với đoạn Kinh này, đại khái như sau: Có sở duyên nghĩ nghiệp khởi, không sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh. Vậy, trong đêm nằm mộng thấy mình tạo nghiệp, nghiệp đó cũng không tăng không giảm, chỉ lúc tỉnh phân biệt phát sanh vui mừng như người nằm mộng thấy mình giết được kẻ thù, lòng vui thích. Những nghĩ tưởng như vậy là tạo nghiệp nên tăng ích.

Vì vậy, Tu Bồ đề mới giải thích cho Xá Lợi Phất:

"Hoặc mộng hoặc tỉnh không có sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh, cần có sở duyên nghĩ nghiệp mới khởi. Vì sao Xá Lợi Phất? Ở trong pháp thấy nghe giác biết, có giác huệ chuyển, do đấy khởi nhiễm, khởi tịnh. Nếu không có thấy nghe giác biết, giác huệ không chuyển, cũng không nhiễm tịnh. Do đây nên biết hoặc mộng hoặc tỉnh, có sở duyên nghĩ nghiệp khởi, cho đến không có sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh"*(1)*.

Nếu vậy, một người ngồi trong phòng trống thiền định, niệm niệm tuôn đến không ngừng, nào ác nào thiện, nào xấu nào tốt... thì có coi đó là nghĩ nghiệp sanh hay không? Trong trường hợp này, Huệ mạng Tu Bồ Đề trả lời: **"Mặc dù các nghĩ nghiệp và sở duyên tự tánh đều không, mà do tự tâm làm tướng phân biệt, nên nói nghĩ nghiệp có sở duyên sanh, nếu không nghĩ nghiệp chẳng sanh"***(2).*

Nghĩ nghiệp không, sở duyên cũng không, do tự tâm phân biệt nên mới "có chuyện". Kinh Lăng Nghiêm nói: **"Tự tâm mà trách tự tâm, chân tâm biến thành huyễn".** *Cổ đức cũng có câu:* **"Cuồng tâm chẳng nghỉ** *(chẳng chịu dừng)***, nghỉ tức Bồ đề".**

***

Theo thế pháp tội chỉ thành tựu khi phát ra hành động cụ thể như tội trộm được định danh là "lược thủ một vật ngoài sự hay biết của kẻ khác". Vậy muốn kết tội một người về tội trộm thì trước hết phải bắt quả tang người ấy lược thủ (đánh cắp) một vật, vật đó không thuộc về mình mà thuộc quyền sở hữu của người khác.

Hình luật Pháp quốc khi xưa lúng túng với các tội như ăn quỵt, trộm điện hay đi xe buýt (bus) không trả tiền. Như tội ăn quỵt, người nầy trịnh trọng vào tiệm gọi thức ăn, người hầu bàn mang thức ăn đến cho hắn. Ở

đây hắn không ăn cắp món ăn ngoài sự hay biết của kẻ khác. Tội trộm điện, điện không được coi là một vật cụ thể có thể thấy bằng mắt. Người đi xe buýt, hắn bước lên xe đàng hoàng, ai cũng thấy, tới nơi xuống xe, hắn không lược thủ vật gì không thuộc quyền sở hữu của người khác. Không luật, không thành tội. Tòa án bắt buộc phải tha bổng những người nầy. Về sau nước Pháp mới định danh những hành động như trên (ăn quỵt, trộm điện v.v…) thuộc tội trộm.

***

Tôn giáo, gồm luân lý, đạo đức… trên cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần, đòi hỏi một sự trong sáng tuyệt đối. Những gì được coi là tội lỗi không cần phải thể hiện bằng hành động, nó chỉ cần manh nha qua tâm tưởng. Giới là hàng rào ngăn chặn những tội lỗi xâm nhập từ ngoài vào. Giới có nặng có nhẹ, có khai, có giá(3) tùy cấp thọ giới(4). Bồ Tát giới là giới luật khó khăn, tế nhị nhất không những giới dùng ngăn chặn những tội lỗi từ bên ngoài mà còn ngăn chặn những tội lỗi manh nha từ nội tâm. Có sở duyên hay không sở duyên không cần biết, một khi móng khởi một niệm tham, sân hay si, hoặc một việc đáng làm mà không làm, hoặc suy nghĩ, hành động trái với tàm và quý (tự mình xấu hổ hay hổ thẹn với kẻ khác) thì coi như là có tội, phải lập đàn sám hối hay quỳ hương tùy theo tội nặng hay nhẹ!

***

*Tôi còn nhớ một **câu chuyện của một nhà Sư trẻ**, sắp hàng để nhận của tín thí. Cúng dường là món xôi mà Sư thích. Nhưng nhiều người sắp hàng quá, Sư nghĩ đến lượt mình chắc hết. Khi nghĩ như vậy Sư giật mình và tự mắng là tham lam, rồi lấy tay tát mạnh vào mặt, tự động bước ra khỏi hàng quay về am với bình bát rỗng không. Sư nhịn đói ngày hôm đó để tự trừng phạt sự sai quấy của mình!*

***

Phẩm này được Hội thứ I, ĐBN chiết giải rồi, nay chỉ lặp lại để nhớ, chẳng có gì mới mẻ ở đây.

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Năng duyên và sở duyên: Chủ thể nhận thức là năng duyên, còn khách thể (đối tượng) của nhận thức là sở duyên. Nói khác tâm vương và tâm sở gọi là năng duyên, trần cảnh gọi là sở duyên. Tâm vương và tâm sở không tự phát sanh, phải nhờ có chỗ nương vịn vào mới phát sanh tác động. Chỗ nương vịn vào thì gọi là sở duyên như giây leo nhờ rào dậu mà leo chuyền mãi.

*(2). **"Mặc dù các tư duy, tạo tác mà sở duyên của chúng tự tánh đều không, nhưng do tự tâm thủ tướng phân biệt nên nói tư duy tạo tác có sở duyên mới sanh. Nếu không có sở duyên, thì tư duy và tạo tác không khởi"**. Tư duy phân biệt là năng, cái nương vịn vào để chấp (sắc trần…) là sở. Tâm nương vịn vào sở duyên để phân biệt, chấp trước thì gọi là phan duyên, giống như dây leo nhờ có rào dậu bám vào nên mới có thể chuyền leo mãi được.*

(3). Có khai, có giá: Có chỗ cho phép, có chỗ cấm chỉ.

(4). Người thọ giới: Gọi chung là Chúng, ám chỉ người xuất gia và tại gia. Có bảy chúng là: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di./.

---o0o---

56. PHẨM "HẠNH NGUYỆN"

Giữa Q.451, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với phẩm cùng tên là "Hạnh Nguyện", đầu Q.331, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm này nói về hạnh nguyện của Bồ Tát tu 6 pháp Ba la mật để trước là thành thục chúng, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, sau là để chứng được Nhất thiết trí trí.

Đa số Kinh điển Đại thừa nhất là các Kinh của Tịnh độ tông, thường thuyết chung chung về đề tài này, tiêu biểu là Kinh Vô Lượng Thọ mà trong đó có tỳ kheo Pháp Tạng lập 48 điều nguyện trước khi trở thành Phật A Di Đà. Phẩm "Hạnh Nguyện" của Hội thứ II, ĐBN cũng có những ước nguyện tương tự. Nhưng ở đây Bồ Tát tu hành lục Ba la mật dẫn đến Nhất thiết trí trí, để thực hiện các ước nguyện trong việc đem lại hạnh phúc và an lạc cho toàn thể chúng sanh.

Tóm lược:

Bấy giờ, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Có Bồ Tát **tu hành bố thí Ba la mật**, thấy các hữu tình bị đói khát bức, ăn mặc rách rưới, thiếu thốn đồ nằm, của cải đều chẳng như ý. Thấy việc này rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế khiến lìa xan tham, không bị nghèo đói. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành bố thí Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không thiếu thốn như thế. Như trời Tứ thiên vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại thọ dụng các thứ của vui thượng diệu, các loại hữu tình trong cõi Phật ta cũng thọ các thứ của vui thượng diệu. *(Q.451, ĐBN)*

Thiện Hiện! Bồ Tát này do bố thí Ba la mật đây chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát **tu hành tịnh giới Ba la mật**, thấy các hữu tình phiền não xí thạnh sát hại lẫn nhau cho đến tà kiến. Do nhân duyên đây chết yểu nhiều bệnh, dung nhan u ám, không có oai đức, của cải thiếu thốn, sanh nhà hạ tiên, thân thể khiếm khuyết, nhiều việc xấu bẩn. Thấy việc này rồi, tác suy nghĩ đây: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến xa lìa các quả ác nghiệp. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành tịnh giới, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không các quả ác nghiệp như thế. Tất cả hữu tình đều hành thập thiện, hưởng quả báo thù thắng trường thọ thảy.

Thiện Hiện! Bồ Tát Ma ha tát này do tịnh giới Ba la mật đây, chóng được viên mãn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát **tu hành an nhẫn Ba la mật** thấy các hữu tình giận dữ lẫn nhau, miệng đầy dao mác, hủy mạ lăng nhục, dùng dao gậy tàn hại lẫn nhau. Thấy việc này rồi, tác suy nghĩ này: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến xa lìa ác tâm như vậy. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyên rằng: Ta nên tinh siêng chẳng đoái thân mạng tu hành an nhẫn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không phiền não ác nghiệp như thế. Tất cả hữu tình lần lữa xem nhau như cha như mẹ, anh chị em, vợ con quyến thuộc, chẳng chống trái nhau.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do an nhẫn Ba la mật đây, chóng được viên mãn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát **tu hành tinh tấn Ba la mật**, thấy các hữu tình lười nhác biếng trễ chẳng siêng tinh tấn, nói bỏ tam thừa, cũng chẳng năng tu nghiệp lành trời người. Thấy việc này rồi, liền nghĩ đây: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến xa lìa biếng trễ, lười nhác. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành tinh tấn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không biếng nhác, lười trễ như thế. Tất

cả hữu tình tinh tấn mạnh mẽ siêng tu thiện thú và nhân Tam thừa, sanh trong người trời, mau chứng giải thoát.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do tinh tấn Ba la mật đây chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát **tu hành tĩnh lự Ba la mật**, thấy các hữu tình năm che*(1)*, mất các tĩnh lự vô lượng vô biên. Thấy việc này rồi,tác nghĩ này: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến xa lìa tán động. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành tĩnh lự, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không thứ ngăn che tán động như thế. Tất cả hữu tình tự tại vào ra các tĩnh lự thắng định vi diệu.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do tĩnh lự Ba la mật đây chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát **tu hành Bát Nhã la mật** thấy các hữu tình ngu si ác huệ, mất chánh kiến thế gian, xuất thế gian, không nghiệp thiện ác và nhân quả, chấp đoạn chấp thường, chấp nhất chấp dị, đồng chẳng đồng thảy các thứ tà pháp. Thấy việc này rồi, tác nghĩ này: Ta phải làm sao cứu cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến xa lìa ác kiến tà chấp. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng, chẳng đoái thân mạng, tu hành Bát Nhã, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không ác huệ tà chấp như thế. Tất cả hữu tình trọn nên chánh kiến, các thứ diệu huệ đầy đủ trang nghiêm.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do Bát nhã Ba la mật đây chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình ba nhóm sai khác***(2)*. Thấy việc đây rồi, tác nghĩ này: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến lìa nhóm tà định và bất định. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Trong cõi Phật ta được danh không tà định và bất định, **tất cả các hữu tình đều trụ chánh định.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình đọa ba ác thú chịu các khổ dữ**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loài hữu tình khiến lìa hẳn khổ ba ác thú. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta không có danh ba ác thú*(3)* như thế, **tất cả hữu tình đều thuộc thiện thú.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình do ác nghiệp chướng, ở chỗ đại địa cao thấp chẳng đều, gò đồi mương hầm, cỏ uế gốc trụi, gai độc chơm chởm, bất tịnh đầy rẫy**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến diệt trừ hẳn các ác nghiệp chướng, được ở nơi đất bằng như bàn tay, không các việc cỏ uế gốc trụi v.v... Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta không có các nghiệp tạp uế như vậy, cảm thấy **đại địa bằng phẳng trang nghiêm, nhiều hoa quả, rất được ưa thích.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình vì phước mỏng, ở chỗ đại địa không các ngọc báu, chỉ có nhiều thứ đất đá ngói sỏi**. Thấy được đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình tội dày phước mỏng như thế, khiến ở nơi giàu sang, nhiều ngọc báu. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không tạo nhiều tội ít

phước như thế. **Cát vàng rải đất, chỗ nào đều có phệ lưu ly thảy nhiều quý lạ, hữu tình mặc tình thọ dụng**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ sáu thứ Ba la mật thấy các **hữu tình nhiếp thọ nhiều thứ yêu đắm, phát khởi các thứ ác nghiệp bất thiện**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình nhiều nhiếp thọ như thế, khiến lìa hẳn ác nghiệp mê đắm. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không nhiều điều nhiếp thọ như thế. **Tất cả hữu tình đối sắc thanh thảy không nhiếp thọ, chẳng sanh mê đắm**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình có 4 loại giai cấp sang hèn sai khác**, là Sát đế lợi, Bà la môn v.v... Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến không có giai cấp sai khác. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta không có bốn hạng giai cấp sang hèn sai khác như thế. Tất cả hữu tình **đồng một sắc loại, thảy đều tôn quý nhiếp thuộc như nhau**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình có hạ trung thượng gia tộc sai khác**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến không ở trong ba hạng hạ trung thượng phẩm gia tộc sai khác như thế. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành sáu thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta không có ba hạng hạ trung thượng phẩm gia tộc sai khác như thế, **tất cả hữu tình đều đồng thượng phẩm**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình đẹp đẽ xấu xí hình sắc sai khác**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến không hình sắc đẹp xấu sai khác như thế. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta được các loại hữu tình không hình sắc đẹp xấu sai khác như thế, **tất cả hữu tình đều sắc chơn kim đoan nghiêm đẹp lạ,** được chúng ưa thấy, trọn nên đệ nhất tịnh sắc viên mãn.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình hệ thuộc cảnh chúa tôi**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến được tự tại. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các loại hữu tình trong cõi Phật ta không có cảnh chúa tôi, có làm điều gì đều được tự tại. Cho đến **chẳng thấy hình tượng chúa tể**, cũng chẳng còn nghe danh dự chúa tể. Chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, dùng pháp thống nhiếp gọi là Pháp Vương.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình có địa ngục thảy các thú sai khác**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến không có thiện ác các thú sai khác. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Trong cõi Phật ta được không thiện ác các thú sai khác, cho đến không có danh tự địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, A tu la, người, trời**. Tất cả hữu tình đều đồng một loại, đẳng tu một nghiệp là đều hòa hợp tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. An trụ nội không cho

đến vô tánh tự tánh không. An trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. An trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Tu hành 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Tu hành 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. Tu hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Tu hành Đà la ni môn, Tam ma địa môn. Tu hành 5 nhãn, 6 thần thông. Tu hành Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tu hành pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Tu hành Bồ Tát hạnh và chư Phật Vô Thượng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình sanh ra làm 4 loài sai khác**. Chỗ gọi là thai sanh, hay sanh ra từ trứng, sanh nơi ẩm thấp hay hóa sanh. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt khiến không có 4 loại sanh sai khác như thế. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta **không có 4 loài sanh sai khác** như thế. Các loại hữu tình đều đồng hóa sanh.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình không có 5 thần thông**, làm việc gì cũng chẳng được tự tại. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt hữu tình đều khiến được đắc 5 thần thông. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta các loại **hữu tình đều có 5 thần thông làm việc gì cũng được tự tại**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình thọ dụng đoạn thực**, thân có các thứ đại tiểu tiện, mủ máu hôi hám, rất đáng nhàm chán. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình này, khiến trong thân không các tiện uế như thế. Đã suy

nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta, các loại **hữu tình chỉ đồng thọ dụng diệu pháp hỷ thực**, tất cả tương tự như cõi trời Cực quang tịnh, trong ngoài thân thể không có các tạp uế.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình thân không ánh sáng**, có làm việc gì phải cầu bên ngoài chiếu soi. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến lìa thân không ánh sáng như thế. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện này rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta các **loại hữu tình thân đủ ánh sáng, chẳng cần ngoài soi**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình cõi nước chỗ ở có ngày có đêm, có tháng nửa tháng, thời tiết năm số chuyển biến khác thường**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến chỗ ở không ngày đêm thời tiết biến đổi. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Trong cõi Phật ta không tên ngày đêm, tháng, nửa tháng thời tiết chuyển biến v.v…**

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình thọ lượng ngắn ngủi**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến được thọ lượng lâu dài. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến

chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta các loại **hữu tình thọ lượng lâu xa kiếp số khó biết**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình thân không tướng hảo**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình khiến được tướng hảo. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành sáu thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô Thượng Chánh giác. Trong cõi Phật Ta, **các loại hữu tình thân đủ tướng hảo**, viên mãn trang nghiêm, hữu tình được thấy, đều có niềm vui tịnh diệu.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do sáu thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình thiếu các căn lành**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế khiến đủ căn lành. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta các loại **hữu tình tất cả trọn nên căn lành thắng diệu**. Do căn lành đây, sắm được đồ cúng thượng diệu cúng dường chư Phật. Nhờ phước lực này tùy sanh chỗ nào, lại năng cúng dường chư Phật Thế Tôn.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình thân tâm đủ bệnh**. Thân bệnh có 6 là bệnh gió, nóng, đàm và hỗn tạp. Tâm cũng có 6 bệnh là bệnh tham, sân, si và mạn thảy. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế khiến đủ căn lành. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta, các loại **hữu tình thân tâm thanh tịnh, không các bệnh khổ cho đến không có danh thân tâm bệnh**.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình có nhiều ý tưởng Tam thừa sai khác**. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt các loại hữu tình, khiến nới bỏ ý tưởng Nhị thừa, chỉ khiến muốn tới Vô thượng Đại thừa. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta, các loại hữu tình duy cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chẳng muốn quả Thanh văn, Độc giác thừa, cho đến **không có danh nghĩa Nhị thừa.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy các **hữu tình khởi tăng thượng mạn**, chưa được nói được, chưa chứng nói chứng. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến tháo bỏ gút tăng thượng mạn. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cõi Phật ta **không có kẻ tăng thượng mạn** như thế. Tất cả hữu tình lìa tăng thượng mạn.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quang minh, thọ lượng, đệ tử chúng số đều có phần hạn. Thấy việc đây rồi, liền nghĩ: **Ta phải làm sao được quang minh, thọ lượng, đệ tử chúng số đều không phần hạn**. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khiến ta bấy giờ được quang minh, thọ lượng, đệ tử chúng số đều không phần hạn.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu đủ 6 thứ Ba la mật, thấy có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **cõi xứ quốc độ chu vi hữu lượng**. Thấy việc

đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cho cõi xứ chu vi vô lượng. Đã suy nghĩ rồi, khởi nguyện rằng: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành sáu thứ Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến chóng viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Thế giới Tam thiên đại thiên 10 phương đều như số cát Căng già hợp làm một cõi, ta ở trong ấy thuyết pháp giáo hóa vô lượng vô số vô biên hữu tình.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ 6 Ba la mật, thấy các **hữu tình đường sanh tử quá dài, ác cõi hữu tình số ấy vô biên**. Đại Bồ Tát này thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ngằn mé sanh tử y như hư không, các cõi hữu tình cũng lại như thế. Tuy không thật có các loại hữu tình trôi lăn trong sanh tử hoặc được Niết bàn, mà các hữu tình vọng chấp là có, xoay quanh sanh tử, chịu khổ vô biên. Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt. Đã suy nghĩ rồi, liền nguyện: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến cho chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì các hữu tình thuyết Vô thượng pháp, đều khiến giải thoát đại khổ sanh tử, cũng khiến chứng biết sanh tử, giải thoát đều vô sở hữu, rốt ráo đều không. *(Q.451, ĐBN)*

Thiện Hiện! Bồ Tát này do 6 thứ Ba la mật đây chóng được viên mãn, năng chứng Nhất thiết trí trí.

Thích nghĩa:

(1). Năm che còn gọi ngũ cái, ngũ che: Năm loại phiền não chướng ngại chân tâm, che mờ tánh giác. Đó là: Tham dục (貪欲)*, sân khuể* (瞋恚)*, hôn trầm* (沈)*, điệu hối* (掉悔)*, nghi* (疑).

(2). Ba nhóm sai khác: Chánh định, tà định và bất định.

(3). Ba ác thú ở đây là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

(1). (2). và (3). Đều thích nghĩa rồi, chỉ nhắc lại cho nhớ!

Sơ giải:

Phẩm "Hạnh Nguyện" của Hội thứ II tương đương với phẩm cùng tên là "Hạnh Nguyện", phần đầu Q.331, Hội thứ I, ĐBN cốt nói lên ước nguyện sâu xa của một vị Bồ Tát ***giống như ước nguyện của Tỳ kheo***

***Pháp Tạng trong Kinh Vô Lượng Thọ trước khi thành Phật A di đà**. Đó cũng là ước nguyện của Văn Thù Sư Lợi, của Phổ Hiền Bồ Tát, của Đức Quán Âm Bồ Tát hoặc bất cứ vị Bồ Tát nào trong hằng sa thế giới…*

Tu Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh là thực hiện Bồ đề tâm, Bồ Tát hạnh là quyết tâm đạt Bồ đề vì lợi ích của hữu tình, nhằm dẫn dắt chúng sanh đến Niết bàn dù phải trải qua bao thử thách gian khổ trong vô lượng kiếp. Nhưng muốn thực hiện hạnh nguyện đó thì trước nhất phải tu đủ 6 phép Ba la mật còn gọi là tu lục độ vạn hạnh sau tu tất cả các pháp môn Phật học, rồi phải tích tụ thiên căn công đức, mới có thể đạt Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, để phục vụ chúng sanh.

Hạnh nguyện của Bồ Tát là những hạnh nguyện cao cả, khó thực hiện. Nhờ hạnh nguyện này mà hạt giống Phật duy trì mãi với thời gian. Hạnh nguyện đó không ngoài việc thực thi một thế giới lý tưởng mà nhân loại hằng mơ ước, hay nói khác là Bồ Tát muốn tạo một mô hình gương mẫu mà vô lượng vô biên thế giới 10 phương hằng ước mơ về mọi phương diện vật chất cũng như tinh thần cốt mang lại hạnh phúc ấm no cho toàn thể chúng sanh.

Phẩm này của Kinh ĐBN, Q.451 nói rằng:

"Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ 6 Ba la mật, thấy các **hữu tình đường sanh tử quá dài, ác cõi hữu tình số ấy vô biên**. Đại Bồ Tát này thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ngằn mé sanh tử y như hư không, các cõi hữu tình cũng lại như thế. Tuy không thật có các loại hữu tình trôi lăn trong sanh tử hoặc được Niết bàn, mà các hữu tình vọng chấp là có, xoay quanh sanh tử, chịu khổ vô biên. Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt. Đã suy nghĩ rồi, liền nguyện: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến cho chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì các hữu tình thuyết Vô thượng pháp, đều khiến giải thoát đại khổ sanh tử, cũng khiến chứng biết sanh tử, giải thoát đều vô sở hữu, rốt ráo đều không".

*(Phần sau của **phẩm thứ 58, "Mộng Hành", Tập 4, quyển 75, Đại Trí Độ Luận** kết luận:*

"Phật khai thị cho chúng sanh biết rõ đại tâm, đại nguyện của Bồ Tát như sau:

Dù biết rõ đường sanh tử rất dài, biết rõ chúng sanh tương tục chìm đắm trong sanh tử, chịu rất nhiều khổ đau, biết rõ chúng sanh vô lượng vô số ở trong khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng biết rõ chúng rất khó độ, nhưng Bồ Tát chẳng hề thối tâm. Bồ Tát biết rõ thối tâm Bồ Đề là tà niệm, là chẳng viên thành được bản nguyện độ sanh. Bởi vậy Bồ Tát thường hành chánh niệm, xem tất cả các sự việc nêu trên đây đều là như mộng như huyễn là như hư không.

Vì xem chúng sanh là như hư không, xem bờ sanh tử cũng là như hư không, nên Bồ Tát phát nguyện ở trong thế gian, chung sống với các loài chúng sanh, nhằm giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh như vậy, độ thoát chúng sanh như vậy, mà Bồ Tát thật chẳng thấy có chúng sanh nào được độ cả, vì thật chẳng có chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, cũng chẳng có chúng sanh nào được giải thoát cả. Bồ Tát thấy vô lượng đời vị lai chỉ như trong một niệm, chẳng có lâu xa. Do vậy mà Bồ Tát được đủ trí huệ lực, phước đức lực, vượt qua vô lượng kiếp gần đến Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy **là Phật nêu lên đầy đủ các duyên pháp, khiến Bồ Tát chẳng nhàm chán sinh tử, chẳng rời bỏ chúng sanh**. Bồ Tát thấy chúng sanh như huyễn, như hóa, như hư không, nên tuy chúng sanh là vô số vô lượng, mà thật chẳng có chúng sanh để độ thoát; lại nữa nếu chúng sanh là vô số vô lượng, thì trí huệ của Bồ Tát cũng vô lượng vô biên, khiến Bồ Tát chẳng thấy việc độ thoát chúng sanh là việc khó làm vậy”).

Kinh đã diễn tả rất chi tiết về các hạnh nguyện này nên không cần lặp lại nữa. Phẩm này dễ hiểu, ai cũng có thể lãnh hội./.

---o0o---

57. PHẨM "TRỜI CĂNG GIÀ" hay "CĂNG GIÀ THIÊN"*(1)*

Cuối Q.451, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm cùng tên là "Căng Già Thiên", giữa Q.331, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên nữ tên Căng Già Thiên từ tòa đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối hữu chấm đất, chắp tay cung kính thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ tu đủ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Tịnh độ được con trang nghiêm cũng giống như cõi Phật mà hôm nay đức Thế Tôn đã nói cho đại chúng nghe trong Kinh Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này, trong đó mọi thứ đều viên mãn.

Sau khi nói xong, Căng Già Thiên liền đem đủ loại hoa vàng, hoa bạc, các loài hoa mọc trên cạn hoặc dưới nước, đồ trang sức và một bộ thiên y màu vàng kim hết lòng cung kính rải dâng lên Phật. Nhờ thần lực Phật các thứ đó bay lên không trung xoay quanh bên phải, hóa thành đài báu có bốn trụ và bốn góc ở trên đảnh Phật. Đài ấy được trang trí xinh đẹp, rất đáng ưa thích. Đấy là Thiên nữ đem căn lành này cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Bấy giờ, Thế Tôn biết Thiên nữ kia chí nguyện sâu rộng bèn mỉm cười. Thường chư Phật khi mỉm cười thì có ánh sáng đủ màu sắc từ miệng chiếu ra. Nay Phật cũng vậy, từ miệng Ngài phóng ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, xanh biếc, xanh lục v.v… chiếu khắp mười phương vô lượng, vô biên thế giới chư Phật, rồi trở lại cõi này, hiện đại thần biến xoay quanh Phật ba vòng, rồi nhập vào đảnh Phật.

Khi ấy, A Nan Đà thấy nghe rồi, từ tòa đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, kéo áo che vai trái, gối hữu chấm đất, chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà Phật mỉm cười? Chư Phật mỉn cười chắc có nhân duyên?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Khánh Hỷ rằng:

- Thiên nữ đây tức là người thọ thân nữ sau cùng. Xả thân này rồi bèn thọ nam thân, tận đời vị lai chẳng làm nữ nữa. Từ đây chết rồi sẽ sanh qua cõi Phật Bất Động ở phương Đông, một cõi Phật rất đáng ưa thích. Ở chỗ Phật đó có hiệu là Kim Hoa, siêng tu Bồ Tát hạnh.

Khánh Hỷ! Phải biết Kim Hoa Bồ Tát từ thế giới Phật Bất Động chết rồi, lại sanh phương khác, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Sanh ở đời chỗ nào thường chẳng lìa Phật, như vua Chuyển luân từ cung điện này đến cung điện khác, vui khoái hưởng lạc, cho đến mạng chung chân chẳng đạp đất. Kim Hoa Bồ Tát cũng lại như thế, từ một nước Phật đến một nước Phật cho đến Vô Thượng Bồ đề, ở trong đời thường thấy chư Phật, hằng nghe Chánh pháp, tu Bồ Tát hạnh.

Bấy giờ, Khánh Hỷ thầm khởi nghĩ: Kim Hoa Bồ Tát khi làm Phật cũng sẽ tuyên nói Bát Nhã thẳm sâu; số lượng Bồ Tát trong hội ấy có nhiều bằng số Bồ Tát trong hội Phật hiện nay chăng?

Phật biết ý liền bảo Khánh Hỷ rằng:

- Như vậy! Như ngươi đã nghĩ! Kim Hoa Bồ Tát khi làm Phật cũng vì chúng hội tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế. Chúng Bồ Tát hội kia, số lượng cũng như chúng hội Bồ Tát của Phật hôm nay.

Khánh Hỷ! Phải biết Kim Hoa Bồ Tát khi làm Phật, đệ tử xuất gia số ấy rất nhiều chẳng thể xưng kể. Nghĩa là chẳng thể đếm hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn thảy. Chỉ có thể nói tổng số chúng vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức.

Khánh Hỷ! Phải biết Kim Hoa Bồ Tát khi thành Phật, cõi kia không có nhiều thứ tội lỗi, như trong Kinh Bát nhã Ba la mật đã nói.

Bấy giờ, Khánh Hỷ lại thưa Phật rằng:

- Thiên nữ này trước đây vào thời đức Phật nào đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, trồng các căn lành hồi hướng phát nguyện, mà nay gặp Phật cúng dường cung kính mà được trao ký Bất thối chuyển?

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Thiên nữ đây ở thời Phật Nhiên Đăng đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, trồng các căn lành hồi hướng phát nguyện, nên nay gặp Ta cúng dường cung kính mà được nhận ký Bất thối chuyển.

Khánh Hỷ! Phải biết Ta ở quá khứ chỗ Phật Nhiên Đăng đem 5 cọng hoa dâng rải Phật, hồi hướng phát nguyện. Nhiên Đăng Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác biết Ta căn lành đã thành thục, liền trao ký cho Ta: "Người đời vị lai sẽ được làm Phật, hiệu là Năng Tịch, cõi danh Kham nhẫn, kiếp hiệu là Hiền". Bấy giờ, Thiên nữ cũng đang ở đó thấy Phật Nhiên Đăng trao ký cho Ta, vui mừng khôn xiết, liền đem hoa vàng dâng rải lên Phật, phát tâm Vô thượng Bồ đề, trồng các căn lành, hồi hướng phát nguyện rằng: "Tôi đời sau đối trước Bồ Tát này khi Ngài thành Phật, sẽ trao ký đại Bồ đề cho tôi". Do duyên đó nên nay Ta trao ký cho thiên nữ này.

Bấy giờ, Khánh Hỷ nghe Phật nói, vui mừng, thưa Phật rằng:

- Chính Thiên nữ đây từ lâu vì Vô thượng Bồ đề trồng nhiều cội đức, nay được thành thục. Vì vậy, nên được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trao ký cho.

Phật bảo:

- Khánh Hỷ! Như vậy! Như ngươi đã nói! Thiên nữ Căng Già đây từ lâu vì Vô thượng Bồ đề trồng nhiều cội đức, nay đã thành thục, nên Ta trao ký sở cầu Bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề như cô ấy mong muốn.

Thích nghĩa:

(1). Căng Già Thiên, Kinh MHBNBLMĐ, quyển thứ 20 còn gọi là "Hằng Già Đề Bà": Một Thiên nữ chứng kiến ngày Phật Nhiên Đăng trao ký cho Phật Thích Ca Mâu Ni(lúc đó đang tu Bồ Tát đạo) và ngay đó phát nguyện, khi nào Bồ Tát này (tức Phật Thích Ca) thành Phật thì sẽ trao ký cho mình. Nhờ tu sáu Ba la mật, thành thục hữu tình, thanh tịnh Phật độ, trồng nhiều công đức thiện căn, lại đem các công đức ấy ban cho tất cả hữu cùng đồng hồi hướng Vô Thượng Bồ đề. Nhờ công đức thiên căn thành thục viên mãn nên Phật Thích Ca Mâu Ni trao ký cho Thiên nữ ấy.

Sơ giải:

Kinh Đại Bát Nhã đột ngột đưa ra một nhân vật tên là Căng Già Thiên hay Hằng Già Đề Bà, được Phật thọ ký thành Như Lai Chánh Đẳng giác. Sự kiện nầy có lẽ làm độc giả ngạc nhiên. Nhân vật nầy không phải là một Bồ Tát đại từ đại bi như đức Quán Âm, đại trí như Văn Thù Sư lợi, đại hạnh như Phổ Hiền Bồ Tát… Nhân vật nầy cũng không phải là đại đệ tử trí tuệ như Xá Lợi Phất, thần thông biến hóa như Mục kiền Liên, "người

giải Không" bậc nhất như Tu Bồ Đề, người có trí nhớ siêu việt như Ngài A Nan Đà hay biện tài vô ngại như Phú Lâu Na v.v… thường xuất hiện trong nhiều Kinh điển Phật học. ***Nhân vật nầy chỉ là một người bình thường trong số những người bình thường khác****.*

Tuy nhiên, Căng Già Thiên biết chứa nhóm thiện căn, tích tụ công đức, lại phát nguyện rộng lớn tu hành sáu phép Ba la mật nên được Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Điều đó chứng tỏ bất cứ ai tu hành lục Ba la mật và tất cả pháp mầu Phật đạo, chứa nhóm thiện căn, tích tụ công đức, phụng thờ Thiện hữu tri thức, cúng dường nhiều đời Phật… đều có cơ hội được thọ ký như trường hợp của thiên nữ nầy.

Phẩm nầy không phải là một phẩm đặc biệt, nhưng trở thành đặc biệt. Thiên nữ này bình thường giống như trăm ngàn thiên nữ khác nhưng được thọ ký thành Phật chỉ vì chí nguyện sâu rộng, phát Bồ đề tâm, tu hành lục độ vạn hạnh, trồng nhiều cội phước, nay đã thành thục nên được Phật thọ ký. Điều đó có nghĩa ***ai cũng có phần*** *nếu biết tiến tu như thiên nữ này.*

Phần thưởng Giác ngộ to lớn nhất không phải dành riêng cho Phật, mà dành cho tất cả chúng sanh kể từ khi Phật chứng ngộ. Phật đã trao chìa khóa đó cho tất cả chúng sanh kể từ 26 thế kỷ trước.

Tu tất cả các pháp mầu Phật đạo nhất là lục Ba la mật, lại tịnh tu phạm hạnh rồi một ngày nào đó sẽ có cơ hội, không thể ngồi hả miệng chờ sung rụng, phải cần tu khổ hạnh, đào xới bới vỡ mới có miếng ăn!

Phát Bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo, tích tụ thiện căn công đức, tôn thờ bạn lành, cúng dường cung kính tất cả chư Phật, thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, giáo hóa hữu tình không hề mệt mỏi. Đó là cơ hội!

Bởi những lý do đó nên mới có phẩm "Căng Già Thiên" này. Đây không phải là một trường hợp đặc biệt mà trở thành đặc biệt như đã nói trên, nêu gương cho bất cứ ai có nguyện ước tu Bồ Tát hạnh, muốn trở thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề để hóa độ chúng sanh./.

---o0o---

58. PHẨM "TẬP CẬN"*(1)*

Đầu quyển 452, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Khéo Học", cuối Q.331 đến đầu Q.332, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Tập Cận" này nêu các vấn đề căn bản trong việc tu trì: Nói về học và quán nhưng không tác chứng. Bồ Tát phải nhiếp tâm vào định, chứ không buộc tâm vào cảnh, Bồ Tát khi quán các pháp đều không, nhưng chẳng nên cầu chứng đắc. Vì học mà quán, không phải vì chứng mà quán. Đây là thời học, chẳng phải thời chứng, nên gọi là "học không bất chứng".

Tóm lược:

(Quán không, bất chứng)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tu hành Bát Nhã thẳm sâu như thế, các Bồ Tát làm sao tập để gần không, làm sao nhập vào Không Tam ma địa? Làm sao tập để gần Vô tướng, làm sao nhập vào Vô tướng Tam ma địa? Làm sao tập để đến gần Vô nguyện, làm sao nhập vào Vô nguyện Tam ma địa? Làm sao tập để đến gần bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo? Làm sao tập để gần Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, làm sao tu Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Tu hành Bát Nhã thẳm sâu như thế, các Bồ Tát nên **quán sắc không**, nên quán thọ tưởng hành thức không. Nên quán 12 xứ cho đến 18 giới không. Nên quán nhãn xúc cho đến ý xúc không. Nên quán nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không. Nên quán địa giới cho đến thức giới không. Nên quán vô minh cho đến lão tử không. Nên quán bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không. Nên quán nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Nên quán chơn như cho đến bất tư nghì giới không. Nói rộng ra, nên quán tất cả

pháp Phật không. Nên quán pháp hữu lậu, vô lậu không. Nên quán pháp thế gian, xuất thế gian không. Nên quán pháp hữu vi, vô vi không. Nên quán quá khứ, vị lai, hiện tại không. Nên quán pháp thiện, bất thiện, vô ký không. Nên quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không.

Thiện Hiện! Bồ Tát này khi khởi quán đây chẳng để tâm loạn. Nếu tâm chẳng loạn thời chẳng thấy pháp. Nếu chẳng thấy pháp thời chẳng tác chứng*(2)*. Vì sao? Vì Bồ Tát này khéo học các pháp tự tướng đều không. Không có pháp khá tăng, không có pháp khá giảm, nên đối các pháp chẳng thấy chẳng chứng. Vì sao? Thiện Hiện! **Ở trong thắng nghĩa đế, tất cả pháp năng chứng, sở chứng, thời chứng và do đây chứng, hoặc hợp hoặc tan đều bất khả đắc, bất khả kiến vậy.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói, các Bồ Tát nên quán các pháp là không mà không chứng đắc. Vì sao các Bồ Tát nên quán các pháp là không mà không chứng đắc?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi quán các pháp đều không, chẳng nên cầu chứng đắc. **Vì học mà quán, không phải vì chứng mà quán. Đây là thời học, chẳng phải thời chứng.**

Này Thiện Hiện! Bồ Tát này chưa vào định nên phải buộc tâm vào đối tượng, lúc đã vào định thì họ không buộc tâm vào cảnh nữa.

Thiện Hiện! Bồ Tát này mặc dù quán như vậy, nhưng chẳng lui bố thí Ba la mật chẳng chứng lậu tận, cho đến chẳng lui Bát nhã Ba la mật chẳng chứng lậu tận, chẳng lui nội không chẳng chứng lậu tận, cho đến chẳng lui vô tánh tự tánh không chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui chơn như cho đến chẳng lui bất tư nghì giới chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui 4 tĩnh lự; chẳng lui 4 vô lượng, 4 định vô sắc chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui 8 giải thoát; chẳng lui 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui 37 pháp trợ đạo, chẳng lui 3 giải thoát môn, chẳng lui Đà la ni, Tam ma địa môn chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui 5 nhãn, 6 thần thông, chẳng lui Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, chẳng lui Bồ Tát hạnh chẳng chứng lậu tận. Chẳng lui Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng chứng lậu tận. Vì sao?

Thiện Hiện! Bồ Tát này trọn nên vi diệu đại trí như thế, khéo trụ pháp không và tất cả Bồ đề phần pháp*(3)*, thường khởi nghĩ: **Nay là thời học chẳng phải thời chứng.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, hằng khởi nghĩ này: Ta đối bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, nay thời học chẳng phải thời chứng. Ta đối nội không cho đến vô tánh tự tánh không, nay thời học chẳng phải thời chứng. Ta đối chơn như cho đến bất tư nghì giới, nay thời học chẳng phải thời chứng. Nói rộng ra, Ta đối với tất cả pháp Phật, nay thời học, chẳng phải thời chứng.

Thiện Hiện! Bồ Tát này hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu nên tập gần Không, nên an trụ Không, nên hành Không Tam ma địa, mà đối thật tế chẳng nên tác chứng. Nên tập để gần Vô tướng, nên an trụ Vô tướng, nên hành Vô tướng Tam ma địa mà đối thật tế chẳng nên tác chứng. Nên tập để gần Vô nguyện, nên an trụ Vô nguyện, nên hành Vô nguyện Tam ma địa mà đối thật tế chẳng nên tác chứng. Như vậy, cho đến nên tập để gần tất cả các pháp Phật, mà đối thật tế chẳng nên tác chứng.

Thiện Hiện! Bồ Tát này dù tập gần Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng an trụ Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng tu hành Không, Vô tướng, Vô nguyện Tam ma địa, mà chẳng chứng quả Dự lưu cho đến chẳng chứng quả Độc giác Bồ đề. Dù tập gần tất cả pháp Phật, cũng an trụ tất cả pháp Phật, cũng tu hành tất cả pháp Phật mà chẳng chứng quả Dự lưu cho đến chẳng chứng quả Độc giác Bồ đề. Do nhân duyên đây chẳng đọa vào bậc Thanh Văn và Độc giác, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Như có tráng sĩ hình mạo trang nghiêm oai dũng hơn người, giỏi binh pháp, thông thạo vũ khí, tất cả kỹ thuật thao tác không môn nào chẳng thông thạo, chẳng giỏi. Ai trông thấy thảy đều kính phục. Vì giỏi sự nghiệp nên phí công ít mà được lợi nhiều. Do đấy được mọi người tán thưởng ngợi khen không ít. Vì có nhân duyên nên phải đem cha mẹ, vợ con quyến thuộc đi tới phương khác lập nghiệp, giữa đường trải qua đồng nội hiểm ác. Trong lúc ấy có nhiều ác thú, giặc cướp, oan gia tiềm phục, quyến thuộc lớn nhỏ không ai mà không khiếp sợ, kinh hoàng. Người ấy ỷ có kỹ thuật, oai mãnh, thần sắc ung dung, an ủi cha mẹ và các quyến thuộc rằng chớ quá lo sợ. Người ấy dùng tuyệt kỹ, đem các quyến thuộc đến nơi yên ổn, mừng vui hưởng lạc. Nhưng tráng sĩ kia đối ác thú

oán tặc giữa đồng nội không có ý gia hại. Vì sao? Vì tự cậy oai lực dũng mãnh, đủ các kỹ thuật nên không lo sợ gì cả.

Này Thiện Hiện! Ông phải biết các Bồ Tát cũng như vậy. Vì thương xót các hữu tình phải chịu nỗi khổ sanh tử, nên Bồ Tát phát nguyện hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, kết duyên với tất cả hữu tình, phát tâm cùng họ thực hành bốn vô lượng, trụ vào bốn vô lượng, mạnh mẽ tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cho mau được viên mãn. Ở vị trí chưa viên mãn đối với sáu pháp Ba la mật này, vì muốn tu học Nhất thiết trí trí, Bồ Tát đó không chứng lậu tận. Tuy trụ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng chẳng theo thế lực kia mà chuyển, cũng chẳng bị thế lực kia làm chướng ngại cướp dẫn. Đối giải thoát môn cũng chẳng tác chứng, bởi chẳng tác chứng nên chẳng đọa Thanh Văn và bậc Độc giác, tất thẳng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Như chim xí *(đại bàng)* bay lượn tự tại rất lâu trên hư không, mà chẳng rơi xuống. Tuy nương hư không bay mà chẳng trụ hư không, cũng chẳng bị hư không làm câu ngại.

Thiện Hiện! Phải biết các Bồ Tát cũng lại như vậy. Tuy đối Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn hằng thường tập cận an trụ tu hành mà chẳng tác chứng. Do chẳng tác chứng nên chẳng đọa bậc Thanh Văn và Độc giác. Tu Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả; tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí và vô lượng vô biên Phật pháp khác. Nếu chưa viên mãn, trọn chẳng nương Không, Vô tướng, Vô nguyện tam muội mà chứng lậu tận.

Thiện Hiện! Như có tráng sĩ giỏi thạo nghề bắn cung, muốn trổ tài mình ngửa mặt lên trời bắn lên hư không. Muốn tên trong hư không chẳng rơi xuống đất, lại đem tên sau bắn đuôi tên trước. Cứ như vậy, tên nọ tiếp nối tên kia qua nhiều thời gian, tên tên nối nhau chẳng cho rơi xuống đất. Nếu muốn cho chuỗi tên rơi xuống thì ngừng bắn, bấy giờ các tên mới rơi xuống đất.

Thiện Hiện! Phải biết các Bồ Tát cũng lại như vậy, hành Bát nhã Ba la mật thẩm sâu phương tiện khéo léo nhiếp thọ lâu dài cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nếu thiện căn chưa được thành thục, quyết giữa đường chẳng chứng thật tế. Khi tất cả thiện căn thành thục, bấy giờ Bồ Tát mới chứng thật tế thì được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, này

Thiện Hiện! Khi thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu các Bồ Tát nên quan sát kỹ thật tướng các pháp như trước đã nói.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát rất là hiếm có, thường làm việc khó làm. Tuy học các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp dịnh, thật tế... cho đến cảnh giới bất tư nghì; tuy học các pháp rốt ráo đều không cho đến tự tướng cũng không; tuy học khổ tập diệt đạo Thánh đế; tuy học bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tuy học Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn mà giữa đường chẳng rơi vào bậc Thanh Văn và Độc giác, lui mất Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối các hữu tình thề chẳng lìa bỏ nên đã khởi nguyện: Nếu các hữu tình chưa được giải thoát, ta trọn chẳng bỏ gia hạnh*(4)*.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát nguyện lực thù thắng thường khởi nghĩ: Tất cả hữu tình nếu chưa giải thoát ta trọn chẳng bỏ. Do khởi tâm rộng lớn như thế, nên ở giữa đường tất chẳng thối thất lui bỏ.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát hằng khởi nghĩ: Ta chẳng bỏ tất cả hữu tình muốn họ được giải thoát. Nhưng các hữu tình hành pháp bất chính, vì cứu độ nên thường dẫn phát Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn. Tuy thường dẫn phát mà chẳng chứng lấy.

Thiện Hiện! Bồ Tát này trọn nên sức phương tiện khéo léo, nên dù hằng hiện khởi ba môn giải thoát mà ở khoảng giữa chẳng chứng thật tế nếu chưa chứng Nhất thiết trí trí. Cần đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mới chứng lấy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối với chỗ thẳm sâu thường vui thích muốn quán sát: Quán nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, bổn tánh không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không. Cũng muốn quán sát 4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo và Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn, **tất cả đều không tự tướng.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này khởi quán đây rồi khởi nghĩ như vầy: Các loại hữu tình do bạn ác lôi cuốn, từ xưa khởi tưởng chấp ngã, khởi tưởng chấp

hữu tình, cho đến chấp tri giả, kiến giả. Bởi tưởng chấp đây hành hữu sở đắc, trôi lăn sanh tử chịu nhiều thứ khổ. Bồ Tát vì dứt tưởng chấp, nên hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình thuyết thậm thâm diệu pháp khiến dứt tưởng chấp, lìa khổ sanh tử.

Thiện Hiện! Bồ Tát này bấy giờ tuy học Không giải thoát môn mà chẳng nương đây chứng thật tế. Tuy học Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn mà chẳng nương đây chứng thật tế. Vì đối thật tế chẳng lấy chứng nên chẳng rơi vào quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A La Hán, cũng lại chẳng rơi vào Độc giác Bồ đề.

Thiện Hiện! Bồ Tát này nhờ hành Bát Nhã như thế, trọn nên căn lành chẳng chứng thật tế. Tuy đối thật tế chẳng tác chứng nên chẳng lui mất 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Cũng chẳng lui mất 37 pháp trợ đạo. Cũng chẳng lui mất 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. Cũng chẳng lui mất nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng chẳng lui mất chơn như cho đến bất tư nghì giới. Cũng chẳng lui mất bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói rộng ra, cũng chẳng lui mất tất cả pháp mầu Phật đạo.

Thiện Hiện! Bồ Tát này bấy giờ trọn nên tất cả Bồ đề phần pháp, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đối với các công đức trọn chẳng suy giảm.

Thiện Hiện! Bồ Tát này hành Bát Nhã thẳm sâu được phương tiện khéo léo nhiếp thọ, nên pháp lành tăng trưởng trong từng sát na, các căn bén nhạy, vượt khỏi tất cả Thanh Văn, Độc giác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát thường khởi nghĩ: Từ xưa bị bạn ác nhiếp thọ, các loài hữu tình thường làm theo ba cách*(5)* với bốn loại điên đảo*(6)*, đó là: Tâm điên đảo, kiến điên đảo, tưởng điên đảo về **thường**; hoặc là tâm điên đảo, kiến điên đảo, tưởng điên đảo về **lạc;** hoặc là tâm điên đảo, kiến điên đảo, tưởng điên đảo về **ngã**; hoặc là tâm điên đảo, thấy điên đảo, tưởng điên đảo về **tịnh**. Vì các hữu tình này ta nên hướng đến Vô thượng Bồ đề, tu Bồ Tát hạnh. Khi đã chứng đắc Vô thượng Bồ đề ta sẽ thuyết pháp không điên đảo cho các hữu tình nghe, như thuyết về sanh tử, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; chỉ có Niết bàn vi diệu, vắng lặng là đầy đủ các công đức chơn thật của thường, lạc, ngã, tịnh.

Thiện Hiện! Bồ Tát này trọn nên nghĩ đây, hành Bát Nhã được phương tiện khéo léo nhiếp thọ, nên đối Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại

từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng và vô lượng vô biên Phật pháp khác, nếu chưa viên mãn quyết chẳng chứng vào thắng định Như Lai.

Thiện Hiện! Lúc ấy tuy học và tự tại ra vào pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng Bồ Tát đó chưa chứng đắc ngay thật tế. Bởi vì thực hành công đức ấy chưa viên mãn nên vị ấy không chứng thật tế và các công đức khác. Đến khi đắc được Vô thượng Chánh Đẳng Giác thì vị ấy mới chứng đắc thật tế này.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này bấy giờ tuy đối các công đức khác tu chưa viên mãn, mà chỉ đối Tam ma địa môn tu đã viên mãn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát đã khéo tu học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Đã khéo an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Đã khéo an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Đã khéo an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Đã khéo tu học 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Đã khéo tu học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Đã khéo tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 5 định vô sắc. Đã khéo tu học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. Đã khéo tu học Bồ Tát thập địa. Đã khéo tu học Đà la ni, Tam ma địa môn. Đã khéo tu học 5 nhãn, 6 thần thông. Đã khéo tu học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Đã khéo tu học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Đã khéo tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Đã khéo tu học Bồ Tát hạnh. Đã khéo tu học chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này trọn nên công đức trí tuệ như thế. Nếu đối sanh tử phát khởi tưởng vui, hoặc nói có vui, hoặc đối ba cõi an trụ chấp đắm, chắc không có lẽ ấy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào đã khéo tu hành Bồ đề phần pháp, tất cả các pháp của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đại Bồ Tát thì nên hỏi thử vị ấy? Nếu muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì đại Bồ Tát phải làm sao để tu học Bồ đề phần pháp mà chẳng chứng thật tế của không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô tánh. Bởi chẳng chứng nên chẳng được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A La Hán, Độc giác Bồ đề mà siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu thường không sở chấp?

Thiện Hiện! Bồ Tát này khi được hỏi đây, nếu đáp lại rằng: Các đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**, chỉ cần tư duy về thật tế**

của không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô tánh và không cần phải tu học tất cả Bồ đề phần pháp khác.

Thiện Hiện! Phải biết đại Bồ Tát này chưa được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trao ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **chưa được khai thị ký biệt rõ ràng pháp tướng tu học của đại Bồ Tát trụ bậc Bất thối chuyển.**

Thiện Hiện! Bồ Tát này khi được hỏi đây, nếu đáp lời này: Các đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tư duy chân chánh về thật tế của không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô tánh và tất cả Bồ đề phần pháp khác; và cũng nên phương tiện khéo léo tu học mà chẳng tác chứng như trên đã nói. Thiện Hiện! Phải biết đại Bồ Tát này đã được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trao ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Thiện Hiện! Đại Bồ này đã **được khai thị ký biệt** rõ ràng pháp tướng tu học của đại Bồ Tát trụ bậc Bất thối chuyển.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát chưa được khai thị ký biệt rõ ràng pháp tướng tu học của đại Bồ Tát trụ bậc Bất thối chuyển, phải biết đại Bồ Tát này chưa khéo tu học sáu Ba la mật và tất cả Bồ đề phần pháp khác, chưa vào bậc Bất thối chuyển khai thị ký biệt rõ ràng tướng an trụ Bất thối chuyển.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát đã được khai thị ký biệt rõ ràng pháp tướng tu học của đại Bồ Tát trụ bậc Bất thối chuyển, phải biết đại Bồ Tát này đã khéo tu học sáu Ba la mật và tất cả Bồ đề phần pháp khác, đã vào bậc Bất thối chuyển khai thị ký biệt rõ ràng tướng an trụ Bất thối chuyển.

Bấy giờ, Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vả có đại Bồ Tát chưa được Bất thối chuyển có thể khởi như thật đáp như thế chăng?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tuy chưa được Bất thối chuyển, nhưng có thể đáp như thật về việc đó. Này Thiện Hiện! Tuy chưa được Bất thối chuyển nhưng đại Bồ Tát này có thể tu học 6 pháp Ba la mật và tất cả các Bồ đề phần pháp. Vị ấy đã thành thục tuệ giác bén nhạy, hoặc được nghe hoặc không được nghe nhưng có thể đáp đúng như thật y như bậc đại Bồ Tát ở địa vị Bất thối chuyển.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có nhiều đại Bồ Tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng họ chưa khéo tu tập mà đã an trụ nên ít có thể đáp như thật y như bậc đại Bồ Tát ở địa vị Bất thối chuyển, là bậc đã khéo tu tập?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng ông đã nói. Vì sao? Này Thiện Hiện! Ít có đại Bồ Tát chưa được thọ ký Bất thối chuyển mà có trí tuệ vi diệu như vậy. Nếu có người nào được thọ ký như vậy thì đều có thể đáp như thật về việc này. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát có thể đáp như thật về việc này thì nên biết vị ấy có căn lành sáng suốt, trí tuệ sâu rộng, trời, người, A tu la v.v... không thể sai khiến.

Thích nghĩa:

(1). Dịch từ chữ Hán là "習tập 近cận"*: Tập là tập luyện, tập tành; cận là gần: Tập tành để được gần gũi, thân cận.*

(2). Nguyên văn câu chữ Hán trong Hoavouu.com là:

"善thiện 現hiện 。是thị 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát 。作tác 此thử 觀quán 時thời 不bất 令linh 心tâm 亂loạn 。若nhược 心tâm 不bất 亂loạn 則tắc 不bất 見kiến 法pháp 。若nhược 不bất 見kiến 法pháp 則tắc 不bất 作tác 證chứng" 。

(3). Bồ đề phần pháp: Nói chung là 37 pháp trợ đạo gồm tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo phần; nói riêng là thất Bồ đề phần hay còn gọi là bảy đẳng giác chi hay bảy chi Thánh đạo. 37 pháp trợ đạo là pháp chung cho cả ba Thừa. (Xem lại phần thứ I Tổng luận). Đã giải thích nhiều lần.

(4). Gia hạnh: Gia công dụng hạnh.

(5). Ba cách nhận thức: Tâm(điên đảo), kiến(điên đảo), tưởng(điên đảo).

*(6). Bốn điên đảo (tứ điên đảo, cũng gọi là tứ đảo): Bốn tư tưởng sai trái, đi ngược với chân lý. Đó là: 1- **Vô thường** cho là thường, thường cho là vô thường; 2- **Khổ** cho là vui, vui cho là khổ. 3- **Không có ngã** cho là có ngã, có ngã cho là không có ngã. 4- **Bất tịnh** cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh. Bốn sự điên đảo này khiến chúng sinh không thể có nhận thức được đúng về bản chất của đời sống, và do bốn điên đảo này mà phạm vào các việc làm trái ngược với Chánh kiến. (Mở Rộng Tâm Hồn)*

Sơ giải:

Phẩm "Tập Cận" của Hội thứ II tương đương với phẩm "Khéo Học", cuối Q.331 cho đến đầu Q.332, Hội thứ I, ĐBN thuyết về "quán không bất chứng", một pháp quán (tam muội) Không, Vô tướng, Vô nguyện mà Bồ Tát dùng để thâm nhập các pháp môn Phật học và khi các Bồ Tát thông đạt tất cả pháp Phật rồi, các Ngài không chứng thật tế và nhập Niết bàn. Trái lại, hạnh nguyện của các Ngài là cứu khổ chúng sanh, nên Kinh nói các Bồ Tát học quán Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng không chứng thật tế Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đây là ***thời học không phải thời chứng****, nên gọi pháp quán này là Quán Không Bất Chứng. Đó là nội dung của phần đầu phẩm "Khéo Học" mà chúng ta đã tụng xong ở Hội thứ I, ĐBN.*

Điểm đáng lưu ý trong ***phẩm thứ 60, "Học Không Bất Chúng", Tập 4, quyển 76, Đại Trí Độ Luận*** *tương đương với phẩm "Tập Cận", Hội thứ II, ĐBN là lời bình giảng của Bồ Tát Long Thọ, như sau:*

"Phật dạy: Vì Bồ Tát đã thâm nhập vào pháp tánh, nên chẳng tác chứng vậy.

Ví như người cắt cỏ tranh, nếu nắm quá chặt thì cạnh lá tranh có thể cắt đứt tay; tóm lại, nếu khéo léo nắm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn thì chẳng bị đứt tay. Cũng như vậy, người học pháp không mà chưa vào được pháp tánh, thì còn chấp pháp không, và còn thấy các tác chứng; trái lại, Bồ Tát đã thâm nhập vào pháp tánh, nên biết rõ "pháp không" cũng là "không", Niết bàn cũng là "không", là chẳng có chỗ chứng (vô sở chứng).

Khi chưa vào pháp không, Bồ Tát đã tự niệm rằng: Ta nên quán các pháp đều là tự tướng không, mà chẳng nên thủ chứng. Khi vào thiền định, ta chớ nên chuyên tâm nhiếp niệm nơi pháp không, *(nếu luôn luôn nhiếp niệm nơi pháp không)* là ta đã buộc tâm vào "không", chẳng thể nào thoát ly ra khỏi "không" được. Nếu chấp "không" như vậy, thì chẳng sao có thể nhiếp độ chúng sanh được".

"Hành giả lúc ban đầu vào thiền định phải thâm nhập vào pháp không; rồi lại phải quán biết "không" đó cũng là "không". Có như vậy thì tâm mới chẳng còn chuyên nhiếp nơi "không", chẳng còn bị trói buộc nơi thiền định. Do vậy mà được tâm chẳng tán loạn.

Lại nữa, Bồ Tát phải tự niệm: Ta phải tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; tu đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... cùng tất cả các Phật pháp.

Do vậy mà chẳng trú Niết bàn.

Lại nữa, Bồ Tát phải tự niệm: Ta phải thành tựu các lực phương tiện, học đầy đủ các pháp môn, để giáo hóa chúng sanh, dẫn họ vào Phật đạo.

Tự niệm như vậy, nên Bồ Tát phát nguyện rằng: "Nay là lúc ta học, chẳng phải lúc ta chứng. Bao giờ ta được đầy đủ hết thảy Phật sự rồi, thì lúc bấy giờ ta mới chứng". Do phát nguyện như vậy, nên Bồ Tát vào 3 giải thoát môn, mà chẳng thủ chứng các pháp ấy".

"Ngài Tu Bồ Đề, sau khi nghe Phật dạy, sanh tâm hoan hỷ, và bạch với Phật rằng: Thật là hy hữu! Chỗ hành pháp của Bồ Tát thật là thậm thâm, vi diệu, rất khó hành. Bồ Tát hành "không" mà chẳng thủ chứng "không".

Phật dạy: Bồ Tát phát bổn nguyện độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến họ dứt trừ được ưu bi, khổ não. Do bổn nguyện đại từ bi như vậy, nên Bồ Tát hành "không" mà chẳng chấp "không". Bồ Tát biết chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp ngã, chấp pháp, nên dùng 3 giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác" độ thoát họ ra khỏi các tà kiến chấp.

Nhờ lực phương tiện Bát nhã Ba la mật hộ trì, nên Bồ Tát thường hành 3 giải thoát môn, mà vẫn chẳng xả ly chúng sanh. Bồ Tát biết rõ chúng sanh, từ vô thỉ đến nay, bị vô minh che tâm, nên chấp ngã, chấp pháp, mà chẳng biết rằng ngã và pháp đều là tự tướng không, đều bất khả đắc; do vậy mà khởi sanh phiền não, tà kiến, lạc về tà đạo.

Bồ Tát lại biết rõ người tu hành, dù đã biết được ngã không và pháp không, **nhưng thường còn chấp không**; do vậy mà lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Biết rõ như vậy, nên Bồ Tát phát nguyện: Ta vì chúng sanh phải tu tập thành Phật đạo, để đoạn trừ các chấp điên đảo nơi chúng sanh; do vậy mà ta phải hành 3 giải thoát môn, mà chẳng tác chứng thật tế. Tuy chẳng tác chứng thật tế, nhưng Bồ Tát chẳng mất các công đức thiền định. Do thường ở trong định, thường thâm nhập pháp không, nên Bồ Tát được căn trí thông lợi, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ Tát hành đầy đủ các pháp môn tu, thành tựu được vi diệu trí huệ như vậy, mà chẳng bao giờ chấp có hành các pháp ấy trong 3 cõi... dẫn đến chẳng chấp 3 cõi, vì biết rõ 3 cõi là hư vọng. Bồ Tát biết rõ các pháp đều bình đẳng,

nhất như, nên thường quán "không", mà chẳng chấp "không", chẳng tác chứng thật tế".

Nội dung của Phẩm "Tập Cận" của Kinh ĐBN cũng như phẩm "Học Không Bất Chứng" của Kinh MHBNBLMĐ như nhau. Quán không, vô tướng, vô tác mà chẳng tác chứng thật tế. Nếu chứng thật tế rồi vào Niết bàn, bỏ đại nguyện phục vụ chúng sanh thì chẳng khác nào Nhị thừa, sợ trần sa hoặc, chẳng khác nào bọn khôi thân diệt trí, tu mau chứng thật tế rồi trốn vào Niết Bàn. Phật quở Nhị thừa như vậy chẳng khác nào hạt giống rải trong hư không. Vậy, phải quán không nhưng chẳng chứng không. Nên phẩm này có tên là "Quán Không Bất Chứng"./.

---o0o---

59. PHẨM "TĂNG THƯỢNG MẠN"

Cuối Q.452 đến đầu Q.454, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Khéo Học" và phẩm "Dứt Phân Biệt" Cuối Q.332 cho đến đầu Q.335, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm này tương đối dài, vì phẩm này của Hội thứ II nhập chung phần cuối phẩm "Khéo Học" với phẩm "Dứt Phân Biệt" của Hội thứ I, ĐBN với nhau.

Phần đầu phẩm "Tăng Thượng Mạn" nói về Bồ Tát Bất thối chuyển, kế đến nói về Bồ Tát tăng thượng mạng và Bồ Tát tu hạnh viễn ly. Kinh cũng đề cập đến bạn lành chân tịnh (hay gọi là thiện tri thức) của Bồ Tát và nói thế nào là tướng của Bát nhã Ba la mật, đồng thời so sánh công đức của người tự mình tu tập các pháp Phật với người đem Bát nhã Ba la mật giảng nói cho người.

Phần cuối của phẩm "Tăng Thượng Mạn" lại đề cập đến "Dứt Phân Biệt". Nghĩa là trong cùng một phẩm mà thuyết quá nhiều giáo lý khác nhau. Phẩm tựa của Hội thứ II cũng khác với phẩm tựa của Kinh MHBNBLMĐ có tên là "Mộng Trung Bất Chứng", mặc dù nội dung phần đầu của hai Hội như nhau.

Tóm lược:

1. Phần đầu của phẩm "Tăng Thượng Mạn", nói về: (Hành động tướng trạng của Bồ Tát Bất thối chuyển)

Bấy giờ, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Nếu Bồ Tát, cho đến trong mộng cũng chẳng ưa muốn ngợi khen là Thanh Văn và bậc Độc giác. Đối pháp tam giới cũng chẳng khởi tâm ưa muốn được ngợi khen. Thường quán các pháp như mộng, như vang, như tượng, như huyễn, như ánh nắng, như bóng sáng, như việc biến hóa, như thành tầm hương; dù quán sát như thế mà chẳng chứng thật tế. Phải biết Bồ Tát này **có tướng Bất thối chuyển**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức chúng cung kính vây quanh nghe thuyết pháp. Đã nghe pháp rồi, khéo hiểu nghĩa thú. Đã hiểu nghĩa thú rồi, tinh tấn tu hành: Pháp tùy pháp hành và hòa kính hành cùng tùy pháp hành*(1)*. Phải biết Bồ Tát này **có tướng Bất thối chuyển**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đủ 32 tướng Đại trượng phu, 80 tùy hảo viên mãn trang nghiêm, hào quang một tầm tỏa quanh; cùng vô lượng chúng bay vọt hư không, hiện đại thần thông, thuyết Chánh pháp; dạy họ làm Phật sự, đưa họ đến vô số cõi Phật ở 10 phương khác để làm Phật sự thì nên biết Bồ Tát đó **có tướng Bất thối chuyển**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát mộng thấy cuồng tặc phá hoại thành quách; hoặc thấy lửa khởi đốt cháy xóm làng, hoặc thấy sư tử hổ lang thú dữ, rắn độc rít ác muốn đến hại thân; hoặc thấy oan gia muốn chém đầu, hoặc thấy cha mẹ, anh chị em, vợ con, bạn thân sắp đến mạng chung; hoặc thấy tự thân lạnh nóng, đói khát và những việc khổ khác làm bức não. Thấy việc đáng sợ hãi như thế thảy chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng buồn rầu. Từ mộng tỉnh rồi, liền nghĩ: **Tam giới phi nhân đều như mộng**. Khi ta chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, sẽ vì hữu tình thuyết pháp tam giới tất cả hư dối đều như cảnh mộng, khiến các hữu tình chẳng sanh chấp trước. Phải biết Bồ Tát này **có tướng Bất thối chuyển**. *(Q.452, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát cho đến trong mộng thấy địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, các loại hữu tình, bèn khởi nghĩ này: Ta phải tinh siêng tu Bồ Tát hạnh mau tới Vô thượng Bồ đề. Trong cõi Phật ta không có danh địa ngục, bàng sanh, quỷ giới ác thú. Từ mộng tỉnh rồi, cũng khởi nghĩ như vậy. Thiện Hiện! Phải biết Bồ Tát này khi làm Phật, trong cõi Phật kia định không ác thú. Vì sao? Hoặc mộng, hoặc giác, các pháp không hai, không hai phần vậy. Phải biết Bồ Tát này **có tướng Bất thối chuyển**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát trong mộng thấy thành ấp xóm làng **bị cháy**, bèn phát thệ nguyện: Nếu ta đã nhận ký Bất thối chuyển sẽ được Vô thượng Bồ đề, nguyện lửa dữ đây tức thì tắt gấp, biến thành mát mẻ. Nếu Bồ Tát này tác nguyện đây rồi, thấy lửa trong mộng tức thì tắt lẹ. Phải biết đã được thọ ký Bất thối chuyển. Nếu Bồ Tát này tác nguyện đây rồi mà lửa trong mộng chẳng tắt, phải biết chưa được thọ ký Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi giác hiện thấy lửa dữ bỗng khởi **đốt các thành ấp hoặc đốt xóm làng**, bèn khởi nghĩ này: Ta ở trong mộng hoặc ở lúc tỉnh, từng thấy tự có tướng Bất thối chuyển, chưa xác định thật hư. Bèn nguyện cho lửa kia mau tắt. Nhưng nguyện rồi lửa không tắt mà lại cháy lan rộng thêm. Như vậy, không hẳn là Bồ Tát không có tướng bất thối chuyển mà có thể là do cộng nghiệp của dân cư tại vùng bị cháy đã tạo ác nghiệp phá hoại Chánh pháp. Nên nay phải chịu tai họa khóc hại như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nương ý trước đã nói các thứ nhân duyên có thể cho biết là Bồ Tát Bất thối chuyển, còn có các hành động tướng trạng khác cũng có thể cho biết là Bồ Tát Bất thối chuyển. Ta sẽ vì ngươi phân biệt giải nói, ngươi nên lóng nghe, khéo nghĩ.

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cúi xin nói cho.

Phật bảo:

- Hoặc đại Bồ Tát thấy có **nam hay nữ nhân đang bị phi nhân nhập xác**, liền nghĩ: Nếu chư Phật biết ta có khả năng tu Bồ Tát hạnh quyết chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao thì nên cho ta uy lực của bậc bất thối chuyển để cứu vớt nam hay nữ nầy chẳng bị loài phi nhơn quấy nhiễu; loài phi nhơn ấy **theo lời ta bảo liền bỏ đi**. Đó là Bồ Tát có tướng bất thối chuyển. Trái lại, đại Bồ Tát ấy nguyện rồi mà loài phi nhơn kia chẳng bỏ đi thì nên biết đại Bồ Tát ấy chưa từng được thọ ký bậc bất thối chuyển.

(Hành động tướng trạng của kẻ tăng thượng mạn)

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát **chưa khéo tu học** bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chưa khéo an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chưa khéo an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Chưa khéo an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Chưa khéo tu học 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Chưa khéo tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Chưa khéo tu học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 8 thứ đệ định, 10 biến xứ. Chưa khéo tu học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Chưa khéo tu học Đà la ni môn Tam ma địa môn. Chưa vào Bồ Tát chánh tánh ly sanh. Chưa đủ tu tập tất cả Phật pháp, xa lìa Bồ Tát phương tiện khéo léo. Đối với các ma chưa năng giác biết. Chẳng tự độ lượng căn lành nhiều ít, bèn bị ác ma dối

gạt. Bồ Tát này thấy có nam tử hoặc có nữ nhân **bị phi nhân ám bắt chịu các khổ não**, chẳng thoát khỏi được, liền vội phát nguyện: Nếu tôi đã từ quá khứ được chư Phật trao ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thời khiến cho nam tử này hoặc nữ nhân đây chẳng bị phi nhân nhiễu hại. Bọn phi nhân theo lời tôi nguyện, liền bỏ đi. Khi Bồ Tát này khởi lời đây rồi, bấy giờ ác ma nghe được, muốn dối gạt, nên liền xua đuổi phi nhân kia. Vì sao? Vì oai lực của ác ma mạnh hơn, nên phi nhân phải bỏ đi.

Bồ Tát được việc đây rồi, rất đỗi vui mừng, khởi nghĩ rằng: **Phi nhân nay bỏ đi là do oai lực ta**. Vì sao? Vì phi nhân do ta phát nguyện, tức tốc buông tha nam tử nữ nhân đây, ngoài ra không duyên cớ nào khác. Bồ Tát này chẳng biết ác ma đã sua đuổi phi nhân kia mà tưởng là do nguyện lực của mình, nên sanh vui mừng. Cậy đây coi nhẹ các Bồ Tát khác, liền phô trương: Ta đã từ quá khứ được chư Phật trao ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các ngươi chưa được chư Phật trao ký, chẳng nên theo ta chỉ nhọc công thôi.

Do đó, Bồ Tát này **khinh chê các Bồ Tát khác**, phát sanh lắm thứ tăng thượng mạn, nên xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chẳng năng chứng được Nhất thiết trí trí, dù siêng năng tinh tấn nhưng vẫn rơi vào bậc Thanh Văn hoặc bậc Độc giác. Vậy nên, Thiện Hiện! Các Bồ Tát cần khéo giác biết việc ác ma, chẳng nên vọng khởi tăng thượng mạn, lui mất sở cầu Vô thượng Phật quả.

Lại nữa, Thiện Hiện! Sao là Bồ Tát tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật chưa được lâu, lại **xa lìa phương tiện khéo léo** nên dễ bị ác ma dối gạt: Ác ma hóa làm các thứ hình tượng, đến trước Bồ Tát nói lời như vầy: Quý thay, nam tử! Ngươi tự biết quá khứ chư Phật đã từng trao ngươi ký đại Bồ đề. Ngươi đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề quyết chẳng thối chuyển. Thân ngươi, cha mẹ, anh em, chị em, bạn thân, quyến thuộc cho đến bảy đời, danh tự sai khác ta đều thạo biết; thân ngươi sanh tại phương đó, nước đó, thành đó, ấp đó, trong xóm làng đó; ngươi sanh trong tướng vương tại năm ấy, tháng ấy, ngày ấy, giờ ấy, đêm ấy. Ác ma nếu thấy Bồ Tát bẩm tánh mềm mại, căn tánh ám độn, bèn nói dối rằng: Ngươi ở đời trước căn tánh đã từng như thế. Nếu thấy Bồ Tát bẩm tánh cứng cỏi, các căn sắc bén, bèn nói dối rằng: Ngươi ở đời trước căn tánh cũng từng như thế.

Nếu thấy Bồ Tát ở chỗ thanh vắng, hoặc thường khất thực, chỉ nhận thức ăn một lần, hoặc chỉ ăn một bữa, hoặc chỉ ăn trong một bát, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở đất trống, hoặc ở dưới gốc cây, chỉ dùng giẻ rác làm áo, chỉ mặc ba áo, thường ngồi chẳng nằm, ít muốn biết đủ, hoặc thích hạnh viễn ly, hoặc đầy đủ chánh niệm, hoặc thích định vắng lặng, hoặc đầy đủ trí huệ vi diệu, lại coi thường lợi dưỡng, xem nhẹ khen chê, thích cần kiệm, không xoa dù nơi chân, ít ngủ nghỉ, lìa trạo cử, ăn nói ôn hòa, thường ít nói. Ác ma thấy Bồ Tát như thế, bèn nói dối rằng: Ngươi ở đời trước cũng từng như thế. Vì sao? Vì trọn nên công đức như vậy như vậy, thế gian đồng thấy, đời trước chắc có các thứ công đức như vậy, nên vui mừng chớ nên tự khinh. Bồ Tát này nghe ác ma kia nói các công đức thiện căn quá khứ hiện tại thù thắng như vậy, rất đỗi vui mừng sanh tăng thượng mạn, lấn khinh hủy mắng các Bồ Tát khác.

Bấy giờ, ác ma biết các Bồ Tát ám độn khởi tăng thượng mạn, lấn khinh người khác, bảo rằng: Ngươi định trọn nên công đức thù thắng, quá khứ được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trao ký, đã có tướng hiện hành như thế. Nên ngươi đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nhất định sẽ chứng được chẳng thối chuyển nữa.

Khi ấy **ác ma muốn làm rối Bồ Tát, hoặc giả hóa làm hình tượng Bí sô**, hoặc giả hóa làm cha mẹ, bạn thân, người phi người tìm đến, cao tiếng xướng rằng: Hay thay! Đại sĩ mới năng trọn nên công đức như thế. Chư Phật quá khứ đã lâu trao ký đại Bồ đề cho ngươi, ngươi đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng thối chuyển. Vì sao? Các thắng tướng công đức Bồ Tát bậc Bất thối chuyển ngươi đều có đủ, nên tự tôn trọng chớ sanh nghi lầm. Khi Bồ Tát đây nghe lời kia rồi, lòng tăng thượng mạn lại càng kiên cố.

Thiện Hiện! Như ta đã nói diễn tiến tướng trạng mà đại Bồ Tát bất thối chuyển thực sự đạt được thì các Bồ Tát này đều không có.

Thiện Hiện! Nên biết Bồ Tát này bị ma khống chế và làm rối loạn không được tự tại. Vì sao? Vì thực sự họ chưa có các hành vi tướng trạng của đại Bồ Tát bất thối chuyển. **Chỉ nghe ác ma giả nói đến đức độ và tên họ của mình, người ấy liền sanh tăng thượng mạn, lấn lướt, khinh khi, chửi mắng các Bồ Tát khác.**

Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên khéo giác chứng, nên khéo giác biết các việc ác ma, chớ bị dối gạt sanh tâm kiêu mạn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ Tát bị ma nắm giữ, bị ma làm rối, chỉ nghe hư danh mà sanh kiêu mạn. Vì sao? Bồ Tát này trước chưa tu học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Trước chưa an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Trước chưa an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Trước chưa an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Trước chưa tu học 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Trước chưa tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Trước chưa tu học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 8 thứ đệ định cho đến 10 biến xứ. Trước chưa tu học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Trước chưa tu học Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa. Trước chưa tu học Đà la ni môn, Tam ma địa môn. Trước chưa tu học 5 nhãn, 6 thần thông. Trước chưa tu học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Trước chưa tu học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Trước chưa tu học Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trước chưa tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Bởi nhân duyên này nên bị ác ma khuynh đảo.

Bồ Tát này chẳng năng biết rõ hành tướng bốn ma (*ngũ ấm ma, tử ma, thiên ma và phiền não ma*), do nhân duyên đây nên bị ác ma khuynh đảo. Bồ Tát này chẳng biết rõ sắc thọ tưởng hành thức. Chẳng biết rõ 12 xứ cho đến 18 giới. Chẳng biết rõ nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng biết rõ nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng biết rõ địa giới cho đến thức giới. Chẳng biết rõ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng biết rõ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng biết rõ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, chẳng biết tất cả pháp Phật. Bởi nhân duyên đây nên bị ác ma khuynh đảo: "Ngươi đã tu hành hạnh nguyện đã mãn, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Khi ngươi thành Phật sẽ được danh hiệu tôn quý thù thắng, chư Phật sẽ thọ ký cho ngươi".

Lúc đó, vì **xa lìa Bát nhã Ba la mật, không có phương tiện thiện xảo**, nên khi nghe ma thọ ký, Bồ Tát ấy nghĩ: Lạ thay, người này báo trước là ta sẽ được thành Phật với công đức và danh hiệu tương ưng với điều ta nghĩ và ước nguyện từ lâu. Do đó biết được chư Phật quá khứ đã thọ ký đại Bồ đề cho ta, chắc chắn ta sẽ đạt được quả vị Vô thượng Chánh

đẳng Bồ đề không còn thối lui nữa. Lúc thành Phật nhất định ta sẽ được danh hiệu tôn quí và công đức như vậy. Bồ Tát ấy bị ác ma, hoặc quyến thuộc của ma, hoặc ma giả làm Sa môn đến thọ ký: "Tương lai ông sẽ thành Phật có danh hiệu như vậy, như vậy nên vị ấy càng tăng thêm kiêu mạn và nghĩ: Đời vị lai chắc chắn ta sẽ thành Phật, đạt được công đức và danh hiệu như vậy, các Bồ Tát khác đều không bằng ta".

Thiện Hiện! Phải biết Bồ Tát này do khởi kiêu mạn, coi nhẹ khinh hủy các Bồ Tát khác, nên xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Phải biết Bồ Tát này xa lìa Bát nhã Ba la mật, không phương tiện khéo léo, nới bỏ bạn lành, thường bị bạn ác nhiếp thọ, nên phải rơi vào Thanh Văn hoặc bậc Độc giác.

Thiện Hiện! **Nên biết nếu ngay đời này, Bồ Tát đó quay lại chánh niệm, hết lòng ăn năn hối cải, xả bỏ tâm kiêu mạn**, thường thân cận bạn lành thì tuy phải trôi lăn trong sanh tử suốt một thời gian dài nhưng sau đó vị ấy dựa vào phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật, lần lần tu học và sẽ chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Phải biết nếu ngay trong đời này, Bồ Tát đó không có chánh niệm, **không ăn năn hối cải**, không xả bỏ tâm kiêu mạn, không thích gần gũi bạn lành thì chắc chắn sau một thời gian dài trôi lăn trong sanh tử, dù tinh tấn tu các nghiệp lành vị ấy vẫn bị rơi vào địa vị Thanh văn, hoặc Độc giác.

Ví như Bí sô cầu Thanh Văn, phạm vào 4 trọng tội bèn chẳng phải Sa Môn, chẳng phải con Phật, quyết định chẳng năng được 4 quả Sa Môn. Bồ Tát hư vọng cũng vậy, chỉ nghe ma nói thành Phật bèn khởi khinh mạn hủy chê các chúng Bồ Tát khác, phải biết tội này lớn hơn 4 trọng tội của Bí sô kia phạm phải vô lượng bội số. *(Q.453, ĐBN)*

Thôi không nói 4 trọng tội do Bí sô kia đã phạm, tội Bồ Tát đây nặng hơn 5 tội vô gián cũng vô lượng bội số. Vì sao? Vì Bồ Tát này thật chẳng trọn nên công đức thù thắng, nghe ác ma nói thành Phật hư danh, bèn tự kiêu mạn khinh khi Bồ Tát khác, vậy nên tội này hơn 5 tội vô gián. Do đây nên biết, Nếu Bồ Tát này muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cần khéo giác biết ma sự vi tế trao ký hư danh.

(Thế nào là tu hạnh viễn ly?)

Lại nữa, này Thiện Hiện! Có Bồ Tát tu **hạnh viễn ly***(2)*, nghĩa là ở ẩn nơi núi rừng, đầm vắng, đồng nội vắng vẻ, yên tịnh ngồi yên tư duy. Lúc ấy có ác ma đến chỗ người ấy, cung kính khen ngợi nói: "Lành thay! Đại sĩ có thể tu hạnh viễn ly chơn chánh như vậy, hạnh viễn ly này được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đồng khen ngợi, trời Đế Thích, chư thiên, thần tiên đều ủng hộ, cúng dường, tôn trọng. Ông phải thường ở đây đừng có đi nơi khác".

Thiện Hiện! Phải biết Ta chẳng khen ngợi các Bồ Tát tu hạnh viễn ly ở chỗ thanh vắng, đồng nội núi rừng, ngồi yên suy nghĩ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Như Lai không khen ngợi công đức viễn ly ở nơi vắng vẻ như núi rừng, đồng trống?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát không cần phải ở núi rừng, chằm trống, đồng nội chỗ thanh vắng, hoặc trụ thành ấp, xóm làng, vương đô là những chỗ hỗn tạp. **Bồ Tát chỉ cần xa lìa phiền não ác nghiệp và các tác ý Thanh Văn và Độc giác, siêng tu Bát Nhã và tu các công đức thắng hạnh khác, đấy được gọi là Bồ Tát thực hành hạnh viễn ly chơn thật.**

Hạnh viễn ly đây được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đồng ngợi khen, chư Phật Thế Tôn công nhận hứa cho. Các chúng Bồ Tát nên thường tu học, hoặc ngày hoặc đêm nên chính suy nghĩ, tinh tấn tu hành pháp viễn ly này, đấy gọi Bồ Tát tu hạnh viễn ly. Hạnh viễn ly đây chẳng tạp ý Thanh Văn Độc giác, chẳng tạp lẫn tất cả phiền não ác nghiệp, lìa ồn tạp, thanh tịnh rốt ráo, khiến các Bồ Tát mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, lợi vui hữu tình thường không ngừng nghỉ. Việc mà ác ma khen ngợi như ở núi rừng, chằm trống, đồng nội hoang vắng, không dùng ngọa cụ tốt đẹp, tư duy chẳng phải là hạnh viễn ly chơn thật của Bồ Tát. Vì sao? Vì hạnh viễn ly kia còn ồn ào tạp nhiễm, nghĩa là hạnh đó còn xen lẫn ác nghiệp phiền não hoặc còn tác ý về quả Thanh văn, Độc giác, chẳng thể siêng năng tu học Bát Nhã, không thể viên mãn Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Phải biết có Bồ Tát tuy muốn tu hành pháp viễn ly mà ma đã khen ngợi, lại sanh tâm kiêu mạn, không thanh tịnh, khinh chê chửi mắng các Bồ Tát khác. Nghĩa là có chúng Bồ Tát dù ở thành ấp xóm làng vương đô mà tâm thanh tịnh, chẳng tạp các thứ phiền não ác nghiệp và tác ý các Thanh Văn Độc giác, tinh siêng tu học bố thí cho đến Bát nhã Ba la

mật. Tinh siêng an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Tinh siêng an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Tinh siêng an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Tinh siêng tu học 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Tinh siêng tu học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc cùng các công đức thế gian. Tinh siêng tu học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Tinh siêng tu học Bồ Tát thập địa. Tinh siêng tu học Đà la ni, Tam ma địa môn. Tinh siêng tu học 5 nhãn, 6 thần thông. Tinh siêng tu học 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Tinh siêng tu học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tinh siêng tu học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Tinh siêng tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, nghiêm tịnh cõi Phật thành thục hữu tình. Dù ở chốn ồn náo mà tâm vắng lặng, hằng siêng tu hành hạnh viễn ly chơn thật. Đối với chúng Bồ Tát chơn tịnh như thế, tâm thường ngạo mạn khinh dễ hủy mắng bài báng lấn át.

Thiện Hiện! Phải biết Bồ Tát này xa lìa Bát nhã Ba la mật, không phương tiện khéo léo, nên dù ở đồng nội rộng một trăm do tuần, giả sử trải một năm, hoặc năm, hoặc mười, hoặc đến trăm ngàn trăm ức, cũng không thể hơn các Bồ Tát tuy ở chốn ồn náo mà tâm vắng lặng, xa lìa các thứ phiền não và các tác ý Thanh Văn, Độc giác.

Thiện Hiện! Phải biết Bồ Tát nói trước tuy tu hạnh viễn ly như thế, mà chẳng xứng thuận tâm các Như Lai. Phải biết các Bồ Tát này xa lìa Bát nhã Ba la mật, không phương tiện khéo léo, nên **vọng sanh các thứ phân biệt chấp trước**. Vì sao? Vì Bồ Tát này khởi nghĩ: Chỗ tu học ta là chơn viễn ly, nên được phi nhân ngợi khen hộ niệm, kẻ ở thành ấp thân tâm rối loạn ai mà hộ niệm cung kính khen ngợi. Các Bồ Tát này do nhân duyên đây, tâm nhiều kiêu mạn, khinh miệt hủy mắng chúng Bồ Tát, phiền não ác nghiệp ngày càng lớn thêm.

Thiện Hiện! Phải biết các Bồ Tát này đối với chúng Bồ Tát là hàng bị thịt chiên đà la, làm nhiễm ô chúng Bồ Tát khác. Tướng giống như Bồ Tát mà tâm đại tặc trên trời trong người, phỉnh gạt trời, người v.v… **Thân kia tuy mặc cà sa mà tâm là đạo tặc**. Các kẻ có pháp khí hướng tới Bồ Tát thừa chẳng nên gần gũi, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen ác nhân như thế. Vì sao? Vì phải biết hạng người này ôm tăng thượng mạn, ngoài giống Bồ Tát nhưng bên trong đầy phiền não.

Vậy nên Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát chơn thật chẳng bỏ Nhất thiết trí trí, chẳng bỏ Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; thâm tâm muốn cầu Nhất thiết trí

trí, muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khắp vì lợi vui các loại hữu tình, chẳng nên gần gũi cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen ác nhân như thế.

Thiện Hiện! Phải biết các Bồ Tát nên thường siêng năng tu sự nghiệp nơi mình, xa lìa sanh tử, chẳng đắm ba cõi. Đối hạng ác tặc chiên đà la kia thường nên phát sanh từ bi hỷ xả, nên khởi nghĩ này: Ta chẳng nên khởi tội lỗi như ác nhân kia. Nếu lỡ thất niệm, liền giác biết khiến mau trừ diệt.

Vậy nên, chúng Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề phải khéo giác biết các việc ác ma, nên siêng tinh tấn xa lìa trừ diệt tội lỗi khinh mạn kẻ khác, siêng cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(Ai là chơn thiện tri thức của Bồ Tát?)

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tăng thượng tác ý muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải thường gần gũi, cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen chơn thiện tri thức.

Bấy giờ, Thiện Hiện liền thưa Phật rằng:

- Bậc nào được gọi là **chơn thiện tri thức của các Bồ Tát?**

Phật nói:

- Thiện Hiện! **Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác** là chơn thiện tri thức các Bồ Tát. **Tất cả chúng đại Bồ Tát** cũng là chơn thiện tri thức các Bồ Tát. **Các Thanh Văn và các thiện sĩ** năng vì chúng Bồ Tát tuyên nói khai thị phân biệt rõ ràng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật nghĩa thú tương ưng, khiến được dễ hiểu, cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát. Lại nữa, Thiện Hiện! **Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật** là chơn thiện tri thức các Bồ Tát. 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát. 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát. 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ, Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát. Pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát. Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát. Dứt hẳn tập khí nối nhau cũng là chơn thiện tri thức Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cùng chúng Bồ Tát **làm thầy, làm người hướng dẫn, làm đuốc, làm đèn chiếu soi, làm**

hiểu làm biết, làm trí làm huệ, làm kẻ cứu giúp hộ trì, làm nhà cửa, làm bãi làm cồn, làm nơi qui thú, làm cha làm mẹ. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không cùng chúng Bồ Tát làm người hướng dẫn, làm đuốc, làm đèn chiếu soi, làm hiểu làm biết, làm trí làm huệ, làm kẻ cứu giúp hộ trì, làm nhà cửa, làm bãi làm cồn, làm nơi qui thú, làm cha làm mẹ. Chơn như cho đến bất tư nghì giới cùng chúng Bồ Tát làm thầy, làm người hướng dẫn, làm đuốc, làm đèn chiếu soi, làm hiểu làm biết, làm trí làm huệ, làm kẻ cứu giúp hộ trì, làm nhà cửa, làm bãi làm cồn, làm nơi qui thú, làm cha làm mẹ. Nói rộng ra, **tất cả pháp Phật cùng chúng Bồ Tát làm thầy làm người hướng dẫn, làm đuốc, làm đèn chiếu soi**, làm hiểu làm biết, làm trí làm huệ, làm kẻ cứu giúp hộ trì, làm nhà cửa, làm bãi làm cồn, làm nơi qui thú, làm cha làm mẹ. Dứt hẳn tập khí nối nhau cũng cùng chúng Bồ Tát làm thầy làm người hướng dẫn, làm đuốc, làm đèn chiếu soi, làm hiểu làm biết, làm trí làm huệ, v.v... Vì tất cả chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại đều lấy bố thí, nói rộng cho đến bất tư nghì giới làm thầy làm người hướng dẫn, làm đuốc, làm đèn chiếu soi, làm hiểu làm biết, làm trí làm huệ, v.v... Vì sao? Thiện Hiện! **Vì tất cả chư Phật Thế Tôn quá khứ vị lai hiện tại đều từ bố thí Ba la mật nói rộng cho đến bất tư nghì giới mà xuất sanh vậy.**

Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, phải học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Phải học 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Phải học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Phải học 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Phải học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Phải học Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa. Phải học Đà la ni môn, Tam ma địa môn. Phải học 5 nhãn, 6 thần thông. Phải học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Phải học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Phải học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Phải học Bồ Tát hạnh. Phải học chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Phải học dứt hẳn tất cả tập khí nối nhau.

Thiện Hiện! Bồ Tát này đã học bố thí Ba la mật, nói rộng cho đến bất tư nghì giới, lại nên đem **bốn nhiếp sự** là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự mà nhiếp hóa hữu tình.

Thiện Hiện! Ta quán nghĩa đây nên nói lời này: **Sở hữu bố thí Ba la mật nói rộng cho đến bất tư nghì giới cùng chúng Bồ Tát làm thầy làm người hướng dẫn nói rộng cho đến làm cha làm mẹ.**

Vậy nên, Thiện Hiện! Các Bồ Tát muốn chẳng theo lời người mà hành, muốn chẳng nương lời người mà trụ, muốn dứt nghi tất cả hữu tình, muốn mãn nguyện tất cả hữu tình, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, muốn thành thục hữu tình, nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật đây nói rộng pháp cần nên học của chúng Bồ Tát. Tất cả chúng Bồ Tát nên tinh cần tu học.

(Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?)

Bấy giờ, Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy gì làm tướng?**

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu **lấy hư không làm tướng, lấy vô trước làm tướng, lấy vô tướng làm tướng**. Vì sao? Thiện Hiện! Vì ở trong tướng Bát nhã Ba la mật đây, các pháp, các tướng đều vô sở hữu, chẳng thể nắm được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Vả có nhân duyên khá nói Bát nhã Ba la mật có diệu tướng, các pháp cũng có tướng như thế ư?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Có nhân duyên nên có thể nói Bát nhã Ba la mật có diệu tướng, các pháp cũng có diệu tướng như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật lấy viễn ly làm tướng. Các pháp cũng lấy viễn ly làm tướng. **Bát nhã Ba la mật lấy tánh không làm tướng. Các pháp cũng lấy tánh không làm tướng**. Do nhân duyên đây nên nói như vầy: Bát nhã Ba la mật có diệu tướng, các pháp cũng có diệu tướng như thế. **Vì tất cả pháp tự tánh đều không, lìa tướng vậy**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp tự tánh đều không, lấy viễn ly làm tướng, thời tất cả pháp đều tánh không, đều lìa, làm sao hữu tình thi thiết có nhiễm có tịnh?

Chẳng phải pháp tánh không có nhiễm có tịnh, cũng chẳng phải pháp lìa có nhiễm có tịnh. Chẳng phải pháp tánh không năng chứng Vô thượng

Chánh đẳng Bồ đề, cũng chẳng phải pháp lìa năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chẳng phải trong tánh không có pháp khá được, cũng chẳng phải trong lìa có pháp khá được. Chẳng phải trong tánh không có Bồ Tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng chẳng phải trong lìa có Bồ Tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bạch Thế Tôn! Làm sao con hiểu nghĩa thú thẳm sâu mà Phật đã thuyết?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Từ xưa hữu tình có ngã và ngã sở, có tâm chấp ngã và ngã sở không?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy. Từ xưa hữu tình có ngã, ngã sở và tâm chấp chặt ngã, ngã sở.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Chỗ chấp ngã và ngã sở của hữu tình có trống không và xa lìa không?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy! Chỗ chấp ngã và ngã sở của hữu tình đều trống không và xa lìa.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Há chẳng phải do chấp ngã và ngã sở mà hữu tình trôi lăn trong sanh tử?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy! **Các loại hữu tình bởi chấp ngã, ngã sở nên trôi lăn trong sanh tử.**

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hữu tình này trôi lăn trong sanh tử là do có tạp nhiễm. Vì vậy, hành động của hữu tình có nhiễm ô. Nếu các hữu tình không có tâm chấp trước ngã và ngã sở thì không có tạp nhiễm. Nếu không có tạp nhiễm thì không có trôi lăn trong sanh tử. Trôi lăn sanh tử cũng bất khả đắc. Vậy, phải biết hữu tình xa lìa tạp nhiễm. Do không tạp nhiễm mà an lập hữu tình.

Vậy nên, Thiện Hiện! Phải biết hữu tình tuy tự tánh không, xa lìa các tướng, mà an lập có nhiễm có tịnh.

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát năng hành Bát nhã Ba la mật như thế và tất cả pháp không, xa lìa tướng, thời Bồ Tát này chẳng hành sắc, cũng chẳng hành thọ tưởng hành thức. Chẳng hành 12 xứ, cũng chẳng hành 18 giới. Chẳng hành nhãn xúc, cũng chẳng hành nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Chẳng hành nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cũng chẳng hành nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng hành địa giới, cũng chẳng hành thủy hỏa phong không thức giới. Chẳng hành nhân duyên; cũng chẳng hành đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên. Chẳng hành vô minh; cũng chẳng hành hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Chẳng hành bố thí Ba la mật; cũng chẳng hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Chẳng hành nội không; cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng hành chơn như; cũng chẳng hành pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới. Nói rộng cho đến chẳng hành tất cả pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát năng hành như thế, chẳng bị tất cả thế gian, trời, người, A tu la thảy hàng phục, nếu Bồ Tát năng hành như thế, chẳng bị tất cả Thanh Văn, Độc giác hàng phục, mà năng hàng phục tất cả. Vì sao? Vì Bồ Tát này đã an trụ vào địa vị không gì có thể khiến họ hàng phục, nghĩa là địa vị ly sanh của Bồ Tát.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này hằng trụ tác ý Nhất thiết trí trí, chẳng thể khuất phục, như thế thời là gần kề Nhất thiết trí trí, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã thuyết! Nếu Bồ Tát năng hành Bát Nhã thẳm sâu như thế và tất cả pháp không, xa lìa các tướng, Bồ Tát này thời chẳng hành sắc, cũng chẳng hành thọ tưởng hành thức. Cho đến chẳng hành Nhất thiết trí; cũng chẳng hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Các pháp như thế năng hành, sở hành và do đây hành, thời hành, xứ hành đều bất khả đắc.

Nếu Bồ Tát này năng hành như thế, chẳng bị tất cả người, trời, A tu la hàng phục. Cũng lại chẳng bị Thanh Văn, Độc giác hàng phục, mà năng hàng phục tất cả.

Bồ Tát này đã được an trụ ngôi vô năng phục, nghĩa là ngôi Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, hằng trụ tác ý Nhất thiết trí trí chẳng thể khuất phục, thời là gần kề Nhất thiết trí trí, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(So sánh công đức của người tự mình tu tập các pháp Phật với người đem Bát Nhã giảng nói cho người)

Lại nữa, Thiện Hiện! Nơi ý hiểu sao? Giả sử **các loại hữu tình ở châu Nam thiệm bộ** đây đều được thân người. Được thân người rồi, phát tâm tu Bồ Tát hạnh, đều chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Có các thiện nam, thiện nữ trọn đời thọ lượng, đem đồ vui thượng diệu ở thế gian, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đây. Lại đem căn lành đã nhóm như thế, cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam thiện nữ này, do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu các thiện nam, thiện nữ **giữa đại chúng tuyên nói Bát Nhã thẳm sâu** như thế, thi thiết kiến lập, phân biệt khai chỉ, khiến kia dễ hiểu và trụ tác ý tương ưng Bát Nhã thẳm sâu như thế. Các thiện nam thiện nữ đây do nhân duyên này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước vô lượng vô số. *(Q.454, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Như vậy cho đến giả sử **các loại hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới** đều được thân người. Được thân người rồi, phát tâm tu Bồ Tát hạnh, đều chứng Vô thượng Bồ đề. Có các thiện nam, thiện nữ, trọn đời thọ lượng, đem đồ vui thượng diệu thế gian, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đây. Lại đem căn lành đã nhóm như thế, cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam thiện nữ này, do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu các thiện nam, thiện nữ **giữa đại chúng tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu** như thế, thi thiết kiến lập, phân biệt khai chỉ, khiến kia dễ hiểu và trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế. Các thiện nam, thiện nữ đây do nhân duyên này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước vô lượng vô số.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nơi ý hiểu sao? Giả sử **các loại hữu tình ở châu Nam thiệm bộ** đây chẳng trước chẳng sau đều được thân người. Có các thiện nam, thiện nữ phương tiện dạy dẫn đều khiến an trụ mười thiện nghiệp đạo, hoặc bốn tĩnh lự, hoặc bốn vô lượng, hoặc bốn định vô sắc, hoặc năm thần thông. Hoặc quả Dự lưu, hoặc quả bất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc quả Độc giác Bồ đề, hoặc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lại đem căn lành dạy dẫn như thế, cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ đây do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu các thiện nam, thiện nữ **giữa đại chúng tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế**, thi thiết kiến lập, phân biệt khai chỉ, khiến kia dễ hiểu và trụ tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí như thế. Các thiện nam, thiện nữ đây do nhân duyên này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước vô lượng vô số.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Như vậy, cho đến giả sử **các loại hữu tình Tam thiên đại thiên thế giới** chẳng trước chẳng sau đều được thân người. Có các thiện nam, thiện nữ phương tiện dạy đều khiến an trụ mười thiện nghiệp đạo, hoặc bốn tĩnh lự, hoặc bốn vô lượng, hoặc bốn định vô sắc, hoặc năm thần thông. Hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề. Lại đem căn lành đây dạy dẫn như thế, cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ này, do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu các thiện nam, thiện nữ **giữa đại chúng tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu** như thế, thi thiết kiến lập, phân biệt khai chỉ, khiến họ dễ hiểu và trụ tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí như thế. Các thiện nam, thiện nữ đây do nhân duyên này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước vô lượng vô số.

Thiện Hiện! Phải biết Bồ Tát này do tinh tấn đây tăng trưởng oai lực, đến bờ bên kia là phước điền các hữu tình. Vì sao? Bồ Tát này đối pháp tinh tấn tăng trưởng oai lực, tất cả hữu tình không ai kịp được, chỉ trừ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao?

Thiện Hiện! Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật, thấy các hữu tình kẻ không lợi vui, khởi tâm đại từ. Thấy các hữu tình có kẻ suy khổ, khởi tâm đại bi. Thấy các hữu tình kẻ được lợi vui, khởi tâm đại hỷ. Thấy các hữu tình lìa tánh lìa tướng, khởi tâm đại xả. Bồ Tát này tuy đối hữu tình bình đẳng phát khởi đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả mà đối tất cả đều vô sở chấp trước, chẳng phải như các dị sanh, Thanh văn, Độc giác, tùy theo sở đắc khởi tâm chấp trước.

Thiện Hiện! Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật được đại quang minh. Nghĩa là được bố thí Ba la mật đại quang minh, cũng được tịnh giới Ba la mật quang minh vậy, cũng được an nhẫn Ba la mật, cũng được tinh tấn Ba la mật, tĩnh lự Ba la mật, Bát nhã Ba la mật đại quang minh vậy.

Đại Bồ Tát ấy an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật, nên có khả năng báo ân thí chủ một cách rốt ráo, cũng có khả năng gần gũi Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát chẳng muốn lừa dối để nhận đồ cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, hữu tình mà trái lại đại Bồ Tát này chỉ muốn: Chỉ cho hữu tình con đường chơn thiện, chỉ muốn vì hữu tình làm ánh sáng thanh tịnh, muốn cứu thoát hữu tình khỏi lao ngục ba cõi, muốn ban cho hữu tình pháp nhãn thanh tịnh. Nên đại Bồ Tát ấy ngày đêm tin cần an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật không khi nào dừng nghỉ. Giống như người, trước chưa từng có bảo châu Mạt ni, khi gặp được, quá đỗi vui mừng, ngắm xem không chán; bỗng nhiên bị mất, lòng rất đau khổ, luôn luôn than tiếc. Người ấy lúc nào cũng hướng về viên bảo châu Mạt ni này, không lúc nào dừng nghỉ. Nên biết, các đại Bồ Tát nầy cũng giống như thế, thường tin cần an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật; nếu lìa tác ý này là đánh mất tâm hướng đến Nhất thiết trí trí.

2. Phần sau của phẩm "Tăng Thượng Mạn" tương đương phẩm "Đoạn Phân Biệt", cuối Q.335 đến hết Q.335, Hội thứ I, ĐBN.

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả tác ý tự tánh đều không, tất cả tác ý tự tánh đều lìa, các pháp cũng vậy. Ở trong tất cả pháp tự tánh không, tự tánh lìa, hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc Nhất thiết trí trí, hoặc các tác ý đều bất khả đắc. Vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khuyên chúng Bồ Tát chẳng lìa tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật, cũng khiến chẳng lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát biết tất cả pháp, tất cả tác ý đều tự tánh không, đều tự tánh lìa. Lìa không như thế chẳng Thanh văn làm, chẳng Độc giác làm, chẳng Như Lai làm, cũng chẳng phải ai làm ra.

Nhưng tất cả pháp: Pháp định, pháp trụ, pháp tánh, pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng biến khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, hư không giới, chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, lẽ vậy thường trụ. Bồ Tát này chẳng lìa tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật, chẳng lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, Nhất thiết trí trí và các tác ý đều tự tánh không, đều tự tánh lìa. Lìa không như thế cũng không tăng không giảm, chính gọi là thông đạt nghĩa chẳng lìa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu Bát Nhã thẳm sâu cũng tự tánh không, tự tánh lìa ấy, làm sao chúng Bồ Tát tu chứng tánh bình đẳng Bát nhã Ba la mật rồi mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu chứng tánh bình đẳng Bát nhã Ba la mật, chẳng phải pháp chư Phật có tăng có giảm, cũng chẳng phải các pháp: Pháp định, pháp trụ, pháp tánh, pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng biến khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, hư không giới, chơn như, thật tế, bất tư nghì giới có tăng có giảm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật chẳng một chẳng hai, chẳng ba chẳng bốn, cũng chẳng phải nhiều vậy.

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, nơi tâm chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng lo ngại, chẳng chìm chẳng đắm, cũng chẳng sanh nghi. Bồ Tát này hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đã được rốt ráo, an trụ bậc Bồ Tát Bất thối chuyển, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khắp vì hữu tình làm nhiêu ích lớn.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự tánh chẳng hư dối, tánh chẳng tự tại, rỗng không, chẳng phải có của Bát nhã Ba la mật mà có thể hành Bát nhã Ba la mật chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa tánh chẳng hư dối, tánh chẳng tự tại, rỗng không, chẳng phải thật có của Bát Nhã mà có pháp có thể đắc, có thể hành Bát nhã Ba la mật chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự Bát Nhã có thể hành Bát nhã Ba la mật chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng phải.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa Bát nhã Ba la mật thẳm sâu có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự tánh không có thể hành không chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa không tánh có pháp khả đắc, có thể hành không được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự sắc thọ tưởng hành thức có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Chẳng phải.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa sắc thọ tưởng hành thức có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Tức 12 xứ cho đến 18 giới có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa 12 xứ cho đến 18 giới có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự nhãn xúc cho đến ý xúc có thể hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa nhãn xúc cho đến ý xúc có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự địa giới cho đến thức giới có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa địa giới cho đến thức giới có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự bố thí cho đến tự Bát nhã Ba la mật có thể hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự nội không cho đến vô tánh tự tánh không có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa nội không cho đến vô tánh tự tánh không có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự chơn như cho đến bất tư nghì giới có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa chơn như cho đến bất tư nghì giới có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả có thể hành Bát nhã Ba la mật thẩm sâu được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự Nhất thiết trí, Đạo tướng trí có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự sắc thọ tưởng hành thức, tánh chẳng tự tại, tánh chẳng bền chắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa sắc thọ tưởng hành thức, tánh chẳng tự tại, tánh chẳng bền chắc có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Như vậy cho đến có phải tự Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tánh chẳng tự tại, tánh chẳng bền chắc, năng hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tánh chẳng tự tại, tánh chẳng bền chắc, có pháp khả đắc năng hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự sắc thọ tưởng hành thức chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, có thể hành Bát Nhã được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa sắc thọ tưởng hành thức chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, có pháp khả đắc có thể hành Bát nhã Ba la mật được chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng có.

Thiện Hiện bấy giờ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Nếu các pháp như thế đều chẳng thể hành Bát nhã Ba la mật, các Bồ Tát làm sao có thể hành Bát nhã Ba la mật?**

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Ngươi thấy có pháp có thể hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Ngươi có thấy Bát nhã Ba la mật là sở hành của đại Bồ Tát chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Pháp ngươi chẳng thấy, pháp ấy khá được chăng?

- Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Pháp chẳng thể đạt được có sanh diệt chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Thật tánh của các pháp như ông đã thấy tức là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát.** Nếu đại Bồ Tát thành tựu vô sanh pháp nhẫn như thế thì liền được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký Bất thối chuyển đối với quả vị Giác ngộ tối cao.

Bồ Tát này đối Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng thảy vô lượng vô biên công đức thù thắng, nên được gọi là Năng Tinh Tấn Như Thật Đạo giả. Nếu năng tinh tấn tu hành như thế mà chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Nhất thiết tướng trí, Đại diệu trí, thì không có lẽ ấy. Vì sao? Bồ Tát này đã chứng được Vô sanh pháp nhẫn rồi, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, với pháp đã được thường không lui giảm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát vì thấu đạt tánh tất cả pháp vô sanh, nên được thọ ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng phải.

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát vì thấu đạt tánh tất cả pháp sanh, nên được thọ ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng phải.

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát vì thấu đạt tánh tất cả pháp sanh hay vô sanh, được ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng phải.

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát vì thấu đạt tánh tất cả pháp chẳng sanh chẳng vô sanh, nên được trao ký Bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng phải.

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy các Bồ Tát làm sao được trao ký Bất thối chuyển?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Ngươi thấy có pháp nào được Phật trao ký Bất thối chuyển chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy. Con chẳng thấy có pháp nào được trao ký Bất thối chuyển. Cũng chẳng thấy pháp đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có kẻ năng chứng, xứ chứng, thời chứng và do đây chứng, tất cả đều bất khả đắc.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đối tất cả pháp vô sở đắc, chẳng khởi nghĩ này: Ta đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề sẽ năng chứng được. Ta dùng pháp đây, với thời như vậy, với xứ như vậy, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao?

Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật như thế, tất cả đều phân biệt. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đều xa lìa phân biệt. Nếu khởi các thứ phân biệt như thế, thời chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật.**

Thích nghĩa:

(1). Pháp tùy pháp hành và hòa kính hành cùng tùy pháp hành. Nguyên văn bằng chữ Hán trong Hoavouu.com là "法pháp 隨tùy 法pháp 行hành. 及cập 和hòa 敬kính 行hành. 并tinh 隨tùy 法pháp 行hành".

Tùy pháp hành và hòa kính hành: Một trong hai hạng. Hạng người thứ nhất, có lợi căn tu quả Dự lưu lấy lý trí phân tích pháp Phật tu hành gọi là tùy pháp hành. Hạng thứ hai căn trí chậm lụt hơn thường lấy lòng tin để tu thì gọi là tùy tín hành. Còn gọi là hòa kính hành là người tu lấy sự hòa nhã đối xử với nhau để cùng tu hành, thì gọi là hòa kính hành. Có sáu loại hòa kính là: 1. Thân hòa đồng trụ (ở chung với nhau); 2. Khẩu hòa vô tranh; 3. Ý hòa đồng duyệt; 4. Giới hòa đồng tu; 5. Kiến hòa đồng giải; 6. Lợi hòa đồng quân (chia sẻ đều nhau), gọi chung là Lục hòa, là quy ước căn bản của Tăng chúng cùng sống chung trong Tăng đoàn.

(2). Hạnh viễn ly: Tức hạnh "viễn trần ly cấu" hay xa trần lìa cấu.

Sơ giải:

1. Phần đầu của phẩm "Tăng Thượng Mạng" thuyết về:

1- Ai được xem là Bồ Tát Bất thối chuyển?

***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 61, "Mộng Trung Bất Chứng", Tập 4, quyển 76** tương đương với đoạn Kinh của ĐBN, nói:*

"Ví như nói Bồ Tát thường tu tập quán không, nên khi nằm mộng, thấy cảnh mộng thù thắng vẫn chẳng sanh tâm chấp đắm cảnh mộng... dẫn đến chẳng chấp đắm 3 cõi.

Bồ Tát hành như vậy là phát khởi tâm đại bi, thâm nhập vào Phật pháp, nên chẳng bị lạc về Nhị Thừa địa. Khi tỉnh thức cũng như trong mộng, Bồ Tát luôn nhận rõ hết thảy pháp đều là như mộng, như huyễn.

Do vậy mà, dù ở hiện tiền chưa được đầy đủ Bồ Tát hạnh, mà đã được xem như bậc Bồ Tát bất thối chuyển. Vì sao?

Vì Bồ Tát ấy chẳng còn rơi về 2 chấp. Đó là :

- Chấp thế gian lạc.
- Chấp pháp Nhị Thừa.

Do Bồ Tát kiên tâm thâm nhập pháp không, nên được đầy đủ tâm từ bi, khiến ở trong mộng cũng chẳng còn tham chấp 3 cõi, chẳng còn tham chấp Nhị Thừa, huống nữa là khi tỉnh thức.

--o0o--

"Bồ Tát, ở trong mộng, thấy chư Phật thuyết pháp, dạy về thật tướng nghĩa. Nghe nghĩa ấy xong, liền thâm nhập.

Bồ Tát ở trong mộng, thấy Phật thân vô lượng, thấy thân Phật như núi Tu Di, thấy thân Phật sắc vàng như vàng ròng, thấy chư Phật phóng vô lượng quang minh; từ nơi mỗi lỗ chân lông đều có quang minh; ở nơi mỗi quang minh đó đều có một vị Hoá Phật đang thuyết pháp và hành các Phật sự để độ thoát chúng sanh.

Nếu ở trong mộng, Bồ Tát thấy các cảnh như vậy, mà vẫn giữ tâm thanh tịnh, bất động, lại thấu rõ được thật tướng của các pháp, thì phải biết Bồ Tát ấy đã hiển thị tướng mạo của bậc Bồ Tát bất thối chuyển.

Bồ Tát thường hành rốt ráo không, nên chẳng còn chấp ngã và ngã sở, chẳng còn tiếc thân mạng, chẳng còn khởi sanh phiền não.

Bởi vậy nên khi nằm mộng, thấy chính mình hoặc thấy cha mẹ, anh chị em mình bị giết, hoặc thấy làng xóm, thôn ấp mình bị lửa thiêu rụi, Bồ Tát vẫn giữ tâm tỉnh giác, bất động. Khi tỉnh thức, Bồ Tát tự niệm cảnh mộng cùng hết thảy pháp trong 3 cõi đều là chẳng phải hai,

chẳng phải khác; tất cả đều là mộng. Rồi Bồ Tát tự niệm, "Ta phải vì chúng sanh thuyết pháp "không", dạy cho họ biết rõ hết thảy pháp thế gian đều là như mộng, như huyễn, chớ nên chấp ngã, chấp pháp, mà phải bị trầm luân mãi trong bể khổ sanh tử".

Bồ Tát, ở trong mộng, thấy chúng sanh bị đoạ lạc vào trong ba đường ác, nên tự niệm: Khi ta được Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ta sẽ khiến cho cõi nước của ta chẳng còn 3 đường ác.

Bồ Tát, ở trong mộng, thấy lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, liền tự nguyện làm cho lửa địa ngục tự tiêu diệt, để cứu thoát chúng sanh. Khi tỉnh thức, thấy lửa thiêu đốt thành ấp, xóm làng cũng tự nguyện như vậy, khiến lửa tự tiêu diệt. Vì sao? Vì Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp đã tu tập phước đức, đã thâm nhập vào thật tướng pháp, nên hàng Thiên Long Bát Bộ thường theo bên hộ trì, khiến ý nguyện của Bồ Tát được thành tựu, khiến lửa tự diệt.

Nếu ở nơi nào có nạn lửa, mà có nhà bị lửa thiêu cháy rụi, có nhà chẳng bị thiệt hại gì cả, thì phải biết chủ nhân của những nhà bị lửa thiêu rụi, ở đời trước đã phạm tội phá pháp, nên đời nay mới phải chịu quả báo như vậy; còn chủ nhân của những nhà được an ổn, thì biết đời trước đã gieo trồng phước đức, nên đời này mới được hưởng phước báo như vậy. Lại nữa, tuy Bồ Tát đã phát nguyện và đã được Thiên Long Bát Bộ hộ trì, nhưng vẫn chẳng sao cứu được những trường hợp của những người đã phạm tội nặng ở đời trước, mà đời này đã đến thời kỳ phải trả nghiệp quả báo".

2- Hành động tướng trạng của kẻ Tăng thượng mạng?

Luận thuyết tiếp:

"Có Bồ Tát chưa được vô sanh pháp nhẫn, bị quỷ thần đến quấy nhiễu, đã phát nguyện khiến các quỷ thần tản đi nơi khác, mà được như nguyện. Đây là ác ma dùng uy lực khiến các quỷ thần phải tản đi nơi khác, chẳng phải là do oai lực của Bồ Tát ấy vậy. Thế nhưng, vị Bồ Tát ấy khởi niệm: "Ta có oai lực, khiến quỷ thần phải sợ hãi lánh đi nơi khác". Tự niệm như vậy rồi, Bồ Tát ấy dấy niệm khinh khi các Bồ Tát khác, khiến phải bị ác ma sai sứ, dẫn dắt vào Nhị Thừa địa.

--o0o--

Lại có Bồ Tát chưa được chánh định, nhưng đã nghe ác ma tán thán rằng mình đã được thọ ký, nên dấy tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ Tát khác, khiến phải xa rời Vô Thượng Bồ Đề.

--o0o--

Lại có Bồ Tát chưa vào được nơi thật tướng pháp, chẳng biết rõ hết thảy các pháp đều là như mộng, như huyễn, nhưng khi nghe ác ma tán thán mình đã được thọ ký, mình sẽ thành Phật có hiệu đó, ở quốc độ đó v.v... liền tưởng là mình đã được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Do lầm tưởng như vậy, nên Bồ Tát ấy dấy niệm khinh khi các Bồ Tát khác, xa rời Vô Thượng Bồ Đề, lạc về Nhị Thừa địa.

Thế nhưng, nếu Bồ Tát ấy biết thành tâm sám hối, biết trở lại y chỉ nơi Bát nhã Ba la mật, thì nghiệp tội sẽ được tiêu trừ, và Bồ Tát ấy cũng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Trái lại, nếu Bồ Tát ấy khởi tâm chấp danh vị do ác ma thọ ký cho, thì sẽ bị phạm trọng tội. Vì sao? Vì tội chấp danh vị, cho mình là Phật như vậy, còn nặng hơn 4 trọng tội của giới Tỳ kheo, nặng hơn cả tội ngũ nghịch nữa” .

3- Thế nào là tu hạnh viễn ly?

Luận thuyết rằng:

“Lại có Bồ Tát tìm chỗ hoang vắng, xa lìa bà con thân thuộc, xa lìa hết thẩy các người khác, và cho rằng như vậy là mình hành hạnh viễn ly. Ác ma thường đến với Bồ Tát ấy, tán thán rằng hạnh viễn ly đó là chân thật, được chư Phật ngợi khen. Bồ Tát ấy nghe nói như vậy, liền dấy tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ Tát khác tu tập ở chốn thành ấp, ồn ào, náo nhiệt. Do dấy niệm như vậy, nên xa lìa Vô Thượng Bồ Đề, lạc về Nhị Thừa địa.

Phật dạy “Hành viễn ly chân thật là viễn ly tâm Nhị Thừa, viễn ly 3 cõi, chẳng phải là trốn tránh chúng sanh, xả bỏ chúng sanh như vậy.

Người ở chốn huyên náo mà tâm chẳng loạn động đáng kính trọng hơn là người ở chốn tĩnh lặng mà tâm vẫn thường loạn động".

4- Ai là chơn thiện tri thức của Bồ Tát?

Luận thuyết:

"Phật dạy "Bồ Tát muốn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề phải nhất tâm thâm ái Phật pháp, xa lìa các lạc thú thế gian, và phải thân cận thiện tri thức".

Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải tác hành 2 việc. Đó là:

- Phải trú tâm trong chánh niệm.
- Phải gần gũi thiện tri thức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi, "Những ai là thiện tri thức của Bồ Tát?".

Phật dạy "Chư Phật, chư Bồ Tát, chư A La Hán là thiện tri thức của Bồ Tát, 6 pháp Ba la mật... dẫn đến nhất thiết chủng trí đều là thiện tri thức của Bồ Tát. Vì sao? Vì nếu Bồ Tát thuận hành theo chư thiện tri thức đó, thì sẽ được Phật thọ ký bất thối chuyển".

Bốn phân đoạn trên: 1- Ai được xem là Bồ Tát Bất thối chuyển? 2- Hành động tướng trạng của kẻ Tăng thượng mạng? 3- Thế nào là tu hạnh viễn ly? 4- Ai là chơn thiện tri thức của Bồ Tát? Chúng ta đã học qua trong các phẩm rải rác của Hội thứ I và đầu Hội thứ II rồi, nên chúng tôi chỉ tóm gọn phần giải thích của Đại Trí Độ Luận. Các phân đoạn sau rất quan trọng nên cần trích dẫn nhiều hơn để các đạo hữu nắm vững vấn đề. Phẩm này của Hội thứ II, ĐBN chiếm gần hết 2 quyển (Q.76 và Q.77) của Đại Trí Độ Luận, giáo lý rất khó, nên phải kiên nhẫn thọ trì.

5- Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?

Kinh ĐBN, Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- "Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy gì làm tướng?**

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu **lấy hư không làm tướng, lấy vô trước làm tướng, lấy vô tướng làm tướng**. Vì sao?

Thiện Hiện! Vì ở trong tướng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây, các pháp, các tướng đều vô sở hữu, chẳng thể nắm được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Vả có nhân duyên khá nói Bát nhã Ba la mật có diệu tướng, các pháp cũng có tướng như thế ư?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Có nhân duyên nên có thể nói Bát nhã Ba la mật có diệu tướng, các pháp cũng có diệu tướng như thế. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu lấy viễn ly làm tướng. Các pháp cũng lấy viễn ly làm tướng. **Bát Nhã thẳm sâu lấy tánh không làm tướng. Các pháp cũng lấy tánh không làm tướng**. Do nhân duyên đây nên nói như vầy: Bát Nhã thẳm sâu có diệu tướng, các pháp cũng có diệu tướng như thế. **Vì tất cả pháp tự tánh đều không, lìa tướng vậy**".

Tại sao nói Bát nhã Ba la mật lấy hư không làm tướng? Chúng ta cũng đọc qua các dẫn giải về vấn đề này rồi. Nhưng Kinh lặp lại để chúng ta hiểu thế nào là tánh cách khách quan của Bát Nhã, nên chúng tôi tiếp tục trích dẫn ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 61, "Mộng Trung Bất Chứng", Tập 4, quyển*** *77 (tiếp theo):*

"Phật dạy: Như hư không tướng là tướng của Bát nhã Ba la mật. Vì hư không tướng là vô sắc tướng, là phi vô sắc tướng, là vô sở hữu tướng; Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Vì sao nói hết thảy pháp tướng đều là Bát nhã Ba la mật tướng?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp tướng đều rốt ráo là không, rốt ráo là ly, cho nên nói hết thảy pháp tướng đều là Bát nhã Ba la mật tướng.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là ly tướng, đều là chẳng có tướng, thì làm sao biết được tâm chúng sanh là cấu hay là tịnh? Lại nữa, trong ly tướng, trong vô tướng, thì làm sao Bồ Tát tu tập có thể đến được Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy: Vì chúng sanh chấp ngã và ngã sở, nên bị vô minh che tâm, khiến thấy tâm có cấu, có tịnh.

Trên đây, Phật muốn dạy rằng, Ngã và ngã sở đều rốt ráo là không, rốt ráo là ly, nhưng chúng sanh, do cuồng vọng điên đảo, mà chấp có ngã và có ngã sở, rồi khởi sanh các tướng phiền não. Vì có các phiền

não như vậy, nên mới khởi sanh các nghiệp, cùng các nghiệp chủng nhân duyên, khiến chúng sanh cứ phải luân chuyển mãi trong các nẻo đường sanh tử, mà chẳng biết rằng **phiền não cũng là rốt ráo không**. **Vì sao? Vì do tâm hư vọng chấp, mà thấy có ngã và ngã sở; do ngã và ngã sở tác duyên, mà khởi sanh các pháp hư vọng.**

Dùng lực phương tiện cũa Bát nhã Ba la mật, mà quán 5 ấm là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tự tướng không, là tự tướng ly, thì sẽ biết rõ rằng ngã và ngã sở, từ vô thỉ đến nay, vẫn là rốt ráo bất sanh; khi tâm và tâm sở đều diệt, thì các phiền não cũng diệt, khiến các duyên nghiệp tác khởi qua lại trong các đường sanh tử cũng đoạn; lúc bấy giờ, sẽ được tâm thanh tịnh. Lại cũng nên biết, vì các pháp tướng rốt ráo không, nên là chẳng có cấu, chẳng có tịnh.

Đến đây, ngài Tu Bồ Đề tư duy về lời Phật dạy, rồi bạch Phật: Bồ Tát hành như vậy là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành thức, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng hành 8 thánh đạo v.v...

Vì sao? Vì Bồ Tát chẳng thấy có pháp để hành, chẳng thấy có pháp để chứng, chẳng thấy có người chứng.

Bồ Tát hành như vậy, thì các hàng Trời, Người, A Tu La đều chẳng có thể hàng phục được. Vì sao? Vì hàng Trời, Người còn chấp có danh pháp, khiến khởi sanh các quả báo hư vọng; còn Bồ Tát trú nơi rốt ráo không, mà chẳng chấp không, huống nữa là chấp các pháp, nên chẳng ai có thể hàng phục được vậy.

Bồ Tát hành pháp như vậy, nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao sánh kịp. Bởi vậy nên Bồ Tát vào pháp vị bất thối chuyển rồi, thì ma chẳng còn có thể phá hoại được.

Bồ Tát thường hành Bát nhã Ba la mật, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm*(Nhất thiết chủng trí)*, nên mau đến được Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ Tát, tuy chẳng chấp hết thảy pháp, mà vẫn tinh tấn tu tập hết thảy các trợ đạo pháp.

Phật ấn chứng lời của ngài Tu Bồ Đề, và tán thán các công đức tự lợi và lợi tha của Bồ Tát".

Phần kế so sánh các phước đức quả báo của người cúng dường hay tu tập hoặc dạy dỗ chúng sanh học các thiện pháp hay các quả vị Tu đà hoàn v.v... với Bồ Tát phát tâm tu hành hay dạy người khác tu

hành Bát Nhã thì ai có công đức hơn? Chúng ta đã tụng đọc các công đức này quá nhiều nên không cần lặp lại ở đây.

Tóm lại, tất cả tiết mục trên được thuyết giảng thường xuyên ở 5 Hội đầu, nhiều nhất ở phẩm "Khéo Học" từ Q.332 - Q.335, Hội thứ I và đồng thời cũng thuyết giảng rải rác ở các phẩm "Ma Sự" từ Q.303- Q.304, Hội thứ I; phẩm "Chơn Thiện Hữu" Q.313 - Q.316, Hội thứ I; phẩm"Phật Mẫu", Q.306, Hội thứ I, ĐBN. Vậy, các đạo hữu có thể quay lại đọc tụng nhất là phẩm "Khéo Học" và các phẩm mà chúng tôi đã liệt kê trên nếu có thắc mắc.

2. Phần sau của phẩm "Tăng Thượng Mạn", đặt câu hỏi: Tại sao Bồ Tát hành Bát Nhã mà bảo là không hành, mới gọi là hành?

***Phần này** đặt trọng tâm ở câu hỏi không những Tu Bồ Đề mà tất cả những người thọ trì Bát nhã Ba la mật không khỏi ngạc nhiên với câu trả lời ngược đời: "Không hành tức là hành?". Các đạo hữu cố gắng đọc đoạn chiết giải của **Đại Trí Độ Luận cũng cùng phẩm trên**, như sau:*

"Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật khai thị về chánh hạnh Bát nhã Ba la mật, nên hỏi Phật: Khi hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát quán hết thảy pháp đều là không, là vô sở hữu, là chẳng kiên cố. Như vậy, thì hành không, hành vô sở hữu là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì nếu là không, là vô sở hữu, thì chẳng thể hành Bát Nhã Ba la mật được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ly không là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì nếu hết thảy pháp là không, là vô tướng, là vô tác, thì ly không cũng chẳng thể hành Bát nhã Ba la mật được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ "Bát nhã Ba la mật nhiếp hết thảy pháp", nên lại hỏi: Trú nơi Bát nhã Ba la mật là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì pháp chẳng tự hành, mà phải nương nơi các pháp khác mới hành được vậy.

Ngài Tù Bồ Đề lại hỏi: Ly Bát nhã Ba la mật, thì có pháp để hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng có vậy.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều nhiếp trong Bát nhã Ba la mật cả.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề lại nghĩ về danh tự, và về nhân duyên, nên hỏi Phật: Trú nơi 5 ấm là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì 5 ấm là hư vọng. Do duyên hòa hợp sanh, nên 5 ấm là chẳng tự tại. Chẳng thể trú nơi 5 ấm mà hành Bát nhã Ba la mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trú nơi 6 pháp Ba la mật là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì cũng như 5 ấm, các pháp Ba La Mật cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi 6 pháp Ba la mật mà hành Bát nhã Ba la mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trú nơi 4 niệm xứ... dẫn đến trú nơi 18 bất cộng pháp là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì cũng như 5 ấm, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi các pháp ấy mà hành Bát nhã Ba la mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Hành 5 ấm không... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp không, hành pháp vô sở hữu, hành pháp không, hành pháp như, hành pháp tướng, hành pháp tánh, hành pháp trụ, hành pháp vị, hành thật tế có phải là hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì hết thảy pháp ấy đều là bất sanh, bất diệt, đều tự tánh không, nên chẳng thể hành Bát nhã Ba la mật được.

Ngài Tu Bồ Đề tại hỏi: Nếu nói Bồ Tát chỉ là giả danh, chẳng hành được Bát nhã Ba la mật, nếu nói các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng hành Bát nhã Ba la mật được, thì như vậy ai là người *(có thể)* hành Bát nhã Ba la mật?

Nếu nói chẳng có người hành Bát nhã Ba la mật thì vì sao nói Bồ Tát do hành Bát nhã Ba la mật mà được Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy: Ông dùng huệ nhãn có thấy pháp nào quyết định hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Vì ngài Tu Bồ Đề đã vào được 3 giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác", nên biết rõ thật tướng pháp, biết rõ hết thảy pháp đều là bất khả đắc, huống nữa là có pháp để tác chứng, và có người tác chứng.

Nghĩ như vậy, nên ngài bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp hành Bát nhã Ba la mật, và cũng chẳng thấy có người hành Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy: Ông có thấy chỗ hành xứ của Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy.

Vì sao? Vì vào trong Bát nhã Ba la mật thì hết thảy quán hạnh đều diệt khiến chẳng thấy có định pháp nào gọi là Bát nhã Ba la mật cả. Bởi vậy nên chẳng thể chỉ bày được.

Phật dạy: Nếu dùng huệ nhãn mà chẳng thấy Bát nhã Ba la mật, thì pháp ấy là có hay là chẳng có?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng có vậy.

Vì sao? Vì Phật đã dạy huệ nhãn là thật trí huệ, còn nhục nhãn và thiên nhãn đều là hư dối, mà ngài Tu Bồ Đề dùng huệ nhãn chẳng thấy có định pháp nào gọi là Bát nhã Ba la mật, nên ngài đáp, "Chẳng có vậy".

Phật lại hỏi: Nếu pháp ấy là không, là bất khả đắc, pháp ấy có sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng sanh vậy.

Vì sao? Vì ngài nghĩ rằng "Từ vô thỉ đến nay, các pháp vẫn là không, là vô sở hữu. Dù nói các pháp là không, hay nói các pháp là có, cũng đều là hý luận cả. Lại nữa, pháp diệt rồi, thì làm sao có sanh lại được nữa?".

Phật dạy: Nếu ở nơi hết thảy pháp, Bồ Tát đều thông đạt như vậy, mà chẳng nghi, chẳng sợ, thì Bồ Tát sẽ đủ trí lực và huệ lực, để vẫn an trú trong pháp ấy, mà vào được vô sanh pháp nhẫn.

Tuy ở nơi 5 ấm giả danh, mà Bồ Tát vẫn an trú nơi pháp ấy để hành Bát nhã Ba la mật.

Tuy rằng pháp thế gian chẳng có nói đến đệ nhất nghĩa đế, chẳng có nói đến vô sanh pháp, nhưng vì đệ nhất nghĩa đế dung nhiếp hết thảy pháp, nên Bồ Tát thường an trú nơi đệ nhất nghĩa đế, thường an trú nơi vô

sanh pháp, mà vào được **vô sanh pháp nhẫn**… dẫn đến được thọ ký Vô thượng Bồ đề.

--o0o--

Phật lại dạy: **Nếu Bồ Tát nhất tâm, tinh tấn hành Bát nhã Ba la mật, chẳng sợ, chẳng nghi, chẳng hề thối chuyển, lại tùy vô sanh pháp mà hành trì, thì sẽ được đại trí huệ.**

Vì sao? Vì trong kinh nói, "Nếu chẳng có nhân, chẳng có duyên, thì chẳng có quả báo". Nếu nhân duyên chưa đầy đủ, thì quả báo chưa có thể thành tựu được. Nay Bồ Tát đã được vô sanh pháp nhẫn là đã hội đủ các nhân duyên để được quả báo "Bồ Tát vị" vậy. Bồ Tát gieo nhân "xả thân sanh tử", và được quả là "pháp tánh thân".

Bồ Tát đầy đủ các nhân duyên Phật pháp như vậy, thì ở nơi thân rốt sau sẽ tọa đạo tràng... dẫn đến được đầy đủ quả Vô thượng Bồ đề.

Vì sao? Vì Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì chỉ nhất tâm thẳng tiến, chẳng bao giờ thối chuyển. Trái lại, người chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, thì còn ái chấp các pháp thế gian, nên còn bị các phiền não ngăn che tâm trí. Người chưa được vô sanh pháp nhẫn, thì dụng lực rất gian nan; còn Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, nên dụng lực rất tự tại.

Bởi vậy nên Bồ Tát rất quý vô sanh pháp nhẫn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Được vô sanh pháp nhẫn là được thọ ký chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì vô sanh pháp nhẫn là bất sanh, bất diệt, là bất khả đắc. Tướng của vô sanh pháp nhẫn đã là bất khả đắc, thì làm sao có tướng thọ ký Vô thượng Bồ đề?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp chẳng sanh, thì có được thọ ký chăng?

Phật dạy: Chẳng được như vậy.

Vì sao? Vì pháp chẳng sanh cũng là hư vọng, nên chẳng thể được thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp chẳng sanh cũng chẳng phải chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao ? Vì cả 2 bên đều là lầm lỗi cả.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu như vậy, ai được thọ ký Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy: Ông dùng huệ nhãn có thấy pháp thọ ký, và người được thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Con chẳng thấy vậy,

Vì sao? Vì pháp, từ vô thỉ đến nay, vẫn là tịch diệt. Ở nơi tịch diệt, thì chẳng thể nói là thấy hay chẳng thấy, được thọ ký hay chẳng được thọ ký vậy. Bởi vậy nên nói chẳng thấy có pháp Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng thấy có người đắc Vô thượng Bồ đề.

--o0o--

Ở đoạn kinh trên đây, Phật muốn phá trừ mọi ức tưởng phân biệt.

Bởi vậy nên khi ngài Tu Bồ Đề hỏi, "Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, có được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng?"

Phật đã đáp lại rằng "chẳng được vậy".

Vì sao? Vì khi Bồ Tát đã hiểu được lý vô sanh rồi, thì hành Bát nhã Ba la mật chẳng còn khởi ức tưởng phân biệt nữa.

Đây là Phật mật ý nói: **"Bồ Tát phải được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì mới được thọ ký Vô thượng Bồ đề"**.

Vì trong chúng hội nhiều người chưa rõ lý vô sanh, còn thấy có chỗ đắc "vô sanh pháp nhẫn", nên Phật đã đáp như trên.

Trường hợp này cũng giống như trường hợp ông Phạm Chí Bà Sa hỏi Phật về ngã và vô ngã.

Ông Phạm Chí hỏi Phật "Có ngã chăng?" Phật giữ im lặng. Ông Phạm Chí lại hỏi Phật, "Có vô ngã chăng?" Phật cũng vẫn giữ im lặng. Sở dĩ Phật giữ im lặng, chẳng đáp lời ông Phạm Chí, vì Phật biết ông Phạm Chí đã dụng tâm chấp khi nêu lên 2 câu hỏi này, và muốn hý luận về "ngã và vô ngã". Phật giữ im lặng để ông Phạm Chí biết rằng, "Ngã và vô ngã đều chẳng nên chấp".

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề biết có việc thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nhưng còn nghi chưa rõ là “Có định pháp Vô Thượng Bồ Đề chăng?” Do vậy mà ngài mới hỏi Phật: Làm sao Bồ Tát biết có pháp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề, trú trong 3 giải thoát môn, dùng huệ nhãn quán thấy các pháp đều là không, là vô tướng, là pháp như, là pháp tánh… nên chẳng có định pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký, chẳng có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến chẳng có người được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Tự niệm như vậy, tâm ngài liền tự giải, chẳng còn nghi nữa, nên ngài bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có người được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Phật ấn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Như chỗ ông nói ra, “Chẳng có pháp để đắc, chẳng có người đắc pháp” mới là thật pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật chẳng có chỗ ức tưởng phân biệt vậy”.

Pháp tu hết sức tế nhị, tu mà muốn đắc là có sở đắc, có phân biệt, có chấp tức còn mong cầu nắm bắt thì làm sao đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đó là lý do tại sao nói tu Bát nhã Ba la mật như tu hư không.

Nên nghiên cứu kỹ phần chú giải của Đại Trí Độ Luận. Tất cả thắc mắc về các giáo lý của 5 Hội đầu đều hầu như nằm trong phần chú giải sâu sắc này./.

---o0o---

60. PHẨM "ĐỒNG HỌC"

Cuối Q.454 đến đầu Q.455, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Học Phương Tiện xảo", Q.337 đến Q.341, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Học Phương Tiện Xảo" bắt đầu từ Q.337 đến đầu Q.341 là một phẩm tương đối dài, nên Hội thứ II mới phân chia làm nhiều phẩm, trong đó có hai phẩm chính là "Đồng Học" và "Đồng Tánh". Hội thứ I không có phẩm tựa riêng là: "Đồng Học" và "Đồng Tánh". Phần cuối phẩm "Học Phương Tiện Xảo" thuộc Hội thứ I có nói qua việc cùng học, cùng sống của các Bồ Tát trong cuộc sống chung đụng lẫn nhau.

*Phẩm này của Hội thứ II tương đương với **phẩm thứ 62, cũng có tên là "Đồng Học", Tập 4, quyển 77, Đại Trí Độ Luận.***

Tóm lược:

(Công đức của người thọ trì Bát nhã Ba la mật)

Khi ấy, trời Đế Thích bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này rất sâu xa, khó thấy, khó giác, không thể suy nghĩ, vượt khỏi cảnh giới suy nghĩ, là sở chứng vi mật của người trí tuệ minh mẫn, vi diệu, hoàn toàn xa lìa các tướng phân biệt. Bạch Thế Tôn! Đối với Kinh điển Bát Nhã sâu xa này, thiện nam, thiện nữ nào thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng thông suốt hoàn toàn, tư duy như lý, tu hành theo lời dạy, vì người chính thuyết để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, không có xen lẫn tâm và tâm sở sai khác thì thiện nam, thiện nữ… đó không những chỉ thành tựu chút ít thiện căn mà còn có thể thành tựu sự nghiệp phải không?

Khi ấy, Phật bảo trời Đế Thích:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này Kiều thi ca! Đối với Kinh điển Bát Nhã sâu xa này, nếu thiện nam, thiện nữ nào thường thích lắng nghe, giữ gìn, đọc tụng, hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, tu hành theo giáo lý, vì người chính thuyết để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, không

xen lẫn các tâm và tâm sở sai khác thì các thiện nam, thiện nữ… này **chắc chắn thành tựu căn lành rộng lớn và có thể thành tựu sự nghiệp**.

Này Kiều thi ca! Giả sử có thiện nam, thiện nữ có thể khuyến khích các loài hữu tình ở châu Nam Thiệm bộ này cho đến Tam thiên đại thiên thế giới đều thực hành 10 nghiệp lành, hoặc 4 tịnh lự, hoặc 4 vô lượng, hoặc 4 định vô sắc, hoặc 5 thần thông cùng vô lượng công đức khác.

Có thiện nam, thiện nữ nào đối với Kinh điển Bát Nhã này, **thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý v.v… thì công đức mà thiện nam, thiện nữ này đạt được hơn công đức của người nói trước trăm, ngàn lần, cho đến vô lượng, vô số**.

Lúc đó, trong chúng có một Tỳ kheo hỏi trời Đế Thích:

- Này Kiều thi ca! Đối với Kinh điển Bát Nhã này, thiện nam, thiện nữ nào thường chú tâm, không tán loạn, ưa thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý v.v… để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, không xen lẫn tâm và tâm sở khác thì công đức mà thiện nam, thiện nữ đó thu được hơn hẳn vô lượng công đức mà các loài hữu tình ở cõi châu Thiệm bộ, cho đến cả Tam thiên đại thiên thế giới có được nhờ cùng nhau thực hành 10 nghiệp lành, hoặc 4 tịnh lự, hoặc 4 vô lượng, hoặc 4 định vô sắc, hoặc 5 thần thông không?

Thiên Đế Thích đáp:

- Những thiện nam, thiện nữ đó mới vừa phát tâm chỉ một niệm tương ưng Nhất thiết trí trí đã thu được công đức lớn hơn công đức mà tất cả các loài hữu tình ở khắp châu Thiệm bộ, cho đến Tam thiên đại thiên thế giới có được nhờ cùng nhau thực hành 10 nghiệp lành, hoặc 4 tịnh lự, hoặc 4 vô lượng, hoặc 4 định vô sắc, hoặc 5 thần thông v.v... gấp trăm ngàn lần, huống gì lại có thể đối với Kinh điển Bát Nhã sâu xa này giữ tâm không loạn, thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý v.v… để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, không xen lẫn tâm và tâm sở khác thì công đức thu được không thể so lường.

Này Tỳ kheo! Ông nên biết công đức trí huệ của thiện nam, thiện nữ này chẳng những hơn hẳn công đức mà các loài hữu tình ở châu Thiệm bộ, cho đến Tam thiên đại thiên thế giới có được nhờ cùng nhau thực hành 10 nghiệp lành, hoặc 4 tịnh lự, 4 vô lượng v.v… mà còn hơn cả công đức mà trời, người, A tu la có được. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Tỳ kheo nên biết! Công đức trí tuệ của thiện nam, thiện nữ này chẳng những hơn công đức mà trời, người, A tu la ở thế gian có được mà còn hơn công đức của tất cả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Tỳ kheo nên biết! Công đức trí tuệ của thiện nam, thiện nữ này chẳng những hơn công đức của tất cả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề mà còn hơn cả công đức của tất cả **đại Bồ Tát xa lìa phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật**, tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật, an trụ vào pháp nội không cho đến vô tính tự tính không, an trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, an trụ Tứ đế cho đến 37 trợ đạo, tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, tu hành 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, tu hành 5 loại mắt, 6 phép thần thông, tu hành Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng, tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, giáo hóa hữu tình, tu Bồ Tát hạnh, và quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Tỳ kheo nên biết! Công đức, trí tuệ của thiện nam, thiện nữ này cũng hơn hẳn công đức của tất cả Bồ Tát xa lìa phương tiện thiện xảo khi tu hành Bát Nhã. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này mau chứng quả vị Vô thượng Bồ đề, làm lợi ích vô lượng hữu tình.

Tỳ kheo nên biết! Thiện nam, thiện nữ này chính là đại Bồ Tát. Nhờ tu hành Bát Nhã đúng như đã nói nên đại Bồ Tát này không bị tất cả thế gian, trời, người, A tu la, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn hàng phục. Vì vậy, có thể tiếp nối Nhất thiết trí trí không cho đứt đoạn, thường không lìa chư Phật, Bồ Tát là những **bạn lành thù thắng chơn thật**. Không bao lâu nữa vị ấy sẽ ngồi trên tòa Bồ đề vi diệu, hàng phục tất cả quyến thuộc ác ma, chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề, cứu vớt các hữu tình ra khỏi sanh, lão, bệnh, tử, làm cho được hoàn toàn an vui, tịch tĩnh.

Tỳ kheo nên biết! Nhờ tu hạnh Bát Nhã sâu xa đúng như đã nói, Bồ Tát này thường học pháp mà đại Bồ Tát nên học, không học pháp mà Thanh văn, Độc giác học.

Tỳ kheo nên biết! Do đại Bồ Tát này tu hành Bát Nhã như vậy, thường học các pháp mà đại Bồ Tát cần học nên 4 Đại thiên vương hộ thế thống lĩnh Thiên chúng của mình đến chỗ vị ấy, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói: "Lành thay! Đại sĩ hãy mau tinh tấn học các pháp mà đại Bồ Tát nên học, đừng học các pháp mà Thanh văn, Độc giác học. Nếu học như vậy Ngài sẽ sớm an tọa trên tòa Bồ đề vi diệu và chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề Như trước đây Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ nhận 4 bát của bốn Đại thiên vương hộ thế đã dâng. Như xưa 4 đại Thiên Vương hộ thế đã dâng lên 4 bát, chúng tôi cũng sẽ dâng như vậy".

Tỳ kheo nên biết! Nhờ đại Bồ Tát này tu hành Bát Nhã như vậy và thường học các pháp Bồ Tát cần học nên Thiên tử Diệu Thời Phần, Thiên tử Diệu Hỷ Túc, Lạc Biến Hóa, Diệu Tự Tại, đồng thời các đại Phạm thiên vương chủ thế giới Ta bà dẫn Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Phạm hội thống lãnh thiên chúng đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói: "Lành thay! Đại sĩ hãy sớm tinh tấn học các pháp đại Bồ Tát đã học, đừng học các pháp mà Thanh văn và Độc giác học. Nếu học như vậy sẽ mau được an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề, vận chuyển bánh xe diệu pháp cứu độ các hữu tình".

Tỳ kheo nên biết! Do đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã như vậy, và thường học những pháp mà Bồ Tát cần học nên Cực quang tịnh thiên cùng với thiên chúng Quang thiên, Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen; trời Biến tịnh cùng với thiên chúng trời Tịnh thiên, Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen; Trời Quảng quả cùng với thiên chúng Quảng thiên, Thiểu quảng thiên, Vô lượng quảng thiên đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen; trời Sắc cứu cánh cùng với thiên chúng trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến đến chỗ vị ấy cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và đều nói: "Lành thay! Đại sĩ hãy mau siêng năng học các pháp mà Bồ Tát cần học, đừng học các pháp Thanh văn, Độc giác học. Nếu học như vậy sẽ sớm được an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề, chuyển vận bánh xe diệu pháp cứu độ các hữu tình".

Tỳ kheo nên biết! **Nhờ Bồ Tát này tu hành Bát Nhã đúng như đã nói nên được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các vị đại Bồ Tát, các vị trời, rồng, A tu la… thường theo hộ niệm, vì thế tất cả hiểm**

nạn, tai ách ở thế gian và sự buồn khổ nơi thân tâm đều không thể làm hại được Bồ Tát này.

Tỳ kheo nên biết! Do Bồ Tát này tu hành Bát Nhã đúng như đã nói nên các thứ bệnh do bốn đại chống trái nhau tạo ra cho khắp thế gian đều không thể làm não hại. Đó là những bệnh như bệnh mắt, bệnh tai, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh thân, bệnh xương… cốt, tất cả bốn trăm lẻ bốn loại bệnh như vậy đều không có ở trong thân, chỉ trừ khi có nghiệp nặng chuyển thành quả báo nhẹ.

Tỳ kheo nên biết! **Nhờ tu hành Bát Nhã đúng như đã nói nên Bồ Tát ấy thu được vô lượng vô biên công đức trong đời hiện tại và vị lai, các đức Phật Thế Tôn có thể thấy, biết tất cả**.

Bấy giờ, cụ thọ Khánh Hỷ thầm nghĩ: Nay để tự biểu lộ tài biện bác của mình, trời Đế Thích đã giảng nói Bát Nhã như vậy, khen ngợi công đức thù thắng của Bát Nhã như thế, phải chăng là nhờ sức oai thần của Như Lai?

Trời Đế Thích liền biết tâm niệm của Khánh Hỷ mới thưa:

- Đại đức! Việc tôi giảng nói Bát Nhã, việc tôi khen ngợi công đức thù thắng của Bát Nhã đều là nhờ sức oai thần của Như Lai.

Khi ấy Thế Tôn bảo Khánh Hỷ:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Nay trời Đế Thích giảng nói, khen ngợi công đức thù thắng của Bát Nhã, nên biết việc đó đều là oai thần của Như Lai, chẳng phải là tài biện bác của ông ấy. Vì sao? Vì công đức thù thắng của Bát Nhã nhất định chẳng phải là pháp mà tất cả thế gian, trời, người, A tu la… có thể biết được, nói được. Khánh Hỷ nên biết! Khi Bồ Tát nào học tập, suy nghĩ, tu hành Bát nhã Ba la mật thì tất cả ác ma trong Tam thiên đại thiên thế giới đều sanh nghi ngờ và nghĩ: Không biết Bồ Tát này làm như vậy là để chứng đắc thật tế, lui lại giữ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề hay để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa Khánh Hỷ! Nếu Bồ Tát không lìa Bát nhã Ba la mật, các ác ma rất khổ não, thân tâm đau đớn như bị trúng tên độc.

Lại nữa Khánh Hỷ! Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã thì các ác ma đến chỗ vị ấy hóa ra đủ loại việc đáng sợ vì muốn làm thân tâm Bồ Tát kinh sợ, mê muội, đánh mất tâm hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, có ý thối lui đối với việc tu hành cho đến phát sanh một ý niệm rối loạn gây chướng ngại sự chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Đó là ước nguyện sâu kính của ác ma ấy.

Bấy giờ, Khánh Hỷ liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Lúc thực hành Bát Nhã, các vị Bồ Tát đều bị ác ma làm não loạn hay là có người bị não loạn, có người không bị não loạn?

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Lúc thực hành Bát Nhã, chẳng phải các vị Bồ Tát đều bị ác ma làm não loạn mà là có người bị não loạn, có người không bị não loạn.

(Tại sao có người tu hành Bát Nhã bị ác ma làm náo loạn, có người không?)

Cụ thọ Khánh Hỷ lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Lúc thực hành Bát Nhã, những vị Bồ Tát nào bị ma não loạn, và những vị Bồ Tát nào không bị ma não loạn?

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Bồ Tát nào vào đời trước, **khi nghe Bát Nhã này, không tin hiểu, khinh chê, hủy báng** thì lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy bị ma làm não loạn. Bồ Tát nào vào đời trước, lúc **nghe Bát Nhã này tin hiểu, khen ngợi, không hủy báng** thì lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào vào đời trước, khi nghe Bát Nhã này liền nghi ngờ, do dự là có hay không, là thật hay giả thì khi thực hành Bát Nhã sâu xa, Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn. Bồ Tát nào vào đời trước, khi nghe Bát Nhã này mà tâm của vị ấy không sanh nghi ngờ, do dự và tin chắc là có thật thì khi thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào **xa lìa thiện tri thức, bị lệ thuộc vào bạn ác**, không được nghe Bát Nhã này, do không nghe nên không thể hiểu Bát Nhã, vì không hiểu rõ nên không thể tu tập Bát Nhã, vì không tu tập nên không thể thưa hỏi về Bát Nhã, do không thưa hỏi nên không thể thực hành như pháp Bát Nhã, do không thực hành như pháp nên không thể chứng đắc Bát Nhã và lúc thực hành Bát Nhã sâu xa, **Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn**. Bồ Tát nào **gần gũi bạn lành, không bị lệ thuộc vào bạn ác**, được nghe Bát Nhã sâu xa này, nhờ được nghe nên liền hiểu rõ Bát Nhã, do hiểu rõ nên liền có thể tu tập Bát Nhã, nhờ tu tập nên có thể thưa hỏi về Bát Nhã, nhờ thưa hỏi nên **có thể thực hành như pháp Bát Nhã**,

vì thực hành như pháp nên có thể chứng đắc Bát nhã Ba la mật, nên lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa, Khánh Hỷ! Bồ Tát nào xa lìa Bát nhã Ba la mật, chỉ khen ngợi và lệ thuộc vào pháp không chơn chánh, thì lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn. Bồ Tát nào gần gũi Bát nhã Ba la mật, không khen ngợi, không lệ thuộc vào pháp chẳng chơn chánh, thì lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát này không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào xa lìa Bát Nhã, khinh chê hủy báng pháp chơn chánh, lúc ấy ác ma liền nghĩ: Nay ta nên làm bạn với Bồ Tát này, vì người này hủy báng pháp chơn chánh, vi diệu có thể ảnh hưởng không tốt đối với các chúng sanh khác. Giả sử Bồ Tát thừa này siêng năng tu các pháp lành nhưng rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác đồng thời làm cho người khác bị rơi theo thì lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy bị ác ma làm não loạn.

Trái lại, Bồ Tát nào gần gũi Như Lai, khen ngợi, tin nhận pháp chơn chánh, vi diệu lại làm cho vô số chúng sanh trụ nơi Bồ Tát thừa cũng khen ngợi, tin tưởng pháp chơn chánh, vi diệu vì thế ác ma buồn rầu kinh sợ. Giả sử các Bồ Tát này siêng năng tu các pháp lành mà cũng quyết định không để cho mình và người khác rơi trở vào địa vị Thanh văn, Độc giác, chắc chắn chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề thì khi thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Lúc nghe giảng Kinh Bát Nhã, có người nói như vầy: Bát nhã Ba la mật này nghĩa lý sâu xa, khó thấy, khó hiểu thì giảng nói, lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy, siêng năng tu tập, biên chép truyền bá Kinh này để làm gì? Ta còn không thể hiểu thấu đáo Kinh này huống gì những người phước mỏng trí cạn. Và nghe người ấy nói, vô số chúng sanh đang tu Bồ Tát thừa đều kinh sợ, liền thối lui quả vị Vô thượng Bồ đề, rơi vào địa vị nhị thừa thì khi thực hành Bát Nhã, Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn.

Trái lại. Khi nghe giảng Bát Nhã, có người nói như vầy: Bát nhã Ba la mật này có nghĩa lý sâu xa, khó thấy, khó hiểu, nếu lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy, siêng năng tu tập, ghi chép truyền bá thì có thể chứng quả vị Vô thượng Bồ đề. Khi Bồ Tát nghe lời người ấy nói như vậy, họ không thối chí và thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng Bát Nhã, thông suốt hoàn toàn, tư duy đúng lý, siêng năng tu hành, giảng nói cho người khác

nghe, ghi chép, truyền bá để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề thì khi thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào **ỷ vào công đức căn lành của mình** khinh chê các vị Bồ Tát khác và nói: Ta có thể tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật còn các ngươi không thể; ta có thể an trụ pháp nội không, cho đến pháp vô tính tự tính không còn các ngươi không thể; ta có thể an trụ vào chơn như, cho đến cảnh giới bất tư nghì, ta có thể an trụ Tứ đế cho đến 37 trợ đạo còn các ngươi không thể; ta có thể tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc còn các ngươi không thể; ta có thể tu hành 8 giải thoát, cho đến 10 biến xứ, ta có thể tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện còn các ngươi không thể; ta có thể tu hành Như Lai 10 lực, cho đến 18 pháp Phật bất cộng, ta có thể tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả còn các ngươi không thể, ta có thể tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí còn các ngươi không thể; ta có thể trang nghiêm cõi Phật giáo hóa hữu tình còn các ngươi không thể. Khi ấy ác ma vui mừng tột độ nói: Bồ Tát này là bạn của ta, chưa biết lúc nào mới thoát khỏi sanh tử luân hồi. Lúc thực hành Bát Nhã Bồ Tát này **sẽ bị ác ma làm não loạn**.

Bồ Tát nào không cậy vào công đức căn lành của mình, không khinh chê các Bồ Tát khác, thường siêng năng tu các pháp lành nhưng không chấp trước vào tướng các pháp lành thì khi thực hành Bát Nhã, Bồ Tát ấy **không bị ác ma làm não loạn**.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào cậy vào tên họ mình được mọi người biết đến nên khinh chê các Bồ Tát tu thiện khác, thường ca ngợi đức hạnh của mình và chê bai lỗi lầm của người khác, thật không có các hành động tướng trạng của đại Bồ Tát bất thối chuyển mà cho là thật có, phát sanh các phiền não, khen mình chê người. Do tâm tăng thượng mạn, vị ấy khinh chê, hủy báng các vị Bồ Tát khác. Sau khi thấy việc ấy, ác ma liền nghĩ: Hôm nay, Bồ Tát này làm cho cung điện trong cõi ta không bị trống trải, có thể tăng thêm địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Khi ấy, ác ma dùng thần lực, giúp cho người ấy tăng thêm oai thế, tài năng. Do đó, nhiều người tin tưởng lời nói của người ấy. Vì vậy người ấy khuyến khích họ cùng phát sanh ác kiến. Sau khi có cùng ác kiến rồi họ liền theo người ấy học tà pháp. Sau khi học tà pháp, phiền não càng tăng thêm. Do tâm điên đảo, các nghiệp phát sanh từ thân, khẩu, ý chiêu cảm quả khổ. Vì lý do này

cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh được tăng thêm, cung điện, cõi nước của ma đầy dẫy. Do đó, ác ma vui mừng tột độ. Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn.

Nếu trái lại, Bồ Tát nào không ỷ mình có danh hiệu hư vọng nên không khinh chê các Bồ Tát tu thiện khác, không phát sanh tăng thượng mạn đối với công đức của mình, thường không tự khen mình cũng chẳng chê người khác và có thể biết rõ các việc của ác ma thì lúc thực hành Bát Nhã sâu xa, Bồ Tát đó không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào chê bai, hủy báng, đấu tranh với người cầu Thanh văn, Độc giác thừa, làm cho ác ma thấy việc đó liền nghĩ: Nay Bồ Tát này xa lìa Vô thượng Bồ đề, gần gũi cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ. Vì sao? Vì chê bai, hủy báng, đấu tranh lẫn nhau chẳng phải là đạo Bồ đề, chỉ là con đường hiểm ác của địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Sau khi suy nghĩ xong, ác ma vui mừng cực độ, làm cho oai lực của Bồ Tát này tăng thêm, khiến cho vô số người tăng thêm nghiệp ác, thì lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn.

Bồ Tát nào không chê bai, hủy báng, đấu tranh với người cầu Thanh văn, Độc giác, tìm cách dẫn dắt làm cho họ hướng về đại thừa, hoặc làm cho họ siêng năng tu pháp lành của hệ mình thì lúc thực hành Bát Nhã sâu xa, Bồ Tát đó không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào cùng với Bồ Tát cầu quả vị Vô thượng Bồ đề đấu tranh, chê bai, bài báng lẫn nhau. Thấy việc này ác ma liền nghĩ: Hai Bồ Tát này đều xa lìa Nhất thiết trí trí mà họ mong cầu, đều gần các đường hiểm ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, A tu la…Vì sao? Vì việc đấu tranh, chê bai, hủy báng lẫn nhau chẳng phải là đạo Bồ đề mà chỉ là con đường hiểm ác hướng đến địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, A tu la…

Sau khi nghĩ điều này, ác ma vui mừng tột độ, làm tăng thêm oai thế của họ, khiến cho hai nhóm đó đấu tranh không dứt thì lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát này bị ác ma làm não loạn.

Bồ Tát nào không cùng với các Bồ Tát cầu quả vị Vô thượng Bồ đề đấu tranh, phỉ báng, khinh chê lẫn nhau mà chỉ khuyên răn thúc đẩy lẫn nhau tu hạnh thù thắng để mau hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề thì lúc thực hành Bát Nhã, Bồ Tát này không bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Bồ Tát nào chưa được thọ ký Vô thượng Bồ đề lại sanh tâm giận hờn, đấu tranh, khinh chê, nhục mạ, phỉ báng các Bồ Tát đã

được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tùy theo Bồ Tát này đã phát sanh bao nhiêu tâm niệm không tốt thì bị mất bấy nhiêu kiếp đã từng tu các hạnh thù thắng, trải qua bấy nhiêu thời gian xa lìa bạn lành, lại nhận bấy nhiêu sự trói buộc sanh tử, nếu không xả bỏ tâm đại Bồ đề thì phải trải qua bấy nhiêu kiếp mặc áo giáp nhẫn nại, siêng năng tu thắng hạnh không ngừng nghỉ sau đó mới bù đắp lại công đức đã bị mất.

Bấy giờ Khánh Hỷ bạch Thế Tôn:

- Bồ Tát ấy phát sanh tâm ác, mắc tội khổ sanh tử phải trôi lăn suốt bấy nhiêu kiếp hay ở giữa chừng cũng có thể ra khỏi? Bồ Tát này đã thối lui thắng hạnh, cần phải siêng năng bấy nhiêu kiếp sau đó mới phục hồi lại công đức hay ở giữa chừng cũng có thể phục hồi được?

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Vì Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, ta nói có xuất tội và bù đáp lại pháp lành. Khánh Hỷ nên biết! Bồ Tát nào chưa được thọ ký quả vị Vô thượng Bồ đề mà sanh hờn giận, đấu tranh, khinh chê, nhục mạ, hủy báng, về sau không có hổ thẹn, ôm lòng ác không bỏ, không chịu phát lồ*(1)* sám hối đúng pháp thì ta nói các hạng ấy ở giữa chừng không thể hết tội và không phục hồi pháp lành lại được. Người ấy phải lưu chuyển sanh tử trong bấy nhiêu kiếp, xa lìa bạn lành, bị khổ não trói buộc, nếu không xả bỏ tâm đại Bồ đề thì họ phải trải qua bấy nhiêu kiếp mặc áo giáp nhẫn nại, siêng tu thắng hạnh không gián đoạn sau đó mới có thể phục hồi công đức đã mất.

Nếu Bồ Tát chưa được thọ ký quả vị Vô thượng Bồ đề lại sanh giận hờn, đấu tranh, khinh chê, nhục mạ, phỉ báng các vị đại Bồ Tát đã được thọ ký quả vị Vô thượng Bồ đề, **về sau người ấy hổ thẹn**, không còn bị lệ thuộc vào việc ác, tìm cách phát lồ, sám hối như pháp và nghĩ: Ta đã được thân người là thứ khó được, vì sao lại phát sanh tội ác như vậy làm mất đi lợi ích lớn. Ta cần phải làm lợi ích cho tất cả hữu tình cớ sao lại làm tổn hại họ. Ta cần phải cung kính tất cả hữu tình như bề tôi thờ chủ chớ sao lại kiêu ngạo nhục mạ, khinh chê, lấn lướt họ. Ta cần phải chịu đựng cho tất cả hữu tình đánh đập, quở trách chớ sao lại dùng thân miệng bạo ác để báo đáp họ. Ta phải hòa giải tất cả hữu tình giúp họ thương yêu kính trọng lẫn nhau cớ sao lại nói lời bạo ác, tranh đấu với họ. Ta phải chịu đựng cho tất cả hữu tình giẫm đạp trong một thời gian dài giống như đường sá, hoặc như cầu cống chớ sao lại lấn lướt, nhục mạ họ. Ta cầu quả vị Vô thượng Bồ đề là vì muốn vớt hữu tình ra khỏi nỗi sanh tử to lớn, giúp họ đạt được

Niết bàn hoàn toàn an lạc cớ sao lại làm họ thêm đau khổ. Từ nay về sau ta phải như người ngu, như câm, như điếc, như đui, không sanh tâm phân biệt đối với các hữu tình. Giả sử bị chém chặt đứt đầu, dứt chân, tay, hay bị móc mắt, xẻo tai, cắt mũi, hớt lưỡi và tất cả các phần khác của thân thể ta quyết không gây ác đối với các hữu tình ấy. Nếu ta gây ác thì liền hư hoại tâm hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề đã phát sanh, hay làm chướng ngại Nhất thiết trí trí mà ta mong cầu, không thể làm cho hữu tình được lợi ích, an lạc. Khánh Hỷ nên biết! Bồ Tát này theo ta có thể hết tội và phục hồi công đức ở giữa chừng chẳng cần phải trải qua bấy nhiêu kiếp trôi lăn sanh tử. Người ấy không bị ác ma làm não loạn và mau chứng quả vị Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa Khánh Hỷ! Các thiện nam, thiện nữ sống theo Bồ Tát thừa **không nên giao thiệp với người cầu quả Thanh văn, Độc giác**. Giả sử giao thiệp với họ thì không được cùng với họ ở chung, giả sử ở chung với họ thì không nên cùng họ luận bàn, quyết định. Vì sao? Vì nếu luận bàn, quyết định với họ thì hoặc là ta sẽ sanh tâm giận dữ, hoặc là nói lời thô ác. Nhưng đối với các hữu tình, các Bồ Tát không nên tức giận hoặc nói lời thô ác. Giả sử bị chặt cả đầu, chân và các phần của thân ta cũng không nên nổi giận và nói lời hung ác. Vì sao? Vì các vị Bồ Tát nên nghĩ: Ta cầu quả vị Vô thượng Bồ đề là để cứu hữu tình thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, làm cho được hoàn toàn lợi ích an lạc chớ đâu phải để tạo việc ác đối với họ.

Khánh Hỷ nên biết! Bồ Tát nào giận dữ nói lời thô ác đối với các loài hữu tình thì liền chướng ngại Vô thượng Bồ đề và phá hoại vô số pháp lành của Bồ Tát. Vì vậy Bồ Tát nào muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề thì không nên giận dữ và nói lời thô ác đối với các hữu tình.

(Tinh thần của những người đồng học)

Cụ thọ Khánh Hỷ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Các vị Bồ Tát cùng với các đại Bồ Tát sống chung thế nào?

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Các vị **Bồ Tát phải coi các các đại Bồ Tát sống chung với mình giống như đại sư**. Vì sao? Vì khi chăm sóc lẫn nhau các Bồ Tát này nên nghĩ: Họ đều là thiện tri thức chơn chánh của ta, làm bạn với ta, cùng ta đi

chung một thuyền, cùng học một nơi, một lúc và một pháp, lý do học cũng giống nhau. Như người kia nên học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, ta cũng nên học pháp ấy. Như người kia nên học pháp nội không, cho đến pháp vô tính tự tính không, ta cũng nên học pháp ấy. Như người kia nên học chơn như, cho đến cảnh giới bất tư nghì, ta cũng nên học. Nói rộng ra, người kia nên học tất cả pháp Phật, ta cũng nên học. Bồ Tát này cũng nên nghĩ: Các Bồ Tát ấy nói đạo Bồ đề cho chúng ta nghe tức là bạn lành của ta, cũng là đạo sư của ta. Nếu Bồ Tát ấy trụ vào tác ý tạp loạn, xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, thì ta sẽ không cùng học với họ. Nếu Bồ Tát ấy gạt bỏ ý nghĩ tạp loạn, không lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí ta sẽ cùng họ học ở trong đó.

Khánh Hỷ nên biết! Nếu Bồ Tát có thể học như vậy thì tư lương Bồ đề mau chóng được viên mãn. Lúc học như vậy, Bồ Tát được gọi là **đồng học** với các vị đại Bồ Tát đã thành đạt đạo nghiệp.

Thích nghĩa:

(1). Phát lồ: Sám hối, Xưng tội. 1- Sám hối với người mình lỡ xúc phạm (có ghi trong Luận tạng). 2- Xưng tội ra với người khác. Tỳ kheo có 4 điều, Tỳ kheo ni có 8 điều, trong 227 điều của giới bản Tỳ kheo trong Kinh phân biệt (Sutta-Vibhanga).

Sơ giải:

Phẩm này chẳng có gì khó. Mở đầu Kinh thuyết về công đức của người thọ trì Bát nhã Ba la mật, nếu không có tâm xen tạp thì thành tựu công đức không phải nhỏ. Phật đồng ý với trời Đế Thích và bảo rằng:

- "Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này Kiều thi ca! Đối với Kinh điển Bát Nhã sâu xa này, nếu thiện nam, thiện nữ nào thường thích lắng nghe, giữ gìn, đọc tụng, hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, tu hành theo giáo lý, vì người chính thuyết để hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề, không xen lẫn các tâm và tâm sở sai khác thì các thiện nam, thiện nữ… này **chắc chắn thành tựu căn lành rộng lớn và có thể thành tựu sự nghiệp**".

Dựa vào lời nói này, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 62, "Đồng Học", Tập 4, quyển 77,*** *bình giải như sau:*

"Phật ấn chứng lời của vị Đế Thích, nhưng vì muốn phân biệt thế lực của các hạnh thanh tịnh, nên dạy rằng: Nếu hết thảy người trong cõi Diêm Phù Đề đều thành tựu 10 thiện đạo, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, thì công đức đó đem so sánh với công đức của Thiện nam, Thiện nữ thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba la mật, thì **trong trăm, ngàn, muôn, ức phần chẳng sao bằng được một...** dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để sánh kịp.

Vì sao? Vì những người trong cõi Diêm Phù Đề tuy thành tựu được nhiều công đức như vậy, nhưng vì xa lìa thật tướng pháp, nên các công đức kia cũng vẫn chỉ là công đức hữu vi, vẫn là hư vọng, chẳng kiên cố, vẫn chịu sự chi phối của luật vô thường. Ví như cỏ rác, tuy nhiều vô lượng, mà chẳng có giá trị bằng hạt kim cương nhỏ bé".

Loại công đức này chúng ta thường thấy trong Hội thứ I, nhất là phẩm "So Lường Công Đức" cũng như rải rác trong một số các phẩm khác mà chúng ta đã tụng qua. Nên không cần lặp lại.

*Kế đến Kinh nói nguyên do tại sao có người tu Bát Nhã không bị ma não loạn, có người tu Bát Nhã lại bị não loạn? Nguyên nhân chỉ **vì tăng thượng mạn** trong quan niệm học hành giáo pháp cũng như danh lợi hay chứng đắc nên dễ bị ác ma làm não loạn. Cuối cùng Kinh mới nói đến việc **đồng học**.*

Tất cả những người cùng học: Họ là những người đồng hội đồng thuyền, cùng ở một nơi, cùng ăn một chỗ, cùng học một pháp, những người ấy là bạn đồng học hãy xem nhau như đại sư. Phải bỏ các tác ý tạp loạn, nếu có sự bất đồng quan điểm với nhau thì tốt nhất là nên tránh xa, không nên bàn luận tranh cãi!

***Đại Trí Độ Luận dựa vào lời Phật diễn dịch ý của Phật cùng phẩm thứ 62 trên,** như sau:*

"Phật dạy: Bồ Tát phải xem nhau như Phật; phải cung kính, cúng dường nhau như cung kính cúng dường Phật. Bồ Tát phải xem Bồ Tát cùng sống chung với mình như là pháp lữ của mình, cùng nhau đi trên thuyền Bát Nhã, nương theo dòng nước vô lậu, để đến bờ giải thoát.

Bồ Tát phải xem người hành Bát nhã Ba la mật như pháp lữ của mình, như anh em ruột thịt của mình, chẳng nên cùng nhau khởi đấu tranh. Nếu Bồ Tát pháp lữ chẳng có tạp hạnh, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì phải học

theo họ; trái lại, nếu Bồ Tát pháp lữ có tạp hạnh, thường ly Tát Bà Nhã tâm, thì chẳng nên học theo họ.

Nếu Bồ Tát học được như vậy, thì tâm khinh mạn, tâm sân hận liền tự diệt. Như vậy gọi là đồng học".

Muốn rõ chi tiết, các đạo hữu có thể quay lại đọc phẩm tương đương có tên là "Học Phương Tiện Xảo", Q.337 - Q.341, Hội thứ I, ĐBN.

Một phút tư duy:
(về đồng hội đồng thuyền)

Chúng tôi cùng học Đại Bát nhã Ba la mật với các đạo hữu. Chúng ta là những người đồng hội đồng thuyền, thực hiện một cuộc hành trình đầy gian khổ và thử thách, nhưng không kém phần thú vị không những trong kiếp này mà còn trong nhiều đời nhiều kiếp nữa. Điểm lưu ý ở đây là chúng tôi kêu gọi cũng như khuyến khích các thiện hữu trong việc đọc tụng thọ trì Kinh điển nhất là đối với một bộ Kinh quá dài quá khó như ĐBN này.

Kinh tự nói lên công đức cũng như lợi ích không thể nghĩ bàn trong việc đọc tụng thọ trì rồi. Đối với chúng tôi những ai theo dõi và đọc tụng Kinh này tới đây đã được xem là nhiệt tình, đầy tâm quyết rồi đó. Vì sao? Vì cái gì chúng ta đã đọc tụng thọ trì của Hội thứ II này chỉ là những trùng tuyên của Hội thứ I mà thôi, không những thế chúng ta phải tụng cả thảy 6 Hội, tổng cộng hết 573 quyển, đều có giáo lý tương tự như vậy. Hội thứ VII giáo lý thay đổi hoàn toàn, có thể tạo ngạc nhiên cho đạo hữu. Vì giáo lý của Hội thứ VII hoàn toàn "lật úp" tất cả nghĩ tướng thế gian.

Trở lại phần đọc tụng ở đây, mặc dù chúng tôi có luận giải đôi chút để tránh sự khô khan của phần chính văn, trùng tuyên quá nhiều có thể làm đạo hữu mệt mỏi. Kinh đã trùng tuyên rồi chúng tôi không muốn trùng tuyên thêm nữa.

Ở đây qua kinh nghiệm của người đã từng thọ trì Kinh điển truyền lại, cũng như chính bản thân chúng tôi cho biết: Giết chết cảm thọ hay ý thức không phải là điều dễ, ru ngủ được nó đã là khó hiến chi giết được nó. Nó là một thứ tạm gọi là "niệm chúng sanh" (vọng niệm), lúc nào cũng tỏ ra

mau mắn sẵn sàng can dự và khuấy rối chánh niệm của chúng ta. Để tránh những quấy rầy thường xuyên của nó, pháp môn niệm Phật của Tịnh độ (còn gọi là Đại thừa thiền) lấy niệm Phật để thay thế cho niệm chúng sanh hay do tụng niệm Kinh điển lâu ngày thành thục nên được nhất tâm bất loạn mà nhập chánh định. Nhờ chánh định mới sanh các tam muội!

Ở đây cũng vậy, yếu chỉ của Đại Bát Nhã cũng không ngoài chủ đích này. Nên đôi khi tóm tắt Kinh chúng tôi không tránh khỏi mặc cảm tội lỗi khi cắt xén những đoạn Kinh trùng tụng.

Vậy, cứ một mặt thành tâm trì tụng, quên cả không gian lẫn thời gian rồi sẽ thấy cái nhiệm mầu đằng sau sự trì tụng này. Quan niệm của các bậc có đạo học sâu dày hay của người xưa đã nói như thế. Ngày nay cũng có câu nói không kém phần trí tuệ "Thiên tài chẳng qua là sự tập luyện lâu dài". Phải tinh tấn lắm mới được./.

---o0o---

61. PHẨM "ĐỒNG TÁNH"*(1)*.

Cuối Q.455 đến đầu Q.456, Hội thứ II, ĐBN.
(Nằm trong phẩm "Học Phương Tiện Xảo", từ Q.338 trở đi… Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm này của Hội thứ II chúng ta sẽ trì tụng có tên là "Đồng Tánh", tương đương với ***phẩm thứ 63, có tên là "Đẳng Học", Tập 4, quyển 77, Đại Trí Độ Luận****. Phẩm trước của hai Kinh đều có đồng tên là "Đồng Học", nghĩa là các Bồ Tát cùng sống chung, cùng ăn, cùng ở, cùng học với nhau xem nhau như người đồng hội như kẻ đồng thuyền. Chúng ta đã tụng qua rồi.*

Riêng phẩm này của Hội thứ II, ĐBN có tên là "Đồng Tánh", trong khi Kinh MHBNBLMĐ thì gọi là "Đẳng Học". Phẩm tựa có khác nhưng nội dung không khác.

Tóm lược:

(1. Thế nào gọi là đồng tánh của đại Bồ Tát?)

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là đồng tánh của đại Bồ Tát, do học ở trong đó nên gọi là đồng học?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Pháp nội không là đồng tánh của đại Bồ Tát, pháp ngoại không, cho đến pháp vô tính tự tính không là đồng tánh của Bồ Tát, vì các đại Bồ Tát học ở trong đó nên gọi là đồng học. Do sự đồng học này nên đại Bồ Tát mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa Thiện Hiện! Sắc, **sắc tánh không; thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát.** 12 xứ, 12 xứ tánh không; cho đến 18 giới, 18 giới tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Nhãn xúc, nhãn xúc tánh không cho đến ý xúc, ý xúc tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra tánh không cho đến

các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra; các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Địa giới, địa giới tánh không cho đến thức giới, thức giới tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Bố thí, bố thí tánh không cho đến Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Pháp nội không, pháp nội không tánh không cho đến pháp vô tính tự tính không, vô tánh tự tánh không tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Chơn như, chơn như tánh không cho đến cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới bất tư nghì tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Tứ đế, Tứ đế tánh không, 37 pháp trợ đạo, 37 pháp trợ đạo tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Như Lai 10 lực Như Lai, Như Lai 10 lực Như Lai tánh không cho đến 18 pháp Phật bất cộng, 18 pháp Phật bất cộng tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Pháp không quên mất, pháp không quên mất tánh không, tánh luôn luôn xả, tánh luôn luôn xả tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tánh không, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát cho đến Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tánh không là đồng tánh đại Bồ Tát. **Vì đại Bồ Tát trụ ở trong đó để học nên gọi là đồng học. Do sự đồng học này mà các Bồ Tát mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Khi ấy, Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát **vì sắc tận** nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức **dứt** nên học là học Nhất thiết trí trí chăng? Vì sắc **lìa** nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức lìa nên học là học Nhất thiết trí trí chăng? Vì sắc **diệt** nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức diệt nên học là học Nhất thiết trí trí chăng? Vì sắc **không sanh** nên học, vì thọ, tưởng, hành, thức không sanh nên học là học Nhất thiết trí trí chăng?

Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát cho đến vì Bồ Tát hạnh, vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **dứt** nên học là học Nhất thiết trí trí chăng? Vì Bồ Tát hạnh, vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **lìa** nên học là học Nhất thiết trí trí chăng?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu đại Bồ Tát vì sắc **tận**, vì **ly**, vì **diệt**, vì **bất sanh** nên học là học Nhất thiết trí trí chăng? Vì thọ tưởng hành thức tận, vì ly, vì diệt, vì bất sanh nên học, là học Nhất thiết trí trí chăng? Như vậy, cho đến vì Bồ Tát

hạnh tận, vì ly, vì diệt, vì bất sanh nên học, là học Nhất thiết trí trí chăng? Vì Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tận, vì ly, vì diệt, vì bất sanh nên học, là học Nhất thiết trí trí chăng?

Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Sắc như có tận, ly, diệt, đoạn chăng? Thọ, tưởng, hành, thức như có tận, ly, diệt, đoạn chăng? Như vậy, cho đến Bồ Tát hạnh như có tận, ly, diệt, đoạn chăng? Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như có tận, ly, diệt, đoạn chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có. Bạch Thiện Thệ! Chẳng có.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu đại Bồ Tát đối như học như thế, là học Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Phải biết như vô tận, vô sinh, vô diệt, vô đoạn, chẳng thể tác chứng. Nếu đại Bồ Tát đối như học như thế là học Nhất thiết trí trí. *(Q. 455, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi học như thế là học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Là học nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Là học chơn như cho đến bất tư nghì giới. Là học khổ tập diệt đạo Thánh đế. Là học 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Là học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Là học 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Là học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Là học tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn. Là học 5 nhãn, 6 thần thông. Là học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Là học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Là học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Là học tất cả Bồ Tát hạnh. Là học chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát học bố thí Ba la mật cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải biết là học Nhất thiết trí trí.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi học như thế đến bờ bên kia, học tất cả rốt ráo tất cả thiên ma và các ngoại đạo chẳng thể uốn dẹp được, mau chứng Bồ Tát Bất thối chuyển, đi chỗ đáng đi mà Tổ Phụ tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã đi. Chuyển vận theo pháp có thể hộ trì, có thể làm pháp cần làm là xa lìa sự tối tăm, thường khéo thành thục tất cả hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Gọi là khéo học đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và vô lượng vô biên các Phật pháp khác.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát học được như thế là học ba lần chuyển mười hai hành pháp luân. Là học an để trăm ngàn trăm ức

muôn ức chúng nơi cõi Vô dư y Niết Bàn. Là học diệu hành chẳng dứt giống Phật. Là học chư Phật mở cửa Cam lồ. Là học an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình trụ pháp Tam thừa. Là học thị hiện tất cả hữu tình cõi rốt ráo tịch diệt vô vi. Đấy là tu học Nhất thiết trí trí. Học như thế ấy, những kẻ kém cỏi chẳng thể học được.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn khéo cứu vớt tất cả hữu tình khổ lớn sanh tử, nên học như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi học như thế, quyết định chẳng đọa địa ngục, bàng sanh, quỷ giới. Quyết định chẳng sanh biên địa hạ tiện, chẳng xa lìa Tam Bảo. Quyết định chẳng sanh nhà hàng thịt, nhà gánh thây chết và những nhà bần cùng hạ tiện bất luật nghi. Trọn chẳng đui điếc câm ngọng, cùi cụt, các căn thiếu sót, lưng gù, điên cuồng, ung thư, hủi lác. Chẳng cao, chẳng lùn, cũng chẳng đen đủi và không có các thứ ghẻ lở ghê tởm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát học như thế đời đời thường được quyến thuộc viên mãn, hình mạo đoan nghiêm, lời nói nghiêm nghị, nhiều người mến kính. Sanh ở chỗ nào lìa hại sanh mạng cho đến tà kiến, trọn chẳng nhiếp thọ tà pháp hư dối, chẳng dùng tà pháp mà tự nuôi sống, cũng chẳng nhiếp thọ hữu tình phá giới, ác kiến, hủy báng chánh pháp... làm bạn thân.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào học như thế thì chẳng sanh vào cõi trời trường thọ là nơi chìm đắm trong thú vui và ít có trí huệ. Vì sao? Đại Bồ Tát này trọn nên thế lực phương tiện khéo léo. Do thế lực phương tiện khéo léo đây, nên tuy thường vào tĩnh lự, vô lượng và định vô sắc mà chẳng theo thế lực kia thọ sanh. Vì được Bát nhã Ba la mật thẳm sâu nhiếp thọ, trọn nên phương tiện khéo léo như thế, ở trong các định tuy thường vào ra tự tại, mà chẳng theo thế lực các định kia sanh ở trời Trường thọ, bỏ tu Bồ Tát diệu hạnh thù thắng. Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi học như thế, đối Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng thảy vô lượng vô biên diệu pháp chư Phật đều thanh tịnh. **Do thanh tịnh nên chẳng đọa các bậc Thanh văn, Độc giác thảy.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, các đại Bồ Tát làm sao lại đối diệu pháp chư Phật mà được thanh tịnh?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! **Các pháp bản lai tự tánh thanh tịnh**. Đại Bồ Tát này đối tất cả pháp trong bản tánh tịnh, tinh siêng tu học Bát nhã Ba la mật như thật thông suốt không bê trễ, xa lìa tất cả phiền não nhiễm đắm, nên nói đại Bồ Tát được thanh tịnh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tuy tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, nhưng ngu phu dị sanh chẳng biết thấy giác, đại Bồ Tát này vì muốn khiến họ biết thấy giác, nên tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. An trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. An trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. An trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Tu hành 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Tu hành 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Tu hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Tu hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa. Tu hành 5 nhãn, 6 thần thông. Tu hành Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tu hành pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Tu hành tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát này đối tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, khi học như thế vô lượng vô biên các Phật pháp khác đều được thanh tịnh, chẳng đọa bậc Thanh văn, Độc giác. Đối các hữu tình tâm hành sai khác đều năng thông suốt đến cực rốt ráo, phương tiện khéo léo khiến các hữu tình giác biết tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, chứng được Niết Bàn rốt ráo an vui.

Thiện Hiện phải biết: Ví như đại địa ít chỗ sanh ra vàng bạc, ngọc ngà, nhiều chỗ sanh ra cát đá ngói gạch. Các các hữu tình cũng như vậy ít người có thể học Bát Nhã, nghĩa là các Bồ Tát trụ vào đại thừa, mà phần lớn đều học pháp Thanh văn, Độc giác là người cầu tự lợi thuộc trung và hạ thừa. Thiện Hiện phải biết: Ví như đời phần ít năng tu nghiệp Chuyển luân vương, phần nhiều thọ hành nghiệp tiểu quốc vương. Các loại hữu tình cũng lại như thế, phần ít tu đạo Nhất thiết trí trí, phần nhiều thọ hành pháp Thanh văn, Độc giác.

Thiện Hiện phải biết: Chúng Bồ Tát cầu tới Vô thượng Bồ đề, phần ít chứng Vô thượng Bồ đề, phần nhiều đọa vào Thanh văn và bậc Độc giác.

Thiện Hiện nên biết! Chúng sanh nào trụ nơi Bồ Tát thừa nếu không xa lìa phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật thì chắc chắn đạt được địa vị Bất thối chuyển, nếu ai xa lìa phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật thì chắc chắn sẽ bị thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì vậy,

đại Bồ Tát nào muốn đạt được địa vị Bồ Tát Bất thối chuyển, muốn nhập vào trong số Bồ Tát Bất thối chuyển, phải siêng năng tu học Bát nhã Ba la mật không được ngưng nghỉ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã phương tiện khéo léo như thế, **trọn chẳng phát khởi tâm xan tham, phá giới, giận dữ, biếng lười, tán động, ác huệ. Cũng chẳng hành tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn. Cũng chẳng chấp trước sắc thọ tưởng hành thức.** Cũng chẳng chấp trước 12 xứ cho đến 18 giới. Cũng chẳng chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc. Cũng chẳng chấp nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Cũng chẳng chấp trước địa giới cho đến thức giới. Cũng chẳng chấp trước vô minh cho đến lão tử. Cũng chẳng chấp trước bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng chấp trước nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng chẳng chấp trước chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, cũng chẳng chấp trước tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này thực hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật không thấy có pháp nào là pháp có thể nắm bắt được, do không có chỗ được nên không phát khởi tâm hành chấp trước hết thảy các pháp… *(Q.455, ĐBN)*

(2. Công đức, diệu dụng của việc tu tập hành trì Bát nhã Ba la mật)

Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào tu học Bát Nhã như vậy thì nhờ sức oai đức của phương tiện thiện xảo nên nắm giữ tất cả Ba la mật, tăng trưởng tất cả Ba la mật, dẫn dắt tất cả Ba la mật. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật dung chứa tất cả Ba la mật. Thiện Hiện! Giống như thân kiến có thể dung chứa 62 tà kiến, cũng vậy **Bát nhã Ba la mật cũng dung chứa tất cả Ba la mật.** Này Thiện Hiện! Giống như tất cả người chết, do mạng căn diệt nên các căn cũng diệt theo, Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, năm Ba la mật như bố thí, trì giới, an nhẫn… đều tùy theo nó. Nếu không có Bát nhã Ba la mật thì cũng không có tất cả Ba la mật. Vì vậy, này Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát nào muốn đến bờ kia, rốt ráo tất cả Ba la mật thì nên học Bát Nhã thẳm sâu này.**

Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể học Bát Nhã thẳm sâu như vậy thì trở thành người tôn quí, thù thắng nhất đối với các hữu tình. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này tu học pháp cao siêu hơn hết.

Lại nữa Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Các loài hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Các loại hữu tình ở châu Thiệm bộ còn nhiều vô số, huống gì là các loài hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới sao lại không nhiều.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Thiện Hiện! Giả sử các loài hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đồng thời đều được thân người. Khi được thân người, họ đều phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và tu Bồ Tát hạnh cùng một lượt. Sau khi tu hành viên mãn, họ đều chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cùng một lúc. Có đại Bồ Tát trọn đời đem các thứ vòng hoa xinh đẹp bậc nhất, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan báu, dù lộng, âm nhạc, đèn sáng, nhà cửa, giường nằm, đồ ăn uống, thuốc trị bệnh để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này thì theo ý ông nhờ nhân duyên đó đại Bồ Tát này được phước có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu Đại Bồ Tát nào **thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng Bát Nhã thẳm sâu** này hoàn toàn thông suốt, tư duy như lý, tu hành theo lời dạy, biên chép, truyền bá **thì thu được phước đức nhiều hơn phước đức nói trên vô lượng lần**. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật có đầy đủ ý nghĩa và công dụng to lớn có thể giúp các vị đại Bồ Tát sớm đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Vì vậy, này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào muốn đứng đầu tất cả hữu tình, muốn làm lợi ích tất cả hữu tình, muốn cứu giúp những người không có ai cứu giúp, làm nơi nương tựa cho những người không nơi nương tựa, làm nơi hướng đến cho những người không nơi hướng đến, làm mắt cho những người mù, làm ánh sáng cho người không có ánh sáng, chỉ đường chánh cho người lạc đường, làm cho người chưa đạt Niết bàn đạt được Niết bàn **thì phải học Bát Nhã thẳm sâu này**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào muốn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, muốn đi cảnh giới Như Lai đi, muốn dạo chơi ở nơi Phật dạo chơi,

muốn rống tiếng rống sư tử của Như Lai, muốn đánh trống pháp vô thượng của chư Phật, muốn dộng chuông pháp vô thượng của chư Phật, muốn thổi tù của chư Phật, muốn lên pháp tòa vô thượng của chư Phật, muốn tuyên bày nghĩa pháp vô thượng của chư Phật, muốn phá tan lưới nghi của tất cả hữu tình, muốn vào cảnh giới cam lồ vi diệu của chư Phật, muốn hưởng thọ pháp lạc vi diệu của chư Phật, muốn chứng công đức thù thắng của Như Lai thì hãy học Bát Nhã thẳm sâu như vậy.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát năng học Bát Nhã thẳm sâu như thế, không có công đức căn lành nào mà chẳng năng nhiếp, không có công đức căn lành nào mà chẳng năng đắc. Sở dĩ vì sao? **Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là chỗ nương dựa cho tất cả công đức căn lành vậy**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này sao có thể nắm giữ và chứng đắc công đức thiện căn của tất cả Thanh văn và Độc giác được?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này cũng đối với công đức thiện căn của tất cả Thanh văn, Độc giác năng nhiếp năng đắc. Nhưng với trong ấy không trụ không mắc; đem thắng trí quán sát rồi, vượt khỏi Thanh văn và bậc Độc giác, vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nên chúng đại Bồ Tát đây không có công đức căn lành nào mà chẳng năng nhiếp năng đắc.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào học Bát Nhã này thì gần với Nhất thiết trí trí, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào học Bát Nhã thì làm ruộng phước chơn thật cho tất cả thế gian, trời, người, A tu la… vượt lên trên phước điền của các thế gian, Sa môn, Phạm chí, Thanh văn, Độc giác và mau chứng Nhất thiết trí trí, sanh ở đâu cũng không bỏ, không lìa Bát nhã Ba la mật, thường thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này thì nên biết vị ấy đã được bất thối chuyển đối với Nhất thiết trí trí, có thể hiểu biết chân chánh đối với tất cả các pháp, xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, gần gũi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào nghĩ như vầy: Đây chẳng phải là Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, đây chẳng phải là lúc tu, đây chẳng phải chỗ tu, đây chẳng phải là người tu, chẳng phải nhờ Bát nhã Ba la mật

thẳm sâu mà xa lìa tất cả các pháp nên xả bỏ, chẳng phải nhờ Bát nhã Ba la mật mà chắc chắn chứng được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều đứng vững ở chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì mọi thứ ở trong đó đều không sai khác. Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào thực hành như vậy là thực hành Bát nhã Ba la mật.

Thích nghĩa:

(1). Đồng tánh: Không tìm thấy từ này trong các tự điển. Phần đầu của phẩm "Đồng Tánh" của Hội thứ II Phật bảo rằng: "Sắc, sắc tánh không; thọ, tưởng, hành, thức, thọ, tưởng, hành, thức <u>tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát</u>. 12 xứ, 18 giới tánh không; 12 xứ 18 giới tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Địa giới, địa giới tánh không cho đến thức giới, thức giới tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Bố thí, bố thí tánh không cho đến Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Pháp nội không, pháp nội không tánh không cho đến pháp vô tính tự tính không, vô tánh tự tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát. Chơn như, chơn như tánh không cho đến cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới bất tư nghì tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát".

Tất cả pháp Tánh không, tất cả pháp môn Phật học cũng Tánh không, Bồ Tát cũng Tánh không. Bồ Tát học tất cả pháp đều Tánh không như vậy. Trong Tánh không tất cả pháp đều không sai khác, nên nói Tánh không là đồng tánh của đại Bồ Tát.

Chỉ có thể thích nghĩa từ "đồng tánh" theo chánh văn của phẩm này như thế, không hơn không kém. ***TB***

Sơ giải:

Phẩm này chia thành 2 phần rõ rệt: 1. Thế nào là đồng tánh của Bồ Tát, và 2. Công đức, diệu dụng của việc tu hành Bát nhã Ba la mật.

1. Thế nào là đồng tánh của Bồ Tát?

Để trả lời câu hỏi này, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 63, "Đẳng Học", Tập 4, quyển** 77, giải thích:*

"Phàm phu thấy các pháp, mỗi mỗi đều sai khác, còn người tu khi đã vào được pháp không, thì sẽ thấy hết thảy các pháp đều bình đẳng, chẳng có gì sai khác, biết rõ hết thảy các pháp đều là tự tướng không.

Bồ Tát dụng tâm bình đẳng, trú trong bình đẳng pháp như vậy, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bồ Tát vì sắc tận, vì sắc ly, vì sắc diệt, vì sắc bất sanh, nên học. Học như vậy là học Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy: **Vì sắc là vô thường, vì niệm sanh diệt, chẳng trú, nên khi đã quán tâm bình đẳng, thì ly được sắc; khi đã ly được sắc rồi, thì các phiền não liền diệt, khi tận diệt các phiền não rồi, thì được vô sanh pháp**.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Sắc như… dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các pháp như đó có tận, có diệt, có đoạn chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải vậy.

Vì sao? **Vì các pháp đều là "tánh như". Pháp như, từ vô thỉ đến nay, chẳng có tập tán, nên là chẳng tận; vốn chẳng sanh(vô sanh), nên là chẳng diệt(vô diệt); vốn chẳng có định tướng, nên là chẳng đoạn.**

Phật dạy: Bồ Tát học các pháp như đó là học Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì như là chân thường, là chẳng thể chứng, chẳng thể diệt, chẳng thể đoạn. Nói tận, nói ly, nói đoạn v.v... là **chỉ nhằm tận trừ các phiền não**, chẳng phải là rốt ráo. Nay nói về nghĩa rốt ráo, chẳng hư vọng, chẳng điên đảo, nên nói chẳng chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn".

Không những đại Bồ Tát học các pháp bình đẳng mà Đại Bồ Tát còn phải học các pháp ***như****, như đó không tận, không ly, không diệt, không đoạn chẳng thể tác chứng. Nếu đại Bồ Tát đối với các pháp như học như thế là học Nhất thiết trí trí.*

Thay vì ở đây đại Bồ Tát học các pháp là không thật, do duyên hợp mà có, nên gọi là giả danh, các pháp như huyễn như mộng, các pháp là trì

độn vô tri, thì ở đây đại Bồ Tát học các ***pháp không****, các* ***pháp như****. Nếu học được như thế thì đạt tánh bình đẳng của tất cả pháp. Khi đạt tánh bình đẳng của tất cả pháp, liền giác biết các pháp bản lai tự tánh thanh tịnh, đến lúc đó thì mở được cửa Cam lồ.*

Đoạn luận lặp lại lời Phật dạy hết sức sâu sắc, chỉ có Phật mới thấu hiểu tường tận như thế!

Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên, *giảng tiếp:*

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu nói các pháp, từ vô thỉ đến nay, vốn thanh tịnh, vốn rốt ráo không, thì vì sao còn nói ở nơi hết thảy pháp, Bồ Tát đều được thanh tịnh?

Phật dạy: Đúng như vậy! Các pháp, từ xưa đến nay, vốn là rốt ráo không, là rốt ráo thanh tịnh. Nếu Bồ Tát ở nơi hết thảy các pháp mà tâm được thông đạt, chẳng vướng mắc, chẳng nghi, chẳng sanh tà kiến, thì mới vào được Bát nhã Ba la mật. **Phàm phu do chẳng biết, chẳng thấy các pháp bản lai thanh tịnh, nên mới phải chìm đắm trong khổ đau**.

Bồ Tát biết rõ như vậy, nên mới vì chúng sanh hành 6 pháp Ba la mật, hành các trợ đạo pháp, để phương tiện giáo hóa chúng sanh.

Bồ Tát phải được thanh tịnh ở nơi hết thảy pháp, thì mới xa lìa được 3 cõi hư vọng, mới vượt lên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật được.

Do được thanh tịnh ở nơi hết thảy các pháp, nên Bồ Tát được vô lượng các lực công đức, thấu rõ tâm nguyện của chúng sanh khắp 10 phương, để tùy thuận theo căn trí của từng đối tượng, thuyết pháp, nhằm khai hóa họ, dẫn dắt họ vào Phật đạo, khiến họ được nhiều lợi ích.

Bồ Tát được các công đức như vậy là nhờ học Bát nhã Ba la mật. **Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là chỗ tận cùng của sự tu học.**

Vì có rất ít người học được như vậy, nên Phật nêu các thí dụ để chúng hội hiểu rõ nghĩa: Ví dụ trong quả đất ít chỗ có vàng, có bạc, có các châu báu khác; ví như trong loài người có rất người gieo nghiệp duyên Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng như vậy trong số các người tu hành, chỉ có số ít người học Bát nhã Ba la mật, cầu Nhất thiết chủng trí, còn phần đông chỉ muốn hành đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật vậy.

--o0o--

Khi học Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát chẳng khởi tâm xan tham, tật đố. Vì sao? Vì học Bát nhã Ba la mật là tiêu trừ được xan tham, tật đố, cùng các phiền não khác. Dù phiền não chưa được tận đoạn, nhưng chẳng còn sanh khởi nữa. Vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, nên biết rõ các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng nên chấp. Bồ Tát chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng chấp Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ Tát chẳng trú chấp "có-không", mà theo "trung đạo" để tu tập Bồ Tát hạnh.

Phật dạy: "Khi hành Bát Nhã, Bồ Tát thấy chẳng có pháp đắc, chẳng thấy có người đắc pháp. Vì dụng tâm vô sở đắc như vậy, nên Bồ Tát tu tập hết thảy các pháp, mà chẳng chấp các pháp tướng, dù đó là thiện pháp".

Bồ Tát học như vậy là học Bát Nhã, là tổng nhiếp hết các Ba la mật khác, là ly hết thảy tà kiến".

2. Công đức, diệu dụng của việc tu hành Bát nhã Ba la mật.

Do vậy, cuối phẩm này, Phật bảo:

"Đại Bồ Tát nào **thường thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu** này hoàn toàn thông suốt, tư duy như lý, tu hành theo lời dạy, biên chép, truyền bá thì thu được phước đức nhiều hơn phước đức nói trên vô lượng lần. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu có đầy đủ ý nghĩa và công dụng to lớn có thể giúp các vị đại Bồ Tát sớm đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Vì vậy, này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào muốn đứng đầu tất cả hữu tình, muốn làm lợi ích tất cả hữu tình, muốn cứu giúp những người không có ai cứu giúp, làm nơi nương tựa cho những người không nơi nương tựa, làm nơi hướng đến cho những người không nơi hướng đến, làm mắt cho những người mù, làm ánh sáng cho người không có ánh sáng, chỉ đường chánh cho người lạc đường, làm cho người chưa đạt Niết bàn đạt được Niết bàn **thì phải học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào muốn đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, muốn đi cảnh giới Như Lai đi, muốn dạo chơi ở nơi Phật dạo chơi, muốn rống tiếng rống sư tử của Như Lai, muốn đánh trống pháp vô thượng của chư Phật, muốn động chuông pháp vô thượng của chư Phật, muốn thổi tù của chư Phật, muốn lên pháp tòa vô thượng của chư Phật,

muốn tuyên bày nghĩa pháp vô thượng của chư Phật, muốn phá tan lưới nghi của tất cả hữu tình, muốn vào cảnh giới cam lồ vi diệu của chư Phật, muốn hưởng thọ pháp lạc vi diệu của chư Phật, muốn chứng công đức thù thắng của Như Lai thì hãy học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như vậy.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát năng học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, không có công đức căn lành nào mà chẳng năng nhiếp, không có công đức căn lành nào mà chẳng năng đắc. Sở dĩ vì sao? **Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là chỗ nương dựa cho tất cả công đức căn lành vậy"**.

Tất cả các diễn giảng ở đây rất bình dị dễ hiểu. Nên ai cũng có thể đọc tụng thọ trì, không cần giảng giải thêm nữa. Giáo pháp duy nhất ở phẩm này cần nhớ là các đại Bồ Tát đều "đồng tánh" với Bát Nhã, vì Bát Nhã nhiếp thu tất cả pháp. Nếu có chân tu Bát Nhã và vào được Tánh không, thì được gọi là đồng tánh với Tánh Không. Nên Luận tán tụng: "Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là chỗ tận cùng của sự tu học".

Học như vậy là tận cùng của Phật học, nên không cần tầm cầu chỗ nào khác ngoài Bát nhã Ba la mật./.

---o0o---

62. PHẨM "KHÔNG PHÂN BIỆT"

Giữa quyển 456, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với cuối phẩm "Nguyện Dụ", Q.341 và Q.342, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Công đức tùy hỷ hồi hướng và kết quả của nó)

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thầm nghĩ: Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật; an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không; an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới; an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế, tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi; tu hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; tu hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ; tu hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn; tu hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa.; tu hành tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn; tu hành năm nhãn, sáu thần thông; tu hành Như Lai mười lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; tu hành pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tu hành Bồ Tát hạnh, tu hành chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, còn vượt lên trên tất cả hữu tình huống gì là chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề. Nếu các hữu tình nghe nói tên của Nhất thiết trí trí liền tin hiểu còn được lợi ích trong loài người và được thọ mạng tên tuổi vượt hẳn thế gian, huống chi là phát tâm hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề hay thường lắng nghe kinh điển Bát Nhã thẳm sâu này.

Khi ấy, Thiên Đế Thích khởi nghĩ này rồi, liền lấy hương hoa mầu nhiệm trên trời dâng rải lên Như Lai và các đại Bồ Tát, liền phát nguyện: Nếu các thiện nam, thiện nữ Bồ Tát thừa mong đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì xin đem công đức thiện căn mà tôi đã tích tụ được giúp họ sớm được viên mãn vô thượng Phật pháp là Nhất thiết trí trí mà họ mong cầu; xin đem công đức thiện căn mà tôi đã tích tụ giúp cho họ sớm được viên mãn pháp tự nhiên, pháp vô lậu chân chánh mà họ mong cầu; xin đem thiện căn công đức mà tôi đã tích tụ giúp cho họ sớm được viên mãn tất cả pháp mà họ muốn nghe; xin đem công đức thiện căn mà tôi đã

tích tụ giúp cho người cầu Thanh văn, Độc giác thừa cũng mau chóng đạt được ước nguyện.

Sau khi nguyện rồi, Thiên Đế Thích liền thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ Bồ Tát thừa đã phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác, con trọn chẳng sanh một niệm khác, khiến các người kia thối lui đại tâm Bồ đề. Con cũng chẳng sanh một niệm khác, khiến họ nhàm lìa Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, lui trụ bậc Thanh văn, Độc giác.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát đã đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tâm sanh vui muốn, con nguyện tâm kia thêm lớn mạnh, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Con nguyện chúng Bồ Tát kia thấy các thứ khổ trong sanh tử rồi, vì muốn lợi vui thế gian trời, người, A tu la… phát khởi nhiều thứ đại nguyện kiên cố: "Ta đã tự qua biển cả sanh tử, cũng phải tinh siêng đưa kẻ khác qua. Ta đã tự cởi bỏ các ràng buộc sanh tử, cũng phải tinh siêng cởi bỏ cho kẻ khác. Ta đối các thứ sợ hãi sanh tử đã tự yên ổn, cũng phải tinh siêng giúp kẻ chưa yên. Ta đã tự chứng Niết Bàn rốt ráo, cũng phải tinh siêng khiến kẻ khác đều được đồng chứng".

Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối công đức căn lành **Bồ Tát sơ phát tâm**, khởi tâm tùy hỷ được bao nhiêu phước? Đối công đức căn lành **Bồ Tát từ lâu phát tâm**, khởi tâm tùy hỷ được bao nhiêu phước? Đối công đức căn lành **Bồ Tát Bất thối chuyển**, khởi tâm tùy hỷ được bao nhiêu phước? Đối công đức căn lành **Bồ Tát còn một đời thành Phật**, khởi tâm tùy hỷ được bao nhiêu phước?

- Này Kiều Thi Ca! Giới hạn của bốn đại châu thiên hạ còn có thể biết được nhưng phước đức do tâm tùy hỷ của thiện nam, thiện nữ này tạo ra thì không thể lường được. Kiều Thi Ca! Cho đến giới hạn của Tam thiên đại thiên thế giới cũng có thể biết được nhưng phước đức do tâm tùy hỷ của thiện nam, thiện nữ này tạo ra thì không thể lường biết được.

Kiều Thi Ca! Giả sử Tam thiên đại thiên thế giới là một biển lớn, có người lấy một sợi lông tước ra thành một trăm sợi nhỏ rồi đem đầu của một sợi nhỏ chấm vào nước biển lớn kia và lấy đó làm một đơn vị còn có thể biết được số giọt nước trong biển tính theo đơn vị ấy, nhưng phước đức do tâm tùy hỷ của thiện nam, thiện nữ này tạo ra thì không thể đo lường được.

Khi ấy, Thiên Đế Thích lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình đối công đức căn lành của **Bồ Tát mà chẳng tùy hỷ, phải biết đều là bị ma ám.** Nếu các hữu tình đối công đức căn lành Bồ Tát mà chẳng tùy hỷ, phải biết đều là bè lũ bọn ma. Nếu các hữu tình đối công đức căn lành Bồ Tát mà chẳng tùy hỷ, phải biết các người này từ trong cõi ma chết sanh đến đây. Vì sao? Vì Bồ Tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu Bồ Tát hạnh, nếu các hữu tình đối công đức căn lành chúng Bồ Tát kia tùy hỷ hồi hướng, tức là hủy diệt tất cả ma quân cung điện quyến thuộc của chúng

Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình thân tâm kính mến Phật Pháp Tăng bảo, tùy sanh chỗ nào thường muốn thấy Phật, thường muốn nghe pháp, thường muốn gặp Tăng, đối công đức căn lành các Bồ Tát nên sanh tùy hỷ. Đã tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chẳng khởi tưởng sai khác. Nếu được như thế mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, lợi vui hữu tình, hủy diệt chúng ma quân.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy, như ngươi đã nói. Kiều Thi Ca! Nếu các hữu tình đối công đức căn lành Bồ Tát thân tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, các hữu tình này chóng năng viên mãn Bồ Tát hạnh, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu các hữu tình đối công đức căn lành Bồ Tát, thân tâm tùy hỷ, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, các hữu tình này đủ đại oai lực, thường năng phụng sự tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và thiện tri thức, hằng nghe Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu, khéo biết nghĩa thú.

Kiều Thi Ca! Các hữu tình này trọn nên công đức căn lành tùy hỷ hồi hướng, tùy sanh chỗ nào thường được tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Chẳng thấy sắc xấu, chẳng nghe tiếng xấu, chẳng ngửi mùi xấu, chẳng nếm vị xấu, chẳng giác xúc xấu, chẳng nghĩ pháp xấu. Thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn, từ một nước Phật tới một nước Phật, gần gũi chư Phật, trồng các căn lành, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Do nhân duyên đây, các hữu tình này căn lành tăng tiến, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, năng tận vị lai như thật lợi vui vô lượng vô số vô biên hữu tình, khiến trụ cõi Vô dư y bát Niết Bàn.

Khi sanh tùy hỷ và hồi hướng, chẳng nên chấp trước tức tâm, hay lìa tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng nên chấp trước tức tâm tu hành, hay lìa tâm tu hành. Nếu năng được không chỗ chấp trước như thế tùy hỷ hồi hướng, tu Bồ Tát hạnh mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tận vị lai lợi ích an vui các chúng hữu tình, đều khiến an trụ Niết Bàn rốt ráo.

(Tâm như huyễn làm sao chứng Vô Thượng Bồ đề?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, các pháp như huyễn cho đến các pháp như hóa, làm sao Bồ Tát đem tâm như huyễn năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Ngươi thấy Bồ Tát có tâm như huyễn chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy! Con chẳng thấy huyễn, cũng chẳng thấy có tâm như huyễn.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu chỗ không huyễn, không tâm như huyễn, ngươi thấy có tâm năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy. Con đều chẳng thấy có chỗ không huyễn, không tâm như huyễn, lại có tâm nào năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề!

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu chỗ lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, ngươi thấy có pháp năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy. Con đều chẳng thấy có chỗ lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, lại có pháp nào năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Con không thấy hoặc nơi tâm, hoặc ngoài tâm, có thể nói có pháp nào là hữu hay vô bởi vì tất cả pháp đều là tất cánh viễn ly. Nếu tất cả các pháp tất cánh viễn ly, thì chẳng thể thi thiết pháp này là hữu, pháp kia là vô. Nếu pháp chẳng thể thi thiết là hữu là vô thì không thể nói là có thể chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, bởi vì chẳng phải pháp vô sở hữu có thể chứng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều vô sở hữu và không thể nắm bắt, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bát Nhã, cho đến bố thí Ba la mật là tất cánh viễn ly; pháp nội không, cho đến pháp vô tính tự tính không là tất cánh viễn ly; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì là tất cánh viễn ly; tứ Thánh đế cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo là tất cánh viễn ly; bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc là tất cánh viễn ly; tám giải thoát cho đến mười biến xứ tất cánh viễn ly; pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện là tất cánh viễn ly; Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là tất cánh viễn ly; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là tất cánh viễn ly; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là tất cánh viễn ly; tất cả Bồ Tát hạnh là tất cánh viễn ly, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật là tất cánh viễn ly. Bạch Thế Tôn! **Nếu là pháp tất cánh viễn ly thì không nên tu cũng không nên khiển, cũng không thể dẫn phát. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cũng tất cánh viễn ly vì vậy cũng không thể dẫn phát.**

Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thẳm sâu đã tất cánh viễn ly thì vì sao lại nói: Các vị đại Bồ Tát dựa vào Bát Nhã thẳm sâu để chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật cũng tất cánh viễn ly, thì vì sao pháp viễn ly lại có thể chứng đắc pháp viễn ly? Vì vậy, đúng ra không nên nói Bát nhã Ba la mật chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hay thay, hay thay! Như vậy, như ngươi đã nói! Vì sao? Thiện Hiện! **Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật là tất cánh viễn ly**. Như vậy, cho đến tất cả Bồ Tát hạnh là tất cánh viễn ly, chư Phật Vô thượng Bồ đề là tất cánh viễn ly, Nhất thiết trí trí cũng tất cánh viễn ly.

Thiện Hiện! Do Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật tất cánh viễn ly, cho nên có thể nói sự chứng đắc của Bồ Tát là tất cánh viễn ly. Như vậy, cho

đến Nhất thiết trí trí tất cánh viễn ly nên có thể nói sự chứng đắc của Bồ Tát tất cánh viễn ly đối với quả vị Vô thượng Bồ đề.

Thiện Hiện! **Nếu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật rốt ráo chẳng viễn ly, thì chẳng phải Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến nếu Nhất thiết trí trí rốt ráo chẳng viễn ly, thì chẳng phải Nhất thiết trí trí.**

Thiện Hiện! Vì Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật tất cánh viễn ly, mới được danh Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Như vậy, cho đến vì Nhất thiết trí trí tất cánh viễn ly, nên được danh Nhất thiết trí trí. Vậy nên, Thiện Hiện! **Các Bồ Tát chẳng thể nương Bát Nhã, chứng được Vô thượng Bồ đề.**

Thiện Hiện! Mặc dù chẳng phải pháp viễn ly năng chứng pháp viễn ly mà có thể chứng Vô thượng Bồ đề, nhưng **nếu không thể nương Bát Nhã thì không thể chứng Vô thượng Bồ đề.** Vậy nên, chúng Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề, thường nên tinh siêng tu học Bát Nhã như thế.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp mà đại Bồ Tát thực hành đều có ý nghĩa thậm thâm chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như vậy! Pháp mà các Bồ Tát thực hành đều là thậm thâm, khó thấy khó giác, không chỗ nghĩ tầm, vượt cảnh nghĩ tầm, vi mật tự chứng, chẳng thể tuyên nói.

Thiện Hiện! Phải biết các Bồ Tát năng làm việc khó làm, mặc dù hành pháp nghĩa thậm thâm như thế, mà đối pháp Thanh văn, bậc Độc giác thường không tác chứng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa rằng:

- Theo con hiểu nghĩa Phật nói thì việc làm của các vị đại Bồ Tát không khó, nên không thể nói Bồ Tát làm việc khó làm. Vì sao? Vì ý nghĩa của pháp mà các Bồ Tát chứng được đều bất khả đắc, việc chứng đắc Bát Nhã cũng bất khả đắc, pháp được chứng, người chứng, chỗ chứng và thời chứng cũng bất khả đắc. Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ Tát quán tất cả pháp là bất khả đắc, thì có pháp nào có thể chứng, có Bát nhã Ba la mật nào có thể năng chứng và có pháp nào có thể chứng được, người chứng, chỗ chứng, thời chứng, đã vậy thì làm sao có thể nắm bắt được do đâu mà chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề. Quả vị Thanh văn, Độc giác còn

không thể chứng được huống chi là chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Bạch Thế Tôn! Nếu thực hành như vậy thì gọi **hạnh vô sở đắc của Bồ Tát,** Bồ Tát nào có thể thực hành hạnh vô sở đắc này thì không chướng ngại đối với tất cả pháp. Bạch Thế Tôn! Khi nghe nói pháp này, đại Bồ Tát nào tâm chẳng kinh chẳng e chẳng sợ, chẳng buồn chẳng hối, chẳng thối chẳng chìm, là hành Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này khi hành như thế chẳng thấy các tướng, chẳng thấy hành, chẳng thấy chẳng hành, chẳng thấy Bát nhã Ba la mật là sở hành, chẳng thấy Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là sở chứng, cũng lại chẳng thấy chỗ chứng, thời chứng vậy.

(Thế nào là phân biệt?)

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này hành Bát Nhã chẳng khởi nghĩ đây: Ta xa Thanh văn và bậc Độc giác, ta gần Vô thượng Bồ đề

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không chẳng khởi nghĩ này: Ta cách pháp kia hoặc xa hoặc gần. Vì sao? Hư không vô động, cũng không sai khác, không phân biệt vậy. Các Bồ Tát cũng lại như thế. Hành Bát Nhã thẳm sâu chẳng khởi nghĩ này: Ta xa Thanh văn và bậc Độc giác, ta gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì **Bát Nhã thẳm sâu đối tất cả pháp không phân biệt vậy.**

Bạch Thế Tôn! Giống như người huyễn do huyễn sư biến hoá không nghĩ: Vật huyễn, và khán giả cách mình gần hay xa. Vì sao? Vì người huyễn không thể phân biệt vậy. Các Bồ Tát cũng lại như thế, hành Bát Nhã chẳng khởi nghĩ này: Ta xa Thanh văn và bậc Độc giác, ta gần Vô thượng Bồ đề Vì sao? Vì Bát Nhã thẳm sâu đối tất cả pháp không phân biệt vậy.

Bạch Thế Tôn! Như bóng hiện trong gương chẳng khởi nghĩ này: Ta cách gương gần, cách các vật khác xa. Vì sao? Vì bóng sở hiện không phân biệt vậy. Các Bồ Tát cũng lại như thế, hành Bát Nhã chẳng khởi nghĩ này: Ta xa Thanh văn và bậc Độc giác, ta gần Vô thượng Bồ đề. Vì sao? **Vì Bát Nhã thẳm sâu đối tất cả pháp không phân biệt vậy.**

Bạch Thế Tôn! **Hành Bát Nhã các Bồ Tát không yêu không ghét**. Vì sự yêu ghét và tự tánh cảnh của Bát nhã Ba la mật đều không thể nắm bắt. Bạch Thế Tôn! Như các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối tất cả pháp

không yêu không ghét. Hành Bát Nhã, các Bồ Tát cũng lại như thế, đối tất cả pháp không yêu không ghét. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ Tát, thực hành Bát Nhã dứt trừ yêu ghét vậy.

Bạch Thế Tôn! Như **các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã đoạn trừ hoàn toàn tất cả phân biệt, các loại phân biệt và xa lìa sự phân biệt trùm khắp, cũng vậy, đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã cũng hoàn toàn xa lìa tất cả phân biệt, các loại phân biệt và xa lìa sự phân biệt trùm khắp. Vì sao? Vì chư Phật và các vị Bồ Tát thực hành Bát Nhã không có phân biệt đối với tất cả pháp.**

Bạch Thế Tôn! Như chư Phật không có nghĩ: Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Vô thượng Bồ đề. Cũng vậy, các vị đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã không nghĩ: Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì chư Phật và các vị Bồ Tát thực hành Bát Nhã không có phân biệt đối với tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn! Như hóa nhân được các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa ra không nghĩ: Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và những người do các Ngài biến hóa ra đều không có tâm phân biệt, cũng vậy, đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã không nghĩ: Ta xa lìa địa vị Thanh văn, Độc giác, ta ở gần quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? **Vì Bát Nhã không có phân biệt đối với tất cả các pháp.**

Bạch Thế Tôn! Giống như vì muốn làm việc gì, chư Phật biến hóa ra hóa nhân để khiến làm việc ấy, người được hóa ra đó không nghĩ: Ta có thể làm được việc như vậy. Vì sao? Vì những người được biến hóa ra không có phân biệt, Bát Nhã cũng như vậy, do có việc cần làm nên siêng năng tu tập, sau khi đã tu tập, tuy có thể thành tựu nhưng không có phân biệt. Vì sao? **Vì Bát Nhã vốn không phân biệt.**

Bạch Thế Tôn! Giống như người thợ khéo và các học trò của huyễn sư, vì có công việc phải làm nên họ tạo ra các vật như người nữ hoặc nam, hoặc voi, hoặc ngựa... Tuy các vật này được làm ra nhưng chúng không có sự phân biệt. Vì sao? Vì pháp ấy là máy móc vốn không phân biệt. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, do có việc phải làm nên mới được thành lập, tuy đã hoàn thành nhưng hoàn toàn không phân biệt việc làm và lời nói. Vì sao? Vì Bát Nhã vốn là pháp không phân biệt.

Lúc ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Thưa Đại đức! Chỉ có Bát nhã Ba la mật không có phân biệt hay tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới và bố thí cũng không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

- Chẳng phải chỉ có Bát nhã Ba la mật không phân biệt mà tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí cũng không phân biệt.

Xá lợi Tử nói:

- Chỉ có sáu Ba la mật là không có phân biệt hay sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phân biệt; mười hai xứ cho đến mười tám giới cũng không phân biệt; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng không phân biệt, các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra cũng không phân biệt; địa giới cho đến thức giới cũng không phân biệt; pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không cũng không phân biệt; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì cũng không phân biệt; nói rộng ra cho đến tất cả pháp Phật cũng không phân biệt; cảnh giới hữu vi cũng không phân biệt, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

- Chẳng phải chỉ có sáu Ba la mật không có phân biệt mà sắc cũng không có phân biệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng không có phân biệt cho đến thế giới hữu vi cũng không phân biệt, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt.

Xá lợi Tử nói:

- Nếu tất cả các pháp đều không phân biệt thì vì sao có sự phân chia năm đường khác nhau là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người và trời. Vì sao lại có phân biệt giữa các bậc Thánh khác nhau là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai?

Thiện Hiện đáp:

- Do nhân duyên điên đảo, phiền não nên hữu tình phát sanh ra các loại nghiệp nơi thân, khẩu, ý và do đó đưa đến quả báo. Mặt khác dục vọng là nghiệp căn bản của quả dị thục và dựa vào đó mà phát sanh năm đường khác nhau là địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, trời, người được tạo ra.

Còn vì sao có sự phân biệt giữa các bậc Thánh khác nhau thì này Xá lợi Tử! Đó là do không phân biệt nên thi thiết có Dự lưu và quả Dự lưu, do không phân biệt nên thi thiết có Nhất lai và quả Nhất lai, do không phân biệt nên thi thiết có Bất hoàn và quả Bất hoàn, do không phân biệt nên thi

thiết có A la hán và quả A la hán, do không phân biệt nên thi thiết có Độc giác và Độc giác Bồ đề, do không phân biệt nên thi thiết có đại Bồ Tát và Bồ Tát hạnh, do không phân biệt nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Xá lợi Tử! Do không phân biệt và đoạn trừ phân biệt nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ mới có thể thi thiết có các thứ sai khác. Cũng do không phân biệt, do đoạn trừ phân biệt nên các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời vị lai có thể thi thiết có các thứ sai khác. Do không phân biệt, đoạn trừ phân biệt nên tất cả các bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng chư Phật 10 phương thế giới ở đời hiện tại thị hiện thuyết pháp, mới có thể thi thiết có các thứ sai biệt khác nhau.

Này Xá lợi Tử! Vì lý do đó nên biết các pháp đều không phân biệt. Do không phân biệt nên chơn như, pháp giới nói rộng cho đến cảnh giới bất tư nghì đều là định lượng*(1)*.

Xá lợi Tử! Các vị đại Bồ Tát nên thực hành Bát Nhã không có sự phân biệt như vậy. Đại Bồ Tát nào có thể thực hành Bát Nhã thẳm sâu không có sự phân biệt thì liền chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vi diệu không có sự phân biệt, giác ngộ tánh không phân biệt của tất cả pháp và làm lợi ích cho hữu tình đến tận đời vị lai.

Thích nghĩa:

(1). Định lượng: Số lượng đã định, không thể thay đổi như cân lường (trọng lượng) người Anh dùng pound, người Pháp dùng kilogram.

Sơ giải:

Phẩm này nêu ra 3 vấn đề:

1. Công đức tùy hỷ hồi hướng và kết quả của nó;
2. Tâm như huyễn làm sao chứng Vô thượng Bồ đề và
3. Thế nào là phân biệt và vô phân biệt?

1. Công đức tùy hỷ hồi hướng và kết quả của nó:

"Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- "… Kiều Thi Ca! Nếu các hữu tình đối công đức căn lành Bồ Tát thân tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, các hữu tình này chóng năng viên mãn Bồ Tát hạnh, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu các hữu tình đối công đức căn lành Bồ Tát, thân tâm tùy hỷ, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, các hữu tình này đủ đại oai lực, thường năng phụng sự tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và thiện tri thức, hằng nghe Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu, khéo biết nghĩa thú.

Kiều Thi Ca! Các hữu tình này trọn nên công đức căn lành tùy hỷ hồi hướng, tùy sanh chỗ nào thường được tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Chẳng thấy sắc xấu, chẳng nghe tiếng xấu, chẳng ngửi mùi xấu, chẳng nếm vị xấu, chẳng giác xúc xấu, chẳng nghĩ pháp xấu. Thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn, từ một nước Phật tới một nước Phật, gần gũi chư Phật, trồng các căn lành, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Do nhân duyên đây, các hữu tình này căn lành tăng tiến, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Đã chứng Vô thượng Bồ đề, năng tận vị lai như thật lợi vui vô lượng vô số vô biên hữu tình, khiến trụ cõi Vô dư y bát Niết Bàn.

Khi sanh tùy hỷ và hồi hướng, chẳng nên chấp trước tức tâm, hay lìa tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng nên chấp trước tức tâm tu hành, hay lìa tâm tu hành. Nếu năng được không chỗ chấp trước như thế tùy hỷ hồi hướng, tu Bồ Tát hạnh mau chứng Vô thượng Bồ đề, tận vị lai lợi ích an vui các chúng hữu tình, đều khiến an trụ Niết Bàn rốt ráo".

Kinh nói người nào đem công đức của Bồ Tát, của chư Phật khắp 10 phương mà tùy hỷ hồi hướng thì được công đức vô bờ bến, không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, chẳng nên chấp trước tâm hay lìa tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng nên chấp trước tức tâm tu hành, hay lìa tâm tu hành. Tâm tùy hỷ hồi hướng đó phải là tâm tận diệt ly biến. Nếu Bồ Tát hành được như vậy mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

2. Tâm như huyễn làm sao chứng Vô Thượng Bồ đề?(1)

Một trong những đoạn Kinh lý thú và ý nhị nhất là đoạn Kinh dưới đây:

"Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

"Rồi Tu Bồ Đề hỏi: Tâm như huyễn làm sao có thể chứng đắc Vô thượng Giác ngộ?

"Phật nói: Tu Bồ Đề! Theo ý ông, ông thấy có tâm như huyễn chăng?

"Tu Bồ Đề thưa: Bạch, không thấy có.

"Phật nói: Ông thấy có huyễn chăng?

"Tu Bồ Đề: Không thấy có.

"Phật: Khi ông không thấy có huyễn, không thấy có tâm như huyễn, theo ý ông, có pháp nào ngoài huyễn tâm và huyễn tướng mà chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ chăng?

"Tu Bồ Đề: Thưa không. Không thấy có pháp nào như vậy. Nếu có pháp nào ngoài tâm như huyễn, pháp ấy cũng không thể nói là hữu hay là vô. Tất cả là **tất cánh viễn ly** (atantavivikta)*(2)*, và trong tất cánh viễn ly đó không có pháp nào có thể nói là hữu hay là vô; không có pháp nào gọi là phải tu, không có pháp nào gọi là phải chứng. Vì lý do đó, Bát nhã Ba la mật là tất cánh viễn ly. Vô Thượng Giác ngộ cũng vậy. Giữa hai tất cánh viễn ly không thể có liên hệ nào; chúng ta không thể nói cái này như là phương tiện để chứng đắc cái kia; cũng không phải cái kia như là cái sở đắc. Bồ Tát mà chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ là do bởi Bát Nhã. Nhưng Bồ Tát cũng là pháp (dharma) tất cánh viễn ly, và chúng ta không thể dựng lên một khẳng định nào cho sự chứng đắc đó, ngay cả giác ngộ.

"Phật: Hay thay, Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói! Tất cánh viễn ly là hết thảy các pháp (dharma) - Bồ Tát, Bát nhã Ba la mật và Vô Thượng Giác ngộ. **Nhưng Bồ Tát ở trong pháp tất cánh viễn ly đó mà như thật biết rõ Bát nhã Ba la mật và đạt tới tri kiến rằng Bát nhã Ba la mật là tất cánh viễn ly, cho nên Bát nhã Ba la mật tức phi Bát nhã Ba la mật. Quả thực Bồ Tát do Bát nhã Ba la mật mà chứng đắc Vô thượng giác ngộ nhưng ở trong đó không pháp nào là khả thủ, là khả đắc; do không thủ, không đắc, nên Bồ Tát tuy chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ mà không phải là do viễn ly chứng đắc viễn ly**".

*Để giải thích đoạn Kinh này, **phẩm thứ 64, phẩm "Tịnh Nguyện"** (Nguyện Thanh Tịnh)**, Tập 4, quyển 78, Đại Trí Độ Luận.** Nói:*

"Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ly huyễn và ly tâm như huyễn, ông có thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề cả, chẳng thấy có pháp nào khả đắc cả. Vì các pháp là rốt ráo không, rốt ráo ly, nên chẳng đọa về CÓ , cũng chẳng đọa về KHÔNG.

Nếu chẳng đọa về CÓ, chẳng đọa về KHÔNG, thì là vô sở hữu, nên chẳng có pháp được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba la mật rốt ráo ly tướng. Thấy CÓ hoặc thấy KHÔNG đều là lỗi lầm cả.

Năm Ba la mật kia... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều như vậy cả. Nếu đều là rốt ráo ly tướng thì đều là bất khả đắc vậy.

Cho nên, thấy là bất khả đắc, tu là bất khả đắc, đoạn là bất khả đắc, chứng cũng là bất khả đắc vậy. Chứng đắc pháp như vậy là vô sở đắc, là rốt ráo ly vậy.

Ngài Bồ đề bạch Phật: Bát nhã Ba la mật rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly. Như vậy làm sao có thể dùng rốt ráo ly để được rốt ráo ly?

Nếu một pháp rốt ráo ly là đã chẳng được rồi, huống nữa là cả hai pháp đều rốt ráo ly. Ví như lấy ngón tay chạm vào hư không, mà hư không chẳng có chỗ chạm xúc, thì ngón tay cũng chẳng có thể xúc được.

Hơn thế nữa, nếu Bát nhã Ba la mật rốt ráo ly, Niết bàn rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly, thì làm sao có thể dùng Bát nhã Ba la mật rốt ráo ly để được Niết bàn rốt ráo ly, được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly?

Phật biết ngài Tu Bồ Đề đã dùng thật tướng pháp để nói, nên Phật tán thán: "Lành thay, lành thay! Bát nhã Ba la mật là rốt ráo ly và Vô Thượng Bồ Đề là rốt ráo ly, nên chẳng phải do nơi Bát nhã Ba la mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải do nơi ly mà được ly".

Vì sao? Vì nếu pháp có định tướng*(3)*, thì chẳng phải là không, tức là thường; mà đã là thường, thì chẳng có sanh tướng. Nếu các pháp ở quá khứ, hiện tại và vị lai là không thì cũng chẳng có sanh tướng. Nếu chẳng có sanh tướng thì cũng chẳng có diệt tướng. Nếu chẳng có sanh diệt tướng thì chẳng có 4 thánh đế "khổ, tập, diệt, đạo" vậy.

Lại nữa, nếu nói "vô pháp" là thật pháp, là rốt ráo không, thì chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có Phật bảo, chẳng có Pháp bảo, chẳng có Tăng bảo.

Bởi các lỗi lầm trên đây, nên nói là rốt ráo ly tướng vậy.

Bồ Tát biết rõ như vậy, nên ở nơi hết thảy pháp được thông đạt vô ngại. Rốt ráo ly là ly hết thảy tướng, kể cả "không tướng". Vì sao? Vì nếu chẳng ly "không", thì chẳng gọi là rốt ráo ly được vậy.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba la mật là rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề là rốt ráo ly, chẳng phải do nơi Bát nhã Ba la mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lại cũng chẳng phải do nơi ly mà được ly; Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật rốt ráo ly mà được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly; cả hai pháp ly đó đều rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Phật dạy chỗ thâm tướng nên bạch Phật: Bồ Tát hành đạo như vậy là hành thậm thâm nghĩa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ Tát thường làm các việc rất khó làm, thường được thậm thâm nghĩa, nên chẳng tác chứng Nhị thừa. Vì sao? Vì Bồ Tát nhất tâm làm việc lợi ích cho chúng sanh thâm nhập vào pháp không, mà chẳng chứng Niết bàn. Thật là việc rất khó làm vậy".

Rốt ráo tất cả pháp đều xa lìa, kể cả "tướng không". Vì sao? Vì nếu chẳng xa lìa "không", thì chẳng gọi là rốt ráo xa lìa vậy. Giải thích như vậy là quá thâm áo. Rốt lại, pháp không tự hủy diệt chính nó để trở thành rốt ráo xa lìa. Vậy, học pháp không cũng đừng chấp không mới đạt được vô thức, vô niệm, vô tâm.

3. Thế nào là phân biệt và vô phân biệt?

"*Bất tùy phân biệt" là pháp môn tối cao trong Phật học. Tất cả rối rắm của cuộc đời thường là do phân biệt, vì phân biệt, tại phân biệt mà ra. Do phân biệt sanh ra chấp trước, do chấp trước sanh tạo tác thi vị. Đời sở dĩ đầy bất công vì phân biệt chấp trước mà ra.*

Ý thức của con người là như vậy hay so đo phân biệt. Phân biệt sang hèn, trọng khinh, xấu tốt... Vì vậy, mới có buông bỏ nắm bắt: Giàu sang thì tôn trọng muốn gần gũi thân cận, nghèo hèn thì bị khinh khi xa lánh. Đó là cái mất mát của cuộc đời thường. Vì vậy, phải bị trầm luân trong muôn kiếp. Muốn giải thoát những hệ lụy đó thì phải biết buông bỏ, xả chấp. Đó là đứng về phương diện thế tục mà có cái thấy biết như thế.

Nên, Thiện Hiện đại diện cho đệ nhất nghĩa đế bảo rằng:

- "Chẳng phải chỉ có sáu Ba la mật là không phân biệt mà sắc cũng không phân biệt, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phân biệt cho đến thế giới hữu vi cũng không phân biệt, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt".

Vì tất cả pháp đều không, vô sở hữu, bất khả đắc. Thánh giả vì vậy, không còn muốn nắm bắt cất giữ bất cứ thứ gì nên mới được vô thức, vô niệm, vô tâm.

Muốn thấu rõ chi tiết của phẩm "Không Phân Biệt" của Hội thứ II này, xin xem lại phần sau của phẩm "Nguyện Dụ", Q.341 và Q.342, Hội thứ I, ĐBN./.

Thích nghĩa cho phần Sơ giải:

(1). Đoạn Kinh ở Q.456, Hội thứ II này, cùng một ý với đoạn Kinh trong Thiền luận III của Thiền sư D.T. Suzuki đã trích dẫn ở phần: Triết học và Tôn giáo trong Bát nhã Ba la mật, tiểu mục 11, nói về Vô sở đắc và Vô thủ trước, do HT. Thích Tuệ Sĩ dịch. Nội dung của nó không khác với đoạn Kinh trong phẩm "Tùy Hỷ", thuộc quyển thứ 21, MHBNBLMĐ hay phẩm "Nguyện Dụ", Q.342, Hội thứ I hoặc phẩm "Thấy Bất Động", Q.521, Hội thứ III hoặc phẩm "Gốc Chồi" Q.564, Hội thứ V, ĐBN. Nhưng văn từ gãy gọn, lưu loát, nên chúng tôi trích dẫn ra đây để các đạo hữu thưởng thức.

(2). Tất cánh viễn ly (atantavivikta) Tất cánh có nghĩa là rốt ráo. Viễn ly là xa lìa. Rốt ráo xa lìa có không là tuyệt đối xa lìa nhị biên đối đãi. Có xa lìa thì không bị nó trói buộc, không bị nó dẫn dắt. HT Thích Trí Nghiêm dịch là "hoàn toàn viễn ly". Tất cánh viễn ly, hoàn toàn viễn ly, rốt ráo xa lìa đều cùng một nghĩa như nhau. ***TB****.*

(3). Định tướng: Tướng nhất định, tướng thường trụ bất biến. Nhưng trong Kinh Luận không có tướng nào là nhất định hay thường trụ cả./.

---o0o---

63. PHẨM "KIÊN CỐ, CHẲNG KIÊN CỐ"

Cuối Q.456 đến đầu Q.457, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Nguyện Dụ", cuối Q.342 đến đầu Q.346, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Các đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật là thực hành pháp kiên cố*(1)* hay thực hành pháp chẳng kiên cố.

Thiện Hiện đáp:

- Các đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật là thực hành pháp chẳng kiên cố. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì Bát nhã Ba la mật cho đến bố thí **chẳng phải là pháp bền chắc**; pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không chẳng phải là pháp bền chắc; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì chẳng phải là pháp bền chắc; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng phải là pháp bền chắc; nói chung cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật chẳng phải là pháp bền chắc; Nhất thiết trí trí cũng chẳng phải là pháp bền chắc. Vì sao? **Vì lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đối với Bát nhã Ba la mật đại Bồ Tát không thấy có sự chẳng bền chắc nào có thể nắm bắt được huống gì thấy có sự bền chắc có thể nắm bắt.** Như vậy, cho đến lúc thực hành Nhất thiết trí trí, đối với Nhất thiết trí trí sự chẳng bền chắc còn không thấy, huống gì là thấy có sự bền chắc có thể nắm bắt.

Khi ấy, có vô lượng trời cõi Dục, cõi Sắc đều khởi nghĩ này: Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thực hành nghĩa lý Bát Nhã thậm sâu đã nói chẳng chứng thật tế bình đẳng pháp tánh, không dừng lại ở địa vị Thanh văn và bậc Độc giác. Do nhân duyên này các thiện nam, thiện nữ đây rất là hiếm có, năng làm việc khó, đáng nên kính lễ.

Khi ấy, biết ý nghĩ của chư thiên, Thiện Hiện liền bảo họ:

- Thiện nam, thiện nữ này không chứng thật tế bình đẳng pháp tánh, không dừng lại ở địa vị Thanh văn, Độc giác thì chẳng phải hiếm có, cũng chưa phải là việc khó làm. **Đại Bồ Tát nào biết tất cả pháp và các hữu tình đều bất khả đắc nhưng vẫn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ**

đề, mặc giáp bị tinh tấn, nguyện độ vô lượng, vô biên hữu tình giúp họ nhập vào cảnh giới Vô dư bát Niết bàn thì đại Bồ Tát này mới thật hiếm có, năng làm được việc khó làm.

Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát nào tuy biết hữu tình đều vô sở hữu nhưng vẫn phát tâm cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mặc giáp bị tinh tấn, muốn giáo hóa các loài hữu tình như muốn điều phục hư không. Vì sao? Vì hư không viễn ly nên tất cả hữu tình cũng viễn ly, do hư không là không nên biết các hữu tình cũng là không, do hư không chẳng chắc thật nên biết các hữu tình chẳng chắc thật, do hư không vô sở hữu nên biết các hữu tình cũng vô sở hữu, do đó đại Bồ Tát này mới thật hiếm có, có thể làm được việc khó làm.

Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát này mặc giáp bị đại bi vì muốn điều phục tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình đều vô sở hữu giống như có người mặc giáp bị đánh nhau với hư không.

Chư thiên nên biết! Vì muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình, đại Bồ Tát này mặc giáp bị đại bi nhưng các hữu tình và giáp bị đại bi đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hữu tình lìa nên biết được giáp bị đại bi cũng lìa, vì hữu tình là không nên biết áo giáp đại bi cũng không, vì hữu tình không chắc thật nên biết giáp bị đại bi cũng không chắc thật, vì hữu tình vô sở hữu nên biết giáp bị đại bi cũng vô sở hữu.

Chư thiên nên biết! Việc giáo hóa, làm lợi lạc hữu tình của các đại Bồ Tát cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì hữu tình là lìa, là không, là chẳng chắc thật, là vô sở hữu, nên biết được việc giáo hóa, lợi lạc cũng là lìa, là không, là chẳng chắc thật, là vô sở hữu.

Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát này cũng vô sở hữu. Vì sao? Vì hữu tình là lìa, không, chẳng chắc thật, vô sở hữu nên biết được Bồ Tát cũng lìa, không, chẳng chắc thật, vô sở hữu. *(Q. 456, ĐBN)*

Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát nào nghe việc như vậy mà không kinh sợ, không buồn rầu, không hối hận, hoang mang, không thối lui thì nên biết đó là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Vì sao? **Vì sắc lìa tức là hữu tình lìa; thọ, tưởng, hành, thức lìa tức là hữu tình lìa**; 12 xứ cho đến 18 giới lìa tức là hữu tình lìa; nhãn xúc cho đến ý xúc lìa tức là hữu tình lìa; các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra lìa tức là hữu tình lìa; địa giới cho đến thức giới lìa tức là hữu tình lìa; bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật lìa

tức là hữu tình lìa; pháp nội Không cho đến pháp vô tánh tự tánh Không lìa tức là hữu tình lìa; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì lìa tức là hữu tình lìa; nói rộng ra, tất cả pháp Phật lìa tức là hữu tình lìa.

Chư thiên nên biết: Các **sắc viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly**; thọ, tưởng, hành, thức viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, cho đến sắc viễn ly tức là Nhất thiết trí trí viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức viễn ly tức là Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: 12 xứ viễn ly tức bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. 18 giới viễn ly tức bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, cho đến 6 trần, 12 xứ, 18 giới viễn ly tức là Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: Nhãn xúc viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, cho đến nhãn xúc viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: Thọ do nhãn xúc viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, cho đến các thọ do nhãn xúc viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: **Địa giới viễn ly** tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly; thủy, hỏa, phong, không, thức giới viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến địa giới viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly; thủy, hỏa, phong, không, thức giới viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: **Bố thí Ba la mật viễn ly** tức là nội Không cho đến vô tính tự tính Không viễn ly; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật viễn ly tức là nội không cho đến vô tính tự tính không viễn ly. Như vậy, cho đến bố thí Ba la mật viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: **Pháp nội không viễn ly** tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly; pháp ngoại không, cho đến vô tính tự tính không viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, cho đến pháp nội không viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly; pháp ngoại không cho đến vô tính tự tính không viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: **Chơn như viễn ly** tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì viễn ly tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, cho đến chơn như viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: Nói rộng ra, **tất cả pháp Phật viễn ly** tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật viễn ly. Như vậy, tất cả pháp Phật viễn ly tức Nhất thiết trí trí viễn ly.

Chư thiên nên biết: Đại Bồ Tát nào nghe nói tất cả pháp đều viễn ly mà chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng buồn chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm… thì nên biết đó là Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, Thế Tôn hỏi Thiện Hiện:

- Do đâu mà các đại Bồ Tát chẳng buồn chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm… đối với Bát nhã Ba la mật?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Vì tất cả pháp đều chẳng thật có vậy, đều xa lìa vậy, đều vắng lặng vậy, vô sở hữu vậy, chẳng sanh diệt vậy, nên các đại Bồ Tát Bát Nhã chẳng thối, chẳng chìm… đối với Bát nhã Ba la mật.**

Bạch Thế Tôn! Vì các lý do như vậy nên các đại Bồ Tát chẳng buồn, chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm… đối với Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Các Bồ Tát đối tất cả pháp, hoặc năng thối chìm, hoặc sở thối chìm, hoặc thời thối chìm, hoặc xứ thối chìm, hoặc kẻ thối chìm, hoặc do đây thối chìm đều bất khả đắc. Vì tất cả bất khả đắc vậy!**

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào nghe nói như vậy mà tâm chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng buồn chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm… thì nên biết đó là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bồ Tát này quán tất cả pháp đều bất khả đắc, chẳng thể thi thiết đây năng thối chìm, đây sở thối chìm, đây thời thối chìm, đây xứ thối chìm, đây kẻ thối chìm, do đây thối chìm… Vì nhân duyên này các đại Bồ Tát nghe thuyết như thế, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng buồn chẳng hối, chẳng thối chẳng chìm…

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào có thể thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì thường được chư Thiên, Đế Thích, Đại Phạm thiên vương, chúa tể của chúng sanh cùng nhau lễ kính.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào có thể thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì chẳng những thường được chư Thiên, Đế Thích, Đại Phạm thiên vương, chúa tể của chúng sanh cùng nhau lễ kính, mà còn hơn thế nữa: Trời Cực Quang Tịnh, hoặc trời Biến Tịnh, hoặc trời Quảng Quả, hoặc trời Tịnh Cư và chư Thiên khác thường cùng nhau kính lễ vị ấy. Đại Bồ Tát này cũng được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp ở 10 phương ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới luôn luôn cùng nhau hộ niệm.

Thiện Hiện nên biết! Do đại Bồ Tát này có thể thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy nên khiến cho bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mau được viên mãn; cũng làm cho nội không, cho đến vô tánh tự tánh không mau được viên mãn; cũng làm cho chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì mau được viên mãn; cũng làm cho Tứ đế đến 37 pháp trợ đạo mau được viên mãn; cũng làm cho 4 tịnh lự; 4 vô lượng, 4 định vô sắc mau được viên mãn; cũng làm cho 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ mau được viên mãn; nói chung cũng làm cho Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mau được viên mãn; cũng làm cho tất cả Bồ Tát hạnh, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật mau được viên mãn; cũng làm cho Nhất thiết trí trí mau được viên mãn.

Thiện Hiện nên biết! Đại Bồ Tát nào có thể thực hành Bát nhã Ba la mật này thì thường được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các vị đại Bồ Tát cùng nhau hộ niệm và có thể mau chóng viên mãn tất cả công đức. Đại Bồ Tát này sẽ đi đường chư Phật đã đi và hành đúng các hạnh mà chư Phật đã hành. Đại Bồ Tát này chẳng khác Phật Thế Tôn.

Thiện Hiện nên biết! Tâm hạnh của đại Bồ Tát này rất kiên cố. Giả sử tất cả hữu tình ở các thế giới chư Phật khắp 10 phương nhiều như số cát sông Hằng đều là ác ma; mỗi mỗi ác ma lại hóa ra vô số ác ma; các ác ma này đều có vô lượng, vô biên thần lực và tất cả thần lực của các ác ma này cũng không thể làm chướng ngại việc thực hành Bát nhã Ba la mật và việc chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của đại Bồ Tát ấy. Vì sao? **Vì đại Bồ Tát này đã đạt được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, thông đạt tất cả các pháp đều bất khả đắc.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào thành tựu 2 pháp sau đây thì tất cả ác ma không thể làm chướng ngại việc thực hành Bát nhã Ba la mật và việc chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hai pháp đó là:

- Một là quán các pháp đều tất cánh không*(2)*;

- Hai là không xả bỏ tất cả hữu tình.

(Để giải thích chỗ này, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 65, "Độ Hư Không", Tập 4, quyển 78****, nói rằng:*

"Trong chúng hội có nhiều người khởi tâm nghi, chẳng hiểu vì nhân duyên gì mà Bồ Tát có đại lực, khiến chúng ma chẳng phá hoại được, Phật nêu lên 2 nhân duyên làm cho Bồ Tát có đại lực, khiến các ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Bồ Tát thường quán các pháp không.
- Bồ Tát chẳng xả bỏ chúng sanh.

Phải có đủ mặt trời lẫn mặt trăng, thì vạn vật mới sanh trưởng được. Nếu chỉ có mặt trăng mà chẳng có mặt trời, thì vạn vật sẽ bị ẩm ướt, khiến phải bị hư hoại. Nếu chỉ có mặt trời mà chăng có mặt trăng, thì vạn vật sẽ bị thiêu cháy, khiến phải bị hư hoại.

Nếu mặt trăng và mặt trời hòa hợp, thì vạn vật mới được thâm nhuận lợi lạc.

Cũng như vậy, trong khi hành Bồ Tát đạo, **Bồ Tát phải khéo hòa hợp "bi tâm" và "không tâm" mới đem lại đại lợi ích cho chúng sanh**.

Có "bi tâm" mới lân mẫn chúng sanh, mới thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh. **Có "không tâm" mới diệt được tâm chấp có lân mẫn, có độ thoát chúng sanh**. Vì sao? Vì nếu chỉ có "bi tâm" mà chẳng có "không tâm", chẳng dùng trí huệ để xả tâm chấp có lân mẫn, có cứu độ chúng sanh thì sẽ rơi về đoạn diệt. Bởi vậy nên Phật dạy: "Phải song tu cả 2 tâm", nghĩa là phải thường xuyên quán hết thảy pháp đều là không, mà chẳng rời bỏ chúng sanh. Tuy lân mẫn chúng sanh, mà chẳng rời bỏ hết thảy pháp không; tuy quán hết thảy pháp không, mà chẳng chấp không; vì chẳng chấp không, nên chẳng ngại việc lân mẫn chúng sanh.

Lại nữa, quán lân mẫn chúng sanh, mà chẳng chấp chúng sanh, chẳng chấp tướng chúng sanh, mà chỉ vì lân mẫn chúng sanh, muốn dẫn dắt chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, vào nơi rốt ráo không.

Bởi vậy nên, tuy hành "bi tâm", lân mẫn chúng sanh, mà chẳng ngăn ngại "không tâm"; tuy hành "không tâm" mà chẳng chấp "không", nên chăng ngăn ngại "bi tâm", chẳng ngăn ngại việc lân mẫn chúng sanh. Ví như mặt trăng và mặt trời hòa hợp với nhau khiến vạn vật được sanh tồn và tăng trưởng vậy").

Kinh thuyết tiếp:

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào nếu thành tựu 2 pháp sau đây thì tất cả ác ma không thể gây chướng ngại việc thực hành Bát nhã Ba la mật và việc chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hai pháp đó là:

- Một là có thể thực hiện tất cả những điều đã nói; và
- Hai là thường được chư Phật hộ niệm.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể thực hành Bát Nhã này thì các trời, thần… thường đến lễ lạy, thân cận, cúng dường, thưa hỏi, khuyến khích và nói: Lành thay Đại sĩ! Muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề phải siêng năng trụ ở pháp không, vô tướng, vô nguyện. Vì sao? Đại sĩ! Vì đại Bồ Tát nào siêng năng trụ không, vô tướng, vô nguyện thì làm nơi nương tựa cho tất cả hữu tình không chỗ nương tựa, làm nơi nương về cho tất cả hữu tình không chỗ nương về, làm cứu hộ cho kẻ không được cứu hộ, làm nơi hướng đến cho người không nơi hướng đến, làm cồn bãi cho kẻ trôi nổi, làm nhà cửa cho kẻ vô gia cư, làm ánh sáng cho người tối tăm, làm tai mắt cho người đui điếc. Vì sao? Đại sĩ! **Vì trụ pháp không, vô tướng, vô nguyện như vậy tức là an trụ trong Bát nhã Ba la mật**. Người nào có thể an trụ trong Bát nhã Ba la mật thì mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể an trụ Bát nhã Ba la mật này thì liền được vô lượng, vô số, vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong đời hiện tại ở 10 phương, lúc nói chánh pháp ở giữa đại chúng tự nhiên vui mừng ca ngợi, nêu tên tuổi dòng họ và công đức của đại Bồ Tát này, đó là công đức vi diệu của việc an trụ Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện nên biết! Giống như hôm nay ta vì đại chúng tuyên thuyết Bát Nhã, ở trước đại chúng tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên tuổi dòng họ và công đức của các đại Bồ Tát như đại Bồ Tát Bảo Tràng, đại Bồ Tát Đảnh Kế đang ở chỗ Phật Bất Động trong hiện tại tu phạm hạnh thanh tịnh, an trụ trong Bát nhã Ba la mật. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở các thế giới chư Phật 10 phương nhiều như số cát sông Hằng cũng vì chúng tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Nơi đó cũng có các đại Bồ Tát tu phạm hạnh thanh tịnh, an trụ Bát nhã Ba la mật. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy đều ở trước chúng, tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên tuổi dòng họ và các công đức của đại Bồ Tát ấy. Đó là công đức vi diệu

của việc an trụ Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát này có thể làm việc khó làm, không đoạn mất giống Phật, làm lợi ích hữu tình.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Lúc các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói chánh pháp ở trước đại chúng, những đại Bồ Tát nào được các Ngài tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và công đức, đó là những vị đã đạt được địa vị bất thối chuyển hay những vị chưa đạt được?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Có đại Bồ Tát **trụ nơi địa vị bất thối chuyển**, tu hành Bát Nhã, được chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và các công đức của họ khi các Ngài nói chánh pháp ở trước đại chúng. Lại có đại Bồ Tát **tuy chưa được thọ ký** nhưng thực hành Bát Nhã thì cũng được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và các công đức của họ.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Điều Ngài vừa nói là ám chỉ những Bồ Tát nào?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Có đại Bồ Tát học tập theo những việc của Phật Bất Động đã làm khi Ngài còn là Bồ Tát và đạt được an trụ vào địa vị bất thối chuyển thì được các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và các công đức khi các Ngài nói chánh pháp ở trước đại chúng. Lại có đại Bồ Tát học tập các việc làm của đại Bồ Tát Bảo Tràng, đại Bồ Tát Đảnh Kế, tuy chưa được thọ ký nhưng nhờ siêng năng thực hành Bát nhã Ba la mật nên cũng được các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và các công đức.

Lại nữa Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tuy tin hiểu sâu sắc đối với **tánh vô sanh** của tất cả các pháp nhưng chưa chứng đắc vô sanh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc đối với Bát nhã Ba la mật nhưng chưa đạt được vô sanh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc **tánh rốt ráo không, tánh hoàn toàn vắng lặng, tánh viễn ly, tánh hư vọng** của tất cả các pháp nhưng chưa chứng đắc vô sanh pháp nhẫn; tuy tin hiểu sâu sắc **tánh của tất cả pháp đều là không**, tuy tin hiểu sâu sắc đối với **tánh vô sở hữu** của tất cả pháp, tuy tin hiểu sâu sắc đối với **tánh chẳng tự tại** của tất cả pháp, đối với **tánh không chắc thật** của tất cả pháp nhưng chưa đạt được vô sanh pháp nhẫn. Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát như vậy cũng

được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ, các công đức.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên hoan hỷ ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và các công đức khi các Ngài thuyết chánh pháp ở trước đại chúng thì đại Bồ Tát đó vượt địa vị Thanh văn, Độc giác và chắc chắn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật được các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự nhiên vui mừng ca ngợi tán thán tên tuổi, dòng họ và các công đức khi các Ngài thuyết pháp trước đại chúng thì đại Bồ Tát đó chắc chắn sẽ an trụ ở địa vị bất thối chuyển. Sau khi đã an trụ ở địa vị đó sẽ mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(Chẳng ai trụ trong như mà chứng Vô Thượng Bồ đề)

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ Bồ Tát thừa khi nghe Bát nhã Ba la mật này không nghi ngờ, không mê lầm, tin hiểu sâu sắc, không sanh phỉ báng còn đạt được vô số thiện căn vi diệu huống gì thọ trì đọc tụng thông suốt, nương lý như buộc niệm suy nghĩ, an trụ như*(3),* tinh siêng tu học thì thiện nam, thiện nữ này sẽ mau an trụ địa vị bất thối chuyển và mau chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ chúng hữu tình.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật tánh của các pháp trọn không thể nắm bắt thì làm sao có thể nói các đại Bồ Tát an trụ như siêng năng tu học sẽ mau an trụ địa vị bất thối chuyển, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ chúng hữu tình?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như Phật sở hóa *(hóa Phật)* an trụ như Bồ Tát hạnh thì sẽ mau an trụ vào địa vị bất thối chuyển, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình; cũng lại như vậy. Các đại Bồ Tát an trụ vào như, tu Bồ Tát hạnh thì sẽ mau an trụ vào địa vị bất thối chuyển, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ các hữu tình.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Như Lai hóa hiện đều vô sở hữu, pháp lìa như cũng bất khả đắc, vậy ai trụ như tu Bồ Tát hạnh, ai sẽ an trụ bậc Bất thối chuyển, ai chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ai quay xe pháp, thuyết những pháp gì, độ chúng sanh nào? Như còn không thể nắm bắt được, huống gì an trụ như tu Bồ Tát hạnh sẽ mau an trụ bậc bất thối chuyển, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ chúng hữu tình. Đây nếu thật có, tất không lẽ ấy?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy. Đúng như lời ông nói! Việc hóa hiện của Như Lai đều vô sở hữu, pháp lìa như cũng bất khả đắc, thì ai trụ như tu Bồ Tát hạnh, ai sẽ an trụ địa vị bất thối chuyển, ai chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ai chuyển pháp luân, nói những pháp gì và độ chúng sanh nào. Thiện Hiện! **Như còn bất khả đắc huống gì việc an trụ vào như tu Bồ Tát hạnh để mau an trụ vào địa vị bất thối chuyển, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, cứu độ chúng hữu tình thì điều này chắc chắn không thể có được**. Vì sao? Thiện Hiện! Dù chư Phật có ra đời hay không ra đời thì các pháp vẫn như vậy, không lìa như nói rộng cho đến cảnh giới bất tư nghì *(nói khác là không lìa thập nhị chơn như)*. Thiện Hiện! Chắc chắn không có việc an trụ như tu Bồ Tát hạnh nói rộng cho đến độ chúng hữu tình. *(Q.457, ĐBN)*

Thiện Hiện! **Như của các pháp không sanh không diệt cũng không trụ, không thể nắm bắt dù một phần nhỏ nhiệm. Thiện Hiện! Nếu pháp không sanh không diệt cũng không trụ, không thể nắm bắt được. Vậy thì ai trụ trong đó tu Bồ Tát hạnh, ai sẽ an trụ địa vị bất thối chuyển, ai chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ai chuyển pháp luân, nói những pháp gì, cứu độ chúng sanh nào. Ở trong đó tất cả đều vô sở hữu. Tất cả những điều đó chắc chắn không có. Chỉ dựa vào thế tục mà giả bày ra!**

(Không ai có thể trụ trong như mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bởi vì, thập nhị chơn như cũng là không. Trong rỗng không tất cả đều vô sở hữu, bất khả đắc).

Khi ấy, trời Đế Thích bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này rất thậm thâm, khó giác, khó biết. Các đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật tuy biết các pháp đều bất khả đắc nhưng vẫn cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và muốn giải bày chánh pháp cho các hữu tình, đó là việc rất khó làm. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chắc chắn không có việc an trụ như tu Bồ Tát hạnh chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và nói chánh pháp cho các hữu tình nhưng các đại Bồ Tát vẫn thực hành Bát nhã Ba la mật, quán tất cả các pháp đều vô sở hữu, không kinh sợ, nghi ngờ ngăn trệ, hoang mang thối lui, cũng không mê muội… đối với pháp tánh sâu xa, đó là điều rất hiếm có.

*(Để giải thích đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận, cùng phẩm trên** nói:*
"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là không tướng, đều là bất khả đắc, thì vì sao nói Bồ Tát trú trong "như" tức là trú trong Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong "như", mà "như" là không; trú trong "như" là trú trong rốt ráo không. Bởi vậy nên nói Bồ Tát trú trong "như" là trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trừ "như" ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc cả. Như vậy thì ai trú trong "như" sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Thật là vô lý vậy.

Phật ấn chứng lời nói của Tu Bồ Đề: "Như" là không, vì trong "như" chẳng có các tướng "sanh, trú, dị, diệt". Nếu chẳng có các tướng "sanh, trú, dị, diệt", thì chẳng có ai trú trong như; chẳng có ai trú trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng có ai trú trong như, rồi sẽ thuyết pháp vậy.

"Như" đã là bất khả đắc rồi, huống nữa là trú trong "như" để được Vô Thượng Bồ Đề, để thuyết pháp").

Bấy giờ Thiện Hiện bảo Đế Thích:

- Bát nhã Ba la mật như lời ông nói: Các đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật quán tất cả pháp đều vô sở hữu, không kinh sợ, không nghi ngờ ngăn trệ, không hoang mang thối lui, cũng không mê muội… đối với pháp tánh sâu xa. Đó là điều rất là hiếm có.

Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật **quán thấy bản tánh các pháp đều không, ở trong pháp không này tất cả đều vô sở hữu**, vậy thì ai có thể kinh sợ cho đến mê muội. Vì vậy, việc đại Bồ Tát

thực hành Bát Nhã không kinh sợ, không nghi ngờ ngăn trệ, không hoang mang thối lui, không mê muội… đối với pháp tánh sâu xa cũng chưa phải là hiếm có.

Lúc đó, trời Đế Thích bạch Thiện Hiện:

- Những điều Đại đức đã nói tất cả đều nương không, vậy nên không ngăn ngại. Ví như lấy tên bắn hư không hoặc xa hoặc gần đều không ngăn ngại. Đại đức đã nói cũng lại như vậy, còn ai có thể dám đối chất.

Thích nghĩa:

(1). Kiên cố (C: jiāngù; J: kengo) Có các nghĩa sau: 1- Vững chắc, kiên định; 2- Có một khuynh hướng cố hữu về tính vĩnh cửu (s: anitya-asāra-saṃjñā); 3- Tồn tại cụ thể (s: dhrdha-sāra); 4- Không giảm bớt, không lui sụt, không tái phạm; 5- Dứt khoát. (Từ điển Đạo Uyển và Từ điển Anh-Hán-Việt). Xem lại thích nghĩa phẩm "Khen Pháp Chắc Thật", cuối Q.342, Hội thứ I, ĐBN. Phẩm thứ 65, Đại Trí Độ Luận gọi phẩm này là "Độ Hư Không", Tập 4, quyển 78 dùng từ "chân thật" hay "chẳng chân thật". Kiến cố hay chẳng kiên cố với chân thật hay chẳng chân thật, hai cụm từ rất vi tế. Phần chiết giải sau đây sẽ giải thích rõ ràng hơn.

(2). Tất cánh không (Phạm:Atyanta-zùnyatà) Cũng gọi Chí cánh không, Rốt ráo không, 1 trong 18 pháp không. Luận Đại Trí Độ quyển 31, phân biệt giữa Tất cánh không và Tánh không, cho rằng: ***Tất cánh không là không còn gì; còn Tánh không là tính xưa nay thường như thế****; "Tất cánh không" là pháp thực hành của chư Phật, còn "Tánh không" là pháp thực hành của Bồ Tát. Tức dùng Không để phá trừ các pháp, rốt ráo không chấp trước một vật gì, 3 đời thanh tịnh, là Tất cánh không; tự tánh của hết thảy các pháp là không, chỉ do các duyên hòa hợp mà dường như có, nếu lìa các duyên thì tự tánh các pháp không thực có, là Tánh không. Trung quán luận sớ quyển 1 phần cuối giải thích "tất cánh không" như sau: Tánh của chúng sinh cũng như hư không, trong đó không có sinh tử qua lại, cũng không có người giải thoát. Vì sinh tử vốn tự chẳng sinh, nên không có qua lại; đã không có sinh tử qua lại thì sinh tử đâu mà diệt, nên gọi là Niết bàn, vì thế không có giải thoát. Bởi vậy, sinh tử Niết bàn rốt ráo đều không, tất cả đều không sinh. Tức Niết bàn vốn tự chẳng sinh, sinh tử cũng vốn tự chẳng sinh, cho nên là tất cả chẳng sinh. Vì tất cả*

chẳng sinh nên gọi là tất cánh không. [X. phẩm Vấn thừa trong Kinh Đại Bát Nhã Q.5; Kinh Giải thâm mật Q.3; luận Biện trung biên Q.Thượng; luận Thập bát không]. (xt. Thập Bát Không). - Từ điển Phật Quang.

*Giải thích này chẳng khác nào Thắng nghĩa đế. Nên khó có thể chấp nhận theo quan niệm của thế tục. Đây là một cách giải thích quan trọng về cái về cái không trong 18 pháp không, tuy không phổ thông lắm.**TB***

(3). Kinh ĐBN thường dùng từ kép "Chơn như", Kinh MHBNBLMĐ chỉ dùng từ duy nhất là "như", để diễn tả cái "như tánh" của tất cả pháp hay chơn như của tất cả pháp. Chúng tôi cũng thường dùng như hay như như trong phần luận giải của chúng tôi. Lưu ý này được lặp đi lặp lại quá nhiều lần, như thế là quá đủ. Nên không cần nhắc lại nữa.

Sơ giải:

1. Nói về Tất cánh viễn ly và Tất cánh không.

Đối với Tánh Không thì chẳng có gì bền chắc hay không bền chắc, tất cả là vô sở hữu bất khả đắc. Nên Phật bảo chư Thiên:

"Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát nào tuy biết hữu tình đều vô sở hữu nhưng vẫn phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mặc giáp bị tinh tấn, muốn giáo hóa các loài hữu tình như muốn điều phục hư không. Vì sao? Vì hư không viễn ly nên tất cả hữu tình cũng viễn ly, do hư không là không nên biết các hữu tình cũng là không, do hư không chẳng chắc thật nên biết các hữu tình chẳng chắc thật, do hư không vô sở hữu nên biết các hữu tình cũng vô sở hữu, do đó đại Bồ Tát này mới thật hiếm có, có thể làm được việc khó làm.

Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát này mặc giáp bị đại bi vì muốn điều phục tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình đều vô sở hữu giống như có người mặc giáp bị đánh nhau với hư không.

Chư thiên nên biết! Vì muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình, đại Bồ Tát này mặc giáp bị đại bi nhưng các hữu tình và giáp bị đại bi đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hữu tình lìa nên biết được giáp bị đại bi cũng lìa, vì hữu tình là không nên biết áo giáp đại bi cũng không, vì hữu tình không chắc thật nên biết giáp bị đại bi cũng không chắc thật, vì hữu tình vô sở hữu nên biết giáp bị đại bi cũng vô sở hữu.

Chư thiên nên biết! Việc giáo hóa, làm lợi lạc hữu tình của các đại Bồ Tát cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì hữu tình là lìa, là không, là chẳng chắc thật, là vô sở hữu, nên biết được việc giáo hóa, lợi lạc cũng là lìa, là không, là chẳng chắc thật, là vô sở hữu.

Chư thiên nên biết! Đại Bồ Tát này cũng vô sở hữu. Vì sao? Vì hữu tình là lìa, không, chẳng chắc thật, vô sở hữu nên biết được Bồ Tát cũng lìa, không, chẳng chắc thật, vô sở hữu".

Đứng trên nhân không và pháp không mà nói: Tất cả pháp là không, là lìa, là chẳng chắc thật, là vô sỡ hữu, là bất khả đắc kể cả Bồ Tát và chúng sanh? Hơn thế nữa Phật bảo Thiện Hiện:

"Thiện Hiện! Như của các pháp không sanh không diệt cũng không trụ, không thể nắm bắt dù một phần nhỏ nhiệm. Thiện Hiện! Nếu pháp không sanh không diệt cũng không trụ, không thể nắm bắt được. Vậy thì ai trụ trong đó tu Bồ Tát hạnh, ai sẽ an trụ địa vị bất thối chuyển, ai chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ai chuyển pháp luân, nói những pháp gì, cứu độ chúng sanh nào? Ở trong đó tất cả đều vô sở hữu. Tất cả những điều đó chắc chắn không có. **Chỉ dựa vào thế tục mà giả bày ra vậy!**"

Nhưng tại sao "Tất cả những điều đó chắc chắn không có. Chỉ dựa vào thế tục lại giả bày ra" *như vậy? Vì Phật không muốn chúng sanh tin tưởng bất cứ thứ gì dù là một giáo pháp mang lại nhiều công đức huống chi là pháp chắc thật hay chẳng chắc thật, kiên cố hay chẳng kiên cố. Một khi vào được Bát Nhã biết tất cả pháp là không rồi thì chẳng cầu pháp chắc thật hay chẳng chắc thật, pháp kiên cố hay chẳng kiên cố. Vì vậy, trong* ***Đại Trí Độ Luận****, Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng:*

"Pháp chân thật là định pháp, chẳng có biến đổi, có thể thủ, có thể chấp; còn pháp chẳng chân thật là pháp hư dối. Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường ưa hành pháp không, tâm chẳng chướng ngại, nên đáp lại: Hành Bát nhã Ba la mật tức là hành pháp chẳng chân thật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là chẳng có định tướng, là vô phân biệt,... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Bồ Tát đã từ nhiều đời trước tu tập Bát nhã Ba la mật, nên nay trở lại trong sanh tử cũng tiếp tục hành Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát biết rõ pháp hữu vi là bất khả đắc, biết rõ 3 đời đều do nhân duyên sanh, đều là hư vọng, lại **biết rõ Bát nhã Ba la mật chẳng phải là pháp chẳng thể chấp**, nên quán hết thảy chúng sanh đều là chẳng chân thật, chẳng thể chấp. Bồ Tát cũng biết rõ Bát nhã Ba la

mật, xét về thế đế, là pháp chân thật, còn xét về đệ nhất nghĩa đế là pháp bất khả đắc, chẳng chân thật".

Vì vậy, Kinh bảo: Vì hữu tình là lìa, là không, là chẳng chắc thật, là vô sở hữu, nên biết được việc giáo hóa, lợi lạc cũng là lìa, là không, là chẳng chắc thật, là vô sở hữu. Nên nói Bồ Tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mặc giáp bị tinh tấn, muốn giáo hóa các loài hữu tình như muốn điều phục hư không. Đây là giáo pháp vi tế sâu xa. Do đó, chúng tôi lặp lại nguyên văn của Kinh và Luận để các đạo hữu lưu ý mà thọ trì.

Nghe Phật thuyết tới đây Thiên Đế Thích hiểu được những gì Phật nói, nên phát biểu:

- "Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này rất thậm thâm, khó giác, khó biết. Các đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã tuy biết các pháp đều bất khả đắc **nhưng vẫn cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và muốn giải bày chánh pháp cho các hữu tình**, đó là việc rất khó làm. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chắc chắn không có việc **an trụ như** tu Bồ Tát hạnh chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và nói chánh pháp cho các hữu tình **nhưng các đại Bồ Tát vẫn thực hành Bát Nhã**, quán tất cả các pháp đều vô sở hữu, không kinh sợ, nghi ngờ ngăn trệ, hoang mang thối lui, cũng không mê muội… đối với pháp tánh sâu xa, đó là điều rất hiếm có".

Không phải riêng Thiên Đế Thích biết mà chúng ta cũng biết, không thực hành đạo thì làm sao đạt đạo. Bát nhã Ba la mật cố quét sạch tất cả dây mơ rễ má còn sót lại trong tâm thức con người để đưa đến vô niệm vô tâm. Nếu còn mê muội hoang mang thì vẫn còn thối lui Bồ đề tâm. Nên Thiện Hiện liền bảo:

"Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã quán thấy bản tánh các pháp đều không, ở trong pháp không này tất cả đều vô sở hữu, vậy thì ai có thể kinh sợ cho đến mê muội. Vì vậy, việc đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã không kinh sợ, không nghi ngờ ngăn trệ, không hoang mang thối lui, không mê muội… đối với pháp tánh sâu xa cũng chưa phải là hiếm có".

Thiên Đế Thích đáp:

- "Những điều Đại đức đã nói tất cả đều nương không, vậy nên không ngăn ngại. Ví như lấy tên bắn hư không hoặc xa hoặc gần đều không ngăn ngại. Đại đức đã nói cũng lại như vậy, còn ai có thể dám đối chất".

Câu trả lời của Đế Thích thật ý nhị: Một khi trụ trong không rồi thì tự do tự tại như mũi tên phóng lên hư không, bay vút vô ngại. Đó là cái tự hội của những người thọ trì Kinh này. Tới đây là hết ý kiến!

Kết luận:

Phẩm trước Phật phá chấp về phân biệt, ở phẩm này phẩm này Phật phá chấp về việc tán tụng các pháp dù là Bát nhã Ba la mật. Tất cả là Không, là Tất cánh không, là Bất khả đắc không. Các pháp không này dẫn xuất từ Tánh không Bát Nhã. Nếu biết tất cánh không, là tất cánh viễn ly, là vô sở hữu, bất khả đắc thì không còn gì để nắm giữ, cất dấu nữa tâm mới được như như bất động.

Vậy, nói tất cánh không, rốt ráo không, rốt ráo xa lìa, vô sở hữu, bất khả đắc, không có nghĩa là khước từ, chối bỏ tất cả, Bát nhã Ba la mật chỉ khước từ cái khả đắc, khả thủ, khả chấp mà thôi.

Kinh và Luận được lặp lại trong phần lược giải này hết sức quan trọng cho sự hiểu biết pháp chắc thật hay chẳng chắc thật và pháp chân thật với pháp chẳng chân thật theo Tục đế cũng như theo Thắng nghĩa đế. Hiểu được giáo pháp này tức hiểu tại sao "Bồ Tát cũng biết rõ Bát nhã Ba la mật, xét về thế đế, là pháp chân thật, còn xét về đệ nhất nghĩa đế là pháp bất khả đắc, chẳng chân thật"**.**

Biết như vậy nên học Bát Nhã thì không còn chấp nữa./.

---o0o---

64. PHẨM "THẬT NGỮ"

Cuối Q.457 đến đầu Q.458, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Chúc Lụy", cuối Q.346 đến đầu Q.347, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phần đầu của phẩm này nói lên công đức của người an trụ Bát nhã Ba la mật. Phần sau Phật phó chúc cho Ngài A Nan thọ trì và gìn giữ Bát nhã Ba la mật. Phật bảo: "Khánh Hỷ! Nay **Ta nói thật với ngươi**: Các hữu tình có lòng tin trong sạch muốn không xả bỏ Phật, không xả bỏ Pháp, không xả bỏ Tăng, lại muốn không xả bỏ Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc thì **không nên xả bỏ Bát nhã Ba la mật**. Đó chính là pháp mà chư Phật chúng ta dạy dỗ truyền trao cho các đệ tử".

Đó là "thật ngữ" phát ra từ kim khẩu của đức Thế Tôn. Biết như vậy, thì phải nghiêm chỉnh chấp hành để khỏi phụ lòng đức từ phụ.

*Phẩm này tương đương với **phẩm thứ 66, "Chúc Lụy"** (Phó Chúc)**, Tập 4, quyển 79, Đại Trí Độ Luận.***

Tóm lược:

(Công đức của những người an trụ cũng như thọ trì Bát Nhã)

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con nói như thế, khen như thế, ghi như thế là thuận Thế Tôn thật ngữ pháp ngữ, đối với pháp tùy pháp thì có thể được ghi nhận là chân chính hay không?

Khi ấy, Phật bảo rằng:

- Kiều Thi Ca! Ngươi nói như thế, khen như thế, ghi nhận như thế là thật thuận Thế Tôn thật ngữ pháp ngữ, đối với pháp tùy pháp thật là chân chính.

Lúc ấy, trời Đế Thích lại bạch Phật:

- Thật hiếm có thưa Thế Tôn! Đại đức Thiện Hiện có nói điều gì cũng đều dựa vào pháp không, vô tướng, vô nguyện; dựa vào 4 niệm trụ cho

đến 8 chi Thánh đạo; cũng dựa vào 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; dựa vào 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ; cũng dựa vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; dựa vào bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng dựa vào nội Không cho đến vô tánh tự tánh không, dựa vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, cho đến cũng dựa vào Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng dựa vào Bồ Tát hạnh, dựa vào quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật.

Bấy giờ, Phật bảo trời Đế Thích:

- Kiều Thi Ca! Cụ thọ Thiện Hiện trụ ở pháp không, quán bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật còn bất khả đắc huống gì người thực hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật làm sao có thể nắm bắt được; quán 37 pháp trợ đạo còn bất khả đắc, huống gì người tu tập 4 niệm trụ, cho đến 8 chi Thánh đạo làm sao có thể nắm bắt; quán 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc còn bất khả đắc huống gì người tu 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc làm sao có thể nắm bắt; quán 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ còn bất khả đắc, huống gì người tu 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ làm sao có thể nắm bắt; quán Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo còn không thể nắm bắt huống gì người trụ nơi Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo làm sao có thể nắm bắt; quán nội không cho đến vô tính tự tính không còn bất khả đắc huống gì người trụ ở nội không cho đến vô tánh tự tánh không làm sao có thể nắm bắt; quán chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì còn bất khả đắc, huống gì người trụ ở chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì làm sao có thể nắm bắt; quán tất cả pháp Phật còn bất khả đắc, huống chi người tu tất cả pháp Phật làm sao có thể nắm bắt được; quán pháp không sanh, không diệt còn bất khả đắc huống gì người có thể chứng pháp không sanh, không diệt làm sao có thể nắm bắt. Vì sao? **Vì đối với tất cả các pháp, cụ thọ Thiện Hiện trụ ở chỗ viễn ly, trụ ở chỗ vắng lặng, trụ ở chỗ vô sở hữu, trụ ở chỗ vô sở đắc, trụ ở chỗ rỗng không, trụ ở nơi vô tướng, trụ ở nơi vô nguyện.**

Kiều Thi Ca! Đối với tất cả các pháp, cụ thọ Thiện Hiện trụ chỗ rất thù thắng như vậy. Kiều Thi Ca! Việc trụ chỗ rất thù thắng của Thiện Hiện so với chỗ trụ của đại Bồ Tát đã thực hành Bát Nhã thẳm sâu thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, cho đến không bằng một phần rất nhỏ. Vì sao? Kiều Thi Ca! Trừ chỗ trụ của Như Lai, đối với chỗ trụ của Thanh văn và Độc giác thì **chỗ**

trụ vào việc thực hành Bát Nhã của đại Bồ Tát là hơn hết, là thù thắng, là tôn quý, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là trên hết, là vô thượng, là không gì sánh bằng. Vì sao? Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát nào muốn trụ trên tất cả hữu tình thì nên trụ chỗ thực hành Bát Nhã. Vì sao? Kiều Thi Ca! Các vị đại Bồ Tát trụ chỗ này thì hơn hẳn địa vị Thanh văn, Độc giác, chứng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, có thể mau viên mãn tất cả pháp Phật, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nối nhau mau chứng Nhất thiết trí trí, được gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường làm lợi lạc tất cả hữu tình.

Bấy giờ trong chúng có vô lượng vô số trời Tam thập tam nghe lời Phật dạy sanh vui mừng cực độ. Mỗi vị cầm hoa thơm vi diệu ở cõi trời rải dâng lên Như Lai và các Tỳ kheo.

Lúc ấy 600 Tỳ kheo ở trong pháp hội, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, che kín vai trái, quỳ gối phải sát đất, khom người cung kính chấp tay hướng về phía Phật. Nhờ thần lực của Phật, trong lòng bàn tay của mỗi vị tự nhiên đầy dẫy hoa thơm vi diệu. Các vị Tỳ kheo rất đỗi vui mừng vì gặp việc chưa từng có. Họ liền đem hoa này rải lên dâng Phật và các Bồ Tát.

Sau khi đã rải hoa, họ đều phát nguyện: Chúng con xin nhờ sức thiện căn thù thắng này để được thường trụ vào việc thực hành Bát nhã Ba la mật là chỗ mà nhị thừa không thể trụ được và mau đạt được Vô Thượng Bồ đề vượt hẳn địa vị Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, biết ý hướng thượng muốn đạt đại Bồ đề quyết không thối chuyển của các Tỳ kheo, đức Thế Tôn liền mỉm cười. Như thường lệ của chư Phật, từ miệng Ngài phóng ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, bích, lục, vàng, bạc, pha lê chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Ánh sáng đó thu nhỏ lại, nhiễu quanh thân Phật ba vòng rồi chui vào đảnh Phật.

Sau khi thấy điềm lành này, Khánh Hỷ vui mừng cực độ rời khỏi chỗ ngồi đảnh lễ chân Phật và chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười, chư Phật mỉm cười chẳng phải là không có nguyên do, cúi xin Như Lai thương xót nói cho.

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Trong kiếp Tinh Dụ ở đời vị lai, các Tỳ kheo này sẽ được làm Phật, có cùng hiệu là Tán Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Họ có tuổi thọ, chỗ ở, quốc độ và các đệ tử Tỳ kheo tất cả đều giống nhau. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này từ lúc mới sanh đi xuất gia cho đến sau khi thành Phật dù ở chỗ nào, dù ngày hay đêm cũng thường được rưới hoa thơm vi diệu năm màu. Vì lý do này ta mỉm cười. Vì vậy, này Khánh Hỷ! Đại Bồ Tát nào muốn trụ nơi tối thắng thì phải thực hành Bát nhã Ba la mật.

Khánh Hỷ nên biết, thiện nam, thiện nữ nào siêng năng tu học Bát Nhã thì thiện nam, thiện nữ ấy vào đời trước hoặc **từ trong loài người qua đời mà sanh trở lại nơi đây**, hoặc từ cõi trời Đỗ xử đa qua đời, sanh vào loài người. Vào đời trước, hoặc ở trong loài người, hoặc ở trên trời, do đã từng nghe giảng rộng Bát nhã Ba la mật nên vào đời này người ấy có thể siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu. Khánh Hỷ nên biết! Như Lai thấy thiện nam, thiện nữ nào siêng năng tu học Bát Nhã không đoái hoài thân mạng, tài sản thì những vị ấy đúng là đại Bồ Tát.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam thiện nữ nào ưa thích lắng nghe lời dạy Bát Nhã như vậy, nghe xong thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, tư duy đúng lý, tuyên thuyết, khai thị, dạy bảo, truyền trao cho các thiện nam thiện nữ Bồ Tát thừa thì nên biết người ấy đã từng gần gũi chư Phật trong quá khứ. Người nào nghe nói Bát Nhã này, nghe xong thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, tư duy đúng lý thì người ấy cũng đã từng tuyên thuyết, khai thị, dạy bảo, truyền trao cho người khác.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam thiện nữ này đã từng trồng các căn lành ở vô số cõi Phật trong quá khứ, cho nên đời này họ có thể làm được việc này. Thiện nam thiện nữ này liền nghĩ: Trước đây Ta không theo Thanh văn, Độc giác chỉ nghe nói Bát Nhã này mà quyết chí theo Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác để nghe dạy Bát Nhã như vậy. Trước đây Ta không trồng căn lành đối với Thanh văn, Độc giác mà quyết chỉ trồng các căn lành đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nhờ nhân duyên đó, ngày nay Ta được nghe Bát Nhã này, ưa thích, thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, giảng rộng cho mọi người không có mệt mỏi nhàm chán. *(Q.458, ĐBN)*

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam thiện nữ nào ưa thích lắng nghe Bát Nhã, nghe xong thọ trì, đọc tụng thông suốt, siêng năng tu học, tư duy đúng lý, hoặc nghĩa, hoặc văn, hoặc pháp, hoặc ý, hoặc giới luật, họ đều có thể thông đạt thì thiện nam thiện nữ này hiện đang thấy tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam thiện nữ nào nghe dạy nghĩa lý sâu xa của Bát nhã Ba la mật liền sanh lòng tin hiểu trong sạch, không hủy báng, không bị ngăn trở phá hoại thì các thiện nam, thiện nữ này đã từng cúng dường vô lượng chư Phật phát nguyện rộng lớn, trồng các căn lành ở chỗ các đức Phật và cũng được vô lượng thiện tri thức chơn chánh hộ trì.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam thiện nữ nào có thể trồng các căn lành vào ruộng phước thù thắng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuy chắc chắn sẽ đạt được hoặc quả Thanh văn, hoặc quả Độc giác **nhưng muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì cần phải thông suốt nghĩa lý Bát Nhã**, tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; an trụ vào nội Không cho đến vô tính tự tính Không; an trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; an trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; nói rộng ra là tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cho được viên mãn.

Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào khéo thông suốt nghĩa lý Bát nhã Ba la mật, tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cho được viên mãn, như vậy cho đến tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cho được viên mãn. Đại Bồ Tát này chỉ trụ ở địa vị Thanh văn hoặc Độc giác mà không chứng đắc Vô thượng Bồ đề thì không có việc đó. Vì vậy, các đại Bồ Tát nào muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải khéo thông đạt nghĩa lý sâu xa của Bát nhã Ba la mật, tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật làm cho được viên mãn, như vậy cho đến tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng làm cho được viên mãn.

(Phó chúc)

Vì thế, này Khánh Hỷ! Ta đem Bát nhã Ba la mật giao phó cho ngươi, ngươi nên thọ trì, đọc tụng thông suốt, đừng để quên mất.

Khánh Hỷ nên biết! **Trừ Kinh điển Bát nhã Ba la mật này, nếu ai thọ trì các Kinh khác mà Ta đã giảng dạy, giả sử họ có quên mất thì tội ấy còn nhẹ, nhưng đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật này, nếu không thọ trì trọn vẹn cho đến quên mất một câu thì tội ấy rất nặng**.

Khánh Hỷ nên biết! Đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật, người nào có thể thọ trì cho đến một câu không để quên mất thì thu được vô lượng phước đức. Còn nếu đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật, người nào không thọ trì trọn vẹn cho đến quên mất một câu thì mắc tội rất nặng ngang với phước nói trước. Vì thế, này Khánh Hỷ, Ta đem Kinh điển Bát nhã Ba la mật, ân cần giao phó cho ngươi. Ngươi phải thọ trì, đọc tụng cho thông suốt, tư duy đúng lý và giảng rộng cho người khác nghe, phân biệt, khai thị giúp cho người nghe hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa của nó, để họ có thể diễn giải đúng lý cho người khác nghe. Khánh Hỷ nên biết! Đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật, thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, giảng rộng cho người khác nghe thì chính là thọ trì nắm giữ Vô thượng Bồ đề mà tất cả các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại, vị lai đã chứng đắc.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam, thiện nữ nào phát sanh tâm thanh tịnh, hiện đến chỗ Ta và muốn dâng đủ loại vòng hoa vi diệu, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lộng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng khen ngợi không hề nhàm chán, không hề mệt mỏi thì đối với Kinh điển Bát Nhã người ấy phải hết lòng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, giảng rộng cho người khác, hoặc lại biên chép, trang điểm bằng châu báu, thường dùng đủ loại vòng hoa vi diệu, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lộng báu, âm nhạc, đèn sáng để cúng dường, cung kính, tôn trọng khen ngợi không được biếng nhác.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Bát nhã Ba la mật thì chính là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Ta, cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang thuyết pháp ở 10 phương thế giới và cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi chư Phật ở quá khứ, vị lai.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát nhã Ba la mật như vậy, phát sanh lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng thì

chính là đem lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc.

Khánh Hỷ! Nếu ngươi cung kính, tôn trọng và tin tưởng ở Ta thì phải chí thành tha thiết cung kính, tôn trọng, tin tưởng Bát nhã Ba la mật cho đến một câu cũng đừng để quên mất.

Khánh Hỷ! Việc giao phó Bát nhã Ba la mật này cho ngươi, tuy có vô lượng lý do nhưng Ta chỉ nói tóm gọn. Như Ta đã là đại Sư của các ngươi thì phải biết Bát nhã Ba la mật cũng là đại Sư của các ngươi. Nếu các ngươi cùng trời, người cung kính, tôn trọng Ta thì cũng phải cung kính, tôn trọng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Vì vậy, này Khánh Hỷ! Ta dùng vô số phương tiện thiện xảo giao phó Kinh điển Bát Nhã cho ngươi, ngươi phải thọ trì đừng để quên mất. Nay ở trước trời, người, A tu la và vô số đại chúng, Ta đem Bát Nhã này giao phó cho ngươi.

Khánh Hỷ! Nay Ta nói thật với ngươi: Các hữu tình có lòng tin trong sạch muốn không xả bỏ Phật, không xả bỏ Pháp, không xả bỏ Tăng, lại muốn không xả bỏ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc thì không nên xả bỏ Bát Nhã. Đó chính là pháp mà chư Phật chúng ta dạy dỗ truyền trao cho các đệ tử.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam thiện nữ nào ưa thích lắng nghe Bát Nhã thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, đem vô lượng pháp môn giảng rộng cho người khác, phân biệt, khai thị, chỉ bày, an lập giúp họ hiểu rõ và siêng năng tu học thì thiện nam thiện nữ này mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và gần được viên mãn Nhất thiết trí trí. Vì sao? Khánh Hỷ! Vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng đắc đều dựa vào Bát Nhã này mà được thành tựu.

Khánh Hỷ nên biết! Chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều dựa vào Bát Nhã này để thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, này Khánh Hỷ! Đại Bồ Tát nào muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì cần phải siêng năng tu học Bát Nhã này. Vì sao? Vì Bát Nhã là mẹ của các đại Bồ Tát, đã sanh ra các vị đại Bồ Tát.

Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, này Khánh Hỷ! Ta đem 6 pháp Ba la mật giao phó cho ngươi, ngươi phải thọ trì cho đúng đừng để quên mất. Vì sao? Vì sáu pháp Ba la mật này là **kho pháp vô tận của các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tất cả Pháp Phật đều được sanh ra từ đó.**

Khánh Hỷ nên biết! Pháp yếu mà chư Phật hiện tại, quá khứ, vị lai đã nói đều lưu xuất từ kho pháp vô tận là 6 pháp Ba la mật này.

Khánh Hỷ nên biết! Chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai đều nương vào kho pháp vô tận là dựa vào sáu pháp Ba la mật để chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Khánh Hỷ nên biết! Chư Phật và chúng Thanh văn đời hiện tại, quá khứ, vị lai đều dựa vào kho pháp vô tận là 6 pháp Ba la mật siêng năng tu học mới nhập diệt cõi Vô dư y Niết bàn.

Lại nữa Khánh Hỷ! Giả sử các ngươi nói pháp Thanh văn cho các chúng sanh thuộc Thanh văn thừa và nhờ pháp này mà tất cả hữu tình ở Tam thiên đại thiên thế giới đều chứng quả A la hán, thì chưa phải là vì Ta mà làm những việc Phật tử cần làm. **Nếu các ông có thể giảng nói một câu pháp tương ưng với Ba la mật cho các chúng sanh thuộc Bồ Tát thừa nghe, thì mới chính là vì Ta mà làm công việc Phật tử cần làm** và Ta rất tùy hỷ đối với việc này, hơn là việc các ngươi giáo hóa tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới để cho họ đều đắc quả A la hán.

Lại nữa Khánh Hỷ! Giả sử tất cả hữu tình ở Tam thiên đại thiên thế giới nhờ người khác chỉ dạy, nên đồng thời đều được thân người và đều chứng đắc quả A la hán; Các A la hán này có bao phước nghiệp thí tánh, phước nghiệp giới tánh, phước nghiệp tu tánh thù thắng. Ý ngươi nghĩ sao? Các phước nghiệp kia có nhiều không?

Khánh Hỷ thưa:

- Rất nhiều Thế Tôn. Phước nghiệp ấy là vô lượng, vô số.

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Nếu có đệ tử Thanh văn nào có thể vì Bồ Tát giảng nói pháp tương ưng Bát Nhã trải qua một ngày đêm, thì thu được lượng phước đức nhiều hơn phước kia rất nhiều.

Khánh Hỷ nên biết! Không cần đến một ngày đêm chỉ cần một ngày, lại không cần đến một ngày, chỉ cần nửa ngày, không cần đến nửa ngày,

chỉ cần một giờ, không cần đến một giờ chỉ cần qua một bữa ăn, hoặc chỉ cần thoáng một bữa ăn, hoặc chỉ cần trong khoảnh khắc, hay trong nháy mắt, Thanh văn nào có thể giảng nói pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ Tát nghe chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì phước đức mà Thanh văn này thu được hơn hẳn công đức của tất cả Thanh văn, Độc giác.

Lại nữa Khánh Hỷ! Nếu đại Bồ Tát giảng nói pháp Thanh văn cho các chúng sanh thuộc Thanh văn thừa, giả sử nhờ pháp này tất cả hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới đều chứng đắc quả A la hán, đều đầy đủ các loại công đức thù thắng thì theo ý ngươi nhờ nhân duyên này đại Bồ Tát đó thu được nhiều phước đức không?

Khánh Hỷ thưa:

- Rất nhiều, thưa Thế Tôn, phước đức mà đại Bồ Tát này thu được là vô lượng vô biên.

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Đại Bồ Tát nào giảng nói **pháp tương ưng Bát Nhã** cho các thiện nam thiện nữ thuộc Thanh văn thừa, Độc giác thừa hoặc Vô thượng thừa suốt một ngày đêm thì thu được lượng phước đức hơn phước nói ở trước rất nhiều.

Khánh Hỷ nên biết! Không cần đến một ngày một đêm… chỉ cần trong nháy mắt, Đại Bồ Tát này có thể giảng nói pháp tương ưng Bát Nhã cho các thiện nam thiện nữ thuộc ba thừa thì thu được phước đức hơn phước đức trước vô lượng vô số. Vì sao? Vì pháp thí tương ưng Bát nhã Ba la mật hơn hẳn tất cả pháp thí tương ưng với Thanh văn, Độc giác và các công đức của nhị thừa. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này tự cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng đem pháp tương ưng với đại thừa để khai thị, dạy dỗ và khích lệ giúp các hữu tình không còn thối lui đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát này tự tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng dạy người khác tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; tự tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo, cũng dạy người khác tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; tự an trụ vào nội không cho đến vô tánh tự tánh không, cũng dạy người khác trụ vào nội không cho đến vô tánh tự tánh không; tự an trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, cũng dạy

người khác an trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; nói rộng ra, tự an trụ tất cả pháp Phật cũng dạy người khác an trụ tất cả pháp Phật.

Bấy giờ, bốn chúng vây quanh Như Lai, chứng kiến Thế Tôn khen ngợi Bát nhã Ba la mật và phó chúc cho Tôn giả Khánh Hỷ thọ trì Bát Nhã trước tất cả hội chúng lớn: Trời, rồng, dạ xoa, cho đến nhơn và phi nhơn… **Như Lai liền hiện thần thông khiến cho họ đều thấy ở cõi nước trang nghiêm của đức Như Lai Bất Động***(1),* có các Thanh văn, Bồ Tát vây quanh đang nghe Ngài giảng nói pháp vi diệu. Chúng Thanh văn Tăng ở cõi ấy đều là A la hán các lậu đã hết, không còn phiền não, được chơn tự tại, tâm khéo giải thoát, huệ khéo giải thoát, như tập ngựa khôn, cũng như rồng lớn, đã làm việc cần làm, đã hoàn tất việc đáng hoàn tất, bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, dứt sạch các kiết sử, chính trí giải thoát, tâm được tự tại, rốt ráo đệ nhất. Chúng Bồ Tát Tăng ở cõi ấy đều đạt được Đà la ni và có công đức trí huệ biện tài vô ngại giống như biển lớn. Sau đó, Thế Tôn liền thu thần lực lại làm cho cả hội chúng trời, rồng, dạ xoa cho đến nhơn và phi nhơn… không còn thấy Như Lai Bất Động, cùng Thanh văn, Bồ Tát và các đại chúng khác ở cõi Phật trang nghiêm kia. Vì chúng hội và cõi nước trang nghiêm của đức Phật ấy chẳng phải là đối tượng của nhãn căn ở cõi này. Vì sao? Vì Phật thu thần lực nên không còn duyên để thấy viễn cảnh ấy nữa.

Khi ấy, Phật bảo cụ thọ Khánh Hỷ:

- Ngươi có còn thấy cõi nước và chúng hội của Như Lai Bất Động nữa không?

Khánh Hỷ đáp:

- Con không còn thấy cảnh giới ấy nữa vì chẳng phải sở hành của nhãn căn đây*(2)*.

Phật bảo:

- Khánh Hỷ! Như Như Lai chúng hội cõi nước kia đều chẳng phải cảnh giới sở hành nhãn căn cõi này, **<u>phải biết các pháp cũng lại như thế, chẳng phải cảnh giới sở hành nhãn căn</u>. Pháp chẳng hành pháp, pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng biết pháp, pháp chẳng chứng pháp.**

Khánh Hỷ phải biết: Tất cả pháp tánh không kẻ năng chứng, không kẻ năng kiến, không kẻ năng tri, không động không tác. Vì sao? Vì tất cả pháp đều như hư không, không có tác dụng, vì năng lấy bị lấy tánh viễn ly vậy. Vì tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, vì năng sở

nghĩ bàn tánh xa lìa vậy. Vì tất cả pháp đều như huyễn như mộng..., nhiều duyên hòa hợp giả có. Vì tất cả pháp không kẻ tác thọ, vọng hiện như có, nhưng không bền chắc vậy*(3)*.

Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào có thể thực hành như vậy, có thể thấy như vậy, có thể biết như vậy, có thể chứng như vậy là thực hành Bát Nhã và cũng không chấp trước tướng các pháp.

Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào học như vậy là học Bát nhã Ba la mật. Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào muốn chứng đắc tất cả Ba la mật, muốn mau được viên mãn thì phải học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì trong các môn học, môn học này là hơn hết, là thù thắng, là tôn quí, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là tối thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng, làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình, làm nơi trông cậy cho tất cả hữu tình không nơi trông cậy, là nơi quay về nương tựa cho tất cả hữu tình không nơi quay về, là nơi hướng đến cho những người không chỗ hướng đến, là nhà cửa cho người không nhà cửa, là nơi cứu giúp cho những người không ai cứu giúp; chư Phật Thế Tôn khai mở, ca ngợi việc tu học Bát nhã Ba la mật.

Khánh Hỷ nên biết! Nếu các đại Bồ Tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác an trụ trong pháp này thì có thể dùng một ngón tay, hoặc ngón chân nhấc Tam thiên đại thiên thế giới đặt ở phương khác, hoặc đem về chỗ cũ mà các hữu tình ở trong đó chẳng hay chẳng biết, không tổn không sợ. Vì sao? **Vì oai lực công đức của Bát nhã Ba la mật không thể nghĩ bàn. Khánh Hỷ nên biết! Chư Phật và các chúng đại Bồ Tát trong quá khứ, hiện tại, vị lai nhờ học Bát Nhã nên đều đạt được sự hiểu biết vô ngại. Vì vậy, này Khánh Hỷ! <u>Trong các môn học, Ta nói môn học Bát Nhã thẳm sâu là hơn hết, là thù thắng, là tôn quí, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là tối thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.</u>**

Khánh Hỷ nên biết! Các hữu tình nào muốn nắm bắt hạn lượng bờ mé của Bát Nhã thẳm sâu thì cũng như người vô trí muốn nắm bắt hạn lượng bờ mé hư không. Vì sao? Vì công đức của Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là vô lượng, vô biên.

Khánh Hỷ nên biết! Ta quyết không diễn tả công đức thù thắng của Bát nhã Ba la mật bằng danh từ "hạn lượng, bờ mé". Vì sao? Vì tất cả danh từ, văn cú là pháp có hạn, còn công đức thù thắng của Bát nhã Ba la mật chẳng phải là pháp có hạn lượng, chẳng phải danh từ, văn cú có thể đo

lường công đức thù thắng của Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng phải công đức thù thắng của Bát nhã Ba la mật là thứ pháp có thể đo lường.

Khi ấy, Khánh Hỷ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bát Nhã thẳm là vô lượng?

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Vì tánh của Bát Nhã là vô tận nên Ta nói là vô lượng, vì tánh xa lìa nên Ta nói là vô lượng, vì tánh tịch tịnh nên Ta nói là vô lượng, vì như thật tế nên nói là **vô lượng**, vì như hư không nên nói là vô lượng.

Khánh Hỷ nên biết! Tất cả chư Phật Thế Tôn ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều học Bát nhã Ba la mật hoàn toàn viên mãn, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, giảng giải khai thị cho các hữu tình nhưng Bát Nhã này vẫn **vô cùng tận**. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba la mật cũng giống như hư không, là vô tận vậy.** Hữu tình nào muốn biết hạn lượng bờ mé Bát Nhã tức là muốn biết hạn lượng bờ mé của hư không. Khánh Hỷ nên biết! Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; nội không cho đến vô tính tự tính không chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận; **tất cả pháp Phật chẳng phải đã cùng tận, chẳng phải đang cùng tận, chẳng phải sẽ cùng tận. Vì sao? Các pháp như thế không sanh không diệt, cũng không trụ, không đổi không dời, làm sao thi thiết có trụ có tận**.

Bấy giờ, Thế Tôn hiện ra tướng lưỡi dài rộng che khắp khuôn mặt, sau đó thu hồi, rồi bảo Khánh Hỷ:

- Nếu người nào có tướng lưỡi như vậy thì có nói lời hư dối không?

Khánh Hỷ đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Từ nay trở đi ngươi hãy vì bốn chúng giảng rộng Bát Nhã này, phân biệt, khai thị, chỉ bày, an lập giúp họ dễ hiểu.

Khánh Hỷ nên biết! Trong Kinh Bát Nhã này rộng giảng tất cả Bồ đề phần pháp và các pháp tướng. Vì vậy, tất cả các chúng sanh cầu Thanh văn thừa, Độc giác thừa và cầu Vô thượng thừa đều dựa vào pháp môn Bát Nhã đã được dạy thường siêng tu học, chớ sanh nhàm chán, mệt mỏi. Ai

thường siêng tu học như vậy thì sẽ mau chứng đắc pháp mà mình mong cầu.

Lại nữa, này Khánh Hỷ! Bát Nhã có thể ngộ nhập vào tất cả pháp môn, có thể ngộ nhập vào tất cả văn tự, có thể ngộ nhập vào pháp môn Đà la ni. Các đại Bồ Tát đối với pháp môn Đà la ni phải siêng năng tinh tấn tu học. Nếu đại Bồ Tát thọ trì pháp môn Đà la ni như vậy thì mau chứng đắc tất cả biện tài, các hiểu biết vô ngại.

Khánh Hỷ nên biết! Kinh điển Bát nhã Ba la mật này chính là kho pháp vô tận của chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì vậy, Ta bảo ngươi một cách rõ ràng: Người nào thọ trì đọc tụng, hoàn toàn thông suốt Bát nhã Ba la mật này và tư duy đúng lý tức là thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của tất cả chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Khánh Hỷ! Ta nói Bát nhã Ba la mật là đôi chân kiên cố có khả năng đi đến đạo Bồ đề, cũng là đại Đà la ni của tất cả Phật pháp vô thượng. Nếu các ông có khả năng thọ trì các Đà la ni Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, tức là nắm giữ tất cả Phật pháp khiến không mất, cùng các hữu tình tận đời vị lai làm đại nhiêu ích cho tất cả chúng sanh.

Thích nghĩa:

(1). Như Lai Bất động hay còn gọi là Bất động Phật, Vô động Phật, Vô nộ Phật, Vô sân Phật, A súc Bất động Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai… Đây là cõi Tịnh độ Phương Đông.

*(2). Đọc Bát Nhã ai cũng biết ngài A Nan chưa chứng lậu tận A la hán khi Phật còn tại thế, nên chưa có huệ nhãn. Nên khi Phật thâu thần lực, và hỏi ngài A Nan còn thấy cảnh giới của Phật Bất Động hay không? Ngài A Nan bảo là "*Con không còn thấy cảnh giới ấy nữa vì chẳng phải sở hành của nhãn căn đây". *Vì sao? Vì nhục nhãn hay thiên nhãn <u>không những không thể thấy cảnh giới chư Phật mà cũng chẳng thể thấy thật tướng của tất cả pháp</u>. Vì vậy,* ***Đại Trí Độ Luận phẩm thứ 99, "Đàm Vô Kiệt", Tập 5, quyển 100".*** *Nói rằng:* "Thật ra thật tánh của các pháp vượt qua khỏi tâm lượng của chúng sanh, vượt qua ngoài danh tự ngữ ngôn". *Đó là lý do tại sao chúng sanh ngỡ ngàng khi Kinh bảo "Sắc tức Vô thượng Chánh*

đẳng Bồ đề, Vô thượng chánh dẳng Bồ đề tức là Sắc. Thọ tưởng hành thức v.v... cũng lại như thế!”

(3). Đây có thể xem như một định nghĩa chân xác và gãy gọn nhất về tất cả pháp tánh.

Sơ giải:

Phẩm “Thật Ngữ” của Hội thứ II này chia làm 2 phần: 1. Phần thứ nhất nói về Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật và 2. Phần thứ hai, Phật phó chúc cho Ngài A Nan trong việc thọ trì Kinh Bát nhã Ba la mật.

1. Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật:

Tất cả dẫn giải của phần đầu phẩm này nằm trong câu Kinh sau đây: “…quán tất cả pháp Phật còn bất khả đắc, huống chi người tu tất cả pháp Phật làm sao có thể nắm bắt được; quán pháp không sanh-không diệt còn bất khả đắc huống gì người có thể chứng pháp không sanh-không diệt làm sao có thể nắm bắt. Vì sao? **Vì đối với tất cả các pháp, cụ thọ Thiện Hiện trụ ở chỗ viễn ly, trụ ở chỗ vắng lặng, trụ ở chỗ vô sở hữu, trụ ở chỗ vô sở đắc, trụ ở chỗ rỗng không, trụ ở nơi vô tướng, trụ ở nơi vô nguyện**”.

Những ai chưa vào được Bát nhã Ba la mật thì thường bị trần cảnh lôi cuốn, nên hợp trần bội giác. Người vào được Bát nhã Ba la mật thật tướng rồi quán biết nhân không pháp không, biết các pháp chỉ là duyên hợp, không thật có, tự tánh không, các pháp không sanh-không diệt, vô sở hữu, không thể nắm bắt cất giữ nữa tức viễn ly, xa lìa trần cấu... nên nói bội trần hợp giác thì tâm được an nhiên tịch lặng mà Kinh thường diễn tả là an trụ chỗ vắng lặng nhiệm mầu gọi là cửa giải thoát “không, vô tướng, vô tác” hay nói khác là Niết bàn.

Vì vậy, tu là phải thọ trì và an trụ trong Bát nhã Ba la mật, được coi là chỗ trụ, chỗ thực hành thẳm sâu của đại Bồ Tát, cũng là chỗ thù thắng tôn quý, cao cả, diệu, vi diệu, là trên hết, là vô thượng, không gì sánh bằng, nên nói là Niết bàn.

Đại Bồ Tát nào muốn vượt trên tất cả hữu tình thì nên trụ chỗ thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Vì sao? Các vị đại Bồ Tát trụ chỗ này

thì hơn hẳn các bậc Thanh văn, Độc giác, chứng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, có thể mau viên mãn tất cả pháp Phật, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nối nhau, mau chứng Nhất thiết trí trí, được gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường làm lợi lạc tất cả hữu tình.

Nên Kinh MHBNBLMĐ mới nói: **"Tận đoạn hết thảy phiền não và tập khí là căn bản của việc hành không"**. *Đó là lý do tại sao cứ thuyết một vài phẩm Kinh ĐBN, Phật lại khuyến khích chúng sinh nên đọc tụng thọ trì, vì người diễn nói Tánh không Bát Nhã này.*

2. Phó chúc:

Phẩm này tương đương với phẩm "Chúc Lụy", phần sau Q.346 cho đến đầu Q.347, Hội thứ I, ĐBN. Đức Thích Ca Mâu Ni đem Bát nhã Ba la mật trao cho Thị giả của Ngài là Ông A Nan với lời phó chúc thống thiết như sau:

"Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thì chính là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Ta, cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp ở 10 phương thế giới và cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi chư Phật ở quá khứ, vị lai.

Khánh Hỷ nên biết! Thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như vậy, phát sanh lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng thì chính là đem lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc.

Khánh Hỷ! Nếu ngươi cung kính, tôn trọng và tin tưởng ở Ta thì phải chí thành tha thiết cung kính, tôn trọng, tin tưởng Bát nhã Ba la mật cho đến một câu cũng đừng để quên mất.

Khánh Hỷ! Việc giao phó Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này cho ngươi, tuy có vô lượng lý do nhưng Ta chỉ nói tóm gọn. Như Ta đã là Đại sư của các ngươi thì phải biết Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cũng là Đại sư của các ngươi. Nếu các ngươi cùng trời, người cung kính, tôn trọng Ta thì cũng phải cung kính, tôn trọng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Vì vậy, này Khánh Hỷ! Ta dùng vô số phương tiện thiện xảo giao phó Kinh điển Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cho ngươi, ngươi phải thọ trì đừng để quên mất. Nay ở trước trời, người, A tu la và vô số đại chúng, Ta đem Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này giao phó cho ngươi.

Khánh Hỷ! Nay Ta nói thật với ngươi: Các hữu tình có lòng tin trong sạch muốn không xả bỏ Phật, không xả bỏ Pháp, không xả bỏ Tăng, lại muốn không xả bỏ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc thì không nên xả bỏ Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Đó chính là pháp mà chư Phật chúng ta dạy dỗ truyền trao cho các đệ tử".

Đây là lời phó chúc nồng nàn nhất của Thế Tôn đối với Bát nhã Ba la mật. Vì sao?

"Vì trong các môn học, môn học này là hơn hết, là thù thắng, là tôn quí, là cao cả, là diệu, là vi diệu, là tối thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng, làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình, làm nơi trông cậy cho tất cả hữu tình không nơi trông cậy, là nơi quay về nương tựa cho tất cả hữu tình không nơi quay về, là nơi hướng đến cho những người không chỗ hướng đến, là nhà cửa cho người không nhà cửa, là nơi cứu giúp cho những người không ai cứu giúp; chư Phật Thế Tôn khai mở, ca ngợi việc tu học Bát nhã Ba la mật".

Cứ y như vậy chấp hành thì sẽ có vô vàn công đức. Đó là thật ngữ của Phật, không còn nghi ngờ gì nữa. Do đó, không những tự mình tụng đọc thọ trì mà còn truyền bá rộng rãi Kinh này. Hơn nữa, lại dùng đủ loại hương hoa, cây trái, đèn sáng... mà vì cúng dường./.

---o0o---

65. PHẨM "VÔ TẬN"

Cuối Q.458, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm cùng tên là "Vô Tận", cuối Q.347 đến hết Q.348, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện nghĩ như vầy: "Bát nhã Ba la mật này rất là thẳm sâu. Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng rất thẳm sâu, ta sẽ hỏi Phật về hai nghĩa thẳm sâu này".

Sau khi suy nghĩ xong, Thiện Hiện liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu chính là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Phật. Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Phật chính là Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.** Như vậy, Bát nhã Ba la mật và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Phật đều rất thẳm sâu vô cùng tận. Bạch Thế Tôn! Vì sao nói hai pháp này là vô tận?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bát nhã Ba la mật thẳm sâu và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như hư không vô cùng tận, cho nên nói là vô tận.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát làm sao lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát*(1)*?

Phật dạy:

- Các đại Bồ Tát quán **sắc là vô tận** nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán thọ, tưởng, hành, thức là vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán 12 xứ cho đến 18 giới đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán nhãn xúc cho đến ý xúc đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán địa giới cho đến thức giới đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán vô minh cho đến lão tử đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đều vô tận nên Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán nội không cho đến vô tính tự tính không đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; quán chơn

như cho đến cảnh giới bất tư nghì đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán tất cả pháp Phật đều vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **quán sắc vô tận như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát**; quán thọ, tưởng, hành, thức vô tận như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; như vậy cho đến quán Nhất thiết trí trí vô tận như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát.

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **quán vô minh duyên hành vô tận như hư không** nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát, **quán hành duyên thức vô tận như hư không** nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán thức duyên danh sắc vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán danh sắc duyên lục xứ vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán lục xứ duyên xúc vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán xúc duyên thọ vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán thọ duyên ái vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán ái duyên thủ vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán thủ duyên hữu vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán hữu duyên sanh vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát; **quán sanh duyên lão tử, lo buồn, thở than, khổ não đều vô tận** như hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nào **quán sát 12 duyên khởi** như vậy, nếu lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát, thì xa lìa được hai bên *(nhị biên),* các đại Bồ Tát khác sẽ không thể có được các diệu quán như thế.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ngồi tòa kim cương dưới cội Bồ đề quán sát như thật về 12 duyên khởi, ví như hư không vô tận, liền có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào dùng hạnh vô tận như hư không nương Bát nhã Ba la mật để dẫn phát, quán sát như thật về 12 duyên khởi thì không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác và mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Thiện Hiện! Hữu tình nào trụ Bồ Tát thừa, nếu đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thối chuyển đều là do chẳng lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát. Do người ấy chẳng hiểu vì sao đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật

năng đem hành trụ vô tận như hư không, nương Bát nhã Ba la mật để dẫn phát như thật quán sát 12 duyên khởi.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ Bồ Tát thừa, nếu đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà **có thối chuyển đều là do xa lìa phương tiện khéo léo**, không lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát. Nếu đại Bồ Tát năng đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề được bất thối chuyển, là do lấy phương tiện khéo léo này. Đại Bồ Tát nhờ nương phương tiện khéo léo như thế tu hành Bát Nhã, đem hành trụ vô tận như hư không lấy Bát Nhã để dẫn phát, như thật quán sát 12 duyên khởi, đại Bồ Tát này do nhân duyên đây mau được viên mãn Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Lúc quán sát các pháp duyên khởi như vậy, các đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp nào không do nhân mà sanh, chẳng thấy có pháp nào không do nhân mà diệt, chẳng thấy có pháp nào có tánh tướng thường còn không sanh, không diệt, chẳng thấy có pháp nào có ngã và hữu tình nói rộng cho đến người biết người thấy, chẳng thấy có pháp nào thường hoặc vô thường, vui hoặc khổ, có ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, vắng lặng hoặc không vắng lặng, xa lìa hoặc không xa lìa.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên quán sát pháp duyên khởi như vậy để tu hành Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào quán sát như thật pháp duyên khởi để tu hành Bát Nhã thì đại Bồ Tát đó sẽ không thấy sắc là thường-hoặc vô thường, vui-hoặc khổ, ngã-hoặc vô ngã, tịnh-hoặc bất tịnh, vắng lặng-hoặc không vắng lặng, xa lìa-hoặc không xa lìa. Cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức, là thường-hoặc vô thường, vui-hoặc khổ, ngã-hoặc vô ngã, tịnh-hoặc bất tịnh, cho đến xa lìa-hoặc không xa lìa. Như vậy, cho đến cũng không thấy Nhất thiết trí trí là thường-hoặc vô thường, vui-hoặc khổ, ngã-hoặc vô ngã, tịnh-hoặc bất tịnh, vắng lặng-hoặc không vắng lặng, xa lìa-hoặc không xa lìa.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thế, khi ấy đại Bồ Tát **tuy hành Bát Nhã mà chẳng thấy có sở hành**, cũng chẳng thấy có năng hành, cũng chẳng thấy có "cái thấy" như thế. Tuy hành tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật mà chẳng thấy có năng, chẳng thấy có sở hành tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật, Cũng chẳng thấy có "cái thấy" như thế.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **lấy vô sở đắc làm phương tiện** để thực hành Bát Nhã. Đại Bồ Tát nào lấy vô sở đắc làm phương tiện để tu hành Bát Nhã thì ác ma*(2)* rất buồn rầu, phiền não, oán hận, đau khổ như bị tên bắn vào tim. Giống như có người cha mẹ mới chết thì thân tâm đau đớn, ác ma cũng vậy.

Lúc đó Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có một ác ma thấy các đại Bồ Tát lấy vô sở đắc làm phương tiện để tu hành Bát Nhã nên rất buồn rầu, phiền não, oán hận, đau khổ như bị tên bắn vào tim hay là thấy tất cả ác ma ở khắp Tam thiên đại thiên thế giới cũng đều như vậy?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Tất cả ác ma khắp Tam thiên đại thiên thế giới đều như vậy, đều không thể ngồi yên ổn trên tòa của mình.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường an trụ vào việc thực hành Bát Nhã thẳm sâu. Đại Bồ Tát nào có thể an trụ như vậy thì thế gian, trời, người, A tu la không thể tìm được chỗ yếu của họ, cũng không thể làm não loạn chướng ngại họ. Vì vậy, này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào muốn đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải siêng năng an trụ việc thực hành Bát Nhã thẳm sâu.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể an trụ việc thực hành Bát Nhã thẳm sâu vi diệu thì có thể tu viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát nào có thể tu hành chân chánh Bát Nhã thẳm sâu liền có thể tu đầy đủ viên mãn tất cả Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát có thể **tu hành chân chánh Bát Nhã** liền có thể tu tập viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào tu hành đúng đắn Bát Nhã, dùng tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí mà **thực hành bố thí**, **lại đem công đức bố thí này ban cho các hữu tình, rồi hồi hướng Nhất thiết trí trí thì đó là đại Bồ Tát có thể tu hành chân chánh Bát Nhã**, tu hành viên mãn bố thí Ba la mật.

Đại Bồ Tát nào tu hành đúng đắn Bát nhã Ba la mật, dùng tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí để thực hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, lại đem công đức của việc giữ gìn tịnh giới, an nhẫn,

tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật ban cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí thì đó là đại Bồ Tát có thể tu hành Bát Nhã, tu hành viên mãn tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Như vậy, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể tu hành chân chánh Bát Nhã thẳm sâu liền có thể tu viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật.

Thích nghĩa:

(1). Dẫn phát: Dẫn đến, đưa đến, đem lại.

(2). Ác ma (惡魔)*, Phạm: Màra. Dịch âm là Ma la. Chỉ loại ác thần, ác quỉ hay phá hoại tâm chí cầu đạo, ngăn trở việc thiện và phá hoại thân mệnh của mình và người. Tức cũng gọi chung những người ác, việc ác, thần ác quấy phá người tu hành. Các Kinh điển Nam, Bắc truyền, nhất là Kinh A Hàm, miêu tả rất tường tận và sinh động các việc ác ma quấy nhiễu thân tâm của đức Phật và các đệ tử. Như Kinh Tạp A Hàm quyển 39, đức Phật dùng kệ tụng thuyết minh cảnh giới ma (Đại 2, 290 thượng): Sắc, thụ, tưởng, hành, thức, phi ngã và ngã sở; nếu biết nghĩa chân thực, không đắm những thứ đó. Tâm không đắm trước pháp, vượt thoát sắc trói buộc, biết rõ tất cả chốn, không trú cảnh giới ma. Ác ma tương ứng (Pāli: Màrasaôyutta) trong Kinh Tương Ưng Bộ Nam truyền, cũng có ghi chép tương tự, và căn cứ theo các điều được trình bày trong đó, cũng có thể khảo sát tính cách của ác ma. Có lần, Ngài La Đà hỏi đức Phật: Thế nào là ác ma?. Đức Phật trả lời: Sắc (có hình) là ma, thụ (cảm giác) là ma, tưởng (biểu tượng) là ma, hành (sức cấu tưởng của ý chí) là ma, thức (tác dụng phán đoán) là ma.* ***Mà phàm những cái tưởng tượng, thấy, nghe v.v... đều là nguồn gốc của sự chấp trước, cho nên đều có thể được coi là ma****. Đức Phật thành đạo chưa được bao lâu, đang ngồi yên lặng tư duy dưới gốc cây Bồ đề, lúc ấy ác ma Ba tuần liền đến trước mặt quấy nhiễu, nó nói với đức Phật (Đại 2, 286 hạ): Cù Đàm nếu tự biết, đạo Niết Bàn an ẩn, vui một mình là tốt, tại sao cưỡng hóa người? Bài kệ tụng này, trong Ác ma tương ưng của Tương Ưng Bộ là: Người đã liễu ngộ đạo bất tử yên ổn, một mình ngươi thực hành là được rồi, tại sao còn giáo hóa cho người khác, độ cho người khác? Ác ma tương ứng còn chép, một ngày nọ, đức Phật vào làng khất thực không được, mang bát trở về, Ác ma thấy thế bèn nói: Lần sau nếu đi xin, Đại sư chắc chắn sẽ có ăn. Đức Phật ngâm thơ,*

đáp: Tuy không có ăn, nhưng ta vẫn vui, như trời Quang Âm, nhờ vui mà sống. Có người bảo đây là đức Phật đối với thực dục, biểu hiện hai mặt tâm cảnh. Bài kệ trên đây, Kinh Tạp A Hàm quyển 3 (Đại 2, 288 thượng) chép là: Dù cho chẳng được gì, ta yên vui mà sống, như trời Quang Âm kia, thường ăn bằng thú vui. Dù cho chẳng được gì, yên vui mà tự sống; thường ăn bằng niềm vui, không tùy thuộc cái thân. Ác Ma Tương Ưng lại chép, có lần ác ma nói: Người có con nhờ con mà mừng, người có bò nhờ bò mà mừng, nhân người ta có cái nhờ cậy mới được vui mừng, nếu không có cái nhờ cậy, thì làm sao được vui mừng? Đức Phật nghe vậy liền nói: Có con vì con mà lo, có bò vì bò mà lo; vì người ta có cái nhờ cậy nên lo, nếu không có cái nhờ cậy thì không lo. Hai quan điểm đối với thân tình và của cải có cái nhờ cậy thì mừng, có cái nhờ cậy thì lo hoàn toàn trái ngược nhau kể ở trên, bao nhiêu học giả giải thích là trong tâm đức Phật đã nảy sinh hai lớp tâm cảnh. Ngoài Kinh điển A Hàm ra, trong các Kinh luận khác như Kinh Phổ Diệu quyển 6 phẩm Hàng Ma, Kinh Phật Bản Hạnh Tập quyển 25, Kinh Đại Phẩm Bát Nhã quyển 13 phẩm Ma Sự, Kinh Đại Phật Đính Thủ Lăng Nghiêm quyển 6, Kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm quyển 7 phẩm Vãng Ni Liên Hà, quyển 9 phẩm Hàng Ma; luận Đại Tì Bà Sa quyển 44, và quyển 197, luận Đại Trí Độ quyển 56, và quyển 58 v.v... đều có chép nhiều về sự tích danh tướng và lời nói của ác ma (hoặc ma Ba Tuần) nhiễu hại đức Phật hoặc những người tu hành, và phá hoại các thiện pháp. (xt. Ba Tuần, Ma).

Sơ giải:

Mở đầu phẩm này, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu chính là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Phật. Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Phật chính là Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.** Như vậy, Bát nhã Ba la mật và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của Phật đều rất thẳm sâu vô cùng tận. Bạch Thế Tôn! Vì sao nói hai pháp này là vô tận?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bát nhã Ba la mật thẳm sâu và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như hư không vô cùng tận, cho nên nói là vô tận".

Vì tính cách bất tận đó nên Bát nhã Ba la mật mới có thể bao bọc che chở cho vô lượng phiền não của tất cả chúng sanh. Nghĩ như vậy, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Làm thế nào đại Bồ Tát dùng Bát nhã Ba la mật để dẫn dắt chúng sanh?

Phật bảo: Các đại Bồ Tát phải quán sắc là vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn dắt; quán thọ, tưởng, hành, thức là vô tận nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn dắt; không những thế đại Bồ Tát phải quán tất cả pháp Phật như không gian vô tận nên lấy Ba nhã Ba la mật dẫn dắt chúng sanh.

Lại nữa, các đại Bồ Tát phải quán 12 duyên khởi từ ***vô minh*** *duyên hành, từ hành duyên thức, từ thức duyên danh sắc, từ danh sắc… duyên lão tử cho đến lo buồn, than thở, khổ não đều vô tận như hư hư không nên lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn phát.*

Để giải thích điểm này, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 67, "Bất Khả Tận", Tập 4, quyển 80,*** *bình giảng như sau:*

"...Vì các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh là chẳng có định tướng; mà pháp chẳng có định tướng tức là pháp rốt ráo không, là tịch diệt tướng, là lìa cả hai bên, nên mới giả danh nói đến "trung đạo". Nếu **dùng pháp hư không bất khả tận, tức là dùng vô pháp, để quán 12 nhân duyên**, thì cũng biết rõ "si tánh" cũng do nhân duyên sanh, nên cũng chẳng có tự tướng, thì cũng là rốt ráo không, như hư không vậy.

Lại nữa, các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên là chẳng thật có. Như trong kinh nói "Do mắt thấy trần mà khởi sanh niệm về xúc". Thế nhưng "xúc niệm" ấy là do "si tâm" sanh ra, chẳng phải ở nơi sắc trần, chẳng phải ở nơi nội tâm, chẳng phải ở nơi ngoại cảnh, cũng chẳng phải ở chặng giữa, nên là bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp đều là "như tâm". Người có trí huệ biết rõ phàm phu, do bị vô minh che tâm trí, mà chấp có "si tánh"; biết rõ thật tướng của si mê, chính là thật tướng của trí huệ. Phàm phu, do chấp tướng, mà thành si mê, mà chẳng biết rằng "si mê" và "trí huệ", ở nơi thật tướng, vốn thanh tịnh, là như hư không. Bởi vậy, nên nói, "Người quán được như vậy mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, đó là người hành Bát nhã Ba la mật".

"Si mê" theo tri thức thường nghiệm là phải có đối tượng tức phải duyên cảnh. Nhưng Luận lại nói theo đệ nhất nghĩa đế: "biết rõ thật tướng của si mê, chính là thật tướng của trí huệ. Phàm phu, do chấp tướng, mà

thành si mê, mà chẳng biết rằng "si mê" và "trí huệ", ở nơi thật tướng, vốn thanh tịnh, là như hư không". *Đó là chỗ khó giác. Nên LUẬN đặt câu hỏi:*

Hỏi: *Nếu nói chẳng có vô minh (kinh bảo vô minh không), chẳng có hành… thì như vậy vì sao lại nói đến 12 nhân duyên?*

Đáp: Ở đây, phải xét "12 nhân duyên" theo 3 trường hợp khác nhau. Đó là:

1. Phàm phu dùng nhục nhãn chỉ thấy một cách **điên đảo**. Do tâm chấp ngã, chấp pháp, mà phải qua lại trong 6 đường sanh tử.

2. Chư Thánh Hiền *(tức nói về quan niệm của Nhị thừa: Thanh văn và Duyên giác)* dùng pháp nhãn phân biệt các pháp, nên nhàm chán sanh tử, muốn ra khỏi thế gian, vì biết rõ nhân duyên phiền não kết thành nghiệp mà có "sanh"; trái lại, nếu chẳng có phiền não thì cũng chẳng có "sanh"*(Nhị thừa nói về nghiệp, Bồ Tát thừa không nói đến phước-nghiệp)*. Lại nữa, do biết rõ nhân duyên sanh ra phiền não là vô minh, nên phải xả; biết rõ nhân duyên tu trì giới, thiền định, trí huệ là gốc của thiện căn dẫn đến Niết Bàn, nên phải thủ. Lại nữa, do biết rõ các pháp chẳng có định tướng, theo nhân duyên mà hư vọng tương tục sanh, nên xả các chấp về tri giả, kiến giả. Người tu hành biết rõ các pháp đều là hư giả, chẳng thật có, nên chẳng khởi sanh hý luận. Do vậy mà diệt được các khổ.

3. Chư vị đại Bồ Tát *(tức nói về quan niệm của Bồ Tát thừa)* là những bậc lợi căn, thượng trí, quán rõ căn bản của 12 nhân duyên, nên chẳng lo, chẳng sợ; biết rõ các pháp chẳng có định tướng, **đều là rốt ráo không**, chỉ giả danh có; biết rõ do khởi tâm phân biệt mới có các pháp tướng, mà các pháp tướng đều là bất khả đắc cả. Ví như nói đầu tóc bạc là tướng già, nhưng tướng đầu tóc bạc và tướng già đều là bất khả đắc cả, nên là chẳng có tướng già vậy. Người thế gian thường nói người già có đầu bạc, răng long, mặt nhăn, cơ thể suy nhược, các căn ám độn v.v…, nhưng thật ra tướng già chẳng phải hoàn toàn là như vậy. Vì sao? Vì đầu bạc chẳng phải chỉ người già mới có, mà rất nhiều người trẻ cũng có; lại có người già mà còn sáng suốt, lanh lợi, trong lúc đó có rất nhiều người trẻ ám độn, si mê; lại có người già mà vẫn còn mạnh mẽ, tráng kiện, trong lúc đó có rất nhiều người trẻ suy nhược, gầy yếu. Như vậy là "già" và "trẻ" đều chẳng có định tướng, chỉ do các nhân duyên hòa hợp, mà giả danh có tướng già hay tướng trẻ đó thôi.

Lại có thuyết nói, “Tướng hoại của 5 ấm là tướng già”. Cũng chẳng phải là như vậy. Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều niệm sanh diệt, chẳng có trú, nên là vô tướng; nếu các pháp chẳng có tướng, thì chẳng có tướng già vậy. Còn nếu nói các pháp hữu vi có trú, thì chẳng phải là vô thường, nếu chẳng phải vô thường thì tức là thường; nếu là thường thì chẳng có phân biệt già với trẻ; nếu các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, thì là rốt ráo không, mà trong rốt ráo không, thì chẳng có tướng sanh, huống nữa là tướng già, nên là chẳng có già hay trẻ vậy.

Như vậy là Bồ Tát biết rõ hết thảy các nhân duyên cầu pháp đều là bất khả đắc; vì là bất khả đắc, nên là vô tướng, là như hư không; vì là bất khả đắc, nên là bất khả tận. Tất cả 12 nhân duyên, từ vô minh… dẫn đến lão tử đều là như vậy cả.

Bởi vậy nên muốn phá vô minh, Bồ Tát quán các pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, là bất khả đắc, mà cũng chẳng sanh tâm chấp các pháp là như vậy, nên ở nơi hết thảy chúng sanh thường trải rộng tâm đại bi, chẳng rời bỏ chúng sanh vậy”.

Đoạn luận này rất thậm thâm, nên các đạo hữu phải nắm lấy ba quan niệm: 1. Của chúng sanh, 2. Của Nhị thừa và 3. Của Bồ Tát thừa thì mới có thể hiểu lối giải thích tại sao 12 nhân duyên là bất khả đắc, là bất khả khả tận để “giải thích cái vô tận của Bát nhã Ba la mật như hư không”.

***Phẩm trên của Đại Trí Độ Luận** giải thích tiếp:*

Những lời giải bày trên đây cho thấy rõ phàm phu, Nhị Thừa và Bồ Tát có cách nhìn hoàn toàn khác nhau về 12 nhân duyên:

- Phàm phu, do ngu si, nên ở các pháp hư vọng mà khởi các chấp điên đảo, khiến phải thọ bao nhiêu khổ não, chẳng sao thoát ra khỏi chu trình khép kín *(vòng luân hồi không kẽ hở)* của 12 nhân duyên được.
- Hàng Nhị Thừa, do chưa được vào vô sanh pháp nhẫn, nên ở nơi 12 nhân duyên, chẳng rốt ráo cầu CÓ, hay cầu KHÔNG.
- Bồ Tát, từ khi vào được vô sanh pháp nhẫn… dẫn đến khi tọa đạo tràng, thường dùng pháp hư không bất khả tận để quán 12 nhân duyên, từ vô minh… dẫn đến lão tử, đều bất khả đắc, đều là như hư không bất khả tận. Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, thâm quán 12 nhân duyên như vậy, nên ly được cả 2 biên điên đảo, ly CÓ và cũng ly KHÔNG, ly thường và cũng ly đoạn”.

--o0o--

Ở nơi đây, cũng nên biết có 2 loại phiền não:

- Hàng ngoại đạo, do tà kiến chấp, mà sanh phiền não.

- Chúng sanh, do si mê điên đảo, mà sanh phiền não. Khi Bồ Tát, tọa đạo tràng, dùng pháp hư không bất khả tận, quán 12 nhân duyên như đã nói trên đây, thì cả hai loại phiền não đều diệt sạch. Bởi vậy, nên nói pháp quán 12 nhân duyên như vậy là thâm pháp. Trong kinh Thí Dụ, Phật dạy rằng, "Khi chưa được đạo, ta tư duy về trường hợp đáng thương xót của chúng sanh cứ mãi qua lại trong các đường sanh tử, mà chẳng sao tìm được lối thoát". Tức thời, ta tự nghĩ, "Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết? Từ đó, ta tầm cầu được thật trí huệ bằng 3 pháp quán, đó là quán không, quán giả, và quán trung đạo. Đến khi tọa đạo tràng, ta mới đầy đủ 3 pháp quán đó".

Phật quán các pháp nhân duyên như vậy, nên vượt trên hàng Nhị Thừa, thẳng đến Nhất thiết chủng trí. Nếu người cầu Phật đạo, mà chẳng tu được pháp quán thậm thâm này, thì sẽ bị thối tâm; trái lại, nếu tu được pháp quán này, thì sẽ chẳng bị thối tâm.

Vì sao? Vì khi đã thâm nhập được vào nơi rốt ráo không, mà chẳng trú trong không, để quán các nhân duyên sanh pháp, thì chẳng thấy pháp nào mà chẳng do nhân duyên hòa hợp sanh ra cả. Nhưng nếu biết rõ các pháp đều chẳng tự tại, đều do nhân duyên sanh, mà tà chấp về nhân duyên, **chẳng thấy được rằng nhân duyên sanh cũng là "vô nhân duyên sanh"**, là như hư không bất khả tận, thì như vậy cũng chẳng thấy rõ được thật tướng các pháp vậy.

Bồ Tát quán biết các pháp đều do nhân duyên sanh là chẳng tự tại, mà chẳng chấp về nhân duyên sanh pháp, nên biết rõ các pháp đều chẳng có ngã… dẫn đến chẳng có tri giả, kiến giả.

Bồ Tát quán 12 nhân duyên như vậy, nên an trú trong rốt ráo không; ở trong 12 nhân duyên, Bồ Tát chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có dụng hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có hành Bát nhã Ba la mật mà được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là Bồ Tát dụng vô sở đắc hành Bát nhã Ba la mật, được vô sở đắc Bát nhã Ba la mật, nên ở nơi hết thảy pháp đều được vô quái ngại".

Phần sau đặt câu hỏi thế nào "hành Bát nhã Ba la mật như vậy mà được đầy đủ các Ba la mật khác?" ***Đại Trí Độ Luận*** *giải thích tiếp:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Vì sao hành Bát nhã Ba la mật như vậy mà được đầy đủ các Ba la mật khác?

Phật dạy: Khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nếu có được bao nhiêu công đức, Bồ Tát đều hồi hướng Nhất thiết chủng trí. Như vậy là hành Bát nhã Ba la mật được đầy đủ các Ba la mật khác.

Ví như người lợi căn khi hành bố thí, dù nhiều hay ít, đều đem công đức bố thí hồi hướng Nhất thiết chủng trí, nhằm phá các hý luận điên đảo. Khi đã được đầy đủ tín lực nơi pháp "không" rồi, thì chẳng còn niệm Nhất thiết chủng trí nữa, mà chỉ trực nhập vào thật tướng pháp.

Nên biết có 2 hạng người chẳng được đầy đủ Đàn Ba la mật. Đó là:

- Người có tín lực nhiều mà huệ lực ít.
- Người có huệ lực nhiều mà tín lực ít.

Bởi vậy, nên Phật dạy: **Phải có tín lực và huệ lực bình đẳng**, mới có thể hồi hướng Nhất thiết chủng trí được.

Niệm Nhất thiết chủng trí là phương tiện dẫn sanh **tín lực**. Y theo Nhất thiết chủng trí mà hồi hướng là phương tiện dẫn sanh **huệ lực**. Đối với Bát nhã Ba la mật cũng là như vậy".

Phẩm tựa có vẽ đơn giản, nhưng giáo lý hết sức sâu kín. Chúng tôi gần như trích dẫn toàn thể phẩm ***thứ 67, "Bất Khả Tận", Tập 4, quyển 80, của Đại Trí Độ Luận*** *để các đạo hữu cùng với chúng tôi học hỏi thêm. Chúng ta biết thuyết 12 duyên khởi là <u>cộng pháp của ba thừa</u>. Vậy, cố gắng trì tụng nhiều lần mới có thể thâm nhập được./.*

---o0o---

66. PHẨM "TƯƠNG NHIẾP"*(1)*

Trọn quyển 459, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Dẫn Nhiếp Nhau", Q.349 đến hết Q.350, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

1. Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ bố thí Ba la mật nhiếp lấy cả tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật?**

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào dùng tâm không tham đắm, không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này ban cho các hữu tình, cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí, để họ trụ ở thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp từ bi, lìa bỏ các tội ác, thì này Thiện Hiện, đó là đại **Bồ Tát an trụ vào pháp bố thí Ba la mật nhiếp lấy tịnh giới Ba la mật.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào dùng tâm không tham đắm không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này ban cho các hữu tình, và cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí. Nếu bị người thọ nhận sự bố thí đó và các hữu tình gian ác khác chửi mắng, lăng nhục, làm hại một cách phi lý, Bồ Tát này không chuyển tâm, không giận hờn, không dùng thân ngữ để báo thù mà lại đem tâm từ bi thương xót và dùng lời thân ái từ tốn để họ tự hổ thẹn, nhận lỗi, thì này Thiện Hiện, đó là đại **Bồ Tát an trụ pháp bố thí Ba la mật nhiếp lấy an nhẫn Ba la mật.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào dùng tâm không tham đắm, không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này ban cho các hữu tình, rồi cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí; giả sử bị người nhận sự bố thí đó và các hữu tình gian ác khác mắng nhiếc, lăng nhục, làm hại một cách phi lý, Bồ Tát này liền nghĩ: Các hữu tình gây ra các loại nghiệp như vậy thì sẽ nhận lấy quả báo như vậy, ta không nên chấp vào việc làm của họ mà phế bỏ việc tu tập của mình. Vị ấy lại nghĩ tiếp, đối với họ và các hữu tình khác, tâm ta hỷ xả và càng tăng trưởng tâm bố thí, không hối tiếc. Sau khi suy nghĩ, vị ấy thân tâm dõng mãnh tinh tấn và làm việc bố thí nhiều

hơn trước nữa. Thiện Hiện đó là **đại Bồ Tát an trụ vào bố thí Ba la mật nhiếp lấy tinh tấn Ba la mật.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào dùng tâm không tham đắm, không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này ban cho các hữu tình, và cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí; đối với người nhận và các cảnh giới khác, họ giữ tâm không tán loạn, không cầu các dục lạc ở ba cõi, không cầu quả nhị thừa, chỉ cầu quả Phật. Thiện Hiện, đó là **đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật nhiếp lấy tịnh lự Ba la mật.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào dùng tâm không tham đắm, không keo kiệt để tu hạnh bố thí rồi đem phước bố thí này ban cho các hữu tình, và cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí; họ quán thấy người nhận, người bố thí và vật được bố thí đều như việc huyễn hóa, không thấy việc bố thí này có ích lợi hay tổn hại đối với các hữu tình và đạt được thắng nghĩa Không của tất cả các pháp thì này Thiện Hiện, đó là **đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật nhiếp lấy Bát nhã Ba la mật.**

2. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ tịnh giới Ba la mật nhiếp lấy cả việc bố thí, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.**

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào **an trụ vào tịnh giới Ba la mật**, tạo ba loại phước nghiệp nơi thân, khẩu, ý; nhờ phước nghiệp này họ lìa bỏ việc giết hại sanh mạng cho đến tà kiến, không cầu quả Thanh văn, Độc giác, chỉ cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bấy giờ, **Bồ Tát an trụ vào tịnh giới, thực hành việc bố thí** một cách rộng rãi tùy theo các hữu tình cần vật gì họ đều bố thí đầy đủ, lại đem căn lành bố thí như thế cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí, chẳng cầu quả Thanh văn, Độc giác. Thiện Hiện, đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh giới Ba la mật nhiếp lấy bố thí Ba la mật.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ vào tịnh giới Ba la mật, nếu các hữu tình đua nhau đến chặt, cắt chân tay và thân thể của Bồ Tát ấy mang đi nhưng Bồ Tát không sanh một niệm thù hận đối với họ mà chỉ nghĩ: Ta nay nhận được lợi lành rộng lớn nghĩa là bỏ thân hôi uế mong manh, được Phật thân Kim cương thanh tịnh. Thiện Hiện, đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh giới Ba la mật nhiếp lấy an nhẫn Ba la mật**.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ vào tịnh giới Ba la mật thân tâm tinh tấn, không gián đoạn, mặc giáp đại bi, phát nguyện rộng lớn: Tất cả hữu tình chìm đắm trong cảnh hung ác đáng sợ, khó thoát ra khỏi biển khổ sanh tử, ta phải cứu vớt họ đặt vào cảnh giới bất tử. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh giới Ba la mật nhiếp lấy tinh tấn Ba la mật**.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ vào tịnh giới Ba la mật, tuy nhập vào bốn tịnh lự, hoặc bốn vô lượng, bố định vô sắc, hoặc diệt tận định nhưng không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, cũng không chứng thật tế. Theo nguyện lực cũ, họ nghĩ: Tất cả hữu tình chìm đắm, hung ác đáng sợ, khó thoát ra khỏi biển khổ sanh tử, nay ta đã an trụ phương tiện tịnh giới làm phát sanh thiền định trong sạch, cần phải cứu vớt họ đặt vào nơi bất tử. Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh giới Ba la mật nhiếp tịnh lự Ba la mật**.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ vào tịnh giới Ba la mật, không thấy có pháp nào là thiện hoặc ác, hoặc hữu ký vô ký, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc đọa có số hoặc đọa vô số, hoặc đọa hữu tướng hoặc đọa vô tướng, chỉ quán các pháp không lìa chơn như nói rộng cho đến cảnh giới bất tư nghì. Chơn như này cũng bất khả đắc. Do phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật này họ không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác mà chỉ cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ vào tịnh giới Ba la mật nhiếp lấy Bát nhã Ba la mật**.

3. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ an nhẫn Ba la mật nhiếp lấy cả bố thí, tịnh giới, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật?**

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào an trụ vào an nhẫn Ba la mật, trong khoảng thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa tòa Bồ đề, giả sử có các loại hữu tình chửi mắng, lăng nhục, làm hại một cách phi lý cho đến cắt, chặt tay chân vị ấy đem đi, Bồ Tát này cũng hoàn toàn không sân hận, mà chỉ nghĩ: Các hữu tình này thật đáng thương xót, bị ma phiền não quấy nhiễu thân tâm, không được tự tại, không nơi nương tựa, không người giúp đỡ, bị nghèo khổ bức ép, ta phải bố thí cho họ đồ ăn uống, y phục và các loại của cải đồ đạc khác, tùy theo ý thích và nhu cầu của họ để họ không còn thiếu

thốn. Lại đem căn lành bố thí đây dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng, vị ấy không có hai tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ an nhẫn nhiếp lấy bố thí Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ an nhẫn Ba la mật, trong khoảng thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa tòa Bồ đề, nếu vì lý do rất khẩn cấp để cứu mạng mình, vị ấy cũng quyết không làm tổn hại các hữu tình cho đến không phát sanh các tà kiến. Lúc tu tịnh giới, Bồ Tát này không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, lại đem căn lành tịnh giới như thế, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ an nhẫn Ba la mật nhiếp lấy tịnh giới Ba la mật**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ an nhẫn Ba la mật, phát sanh sự tinh tấn, dõng mãnh thường nghĩ: Nếu một hữu tình ở cách xa một do tuần hoặc ở cách xa mười, hoặc một trăm cho đến vô lượng do tuần, hoặc ở cách xa một thế giới, hoặc mười, hoặc một trăm cho đến vô lượng thế giới mà có thể độ được thì ta sẽ đến đó tìm cách dạy họ thọ trì hoặc tám học xứ(2), hoặc năm giới, mười giới, hoặc giới cụ túc, hoặc làm cho an trụ vào tịnh quán chủng tánh thứ tám, quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, hoặc làm cho an trụ vào các địa vị của Bồ Tát, cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không mệt nhọc. Lại đem căn lành tinh tấn như thế dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ an nhẫn Ba la mật nhiếp lấy tinh tấn Ba la mật**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ an nhẫn Ba la mật, nhiếp tâm không loạn, lìa bỏ pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền, nói rộng cho đến nhập vào diệt thọ tưởng định. Trong các định này tùy chỗ sanh khởi pháp tâm, tâm sở và các căn lành tất cả nhóm hợp, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ an nhẫn Ba la mật nhiếp lấy tịnh lự Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ an nhẫn Ba la mật, trụ trong các pháp để lần lượt quán khắp các pháp, tuy dùng hành tướng viễn ly, hoặc hành tướng vắng lặng, hoặc hành tướng vô tận, hoặc đem hành tướng dứt diệt quán tất cả pháp, mà đối vắng lặng chẳng được tác chứng, cho đến ngồi tòa Bồ đề, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ra khỏi tòa quay xe diệu pháp lợi vui hữu tình. Lại đem căn lành diệu huệ như thế dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ an nhẫn Ba la mật nhiếp lấy Bát nhã Ba la mật**.

4. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ tinh tấn Ba la mật nhiếp lấy cả bố thí, tịnh giới, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào an trụ tinh tấn Ba la mật, thân tâm tinh tấn, chưa từng lười biếng, cầu các pháp lành cũng không mệt mỏi, thường nghĩ rằng, chắc chắn ta sẽ đạt được Nhất thiết trí trí, vì muốn làm lợi lạc tất cả hữu tình, đại Bồ Tát này thường phát nguyện: Nếu có một hữu tình ở cách xa một do tuần hoặc mười do tuần, hoặc một trăm cho đến vô lượng do tuần, hoặc cách một thế giới, hoặc mười, hoặc một trăm cho đến vô lượng thế giới mà đáng được độ, ta sẽ đến đó tìm cách dạy bảo, giúp họ trụ Thanh văn thừa, hoặc trụ Độc giác thừa, hoặc trụ Vô thượng thừa, hoặc thực hành mười nghiệp lành. Như vậy, ta đem tài thí và pháp thí cho họ đầy đủ để tìm cách nhiếp phục họ. Lại đem căn lành bố thí như thế dùng vô sở đắc mà làm phương tiện cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tinh tấn Ba la mật nhiếp lấy bố thí Ba la mật**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tinh tấn Ba la mật, trong thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa tòa Bồ đề, vị ấy tự mình lìa bỏ việc giết hại, cũng khuyên răn mọi người lìa bỏ việc giết hại, tùy thuận ca ngợi việc lìa bỏ sự giết hại, hoan hỷ, tán thán người lìa bỏ việc giết hại. Như vậy, cho đến tự mình lìa bỏ tà kiến, cũng khuyên răn người khác lìa bỏ tà kiến, tùy thuận, ca ngợi lìa bỏ tà kiến, hoan hỷ, tán thán người lìa bỏ tà

kiến. Lúc thực hành tịnh giới Ba la mật này, đại Bồ Tát ấy không cầu quả báo thuộc ba cõi và quả nhị thừa, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tinh tấn Ba la mật nhiếp lấy tịnh giới Ba la mật**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tinh tấn Ba la mật, trong thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa tòa Bồ đề, nếu bị người chẳng phải người đua nhau đến não hại hoặc chặt, đâm, cắt chân tay, tùy ý mang đi, lúc ấy Bồ Tát không nghĩ: Ai chặt đâm ta, ai cắt ta, ai đem đi, mà chỉ nghĩ: Nay ta có được lợi ích lớn là, để làm lợi ích cho ta, các hữu tình kia đã đến chặt cắt các bộ phận của thân thể ta, nhưng chỉ vì các hữu tình mà ta đã nhận thân này, vì vậy, họ tự đến lấy vật của họ chính là làm thành tựu công việc của ta. Bồ Tát tư duy sâu sắc về thật tướng của các pháp như vậy để tu an nhẫn. Lúc thực hành an nhẫn Ba la mật này, vị ấy không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác mà chỉ dùng vô sở đắc làm phương tiện đem phước đức ban cho các hữu tình và cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tinh tấn Ba la mật nhiếp lấy an nhẫn Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tinh tấn Ba la mật, siêng năng tu tập các định là lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm, có tứ, ly sanh hỷ lạc nhập vào sơ thiền, nói rộng cho đến nhập vào tầng thiền thứ tư, phát sanh ý tưởng ban vui cho các hữu tình, nhập vào từ vô lượng nói rộng cho đến nhập vào xả vô lượng, phát sanh ý nghĩ nhàm chán tướng thô của các sắc nên tác ý nhập vào định không vô biên xứ, nói rộng cho đến nhập vào định diệt thọ tưởng; tuy tu pháp tịnh lự nhập vào các định vô lượng vô sắc và diệt thọ tưởng, nhưng đại Bồ Tát này không nhận lấy quả dị thục của nó và chỉ sanh vào nơi có các hữu tình mà vị ấy có thể giáo hóa và làm lợi ích cho họ. Sau khi đã sanh vào nơi đó, vị ấy dùng bốn nhiếp sự để nhiếp hóa họ, tìm cách trấn an làm cho họ siêng năng tu học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát này dựa vào các tịnh lự để làm phát sanh thần thông thù thắng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn và thưa hỏi tánh tướng của các pháp sâu xa, siêng năng tạo ra căn lành thù thắng. Đem căn lành đây dùng vô sở đắc làm phương tiện cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không

có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tinh tấn Ba la mật nhiếp lấy tịnh lự Ba la mật.**

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát an trụ tinh tấn Ba la mật chẳng thấy bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoặc danh hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy nội không cho đến vô tánh tự tánh không hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy chơn như cho đến bất tư nghì giới hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng.Chẳng thấy bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy tám giải thoát cho đến mười biến xứ hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng.Chẳng thấy Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy tất cả Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Chẳng thấy Nhất thiết trí trí hoặc danh, hoặc sự, hoặc tánh, hoặc tướng. Như vậy, cho đến chẳng thấy tất cả pháp. Đối trong các pháp chẳng khởi tưởng nghĩ, không sở chấp trước, thường thực hiện điều đã nói. Lại đem căn lành đã nhóm như thế dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Với khi hồi hướng không chuyển hai tâm, nghĩa là ai hồi hướng, hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đấy là đại Bồ Tát **an trụ tinh tấn Ba la mật nhiếp lấy Bát nhã Ba la mật**.

5. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ tịnh lự Ba la mật nhiếp lấy cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, Bát nhã Ba la mật?**

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào an trụ tịnh lự Ba la mật, đem của cải và Phật pháp bố thí cho các hữu tình lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm, có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập vào sơ thiền nói rộng cho đến nhập vào tứ thiền, phát sanh ý nghĩ ban vui cho các hữu tình, nhập từ vô lượng nói rộng cho đến nhập xả vô lượng, sanh tâm nhàm chán đối với tướng thô của các sắc, nhập định

không vô biên xứ nói rộng cho đến nhập định diệt thọ tưởng. Đại Bồ Tát này an trụ vào tịnh lự Ba la mật, dùng tâm không tán loạn nói chánh pháp cho các hữu tình, thực hành bố thí và pháp thí, cũng thường khuyến khích người khác thực hành bố thí và pháp thí, thường tùy thuận ca ngợi pháp thực hành bố thí và pháp thí, thường hoan hỷ tán thán người thực hành bố thí và pháp thí, với căn lành này, vị ấy không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ vào tịnh lự Ba la mật nhiếp lấy bố thí Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tịnh lự Ba la mật, thọ trì tịnh giới, thường không phát sanh các loại tâm chung cùng với tham, sân, si, hại, keo kiệt, tật đố, và tâm hủy phạm tịnh giới, chỉ thường phát sanh tác ý chung cùng với Nhất thiết trí trí. Với căn lành tịnh giới này, họ không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh lự Ba la mật nhiếp lấy tịnh giới Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tịnh lự Ba la mật, tu hành an nhẫn, quán sắc như bèo bọt, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như sóng nắng, quán hành như bẹ chuối, quán thức như huyễn hóa. Lúc quán như vậy, ý tưởng về năm thủ uẩn không chắc thật thường hiện ở trước mặt. Vị ấy lại nghĩ các pháp đều không, chẳng phải là ta và vật của ta, ai có thể cắt chặt, ai bị cắt chặt, ai có thể chửi mắng, ai bị chửi mắng, ai ở trong pháp đó mà phát sanh sân hận, ngũ uẩn này của ai. Bồ Tát an trụ tịnh lự Ba la mật, quán sát kỹ các pháp thì có thể đầy đủ an nhẫn. Vị ấy lại đem căn lành đã tích tụ này, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng vị ấy không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh lự Ba la mật nhiếp lấy an nhẫn Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tịnh lự Ba la mật, siêng năng tinh tấn lìa bỏ pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập vào sơ thiền và hoàn toàn an trụ trong đó, tịch tịnh tầm tứ, bên trong hoàn toàn thanh tịnh hướng đến nhất tâm, không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc, nhập vào nhị thiền hoàn toàn an trụ trong đó, lìa hỷ trụ xả, chánh niệm tỉnh

giác, toàn thân cảm thọ Thánh lạc, ở trong đó có thể nói có thể xả, đầy đủ niệm diệu lạc và an trụ hoàn toàn trong tầng thiền thứ ba, dứt vui dứt khổ, vui buồn trước đây đều lặn mất không còn khổ vui, xả niệm thanh tịnh, an trụ hoàn toàn vào tầng thiền thứ tư. Như vậy, Bồ Tát này tu tất cả các loại định giải thoát đẳng trì, đẳng chí và không nắm giữ tướng của nó khi ở trong định, phát sanh các loại thần cảnh trí thông có thể làm vô số các việc đại thần biến, hoặc lại phát sanh thiên nhĩ trí thông, siêu phàm thanh tịnh, rõ ràng hơn hẳn trời người, có thể nghe đúng như thật các loại âm thanh của các loài hữu tình, phi tình ở mười phương thế giới, hoặc lại phát sanh tha tâm trí thông có thể biết như thật tâm và tâm sở pháp của các hữu tình ở mười phương thế giới, hoặc lại phát sanh túc trụ trí thông có thể biết như thật về các việc đời trước của các hữu tình ở mười phương thế giới, hoặc lại phát sanh thiên nhãn trí thông sáng suốt, trong sạch hơn mắt của trời người, có thể thấy biết như thật về hình sắc và nghiệp quả của các loài hữu tình ở mười phương thế giới. Đại Bồ Tát này an trụ vào năm thần thông thù thắng đó, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa của pháp, trồng vô số thiện căn vi diệu, giáo hóa hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, siêng năng tu các thắng hạnh của Bồ Tát. Với căn lành này, vị ấy không cầu địa vị Thanh văn, Độc giác dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ tịnh lự Ba la mật nhiếp lấy tinh tấn Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ tịnh lự Ba la mật, quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều bất khả đắc, quán mười hai xứ cho đến mười tám giới bất khả đắc; quán nhãn xúc cho đến ý xúc bất khả đắc; quán các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra bất khả đắc; quán địa giới cho đến thức giới bất khả đắc; quán nhân duyên cho đến tăng thượng duyên bất khả đắc; quán vô minh cho đến lão tử bất khả đắc; quán bố thí cho đến Ba la mật bất khả đắc; quán pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không bất khả đắc; quán chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì bất khả đắc; nói rộng ra, quán tất cả pháp Phật bất khả đắc. **Do đại Bồ Tát này quán tất cả các pháp đều bất khả đắc nên không làm, do không làm nên không tạo tác, do không tạo tác nên không sanh diệt, do không sanh diệt nên không còn chấp thủ, do**

không còn chấp thủ nên hoàn toàn thanh tịnh, thường trụ không thay đổi. Vì sao? Bởi vì Phật xuất thế hay không xuất thế tất cả các pháp đều an trụ pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, không sanh, không diệt, thường không biến đổi. Đại Bồ Tát này tâm thường không rối loạn, thường an trụ tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, quán sát như thật thấy tánh các pháp đều vô sở hữu, vị ấy lại đem căn lành tích tụ được, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát an trụ vào tịnh lự Ba la mật nhiếp lấy Bát nhã Ba la mật.

6. Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ Bát nhã Ba la mật nhiếp lấy cả bố thí, tịnh giới, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào **an trụ Bát nhã Ba la mật, quán tất cả các pháp là không, vô sở hữu.**

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là an trụ Bát nhã Ba la mật, quán tất cả các pháp là không, vô sở hữu?

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ Bát nhã Ba la mật, quán thấy nội không và tánh nội không bất khả đắc, ngoại không và tánh của ngoại không bất khả đắc, nội ngoại không và tánh nội ngoại không bất khả đắc, không không và tánh không không bất khả đắc, đại không và tánh đại không bất khả đắc, thắng nghĩa không và tánh thắng nghĩa không bất khả đắc, hữu vi không và tánh hữu vi không bất khả đắc, vô vi không và tánh vô vi không bất khả đắc, rốt ráo *(tất cánh)* không và tánh rốt ráo không bất khả đắc, vô tế không và tánh vô tế không bất khả đắc, tán vô tán không và tánh tán vô tán không bất khả đắc, bản tánh không và tánh bản tánh không bất khả đắc, tự cộng tướng không và tánh tự cộng tướng không bất khả đắc, nhất thiết pháp không và tánh nhất thiết pháp không bất khả đắc. Đại Bồ Tát này an trụ vào mười bốn pháp không, như vậy **bất đắc Sắc là không hoặc chẳng không,** bất đắc thọ, tưởng, hành, thức là không hoặc chẳng không, bất đắc mười hai xứ cho đến mười tám giới là không hoặc chẳng không; bất đắc nhãn xúc cho đến ý xúc là không hoặc chẳng không; bất đắc các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc

làm duyên sanh ra là không hoặc chẳng không; bất đắc địa giới cho đến thức giới là không hoặc chẳng không; bất đắc bố thí cho đến Ba la mật là không hoặc chẳng không; bất đắc pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không là không hoặc chẳng không; bất đắc chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì là không hoặc chẳng không; bất đắc tứ Thánh đế cho đến Ba mươi bảy pháp trợ đạo là không hoặc chẳng không; bất đắc bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không hoặc chẳng không; bất đắc tám giải thoát, mười biến xứ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không hoặc chẳng không; bất đắc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không hoặc chẳng không; bất đắc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là không hoặc chẳng không; bất đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề là không hoặc chẳng không; bất đắc tất cả Bồ Tát hạnh cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật là không hoặc chẳng không; bất đắc Nhất thiết trí trí là không hoặc chẳng không; bất đắc cảnh giới hữu vi là không hoặc chẳng không; bất đắc cảnh giới vô vi là không hoặc chẳng không. **Đại Bồ Tát này an trụ Bát nhã Ba la mật, quán tất cả đồ ăn uống và các vật dụng khác mà mình đã bố thí cho các hữu tình đều là không, quán người thí, người nhận, vật thí và phước đức của việc bố thí đều là không. Lúc ấy, nhờ Bồ Tát an trụ trong phép quán không nên tâm tham đắm, keo kiệt không có cơ hội phát sanh.Vì sao? Đại Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa tòa Bồ đề, sự phân biệt này đều không thể phát sanh, giống như các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không bao giờ phát sanh tâm tham lam và keo kiệt. Đại Bồ Tát này cũng như vậy, nhờ thực hành Bát nhã Ba la mật nên tâm tham lam keo kiệt không bao giờ phát sanh. Nên biết, Bát nhã Ba la mật là đại Sư của các đại Bồ Tát, có thể giúp cho các đại Bồ Tát không phát sanh vọng tưởng phân biệt, không đắm nhiễm vào việc làm bố thí, đại Bồ Tát này đem căn lành đó, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật nhiếp lấy bố thí Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ Bát nhã Ba la mật, thọ trì tịnh giới thì tất cả tâm cầu Thanh văn, Độc giác không bao giờ phát sanh được. Vì

sao? Đại Bồ Tát này quán địa vị của các Thanh văn, Độc giác đều bất khả đắc, tâm hồi hướng kia cũng bất khả đắc, luật nghi nơi thân khẩu để hồi hướng địa vị ấy cũng bất khả đắc. Đại Bồ Tát này an trụ Bát Nhã, trong khoảng thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ đề, lìa bỏ việc giết hại sanh mạng, cũng khuyên răn người khác lìa bỏ việc giết hại sanh mạng, tùy thuận ca ngợi pháp lìa bỏ việc giết hại sanh mạng, hoan hỷ khen ngợi người lìa bỏ việc giết hại sanh mạng, như vậy cho đến tự lìa bỏ tà kiến, cũng khuyên răn người khác lìa bỏ tà kiến, tùy thuận ca ngợi pháp lìa bỏ tà kiến, hoan hỷ khen ngợi người lìa bỏ tà kiến. Với thiện căn nhờ tịnh giới sanh ra ấy, đại Bồ Tát này không cầu quả báo ở trong ba cõi và pháp nhị thừa, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ Bát nhã Ba la mật nhiếp lấy tịnh giới Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ Bát nhã Ba la mật, phát tâm nhẫn nhục tùy thuận. Sau khi đạt được sự nhẫn nhục này, họ thường nghĩ: Trong tất cả các pháp không có một pháp nào là phát sanh hoặc tiêu diệt, hoặc sanh hoặc già, hoặc bệnh hoặc chết, hoặc người chửi mắng, hoặc người bị chửi, hoặc người hủy báng, hoặc người bị hủy báng, hoặc người cắt chặt, đâm, đánh, trói, não hại, hoặc người bị cắt chặt, đâm, đánh, trói, não hại, tánh tướng của tất cả các pháp như vậy đều không, không nên ở trong pháp không mà sanh vọng tưởng phân biệt. Do đại Bồ Tát này đạt được sự nhẫn nhục ấy nên trong khoảng thời gian từ lúc mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Bồ đề, giả sử tất cả hữu tình đều đến chửi mắng, phỉ báng, lăng nhục, dùng các loại dao gậy, gạch ngói, đá để làm hại, đánh đập, cắt chặt, đâm chém cho đến mổ xẻ các bộ phận trong thân thể thì lúc ấy tâm Bồ Tát cũng không biến đổi. Vị ấy chỉ nghĩ: Thật là kỳ lạ, trong các pháp tánh hoàn toàn không có việc chửi mắng phỉ báng, lăng nhục, làm hại nhưng các hữu tình vọng tưởng phân biệt chấp là thật có nên phát sanh đủ loại nghiệp ác phiền não, phải chịu các nỗi khổ kịch liệt trong hiện tại và vị lai. Đại Bồ Tát ấy đem căn lành này dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai?

Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ Bát nhã Ba la mật nhiếp lấy an nhẫn Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ Bát nhã Ba la mật, nói chánh pháp cho các hữu tình giúp họ trụ vào bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, giúp họ trụ vào bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc giúp họ chứng đắc quả Dự lưu cho đến A la hán, hoặc giúp họ chứng đắc Độc giác Bồ đề, hoặc giúp họ chứng đắc Nhất thiết trí trí. Tuy làm việc đó nhưng đại Bồ Tát này không trụ ở cảnh giới hữu vi, không trụ ở cảnh giới vô vi, lại đem căn lành tích tụ được, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát **an trụ Bát nhã Ba la mật nhiếp lấy tinh tấn Ba la mật.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào an trụ Bát nhã Ba la mật, trừ đẳng trì *(định)* của Phật còn tất cả các đẳng trì của Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát vị ấy đều có thể tùy ý xuất nhập một cách tự tại. Đại Bồ Tát này an trú vào đẳng trì tự tại của Bồ Tát có thể tự do nhập xuất thuận nghịch đối với tám giải thoát. Những gì là tám? Một là tự có sắc, quán sát các sắc giải thoát. Hai là bên trong không có sắc, quán tưởng các sắc bên ngoài giải thoát. Ba là hiểu rõ sự thanh tịnh của thân tác chứng giải thoát. Bốn là vượt qua tất cả tưởng về sắc, diệt trừ tất cả tưởng hữu đối, không tư duy về các loại tưởng, nhập vào vô biên không không vô biên xứ giải thoát. Năm là vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập vào vô biên thức vô biên xứ giải thoát. Sáu là vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vào vô thiểu sở hữu vô sở hữu xứ giải thoát. Bảy là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập vào phi hữu tưởng, phi vô tưởng, phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát. Tám là vượt qua tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào diệt thọ tưởng định diệt thọ tưởng giải thoát.

Đại Bồ Tát này lại có thể tự tại nhập xuất theo chiều thuận nghịch đối với chín định thứ đệ. Những gì là chín. Đó là bốn tịnh lự, bốn định vô sắc và diệt thọ tưởng định. Sau khi đã hoàn toàn thành thục trong việc xuất nhập thuận nghịch đối với tám giải thoát và chín định thứ đệ, đại Bồ Tát này có thể nhập vào định Sư tử phấn tấn. Thế nào là định Sư tử phấn tấn. Thiện Hiện! Đó là Bồ Tát lìa pháp dục ác, bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh

hỷ lạc nhập vào sơ thiền lần lượt vượt qua tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào định diệt thọ tưởng, lại từ định diệt thọ tưởng nhập trở lại định phi tưởng phi phi tưởng xứ, lần lượt cho đến nhập vào sơ thiền.

Đó là định Sư tử phấn tấn. Thiện Hiện! Sau khi đã hoàn toàn thành thục đối với định Sư tử phấn tấn này. Đại Bồ Tát lại nhập vào định siêu việt của Bồ Tát. Thế nào là định siêu việt của Bồ Tát ? Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát lìa pháp dâm dục, bất thiện, có tầm có tứ, sanh hỷ lạc, nhờ xả ly nhập vào sơ thiền, từ sơ thiền lần lượt cho đến nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở lại sơ thiền, từ sơ thiền lần lượt cho đến nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở lại sơ thiền, từ sơ thiền nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở vào nhị thiền, từ nhị thiền nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở vào tam thiền, từ tam thiền nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở vào tứ thiền, từ tứ thiền nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở vào định không vô biên xứ, từ định không vô biên xứ nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở vào định thức vô biên xứ, từ định thức vô biên xứ nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập trở vào định vô sở hữu xứ, từ định vô sở hữu xứ nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ định phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào định diệt thọ tưởng, từ định diệt thọ tưởng nhập vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ định phi tưởng phi phi tưởng xứ **rơi vào bất định tâm**, từ bất định tâm nhập trở lại diệt thọ tưởng định, từ định diệt thọ tưởng trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ định phi tưởng phi phi tưởng xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định vô sở hữu xứ, từ định vô sở hữu xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định vô sở hữu xứ, từ định vô sở hữu xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định thức vô biên xứ, từ định thức vô biên xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào định không vô biên xứ, từ định không vô biên xứ trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào tứ thiền, từ tứ thiền trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào tam thiền, từ tam thiền trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào nhị thiền, từ nhị thiền trụ vào bất định tâm, từ bất định tâm nhập vào sơ thiền, từ sơ thiền trụ vào bất định tâm. **Đó là định siêu việt của Bồ Tát.** Đại Bồ Tát nào an trụ vào định siêu việt này thì

chứng đắc thật tánh bình đẳng của tất cả các pháp, vị ấy lại đem căn lành tích tụ được dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc hồi hướng không có hai tâm là: Ai hồi hướng và hồi hướng cho ai? **Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã nhiếp lấy tịnh lự Ba la mật.**

Thích nghĩa:

*(1). Tương nhiếp (*相攝*): Nhiếp phục lẫn nhau; cùng chung với nhau, chia sẻ cùng nhau.*

(2). Học xứ (學處) *Phạm: Ziksàpada. Pàli: Sikkhàpada. Những chỗ (điều) cần phải học. Chỉ chung cho giới luật. Tức là những giới điều mà Tỳ kheo, Tỳ kheo ni phải tuân thủ, như 5 giới, 8 giới, 10 giới, v.v... gọi là Học xứ. Phật giáo Nam truyền gọi giới học, định học, tuệ học là Tam học xứ. Còn theo Kinh Bồ Tát địa trì quyển 1, thì Bồ Tát có 7 học xứ là: Tự lợi, lợi tha, chân thực nghĩa, lực, thành thục chúng sinh, tự thục Phật pháp và Vô thượng bồ đề. Ngoài ra, phẩm Thụ phương tiện học xứ trong Kinh Đại nhật quyển 6 chia ra Hiển, Mật để nói về sở học và dịch là Học cú. Phỏng theo Từ điển Phật Quang.*

Sơ giải:

Muốn trở thành Bồ Tát, Phật để quay bánh xe pháp, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật phải học 6 pháp Ba la mật: Bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, và Bát nhã Ba la mật. Các pháp này hỗ trợ nhau để tiến đến quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Một bộ phận chuyển động thì toàn thể cơ quan đều chuyển động theo; cũng vậy, một pháp tu như bố thí khởi động sẽ thúc đẩy các pháp tu khác như an nhẫn, tinh tấn… khởi động theo. Rốt cuộc, con tàu mới có thể đưa người vượt qua bể khổ đến được bờ rốt ráo bên kia.

Năng lực hỗ tương cùng vận hành của các pháp với nhau được gọi tương nhiếp, có nghĩa cùng với nhau, phối hợp với nhau để tăng hiệu năng của từng pháp môn như bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định và trí tuệ Ba la mật, đem lại một sức mạnh mới trong việc phục vụ chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ. Chính sự phối hợp hỗ tương này

mà Bồ Tát mau viên mãn được các hạnh nguyện của các ngài, đồng thời mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Vì vậy, trong phẩm "Thật Ngữ hay còn gọi là "Phó chúc", Q.458, Phật bảo Ngài A Nan: "Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, này Khánh Hỷ! Ta đem 6 pháp Ba la mật giao phó cho ngươi, ngươi phải thọ trì cho đúng đừng để quên mất. Vì sao? Vì 6 pháp Ba la mật này là kho pháp vô tận của các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tất cả Pháp Phật đều được sanh ra từ đó". *Chính sự tương nhiếp của bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nên 6 pháp này mới được gọi là* ***kho pháp vô tận*** *của các chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.*

Phải nhờ pháp này viên mãn nên các pháp khác mới được viên mãn. Tất cả 6 pháp này cùng hỗ tương sanh khởi. Tuy nhiên, bộ phận mẹ lúc nào cũng có nhiều uy lực hơn. Phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.461, kế tiếp nói: **"Ví như các dòng nước, tùy lớn nhỏ, nếu đã vào biển cả thì đồng một vị mặn. Như vậy, 5 Ba la mật trước phải nhập vào Bát nhã Ba la mật, mới được tên là năng đến bờ kia".**

Phẩm này dễ hiểu: Từ pháp bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật hoán chuyển, hướng dẫn, hỗ trợ, tương nhiếp nhau như trong một con tàu có 6 máy. Nếu tất cả 6 máy đều chạy tốt như nhau, tàu sẽ tăng mã lực, chạy nhanh hơn, mạnh hơn. Nếu một trong 6 máy yếu hay hư hỏng, dĩ nhiên con tàu chạy chậm lại.

Mỗi máy tiêu biểu cho một lực phương tiện. ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 68, "Lục Độ Tương Nhiếp"*** *(Sáu Độ Nhiếp Lẫn Nhau)****, Tập 4, quyển 80. Nói:*** "Bát nhã Ba la mật là thiện pháp, 5 pháp Ba La Mật kia cũng là thiện pháp, nên hành 1 thiện pháp, là nhiếp được cả 5 thiện pháp kia. Khi có một Ba la mật làm chủ tác, thì 5 Ba la mật kia cũng giúp phần vào sự tác hành của Ba la mật đó".

Ví như; khi Bồ Tát an trú trong Đàn Ba la mật, thì đồng thời cũng nhiếp cả 5 Ba la mật kia:

- Khi bố thí, Bồ Tát dùng tâm từ, khởi các từ nghiệp ở "thân, khẩu và ý" đối với hết thảy chúng sanh.

Như vậy là Bồ Tát **hành Đàn Ba la mật là nhiếp Thi La Ba la mật vậy**. Vì sao? Vì "từ" là gốc của 3 thiện căn "vô tham, vô sân và vô si", thường dẫn sanh các từ nghiệp "thân, khẩu và ý". Các từ nghiệp này có thế lực đem lại sự an lạc, lợi ích cho chúng sanh.

- Khi bố thí, nếu gặp trường hợp người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung. Bồ Tát vẫn nhẫn chịu, chẳng khởi sân hận, vì tự nghĩ rằng: "Ta chẳng nên khởi sân nhuế với họ. Vì ta phước mỏng, chẳng có được đầy đủ tài vật để hành bố thí, nên họ mới mắng nhiếc, hành hung ta. Nếu ta khởi sân với họ, thì ta sẽ tự làm mất hết công đức bố thí của ta. Do vậy, ta phải nhẫn nhục đối với họ".

Như vậy là Bồ Tát **hành Đàn Ba la mật là có nhiếp Sẵn Đề Ba la mật** vậy.

- Khi hành bố thí, nếu gặp kẻ ác đến mắng nhiếc, hành hung, Bồ Tát vẫn chẳng xả tâm bố thí, vẫn tinh tấn hành bố thí, vì tự nghĩ rằng: "Ở đời trước, khi hành bố thí ta có những ý niệm chẳng được tốt, nên nay ta chẳng làm cho người thọ thí được vừa lòng. Mặc dù vậy, ta vẫn phải siêng năng, tinh tấn hành tịnh thí".

Như vậy là Bồ Tát **hành Đàn Ba la mật là có nhiếp Tỳ Lê Gia Ba la mật** vậy.

- Khi bố thí, Bồ Tát chẳng cầu phước lạc ở đời này và cả ở đời sau, chẳng cầu thế gian thiền định lạc, chẳng nhiếp ý chúng sanh, chẳng để tâm tán loạn, mà chỉ nhiếp Bát nhã Ba la mật mà thôi.

Như vậy là **Bồ Tát hành Đàn Bát nhã Ba la mật là có nhiếp Thiền Ba la mật** vậy.

- Khi hành bố thí, Bồ Tát thường quán các pháp hữu vi là chẳng kiên cố, là như huyễn, như mộng. Bồ Tát cũng chẳng cho việc bố thí là có ích hay là chẳng có ích. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rằng việc Bố Thí chưa chắc đã đem lại sự an vui cho người thọ thí. Ví như: Cho họ quá nhiều thức ăn có thể làm họ bị bội thực mà chết, cho họ quá nhiều tiền của có thể khiến họ bị kẻ xấu cướp bóc hay làm hại đến thân mạng; cho họ quá nhiều tiền của có thể khiến họ trở nên xan tham, dẫn đến

quả báo phải đọa ngạ quỷ,… Bồ Tát cũng biết rõ tài vật là pháp hữu vi, niệm niệm sanh diệt, là vô thường, là tán hoại, là nhân sanh các khổ, lại cũng biết rõ ở nơi thật tướng thì tài vật là rốt ráo không. Do vậy mà Bồ Tát chẳng sanh tâm phân biệt việc bố thí có lợi hay chẳng có lợi cho người thọ thí. Khi bố thí, Bồ Tát chẳng cầu người thọ thí đền ơn đáp nghĩa, chẳng cầu quả phước báo, nên dù người thọ thí muốn trả ơn, cũng chẳng có sanh tâm sân hận, chấp trước, vì nghĩ rằng: "Các pháp đều là rốt ráo không, ta phải hành bố thí như tướng vậy".

Như vậy là Bồ Tát **hành Đàn Ba la mật mà có nhiếp Bát nhã Ba la mật** vậy".

Đến lượt Thi La Ba la mật, Sằn Đề Ba la mật, Tỳ Lê Gia Ba la mật, Thiền na Ba la mật, Bát nhã Ba la mật nhiếp dẫn cũng như vậy. Điều đó nói lên vai trò của mỗi Ba la mật, giống như vai trò của con tàu có sáu máy như thí dụ ở trên. Nếu tất cả máy đều hoạt động hỗ tương vô ngại, thì con tàu thuận buồm xuôi gió, có thể đưa người qua bờ an lạc bên kia.

Đọc phẩm này ai cũng có thể hiểu nên không cần giải luận thêm nữa. Tự mình quán từng pháp một như quán trì giới thì phải biết trì giới tương nhiếp với bố thí, an nhẫn, tinh tấn, thiền định và Bát nhã Ba la mật như thế nào? Kế đến quán an nhẫn thì phải biết an nhẫn tương nhiếp với bố thí cho đến… Bát nhã Ba la mật như thế nào? V.v... và v.v… Lấy một pháp làm nhân làm duyên đối với năm pháp khác tạo thành một chuỗi tương nhiếp lẫn nhau như Kinh vừa thuyết ở trên. Tự mình tư duy, quán tưởng và thực hành, để sanh trí tuệ. Đó là tự tháo gỡ mọi trói buộc của 3 cõi 6 đường để được sang bờ giải thoát bên kia.

***Nếu đọc phẩm này gặp trở ngại, nên tham khảo thêm phẩm thứ 68, "Lục Độ Tương Nhiếp, Q.80 và Q.81 của Đại Trí Độ Luận**./.*

---o0o---

67. PHẨM " XẢO TIỆN" hay "PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO"

Q.460 đến đầu Q.463, Hôi thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Đa Văn Bất Nhị", từ Q.351 đến Q.360, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Đây là một phẩm dài, giáo lý rất phong phú. Phẩm vừa tụng xong thuyết về lục độ tương nhiếp tức nói sáu pháp bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự và Bát nhã Ba la mật hỗ trợ nhiếp dẫn nhau để giúp hành giả tu Bồ Tát đạo hoàn thành sứ mệnh trong việc cứu rỗi chúng sanh. Phẩm này thuyết "Phương Tiện Thiện Xảo" là nói nhiều về 6 pháp Ba la mật, tức nói lên chức năng của 6 pháp tu này trong việc thành tựu giác ngộ, không có nó thì không có một kết quả thực tiễn nào trong việc chứng ngộ hay thành đạt Nhất thiết trí trí.

Sở dĩ, phẩm "Xảo Tiện" hay "Phương Tiện Thiện Xảo" của Hội thứ II này dài vì quyển thứ 23 Kinh MHBNBLMĐ nhập hai phẩm "Đại Phương Tiện" và " Tam Huệ" với nhau (do nhóm của Ngài La Thập biên soạn).

***Lưu ý**: Hai phẩm: "Đại Phương Tiện" và " Tam Huệ" thuộc quyển thứ 23 Kinh MHBNBLMĐ cũng chính là: **1. Phẩm thứ 69, "Đại Phương Tiện", Tập 5 (Q.82 và Q.83), và 2. Phẩm thứ 70, "Tam Huệ", Tập 5 (Q.83 và Q.84), của Đại Trí Độ Luận**.*

Tóm lược:

(Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát là gì?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát trọn nên sức phương tiện thiện xảo như thế ấy, phát tâm Bồ đề phải trải qua bao lâu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này phát tâm Bồ đề phải **trải qua trăm ngàn trăm ức muôn ức kiếp**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát trọn nên sức phương tiện thiện xảo như thế, phải từng gần gũi cúng dường bao nhiêu Phật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bồ Tát này phải từng gần gũi cúng dường chư Phật ngang với cát sông Hằng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát trọn nên sức phương tiện thiện xảo như thế, phải trồng những căn lành thù thắng nào?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bồ Tát này từ lúc phát tâm trở đi, không có bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật nào mà chẳng viên mãn tinh siêng tu học. Do nhân duyên đây trọn nên sức phương tiện thiện xảo như thế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát trọn nên sức phương tiện thiện xảo như thế rất là hiếm có?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Bồ Tát này rất là hiếm có.

Thiện Hiện phải biết: Như vầng nhật nguyệt di chuyển khắp soi bốn cõi đại châu làm sự nghiệp. Trong ấy có bao hữu tình hoặc phi tình theo thế lực ánh sáng kia mà chuyển động đều thành sự nghiệp mình. Như vậy, Bát nhã Ba la mật soi xúc năm Ba la mật kia làm các sự nghiệp, bố thí cùng năm Ba la mật thuận theo thế lực Bát nhã Ba la mật mà chuyển, đều thành việc mình. *(Q. 460, ĐBN)*

Thiện Hiện phải biết: Như Chuyển luân vương nếu không xe bảy báu chẳng gọi Luân vương. Cần có xe bảy báu mới được gọi Luân vương. Bố thí cùng năm Ba la mật cũng lại như thế, nếu lìa Bát Nhã chẳng được gọi là Ba la mật. Chẳng lìa Bát nhã Ba la mật mới được gọi là Đáo bỉ ngạn.

Thiện Hiện phải biết: Như có người nữ đoan chính đẹp đẽ giàu có, nếu không được người chồng mạnh mẽ giữ gìn, dễ bị kẻ ác xâm phạm. Nếu có được người chồng mạnh mẽ bảo vệ, chẳng bị ác nhân xâm phạm. Bố thí cùng năm Ba la mật cũng lại như thế, nếu không nhờ sức Bát nhã Ba la mật nhiếp hộ dễ bị thiên ma và bè lũ kia làm trở ngại. Nếu có sức Bát nhã Ba la mật nhiếp hộ, tất cả thiên ma bè lũ kia chẳng thể làm trở ngại được.

Thiện Hiện phải biết: Như quân tướng mạnh mẽ thạo binh pháp, khéo chuẩn bị các thứ giáp gậy bền chắc, oán địch lân bang chẳng thể xâm hại được. Bố thí cùng năm Ba la mật cũng lại như vậy chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, thiên ma bè lũ bọn tăng thượng mạn, cho đến thứ Bồ Tát chiên đà la đều chẳng thể diệt hoại được.

Thiện Hiện nên biết: Như các tiểu vương ở châu Thiệm bộ, tùy thời mà triều cống phục dịch Chuyển luân Thánh vương, và nương theo Luân vương ấy để được thắng lợi. Cũng lại như vậy, năm Ba la mật như bố thí, trì giới v.v... theo hỗ trợ Bát Nhã, và nhờ thế lực Bát Nhã dẫn dắt mà chúng mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện phải biết: Như các nguồn nước ở phương Đông châu Thiệm bộ, không nguồn nào chẳng đổ vào sông Hằng, rồi theo sông Hằng chảy vào biển cả. Bố thí cùng năm Ba la mật cũng lại như vậy, nếu không được Bát Nhã thẩm sâu nhiếp dẫn, thì không thể chứng Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện phải biết: Ví như các dòng nước, tùy lớn nhỏ, nếu đã vào biển cả thì đồng một vị mặn. Như vậy, năm Ba la mật trước phải nhập vào Bát nhã Ba la mật, mới được tên là năng đến bờ kia.

Thiện Hiện nên biết: Giống như Chuyển luân vương muốn đến chỗ nào thì có bốn đạo quân đi theo sau và xe báu đi trước. Vua và bốn loại quân muốn ăn uống, xe báu liền dừng. Sau khi đã ăn uống, vua muốn đi, xe liền đi trước. Xe ấy đi hay dừng là tùy theo ý muốn của vua. Khi đã đến nơi thì nó không còn đi trước nữa. Cũng như vậy, năm Ba la mật và các pháp lành muốn đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì phải nhờ Bát Nhã đi trước dẫn đường cùng tiến và dừng không được rời bỏ nhau, nếu đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì Bát nhã Ba la mật không còn đi trước nữa.

Thiện Hiện nên biết: Giống như Chuyển luân vương muốn đến nơi nào thì có 4 loại quân, 7 báu đi trước và sau. Bấy giờ, tuy xe báu đi đầu nhưng nó không phân biệt tướng trước sau. Cũng vậy, năm Ba la mật và các pháp lành muốn đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề phải nhờ Bát nhã Ba la mật đi trước dẫn đường. Nhưng Bát Nhã không nghĩ: Ta đi đầu dẫn đường cho năm Ba la mật, chúng đều đi theo ta. Năm Ba la mật như bố thí v.v... không nghĩ: Bát Nhã sâu xa ở trước dẫn dắt và chúng ta theo sau pháp ấy. Vì sao? **Tự tánh của sáu pháp Ba la mật này và tất cả pháp đều trì độn, không có gì có tạo ra***(năng tạo)***, không có chủ tể, hư vọng không**

thật, trống rỗng, vô sở hữu, tướng không tự tại giống như sóng nắng, bóng trong gương, trăng đáy nước, như trò huyễn, như mộng v.v... ở trong đó hoàn toàn không có tự thể, không có tác dụng chơn thật.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tánh đều không, không có tác dụng chân thật, các Bồ Tát làm sao tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối 6 Ba la mật đây thường khởi nghĩ này: Thế giới hữu tình tâm hằng điên đảo, chìm đắm sanh tử, chẳng tự thoát ra. Nếu ta chẳng tu thắng hạnh khéo tiện, thì chẳng thể cứu vớt chúng ra khỏi bể khổ sanh tử. Ta phải vì các loại hữu tình siêng tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thắng hạnh khéo tiện, chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề độ thoát đại khổ sanh tử cho hữu tình.

Bồ Tát này khởi nghĩ đây rồi, vì các hữu tình xả thí sở hữu tất cả trong ngoài. Đã xả thí rồi, lại khởi nghĩ này: Ta đối trong ngoài đều thật không có xả thí. Vì sao? Vật trong ngoài đây đều không, vô tự tánh, chẳng thể xả thí, chẳng thuộc về ta. Bồ Tát này do quán sát đây **tu hành bố thí Ba la mật** chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát này vì độ thoát khổ sanh tử cho các hữu tình nên trọn chẳng phạm giới. Vì sao? Vì Bồ Tát này thường khởi nghĩ: Ta vì giải thoát khổ sanh tử tất cả hữu tình nên cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quyết định chẳng nên giết hại sanh mạng cho đến tà kiến, quyết định chẳng nên cầu cảnh diệu dục, cầu giàu sang cõi người trời, cầu làm Đế Thích, Phạm vương v.v…, cũng quyết định chẳng nên cầu bậc Thanh văn hoặc Độc giác. Bồ Tát này do quán sát đây **tu hành tịnh giới Ba la mật** chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát này vì độ thoát khổ sanh tử các hữu tình nên trọn chẳng phát khởi tâm giận dữ thảy. Giả sử hằng bị hủy báng lăng nhục, chua cay quở mắng, đau đớn thấu tim tủy, trọn chẳng phát khởi một niệm giận thù. Nếu lại hằng bị dao gậy ngói đá đánh đập nơi thân, cắt đứt chém đâm, mổ xẻ… cũng chẳng phát khởi một niệm ác tâm. Vì sao? Vì Bồ Tát này quán sát tất cả tiếng *(quở mắng)* như tiếng vang trong hang động, sắt *(ngói đá, dao gậy)* như bọt nổi, nên chẳng khởi hận thù, làm hoại phẩm hạnh. Bồ Tát

này do quan sát đây **tu hành an nhẫn Ba la mật** chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát Ma ha tát này vì thoát khổ sanh tử các hữu tình, siêng cầu tất cả pháp lành thù thắng. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ở thời gian giữa thường không lười nhác. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này hằng khởi nghĩ đây: Nếu ta lười nhác chẳng năng cứu vớt tất cả hữu tình khiến xa lìa đại khổ sanh tử, cũng chẳng năng được Nhất thiết trí trí. Đại Bồ Tát này do quán sát đây **tu hành tinh tấn Ba la mật** chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát này vì độ thoát khổ sanh tử các hữu tình nên tu các thắng định, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề trọn chẳng phát khởi loạn tâm tương ưng tham sân si. Vì sao? Bồ Tát này thường khởi nghĩ: Nếu ta phát khởi loạn tâm tương ưng tham sân si, thời chẳng thể mang lại lợi vui cho kẻ khác, cũng chẳng thể chứng được sở cầu Phật quả. Bồ Tát này do quán sát đây, **tu hành tĩnh lự Ba la mật** chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bồ Tát này vì độ thoát các khổ sanh tử cho các hữu tình nên chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thường siêng tu học thắng huệ vi diệu thế gian, xuất thế gian. Vì sao? Vì Bồ Tát này hằng khởi nghĩ: Nếu lìa Bát nhã Ba la mật, đối các hữu tình chẳng năng thành thục được, cũng chẳng thể được Nhất thiết trí trí. Bồ Tát này do quán sát đây **tu hành Bát nhã Ba la mật** chóng được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Do nhân duyên này, dù tất cả pháp không thật tác dụng, tự tánh đều không, mà chúng Bồ Tát siêng tu 6 thứ Ba la mật thường không lười mỏi cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả Ba la mật tánh không sai khác, đều được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, đều do Bát nhã Ba la mật mà được thành mãn, lẽ **nên hợp làm một Ba la mật**, chỗ gọi Bát nhã Ba la mật. Vì sao nói là Bát nhã Ba la mật đối năm Ba la mật trước là tối là thắng, là tôn là diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng lời ngươi nói! Sáu pháp Ba la mật này tánh không sai khác, đều được Bát nhã Ba la mật hộ trì. Nếu không có Bát nhã Ba la mật, thì 5 Ba la mật như bố thí, an nhẫn v.v... không được gọi là Ba la mật. Phải nương vào Bát nhã Ba la mật, 5 Ba la mật như bố thí, an nhẫn v.v... mới được gọi là Ba la mật. Vì vậy, 5 Ba la mật trước thuộc vào Bát nhã Ba la mật, do đó chỉ có một Ba la mật được gọi là Bát nhã Ba la mật. Cho nên, tất cả Ba la mật tánh không sai khác.

Thiện Hiện nên biết: Như loài hữu tình tuy có các loại sắc thân khác nhau, nhưng nếu có loài nào ở gần núi Tu di thì đều có cùng một màu sắc. Cũng vậy, năm Ba la mật tuy có các phẩm loại khác nhau nhưng đều thuộc vào Bát nhã Ba la mật, đều dựa vào Bát nhã Ba la mật mà tu thành tựu, đều nhập vào Bát nhã Ba la mật không thể thi thiết danh tánh có khác.

Lại bố thí cùng các Ba la mật khác phải nương tựa Bát nhã Ba la mật mới được vào Nhất thiết trí trí, mới được gọi là đến bờ kia. Vậy nên, 6 thứ Ba la mật đều đồng một vị, tánh không sai khác, chẳng thể thi thiết đây là bố thí, đây là tịnh giới… cho đến đây là Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì 6 thứ Ba la mật đều đồng tới Nhất thiết trí trí, năng đến bờ kia, tánh không sai khác. Do nhân duyên này, 6 pháp như bố thí, an nhẫn v.v... không thể bày ra danh tánh sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Ba la mật và các pháp, nếu theo thật nghĩa đều không có sai khác đây kia hơn kém, duyên cớ nào lại nói Bát nhã Ba la mật đối 5 Ba la mật là tối là thắng, là tôn là cao, là diệu là vi diệu, là thượng là vô thượng, vô đẳng vô đẳng đẳng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Nếu theo thật nghĩa Ba la mật và tất cả pháp đều không đây kia, hơn kém sai khác, chỉ nương thế tục nói có đây kia hơn kém sai khác, thi thiết bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Vì muốn độ thoát sanh lão bệnh tử các loại hữu tình nên dùng thế tục diễn nói. Nhưng sanh lão bệnh tử của hữu tình đều chẳng thật có, chỉ giả thi thiết. Vì sao? Vì hữu tình không biết các pháp là vô sở hữu. Bát Nhã thẳm sâu thông đạt tất cả các pháp đều vô sở hữu có thể cứu vớt hữu tình ra khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Vì vậy nói, đối với 5 Ba la mật, Bát nhã Ba la mật là hơn hết, là thù thắng, là tôn là cao, là diệu là vi diệu, là thượng là vô thượng, vô đẳng vô đẳng đẳng.

Hơn nữa, Thiện Hiện! Bởi Bát nhã Ba la mật đây dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường nhiếp lấy tất cả thiện pháp, hòa hợp vào Nhất thiết trí trí an trụ chẳng động, nên Ta hằng thường khen nói Bát nhã Ba la mật.

(Bát Nhã đối với các thiện pháp có thủ có xả chăng?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bát Nhã thẳm sâu đối các thiện pháp **có thủ có xả chăng**?

Phật nói:

- Chẳng có, Bát Nhã đối pháp đều không thủ không xả. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp đều không, **hoàn toàn không thủ, không xả.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bát Nhã thẳm sâu đối những pháp nào không thủ không xả?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bát Nhã **đối sắc không thủ không xả**, đối thọ tưởng hành thức không thủ không xả. Đối 12 xứ cho đến 18 giới không thủ không xả. Đối nhãn xúc cho đến ý xúc không thủ không xả. Đối nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không thủ không xả. Đối địa giới cho đến thức giới không thủ không xả. Đối nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không thủ không xả. Đối vô minh cho đến lão tử không thủ không xả. Đối bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không thủ không xả. Đối nội không cho đến vô tánh tự tánh không, không thủ không xả. Đối chơn như cho đến bất tư nghì giới không thủ không xả. Đối khổ Tứ đế cho đến 37 trợ đạo không thủ không xả. Đối 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc không thủ không xả. Đối 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ không thủ không xả. Đối không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn không thủ không xả. Đối Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không thủ không xả. Đối quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề không thủ không xả. Đối tất cả Bồ Tát hạnh cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thủ không xả. Đối Nhất thiết trí trí cũng không thủ không xả.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bát Nhã thẳm sâu vì sao đối sắc không thủ không xả, cho đến đối với Nhất thiết trí trí không thủ không xả?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Bát Nhã chẳng tư duy sắc, vậy nên đối sắc không thủ không xả. Cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí, vậy nên đối Nhất thiết trí trí không thủ không xả.**

(Vì sao Bát Nhã chẳng tư duy tất cả pháp?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Vì sao Bát nhã Ba la mật **chẳng tư duy sắc** cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bởi Bát nhã Ba la mật đây đối sắc **chẳng tư duy tất cả tướng, cũng chẳng tư duy tất cả sở duyên**, vậy nên chẳng tư duy sắc. Cho đến đối Nhất thiết trí trí chẳng tư duy tất cả tướng, cũng chẳng tư duy tất cả sở duyên, vậy nên chẳng tư duy Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng: Nếu Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí làm sao tăng trưởng căn lành đã trồng? Nếu chẳng tăng trưởng căn lành đã trồng, làm sao viên mãn Ba la mật? Nếu chẳng viên mãn Ba la mật, làm sao chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí. Khi ấy Bồ Tát **bèn năng tăng trưởng căn lành đã trồng**. Vì căn lành đã trồng được tăng trưởng, nên mới năng viên mãn Ba la mật. Các Ba la mật được viên mãn, thời năng chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Thiện Hiện! Các Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí mới có thể tu đầy đủ các Bồ Tát hạnh, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Duyên nào Bồ Tát cần chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí, mới có thể tu đầy đủ các Bồ Tát hạnh chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát nếu tư duy sắc cho đến tư duy Nhất thiết trí trí **thời có sở đắc**. Vì có sở đắc bèn chấp trước cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc.

Nếu chấp trước ba cõi thời chẳng thể tu đầy đủ Bồ Tát hạnh, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Nếu Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí là **vô sở đắc**. Vì vô sở đắc nên chẳng chấp trước cõi Dục, Sắc, Vô sắc, cho đến tu đầy đủ Bồ Tát hạnh, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn được tu đầy đủ Bồ Tát hạnh, muốn mau chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu, **chẳng nên tư duy chấp trước các pháp**.

(Bát Nhã thẳm sâu trụ chỗ nào?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu Bồ Tát tinh siêng tu học **Bát Nhã thẳm sâu phải trụ nơi nào**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tinh siêng tu học Bát Nhã c**hẳng nên trụ sắc, cho đến chẳng nên trụ Nhất thiết trí trí.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Duyên nào Bồ Tát tinh siêng tu học Bát Nhã chẳng nên trụ sắc cho đến chẳng nên trụ Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tinh siêng tu học Bát Nhã, vì đối tất cả các pháp **không chấp trước**, nên chẳng trụ sắc, cho đến chẳng trụ Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Bồ Tát này chẳng thấy có pháp khả đối trong ấy mà khởi chấp trước và khả an trụ.

Thiện Hiện! Bồ Tát như thế **đem vô sở trước và vô sở an trụ mà làm phương tiện**, tinh siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khởi nghĩ như vầy: Nếu năng được vô sở chấp trước vô sở an trụ như thế, tinh tấn tu hành Bát Nhã, là tu Bát Nhã, là hành Bát Nhã. Ta năng được vô sở chấp trước như thế tu Bát Nhã, Ta năng được vô sở chấp trước như thế là hành Bát Nhã thẳm sâu.

Thiện Hiện! Bồ Tát này do nghĩ như thế, **lấy tướng chấp trước, thì xa lìa Bát nhã Ba la mật**. Nếu xa lìa Bát nhã Ba la mật thời xa lìa tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Cũng xa lìa nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng xa lìa chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, cũng xa lìa tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba la mật**

vô sở chấp trước đối tất cả pháp. Vì sao? Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đều vô tự tánh khá đối các pháp có sở chấp trước.

Vậy nên, Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật khởi nghĩ như vầy: Đây là Bát nhã Ba la mật, ta hành Bát nhã Ba la mật, thời Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật đối với tất cả pháp và đối với Bát nhã Ba la mật **đều có chấp trước**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã khởi tưởng như vầy: Đây là Bát nhã Ba la mật, ta hành Bát nhã Ba la mật tức là thực hành toàn bộ thật tướng các pháp. Bồ Tát này do khởi tưởng đây bèn lui Bát nhã Ba la mật. Nếu lui Bát nhã Ba la mật thời là lui mất tất cả bạch pháp.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khởi nghĩ như vầy: An trụ Bát Nhã thẳm sâu là nhiếp thọ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự Ba la mật cho đến nhiếp thọ Nhất thiết trí trí. Bồ Tát này lui mất Bát nhã Ba la mật. Nếu lui mất Bát nhã Ba la mật thời chẳng năng nhiếp thọ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự Ba la mật, cho đến chẳng năng nhiếp thọ Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật năng khắp nhiếp thọ Bồ đề phần pháp và năng chứng được Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khởi nghĩ như vầy: An trụ Bát nhã Ba la mật bèn đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề định được nhận ký. Bồ Tát này thời lui mất Bát nhã Ba la mật. Nếu lui mất Bát nhã Ba la mật, thời đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng được nhận ký. Vì sao? Thiện Hiện! Chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật khá đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề được nhận ký vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khởi nghĩ như vầy: An trụ Bát nhã Ba la mật thời năng dẫn phát bố thí cho đến tĩnh lự Ba la mật. Như vậy, cho đến năng dẫn phát đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Bồ Tát này như vậy là thối thất Bát nhã Ba la mật. Nếu thối thất Bát nhã Ba la mật thời chẳng năng dẫn phát bố thí cho đến tĩnh lự Ba la mật. Như vậy, cho đến chẳng năng dẫn phát đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Vì sao? Thiện Hiện! **Chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật mà năng dẫn phát an trụ thắng pháp.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khởi nghĩ như vầy: Phật biết các pháp không tướng nhiếp thọ, tự chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Được Bồ đề rồi, vì các hữu tình tuyên nói khai chỉ thật tướng các pháp, Bồ Tát này nghĩ như vậy là thối thất Bát Nhã thẳm sâu. Vì sao? Thiện Hiện! **Như Lai đối với các pháp: Không hay, không biết, không nói, không**

chỉ. Vì sao? Vì thật tánh các pháp chẳng thể hay biết, chẳng thể thi thiết, làm sao có hay biết nói chỉ tất cả pháp ấy được? Nếu nói thật có hay biết nói chỉ tất cả pháp ấy được là không có lẽ ấy.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **làm sao xa lìa được các lỗi lầm** như thế?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã khởi nghĩ như vầy: **Tất cả pháp vô sở hữu chẳng thể nắm bắt. Nếu pháp vô sở hữu chẳng thể nắm bắt thời không có kẻ năng hiện Đẳng giác, cũng không có năng tuyên nói khai chỉ. Nếu hành như thế là hành Bát Nhã lìa các lỗi lầm.**

Đại Bồ Tát nào chấp trước pháp vô sở hữu bất khả đắc, thì xa lìa Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát Nhã không có chấp trước và nắm giữ các pháp. **Nếu chấp trước và nắm giữ các pháp thì xa lìa Bát nhã Ba la mật.**

(Bát Nhã đối với tất cả pháp xa lìa hay chẳng xa lìa?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật là **xa lìa hay chẳng xa lìa**? Tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí, đối với tịnh lự cho đến bố thí Ba la mật là xa lìa hay chẳng xa lìa? Nói rộng ra, nếu 18 pháp không đối với 18 pháp không v.v… cho đến Nhất thiết trí đối với Nhất thiết trí xa lìa hay chẳng xa lìa, thì làm sao đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước mà dẫn phát Nhất thiết trí? Nếu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đối với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí xa lìa hay chẳng xa lìa, thì làm sao đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước mà dẫn phát Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Bát nhã Ba la mật đối Bát nhã Ba la mật chẳng xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa.** Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật đối tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật chẳng xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước dẫn phát tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật. Nói rộng ra, 18 pháp không đối với 18 pháp không v.v… cho đến Nhất thiết trí đối với Nhất thiết trí chẳng xa lìa hay

chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đối với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng xa lìa hay chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa. <u>Xa lìa hay chẳng xa lìa là nhị biên đối đãi</u>. Không rơi vào nhị biên đối đãi thì tránh được chấp trước. Nếu không chấp trước thì đại Bồ Tát có thể dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Tất cả pháp đối với tất cả các pháp cũng lại như thế. Nếu xa lìa hay chẳng xa lìa đều bỏ thì không rơi vào nhị biên đối đãi, nghĩa là không còn chấp trước, tâm thể mới được rỗng rang, tha hồ muốn làm gì cũng tự tại. Vì sao? Vì chẳng phải chính tự tánh, chẳng phải lìa tự tánh, mà năng an trụ dẫn phát tự tánh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã **<u>chẳng chấp trước sắc rằng đây là sắc, sắc đây thuộc kia</u>**. Cũng chẳng chấp trước thọ tưởng hành thức rằng đây là thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức đây thuộc kia. Như vậy cho đến chẳng chấp trước Nhất thiết trí trí rằng đây là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí đây thuộc kia.

Thiện Hiện! Bồ Tát này đối tất cả pháp như thế vì không chấp trước nên mới năng dẫn phát được Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Cho đến năng dẫn phát được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã, đối với các pháp có sở chấp trước rằng đây là pháp, pháp đây thuộc kia, thời chẳng năng tùy ý dẫn phát được công đức an trụ thắng diệu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật **<u>chẳng quán sắc hoặc thường hoặc vô thường</u>**, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Cũng chẳng quán thọ tưởng hành thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Cho đến chẳng quán Nhất thiết trí trí hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa.

Bồ Tát Ma ha tát này đối tất cả pháp như thế vì chẳng quán sát nên mới năng dẫn phát được Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Như vậy, cho

đến năng dẫn phát được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã đối trong các pháp có sở quán sát hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa, thời chẳng năng tùy ý dẫn phát được công đức an trụ thắng diệu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát **tu hành Bát Nhã đồng thời là tu hành tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật**. Cũng là an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Cũng là an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Cũng là tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Cũng là tu hành 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Cũng là tu hành 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Cũng là tu hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Cũng là tu hành Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Cũng là tu hành pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Cũng là tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Cũng là tu hành tất cả Bồ Tát hạnh. Cũng là tu hành chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Cũng là tu hành Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Bát Nhã tùy đi chỗ nào, tất cả những gì thuộc Ba la mật và tất cả Bồ đề phần pháp thảy đều đi theo**. Bát Nhã thẳm sâu tùy đến chỗ nào, thì tất cả những gì thuộc Ba la mật và tất cả Bồ đề phần pháp thảy đều đến theo. Như vua Chuyển luân tùy đi chỗ nào thì bốn thứ dũng quân đều đi theo. Vua Chuyển luân kia tùy đến chỗ nào bốn thứ dũng quân đều theo đến. Bát Nhã cũng lại như thế, tuy có đi đâu và có đến chỗ nào, thì tất cả những gì thuộc Ba la mật và tất cả Bồ đề phần pháp đều đi theo đến, chỗ rốt ráo đó là Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Như kẻ đánh xe giỏi ngồi xe tứ mã khiến tránh đường hiểm, đi đường chính, ý muốn đến chỗ nào thì sẽ đến được chỗ đó. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật và tất cả các Bồ đề phần pháp, khiến tránh đạo sanh tử, hành đạo tự lợi lợi tha, để đến chỗ mong cầu là Nhất thiết trí trí.

(Thế nào là đạo, thế nào chẳng phải đạo của Bồ Tát?)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Thế nào là đạo, thế nào là chẳng phải đạo** của các Bồ Tát ?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đạo Trời người, đạo Thanh văn, đạo Độc giác chẳng phải là đạo của các Bồ Tát, bởi vì nương theo đó thì không thể đạt đến Nhất thiết trí trí. **Bát Nhã phát sanh 6 pháp Ba la mật là đạo của các Bồ Tát, bởi vì nương vào đó thì chắc chắn có thể đạt đến Nhất thiết trí trí.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thẳm sâu xuất hiện thế gian làm xong đại sự, chỗ gọi chỉ rõ tướng đạo chẳng phải đạo cho các Bồ Tát, khiến các Bồ Tát biết là đạo chẳng phải đạo, mau chứng được Nhất thiết trí trí chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Bát Nhã xuất hiện thế gian làm xong đại sự, chỗ gọi chỉ rõ tướng đạo chẳng phải đạo cho các Bồ Tát biết, để Bồ Tát theo đây mau chứng được Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã xuất hiện thế gian làm xong đại sự, chỗ gọi độ thoát vô lượng vô số vô biên hữu tình, khiến được lợi ích an vui thù thắng.

Thiện Hiện phải biết: Bát Nhã dù thực hiện vô biên lợi ích an vui cho người, mà đối việc như vậy cũng **không chấp đắm**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã mặc dù thị hiện làm sự nghiệp nhưng không chấp đắm sắc, không chấp đắm thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến tuy thường thị hiện làm sự nghiệp nhưng không chấp đắm Nhất thiết trí trí. Tuy thường thị hiện việc làm của Thanh văn Độc giác, mà đối việc đó cũng không chấp đắm.

Thiện Hiện! Bát Nhã dù thường hay dẫn dắt tất cả chúng Bồ Tát tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, xa lìa Thanh văn Độc giác mà đối với các pháp vô sanh vô diệt, vì lấy pháp trụ làm định lượng vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bát Nhã đối tất cả pháp vô sanh vô diệt, Bồ Tát làm sao khi hành Bát Nhã vì các hữu tình hành bố thí, trì tịnh giới, khởi an nhẫn, siêng tinh tấn, trụ tĩnh lự, tu Bát Nhã được?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã duyên Nhất thiết trí trí vì các hữu tình hành bố thí được, trì tịnh giới, khởi an nhẫn, siêng tinh tấn, trụ tĩnh lự, tu Bát Nhã được.

Thiện Hiện! Bồ Tát đó đem căn lành này ban cho các hữu tình rồi cùng nhau hồi hướng Nhất thiết trí trí. Hồi hướng Nhất thiết trí trí như vậy

chính là tu 6 pháp Ba la mật mau được viên mãn, cũng là tu từ, bi, hỷ, xả mau được viên mãn. Cho đến khi an tọa tòa Bồ đề vi diệu, vị ấy thường không xa lìa 6 pháp Ba la mật này. Ai không xa lìa 6 pháp Ba la mật này thì không xa lìa Nhất thiết trí trí.

Vì vậy, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, phải tinh tấn tu học 6 pháp Ba la mật. Bồ Tát nào siêng năng tu học hành trì 6 pháp Ba la mật này, thì tất cả căn lành mau được viên mãn và có thể mau chứng đắc Nhất thiết trí trí. Vì vậy, này Thiện Hiện! Các Bồ Tát phải thường tương ưng với 6 pháp Ba la mật, chớ có lìa bỏ nhau.

(Bồ Tát làm sao cùng 6 Ba la mật thường tương ưng chớ lìa bỏ nhau?)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát làm sao cùng **6 thứ Ba la mật thường chung tương ưng chớ bỏ lìa nhau**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu **Bồ Tát như thật quán sắc chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.** Như thật quán thọ tưởng hành thức chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Cho đến như thật quán Nhất thiết trí trí chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Bồ Tát này năng cùng 6 thứ Ba la mật thường chung tương ưng, chẳng bỏ lìa nhau.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát hằng khởi nghĩ này: **Ta chẳng nên trụ sắc, cũng chẳng nên trụ phi sắc.** Ta chẳng nên trụ thọ tưởng hành thức, chẳng nên trụ phi thọ tưởng hành thức; cũng chẳng nên trụ Nhất thiết trí trí, cũng chẳng nên trụ phi Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì sắc chẳng năng trụ chẳng sở trụ, thọ tưởng hành thức cũng chẳng năng trụ chẳng sở trụ. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí trí chẳng năng trụ chẳng sở trụ vậy. Thiện Hiện! Bồ Tát này hành như vậy tức cùng 6 thứ Ba la mật thường chung tương ưng, chẳng bỏ lìa nhau. Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát năng **dùng phương tiện vô trụ** như thế tu hành 6 thứ Ba la mật, Bồ Tát này chóng chứng Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Ví như có người muốn ăn quả xoài hay mãng cầu, trước lấy hột của nó, gieo chỗ đất mầu mỡ, tùy thời tưới bón, chăm sóc gìn giữ.

Cây lần lữa sanh trưởng nhánh lá, hòa hợp thời tiết bèn có hoa quả. Quả chín rồi, lấy đó mà ăn.

Như vậy, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, trước học 6 thứ Ba la mật. Lại đối hữu tình dùng bố thí, hoặc ái ngữ, hoặc lợi hành, hoặc đồng sự mà nhiếp thọ. Đã nhiếp thọ rồi, dạy chúng an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Đã an trụ rồi giải thoát tất cả sanh lão bệnh tử, chứng được an vui rốt ráo. Bồ Tát như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh.

Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn đối các pháp chẳng nhờ duyên người mà mình tự liễu ngộ, muốn thành thục tất cả hữu tình, muốn khéo trang nghiêm cõi Phật, muốn mau ngồi tòa Bồ đề vi diệu, muốn uốn dẹp tất cả ma quân, muốn chóng chứng Nhất thiết trí trí, muốn quay xe pháp cứu thoát chúng hữu tình an vui rốt ráo. **Cần học 6 thứ Ba la mật, dùng bốn nhiếp sự phương tiện nhiếp dẫn chúng hữu tình. Đã nhiếp dẫn rồi nên khiến an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát như thế nên đối Bát nhã Ba la mật thường nên siêng tu học.***(Q.461. ĐBN)*

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Phật nói Bồ Tát nên đối Bát nhã Ba la mật thường siêng tu học** chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như vậy! Ta nói Bồ Tát nên đối Bát nhã Ba la mật thường siêng tu học.

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn đối các pháp được đại tự tại, nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát Nhã đủ đại thế lực, khiến các Bồ Tát đối tất cả pháp được tự tại vậy.

Thiện Hiện! Phải biết Bát nhã Ba la mật là diệu môn các pháp lành hướng tới, ví như cửa biển là chỗ của tất cả nước đổ vào. Vậy nên, Thiện Hiện! Chúng Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Bồ Tát thừa, đều đối Bát Nhã thẳm sâu đây thường nên siêng tu học.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật đây khi siêng tu học, nên đối nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng thường an trụ. Nên đối chơn như cho đến bất khả tư nghì giới cũng thường an trụ. Nên đối Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo cũng **thường tu học**. Nên đối 4 tĩnh lự, 4 vô

lượng, 4 định vô sắc cũng thường tu học. Nên đối 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ cũng thường tu học. Nên đối không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn cũng thường tu học. Nên đối Bồ Tát thập địa cũng thường tu học. Nên đối tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn cũng thường tu học. Nên đối 5 nhãn, 6 thần thông cũng thường tu học. Nên đối Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng thường tu học. Nên đối pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả cũng thường tu học. Nên đối Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng thường tu học. Nên đối tất cả Bồ Tát hạnh cho đến đối chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng thường tu học. Nên đối Nhất thiết trí trí cũng thường tu học.

Thiện Hiện! Ví như người bắn giỏi, áo mũ kiên cố, cung tên như ý, chẳng sợ oán địch. Các Bồ Tát cũng lại như thế, nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật phương tiện khéo léo, đủ các công đức, tất cả dị luận của ma quân ngoại đạo chẳng khuất phục được. Vậy nên, Thiện Hiện! **Nếu Bồ Tát muốn mau chứng được Nhất thiết trí trí, nên siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu.**

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật thường siêng tu học, bèn được chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới thường cùng hộ niệm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là đại Bồ Tát thường siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu, bèn được chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới cùng hộ niệm?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật thường siêng tu học, tức thường tu hành bố thí Ba la mật cho đến tu hành Nhất thiết trí trí. Do đây được chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới thường cùng hộ niệm.

(Bồ Tát tuy có nhiều thứ để học mà không sở học?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Tại sao các Bồ Tát này tu hành bố thí Ba la mật cho đến tu hành Nhất thiết trí trí, bèn được chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới thường cùng hộ niệm?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bồ Tát này khi tu hành bố thí Ba la mật, **quán bố thí bất khả đắc**. Cho đến khi tu hành Nhất thiết trí trí, quán Nhất thiết trí trí bất khả đắc, nên được chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới thường cùng hộ niệm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như vậy, chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thấy sắc bất khả đắc, nên thường cùng hộ niệm đại Bồ Tát này. Thấy thọ tưởng hành thức bất khả đắc, nên thường cùng hộ niệm Bồ Tát này. Cho đến thấy Nhất thiết trí trí bất khả đắc, nên thường hộ niệm Bồ Tát này.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như vậy, chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới **chẳng vì sắc**, nên thường cùng hộ niệm Bồ Tát này. Chẳng vì thọ tưởng hành thức, nên thường cùng hộ niệm Bồ Tát này. Cho đến chẳng vì Nhất thiết trí trí, nên thường cùng hộ niệm Bồ Tát này.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát tuy có nhiều thứ để học mà không sở học chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy! **Các Bồ Tát tuy có nhiều thứ để học mà không sở học. Vì sao? Vì thật không có pháp để Bồ Tát tu học.**

(Đây là chỗ khó hiểu, khó giải thích: "Các Bồ Tát tuy có nhiều thứ để học mà không sở học. Vì sao? Vì thật không có pháp để Bồ Tát tu học"*). Có tất cả pháp để học, chứ không phải không có. Nhưng tất cả pháp từ ngoài vào chỉ bồi dưỡng tánh đức phước nghiệp hơn là mang lại trí tuệ. Chỉ có mình không ai khác mình, phải lặn sâu vào nội tâm để tìm thấy ánh sáng giác ngộ. Vì vậy, cổ đức mới bảo: "Cái gì từ ngoài vào không phải là gia bảo nhà ta". Đó là chỗ cần biết trong việc tu hành!)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì các Bồ Tát hoặc nghe giảng lược hoặc thuyết rộng các pháp tương ưng 6 pháp Ba la mật, nếu Bồ Tát muốn mau chứng Nhất thiết trí trí, đối pháp tương ưng 6 pháp Ba la mật, hoặc giảng lược hoặc thuyết rộng, đều nên lắng nghe thọ trì đọc tụng, thông suốt rốt ráo. Đã thông suốt rồi, như lý suy nghĩ. Đã suy nghĩ rồi, nên quán sát kỹ. Đã quán

sát kỹ, phải làm cho tâm và tâm sở không bị lay động bởi cảnh mà nó duyên theo?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng như ngươi đã nói! Lại nữa, Thiện Hiện! Lúc các Bồ Tát siêng năng tu tập giáo pháp tương ưng với 6 pháp Ba la mật mà chư Phật Thế Tôn đã giảng nói hoặc lược tóm, hoặc thuyết rộng thì phải biết rõ như thật tướng rộng, hẹp của các pháp.

(Bồ Tát đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp?)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là **Bồ Tát đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát như thật rõ biết **sắc như**, thọ tưởng hành thức như. Như thật biết rõ 12 xứ như cho đến 18 giới như. Như thật biết rõ tướng nhãn xúc như cho đến tướng ý xúc như. Như thật biết rõ tướng nhãn xúc như làm duyên sanh ra các thọ như cho đến tướng ý xúc như làm duyên sanh ra các thọ như. Như thật biết rõ tướng địa giới như cho đến tướng thức giới như. Như thật biết rõ tướng bố thí như cho đến tướng Bát nhã Ba la mật như. Như thật biết rõ tướng nội không như cho đến tướng vô tánh tự tánh không như. Như thật biết rõ tướng Ttứ đế như cho đến tướng 37 trợ đạo như. Nói rộng ra, như thật biết rõ tướng Nhất thiết trí như cho đến tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như. Như thật biết rõ tướng quả Dự lưu, cho đến tướng Độc giác Bồ đề như. Như thật biết rõ tướng Bồ Tát hạnh cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như. Như thật biết rõ tướng Nhất thiết trí trí như. Bồ Tát này đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là **tướng sắc như**, tướng thọ tưởng hành thức như? Cho đến sao là tướng Nhất thiết trí trí như, các Bồ Tát như thật biết rõ, nên đối với tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện**! Sắc như không sanh không diệt, cũng không trụ khác mà khá thi thiết, đấy gọi tướng sắc như**. Thọ tưởng hành thức như

không sanh không diệt, cũng không trụ khác mà khá thi thiết, đấy gọi tướng thọ tưởng hành thức như. Cho đến Nhất thiết trí trí như không sanh không diệt, cũng không trụ khác mà khá thi thiết, đấy gọi tướng Nhất thiết trí trí như. Các Bồ Tát biết rõ như thật và học trong đó thì có thể biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát như thật rõ biết **tướng sắc thật tế** *(biên tế cuối cùng của sắc)*, tướng thọ tưởng hành thức thật tế; cho đến như thật biết rõ tướng Nhất thiết trí trí thật tế. Bồ Tát này đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là tướng sắc thật tế, sao là tướng thọ tưởng hành thức thật tế. Cho đến sao là tướng Nhất thiết trí trí thật tế, các Bồ Tát như thật biết rõ mà đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Sắc không ngằn mé, đấy gọi tướng sắc thật tế**. Thọ tưởng hành thức không ngằn mé, đấy gọi tướng thọ tưởng hành thức thật tế. Cho đến Nhất thiết trí trí không ngằn mé, đấy gọi tướng Nhất thiết trí trí thật tế, các Bồ Tát biết rõ như thật và học trong đó thì có thể biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát như thật rõ **tướng sắc pháp giới**, tướng thọ tưởng hành thức pháp giới. Cho đến như thật biết rõ tướng Nhất thiết trí trí pháp giới, Bồ Tát này đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là tướng sắc pháp giới, tướng thọ tưởng hành thức pháp giới. Cho đến sao là tướng Nhất thiết trí trí pháp giới, các Bồ Tát như thật biết rõ mà đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Sắc như hư không không chướng không ngại, không sanh không diệt, không đứt không nối mà khá thi thiết, đấy gọi tướng sắc pháp giới**. Thọ tưởng hành thức như hư không, không chướng không ngại, không sanh không diệt, không dứt không nối mà khá thi thiết, đấy gọi tướng thọ tưởng hành thức pháp giới. Cho đến Nhất thiết trí trí như hư không, không chướng không ngại, không sanh không diệt, không dứt không nối mà khá thi thiết, đấy gọi tướng Nhất thiết trí trí pháp giới. Các

Bồ Tát như thật biết rõ như thật và học trong đó thì có thể biết rõ như thật tướng rộng hẹp của các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát phải làm sao biết tướng rộng hẹp tất cả pháp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát như thật biết rõ **tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan**. Bồ Tát này biết tướng rộng hẹp tất cả pháp như thế.

(Tất cả pháp nào chẳng hợp chẳng tan?)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Tất cả pháp nào chẳng hợp chẳng tan**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Sắc chẳng hợp chẳng tan**, thọ tưởng hành thức chẳng hợp chẳng tan. 12 xứ cho đến 18 giới chẳng hợp chẳng tan. Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng hợp chẳng tan. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng hợp chẳng tan. Địa giới cho đến thức giới chẳng hợp chẳng tan. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên chẳng hợp chẳng tan. Vô minh cho đến lão tử chẳng hợp chẳng tan. Tham, sân, si chẳng hợp chẳng tan. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng hợp chẳng tan. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng hợp chẳng tan. Nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không chẳng hợp chẳng tan. Chơn như cho đến bất tư nghì giới chẳng hợp chẳng tan. Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo chẳng hợp chẳng tan. Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp bất cộng chẳng hợp chẳng tan. 32 tướng Đại sĩ, 80 tùy hảo chẳng hợp chẳng tan. Pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả chẳng hợp chẳng tan. Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng hợp chẳng tan. Quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề chẳng hợp chẳng tan. Bồ Tát hạnh cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng hợp chẳng tan. Nhất thiết trí trí chẳng hợp chẳng tan. Hữu vi giới chẳng hợp chẳng tan. Vô vi giới chẳng hợp chẳng tan. Vì sao? **Các pháp như thế đều không tự tánh. Nếu không tự tánh thời vô sở hữu. Nếu vô sở hữu thời chẳng thể nói có hợp có tan. Các Bồ Tát đối tất cả pháp biết rõ như thế, thời biết rõ được tướng rộng hẹp.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy gọi là tóm lược tất cả Ba la mật. Nếu các Bồ Tát học ở trong đó thì có thể làm được nhiều việc.

Bạch Thế Tôn! Như vậy tóm nhiếp Ba la mật, Bồ Tát sơ phát tâm cho đến Bồ Tát thập địa đối trong nên thường tu học. Nếu Bồ Tát học tóm nhiếp Ba la mật đây đối tất cả pháp như thật biết được tướng rộng hẹp.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy, đúng như ngươi đã nói! Thiện Hiện! Phải biết pháp môn tóm nhiếp Ba la mật như thế, các Bồ Tát lợi căn vào được, kẻ độn căn chẳng vào được. Người siêng năng tinh tấn mới vào được, người lười biếng không vào được. Người đầy đủ chánh niệm mới vào được, người không đầy đủ chánh niệm chẳng vào được. Người đầy đủ trí tuệ vi diệu mới vào được, người không có trí tuệ chẳng vào được.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào muốn trụ ở địa vị Bất thối chuyển thì phải siêng năng tìm cách thâm nhập pháp môn này, Bồ Tát trụ địa thứ mười *(Pháp Vân địa)* cũng phải siêng năng tìm cách thâm nhập pháp môn này. Cho đến Bồ Tát muốn đạt được Nhất thiết trí trí cũng phải tìm cách thâm nhập pháp môn này.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào học theo y chỉ *(sự nương vào)* của Bát nhã Ba la mật này thì Bồ Tát đó liền có thể theo học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Cũng có thể học nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng có thể học chơn như cho đến bất tư nghì giới. Cũng có thể học khổ tập diệt đạo Thánh đế. Cũng có thể học 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Cũng có thể học 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Cũng có thể học 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Cũng có thể học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Cũng có thể học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Cũng có thể học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Cũng có thể học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Cũng có thể học tất cả Bồ Tát hạnh. Cũng có thể học chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Cũng có thể học Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đúng như Bát Nhã thẳm sâu đã nói mà nương dựa tu học, Bồ Tát này như vậy càng gần sở cầu Nhất thiết trí trí.

Bồ Tát nào học theo y chỉ của Bát nhã Ba la mật này thì tất cả nghiệp chướng và ma sự của Bồ Tát ấy vừa phát sanh liền bị tiêu diệt. Vì vậy, Thiện Hiện! Bồ Tát nào muốn mau diệt trừ tất cả nghiệp

chướng và các ma sự, muốn đúng đắn nhiếp thọ sức phương tiện thiện xảo thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu khi Bồ Tát hành Bát Nhã đây, tu Bát Nhã đây, tập Bát Nhã đây, khi ấy Bồ Tát bèn được chư Phật Thế Tôn 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới hiện đang thuyết pháp, thường chung hộ niệm. Vì sao? Thiện Hiện! **Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát Nhã thẳm sâu mà xuất hiện vậy**.

Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát năng hành Bát Nhã, phải khởi nghĩ này: Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng được Pháp, ta cũng sẽ chứng được. Như vậy, Thiện Hiện! Các Bồ Tát nên siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu. Nếu siêng tu học Bát Nhã, chóng chứng Nhất thiết trí trí.

Vậy nên, các Bồ Tát chẳng nên bỏ tác ý tương ưng Bát Nhã.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đối Bát Nhã đây như thật tu hành chỉ trong khoảnh gảy móng tay, chỗ được nhóm phước đức ấy rất nhiều. Giả sử có người giáo hóa tất cả hữu tình ở tam thiên đại thiên thế giới đều khiến an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, hoặc khiến an trụ giải thoát và giải thoát tri kiến, hoặc khiến an trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề. Người này dù được nhóm phước vô lượng mà **cũng chẳng bì kịp như thật tu hành Bát Nhã trong khoảnh gảy móng tay** chỗ được nhóm phước nhiều hơn kẻ trước. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật như thế thường sanh tất cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự; năng sanh tất cả giải thoát và giải thoát tri kiến; năng sanh tất cả quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề. Chư Phật Thế Tôn hiện tại 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới đều do Bát Nhã thẳm sâu mà được xuất sanh. Chư Phật quá khứ vị lai cũng vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát chẳng xa lìa tác ý tương ưng Bát Nhã thẳm sâu, **tu hành Bát Nhã chỉ trong giây lát**, hoặc nửa ngày, hoặc một ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng, hoặc một năm, hoặc trăm năm, hoặc hơn thế nữa, Bồ Tát này chỗ được nhóm phước đức rất nhiều hơn giáo hóa tất cả hữu tình 10 phương thế giới đều ngang như cát Căng già, đều khiến an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự; hoặc khiến an trụ giải thoát trí kiến, hoặc khiến an trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề. Vì sao? Vì do Bát nhã Ba la mật đây mà chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại xuất sanh vì các hữu tình như thật thi thiết bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật; thi thiết giải thoát và giải thoát

trí kiến; như thật thi thiết quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề; như thật thi thiết chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nên nhóm phước này hơn hẳn phước đức kia.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát y chỉ đúng như Bát Nhã đã nói mà trụ, phải biết Bồ Tát này chẳng quay lui nữa, thường được chư Phật hộ niệm, trọn nên phương tiện khéo léo hơn cả. Đã từng gần gũi cúng dường vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức Phật, ở chỗ chư Phật đã trồng vô lượng căn lành vi diệu. Đã được vô lượng chơn thiện tri thức nhiếp thọ. Đã lâu tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Đã lâu an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Đã lâu an trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. Đã lâu an trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Đã lâu tu tập 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Đã lâu tu tập 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Nói rộng ra, đã lâu tu tập Nhất thiết trí trí.

Phải biết Bồ Tát này trụ bậc đồng chơn, tất cả sở nguyện đều được đầy đủ, thường thấy chư Phật, đối các căn lành hằng chẳng xa lìa, thường thành thục được sở hóa của hữu tình, thường nghiêm tịnh được cõi Phật. Từ một nước Phật tới một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, lóng nghe lãnh thọ tu hành pháp Vô thượng thừa.

Phải biết Bồ Tát này đã được biện tài vô tận. Đã được pháp Đà la ni vi diệu, trọn nên sắc thân tối thượng diệu. Đã được chư Phật trao ký viên mãn, vì độ hữu tình như chỗ mong muốn nên được thọ các thứ thân tự tại.

Phải biết Bồ Tát này **khéo nhập sở duyên**, khéo nhập hành tướng. Khéo nhập pháp có chữ, khéo nhập pháp phi chữ. Khéo nhập lời nói, khéo nhập không lời nói. Khéo nhập một ngôn ngữ, khéo nhập hai ngôn ngữ, khéo nhập nhiều ngôn ngữ. Khéo nhập ngôn ngữ nữ, khéo nhập ngôn ngữ nam, khéo nhập ngôn ngữ chẳng nữ chẳng nam. Khéo nhập ngôn ngữ thời quá khứ, khéo nhập ngôn ngữ thời vị lai, khéo nhập ngôn ngữ thời hiện tại. Khéo nhập các nghĩa, khéo nhập tưởng, khéo nhập hành, khéo nhập thức. Khéo nhập uẩn, khéo nhập xứ, khéo nhập giới. Khéo nhập duyên khởi, khéo nhập chi duyên khởi. Khéo nhập thế gian, khéo nhập Niết bàn. Khéo nhập pháp tướng, khéo nhập tướng hữu vi, khéo nhập tướng vô vi, khéo nhập tướng hữu vi vô vi. Khéo nhập hành tướng, khéo nhập phi hành tướng. Khéo nhập tướng tướng, khéo nhập tướng phi tướng. Khéo nhập hữu tánh, khéo nhập phi hữu tánh. Khéo nhập tánh mình, khéo nhập tánh

người. Khéo nhập hợp, khéo nhập ly, khéo nhập hợp ly. Khéo nhập tương ưng, khéo nhập chẳng tương ưng, khéo nhập tương ưng chẳng tương ưng. Khéo nhập chơn như, khéo nhập tánh không hư vọng, khéo nhập tánh không biến đổi, khéo nhập pháp tánh, khéo nhập pháp giới, khéo nhập pháp định, khéo nhập pháp trụ. Khéo nhập duyên tánh, khéo nhập phi duyên tánh. Khéo nhập các Thánh đế. Khéo nhập 4 tịnh lự, khéo nhập 4 vô lượng, khéo nhập 4 định vô sắc. Khéo nhập 6 Ba la mật. Khéo nhập 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Khéo nhập 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Khéo nhập pháp môn Đà la ni, khéo nhập pháp môn Tam ma địa. Khéo nhập 3 pháp môn giải thoát, khéo nhập tất cả tánh không. Khéo nhập 5 loại mắt, khéo nhập 6 phép thần thông. Khéo nhập 10 lực Như Lai cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Khéo nhập pháp không quên mất, khéo nhập tánh luôn luôn xả. Khéo nhập Nhất thiết trí, khéo nhập Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Khéo nhập cảnh giới hữu vi, khéo nhập cảnh giới vô vi.

Khéo nhập giới, khéo nhập phi giới. Khéo nhập **tác ý của sắc cho đến tác ý của thức**. Khéo nhập tác ý của nhãn xứ cho đến tác ý của ý xứ. Khéo nhập tác ý của sắc xứ cho đến tác ý của pháp xứ. Khéo nhập tác ý của nhãn giới cho đến tác ý của ý giới. Khéo nhập tác ý của sắc giới cho đến tác ý của pháp giới. Khéo nhập tác ý của nhãn thức giới cho đến tác ý của ý thức giới. Khéo nhập tác ý của nhãn xúc cho đến tác ý của ý xúc. Khéo nhập tác ý của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến tác ý của các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Khéo nhập tác ý của địa giới cho đến tác ý của thức giới. Khéo nhập tác ý của nhân duyên cho đến tác ý của tăng thượng duyên. Khéo nhập tác ý về vô minh cho đến tác ý về lão tử. Khéo nhập tác ý về bố thí cho đến tác ý về Bát nhã Ba la mật. Khéo nhập tác ý về pháp nội không cho đến tác ý về pháp vô tánh tự tánh không. Khéo nhập tác ý về chơn như cho đến tác ý về cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, khéo nhập tác ý về tất cả pháp Phật.

Khéo nhập tác ý về sắc và tướng không của sắc. Khéo nhập tác ý về thọ, tưởng, hành, thức và tướng không của thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến khéo nhập vào Nhất thiết trí trí và tướng không của Nhất thiết trí trí. Khéo nhập đạo khinh an, khéo nhập đạo chẳng khinh an. Khéo nhập sanh, khéo nhập diệt, khéo nhập trụ và biến đổi. Khéo nhập chánh kiến, khéo nhập tà kiến. Khéo nhập kiến, khéo nhập phi kiến. Khéo nhập tham, sân, si, khéo nhập không tham, không sân, không si. Khéo nhập tất

cả kiết sử trói buộc như kiến chấp triền cái, tùy miên, khéo nhập sự dứt trừ tất cả kiến sử trói buộc như kiến chấp, triền cái, tùy miên. Khéo nhập danh, khéo nhập sắc, khéo nhập danh sắc. Khéo nhập sở duyên duyên, khéo nhập tăng thượng duyên. Khéo nhập nhân duyên, khéo nhập đẳng vô gián duyên. Khéo nhập hành, khéo nhập tướng. Khéo nhập nhân, khéo nhập quả. Khéo nhập khổ, tập, diệt, đạo. Khéo nhập địa ngục và đường dẫn đến địa ngục. Khéo nhập bàng sanh và đường dẫn đến bàng sanh. Khéo nhập cõi quỷ và đường dẫn đến cõi quỷ. Khéo nhập cõi người và đường dẫn đến cõi người, khéo nhập cõi trời và đường dẫn đến cõi trời. Khéo nhập Dự lưu, quả Dự lưu, và đường dẫn đến quả Dự lưu. Khéo nhập Nhất lai, quả Nhất lai, và đường dẫn đến quả Nhất lai. Khéo nhập Bất hoàn, quả Bất hoàn, và đường dẫn đến quả Bất hoàn. Khéo nhập A la hán, quả A la hán, và đường dẫn đến quả A la hán. Khéo nhập Độc giác, Độc giác Bồ đề, và đường dẫn đến Độc giác Bồ đề. Khéo nhập tất cả Bồ Tát và Bồ Tát hạnh. Khéo nhập tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Khéo nhập tất cả Nhất thiết trí và đường dẫn đến Nhất thiết trí, khéo nhập Đạo tướng trí và đường dẫn đến Đạo tướng trí, khéo nhập Nhất thiết tướng trí và đường dẫn đến Nhất thiết tướng trí.

Khéo nhập căn, khéo nhập căn viên mãn, khéo nhập căn thắng liệt. Khéo nhập huệ, khéo nhập tập huệ, khéo nhập lợi *(bén nhạy)* **huệ, khéo nhập tốc** *(nhanh)* **huệ, khéo nhập lực** *(mạnh)* **huệ, khéo nhập đạt** *(thắng lợi)* **huệ, khéo nhập quảng** *(rộng lớn)* **huệ, khéo nhập thâm** *(sâu)* **huệ, khéo nhập đại** *(to lớn)* **huệ, khéo nhập vô đẳng** *(không gì bằng)* **huệ, khéo nhập chơn thật huệ, khéo nhập trân bảo huệ. Khéo nhập đời quá khứ, khéo nhập đời vị lai, đời hiện tại. Khéo nhập phương tiện, khéo nhập nguyện của hữu tình. Khéo nhập ý muốn, khéo nhập tăng thượng ý muốn. Khéo nhập tướng văn nghĩa, khéo nhập các Thánh pháp. Khéo nhập phương tiện an lập ba thừa**.*(nghĩa là có thể nhập tất cả pháp thế gian, xuất thế gian)*

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát hành Bát Nhã thậm thâm, dẫn phát Bát Nhã, tu Bát Nhã thậm thâm thì được các loại lợi ích thù thắng như vậy.

(Đoạn Kinh sau đây nói về: Hành, Dẫn và Tu Bát Nhã)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Các Bồ Tát làm sao hành** Bát Nhã, **làm sao dẫn** Bát Nhã, l**àm sao tu** Bát Nhã thẳm sâu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát nên **quán sắc cho đến thức là điêu tàn, là hư hoại, là ly tán, chẳng tự tại, chẳng bền chắc, tánh hư ngụy, để hành Bát Nhã thẳm sâu**.

Thiện Hiện! Còn điều ngươi hỏi là các Bồ Tát làm sao **để dẫn** phát Bát Nhã thẳm sâu thì câu trả lời là các Bồ Tát nên **dẫn phát Bát Nhã thẳm sâu như dẫn phát cái không của hư không.**

Thiện Hiện! Còn về việc ngươi hỏi là các Bồ Tát làm sao **để tu** Bát Nhã thẳm sâu thì câu trả lời là các **Bồ Tát nên tu trừ khiển các pháp để tu Bát Nhã thẳm sâu.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát phải trải bao thời gian bao lâu để hành Bát Nhã, để dẫn Bát Nhã, để tu Bát Nhã thẳm sâu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát nên từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa diệu Bồ đề, nên hành, nên dẫn, nên tu Bát Nhã thẳm sâu.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát nên trụ những tâm vô gián nào để hành, để dẫn, để tu Bát Nhã thẳm sâu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát nên từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa Bồ đề, không nên khởi tác ý khác, chỉ thường an trụ tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, để hành, để dẫn, để tu Bát Nhã thẳm sâu. **Bồ Tát này làm thế nào để Tâm và tâm sở đối cảnh chẳng chuyển mới được coi là hành, là dẫn, là tu Bát Nhã thẳm sâu.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát hành Bát Nhã, dẫn Bát Nhã, tu Bát Nhã thẳm sâu sẽ được Nhất thiết trí trí chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát chẳng hành Bát Nhã, chẳng dẫn Bát Nhã, chẳng tu Bát Nhã thẳm sâu sẽ được Nhất thiết trí trí chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được!

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát đối Bát Nhã thẳm sâu cũng hành cũng chẳng hành, cũng dẫn cũng chẳng dẫn, cũng tu cũng chẳng tu sẽ được Nhất thiết trí trí chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát đối Bát Nhã thẳm sâu chẳng hành chẳng phải chẳng hành, chẳng dẫn chẳng phải chẳng dẫn, chẳng tu chẳng phải chẳng tu sẽ được Nhất thiết trí trí chăng?

- Thiện Hiện! Chẳng được.

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy các Bồ Tát làm sao sẽ được Nhất thiết trí trí?

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát **như chơn như** sẽ được Nhất thiết trí trí.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là chơn như?

- Thiện Hiện! **Như thật tế**.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là thật tế?

- Thiện Hiện! **Như pháp giới**.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp giới?

- Thiện Hiện! Như cảnh giới của ngã, cảnh giới của hữu tình, của mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là cảnh giới của ngã cho đến cảnh giới của bổ đặc già la?

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Hoặc ngã, hoặc hữu tình, hoặc mạng giả, hoặc sanh giả, hoặc dưỡng giả, hoặc sĩ phu, hoặc bổ đặc già la là khá được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được!

- Thiện Hiện! Nếu ngã cho đến bổ đặc già la đã chẳng khá đắc, thì Ta làm sao khá thi thiết được đây là cảnh giới của ngã cho đến đây là cảnh giới của bổ đặc già la? Thiện Hiện! **Nếu Bồ Tát chẳng thi thiết Nhất thiết trí trí, cũng chẳng thi thiết tất cả pháp, Bồ Tát này nhất định sẽ chứng được Nhất thiết trí trí.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ Bát nhã Ba la mật chẳng thể thi thiết hay tĩnh lự cho đến bố thí cũng chẳng thể thi thiết?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Chẳng những Bát nhã Ba la mật chẳng thể chẳng thi thiết, tĩnh lự cho đến bố thí cũng chẳng thể chẳng thi thiết. Cả đến hoặc

pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Như Lai cũng chẳng thể thi thiết.

Thiện Hiện! Tóm lại mà nói, tất cả pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều chẳng thể thi thiết*(giả lập)*.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp đều chẳng thể thi thiết, làm sao khá thi thiết đây địa ngục, đây bàng sanh, đây quỷ giới, đây người, đây trời, đây Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đây Độc giác, đây Bồ Tát, đây Như Lai, đây tất cả pháp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Thi thiết hữu tình và thi thiết pháp thật khá được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu thi thiết hữu tình và thi thiết pháp thật chẳng khá được, thì Ta làm sao khá thi thiết đây địa ngục, đây bàng sanh, đây quỷ giới, đây người, đây trời, đây Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đây Độc giác, đây Bồ Tát, đây Như Lai, đây tất cả pháp. Thiện Hiện! **Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nên học tất cả pháp đều chẳng thể thi thiết thì có thể tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Lúc hành Bát Nhã thẳm sâu, lẽ nào Bồ Tát không nên học sắc, không nên học thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến không nên học Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nên **học sắc chẳng tăng chẳng giảm**, nên học thọ tưởng hành thức học chẳng tăng chẳng giảm. Như vậy, cho đến nên học Nhất thiết trí trí chẳng tăng chẳng giảm.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, làm sao học sắc chẳng tăng chẳng giảm. Làm sao học thọ tưởng hành thức chẳng tăng chẳng giảm. Như vậy, cho đến làm sao học Nhất thiết trí trí chẳng tăng chẳng giảm?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu nên **dùng bất sanh bất diệt** đối sắc mà học. Nên dùng bất sanh bất diệt đối thọ tưởng hành thức mà học. Như vậy, nên dùng bất sanh bất diệt cho đến đối Nhất thiết trí trí mà học.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu phải làm sao dùng bất sanh bất diệt đối sắc mà học, làm sao dùng bất sanh bất diệt đối với thọ tưởng hành thức mà học. Phải làm sao dùng bất sanh bất diệt đối Nhất thiết trí trí mà học?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu nên đối sắc **chẳng khởi chẳng tác các hành hoặc tu hoặc khiển mà học**. Nên đối thọ tưởng hành thức chẳng khởi chẳng tác các hành hoặc tu hoặc khiển mà học. Như vậy, cho đến nên đối Nhất thiết trí trí chẳng khởi chẳng tác các hành hoặc tu hoặc khiển mà học. Như vậy, cho đến phải làm sao đối Nhất thiết trí trí chẳng khởi chẳng tác các hành hoặc tu hoặc khiển mà học. Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu nên **quán tất cả pháp tự tướng đều không**, **đối sắc chẳng khởi chẳng tác các hành, hoặc tu hoặc khiển mà học**. Nên quán tất cả pháp tự tướng đều không, đối thọ tưởng hành thức chẳng khởi chẳng tác các hành, hoặc tu hoặc khiển mà học. Như vậy, cho đến nên quán tất cả pháp tự tướng đều không, đối Nhất thiết trí trí hoặc chẳng khởi chẳng tác các hành, hoặc tu hoặc khiển mà học.

(Bồ Tát hành Bát Nhã quán tự tướng của tất cả pháp đều không?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã **quán tự tướng của tất cả pháp đều không** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã sâu thẳm nên quán sắc, do quán tướng sắc không;** quán thọ tưởng hành thức, do tướng thọ tưởng hành thức không. Nói rộng, cho đến nên quán chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, do tướng chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không. Nên quán Nhất thiết trí trí, do tướng Nhất thiết trí trí không.

Này Thiện Hiện! Như vậy là các đại Bồ Tát hành Bát Nhã nên quán tự tướng của các pháp đều không.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Nếu sắc do tướng sắc không; thọ tưởng hành thức, do tướng thọ tưởng hành thức không. Nói rộng, cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, do tướng chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không. Nhất thiết trí trí, do tướng Nhất thiết trí trí không, đại Bồ Tát làm sao hành Bát Nhã sâu xa?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu các đại Bồ Tát **hoàn toàn không có sở hành thì đó là hành Bát nhã Ba la mật.**

(Hành vô sở đắc và hữu sở đắc).

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao mà đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát Nhã?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Do Bát Nhã sâu xa bất khả đắc, các đại Bồ Tát cũng bất khả đắc, sở hành cũng bất khả đắc, người hành, do đây mà hành, thời hành, chỗ hành đều bất khả đắc**. Cho nên, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát Nhã sâu xa, vì trong đó tất cả hý luận đều bất khả đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Nếu đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát Nhã, thì tân học Bồ Tát làm sao hành Bát Nhã?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Tân học Bồ Tát, từ lúc mới phát tâm, đối với tất cả pháp **luôn luôn học không có sở đắc**. Học như vậy xong, dùng vô sở đắc để làm phương tiện nên tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hữu sở đắc? Sao gọi là vô sở đắc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Có hai** thì gọi là hữu sở đắc, không có hai thì gọi là vô sở đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Vì sao có hai thì gọi là hữu sở đắc? Vì sao không hai thì gọi là vô sở đắc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nhãn và sắc là hai, cho đến ý và pháp là hai, nói rộng cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật và chư Phật là hai. Tất cả có hý luận như vậy đều gọi là hai, mà hễ có hai thì đều có sở đắc. Phi nhãn và phi sắc là không hai, nói rộng cho đến phi ý, phi pháp là không hai. Nói rộng, cho đến phi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phi Phật là không hai. Tất cả lìa hý luận như vậy đều gọi là không hai, **hễ không hai thì đều vô sở đắc**.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Do hữu sở đắc nên vô sở đắc, hay do vô sở đắc nên vô sở đắc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Chẳng phải do hữu sở đắc nên vô sở đắc, cũng chẳng phải do vô sở đắc nên vô sở đắc. **Nhưng hữu sở đắc và vô sở đắc tánh bình đẳng, nên gọi là vô sở đắc.**

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên siêng năng tu học trong tánh bình đẳng của hữu sở đắc và vô sở đắc như vậy.

Thiện Hiện nên biết! Khi các đại Bồ Tát học như vậy gọi là học nghĩa vô sở đắc Bát Nhã, thì xa lìa được các lỗi lầm.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, không chấp trước hữu sở đắc, không chấp trước vô sở đắc thì đại Bồ Tát ấy làm sao tu hành Bát Nhã, để có thể từ địa vị này tiến lên địa vị khác, lần lượt được viên mãn, nhờ đây chứng đắc Nhất thiết trí trí?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, chẳng trụ vào hữu sở đắc, chẳng trụ vào vô sở đắc để hành Bát Nhã thì có thể từ địa này tiến lên địa khác, từ từ được viên mãn cho đến chứng đắc Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì Bát Nhã vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng vô sở**

đắc, người hành Bát Nhã, chỗ hành, thời hành cũng vô sở đắc. Vô sở đắc này cũng vô sở đắc nốt.

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát nên hành Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bát Nhã sâu xa bất khả đắc, Nhất thiết trí trí cũng bất khả đắc, người hành Bát Nhã chốn hành, thời hành cũng bất khả đắc. Bất khả đắc này cũng bất khả đắc, vậy thì khi hành Bát Nhã sâu xa, vì sao các đại Bồ Tát **thường hay chọn lựa***(giảng trạch)* **các pháp**: Nói đây là sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức. Nói rộng, cho đến đây là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đây là Nhất thiết trí trí?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã mặc dù thường hay chọn lựa các pháp nhưng không đắc sắc, không đắc thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không đắc Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa, nếu không đắc sắc, không đắc thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không đắc Nhất thiết trí trí thì làm sao có thể viên mãn 6 pháp Ba la mật? Nếu không viên mãn 6 pháp Ba la mật, thì làm sao có thể nhập vào địa vị Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu không nhập địa vị Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì làm sao có thể trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình? Nếu không thể trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình thì làm sao đắc Nhất thiết trí trí. Nếu không đắc Nhất thiết trí trí, thì làm sao có thể chuyển bánh xe diệu pháp, làm các Phật sự? Nếu không thể chuyển bánh xe diệu pháp, làm các Phật sự, thì làm sao giải thoát hữu tình khỏi các khổ sanh tử, để họ được Niết bàn rốt ráo an vui?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa, không vì sắc mà hành Bát Nhã, không vì thọ, tưởng, hành, thức mà hành Bát Nhã. Nói rộng, cho đến không vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà hành Bát Nhã. Không vì Nhất thiết trí trí mà hành Bát Nhã.

(Vì việc gì mà Bồ Tát phải hành Bát nhã Ba la mật sâu xa?)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát **vì việc gì mà hành Bát nhã Ba la mật sâu xa**?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát không vì việc gì*(vô sở vi)* mà hành Bát nhã Ba la mật sâu xa*(1)*. Vì sao? **Vì tất cả pháp đều hoàn toàn vô tạo, hoàn toàn vô tác. Bát Nhã sâu xa cũng không tạo không tác.** Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không tạo không tác. Các đại Bồ Tát cũng không tạo không tác. Như vậy, này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát lấy không tạo không tác làm phương tiện hành Bát Nhã sâu xa**.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không tạo không tác thì không nên tạo lập khác nhau giữa ba thừa là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Vô thượng thừa?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu pháp không tạo không tác thì làm sao tạo lập được, cần phải có pháp có tạo có tác mới tạo lập được. Vì sao? Vì các phàm phu ngu si thiếu trí chấp trước các sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nói rộng cho đến Nhất thiết trí trí. Bởi chấp trước nhớ nghĩ sắc thì *(cho là)* đắc sắc; nhớ nghĩ thọ, tưởng, hành, thức thì đắc thọ, tưởng, hành, thức. Nói rộng, cho đến nhớ nghĩ Nhất thiết trí trí thì đắc Nhất thiết trí trí. Do nhớ nghĩ như thế nên nói: Ta nhất định sẽ đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, độ thoát các hữu tình ra khỏi khổ lớn sanh tử để đắc Niết bàn rốt ráo an lạc.

Thiện Hiện nên biết! Kẻ phàm phu ngu si thiếu trí ấy do điên đảo nên suy nghĩ như vậy, đó là phỉ báng Phật. Vì sao? Vì Phật dùng năm loại mắt tầm cầu sắc bất khả đắc, tầm cầu thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc. Cho đến tầm cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng bất khả đắc, tầm cầu hữu tình cũng bất khả đắc. Các phàm phu ngu si thiếu trí ấy mờ mịt không có mắt tuệ nên chấp trước vào các pháp. Nếu sẽ chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, độ thoát các hữu tình ra khỏi khổ lớn sanh tử, được Niết bàn thường lạc rốt ráo, thì chắc chắn không có điều đó.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều dùng năm loại mắt tầm cầu sắc chẳng thể được, tầm cầu thọ, tưởng, hành, thức

cũng chẳng thể được, cho đến tầm cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng chẳng thể được, tầm cầu các hữu tình cũng chẳng thể được, thì đúng ra sẽ không ai có thể chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, độ thoát các hữu tình ra khỏi khổ lớn sanh tử, để đắc Niết bàn thường lạc rốt ráo. Nếu vậy, thì làm sao Thế Tôn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, đó là nhóm chánh tánh định, nhóm tà tánh định và nhóm bất định?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ta dùng năm loại mắt quán sát như thật, quyết định: Ta thật không chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau. Nhưng các hữu tình vì ngu si điên đảo nên đối với pháp chẳng thật mà tưởng pháp thật; đối với hữu tình chẳng thật mà tưởng thật hữu tình. Để diệt trừ kiến chấp hư vọng đó, Ta **căn cứ vào thế tục mà nói chứ không căn cứ vào thắng nghĩa**.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Không lẽ Như Lai không an trụ vào thắng nghĩa để chứng đại Bồ đề hay sao?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Không lẽ Như Lai không an trụ vào vọng tưởng điên đảo để chứng đại Bồ đề hay sao?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai không an trụ vào thắng nghĩa chứng đại Bồ đề, cũng không an trụ vào vọng tưởng điên đảo để chứng đại Bồ đề, thì lẽ ra Như Lai cũng không chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không phải vậy! **Mặc dù Ta chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nhưng không có chỗ trụ.** Nghĩa là không trụ vào cảnh giới hữu vi, cũng không trụ vào cảnh giới vô vi.

Thiện Hiện nên biết! Ví như những người do chư Phật biến hóa, tuy không trụ vào cảnh giới hữu vi, cũng không trụ vào cảnh giới vô vi, nhưng

có đi, đứng, nằm, ngồi. Người do chư Phật biến hóa, hoặc hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Hoặc trụ vào pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không; trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; tu 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; tu 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ; tu Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; tu tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; tu 5 loại mắt, 6 phép thần thông; tu Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; tu đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tu Bồ Tát hạnh. Hoặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, làm các Phật sự. Người được biến hóa lại chuyển hóa làm vô lượng hữu tình, trong đó an lập thành ba nhóm khác nhau. Ý ngươi nghĩ sao? Người do chư Phật biến hóa đó thật có đi, đứng, nằm, ngồi cho đến thật có an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Chư Phật Thế Tôn biết tất cả pháp đều như biến hóa, nói tất cả pháp cũng như biến hóa, tuy có việc phải làm mà không chơn thật. Tuy độ hữu tình mà không sở độ, **như kẻ như hóa, độ hóa hữu tình.**

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa giống như người do Phật biến hóa, mặc dù có sở tác nhưng không chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như sự biến hóa thì chư Phật cũng vậy. Chư Phật và người được biến hóa có gì khác nhau?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Phật và người được biến hóa cùng tất cả pháp thật sự không khác nhau. Vì sao? Vì tất cả sự nghiệp chư Phật đã làm ra thì người do Phật biến hóa cũng đều có thể làm. Sự nghiệp mà người do Phật biến hóa đã làm thì chư Phật Thế Tôn cũng có thể làm ra. Cho nên, chư Phật và người được biến hóa cùng tất cả pháp thật sự không khác nhau.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu không có người do chư Phật biến hóa thì riêng Phật có thể làm ra sự nghiệp được không? Còn nếu không có chư Phật thì người được hóa kia có thể riêng mình làm các việc được không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Họ cũng có thể làm được.

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Việc ấy như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Như có Như Lai hiệu là Thiện Tịch Huệ, đã độ xong những người đáng được độ. Khi ấy, không có Bồ Tát nào được Phật thọ ký, Ngài liền hóa một vị Phật để trụ thế gian, rồi tự nhập vào Vô dư y đại Niết bàn. Hóa Phật đó làm các Phật sự trong nửa kiếp, hay hơn nửa kiếp rồi, thọ ký cho một Bồ Tát rồi nhập Niết bàn. Khi đó chư thiên, người, A tu la v.v… đều cho rằng Phật ấy nay nhập Niết bàn, nhưng thân của hóa Phật ấy thật không sanh diệt.

Như vậy, này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa nên tin các pháp đều như biến hóa.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu thân chư Phật như thân biến hóa thì làm sao có thể làm ruộng phước chơn tịnh? Nếu các hữu tình vì giải thoát nên cung kính, cúng dường chư Phật, cho đến khi Niết bàn thì phước đức ấy vô tận. Đối với hóa Phật mà cung kính, cúng dường thì phước đức ấy cũng phải rốt ráo vô tận?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Như thân chư Phật do pháp tánh nên có thể cùng thí chủ làm tịnh phước điền. Thân Phật hóa ra cũng lại như thế, đều khiến thí chủ cung kính cúng dường hết ngằn sanh tử phước ấy vô tận.

Thiện Hiện nên biết! Hãy gác phước đức thu được do cung kính, cúng dường chư Phật và hóa thân Phật qua một bên. Nếu thiện nam, thiện nữ v.v... đối với chư Phật có lòng từ, cung kính, suy nghĩ, nhớ đến công đức chơn tịnh thì thiện nam, thiện nữ v.v... ấy đến khi dứt sanh tử căn lành vẫn vô tận.

Thiện Hiện nên biết! Lại gác phước đức đạt được do có lòng từ cung kính, tâm suy nghĩ nhớ các công đức chơn tịnh qua một bên. Nếu thiện nam, thiện nữ v.v... vì cúng dường Phật thậm chí rải một cánh hoa trong

hư không thì các thiện nam, thiện nữ v.v... ấy đến tận lúc chấm dứt sanh tử được căn lành vô lượng.

Thiện Hiện nên biết! Lại gác phước đức đạt được vì muốn cúng dường Phật, thậm chí rải một cánh hoa trong hư không qua một bên. Nếu thiện nam, thiện nữ v.v... thậm chí xưng "Nam mô Phật đà đại từ đại bi", thì các thiện nam, thiện nữ v.v... ấy đến lúc chấm dứt sanh tử căn lành vẫn vô tận, luôn được hưởng thọ phước lạc trong cõi trời, cho đến cuối cùng đắc Niết bàn.

Như vậy, này Thiện Hiện! Cung kính, cúng dường chư Phật và hóa thân Phật đạt được những lợi ích rộng lớn như vậy. Cho nên, này Thiện Hiện! Chư Phật và hóa thân Phật đều là ruộng phước chơn tịnh không khác nhau của thí chủ, vì lấy pháp tánh các pháp làm định lượng.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát lấy pháp tánh các pháp ấy để làm định lượng, làm phương tiện thiện xảo hành Bát Nhã sâu xa. Sau khi nhập vào pháp tánh các pháp rồi, nhưng đối với các pháp không làm hư hoại pháp tánh. Nghĩa là không phân biệt đây là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đây là pháp tánh Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Nói rộng, cho đến đây là Nhất thiết trí trí, đây là pháp tánh Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện nên biết! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa, không nên phân biệt sự sai khác pháp tánh các pháp mà làm hư hoại pháp tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa, không nên phân biệt pháp tánh các pháp mà làm hư hoại pháp tánh thì vì sao Thế Tôn tự nói pháp tánh các pháp sai khác mà chẳng hoại pháp tánh? Nghĩa là Phật thường nói: Đây là sắc cho đến thức. Đây là nhãn xứ cho đến ý xứ. Đây là sắc xứ cho đến pháp xứ. Đây là nhãn giới cho đến ý giới. Đây là sắc giới cho đến pháp giới. Đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Đây là sáu xúc, đây là sáu thọ, đây là sáu giới. Đây là nhân duyên. Đây là vô minh cho đến lão tử. Đây là nội pháp, đây là ngoại pháp. Đây là pháp lành, đây là pháp ác. Đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu. Đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian. Đây là pháp cộng, đây là pháp bất cộng. Đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi v.v… Phật đã thường nói những pháp sai khác như vậy chẳng lẽ Thế Tôn tự hoại pháp tánh?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ta không tự hoại pháp tánh các pháp, chỉ dùng danh tướng làm phương tiện giả nói, để các hữu tình **ngộ vào pháp tánh bình đẳng của các pháp**, thoát khỏi sanh tử, chứng đắc Niết bàn.

Cho nên, này Thiện Hiện! Mặc dù Như Lai nói các pháp khác nhau nhưng chẳng hoại pháp tánh các pháp.

Cụ thọ Tiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu Phật chỉ đem danh tướng giả nói pháp tánh các pháp khiến các hữu tình phương tiện ngộ vào pháp tánh bình đẳng, vì sao Phật đối pháp không danh tướng đem danh tướng ra nói, mà bảo chẳng hoại?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ta theo thế tục, đối với các pháp giả lập ra danh tướng, vì các hữu tình mà dùng phương tiện để giảng nói, vì không chấp trước nên chẳng hoại.

Thiện Hiện nên biết! Giống như những kẻ ngu si nghe nói các khổ liền chấp trước danh tướng mà không hiểu rõ đó là giả nói. Chẳng phải chư Như Lai và đệ tử Phật nghe nói các khổ rồi chấp trước danh tướng. Nhưng như thật biết tùy thế tục nói danh tướng các pháp không có chơn thật.

Thiện Hiện nên biết! Nếu các bậc Thánh đối với danh mà chấp trước danh, đối với tướng mà chấp trước tướng, thì đối với không cũng chấp trước không, đối với vô tướng chấp trước vô tướng, đối với vô nguyện chấp trước vô nguyện, đối với chơn như chấp trước chơn như, đối với thật tế chấp trước thật tế, đối với pháp giới chấp trước pháp giới, đối với vô vi chấp trước vô vi. *(Q.462. ĐBN)*

Thiện Hiện nên biết! Tất cả pháp ấy chỉ có giả danh, chỉ có giả tướng, không chơn thật. Trong đó, bậc Thánh cũng không chấp trước chỉ mượn danh tướng.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát trụ vào tất cả pháp nhưng chỉ mượn danh tướng, hành Bát Nhã sâu xa nhưng trong đó không chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Nếu các pháp chỉ có danh tướng thì các đại Bồ Tát vì việc gì mà phát tâm Bồ đề chịu các khổ cực để hành Bồ Tát hạnh. Nghĩa là tự mình chịu khổ cực để tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến chịu khổ cực tu hành Nhất thiết trí trí cho được viên mãn?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Tất cả pháp chỉ có danh và tướng. Danh tướng ấy chỉ là giả tạo, tánh của danh tướng là không. Các loài hữu tình vì điên đảo vọng chấp nên bị luân hồi sanh tử, chịu các khổ não, không thể giải thoát. Cho nên, Bồ Tát vì làm lợi ích cho họ mà phát tâm Bồ đề, chịu các khổ cực hành Bồ Tát hạnh, lần lượt chứng đắc Nhất thiết trí trí, chuyển bánh xe diệu pháp, lấy pháp ba thừa làm phương tiện để cứu giúp họ ra khỏi sanh tử, mà trụ vào cảnh giới Niết bàn. Nhưng các danh tướng không sanh không diệt cũng không trụ khác, khá thi thiết được.

(Tam Trí).

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phật nói Nhất thiết trí trí vì Nhất thiết trí trí ư?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ta nói Nhất thiết trí trí vì Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường nói Nhất thiết trí trí tóm lược có ba, đó là Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Ba loại trí này tướng của nó có khác nhau không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Nhất thiết trí nghĩa là trí chung của Thanh văn và Độc giác. Đạo tướng trí là trí chung của đại Bồ Tát. Nhất thiết tướng trí là diệu trí riêng của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao **Nhất thiết trí là trí chung của Thanh văn và Độc giác**?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nhất thiết trí là pháp môn sai biệt của pháp nội, ngoại. Thanh văn, Độc giác có thể biết rõ pháp môn sai biệt của pháp nội, ngoại nhưng không thể biết tướng của Nhất thiết trí và tất cả loại tướng của tất cả pháp. Nên Nhất thiết trí là trí chung của Thanh văn và Độc giác.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao **Đạo tướng trí là trí chung của đại Bồ Tát**?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên **học biết khắp tướng của tất cả đạo**. Nghĩa là tướng của đạo Thanh văn, tướng của đạo Độc giác, tướng của đạo Bồ Tát, tướng của đạo Như Lai. Nên Đạo tướng trí là trí chung của đại Bồ Tát.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu đạo của Như Lai, sau khi được viên mãn, lẽ nào chẳng chứng thật tế hay sao?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, nếu tu các đại nguyện chưa viên mãn thì vẫn chưa chứng thật tế. Nếu đã viên mãn thì mới có thể chứng thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát trụ vào đạo mà chứng thật tế phải không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát trụ vào phi đạo mà chứng thật tế phải không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát trụ vào đạo và phi đạo mà chứng thật tế phải không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát vì trụ vào phi đạo và chẳng phải phi đạo mà chứng thật tế phải không?

Phật dạy:

Thiện Hiện! Không!

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì các đại Bồ Tát trụ vào đâu để chứng thật tế?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi thế nào? Nhờ trụ vào đạo mà ngươi dứt sạch lậu hoặc, tâm giải thoát phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Nhờ trụ vào phi đạo mà ngươi dứt sạch lậu hoặc, tâm giải thoát phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ngươi trụ vào đạo, phi đạo mà dứt sạch lậu hoặc, tâm giải thoát phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ngươi trụ vào phi đạo, chẳng phải phi đạo mà dứt sạch lậu hoặc, tâm giải thoát phải không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Vậy ngươi trụ vào đâu để dứt sạch lậu hoặc, tâm hoàn toàn giải thoát?

Thiện Hiện thưa:

- Con chẳng trụ để dứt sạch lậu hoặc, tâm hoàn toàn giải thoát. **Con dứt sạch lậu hoặc, tâm được hoàn toàn giải thoát, hoàn toàn không có chỗ trụ.**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát cũng vậy, hành Bát Nhã sâu xa hoàn toàn không có chỗ trụ mà chứng thật tế.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Nhất thiết tướng trí gọi Nhất thiết tướng trí?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Vì biết tất cả pháp đồng một tướng, đó là tướng tịch diệt*(2)*, cho nên gọi là Nhất thiết tướng trí.

(Kinh ĐBN giải thích rằng:

Nhất thiết trí là pháp môn sai biệt của pháp nội, ngoại. Thanh văn, Độc giác có thể biết rõ pháp môn sai biệt của pháp nội, ngoại nhưng không thể biết tất cả loại tướng của tất cả pháp. Nên Nhất thiết trí gọi là trí chung của Thanh văn và Độc giác.

Đạo chủng trí: Các đại Bồ Tát **học biết khắp tướng của tất cả đạo**. Nghĩa là tướng của đạo Thanh văn, tướng của đạo Độc giác, tướng của đạo Bồ Tát, tướng của đạo Như Lai. Nên Đạo tướng trí là trí chung của đại Bồ Tát.

Nhất thiết chủng trí: Biết tất cả pháp đồng một tướng, đó là tướng tịch diệt, cho nên gọi là Nhất thiết tướng trí).

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các hành động tướng trạng có thể tiêu biểu các pháp. Như Lai như thật năng khắp giác biết được, vậy nên gọi là Nhất thiết tướng trí.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hoặc Nhất thiết trí, hoặc Đạo tướng trí, hoặc Nhất thiết tướng trí, ba trí này các phiền não được đoạn trừ có khác nhau không? Có hữu dư đoạn, vô dư đoạn không?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Chẳng phải các phiền não đoạn có khác nhau. Nhưng chư Như Lai đã đoạn hẳn tất cả phiền não tập khí tương tục. Còn Thanh văn, Độc giác thì chưa đoạn hẳn tập khí tương tục.

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các phiền não đã đoạn trừ có đắc vô vi không?

Phật nói:

- Có.

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thanh văn, Độc giác không được vô vi có dứt hết phiền não không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trong pháp vô vi có sự khác nhau không?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Không!

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Tập khí tương tục thật ra chẳng phải phiền não, nhưng các Thanh văn và các Độc giác đã dứt phiền não chỉ còn một phần nhỏ tương tự như tham, sân, si phát động nơi thân ngữ, nên nói đó là tập khí nối nhau. Tập khí nối nhau này ở phàm phu ngu si thì có thể phát sanh việc vô nghĩa, còn ở Thanh văn, Độc giác thì nó không phát sanh việc vô nghĩa. Tất cả tập khí tương tục như vậy chư Phật Thế Tôn hoàn toàn không có.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đạo và Niết bàn đều không có tự tánh. Vậy tại sao Phật nói đây là Dự lưu cho đến Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Như Lai.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Hoặc là vị Dự lưu cho đến Độc giác, hoặc là Bồ Tát, hoặc là Như Lai, tất cả đều là sự hiển bày của vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Trong pháp vô vi, thật sự có khác nhau giữa Dự lưu cho đến Như Lai không?

Phật dạy:

- Không.

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì tại sao Phật nói Dự lưu cho đến Như Lai tất cả đều là sự hiển bày của vô vi?

Phật dạy:

- Thiện Hiện: Ta nương thế tục chỉ rõ có Dự lưu v.v… hiển ra sai khác, chẳng nương thắng nghĩa, chẳng phải trong thắng nghĩa có sự hiển bày. Vì sao? Chẳng phải trong thắng nghĩa có đạo ngôn ngữ hoặc huệ phân biệt, hoặc lại hai thứ. Nhưng bởi vì lời thế tục nói đoạn diệt các pháp, nên giả lập lời thế tục mà nói hậu tế các pháp vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tự tướng của tất cả pháp đều không, tiền tế còn không thì làm sao có hậu tế? Vậy tại sao đưa ra có hậu tế?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Tự tướng của tất cả pháp đều không, tiền tế còn không có thì làm sao có hậu tế. Nếu hậu tế thật có thì điều đó chắc chắn không xảy ra. Nhưng các hữu tình không hiểu rõ tự tướng của tất cả các pháp đều không. Vì làm lợi ích cho họ nên dùng phương tiện giả

nói đây là tiền tế, đây là hậu tế. Nhưng trong tự tướng không của tất cả pháp thì tiền tế, hậu tế đều bất khả đắc.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đã thông đạt tự tướng của tất cả pháp là không để tu hành Bát Nhã sâu xa.

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát thông đạt tự tướng của tất cả pháp đều không, nên hành Bát Nhã sâu xa mà không chấp trước vào các pháp. Nghĩa là không chấp trước nội hay ngoại, thiện hay bất thiện, thế gian hay xuất thế gian, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi, pháp Thanh văn hay pháp Độc giác, pháp Bồ Tát hay pháp chư Phật, chỉ căn cứ vào thế tục mà thi thiết là có, không căn cứ vào thắng nghĩa nên không chấp trước. *(Q.462. ĐBN)*

(Thế nào là Bát Nhã thẩm sâu?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Như Lai thường tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.** Vậy, nhân duyên nào nên nói là Bát Nhã thẩm sâu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Do Bát Nhã thẳm sâu mà tất cả pháp đến bờ rốt ráo, nên gọi Bát nhã Ba la mật**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Do Bát Nhã thẩm sâu, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai cũng đến được bờ kia, nên gọi Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã thẩm sâu phân tích các pháp thật chi li cũng không thấy có pháp nào dù nhỏ nhiệm có chút thật khá nắm bắt được, nên gọi Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã thẩm sâu đây bao hàm chơn như, pháp giới, pháp tánh, nói rộng cho đến bất tư nghì giới, nên gọi Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đối Bát Nhã thẩm sâu, không có chút pháp hoặc hợp hoặc tan, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc có thấy hoặc không thấy, hoặc có đối hoặc không đối, nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã thẩm sâu năng sanh tất cả các thiện pháp mầu nhiệm, năng phát sanh tất cả biện tài trí tuệ, năng dẫn phát tất cả lợi vui thế gian xuất thế gian, năng thông đạt nghĩa lý sâu xa của tất cả các pháp, cho nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã thẳm sâu lý thú bền chắc không thể động hoại. Nếu Bồ Tát hành Bát Nhã thẳm sâu, tất cả ác ma và bè lũ ma, Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo phạm chí, bạn ác oán thù đều chẳng hoại được. Vì sao? Bát Nhã thẳm sâu thuyết tất cả pháp tự tướng đều không, các ác ma thảy đều bất khả đắc, nên gọi Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát thực hành Bát Nhã nghĩa thú thẳm sâu coi tất cả pháp tự tướng đều không, thì tất cả các duyên không thể động hoại được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát nào muốn thực hành nghĩa lý thẳm sâu của Bát Nhã, thì phải thực hành nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, nghĩa tịch tịnh, nghĩa viễn ly. Phải thực hành nghĩa trí của khổ, tập, diệt, đạo*(3)*. Phải thực hành nghĩa Pháp trí*(4)*, Loại trí*(5),* Tha tâm trí*(6)*. Phải thực hành nghĩa Thế tục trí*(7)*, Thắng nghĩa trí*(8)*. Phải thực hành nghĩa tận trí*(9)*, Vô sanh trí*(10)*. Phải thực hành nghĩa Tận sở hữu như sở hữu trí.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát vì hành Bát Nhã nghĩa thú thẳm sâu, nên hành Bát Nhã như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ở trong nghĩa lý sâu xa vi diệu của Bát nhã Ba la mật này, nghĩa và phi nghĩa đều bất khả đắc. Vì sao để thực hành nghĩa lý thẳm sâu mà các đại Bồ Tát phải hành Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát vì hành Bát Nhã nghĩa thú thẳm sâu nên khởi nghĩ này: Ta chẳng nên hành tham nghĩa phi nghĩa, ta chẳng nên hành sân nghĩa phi nghĩa, ta chẳng nên hành si nghĩa phi nghĩa, ta chẳng nên hành tà kiến nghĩa phi nghĩa, cho đến ta chẳng nên hành tất cả kiến thú nghĩa phi nghĩa. Vì sao? Tham dục, sân nhuế, ngu si, tà kiến, cho đến tất cả kiến thú chơn như, thật tế chẳng cùng các pháp cấu thành nghĩa phi nghĩa.

Lại nữa Thiện Hiện! Các Bồ Tát vì hành Bát Nhã nghĩa thú thẳm sâu nên khởi nghĩ này: Ta chẳng nên hành sắc nghĩa phi nghĩa, ta chẳng nên hành thọ tưởng hành thức nghĩa phi nghĩa. Ta chẳng nên hành 12 xứ cho đến 18 giới nghĩa phi nghĩa. Ta chẳng nên hành nhãn xúc cho đến ý xúc nghĩa phi nghĩa. Ta chẳng nên hành nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ nghĩa phi nghĩa. Nói rộng ra, ta chẳng nên hành tất cả pháp Phật nghĩa phi nghĩa. Vì sao? Thiện Hiện! **Khi**

Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thấy tất cả pháp nghĩa cùng phi nghĩa đều bất khả đắc.

Thiện Hiện phải biết, Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, các pháp: pháp tánh, pháp trụ, pháp định..., các pháp như vậy thường trú, không có pháp đối pháp làm nghĩa phi định.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát nên lìa tất cả chấp trước nghĩa phi nghĩa khi hành Bát Nhã nghĩa thú thẳm sâu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cớ sao Bát nhã Ba la mật chẳng cùng các pháp làm nghĩa phi nghĩa?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bát Nhã thẳm sâu **vì muốn chứng pháp vô vi**, nên chẳng cùng các pháp làm nghĩa phi nghĩa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Hiền Thánh lẽ đâu chẳng lấy vô vi làm thắng nghĩa ư?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! **Tất cả Hiền Thánh đều lấy vô vi mà làm thắng nghĩa**, nhưng pháp vô vi chẳng cùng các pháp làm ích làm tổn.

Thiện Hiện! Ví như hư không, chơn như, pháp giới chẳng cùng các pháp làm ích làm tổn. Các Bồ Tát Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cũng lại như thế, chẳng cùng các pháp làm ích làm tổn. Vậy, nên Bát nhã Ba la mật chẳng cùng các pháp làm nghĩa phi nghĩa.

(Bát nhã Ba la mật lấy bất nhị làm phương tiện).

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát lẽ đâu chẳng cần học vô vi Bát nhã Ba la mật mới năng chứng được Nhất thiết trí trí?

Phật bảo: Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Các Bồ Tát cần học vô vi thẳm sâu Bát nhã Ba la mật mới chứng được Nhất thiết trí trí, **đem pháp chẳng hai mà làm phương tiện**.

Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Dùng pháp hai có thể được pháp chẳng hai ư?

- Thiện Hiện! Chẳng được!

- Bạch Thế Tôn! Nếu không dùng pháp hai, chẳng đem pháp hai, chẳng được pháp hai, các Bồ Tát làm sao được Nhất thiết trí trí?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Pháp hai, pháp chẳng hai *(nhị pháp, bất nhị pháp)* **đều bất khả đắc. Cho nên không thể dùng pháp hai hoặc pháp chẳng hai để chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nhưng pháp vô sở đắc có thể chứng vô sở đắc. Vì sao? Bát Nhã thẳm sâu và Nhất thiết trí trí đều bất khả đắc vậy.**

Thích nghĩa:

(1). Các đại Bồ Tát "không có việc gì" mà hành Bát nhã Ba la mật sâu xa. Nguyên văn chữ Hán ở Q.462 là "諸chư 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát . 行hành 深thâm 般Bát 若Nhã 波Ba 羅La 蜜Mật 多Đa 時thời . 無vô 所sở 為vi 故cố 行hành 深thâm . 般Bát 若Nhã 波Ba 羅La 蜜Mật 多Đa". *Cụm từ "vô sở vi" dịch là "không có việc gì". Dịch như vậy thật khó hiểu, trong bản dịch khác của Thuvienhoasen.org. dịch là không có tạo. Chúng tôi dịch là Chư Bồ Tát "không có gì tạo ra" mà hành thâm Bát nhã Ba la mật, không biết dịch như vậy có chỉnh với câu chữ Hán trên hay không?*

(2). Tịch diệt: (寂滅) *Phạm: Vyupazama. Pàli:Vùpasama. Gọi tắt: Diệt. Vượt thoát sinh tử, tiến vào cảnh giới vắng lặng, vô vi. Cảnh giới này xa lìa cõi mê hoặc, được an vui, nên gọi là Tịch diệt vi lạc. Kinh Tăng nhất a hàm quyển 23 (Đại 2, 672 trung) nói: Tất cả hành vô thường. Có sinh ắt có diệt. Chẳng sinh thì chẳng diệt. Tịch diệt là an vui. [X. Kinh Tạp a hàm Q.22; Kinh Niết bàn Q.10 (bản Bắc); luận Du già sư địa Q.50; luận Đại trí độ Q.94]. (xt. Niết Bàn) Phỏng theo Phật Quang từ điển.*

(3). Khổ, tập, diệt, đạo trí: Từ điển Phật Quang giải thích như sau:

*1- Khổ trí (*苦智*, Phạm: Du#kha-jĩàna) Trí vô lậu chứng được sau khi dứt trừ mê hoặc nhờ quán xét 4 hành tướng khổ, không, vô thường, vô ngã. Một trong 10 trí. Luận Phẩm loại túc quyển 1 (Đại 26, 694 thượng) ghi: Nếu suy tư quán xét 5 thủ uẩn là phi thường, khổ, không, phi ngã thì sẽ phát sinh trí vô lậu. Luận Đại tỳ bà sa quyển 106 (Đại 27, 548 trung), nói: Duyên theo Khổ Thánh đế, 4 hành tướng chuyển*

nên gọi là khổ trí. Cũng tức là hành giả khi vào giai vị Kiến đạo, dùng trí thế tục duyên theo cảnh Khổ đế, đến sát na thứ 2 thì trí cùng sinh với pháp trí, gọi là Khổ trí. [X. luận Câu xá Q.26; luận Hiển dương Thánh giáo Q.2].

2- Tập trí: (集智)*, Phạm: Samudaya-jĩàna, chỉ cho trí vô lậu do quán xét và thể ngộ lý Tập đế mà đạt được, là 1 trong 10 trí, 1 trong 11 trí. Luận A tì đạt ma phẩm loại túc quyển 1 (Đại 26, 694 thượng) nói: Tập trí là gì? Là trí vô lậu do tư duy về Nhân, Tập, Sinh, Duyên của nhân hữu lậu mà phát khởi. Trong quá trình tu chứng Phật đạo, khi tiến vào giai vị Kiến đạo, thành tựu Khổ loại trí rồi thì duyên theo Tập đế của cõi Dục mà quán xét, tư duy về 4 hành tướng Nhân, Tập, Sinh, Duyên, sinh ra Pháp trí nhẫn vô lậu, gọi là Tập pháp trí nhẫn. Sau khi sinh khởi Tập pháp trí nhẫn, lại phát sinh Pháp trí vô lậu, gọi là Tập pháp trí. Đây là bước đầu thành tựu Tập trí. [X. luận Đại tì bà sa Q.106; luận Tạp a tì đàm tâm Q.6; luận Thành thực Q.16]. (xt. Thập Lục Tâm, Thập Trí).*

3- Diệt trí: (滅智)*, Phạm: Nirodha-jĩàna, một trong 10 trí, hoặc một trong 11 trí. Là trí biết rõ Diệt đế, tức là trí vô lậu do đoạn diệt Kiến hoặc, Tư hoặc mà có được. (xt. Thập Trí).*

4- Đạo trí: (道智)*, Phạm: Màrga-jĩàna, Pàli: Maggaĩàịa, trí vô lậu duyên với Đạo đế, tạo ra 4 hành tướng: Đạo, Như, Hành, Xuất để đoạn trừ mê hoặc. Là 1 trong 10 trí. Khi vào giai vị Kiến đạo, thành tựu Diệt loại trí của đạo Vô gián, duyên với Đạo đế tạo ra 4 hành tướng nói ở trên, sinh khởi Pháp trí nhẫn vô lậu, gọi là Đạo pháp trí nhẫn. Còn Pháp trí vô lậu do đạo Vô gián phát sinh thì gọi là Đạo pháp trí, đây là giai đoạn mới thành tựu của Đạo trí. [X. luận Câu xá Q.26; luận Đại tì bà sa Q.106; luận Tạp a tỳ đàm tâm Q.6].*

(4). Pháp trí: (法智) *I/. Pháp Trí. Phạm: Dharma-jĩàna. Chỉ cho trí vô lậu duyên theo lý của 4 đế (khổ, tập, diệt, đạo) ở cõi Dục, mà đoạn trừ phiền não ở cõi này, là 1 trong 10 trí được liệt kê trong luận Câu xá quyển 26. (xt. Thập Trí). II/. Pháp Trí (960-1028). Cao tăng Trung quốc, thuộc tông Thiên thai, sống vào thời Bắc Tống, người Tứ minh (huyện Ngân, tỉnh Chiết giang) họ Kim, hiệu Tri lễ. Sư trọn đời chuyên tâm vào việc trước tác, giảng huật, hoằng truyền Kinh Pháp hoa, Kinh Kim quang minh... chủ trương Vọng tâm quán. Sư cùng với Ngài Từ vân Tuân thức*

đều là những nhân vật đại biểu của phái Sơn gia tông Thiên thai đời Tống, được người đời sau tôn làm Tổ thứ 17 của tông Thiên thai. Năm Thiên hi thứ 4 (1020), Sư được vua Chân Tông ban hiệu Pháp Trí Đại Sư, vì thế, người đời sau còn gọi Sư là Tứ minh Pháp trí. [X. Phật tổ thống kỷ Q.50]. (xt. Tri Lễ).

(5). Loại trí: (類智) *Phạm: Anvaya-jĩàna. Cũng gọi Vị tri trí, Vô sinh trí. Trí vô lậu quán xét Tứ đế ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, là 1 trong 10 trí, 1 trong 11 trí. Trí này đồng loại với Pháp trí, là trí quán xét Tứ đế ở cõi Dục. [X. luận Tập dị môn Q.7; luận Câu xá Q.23]. (xt. Thập Trí).*

(6). Tha tâm trí: (他心智) *Phạm:Para-citta-jĩàna. Cũng gọi Tri tha nhân tâm trí, Tâm sai biệt trí. Trí biết những ý nghĩ trong tâm người khác, 1 trong 10 trí. Những người đã xa lìa dục hoặc và chứng nhập thiền định căn bản của cõi Sắc trở lên thì phát được trí này. Trong 6 thần thông, trí này được gọi là Tha tâm thông. Luận Đại tì bà sa quyển 99 cho rằng Tha tâm trí lấy tu tuệ làm tự tính, lấy 4 tĩnh lự căn bản làm chỗ nương, biết rõ được Dục giới hệ, Sắc giới hệ và tướng tâm vô lậu của người khác; nhờ gia hành mà chứng được trí này. Đại thừa nghĩa chương quyển 15 (Đại 44, 757 thượng) nói: Tha tâm trí, sự suy nghĩ chẳng phải của mình gọi là Tha tâm, hiểu suốt sự suy nghĩ ấy, gọi là Tha tâm trí. Trí này do pháp trí, loại trí, đạo trí và thế tục trí cấu tạo thành, chung cho cả hữu lậu, vô lậu và đều lấy pháp đồng loại làm Sở duyên, nhưng không biết được tâm của bậc ở giai vị thù thắng và tâm quá khứ, vị lai. Chỉ dùng 1 niệm hiện tại duyên theo 1 việc có thật mà nắm giữ lấy tự tướng, chứ không thể nắm giữ tâm năng duyên và hành tướng sở duyên của người khác. Lại vì chỉ có Tứ thiền, cho nên chỉ biết Dục giới hệ, Sắc giới hệ và pháp vô lậu, chứ không duyên với Vô sắc giới hệ. [X. luận Câu xá Q.26; Kinh Đại Bát Nhã Q.489; luận Tập dị môn túc Q.7; luận Đại tỳ bà sa Q.109]. (xt. Thập Trí).*

(7). Thế gian trí (世俗智; *C: shìsúzhì; J: sezokuchi*)*: Tri thức của người chưa giác ngộ, tương đương với "nhiễm ô trí" hoặc Hữu lậu trí* (有漏智). *Một trong 10 loại trí* (Thập trí 十智).

(8). Thắng nghĩa trí: Ngược lại với thế gian trí, trí của người giác ngộ hay là Vô lậu trí, trí này không nhiễm cũng không tịnh, không nhơ không sạch… ngoài nhị nguyên đối đãi.

(9). Tận trí (盡智) *Phạm: Kwaya-jĩàna. Pàli: Khaya-ĩàịa, chỉ cho trí vô lậu đã đoạn trừ tất cả phiền não mà đạt được, là trí tuệ của bậc Thánh*

Vô học, 1 trong 2 trí, 1 trong 10 trí. Cứ theo luận Tập dị môn túc quyển 3, nếu chứng ngộ Tứ đế thì trí, kiến, minh, giác, giải, tuệ, quang, quán... được phát sinh đều là Tận trí; nếu như thực biết đã trừ hết dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu... thì gọi là Tận trí, nếu như thực biết đã trừ hết tất cả kết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền... thì gọi là Tận trí. Trong đó, trí, kiến, minh, giác... đều là tên khác của trí tuệ. Câu xá luận quang ký quyển 26 (Đại 41, 386 thượng) nói: Trí là quyết đoán, kiến là suy tìm, minh là chiếu sáng, giác là giác ngộ, giải là hiểu thấu, tuệ là lực chọn, quang là ánh sáng trí tuệ, quán là quán xét... tất cả đều là tên khác của tuệ. [X. luận Đại tỳ bà sa Q.102; luận Tạp a tỳ đàm tâm Q.6; luận Câu xá Q.26; luận Thuận chính lý Q.73, 74; luận A tỳ đạt ma tạng hiển tông Q.35; Pháp giới thứ đệ sơ môn Q.trung, hạ]. (xt. Nhị Trí, Thập Trí). - Từ điển Phật Quang.

(10). Vô sanh trí (Phạn ngữ là anutpdajđna): Chỉ trí tuệ cao trội nhất của vị A la hán, thấy biết thật tánh của tất cả các pháp không có sự sanh ra. (Rộng Mở Tâm Hồn). Xem lại thích nghĩa ở phẩm "Đa Vấn Bất Nhị", Q.351 trở đi, Hội thứ I.

Tất cả trí đều được thích nghĩa trước đây rồi. Nay lặp lại và giải rộng.

Sơ giải:

Phẩm "Xảo Tiện" hay "Phương Tiện Thiện Xảo" của Hội thứ II tương đương với phẩm "Đa Vấn Bất Nhị" Hội thứ I, ĐBN thuyết nhiều giáo lý khác nhau, như:

1. Phương tiện lực của Bồ Tát là gì?

***Phẩm thứ 68, "Lục Độ Tương Nhiếp"** (tiếp theo)**, Tập 5, quyển 81, Đại Trí Độ Luận,** ngài Tu Bồ đề bạch Phật:*

"Bạch Thế Tôn! Bồ Tát ấy đã gieo trồng thiện căn như thế nào, mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ Tát ấy đã gieo trồng thiện căn nơi Đàn Ba la mật, nơi Thi Ba la mật, nơi Sẵn Đề Ba la mật, nơi Tỳ Lê Gia Ba la mật, nơi Thiền Ba la mật, nơi Bát nhã Ba la mật, mới thành tựu đầy đủ các lực phương tiện như vậy".

*Không những lực phương tiện gồm 6 pháp Ba la mật mà **Đại Trí Độ Luận** cũng cho rằng:*

"Lực phương tiện, nói ở đây, **bao gồm sắc thân của Bồ Tát, các pháp môn mà Bồ Tát tu tập** như: 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Bồ Tát có được các lực phương tiện như vậy, mới giáo hóa chúng sanh, khiến họ sanh tâm tín thọ. Người có đầy đủ các lực phương tiện như trên, thì hết thảy lời nói ra đều được chúng sanh tín thọ".

Trong các phương tiện lực thì Bát nhã Ba la mật là lãnh đạo. Nên Phật thí dụ:

"Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu ánh sáng khắp 4 châu thiên hạ, đem lại nhiều sự lợi ích cho chúng sanh. Bát nhã Ba la mật, cũng như vậy, chiếu 5 Ba la mật kia, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh".

Cũng "Ví như vị chuyển luân thánh vương có luân bảo mới được gọi là chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, nếu ly Bát nhã Ba la mật, thì 5 Ba la mật kia chẳng được gọi là Bát nhã Ba la mật".

"Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành 6 pháp Ba la mật, Bồ Tát tự nghĩ rằng: "Tâm thế gian điên đảo. Nếu ta chẳng hành 6 pháp Ba la mật, thì ta chẳng có thể độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Ta phải vì chúng sanh mà hành 6 pháp Ba la mật".

Đó là nói xong về phương tiện lực của Bồ Tát với vai trò chỉ đạo của Bát nhã Ba la mật cùng với tất cả pháp Phật, trong việc thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

2. Bát Nhã đối với các thiện pháp có thủ xả chăng?

***Cũng cùng phẩm trên, Đại Trí Độ Luận** nói tiếp:*

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có pháp có thể thủ (khả thủ), có thể xả (khả xả) chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba la mật chẳng có Pháp có thể thủ, có thể xả. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều chẳng thủ (bất thủ), chẳng xả (bất xả).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật ở nơi những pháp nào, chẳng thủ, chẳng xả?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba la mật ở nơi sắc chẳng thủ, Chẳng xả… dẫn đến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thủ, chẳng xả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã Ba la mật chẳng thủ sắc, … dẫn đến chẳng thủ Vô thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát **chẳng niệm sắc**… dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề gọi là Bồ Tát chẳng thủ sắc… dẫn đến chẳng thủ Vô Thượng Bồ Đề".

Có niệm, có nghĩ tưởng là có phân biệt, có phân biệt là có chấp. Do chấp mà có thủ xả. Đó chính là cái mất mát của cuộc đời thường. Bồ Tát vào được pháp không vượt qua lưỡng nguyên, nên không còn thủ xả nữa.

3. Vì sao Bát Nhã không tư duy niệm tưởng tất cả tướng, Tất cả sở duyên?

Phật bảo:

- "Bát nhã Ba la mật đây đối sắc **chẳng tư duy tất cả tướng**, cũng **chẳng tư duy tất cả sở duyên**, vậy nên chẳng tư duy sắc. Cho đến đối Nhất thiết trí trí chẳng tư duy tất cả tướng, cũng chẳng tư duy tất cả sở duyên, vậy nên chẳng tư duy Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng: Nếu Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí **làm sao tăng trưởng căn lành đã trồng**? Nếu chẳng tăng trưởng căn lành đã trồng, làm sao viên mãn Ba la mật? Nếu chẳng viên mãn Ba la mật, làm sao chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí. Khi ấy Bồ Tát **bèn năng tăng trưởng căn lành đã trồng**. Vì căn lành đã trồng được tăng trưởng, nên mới năng viên mãn Ba la mật. Ba la mật được viên mãn, thời năng chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Thiện Hiện! Các Bồ Tát chẳng tư duy sắc cho đến chẳng tư duy Nhất thiết trí trí mới có thể tu đầy đủ các Bồ Tát hạnh, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Nếu cứ tư duy niệm tưởng mãi về Nhất thiết trí trí, tức muốn đắc sở cầu, liền chấp trước ba cõi. Nếu chấp trước ba cõi thời chẳng thể tu đầy đủ Bồ Tát hạnh, chẳng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trái

lại, nếu Bồ Tát chẳng tư duy niệm tưởng về thủ giữ, chứng hay đắc, lấy vô sở đắc làm phương tiện tu hành Bát nhã Ba la mật thì sẽ đầy đủ Bồ Tát hạnh mau chứng sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Vậy nên, Phật bảo:

- "Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn được tu đầy đủ Bồ Tát hạnh, muốn mau chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu, **chẳng nên tư duy chấp trước các pháp**".

4. Bát Nhã thẳm sâu trụ chỗ nào?

"Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu Bồ Tát tinh siêng tu học **Bát Nhã thẳm sâu phải trụ nơi nào**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tinh siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu c**hẳng nên trụ sắc, cho đến chẳng nên trụ Nhất thiết trí trí".**

Vì đối tất cả các pháp không chấp trước, nên chẳng trụ, chẳng trụ sắc… cho đến chẳng trụ Nhất thiết trí trí. Một khi Bồ Tát vào được pháp không rồi thì biết nhân không, pháp không nên chẳng có gì để chấp trước, để an trụ. Bồ Tát như thế ***đem vô trước và vô sở trụ làm phương tiện****, tinh siêng tu học Bát Nhã. Bởi vì sao? Bởi vì một khi có bám trụ là có quái ngại, nếu biết tất cả pháp thường biến dịch đổi dời, chẳng bền chắc, không có tự tánh tức là không… Nếu pháp không thì vô sở hữu mà đã là vô sở hữu, thì vô sở đắc, vô sở trú. Biết như vây có thể xa lìa chấp trước mà được tự tại.*

Vả lại, các pháp vốn trì độn vô tri, tự tánh xa lìa, bất khả đắc… thì lấy gì để chấp để bám.

5. Bát Nhã đối với Bát Nhã xa lìa hay chẳng xa lìa?

"Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật là **xa lìa hay chẳng xa lìa**? Tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí, đối với tịnh lự cho đến bố thí Ba la mật là xa lìa hay chẳng xa lìa? Nói rộng ra, nếu 18 pháp không đối với 18 pháp không v.v… cho đến Nhất thiết trí đối với

Nhất thiết chủng trí xa lìa hay chẳng xa lìa, thì làm sao đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước mà dẫn phát Nhất thiết chủng trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Bát nhã Ba la mật đối Bát nhã Ba la mật chẳng xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa.** Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật đối tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật chẳng xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước dẫn phát tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật. Nói rộng ra, 18 pháp không đối với 18 pháp không v.v… cho đến Nhất thiết chủng trí đối với Nhất thiết chủng trí chẳng xa lìa hay chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa. Xa lìa hay chẳng xa lìa là nhị biên đối đãi. Không rơi vào nhị biên đối đãi thì tránh được chấp trước. Nếu không chấp trước thì đại Bồ Tát có thể dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Tất cả pháp đối với tất cả các pháp cũng lại như thế. Nếu xa lìa hay chẳng xa lìa đều bỏ thì không rơi vào nhị biên đối đãi, nghĩa là không còn chấp trước, tâm thể mới được rỗng rang, tha hồ muốn làm gì cũng tự tại. Vì sao? Vì chẳng phải chính tự tánh, chẳng phải lìa tự tánh, mà năng an trụ dẫn phát tự tánh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật **chẳng chấp trước sắc rằng đây là sắc**, sắc đây thuộc kia. Cũng chẳng chấp trước thọ tưởng hành thức rằng đây là thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức đây thuộc kia. Như vậy cho đến chẳng chấp trước Nhất thiết trí trí rằng đây là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí đây thuộc kia".

Để luận giải thế nào là thủ hay chẳng thủ, niệm tưởng hay chẳng niệm tưởng, Bát Nhã trụ chỗ nào, đối với các pháp có xa lìa hay chẳng xa lìa, ***Đại Trí Độ Luận*** *giải thích chung như sau:*

"Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, "Người chấp không cũng có lỗi, mà người trú trong không cũng có lỗi, nên ngài hỏi Phật: Hành giả phải làm sao để tránh những lỗi lầm như vậy?

Phật dạy: Nếu biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, là chẳng thể chấp, chẳng thể thủ, chẳng thể đắc, mà tu hành, thì như vậy là

chẳng có lỗi lầm. Trái lại, nếu chấp rốt ráo không, chấp vô tánh, chấp chỗ hành Bồ Tát đạo v.v… thì đều là có lỗi cả. Bồ Tát hành Bồ Tát đạo **phải xả tâm chấp**. Nếu còn chấp chỗ hành đạo *(dù là đạo Phật)*, mà dấy niệm rằng, "Chỗ Phật hành đạo là chân thật đạo; ta cũng phải theo Phật hành hết thảy các pháp vô sở hữu, bất khả thủ bất khả đắc", thì như vậy cũng là có lỗi. Vì sao? Vì Bồ Tát phải biết rằng ở trong tâm Phật, thì chỗ đắc là vô sở đắc. Nếu Bồ Tát biết rõ chỗ đắc của chư Phật là vô sở đắc, thì chẳng còn tham quý chư Phật, chẳng còn khinh khi các người hạ tiện. Do nghĩ như vậy mà sanh khởi được tâm bình đẳng, vô phân biệt. Như vậy mới là hành thanh tịnh Bát nhã Ba la mật, chẳng có các lỗi lầm. Vì sao? Vì chẳng ly tự tướng, thì có lỗi chấp pháp; ly tự tướng là chẳng chấp pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu ly tự tướng, thì làm sao mà hành Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát, ở nơi hết thảy các pháp, chẳng sanh tâm, thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ Tát chẳng niệm sắc, chẳng niệm sắc ấy là gì… dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là gì, thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ Tát chẳng thấy sắc là thường hay là vô thường, là khổ hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không hay bất không, là ly hay bất ly, thì đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Sắc là như vậy… dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy, là rốt ráo không, là chẳng có sanh, chẳng có khởi, nên chẳng có thể tầm cầu mà được. Vì sao? Vì tánh chẳng thể sanh tánh, vô tánh chẳng thể sanh vô tánh.

Như vậy, công đức phá các chấp điên đảo, đưa đến thật luận nghi đều do nơi lực Bát nhã Ba la mật mà được thành tựu. Bởi vậy nên 5 Ba la mật đều tùy thuận Bát nhã Ba la mật".

Có chấp là có quái ngại, Bát nhã Ba la mật là phá chấp triệt để, để tâm được rỗng không mà sống trong thong dong tự tại.

6. Thế nào là Đạo, thế nào chẳng phải Đạo của Bồ Tát ?

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật "Thế nào gọi là đạo và thế nào gọi là phi đạo của Bồ Tát ?"

Phật dạy: Nhị Thừa đạo là phi đạo của Bồ Tát; **hành Bát nhã Ba la mật dẫn đến Phật đạo là đạo của Bồ Tát.** Lời ta nói đây là y nơi nhân

mà nói đến quả. Người theo thô sự, do chẳng hiểu đến, nên chẳng có nghi; người theo tế sự mới nghi, nền mới nạn hỏi.

Ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ tán than, và bạch Phật: Bát nhã Ba la mật vì đại sự nhân duyên mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, Bát nhã Ba la mật vì đại sự nhân duyên mà khởi. Bát nhã Ba la mật dẫn đường đến Vô Thượng Bồ Đề, vì Bát nhã Ba la mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, là các pháp thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là vô sanh, vô diệt, thì vì sao Bồ Tát còn hành bố thí trì giới… để làm gì nữa?

Phật dạy: Bát nhã Ba la mật là vô sanh, vô diệt, là rốt ráo không. Vì là rốt ráo không, nên chẳng ngăn ngại sự tu tập 6 pháp Ba la mật. Bồ Tát vì Nhất thiết chủng trí mà hành bố thí, trì giới v.v… để rồi đem hết thảy các công đức ấy, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Trong sự hồi hướng đó, Bồ Tát được đầy đủ 6 pháp Ba la mật, đầy đủ tâm từ bi, xa lìa các chấp điên đảo, dụng tâm bình đẳng thành tựu các thiện căn công đức".

Sở dĩ, Phật bảo Nhị thừa là phi đạo, bởi gì Nhị thừa là tu cho mình, tu mà sợ trần sa hoặc, sợ sanh tử… tu mau để chứng thật tế rồi vào Niết bàn. Đó là tự độ không phải độ sanh. Còn Bồ Tát thừa là tu thành chánh quả để độ cho tất cả hữu tình. Nên Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh dẫn đến đạo Phật, nên nói đạo Phật là đạo của Bồ Tát.

7. Hết thảy pháp chẳng hợp chẳng tan:

*Thay vì đề mục này thuyết "**Bồ Tát làm sao cùng sáu Ba la mật thường tương ưng không lìa bỏ nhau?" như Kinh ĐBN,** chúng tôi viết đề mục này là **"hết thảy pháp chẳng hợp chẳng tan" theo Kinh MHBNBLMĐ. Lý do:***

Tương ưng, tương hợp cũng có nghĩa là hòa hợp. Thí dụ gieo hạt giống để có lúa, nhờ nhân duyên hòa hợp của đất nước gió lửa, sự chăn sóc của con người mà hạt lúa lớn lên, đơm bông kết trái. Các yếu tố như đất nước gió lửa v.v… hòa hợp tạo điều kiện tốt để cây lúa lớn lên. Vì vậy, các yếu tố tạo điều kiện cho hạt giống nẩy mần, lớn lên (gọi là tha lực) và hạt giống (tự lực) không thể xa lìa nhau được mà Kinh ĐBN bảo là "tương ưng không lìa bỏ nhau", trong khi Kinh MHBNBLMĐ bảo là

"chẳng hợp chẳng tan". Mặc dù, ngôn ngữ danh tự khác nhau, nhưng nghĩa không khác.

*Lại nữa Kinh MHBNBLMĐ nói về đề mục này (hết thảy pháp chẳng hợp chẳng tan) được Đại Trí Độ Luận diễn dịch rất hợp với chánh văn và dễ hiểu, nên được chúng tôi trích dẫn. **Đại Trí Độ Luận** thuyết:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát phải tập hành 6 pháp Ba la mật như thế nào?

Phật dạy: Bồ Tát **phải quán hết thảy pháp chẳng hợp, chẳng tan**. Các pháp do nhân duyên hòa hợp giả danh tạm có, nhưng phàm phu do điên đảo chấp tướng mà hư vọng cho là có hợp, có tan. Vì biết rõ các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, đều như huyễn, như hóa nên Bồ Tát thường giữ tâm thanh tịnh, chẳng hề sanh tâm cao ngạo.

Lại nữa, vì biết rõ các pháp đều chẳng có trú xứ, nên Bồ Tát an trú trong "vô trú pháp" mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh có nêu thí dụ: Nhân là Bát nhã Ba la mật, quả là Vô Thượng Bồ Đề. Người muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải gây nhân Bát nhã Ba la mật. Ví như phải ương hạt mới có cây, phải bón phân, tưới nước, cho cây lớn lên rồi mới có quả ăn được. Cũng như vậy, Bồ Tát phải trồng chánh nhân là Phật, tức là Bát nhã Ba la mật, lại phải hành đầy đủ 5 Ba la mật kia; tuy nay chưa có quả mà thời gian sau quyết định sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề".

Trồng chánh nhân là Bát Nhã, được Vô Thượng Bồ đề là quả, nhưng không lìa phương tiện là năm Ba la mật cũng như tất cả các pháp Phật. Đó là ý nghĩa "Bồ Tát phải quán tất cả pháp chẳng lìa bỏ nhau".

8. Bồ Tát tuy có nhiều thứ để học mà không sở học?

*Đối với vấn đề này, **Đại Trí Độ Luận** rằng:*

"Phật dạy: Nếu học Bát nhã Ba la mật, thì ở nơi hết thảy pháp đều được tự tại. Cho nên Bồ Tát phải học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì ở trong hết thảy pháp thì Bát nhã Ba la mật là tối đại, ví như so với muôn ngàn con sông, thì biển cả là lớn hơn hết. Nếu Bồ Tát được tự tại ở nơi hết thảy pháp, thì chẳng ai có thể phá hoại được. Bồ Tát thường tu tập Bát nhã Ba la mật như vậy là được tương ưng với Phật, nên được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật như thế nào mới được chư Phật khắp 10 phương hộ niệm?

Phật dạy: Bồ Tát hành 6 pháp Ba la mật, mà **phải quán 6 pháp ấy là rốt ráo không**, mới được chư Phật 10 phương hộ niệm.

Bồ Tát hành sắc… dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, mà chẳng thọ, chẳng chấp, vì biết rõ hết thảy pháp đều là hư vọng, chẳng thật có, nên được chư Phật 10 phương thường hộ niệm. Vì sao? Vì lúc bấy giờ, Bồ Tát đã chứng được pháp thân thanh tịnh, đồng thể tương ưng với chư Phật vậy.

--o0o--

Bồ Tát học 6 pháp Ba la mật, nhưng đồng thời cũng học hết thảy các pháp thế gian. Bồ Tát học các pháp của phàm phu mà biết rõ các pháp ấy cũng đều là rốt ráo không.

Bồ Tát học khởi pháp, và cũng học diệt pháp. Còn phàm phu chỉ biết khởi mà chẳng biết diệt; hàng Nhị Thừa học diệt mà chẳng học khởi. Bồ Tát phải học cả khởi lẫn diệt, nên phải học nhiều. Đối với Bồ Tát thì khởi pháp và diệt pháp đều là như mộng, như huyễn, nên tuy học nhiều, mà xem như chẳng có học gì cả. Do học như vậy, nên Bồ Tát được vô sở đắc.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chư Phật thuyết pháp, dù thuyết rộng hay hẹp, thì chỗ nên học vẫn là chỗ vô sở đắc".

Ý Ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, "Bồ Tát phải học đầy đủ 84.000 pháp môn trình bày đầy đủ trong 12 bộ kinh, vừa rộng vừa hẹp, tổng nhiếp cả 3 thừa giáo, nhưng lại phải dùng trí huệ Bát nhã Ba la mật để hành 6 pháp Ba la mật, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề. Hết thảy các pháp môn tu, dù rộng, dù hẹp, Bồ Tát đều phải thân cận, tu học, tư duy, đọc tụng, mãi như vậy cho đến khi nào được vô tướng tam muội, chẳng để cho các tâm và tâm sở pháp hiện hành".

Học như vậy là tận cùng của sự học, gọi là biển học. Vì Phật học quá nhiều, quá mênh mông. Nhưng học là một chuyện mà thực hành là một chuyện khác. Phải lấy vô sở hữu bất khả đắc làm phương tiên. Kinh thường bảo học Bát Nhã như ảo nhân thính pháp, học Bát Nhã như hư không mà học. Nên đoạn Kinh này mới có tên "học rất nhiều mà không sở

học". Học không năng sở, không thủ, không đắc, không chấp đắm, không nương vịn bám víu mới là học Bát Nhã.

9. Bồ Tát đối tất cả pháp như thật biết rõ tướng rộng hẹp?

Đại Trí Độ Luận*, giải thích tiếp:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thảy các pháp?

Phật dạy: **Biết hết thảy pháp là "như tướng", là bất sanh, bất trú, bất dị, bất diệt, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thảy pháp.**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như tướng là vô sanh tướng, thì làm sao có thể biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy pháp?

Phật dạy: Như tướng là thật tướng của các pháp, thường trú, bất hoại, chẳng có tùy thuộc theo các quán. Bồ Tát được như tánh, nên phá được hết thảy các vô minh, tà kiến điên đảo. Vì như thật biết được thật pháp của vũ trụ, nên ở trong thế gian Bồ Tát biết rõ được tổng tướng cùng biệt tướng của vạn vật. Trái lại, hàng phàm phu, vì bị vô minh ngăn che chân trí huệ, chẳng có được huệ nhãn, nên chẳng có thể thấy biết một cách chân thật được. Sự thấy biết của phàm phu đều là bệnh hoạn cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: **Pháp tướng chân thật là không, là vô tướng, là vô tác**. Như vậy, khi trí huệ đã diệt rồi, thì làm sao biết được như thật pháp tướng? Làm sao biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp?

Phật dạy: Vì ông ở nơi pháp tánh mà chấp tướng, nên mới nạn hỏi. Nếu ông biết rõ được "như tánh", thì chẳng còn gì để nạn hỏi nữa. Vì sao? **Vì "như tánh" là vô tướng, là như như, là rốt ráo không, nên chẳng ngại tổng tướng và biệt tướng**. Lúc bấy giờ, Bồ Tát đã thành tựu được huệ nhãn thanh tịnh, nên mới như thật biết, như thật thấy vậy. Ví như một người ở tuổi trưởng thành có thể thấy biết được những việc khờ dại mà mình đã làm trong thời thơ ấu.

Bồ Tát sau khi đã có huệ nhãn thanh tịnh, đã vào được thật tướng các pháp rồi, lại thị hiện thọ thân, sanh vào trong 3 cõi để độ sanh.

Vì đã được giải thoát an lạc, đã thấy rõ 6 tình là hư vọng, là nguồn gốc khổ đau, nên dù vẫn dùng 6 căn duyên 6 trần, khởi 6 thức, mà Bồ Tát vẫn

thường thấy tịch diệt. Như vậy gọi là Bồ Tát biết tổng tướng và biệt tướng của các pháp.

Bồ Tát biết rõ các pháp thế gian, dù bậc thượng, trung, hay hạ, đều là bất tịnh, là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại biết rõ 84.000 pháp môn tu ở thế gian cũng lầm lỗi. Như vậy gọi là Bồ Tát biết tổng tướng và biệt tướng của các pháp.

Bồ Tát cũng biết rõ "như như pháp tánh thật tế" là gốc của vạn vật nên biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp đều là "như như pháp tánh thật tế", nhưng vẫn tùy thuận thế gian mà phân biệt mỗi pháp có tướng sai khác.

--o0o--

Phật dạy, "vô tế" là "thật tế" là vô tướng, nên chẳng có pháp có thể chấp.

Khi đã biết rõ "pháp tánh", thì biết rõ hết thảy các sắc tánh đều là pháp tánh, đều là "vô phân", "vô phi phân" cả.

- Nói "vô phân" là nói các pháp chẳng thể chỉ bày được. Đây cũng có nghĩa là vô tướng, vô lượng, vô phân biệt.

- Nói "vô phi phân" là chẳng chấp vô tướng, chẳng chấp vô lượng, là phá hết thảy tướng và lượng, phá hết thảy các pháp tướng.

Bồ Tát vào 3 giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác", trú trong "như như bình đẳng pháp", nên biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp".

Đoạn Luận trên phá toàn bộ pháp tướng, phá cái rộng hẹp, lớn nhỏ, nhiều ít của nó. Biết hết thảy pháp là bất sanh, bất diệt, bất trú, bất dị, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thảy pháp.

*Biết thế nào là "như tướng", đó là biết chơn như thật tướng của các pháp. Các pháp như là như thường tại, chẳng lúc nào chẳng như, chẳng biến dịch đổi dời, nên gọi là như. Như đó là chơn như, là pháp tánh, là pháp giới, là bất hư vọng tánh, là bình đẳng tánh, là thật tế... (nói rộng ra là thập nhị chơn như) mà Đại Trí Độ Luận gọi là "*gốc của vạn vật nên biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp" *tóm tắt trong 4 chữ "như như bình đẳng".*

Như là thật tướng các pháp, nên nói là ***như*** *(chơn như), nên cũng gọi là* ***pháp tánh****; cùng sống trong một giới nên gọi là pháp giới; nó là vô tế, cái biên tế cuối cùng của vạn hữu, nên cũng gọi là* ***thật tế*** *và vì tất cả như đều đồng một tánh, nên gọi là bình đẳng tánh. Người có cái thấy biết như vậy được gọi là Như Lai. Như Lại là tịch lặng, là Niết bàn. Ở trong như này chư Phật, chư Bồ Tát không thấy tướng, không thấy lượng, không phân biệt, nên vô chấp. Do công năng vô chấp nên không bị tướng che mà biết tướng rộng hẹp của tất cả pháp.*

10. Bồ Tát hành Bát Nhã quán tất cả pháp tự tướng đều không?

Học Bát Nhã là phải quán tất cả pháp là tự tướng không, mà chẳng chấp không, ***Đại trí Độ Luận*** *nói:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Phải tu phương tiện gì để đến được chỗ chẳng còn tác, chẳng còn khởi các hạnh nghiệp?

Phật dạy: Bồ Tát phải thường **quán các pháp là tự tướng không**; quán sắc là tự tướng không… dẫn đến quán Vô Thượng Bồ Đề cũng là tự tướng không. Lúc bấy giờ, Bồ Tát mới thành tựu được 2 việc:

- Chẳng tác, chẳng khởi các hạnh nghiệp.
- Ở nơi hết thảy pháp, mà vẫn hành được tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là tự tướng không, thì làm sao Bồ Tát có thể ở nơi các pháp mà hành Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy: **Chẳng hành mới gọi là hành Bát nhã Ba la mật.**

Vì sao? **Vì Bát nhã Ba la mật là bất khả đắc, nên người hành, pháp hành và chỗ hành đều là bất khả đắc. Vì các pháp là không, nên Bát nhã Ba la mật là bất khả đắc, pháp hành Bát Nhã, chỗ hành Bát Nhã đều là bất khả đắc. Vì chúng sanh là không, nên người hành Bát Nhã cũng là bất khả đắc. Vì các hý luận bất khả đắc, nên nói Bồ Tát chẳng hành mới thật là hành Bát nhã Ba la mật.** *(Đó là giải thích thế nào chẳng hành mà chính là hành)*.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng hành là hành Bát nhã Ba la mật, thì từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ Tát phải làm sao để hành Bát nhã Ba la mật?

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật như trên, vì ngài nghĩ rằng Bồ Tát khi mới sơ phát tâm còn mê muội, điên đảo, nên cần phải hành, chẳng thể chẳng hành được vậy.

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm, Bồ Tát phải học "vô sở đắc pháp", mà chẳng đắc tức là chẳng hành vậy. Bồ Tát dùng các phương tiện để hành bố thí, trì giới v.v…, nhưng phải biết rõ hết thảy các pháp ấy đều là bất khả đắc, đều là vô sở đắc pháp cả. Tuy hành bố thí, trì giới v.v… mà **biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp ấy đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc**; dù ở trong CÓ hay ở trong KHÔNG cũng đều là bất khả đắc cả. Bồ Tát trú như vậy, nên được trí huệ tương ứng với Nhất thiết chủng trí. Bồ Tát khi hành bố thì chẳng thấy có mình là người hành bố thí, có người thọ nhận sự bố thí, có tài vật mà mình đem ra bố thí, vì biết rõ các pháp đó đều bình đẳng, đều bất khả đắc. Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy".

Đó là cái mầu nhiệm của giáo pháp "vô sở đắc hay bất khả đắc". Tất cả pháp là không, chúng sanh là không, hành như vô sự, chẳng thọ chẳng đắc mà Bồ Tát vẫn tu vẫn hành vẫn độ chúng sanh. Đó chính là cái ẩn áo(sâu kín)của Bồ Tát đạo trong việc duy trì dòng giống Phật

11. Hành hữu sở đắc và vô sở đắc.

Đại Trí Độ Luận *giải thích tiếp:*

"Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng, "Hữu sở đắc là thế gian điên đảo. Vô sở đắc là Niết Bàn", nên ngài hỏi Phật: Thế nào gọi là hữu sở đắc, và thế nào gọi là vô sở đắc?

Phật dạy: Pháp có hai là pháp hữu sở đắc; pháp chẳng có hai là pháp vô sở đắc.

Ví như có con mắt và sắc hòa hợp gọi là có hai, vì mắt và sắc là hai pháp đối đãi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Khi chẳng thấy sắc, thì vẫn có mắt. Như vậy vì sao nói mắt chẳng ly sắc?

Phật dạy: Nay tuy con mắt chẳng quán sắc, nhưng lưu ảnh của sắc đã sẵn có ở nội trần. Điều đó cho biết nhãn căn và sắc trần là 2 pháp tương đãi vậy.

Bởi vậy, nên biết rằng hết thảy pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp sanh. Đã có nhân ắt phải có quả. Quả theo nhân sanh, nên chẳng có tự tánh. Dẫn đến ý cũng như vậy.

Phàm phu, do vô trí, nên mới phân biệt có thiện, có bất thiện v.v… Còn người trí biết rõ cả 2 pháp đều là hư dối, biết rõ cả 2 pháp đều do nhân duyên sanh, nên là không; do vậy mà chẳng thấy có 2 tướng tương đãi vậy. Vì sao? Vì pháp có 2 tướng là pháp hữu sở đắc; pháp chẳng có 2 tướng là pháp vô sở đắc.

Phật dạy: Do có hữu sở đắc mới có vô sở đắc. Do duyên các pháp mà chấp có tướng hành đạo, nên là hữu duyên sở đắc. Nếu chẳng duyên các pháp chẳng thủ tướng hành đạo, thì vào được rốt ráo không, tức là được vô sở đắc vậy.

Phật dạy tiếp: **Chấp hữu sở đắc, chấp vô sở đắc đều lầm lỗi**. Bởi vậy nên ở nơi cả 2 việc đó, Bồ Tát thường giữ tâm bình đẳng. **Dùng vô sở đắc để phá chấp về hữu sở đắc; khi đã phá xong hữu sở đắc rồi, thì cũng phải bỏ luôn chấp về vô sở đắc. Như vậy mới có được tâm bình đẳng ở nơi hữu sở đắc và vô sở đắc vậy.**

Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật phải phân biệt học như vậy. Hành Bát nhã Ba la mật như vậy là chân hành "vô sở đắc", chẳng có lầm lỗi. Bồ Tát dụng vô sở đắc như vậy mà tu từ 1 địa này lên 1 địa khác cũng như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bát nhã Ba la mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, Bồ Tát bất khả đắc, thì Bồ Tát học Bát nhã Ba la mật làm sao có thể phân biệt được các pháp tướng? Nếu nói Bát nhã Ba la mật là hành pháp bất khả đắc, thì làm sao được đầy đủ bố thí Ba la mật,… dẫn đến đầy đủ hết thảy thiện pháp? Làm sao Bồ Tát có thể vào được Bồ Tát vị?

Phật đáp: Bồ Tát chẳng đắc các pháp tướng, mới thật là hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào mới gọi là hành Bát nhã Ba la mật?

Phật đáp: **Hành vô sở đắc là hành Bát nhã Ba la mật**. **Hành hết thảy các pháp không, vô tướng, vô tác, vô khởi là hành Bát nhã Ba la mật**. Bồ Tát vì thật tướng của hết thảy pháp mà hành Bát nhã Ba la mật, chẳng phải do chấp điên đảo mà hành Bát nhã Ba la mật.

Vì hết thảy pháp đều vô vi, vô tác, vô khởi nên Bồ Tát phải hành vô vi, vô tác, vô khởi Bát nhã Ba la mật như vậy".

12. Tam Trí: Nhất thiết trí, Đạo tướng trí và Nhất thiết chủng trí.

"Tam Trí" của Hội thứ II, ĐBN viết rất ngắn và chỉ là một phần của phẩm "Xảo Tiện", trong khi Đại Trí Độ Luận đúc kết "Tam Trí" thành một phẩm riêng trong hai quyển là Q.83 và Q.84. Ba trí này đã được chúng tôi lược giải trong "Phần thứ I Tổng luận" và thích nghĩa nhiều lần trong "Phần thứ II Tổng luận". Nên ở đây chúng tôi chỉ giải thích ngắn gọn thôi:

***1- Nhất thiết trí:** Trí biết rõ cái tướng chung của tất cả các pháp. Cái tướng chung ấy chính là Không tướng. Trí này là trí của hàng Thanh văn, Duyên giác.*

***2. Đạo chủng trí** (cũng gọi Đạo chủng tuệ, Đạo tướng trí): Bồ Tát biết rõ cả bốn đạo gồm: Nhân Thiên phước lạc đạo, và ba thừa đạo (nghĩa là Bồ Tát biết tướng đạo của nhân thiên, tướng đạo của đạo Thanh văn-Độc giác, tướng của đạo Bồ Tát, tướng của đạo Như Lai). Nên Đạo tướng trí là trí chung của đại Bồ Tát.*

***3. Nhất thiết chủng trí** (cũng gọi Nhất thiết tướng trí hay Nhất thiết trí trí): Tức trí biết rõ suốt tướng chung và tướng riêng, của tất cả pháp, tất cả đạo, các cả chủng loại. Nên nói Nhất thiết chủng trí là trí riêng của chư Phật.*

*Để giải thích về **Nhất thiết chủng trí của chư Phật, Đại Trí Độ Luận** nói rằng:*

"Phật dùng vô tướng pháp nên nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Ông chẳng nên dùng danh tướng mà hỏi về Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là Phật trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi là thông đạt được hết thảy pháp trong ba đời, là được vô ngại trí, là biết hết thảy các sự việc từ lớn đến nhỏ, từ thô đến tế v.v… chẳng có sự việc gì mà chẳng hay biết cả. Phật khai thị về nghĩa của "Nhất thiết chủng trí". Đó là:

- Trí thông đạt thật tướng của hết thảy pháp là tướng tịch diệt. Ví như nước ở sâu dưới đáy biển chẳng bị gió làm chao động; vì ở sâu quá, nên các sóng mòi chẳng thể dấy khởi được. Cũng như vậy, gió hý luận chẳng thể làm lay động được Nhất thiết chủng trí.

- Trí thông đạt vô ngại hết thảy các ngôn ngữ, danh tự; lại nhiếp được cả "CÓ" lẫn "KHÔNG".

Có thuyết nói, "Nhất thiết chủng trí là trí biết rõ Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí… dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là tướng trí huệ hòa hợp".

Có thuyết nói, "Vào được Kim Cang tam muội là thứ lớp được vô ngại giải thoát, nên các sự việc dù lớn hay nhỏ, dù khó hay dễ, dù sâu hay cạn, cùng vô lượng nhân duyên khác, hành giải đều như thật biết".

Trí biết như vậy gọi là Nhất thiết chủng trí.

13. Tại sao nói nghĩa của Bát Nhã là thâm áo?

Toàn thể Đại Bát Nhã bất cứ phẩm, phần hay Hội nào cũng nói đến chỗ này. Vì, chư Phật, Bồ Tát, A la hán luôn luôn muốn chúng sanh thâm nhập Bát Nhã để thoát khổ được vui Niết bàn. Vả lại, Bát Nhã quá mênh mông rộng lớn như hư không và quá siêu việt nên phải nói nhiều. Đại Trí Độ Luận đặt vấn đề:

"**Hỏi:** *Trước đây đã có nói nhiều về Bát nhã Ba la mật. Nay vì sao còn nói nữa?*

Đáp: Đây chẳng phải chỉ vì nói về tướng của Bát nhã Ba la mật, mà còn rộng **nói về nghĩa** của Bát nhã Ba la mật nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Do nghĩa gì mà Thế Tôn gọi là Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy: Do được "Đệ nhất độ", tức là "độ hết thảy pháp qua bờ bên kia" nên được gọi là Bát nhã Ba la mật.

Xét về "trí độ" nên phân biệt có ba hạng, đó là:

- Trí độ của hàng Thanh Văn là hạ trí.
- Trí độ của hàng Bích Chi Phật là trung trí.
- Trí độ của hàng Bồ Tát là thượng trí, cũng gọi là Đệ nhất độ.

Lại nữa, có chín phẩm độ phiền não nhiếp về ba bậc trí huệ thượng, trung và hạ, mỗi bậc có ba phẩm. Bồ Tát dùng thượng huệ độ nên gọi là đệ nhất độ. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật phần nhiều độ ở nơi tổng tướng, rất ít ở nơi biệt tướng. Bồ Tát ở nơi hết thảy tổng và biệt tướng đều được rõ ràng nên gọi là đệ nhất độ.

Khi độ, Bồ Tát có trí huệ đầy khắp, nên ở nơi các pháp đều khắp biết. Hàng Nhị thừa ở nơi các pháp có biết; nhưng chẳng cùng khắp. Bởi vậy nên gọi trí độ của Bồ Tát là đệ nhất độ.

Bồ Tát Đại Thừa có vô lượng phước đức trí huệ, đầy đủ sáu pháp Ba la mật, đầy đủ 37 phẩm trợ đạo, được chư Phật, chư Đại Bồ Tát cùng chư Thiên ở khắp 10 phương thường hộ niệm, nên được an ổn độ. Ví như người dùng thuyền bảy báu, được người hướng dẫn tốt, chở đầy đủ thực phẩm tốt, gặp gió êm, biển lặng, ắt sẽ đến được đích an toàn, như vậy gọi là "hảo độ". Còn người nương theo chiếc bè, mong manh để vượt qua biển, tâm đầy lo âu sợ hãi, thì chẳng thể gọi là "hảo độ" được.

Lại nữa, Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật dùng ba thừa đạo đưa chúng sanh qua bờ bên kia, là bờ Niết Bàn. Ở nơi đây chẳng còn có ưu bi khổ não nữa. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, dùng trí huệ Bát nhã Ba la mật tư duy, trù lượng, phá hoại các pháp cho đến vi trần, thì hết thảy các pháp, dù ngoại hay nội, dù lớn hay nhỏ v.v… đều chẳng kiên cố, chẳng bền chắc. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Hết thảy pháp đều vô phân biệt, nên vào trong Bát nhã Ba la mật, thì **sắc pháp cũng như tâm pháp đều là tán hoại, là bất khả đắc**. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật còn được gọi là trí huệ Ba la mật, là trí huệ "đáo bỉ ngạn", là bờ mé của hết thảy trí huệ. Trí huệ Ba la mật chẳng thể bị phá hoại, là như pháp tánh thật tế. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, trong Bát nhã Ba la mật chẳng có pháp hợp hay tan, sắc hay vô sắc, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Bát nhã Ba la mật thường sanh hết thảy trí huệ, hết thảy thiền định, hết thảy lạc thuyết biện tài. Nhờ có lực Bát nhã Ba la mật mà nói ra một câu có thể chứa đựng vô lượng nghĩa trang nghiêm, vô cùng tận. Bát nhã Ba la mật soi chiếu cùng khắp, đến tận những nơi mà mặt trăng, mặt trời cùng các ngôi sao chẳng thể chiếu đến được. Bát nhã Ba la mật thường phá tan các tà kiến vô minh hắc ám, nên tà ma ngoại đạo cùng các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể phá hoại được.

Vì sao? Vì nếu Bồ Tát nhất tâm tín thọ, trì tụng Bát nhã Ba la mật thì các ác niệm chẳng thể xâm phạm được, nếu Bồ Tát có chánh ức niệm, thường như thuyết tu hành thì các kẻ ác chẳng có thể phá hoại được.

Phật dạy: Bồ Tát phải đúng theo nghĩa Bát nhã Ba la mật như vậy mà hành. Bồ Tát muốn hành theo nghĩa Bát nhã Ba la mật thì **phải hành theo nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng phải hành theo nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tỷ trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thật trí.**

Ví như trong biển lớn có vô số châu báu vừa lớn vừa nhỏ, nhưng chỉ có như ý bảo châu là quý hơn hết. Cũng như vậy, trong số mười một trí, thì mười trí nêu lên trước đều là vô thường. Chỉ có trí thứ mười một tức là **như thật trí** mới là trí huệ của Phật, là trí huệ tôn quý nhất.

Hỏi: *Trước đây nói hành vô thường chẳng phải là hành Bát nhã Ba la mật. Nay vì sao nói hành vô thường là hành Bát nhã Ba la mật?*

Đáp: Trước đây cũng đã nói về 2 trường hợp hành vô thường:

- Nếu còn chấp tâm, còn hý luận mà hành vô thường, thì đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba la mật.

- Nếu chẳng chấp tâm, chẳng hý luận mà dùng vô thường để phá chấp thường, nhưng tự mình chẳng chấp vô thường, thì đó mới là hành Bát nhã Ba la mật.

Hỏi: *Trong ba tạng kinh điểm thường chỉ nói đến mười trí. Sao nay lại nói thêm trí mười một là như thật trí?*

Đáp: "Như thật trí" là của Đại Thừa pháp. Nên biết Đại Thừa pháp thường thọ Tiểu Thừa pháp, mà Tiểu Thừa pháp chẳng thể thọ Đại Thừa pháp vậy.

Hỏi: *Trong mười trí nêu lên trước, mỗi trí đều có thể tướng riêng. Như vậy, thể tướng của như thật trí là như thế nào?*

Đáp: Có thuyết nói: Biết rõ thật tướng của hết thảy pháp là như pháp tánh thật tế. Như vậy gọi là như thật trí tướng. Nói đây, Phật nói chỉ có trí huệ của Phật mới gọi là như thật trí. Vì sao? Vì Bồ Tát chưa đoạn sạch "trần sa vô minh", nên chưa có thể như thật biết. Cũng như hàng Nhị Thừa, Bồ Tát chưa tận đoạn tạo khí, nên chưa có thể biết hết thảy pháp, hết thảy chủng; do vậy mà chưa được như thật trí. Chỉ có Phật đã tận đoạn vô minh, nên mới có được như thật trí.

Hỏi: *Nếu nói trừ Phật ra, chẳng có ai có được như thật trí, thì hàng Nhị Thừa làm sao có thể được Niết Bàn, và hàng Đại Bồ Tát làm sao được vô sanh pháp nhẫn?*

Đáp: Như thật trí có thể hiểu theo 2 nghĩa:

- Phật đã đầy đủ “như thật trí”.
- Chư đại Bồ Tát cũng như chư Thanh Văn chưa có được đầy đủ “như thật trí”.

Trí của Bồ Tát cũng như của hàng Nhị Thừa chỉ ví như ánh sáng của một ngọn đèn nhỏ, chỉ đủ để phá bóng tối của căn nhà, nhưng căn nhà chưa được sáng tỏ. Nếu có thêm một ngọn đèn lớn, thì căn nhà được chiếu sáng nhiều hơn. Cũng như vậy, Bồ Tát cũng như hàng Nhị Thừa, tuy có trí huệ phá được vô minh, nhưng chưa tận trừ vô minh đến gốc rễ.

Trí tuệ của Phật mới tận trừ vô minh đến gốc rễ.

Trí tuệ của Bồ Tát và trí tuệ của hàng Thanh Văn Nhị Thừa chưa được gọi là “như thật trí”. Vì sao? Vì Bồ Tát và hàng Thanh Văn chưa biết khắp “biến tri” như Phật được. Chỉ có trí huệ của Phật mới được gọi là “như thật trí”.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong Bát nhã Ba la mật thậm thâm, nghĩa và phi nghĩa đều là bất khả đắc. Như vậy vì sao Bồ Tát phải vì thâm nghĩa Bát nhã Ba la mật mà hành Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy: Tham dục, sân nhuế, ngu si là phi nghĩa. Nghĩa như vậy chẳng nên hành. Hết thảy các phiền não, hết thảy các tà kiến là phi nghĩa.

Nghĩa như vậy chẳng nên hành.

Nên biết rằng, các pháp được chia ra làm 3 loại. Đó là:

- Tham dục cùng hết thảy các phiền não, tà kiến là phi nghĩa.
- Sáu pháp Ba la mật cùng hết thảy các thiện pháp là nghĩa.
- Hết thảy các sắc pháp cùng vô ký pháp là phi nghĩa, phi phi nghĩa (chẳng có nghĩa, chẳng phải là chẳng có nghĩa).

Người hành các phiền não thì sanh tâm thương ghét. Người hành sáu pháp Ba la mật và các thiện pháp, thì sanh tâm ái niệm. Người hành các pháp vô ký, thì sanh tâm si.

Như trong kinh nói, “Phàm phu khi thọ lạc liền sanh tâm tham; khi thọ khổ liền sanh tâm sân; khi thọ phi lạc, phi khổ liền sanh tâm si”.

Trái lại, Bồ Tát thường nghĩ rằng, "Hết thảy các thiện pháp, ác pháp và vô ký pháp đều là phi nghĩa, chẳng nên niệm. Vì sao? Vì ở nơi nhất như tướng, thì hết thảy các pháp đều là phi nghĩa, đều là vô phân biệt".

Lại nữa, khi thành đạo, Phật chẳng thấy có một pháp nào cả. Dù là nghĩa, dù là phi nghĩa, khi đã vào trong thật tướng rồi, thì hết thảy pháp đều là nhất như, vô phân biệt. Dù có Phật, dù chẳng có Phật, thì hết thảy pháp đều là thường trú.

Nếu biết được như vậy là biết được nghĩa, phá được hết thảy các sự phân biệt của tâm. Bởi vậy nên nói, "nghĩa cùng phi nghĩa đều chẳng nên làm".

Phật dạy tiếp: **Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật phải ly nghĩa, và phải ly phi nghĩa.**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói Bát nhã Ba la mật là phi nghĩa và cũng là phi phi nghĩa (chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa)?

Phật dạy: Hết thảy các pháp hữu phi đều vô tác tướng, vô khởi tướng (chẳng có tướng tác, chẳng có tướng khởi), nên Bát nhã Ba la mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hết thảy chư Phật cùng chư đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa. Như vậy vì sao Phật nói Bát nhã Ba la mật chẳng có nghĩa, và cũng chẳng phải chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Hết thảy chư Phật và chư Thánh, tuy đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng chẳng phải vì thế mà nghĩa ấy có tăng, có giảm.

Ví như hư không chẳng có làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng có làm tổn hại chúng sanh, nên chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.

Tuy hư không là pháp "không", mà hết thảy thế gian đều nương nơi hư không, mà làm ra đủ các sự việc. Cũng như vậy, tuy Bát nhã Ba la mật là vô vi tướng, mà người tu hành phải có lực phương tiện Bát nhã Ba la mật mới có thể tu năm Ba la mật kia cùng hết thảy các Phật pháp vậy.

Người có chấp tâm mới nói Bát nhã Ba la mật có nghĩa, hay chẳng có nghĩa. Người chẳng có chấp tâm, thì chẳng thấy Bát nhã Ba la mật có nghĩa, hay chẳng có nghĩa.

Y theo thế tục đế, nên nói "nghĩa" và "phi nghĩa". Nếu y theo đệ nhất nghĩa đế, thì chẳng nói như vậy".

14. Bát nhã Ba la mật lấy bất nhị làm phương tiện.

***Đại Trí Độ Luận** nói:*

"Lại nữa, có 2 thứ Bát nhã Ba la mật đó là:

- Hữu vi Bát nhã Ba la mật.
- Vô vi Bát nhã Ba la mật.

Học hữu vi Bát nhã Ba la mật là học đầy đủ sáu pháp Ba la mật, và an trú trong đó. Học vô vi Bát nhã Ba la mật là diệt sạch hết tập khí phiền não, viên thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát chẳng học vô vi Bát nhã Ba la mật có được Nhất thiết chủng trí chăng? Nếu học vô vi Bát nhã Ba la mật mà được Nhất thiết chủng trí, thì vì sao nói là chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Bồ Tát học vô vi Bát nhã Ba la mật mà chẳng dùng "hai pháp" mới được Nhất thiết chủng trí.

Chẳng phân biệt các pháp, chẳng thủ chấp các pháp tướng mới gọi là chẳng dùng "hai pháp".

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: chẳng dùng "hai pháp" có thể vào được trong "bất nhị pháp" chăng?

Phật dạy: Chẳng được. Vì sao? Vì "bất nhị pháp" tức là "vô vi pháp". Mà "vô vi" tức là "vô đắc hữu", là chẳng có được vậy.

"Vô vi pháp" là chẳng có tướng đắc, là pháp chẳng thể hành được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng dùng "hai pháp" mà chẳng được "bất nhị pháp", thì dùng "hai pháp" có thể được "bất nhị pháp" chăng?

Phật dậy: Chẳng vậy. Vì sao? Vì "hai pháp" là chẳng thật. Như vậy làm sao có thể dùng pháp chẳng thật đó để được "thật pháp"

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng dùng "hai pháp" và cũng chẳng phải chẳng dùng "hai pháp" thì Bồ Tát làm sao được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: "Vô sở đắc" tức là đắc vậy. Bởi vậy nên đắc là đắc chỗ chẳng đắc.

--o0o--

Nơi đây, nên biết rằng pháp bất nhị (chẳng hai) tức là pháp vô phân biệt (chẳng có phân biệt), là pháp vô sở đắc (chẳng chỗ đắc). Mà pháp vô sở đắc thì chẳng thể do hữu sở đắc làm ra.

Người tu hành tuy hành pháp hữu vi, mà lại đắc chỗ vô sở đắc, nên chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng vậy. Vì sao? Vì phải cùng với không, vô tướng và vô tác hòa hợp mà hành các pháp”.

Đây là một phẩm quá hay với nhiều giáo lý ảo diệu. Vì Kinh ĐBN đúc kết nhiều phẩm với nhau, nên phẩm này quá dài. Chúng tôi cố gắng rút gọn một số chiết giải của Đại Trí Độ Luận, tuy vậy vẫn thấy dài, nhưng đáng tiếc là không được đầy đủ như mong muốn. Muốn được đầy đủ hơn, nên tiếp tục tham khảo các phẩm liên hệ của Bộ Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ biên soạn.

Tất cả tiết mục kể trên, phần lớn đã được lược giải rồi, phần khác phẩm “Xảo Tiện” hay “Phương Tiện Thiện Xảo” này đã được Kinh và Luận giải thích bổ túc rất tỉ mỉ nhưng tiếc thay chúng tôi không trích dẫn hết vì giới hạn của thiên Tổng luận này. ***Phẩm “Đa Văn Bất Nhị****”(Tương đương với phẩm “Xảo Tiện” hay “Phương Tiện Thiện Xảo” này)****, từ Q.351 đến Q.360, Hội thứ I, ĐBN cũng đã chiết giải khá đủ.*** *Các đạo hữu có thể quay lại tham cứu thêm, nếu muốn.*

Ngoài ra, chúng tôi khuyên các đạo hữu nên tham khảo thêm hai phẩm: ***1. Phẩm thứ 69, “Đại Phương Tiện”, Tập 5 (Q.82 và Q.83), và 2. Phẩm thứ 70, “Tam Huệ”, Tập 5 (Q.83 và Q.84), Đại Trí Độ Luận*** *do Ni trưởng TN Diệu Không dịch. (Xin lặp lại đa số những trích dẫn của chúng tôi trong Đại Trí Độ Luận là căn cứ vào bản Việt dịch của Ni Trưởng TN Diệu Không).*

Người nào chịu khó nghiền ngẫm các giáo pháp ở đây sẽ có một bước tiến khá vững chắc trong việc học hỏi tu hành Bát nhã Ba la mật. Phải tinh tấn trì tụng thôi./.

---o0o---

68. PHẨM "THỌ DỤ" HAY "DỤ CÂY"

Cuối quyển 463, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Nói Thật", cuối Q.363 đến đầu Q.366, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế rất là thẳm sâu. Các đại Bồ Tát thường làm việc khó làm. Nghĩa là chẳng đắc các hữu tình, cũng chẳng đắc thi thiết hữu tình, mà vì hữu tình mong cầu mau chứng Nhất thiết trí trí.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người muốn trồng cây trong hư không là nơi không sắc, không thấy, không đối, không chỗ nương dựa, việc ấy rất khó. Các đại Bồ Tát cũng lại như thế, chẳng đắc hữu tình mà thi thiết hữu tình, vì hữu tình mong cầu mau chứng Nhất thiết trí trí là việc rất khó?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Bát nhã Ba la mật như thế rất là thẳm sâu. Các đại Bồ Tát năng làm việc khó làm là tuy biết chẳng đắc hữu tình mà vẫn mong cầu mau chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Phải biết các đại Bồ Tát tuy chẳng thật thấy hữu tình, cũng chẳng thấy thi thiết hữu tình, mà các hữu tình ngu si điên đảo chấp là thật có, chìm đắm sanh tử chịu khổ vô cùng. Vì cứu vớt họ nên mong cầu mau chứng Nhất thiết trí trí, dùng phương tiện thiện xảo mà cứu độ. Ví như có người **trồng cây thuốc** tuy chẳng biết có được thọ dụng gốc cọng, nhánh lá, hoa quả về sau hay không mà vẫn tùy thời tưới bón, gia công chăm bón. Cây này về sau lớn lên, gốc cọng nhánh lá hoa quả thịnh tốt, nhiều người thọ dụng lành bệnh được yên vui.

Các đại Bồ Tát cũng lại như vậy, tuy chẳng thấy có phước báo*(1)*, mà vì hữu tình mong cầu mau chứng Nhất thiết trí trí, lần hồi tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng các Bồ đề phần pháp khác. Đã viên mãn rồi, bèn chứng Nhất thiết trí trí, khiến các hữu tình **thọ dụng phước báo nhánh lá, hoa quả đều được lợi ích.**

Thiện Hiện phải biết: Lợi ích **nhánh lá** là các hữu tình nương Bồ Tát đây giải thoát các thú; lợi ích nơi **hoa** là các hữu tình nương Bồ Tát đây hoặc sanh đại tộc Sát đế lợi, hoặc sanh đại tộc Bà la môn, hoặc sanh đại tộc Trưởng giả, Cư sĩ, hoặc sanh trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; lợi ích nơi **quả** là Bồ Tát đây tự chứng Vô Thượng Bồ đề, khiến các hữu tình hoặc trụ quả Dự lưu, hoặc trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc trụ Độc giác Bồ đề, hoặc trụ Vô Thượng Bồ đề. Các hữu tình này siêng tu thiện pháp, nương đạo Tam thừa lần hồi chứng được Tam thừa Niết bàn. Như vậy, gọi là phước báo nhiêu ích*(2).*

Thiện Hiện! **Tuy làm việc lợi ích lớn như vậy nhưng các Đại Bồ Tát hoàn toàn không thấy thật có hữu tình nào đạt được Niết bàn, chỉ thấy vọng tưởng và các khổ lặng dứt.**

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, chẳng đắc hữu tình và thi thiết hữu tình. Vì diệt trừ ngã chấp điên đảo kia, mong cầu mau chứng Nhất thiết trí trí. Do nhân duyên đây, là việc rất khó!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Phải biết các đại Bồ Tát như Phật. Vì sao? Vì nương tựa vào Bồ Tát bèn dứt được 3 cõi địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, cũng dứt được nghèo túng thấp hèn trong 3 cõi?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Các Bồ Tát nên biết như Phật. Thế gian nếu không có Bồ Tát sẽ không có Như Lai ba đời, cũng không có Độc giác và chúng Thanh văn. Cũng không dứt được địa ngục, bàng sanh, quỷ giới và các nghèo túng thấp hèn cùng các khổ khác.

Vậy nên, Thiện Hiện! Ngươi nói chúng đại Bồ Tát y như Đức Phật, thật chính xác.

Lại nữa, Thiện Hiện nên biết: **Các đại Bồ Tát tức là Như Lai**. Vì sao? Thiện Hiện! Vì do "như đây" thi thiết Như Lai, tức do như đây thi thiết Độc giác, cũng do như đây thi thiết Thanh văn, cũng do như đây thi thiết sắc thọ tưởng hành thức. Cũng do như đây thi thiết tất cả Hiền Thánh. Cũng do như đây thi thiết nhãn xứ cho đến ý xứ. Cũng do như đây thi thiết nhãn giới cho đến ý giới v.v... Cũng do như đây thi thiết nhãn xúc cho đến ý xúc. Cũng do như đây thi thiết nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Cũng do như đây thi thiết địa giới cho đến thức giới. Cũng do như đây thi thiết nhân duyên cho đến tăng

thượng duyên. Cũng do như đây thi thiết vô minh cho đến lão tử. Cũng do như đây thi thiết bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Cũng do như đây thi thiết nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không. Cũng do như đây thi thiết hữu vi giới cho đến vô vi giới. Cũng do như đây thi thiết tất cả pháp. Cũng do như đây thi thiết tất cả hữu tình. Cũng do như đây thi thiết tất cả đại Bồ Tát. Nói rộng ra, cũng do như đây thi thiết tất cả pháp Phật.

Như vậy, Thiện Hiện! Hoặc Như Lai như, hoặc Độc giác như, hoặc Thanh văn như, hoặc tất cả Hiền Thánh như, hoặc sắc như cùng tất cả pháp như, hoặc tất cả hữu tình như, hoặc tất cả Bồ Tát như, các như như thế đều không khác. Do vì không khác nên gọi là như*(3)***. Các đại Bồ Tát tu học viên mãn như này liền có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Do đã chứng đắc Nhất thiết trí trí nên được gọi là Như Lai. Do đó, nên biết các đại Bồ Tát tức là Như Lai. Vì tất cả các pháp, tất cả hữu tình đều lấy như làm định lượng.** *(Q. 463, ĐBN)*

Thiện Hiện! Như vậy, **các đại Bồ Tát nên học Bát Nhã. Nếu học Bát Nhã thời học được tất cả pháp như. Nếu học được tất cả pháp như, thời đối tất cả pháp tự tại, thời biết được tất cả căn thắng liệt của hữu tình. Nếu biết được tất cả căn thắng liệt của hữu tình, thời năng biết đủ tất cả thắng giải sai khác của hữu tình. Nếu năng biết đủ tất cả thắng giải sai khác của hữu tình, thời biết tất cả hữu tình tự nghiệp thọ quả. Nếu biết tất cả hữu tình tự nghiệp thọ quả, thời nguyện trí viên mãn. Nếu nguyện trí viên mãn, thời năng tịnh tu diệu trí ba đời. Nếu năng tịnh tu diệu trí ba đời, thời năng viên mãn Nhất thiết trí trí.**

Nếu năng viên mãn Nhất thiết trí trí, thời năng hành Bồ Tát hạnh không trái. Nếu năng hành Bồ Tát hạnh không trái thời năng thường đem tài thí, pháp thí nhiêu ích hữu tình. Nếu năng thường đem tài thí, pháp thí nhiêu ích hữu tình, thời năng như thật thành thục hữu tình. Nếu năng như thật thành thục hữu tình, thời năng như thật nghiêm tịnh cõi Phật. Nếu năng như thật nghiêm tịnh cõi Phật, thời năng chứng được Nhất thiết trí trí. Nếu năng chứng được Nhất thiết trí trí, thời năng như thật quay xe diệu pháp, thời năng an lập hữu tình nơi đạo Tam thừa. Nếu năng an lập hữu tình nơi đạo Tam thừa, thời năng khiến hữu tình vào cõi Vô dư y Niết bàn.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thấy tất cả công đức tự lợi lợi tha vô lượng như thế, muốn khiến tâm đại Bồ đề đã phát bền vững chẳng thối chuyển nên siêng tinh tấn tu hành Bát Nhã phương tiện thiện xảo.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát năng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, như thuyết tu hành Bát Nhã, thế gian trời người A tu la… đều nên kính lễ chăng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Nếu đại Bồ Tát thường phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, như thuyết tu hành Bát Nhã, thế gian trời người A tu la… đều nên kính lễ.

(So sánh phước đức)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu vì làm lợi ích cho tất cả hữu tình, các đại Bồ Tát vừa phát tâm quả vị Vô Thượng Bồ đề thì được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Giả sử có người dạy cho tất cả hữu tình đầy khắp Tiểu thiên thế giới đều đạt địa vị Thanh văn, Độc giác, thì theo ý ngươi, phước đức của người này có nhiều không?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức mà người này đạt được nhiều vô lượng, vô biên.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Phước mà người này đạt được so với phước của một **đại Bồ Tát đạt được nhờ mới phát tâm quả vị Vô Thượng Bồ đề để làm lợi ích tất cả hữu tình** mà ông vừa hỏi, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ức muôn ức. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác đều nương vào đại Bồ Tát mà có. Không phải đại Bồ Tát nào nương vào các Thanh văn, Độc giác mà có.

Thiện Hiện! Thôi không nói Tiểu thiên thế giới, nếu có người dạy cho tất cả hữu tình **đầy cả Trung thiên hay Tam thiên đại thiên thế giới** đều đạt quả Thanh văn hoặc Độc giác, hoặc đều được trụ Tịnh quán địa, hoặc đều trụ Chủng tánh địa, hoặc Đệ bát địa, hoặc Cụ kiến địa, hoặc Bạc địa,

hoặc Ly dục địa, hoặc Dĩ biện địa, thì theo ý ngươi, phước đức của người này có nhiều không?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Phước đức người này đạt được nhiều vô lượng, vô biên.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Phước mà người này đạt được **so với phước của một đại Bồ Tát thu được nhờ mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề để làm lợi ích tất cả hữu tình** mà ông đã hỏi thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, một phần trăm ức muôn ức. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác hoặc bậc trụ Tịnh quán địa, hoặc bậc trụ Chủng tánh địa, hoặc bậc Đệ bát địa v.v… đều nương vào đại Bồ Tát mà có. Không phải đại Bồ Tát nương vào các bậc trên mà có.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử có người dạy cho tất cả hữu tình đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới đều nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, lượng phước của người này đạt được so với phước mà một đại Bồ Tát hành Bồ đề hướng đạt được thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức muôn ức.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử có người làm cho tất cả hữu tình đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới đều hành Bồ đề hướng, lượng phước mà người này đạt được so với phước của một vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có được thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, như vậy cho đến không bằng một phần trăm ngàn, trăm ức muôn ức.

(Bồ Tát sơ phát tâm Vô Thượng Bồ đề tư duy những gì?)

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát sơ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác **tư duy những gì**?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này hằng chính **tư duy Nhất thiết trí trí.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí trí lấy gì làm tánh? Lấy gì làm sở duyên? Lấy gì làm tăng thượng? Lấy gì làm hành tướng? Lấy gì làm tướng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí **lấy vô tánh làm tánh, lấy vô tướng làm nhân**, không chỗ cảnh giác, không sinh, không hiện. **Nhất thiết trí trí lấy vô tánh làm sở duyên, lấy chánh niệm làm tăng thượng, lấy tịch tịnh làm hành tướng, lấy vô tướng làm tướng.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Chỉ Nhất thiết trí trí **lấy vô tánh làm tánh, hay sắc thọ tưởng hành thức cũng lấy vô tánh làm tánh?** Hay 12 xứ cho đến 18 giới lấy vô tánh làm tánh? Hay nhãn xúc cho đến ý xúc cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay địa giới cho đến thức giới cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay vô minh cho đến lão tử cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay chơn như cho đến bất tư nghì giới cũng lấy vô tánh làm tánh? Hay nói rộng cho đến **tất cả pháp Phật cũng lấy vô tánh làm tự tánh**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Chẳng những Nhất thiết trí trí lấy vô tánh làm tánh. Sắc thọ tưởng hành thức cũng lấy vô tánh làm tánh. Như vậy, cho đến **tất cả pháp Phật cũng lấy vô tánh làm tánh**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Duyên nào mà nói Nhất thiết trí trí lấy vô tánh làm tánh? Sắc thọ tưởng hành thức cũng lấy vô tánh làm tánh? Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật cũng lấy vô tánh làm tánh?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí **tự tánh không vậy. Nếu pháp tự tánh không, pháp này lấy vô tánh làm tánh. Sắc thọ tưởng hành thức cũng tự tánh không. Nếu pháp tự tánh không, pháp này lấy vô tánh làm tánh. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật cũng tự tánh không. Nếu pháp tự tánh không, pháp này lấy vô tánh làm tánh.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Duyên nào Nhất thiết trí trí tự tánh không? Sắc thọ tưởng hành thức tự tánh không? Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật cũng tự tánh không?

(Pháp không có tự tánh hòa hợp, nên lấy vô tánh làm tự tánh)

Phật bảo: Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí **tự tánh không hòa hợp**. **Nếu pháp nào tự tánh không hòa hợp, thời pháp ấy lấy vô tánh làm tánh**. Sắc thọ tưởng hành thức cũng tự tánh không hòa hợp. Nếu pháp tự tánh không hòa hợp, thời pháp ấy lấy vô tánh làm tánh. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật cũng tự tánh không hòa hợp. Nếu pháp tự tánh không hòa hợp, thời pháp ấy lấy vô tánh làm tánh*(4)*.

Thiện Hiện! Do nhân duyên này các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tánh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **không** làm tự tánh, lấy **vô tướng** làm tự tánh, lấy **vô nguyện** làm tự tánh. Thiện Hiện! Do nhân duyên này các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tánh.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Tất cả pháp đều lấy chơn như làm tự tánh, thật tế làm tự tánh, pháp giới làm tự tánh.**

Thiện Hiện! Do nhân duyên này các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tánh, các đại Bồ Tát sơ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, thành tựu những phương tiện thiện xảo nào năng hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật? Thành tựu những phương tiện thiện xảo nào năng trụ nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không, thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật. Thành tựu những phương tiện thiện xảo nào năng trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới, thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật. Thành tựu những phương tiện thiện xảo nào năng trụ tất cả pháp Phật để thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **thành tựu phương tiện thiện xảo tối thắng**. Tuy biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tánh, mà thường tinh siêng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy thường tinh siêng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mà hằng thông đạt tất cả hữu tình và các cõi Phật đều lấy vô tánh làm tánh.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tuy hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật học đạo Bồ đề, mà biết bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật và đạo Bồ đề đều

lấy vô tánh làm tánh. Như vậy, cho đến tuy hành Nhất thiết trí trí học đạo Bồ đề mà Nhất thiết trí trí và đạo Bồ đề đều lấy vô tánh làm tánh.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này như vậy tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật học đạo Bồ đề, nói rộng cho đến như vậy tu hành Nhất thiết trí trí học đạo Bồ đề, **nếu chưa thành tựu** Như Lai 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí và vô lượng vô biên các Phật pháp khác, **đều gọi học đạo Bồ đề chưa được viên mãn.**

Nếu học đạo đây đã được viên mãn, chỉ trong một sát na tương ưng Bát Nhã, liền chứng Nhất thiết trí trí. Bấy giờ tất cả tập khí phiền não nhỏ nhiệm nối nhau đều hẳn chẳng sanh, gọi **vô dư y đoạn đắc**, thì thành Phật. Lại đem mắt Phật vô chướng thanh tịnh khắp xem 10 phương ba đời hết thảy các pháp, hãy chẳng đắc không huống sẽ đắc có. Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên hành Bát Nhã, tin hiểu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tánh.

Thiện Hiện! **Đấy gọi đại Bồ Tát thành tựu tối thắng phương tiện thiện xảo, nghĩa là hành Bát nhã Ba la mật quán tất cả các pháp hãy chẳng đắc không, huống sẽ đắc có.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi tu hành bố thí Ba la mật, đối bố thí đây kẻ thí kẻ thọ, vật thí, quả thí và tâm Bồ đề hãy chẳng thấy không, huống sẽ thấy có. Như vậy, cho đến khi chứng được Nhất thiết trí trí, đối Nhất thiết trí trí hoặc kẻ năng chứng, hoặc sở chứng, hoặc do đây chứng, hoặc thời hoặc xứ chứng, hãy chẳng thấy không, huống sẽ thấy có. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này thường khởi nghĩ đây: Các pháp đều lấy vô tánh làm tánh. Vô tánh như thế, chẳng Phật làm ra, chẳng Bồ Tát làm, chẳng Độc giác làm, chẳng Thanh văn làm, cũng chẳng ai làm. **Vì tất cả pháp đều không tác giả, viễn ly tác giả.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Như vậy, há chẳng phải pháp tánh của tất cả pháp là viễn ly sao?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Pháp tánh của tất cả pháp là viễn ly.

Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp viễn ly pháp tánh thì vì sao pháp viễn ly có thể biết pháp viễn ly là có hoặc không? Pháp có chẳng lẽ năng biết

pháp không, pháp không chẳng lẽ năng biết pháp có. Pháp có chẳng lẽ năng biết pháp có, pháp không chẳng lẽ năng biết pháp không?

Bạch Thế Tôn! Như vậy tất cả pháp đều **lấy vô tri làm tánh**. Làm sao đại Bồ Tát hành Bát Nhã đối trong các pháp chỉ rõ các thứ? Nghĩa là sắc thọ tưởng hành thức hoặc có hoặc không. 12 xứ cho đến 18 giới hoặc có hoặc không. Nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc có hoặc không. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ hoặc có hoặc không. Địa giới cho đến thức giới hoặc có hoặc không. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoặc có hoặc không. Vô minh cho đến lão tử hoặc có hoặc không. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật hoặc có hoặc không. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không hoặc có hoặc không. Chơn như cho đến bất tư nghì giới hoặc có hoặc không. Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo hoặc có hoặc không. Tám giải thoát cho đến 10 biến xứ hoặc có hoặc không. Không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn hoặc có hoặc không. Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa hoặc có hoặc không. Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa hoặc có hoặc không. Tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn hoặc có hoặc không. 5 nhãn, 6 thần thông hoặc có hoặc không. Như lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng hoặc có hoặc không. 32 tướng Đại sĩ, 80 tùy hảo hoặc có hoặc không. Pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả hoặc có hoặc không. Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hoặc có hoặc không. Quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề hoặc có hoặc không. Tất cả Bồ Tát hạnh hoặc có hoặc không. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hoặc có hoặc không. Nhất thiết trí trí hoặc có hoặc không. Hữu vi giới, vô vi giới hoặc có hoặc không?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, theo thế tục nên chỉ rõ các pháp hoặc có hoặc không, chẳng theo thắng nghĩa.**

Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thế tục, thắng nghĩa có khác nhau không?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Chẳng phải ngoài thế tục riêng có thắng nghĩa. Vì sao? **Thế tục như tức là thắng nghĩa**. Các loại hữu tình điên đảo vọng chấp đối với "như" đây chẳng biết chẳng thấy. Các đại Bồ Tát vì nhiêu ích hữu tình, nên theo tướng thế tục hiển bày các pháp hoặc có hoặc không, chẳng theo thắng nghĩa.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đối với các pháp như uẩn xứ giới... vô số hữu tình phát sanh ý tưởng thật có hoặc thật không, không biết rõ các pháp chẳng có, chẳng không. Để nhiêu ích hữu tình, các đại Bồ Tát hiển bày uẩn xứ giới… hoặc có, hoặc không, giúp cho các hữu tình nhờ đó thấu rõ các pháp như uẩn xứ giới... chẳng có chẳng không, chứ chẳng phải muốn làm cho họ chấp tướng thật có, thật không.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên siêng tinh tấn lìa chấp có không, mới có khả năng hành Bát Nhã thẳm sâu.

Thích nghĩa:

(1). Phước báo: Dịch giả dịch là quả báo, nhưng từ "quả báo" có tính cách tiêu cực, có thể bị hiểu lầm là quả xấu, nên chúng tôi dùng từ phước báo, như phước báo tưởng thưởng là kết quả do tu thiện mà được hưởng cảnh giàu sang, phú quý trong cõi người trời v.v…

(2). Nhiêu ích (饒益): *Hàm ý ban pháp đem lại lợi ích cho đời.*

(3). Người thấy các pháp như như thế, không khứ không lai, nên được gọi là Như Lai. Nên Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 71, "Đạo Thụ", quyển 85, nói: "Vì Bồ Tát được pháp "như" nên gọi là Như Lai, Sắc … dẫn đến hữu vi tánh, vô vi tánh đều là "như", chẳng có sai khác. Bồ Tát học "pháp như" mà được Nhất thiết chủng trí nên nói là như Phật, chẳng có sai khác. Phật là như, Bồ Tát cũng là như, hết thảy pháp đều là như; chẳng có pháp nào mà chẳng vào trong "như" vậy".

*(4). Để giải thích điều này chúng ta có thể nói "tất cả pháp đều do hòa hợp mà có, không có pháp nào không do hòa hợp cả. Nếu pháp không có hòa hợp thì pháp ấy lấy vô tánh làm tự tánh". Kinh MHBNBLMĐ diễn đạt dễ hiểu hơn. "*Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên ở nơi pháp chẳng có tự tánh; mà pháp chẳng có tự tánh tức là "vô pháp". Bởi vậy nên Bồ Tát biết hết thảy các pháp đều là vô tánh. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là tánh không vậy".

Sơ giải:

Có nhiều phẩm nói về tiến trình dẫn đến giác ngộ, nhưng phẩm "Thọ Dụ" hay "Dụ Cây" này nêu 2 tiến trình dẫn đến Giác ngộ và phục vụ chúng sanh đáng chú ý sau đây:

***1.** Nói về các **pháp như**. Các pháp như vậy là như vậy, bất hư vọng, chẳng lúc nào chẳng như và người thấy như vậy được gọi là Như Lai. Đây có thể xem như một định nghĩa nhỏ về pháp như. Nhưng cái diệu dụng của pháp như không thể nghĩ bàn. Không có bài pháp nào nói về cái diệu dụng của như này như phẩm "Thọ Dụ" ở đây.*

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- "Bạch Thế Tôn! Phải biết các đại Bồ Tát như Phật. Vì sao? Vì nương tựa vào Bồ Tát bèn dứt được 3 cõi địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, cũng dứt được nghèo túng thấp hèn trong 3 cõi?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Các Bồ Tát nên biết như Phật. Thế gian nếu không có Bồ Tát sẽ không có Như Lai ba đời, cũng không có Độc giác và chúng Thanh văn. Cũng không dứt được địa ngục, bàng sanh, quỷ giới và các nghèo túng thấp hèn cùng các khổ khác.

Vậy nên, Thiện Hiện! Ngươi nói chúng đại Bồ Tát y như Đức Phật, thật chính xác.

Lại nữa, Thiện Hiện nên biết: Các đại Bồ Tát tức là Như Lai. Vì sao? Thiện Hiện! Vì **do "như đây" thi thiết Như Lai**, tức do như đây thi thiết Độc giác, cũng do như đây thi thiết Thanh văn, cũng do như đây thi thiết sắc thọ tưởng hành thức. Cũng do như đây thi thiết tất cả Hiền Thánh. Cũng do như đây thi thiết nhãn xứ cho đến ý xứ. Cũng do như đây thi thiết nhãn giới cho đến ý giới v.v... Cũng do như đây thi thiết nhãn xúc cho đến ý xúc. Cũng do như đây thi thiết nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Cũng do như đây thi thiết địa giới cho đến thức giới. Cũng do như đây thi thiết nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Cũng do như đây thi thiết vô minh cho đến lão tử. Cũng do như đây thi thiết bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Cũng do như đây thi thiết nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không. **Nói rộng ra, cũng do như đây thi thiết tất cả pháp Phật.** Cũng do như đây thi thiết hữu vi giới cho đến vô vi giới. Cũng do như đây thi thiết tất cả pháp. Cũng do như đây thi thiết tất cả hữu tình. Cũng do như đây thi thiết tất cả đại Bồ Tát.

Như vậy, Thiện Hiện! Hoặc Như Lai như, hoặc Độc giác như, hoặc Thanh văn như, hoặc tất cả Hiền Thánh như, hoặc sắc như cùng tất cả pháp như, hoặc tất cả hữu tình như, hoặc tất cả Bồ Tát như, các như như

thế đều không khác. **Do vì không khác nên gọi là như. Các đại Bồ Tát tu học viên mãn như này liền có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí**. Do đã chứng đắc Nhất thiết trí trí nên được gọi là Như Lai. Do đó, nên biết các đại Bồ Tát tức là Như Lai. Vì tất cả các pháp, tất cả hữu tình đều lấy như làm định lượng".

Câu nói quan trọng là "vì tất cả pháp không khác nên gọi là như". Khi các đại Bồ Tát tu học viên mãn và nhập được "pháp như" này thì chứng được Nhất thiết trí trí nên gọi là Như Lai. Vì vậy, tất cả pháp tất cả hữu tình đều lấy như làm biểu tượng cho sự chứng đắc Nhất thiết trí trí hay quả vị Vô Thượng Bồ đề. Kinh cũng nhiều lần bảo pháp như là Vô Thượng Bồ đề. Vậy, mới thấy vai trò đặc biệt của "pháp như" này trong việc tu Phật và chứng ngộ. Nên Phật bảo tiếp:

"Thiện Hiện! Như vậy, các đại Bồ Tát nên học Bát Nhã thẳm sâu. Nếu học Bát Nhã thẳm sâu thời học được tất cả **pháp như**. Nếu tất cả pháp như, thời đối tất cả pháp được tự tại, thời biết được tất cả căn thắng liệt của hữu tình. Nếu biết được tất cả căn thắng liệt của hữu tình, thời năng biết đủ tất cả thắng giải sai khác của hữu tình. Nếu năng biết đủ tất cả thắng giải sai khác của hữu tình, thời biết tất cả hữu tình tự nghiệp thọ quả. Nếu biết tất cả hữu tình tự nghiệp thọ quả, thời nguyện trí viên mãn. Nếu nguyện trí viên mãn, thời năng tịnh tu diệu trí ba đời. Nếu năng tịnh tu diệu trí ba đời, thời năng viên mãn Nhất thiết trí trí.

Nếu năng viên mãn Nhất thiết trí trí, thời năng hành Bồ Tát hạnh. Nếu năng hành Bồ Tát hạnh không trái thời năng thường đem tài thí, pháp thí nhiêu ích hữu tình. Nếu năng thường đem tài thí, pháp thí nhiêu ích hữu tình, thời năng như thật thành thục hữu tình. Nếu năng như thật thành thục hữu tình, thời năng như thật nghiêm tịnh cõi Phật. Nếu năng như thật nghiêm tịnh cõi Phật, thời năng chứng được Nhất thiết trí trí. Nếu năng chứng được Nhất thiết trí trí, thời năng như thật quay xe diệu pháp, thời năng an lập hữu tình nơi đạo Tam thừa. Nếu năng an lập hữu tình nơi đạo Tam thừa, thời năng khiến hữu tình vào cõi Vô dư y Niết bàn".

Đây là qui trình diễn dịch theo qui thức luận thường tục dưới cái nhìn của chúng ta, nhưng thực ra là sự tự chứng ngộ của Phật. Tu hành Bát Nhã để chứng Nhất thiết trí trí, thời có thể quay xe diệu pháp. Vậy, học Bát Nhã để vào được "pháp như", theo qui trình diễn dịch trên, rồi an lập hữu tình nơi đạo Tam thừa thì có thể đưa hữu tình vào Vô dư y Niết Bàn.

2. Các pháp đều không có tự tánh, nên lấy vô tánh làm tự tánh*. Vì tất pháp đều do duyên hợp, không có tự thể, không thể tự sanh nên nói là không có tự tánh. Bởi lý do đó nên Phật thuyết rằng:* ***Bất cứ pháp nào không có tự tánh thì lấy vô tánh làm tự tánh****. Không có tự tánh, không có chủ thể riêng nên cũng nói là không.*

Phẩm "Lần Hồi", quyển 465, Hội thứ II, ĐBN*. Phật Bảo:*

"- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật đối tất cả pháp đều không tưởng có cũng không tưởng không. Nếu không tưởng có cũng không tưởng không, phải biết tức là Bồ Tát thuận nhẫn, cũng là tu đạo, cũng là đắc quả, cũng là hiện quán.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát lấy vô tánh làm Thánh đạo, lấy vô tánh làm hiện quán**, đạt tất cả pháp, đều lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên đây, phải biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối tất cả pháp lấy vô tánh làm tánh, hiện đẳng giác rồi, được gọi là Phật, chuyển tất cả pháp và đạt các cảnh giới một cách tự tại?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Hết thảy pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. Xưa kia, lúc tu học Bồ Tát đạo, Ta tùy thuận tu hành pháp bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, do đó Ta lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm, có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập vào sơ tịnh lự và an trụ hoàn toàn trong đó. Như vậy, cho đến dứt vui, dứt khổ, vui buồn trước đây lặng mất, không khổ, không vui, xả niệm thanh tịnh, nhập vào tầng thiền thứ tư và an trụ hoàn toàn ở đó. Vào lúc ấy, đối với các tịnh lự và các chi tịnh lự, tuy hoàn toàn nắm giữ tướng của nó, nhưng Ta không chấp trước vào chúng, không đắm trước vị ngọt của tịnh lự và các chi tịnh lự, hoàn toàn không nắm bắt đối với các tịnh lự và các chi của tịnh lự. Lúc ấy, đối với hành tướng bốn tịnh lự, Ta thanh tịnh, không có chút phân biệt. Đối với các tịnh lự và các chi của tịnh lự tuy Ta đã hoàn toàn thuần thục nhưng không nhận phước báo của nó, chỉ dựa vào tịnh lự để phát sanh thần cảnh, thiên nhĩ, tha tâm, túc trụ, thiên nhãn, trí thông. Tuy hoàn toàn nắm giữ tướng của năm thần thông này, nhưng ta không chấp trước, cũng không ưa thích vị ngọt của nó, đối với các cảnh thần thông, ta hoàn toàn không nắm bắt, cũng không

phân biệt mà chỉ trụ như hư không. Lúc ấy, ta quán **tất cả pháp đều bình đẳng**, **lấy vô tánh làm tánh**. Nhờ tương ưng với Bát Nhã chỉ trong sát na, Ta chứng đắc Vô Thượng Bồ đề, nghĩa là biết như thật đây là Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo và tất cả đều đồng một tướng là vô tướng. Vô tướng này cũng vô sở hữu. Nhờ vậy, Ta thành tựu Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng và vô số công đức vi diệu không thể nghĩ bàn. Ta dùng trí vi diệu của Phật để an lập hữu tình vào 3 nhóm khác nhau là nhóm Chánh tánh định, nhóm Tà tánh định và nhóm Bất định. Sau khi đã an lập họ thành 3 nhóm khác nhau như vậy, tùy theo căn cơ của họ tìm cách giáo hóa, giúp họ đạt được lợi ích an lạc thù thắng".

*Tiến trình thứ hai để chứng Vô Thượng Bồ đề là Phật **lấy vô tánh làm tự tánh** để chứng Vô Thượng Bồ đề.*

*Cả hai pháp tu của phẩm "Thọ Dụ" hay "Dụ Cây" này: **Một** là "pháp như", **hai** là "pháp Không", pháp nào không có tánh thì lấy "vô tánh làm tự tánh". Cả hai đều đưa đến chứng ngộ Thánh quả và đạt Nhất thiết trí trí. Đó là hoa, là quả của phẩm "Thọ Dụ" này. Như vậy, mới biết vào điện để lễ Phật có rất nhiều ngõ.*

Nói tóm lại, pháp như cũng là không, các pháp không có tự tánh lấy vô tánh làm tự tánh cũng không, tất cả đều không hết. Vì vậy, Phật khuyên chúng sanh: "Hành Bát Nhã quán tất cả các pháp hãy chẳng đắc không, huống sẽ đắc có". *Đó là ý nghĩa của phần cuối phẩm "Thọ Dụ".*

Giáo pháp này xiển dương xuyên suốt khắp 16 pháp hội. Nhưng riêng phẩm này với lối diễn đạt đặc biệt chúng ta hiểu được tầm quan trọng của hai pháp môn này để tiến tu mà không sợ lỗi lầm./.

---o0o---

69. PHẨM "BỒ TÁT HẠNH"

Đầu quyển 464, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Xảo Tiện Hành", cuối Q.365 đến hết Q.366, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã dạy Bồ Tát phải thực hành **Bồ Tát hạnh**. Vậy, pháp gì là Bồ Tát hạnh?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bồ Tát hành Bồ Tát hạnh là vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, hoặc làm những việc lợi ích cho chúng sanh. Đó gọi là Bồ Tát hạnh.

(Vì vậy, Kinh thường bảo tu Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo là trên cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh. Đó là một định nghĩa ngắn gọn về tu Bồ Tát hạnh).

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát phải hành Bồ Tát hạnh ở đâu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các **đại Bồ Tát phải hành Bồ Tát hạnh nơi sắc không, nơi thọ, tưởng, hành, thức không**. Phải hành Bồ Tát hạnh nơi 12 xứ cho đến 18 giới không. Phải hành Bồ Tát hạnh nơi nhãn xúc cho đến ý xúc không. Phải hành Bồ Tát hạnh nơi các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không. Phải hành Bồ Tát hạnh nơi địa giới cho đến thức giới không. **Phải nương** vào bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ để hành Bồ

Tát hạnh. Phải nương vào Như Lai 10 lực để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào 18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào việc trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào việc phát sanh văn tự Đà la ni để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào việc ngộ nhập văn tự Đà la ni để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào việc ngộ nhập không văn tự Đà la ni để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào việc làm phát sanh biện tài vô ngại để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào cảnh giới hữu vi để hành Bồ Tát hạnh. Phải nương vào cảnh giới vô vi để hành Bồ Tát hạnh. Nói chung, là **phải nương tất cả pháp Phật để hành Bồ Tát hạnh**.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bồ Tát hạnh như thế, như Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đối trong các pháp **chẳng tác hai tướng***(1).*

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật như thế, gọi là Vô thượng Bồ đề tu Bồ Tát hạnh. Thiện Hiện! Các Bồ Tát nếu năng tu Bồ Tát hạnh được như thế, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói về **Phật đà**, Phật đà ấy dựa vào nghĩa gì để gọi là Phật đà?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Vì có thể giác ngộ nghĩa chơn thật nên gọi Phật đà, giác ngộ được pháp chơn thật nên gọi Phật đà. Đối với nghĩa chơn thật có thể hiểu thông suốt, có thể hiện Đẳng giác nên gọi Phật đà. Đối với các pháp, giác ngộ hoàn toàn thật tánh của nó, tận cùng tánh của nó nên gọi là Phật đà. Như thật khai ngộ cho tất cả hữu tình xa lìa các phiền não điên đảo nên gọi Phật đà.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Thế Tôn đã nói về **Bồ đề**, Bồ đề ấy nương vào nghĩa gì mà gọi là Bồ đề?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bồ đề **là nghĩa không, là chơn như, là thật tế, là pháp tánh, là pháp giới.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả lập danh tướng, thi thiết lời nói, năng chơn thật giác được tối thượng thắng diệu, nên gọi Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nghĩa không thể hoại là nghĩa Bồ đề, nghĩa không phân biệt là nghĩa Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Là chân chánh, là thật, chẳng hư dối, chẳng đổi thay, nên gọi là Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Duy giả danh tướng, không thật khá được, nên gọi Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Chư Phật sở hữu chơn tịnh khắp giác nên gọi Bồ đề.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Chư Phật do đây đối tất cả pháp, tất cả chủng tướng hiện Đẳng chánh giác nên gọi Bồ đề.

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi tu hành sáu Ba la mật cho đến Nhất thiết trí trí, đối những pháp nào làm ích làm tổn, làm tăng làm giảm, làm sanh làm diệt, làm nhiễm làm tịnh?

Phật bảo Thiện Hiện:

Các đại Bồ Tát vì Bồ đề, nên khi tu hành 6 Ba la mật cho đến Nhất thiết trí trí, đối tất cả pháp **không ích không tổn, không tăng không giảm, không sanh không diệt, không nhiễm không tịnh**. Vì sao? Đại Bồ Tát này vì Bồ đề nên hành Bát Nhã, **đối tất cả pháp đều vô sở duyên** làm phương tiện, chẳng làm ích tổn, chẳng làm tăng giảm, chẳng làm sanh diệt, chẳng làm nhiễm tịnh, vì hiện tiền vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát vì Bồ đề, nên khi tu hành 6 Ba la mật cho đến Nhất thiết trí trí, đối với tất cả pháp đều không lấy sở duyên làm phương tiện, chẳng làm ích tổn, chẳng làm tăng giảm, chẳng làm sanh diệt, chẳng làm nhiễm tịnh, vì hiện tại tiền vậy. Đại Bồ Tát này hành Bát nhã Ba la mật làm sao nhiếp thọ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Làm sao nhiếp thọ nội Không cho đến vô tánh tự tánh không. Làm sao nhiếp thọ chơn như cho đến bất tư nghì giới? Làm sao nhiếp thọ Tứ đế cho đến 37 pháp trợ đạo. Nói rông ra là làm sao nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng

trí, Nhất thiết tướng trí. Làm sao vượt các Thanh văn, Duyên giác… vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, lần hồi chứng được Nhất thiết trí trí?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã **chẳng lấy hai** nên nhiếp thọ tu hành 6 Ba la mật, cho đến chẳng lấy hai nên lần hồi chứng được Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng lấy hai nên nhiếp thọ tu hành sáu Ba la mật, cho đến chẳng lấy hai nên lần hồi chứng Nhất thiết trí trí, làm sao đại Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến thành chánh quả, hằng thời tăng trưởng tất cả thiện pháp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát lấy hai mà hành, thời các thiện pháp chẳng thể tăng trưởng. Vì sao? Ngu phu dị sanh đều nương đối đãi, nên sở khởi thiện pháp chẳng tăng trưởng được. Nếu đại Bồ Tát hành chẳng hai, từ sơ phát tâm cho đến khi thành chánh quả, hằng thời tăng trưởng tất cả thiện pháp.

Vậy nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát căn lành kiên cố, thế gian trời, người, A tu la… chẳng thể hủy hoại khiến đọa Thanh văn, Độc giác… Các pháp dục ác bất thiện thế gian chẳng năng chế phục, khiến cho khi hành sáu Ba la mật cho đến Nhất thiết trí trí chẳng ngừng tăng trưởng.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên hành Bát Nhã không hai.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát vì căn lành nên hành Bát Nhã thẳm sâu chăng?

Phật nói:

- Chẳng phải. **Khi ấy các đại Bồ Tát chẳng vì căn lành mà hành Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng vì căn chẳng lành mà hành Bát nhã Ba la mật**. Vì sao? Các đại Bồ Tát phải hành như thế. Nếu chưa gần gũi chư Phật Thế Tôn, nếu các căn lành chưa cực viên mãn, nếu chưa được chơn thiện hữu nhiếp thọ, quyết chẳng năng được Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Đại Bồ Tát làm sao gần gũi chư Phật, viên mãn căn lành, được chơn thiện hữu nhiếp thọ, chóng năng chứng được Nhất thiết trí trí?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát từ sơ phát tâm gần gũi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nghe thuyết Chánh pháp, chỗ gọi Khế Kinh cho đến Luận nghị. Nghe rồi thọ trì, hằng hằng ôn tập cho khéo thông lợi. Đã khéo thông lợi, suy nghĩ quán sát. Đã quán sát rồi, thấy ý thú sâu. Thấy ý thú rồi, lại giải thông suốt. Đã giải thông suốt, được Đà la ni khởi vô ngại biện, cho đến chứng được Nhất thiết trí trí. Tùy sanh chỗ nào, đối giáo nghĩa Chánh pháp đã nghe trì thường chẳng quên mất. Ở chỗ chư Phật rộng trồng căn lành. Do sức căn lành nhiếp thọ, nên chẳng đọa sanh trong các cảnh giới ác và các nạn xứ. Lại nhờ căn lành đã nhiếp thọ nên ý lạc thanh tịnh. Được sức ý lạc thanh tịnh nhiếp thọ nên thường thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật không trái ngược. Lại nhờ căn lành nhiếp thọ nên thường chẳng xa lìa bạn lành chơn tịnh là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đại Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn và những vị năng ngợi khen Phật Pháp Tăng khác nữa.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát gần gũi chư Phật, viên mãn căn lành, được chơn thiện hữu thường nhiếp thọ, chóng năng chứng được Nhất thiết trí trí.

Vậy nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật muốn mau chứng được Nhất thiết trí trí, phải siêng tinh tấn gần gũi chư Phật, nhiếp thọ viên mãn căn lành đã trồng, vâng thờ bạn lành chớ sanh nhàm mỏi.

Thích nghĩa:

(1). Chẳng tác hai tướng hay chẳng tạo hai tướng: Tăng ích-tổn giảm, sanh-diệt, nhiễm-tịnh, có-không… Đó là các pháp tương đãi, do thức phân biệt tạo nên. Do phân biệt nên có chấp, vì chấp nên mới có thiên lệch, đứng bên này hay bên kia, nên không thấy thật tướng các pháp nữa.

Đại thừa nghĩa chương quyển 1 nói, lý Nhất thực mầu nhiệm, vắng lặng, lìa các tướng, như như bình đẳng, không đây, không kia, cho nên gọi là Bất nhị. Kinh Hoa nghiêm còn đi xa hơn khi tuyên bố "đừng chấp hai tướng, vì một cũng không mà hai cũng không!" Phẩm "Tịnh Đạo", Q.507, Hội thứ III, ĐBN, Phật bảo: "Như vậy, vì tất cả pháp nhất tánh chẳng hai. Thiện Hiện phải biết: Các pháp nhất tánh tức là vô tánh. Các pháp vô tánh tức là nhất tánh. Các pháp nhất tánh vô tánh như thế vốn là thật tánh. Vốn

thật tánh đây vô tạo vô tác. Nếu Bồ Tát Ma ha tát năng như thật biết được nhất tánh, vô tánh, vô tạo, vô tác, năng xa lìa được tất cả chấp trước". ***TB***

Sơ giải:

1. Phần đầu thuyết về "Bồ Tát Hạnh"

Hội thứ I, thuyết về tất cả hạnh của Bồ Tát tu hành để phục vụ chúng sanh. Bồ Tát hạnh chẳng qua là học tất cả pháp Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

*Nên **phẩm thứ 72, "Bồ Tát Hạnh", Tập 5, quyển 85, Đại Trí Độ Luận**, thuyết rằng:*

"Ở phẩm trước đã nói nhiều về Bát nhã Ba la mật. Ở phẩm này nói về hành Bồ Tát hạnh.

Hỏi: *Nếu Bát nhã Ba la mật nhiếp hết thảy pháp, thì hành Bát nhã Ba la mật tức là hành Bồ Tát hạnh. Như vậy, vì sao còn hỏi nữa?*

Đáp: Hành hết thảy các đạo của Bồ Tát gọi là hành Bồ Tát hạnh. Còn biết tận tướng của hết thảy pháp là do trí huệ, nên gọi là hành Bát nhã Ba la mật.

Tuy rằng hành Bát nhã Ba la mật và hành Bồ Tát hạnh có chỗ sai khác nhau, nhưng Bát nhã Ba la mật và Bồ Tát hạnh có cùng cộng tướng, tương nhiếp nhau, nên chẳng có sai khác vậy".

Vậy, hành Bồ Tát đạo hay hành Bồ Tát hạnh là tu tất cả đạo của Bồ Tát, mà đạo của Bồ Tát là tu lục độ vạn hạnh và tất cả các pháp mầu Phật đạo để tự độ và độ tha, trên cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề dưới hóa độ chúng sanh. Học và hành đạo này quá sâu xa nên hỏi nhiều là phải.

2. Phần thứ hai thuyết về Bồ đề:

Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên, "Ngài Tu Bồ Đề hỏi:

- Y theo nghĩa gì mà gọi là Bồ Đề?

Phật dạy:

- Nghĩa không, nghĩa như, nghĩa pháp tánh, nghĩa thật tế là nghĩa Bồ Đề. "Không tam muội" tương ứng với thật tướng trí huệ duyên như pháp tánh thật tế, nên gọi là Bồ Đề. Tất cả các hạng người tu theo Thanh Văn

đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ Tát đạo, tuy chưa đoạn sạch phiền não, nhưng đều tu tập trí huệ. Cả 3 hạng người tu trên đây, khi dứt sạch vô minh, thì vào được "vô học vị", được trí huệ Bát nhã Ba la mật, nên gọi là Bồ Đề. Hàng "vô học" Nhị Thừa chưa được Nhất thiết chủng trí, chưa có chánh trí biến khắp, nên trí huệ Nhị thừa chẳng được gọi là Vô thượng Bồ đề. Chỉ có trí huệ của Phật mới được gọi là Vô thượng Bồ đề

Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ Đề, mà thật nghĩa của Bồ Đề là chẳng thể phân biệt, chẳng thể phá hoại.

Lại nữa, Bồ Đề cùng với "như" chẳng sai khác, là chân thật, là chẳng hư dối. Vì sao? Vì trí huệ của chúng sanh thường chuyển mãi cho đến nơi Phật trí là trí huệ vô thượng. Các pháp cũng chuyển từ nơi hư vọng đến nơi chân thật, gọi là Bồ Đề.

Lại có thuyết nói "như như" là Bồ Đề. Được "như như" tức là được Bồ Đề.

Lại có thuyết nói "tận trí" biết rõ hết thảy pháp sanh diệt gọi là Bồ Đề.

Lại có thuyết nói "tận trí" và " vô sanh trí" là Bồ Đề.

Lại có thuyết nói "vô ngại giải thoát" là Bồ Đề. Vì sao? Vì khi đã được giải thoát, thì ở nơi hết thảy pháp đều được thông đạt.

Lại có thuyết nói bốn vô ngại trí là Bồ Đề. Vì sao? Vì biết được thật tướng pháp là "nghĩa vô ngại"; Phân biệt các ngữ ngôn, danh tự, khiến chúng sanh được giải rõ gọi là "từ vô ngại"; thuyết pháp chẳng cùng tận, để giáo hóa chúng sanh gọi là "lạc thuyết vô ngại". Có đầy đủ cả 4 vô ngại trí mới làm lợi ích cho chúng sinh nên 4 vô ngại trí được gọi là Bồ Đề.

Lại có thuyết nói 10 Phật lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí, cùng vô lượng Phật pháp đều gọi là Bồ Đề. Vì sao? Vì được như vậy là được đại trí huệ, nên hết thảy các thiện pháp đều gọi là Bồ Đề.

Lại có thuyết nói được chân Bồ Đề, thì được gọi là Phật. Vì sao? Vì thành tựu được trí huệ vô lậu; 10 trí tương ứng với thọ, tưởng, hành và thức; các nghiệp thân, khẩu và ý tương ứng với các hạnh, cộng duyên, cộng sanh, cộng tương trợ, nên gọi là Bồ Đề.

Lại có thuyết nói nghĩa Bồ Đề vô lượng, vô biên, mà Phật thường khắp biết tất cả. Ví như vị Chuyển luân thánh vương biết rõ tất cả các bảo vật trong kho, biết rõ giá trị của từng món, chẳng có lầm lẫn".

3. Phần thứ ba nói về pháp môn bất nhị:

Luận Đại Trí Độ thuyết tiếp:

"Ngài tu Bồ Đề hỏi:

- Nếu Bồ Đề là rốt ráo không, là bất hoại tướng thì Bồ Tát hành 6 pháp Ba La Mật làm sao tăng trưởng thiện căn?

Phật dạy:

- Bồ Tát hành 6 pháp Ba la mật, nên biết rõ ở nơi thật tướng Bồ Đề, hết thảy pháp đều chẳng có chỗ tăng ích, huống nữa tăng ích thiện căn. Vì sao? Vì việc Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng phải vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh mà phát khởi, vì Bát nhã Ba la mật là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi:

- Nếu chẳng vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh, thì làm sao Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật mà có thể thành tựu được Bồ Tát hạnh?

Phật dạy:

- Bồ Tát chẳng dùng "hai pháp" *(nhị pháp hay gọi là lưỡng nguyên pháp)*, nên tuy có hành các pháp, mà là hành rốt ráo không vậy. Chẳng nên nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi:

- Nếu chẳng dùng "hai pháp" thì từ sơ phát tâm đến tối hậu tâm Bồ Tát làm sao có thể tăng trưởng thiện căn?

Phật dạy:

- Người dùng "hai pháp" mới là điên đảo, chẳng có thể tăng trưởng thiện căn. Ví như người nằm mộng, dù thấy rất nhiều của cải mà chẳng sao nắm bắt được. Phàm phu do chấp "hai pháp", nên chẳng tăng trưởng được thiện căn. Còn Bồ Tát hành thật tướng pháp là hành "bất nhị pháp". Do chẳng hành "hai pháp", nên từ sơ phát tâm dẫn đến tối hậu tâm, Bồ Tát thường tăng trưởng thiện căn. Bởi vậy nên hết thảy thế gian, Trời, Người, A tu La đều chẳng có thể phá hoại được thiện căn của Bồ Tát, chẳng thể khiến Bồ Tát lạc về Nhị Thừa địa. Vì sao? Vì các bất thiện pháp chẳng thể ngăn Bồ Tát hành 6 Ba la mật nhằm tăng trưởng thiện căn vậy".

*Bát nhã Ba la mật và pháp chẳng hai (pháp môn bất nhị) được thuyết trong **phẩm "Biển Học", Q.465, ĐBN** thuật lại đàm thoại của Phật và cụ thọ Thiện Hiện như sau:*

"Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Những gì là có, những gì là chẳng có?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Hai là có, không hai là chẳng có.

Thiện Hiện lại hỏi:

- Thế nào là hai? Thế nào là không hai?

Phật bảo:

- Tưởng sắc cho đến tưởng thức là hai, tưởng sắc không cho đến tưởng thức không là không hai. Tưởng nhãn xứ cho đến tưởng ý xứ là hai; tưởng nhãn xứ không cho đến tưởng ý xứ không là không hai. Tưởng sắc xứ cho đến tưởng pháp xứ là hai; tưởng sắc xứ không cho đến tưởng pháp xứ không là không hai. Tưởng nhãn giới cho đến tưởng ý giới là hai; tưởng nhãn giới không cho đến tưởng ý giới không là không hai. Tưởng sắc giới cho đến tưởng pháp giới là hai; tưởng sắc giới không cho đến tưởng pháp giới không là không hai. Tưởng nhãn thức giới cho đến tưởng ý thức giới là hai; tưởng nhãn thức giới không cho đến tưởng ý thức giới không là không hai. Tưởng nhãn xúc cho đến tưởng ý xúc là hai; tưởng nhãn xúc không cho đến tưởng ý xúc không là không hai. Tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra là hai; tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không, cho đến tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không là không hai. Tưởng địa giới cho đến tưởng thức giới là hai; tưởng địa giới không cho đến tưởng thức giới không là không hai. Tưởng nhân duyên cho đến tưởng tăng thượng duyên là hai; tưởng nhân duyên không cho đến tưởng tăng thượng duyên không là không hai. Tưởng vô minh cho đến tưởng lão tử là hai; tưởng vô minh không cho đến tưởng lão tử không là không hai; tưởng bố thí cho đến tưởng Bát nhã Ba la mật là hai; tưởng bố thí không cho đến tưởng Bát nhã Ba la mật không là không hai. Tưởng pháp nội không cho đến tưởng pháp vô tánh tự tánh không là hai; tưởng pháp nội không không cho đến tưởng pháp vô tính tự tính không không là không hai. Tưởng chơn như cho đến tưởng cảnh giới bất tư nghì là hai; tưởng chơn như không cho đến tưởng cảnh giới bất tư nghì không là không hai. Tưởng Thánh đế khổ,

tập, diệt, đạo là hai; tưởng Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không là không hai. Tưởng 4 niệm trụ cho đến tưởng 8 chi Thánh đạo là hai; tưởng 4 niệm trụ không cho đến tưởng 8 chi Thánh đạo không là không hai. Tưởng 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc là hai; tưởng 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc không là không hai. Tưởng 8 giải thoát cho đến tưởng 10 biến xứ là hai; tưởng 8 giải thoát không cho đến tưởng 10 biến xứ không là không hai. Tưởng pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện là hai; tưởng pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện không là không hai. V.v…Tưởng Như Lai 10 lực cho đến tưởng 18 pháp Phật bất cộng là hai; tưởng Như Lai 10 lực không cho đến tưởng 18 pháp Phật bất cộng không là không hai. Tưởng 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là hai; tưởng 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ không là không hai. Tưởng pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là hai; tưởng pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không là không hai. Tưởng Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là hai; tưởng Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không là không hai. Tưởng quả Dự lưu cho đến tưởng Độc giác Bồ đề là hai; tưởng quả Dự lưu không cho đến tưởng Độc giác Bồ đề không là không hai. Tưởng tất cả Bồ Tát hạnh và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là hai; tưởng tất cả hạnh của đại Bồ Tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không là không hai. Tưởng cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi là hai; tưởng cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi không là không hai. *(Q. 465, ĐBN)*

Thiện Hiện! Cho đến tất cả tưởng đều là hai, cho đến tất cả hai đều là có, cho đến tất cả có đều là sanh tử. Đã sanh tử thì không thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, sầu than, lo, buồn, khổ não.

Thiện Hiện! Không các tưởng đều là không hai. Các pháp không hai đều là chẳng có. Các pháp chẳng có đều không sanh tử. Người không sanh tử thì có thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử v.v...

Thiện Hiện! Do nhân duyên này nên biết tất cả những người có tưởng hai thì chắc chắn không thể bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, không chứng đắc, không hiện quán cho đến thuận nhẫn, người ấy còn chẳng có huống chi có thể biết khắp tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến không thể biết khắp tất cả Nhất thiết trí trí, người ấy còn không thể tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo, huống chi

có thể đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, hoặc là có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí và có thể dứt hẳn tất cả phiền não tập khí nối nhau”.

Đây là pháp môn bất nhị. Ngày nào còn lẩn quẩn trong vòng đối đãi của thế giới lưỡng nguyên, thì ngày đó không tránh khỏi luân hồi khổ ải!

Đoạn Kinh này có vẻ dài dòng nhưng thật sự giúp ích chúng ta hiểu thế nào là pháp môn bất nhị. Còn sống là còn ý thức phân biệt, có phân biệt là có uế-tịnh, còn-mất, có-không... Đó là sự phân hóa bất tận của cuộc đời thường, làm sao tránh khỏi mất mát? Cái tệ hại của của nhị nguyên là như thế!

Muốn chấm dứt đảo điên nghiêng chấp thì đừng phân biệt, chia chẻ. Nếu không muốn chia chẻ phân hóa thì phải có nhất quán nhất tâm. Có nhất tâm thì sẽ được tịnh tâm, tâm tịnh thì hạnh cũng tịnh. Có tịnh mới có phản tỉnh, có phản tỉnh mới có tự giác, có tự giác mới có giác tha, có giác tha mới có giác nguyện viên mãn.

Đó là tịnh đạo Bồ đề, con đường tốt nhất để cho trí tuệ khai mỡ, dẫn đến thánh trí tự giác. Thánh trí tự giác không ngoài giác ngộ. Có giác ngộ mới thành thục chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật. Đó là mục tiêu tiên khởi cũng là mục tiêu cuối cùng của người hành Bồ Tát đạo./.

---o0o---

70. PHẨM "THÂN CẬN" hay "GẦN GŨI"

Giữa quyển 464, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phần sau phẩm "Khéo Tiện Hành", Q.365 đến cuối Q.366, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát chẳng gần gũi chư Phật, chẳng viên mãn căn lành, chẳng vâng thờ bạn lành, đại Bồ Tát này đâu có thể được Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu chẳng thường gần gũi chư Phật viên mãn căn lành, vâng thờ bạn lành thời chẳng được gọi tên là đại Bồ Tát, huống chi có thể chứng Nhất thiết trí trí. Vì sao? Hoặc có đại Bồ Tát gần gũi chư Phật, trồng thiện căn, vâng thờ bạn lành, hãy chẳng thể chứng Nhất thiết trí trí, huống chẳng thường gần gũi chư Phật viên mãn thiện căn, vâng thờ bạn lành mà có thể chứng được Nhất thiết trí trí, điều này không thể có.

Vậy nên, Thiện Hiện! nếu Bồ Tát muốn xưng danh đại Bồ Tát, muốn mau chứng được Nhất thiết trí trí, thời nên gần gũi chư Phật Thế Tôn, viên mãn thiện căn, vâng thờ bạn lành chớ sanh nhàm mỏi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có khi nào đại Bồ Tát gần gũi chư Phật, trồng các thiện căn, vâng thờ bạn lành mà chẳng được Nhất thiết trí trí không?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát kia **xa lìa sức phương tiện thiện xảo**, nên dù gần gũi chư Phật, trồng các thiện căn, vâng thờ bạn lành nên chẳng năng được Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- **Những gì gọi là phương tiện thiện xảo**, các đại Bồ Tát phải thành tựu, mới có thể chứng được Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, khi **tu hành bố thí Ba la mật**, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, hoặc cúng dường chư Phật hoặc cúng dường Bồ Tát hoặc Độc giác, Thanh văn, các Sa môn Phạm chí khác hoặc bố thí cho ngoại đạo kẻ tu phạm hạnh hoặc bố thí cho kẻ bần cùng, người lỡ đường, người tu khổ hạnh và kẻ đến xin hoặc bố thí cho tất cả người chẳng phải người v.v…

Đại Bồ Tát này trọn nên tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí như thế, dù hành bố thí mà không tưởng thí, không tưởng kẻ nhận, cũng không tưởng ngã, ngã sở. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này **quán tất cả pháp tự tướng đều không, không thật không thành, không chuyển không diệt, thể nhập vào các pháp, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng**. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện thiện xảo như thế, hằng thời tăng trưởng giác phần thiện căn. Do thiện căn đây thường tăng trưởng, nên thường hành bố thí thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Dù hành bố thí mà chẳng mong cầu được quả thí là chẳng mong hưởng cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp. Chỉ vì cứu hộ kẻ không được cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, tu hành bố thí Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tịnh giới Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để thọ trì tịnh giới, tâm thường không gây những trói buộc phiền não như tham, sân, si v.v..., tâm cũng không tạo các pháp bất thiện khác có thể làm chướng ngại Bồ đề, như là keo kiệt, ác giới, giận hờn, giải đãi, tâm hèn hạ, tâm tán loạn, tà kiến, mạn, quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ti mạn, tà mạn, tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này quán tự tướng của tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng trưởng giác phần thiện căn. Nhờ thiện căn này thường tăng trưởng nên có thể thực hành tịnh giới Ba la mật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Tuy thực hành tịnh giới, nhưng vị ấy không mong cầu phước báo của việc giữ giới, cũng không muốn hưởng cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, nên vị ấy tu hành tịnh giới Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành an nhẫn Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí làm phương tiện để tu học an nhẫn, cho đến để bảo vệ tánh mình, đại Bồ Tát này cũng không phát sanh một niệm giận hờn, một lời nói ác, hay một tâm oán hận báo thù. Giả sử có một người muốn đến hại mạng mình, cướp đoạt của cải, xâm chiếm vợ con, nhà cửa, vu khống mạ nhục, chia rẻ, khinh khi, hoặc đánh, hoặc đâm, hoặc cắt, hoặc chặt và gây ra đủ thứ tai hại khác thì vị ấy hoàn toàn không giận hờn hữu tình đó. Chỉ cầu mong làm cho người kia được lợi ích an lạc. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này quán tự tướng của tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng trưởng giác phần thiện căn. Nhờ thiện căn thường tăng trưởng nên vị ấy có thể thực hành an nhẫn Ba la mật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Tuy thực hành an nhẫn, nhưng vị ấy không mong cầu phước báo của việc an nhẫn, nghĩa là không hồi hướng đến cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, nên vị ấy tu hành an nhẫn Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tinh tấn Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, phát tâm siêng năng dõng mãnh một cách chân chính không khiếp sợ, xa lìa tâm giải đãi, hèn yếu. Vì cầu Bồ đề, vị ấy không sợ các khổ, không phế bỏ việc tu tập các pháp lành. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này quán tự tướng của tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng trưởng giác phần thiện căn. Nhờ thiện căn này thường tăng trưởng nên có thể thực hành tinh tấn Ba la mật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Tuy thực hành tinh tấn, nhưng vị ấy không mong cầu phước báo của việc tinh tấn, cũng không mong hưởng cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, nên vị ấy tu hành tinh tấn Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tịnh lự Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu học các định. Khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý phân biệt các pháp, đại Bồ Tát này không nắm giữ các tướng, không nắm bắt những thứ ưa thích. Tức là giữ gìn các căn ngay nơi đối tượng ấy, không sống phóng dật, không cho phát sanh các pháp ác ở thế gian như tham ái và các phiền não, chuyên tu niệm định để giữ gìn các căn. Đại Bồ Tát này hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói năng, hoặc im lặng thường không xa lìa định thù thắng, xa lìa các pháp dơ bẩn, thân tâm yên tịnh, không trái oai nghi phép tắc, hành động đều đoan chánh, tâm thường ổn định, không sanh phân biệt. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng trưởng giác phần thiện căn. Nhờ thiện căn này thường tăng trưởng nên có thể thực hành tịnh lự Ba la mật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Tuy thực hành tịnh lự, nhưng vị ấy không mong cầu phước báo của việc thiền định, cũng không muốn hưởng cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, nên vị ấy tu hành tịnh lự Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành Bát nhã Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí tu học diệu huệ. Đại Bồ Tát này lìa các ác tuệ, tâm không bị kẻ khác gây chấp ngã và ngã sở, xa lìa tất cả cái thấy của ngã, cái thấy của hữu tình, cho đến cái thấy của người biết, người thấy, cái thấy của cái có hoặc không, và các cảnh giới ác kiến, xa lìa sự kiêu mạn, không có phân biệt, làm phát sanh đủ loại căn lành thù thắng. Vì sao? **Vì đại Bồ Tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, thường tăng trưởng giác phần thiện căn. Nhờ thiện căn này tăng trưởng nên có thể thực hành Bát Nhã, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật**. Tuy thực hành Bát Nhã, nhưng vị ấy không mong cầu

phước báo của trí tuệ, cũng không mong mỏi cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, nên vị ấy tu hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát từ sơ phát tâm khi tu hành Bát Nhã, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí **nhập vào bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc**. Đại Bồ Tát này dù đối tĩnh lự, vô lượng, vô sắc vào ra tự tại mà chẳng nhiếp thọ quả dị thục kia. Vì sao? đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện thiện xảo thù thắng, quán các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc tự tướng đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện thiện xảo như thế, hằng thời tăng trưởng giác phần thiện căn. Do thiện căn đây tăng trưởng nên năng hành tĩnh lự, vô lượng, vô sắc. Do hành tĩnh lự, vô lượng, vô sắc bèn được tự thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, khi tu hành Bát Nhã, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí **tu học tất cả Bồ đề phần pháp** trọn nên phương tiện thiện xảo như vậy, tuy thực hành pháp đoạn trừ phiền não, nhờ kiến đạo hoặc tu đạo nhưng không nắm giữ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Vì sao? Đại Bồ Tát này quán tất cả tự tướng đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện thiện xảo thù thắng, hằng thời tăng trưởng giác phần thiện căn. Do thiện căn đây tăng trưởng nên thường hành tất cả Bồ đề phần pháp, vượt các Thanh văn bậc Độc giác… vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Đấy gọi Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn. Do nhẫn đây nên thường được tự tại thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, tuy được tự tại thuận nghịch vào ra **tám giải thoát, tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ** v.v… mà năng trọn nên được phương tiện thiện xảo như vậy, nhưng chẳng lấy quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Vì sao? Vì đại Bồ Tát

này quán tất cả pháp tự tướng đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện thiện xảo thù thắng, hằng thời tăng trưởng giác phần thiện căn. Do thiện căn đây tăng trưởng nên năng tự tại thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng vào bậc Bồ Tát Bất thối chuyển được nhận ký.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí tinh tấn **tu hành Như Lai mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng** cùng vô lượng vô biên công đức chư Phật, cho đến chưa đủ thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, vẫn chưa chứng được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Đại Bồ Tát này quán tất cả pháp tự tướng đều không, không thành không thật, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện thiện xảo thù thắng, hằng thời tăng trưởng giác phần thiện căn. Do thiện căn đây tăng trưởng, nên năng viên mãn thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, lần hồi chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo. Đại Bồ Tát nào thành tựu phương tiện thiện xảo này thì có làm việc gì cũng chắc chắn chứng đắc Nhất thiết trí trí. Phương tiện thiện xảo thù thắng như vậy đều do Bát Nhã mà được thành tựu. Vì vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu, và có làm điều gì cũng chẳng mong cầu phước báo. Ai có thể siêng năng tu học Bát Nhã thẳm sâu như vậy thì có thể mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Sơ lược:

Mở đầu cho ***phẩm thứ 73, "Chủng Thiện Căn"****(Gieo Trồng Căn Lành****), Tập 5, quyển 85, Đại Trí Độ Luận***. "Ngài Tu Bồ Đề hỏi:

- Bồ Tát vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy:

- Chẳng phải vì thiện căn, cũng chẳng phải chẳng vì thiện căn mà Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật.

Hỏi: *Nếu chẳng vì bất thiện căn mà hành Bát nhã Ba la mật, thì còn hợp lý. Vì sao nói chẳng phải vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba la mật?*

Đáp: Vì quý Vô Thượng Bồ Đề mà Phật đáp như vậy. Hành thiện căn chỉ là phương tiện để làm các thiện hạnh mà thôi. Như trong kinh có nói, "Thiện pháp còn xả huống nữa là phi pháp". Vì sao? Vì thiện căn chỉ là trợ đạo pháp, đưa hành giả đến Vô Thượng Bồ Đề, ví như người muốn qua sông phải mượn bè để qua bờ bên kia vậy.

Phật lại nói nhân duyên Bồ Tát chưa cúng dường chư Phật, chưa thân cận chư thiện tri thức, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Dù có trồng thiện căn, nhưng đó chẳng phải là quý, chỉ có Vô Thượng Bồ Đề mới quý.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi:

- Bồ Tát cúng dường chư Phật, thân cận chư thiện trí thức như thế nào, mới được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy:

- Bồ Tát từ sơ phát tâm đã cúng dường chư Phật, đã thân cận chư thiện tri thức, thường nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh; khi nghe xong liền thọ trì, đọc tụng, tư duy, quán chiếu rõ ràng, nên được căn trí càng thêm lanh lợi. Do liễu nghĩa, nên được các Đà la ni. Do được các Đà la ni, mà nghe rồi chẳng có quên sót, được bốn vô ngại trí, vì chúng sanh thuyết pháp, làm lợi ích cho chúng sanh".

"Người được các thiện căn hộ trì thường chẳng ly chư Phật, chư Bồ Tát, chư A La Hán là những bậc chân thiện tri thức; lại thường tán thán ba ngôi Tam Bảo.

Cho nên, Phật dạy, "Bồ Tát phải thường cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức".

Nhưng phải tu tất các sáu pháp Ba la mật cùng tất cả pháp mầu Phật đạo, tích tụ thiện căn công đức rồi tùy hỷ ban cho tất cả chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Có quý trọng Vô thượng Bồ đề mới được sở cầu Vô Thượng Bồ đề, cũng như có quý trọng thầy mới được làm thầy.

Toàn phẩm này là các lời khuyên gần gũi, chân thực nhất mà chúng ta cần nhớ, thí dụ như tu một pháp là Tịnh lự Ba la mật chẳng hạn:

"Phật bảo: Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tịnh lự** Ba la mật, dùng tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu học các định. Khi mắt thấy các sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị,

thân cảm giác xúc chạm, ý phân biệt các pháp, đại Bồ Tát này **không nắm giữ các tướng, không nắm bắt những thứ ưa thích.** Tức là giữ gìn các căn ngay nơi đối tượng ấy, không sống phóng dật, không cho phát sanh các pháp ác ở thế gian như tham ái và các phiền não, chuyên tu niệm định để giữ gìn các căn. Đại Bồ Tát này hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói năng, hoặc im lặng thường không xa lìa định thù thắng, xa lìa các pháp dơ bẩn, thân tâm yên tịnh, không trái oai nghi phép tắc, hành động đều đoan chánh, tâm thường ổn định, không sanh phân biệt. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, không thật, không thành, không chuyển, không diệt, nhập vào các pháp tướng, biết tất cả các pháp vô tác, vô năng, nhập vào các hành tướng. Đại Bồ Tát này thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, **thường tăng trưởng giác phần thiện căn**. Nhờ thiện căn này thường tăng trưởng nên có thể thực hành tịnh lự Ba la mật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Tuy thực hành tịnh lự, nhưng vị ấy không mong cầu phước báo của việc thiền định, cũng không muốn hưởng cảnh giới đáng yêu và nơi sanh tốt đẹp, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát những ai chưa được giải thoát, nên vị ấy tu hành tịnh lự Ba la mật".

Kinh giải thích quá rõ: "Khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý phân biệt các pháp, đại Bồ Tát này **không nắm giữ các tướng, không nắm bắt những thứ ưa thích**". *Điều đó có nghĩa khi căn tiếp xúc với trần cảnh mà tâm như như bất động, thì cảnh là cảnh, tâm là tâm chẳng có liên hệ gì. Nhưng nếu tâm theo vọng trần nắm giữ lấy tướng, phát sanh ra động niệm hay tạo tác thi vi, nên nói là "mất tâm". Chỗ này Phật thuyết cả trăm lần. Vậy, nếu không muốn hợp trần bội giác, sáu thời phải nhiếp tâm, phòng hộ thân căn, chăm lo tịnh niệm.*

Không những tu thiền mà tu tất cả các Ba la mật khác nhất là Bát Nhã, sẽ có cơ hội an định tâm, được tịnh hạnh. Nên trong nhiều kiếp sẽ được ***thân cận hay gần gũi chư Phật,*** *tích tụ thiện căn công đức, viên mãn các pháp mầu Phật đạo. Rồi có thể tự độ mình và cũng có thể độ người, đó là thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mới có thể đạt sở cầu Nhất thiết trí trí.*

Nên Phật bảo:

“Thiện Hiện! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo. Đại Bồ Tát nào thành tựu phương tiện thiện xảo này thì có làm việc gì cũng chắc chắn chứng đắc Nhất thiết trí trí. Phương tiện thiện xảo thù thắng như vậy đều do Bát Nhã mà được thành tựu. Vì vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên siêng tu học Bát Nhã thẳm sâu, và có làm điều gì cũng chẳng mong cầu phước báo. Ai có thể siêng năng tu học Bát Nhã thẳm sâu như vậy thì có thể mau chứng đắc Nhất thiết trí trí”.

Các phẩm trước Kinh nói rằng Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh cùng tất cả các pháp mầu Phật đạo đều là Thiện tri thức của tất cả hữu tình. Phẩm này Kinh cũng khuyên tất cả chúng sanh cần phải gần gũi thân cận chư Hiền Thánh và các pháp mầu Phật đạo, nếu muốn có đầy đủ thiện căn công đức mau chứng Nhất thiết trí trí./.

---o0o---

71. PHẨM "HỌC TẤT CẢ hay BIẾN HỌC"*(1)*

Cuối Q.464 đến đầu Q.465, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Học Đạo Khắp", cuối Q.366 đến đầu Q.372, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Quán tứ cú là hý luận)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát thành tựu trí huệ tối thắng như vậy, tuy có thể thọ nhận và thực hành pháp sâu xa thanh tịnh nhưng không nắm giữ thắng báo.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói! Các đại Bồ Tát thành tựu trí huệ tối thắng như vậy, tuy có thể nhận và thực hành pháp sâu xa thanh tịnh nhưng không nắm giữ thắng báo. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đối với các pháp tự tánh chẳng động.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này có thể đối với **những pháp nào tự tánh chẳng động**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát này có thể **đối pháp vô tánh tự tánh chẳng động**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Đại Bồ Tát này có thể đối với pháp vô tánh tự tánh nào chẳng động?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát này có thể đối với **tự tánh của sắc chẳng động**, có thể đối với tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức chẳng động; có thể đối với tự tánh của mười hai xứ cho đến mười tám giới chẳng động; có thể đối với tự tánh của nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng động, có thể đối với tự tánh của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra chẳng động; có thể đối với tự tánh của bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng động; có thể đối với tự tánh của bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc chẳng động; có thể đối với tự tánh của bốn niệm

trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng động; có thể đối với tự tánh của ba pháp môn giải thoát, tám giải thoát, chín định thứ đệ chẳng động; có thể đối với tự tánh của Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng động. Như vậy, cho đến có thể đối với tự tánh của Nhất thiết trí trí chẳng động, có thể đối với tự tánh của tất cả cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi chẳng động. Vì sao? **Vì các pháp ấy là vô tánh, các đại Bồ Tát đối với tự tánh của vô tánh này chẳng động, vì vô tánh không thể chứng ngộ vô tánh.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp hữu tánh có thể chứng ngộ pháp hữu tánh được không?

Phật dạy:

- Không được!

- Bạch Thế Tôn! Pháp vô tánh có thể chứng ngộ pháp hữu tánh được không?

Phật dạy:

- Không được!

- Bạch Thế Tôn! Pháp hữu tánh có thể chứng ngộ pháp vô tánh được không?

Phật dạy:

- Không được!

- Bạch Thế Tôn! Pháp vô tánh có thể chứng ngộ pháp vô tánh được không?

Phật dạy:

- Không được!

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy, thì đúng ra pháp hữu tánh không thể hiện quán pháp hữu tánh, pháp vô tánh không thể hiện quán pháp hữu tánh, pháp hữu tánh không thể hiện quán pháp vô tánh, pháp vô tánh không thể hiện quán pháp vô tánh, như vậy làm sao Thế Tôn có thể đắc và có thể hiện quán được?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Tuy có đắc, có hiện quán, nhưng lìa tứ cú*(2)*.

- Bạch Thế Tôn! Làm sao lìa tứ cú mà có đắc, có hiện quán?

- Thiện Hiện! Hoặc đắc hoặc quán, chẳng phải có chẳng phải không, dứt hết hý luận. Vậy nên, Ta nói có đắc có quán, nhưng lìa tứ cú.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Tại sao gọi đại Bồ Tát hý luận?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các đại Bồ Tát **quán sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận**. Quán mười hai xứ cho đến mười tám giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận. Quán nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận. Quán mười hai xứ cho đến mười tám giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận. Quán địa giới cho đến ý thức giới, quán nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, quán vô minh cho đến lão tử hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận. Quán lục Ba la mật, quán pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không, quán chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, nói rộng ra, quán tất cả pháp Phật hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, đó là hý luận.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào nghĩ: **Thánh đế khổ ta phải biết, Thánh đế tập ta phải trừ, Thánh đế diệt ta phải chứng, Thánh đế đạo ta phải tu, đó là hý luận**. Hoặc nghĩ: Ta phải tu tập bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải tu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải vượt khỏi quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải thực hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải trụ vào pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự

tính Không, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải viên mãn thập địa Bồ Tát, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải làm phát sanh năm loại mắt, sáu phép thần thông, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải phát sanh Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải làm phát sanh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải làm phát sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải thực hành tất cả Bồ Tát hạnh, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải chứng đắc Nhất thiết trí trí, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nối nhau, đó là hý luận.

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát nắm lấy đủ loại phân biệt như vậy là hý luận.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu khi thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát **không quán sắc cho đến thức là thường hoặc vô thường**, không quán sắc là vui hoặc khổ cho đến không quán sắc là viễn ly hoặc không viễn ly là không hý luận. Như vậy, cho đến không quán Nhất thiết trí trí hoặc chứng đắc, hoặc không chứng đắc, là không hý luận. Không quán tất cả các tập khí phiền não nối nhau hoặc phải vĩnh viễn đoạn trừ, hoặc không cần phải vĩnh viễn đoạn trừ là không hý luận. Vì sao? Vì tất cả pháp và các hữu tình, hữu tánh chẳng năng hý luận hữu tánh, hữu tánh chẳng năng hý luận vô tánh, vô tánh chẳng năng hý luận vô tánh, vô tánh chẳng năng hý luận hữu tánh. **Lìa tánh hữu vô, hoặc năng hý luận, hoặc sở hý luận, hoặc xứ hý luận, hoặc thời hý luận, đều bất khả đắc.**

Vậy nên, Thiện Hiện! Sắc không hý luận, thọ tưởng hành thức cũng không lý luận. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí trí không hý luận, dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau cũng không hý luận. Như vậy là các đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã không hý luận.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát khi thực hành Bát Nhã, làm sao quán sắc thọ tưởng hành thức cho đến Nhất thiết trí trí, dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau mà chẳng rơi vào hý luận?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi thực hành Bát Nhã nên **quán sắc không có tự tánh**, thọ tưởng hành thức cũng không có tự tánh. Như vậy, cho đến nên quán Nhất thiết trí trí không có tự tánh, dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau cũng không có tự tánh. **Nếu pháp không có tự tánh thời không thể hý luận.**

Vậy nên, Thiện Hiện! Sắc thọ tưởng hành thức chẳng thể hý luận, nên các đại Bồ Tát chẳng nên hý luận.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nếu năng đối tất cả pháp lìa các hý luận như thế, thực hành Bát Nhã phương tiện thiện xảo, bèn vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu đã được vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thì mau chứng Nhất thiết trí trí. *(Q. 464, ĐBN)*

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không có tự tánh, lìa hý luận và bất khả đắc thì nhờ những đạo gì mà đại Bồ Tát chứng đắc Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, đó là đạo Thanh văn, Độc giác hay đạo Như Lai?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **không nhờ đạo Thanh văn, không nhờ đạo Độc giác, không nhờ đạo Như Lai được vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh**. **Nhưng sau khi đã học đầy đủ các đạo, <u>nhờ đạo Bồ Tát</u> vị ấy được nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh**. Giống như Bồ Tát ở địa vị thứ tám, trước tiên phải học các đạo, sau nhờ đạo của mình nên được nhập vào Chánh tánh ly sanh của thừa(địa) mình; cho đến khi chưa viên mãn đạo quả thì vị ấy chưa thể chứng đắc quả cao nhất của thừa mình. Cũng vậy, các đại Bồ Tát trước tiên phải học viên mãn tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; cho đến khi chưa phát sanh định Kim cương dụ thì vẫn chưa thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu phát sanh định này tương ưng với Bát Nhã trong một sát na mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu trước tiên đại Bồ Tát đã học đầy đủ tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Bạch Thế Tôn!

Há chẳng phải các hướng và quả của đệ bát Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Như Lai, mỗi đạo ấy đều khác nhau sao? Bạch Thế Tôn! Nếu các đạo đã khác nhau như vậy thì vì sao trước tiên đại Bồ Tát phải học đầy đủ tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nghĩa là: Các đại Bồ Tát phải phát khởi đạo đệ bát mới thành đệ bát, hoặc phát khởi đạo Cụ kiến mới thành Dự lưu, phát khởi đạo Tiến tu mới thành Nhất lai, Bất hoàn, phát khởi đạo Vô học mới thành A la hán, phát khởi đạo Độc giác mới thành Độc giác Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thành tựu đệ bát nói rộng cho đến thành tựu Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác rồi, năng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, tất không lẽ ấy. Chẳng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh mà năng chứng được Nhất thiết trí trí, cũng không lẽ ấy?

Bạch Thế Tôn! Làm sao khiến con như thật rõ biết các đại Bồ Tát cần đối các đạo khắp học đủ rồi, mới vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh mà chẳng trái lẽ?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Đại Bồ Tát nào sau khi thành tựu đệ bát rồi nói rộng cho đến thành tựu Độc giác mà có thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì thật phi lý; không nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh mà có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì cũng thật phi lý.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì tại sao trước tiên các đại Bồ Tát phải học đầy đủ các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; sau khi nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh rồi, vị ấy tuần tự chứng đắc Nhất thiết trí trí, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nối nhau?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Từ lúc mới phát tâm các đại Bồ Tát siêng năng tinh tấn tu hành sáu Ba la mật, dùng trí tuệ thù thắng vượt qua tám địa, là Tịnh quán địa cho đến Độc giác địa; tuy tu tất cả tám địa vừa kể nhưng vị ấy dùng trí tuệ thù thắng để vượt qua. Nhờ Đạo tướng trí vị ấy được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Sau khi đã nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, tuần tự lại nhờ Nhất thiết tướng trí, vị ấy chứng đắc hoàn toàn Nhất thiết trí trí, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não nối nhau.

Thiện Hiện! Ngươi nên biết, trí của đệ bát **tức là nhẫn** của đại Bồ Tát, trí hoặc đoạn của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán và Độc giác cũng là nhẫn của đại Bồ Tát. Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát trước hết phải học đầy đủ tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo của mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Sau khi đã nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, vị ấy tuần tự chứng đắc Nhất thiết trí trí. Sau khi đã chứng đắc Nhất thiết trí trí, vị ấy mới đem kết quả đó làm lợi ích cho tất cả hữu tình.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như đã nói, các đại Bồ Tát nên học để biết tướng của tất cả đạo như là đạo Thanh văn, hoặc đạo Độc giác, hoặc đạo Bồ Tát, hoặc đạo Như Lai. **Trí biết tất cả loại tướng của những đạo này gọi là Đạo tướng trí.** Các đại Bồ Tát làm cách nào để phát sanh Đạo tướng trí này?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các hành, trạng, tướng có thể hiển bày Đạo tướng trí là đối với tất cả các hành, trạng, tướng như vậy, các đại Bồ Tát đều hiện chứng Đẳng Giác. Sau khi đã hiện chứng Đẳng Giác, họ như thật giảng nói, khai thị, tạo dựng, kiến lập cho người khác, làm cho các hữu tình được hiểu biết không điên đảo và tùy ý đạt được những lợi ích mà họ mong cầu. Đối với tất cả âm thanh, ngôn ngữ, đại Bồ Tát này đều được pháp môn Đà la ni thiện xảo. Nhờ pháp môn Đà la ni thiện xảo này, vị ấy phát sanh đủ loại âm thanh ngôn ngữ, giảng nói chánh pháp cho hết thảy các loài hữu tình khắp Tam thiên đại thiên thế giới, làm cho họ biết âm thanh được nghe đều như tiếng vang. Do đó, tuy có hiểu nhưng họ không chấp trước. Thiện Hiện! Do nhân duyên này các đại Bồ Tát nên học viên mãn các Đạo tướng trí. Sau khi đã học viên mãn Đạo tướng trí, vị ấy biết như thật về các loại ý thích và tùy miên khác nhau của tất cả các loài hữu tình. Hãy làm lợi ích an lạc theo ý thích của họ nghĩa là biết như thật ý thích tùy miên của các hữu tình ở địa ngục và nhân quả của nó, biết rồi tìm cách ngăn lấp đường đó; cũng biết như thật về ý thích tùy miên của các hữu tình thuộc bàng sanh và nhân quả của nó, biết rồi tìm cách ngăn lấp đường đó; cũng biết như thật về ý thích tùy miên của các hữu tình thuộc cõi quỷ và nhân quả của nó, biết rồi tìm cách ngăn lấp đường ấy; cũng biết như thật về ý thích tùy miên của rồng, Dạ xoa, A tu la và nhân quả của nó, biết rồi tìm cách ngăn lấp đường ấy; cũng biết như thật về ý thích tùy miên của người và

chư thiên cõi Dục và nhân quả của họ, biết rồi tìm cách ngăn che đường ấy; cũng biết như thật về ý thích tùy miên của trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ và nhân quả của họ, biết rồi tìm cách ngăn che đường ấy; cũng biết như thật về bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng biết như thật về bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc và nhân quả của nó; cũng biết như thật về tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và nhân quả của nó; cũng biết như thật về Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và nhân quả của nó; cũng biết như thật về bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật và nhân quả của nó; cũng biết như thật về pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không và nhân quả của nó; cũng biết như thật về chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì và nhân quả của nó; nói rộng ra, **cũng biết như thật về tất cả pháp Phật và nhân quả của chúng.**

Thiện Hiện! Sau khi biết như thật về tất cả pháp Phật và nhân quả của chúng rồi, tùy theo căn cơ của họ, các đại Bồ Tát giúp các hữu tình đứng vững nơi đạo ba thừa, làm cho họ siêng năng tu học đạt được cứu cánh.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên phát sanh các Đạo tướng trí như vậy. Đại Bồ Tát nào có thể học các Đạo tướng trí này thì có thể biết được các loại giới tánh, ý thích và tùy miên của các hữu tình. Sau khi đã biết, vị ấy tùy theo căn cơ mà giảng nói chánh pháp giúp cho họ đạt được thắng báo mà họ mong cầu, quyết không bị tổn hại. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này hoàn toàn thông đạt căn cơ hơn kém của hữu tình, hiểu rõ như thật tâm sở sai biệt và sự qua lại sanh tử của các hữu tình nên pháp họ nói ra không làm tổn hại hữu tình.

Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát nên thực hành đạo Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì tất cả pháp Bồ đề phần và đạo Thanh văn, Độc giác, mà Bồ Tát học đều lệ thuộc vào Bát nhã Ba la mật, tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát học pháp này đều đạt được cứu cánh.***(Q.465, ĐBN)*

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả Bồ đề phần pháp cho đến Bồ đề, tất cả pháp như vậy, chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng thì vì sao Bồ đề phần pháp như vậy có thể nắm giữ Bồ đề? Bạch Thế Tôn! Tất cả chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi là vô tướng, chẳng thủ, chẳng xả đối với pháp khác. Giống như hư không, không thủ, không xả, đối với tất cả pháp vì tự tánh

là không. Cũng vậy, các pháp đều tự tánh là không nên không có thủ, xả đối với pháp khác thì vì sao nói Bồ đề phần pháp như bốn niệm trụ v.v… có thể nắm giữ Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Do tự tánh của tất cả các pháp đều không, không thủ, không xả nhưng các hữu tình không thể hiểu rằng tự tánh của tất cả pháp không, vì vậy để làm lợi ích cho họ, Ta phương tiện giảng nói Bồ đề phần pháp có thể nắm bắt Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc sắc thọ tưởng hành thức. Hoặc nhãn xứ cho đến pháp xứ. Hoặc sắc xứ cho đến pháp xứ. Hoặc nhãn giới cho đến ý giới. Hoặc sắc giới cho đến pháp giới. Hoặc nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Hoặc nhãn xúc cho đến ý xúc. Hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Hoặc địa giới cho đến thức giới. Hoặc nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Hoặc vô minh cho đến lão tử. Hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Hoặc pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không. Hoặc chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Hoặc Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Hoặc 4 niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Hoặc bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Hoặc 3 pháp môn giải thoát. Hoặc tám giải thoát cho đến mười biến xứ. Hoặc Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa. Hoặc Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa. Hoặc tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa. Hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông. Hoặc Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Hoặc ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ. Hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Hoặc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề. Hoặc tất cả Bồ Tát hạnh. Hoặc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hoặc đoạn trừ tất cả phiền não tập khí nối nhau, hoặc Nhất thiết trí trí *(nói chung tất cả pháp Phật).*

Tất cả những pháp này đều ở trong Thánh pháp Tỳ nại da **chẳng hợp, chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng**. Để làm lợi ích các loài hữu tình, giúp họ hiểu đúng và nhập vào thật tướng các pháp, nên Như Lai dựa vào thế tục để giảng nói, không dựa vào thắng nghĩa.

Thiện Hiện nên biết: Các đại Bồ Tát nên học để hiểu biết tất cả pháp. Sau khi học và hiểu biết rồi, vị ấy thông suốt như thật các pháp như thế, đáng thọ dụng hay không đáng thọ dụng.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

- Các đại Bồ Tát phải học và hiểu những pháp gì mới có thể thông suốt như thật pháp đáng thọ dụng hay không đáng thọ dụng?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các đại Bồ Tát phải học và hiểu biết pháp Thanh văn và Độc giác rồi mới thông suốt như thật, không nên thọ dụng, phải học và hiểu biết tất cả pháp tương ưng với Nhất thiết trí trí, mới thông suốt như thật tất cả các loại chủng tướng nên thọ dụng.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đối với Thánh pháp Tỳ nại da đây, nên học Bát Nhã như thế.

(Học pháp Vô tướng)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã thuyết Thánh pháp Tỳ nại da. Vậy, **thế nào là Thánh pháp Tỳ nại da?**

Phật bảo Thiện Hiện:

- Hoặc Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc chư vị Như Lai đối với tham, sân, si **chẳng hợp, chẳng tan**. Đối với ngũ phần thuận hạ kiết sử chẳng hợp, chẳng tan. Đối với ngũ phần thuận thượng kiết sử chẳng hợp, chẳng tan. Đối với bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc chẳng hợp, chẳng tan. Đối với bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng hợp, chẳng tan. Đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo chẳng hợp, chẳng tan. Đối với ba pháp môn giải thoát chẳng hợp, chẳng tan. Đối với tám giải thoát cho đến mười biến xứ chẳng hợp, chẳng tan. Đối với Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa chẳng hợp, chẳng tan. Đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng hợp, chẳng tan. Đối với bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng hợp, chẳng tan. Đối với pháp nội Không cho đến pháp vô tánh tự tánh Không chẳng hợp, chẳng tan. Đối với chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì chẳng hợp, chẳng tan. Nói rộng ra, cho đến tất cả pháp Phật chẳng hợp, chẳng tan.

Thiện Hiện! Kia gọi là Thánh giả, đây là Tỳ nại da pháp thiện trị của Thánh giả kia, vậy nên gọi Thánh pháp Tỳ nại da. Vì sao? Tất cả pháp đây vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng, các Thánh giả kia như thật hiện thấy.

Thiện Hiện! Phải biết pháp vô sắc cùng pháp vô sắc chẳng hợp chẳng tan; pháp vô kiến cùng pháp vô kiến chẳng hợp chẳng tan; pháp vô đối cùng pháp vô đối chẳng hợp chẳng tan; pháp nhất tướng cùng pháp nhất tướng chẳng hợp chẳng tan; pháp vô tướng cùng pháp vô tướng chẳng hợp chẳng tan.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối Bát Nhã vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, vô tướng đây thường nên tu học. Học rồi chẳng nắm lấy tướng tất cả pháp.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Lẽ nào các đại Bồ Tát không nên học tướng của sắc cho đến tướng của thức?** Lẽ nào không nên học tướng của 12 xứ cho đến 18 giới. Lẽ nào không nên học tướng của nhãn xúc cho đến tướng của ý xúc. Lẽ nào không nên học tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến tướng của các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Lẽ nào không nên học tướng của địa giới cho đến tướng của thức giới. Lẽ nào không nên học tướng của nhân duyên cho đến tướng của tăng thượng duyên. Lẽ nào không nên học tướng của vô minh cho đến tướng của lão tử. Lẽ nào không nên học tướng của bố thí cho đến tướng của Bát nhã Ba la mật. Lẽ nào không nên học tướng của pháp nội không cho đến tướng của pháp vô tánh tự tánh không. Lẽ nào không nên học tướng của chơn như cho đến tướng của cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, lẽ nào không nên học tướng của tất cả pháp Phật. Lẽ nào không nên học tướng của việc dứt hẳn tất cả phiền não tập khí nối nhau và lẽ nào không học tướng của Nhất thiết trí trí. Lẽ nào không nên học tướng của việc biết khổ, dứt trừ nguyên nhân của khổ, chứng đắc Niết bàn và tu đạo. Lẽ nào không nên học tướng của việc quán duyên khởi theo chiều thuận nghịch. Lẽ nào không nên học tướng Thánh pháp của tất cả bậc Thánh. Lẽ nào không nên học tướng của cảnh giới hữu vi và cảnh giới vô vi?

Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát **không học các pháp tướng và các hành tướng** thì làm sao có thể vượt qua địa vị của tất cả Thanh văn, Độc giác. Nếu không thể vượt qua địa vị của tất cả Thanh văn, Độc giác thì

làm sao có thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu không thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì làm sao có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì làm sao có thể chuyển pháp luân vi diệu. Nếu không thể chuyển pháp luân vi diệu thì làm sao có thể dùng chánh pháp ba thừa để an lập hữu tình giúp họ vượt qua biển khổ sanh tử không bờ mé?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp có thật tướng thì các đại Bồ Tát nên học các pháp đó; do tất cả các pháp không có thật tướng nên các đại Bồ Tát không học tướng của nó, cũng không học pháp vô tướng. Vì sao? Vì dù Phật có xuất thế hay không xuất thế thì pháp giới là thường trụ và các pháp chỉ có một tướng là vô tướng. Vô tướng như vậy đã chẳng có tướng, cũng chẳng vô tướng, nên không thể học được.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp đều chẳng có tướng, cũng chẳng không(tướng) thì làm sao đại Bồ Tát có thể tu Bát Nhã? Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nào không tu Bát Nhã thì không thể vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác. Nếu không thể vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác thì không thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu không thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì không thể phát sanh Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn. Nếu không thể phát sanh Vô sanh pháp nhẫn thì không thể phát sanh thần thông thắng diệu của Bồ Tát. Nếu không thể phát sanh thần thông thắng diệu thì không thể trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình. Nếu không thể trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình thì không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì không thể chuyển pháp luân vi diệu. Nếu không thể chuyển pháp luân vi diệu thì không thể an lập hữu tình, giúp họ trụ nơi quả Dự lưu, hoặc quả Nhất hoàn, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không thể an lập hữu tình giúp họ trụ vào phước nghiệp của tánh bố thí, hoặc phước nghiệp của tánh trì giới, hoặc phước nghiệp của tánh tu tập để được giàu có, vui sướng tự tại trong trời người?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói! Tất cả pháp chẳng có tướng, chẳng vô tướng. Đại Bồ Tát nào biết tất cả pháp hoặc có tướng, hoặc

vô tướng, hoặc đồng một tướng chỗ gọi vô tướng. Tu vô tướng này tức là tu Bát nhã Ba la mật.

(Tu khiển và tu trừ khiển)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát **tu vô tướng** này là tu Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào tu trừ khiển tất cả pháp là tu Bát nhã Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát tu trừ khiển tất cả pháp là tu Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật**. Tu trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển mười hai xứ cho đến mười tám giới, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển nhãn xúc cho đến ý xúc, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển địa giới cho đến thức giới, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển vô minh cho đến lão tử, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển niệm Phật cho đến niệm hơi thở, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển tưởng vô thường cho đến tưởng diệt, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển tưởng ngã cho đến tưởng kiến giả, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển tưởng duyên khởi và tưởng phi duyên khởi, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển tưởng thường, lạc, ngã, tịnh và tưởng vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng trừ

khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển bốn giải thoát cho đến mười biến xứ, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật.

Tu trừ khiển tưởng Thánh đế và tưởng phi Thánh đế, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển Tam ma địa có tầm, có tứ, Tam ma địa không tầm có tứ, Tam ma địa không tầm, không tứ, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển khổ trí cho đến như thuyết trí, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng ra, **tu trừ khiển tất cả pháp Phật cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật.** Tu trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển Nhất thiết trí trí, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật sâu xa. *(Q.465, ĐBN)*

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là đại Bồ Tát tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật? Tu trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật? Nói rộng cho đến trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật? Tu trừ khiển Nhất thiết trí trí, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nếu nghĩ có sắc và có sự tu này thì chẳng phải trừ khiển sắc, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.** Nếu nghĩ có thọ, tưởng, hành, thức và có sự tu này, thì chẳng phải trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến nếu nghĩ có đoạn trừ vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau và có sự tu này, thì chẳng phải trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, thì chẳng phải tu Bát

nhã Ba la mật. Nếu nghĩ có Nhất thiết trí trí và có sự tu này, thì chẳng phải trừ khiển Nhất thiết trí trí, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.

Nhưng khi tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, **các đại Bồ Tát chẳng nhớ sắc và nghĩ tu đây thì đó là trừ khiển sắc, là tu Bát nhã Ba la mật**. Chẳng nhớ thọ, tưởng, hành, thức và nghĩ tu đây là trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, là tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến chẳng nhớ đoạn trừ vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau và nghĩ tu đây là trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, là tu Bát nhã Ba la mật. Chẳng nhớ Nhất thiết trí trí và nghĩ tu đây là trừ khiển Nhất thiết trí trí, là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì chẳng phải do tưởng đoạn trừ sự trói buộc tùy miên, tham, sân, si, mà có thể tu Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, này Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu đây, thì gọi là tu Bát nhã Ba la mật**. Tu trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, cũng trừ khiển tu đây gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến tu trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau và trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển Nhất thiết trí trí và trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Người nào quán tưởng CÓ, thì chẳng thể tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến người quán tưởng CÓ, chẳng thể đoạn trừ vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, cũng chẳng thể tu Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì người quán tưởng CÓ, còn chấp có ngã và ngã sở, bởi còn chấp nên còn mắc hai bên. Vì mắc hai bên nên nhất định không được giải thoát sanh tử, không đạo, không Niết bàn, làm sao có thể như thật tu 6 pháp Ba la mật, nói rộng cho đến đoạn trừ vĩnh viễn tập khí phiền não nối nhau và có thể tu tập Nhất thiết trí trí.

(Pháp môn bất nhị)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Những gì là có, những gì là chẳng có?

Phật bảo Thiện Hiện:

- **Hai là có, không hai là chẳng có**.

Thiện Hiện lại hỏi:

- Thế nào là hai? Thế nào là không hai?

Phật bảo:

- Tưởng sắc cho đến tưởng thức là hai, tưởng sắc không cho đến tưởng thức không là không hai. Tưởng nhãn xứ cho đến tưởng ý xứ là hai; tưởng nhãn xứ không cho đến tưởng ý xứ không là không hai. Tưởng sắc xứ cho đến tưởng pháp xứ là hai; tưởng sắc xứ không cho đến tưởng pháp xứ không là không hai. Tưởng nhãn giới cho đến tưởng ý giới là hai; tưởng nhãn giới không cho đến tưởng ý giới không là không hai. Tưởng sắc giới cho đến tưởng pháp giới là hai; tưởng sắc giới không cho đến tưởng pháp giới không là không hai. Tưởng nhãn thức giới cho đến tưởng ý thức giới là hai; tưởng nhãn thức giới không cho đến tưởng ý thức giới không là không hai. Tưởng nhãn xúc cho đến tưởng ý xúc là hai; tưởng nhãn xúc không cho đến tưởng ý xúc không là không hai. Tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra là hai; tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không, cho đến tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không là không hai. Tưởng địa giới cho đến tưởng thức giới là hai; tưởng địa giới không cho đến tưởng thức giới không là không hai. Tưởng nhân duyên cho đến tưởng tăng thượng duyên là hai; tưởng nhân duyên không cho đến tưởng tăng thượng duyên không là không hai. Tưởng vô minh cho đến tưởng lão, tử là hai; tưởng vô minh không cho đến tưởng lão, tử không là không hai; tưởng bố thí cho đến tưởng Bát nhã Ba la mật là hai; tưởng bố thí không cho đến tưởng Bát nhã Ba la mật không là không hai. Tưởng pháp nội không cho đến tưởng pháp vô tánh tự tánh không là hai; tưởng pháp nội không không cho đến tưởng pháp vô tánh tự tánh không không là không hai. Tưởng chơn như cho đến tưởng cảnh giới bất tư nghì là hai; tưởng chơn như không cho đến tưởng cảnh giới bất tư nghì không là không hai. Nói rộng ra, tưởng tất cả pháp Phật từ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là hai. Cho đến tưởng tất cả Bồ Tát hạnh và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là hai; tưởng tất cả Bồ Tát hạnh và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không là không hai. Tưởng cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi là hai; tưởng cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi không là không hai. *(Q.465, ĐBN)*

Thiện Hiện! Cho đến tất cả tưởng đều là hai, cho đến tất cả hai đều là có, cho đến tất cả có đều là sanh tử. Đã sanh tử thì không thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, sầu than, lo, buồn, khổ não. Không các tưởng đều là không hai. Các pháp không hai đều là chẳng có. Các

pháp chẳng có đều không sanh tử. Người không sanh tử thì có thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử v.v...

Thiện Hiện! Do nhân nguyên đây nên biết: Đối với kẻ tưởng có hai thì chắc chắn không bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, không đạo không đắc, cũng không hiện quán. Cho đến thấp nhất là thuận nhẫn*(3)* còn chẳng có, huống là biết rõ về sắc, nói rộng cho đến Nhất thiết trí trí. Kẻ ấy còn không thể tu các Thánh đạo, huống là có thể đạt quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, đoạn trừ vĩnh viễn các tập khí phiền não tiếp nhau, chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vận chuyển pháp luân vi diệu, độ thoát các loài hữu tình.

Thích nghĩa:

(1). Phẩm này của 2 Hội: Hội thứ II và Hội thứ III cùng một nội dung. Nhưng Hội thứ III có phẩm tựa rất hay là "Huệ Đến Bờ Kia". Nội dung phẩm này rất phong phú, nghĩa thú thâm trầm giống như Tâm Kinh Bát nhã Ba la mật.

(2). Tứ cú hay "bốn câu" có, không, chẳng có chẳng không, cũng chẳng có cũng chẳng phải không. Tất cả tri kiến thế tục đều không ngoài bốn câu này. Vì vậy, Phật cho là hý luận!

(3). Thuận nhẫn: Giai đoạn thứ ba trong năm giai đoạn nhẫn nhục của Bồ Tát.

Sơ giải:

1. Tại sao Bồ Tát phải học tất cả pháp?

Đó là câu hỏi đặt ra cho toàn phẩm này, Kinh ĐBN trả lời:

"Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không có tự tánh, lìa hý luận và bất khả đắc thì nhờ những đạo gì mà đại Bồ Tát chứng đắc Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, đó là đạo Thanh văn, Độc giác hay đạo Như Lai?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **không nhờ đạo Thanh văn, không nhờ đạo Độc giác, không nhờ đạo Như Lai được vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh**. **Nhưng sau khi đã học đầy đủ các đạo, nhờ đạo Bồ Tát vị ấy**

được nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Giống như Bồ Tát ở địa vị thứ tám, trước tiên phải học các đạo, sau nhờ đạo của mình nên được nhập vào Chánh tánh ly sanh của thừa mình; cho đến khi chưa viên mãn đạo quả thì vị ấy chưa thể chứng đắc quả cao nhất của thừa mình. Cũng vậy, các đại Bồ Tát trước tiên phải học viên mãn tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; cho đến khi chưa phát sanh định Kim cương dụ thì vẫn chưa thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu phát sanh định này tương ưng với Bát Nhã trong một sát na mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu trước tiên đại Bồ Tát đã học đầy đủ tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Bạch Thế Tôn! Há chẳng phải các hướng và quả của đệ bát Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Như Lai, mỗi đạo ấy đều khác nhau sao? Bạch Thế Tôn! Nếu các đạo đã khác nhau như vậy thì vì sao trước tiên đại Bồ Tát phải học đầy đủ tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nghĩa là: Các đại Bồ Tát phải phát khởi đạo đệ bát mới thành đệ bát, hoặc phát khởi đạo Cụ kiến mới thành Dự lưu, phát khởi đạo Tiến tu mới thành Nhất lai, Bất hoàn, phát khởi đạo Vô học mới thành A la hán, phát khởi đạo Độc giác mới thành Độc giác Bồ đề?

Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thành tựu đệ bát nói rộng cho đến thành tựu Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác rồi, năng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, tất không lẽ ấy. Chẳng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh mà năng chứng được Nhất thiết trí trí, cũng không lẽ ấy.

Bạch Thế Tôn! Làm sao khiến con như thật rõ biết các đại Bồ Tát cần đối các đạo khắp học đủ rồi, mới vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh mà chẳng trái lẽ?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Đại Bồ Tát nào sau khi thành tựu đệ bát rồi nói rộng cho đến thành tựu Độc giác mà có thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì thật phi lý; không nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh mà có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì cũng thật phi lý.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì tại sao trước tiên các đại Bồ Tát phải học đầy đủ các đạo, sau đó nhờ đạo mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh

tánh ly sanh; sau khi nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh rồi, vị ấy tuần tự chứng đắc Nhất thiết trí trí, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nối nhau?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Từ lúc mới phát tâm các đại Bồ Tát siêng năng tinh tấn tu hành 6 Ba la mật, dùng trí tuệ thù thắng vượt qua tám địa, là Tịnh quán địa cho đến Độc giác địa; tuy tu tất cả tám địa vừa kể nhưng vị ấy dùng trí tuệ thù thắng để vượt qua. Nhờ Đạo tướng trí vị ấy được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Sau khi đã nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, tuần tự lại nhờ Nhất thiết tướng trí, vị ấy chứng đắc hoàn toàn Nhất thiết trí trí, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não nối nhau".

"… Các đại Bồ Tát trước hết phải học đầy đủ tất cả các đạo, sau đó nhờ đạo của mình mới được nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Sau khi đã nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, vị ấy tuần tự chứng đắc Nhất thiết trí trí. Sau khi đã chứng đắc Nhất thiết trí trí, vị ấy mới đem kết quả đó làm lợi ích cho tất cả hữu tình".

Trên thực tế, muốn thành tựu Phật quả được Nhất thiết trí trí, người tu phải xuất gia tu tất cả các pháp mầu Phật đạo nhất là lục Ba la mật trải qua ba A tang kỳ kiếp khổ hạnh mới có hy vọng. Nhưng Kinh chỉ giải thích một cách ngắn gọn như thế, thật khó tưởng tượng. Chúng ta chưa tu tới bậc đó thì làm sao biết mà chỉ dạy cho người. Vì vậy, chúng tôi mới trích dẫn toàn bộ pháp tu của Bồ Tát đạo nói trên, để các đạo hữu tự học hỏi. Muốn giải thích chỗ khó khăn này chúng tôi phải kêu gọi Bồ Tát Long Thọ, bậc thật tu thật chứng trong ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 74, "Biển Học", Tập 5, quyển 86,*** *giải thích các kỹ thuật tu trì, như sau:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là vô sở hữu tánh thì Bồ Tát hành pháp gì mà vào được Bồ Tát đạo?

Phật dạy: Bồ Tát chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo. Nếu chưa dùng đủ 6 Pháp Ba la mật, thì Bồ Tát chưa vào được Phật đạo. **Bồ Tát phải khắp học các pháp, các đạo, mới vào được Bồ Tát vị.** Vào Bồ Tát vị rồi mà chưa được Nhất thiết chủng trí, thì Bồ Tát phải trú Kim Cang tam muội, dùng " Nhất niệm tương ưng huệ" mới được quả Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao biết được Bồ Tát khắp học các đạo, rồi mới vào Bồ Tát vị?

Phật dạy: Từ sơ phát tâm, Bồ Tát tu tập 6 pháp Ba la mật, muốn được đầy đủ đạo chủng trí. Nếu đầy đủ đạo chủng trí mới vào được Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị rồi, Bồ Tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn trừ các phiền não tập khí, được vô sanh pháp nhẫn, vào " vị". Khi đã đoạn tận hết thảy phiền não tập khí rồi, Bồ Tát vào " vô học vị" được mười trí vô lậu.

Bồ Tát có được nhu thuận nhẫn, nên ly được cả " hữu" và " vô", diệt được các hý luận, được vô sanh pháp nhẫn, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng còn sanh ác tâm.

Bồ Tát có đại phước đức trí huệ, nên dù vì lợi ích chúng sanh vẫn thường quán sanh diệt, mà chẳng sanh tâm sợ hãi như hàng Nhị thừa.

Bồ Tát có huệ nhãn thấy thật tướng pháp là bất khả đắc, nên chẳng chấp vô thường; quán vô sanh diệt, mà chẳng chấp vô sanh diệt. Bởi vậy nên Bồ Tát chẳng đọa về thường, cũng chẳng đọa về vô thường. Bồ Tát quán các pháp tướng như Niết Bàn tướng, biết các pháp từ xưa đến nay vốn là vô sanh diệt, là rốt ráo thanh tịnh. Bởi vậy nên "thường" mà còn chẳng chấp, huống nữa là chấp "sanh diệt".

Như vậy là ở nơi các tướng, Bồ Tát được bình đẳng, nên được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ Tát vị, đoạn phiền não, tập khí, được Nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh".

Lối giải thích này trông giản dị, dễ hiểu nhưng khó hành khó chứng. Phải mất A tăng kỳ mới có thể thành tựu được. Người chưa từng tu thứ bậc các giai vị của Bồ Tát đạo, không dễ gì hiểu thế nào là hữu học và vô học, học vị và vô học vị làm sao chấp trì các pháp tu như trên?

2. Không học pháp "có tướng", không học pháp "vô tướng"

Học như hư không mà học là học thậm thâm Bát Nhã. Phật bảo:

- "Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp có thật tướng thì các đại Bồ Tát nên học các pháp đó; do tất cả các pháp không có thật tướng nên các đại Bồ Tát không học tướng của nó, cũng không học pháp vô tướng. Vì sao? Vì dù Phật có xuất thế hay không xuất thế thì pháp giới là thường trụ và các pháp chỉ có nhất tướng là vô tướng. Vô tướng như

vậy đã chẳng có tướng, cũng chẳng vô tướng, nên không thể học được".

Các pháp chỉ có một tướng là vô tướng, vô tướng cũng là không nên nói là bình đẳng. Khi thấy tất cả pháp bình đẳng, thì tâm thể mới được an nhiên tịch lặng. Đó chính là tu Bát nhã Ba la mật.

Thế Tôn không muốn lặp lại cái tác chứng ở trước là các pháp không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh, các pháp là không, là như như. Tới đây Thế Tôn nói các pháp là ***nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng****. Nhất tướng là chỉ cho tướng bình đẳng vô sai biệt, vô tướng là không có định tướng, không có tướng mạo cũng tức là không. Nếu là không thì không thể chấp thật hay giả, có hay không để có thể nắm giữ cất dấu được.*

Tới đây, ***Thế Tôn muốn chỉ bày các pháp đều đồng một tướng.*** *Đồng một tướng tức là như, nó như thế là như thế, chẳng lúc nào chẳng như, như đó là bình đẳng nghĩa là không phân biệt to nhỏ, hơn kém... Bình đẳng có nghĩa cùng đồng một thể tính. Một khi đạt được trạng thái này thì không còn chấp tâm thủ tướng nữa thì tâm thể mới được an nhiên tịch lặng. Đó là chỗ rốt ráo tu hành, chỗ trụ của Bát nhã Ba la mật.*

Phẩm "Học Tất Cả hay Biển Học" của Hội thứ II và phẩm "Học Đạo Khắp", phần cuối Q.366 cho đến đầu Q.372, Hội thứ I, ĐBN giống nhau như hai anh em sanh đôi. Hội thứ I đã thích nghĩa và chiết giải rồi, nên ở đây không lặp lại nữa. Các đạo hữu có thể quay lại tụng phẩm "Học Đạo Khắp", nếu muốn. Tuy nhiên, phẩm này có một pháp môn tuy không được phổ thông lắm nhưng rất quan trọng trong việc tu hành nhất là tu Bát nhã Ba la mật, nên chúng tôi trình bày ra đây để Các đạo hữu tham cứu: Đó là "tu khiển và tu trừ khiển". Hai cụm từ này có vẻ lạ tai, nên phải chiết tự để nắm vững vấn đề trước khi luận giải pháp môn này:

1- Khiển*: Có nghĩa là quở hay trách móc. Nếu người bị khiển hay bị trách móc thì sẽ bị phiền nhiễu, ê chề.*

2- Trừ khiển*: Có nghĩa không nên khiển trách hay mắng nhiếc phê phán nữa để được "yên thân"!*

Hãy đọc kỹ lần nữa đoạn Kinh dẫn chứng sau đây:

"Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào tu trừ khiển tất cả pháp là tu Bát Nhã.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát tu trừ khiển tất cả pháp là tu Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu** đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật.v.v… Nói rộng ra, tu trừ khiển tất cả pháp Phật cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật. Tu trừ khiển Nhất thiết trí trí, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là đại Bồ Tát tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật v.v… cho đến tu trừ khiển Nhất thiết trí trí, cũng trừ khiển tu đây, gọi là tu Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nếu nghĩ có sắc và có sự tu này thì chẳng phải trừ khiển sắc, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.** Nói rộng, cho đến nếu nghĩ có đoạn trừ vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau và có sự tu này, thì chẳng phải trừ khiển vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nếu nghĩ có Nhất thiết trí trí và có sự tu này, thì chẳng phải trừ khiển Nhất thiết trí trí, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.

Nhưng khi tu hành Bát Nhã sâu xa này, **các đại Bồ Tát chẳng nhớ sắc và nghĩ tu đây thì đó là trừ khiển sắc, là tu Bát nhã Ba la mật**. Chẳng nhớ thọ, tưởng, hành, thức và nghĩ tu đây là trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức, là tu Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến chẳng nhớ Nhất thiết trí trí và nghĩ tu đây là trừ khiển Nhất thiết trí trí, là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì chẳng phải do tưởng đoạn trừ sự trói buộc tùy miên, tham, sân, si, mà có thể tu Bát nhã Ba la mật**. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát tu trừ khiển sắc, cũng trừ khiển tu đây, thì gọi là tu Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Người nào quán tưởng CÓ, thì chẳng thể tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói rộng, cho đến người quán

tưởng CÓ, chẳng thể đoạn trừ vĩnh viễn các tập khí phiền não nối nhau, cũng chẳng thể tu Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì người quán tưởng CÓ, còn chấp có ngã và ngã sở, bởi còn chấp nên còn mắc hai bên. Vì mắc hai bên nên nhất định không được giải thoát sanh tử, không đạo, không Niết bàn, làm sao có thể như thật tu sáu pháp Ba la mật, nói rộng cho đến đoạn trừ vĩnh viễn tập khí phiền não nối nhau và có thể tu tập Nhất thiết trí trí".

Sắc là cái biến động đổi dời, là hư vọng, không chắc thật, không tự tại. Phật thường bảo: "Biến ngại là tướng của sắc"(1) và Phật cũng thường bảo "Tu Bát nhã Ba la mật không nên nương tựa sắc hay không nên trụ sắc v.v... " Như vậy, có nghĩa sắc là một trong ngũ ấm làm che mờ tánh giác, nên còn gọi là "ngũ che". Vậy, tu là phải khiển sắc, phải khiển thọ tưởng hành thức. Nhưng một khi có khiển tức vọng sanh, đó là động niệm. Có động thì tâm không còn như như nữa tức là trái với lối tu tịch lặng. Thói thường cái gì "trái lòng nghịch ý" thì chúng sanh hay khiển hay trách, hay trừ bỏ. ***Nhưng không biết rằng đó là cái mất mát của tâm****. Như vậy, tu khiển cũng không phải là biện pháp tốt. Vậy phải trừ khiển, mà trừ khiển lại rơi vào cái động niệm khác. "Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa" như nhau. Do đó, Tổ Tăng Xán mới bảo rằng:* "Ngăn động mà cầu tịnh thì tịnh cũng thành động, tức động càng động thêm".

Nên, Kinh mới bảo: Phải trừ khiển sắc, phải trừ khiển thọ tưởng hành thức... cũng phải trừ cái khiển tu đây, mới gọi là tu Bát nhã Ba la mật.

Giải pháp của "Tâm Kinh" trở thành mầu nhiệm. Tất cả Tổ Sư trong các am tự chùa miếu hay các thiền viện đều đọc tụng Tâm Kinh vào các buổi lễ hội hay mỗi thời Kinh để đem lại tịnh tâm cũng như để khai ngộ cho tất cả Tăng và Tục. Tâm Kinh thuyết rằng:

"Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi hành thâm Bát nhã Ba la mật đa, **soi thấy năm uẩn đều không, liền vượt qua mọi khổ ách**".

Khi nhập vào pháp không rồi thì thấy nhân không, pháp không, nên không còn nương tựa bất cứ thứ gì, không còn thủ tâm chấp vật nữa. Do đó, chẳng cần khiển hay trừ khiển. Biết không, sống trong pháp không là dứt trừ tất cả mộng tưởng điên đảo, nên không còn sợ hãi, xa lìa được tất cả điên đảo mộng tưởng, đạt tới cứu cánh, mới nói là chứng Niết bàn. Ở đây, không cần khiển, không cần trừ khiển mà quán không lại có thể hóa

giải tất cả khổ ách mà được Niết bàn. Như thế, khiển cũng bỏ mà trừ khiển cũng bỏ nốt thì được an nhiên tịch lặng thôi!

Tóm lại, phẩm này có bốn pháp tu rất thậm thâm đáng chú ý, vì có thể đưa đến Thánh trí tự giác:

1- Tu không theo tứ cú, tứ cú là tranh cải hý luận. Có tranh cải hý luận là có động niệm, lìa tứ cú thì có thể đạt "vô tránh tam muội";

2- Tu không thấy tướng cùng vô tướng: Tu vô tướng thì được tâm bình đẳng, còn không thấy tướng thì không bị động niệm, dễ tu; Kinh "Kim Cương Năng Đoạn(2), mới bảo "không thấy tướng là thấy Như Lai";

3- Tu khiển và tu trừ khiển cũng bỏ, khiển là động niệm mà khiển tu cũng là động niệm, lìa cả hai thì bất động, vô chấp; và

4- Pháp môn bất nhị là lìa chấp: Cuộc đời thường là chia chẻ, phân hóa, là sống trong lưỡng nguyên đối đãi. Biết cả CÓ lẫn KHÔNG, nhưng không trụ hai bên, mới được "vô chấp vô ngại".

Bốn pháp tu này chẳng qua là ***đoạn niệm****, chớ chẳng có gì khác! Một khi nhập pháp không, pháp như rồi, được như như bất động thì được bình đẳng tánh. Khi đạt đến trạng thái bình đẳng tràn đầy thì tâm thể được tịch lặng an nhiên. Tới đó là giải thoát hay đạt Niết bàn.*

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Phẩm "Phật Mẫu", Q.306, Hội thứ I, ĐBN.

(2). Quyển 577, Hội thứ IX, ĐBN./.

---o0o---

72. PHẨM "LẦN HỒI" hay "TUẦN TỰ"

Cuối Q.465 đến đầu Q.466, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tam Tiệm Thứ" hay "Ba Lần Lữa", Cuối Q.372 đến đầu Q.373, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Lấy vô tánh làm tự tánh)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Kẻ trụ tưởng có, nếu không thuận nhẫn cũng không tu đạo, không đắc quả cũng không hiện quán. Kẻ trụ tưởng không, đâu có thuận nhẫn**, hoặc Tịnh quán địa, như vậy cho đến hoặc Như Lai địa. Nếu tu Thánh đạo, nhờ tu Thánh đạo dứt các phiền não. Bởi phiền não đây làm ngăn che nên chẳng năng chứng bậc tương ưng Thanh văn Độc giác, huống vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu chẳng năng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh đâu có thể chứng được Nhất thiết trí trí cũng không có thể dứt hẳn tất cả phiền não tập khí nối nhau.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều vô sở hữu, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, các pháp như thế đều chẳng sanh, làm sao năng chứng Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy, như ngươi đã nói! Kẻ trụ tưởng không cũng không thuận nhẫn, cho đến cũng không dứt hẳn các phiền não tập khí nối nhau. Nếu tất cả pháp đều vô sở hữu, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, các pháp như thế đều chẳng sanh, thì làm sao năng chứng được Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã có tưởng có, tưởng không chăng? Có tưởng sắc, tưởng thọ tưởng hành thức chăng? Như vậy, cho đến **có tưởng** Nhất thiết trí trí chăng? **Có tưởng dứt** hẳn tất cả phiền não tập khí nối nhau chăng? Có tưởng sắc, có tưởng dứt sắc chăng? Có tưởng thọ tưởng hành thức, tưởng dứt thọ tưởng hành thức chăng? Có tưởng mười hai xứ cho đến mười tám giới, có tưởng dứt mười hai xứ cho đến mười

tám giới giới chăng? Có tưởng nhãn xúc cho đến ý xúc, có tưởng dứt nhãn xúc cho đến ý xúc chăng? Có tưởng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, có tưởng dứt nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chăng? Có tưởng địa giới cho đến thức giới, có tưởng dứt địa giới cho đến thức giới chăng? Có tưởng nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, có tưởng dứt nhân duyên cho đến tăng thượng duyên chăng? Có tưởng tham sân si, có tưởng dứt tham sân si chăng? Có tưởng vô minh cho đến lão tử sầu thán khổ ưu não, có tưởng dứt vô minh cho đến lão tử sầu thán khổ ưu não chăng? Có tưởng chứng Tứ Thánh đế? Như vậy, cho đến có tưởng Nhất thiết trí trí, có tưởng chứng Nhất thiết trí trí chăng? Có tưởng dứt hẳn tất cả phiền não tập khí nối nhau chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật đối tất cả pháp đều không tưởng CÓ cũng không tưởng KHÔNG. Nếu không tưởng CÓ cũng không tưởng KHÔNG, phải biết tức là Bồ Tát thuận nhẫn, cũng là tu đạo, cũng là đắc quả, cũng là hiện quán.

Lại nữa, Thiện Hiện! <u>Các đại Bồ Tát lấy vô tánh làm Thánh đạo, lấy vô tánh làm hiện quán</u>, đạt tất cả pháp, đều lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên đây, phải biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối tất cả pháp lấy vô tánh làm tánh, hiện đẳng giác rồi, được gọi là Phật, chuyển tất cả pháp và đạt các cảnh giới một cách tự tại?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Hết thảy pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. Xưa kia, lúc tu học Bồ Tát đạo, Ta tùy thuận tu hành pháp bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, do đó Ta lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm, có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập vào sơ tịnh lự và an trụ hoàn toàn trong đó. Như vậy, cho đến dứt vui, dứt khổ, vui buồn trước đây lặng mất, không khổ, không vui, xả niệm thanh tịnh, nhập vào tầng thiền thứ tư và an trụ hoàn toàn ở đó. Vào lúc ấy, đối với các tịnh lự và các chi tịnh lự, tuy hoàn toàn nắm giữ tướng của nó, nhưng Ta không chấp trước vào chúng, không đắm trước vị ngọt của tịnh lự và các chi tịnh lự, hoàn toàn không nắm bắt

đối với các tịnh lự và các chi của tịnh lự. Lúc ấy, đối với hành tướng bốn tịnh lự, Ta thanh tịnh, không có chút phân biệt. Đối với các tịnh lự và các chi của tịnh lự tuy Ta đã hoàn toàn thuần thục nhưng không nhận phước báo của nó, chỉ dựa vào tịnh lự để phát sanh thần cảnh, thiên nhĩ, tha tâm, túc trụ, thiên nhãn, trí thông. Tuy hoàn toàn nắm giữ tướng của năm thần thông này, nhưng ta không chấp trước, cũng không ưa thích vị ngọt của nó, đối với các cảnh thần thông, ta hoàn toàn không nắm bắt, cũng không phân biệt mà chỉ trụ như hư không. Lúc ấy, ta quán **tất cả pháp đều bình đẳng, lấy vô tánh làm tánh**. Nhờ tương ưng với Bát Nhã chỉ trong sát na, Ta chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề, nghĩa là biết như thật đây là Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo và tất cả đều đồng một tướng là vô tướng. Vô tướng này cũng vô sở hữu. Nhờ vậy, Ta thành tựu Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng và vô số công đức vi diệu không thể nghĩ bàn. Ta dùng trí vi diệu của Phật để an lập hữu tình vào 3 nhóm khác nhau là nhóm Chánh tánh định, nhóm Tà tánh định và nhóm Bất định. Sau khi đã an lập họ thành 3 nhóm khác nhau như vậy, tùy theo căn cơ của họ tìm cách giáo hóa, giúp họ đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Làm sao trong tánh vô tánh của tất cả pháp Như Lai lại phát sanh bốn tịnh lự, năm thần thông, chứng đắc đại Bồ đề, đầy đủ các công đức, an lập lợi lạc ba nhóm hữu tình?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu các pháp dục ác bất thiện mà có chút ít tự tánh hoặc lại lấy tự tánh của vật khác làm tự tánh thì khi xưa lúc tu hành Bồ Tát đạo, Ta đã không cần thấu rõ tất cả pháp dục ác bất thiện, đều lấy vô tánh làm tự tánh, nhập vào tầng thiền đầu tiên cho đến nhập vào tầng thiền thứ tư và hoàn toàn an trụ trong đó. **Do các pháp dục ác bất thiện hoàn toàn không tự tánh, cũng không có tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh** nên xưa kia lúc tu hành Bồ Tát đạo, Ta phải thấu rõ pháp dục ác bất thiện, đều lấy vô tánh làm tự tánh. Sau khi lìa pháp dục ác v.v… Ta nhập vào sơ thiền cho đến nhập vào tầng thiền thứ tư.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu năm thần thông có một chút ít tự tánh, hoặc lấy tha tánh làm tự tánh thì khi xưa lúc tu hành Bồ Tát đạo, Ta không cần phải thấu rõ tất cả thần thông, đều lấy vô tánh làm tự tánh, đã phát sanh

các loại thần thông tự tại, diệu dụng, vô ngại đối với các cảnh giới. Do thần thông hoàn toàn không tự tánh cũng không tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh nên khi xưa, lúc tu hành Bồ Tát đạo, Ta thấu rõ thần thông đều lấy vô tánh làm tự tánh, Ta phát sanh các loại thần thông tự tại, diệu dụng, vô ngại đối với các cảnh giới.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề có chút ít tự tánh hoặc lấy tha tánh làm tự tánh thì khi xưa lúc tu hành Bồ Tát đạo, Ta không cần phải thấu rõ quả vị Vô Thượng Bồ đề và các công đức đều lấy vô tánh làm tự tánh, đã chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề đầy đủ các công đức. Do quả vị Vô thượng Bồ đề và **các công đức hoàn toàn không tự tánh, cũng không tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh** nên khi xưa, lúc tu hành Bồ Tát đạo, Ta thấu rõ quả vị Vô thượng Bồ đề đều lấy vô tánh làm tự tánh, Ta chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề đầy đủ các công đức.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các hữu tình có chút ít tự tánh, hoặc lấy tha tánh làm tự tánh thì Ta đã thành Phật rồi, không cần thấu rõ tất cả hữu tình đều lấy vô tánh làm tự tánh, đã an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, tùy theo căn cơ của họ, Ta đã tìm cách giáo hóa, giúp họ đạt được an lạc, lợi ích thù thắng. **Do các hữu tình hoàn toàn không có tự tánh cũng không có tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh**. Sau khi thành Phật, Ta thấu rõ các hữu tình đều lấy vô tánh làm tự tánh, đã an lập hữu tình thành ba nhóm khác nhau, tùy theo căn cơ của họ mà tìm cách giáo hóa, giúp họ đạt được an lạc, lợi ích thù thắng. *(Q. 465, ĐBN)*

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát đối trong tánh tất cả pháp khởi 4 tĩnh lự, phát 5 thần thông chứng được Vô thượng Bồ đề, đủ các công đức, an lập hữu tình ba nhóm riêng biệt khiến họ được lợi vui. Đại Bồ Tát sơ phát tâm làm sao đối trong tánh vô tánh tất cả pháp tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi chứng được Vô thượng Bồ đề, làm việc lợi vui thù thắng các hữu tình?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ở ngôi sơ phát tâm, hoặc theo Phật nghe, hoặc lại từ nơi cúng dường nhiều Phật, Bồ Tát, Độc giác và A la hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu cùng Hiền Thánh mà nghe. Nghĩa là chứng các pháp vô tánh làm tánh rốt ráo viên mãn mới gọi là Phật. Lần lượt chứng

các pháp vô tánh làm tánh, gọi là Bồ Tát. Cho đến Dự lưu thâm tín chứng các pháp vô tánh làm tánh, thì được gọi là Hiền thiện sĩ. **Tất cả các bậc hiền Thánh từ Thanh văn đến Vô Thượng Giác ngộ đều lấy vô tánh tự tánh, làm cứu cánh tu hành tất cả pháp để chứng đắc quả vị mà mình trụ trì, nhưng không thấy mình tu, mình chứng cũng không thấy bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông phải tu, phải chứng, phải trụ.**

Sau khi nghe việc này rồi, Đại Bồ Tát ấy nghĩ: Nếu tất cả các pháp và các hữu tình đều lấy vô tánh làm tự tánh, chứng đắc việc đó nên gọi là Phật, Bồ Tát, Độc giác, A la hán v.v… thâm tín các pháp nên gọi là Hiền thiện sĩ, thì đối với quả vị Vô thượng Bồ đề, hoặc là ta sẽ chứng được, hoặc không chứng được. Vì các pháp và hữu tình đều lấy vô tánh làm tự tánh nên ta nhất định phải hướng đến quả vị Vô thượng Bồ đề. Sau khi chứng đắc Bồ đề, nếu các hữu tình thực hành tưởng có, thì ta tìm cách an lập giúp họ trụ vào tưởng không.

Đại Bồ Tát này khởi nghĩ đây rồi, cầu tới Vô thượng Bồ đề, vì muốn giúp hữu tình được Niết bàn nên các vị ấy tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi. *(1)*

Như các đại Bồ Tát đời quá khứ cầu tới Vô thượng Bồ đề, trước tạo sự nghiệp, học hành lần hồi, nên chứng được Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát này cũng lại như thế. Trước nên tu học bố thí, thứ nên tu học tịnh giới, tu học an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, sau nên tu học Bát nhã Ba la mật.

(Các Bồ Tát từ sơ phát tâm học lục Ba la mật như thế nào?)

- Thiện Hiện phải biết, đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm khi **tu học bố thí Ba la mật**, nên tự hành bố thí, cũng khuyên người hành bố thí, xưng nêu công đức bố thí không trái, vui mừng khen ngợi kẻ hành bố thí. Do nhân duyên đây được ngôi của lớn, thường hành bố thí, lìa tâm keo kiệt. Tùy các hữu tình cần dùng uống ăn, áo mặc đồ nằm, chuỗi anh lạc, hương hoa, đèn sáng, xe cộ nhà cửa và các thứ tư cụ thảy đều thí cho.

Đại Bồ Tát này do bố thí, nên thọ trì nhóm giới, sanh trong trời người được đại tôn quý. Do thí giới, nên lại được nhóm định. Do thí giới định, nên lại được nhóm huệ. Do thí giới định huệ, nên lại được nhóm giải thoát. Do thí giới định huệ giải thoát, nên lại được nhóm giải thoát trí kiến. Do

các nhóm thí cho đến giải thoát trí kiến viên mãn, nên vượt khỏi Thanh văn và bậc Độc giác, chứng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Đã vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc đây rồi, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp, đem pháp Tam thừa an lập độ thoát các loại hữu tình, khiến thoát sanh tử chứng được Niết bàn.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này do nhờ bố thí, nên tuy năng tạo nghiệp lần hồi như thế, học lần hồi, hành lần hồi như thế mà đối tất cả **đều vô sở đắc**. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tự tánh vậy.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm, khi **tu học tịnh giới Ba la mật**, nên tự hành tịnh giới, cũng khuyên người hành hạnh tịnh giới, xưng nêu công đức tịnh giới không trái, vui mừng khen ngợi kẻ hành tịnh giới. Nhờ nhân duyên đây nhóm giới thanh tịnh, sanh trong trời người được đại tôn quý, thí kẻ nghèo cùng cần dùng của vật. Đã hành thí rồi; an trụ nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát trí kiến. Do các nhóm giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát trí kiến thanh tịnh nên vượt khỏi các Thanh văn và bậc Độc giác, chứng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc đây rồi, chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp, đem pháp Tam thừa an lập độ thoát các loại hữu tình, khiến thoát sanh tử chứng được Niết bàn.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này do tịnh giới, nên dù năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, mà đối tất cả đều vô sở đắc. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tự tánh vậy.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm, khi **tu học an nhẫn Ba la mật**, nên tự hành an nhẫn, cũng khuyên người hành an nhẫn, xưng nêu công đức an nhẫn không trái, vui mừng khen ngợi kẻ hành an nhẫn, năng đem của cải thí các hữu tình đều khiến đầy đủ. Đã hành thí rồi, an trụ nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát trí kiến. Do các nhóm giới, định, huệ. giải thoát, giải thoát trí kiến thanh tịnh, nên vượt khỏi các Thanh văn và bậc Độc giác, chứng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Đã vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Đã làm việc đây rồi, chứng được Vô thượng

Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp, đem pháp Tam thừa an lập độ thoát các loại hữu tình khiến thoát sanh tử, chứng được Niết bàn.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này do tinh tấn nên dù năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, mà đối tất cả đều vô sở đắc. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tự tánh vậy.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm, khi **tu học tĩnh lự Ba la mật**, nên tự vào bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; cũng khuyên người vào bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc định; xưng nêu công đức bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc không trái; vui mừng khen ngợi kẻ vào bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Đại Bồ Tát này khi hành tĩnh lự, năng đem của cải thí các hữu tình đều khiến đầy đủ. Đã hành thí rồi, an trụ nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát trí kiến. Do các nhóm giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát trí kiến thanh tịnh, nên vượt khỏi các Thanh văn và bậc Độc giác, chứng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc đây rồi, chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp, đem pháp tam thừa an lập độ thoát các loại hữu tình khiến thoát sanh tử, chứng được Niết bàn.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này do tĩnh lự nên dù năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, mà đối tất cả đều vô sở đắc. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tự tánh vậy.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm, khi **tu học Bát nhã Ba la mật**, đem vô sở đắc mà làm phương tiện nên tự hành sáu thứ Ba la mật, cũng khuyên người hành sáu Ba la mật, xưng nêu công đức sáu Ba la mật, vui mừng khen ngợi kẻ hành sáu Ba la mật. Đại Bồ Tát này do đối sáu Ba la mật phương tiện khéo léo, vượt khỏi các Thanh văn và bậc Độc giác, chứng vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Đã vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Làm việc đây rồi, chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp, đem pháp Tam thừa an lập độ thoát các loại hữu tình khiến thoát sanh tử, chứng được Niết bàn.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này do Bát Nhã, nên dù năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, mà đối tất cả đều vô sở đắc. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tự tánh vậy.

Thiện Hiện! Đấy là Đại Bồ Tát sơ phát tâm, nương học 6 thứ Ba la mật tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi, cùng các hữu tình làm việc lợi vui.

(Tu Phật, Pháp, Tăng, Giới, Xả và Thiên tùy niệm như thế nào?)

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi, từ sơ phát tâm đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, tin hiểu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, trước nên tu học Phật tùy niệm, thứ nên tu học Pháp tùy niệm, tu học Tăng tùy niệm, Giới tùy niệm, Xả tùy niệm, sau nên tu học Thiên tùy niệm.

- Thiện Hiện! **Sao là đại Bồ Tát tu học Phật tùy niệm**? Nghĩa là đại Bồ Tát khi tu học Phật tùy niệm **chẳng nên đem sắc tư duy** Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chẳng nên đem thọ tưởng hành thức tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Sắc cho đến thức đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy. Vì sao? **Nếu không niệm không tư duy, đấy là Phật tùy niệm.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu học Phật tùy niệm, chẳng nên đem ba mươi hai tướng Đại sĩ tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng nên đem sắc thân chơn kim thường quang một tầm, tám mươi tùy hảo tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Sắc thân kim quang tướng hảo như thế đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy. Vì sao? Nếu không niệm không tư duy, đấy là Phật tùy niệm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu học Phật tùy niệm, chẳng nên đem nhóm giới tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chẳng nên đem nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát trí kiến tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Các nhóm như thế đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy. Vì sao? Nếu không niệm không tư duy, đấy là Phật tùy niệm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu học Phật tùy niệm, chẳng nên đem 5 nhãn, 6 thần thông tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chẳng nên đem Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng tư duy Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Các pháp như thế đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy, đấy là Phật tùy niệm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu học Phật tùy niệm, chẳng nên đem pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chẳng nên đem Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí và vô lượng vô biên các Phật pháp khác tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Các pháp như thế đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm chẳng thể tư duy. Vì sao? Nếu không niệm không tư duy, đấy là Phật tùy niệm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát khi tu học Phật tùy niệm, chẳng nên dùng pháp duyên tánh để tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chẳng nên dùng pháp duyên khởi để tư duy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì cớ sao? Duyên tánh duyên khởi đều không tự tánh. **Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy. Vì sao? Nếu không niệm không tư duy đấy là Phật tùy niệm.**

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu nên tu học Phật tùy niệm như thế. Nếu tu học Phật tùy niệm như thế, đấy là tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi.

Nếu đại Bồ Tát khi năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, thời năng viên mãn 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi. Cũng năng viên mãn 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Cũng năng viên mãn 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Cũng năng viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Cũng năng viên mãn nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng năng viên mãn chơn như cho đến bất tư nghì giới. Cũng năng viên mãn khổ tập diệt đạo Thánh đế. Cũng năng viên mãn không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Cũng năng viên mãn Bồ Tát các địa. Cũng năng viên mãn tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn. Cũng năng viên mãn Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Cũng năng viên mãn pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Cũng năng viên mãn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nhờ đây chứng được Nhất thiết trí trí.*(Nghĩa là viên mãn tất cả pháp Phật)*

Thiện Hiện! Nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh nên đại Bồ Tát này biết tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó không có tưởng cũng không vô tưởng.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên tu học Phật tùy niệm như vậy nghĩa là trong tất cả pháp vô tánh, Phật còn không thể đắc huống là có Phật tùy niệm.

- Thiện Hiện! Sao là đại Bồ Tát tu học **Pháp tùy niệm**? Là Bồ Tát khi tu học Pháp tùy niệm **chẳng nên tư duy pháp thiện, chẳng thiện**. Chẳng nên tư duy pháp hữu ký, vô ký. Chẳng nên tư duy pháp thế gian, xuất thế gian. Chẳng nên tư duy pháp có mê đắm, pháp không mê đắm. Chẳng nên tư duy pháp có tranh, pháp không tranh. Chẳng nên tư duy pháp Thánh, pháp phi Thánh. Chẳng nên tư duy pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Chẳng nên tư duy pháp đọa ba cõi, pháp chẳng đọa ba cõi. Chẳng nên tư duy pháp hữu vi, pháp vô vi. Vì sao? **Vì các pháp như thế đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh, thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy. Nếu không niệm không tư duy, đấy là Pháp tùy niệm.**

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nên tu học Pháp tùy niệm như thế. Nếu tu học Pháp tùy niệm như thế đấy là tạo nghiệp lần hồi, tu học lần hồi, hành hạnh lần hồi. Nếu đại Bồ Tát khi năng tạo nghiệp lần hồi, tu học lần hồi, hành hạnh lần hồi như thế, thời năng viên mãn bốn niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Nhờ đấy chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh nên đại Bồ Tát này giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, ở trong đó không có tưởng cũng không phải không có tưởng.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên tu học Pháp tùy niệm như vậy nghĩa là trong tất cả pháp vô tánh, Pháp còn bất khả đắc huống là có Pháp tùy niệm.

- Thiện Hiện! Sao là đại **Bồ Tát tu học Tăng tùy niệm**? Nghĩa là Bồ Tát khi tu học Tăng tùy niệm, nên khởi nghĩ này: Chúng đệ tử Phật đủ nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát trí kiến thanh tịnh; bốn cặp tám đôi bổ đặc già la (*là tứ song bát bối hay tứ song bát chích*) tất cả đều là vô vi hiển ra, đều lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên đây chẳng nên tư duy. Thiện sĩ như thế đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy. Vì sao? Nếu không niệm không tư duy, đấy là Tăng tùy niệm.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nên tu học Tăng tùy niệm như thế. Nếu tu học Tăng tùy niệm như thế, đấy là tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hạnh lần hồi. Nếu đại Bồ Tát khi năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, thời năng viên mãn bốn niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Nhờ đây chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh nên đại Bồ Tát này giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó không có tưởng, cũng không phải vô tưởng.

Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát nên tu học Tăng tùy niệm như vậy nghĩa là trong tất cả pháp vô tánh, Tăng còn bất khả đắc huống là có Tăng tùy niệm**.

- Thiện Hiện! Sao là đại Bồ Tát **<u>tu học Giới tùy niệm</u>**? Là Bồ Tát khi tu học Giới tùy niệm, từ sơ phát tâm nên nghĩ Thánh giới không khuyết không hở, không tỳ không uế, không bị không mắc; đáng thọ cúng dường, được kẻ trí khen; khéo hay thọ trì, khéo hay rốt ráo tùy thuận thắng định. Tư duy giới đây lấy vô tánh làm tánh. Do nhân duyên này chẳng nên tư duy. Thánh Giới như thế đều vô tự tánh. Nếu pháp vô tự tánh thời chẳng thể niệm, chẳng thể tư duy, đấy là Giới tùy niệm.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên tu học Giới tùy niệm như thế. Nếu tu học Giới tùy niệm như thế đấy là tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, thời năng viên mãn bốn niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Do đây chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Nhờ vào sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh nên đại Bồ Tát này giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó không có tưởng, cũng không có vô tưởng.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát phải tu học Giới tùy niệm như vậy nghĩa là trong tất cả các pháp vô tánh, Giới còn bất khả đắc thì làm sao có Giới tùy niệm.

- Thiện Hiện! Sao là đại Bồ Tát **<u>tu học Xả tùy niệm</u>**? Đó là từ lúc mới phát tâm tu học tùy niệm về xả, Đại Bồ Tát này **phải thường niệm xả**, hoặc nghĩ tự buông xả, hoặc nghĩ việc buông xả của người khác, hoặc nghĩ xả bỏ của cải, hoặc nghĩ buông xả pháp, đối với việc xả thí quyết không

sanh tâm ta có thể xả thí hoặc không xả thí. Nếu xả bỏ các bộ phận của thân thì cũng không sanh tâm ta có thể xả thí hoặc không xả thí, cũng không tư duy về nơi xả, nơi cho, phước bố thí và phước báo của việc bố thí. Vì sao? Vì các pháp như vậy đều không tự tánh. Pháp nào không tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao? **Vì nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về xả.**

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nên tu học Xả tùy niệm như thế, đấy là tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi. Nếu đại Bồ Tát năng tạo sự nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi như thế, thời năng viên mãn bốn niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Nhờ đây chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh đại Bồ Tát ấy giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó không có tưởng, cũng không có vô tưởng.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên tu học Xả tùy niệm như vậy nghĩa là trong tất cả pháp vô tánh, Xả còn bất khả đắc thì làm sao có Xả tùy niệm.

- Thiện Hiện! Sao là đại Bồ Tát **tu học Thiên tùy niệm**. Nghĩa là đại Bồ Tát khi tu học Thiên tùy niệm, từ sơ phát tâm đã khởi nghĩ này: Trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại do có tín, giới, văn, xả, huệ trong sạch, từ đây mạng chung sanh về cõi trời kia. Ta nay cũng có tín giới văn xả huệ như thế, cùng công đức các trời kia tương tự.

Vị ấy lại nghĩ: Những người chứng quả Dự lưu sanh sáu cõi trời Dục giới, những người chứng quả Bất hoàn sanh ở hai cảnh giới cao hơn. **Tất cả pháp như vậy đều không thể nắm bắt và không thể tư duy. Vì sao? Vì chư thiên này đều không có tự tánh. Pháp nào không có tự tánh thì không thể niệm, không thể tư duy. Vì sao? Vì nếu không niệm, không tư duy thì đó là tùy niệm về thiên.**

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu nên tu học Thiên tùy niệm như thế đấy là tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi. Nếu đại Bồ Tát khi năng tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi, thời năng viên mãn bốn niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Nhờ đây chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh, đại Bồ Tát này giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, trong đó không có tưởng, cũng không có vô tưởng.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên tu học Thiên tùy niệm, nghĩa là trong tất cả pháp vô tánh, Thiên còn bất khả đắc thì làm sao có Thiên tùy niệm.

(Thế nào là tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi?)

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nếu muốn viên mãn **tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi**, nhờ sức phương tiện lấy tất cả pháp vô tánh làm tánh, nên học nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Nên học chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nên học khổ tập diệt đạo Thánh đế. Nên học bốn niệm trụ cho đến Tám chi Thánh đạo chi. Nên học bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Nên học tám giải thoát cho đến mười biến xứ. Nên học không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Nên học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nên học tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn. Nên học năm nhãn, sáu thần thông. Nên học Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Nên học pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Nên học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi tu học đạo Bồ đề như thế, giác tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh**. Với trong hãy không chút niệm khá được, huống có niệm sắc thọ tưởng hành thức**. Huống có niệm 12 xứ cho đến 18 giới. Huống có niệm nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Huống có niệm địa giới cho đến thức giới. Huống có niệm nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Huống có niệm vô minh cho đến lão tử. Huống có niệm bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Huống có niệm nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Huống có niệm chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, huống là niệm tất cả pháp Phật.

Thiện Hiện! Các niệm và pháp sở niệm như thế, **nếu có chút thật có, không có lẽ ấy**. Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, tuy tạo nghiệp lần hồi, học lần hồi, hành lần hồi mà đối với trong, **tâm đều chẳng chuyển, vì tất cả pháp không tự tánh vậy**.

Niệm mà tư duy tưởng đến cái không thật có, thì niệm cái gì? Niệm mà không có đối tượng để niệm tức là "niệm không". Niệm không là "vô niệm", vô niệm mới là niệm! Đoạn Kinh dưới đây trả lời vấn nạn này.

(Có tánh không tánh đều chẳng khá được)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không tự tánh, thời lẽ không có sắc thọ tưởng hành thức cho đến không có Nhất thiết trí trí, cũng không có Phật Pháp Tăng bảo, đạo quả nhiễm tịnh, cũng không đắc, không hiện quán, thời tất cả pháp lẽ ra không có?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Đối trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, có tánh không tánh khá được chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

- Thiện Hiện! Nếu trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, tánh có tánh không đều chẳng khá được, vì sao ngươi khởi thuyết rằng nếu tất cả đều không tự tánh, thời lẽ không có sắc thọ tưởng hành thức cho đến lẽ không đắc, không hiện quán, thời tất cả pháp lẽ ra đều không có?

- Con đối nghĩa này tự không nghi ngờ, chỉ vì các Bí sô đời sau hoặc cầu Thanh văn, hoặc cầu Độc giác, hoặc cầu Phật quả, khởi nghĩ này: Nếu tất cả pháp đều không tự tánh, ai nhiễm ai tịnh, ai buộc ai mở? Họ đối trong nghĩa nhiễm tịnh, buộc mở chẳng hiểu rõ, nên hủy giới, hủy kiến, hủy oai nghi, hủy tịnh mạng. Do đây, phải đọa trong ba ác thú, chịu các khổ dữ dội khó được giải thoát. Con xem đời sau sẽ có việc đáng ghê sợ như thế nên mới khởi thuyết ấy. Chứ thật sự con không nghi ngờ.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hay thay! Hay thay! Ngươi nay mới vì các Bí sô đời vị lai khởi hỏi như thế. **Nhưng trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, tánh hữu tánh vô đều chẳng thể nắm bắt được.**

Thích nghĩa:

(1). "作tác 漸tiệm 次thứ 業**nghiệp** . 修tu 漸tiệm 次thứ 學**học** . 行hành 漸tiệm 次thứ 行**hành**":

Nghiệp *(業S: karma; P: kamma): Đó là một quan niệm quan trọng của Đạo Phật, có thể nói gọn là kết quả của các hành vi tạo tác do thân, khẩu và ý tạo thành. Nghiệp có thể là xấu hay tốt, tu các thiện pháp thì được nghiệp lành, tạo pháp ác thì gặp nghiệp dữ.*

Học (學)*: Nghiên cứu, tra cứu.*

Hành (行)*: Thực hành, hành trì.*

Vì vậy, câu chữ Hán trên được nhiều người dịch là "làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc" hay "làm nghiệp lần hồi, tu học lần hồi, hành hạnh lần hồi" hoặc "tuần tự tạo nghiệp, tuần tự tu học, tuần tự thực hành". Hội thứ I, chúng tôi dịch là: "làm theo thứ bậc, tu theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc". Kinh MHBNBLMĐ trong phẩm "Tam Thứ Đệ Hành" dịch là: Chỗ làm thứ đệ hành, thứ đệ học và thứ đệ đạo. Đại Trí Độ Luận lại dịch là "Thứ lớp tu, thứ lớp học, thứ lớp hành đạo". Chúng tôi không theo bản chữ Hán, chỉ "dịch ý" là "làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc".

Sơ giải:

1. *Phần đầu của phẩm này, lặp lại giáo pháp: Người trụ hữu tưởng, không thuận nhẫn, không đạo, không quả cũng không hiện quán, người trụ vô tưởng cũng không thuận nhẫn, không đạo, không quả, không hiện quán. Trụ hữu(trụ thường), trụ vô(trụ đoạn) là trụ hai bên(có-không). Nếu có hai bên là có chấp, có chấp là có thiên lệch, nghiêng động... vì rơi vào lưỡng nguyên đối đãi. Ngược lại, nếu không trụ hữu cũng không trụ vô thì đó tức là Bồ Tát thuận nhẫn, cũng là tu đạo, cũng đắc quả.*

Trụ hữu, trụ vô có nghĩa là vẫn nắm giữ những nghĩ tưởng thuộc nhị pháp hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, v.v... Những nghĩ tưởng này do thức vọng phân biệt sanh khởi tạo thành tâm sanh diệt, nên không thể tu, không thể chứng. Bất nhị chính là pháp vô tánh, nghĩa là không nắm giữ có không, được mất, nhiễm tịnh... ***Nên Kinh nói vô tánh đây tức là Bồ Tát đạo, vô tánh đây tức là hiện quán. Do lý do này, nên nói "tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh".***

Ai cũng biết tất cả pháp không có tự tánh vì chúng là duyên hội. Có duyên mới có pháp, không duyên không có pháp. Không có pháp, thì làm

gì có tự tánh, nên thi thiết lấy vô tánh làm tự tánh. Nói như vậy là quá cô động, nhưng nó là sở ngộ của Phật. Giáo pháp này được nhắc nhở không biết bao nhiêu lần. Ngày nào hiểu được các pháp là không tự tánh, là vô sở hữu, bất khả đắc thì thấy đạo. Nên Kinh nói **"... vô tánh tức là đạo Bồ Tát Ma ha tát, vô tánh tức là hiện quán Bồ Tát Ma ha tát"**.

Kinh thuyết tiếp: Đoạn trừ phiền não là do tu Thánh đạo, không phải do nắm bắt, buông bỏ các pháp. Nếu bị phiền não khách trần che tâm, thì các đại Bồ Tát chẳng có thể nhập Chánh tánh ly sanh. Nếu không thể nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh cũng không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì cũng không thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục mà chứng Vô thượng Bồ đề.

Tất cả các bậc Hiền Thánh từ Thanh văn đến Vô thượng Bồ đề đều ***lấy vô tánh tự tánh của tất cả pháp làm cứu cánh tu hành*** *để chứng đắc quả vị mà mình thọ trì, nhưng không thấy mình tu, mình chứng cũng không thấy bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng mảy lông phải tu, phải chứng, phải trụ.*

Đại Bồ Tát ấy phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, vì cứu độ khắp hữu tình nên làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc giống như các đại Bồ Tát ở quá khứ đã từng làm: Trước hết nên lần lượt tu hành bố thí, kế đến nên tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, sau cùng nên tu hành Bát nhã Ba la mật.

2. *Đại Bồ Tát ấy từ khi mới* ***phát tâm tu hành lục Ba la mật,*** *cũng khuyên người hành lục Ba la mật, chỉ rõ công đức của việc hành lục Ba la mật, hoan hỷ khen ngợi người hành lục Ba la mật. Do nhân duyên này, viên mãn 6 pháp Ba la mật, được sanh vào cõi trời người, hưởng được phước báo cao quý.*

Nhưng Bồ Tát không an trụ trong đó mà lại tu tập giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Do ***giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn viên mãn*** *nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển bánh xe pháp, an lập hữu tình ở 3 thừa giúp chúng sanh giải thoát sanh tử.*

***3.** Đại Bồ Tát ấy, nương lục Ba la mật nên khi làm việc lần lữa, tu học lần lữa, hành hạnh lần lữa này theo thứ bậc, từ sơ phát tâm, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí tin hiểu các pháp hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vì biết các pháp đều không, lấy vô tánh làm tự tánh, trước nên tu Phật tùy niệm, kế nên tu Pháp tùy niệm, tu Tăng tùy niệm, v.v…*

*Đại Bồ Tát khi tu Bát nhã Ba la mật, vì muốn viên mãn "làm theo thứ bậc, tu theo thứ bậc, hành theo thứ bậc", nên phải học tất cả pháp, nhưng đều lấy vô tánh làm tự tánh, **trong ấy hãy không chút niệm khá được, huống có niệm sắc cho đến niệm tất cả pháp Phật.** Các niệm và pháp bị niệm như thế, nếu có chút thật, thì không có lẽ. Vì sao? **Vì tất cả "tâm sở hành nghiệp, tâm sở tu học, tâm sở hành trì đều chẳng chuyển đối với tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh**".*

Câu nói này mắc mỏ. Nhưng nếu hiểu ra rằng: Lấy vô tánh làm tự tánh tu hành *các pháp để chứng đắc quả vị mà mình thọ trì, nhưng không thấy mình tu, mình chứng cũng không thấy bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông phải tu, phải chứng, phải trụ thời có thể hiểu **"tâm sở hành nghiệp, tâm sở tu học, tâm sở hành trì"** có thể chuyển, chuyển từ vô minh triền phược sang trí tuệ giải thoát.*

Pháp nào, pháp nào cũng tốt, cũng mang nhiều thắng giải, công đức, cũng mang lại hạnh nguyện cao cả. Biết như vậy nhưng đừng chấp đắm. Một khi có chấp thì Bát Nhã không còn ở đó nữa, Bát Nhã dỡ nón ra đi. Nếu Bát Nhã dỡ nón ra đi thì còn gì để tu để học để chứng. Học tất cả pháp, tu tất cả hạnh... nhưng chẳng chấp bất cứ thứ gì. Bổn thể tất cả pháp đều không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh mà vô tánh là không, *tự tánh cũng không, vô tánh tự tánh cũng không nốt. Nói vô tướng, nói vô tánh như nhau, **tất cả đều là không,** đó là thật tướng các pháp. Biết vậy thì chẳng có gì vướng mắc.*

Tóm lại, để chúng sanh không còn mong cầu, nắm bắt, cất giữ nữa. Tất cả phủi sạch. Đó chính là tam tam muội KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC. Chư Phật luôn luôn nhắc nhở chúng ta, không có pháp môn nào để học ngoài pháp môn này.

Nên, tu *Phật thì phải "làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc". **Có tu có học có hành mới thành Phật đạo**.*

Phần cuối của phẩm này, Kinh khuyên nên *tu lục tùy niệm*. *Toàn phẩm này chẳng khác một "công án thiền", nên chúng tôi trích dẫn* ***phẩm thứ 75, "Tam Thứ Đệ Học"****(Tiếp theo),* ***Tập 5, quyển 87, Đại Trí Độ Luận,*** *để giúp các đạo hữu hiểu rõ pháp tu này, mặc dù trong "Phần thứ I Tổng luận" có giải thích, nhưng không được đầy đủ như Đại Trí Độ Luận:*

"Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, do được tâm tương ưng với Nhất thiết chủng chí mà Bồ Tát **thâm tín các pháp tự tánh khôn**g, thường tu sáu niệm, gồm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên.

1- Thế nào gọi là tu niệm Phật?

Này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật Bồ Tát chẳng lấy sắc để niệm, chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để niệm. Vì sao? Vì sắc…dẫn đến thức đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh). Cho nên vô sở niệm (chẳng có chỗ niệm) mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ Tát chẳng lấy ba mươi hai tướng tốt để niệm, chẳng lấy thân kim sắc (sắc vàng ròng) để niệm, chẳng lấy hào quang một trượng để niệm, chẳng lấy tám mươi vẻ đẹp để niệm. Vì sao? Vì thân Phật là tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ Tát chẳng lấy giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát tri kiến chúng để niệm. Vì sao? Vì giới chúng… dẫn đến giải thoát tri kiến chúng đều là tự tánh không mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu. Cho nên vô sở hữu niệm mới chính là niệm phật.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ Tát chẳng lấy 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi để niệm Phật. Vì sao? Vì Phật 10 lực…dẫn đến đại từ, đại bi đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu. Cho nên vô sở niệm chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ Tát chẳng lấy 12 nhân duyên để niệm Phật. Vì sao? Vì 12 nhân duyên đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát phải nên niệm Phật như vậy. Từ sơ phát tâm, Bồ Tát phải như vậy mới là thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo. Trú trong đó, Bồ Tát được đầy đủ 4 niệm xứ… dẫn đến 8 thánh đạo, đầy đủ 3 tam muội "không vô tướng và vô tác",… dẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, đều là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh).

Ở nơi vô sở hữu tánh chẳng có tánh CÓ, cũng chẳng có tánh KHÔNG.

2- Thế nào gọi là tu niệm Pháp?

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát chẳng niệm thiện pháp, chẳng niệm bất thiện pháp; chẳng niệm ký pháp, chẳng niệm vô ký pháp; chẳng niệm thế gian pháp, chẳng niệm xuất thế gian pháp; chẳng niệm tịnh pháp, chẳng niệm uế pháp; chẳng niệm thánh pháp, chẳng niệm phàm phu pháp; chẳng niệm hữu lậu pháp, chẳng niệm vô lậu pháp; chẳng niệm pháp thuộc về ba cõi, chẳng niệm hữu vi pháp. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu. Cho nên vô sở niệm (chẳng có chỗ niệm) mới là niệm pháp. Do học các pháp vô sở hữu như vậy, nên Bồ Tát đầy đủ 4 niệm xứ… dẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề là được các pháp vô sở hữu. Ở nơi vô sở hữu chẳng có tánh CÓ, cũng chẳng có tánh KHÔNG.

Bồ Tát phải nên tu niệm pháp như vậy. Bồ Tát tu niệm pháp như vậy, mà nơi ở hết thảy pháp đều chẳng có niệm.

3- Thế nào được gọi là tu niệm Tăng?

Này Tu Bồ Đề! Ở nơi vô vi mà phân biệt có đệ tử Phật, có chúng đệ tử Phật, nên Bồ Tát niệm Tăng chẳng thấy có chỗ niệm, huống nữa là thật có niệm Tăng.

Bồ Tát phải nên tu niệm Tăng như vậy.

4- Thế nào gọi là tu niệm giới?

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ Tát phải niệm thánh giới: Giới chẳng khuyết, giới chẳng hở, giới chẳng tỳ, giới chẳng đạt, giới chẳng tính, giới tự tại, giới mà người trí khen ngợi, giới cụ túc, giới theo chánh định.

Bồ Tát phải niệm các giới đó đều chẳng có tự tánh, nên chẳng thấy có chỗ niệm, huống nữa là có niệm giới.

5- Thế nào gọi là tu niệm niệm xả?

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ Tát tu niệm xả: Tự niệm xả, tha niệm xả, xả tài, xả pháp, xả phiền não. Bồ Tát tu các niệm xả như vậy, mà quán tất cả đều bất khả đắc, chẳng có chỗ niệm, huống nữa là có niệm xả.

6- Thế nào gọi là tu niệm Thiên?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát tự niệm rằng, "Chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương… dẫn đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên đều có đầy đủ tín, giới, thí, văn và huệ. Khi ta mạng chung, sanh về các cõi trời, ta cũng sẽ có đầy đủ các tín, giới, thí, văn và huệ. Bồ Tát niệm Thiên như vậy mà biết rõ các cõi trời đều là vô sở hữu, nên là chẳng có niệm, huống nữa là có niệm Thiên.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ Tát, ở nơi sáu niệm, thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo".

Niệm mà không thấy mình niệm, không thấy pháp niệm, không thấy đối tượng là Phật, Pháp, Tăng… để niệm, mới chính là niệm. Niệm cho đến năng sở tang hoang, chủ khách không còn mới gọi là niệm! Còn nhớ tưởng mong cầu nắm bắt là còn vọng. Vọng còn thì không thấy được chân tâm.

Phẩm thứ 79, "Thiện Đạt" *(Khéo Thông Đạt)****, Tập 5, quyển 89, Đại Trí Độ Luận****. Nói:* **"…nếu còn có ức niệm là còn có duyên tướng, còn có chấp pháp, mà vô lậu là đệ nhất thật nghĩa, là vô tướng, vô ức niệm vậy".** *Vì vây, mới nói vô niệm chính là niệm!*

Tới đây các đạo hữu có thể hiểu thế nào là Vô niệm giữ vai trò quan trọng trong Phật đạo. Chỉ có Vô thức, Vô niệm, Vô tâm mới chứng tánh./.

---o0o---

73. PHẨM "VÔ TƯỚNG"

Cuối Q.466 đến đầu Q.467, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Vô Tướng Vô Đắc", cuối Q.373 đến đầu Q.379, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, các đại Bồ Tát hiểu như thế nào mà vì lợi ích an vui hữu tình cần cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Vì tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, các đại Bồ Tát vì muốn lợi ích an vui hữu tình. Vì sao? Các loại hữu tình đủ kiến chấp đoạn thường, trụ có sở đắc, khó điều phục, ngu si điên đảo khó giải thoát.

Thiện Hiện phải biết, **kẻ trụ hữu sở đắc, bởi tưởng có đắc, không đắc, không hiện quán, cũng không được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu kẻ có sở đắc, không đắc, không hiện quán, cũng không được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Kẻ không sở đắc, vì có đắc, có hiện quán, có được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu không sở đắc, tức là đắc, tức là hiện quán, tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì chẳng hoại tướng pháp giới vậy.

Thiện Hiện phải biết! Nếu đối trong cái "chẳng được đây" muốn có đắc, muốn đắc hiện quán, muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải biết kẻ ấy muốn hoại pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu kẻ có sở đắc, không đắc, không hiện quán, tức không Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu không sở đắc tức là đắc, tức là hiện quán, tức là

Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Trong cái "chẳng được đây", không đắc, không hiện quán cũng không Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, các đại Bồ Tát làm sao từ sơ địa tiến đến thập địa? Làm sao được Vô sanh pháp nhẫn? Làm sao được dị thục*(1)* thần thông? Làm sao được dị thục bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật? Làm sao được an trụ pháp sanh dị thục như thế để thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, ở chỗ chư Phật cung kính cúng dường để được căn lành, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà phước báo vẫn chưa hết, lần lượt cho đến sau khi nhập Niết bàn thiết lợi la của Phật và các đệ tử vẫn được cung kính cúng dường mọi thứ, thế lực thiện căn như vậy mới đến nơi đến chốn?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp <u>vô sở đắc</u> nên các đại Bồ Tát có thể từ sơ địa tiến đến thập địa. Tức do đây nên được Vô sanh pháp nhẫn**. Tức do đây nên được dị thục thần thông. Tức do đây nên được dị thục bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Tức do đây nên được an trụ pháp sanh dị thục, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Ở chỗ chư Phật cung kính cúng dường mới được căn lành, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà phước báo vẫn chưa hết, lần lữa cho đến sau vào Niết bàn, Thiết lợi la mình và các đệ tử vẫn được cung kính cúng dường thế lực căn lành như vậy mới đến nơi đến chốn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp đều vô sở đắc, bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và các thần thông có gì sai khác?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Vô sở đắc ấy, bố thí cùng 5 Ba la mật và các thần thông đều không sai khác. Nhưng vì <u>muốn khiến kẻ hữu sở đắc kia lìa các chấp đắm</u>, phương tiện tuyên nói bố thí cùng 5 Ba la mật và các thần thông có tướng sai khác.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Vì nhân duyên gì vô sở đắc ấy, bố thí cùng 5 Ba la mật và các thần thông nói không sai khác?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, chẳng đắc bố thí, chẳng đắc kẻ thí, chẳng đắc kẻ thọ, chẳng đắc vật thí, chẳng đắc quả thí mà hành bố thí. Chẳng đắc tịnh giới mà hộ trì tịnh giới. Chẳng đắc

an nhẫn mà tu an nhẫn. Chẳng đắc tinh tấn mà siêng tinh tấn. Chẳng đắc tĩnh lự mà vào tĩnh lự. Chẳng đắc Bát Nhã mà khởi Bát Nhã. Chẳng đắc thần thông mà phát thần thông. Chẳng đắc bốn niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo mà tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Chẳng đắc ba môn giải thoát mà tu ba môn giải thoát. Chẳng đắc bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà tu bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Chẳng đắc tám giải thoát cho đến mười biến xứ mà tu tám giải thoát cho đến mười biến xứ. Chẳng đắc Bồ Tát địa mà tu Bồ Tát địa. Chẳng đắc Đà la ni, Tam ma địa môn mà tu Đà la ni, Tam ma địa môn. Chẳng đắc năm nhãn, sáu thần thông mà tu năm nhãn, sáu thần thông. Chẳng đắc Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà tu Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Chẳng đắc pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả mà tu pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Chẳng đắc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng đắc hữu tình mà thành thục hữu tình. Chẳng đắc cõi Phật mà nghiêm tịnh cõi Phật. Chẳng đắc tất cả Phật pháp mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên hành vô sở đắc Bát Nhã thẳm sâu. Nếu đại Bồ Tát thường hành vô sở đắc Bát Nhã thẳm sâu, tất cả ác ma và bà con ma đều chẳng năng hoại.

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, **nhất tâm*(2)* hiện khởi thời có thể nhiếp thọ 6 Ba la mật**; cũng có thể nhiếp thọ bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; cũng có thể nhiếp thọ ba môn giải thoát; cũng có thể nhiếp thọ tám giải thoát cho đến mười biến xứ; cũng có thể nhiếp thọ tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn; cũng có thể nhiếp thọ năm nhãn, sáu thần thông; cũng có thể nhiếp thọ Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có thể nhiếp thọ pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả; cũng có thể nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng có thể nhiếp thọ ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, nếu pháp tu bố thí cho đến Bát Nhã đều được Bát Nhã nhiếp thọ thì mới được viên mãn.

Như vậy, cho đến pháp tu ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo đều được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ thì mới được viên mãn.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, nhất tâm hiện khởi, thời có thể nhiếp thọ sáu thứ Ba la mật. Như vậy cho đến cũng có thể nhiếp thọ ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật có làm việc gì đều được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, cho nên nhất tâm hiện khởi thời có thể nhiếp thọ 6 Ba la mật cho đến ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nếu pháp tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật **đều được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên xa lìa hai tưởng**. Như vậy, cho đến pháp tu ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo cũng được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên xa lìa hai tưởng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Tại sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu tuy hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mà không hai tưởng? Như vậy, cho đến tuy tu ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo mà không hai tưởng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, vì muốn viên mãn bố thí Ba la mật, nên tức trong bố thí Ba la mật nhiếp thọ tất cả Ba la mật, cho đến ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo mà hành bố thí. Do nhân duyên đây mà không hai tưởng. Như vậy, cho đến vì muốn viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo, nên tức trong ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo nhiếp thọ tất cả Ba la mật. Bởi nhân duyên đây mà không hai tưởng*(3)*.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã thẳm sâu, nên khi hành bố thí Ba la mật **trụ tâm vô lậu** mà hành bố thí**.** Hoặc khi hành tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật trụ tâm vô lậu mà hành tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Vậy nên, tuy hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mà không hai tưởng. Như vậy, cho đến hoặc khi tu ba mươi hai tướng Đại sĩ thì trụ vào tâm vô lậu mà tu ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ; nếu tu tám

mươi tùy hảo, thì trụ tâm vô lậu mà tu tám mươi tùy hảo. Vậy nên, tuy tu ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo mà không hai tưởng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Sao là đại Bồ Tát hành Bát Nhã, hoặc khi hành bố thí Ba la mật trụ tâm vô lậu mà hành bố thí, như vậy cho đến hoặc khi tu 80 tùy hảo, trụ tâm vô lậu mà tu tám mươi tùy hảo?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, <u>đem tâm ly tướng</u> chẳng thấy các tướng mà hành bố thí. Chỗ gọi chẳng thấy ai năng hành thí, thí những vật gì, ai thọ thí đây, vì sao hành thí. Trụ trong tâm ly tướng vô lậu này, lìa keo lìa bẩn mà hành bố thí. Bấy giờ, chẳng thấy sở hành bố thí, cũng lại chẳng thấy tâm vô lậu đây, cho đến chẳng thấy tất cả Phật pháp.**

Như vậy, đại Bồ Tát trụ tâm vô lậu mà hành bố thí. Cho đến đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đem tâm ly tướng chẳng thấy các tướng mà tu tám mươi tùy hảo. Chỗ gọi chẳng thấy ai tu tám mươi tùy hảo, chẳng vì ai mà tu tám mươi tùy hảo, và vì sao mà tu tám mươi tùy hảo. Trụ tâm ly tướng vô lậu đây, không nhiễm không đắm mà tu tám mươi tùy hảo, cũng lại chẳng thấy tâm vô lậu này, cho đến chẳng thấy tất cả Phật pháp. Như vậy, đại Bồ Tát trụ tâm vô lậu mà tu tám mươi tùy hảo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối tất cả pháp vô tướng vô tác, làm sao có thể viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật? Như vậy, cho đến làm sao có thể viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, thường **<u>đem tâm ly tướng vô lậu mà hành bố thí</u>**, tùy các hữu tình cần dùng của cải các thứ đều thí cho. Nếu có cần nội tài đầu mắt tủy não, da thịt lóng đốt, gân xương thân mạng, cũng đều thí cho. Nếu có cần ngoại tài quốc thành, vợ con, thân thuộc sở ái, các thức đồ trang nghiêm cũng đều thí cho. Khi thí như thế, giả sử có người đến hiện tiền mắng nhiếc: Khốn thay, Đại sĩ! Tại sao phải dùng hạnh đây làm chi chẳng ích lợi gì? Kẻ thí như thế đời này đời sau vẫn chịu nhiều khổ não. Đại Bồ Tát này vì hành Bát nhã Ba la

mật thẳm sâu, nên dù nghe kẻ khác dìm pha, hủy báng mà chẳng thối lui. Chỉ khởi nghĩ này: Kẻ kia dù có mắng nhiếc chẳng nên sanh lòng buồn hối, ta phải mạnh mẽ thí các hữu tình vật cần dùng, thân tâm không mỏi. Đại Bồ Tát này đem bố thí đây ban cho các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lúc bố thí và hồi hướng, không thấy tướng ấy nghĩa là không thấy ai bố thí, nơi thí, vật thí, ai nhận bố thí, lý do bố thí, cũng không thấy ai hồi hướng, vì sao phải hồi hướng, hồi hướng như thế nào, hồi hướng cho ai, đối với tất cả các vật và việc như vậy họ đều không thấy. Vì sao? **Các pháp như vậy đều do nội không nên rỗng không, như vậy cho đến do tự tướng không nên rỗng không.**

Đại Bồ Tát sau khi quan sát tất cả pháp đều rỗng không rồi, lại khởi nghĩ này: Ai hồi hướng, hồi hướng cho ai, vì sao phải hồi hướng… các pháp như thế đều bất khả đắc. Đại Bồ Tát này do quán như thế và nghĩ như thế, nên việc hồi hướng đó gọi là **thiện hồi hướng**. Do đây, lại có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Cũng thường viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến cũng thường viên mãn 32 tướng Đại sĩ, 80 tùy hảo.

Đại Bồ Tát này dù thường viên mãn bố thí Ba la mật như thế, mà chẳng nhiếp thọ quả thí dị thục. Dù chẳng nhiếp thọ quả thí dị thục mà do bố thí khéo thanh tịnh nên tùy ý có thể sắm tất cả của cải, giống như các trời Tha hóa tự tại cần dùng vật gì theo ý muốn liền hiện ra tùy ý. Cũng lại như thế, các vật mà đại Bồ Tát này cần dùng đều hiện ra đầy đủ theo ý. Họ có thể đem các phẩm vật vi diệu để cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, cũng có thể làm cho trời, người, A tu la… có đầy đủ các thứ cần dùng. Nhờ việc bố thí Ba la mật, vị ấy thu nhiếp các hữu tình, dùng phương tiện thiện xảo bằng pháp ba thừa để an lập, giúp họ đều được lợi ích an vui.

Như vậy, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, **nhờ năng lực của tâm vô lậu xa lìa tướng**, đại Bồ Tát này có thể ở trong pháp vô tướng, vô tác làm viên mãn bố thí Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát có thể **dùng tâm vô lậu lìa tướng thọ trì tịnh giới**, nghĩa là nhiếp thuộc Thánh đạo vô lậu sẽ đạt được giới thiện thanh tịnh. Tịnh giới như vậy

không khuyết, không rỉ, không tì vết, không dơ bẩn, không chấp trước vật gì, đáng được thọ dụng cúng dường, được người trí khen ngợi. Nhờ tịnh giới đây nên chẳng chấp thủ *(chẳng chấp đắm và nắm giữ)* tất cả pháp, nghĩa là chẳng chấp thủ sắc thọ tưởng hành thức; chẳng chấp thủ mười hai xứ cho đến mười tám giới; chẳng chấp thủ ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo; chẳng chấp thủ đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; chẳng chấp thủ trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại; chẳng chấp thủ trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh; chẳng chấp thủ trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; chẳng chấp thủ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, chẳng chấp thủ Bồ Tát hạnh cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Chỉ đem giới đã thọ trì như thế ban cho các hữu tình bình đẳng chung có, rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Và khi hồi hướng đem vô tướng, vô sở đắc, bất nhị làm phương tiện, chẳng lấy có tướng, có sở đắc, có hai làm phương tiện. Đó là nói theo thế tục, chẳng theo thắng nghĩa. Do nhân duyên đây, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Nhờ phương tiện thiện xảo tịnh giới Ba la mật đây, các đại Bồ Tát phát khởi bốn phần tĩnh lự được thăng tiến, lại lấy không nhiễm đắm làm phương tiện, nên dẫn phát được các thần thông. Đại Bồ Tát này dùng thiên nhãn thông thanh tịnh thấy chư Phật hiện tại mười phương vô biên thế giới vì các hữu tình tuyên nói Chánh pháp, đối với việc đã thấy như thế thường chẳng quên mất, tùy pháp đã nghe làm các việc lợi vui cho mình người không bỏ.

Đại Bồ Tát này lại dùng tha tâm trí, biết được tâm, tâm sở mười phương Phật và các hữu tình. Biết rồi năng khởi các việc lợi vui tất cả hữu tình. Đại Bồ Tát này dùng túc trụ trí biết các hữu tình gây nghiệp đời trước. Bởi nghiệp đã gây chẳng dứt nên phải sanh vào nơi chịu nhiều khổ vui. Biết rồi, nên nói nhân duyên bản nghiệp, khiến họ nhớ biết việc làm đời trước mà cải sửa. Đại Bồ Tát này dùng lậu tận trí an lập hữu tình hoặc khiến trụ quả Dự lưu, hoặc khiến trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc khiến trụ Bồ Tát thắng vị, hoặc khiến trụ Nhất thiết trí trí.

Tóm lại mà nói, đại Bồ Tát này dù sanh ở chỗ nào cũng tùy theo căn tánh khác nhau của hữu tình mà tìm cách giúp họ trụ vào phẩm vị thù thắng.

Thế nên Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa tướng nên đại Bồ Tát này có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn tịnh giới Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, thường **đem tâm ly tướng vô lậu mà tu an nhẫn**. Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa Bồ đề, ở giữa khoảng ấy giả sử tất cả hữu tình đều cầm các thứ dao gậy ngói đá đua nhau đến gia hại, Bồ Tát này chẳng khởi một niệm sân hận.

Bấy giờ, Bồ Tát nên tu hai nhẫn. Những gì là hai? Một là nên chịu mắng nhiếc gia hại của tất cả hữu tình, chẳng sanh tâm căm hận*(an thọ nhẫn)*. Hai là nên khởi Vô sanh pháp nhẫn. Bồ Tát này nếu gặp các lời ác mắng nhục, hoặc gặp các thứ dao gậy gia hại, nên suy xét kỹ: Ai mắng nhục, ai gia hại, ai bị lăng nhục, ai chịu gia hại, ai khởi hờn giận, ai phải nhẫn chịu.

Lại phải suy xét kỹ tánh của tất cả pháp đều không, pháp còn bất khả đắc huống là có pháp tánh, pháp tánh còn không huống là có hữu tình. Lúc quán như vậy hoặc người mạ nhục, hoặc người bị mạ nhục, hoặc người làm hại, hoặc người bị làm hại đều vô sở hữu, cho đến bị cắt chặt thân thể thành nhiều phần tâm vị ấy cũng an nhẫn, hoàn toàn không có niệm gì khác. Vị ấy quán sát như thật đối với pháp tánh như thế, nên có thể chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Tại sao gọi là Vô sanh pháp nhẫn? **Nghĩa là khiến tất cả phiền não chẳng sanh, trí huệ vi diệu thường không gián đoạn và quán các pháp rốt ráo chẳng sanh. Vậy nên gọi là Vô sanh pháp nhẫn***(4)*.

Đại Bồ Tát này an trụ trong hai thứ nhẫn như thế, mau viên mãn được bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Mau viên mãn được bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Mau viên mãn được bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Mau viên mãn được tám giải thoát cho đến mười biến xứ. Mau viên mãn được không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Mau viên mãn Bồ Tát thập địa. Mau viên mãn được tất cả Đà la ni, Tam ma địa. Mau viên mãn được năm nhãn, sáu thần thông. Mau viên mãn được Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Mau viên mãn được pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Mau viên mãn được Nhất thiết trí,

Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Mau viên mãn được ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi tùy hảo. An trụ thần thông thù thắng như thế rồi, dùng thiên nhãn thanh tịnh hằng thấy chư Phật mười phương vô biên thế giới hiện tại an ổn trụ trì, vì các hữu tình tuyên nói Chánh pháp, cho đến chứng được Nhất thiết trí trí, khởi Phật tùy niệm thường không gián đoạn. Đại Bồ Tát này hành Bát Nhã thẳm sâu trọn nên thù thắng phương tiện khéo léo, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, mau được đầy đủ Nhất thiết trí trí, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ chúng hữu tình.

Như vậy, Thiện Hiện! Lúc hành Bát Nhã, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa các tướng, các đại Bồ Tát này có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn an nhẫn Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, thường **đem tâm ly tướng vô lậu tu tinh tấn**. Đại Bồ Tát này trọn nên thân tâm tinh tấn dũng mãnh. Do đây thường vào sơ tĩnh lự cho đến năng vào tĩnh lự thứ tư trụ đầy đủ. Nương bốn tĩnh lự khởi vô lượng thần thông biến hiện. Vì trọn nên thân tinh tấn dũng mãnh, nên nhờ sức thần thông, trải qua giây lát có thể đến thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng. Lại đem các thứ cơm ăn áo mặc, đồ nằm, thuốc men và các thứ tư cụ khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn hiện thuyết Chánh pháp. Do phước báo căn lành đây vô tận, cho đến chứng được Nhất thiết trí trí. Do thế lực căn lành đây tăng thượng, được thành Phật rồi, lại vì vô lượng thế gian trời, người, A tu la…, đem vô lượng thứ cơm ăn áo mặc đồ nằm thuốc men và các tư cụ khác, cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen. Do thế lực căn lành đây tăng thượng, sau vào Niết bàn, thiết lợi la mình và các đệ tử vẫn được vô lượng thế gian trời, người, A tu la… cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen.

Đại Bồ Tát này lại đem thần lực năng đến thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng, ở chỗ chư Phật lóng nghe Chánh pháp. Nghe rồi thọ trì, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề trọn chẳng quên mất. Đại Bồ Tát này lại đem thần lực thường đến thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tinh siêng tu học Nhất thiết trí trí. Được viên mãn rồi, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ chúng hữu tình.

Thiện Hiện! Do thực hành Bát Nhã thậm sâu, thành tựu thân tinh tấn mạnh nê, nên các đại Bồ Tát ấy có thể làm cho tinh tấn Ba la mật sớm được viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã thẳm sâu, thành tựu tâm tinh tấn dõng mãnh, nên sớm có thể viên mãn các đạo vô lậu của bậc Thánh và các chi đạo khác thuộc về tinh tấn Ba la mật. Nhờ đó, vị ấy có thể làm cho các nghiệp bất thiện nơi thân, khẩu, ý không phát sanh. Đối với các pháp, đại Bồ Tát này không chấp trước thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc không vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc không xa lìa, hoặc cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi, hoặc dục giới, hoặc sắc giới, hoặc vô sắc giới, hoặc cảnh giới hữu lậu, hoặc cảnh giới vô lậu, hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không, hoặc chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, nói rộng ra đại Bồ Tát này đối với tất cả pháp Phật, cũng không chấp trước! Vì sao? Vì pháp chấp trước và các hữu tình đều không tự tánh và không thể nắm bắt.

Nhờ đại Bồ Tát ấy thành tựu tâm tinh tấn, dõng mãnh nên tuy thường tạo tác các việc lợi ích cho tất cả hữu tình nhưng đối với hữu tình hoàn toàn vô sở đắc, tuy thường viên mãn pháp tu tinh tấn Ba la mật nhưng đối với tinh tấn Ba la mật hoàn toàn vô sở đắc, tuy thường viên mãn tất cả pháp Phật nhưng đối với pháp Phật hoàn toàn vô sở đắc, tuy thường trang nghiêm tất cả cõi Phật nhưng đối với cõi Phật hoàn toàn vô sở đắc.

Đại Bồ Tát này thành tựu thân tâm tinh tấn như vậy, tuy có thể xa lìa tất cả ác pháp, lại có thể hộ trì tất cả thiện pháp nhưng không chấp trước. Do không chấp trước nên từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ thế giới này đến thế giới khác, vì muốn làm lợi ích cho các loài hữu tình, nên vị ấy muốn thị hiện các thần thông thì đều có thể thị hiện tự tại vô ngại.

Vì muốn lợi ích các hữu tình nên vị ấy xả bỏ của báu hoặc xả bỏ vợ con, hoặc xả bỏ ngôi vua, hoặc xả bỏ các bộ phận trong thân, hoặc xả bỏ thân mạng, tùy theo các hữu tình cần phải dùng phương tiện như vậy mới được lợi ích, vị ấy liền dùng phương tiện như vậy để lợi ích họ.

Như vậy, Thiện Hiện! Lúc hành Bát Nhã, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa tướng, các đại Bồ Tát này có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn tinh tấn Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát có thể **dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu tịnh lự**. Ngoài các định của Phật, đối với các định khác, đại Bồ Tát này đều có thể viên mãn. Đại Bồ Tát này lìa dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc nhập vào sơ tịnh lự và hoàn toàn an trụ trong đó, như vậy cho đến dứt vui dứt khổ, vui buồn trước đây lặn mất, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh nhập vào tầng thiền thứ tư và hoàn toàn an trụ trong đó. Đại Bồ Tát này dùng tâm từ bi duyên từ một phương cho đến tất cả thế gian khắp mười phương và hoàn toàn an trụ trong đó, như vậy cho đến dùng tâm hỷ xả duyên khắp một phương cho đến tất cả thế gian khắp mười phương và hoàn toàn an trụ trong đó. Đại Bồ Tát này vượt các sắc tưởng, diệt trừ tưởng, không tư duy các loại tưởng nhập vào Không vô biên, Thức vô biên xứ và hoàn toàn an trụ trong đó, như vậy cho đến vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ và hoàn toàn an trụ trong đó.

Đại Bồ Tát này an trụ vào tịnh lự Ba la mật, có thể nhập thuận nghịch đối với tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ và hoàn toàn an trụ trong đó. Đại Bồ Tát này có thể hoàn toàn an trụ vào pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, có thể hoàn toàn an trụ vào vô gián Tam ma địa, như điển Tam ma địa, Thánh chánh Tam ma địa, Kim cang dụ Tam ma địa. Đại Bồ Tát này an trụ vào tịnh lự Ba la mật, tu ba mươi bảy pháp Bồ đề phần và Đạo tướng trí làm cho đều được viên mãn. Dùng Đạo tướng trí để hộ trì tất cả Tam ma địa rồi tuần tự tu vượt qua Tịnh quán địa cho đến Độc giác địa, chứng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Sau khi đã vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, vị ấy tu các địa và thực hành viên mãn Phật địa. Tuy đại Bồ Tát này tuần tự tu tập vượt qua các địa nhưng khi đang tu không nắm giữ quả chứng cho đến nếu chưa đạt được Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát này an trụ tịnh lự Ba la mật từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, để cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, trồng các căn lành nơi các vị Phật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, từ thế giới này đến thế giới khác làm lợi ích hữu tình, thân tâm không mệt mỏi, hoặc dùng bố thí, hoặc dùng tịnh giới, dùng an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, hoặc dùng Bát nhã Ba la mật để giúp đỡ các hữu tình, hoặc dùng giới uẩn, định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn để giúp đỡ các hữu tình, hoặc dạy hữu tình trụ vào quả Dự lưu, hoặc quả

Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc trụ vào địa vị của đại Bồ Tát, hoặc trụ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tùy theo thế lực thiện căn và sự tăng trưởng pháp lành của các hữu tình mà vị ấy tạo đủ các phương tiện giúp họ an trụ.

Đại Bồ Tát nào an trụ vào tịnh lự Ba la mật, có thể phát sanh tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa, có thể chứng đắc bốn vô ngại giải và thần thông dị thục thù thắng. Đại Bồ Tát này thành tựu thần thông dị thục thù thắng quyết định không nhập trở lại thai mẹ để nhiễm các dục lạc thế gian. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này khéo thấy khéo biết tất cả pháp tánh đều như huyễn hóa. Dù biết các hành như huyễn hóa nhưng vị ấy vẫn nương Bi nguyện nhiêu ích hữu tình. Tuy hữu tình được giúp và việc thi thiết kia đều bất khả đắc nhưng vị ấy có thể an lập tất cả hữu tình, giúp họ an trụ vào pháp bất khả đắc. Đây là dựa vào thế tục, không dựa vào thắng nghĩa.

Đại Bồ Tát này an trụ vào tịnh lự Ba la mật, tu hành tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí cho đến viên mãn quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà mình mong cầu, thường không xa lìa việc tu tịnh lự Ba la mật.

Đại Bồ Tát này thực hành Đạo tướng trí, tìm cách làm phát sanh Nhất thiết tướng trí, an trụ ở trong đó vĩnh viễn đoạn trừ tập khí tương tục, có thể tự lợi và lợi tha một cách đúng đắn, có thể tạo ruộng phước thanh tịnh cho tất cả thế gian, trời, người, A tu la…, đáng được nhận sự cúng dường cung kính của thế gian.

Như vậy, Thiện Hiện! Lúc hành Bát Nhã thẳm sâu, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa tướng, các đại Bồ Tát này có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn tĩnh lự Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác. *(Q.467, ĐBN)*

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, các đại Bồ Tát có thể **dùng tâm vô lậu lìa tướng để tu Bát nhã Ba la mật.** Đại Bồ Tát này không thấy một pháp nhỏ nào thật có thành tựu, nghĩa là không thấy sắc thật có thành tựu, không thấy thọ, tưởng, hành, thức thật có thành tựu; không thấy sắc sanh, không thấy thọ, tưởng, hành, thức sanh; không thấy sắc diệt, không thấy thọ, tưởng, hành, thức diệt; không thấy sắc là pháp tăng ích, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp tăng ích; không thấy sắc là pháp tổn giảm, không thấy thọ, tưởng, hành, thức là

pháp tổn giảm; không thấy sắc có tích tụ, không thấy thọ, tưởng, hành, thức có tích tụ; không thấy sắc có ly tán, không thấy thọ, tưởng, hành, thức có ly tán; như vậy, cho đến không thấy tất cả pháp hữu lậu hay pháp vô lậu thật có thành tựu, sanh diệt, tăng ích tổn giảm, tích tụ ly tán. **Quán như thật để thấy sắc là hư vọng, không chắc thật, không tự tại; quán như thật để thấy thọ, tưởng, hành, thức là hư vọng, không chắc thật, không tự tại. Như vậy, cho đến quán như thật để thấy tất cả pháp hữu lậu, vô lậu là hư vọng, không chắc thật, không tự tại. Lúc quán như thật, Đại Bồ Tát này không chấp thủ tự tánh của sắc, không chấp thủ tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức như vậy cho đến không chấp thủ tự tánh của tất cả pháp hữu lậu, không chấp thủ tự tánh của tất cả pháp vô lậu.**

Đại Bồ Tát này khi **quán như thế chẳng đắc tự tánh sắc**, chẳng đắc tự tánh thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến chẳng đắc tự tánh tất cả pháp hữu lậu, chẳng đắc tự tánh tất cả pháp vô lậu.

Đại Bồ Tát này hành Bát Nhã thẳm sâu khi quán như thế rất sanh tin hiểu, đối tất cả pháp đều lấy vô tánh mà làm tự tánh. Đối việc như vậy sanh tin hiểu rồi, năng hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không. **Khi hành như thế đối tất cả pháp không sanh chấp trước**. Nghĩa là chẳng chấp trước sắc, chẳng chấp trước thọ tưởng hành thức. Chẳng chấp trước mười hai xứ cho đến mười tám giới. Chẳng chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng chấp trước nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng chấp trước địa giới cho đến thức giới. Chẳng chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Chẳng chấp trước vô minh cho đến lão tử. Chẳng chấp trước bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng chấp trước nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng chấp trước chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, chẳng chấp trước tất cả pháp Phật.

Đại Bồ Tát này khi hành Bát Nhã vô sở hữu thường viên mãn Bồ Tát đạo. Nghĩa là thường viên mãn 6 Ba la mật. Cũng thường viên mãn nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng thường viên mãn chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, cũng thường viên mãn tất cả pháp Phật. Đại Bồ Tát này viên mãn đạo Bồ đề như thế rồi, lại năng viên mãn Phật đạo lìa tối, nghĩa là thường viên mãn 6 Ba la mật và vô lượng vô biên Phật pháp khác.

Đại Bồ Tát này an trụ Phật đạo lìa tối như thế, dẫn phát dị thục thần thông thù thắng, tùy các hữu tình kẻ nên dùng bố thí thì dùng bố thí, kẻ nên dùng tịnh giới thì nên dùng tịnh giới, kẻ nên dùng an nhẫn thì nên dùng an nhẫn v.v… mà nhiếp thọ. Kẻ nên dùng nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát trí kiến thì dùng nhóm giới cho đến nhóm giải thoát trí kiến mà nhiếp thọ. Kẻ nên khiến an trụ quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề hoặc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tức phương tiện khiến an trụ quả Dự lưu cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Đại Bồ Tát này thường hóa hiện các thần thông, muốn đến thế giới mười phương như cát sông Hằng thì tùy ý đến, muốn hiện trong các thế giới đã đến có các thứ ngọc báu tùy ý hóa hiện, khiến các hữu tình trong thế giới đã đến thọ dụng các thứ ngọc báu đầy đủ vui thích. Đại Bồ Tát này từ một thế giới qua một thế giới khác làm lợi ích an vui vô lượng hữu tình.

Đại Bồ Tát này do dị thục sanh bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Do dị thục sanh đạo Bồ Tát nên hành Đạo tướng trí. Do Đạo tướng trí được thành thục, nên lại chứng được Nhất thiết tướng trí. Do chứng được trí đây, đối tất cả pháp không muốn nắm giữ. Nghĩa là chẳng nắm giữ sắc, cũng chẳng nắm giữ thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến cũng chẳng nắm giữ hoặc pháp thiện hoặc pháp phi thiện, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp thế gian, hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi. Cũng chẳng nắm giữ sự chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Vì sao? Vì tất cả pháp vô sở đắc, nên đại Bồ Tát này chẳng nắm giữ, mà vì các hữu tình tuyên nói không trái ngược về sự không nắm giữ của tất cả pháp tánh.

Như vậy, Thiện Hiện! Lúc hành Bát Nhã, nhờ năng lực của tâm vô lậu lìa tướng, các đại Bồ Tát này có thể ở trong pháp vô tướng vô tác làm viên mãn Bát nhã Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác. *(Q.467, ĐBN)*

Thích nghĩa:

(1). Dị thục (異熟) *Phạm: Vipàka. Các nhà dịch cũ dịch là quả báo. Âm Hán: Tì bá ca. Gọi chung quả báo cảm được do nghiệp thiện, ác đã tạo ở đời trước; vì quả khi chín (thục) thì tính chất lại khác (dị) với nhân*

nên gọi là Dị thục. Vấn đề này có nhiều cách giải thích. Cứ theo luận Thành duy thức quyển 2, thì Dị thục là nhân biến làm quả, tính chất của quả này khác với tính chất của nhân. Nhân có thiện có ác, mà quả thì tính vô ký không thiện không ác, cho nên từ nhân chín thành quả thì tính chất của nó đã biến đổi làm loại khác. Nhưng, cứ theo Thành duy thức luận thuật ký quyển 2, thì Dị thục có ba nghĩa: 1- Dị thời thục (chín khác thời), nghĩa là nhân và quả cách đời mới chín. 2- Biến dị thục (chín đổi khác), nghĩa là quả do nhân đổi khác mà chín. 3- Dị loại thục (chín khác loại), nghĩa là quả và nhân khác loại và do nhân chín mà thành quả. Trong ba nghĩa nêu trên, Thuyết nhất thiết hữu bộ chủ trương Dị loại thục, Kinh bộ chủ trương Biến dị thục, tông Duy thức cũng chủ trương Dị loại thục. Thuyết nhất thiết hữu bộ và tông Duy thức tuy cùng chủ trương nghĩa Dị loại thục, nhưng ý chỉ của hai tông thì không giống nhau. Thuyết nhất thiết hữu bộ cho rằng, sức của tính vô ký yếu ớt, hệt như hạt giống đã mục nát, hoàn toàn thiếu mất nghĩa nhân duyên, cho nên không chiêu cảm quả dị thục. Vì lẽ này, nên mối quan hệ giữa Dị thục nhân và Dị thục quả được phối hợp với Nhân duyên trong bốn duyên. Còn tông Duy thức thì cho rằng, nhân của đẳng lưu tập khí đều suốt cả ba tính thiện, ác, vô ký. Nghĩa là trong quả Dị thục có bao hàm nhân vô ký, cho nên tuy là nhân quả đẳng lưu, nhưng cần có sự giúp đỡ của hạt giống nghiệp (nghiệp chủng tử) mới có thể dẫn sinh quả báo vô ký. Chính vì quả báo vô ký và hạt giống nghiệp này mà gọi là Dị thục, và hạt giống nghiệp này tức là nhân dị thục, còn quả báo vô ký thì là quả dị thục. Theo đó, thì nhờ sức giúp đỡ của tăng thượng duyên mà nhân dị thục (hạt giống nghiệp) thành quả dị thục, và nhân dị thục này là hạt giống của Tư tâm sở thiện, ác tương ứng với thức thứ 6. Hạt giống Tư tâm sở nói trên đây có hai công năng: 1- Công năng tự sinh khởi hiện hành. 2- Công năng giúp đỡ các hạt giống vô ký dị thục khác khiến sinh ra. Nói theo nghĩa tự sinh khởi hiện hành, thì hạt giống này là nhân gần, cũng tức là nhân đẳng lưu, quả đẳng lưu. Còn nói theo nghĩa giúp đỡ các hạt giống vô ký dị thục khác, thì hạt giống này là duyên tăng thượng, cũng tức là nhân dị thục, quả dị thục. Ngoài ra, Dị thục nhân là một trong sáu nhân (Dị thục, Năng tác, Câu hữu, Đồng loại, Tương ứng, Biến hành), Dị thục quả là một trong năm quả (Dị thục, Tăng thượng, Sĩ dụng, Đẳng lưu, Li hệ). Năng lực sản sinh ra quả dị thục, gọi là Hữu dị thục; ngược lại thì gọi là Vô dị thục. Tông Duy thức chia Dị thục

làm hai: 1- Chân dị thục (hoặc gọi tắt: Dị thục), là quả thể tổng báo của thức thứ 8. 2- Dị thục sinh, từ chân dị thục sinh ra, như thức A lại da là Chân dị thục, sáu thức là Dị thục sinh. Ngoài ra, chúng sinh ở những nơi như: Địa ngục, quỉ đói, súc sinh, châu Bắc câu lô, cõi trời Vô tưởng v.v.., vì không được nghe pháp tu hành, cho nên thế giới của hạng chúng sinh này được gọi là Dị thục chướng. Đây là do nghiệp nhân đời trước của chúng sinh chiêu cảm quả báo ở đời này mà tái sinh vào các thế giới ấy, nên gọi là Dị thục chướng. - Từ điển Phật Quang.

Đã thích nghĩa nhiều lần, nhưng đây là thích nghĩa đầy đủ nhất!

(2). Nhất tâm: Theo từ điển Đạo Uyển, nhất tâm 一心; *C: yīxīn; J: ishin; P: ekāgattā; S: svacitta-mātra, eka-agra, eka-citta, dhyāna. Tâm. 1- Là nền tảng căn bản nhất.* ***Là chân như của mọi hiện hữu****. "Nhất" nghĩa thông thường là đồng nhất với tuyệt đối. "Tâm" có nghĩa là 'chắc thật'. Cũng vậy, nhất tâm là căn bản của toàn thể hữu tình. Là thực tại tuyệt đối căn bản của mọi hiện tượng trong vũ trụ. Đây là tư tưởng trung tâm của Đại thừa khởi tín luận* (起信論)*, trong đó Nhất tâm được xem là đồng nhất với Pháp thân* (法身*; s: dharmakāya*) *và Pháp giới* (法界*; s: dharmadhātu); 2- Hợp nhất tâm, do vậy, nên gọi "hợp nhất tinh thần" hay là sự tập trung tâm ý. Tâm an trú vào đức Phật A di đà khi quán tưởng đến Ngài; 3- Tập trung toàn tâm toàn ý một cách nhiệt thành, không để cho tán loạn.*

Ở đây có thể giải thích nhất tâm là chỉ cho tâm chuyên chú vào một đối tượng(cột tâm ở một điểm), không cho các vọng niệm sanh khởi. Vọng khởi tình dài thì ba đào nổi sóng. Vì vậy, Kinh "Na Tiên" nói: Muôn hạnh công đức chỉ có nhất tâm. ***TB***

(3). Không hai tưởng: Kinh ĐBN dịch là "không hai tưởng", Kinh MHBNBLMĐ dịch là "bất nhị tướng". Không tưởng CÓ không tưởng KHÔNG thì gọi là bất nhị ***tưởng****, không tưởng CÓ, không tưởng KHÔNG cũng có thể gọi là bất nhị* ***tướng****. "Không hai" hay "bất nhị" cũng như nhau. Nên nói ngôn từ có khác nhưng ý không sai khác.*

(4). Phẩm "Vô Tướng" của Hội thứ II này nói có hai pháp nhẫn nhục là: 1. Sanh nhẫn và 2. Pháp nhẫn. Phẩm "Vô Tướng Vô Đắc", cuối Q.373 đến đầu Q.379, Hội thứ I, ĐBN cũng nói có hai nhẫn: 1. Phục sân nhuế nhẫn và 2. Vô sanh pháp nhẫn. Trong một Kinh mà lại có hai loại nhẫn khác nhau. Đó là cái khó đối với người học đạo!

Sơ giải:

1. Không tưởng CÓ, tưởng KHÔNG, xa lìa hai tưởng.

Kẻ trụ có sở đắc, bởi tưởng có sở đắc, nên không đắc, không hiện quán, cũng không được Vô thượng Bồ đề. Nếu không sở đắc, tức là đắc, tức là hiện quán, tức là Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì chẳng hoại tướng pháp giới. Nếu đối trong cái "chẳng được đây" muốn có đắc, muốn hiện quán, muốn đắc Vô thượng Bồ đề, phải biết kẻ ấy muốn hoại pháp giới.

Tại sao? Vì đem tâm chấp đắm. Có chấp là có nắm bắt có buông bỏ, là do phân biệt chọn lựa. Nên, sanh tâm nghiêng ngả, nọ kia. Đó là tâm sanh diệt. Đã là sanh diệt, nghiêng ngả nọ kia... thì làm sao tu, làm sao chứng mà cho là tu, là chứng. Như vậy, gọi là điên đảo nên Phật bảo là phá hoại pháp giới. Pháp giới vốn như, không nọ không kia, xa lìa hai tưởng.

Phẩm "Học Đạo Khắp", Q.370, Hội thứ I, ĐBN nói rằng: **"Tất cả pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nhất tướng, chẳng phải dị tướng. Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng, đều đồng một tướng thì đó là vô tướng. Tu vô tướng này là tu Bát nhã Ba la mật".** *Vì vô tướng nên không thấy không biết. Không thấy không biết nên không chấp. Do công năng vô chấp nên không có quái ngại, nếu không có quái ngại thì không cần lìa mà tự nhậm lìa. Lìa tức không còn thi vi tạo tác nữa. Tu như vậy là tu Bát nhã Ba la mật, xa lìa hai tưởng, lìa chấp lìa đắm,* ***mới có thể nhất tâm nhiếp thọ đầy đủ*** *bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, trí tuệ; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ 37 pháp trợ đạo, Tứ đế, 12 nhân duyên, 18 pháp không, chân như, pháp giới, pháp tánh...; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ Nhất thiết tướng trí cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

"Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dùng tâm ly tướng tu hành 37 phép trợ đạo, Tứ đế, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Vô Thượng Bồ đề, chẳng thấy mình tu, chẳng thấy mình xả việc này, đối với việc này..., do việc này..., vì việc này... mà tu tất cả pháp nói trên. Như thế là an trụ trong tâm vô lậu lìa tướng, không

nhiễm ô, không chấp trước thì không thấy sở tu, không thấy năng tu, cho đến không thấy tất cả Phật pháp, như thế là đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà tu tất cả pháp".

Không thấy thì không biết, không biết thì không tạo tác. Vả lại, vào được pháp không rồi, biết tất cả pháp đều không, không tướng không trạng, không sanh không diệt… thì lấy gì chấp đắm, nắm giữ nữa. Đó là tu vô tướng, tu vô sở đắc, ý nghĩa chính của giáo pháp "Vô Tướng Vô Đắc" của phẩm này. Giáo lý tuy giản dị, mà diệu dụng lại vô cùng!

2. Đem tâm vô lậu, ly tướng tu hành tất cả thiện pháp.

Khi đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô tác có thể viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Hay nói rộng ra làm sao có thể viên mãn tất cả pháp Phật, nếu đem tâm vô lậu ly tướng mà hành lục Ba la mật? Phải quán các pháp đều không, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. ***Dùng vô tướng, vô đắc, vô nhị làm phương tiện, không chấp không thủ bất cứ pháp nào*** *dù là quả vị Giác ngộ tối cao. Đại Bồ Tát ấy khi hành lục Ba la mật* ***lấy vô tánh làm tự tánh có thể viên mãn Bồ Tát đạo****, nghĩa là có thể viên mãn lục Ba la mật; cũng có thể viên mãn 18 pháp không; cũng có thể viên mãn chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… hay nói gọn là có thể viên mãn tất cả pháp Phật.*

Như vậy, đại Bồ Tát khi hành lục Ba la mật, do tâm vô lậu ly tướng, có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô tác viên mãn tất cả các pháp Phật cũng có thể viên mãn các công đức khác. Rồi đem tất công đức này ban cho tất cả hữu tình đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

"Đại Bồ Tát ấy viên mãn đạo Bồ đề như thế rồi, lìa các ám chướng, an trụ trong Phật đạo, do sức thần thông thù thắng, phương tiện làm lợi ích cho các loại hữu tình, người nên dùng bố thí nhiếp thọ thì liền dùng bố thí mà nhiếp thọ họ; người nên dùng tịnh giới nhiếp thọ thì liền dùng tịnh giới mà nhiếp thọ họ; người hợp với an nhẫn, tinh tấn thì dùng an nhẫn, tinh tấn nhiếp thọ; người thích tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì dùng tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, khiến họ an trụ các quả Thanh văn, Độc giác, hay khiến họ an trụ quả vị Giác ngộ tối cao.

Đại Bồ Tát ấy có thể thi triển các loại thần thông biến hóa, muốn an trụ hằng hà sa thế giới thì tùy ý có thể an trụ, muốn từ thế giới này đến thế giới khác, làm lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, muốn nghiêm tịnh cõi Phật thì có thể làm theo sở thích. Đại Bồ Tát ấy do bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nên được báo đắc thần thông vi diệu, cùng báo đắc Bồ Tát đạo, nên hành Đạo tướng trí; do Đạo tướng trí được thành thục nên lại có thể chứng đắc Nhất thiết tướng trí; do đắc trí này, đối với tất cả pháp không có sự nhiếp thọ, nghĩa là chẳng nhiếp thọ uẩn, xứ, giới v.v… cho đến chẳng nhiếp thọ tất cả pháp thiện-pháp phi thiện, pháp thế gian-pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu-pháp vô lậu, pháp hữu vi-pháp vô vi, pháp hữu tội-pháp vô tội; cũng chẳng nhiếp thọ sở chứng là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy trước chẳng nhiếp thọ tất cả pháp, nên đối tất cả pháp vô sở đắc. Vì các hữu tình tuyên nói tất cả pháp tánh vô nhiếp thọ không trái ngược vậy.

Này Thiện Hiện! Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, do tâm vô lậu ly tướng, nên có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô tác, viên mãn Bát nhã Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác".

Đem tâm vô lậu ly tướng mà tu các thiện pháp, tức lấy tịnh tâm tu hành thì không có pháp nào mà không thành tựu, không công đức nào mà chẳng viên mãn. Đó là phương châm của giáo lý "Vô Tướng Vô Đắc" dành cho những ai hành trì Bát Nhã để phụng sự chúng sanh. Cứ theo phương châm đó tu hành, thì đường mê đảo ngược mà được tự tại, không những tự độ mà có thể độ người ra khỏi bờ mê đến bến giác.

Phẩm trước thuyết nhiều ***vô tánh*** *với giáo lý "pháp nào không có tự tánh thì lấy vô tánh làm tự tánh và kết luận tu vô tánh đây là tu Bát nhã Ba la mật thì mau thành Đạo tướng trí. Phẩm này nói về* ***vô tướng,*** *tu mà không thấy tướng lại đem tâm vô lậu lìa tướng mà tu các thiện pháp thì có thể viên mãn Bát nhã Ba la mật và các công đức thắng diệu khác.*

Rốt lại chẳng thấy tướng chẳng thấy tánh thì không còn thủ tâm chấp tướng tức như như bất động, nên không còn quái ngại nữa!

Kết luận:

Học phẩm này chúng ta rút ra các kinh nghiệm như sau:

1- Giáo pháp vô sở đắc đối với việc tu hành Bát Nhã:

Phẩm "Xảo Tiện", Q.462, Hội thứ II và phẩm "Phương Tiện Khéo Léo", Q.525, Hội thứ III, ĐBN nói rằng:

"Bát nhã Ba la mật thậm thâm là vô sở đắc, Nhất thiết trí cũng vô sở đắc; người thực hành thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả đều vô sở đắc. Vô sở đắc này cũng là vô sở đắc nốt!"

Chẳng phải có sở đắc nên vô sở đắc, chẳng phải vô sở đắc nên vô sở đắc. Nhưng có sở đắc, không sở đắc ***bình đẳng trong tự tánh*** *gọi vô sở đắc. Các đại Bồ Tát đối với tánh bình đẳng có sở đắc, không sở đắc nên siêng tu học. Các đại Bồ Tát khi học như thế gọi học Bát nhã Ba la mật vô sở đắc.*

Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng phải trụ có sở đắc mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn Nhất thiết trí trí, chẳng phải trụ vô sở đắc mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn được Nhất thiết trí trí. Vì có sở đắc là có chấp, có chấp là có vướng mắc quái ngại. Vì vậy, không Giác ngộ, không được Vô thượng Bồ đề hay đạt Nhất thiết trí trí. Nên Phật bảo: "Vô sở đắc là tướng của Bát nhã Ba la mật, vô sở đắc là tướng của Vô Thượng Bồ Đề, vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã Ba la mật". *Ở đây, vô sở đắc đã được nâng lên cao độ ngang hàng với Bát nhã Ba la mật hay Vô thượng Bồ đề.*

Nhưng kinh nghiệm Bát nhã Ba la mật cho thấy rằng một khi quan niệm vô sở đắc là tôn chỉ tối cao của Bát nhã Ba la mật, thời vô sở đắc cũng trở thành một chướng ngại khác đối với hành giả Bát Nhã. ***Vô sở đắc rốt ráo phải là vô sở đắc nốt***. ***Tất cả phải là không, là rỗng không***. *Đó là tôn chỉ "bất khả đắc không" của Bát nhã Ba la mật!*

Bát nhã Ba la mật phải là Bát nhã Ba la mật khi hành không, vô tướng, vô tác. "Bát nhã Ba la mật thậm thâm là Vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng là Vô sở đắc; người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả cũng đều Vô sở đắc; Vô sở đắc này cũng là Vô sở đắc nốt". *Nên gọi là vô sở đắc không hay bất khả đắc không.*

Tất cả phóng xả, phủi sạch hết thế là xong! Đó là phương tiện tốt trong việc hành trì Bát nhã Ba la mật để được Giác ngộ. Ngày nào còn

mong cầu nắm bắt cất giữ ngày đó vẫn còn trở ngại cho việc tu hành hay chứng đắc giác ngộ.

2- Tu "vô tướng" là tu Bát nhã Ba la mật.

Đối với người tu Bát nhã Ba la mật chỉ có cách là hãy ***lìa tất cả cái gì gọi là tướng****: Phẩm "Pháp Giới" Q.567, ĐBN Phật bảo Tối Thắng:* "Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật nên **xa lìa các tướng**, nghĩa là hoàn toàn chẳng thấy các tướng trong ngoài, lìa tướng hý luận, lìa tướng phân biệt, lìa tướng tầm cầu, lìa tướng tham đắm, lìa tướng cảnh giới, lìa tướng phan duyên, lìa tướng năng tri và sở tri".

Nghĩa là hữu tướng, tri tướng, thức tướng, duyên tướng, tăng thượng tướng, nhân tướng, quả tướng, tổng tướng, biệt tướng, y tướng... đều lìa tất cả. Nên ***đem tâm ly tướng vô lậu lìa đắm lìa nhiễm****, tu các thiện pháp mà chẳng thấy tâm vô lậu cũng chẳng thấy tất cả Phật pháp, các Bồ Tát này khi thực hành Bát nhã Ba la mật như thế năng đối với pháp vô tướng, vô tác chóng viên mãn các Ba la mật, cũng năng tròn đầy các công đức khác. Đó gọi là tu vô tướng và tu vô tướng đây là tu Bát nhã Ba la mật hay còn gọi là tịnh đạo Bồ đề.*

Các đạo hữu còn nhớ sở ngộ của Thắng Quân Phạm Chí (Phạm Thiên vương) trong đoạn Kinh của phẩm "Thiên Tử" Q.556, ĐBN không? Tại sao Phạm Chí ngộ nhập được Nhất thiết trí trí? Vì Phạm chí đối với Nhất thiết trí trí ***không nắm lấy tướng****. Phạm chí* ***dùng các môn ly tướng*** *đối Nhất thiết trí trí rất sanh tin hiểu, gọi tùy tín hành, đối tất cả pháp đều chẳng lấy bỏ, chẳng chấp đắm, cũng chẳng đắc. Do đó, Phạm Chí thâm nhập được Nhất thiết trí trí. Đó là điểm để chứng minh về tu ly tướng nói trên.*

3- Tu "vô tánh" là tu Bát nhã Ba la mật.

Trường hợp của Phật hoàn toàn khác, ở đây thay vì không nắm lấy tướng như Phạm Chí Thắng quân, Phật ***lấy vô tánh làm tự tánh*** *nhập Bát nhã Ba la mật, rồi viên mãn tất cả pháp Phật, nhập vào các tĩnh lự, an trụ thanh tịnh, dẫn phát các thần thông, tự tại đối các cảnh giới diệu dụng vô ngại. Rồi trong một sát na tương ưng với diệu huệ, nhập Đẳng giác, rồi vào Diệu giác, trở thành Vô thượng Bồ đề. Muốn được*

như thế, phải lấy vô tánh làm Thánh đạo, lấy vô tánh làm hiện quán, đạt được chân như của tất cả pháp.

Phạm chí Thắng quân đạt Nhất thiết trí trí là dùng pháp môn ly tướng. Phật nhập được Bát nhã Ba la mật là Phật lấy vô tánh làm tự tánh. *Vậy, mới biết vào điện lễ Phật không phải chỉ có một cửa. Nói như vậy có nghĩa là có nhiều tiến trình dẫn đến giác ngộ. Phẩm "Tam Tiệm Thứ" Q.372 nói:* **"... vô tánh tức là đạo Bồ Tát Ma ha tát, vô tánh tức là hiện quán Bồ Tát Ma ha tát".**

Chúng ta ngừng thảo luận về tu vô tướng, vô tánh ở đây. Các phẩm kế tiếp ***còn đi xa hơn nữa*** *khi nói phải tu vô tướng không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không để nói lên vạn pháp đều không. Đó là chủ trương "Nhất thiết pháp không" vô tiền khoáng hậu của Đại Bát nhã Ba la mật sẽ trình bày ở các phẩm kế tiếp.*

Chúng tôi cố gắng ôn lại các pháp vi diệu này để dẫn các đạo hữu đến cái rốt ráo không là "tận không". Nếu còn ái pháp, còn nể Phật, không dám nói Phật không, Bồ Tát không, chúng sanh không và Niết Bàn cũng không thì cũng không đạt được tận không. Và một khi đạt được tận không rồi mà còn chấp tận không, thì cũng chẳng thể gọi là tận không! Bát Nhã phá tướng, phá chấp triệt để, để được "Vô Tướng". Đó là ý nghĩa thậm thâm của phẩm này./.

---o0o---

74. PHẨM "KHÔNG TẠP"

Cuối Q.467 cho đến đầu Q.468, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Pháp Nghĩa Không Tạp", cuối Q.378 đến đầu Q.379, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm này của Hội thứ II, ĐBN có tên là "Không Tạp", nghĩa là tất cả pháp rất nhiều nhưng chẳng khác nào như huyễn như hóa, như huyễn như hóa tức là không. Lại nữa, tất cả pháp đều là duyên hợp, không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh. Nếu tất cả pháp không có tự tánh, thì không có tướng, nếu không có tướng, pháp này là nhất tướng chỗ gọi là vô tướng. Vô tướng cũng nghĩa là không. Nhập vào tánh không rồi thì thấy nhân không, pháp không. Biết tất cả khe suối, lạch nước lớn nhỏ, sông hồ đều chảy vào đại hải trí tuệ Tánh không đều có cùng một vị mặn thì chẳng có gì là tạp loạn, sai khác nữa.

Tương đương với phẩm này, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 77, Tập 5, quyển 88, có tên là "Lục Dụ"****, lại thuyết về 6 pháp Ba la mật nữa.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao đối trong tất cả pháp không tạp, vô tướng tự tướng không, có thể viên mãn sáu Ba la mật? Làm sao trong tất cả pháp không sai khác mà có thể thi thiết sai khác? Làm sao rõ biết tướng các pháp sai khác như thế? Làm sao đối với Bát nhã Ba la mật có thể nhiếp thọ tất cả pháp thế gian, xuất thế gian? Làm sao đối với tất cả pháp có tướng sai khác thi thiết nhất tướng chỗ gọi vô tướng, và đối với pháp nhất tướng vô tướng thi thiết pháp tướng sai khác?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng vang, như ánh nắng, như huyễn, như hóa. Vì các hữu tình bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tu định, học huệ như thật rõ biết năm uẩn như mộng cho đến như hóa đều đồng nhất tướng chỗ gọi vô tướng. Vì sao? Mộng cho đến

hóa đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh, thời pháp này không tướng. Nếu pháp không tướng, pháp này nhất tướng, chỗ gọi vô tướng.

1. Do nhân duyên đây, phải biết tất cả kẻ thí, kẻ thọ, vật thí, tánh thí, quả thí, duyên thí đều đồng vô tướng. Nếu biết như thế mà hành bố thí, thời có thể **viên mãn sở hành vô tướng bố thí Ba la mật**. Nếu có thể viên mãn chỗ hành bố thí Ba la mật, thời chẳng xa lìa tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật.

An trụ sáu Ba la mật đây, thời năng viên mãn bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Cũng có thể viên mãn bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Cũng có thể viên mãn ba môn giải thoát. Cũng có thể viên mãn nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng có thể viên mãn chơn như cho đến bất tư nghì giới. Cũng có thể viên mãn khổ tập diệt đạo Thánh đế. Cũng có thể viên mãn tám giải thoát cho đến mười biến xứ, cũng có thể viên mãn các Bồ Tát địa. Cũng có thể viên mãn năm trăm Đà la ni môn, năm trăm Tam ma địa môn. Cũng có thể viên mãn năm nhãn, sáu thần thông. Cũng có thể viên mãn Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Cũng có thể viên mãn pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Cũng có thể viên mãn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. *(nghĩa là có thể viên mãn tất cả pháp mầu Phật đạo)*

Đại Bồ Tát này an trụ trong các pháp dị thục Thánh vô lậu như thế, thường qua thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng, đem vô lượng phẩm vật đồ cúng thượng diệu cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, làm lợi ích an vui các hữu tình. Kẻ nên dùng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thì dùng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mà nhiếp thọ. Kẻ nên dùng các thứ thiện pháp khác, thì dùng các thiện pháp khác mà nhiếp thọ v.v…

Đại Bồ Tát này trọn nên tất cả căn lành thù thắng, đối tất cả pháp đều được tự tại, dù thọ sanh tử mà chẳng bị tội lỗi sanh tử làm ô nhiễm. Vì muốn lợi vui các hữu tình nên thọ sanh người trời giàu sang tự tại. Do oai lực giàu sang tự tại đây, nên có thể làm nhiều việc nhiêu ích hữu tình, đem bốn nhiếp sự mà nhiếp thọ. Đại Bồ Tát này biết tất cả pháp đều vô tướng, nên dù biết Dự lưu mà chẳng trụ quả Dự lưu, cho đến dù biết Độc giác Bồ đề mà chẳng trụ Độc giác Bồ đề. Vì sao? Đại Bồ Tát này như thật rõ biết

tất cả pháp rồi, vì muốn chứng được Nhất thiết trí trí, nên chẳng chung cùng với tất cả Thanh văn, Độc giác.

Như vậy, Thiện Hiện! Các Bồ Tát biết tất cả pháp đều vô tướng, nên như thật rõ biết bố thí cùng năm Ba la mật và vô lượng vô biên các Phật pháp khác đều đồng vô tướng. Do nhân duyên đây, khắp viên mãn tất cả Phật pháp, bèn có thể chứng được Nhất thiết trí trí.

2. Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn, như hóa, **viên mãn tịnh giới Ba la mật**.

Đại Bồ Tát này như thật rõ biết năm uẩn như mộng cho đến như hóa, bèn năng **viên mãn vô tướng tịnh giới Ba la mật**. Tịnh giới như thế không khuyết không hở, không tỳ không uế, không bị lấy đắm, đáng thọ nhận cúng dường, được kẻ trí khen ngợi. Đó là Thánh pháp vô lậu rốt ráo, thu nhiếp vào nhánh đạo xuất thế gian.

An trụ giới này thì có thể thọ trì tất cả các giới như là **giới kiến lập, giới tự nhiên đắc, giới luật nghi, giới hữu biểu, giới vô biểu, giới hiện hành, giới không hiện hành, giới oai nghi, giới phi oai nghi**. Đại Bồ Tát này dù đủ trọn nên các giới như thế mà đối các pháp không lấy đắm. Chẳng khởi nghĩ này: Ta do giới đây sẽ sanh đại tộc Sát đế lợi, hoặc đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ giàu sang tự tại. Cũng chẳng khởi nghĩ này: Ta do giới đây sẽ làm Tiểu vương, hoặc làm Đại vương, hoặc làm Luân vương, hoặc làm phụ tá giàu sang tự tại. Chẳng khởi nghĩ này: Ta do giới đây sẽ sanh trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại giàu sang tự tại. Chẳng khởi nghĩ này: Ta do giới đây sẽ được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn hoặc vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, hoặc được Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn, hoặc được Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì các pháp như thế đều đồng nhất tướng, chỗ gọi vô tướng, vô trụ vô đắc. Pháp vô tướng chẳng đắc vô tướng. Pháp hữu tướng chẳng đắc hữu tướng. Pháp vô tướng chẳng đắc hữu tướng. Pháp hữu tướng chẳng đắc vô tướng. Do nhân duyên đây đều vô sở đắc. *(Q.467, ĐBN)*

Như vậy, Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi hành Bát Nhã, mau được **viên mãn vô tướng tịnh giới Ba la mật**. Đã được viên mãn vô tướng tịnh giới Ba la mật, mau vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Đã vào Bồ Tát Chánh tánh

ly sanh, nên chứng đắc Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn. Đã được Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn, tu hành Đạo tướng trí tới Nhất thiết tướng trí được năm thần thông dị thục. Lại được năm trăm Đà la ni môn, cũng được năm trăm Tam ma địa môn. An trụ trong đây, lại có thể chứng được bốn vô ngại giải. Từ một nước Phật đến một nước Phật, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Đại Bồ Tát này vì hóa độ hữu tình dù thị hiện lưu chuyển các thú sanh tử, mà chẳng bị lỗi kia làm nhiễm. Như người huyễn hóa, tuy thị hiện các việc đi đứng ngồi nằm nhưng thật sự không có các nghiệp qua lại. Đại Bồ Tát cũng vậy, tuy hiện các pháp lợi ích hữu tình nhưng đối với hữu tình và sự kiến lập ấy vô sở đắc.

Như có Như Lai tên **Thiện Tịch Tịnh***(1)* chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, độ vô lượng chúng, giúp họ ra khỏi sanh tử chứng đắc Niết bàn; nhưng vào lúc đó không có hữu tình nào kham nhận thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lúc ấy Như Lai hóa hiện 1 vị hóa Phật giúp cho trụ ở đời lâu dài rồi tự xả thọ mạng, nhập vào cảnh giới Vô dư y bát Niết bàn. Sau khi đã trụ một kiếp, hóa thân của vị Phật ấy lại thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cho một Bồ Tát rồi mới nhập Niết bàn. Hóa thân Phật ấy tuy làm các việc lợi ích hữu tình nhưng không có sở đắc, nghĩa là không nắm bắt sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nắm bắt tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và các hữu tình. Cũng vậy, đại Bồ Tát này tuy có làm nhưng vô sở đắc.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu viên mãn tịnh giới Ba la mật. Do tịnh giới Ba la mật đây được viên mãn, nên bèn năng nhiếp thọ tất cả Phật pháp. Nhân đây chứng được Nhất thiết trí trí. *(Q.467, ĐBN)*

3. Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn, như hóa, viên mãn an nhẫn Ba la mật. Đại Bồ Tát này như thật rõ biết năm uẩn như mộng cho đến như hóa, liền có thể **viên mãn vô tướng an nhẫn Ba la mật**.

Thiện Hiện! Sao là Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thật rõ biết năm uẩn như mộng cho đến như hóa, liền có thể viên mãn vô tướng an nhẫn Ba la mật? Thiện Hiện! Bồ Tát này như thật rõ biết năm thủ

uẩn này không thật tướng nên tu hai thứ nhẫn, liền có thể viên mãn vô tướng an nhẫn Ba la mật. Sao gọi là hai? **Đó là an thọ nhẫn và quán sát nhẫn.**

- **An thọ nhẫn** là các Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa Bồ đề, ở khoảng giữa giả sử tất cả loại hữu tình đua nhau đến hủy hoại, dùng lời thô ác mắng nhiếc lăng nhục, lại đem ngói đá dao gậy gia hại. Lúc ấy để viên mãn an nhẫn Ba la mật, Bồ Tát không sanh một niệm hờn giận, cho đến cũng không sanh tâm báo thù, chỉ nghĩ: Các hữu tình kia thật đáng thương xót, bị phiền não tăng thượng quấy nhiễu trong tâm, không được tự tại nên họ gây ra nghiệp ác như vậy, ta không nên căm hận họ. Vị ấy lại nghĩ: Do ta tạo ra các nhóm oan gia nên khiến cho hữu tình kia phát sanh nghiệp ác với ta, ta chỉ nên tự trách mình, không nên giận người. Lúc quán sát sâu sắc như vậy, Bồ Tát sanh lòng thương xót sâu xa đối với hữu tình ấy. Như vậy gọi là an thọ nhẫn.

- **Quán sát nhẫn** là các Bồ Tát khởi suy nghĩ này: Các hành như huyễn, hư dối chẳng thật, chẳng được tự tại. Cũng như hư không, không ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả đều bất khả đắc, chỉ do hư vọng phân biệt khởi ra, tất cả đều là tự tâm biến hiện. Ai hủy hoại ta, ai mắng nhiếc ta, ai lăng nhục ta, ai đem các thứ ngói đá dao gậy gia hại ta, ai lại chịu lăng nhục gia hại? **Tất cả đều là sự phân biệt hư vọng của tự tâm. Nay ta không nên phát sanh chấp trước**. Do tự tánh không và thắng nghĩa không nên các pháp như vậy hoàn toàn vô sở hữu. Khi Bồ Tát quán sát kỹ như thế, như thật rõ biết **các hành vắng lặng trống không**, đối tất cả pháp chẳng sanh tưởng khác, những loại như vậy, gọi quán sát nhẫn.

Đại Bồ Tát này vì tu tập hai thứ nhẫn như thế, nên viên mãn vô tướng an nhẫn Ba la mật. **Do viên mãn vô tướng an nhẫn Ba la mật bèn được Vô sanh pháp nhẫn.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Thế nào là vô sanh pháp nhẫn**. Pháp này đoạn trừ những gì và là trí gì?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Do thế lực này nên ngay cả pháp ác bất thiện nhỏ nhiệm cũng không sanh vì thế gọi là vô sanh pháp nhẫn. Pháp này làm cho tất cả

các phiền não như ngã, ngã sở, mạn… hoàn toàn không sanh, chỉ như thật nhẫn chịu các hành như mộng cho đến như hóa. **Pháp nhẫn này gọi là <u>trí</u>. Do đạt được trí này nên gọi danh là vô sanh pháp nhẫn*(2)*.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vô sanh pháp nhẫn của Thanh văn, Độc giác và Bồ Tát có gì sai khác?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Hoặc trí hoặc đoạn của bậc Dự lưu cho đến hoặc trí hoặc đoạn của Độc giác đều là nhẫn của Đại Bồ Tát. Lại có nhẫn của đại Bồ Tát là nhẫn các pháp hoàn toàn không sanh. Đó là sự sai khác. Thiện Hiện! Ông nên biết: Do các đại Bồ Tát thành tựu pháp nhẫn thù thắng như vậy nên vượt lên trên tất cả Thanh văn, Độc giác. Các đại Bồ Tát an trụ vào nhẫn dị thục như vậy để thực hành Bồ Tát đạo thì có thể viên mãn Đạo tướng trí. Nhờ thành tựu Đạo tướng trí này, vị ấy thường không xa lìa bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng không xa lìa ba môn giải thoát, không xa lìa thần thông dị thục. Do không xa lìa thần thông dị thục, vị ấy từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thân cận cúng dường chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Làm việc này rồi, dùng một sát na tương ưng Bát nhã Ba la mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề *(Q.467, ĐBN)*

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, mau viên mãn vô tướng an nhẫn Ba la mật. Do an nhẫn Ba la mật đây được viên mãn, nên thường viên mãn tất cả Phật pháp. Nhờ đây chứng được Nhất thiết trí trí.

4. Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn, như hóa. Như thật rõ biết năm uẩn như mộng cho đến như hóa không có thật tướng rồi, **<u>phát khởi mạnh mẽ thân tâm tinh tấn</u>**, nên có thể dẫn phát thần thông thù thắng lanh lẹ, thường qua thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng, gần gũi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đem vô lượng phẩm vật thượng diệu cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Ở chỗ chư Phật trồng nhiều thứ căn lành, lợi ích an vui các loại hữu tình. Cũng thường nghiêm tịnh cõi

Phật. Đại Bồ Tát này do thân tinh tấn thành thục hữu tình, tùy theo căn cơ dùng pháp ba thừa an lập giúp họ đều đạt được cứu cánh.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã thẳm sâu, do tinh tấn này được mau viên mãn vô tướng tinh tấn Ba la mật, đại Bồ Tát này phát khởi tâm tinh tấn mạnh mẽ, nên dẫn phát các chi Thánh đạo vô lậu nhiếp vào Thánh đạo, viên mãn tinh tấn Ba la mật. Trong đó bao gồm các thiện pháp như là bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc tám giải thoát cho đến mười biến xứ; hoặc khổ tập diệt đạo Thánh đế; hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; hoặc tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc chơn như cho đến bất tư nghì giới; hoặc năm nhãn, sáu thần thông; hoặc Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát này do tâm tinh tấn, các tướng tùy hảo đều được viên mãn, nên có thể phóng đại quang minh soi vô biên cõi. *(Q.468, ĐBN)*

Do tâm tinh tấn cực viên mãn, nên các vị ấy có thể dứt hẳn tất cả tập khí phiền não nối nhau, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp. Đủ 32 tướng tốt, khiến cõi Tam thiên phát hào quang cùng sáu thứ biến động. Các hữu tình trong đó nhờ ánh sáng chiếu đến thấy biến động này, nghe âm thanh chánh pháp, tùy theo sự mong mỏi đối với đạo tam thừa đều được bất thối chuyển.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, viên mãn tinh tấn Ba la mật. Do các việc làm từ tinh tấn Ba la mật nên đại Bồ Tát này an trụ vào tinh tấn Ba la mật có thể sớm viên mãn tất cả Phật pháp, sớm chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

5. Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn, như hóa, **viên mãn tĩnh lự Ba la mật**.

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, đại Bồ Tát an trụ trong năm thủ uẩn như mộng cho đến như hóa để viên mãn tịnh lự Ba la mật như thế nào? Đó là lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, sau khi đại Bồ Tát biết như thật năm uẩn như mộng cho đến như hóa rồi nhập vào tịnh lự thứ

nhất cho đến tịnh lự thứ tư, nhập vào vô lượng từ cho đến vô lượng xả, nhập vào định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu Tam ma địa không, vô tướng, vô nguyện, tu Tam ma địa như điện, tu Tam ma địa Kim cang dụ, tu Tam ma địa chân chánh của bậc Thánh, trụ vào Tam ma địa Kim cang dụ, trừ tầng định của Như Lai còn đối với các tầng định khác như định của nhị thừa và các thắng định khác vị ấy có thể nhập vào tất cả và hoàn toàn an trụ trong đó nhưng không tham đắm vị ngọt của các định tịnh lự, vô lượng, vô sắc, cũng không tham đắm vào sự đắc quả ấy. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy như thật biết **những định tịnh lự vô lượng, vô sắc, và tất cả các pháp đều cùng lấy vô tướng, vô tánh làm tánh**. Chẳng lẽ vô tướng say đắm vô tướng, chẳng lẽ vô tánh say đắm vô tánh. Do không say đắm, vị ấy quyết định không theo thế lực của các tịnh lự vô lượng, vô sắc mà sanh vào sắc giới và vô sắc giới. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này hoàn toàn không có sở đắc đối với mọi cảnh giới; đối với người nhập định, định được nhập, lý do nhập định vị ấy cũng không có sở đắc. Do không có sở đắc đối với tất cả các pháp, đại Bồ Tát này có thể sớm **viên mãn vô tướng tịnh lự Ba la mật.** Nhờ tịnh lự Ba la mật này, vị ấy vượt khỏi các địa vị Thanh văn, Độc giác.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này làm sao viên mãn vô tướng tĩnh lự Ba la mật, vượt các Thanh văn và bậc Độc giác?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Do học trọn vẹn nội không cho đến vô tính tự tính không nên đại Bồ Tát này liền có thể **viên mãn vô tướng tịnh lự Ba la mật**, vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác. **Đại Bồ Tát này trụ vào các pháp không, hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp, chẳng thấy có pháp nào lìa các pháp không đó**. An trụ ở trong đó, đại Bồ Tát này không đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, cũng không nắm bắt các Bồ Tát hạnh và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Các pháp không này cũng đều rỗng không. Nhờ trụ trong pháp không này, đại Bồ Tát ấy vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác, chứng nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát lấy gì làm sanh? Lấy gì làm ly sanh?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các đại Bồ Tát lấy tất cả pháp hữu sở đắc làm sanh, lấy tất cả pháp vô sở đắc làm ly sanh.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát lấy gì làm hữu sở đắc và lấy gì làm vô sở đắc?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các đại Bồ Tát lấy tất cả các pháp làm hữu sở đắc, nghĩa là các đại Bồ Tát **lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm hữu sở đắc**; lấy mười hai xứ cho đến mười tám giới làm hữu sở đắc; lấy nhãn xúc cho đến ý xúc làm hữu sở đắc; lấy các cảm thọ do nhãn xúc sanh ra cho đến các cảm thọ do ý xúc sanh ra làm hữu sở đắc; lấy địa giới cho đến thức giới làm hữu sở đắc; lấy nhân duyên cho đến tăng thượng duyên làm hữu sở đắc; lấy vô minh cho đến lão tử làm hữu sở đắc; lấy bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật làm hữu sở đắc; lấy nội không cho đến vô tánh tự tánh không làm hữu sở đắc; lấy chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì làm hữu sở đắc; nói rộng ra lấy tất cả pháp Phật làm hữu sở đắc.

Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát dùng các pháp môn như vậy làm hữu sở đắc, hữu sở đắc này được gọi là sanh.**

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **lấy tất cả pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày, làm vô sở đắc**. Đó là: Các đại Bồ Tát **dùng pháp không hành, không chứng, không nói, không chỉ bày của sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm vô sở đắc**. Vì sao? Vì tự tánh của sắc cho đến tự tánh của thức đều không thể hành, chứng, nói năng chỉ bày. Các đại Bồ Tát dùng pháp không hành, không chứng, không nói, không chỉ của mười hai xứ cho đến mười tám giới làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của xứ cho đến giới đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát dùng việc không hành, không đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhãn xúc cho đến ý xúc làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không hành, không chứng, không nói, không chỉ bày của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến tự tánh các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không

thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của địa giới cho đến thức giới làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của địa giới cho đến tự tánh của thức giới đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nhân duyên cho đến tăng thượng duyên làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của nhân duyên cho đến tự tánh của tăng thượng duyên đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của vô minh cho đến lão tử làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của vô minh cho đến tự tánh của lão tử đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, chứng đắc, nói năng, chỉ bày của bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của bố thí cho đến tự tánh Bát nhã Ba la mật đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của nội không cho đến vô tánh tự tánh không làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của nội không cho đến tự tánh của vô tánh tự tánh không đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của chơn như cho đến tự tánh cảnh giới bất tư nghì đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày. Nói rộng ra, **các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp Phật làm vô sở đắc**. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp Phật không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát lấy các pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày như vậy làm vô sở đắc. **Vô sở đắc này được gọi là <u>ly sanh</u>**. Sau khi đã chứng nhập địa vị Chánh tánh ly sanh, viên mãn tất cả tịnh lự, giải thoát đẳng trì, đẳng chí, các đại Bồ Tát còn không sanh theo thế lực của định huống là theo phiền não tham, sân, si. Nếu theo thế lực của phiền não mà sanh thì thật phi lý. Đại Bồ Tát này an trụ trong đó tạo các nghiệp. Nếu do thế lực của nghiệp, vị ấy bị lưu chuyển trong các đường thì cũng thật phi lý.

Đại Bồ Tát này tuy trụ trong nhóm các hành như huyễn, như thật làm nhiêu ích các hữu tình mà chẳng đắc huyễn các hữu tình. Đại Bồ Tát này

khi đối việc vô sở đắc như thế, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thường không lười bỏ.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát có thể mau viên mãn tịnh lự Ba la mật vô tướng. Nhờ tịnh lự Ba la mật này sớm được viên mãn, vị ấy mau chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, độ thoát các hữu tình. Pháp luân như vậy gọi là vô sở đắc. *(Q.468, ĐBN)*

6. Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn, như hóa, **viên mãn Bát nhã Ba la mật**. Đại Bồ Tát này như thật biết rõ tánh tướng các tất cả pháp đều như mộng cho đến như hóa, liền có thể viên mãn vô tướng Bát nhã Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu như thật biết rõ tánh tướng các pháp, tất cả như mộng cho đến như hóa?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu chẳng thấy mộng, chẳng thấy kẻ nằm mộng; chẳng nghe tiếng vang, chẳng thấy kẻ nghe vang; chẳng thấy tượng, chẳng thấy kẻ thấy tượng; chẳng thấy bóng sáng, chẳng thấy kẻ thấy bóng sáng; chẳng thấy ánh nắng, chẳng thấy kẻ thấy ánh nắng; chẳng thấy huyễn, chẳng thấy kẻ thấy huyễn; chẳng thấy hóa, chẳng thấy kẻ thấy hóa. Vì sao? Vì mộng cho đến hóa đều là do ngu phu dị sanh điên đảo chấp trước. Các A la hán, Độc giác, chúng Bồ Tát và các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều chẳng thấy mộng, chẳng thấy kẻ mộng, cho đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy kẻ thấy hóa. Vì sao? **Vì tất cả pháp lấy vô tánh làm tánh, chẳng thành chẳng thật, vô tướng vô vi, chẳng thật có tánh, ngang cùng Niết bàn.**

Nếu tất cả pháp lấy vô tánh làm tánh, nói rộng cho đến ngang cùng Niết bàn, làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thẳm sâu, đối tất cả pháp khởi tưởng có tánh, tưởng thành tưởng thật, tưởng hữu tướng tưởng hữu vi, tưởng có thật tánh? Nếu có khởi tưởng như thế, không có lẽ ấy. Vì sao? Vì nếu tất cả pháp có chút tự tánh, có thành có thật, có hữu tướng hữu vi, có thật tánh khá được ấy, thời sở tu Bát Nhã thẳm sâu, chẳng phải Bát nhã Ba la mật.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi **tu hành Bát Nhã chẳng chấp sắc cho đến thức**. Chẳng chấp mười hai xứ cho đến mười tám giới. Chẳng chấp nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng chấp nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng chấp địa giới cho đến thức giới. Chẳng chấp nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Chẳng chấp từ duyên sanh ra các pháp. Chẳng chấp vô minh cho đến lão tử. Chẳng chấp cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, Chẳng chấp tất cả tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí. Chẳng chấp bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Chẳng chấp không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Chẳng chấp bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng chấp khổ tập diệt đạo Thánh đế. Chẳng chấp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không. Chẳng chấp chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, chẳng chấp tất cả pháp Phật.

Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, **do không chấp trước** đối với tất cả pháp môn như vậy nên đại Bồ Tát này viên mãn sơ địa đến thập địa Bồ Tát, nhưng không tham đắm các địa ấy. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này không nắm giữ kẻ hành cũng như pháp hành cho viên mãn sơ địa cho đến thập địa, thì làm sao có thể phát sanh tham đắm đối với các địa ấy. Tuy thực hành Bát Nhã nhưng đại Bồ Tát ấy không nắm giữ Bát Nhã. Do không nắm giữ Bát Nhã nên vị ấy cũng không nắm giữ tất cả pháp. Tuy quán Bát Nhã bao gồm tất cả pháp nhưng đại Bồ Tát này hoàn toàn không nắm bắt các pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp cùng với Bát nhã Ba la mật này đều không hai, không hai phần. Vì sao? **Vì tánh của tất cả pháp không thể phân biệt, gọi là chơn như, là pháp giới, là thật tế... Vì các pháp không tạp, không sai khác vậy.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tánh không tạp, không sai khác, vì sao nói được đây là thiện đây là phi thiện, đây là hữu ký đây là vô ký, đây là hữu lậu đây là vô lậu, đây thế gian đây xuất thế gian, đây hữu vi đây vô vi, có các pháp môn sai khác như thế?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Trong thật tánh tất cả pháp, có pháp khá nói đây là thiện đây là phi thiện, đây là hữu ký đây là vô ký, đây là hữu lậu đây là vô lậu, đây thế gian đây xuất thế gian, đây hữu vi đây vô vi, đây quả Dự lưu, đây quả Nhất lai, đây quả Bất hoàn, đây quả A la hán, đây

Độc giác Bồ đề, đây tất cả hạnh Bồ Tát, đây chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có!

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Do nhân duyên này, phải biết tất cả pháp không tạp không sai khác, không tướng không sanh, không diệt, không ngại, không nói, không chỉ. Thiện Hiện! Phải biết khi xưa tu Bồ Tát đạo Ta hoàn toàn không nắm bắt đối với tự tánh các pháp. Nghĩa là chẳng nắm bắt sắc thọ tưởng hành thức. Chẳng nắm bắt mười hai xứ cho đến mười tám giới. Chẳng nắm bắt nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng nắm bắt nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng nắm bắt địa giới cho đến thức giới. Chẳng nắm bắt nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Chẳng nắm bắt từ duyên sanh ra các pháp. Chẳng nắm bắt vô minh cho đến lão tử. Chẳng nắm bắt cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Chẳng nắm bắt thiện phi thiện. Chẳng nắm bắt hữu ký vô ký. Chẳng nắm bắt hữu lậu vô lậu. Chẳng nắm bắt thế gian xuất thế gian. Chẳng nắm bắt hữu vi vô vi. Chẳng nắm bắt bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng nắm bắt nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không. Chẳng nắm bắt chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, chẳng nắm bắt tất cả các pháp Phật.

Như vậy, Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa Bồ đề, **cần phải khéo học tự tánh các pháp**. Nếu khéo học được tự tánh các pháp, thời có thể khéo tịnh được đạo Bồ đề, cũng có thể viên mãn được các Bồ Tát hạnh, thành thục hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp, đem pháp Tam thừa phương tiện điều phục chúng hữu tình khiến đối ba cõi chẳng còn luân hồi, chứng được Niết bàn rốt ráo an vui.

Như vậy, Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát nên dùng vô tướng mà làm phương tiện tu học Bát nhã Ba la mật như thế.**

Thích nghĩa:

(1). Thiện Tịch Tịnh Như Lai: Phẩm "Pháp Nghĩa Vô Tạp" Q.378, Hội thứ I, ĐBN gọi là Tô Phiến Đa Như lai; Kinh MHBNBLMĐ gọi là Tu Phiến Đa.

(2). Kinh Đại Bát Nhã không có thống nhất trong các pháp tu:

1- Phẩm "Vô Tướng Vô Đắc" (cuối Q.373 đến đầu Q.379) Hội thứ I, ĐBN nói có 2 pháp nhẫn: Một là Phục sân nhuế nhẫn và hai là Vô sanh pháp nhẫn.

2- Phẩm "Vô Tướng" (cuối Q.466 đến đầu Q.467) Hội thứ II, ĐBN vừa tụng qua, nói có 2 pháp nhẫn: Một là Sanh nhẫn và hai là Pháp nhẫn.

3- Phẩm "Không Tạp" của Hội thứ II, ĐBN này, nói có 3 pháp nhẫn: Một là An thọ nhẫn, hai là Quán sát nhẫn và ba là Vô sanh pháp nhẫn. Đây là cách nói đáng tin cậy.

Trong phẩm "Vô Tướng" chúng ta than phiền tuy trong cùng một Kinh ĐBN mà các phẩm hay các Hội lại ***không ghi chính xác tên của các pháp tu:*** *Khi thì ghi là Phục sân nhuế nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn, khi thì ghi là Sanh nhẫn và Pháp nhẫn, khi thì ghi là An thọ nhẫn, Quan sát nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn.*

Vì vậy, trong phần thích nghĩa của Phẩm "Vô Tướng Vô Đắc" của Hôi thứ I. ĐBN, chúng tôi: Lưu ý độc giả cẩn thận về các danh từ này, do cách dịch sai khác có thể làm cho người thọ trì Kinh điển lầm lộn. Chỉ cần nhớ cách gọi ***An thọ nhẫn, Quan sát nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn*** *tùy theo hoàn cảnh nhẫn nhục chịu đựng nên có giai vị và danh tướng Bồ Tát sai khác tùy theo Kinh điển chú thích như Kinh "Bồ Tát Địa Trì quyển 5 nói trên.*

Phải lưu ý cách giải thích của Kinh. Nhóm dịch của Tam Tạng Huyền Trang khi đúc kết toàn thể Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, nhất là các Kinh do các dịch giả có trước, nhóm của Tam tạng Huyền Trang sao lại bỏ vào Kinh ĐBN ***thường không ghi thống nhất các pháp tu và nhất là đối với danh tánh của các nhân vật trong Kinh****. (Chúng ta biết rõ trong 600 quyển của Kinh ĐBN thì chỉ có 481 quyển ở các Hội thứ 1, 3, 5, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 (9 Hội) là do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch. Còn 119 quyển còn lại thuộc các Hội thứ: 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10 (7 Hội), đã có các vị đi trước dịch rồi và nhóm của Ngài Huyền Trang chỉ sao lại thôi.*

Sơ suất này gây trở ngại không ít cho người học đạo. Đó là sơ suất của một người hay một nhóm người làm công việc trùng tuyên Kinh điển. Điều này không thể tránh khỏi đối với một bộ Kinh đồ sộ nhất trong Kinh điển Đại thừa như bộ Đại tùng thư Đại Bát Nhã Ba La mật đây.

Đừng xem đây là lời chỉ trích mà hãy xem đây là nhận xét chân thành trong việc xiển dương Phật đạo. ***TB.***

Sơ giải:

Trước tiên Kinh trình bày giáo pháp của chư Phật tuy nhiều nhưng "chẳng có gì tạp loạn". Chỉ cần hiểu rõ tánh tướng thể dụng của nó, nhất là phải hiểu rõ tự tánh của các pháp(hay pháp tánh). Nhưng chẳng có pháp nào có tự tánh, nếu không có tự tánh, thì phải lấy vô tánh làm tự tánh. Bởi vì tất cả pháp không có tự thể, do duyên hợp mà có, ***nên bảo là không****.* ***Rốt ráo học tất cả pháp là học cái "không" này****. Khi thâm nhập được không (pháp Không, Tánh không hay Bản tánh không) rồi, thì biết nhân không pháp cũng không(1), lúc đó mới có thể tuyên nói tất cả pháp "không có tạp loạn, sai khác".*

Để giải thích toàn thể phẩm này ***Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 77, "Lục Dụ", Tập 5, quyển 88,*** *thuyết như sau:*

"Còn Bồ Tát biết rõ 5 ấm đều là như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên thường dùng tâm KHÔNG mà hành bố thí... dẫn đến hành trí huệ. Bởi vậy nên tuy hành đầy đủ các pháp Ba la mật mà chẳng hề bị chướng ngại.

Ví như mây mù hay bụi trần ngăn che tầm mắt khiến người phàm phu chẳng có thể thấy được hư không. Cũng như vậy, do bị các phiền não tập khí che tâm, nên phàm phu chẳng thấy được thật tướng pháp.

Phàm phu do xa lìa thật tướng pháp, nên thấy có mây mù, có bụi trần ngăn che hư không. Còn chư Phật và chư đại Bồ Tát, ở nơi thật tướng pháp, thấy hư không mà chẳng thấy có mây mù hay bụi trần.

Vì Bồ Tát thường tự tại, vô ngại, nên ở nơi 1 niệm mà được đầy đủ các thiện pháp; ở nơi 1 Ba la mật mà được đầy đủ cả 6 Ba la mật.

Lại nữa, vì Bồ Tát thường tu hành thanh tịnh vô lậu Ba la mật, nên khi chuyển thân vẫn được đầy đủ quả báo vô lậu.

Do được quả báo vô lậu, nên Bồ Tát thường biến thân thành vô lượng thân, đi đến vô lượng cõi nước để nghe chư Phật thuyết pháp, để giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: *Nếu biết các pháp đều là không, là vô tướng, thì làm sao có thể biết được hành bố thí Ba la mật mà đầy đủ các Ba la mật kia?*

Đáp: Người tu hành tuy chẳng tự phân biệt mình có hành Ba la mật nào, mà vẫn đầy đủ cả 6 Ba la mật.

Ví như người tu theo Thanh Văn, khi đã vào được "kiến đế đạo", đã thấy được các pháp vô lậu, vô tướng vô phân biệt rồi, là đã có được chánh kiến. Được chánh kiến rồi là có chánh hạnh, chẳng làm não hại chúng sanh, chẳng khỏi niệm ác... dẫn đến có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tuy chẳng có chỗ nói, chẳng có chỗ làm mà vẫn gọi là có chánh ngữ, chánh nghiệp. Do đã thâm nhập vào chánh ngữ, chánh nghiệp, đã rốt ráo chẳng làm phiền nhiễu chúng sanh, mà thường phát tâm tinh tấn duyên niệm, nên gọi là có chánh niệm. Do thường nhiếp tâm tại một chỗ, nên gọi là có chánh định. Lại nữa, ở thân, thọ, tâm và pháp đều đã biết rõ thật tướng, nên gọi là được đầy đủ 4 niệm xứ.

Bồ Tát hành 4 niệm xứ cũng vào 8 thánh đạo... dẫn đến cũng thường hành "vô tướng bố thí Ba la mật", thường đầy đủ trì giới Ba la mật, thường đầy đủ các thiện pháp. Vì sao?

Vì bố thí và trì giới nhiếp hết thảy các thiện pháp.

Hỏi: *Ở phẩm trước nói, "Trong 1 niệm mà nhiếp hết thảy các Ba la mật. Ở phẩm này nói "Vô tướng Ba la mật nhiếp hết thảy các pháp. Như vậy có gì khác nhau chăng?*

Đáp: Ở phẩm trước nói "Trong 1 niệm mà đầy đủ 6 pháp Ba la mật"; còn ở phẩm này nói "Các pháp tuy là không, là vô tướng, mà thường đầy đủ các pháp Ba la mật".

Như vậy là có khác nhau".

--o0o--

Kinh thuyết liên tục về lục Ba la mật trong các phẩm như "Xảo Tiện Hành", "Tam Tiệm Thứ", "Vô Tướng Vô Đắc", "Pháp Nghĩa Vô Tạp" từ

Q.365 cho đến hết Q.379 mà chúng ta có dịp tụng qua. Nhất là sáu pháp hội cuối cùng từ pháp hội thứ XI cho đến pháp hội thứ XVI (mỗi pháp hội thuyết một Ba la mật từ Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật), như vậy là quá đủ, nên không cần lặp lại ở đây nữa. Các đạo hữu có thể quay lại các phẩm tương đương hay phẩm "Pháp Nghĩa Không Tạp", phần sau Q.378 cho đến phần đầu Q.379, Hội thứ I, ĐBN đọc tụng, nếu muốn.

Cũng nên nói thêm, ở đây có một giáo lý rất hữu ích cần để học hỏi thêm, nên chúng tôi cố gắng nêu ra để các đạo hữu thẩm định: Đoạn Kinh tu tĩnh lự của phẩm này (Q.468, ĐBN), bảo:

"Các đại Bồ Tát **lấy tất cả pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày, làm vô sở đắc**. Đó là: Các đại Bồ Tát **dùng pháp không hành, không chứng, không nói, không chỉ bày của sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm vô sở đắc**. Vì sao? Vì tự tánh của sắc cho đến tự tánh của thức đều không thể hành, chứng, nói năng chỉ bày. Các đại Bồ Tát dùng pháp không hành, không chứng, không nói, không chỉ của mười hai xứ cho đến mười tám giới làm vô sở đắc. Vì sao? Vì tự tánh của mười hai xứ cho đến mười tám giới đều không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày… Nói rộng ra, **các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp Phật làm vô sở đắc**. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp Phật không thể hành, chứng, nói năng, chỉ bày".

"… Các đại Bồ Tát lấy các pháp không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày như vậy làm vô sở đắc. **Vô sở đắc này được gọi là ly sanh**. Sau khi đã chứng nhập địa vị Chánh tánh ly sanh, viên mãn tất cả tịnh lự, giải thoát đẳng trì, đẳng chí, các đại Bồ Tát còn không sanh theo thế lực của định huống là theo phiền não tham, sân, si".

"… Đại Bồ Tát này tuy trụ trong nhóm các hành như huyễn, như thật làm nhiêu ích các hữu tình mà chẳng đắc huyễn hữu tình".

"… Lúc thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát có thể mau viên mãn tịnh lự Ba la mật vô tướng. Nhờ tịnh lự Ba la mật này sớm được viên mãn, vị ấy mau chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, độ thoát các hữu tình".

Kinh bảo các đại Bồ Tát lấy việc không thực hành, không chứng đắc, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp Phật làm vô sở đắc. Vì

sao? Vì tự tánh của tất cả pháp Phật không thể hành, chứng, không nói năng, chỉ bày. Do thực hành vô sở đắc như vậy nên các đại Bồ Tát vào được Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Lại do chứng Chánh tánh ly sanh, đại Bồ Tát mới có thể thành thục hữu tình, thanh tịnh Phật độ.

Vì tất cả pháp là không, vô sở đắc. Đã là không, vô sở đắc thì mong cầu, chấp đắm làm gì cho luống uổng nhọc nhằn. Nên Kinh lúc nào cũng nói là tu Bát Nhã như tu hư không.

Giáo pháp này đã phá tư tưởng của những người hành trì Bát nhã Ba la mật mà tâm còn muốn chứng pháp nọ pháp kia. Tại sao? Vì:

- Trước hết Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến khi thành chánh quả phải học tất cả pháp Phật thì mới có thể trở thành Dự lưu cho đến Vô Thượng Bồ đề. Nên nói tất cả pháp Phật là sở hữu của chư Bồ Tát, của chư Phật. Nên Kinh bảo ***học Phật là phải thọ trì tất cả các pháp môn cho thật thuần thục mới có thể chứng Nhất thiết chủng trí,*** *nghĩa là phải học, phải hiểu, phải viên mãn tất cả pháp môn, phải xử dụng thuần thục các pháp môn Phật học như cái cưa, cái bào, cái đục, cây thước… của người thợ mộc.*

- Nhưng mặt khác, Kinh lại bảo ***các đại Bồ Tát phải lấy việc không hành, không chứng, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp Phật làm vô sở đắc.*** *Vậy, phải coi việc mình tu mình chứng như hư không, giống như huyễn sư và đệ tử của y tuy có thể làm tất cả vật huyễn tuy thấy có mà không thật có. Chẳng có gì là sở hữu, pháp còn phải bỏ hiến chi phi pháp; chẳng có gì là sở đắc, mong cầu nắm bắt chẳng khác nào nắm bắt một làn hương!*

Vì sao? Vì tất cả pháp chỉ là mộng ảnh, bèo bọt, như huyễn như mộng… Mộng ảnh, bèo bọc… cũng tức là không. Vậy trong rỗng không thì có gì để nắm bắt cất giữ? Nếu biết như vậy thì không chấp đắm thủ giữ, mới có thể đắc, mới có thể hiện quán, mới có thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh để thực thi công đức trí tuệ mà thành thục hữu tình, thanh tịnh Phật độ.

Thật ra giáo pháp "các đại Bồ Tát phải lấy việc không hành, không chứng, không nói năng, không chỉ bày của tất cả pháp Phật làm vô sở đắc" chỉ là kết quả của cái gọi là trì độn vô tri của các pháp mà thôi. Đã là trì độn vô tri tức xa lìa vô tác thì làm gì có hành có chứng có nói năng luận bàn?

Những diễn tả của Kinh như vậy cốt để tự mình gia công đào xới, bới vỡ... tự mình lặng sâu vào tâm thức của chính mình, tự tìm lấy ánh sáng giác ngộ, đừng mong cầu ước vọng xa xôi! Giáo lý từ ngoài vào dù xảo diệu cách mấy, cũng chỉ góp phần bồi dưỡng thiện căn công đức hơn là trí tuệ. Nổ lực bên trong mới chính là sở ngộ, sở đắc. Cổ đức bảo "cái gì từ ngoài vào không phải là gia bảo nhà ta" . Hiểu như thế là hiểu hữu sở đắc và vô sở đắc như thế nào trong việc tu hành cũng như trong tiến trình thực hiện giác ngộ?

Kinh nhiều đoạn thuyết không hành không dẫn, không nói năng luận bàn. Tuy nhiên, Phật cũng bảo "nếu không viên mãn tất cả các pháp môn Phật học, cũng không thể chứng đắc sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu không chứng đắc sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao, làm sao thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ".

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Nhân không, pháp không: Nhân không hay chúng sanh không, là cốt để phá ngã, không muốn chúng sanh chấp ngã. Pháp không, tất cả pháp đều do duyên hợp không thật có, nên gọi là pháp không. Nói như vậy để chúng sanh không còn phân biệt pháp tướng hay chấp tướng nữa.

(2). Phật dạy: "Thật tướng của hết thảy các pháp tức là pháp tánh vậy". *Khéo học được pháp tánh là có thể tịnh đạo Bồ đề, cũng có thể viên mãn được Bồ Tát hạnh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng Vô thượng Bồ đề./.*

---o0o---

75. PHẨM "CÁC ĐỨC TƯỚNG"

Cuối Q.468 đến đầu Q.471, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Các Tướng Công Đức", cuối Q.379 cho đến đầu Q.383, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

*Toàn phẩm "Các Đức Tướng" của Hội thứ II này nói về **các pháp mầu Phật đạo**, còn gọi là các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát hay Bồ Tát đạo đã được trình bày đầy đủ trong "Phần thứ I Tổng luận". Nên ở đây chúng tôi không muốn giải thích thêm. Đại Trí Độ Luận hơn 30 quyển đầu của Tập 1 và Tập 2 do Bồ Tát Long Thọ biên soạn, một vị thật tu thật chứng đã diễn giải thật thâm diệu. Đây là một phẩm dài, nhưng so với "Phần thứ I, Tổng luận" do chúng tôi soạn thảo trên 160 trang, thì quá ngắn, nếu 1.000 của Đại Trí Độ Luận cũng thuyết về đề tài này thì còn ngắn hơn nữa! Tuy nhiên, Kinh cũng như Luận thuyết dễ hiểu, mặc dù có trùng tụng, chúng tôi không thể tóm lược, các đạo hữu chịu khó đọc tụng, ghi nhớ và thục hành nếu muốn chứng pháp thân.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như bóng sáng, như ảnh, như quáng nắng, như huyễn, như hóa hoàn toàn không thật có, lấy vô tánh làm tánh, tự tướng không thì tại sao lại bày là thiện là ác, là hữu ký là vô ký, là hữu lậu là vô lậu, là thế gian là xuất thế gian, là hữu vi là vô vi; như vậy cho đến có quả Dự lưu, có pháp có thể chứng đắc quả Dự lưu; quả Nhất lai, có pháp có thể chứng đắc quả Nhất lai; quả Bất hoàn, có pháp có thể chứng đắc quả Bất hoàn; quả A la hán, có pháp có thể chứng đắc quả A la hán; Độc giác Bồ đề, có pháp có thể chứng đắc Độc giác Bồ đề; các địa của đại Bồ Tát, có pháp có thể chứng đắc các Bồ Tát địa; quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, có pháp có thể chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vậy?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Phàm phu ngu si thiếu học ở thế gian đối với mộng thì nắm bắt mộng và nắm bắt người thấy mộng**, như vậy cho đến đối với huyễn hóa thì nắm bắt huyễn hóa và nắm bắt người thấy huyễn hóa. Sau khi nắm bắt mộng cho đến nắm bắt huyễn hóa, phàm phu ngu si kém hiểu biết này điên đảo chấp trước hoặc tạo hạnh bất thiện nơi thân, khẩu, ý; hoặc tạo hạnh lành nơi thân, khẩu, ý; hoặc tạo hạnh vô ký nơi thân, khẩu, ý; hoặc tạo hạnh không phước đức hoặc tạo hạnh phước đức nơi thân, khẩu, ý; hoặc tạo hạnh bất động nơi thân, khẩu, ý; do các hạnh đó nên qua lại trong các nẻo đường sanh tử, luân chuyển không ngừng.

Lúc thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát dùng **hai pháp Không để quán sát các pháp**. Hai pháp Không đó là:

- Pháp tất cánh Không *(Không tối hậu)* và

- Pháp vô tế Không *(Không biên tế)*.

An trụ trong hai pháp Không này, đại Bồ Tát ấy giảng nói Chánh pháp cho các hữu tình. Vị ấy giảng: Các ông nên biết: **Sắc là không, xa lìa ngã và ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức là không, xa lìa ngã và ngã sở**; 12 xứ cho đến 18 giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn xúc là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là không, xa lìa ngã và ngã sở; các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; các cảm thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; địa giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhân duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở; các pháp do nhân duyên sanh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; vô minh là không, xa lìa ngã và ngã sở; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp lành là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp ác là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu ký là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp vô ký là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu lậu là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp vô lậu là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp thế gian là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp xuất thế gian là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu vi là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp vô vi là không, xa lìa ngã và ngã sở; bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật là không, xa lìa ngã và ngã sở; nội không cho đến vô tính tự tính không là không, xa lìa ngã và ngã sở; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì là không, xa lìa ngã và ngã sở; Thánh đế

khổ, tập, diệt, đạo là không, xa lìa ngã và ngã sở; 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp giải thoát không, vô tướng, vô nguyện là không, xa lìa ngã và ngã sở; 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc là không, xa lìa ngã và ngã sở; 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa là không, xa lìa ngã và ngã sở; Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa là không, xa lìa ngã và ngã sở; tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa là không, xa lìa ngã và ngã sở; 5 loại mắt, 6 phép thần thông là không, xa lìa ngã và ngã sở; Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng là không, xa lìa ngã và ngã sở; 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không, xa lìa ngã và ngã sở; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là không, xa lìa ngã và ngã sở; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề là không, xa lìa ngã và ngã sở; tất cả các hạnh của đại Bồ Tát là không, xa lìa ngã và ngã sở; Vô Thượng Bồ đề là không, xa lìa ngã và ngã sở.

Vị ấy lại nói: Các ngươi nên biết! **Sắc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh**; 12 xứ, 18 giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn xúc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các cảm thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; địa giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhân duyên như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các pháp do nhân duyên sanh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; vô minh như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp lành như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp ác như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu ký như mộng cho đến như

huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp vô ký như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu lậu như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp vô lậu như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp thế gian như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp xuất thế gian như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu vi như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp vô vi như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nói rộng ra, tất cả pháp Phật như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh.

Vị ấy lại nghĩ: Các ngươi nên biết! **Ở trong pháp không đó, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức**; không có 12 xứ cho đến 18 giới; không có nhãn xúc cho đến ý xúc; không có các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, không có các cảm thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra; không có địa giới cho đến thức giới; không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không có các pháp do nhân duyên sanh ra; không có vô minh cho đến lão tử; không có pháp thiện ác; không có pháp hữu ký, vô ký; không có pháp hữu lậu, vô lậu; không có pháp thế gian, xuất thế gian; không có pháp hữu vi, vô vi; không có bố thí cho đến Bát Nhã; không có nội không cho đến vô tánh tự tánh không; không có chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; không có Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không có bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; nói rộng ra, không có tất cả pháp Phật; cho đến không có mộng và không có người thấy mộng; không có tiếng vang và người nghe tiếng vang; không có ảnh và người thấy ảnh; không có ánh chớp và người thấy ánh chớp; không có quáng nắng và người thấy quáng nắng; không có huyễn và người thấy huyễn; không có hóa và người thấy hóa.

Vị ấy lại nói: Các ngươi nên biết! **Tất cả pháp này đều không thật, lấy vô tánh làm tánh**. Do phân biệt hư dối nên các ngươi phát sanh các tưởng nên đối trong không uẩn khởi tưởng có uẩn, đối trong không xứ khởi tưởng có xứ, đối trong không giới khởi tưởng có giới, đối trong

không xúc khởi tưởng có xúc, đối trong không thọ khởi tưởng có thọ v.v...

Vị ấy lại nói: Các ngươi nên biết! **Tất cả pháp tánh uẩn xứ giới thảy đều từ duyên sanh**, điên đảo khởi ra các nghiệp nên bị nhiếp thọ dị thục. Vì nguyên nhân nào các ngươi đối pháp không thật hư dối lại khởi tưởng thật.

Khi ấy, Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo đầy đủ đại thần lực, các hữu tình nào tham lam, keo kiệt thì vị ấy tìm cách cứu vớt giúp họ lìa bỏ tham lam keo kiệt. Sau khi các hữu tình đã lìa xan tham rồi, vị ấy dạy họ **tu bố thí Ba la mật**. Nhờ bố thí nên các hữu tình này được giàu sang tự tại, có nhiều của cải và địa vị cao. Từ vị trí đó, Bồ Tát lại tiếp tục dùng phương tiện cứu giúp, dạy họ **tu tịnh giới Ba la mật**. Nhờ tịnh giới nên các hữu tình sanh vào đường lành, được địa vị cao sang tự tại. Từ vị trí đó, Bồ Tát lại tiếp tục cứu giúp dạy họ **tu an nhẫn Ba la mật**. Nhờ an nhẫn các hữu tình này sớm có thể đạt được Vô sanh pháp nhẫn. Từ vị trí đó, Bồ Tát lại tiếp tục phương tiện cứu giúp dạy họ **tu tinh tấn Ba la mật**. Nhờ tinh tấn cho đến khi đạt quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, các hữu tình này không bị thối chuyển đối với các pháp lành. Từ vị trí đó, Bồ Tát lại tiếp tục tìm cách cứu giúp, dạy họ **tu tịnh lự Ba la mật**. Nhờ tịnh lự nên các hữu tình này được sanh cõi trời Phạm thiên, an trụ tự tại đối với sơ tịnh lự. Từ sơ tịnh lự, Bồ Tát tìm cách cứu giúp làm cho họ an trụ vào tịnh lự thứ hai. Tuần tự như vậy, Bồ Tát tìm cách cứu giúp làm họ an trụ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ vị trí này, vị ấy lại tìm cách cứu giúp làm cho họ an trụ vào ba thừa tùy theo căn cơ của họ, hoặc giúp trụ vào 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; hoặc giúp trụ vào 3 môn giải thoát; hoặc giúp trụ vào 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ; hoặc giúp trụ vào Tứ đế; hoặc giúp trụ vào 6 Ba la mật; hoặc giúp trụ vào nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc giúp trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; hoặc giúp trụ vào Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; hoặc giúp trụ vào pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; hoặc giúp trụ vào 5 loại mắt, 6 phép thần thông; hoặc giúp trụ vào Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc giúp trụ vào pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc giúp trụ vào Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; đại Bồ Tát này có phương tiện thiện xảo, nếu các hữu tình tham đắm phước báo hữu vi của bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và

pháp lành khác thì vị ấy dùng các phương tiện an ủi cứu giúp, làm cho họ trụ vào cảnh giới vô dư Niết bàn. Đại Bồ Tát này thực hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, thành tựu pháp vô sắc, vô kiến, vô đối chơn thật vô lậu và an trụ trong đó. Các hữu tình nào cần được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề hoặc là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì vị ấy thị hiện dạy dỗ, khích lệ, vui vẻ tìm cách cứu giúp làm cho họ chứng đắc quả Dự lưu cho đến chứng đắc Vô thượng Bồ đề *(Q.468, ĐBN)*.

Thế nên, Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã, quán 2 pháp không, tuy biết các pháp đều như mộng cho đến như hóa đều chẳng thật, tự tướng đều không, lấy vô tánh làm tánh nhưng vị ấy có thể an lập các pháp thiện phi thiện, nói rộng cho đến có thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề, hoàn toàn không tạp loạn.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát thật là hy hữu, thực hành Bát Nhã, quán 2 pháp Không, tuy biết tất cả các pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng sáng, như ảnh, như quáng nắng, như huyễn, như biến hóa đều chẳng thật, tự tướng đều không, lấy vô tánh làm tánh nhưng vị ấy có thể an lập các pháp thiện, phi thiện khác nhau hoàn toàn không tạp loạn?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói! Các đại Bồ Tát thật là hy hữu, thực hành Bát Nhã quán 2 pháp Không, tuy biết các pháp đều như mộng, không thật, tự tướng đều không, lấy vô tánh làm tánh, nhưng có thể an lập các pháp thiện, phi thiện khác nhau không hề tạp loạn.

Các ngươi nên biết! Các pháp kỳ lạ hy hữu mà các đại Bồ Tát có được khi thực hành Bát Nhã, là pháp mà Thanh văn, Độc giác đều chẳng thể thành tựu, không thể đo lường. Đối với biện tài của các đại Bồ Tát, tất cả Thanh văn, Độc giác các ngươi còn không thể đối đáp huống là các hữu tình khác mà có thể đối đáp được sao?

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Những gì là **pháp kỳ lạ hy hữu** mà các đại Bồ Tát có được khi thực hành Bát Nhã, là pháp mà Thanh văn, Độc giác đều chẳng thể thành tựu, không thể so lường?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Hãy lắng nghe cho kỹ! Hãy lắng nghe cho kỹ! Rồi ghi nhớ điều này ta sẽ giảng nói phân biệt cho ông nghe về pháp kỳ lạ, hy hữu mà các đại Bồ Tát có được lúc hành Bát Nhã thẳm sâu.

Thiện Hiện! Lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát an trụ vào kết quả của **bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, hoặc 5 thần thông, hoặc 37 pháp Bồ đề phần, hoặc Đà la ni, hoặc Tam ma địa, hoặc môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, hoặc 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, hoặc 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, hoặc vô lượng vô biên Phật pháp khác**. Nếu các hữu tình ở khắp 10 phương thế giới cần dùng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật để nhiếp thọ, vị ấy liền dùng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật để nhiếp thọ họ, người cần dùng sơ tịnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ để nhiếp thọ, vị ấy liền dùng sơ tịnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ để nhiếp thọ họ; người cần dùng từ bi hỷ xả để nhiếp thọ, vị ấy liền dùng từ bi hỷ xả nhiếp thọ họ; người cần dùng 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo để nhiếp thọ, vị ấy liền dùng 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo nhiếp thọ họ; người cần dùng Tam ma địa không, vô tướng, vô nguyện để nhiếp thọ, vị ấy liền dùng Tam ma địa không, vô tướng, vô nguyện nhiếp thọ họ; người cần dùng các thiện pháp khác để nhiếp thọ, vị ấy liền dùng các thiện pháp khác để nhiếp thọ họ.

(Đoạn Kinh dưới đây nói về bố thí).

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát làm thế nào an trụ vào kết quả của vô lượng công đức như các pháp Ba la mật, 5 thần thông v.v… để **bố thí nhiếp thọ các hữu tình**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát **bố thí** cho các hữu tình những vật họ cần dùng, nghĩa là người cần thức ăn thức uống thì bố thí cho thức ăn uống; người cần y phục thì thí cho y phục; người cần xe cộ thì thí cho xe cộ; người cần hoa hương thì thí cho hoa hương; người cần ngọa cụ thì thí cho ngọa cụ; người cần nhà cửa thì thí cho nhà cửa; người cần đèn sáng thì thí cho đèn sáng; người cần thuốc men thì thí cho thuốc men; người cần các đồ vật khác thì đều thí cho không để thiếu thốn; hoặc cúng dường cho

Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, nhà cửa, đồ đạc, các loại hương hoa vi diệu, cờ lộng báu, âm nhạc, đèn sáng và các phẩm vật khác v.v… Lúc cúng dường, bố thí như vậy, **Bồ Tát giữ tâm bình đẳng, để hành bố thí**, bình đẳng bố thí cho người phạm giới và người giữ giới, bình đẳng bố thí cho nhơn hoặc phi nhơn, bình đẳng bố thí cho nội đạo, ngoại đạo, bình đẳng bố thí cho bậc Thánh và phàm phu, bình đẳng bố thí cho người cao sang và kẻ hạ tiện. Trên từ chư Phật xuống cho đến súc sanh vị ấy đều bố thí một cách bình đẳng, không có phân biệt, không quán sự hơn kém sai khác của các phước điền do bố thí mà có. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát thông suốt tự tướng của tất cả pháp đều không, **trong pháp không hoàn toàn không có cao thấp sai khác**, nên vị ấy không tưởng đây kia, phân biệt khi hành bố thí.

Do không tưởng đây kia và phân biệt khi hành bố thí nên đại Bồ Tát này sẽ chứng đắc pháp không phân biệt, nghĩa là được viên mãn Nhất thiết tướng trí và vô lượng công đức khác của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết! Nếu đại Bồ Tát thấy các loài bàng sanh… có cầu xin điều gì liền nghĩ: Người đến xin này nếu là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là ruộng phước chơn chánh thì ta nên cúng dường vị ấy, nếu chẳng phải Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà là bàng sanh chẳng phải ruộng phước thì ta không nên bố thí cho chúng. Đại Bồ Tát nào nghĩ như vậy thì **mất Bồ đề tâm**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát cần **phải có tâm thanh tịnh thì ruộng phước mới thanh tịnh**, thấy người cầu xin thì không nên nghĩ: Hữu tình như vậy có cầu vật chi thì ta nên bố thí, còn hữu tình như vậy có cầu vật chi thì ta không nên bố thí. Bồ Tát nào nghĩ như vậy là trái với tâm Bồ đề rộng lớn đã được phát nguyện trước đây: Ta sẽ làm chỗ nương tựa, cồn đảo, nhà cửa, cứu giúp hữu tình. Thấy người đến xin Bồ Tát phải nghĩ: Nay hữu tình này nghèo thiếu, cô đơn, ta phải dùng việc bố thí để bảo bọc họ. Nhờ đó người kia sẽ không trộm cắp đồ vật của người khác, ít muốn, biết đủ và có thể bố thí trở lại cho người khác. Nhờ vậy, họ có thể lìa bỏ việc giết hại sanh mạng nói rộng cho đến có thể bỏ việc nói lời thô tục, cũng có thể điều phục tham sân tà kiến. Sau khi chết nương theo phước nghiệp đời trước, họ sanh vào các dòng họ lớn như Sát đế lợi, Bà la môn, trưởng giả hoặc cư sĩ hoặc gia đình giàu sang khác, đầy đủ của cải, tu các nghiệp lành, hoặc nhờ được sự bố thí nhiếp thọ nên vị ấy dựa vào

ba thừa mà tuần tự tiến đến nơi viên tịch, nghĩa là giúp cho họ chứng đắc Thanh văn, Độc giác và cảnh giới vô thượng thừa bát Niết bàn.

Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào bị các kẻ thù hoặc các hữu tình khác đến làm hại, hoặc có người nghèo thiếu đến xin các bộ phận nơi thân và các thứ của cải, đại Bồ Tát này **không nên sanh tâm phân biệt sai khác** là nên bố thí vật này, không nên bố thí cho vật nọ, chỉ nên phát sanh tâm bình đẳng, tùy theo họ cầu xin thân thể hay của cải đều bố thí cho họ. Vì sao? Vì để làm lợi ích các hữu tình nên đại Bồ Tát này cầu chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chớ chẳng phải vì lợi lạc thân mạng mình. Ai phát sanh tâm phân biệt sai khác là nên bố thí vật này, không nên bố thí vật nọ liền bị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, thế gian, trời, người, A tu la và các Thánh hiền cùng nhau quở trách: Ai cầu ông phát tâm Bồ đề, ai cầu ông thề nguyền làm lợi lạc khắp các loài hữu tình, làm nơi nương tựa cho người không nơi nương tựa, làm nhà cửa cho người không nhà cửa, làm cồn đảo cho người không có cồn đảo, cứu giúp người không ai cứu giúp, tạo an vui cho người không được an vui mà nay phân biệt bố thí này, không bố thí kia.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc đại Bồ Tát hành Bát Nhã, nếu có nhơn hoặc phi nhơn đến cầu xin các tay chân, tủy não, đại Bồ Tát này không nên phát sanh hai tâm phân biệt là bố thí và không bố thí, mà chỉ nghĩ: Tùy theo người kia xin gì ta đều bố thí cho. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này thường nghĩ: Vì lợi ích cho hữu tình nên ta thọ nhận thân này, nếu có ai đến cầu xin thì ta nhất định bố thí cho. Nếu thấy người đến xin Bồ Tát liền nghĩ: Ta vốn nhận thân này là vì người khác, người kia không đến lấy ta còn phải tự cho huống gì họ đến xin mà ta không cho sao? Nghĩ xong, vị ấy vui mừng, tự cắt tay chân mà đưa cho họ. Vị ấy lại tự vui mừng mà nói: Nay ta đạt được lợi ích lớn là bỏ thân dơ bẩn, được thân trong sạch.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã nên học như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát thấy người cầu xin liền nghĩ: Ở trong đây ai bố thí, ai nhận, vật thí là gì, do đâu mà bố thí, vì ai mà thí, vì sao mà thí, tự tánh các pháp đều bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp như vậy hoàn toàn không. Trong pháp không chẳng có thí hay chẳng thí, chẳng thấy cho hay chẳng cho, chẳng thấy nhận hay chẳng nhận…

Thiện Hiện! **Lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát nên học các pháp đều không như vậy**, nghĩa là hoặc do nội không nên không cho đến do vô

tánh tự tánh không nên không. Đại Bồ Tát này an trụ pháp không để hành bố thí, thường không gián đoạn viên mãn bố thí Ba la mật. Do việc bố thí Ba la mật này được viên mãn nên khi bị người khác cắt chặt, cướp đoạt tất cả các vật bên trong và bên ngoài, tâm vị ấy hoàn toàn không phân biệt, sân hận, chỉ nghĩ: Hữu tình và pháp tất cả đều không, ai cắt chặt ta, ai cướp đoạt ta, ai nhận lấy, ai quán sát.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán khắp hằng hà sa số thế giới ở 10 phương, thấy có đại Bồ Tát vì muốn làm lợi lạc cho các loài hữu tình nên nguyện vào **đại địa ngục**, các vị Bồ Tát ấy thấy các hữu tình chịu các nỗi khổ kịch liệt. Sau khi thấy vậy, vị ấy phát sanh ba cách giáo hóa, những gì là ba? Một là giáo hóa bằng **thần biến**, hai là giáo hóa bằng cách **ký thuyết**, ba là giáo hóa bằng cách **giáo giới**.

Đại Bồ Tát này dùng thần biến giáo hóa bằng cách diệt trừ các thứ gây khổ trong địa ngục, như nước sôi, lửa, dao; dùng ký thuyết dạy đạo bằng cách thăm dò tùy theo tâm niệm của các hữu tình ấy mà thuyết pháp cho họ; dùng giáo giới dạy đạo bằng cách phát sanh từ bi hỷ xả đối với họ để thuyết pháp, làm cho các loài hữu tình ở địa ngục ấy phát sanh lòng tin chơn chánh đối với Bồ Tát.

Do nhân duyên này, khi ra khỏi địa ngục, họ được sanh lên cõi trời, hoặc sanh làm người tuần tự dựa vào ba thừa để dứt sạch bờ mé khổ, chứng cảnh giới Niết bàn hoàn toàn an lạc.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, thấy có đại Bồ Tát phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn. Lúc thừa sự cúng dường chư Phật Thế Tôn, các đại Bồ Tát rất vui mừng, ưa thích, cung kính lắng nghe chư vị Như Lai Chánh Đẳng Giác thuyết chánh pháp, nghe rồi thọ trì, đọc tụng cho đến khi đạt quả vị Vô thượng Bồ đề trọn không quên mất. Các vị ấy đem các giáo pháp đã nghe giảng nói chân thật, giúp các hữu tình đạt được an lạc, lợi ích thù thắng.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương thấy có đại Bồ Tát vì muốn lợi ích các loài hữu tình **trong đường súc sanh** nên vị ấy tự xả bỏ thân mạng. Đại Bồ Tát này thấy các súc sanh bị lửa đói áp bức muốn giết hại nhau, nên vị ấy phát sanh lòng thương xót tự cắt các bộ phận của thân, chặt đứt xương cốt quăng khắp 10 phương cho chúng tự ý ăn nuốt. Các loài súc sanh được ăn thịt trên thân của Bồ Tát này đều rất kính yêu và hổ thẹn đối với Bồ Tát. Do

nhân duyên này, chúng thoát khỏi đường súc sanh và được sanh lên trời hoặc sanh làm người, gặp được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nghe giảng chánh pháp, tu hành đúng đắn, tuần tự nương vào ba thừa mà đến nơi viên tịch, nghĩa là chứng đắc đại thừa vô thượng, hoặc Độc giác, hoặc Thanh văn và nhập cảnh giới Niết bàn.

Thế nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát vì thế gian mà làm các việc khó làm, tạo nhiều lợi ích, đó là thực thi phúc lạc cho các hữu tình. Vị ấy tự phát tâm Vô thượng Bồ đề, cũng làm cho người khác phát tâm, tự thực hành các loại chánh hạnh chân thật, cũng làm cho người khác thực hành.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở 10 phương, thấy có đại Bồ Tát vì muốn làm lợi ích cho các loài hữu tình **trong đường ngạ quỉ**, nên nguyện đến cõi ấy tìm cách dứt trừ nỗi đói khổ, làm cho các ngạ quỉ được dứt hết các nỗi khổ và sanh tâm kính yêu, hổ thẹn đối với Bồ Tát này. Bồ Tát lại giảng nói pháp yếu lìa keo kiệt cho họ nghe, nghe xong họ sanh tâm bố thí. Nhờ căn lành này, họ được thoát khỏi đường ngạ quỉ, được sanh cõi trời hoặc người, được gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cúng dường, cung kính nghe giảng chánh pháp, tuần tự tu tập chánh hạnh thuộc ba thừa cho đến khi chứng đắc Vô thượng đại thừa, hoặc Độc giác, hoặc Thanh văn, nhập cảnh giới Niết bàn.

Thế nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ vào đại bi đối với loài hữu tình, phát sanh vô số phương tiện thiện xảo giúp họ chứng đắc Niết bàn thuộc 3 thừa.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới 10 phương thấy có đại Bồ Tát, dùng phương tiện thiện xảo giảng nói chánh pháp cho **chư thiên** trời Tứ đại vương cho đến chư thiên trời Tha hóa tự tại. Sau khi nghe Bồ Tát giảng chánh pháp, chư thiên ấy tuần tự dựa vào 3 thừa siêng tu chánh hạnh và chứng nhập cảnh giới Niết bàn.

Thiện Hiện nên biết! Trong cõi trời chúng kia có các thiên tử tham đắm 5 loại dục lạc vi diệu của cõi trời và các cung điện mà họ ở. Đại Bồ Tát này hóa hiện lửa dữ thiêu đốt cung điện làm cho họ sanh nhàm chán sợ hãi. Nhân đó Bồ Tát giảng nói cho họ nghe pháp: Các thiên tử, hãy quán sát kỹ các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, không đáng tin cậy, người trí không nên say đắm. Nghe pháp âm này, các thiên tử rất nhàm chán và sợ hãi 5 dục, tự quán thân mạng giả dối vô thường giống như thân cây chuối, ánh chớp, quáng nắng, quán các cung điện giống như lao ngục. Sau

khi quán như vậy họ tuần tự nương vào ba thừa siêng tu chánh hạnh và đạt được viên tịch nghĩa là tuần tự chứng nhập Niết bàn thuộc ba thừa.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở 10 phương, thấy có đại Bồ Tát, thấy các vị Phạm thiên chấp trước vào cảnh giới của các kiến, nên dùng phương tiện dạy họ nhàm chán xả bỏ. Bồ Tát dạy: Ở trong các hành rỗng không, vô tướng, hư dối, không thật, vì sao chư thiên các ông lại phát sanh các ác kiến thủ như vậy? Hãy mau xả bỏ nó và tin nhận chánh pháp để giúp cho các ông được an lạc lợi ích lâu dài.

Thế nên, Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát an trụ đại bi giảng nói pháp yếu cho các hữu tình. Thiện Hiện! Đó là pháp kỳ lạ hy hữu mà các đại Bồ Tát có được.**

(Đoạn Kinh dưới đây nói về Tứ nhiếp pháp)

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn thanh tịnh không chướng ngại, quán khắp hằng hà sa số thế giới ở 10 phương thấy có đại Bồ Tát dùng **bốn nhiếp sự** để cứu giúp các hữu tình. Những gì là bốn? **Một là bố thí, hai là ái ngữ, ba là lợi hành, bốn là đồng sự**.

Đại Bồ Tát dùng **bố thí** để cứu giúp các hữu tình như thế nào? Các đại Bồ Tát dùng hai cách bố thí để cứu giúp các hữu tình. Hai cách thí đó là **tài thí** và **pháp thí**. Lúc thực hành Bát Nhã thẩm sâu, các đại Bồ Tát có thể dùng tài thí là dùng nội tài như đầu mình tay chân lóng đốt…, ngoại tài là tiền bạc nhà cửa, của cải, cơm áo… Pháp thí là giảng các pháp thế gian và xuất thế gian để giúp hữu tình tu học mà thoát khổ, được Niết bàn an vui rốt ráo.

Các đại Bồ Tát dùng **ái ngữ** giúp đỡ các hữu tình như thế nào? Lúc thực hành Bát Nhã, trước tiên các đại Bồ Tát dùng âm thanh êm dịu thuyết giảng cho hữu tình nghe về bố thí Ba la mật, kế đó nói cho họ nghe về tịnh giới Ba la mật, kế đó nói về an nhẫn Ba la mật, kế đó nói về tinh tấn Ba la mật, nói về tịnh lự Ba la mật, cuối cùng nói về Bát nhã Ba la mật để tìm cách giúp đỡ họ. Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, các đại Bồ Tát dùng âm thanh êm dịu nói kỹ về sáu Ba la mật để giúp đỡ các loại hữu tình. Vì sao? Vì do sáu Ba la mật này có thể thu nhiếp tất cả pháp lành.

Đại Bồ Tát dùng **lợi hành** để giúp đỡ các hữu tình như thế nào? Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, trong một thời gian dài các đại Bồ Tát dùng đủ mọi phương tiện để khuyên các hữu tình tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và các pháp lành thù thắng khác không biếng nhác phế bỏ.

Các đại Bồ Tát dùng **đồng sự** để cứu giúp các hữu tình như thế nào? Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát dùng thần thông thù thắng và đại nguyện lực thị hiện sống ở địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, nhơn, thiên… cùng làm việc chung với họ, để tìm cách giúp đỡ họ đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát có thể dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự giúp đỡ các hữu tình. Đó là pháp hy hữu, kỳ lạ.**

(Tứ nhiếp pháp là pháp thường được nói đến, vì đó là phương tiện hữu hiệu để dẫn người vào đạo, nên Kinh nhắc nhở nhiều nhất).

(Thế nào là tài thí và pháp thí?)

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát dùng **tài thí** để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật thẳm sau, các đại Bồ Tát có thể đem các loại đồ ăn, uống, y phục, nhà ở, ngọa cụ, xe cộ, đèn sáng v.v… bố thí cho các hữu tình, hoặc đem vàng bạc, bảo châu, báu phả chi ca (lưu ly), ngọc bích kha bối, chơn châu đế thanh, đại thanh, mạc ni, báu thạch tàng, xử tàng, hoa sen hồng… bố thí cho các hữu tình, hoặc đem vợ, con trai, con gái, tôi tớ lớn nhỏ, người hầu, voi, ngựa, trâu, dê và thuốc thang bố thí cho các hữu tình, hoặc đem các loại của báu, kho tàng, thành ấp, xóm làng, ngôi vua bố thí cho các hữu tình, hoặc đem các bộ phận trên thân như tay chân, xương cốt, đầu mắt, tủy não bố thí cho các hữu tình.

Sau khi bố thí cho các hữu tình những vật cần dùng rồi, đại Bồ Tát này lại **khuyến khích họ quy y Phật, Pháp, Tăng;** hoặc khuyến khích họ thọ trì năm giới cận sự; hoặc khuyến khích thọ trì tám giới cận trụ; hoặc khuyến khích thọ trì thập thiện đạo; hoặc khuyến khích tu học tịnh lự thứ nhất cho đến tịnh lự thứ tư; hoặc khuyến khích tu học từ vô lượng cho đến xả vô lượng; hoặc khuyến khích tu học định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc khuyến khích tu học tùy niệm về

Phật cho đến tùy niệm về Thiên; hoặc khuyên tu học quán bất tịnh, quán hơi thở; hoặc khuyên tu học tưởng vô thường cho đến tưởng diệt; hoặc khuyên tu học 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; hoặc khuyên tu học ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc khuyên người tu học 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ; hoặc khuyên tu học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc khuyên an trụ vào pháp nội không cho đến vô tính tự tính không; hoặc khuyên an trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; hoặc khuyên an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc khuyên tu học tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; hoặc khuyên tu học Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa; hoặc khuyên tu học Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; hoặc khuyên tu học 5 loại mắt, 6 phép thần thông; hoặc khuyên tu học 10 lực Như Lai cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc khuyên tu học 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc khuyên tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc khuyên tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hoặc khuyên tu học quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề; hoặc khuyên tu học tất cả Bồ Tát hạnh; hoặc khuyên tu học quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề *(Có nghĩa là bố thí tất cả pháp Phật)*.

Thế nên, Thiện Hiện! Sau khi thực hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã thẳm sâu, bố thí của cải cho các hữu tình, các đại Bồ Tát lại khéo an lập các loài hữu tình, giúp họ trụ trong pháp vô thượng an ổn cho đến giúp họ chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đó là pháp kỳ lạ hy hữu mà đại Bồ Tát có được lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu.

(Đoạn Kinh dưới đây nói về Bố thí pháp (pháp thí) tức nói về bố thí tất cả pháp Phật, còn gọi là các pháp mầu Phật đạo)

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát dùng **pháp thí** cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Pháp thí có 2 loại. Đó là **pháp thí thế gian** và **pháp thí xuất thế gian:**

1- Thế nào là pháp thí thế gian?

- Thiện Hiện! Đó là lúc thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình nghe về pháp vi diệu của thế gian, như là quán bất tịnh, đếm hơi thở, hoặc bốn tịnh lự, hoặc

bốn vô lượng, hoặc bốn định vô sắc, hoặc năm thần thông hoặc các pháp thế gian và phàm phu khác. Như vậy, gọi là pháp thí của thế gian.

Thiện Hiện! Vì sao pháp này được gọi là pháp thế gian? Bởi vì học pháp này thì chưa thể hoàn toàn lìa thế gian nên gọi là thế gian.

Thiện Hiện! Sau khi thực hành pháp vi diệu của thế gian, đại Bồ Tát này lại tìm đủ cách dạy dỗ các hữu tình giúp họ xa lìa các pháp thế gian, dùng mọi phương tiện dạy dỗ hữu tình giúp họ trụ Thánh pháp và kết quả của Thánh pháp.

2- Thế nào là Thánh pháp và kết quả của Thánh pháp?

- Thiện Hiện! Đó là những pháp mà các đại Bồ Tát giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình, gọi là bố thí pháp.

Thiện Hiện! Tất cả các pháp lành không đồng với phàm phu, pháp mà nếu tu đúng đắn thì giúp cho các hữu tình vượt hẳn thế gian và sống an ổn. Đó là **37 Bồ đề phần pháp, 3 môn giải thoát, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, trí bốn Thánh đế, trí Ba la mật và trí của các pháp Không, 10 địa Bồ Tát, 5 loại mắt, 6 phép thần thông, Như Lai 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa.** Tất cả pháp lành, vô lậu như vậy đều được gọi là Thánh pháp xuất thế. Đại Bồ Tát nào giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình nghe các pháp như vậy thì gọi Bồ Tát bố thí pháp xuất thế.

- Thiện Hiện! Trong đây những gì gọi là **37 Bồ đề phần pháp**? Đó là 4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo. *(Q.469, ĐBN)*

- Thiện Hiện! **Bốn niệm trụ** là: Đối với nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân, đại Bồ Tát nương theo thân để quán với đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ tham ái, lo buồn ở đời, dựa vào sự nhóm hợp của thân để quán, dựa vào sự hoại diệt của thân để quán. Do người kia nương vào thân để quán, dựa vào sự nhóm hợp của thân để quán, dựa vào sự hoại diệt của thân để quán, thấy không có chỗ nương dựa

nên không nắm giữ đối với các thế gian. Đó là pháp niệm thứ nhất. Đối với thọ, đối với tâm, đối với pháp cũng vậy, gọi là bốn niệm trụ.

- Thiện Hiện! **Bốn chánh đoạn** là: Đại Bồ Tát vì muốn làm cho pháp ác chưa sanh vĩnh viễn không sanh, vì muốn làm cho pháp ác đã sanh vĩnh viễn bị diệt trừ, vì muốn làm cho pháp lành chưa sanh được sanh, vì muốn làm cho pháp lành đã sanh bền lâu không mất, gia tăng tu tập để chứng đắc trí rộng lớn nên vị ấy phát sanh ý muốn siêng năng tinh tấn, kềm thúc tự tâm. Đó gọi là bốn chánh đoạn.

- Thiện Hiện! **Bốn thần túc** là: Đại Bồ Tát tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ dục Tam ma địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ cần Tam ma địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ tâm Tam ma địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ quán Tam ma địa, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự lìa bỏ, dựa vào sự tiêu diệt, hồi hướng đối với xả. Đó là bốn thần túc.

- Năm căn là: Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn của đại Bồ Tát. Đó là năm căn.

- Thiện Hiện! **Năm lực** là: Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực của đại Bồ Tát. Đó là năm lực.

- Thiện Hiện! **Bảy chi đẳng giác** là: niệm đẳng giác chi, trạch pháp đẳng giác chi, tinh tấn đẳng giác chi, hỷ đẳng giác chi, khinh an đẳng giác chi, định đẳng giác chi, xả đẳng giác chi của đại Bồ Tát. Đó là bảy chi đẳng giác.

- Thiện Hiện! **Tám chi Thánh đạo** là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định của đại Bồ Tát. Đó là tám chi Thánh đạo.

- Thiện Hiện! **Ba môn giải thoát** là pháp môn không, vô tướng, vô nguyện của đại Bồ Tát. Thế nào là pháp môn giải thoát không? Đó là đại Bồ Tát dùng hành tướng rỗng không của vô ngã thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là không giải thoát môn. Thế nào là pháp môn giải thoát vô tướng? Đó là đại Bồ Tát dùng hành tướng vắng lặng, tịch diệt thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát vô tướng. Thế nào gọi là pháp môn giải thoát vô nguyện? Đó là đại Bồ Tát dùng hành tướng khổ, vô thường thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát vô nguyện.

- Thiện Hiện! **Tám giải thoát** là: Đại Bồ Tát tự có sắc quán các sắc bên ngoài. Đó là giải thoát thứ nhất. Tưởng bên trong không có sắc quán các sắc bên ngoài là giải thoát thứ hai, chứng đắc sự thanh tịnh trong thân là giải thoát thứ ba. Vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, nhập vào định vô biên không, Không vô biên xứ định và hoàn toàn an trụ trong đó, là giải thoát thứ tư. Vượt qua tất cả không vô biên xứ nhập vào định vô biên thức, Thức vô biên xứ và an trụ hoàn toàn trong đó, là giải thoát thứ năm. Vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vào định vô thiểu sở hữu, Vô sở hữu xứ và hoàn toàn an trụ trong đó, là giải thoát thứ sáu. Vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ và hoàn toàn an trụ trong đó, là giải thoát thứ bảy. Vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập vào định diệt tưởng thọ và hoàn toàn an trụ trong đó là giải thoát thứ tám.

- Thiện Hiện! **Chín định thứ đệ** là: Đại Bồ Tát lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập vào sơ tịnh lự và an trụ hoàn toàn trong đó, là lớp định thứ nhất. Vắng mặt tầm tứ, trong tâm yên tịnh chỉ còn tánh không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc, nhập vào tịnh lự thứ nhì và hoàn toàn an trụ trong đó, là lớp định thứ hai. Lìa hỷ, trụ vào xả chánh niệm chánh tri thân thọ lạc mà bậc Thánh dạy nên xả bỏ, đầy đủ niệm lạc trụ nhập vào tịnh lự thứ ba và an trụ hoàn toàn trong đó, là lớp định thứ ba. Dứt vui dứt khổ khiến vui khổ trước đây chấm dứt, hoàn toàn không còn khổ, không vui, xả niệm thanh tịnh, nhập tịnh lự thứ tư và an trụ trong đó, là lớp định thứ tư, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ tưởng hữu đối, không tư duy các loại tưởng, nhập vào định vô biên không Không vô biên xứ và hoàn toàn an trụ trong đó, là lớp định thứ năm. Như vậy cho đến vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào định diệt tưởng thọ và hoàn toàn an trụ trong đó, là lớp định thứ chín.

- Thiện Hiện! **Trí bốn Thánh đế** là: Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí của đại Bồ Tát.

- Thiện Hiện! **Ba la mật** là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí, Ba la mật của đại Bồ Tát. Đó là Ba la mật.

- Thiện Hiện! **Trí về các pháp Không** là trí hiểu biết pháp nội không cho đến trí vô tánh tự tánh không, trí hiểu biết chơn như cho đến trí cảnh giới bất tư nghì của đại Bồ Tát. Đó là trí của các pháp Không.

- Thiện Hiện! **Mười địa Bồ Tát** là: Cực hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa. Đó là Bồ Tát thập địa.

- Thiện Hiện! **Năm loại mắt** là: Nhục nhãn, thiên nhãn, Thánh huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn mà đại Bồ Tát đã mong cầu

- Thiện Hiện! **Sáu phép thần thông** là: Các thần thông mà đại Bồ Tát tu học như thần cảnh trí chứng thông, thiên nhãn trí chứng thông, thiên nhĩ trí chứng thông, tha tâm trí chứng thông, túc trụ tùy niệm trí chứng thông, lậu tận trí chứng thông. Đó là sáu thần thông.

- Thiện Hiện! **Như Lai Mười lực** là: Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với đạo lý biết như thật là đạo lý, đối với phi đạo lý biết như thật là phi đạo lý. Đó là lực thứ nhất. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết như thật về các nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai của các hữu tình và nhơn dị thục của các pháp thọ xứ. Đó là lực thứ hai. Các Như Lai biết rõ như thật về đủ loại cảnh giới khác nhau của các chúng sanh là lực thứ ba. Các Như Lai biết rõ như thật về các loại hiểu biết tầm tứ khác nhau là lực thứ tư. Các Như Lai biết rõ như thật căn cơ hơn kém của các hữu tình và chúng sanh là lực thứ năm. Các Như Lai biết rõ như thật các hạnh nghiệp của các cảnh giới là lực thứ sáu. Các Như Lai biết rõ như thật sự an lập sai khác của tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, tạp nhiễm trong sạch là lực thứ bảy. Các Như Lai dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn loài người, thấy các việc thiện ác lúc sống, chết của các loài hữu tình. Do ba nghiệp ác nơi thân, miệng,

ý, do các tà kiến, do hủy báng Thánh hiền nên các hữu tình này đọa vào các đường ác. Nhờ các loại diệu hạnh nơi ba nghiệp thân, miệng, ý, nhờ các chánh kiến, nhờ ca ngợi Thánh hiền nên hữu tình này sanh vào các đường lành. Các Ngài lại dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn loài người, thấy các sắc đẹp, sắc xấu của các hữu tình lúc sống, chết và do đó lại sanh vào các đường lành đường dữ. Như thật biết việc các hữu tình sanh vào đường lành dữ tùy theo thế lực của họ. Đó là lực thứ tám. Các vị Như Lai biết rõ như thật đối với vô số việc trong đời quá khứ của các hữu tình, biết rõ các việc làm, lời nói, tướng mạo của họ trong 1 đời, 10 đời, 100 đời, 1.000 đời hoặc vô lượng đời hoặc 1 kiếp, 10 kiếp, 100 kiếp, 1.000 kiếp hoặc vô lượng kiếp đó là lực thứ chín. Các vị Như Lai biết rõ như thật về các lậu tận, về tâm giải thoát vô lậu, về tuệ giải thoát vô lậu, đối với pháp giải thoát chơn chánh, dứt sạch phiền não, vị ấy chứng đắc thông suốt và hoàn toàn an trụ trong đó, nhận biết như thật sự sống đã hết, không còn tham ái, việc làm đã xong, không còn tái sanh. Đó là lực thứ 10. Đó là Như Lai 10 lực.

- Thiện Hiện! **Bốn vô sở úy** là: Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng: Ta là bậc Chánh Đẳng Giác. Giả sử có Sa môn hoặc Bà la môn, hoặc thiên ma và trời Phạm thiên vương, hoặc thế gian khác dựa vào pháp để vấn nạn, hoặc làm cho nghĩ nhớ lại đối với pháp này Phật chẳng phải là Chánh Đẳng Giác thì đối với sự vấn nạn đó, Ta thấy rõ nó không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên Ta được an ổn không lo sợ và tự xưng Ta ở ngôi vị của Phật Thế Tôn, nên ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, chuyển vận bánh xe Đại Phạm mà tất cả Sa môn, Bà la môn hoặc Thiên ma, Phạm thiên hoặc thế gian khác chắc chắn không có ai có thể chuyển vận như pháp ấy. Đó là vô úy thứ nhất.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng, Ta đã vĩnh viễn diệt sạch các phiền não, giả sử có Sa môn, Bà la môn, Thiên ma, Phạm thiên, hoặc các thế giới khác y theo pháp vấn nạn muốn nghĩ làm cho Phật vẫn chưa vĩnh viễn dứt trừ các phiền não này thì đối với sự vấn nạn ấy Ta thấy rõ là không căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên Ta được an ổn không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận

chuyển bánh xe Đại Phạm mà tất cả Sa môn, Bà la môn, Thiên ma, Phạm thiên hoặc các thế gian khác chắc chắn không có ai có thể vận chuyển đúng pháp ấy. Đó là vô úy thứ nhì.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng, Ta nói cho các đệ tử nghe pháp có thể ngăn cản sự nhiễm ô. Giả sử có Sa môn hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma, Phạm thiên hoặc thế gian khác y pháp vấn nạn hoặc làm cho suy nghĩ có sự nhiễm ô pháp này không thể ngăn cản được thì đối với sự vấn nạn đó, Ta thấy rõ nó không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn đó là không căn cứ nên Ta được an ổn không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại Phạm mà tất cả Sa môn, Bà la môn, Thiên ma, Phạm thiên hoặc các thế gian khác chắc chắn không có ai có thể chuyển vận đúng pháp ấy. Đó là vô úy thứ ba.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng, Ta nói cho các đệ tử nghe về đạo xuất ly mà các bậc Thánh tu tập, quyết định xuất ly, chắc chắn thông đạt, dứt sạch các khổ đến tận bờ mé. Giả sử có Sa môn hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma, Phạm thiên hoặc thế gian khác dựa vào pháp vấn nạn hoặc làm cho suy nghĩ có người nào tu theo đạo này thì chẳng phải xuất ly đúng đắn, chẳng phải thông đạt đúng đắn, chẳng hoàn toàn dứt khổ, không thể vượt hết khổ thì Ta thấy rõ sự vấn nạn ấy là không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên Ta được an ổn, không lo sợ, và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại Phạm mà tất cả Sa môn, Bà la môn, Thiên ma, Phạm thiên hoặc các thế gian khác chắc chắn không có ai có thể chuyển vận đúng pháp ấy. Đó là vô úy thứ tư. Đó là 4 vô sở úy.

- Thiện Hiện! **Bốn vô ngại giải** là: Nghĩa vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải và biện vô ngại giải.

Thiện Hiện! Thế nào là nghĩa vô ngại giải? Đó là trí biết rõ nghĩa lý không bị ngưng trệ. Thế nào là pháp vô ngại giải? Đó là trí không bị ngăn ngại đối với giáo pháp. Thế nào là từ vô ngại giải? Đó là trí thông đạt về ngôn từ. Thế nào là biện vô ngại giải? Đó là trí biện bác, nói năng không bị ngưng trệ.

- Thiện Hiện! **Mười tám pháp Phật bất cộng** là: Các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường không lầm lỗi, không nói giọng thô bạo, ý niệm không sai sót, tâm luôn ở thắng định, không có các loại tưởng, luôn lựa chọn xả bỏ, không lui mất ý muốn làm việc thiện, tinh tấn không giảm, nhớ nghĩ không thối chuyển, trí tuệ không thối chuyển, giải thoát không thối chuyển, giải thoát tri kiến không thối chuyển, trí tuệ hiểu biết về đời quá khứ không bị dính mắc, ngăn ngại, trí tuệ hiểu biết về đời hiện tại không bị dính mắc, ngăn ngại, trí tuệ hiểu biết về đời vị lai không bị dính mắc, ngăn ngại, tất cả thân nghiệp đều được trí tuệ dẫn dắt và chuyển theo trí tuệ, tất cả ngữ nghiệp được trí dẫn dắt và chuyển vận theo trí huệ, tất cả ý nghiệp được trí dẫn dắt và chuyển vận theo trí huệ. Đó là mười tám pháp Phật bất cộng.

- Lại nữa Thiện Hiện! **32 tướng tốt** của bậc Đại sĩ là:

1- Lòng bàn chân bằng phẳng đầy đặn giống như đáy hộp, tuy đất gập ghềnh nhưng hễ bước đến chỗ nào thì bàn chân liền tiếp xúc đều với mặt đất, không có chỗ nào chẳng tiếp xúc. Đó là tướng thứ nhất.

2- Dưới chân Như Lai có hoa văn hình bánh xe ngàn căm, các tướng vành và trục đều tròn trịa. Đó là tướng thứ hai.

3- Tay chân Như Lai đều mềm dịu như bông đổ la (bông sợi) hơn hết tất cả. Đó là tướng thứ ba.

4- Giống như nhạn chúa giữa các ngón tay ngón chân của Như Lai đều có màn da và hoa văn bằng màu vàng ròng giao nhau như bức tranh thêu. Đó là tướng thứ tư.

5- Các ngón tay ngón chân của Như Lai tròn trịa thon dài rất khả ái. Đó là tướng thứ năm.

6- Gót chân Như Lai rộng dài đầy đặn, tương xứng với mu bàn chân, hơn hẳn các hữu tình khác. Đó là tướng thứ sáu.

7- Mu bàn chân của Như Lai dài, cao, đầy đặn, mềm mại, xinh đẹp, tương xứng với gót chân. Đó là tướng thứ bảy.

8- Hai bắp chân Như Lai tuần tự thon tròn như bắp chân của nai chúa Ế nê da tiên. Đó là tướng thứ tám.

9- Đôi cánh tay Như Lai tròn trịa dài thẳng như vòi voi chúa, khi đứng thẳng thì đụng gối. Đó là tướng thứ chín.

10- Âm tướng của Như Lai ẩn kín giống như long mã hoặc như voi chúa. Đó là tướng thứ mười.

11- Mỗi lỗ chân lông của Như Lai đều sanh một sợi lông mềm mại xanh biếc xoay về phía phải. Đó là tướng thứ mười một.

12- Lông tóc Như Lai ngay thẳng và lướt lên trên xoay về phía phải mềm mại xanh biếc, trang nghiêm thân kim sắc rất xinh đẹp. Đó là tướng thứ mười hai.

13- Da trên thân Như Lai mịn, mỏng, trơn, láng, bụi, đất, nước… đều không thể bám. Đó là tướng thứ mười ba.

14- Da trên thân Như Lai thuần một màu vàng ròng, sáng sạch, lóng lánh như đài bằng vàng xinh đẹp được các vật báu trang sức mọi người đều thích. Đó là tướng thứ mười bốn.

15- Bảy chỗ là lòng hai bàn chân, lòng hai bàn tay, cổ và hai vai của Như Lai đều đầy đặn. Đó là tướng thứ mười lăm.

16- Vai, ót Như Lai tròn trịa xinh đẹp. Đó là tướng thứ mười sáu.

17- Bắp tay và nách Như Lai đều đầy đặn. Đó là tướng thứ mười bảy.

18- Dung mạo Như Lai cao lớn, ngay thẳng. Đó là tướng thứ mười tám.

19- Thân tướng Như Lai cao lớn trang nghiêm. Đó là tướng thứ mười chín.

20- Thể tướng Như Lai cao rộng, tròn đầy như cây Nặc cù đà. Đó là tướng thứ hai mươi.

21- Cằm, ngực và nửa thân trên của Như Lai oai phong rộng lớn như sư tử chúa. Đó là tướng thứ hai mươi mốt.

22- Quanh mình Như Lai thường có ánh sáng chiếu ra một tầm. Đó là tướng thứ hai mươi hai.

23- Như Lai có bốn mươi cái răng đều đặn, bằng phẳng, kín, sạch, gốc sâu, trắng hơn ngọc Kha tuyết. Đó là tướng thứ hai mươi ba.

24- Bốn răng cửa của Như Lai trắng đẹp, bén. Đó là tướng thứ hai mươi bốn.

25- Như Lai ăn gì cũng biến thành vị ngon nhất trong các vị. Đó là tướng thứ hai mươi lăm.

26- Tướng lưỡi Như Lai mỏng, sạch, dài, rộng có thể che kín mặt cho đến tai và mí tóc. Đó là tướng thứ hai mươi sáu.

27- Phạm âm của Như Lai có từ ngữ và âm vận rộng và tao nhã, dù chúng nhiều ít cũng đều nghe được âm thanh vang rền giống như tiếng trống trời, phát ngôn thánh thót như tiếng chim Tần ca. Đó là tướng thứ hai mươi bảy.

28- Lông mi Như Lai giống như mi trâu chúa xanh biếc, ngay thẳng, không lẫn lộn nhau. Đó là tướng thứ hai mươi tám.

29- Con ngươi mắt của Như Lai xanh biếc, trắng trong, có vòng hồng trang sức xung quanh, lóng lánh, rõ ràng. Đó là tướng thứ hai mươi chín.

30- Khuôn mặt Như Lai giống như trăng rằm, lông mày sáng và sạch như cây cung của vua trời. Đó là tướng thứ ba mươi.

31- Giữa chặng mày Như Lai có tướng lông trắng mềm mại, xoay qua phải như bông đổ la, trắng trong sáng sạch hơn ngọc Kha tuyết. Đó là tướng thứ ba mươi mốt.

32- Nhục kế trên đảnh của Như Lai nhô cao tròn trịa giống như lọng trời. Đó là tướng thứ ba mươi hai.

Đó là ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ. *(Q.470, ĐBN)*

- Lại nữa Thiện Hiện! **Tám mươi vẻ đẹp** là:

1- Móng tay Như Lai hẹp, dài, mỏng, láng, sáng sạch, trong trắng như hoa hoặc như đồng.

2- Ngón chân ngón tay Như Lai tròn, thon dài, ngay thẳng, mềm mại, đốt xương không lộ.

3- Các ngón tay ngón chân của Như Lai đều bằng nhau không so le, giữa kẽ các ngón đều khít kín.

4- Tay chân Như Lai tròn đầy như ý, mềm sạch, sáng mịn, màu như hoa sen.

5- Gân mạch Như Lai buộc ràng chắc chắn, ẩn sâu chẳng hiện.

6- Hai mắt Như Lai đều ẩn chẳng lộ.

7- Bước đi Như Lai tiến tới thong thả như long tượng chúa.

8- Như Lai bước đi oai nghi tề chỉnh như sư tử chúa.

9- Như Lai bước đi vững vàng thong thả, không nhanh không chậm giống như trâu chúa.

10- Như Lai bước đi tiến dừng nhẹ nhàng giống như ngỗng chúa.

11- Khi ngó lui thì Như Lai xoay từ phải sang trái và toàn thân chuyển theo như voi chúa.

12- Các bộ phận của Như Lai thẳng tròn và sắp xếp khéo léo.

13- Các đốt xương Như Lai kết nhau không hở giống như rồng lượn.

14- Xương đầu gối của Như Lai được sắp xếp khéo léo, rắn chắc, tròn đẹp.

15- Chỗ kín của Như Lai có hoa văn xinh đẹp đầy đủ oai thế viên mãn thanh tịnh.

16- Thân Như Lai trơn láng mềm mại, sáng láng, sạch đẹp, đất bụi không dính.

17- Dung mạo của Như Lai rất nghiêm nghị, không sợ hãi, không hèn nhát.

18- Các bộ phận của thân Như Lai chắc chắn, đầy đặn, khéo kết dính vào nhau.

19- Thân phần của Như Lai tròn đầy, an ổn vững vàng, chưa từng lay động, không hư hoại.

20- Thân tướng của Như Lai giống như vua trời, trông rất đoan trang, sáng sạch, không bị ngăn che.

21- Thân Như Lai có ánh sáng tròn đầy bao xung quanh, khi đi thường tự chiếu sáng.

22- Bụng Như Lai vuông vức không lệch, mềm mại, không lộ, ẩn kín, các tướng trang nghiêm.

23- Rốn sâu có xoáy về bên phải, tròn đẹp, sạch sẽ, sáng láng.

24- Rốn Như Lai dày, chẳng lõm, chẳng lồi, xoáy tròn rất đẹp.

25- Da Như Lai không bị ghẻ lỡ, nốt ruồi, thịt dư.

26- Lòng bàn tay Như Lai đầy đặn, mềm mại, lòng bàn chân bằng phẳng.

27- Chỉ tay Như Lai sâu, dài, rõ, thẳng, trơn láng không đứt đoạn.

28- Môi Như Lai có màu đỏ tươi sáng như trái Tần bà, trên dưới tương xứng.

29- Khuôn mặt Như Lai đoan trang, kích thước trung bình, không dài không ngắn, không to không nhỏ.

30- Tướng lưỡi Như Lai mềm mỏng, dài rộng màu đỏ như đồng.

31- Như Lai phát tiếng, chấn động rất xa, rõ ràng trong trẻo như tiếng rống của voi chúa.
32- Giọng nói Như Lai nghe âm vang như tiếng vọng từ hang sâu.
33- Mũi Như Lai cao và ngay thẳng, lỗ mũi ẩn kín.
34- Các răng Như Lai vuông vức đều đặn trắng đẹp.
35- Răng cửa Như Lai tròn, trắng, sáng sạch, bén.
36- Mắt Như Lai trong xanh và sáng rõ.
37- Mắt Như Lai dài rộng giống như hoa sen xanh, trông rất đẹp.
38- Lông mi Như Lai trên dưới ngay thẳng và không bạc.
39- Cặp mày Như Lai dài mà không bạc, rậm mà mềm mại.
40- Cặp mày Như Lai đẹp đẽ có thứ lớp màu xanh biếc như lưu ly.
41- Cặp mày Như Lai cao rõ, sáng láng, hình như mặt trăng đầu tháng.
42- Tai Như Lai dày, rộng lớn, trái tai dài và tròn trịa.
43- Hai tai Như Lai xinh đẹp, bằng phẳng, không có các lỗi.
44- Dung nhan Như Lai làm cho người nhìn thấy không bị khó chịu, không đắm nhiễm, sanh kính yêu.
45- Trán Như Lai rộng, tròn đầy, bằng phẳng hình dạng xinh đẹp.
46- Thân phần Như Lai trên dưới tròn đầy như sư tử chúa, oai nghiêm không có đối thủ.
47- Tóc trên đầu Như Lai dài, xanh biếc, dày và không bạc.
48- Tóc trên đầu Như Lai thơm sạch mềm mại, óng mượt và xoay về phía bên phải.
49- Tóc Như Lai gọn gàng, không rối, cũng chẳng dính đùm.
50- Tóc Như Lai chắc chắn không gãy, không bao giờ rụng.
51- Tóc Như Lai trơn bóng đẹp đẽ, không dính bụi bặm.
52- Thân phần Như Lai vững chắc, đầy đặn hơn Na la diên.
53- Thân thể Như Lai cao lớn ngay thẳng.
54- Các khiếu (lỗ tai, mũi…) của Như Lai thanh tịnh tròn đẹp.
55- Thân Như Lai có thế lực thù thắng không ai sánh bằng.
56- Thân tướng Như Lai được mọi người thích xem, không hề biết chán.
57- Khuôn mặt Như Lai dài rộng vừa phải, sáng láng rạng rỡ như mặt trăng tròn mùa thu.

58- Dung nhan Như Lai thư thái, rạng rỡ, mỉm cười trước khi nói, chỉ ngó trước không quay lui.
59- Diện mạo Như Lai sáng láng, vui vẻ, xa lìa các lỗi nhăn nhó, đổi sắc xanh đỏ.
60- Thân Như Lai thanh tịnh không bẩn, không hôi hám.
61- Các lỗ chân lông trên thân Như Lai đều tiết ra mùi hương vi diệu như ý.
62- Miệng Như Lai thường phát ra mùi hương thù thắng bậc nhất.
63- Tướng đầu Như Lai tròn trịa, xinh đẹp như quả Mạt đạt na hoặc như lộng trời.
64- Lông thân Như Lai sáng sạch xanh biếc như cổ chim công, đỏ hồng xinh đẹp giống như đồng đỏ.
65- Pháp âm Như Lai lớn nhỏ tùy chúng, không tăng không giảm, đúng lý không sai.
66- Tướng đảnh Như Lai không ai thấy được.
67- Tay chân Như Lai kẽ ngón phân minh, trang nghiêm xinh đẹp như màu đồng đỏ.
68- Lúc Như Lai đi, chân cách đất bốn ngón tay nhưng hiện dấu ấn.
69- Như Lai tự đứng vững không cần ai đỡ, thân không nghiêng ngã, xiêu vẹo.
70- Oai đức Như Lai chấn động tất cả, người ghét thấy sanh mừng, người lo sợ thấy thì được an ổn.
71- Âm thanh Như Lai không cao không thấp, tùy theo ý thích của chúng sanh mà vui vẻ nói cho họ.
72- Tùy theo ý thích và ngôn ngữ của các loại hữu tình mà Như Lai thuyết pháp cho họ.
73- Như Lai dùng một loại ngôn ngữ để thuyết pháp mà các loại hữu tình đều hiểu được.
74- Như Lai thuyết pháp đều theo thứ lớp, chắc chắn có nhân duyên, lời lẽ đều khéo léo.
75- Như Lai quán sát các loại hữu tình, khen người thiện, chê người ác nhưng không thương ghét.
76- Khi phải làm gì, Như Lai quán trước làm sau, đầy đủ khuôn phép giúp họ biết việc thiện trong sạch.

77- Tướng hảo của Như Lai tất cả hữu tình không ai có thể quán sát hết.

78- Xương đảnh của Như Lai rắn chắc tròn đầy.

79- Dung nhan Như Lai thường trẻ không già, phần tốt thay thế phần cũ.

80- Tay chân và trước ngực Như Lai đều có đức tướng kiết tường xoay về phía phải giống như bức họa thêu, sắc màu đỏ tươi.

Đó là tám mươi vẻ đẹp.

Thiện Hiện! Do Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thành tựu các tướng hảo như vậy nên **ánh sáng trên thân có thể tùy ý chiếu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới**. Khi nào Như Lai tác ý ánh sáng liền có thể chiếu khắp vô số thế giới nhưng vì thương xót các hữu tình nên Như Lai thu ánh sáng chỉ thường chiếu ra xung quanh mặt một tầm. Nếu phóng ánh sáng của thân ra thì ánh sáng của mặt trời và mặt trăng đều lặn mất, thì các loài hữu tình không thể biết thời gian ngày, đêm, năm tháng… và các việc làm của họ không được thành tựu.

Âm thanh Phật nếu để tự do thì có thể biến khắp Tam hiên đại thiên thế giới, hoặc lúc tác ý liền có thể biến khắp vô số thế giới nhưng vì muốn làm lợi ích cho hữu tình nên âm thanh ấy tùy theo số lượng chúng, không giảm không tăng.

Thiện Hiện! Công đức thù thắng như vậy, trước kia khi còn là Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, Ta đã thành tựu trọn vẹn cho nên nay có tướng hảo viên mãn trang nghiêm, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, đạt được an lạc lợi ích thù thắng.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát có thể dùng hai loại bố thí là tài thí và pháp thí để giúp đỡ các hữu tình. Đó là pháp kỳ lạ hy hữu.

- Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát 10 phương hằng hà sa số thế giới, thấy có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát Nhã, dạy dỗ các đại Bồ Tát khác: Đến đây thiện nam tử, ông nên khéo học làm phát sanh các **văn tự Đà la ni**, nghĩa là nên học 1 chữ, 2 chữ cho đến 10 chữ như vậy cho đến 20, 30, cho đến hoặc 100, hoặc 1.000 hoặc vạn, cho đến vô số làm phát sanh một cách tự tại, lại nên khéo học tất cả ngôn ngữ đều nhập vào 1 chữ, nhập 2 chữ, cho đến 10 chữ, như vậy

cho đến hoặc nhập vào 20, hoặc nhập vào 30 cho đến hoặc 100, hoặc 1.00, hoặc vạn cho đến vô số hoạt dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học ở trong một chữ bao gồm tất cả chữ, trong tất cả chữ bao gồm một chữ sử dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học một chữ có thể bao gồm 42 chữ cái, 42 chữ cái có thể bao gồm một chữ.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này nên khéo học 42 chữ cái nhập vào một chữ, một chữ cũng nhập vào 42 chữ cái. Sau khi đã học như vậy vị ấy phát sanh thiện xảo đối với các chữ. Sau khi đã làm phát sanh thiện xảo đối với chữ rồi, họ lại làm phát sanh thiện xảo đối với không chữ. Giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo léo đối với pháp, khéo léo đối với chữ. Do khéo léo đối với các pháp và các chữ nên vị ấy cũng khéo léo đối với không chữ. Nhờ khéo léo nên vị ấy có thể giảng cho hữu tình nghe về pháp có chữ và pháp không chữ, vì pháp không chữ mà nói về pháp có chữ. Vì sao? Vì lìa chữ, không chữ thì không khác Phật pháp, vượt qua tất cả chữ thì gọi là chơn Phật pháp. Vì sao? Vì do tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn không, vô tế không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn không, vô tế không, vượt qua các văn tự, thì tự tánh của tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn bất khả đắc. Vậy các đại Bồ Tát làm sao tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật? Làm sao tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc? Làm sao tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo? Làm sao tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện? Làm sao an trụ pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không? Làm sao an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì? Nói rộng ra, làm sao an trụ tất cả pháp Phật?

Bạch Thế Tôn! **Tất cả hữu tình đều bất khả đắc.** Các việc làm của hữu tình cũng bất khả đắc. Do tất cả hữu tình bất khả đắc nên sắc cho đến thức cũng bất khả đắc; 12 xứ cho đến 18 giới cũng bất khả đắc; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng bất khả đắc; các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra cũng bất khả đắc; địa giới cho đến thức giới cũng bất khả đắc; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng bất khả đắc; các pháp do nhân

duyên sanh ra cũng bất khả đắc; vô minh cho đến lão tử cũng bất khả đắc; bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc; 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc cũng bất khả đắc; 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo cũng bất khả đắc; pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng bất khả đắc; pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng bất khả đắc; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì cũng bất khả đắc; nói rộng ra, cho đến tất cả pháp Phật cũng bất khả đắc?

Bạch Thế Tôn! Trong bất khả đắc không hữu tình, cũng không thi thiết hữu tình. Không sắc cho đến thức, cũng không thi thiết uẩn kia. Không 12 xứ cho đến 18 giới, cũng không thi thiết các xứ giới kia. Không nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, cũng không thi thiết kia. Không có địa giới cho đến thức giới và sự thi thiết của nó. Không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên và sự thi thiết của nó. Không có các pháp do nhân duyên sanh ra và sự thi thiết của nó. Không có vô minh cho đến lão tử và sự thi thiết của nó. Không có bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật và sự thi thiết của nó. Không có pháp nội không cho đến vô tính tự tính không và sự thi thiết của nó. Không có chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì và sự thi thiết của nó. Nói rộng ra, không có tất cả pháp Phật và sự thi thiết của nó?

Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp hữu tình và thi thiết hữu tình bất khả đắc và hoàn toàn vô sở hữu, vậy lúc thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát có thể thuyết những pháp gì cho các hữu tình?

Bạch Thế Tôn! Không thể cho rằng các đại Bồ Tát tự an trụ vào pháp bất chánh để giảng cho các hữu tình nghe về pháp bất chánh, khuyên các hữu tình trụ vào pháp bất chánh, dùng pháp điên đảo để an lập hữu tình. Vì sao? Vì lúc thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát còn không chứng đắc Bồ đề phần huống là chứng đắc pháp Bồ đề, còn không chứng đắc đại Bồ Tát huống là chứng đắc pháp đại Bồ Tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! **Tất cả hữu tình đều bất khả đắc, sự thi thiết hữu tình cũng bất khả đắc, tất cả các pháp đều bất khả đắc, sự thi thiết của tất cả các pháp cũng bất khả đắc**. Do bất khả đắc nên chúng hoàn toàn vô sở hữu, do vô sở hữu nên biết được pháp nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại

không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không, bản tính không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tính không, tự tính không, vô tính tự tính không; nên biết chơn như không, pháp giới không, pháp tánh không, tánh chẳng hư vọng không, tánh chẳng đổi khác không, tánh bình đẳng không, tánh ly sanh không, pháp định không, pháp trụ không, thật tế không, cảnh giới hư không không, cảnh giới bất tư nghì không; nên biết Thánh đế khổ không, Thánh đế tập diệt đạo không; nên biết sắc uẩn cho đến thức uẩn không; nên biết 12 xứ cho đến 18 giới không; nên biết nhãn xúc cho đến ý xúc không; nên biết các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không; nên biết địa giới cho đến thức giới không; nên biết nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không; nên biết các pháp do nhân duyên sanh ra không; nên biết vô minh cho đến lão tử không; nên biết ngã hữu tình cho đến người biết, người thấy không; nên biết bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không; nói rộng ra, nên biết tất cả pháp Phật không.

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã thẩm sâu, các đại Bồ Tát thấy tất cả pháp đều hoàn toàn không, giảng nói cho các hữu tình nghe về các pháp giúp họ lìa điên đảo. Tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình, cũng hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp thảy đều không rồi, vì các hữu tình tuyên nói các pháp khiến lìa điên đảo. Tuy vì hữu tình tuyên nói các pháp mà đối hữu tình đều vô sở đắc, đối tất cả pháp cũng vô sở đắc, đối các không tướng chẳng tăng chẳng giảm, không lấy không bỏ. Do nhân duyên này, tuy nói các pháp nhưng không có chỗ nói.

Thiện Hiện! Lúc quán sát tất cả pháp như vậy, đại Bồ Tát này **chứng đắc vô ngại trí**. Nhờ trí này, vị ấy không hủy hoại các pháp, không có phân biệt thành hai, giảng giải như thật cho các hữu tình, giúp họ lìa điên đảo, vọng tưởng chấp trước, tùy theo căn cơ của họ mà đạt đến quả ba thừa, chứng đắc Niết bàn thường an lạc rốt ráo. Như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm một vị Phật. Vị Phật này lại có thể hóa làm vô lượng trăm ngàn, trăm ức, muôn ức chúng. Khi

ấy, vị hóa Phật kia dạy dỗ chúng đã được hóa ra, giúp họ tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc giúp tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc giúp tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc giúp tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc giúp an trụ pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc giúp an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; hoặc nói rộng ra, giúp họ an trụ tất cả pháp Phật.

(Vì các pháp môn Phật học rộng lớn như thế, nên Kinh Đại Bát Nhã mới được gọi là đại tùng thư trong kho tàng Kinh điển Phật học).

(Tất cả pháp do biến hóa ra không phân biệt).

Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Lúc ấy hóa Phật và chúng đệ tử đã được hóa ra có chỗ phân biệt và có phá hoại đối với các pháp không?

Thiện Hiện đáp:

- Không, thưa Thế Tôn! Vì tất cả pháp do biến hóa ra không phân biệt.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Vì lý do này nên biết các Đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã cũng như vậy, thuyết pháp thích hợp cho các hữu tình, tuy không phân biệt phá hoại pháp tướng nhưng có thể như thật an lập hữu tình, giúp họ an trụ vào địa vị thích hợp. Đối với hữu tình và tất cả pháp, tuy hoàn toàn vô sở đắc nhưng vị ấy giúp hữu tình giải thoát vọng tưởng điên đảo chấp trước, do **lấy không trói, không mở làm phương tiện**. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bản tánh của sắc cho đến bản tánh của thức không trói không mở. Nếu pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc cho đến chẳng phải thức. Vì sao? **Vì sắc cho đến thức hoàn toàn vắng lặng**. Bản tánh của 12 xứ cho đến bản tánh của 18 giới không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải 12 xứ cho đến chẳng phải 18 giới. Vì sao? Vì xứ cho đến giới hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của nhãn xúc cho đến bản tính của ý xúc không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn xúc cho đến chẳng phải ý xúc. Vì sao? Vì nhãn xúc cho đến ý xúc hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến bản tánh của các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng

phải là các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến chẳng phải là các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Vì sao? Vì các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của địa giới cho đến thức giới không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải địa giới cho đến chẳng phải thức giới. Vì sao? Vì địa giới cho đến thức giới hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của nhân duyên cho đến bản tánh của tăng thượng duyên không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhân duyên cho đến chẳng phải tăng thượng duyên. Vì sao? Vì nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của các pháp do nhân duyên sanh ra không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải các pháp do nhân duyên sanh ra. Vì sao? Vì các pháp do nhân duyên sanh ra hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của vô minh cho đến bản tánh của lão tử không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải vô minh cho đến chẳng phải lão tử. Vì sao? Vì vô minh cho đến lão tử hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của bố thí cho đến bản tánh của Bát nhã Ba la mật không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải bố thí cho đến chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của pháp nội không cho đến bản tánh của vô tánh tự tánh Không không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp nội không cho đến chẳng phải vô tánh tự tánh không. Vì sao? Vì pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của chơn như cho đến bản tánh của cảnh giới bất tư nghì không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là chơn như cho đến chẳng phải là cảnh giới bất tư nghì. Vì sao? Vì chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì hoàn toàn vắng lặng. Nói rộng ra, bản tánh của tất cả pháp Phật không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở pháp ấy chẳng phải là tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì tất cả pháp Phật hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp thiện và pháp ác không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp thiện và pháp ác. Vì sao? Vì pháp thiện và pháp ác hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh pháp hữu ký và bản tánh pháp vô ký không trói không mở. Pháp

nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu ký và pháp vô ký. Vì sao? Vì pháp hữu ký và pháp vô ký hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh pháp hữu lậu và pháp vô lậu không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Vì sao? Vì pháp hữu lậu và pháp vô lậu hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh pháp thế gian và bản tánh pháp xuất thế gian không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian và pháp xuất thế gian hoàn toàn vắng lặng. Bản tánh của pháp hữu vi và pháp vô vi không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi và pháp vô vi hoàn toàn vắng lặng.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã, tuy các đại Bồ Tát giảng nói các pháp cho các hữu tình nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình và các pháp tánh. Vì sao? Vì các hữu tình và tất cả pháp đều bất khả đắc.

(Để giải thích đoạn Kinh này, Đại Trí Độ Luận, ***phẩm thứ 78, "Tứ Nhiếp Pháp"****(Bốn Pháp Nhiếp Độ Chúng Sanh)****, Tập 5, quyển 89, Đại Trí Độ Luận, nói:***

"Trong thế đế thì có trói (phược), có mở (giải); trong đệ nhất nghĩa thì chẳng có trói, chẳng có mở. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến thức đều là nhất tướng, là vô tướng.

Bồ Tát dùng pháp như vậy, mà chẳng trú pháp; dùng "không" để vì chúng sanh nói pháp, mà vẫn biết rõ là chúng sanh cùng hết thảy các pháp đều là bất khả đắc.

Phật dạy "Vô sở hữu chẳng trú vô sở hữu. Ví như hư không chẳng trú trong hư không vậy. Pháp tự tánh chẳng trú trong pháp tự tánh; ví như trong tánh nước chẳng có tánh lửa vậy".

Nếu biết được như vậy, mà thanh tịnh thuyết pháp, thì dù thuyết Phật pháp, Bồ Tát pháp, Thanh Văn pháp... cũng đều chẳng có lỗi lầm. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thánh Hiền chẳng chấp hết thảy các pháp. Người bố thí pháp cũng chẳng chấp mình có bố thí pháp. Vì sao? Vì các ngài đều y nơi tướng tịch diệt mà thuyết pháp vậy.

Chư Phật, chư Bồ Tát và chư Thánh Hiền đã thâm nhập vào 3 giải thoát môn, nên vào được nơi thật tánh của các pháp, là vô dư y Niết Bàn.

Phật dạy "Người được pháp ấy rồi mà vì chúng sanh thuyết pháp thì chẳng chuyển pháp tánh. Vì sao? Vì pháp tánh là không, là vô tướng vậy"*)*.

(Dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ tất cả các pháp không)

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả pháp vô sở đắc, nghĩa là **dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào sắc không cho đến thức không**; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào 12 xứ không cho đến 18 giới không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhãn xúc không cho đến ý xúc không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào địa giới không cho đến thức giới không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhân duyên không cho đến tăng thượng duyên không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào các pháp do nhân duyên sanh ra là không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào bố thí không cho đến Bát nhã Ba la mật không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp nội không không cho đến vô tính tự tính không không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào chơn như không cho đến cảnh giới bất tư nghì không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả pháp Phật không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp thiện, pháp ác không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp hữu ký, pháp vô ký không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp hữu lậu, pháp vô lậu không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp thế gian, pháp xuất thế gian không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp hữu vi, pháp vô vi không.

Thiện Hiện nên biết! **Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có chỗ trụ; sắc không cho đến thức không cũng không có chỗ trụ**.Vì sao?Vì sắc cho đến thức không có tự tánh và bất khả đắc; sắc không cho đến thức không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Như vậy, cho đến tất cả pháp không có chỗ trụ, tất cả pháp Phật không cũng không có chỗ trụ.Vì sao? Vì tất cả các pháp Phật không có tự tánh và bất khả đắc; tất cả pháp Phật không,

cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thiện pháp ác không có chỗ trụ; pháp thiện pháp ác không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp thiện pháp ác không có tự tánh và bất khả đắc; pháp thiện pháp ác không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ; pháp hữu ký và pháp vô ký, pháp hữu ký và pháp vô ký không; pháp hữu lậu và pháp vô lậu, pháp hữu lậu và pháp vô lậu không; pháp thế gian và xuất thế gian, pháp thế gian và xuất thế gian không; pháp hữu vi và pháp vô vi, pháp hữu vi và pháp vô vi không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đó không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ.

Thiện Hiện nên biết! Chẳng phải pháp vô tánh trụ vào pháp vô tánh, chẳng phải pháp hữu tánh trụ vào pháp hữu tánh, chẳng phải pháp vô tánh trụ vào pháp hữu tánh, chẳng phải pháp hữu tánh trụ vào pháp vô tánh. Chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tự tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tự tánh. Vì sao? **Vì tất cả pháp này đều bất khả đắc. Pháp bất khả đắc thì trụ ở đâu?**

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đem các pháp không này tu khiển các pháp, cũng năng như thật dạy hữu tình. Nếu đại Bồ Tát năng hành Bát Nhã như thế, đối Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả Hiền Thánh đều không lầm lỗi. Vì sao? Chư Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả Hiền Thánh đối pháp tánh này đều năng tùy giác. Đã tùy giác rồi, vì các hữu tình tuyên nói không trái. Tuy vì hữu tình tuyên nói các pháp mà đối các pháp tánh không chuyển không vượt. Vì sao? **Thật tánh các pháp tức chơn như thật tế như thế đều chẳng thể chuyển, cũng chẳng thể vượt. Vì sao? Pháp giới chơn như thật tế như thế đều không tự tánh, trọn bất khả đắc. Chẳng phải pháp bất khả đắc có thể chuyển vượt vậy.** *(Q.470, ĐBN)*

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chân pháp giới, chơn như, thật tế không thể chuyển, không thể vượt qua thì sắc cho đến thức cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? 12 xứ cho đến 18 giới cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Nhãn xúc cho

đến ý xúc cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Địa giới cho đến thức giới cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Các pháp do nhân duyên sanh ra cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Vô minh cho đến lão tử cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Pháp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Nói rộng ra, cho đến tất cả pháp Phật cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Pháp thiện pháp ác cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Pháp hữu ký, pháp vô ký cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Pháp hữu lậu, pháp vô lậu cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? Pháp thế gian, pháp xuất thế gian cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không? pháp hữu vi và pháp vô vi cùng với chân pháp giới, chơn như, thật tế có gì khác nhau không?

(Để trả lời những câu hỏi này, Phật bảo: "Tất cả pháp không khác với chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế…")

Phật bảo Thiện Hiện:

- **Sắc cho đến thức không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế**. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế; pháp thiện, pháp ác không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế; pháp hữu ký, pháp vô ký không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế; pháp hữu lậu, pháp vô lậu không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế; pháp thế gian, pháp xuất thế gian không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế; pháp hữu vi và pháp vô vi không khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp như sắc, thọ tưởng v.v… không có gì khác với chân pháp giới, chơn như, thật tế thì vì sao gây ra nghiệp ác thì chịu quả báo ác như là quả địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ; tạo nghiệp lành thì nhận quả báo lành, nghĩa là sanh vào trời, người; tạo nghiệp vừa lành vừa dữ thì nhận quả báo vừa lành vừa dữ, nghĩa là chiêu cảm một phần bàng sanh, cõi quỷ và một phần người; tạo nghiệp chẳng lành chẳng dữ thì có quả báo chẳng lành chẳng dữ, nghĩa là nhận lấy quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ta dựa theo thế tục mà tạo ra nhân quả sai khác như vậy. Không phải dựa vào thắng nghĩa, vì trong thắng nghĩa không thể nói có sự khác nhau của nhân quả. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế, tánh tướng của các pháp không phân biệt, không nói, không chỉ bày thì làm sao có sự khác nhau về nhân quả.

Thiện Hiện nên biết! **Đối với thắng nghĩa đế sắc cho đến thức không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy.** 12 xứ cho đến 18 giới không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy.. Nhãn xúc cho đến ý xúc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Địa giới cho đến thức giới không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Các pháp do nhân duyên sanh ra không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Vô minh cho đến lão tử không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Chơn như cho đến, cảnh giới bất tư nghì không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Nói rộng ra, tất cả pháp Phật không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Pháp thiện pháp ác

không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Pháp hữu ký, pháp vô ký không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy. Pháp hữu vi và pháp vô vi không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô tế không vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu dựa vào thế tục tạo ra phần vị sai khác của nhân quả, không nương vào thắng nghĩa thì đáng lẽ tất cả phàm phu ngu si cũng có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ông nghĩ sao? Phàm phu ngu si vì như thật giác nghĩa lý của hai đế, thế tục và thắng nghĩa không? Nếu như thật giác nghĩa lý của hai đế thì có thể chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhưng vì các phàm phu ngu si không thật giác thế tục và thắng nghĩa nên không có Thánh đạo, không tu Thánh đạo, không thể tạo ra các phần vị sai khác của Thánh quả. Chỉ có các bậc Thánh mới có thể như thật giác thế tục và thắng nghĩa nên có Thánh đạo, có tu Thánh đạo. Do đó có sự sai khác giữa các Thánh quả.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì tu Thánh đạo được Thánh quả phải không?

Phật bảo:

- Không phải.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Không tu Thánh đạo có chứng đắc Thánh quả không?

Phật bảo:

- Không được.

Thiện Hiện nên biết! Chẳng phải tu Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả, cũng chẳng phải không tu Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả, chẳng phải lìa Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả, cũng chẳng phải trụ vào trong Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh

quả. Vì sao? Vì đối với thắng nghĩa đế đạo và đạo quả, tu và không tu đều bất khả đắc.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, tuy vì hữu tình tạo ra các loại Thánh quả sai khác nhưng không phân biệt là tạo ra phần vị Thánh quả sai khác ở cảnh giới hữu vi hay cảnh giới vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu không phân biệt các phần vị sai khác của Thánh quả được tạo ra ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi thì vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói đoạn trừ ba kết*(2)* gọi là Dự lưu; mỏng bớt tham dục, sân hận gọi là Nhất lai; đoạn trừ vĩnh viễn ngũ thuận hạ phần kết*(3)* gọi là Bất hoàn; đoạn trừ vĩnh viễn ngũ thuận thượng phần kết*(4)* gọi là A la hán, biết các pháp được tập khởi *(pháp nhóm)* là pháp diệt gọi là Độc giác Bồ đề; đoạn trừ vĩnh viễn sự tập khí phiền não tương tục gọi là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Bạch Thế Tôn! Làm sao con biết được nghĩa lý sâu xa mà Phật dạy, nghĩa là không phân biệt phần vị sai khác của Thánh quả được tạo ra ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ông nghĩ sao? Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, các Thánh quả như vậy là hữu vi hay là vô vi?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Thánh quả như vậy chỉ là vô vi.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Trong pháp vô vi có phân biệt không?

Thiện Hiện đáp:

- Thưa Thế Tôn! Không!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ông nghĩ sao? Nếu thiện nam, thiện nữ nào thông đạt tất cả hữu vi, vô vi đều đồng một tướng chỗ gọi là vô tướng thì lúc bấy giờ đối với các pháp vị ấy có phân biệt đây là hữu vi hoặc đây là vô vi không?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Cũng như vậy, lúc thực hành Bát Nhã, tuy giảng nói chánh pháp cho các hữu tình nhưng các đại Bồ Tát không phân biệt pháp tướng đã nói, đó

là do pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Đại Bồ Tát này **không chấp trước đối với các pháp**, cũng có thể dạy người khác không chấp trước đối với các pháp, nghĩa là không chấp trước đối với bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; không chấp trước đối với 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; cũng không chấp trước đối với 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; không chấp trước đối với pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; không chấp trước đối với pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không; không chấp trước đối với chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, cũng không chấp trước đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước đối với 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ, cũng không chấp trước đối với Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; không chấp trước đối với tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; cũng không chấp trước đối với 5 loại mắt, 6 phép thần thông; không chấp trước đối với Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; không chấp trước đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không chấp trước đối với Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, cũng không chấp trước đối với tất cả các hạnh của Bồ Tát; không chấp trước đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không chấp trước đối với Nhất thiết trí trí. Do đại Bồ Tát này không chấp trước nên được vô ngại ở mọi thời.

Đại Bồ Tát này không chấp trước nên đối tất cả xứ đều được vô ngại. Như kẻ được các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa, dù hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mà đối quả kia chẳng thọ chẳng trụ, chỉ vì hữu tình vào Niết bàn. Như vậy, cho đến dù hành Nhất thiết trí trí mà đối quả kia chẳng thọ chẳng trụ, chỉ vì hữu tình vào Niết bàn vậy. Các đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi hành Bát Nhã đối tất cả pháp thiện hoặc phi thiện, hoặc hữu ký hoặc vô ký, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi hoặc vô vi đều không chấp trước, cũng không bị ngại. Vì sao? Vì khéo đạt thật tướng của các pháp vậy.

Thích nghĩa:

(1). Chánh biến tri(S samyak-saṃbuddha, 正遍知、正徧知*): còn gọi là Chánh Biến Trí* (正遍智)*, Chánh Biến Giác* (正遍覺)*, Chánh Chân Đạo* (正眞道)*, Chánh Đẳng Giác* (正等覺)*, Chánh Đẳng Chánh Giác* (正等正覺)*, Chánh Giác Đẳng* (正覺等)*, Chánh Đẳng Giác Giả* (正等覺者)*; âm dịch là Tam Miệu Tam Phật Đà* (三藐三佛陀)*, Tam Da*

Tam Phật Đàn (三耶三佛檀)*; là một trong 10 hiệu của Như Lai. Cái biết cùng khắp không gian thời gian chẳng có năng sở đối đãi, tức là cái biết bản thể Phật tánh, khắp thời gian thì chẳng sanh diệt, gọi là Niết Bàn; khắp không gian chẳng có khứ lai,* thì *gọi là Như Lai.*

(2). Kết(結)*: Phạm là Bandhana hoặc Saôyojana, cũng gọi Kết sử (hay kiết sử) có nghĩa là trói buộc, chỉ cho phiền não. Vì phiền não trói buộc chúng sinh vào cảnh mê, khiến cho không thể thoát khỏi cái khổ sinh tử, nên gọi là Kết (trói buộc). Kết có nhiều loại: 1- Nhị Kết: Theo Kinh Trung a hàm quyển 33, thì Kết có 2 loại là Khan (bỏn sẻn) và Tật(ghen* ghét). *2- Tam Kết. - Kinh Tăng nhất a hàm quyển 17 nêu 3 loại kết là:* Thân *tà kết (cũng gọi Thân kiến kết), Giới đạo kết (cũng gọi Giới cấm thủ kiến kết) và Nghi kết. Sáu phiền não: 5 kiến và nghi cũng bao hàm 3 kết* này. *- Luận A tì đàm cam lộ vị và luận Câu xá quyển 31 thì gọi 3 thứ Ái, Khuể, Vô minh là Tam kết. Nếu dứt trừ 3 kết này thì đoạn được tất cả Kiến hoặc mà chứng quả Dự lưu. - Kinh Quang tán Bát Nhã quyển 2 thì gọi 3 thứ Tham thân, Hồ nghi và Hủy giới là Tam kết. 3- Tứ kết. - Kinh Tăng nhất a hàm quyển 20 nêu 4 loại Kết: Dục kết, Sân kết, Si kết và Lợi dưỡng kết. - Luận thành thực quyển 10, luận Đại tì bà sa quyển 2 và Đại thừa nghĩa chương quyển 5 phần đầu, nêu ra 4 loại thân kết: Tham tật thân kết, Sân khuể thân kết, Giới thủ thân kết và Tham trước thị thực thủ thân kết(cũng gọi Kiến thủ thân kết). 4- Ngũ kết. -* Kinh *Trung a hàm quyển 56, luận A tì đạt ma phát trí quyển 3, luận Tập dị môn túc quyển 12 và luận Câu xá quyển 21, chia Ngũ kết thành 2 loại: Ngũ hạ phần kết và Ngũ thượng phần kết. a) Ngũ hạ phần kết là 5 loại phiền não trói buộc chúng sinh trong cõi Dục, đó là: Hữu thân kiến kết, Giới cấm thủ kiến kết, Nghi kết, Dục tham kết và Sân khuể kết. b) Ngũ thượng phần kết là 5 loại phiền não trói buộc chúng sinh ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, đó là: Sắc tham kết, Vô sắc tham kết, Điệu cử kết, Mạn kết và Vô minh kết*. - Thu *tóm cả 5 kết của cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc nói trên là 5 món: Tham kết, Sân kết, Mạn kết, Tật kết và Khan kết. 5- Cửu kết. Kinh Tạp a hàm quyển 18, luận A tì đạt ma phát trí quyển 3 và luận Biện trung biên quyển thượng liệt kê 9 loại phiền não là Ái, Khuể, Mạn, Vô minh, Kiến, Thủ, Nghi, Tật và Khan. Cửu kết này là do 6 phiền não căn bản(chia Ác kiến thành 3 kiến: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, gọi là Kiến kết và gom chung 2 kiến: Kiến thủ kiến và Giới cấm thủ kiến, gọi là Thủ kết) rồi thêm vào Tật kết, Khan kết*

mà thành. Luận Đại tì bà sa quyển 50 nói rằng thể (tự tính) của 9 kết gồm có 100 loại. (Phỏng theoTự điển Phật Quang).

(3). Ngũ thuận hạ phần kết và (4). Ngũ thuận thượng phần kết: Xem thích nghĩa ở mục (2). hay phẩm "Các Tướng Công Đức", phần cuối Q.379 cho đến phần đầu Q.383, Hội thứ I, ĐBN.

Sơ giải:

***1**. Phần đầu của phẩm này của Hội thứ II tương đương với phẩm "Các Tướng Công Đức" tức cuối Q.379 cho đến đầu Q.383, Hội thứ I, ĐBN, nhất là Q.380, thuyết nhiều về các pháp Phật mà Kinh còn gọi là các pháp mầu Phật đạo, các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát, Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh... Phật thuyết các pháp này cả trăm cả ngàn lần suốt 16 pháp hội. Nên chúng tôi phải tách các pháp này ra thành một phần riêng đặt tên là "Phần thứ I tổng luận" một trong ba phần chính của thiên Tổng luận này, chỉ đặc biệt thuyết riêng về các pháp Phật hay các pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ đề Bồ Tát hay Bồ Tát đạo mà thôi.*

Đây cũng là phần hết sức quan trọng không những cho việc tu tập và thực hành Đại Bát Nhã mà còn là những giáo lý chính của việc tu Phật nói chung. Không có những pháp này không có Bát Nhã, không có Bồ Tát, không có Phật, không có Tam thừa, không có Phật đạo. Tới đây có lẽ các đạo hữu hiểu thâm ý của chúng tôi tại sao tách các pháp Phật làm một phần riêng(1). Đó cũng chính là lý do mà các nhà khảo cứu Phật học thường nói Đại Bát Nhã là một đại tùng thư bao gồm tất cả các pháp môn Phật học và Kinh cũng bảo Đại Bát Nhã là mẹ của chư Phật chư Bồ Tát thường sanh tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.

Vậy, khi đọc Kinh sách nếu không hiểu pháp nào trong 81 khoa danh tướng Bát Nhã, các đạo hữu quay lại tra cứu "Phần thứ I tổng luận".

Nếu so sánh phẩm này của Hội thứ II với phẩm "Các Tướng Công Đức" nhất là Q.380, Hội thứ I thì phẩm "Các Tướng Công Đức" của Hội thứ I thuyết về các pháp mầu Phật đạo rõ ràng chi tiết hơn. Muốn ôn lại các pháp mầu Phật đạo, tốt nhất nên quay lại đọc tụng thọ trì các giáo pháp này trong "Phần thứ I Tổng luận" hay 30 quyển của Tập 1 và Tập 2 Đại Trí Độ Luận.

2. *Phần thứ hai của phẩm này nói nhiều về các giáo pháp như:*

1- *Tất cả pháp đều* ***không thể nắm bắt được****:*

Nên hoàn toàn ***vô sở hữu, bất khả đắc****. Vì vô sở hữu nên biết nội không, nên biết ngoại không, nội ngoại không… cho đến vô tánh tự tánh cũng không. Nên biết chơn như không, nên biết pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… cũng không, cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không.*

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp đều không rồi, ***vì các hữu tình tuyên thuyết các pháp, khiến lìa điên đảo****. Đại Bồ Tát đối với tất cả pháp quán như thế, chứng được trí vô ngại. Do trí này nên chẳng hoại các pháp, không phân biệt hai vì hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước vọng tưởng điên đảo, tùy theo căn cơ mà đạt quả tam thừa.*

2- Bản tánh tất cả pháp không buộc không mở*:*

Nếu bản tánh của tất cả pháp không buộc không mở thời chẳng phải pháp. Vì tất cả pháp đều bất khả đắc, bất khả đắc tức không thể nắm bắt được. Nếu không nắm bắt được thì vọng niệm điên đảo chẳng sanh. Nếu vọng niệm chẳng sanh, thì tâm thể vắng lặng, tâm thể vắng lặng nên nói tất cả pháp trong ngoài đều thanh tịnh như nhau! Nên Kinh nói: "Bản tánh của pháp thế gian không buộc không mở, bản tánh của pháp xuất thế gian cũng không buộc không mở; bản tánh của pháp thế gian không buộc không mở thì chẳng phải là pháp thế gian, bản tánh của pháp xuất thế gian không buộc không mở thì chẳng phải là pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian, pháp xuất thế gian rốt ráo thanh tịnh vậy".

*Để giải thích tại sao tất cả pháp không trói không mở****, Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 78, "Tứ Nhiếp Pháp"****(Bốn Pháp Nhiếp Độ Chúng Sanh)****, Tập 5, quyển 89, nói:***

"Trong thế đế thì có trói (phược), có mở (giải); trong đệ nhất nghĩa thì chẳng có trói, chẳng có mở. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến thức đều là nhất tướng, là vô tướng.

Bồ Tát dùng pháp như vậy, mà chẳng trú pháp; dùng "không" để vì chúng sanh nói pháp, mà vẫn biết rõ là chúng sanh cùng hết thảy các pháp đều là bất khả đắc.

Phật dạy "Vô sở hữu chẳng trú vô sở hữu. Ví như hư không chẳng trú trong hư không vậy. Pháp tự tánh chẳng trú trong pháp tự tánh; ví như trong tánh nước chẳng có tánh lửa vậy".

Nếu biết được như vậy, mà thanh tịnh thuyết pháp, cho dù thuyết Phật pháp, Bồ Tát pháp, Thanh Văn pháp... cũng đều chẳng có lỗi lầm. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thành Hiền chẳng chấp hết thảy các pháp. Người bố thí pháp cũng chẳng chấp mình có bố thí pháp. Vì sao? Vì các ngài đều y nơi tướng tịch diệt mà thuyết pháp vậy.

Chư Phật, chư Bồ Tát và chư Thánh Hiền đã thâm nhập vào 3 giải thoát môn, nên vào được nơi thật tánh của các pháp, là vô dư Niết Bàn.

Phật dạy "Người được pháp ấy rồi mà vì chúng sanh thuyết pháp thì chẳng chuyển pháp tánh. Vì sao? Vì pháp tánh là không, là vô tướng vậy"*)*.

3- *Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã,* ***lấy vô sở trụ làm phương tiện****, nên an trụ trong vô sở đắc của tất cả pháp. Vì sao?* ***Vì thật tánh các pháp tức chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế…*** *Chơn như, pháp giới,… như thế đều chẳng khá chuyển khá vượt. Vì chơn như, pháp giới,… như thế đều vô tự tánh thì làm thế nào có chuyển có vượt được.*

Nếu ***chơn như, pháp giới,… chân thật không chuyển, không vượt*** *thì tất cả pháp cùng với chơn như, pháp giới,… chẳng có sai khác. Chư Phật căn cứ vào Ttục đế an lập nhân quả sai biệt chẳng căn cứ vào Thắng nghĩa đế. Trong thắng nghĩa, chẳng thể nói có nhân quả sai biệt. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa, tất cả pháp tánh chẳng thể phân biệt, vô thuyết vô thị, làm sao có nhân quả sai khác được.*

4- Trong thắng nghĩa đế, pháp thế gian-xuất thế gian, pháp hữu lậu-vô lậu, pháp hữu vi-vô vi cũng không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không.

Phàm phu ngu si không thật biết Thế đế, không thật biết Thắng nghĩa đế, không thật biết Thánh đạo, nên không tu theo Thánh đạo làm sao được Thánh quả. Chỉ có Thánh giả có khả năng như thật biết Tục

đế và Thắng nghĩa đế, biết có Thánh đạo, có tu Thánh đạo. Vì vậy, mới đắc Thánh quả sai khác.

Như thế, đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, tuy vì hữu tình an lập Thánh quả có nhiều bậc sai khác, mà chẳng phân biệt Thánh quả ở cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi. ***Nếu thiện nam thiện nữ thông đạt tất cả pháp hữu vi, vô vi đều đồng nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng, thì thiện nam thiện nữ ấy, ngay lúc đó, đối với các pháp không phân biệt. Không phân biệt thì không chấp****. Do công năng vô chấp nên đối với tất cả thời xứ đều không ngăn ngại.*

Đại Bồ Tát cũng vậy khi hành Bát Nhã đối với tất cả pháp hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi… đều vô sở trụ, thì không còn ngăn ngại. Vì sao? Vì hoàn toàn như thật thông đạt thật tướng của tất cả pháp vậy. Người nào thông đạt thật tướng của vạn pháp người ấy chứng được chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế… tức nhập pháp giới hay nói khác là giác ngộ!

Tất cả giáo pháp này đã giải thích rõ trong phẩm "Các Tướng Công Đức" của Hội thứ I và rải rát ở các phẩm khác thuộc Hội thứ I và Hội thứ II hay toàn bản ĐBN. Các đạo hữu có thể quay lại đọc tụng như những chỉ dẫn nói trên.

Thích nghĩa cho phần lược giải "Các Đức Tướng":

(1). Đại Trí Độ Luận 100 quyển do Bồ Tát Long Thọ soạn thảo, trong đó ***có hơn 30 quyển đầu*** *của Tập 1 và Tập 2, thuyết riêng về các pháp mầu Phật đạo tương đương với "Phần thứ I Tổng luận" của chúng tôi. Luận không xắp xếp các pháp Phật theo hệ thống, nhưng có ưu điểm là giải nghĩa rộng và rất chân xác về các pháp tu này. Vì vậy, chúng tôi lúc nào cũng khuyên độc giả nên tham cứu Luận này khi đọc tụng ĐBN./.*

---o0o---

76. PHẨM "THIỆN ĐẠT"

***Phần sau Q.471 đến đầu Q.473, Hội thứ II*, ĐBN.**
(Tương đương phẩm "Các Tướng Bình Đẳng", cuối Q.383 đến đầu Q.386, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Đây là một phẩm quá hay thuyết về danh tướng và sự cảm thọ do danh tướng của tất cả pháp tạo thành. Phẩm này giải thích tất cả pháp là giả danh, là huyễn hóa, chỉ do duyên hòa hợp mà có, không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh v.v... Nhờ đó mà các đại Bồ Tát hoàn toàn thông suốt thật tướng của tất cả các pháp.

Thấu rõ thật tướng tất cả các pháp là như thế nào? ***Thấu rõ các pháp đều không thật, đều là vô tướng, vô niệm, vô tác ý****. Đó cũng là giáo nghĩa của Tam giải thoát môn: Không, vô tướng, vô tác. Bồ Tát an trụ tam muội vô lậu này thì có thể học vô lượng, vô biên các pháp môn Phật học và có thể an lập hữu tình trong chân như thật tướng mà nhập pháp giới. Vì sao?Vì thông suốt chân tướng của vạn hữu là nhập pháp giới, nên pháp này có tên là "Thiện Đạt".*

Cấu trúc của phẩm này thật xảo diệu. Phẩm tựa làm nổi bật giáo lý: Hiểu phẩm này là hiểu tất cả pháp, hiểu tất cả pháp là hiểu pháp giới. Vì tất cả pháp là pháp giới, nói khác pháp giới là tất cả pháp. Hiểu như vậy là nhập pháp giới tức được xem là giác ngộ!

Tóm lược:

Không hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; không hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; không hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; không hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; không hành pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không; không hành chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; không hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo… cho đến không hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; không hành quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề; không hành tất cả các Bồ Tát hạnh; không hành quả vị Vô thượng Bồ đề của chư Phật; không hành tùy miên và các phiền não trói buộc; không hành pháp thiện pháp ác; không

hành pháp hữu ký vô ký; không hành pháp hữu lậu vô lậu; không hành pháp thế gian xuất thế gian; không hành pháp hữu vi và pháp vô vi; không hành Thánh đạo và kết quả của Thánh đạo. Nói lược là không hành tất cả pháp Phật. **Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã cũng lại như thế, đối tất cả pháp đều không sở hành**. **Đấy là khéo đạt thật tướng các pháp.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao người được biến hóa có thể tu Thánh đạo?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Kẻ được biến hóa nương tu Thánh đạo không nhiễm không tịnh, cũng chẳng sanh tử xoay quanh các thú.

(Tất cả pháp đều như huyễn hóa)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, làm sao hoàn toàn thông suốt tất cả các pháp đều không thật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Tất cả kẻ được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa có thật, do nương sự thật đây có nhiễm có tịnh, và bị xoay quanh các thú chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có! Các kẻ được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa chẳng có chút thật, chẳng do nương đây có nhiễm có tịnh, cũng không sanh tử xoay quanh các thú.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Cũng như vậy lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát hoàn toàn thông suốt thật tướng của tất cả các pháp, **thấu rõ các pháp đều không thật**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều như huyễn hóa? Tất cả mười 12 cho đến 18 giới đều như huyễn hóa phải không? Tất cả nhãn xúc cho đến ý xúc đều như huyễn hóa? Tất cả mọi cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra đều như huyễn hóa? Tất cả địa giới cho đến thức giới đều như huyễn hóa? Tất cả nhân duyên cho đến tăng thượng duyên đều như huyễn hóa? Tất cả các pháp do nhân duyên sanh ra đều như huyễn hóa? Tất cả vô minh cho đến lão tử đều

như huyễn hóa? Tất cả bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đều như huyễn hóa? Tất cả 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc đều như huyễn hóa? Tất cả 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo đều như huyễn hóa? Tất cả pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện đều như huyễn hóa? Tất cả pháp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không đều như huyễn hóa? Tất cả chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì đều như huyễn hóa? Nói rộng ra, tất cả pháp Phật đều như huyễn hóa? Tất cả pháp thiện pháp ác, hoặc pháp hữu ký pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi pháp vô vi đều như huyễn hóa ư?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng vậy! **Sắc, thọ, tưởng… cho đến tất cả các pháp hữu vi, pháp vô vi đều như huyễn hóa.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu tất cả pháp đều như huyễn hóa thì các pháp được biến hóa đều không thật, sắc thọ tưởng hành thức cho đến các pháp hữu vi vô vi không thật. Do đấy cũng không tạp nhiễm thanh tịnh, cũng không sanh tử xoay quanh các thú, cũng không ai theo các pháp ấy được nghĩa giải thoát thì đại Bồ Tát làm sao đối các hữu tình đạt thắng giải*(1)*?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ngươi nghĩ sao? Xưa kia, lúc hành Bồ Tát đạo có thấy hữu tình có thể thoát khỏi các nẻo địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, nhơn, thiên không?

Thiện Hiện đáp:

- Không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Khi xưa các đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo còn không thấy có hữu tình thoát khỏi năm đường và ba cõi. Vì sao? **Vì các đại Bồ Tát hiểu biết thông suốt tất cả pháp đều như huyễn hóa, đều chẳng thật có.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu các đại Bồ Tát thông suốt thấy rõ tất cả các pháp đều như huyễn hóa, hoàn toàn chẳng có thật thì vì việc gì mà các đại Bồ Tát phải nhọc nhằn tu hành sáu Ba la mật; vì việc gì mà tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; nói rộng ra vì việc gì mà tu hành tất cả pháp Phật, thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu các hữu tình có thể tự thấu rõ tất cả pháp đều như huyễn hóa, hoàn toàn chẳng thật có thì các đại Bồ Tát không cần phải trải qua vô số đại kiếp vì các hữu tình mà tu hành những hạnh khó hành. **Do các hữu tình không thể thông suốt tất cả pháp đều như huyễn hóa, hoàn toàn chẳng thật có cho nên đại Bồ Tát phải trải qua vô số đại kiếp, vì các chúng sanh tu hành hạnh khó hành của Bồ Tát.**

(Hữu tình trụ ở danh tướng hư vọng phân biệt)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như bóng sáng, như ảnh, như quáng nắng, như thành Càn thác bà, như việc biến hóa thì hữu tình được biến hóa ra trụ ở chỗ nào mà các đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã cứu giúp họ ra khỏi?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Hữu tình được biến hóa ra **trụ ở danh tướng phân biệt hư vọng**, các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã cứu giúp họ ra khỏi danh tướng phân biệt hư vọng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Những gì là danh, những gì là tướng?

Phật bảo Thiện Hiện:

- **Danh chỉ là khách**, chỉ nghĩa được hiển bày ra một cách giả tạo, nghĩa là đây gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; đây là 12 xứ cho đến 18 giới; đây gọi là nam, đây gọi là nữ; đây gọi là nhỏ, đây gọi là lớn; đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là cõi quỷ; đây là người, đây là trời; đây là pháp thiện, đây là pháp ác; đây là pháp hữu ký, đây là pháp vô ký; đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu; đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian; đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi; đây là quả Dự lưu, đây là quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đây là Độc giác Bồ đề; đây là tất cả các hạnh của đại Bồ Tát; đây là quả vị Vô thượng Bồ đề v.v…

Thiện Hiện! Tất cả tên gọi như thế là biểu hiện của các nghĩa, **chỉ là giả danh** nên tất cả danh đều chẳng thật có. Các pháp hữu vi cũng chỉ có danh. Do đó, vô vi cũng chẳng có thật. Phàm phu ngu si vọng chấp ở trong đó. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, với bi nguyện huân tập trong tâm,

dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa giúp xa lìa vọng chấp đó, bằng cách dạy: **Danh là do vọng tưởng phân biệt phát sanh, cũng là do các duyên hòa hợp giả lập ra, các ngươi không nên chấp trước. Danh không có thật, tự tánh rỗng không, người trí không thể chấp trước pháp không.**

Thế nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo vì các hữu tình giảng dạy để họ khiển trừ chấp trước danh pháp.

Thiện Hiện! Đó là danh, còn tướng có hai loại. Phàm phu ngu si chấp trước ở trong đó. Những gì là hai? Đó là **sắc tướng và vô sắc tướng**. Thế nào là:

- **Sắc tướng**? Cái gì có hình thể, màu sắc hoặc thô hoặc tế, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đen trắng, xấu đẹp, ngon dở… mà mắt có thể thấy, tay có thể xúc chạm, lưỡi có thể nếm v.v… thì gọi là sắc tướng.
- **Vô sắc tướng**: Cái gì không thấy được, không có hình dáng màu sắc thì gọi **là vô sắc tướng** như âm thanh, mùi vị…

Ở trong các pháp có sắc, vô sắc, phàm phu ngu si chấp tướng phân biệt sanh các phiền não gọi là tướng, vô tướng. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, dạy các hữu tình xa lìa hai tướng, lại dạy họ an trụ vào cảnh giới vô tướng. Tuy dạy họ trụ vào cảnh giới vô tướng nhưng không làm cho họ rơi vào kiến chấp nhị biên, cho rằng đây là tướng đây là vô tướng. Thế nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, giúp các hữu tình xa lìa các tướng, hành cảnh vô tướng mà không chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu tất cả pháp chỉ có danh tướng, tất cả danh tướng đều là giả lập do sự phân biệt hư vọng phát sanh, ở trong đó hoàn toàn không có chút gì thật, có thể nắm bắt thì lúc hành sâu Bát Nhã, vì sao đối với các thiện pháp, đại Bồ Tát có thể tăng tiến, cũng có thể giúp người khác tăng tiến thiện pháp. Do các thiện pháp tuần tự tăng tiến nên vị ấy có thể tuần tự làm viên mãn các địa, cũng có thể an lập các loài hữu tình giúp họ trụ quả ba thừa tùy theo căn cơ của họ?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu trong các pháp có chút thật, chẳng phải giả lập, có danh tướng thì lúc hành sâu Bát Nhã, các đại Bồ Tát không thể tăng tiến đối với thiện pháp, cũng không giúp người khác tăng tiến thiện pháp. Do trong các pháp

không chút gì thật chỉ có các danh tướng giả lập, cho nên lúc hành sâu Bát Nhã, đại Bồ Tát có thể tự tăng tiến đối với thiện pháp, cũng có thể giúp người khác tăng thêm thiện pháp; **có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật**; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn pháp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, cũng **có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn tất cả pháp Phật; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để viên mãn Nhất thiết trí trí; có thể dùng vô tướng làm phương tiện để thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật**. *(Q.471, ĐBN)*

Thế nên, Thiện Hiện! Do tất cả pháp không có chút thật, chỉ có các danh tướng giả lập nên các đại Bồ Tát không phát sanh điên đảo, chấp trước trong đó, có thể dùng vô tướng làm phương tiện để tự làm tăng tiến các thiện pháp, cũng có thể giúp người khác tăng tiến các thiện pháp.

Lại nữa Thiện Hiện! Nếu trong các pháp có thật tướng lượng bằng đầu mảy lông thì lúc hành sâu Bát Nhã, các đại Bồ Tát chẳng cần hiểu biết vô tướng, vô niệm cùng vô tác ý để chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề, an lập hữu tình vào pháp vô lậu. Nhưng do **các pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý**, nên đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, an lập hữu tình vào pháp vô lậu mới được gọi là việc lợi ích cho người khác một cách chơn thật.

(Tất cả pháp đều là vô tướng, vô niệm, vô tác ý, không hai không khác)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu tất cả pháp có tánh vô lậu chơn thật, vô tướng, vô niệm, vô tác ý thì vì sao ở trong các Kinh, Thế Tôn đã nhiều lần nói: Đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi,

pháp vô vi, pháp hữu tránh, pháp vô tránh*(2)*, đây là pháp lưu chuyển*(3)*, đây là pháp hoàn diệt*(4)*, đây là pháp Thanh văn, đây là pháp Độc giác, pháp Bồ đề, pháp Phật vậy?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ngươi nghĩ sao? Tánh của pháp hữu lậu cùng với tánh của các pháp vô lậu, vô tướng có khác nhau không?

Thiện Hiện đáp:

- Không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ngươi nghĩ sao? Tánh của pháp Thanh văn cùng với tánh của các pháp vô lậu, vô tướng có khác nhau không?

Thiện Hiện đáp:

- Không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Tánh của các pháp hữu lậu há chẳng phải là tánh của pháp vô lậu, vô tướng, vô niệm sao?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Tánh của các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, quả vị Vô thượng Bồ đề há chẳng phải chính là tánh của pháp vô lậu, vô tướng, vô niệm sao?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Thiện Hiện:

- Vì lý do này nên biết tất cả pháp đều là vô tướng, vô niệm, vô tác ý, không hai không khác.

Thiện Hiện nên biết! Đại Bồ Tát nào học tất cả pháp vô tướng, vô niệm, vô tác thì thường có thể tăng trưởng pháp lành như bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc bốn 4 trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc pháp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không; hoặc chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; hoặc nói rộng ra, tất cả pháp Phật; hoặc thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật. Tất cả các Phật pháp này đều nhờ học vô tướng, vô niệm, vô tác

ý mà được tăng trưởng. Vì sao? Vì ngoài ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện các đại Bồ Tát không cần phải học pháp nào khác nữa. Thiện Hiện! Vì ba môn giải thoát bao gồm tất cả pháp lành vi diệu. Vì sao? Vì giải thoát môn Không quán tự tướng tất cả pháp đều là Không. Giải thoát môn vô tướng quán tất cả pháp xa lìa các tướng. Giải thoát môn vô nguyện quán tất cả pháp xa lìa các ước nguyện. Các đại Bồ Tát dựa vào ba môn này có thể tóm thu tất cả pháp lành thù thắng. Lìa ba môn này thì các pháp lành không sanh trưởng được. *(Q.471, ĐBN)*

Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể tu học ba môn giải thoát này thì có thể học sắc uẩn cho đến thức uẩn; cũng có thể học 12 xứ cho đến 18 giới; cũng có thể học nhãn xúc cho đến ý xúc; có thể học các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra; cũng có thể học địa giới cho đến thức giới; cũng có thể học nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng có thể học các pháp do nhân duyên sanh ra; cũng có thể học vô minh cho đến lão tử; cũng có thể học pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng có thể học chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; nói rộng ra, cũng có thể học tất cả pháp Phật; cũng có thể học thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật; cũng có thể học vô lượng vô biên các Phật pháp khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát nào học ba môn giải thoát này thì có thể học sắc uẩn cho đến thức uẩn?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, năng như thật biết sắc cho đến thức **hoặc tướng, hoặc sanh diệt, hoặc chơn như**. Đấy gọi năng học sắc cho đến thức.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã như thật biết về **tướng của sắc**? Đó là lúc hành Bát Nhã thẳm sâu, các đại Bồ Tát như thật biết sắc hoàn toàn có lỗ hổng, hoàn toàn có khe hở, giống như bọt nước, tánh không bền chắc. Đó là đại Bồ Tát như thật biết về tướng của sắc khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **sự sanh diệt của sắc**? Đó là lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát như thật biết lúc sắc sanh không từ đâu đến, lúc diệt thì không đi về đâu, dù không

đến không đi mà tương ưng sanh diệt. Đó là đại Bồ Tát như thật biết về sự sanh diệt của sắc khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã như thật biết **sắc như**? Đó là lúc hành Bát Nhã, như thật biết sắc như không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh thường như, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là như. Đó là đại Bồ Tát như thật biết sắc như khi hành Bát Nhã*(5)*.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã biết rõ như thật về **tướng của thọ**? Đó là lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát như thật biết thọ hoàn toàn như ung nhọt, hoàn toàn như mũi tên, chóng sanh, chóng diệt, giống như bong bóng nước, hư dối không trụ, do ba pháp hòa hợp sanh ra. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết tướng của thọ.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **sự sanh diệt của thọ**? Đó là lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát như thật biết lúc thọ sanh không từ đâu đến, lúc diệt thì không đi về đâu, dù không đến không đi mà tương ưng sanh diệt. Đó là đại Bồ Tát biết rõ như thật sự sanh diệt của thọ khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã biết rõ như thật về **thọ như**? Đó là lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết thọ như không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh thường như, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là như. Đó là đại Bồ Tát như thật biết về thọ khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã biết rõ như thật về **tướng của tưởng**? Đó là khi Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết tưởng giống như sóng nắng, không thể nắm bắt do nhơn duyên khát ái nên phát sanh tưởng hư vọng, rồi dựa vào đó phát ra lời nói. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết về tướng của tưởng khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **sự sanh diệt của tưởng**? Đó là lúc hành Bát Nhã, các đại Bồ Tát như thật biết là lúc tưởng sanh không từ đâu đến, lúc diệt thì không đi về đâu, dù không đến không đi mà tương ưng sanh diệt. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết về sự sanh diệt của tưởng khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **tưởng như**? Đó là lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết tưởng như không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh,

không tăng, không giảm, tánh thường như, không hư vọng, không biến đổi nên gọi nó là như. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết về tưởng như khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **tướng của hành**? Đó là khi hành Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết là hành giống cây chuối, lột bỏ từng bẹ ra thì không tìm được cái lõi. Đó gọi là đại Bồ Tát biết như thật về tướng của hành khi Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **sự sanh diệt của hành**? Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết là lúc sanh, hành không từ đâu đến, khi diệt cũng không đi về đâu, dù không đến không đi mà tương ưng sanh diệt. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết về sự sanh diệt của hành khi Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **hành như**? Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết hành như không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh thường nhất như, không hư vọng, không biến đổi nên gọi là như. Đó là đại Bồ Tát như thật biết về hành như khi Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **tướng của thức**? Lúc hành Bát Nhã, như thật biết thức như các việc huyễn, nhiều duyên hòa hợp, giả thi thiết có, thật chẳng khá được. Giống như nhà ảo thuật cùng các học trò của ông ta hóa làm bốn loại quân ở ngã tư đường, đó là quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, hoặc lại hóa hiện các sắc loại khác, tướng tuy có mà không có thật. Thức cũng như thế thật chẳng khá được. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết về tướng của thức khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã biết rõ như thật về **sự sanh diệt của thức**? Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát như thật biết lúc sanh, thức không từ đâu đến, khi diệt cũng không đi về đâu, dù không đến không đi mà tương ưng sanh diệt. Đó là đại Bồ Tát như thật biết về sự sanh diệt của thức khi hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã như thật biết về **thức như**? Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát biết như thật thức như không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh thường nhất như, không hư vọng, không biến đổi

nên gọi là "như". Đó là đại Bồ Tát như thật biết về thức như khi hành Bát Nhã.

(Nếu biết tất cả pháp không có tự tánh mà có thể an trụ, thời có thể học ba môn giải thoát cùng vô lượng pháp môn Phật học khác)

Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy thì có thể học sắc uẩn cho đến thức uẩn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể **học 12 xứ**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về sáu căn, sáu trần và tự tánh không của chúng là **bất khả đắc**, thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học 12 xứ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể **học 18 giới**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về sáu căn, sáu trần, sáu thức và tự tánh không của chúng là bất khả đắc, thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học 18 giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể **học nhãn xúc cho đến ý xúc**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về nhãn xúc, **tự tánh không** của nhãn xúc cho đến ý xúc và tự tánh không của ý xúc thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học nhãn xúc cho đến ý xúc.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, **tự tánh không** của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, tự tánh không của các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **địa giới cho đến thức giới**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về địa giới, **tự tánh không của địa giới cho đến thức giới và tự tánh không của thức giới** thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát này cũng có thể học địa giới cho đến thức giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **nhân duyên cho đến tăng thượng duyên**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết nhân duyên là tướng chủng tử, đẳng vô gián duyên là tướng khai phát, sở duyên duyên là tướng nắm giữ, tăng thượng duyên là tướng không ngăn ngại**, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp** thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học nhân duyên cho đến tăng thượng duyên.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học các pháp do nhân duyên sanh ra?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành sâu Bát Nhã, đại Bồ Tát nào biết tất cả các pháp do nhân duyên sanh ra không sanh, không diệt, không đoạn, không

thường, không một, không khác, không đến, không đi, dứt các hý luận, bản tánh lặng lẽ thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học các pháp do nhân duyên sanh ra.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **vô minh cho đến lão tử**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành sâu Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát nào như thật biết vô minh cho đến lão tử không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học vô minh cho đến lão tử.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành sâu Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết pháp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không đều không có tự tánh, hoàn toàn bất khả đắc <u>nhưng có thể an trụ</u> thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học pháp nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì đều không hý luận, hoàn toàn không phân biệt mà <u>có thể an trụ</u> thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật**?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không tự tánh và bất khả đắc nhưng <u>có thể tu tập</u> thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Thế nào là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học **vô lượng vô biên Phật pháp** khác?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Lúc hành sâu Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết vô lượng vô biên Phật pháp khác không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không tự tánh, bất khả đắc nhưng <u>có thể tu tập</u> thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học vô lượng vô biên Phật pháp khác.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, như thật biết rõ sắc thảy pháp mỗi mỗi sai khác chẳng tạp loạn nhau, há chẳng phải đem sắc cho đến đem thức hoại pháp giới sao? Há chẳng phải đem 12 xứ cho đến 18 giới hoại pháp giới sao? Há chẳng phải đem nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ hoại pháp giới sao? Há chẳng phải đem vô minh cho đến lão tử phá hoại pháp giới? Há chẳng phải đem pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không phá hoại pháp giới? Há chẳng phải đem chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì phá hoại pháp giới? Nói rộng ra, há chẳng phải đem tất cả pháp Phật phá hoại pháp giới sao? Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì pháp giới không hai, không sai khác.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Nếu <u>lìa pháp giới mà có pháp khác có thể nắm bắt</u>, thì có thể nói pháp ấy có thể phá hoại pháp giới. Nhưng lìa pháp giới không có pháp nào có thể nắm bắt được nên không có pháp nào khác có thể phá hoại pháp giới. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn biết lìa pháp giới không có pháp nào có thể nắm bắt được, lìa pháp giới thì cũng không có pháp nào có thể tạo dựng, giảng nói cho người khác. Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên học tướng pháp giới không hai không khác, không thể hoại được.

(Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn học pháp giới thì phải học những gì?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào muốn học pháp giới thì phải học tất cả pháp. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp đều nhập vào pháp giới.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Vì sao nói tất cả pháp đều nhập vào pháp giới?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Dù Phật xuất thế hay Phật không xuất thế thì các pháp vốn là pháp như vậy, đều nhập vào pháp giới, không có tướng sai khác, không phải do Phật nói. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc pháp lành-pháp ác, hoặc pháp hữu ký-pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu-pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian-pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi-pháp vô vi... tất cả pháp như vậy đều nhập vào pháp giới vô tướng, vô vi, tánh không. Vì thế, này Thiện Hiện! Lúc hành sâu Bát Nhã, các đại Bồ Tát muốn học pháp giới thì phải học tất cả các pháp, nếu học tất cả pháp tức là học pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu tất cả pháp đều nhập vào pháp giới không hai, không khác thì các đại Bồ Tát vì sao phải học bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật? Vì sao phải học 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc? Vì sao phải học 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo? Vì sao phải học pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện? Vì sao phải học 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ? Vì sao phải học Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa? Vì sao phải học tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa? Vì sao phải học pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không? Vì sao phải học chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì? Vì sao phải học 5 loại mắt, 6 phép thần thông? Vì sao phải học Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng? Vì sao phải học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả? Vì sao phải học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí? Vì sao phải học chứng đắc Bồ Tát Chánh tánh ly

sanh? Vì sao phải học các địa vị của tất cả Thanh văn, Độc giác mà không tác chứng? Vì sao phải học thành thục hữu tình, trang nghiêm cõi Phật? Vì sao phải học tất cả Bồ Tát đạo và quả vị Vô thượng Bồ đề? Sau khi đã học như vậy, biết tất cả pháp, tất cả các loại tướng, vị ấy mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Bạch Thế Tôn! Chẳng phải trong pháp giới có các loại phân biệt như vậy, chắc không có các đại Bồ Tát do phân biệt này nên điên đảo phát sanh các hý luận ở chỗ không hý luận. Vì sao? Vì trong chơn pháp giới hoàn toàn không có hý luận phân biệt.

(Pháp giới tức không phải là tất cả pháp,
cũng chẳng phải lìa tất cả pháp. Tất cả pháp tức là pháp giới)

Bạch Thế Tôn! **Pháp giới chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chính là pháp giới, pháp giới tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.**

Bạch Thế Tôn! Pháp giới chẳng phải 12 xứ cho đến 18 giới, cũng chẳng lìa 12 xứ cho đến 18 giới. 12 xứ cho đến 18 giới chính là pháp giới, pháp giới tức là 12 xứ cho đến 18 giới. Pháp giới chẳng phải nhãn xúc cho đến ý xúc, cũng chẳng lìa nhãn xúc cho đến ý xúc. Nhãn xúc cho đến ý xúc chính là pháp giới, pháp giới tức là nhãn xúc cho đến ý xúc. Pháp giới chẳng phải là các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, cũng chẳng lìa các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. **Các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra chính là pháp giới**. **Pháp giới tức là các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra**. Pháp giới chẳng phải địa giới cho đến thức giới, cũng chẳng lìa địa giới cho đến thức giới. Địa giới cho đến thức giới chính là pháp giới. Pháp giới tức là địa giới cho đến thức giới. Pháp giới chẳng phải nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, cũng chẳng lìa nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên chính là pháp giới. Pháp giới tức là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Pháp giới chẳng phải là các pháp theo duyên sanh ra, cũng chẳng lìa các pháp theo duyên sanh ra. Các pháp theo duyên sanh ra chính là pháp giới. Pháp giới tức là các pháp theo duyên sanh ra. Pháp giới chẳng phải là bố

thí cho đến Bát Nhã, cũng chẳng lìa bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chính là pháp giới. Pháp giới tức là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Pháp giới chẳng phải pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không, cũng chẳng lìa pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không.

Bạch Thế Tôn! Nói rộng ra, pháp giới chẳng phải tất cả pháp Phật, cũng chẳng lìa tất cả pháp Phật. Tất cả pháp Phật chính là pháp giới. Pháp giới tức là tất cả pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Pháp giới chẳng phải là pháp thiện ác, cũng chẳng lìa pháp thiện ác. Pháp thiện ác chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp thiện ác. Pháp giới chẳng phải là pháp hữu ký, vô ký, cũng chẳng lìa pháp hữu ký, vô ký. Pháp hữu ký, vô ký chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp hữu ký, vô ký. Pháp giới chẳng phải là pháp hữu lậu, vô lậu, cũng chẳng lìa pháp hữu lậu, vô lậu. Pháp hữu lậu, vô lậu chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp hữu lậu, vô lậu. Pháp giới chẳng phải là pháp thế gian và xuất thế gian, cũng chẳng lìa pháp thế gian và xuất thế gian. Pháp thế gian và xuất thế gian chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp thế gian và xuất thế gian. Pháp giới chẳng phải là pháp hữu vi, vô vi, cũng chẳng lìa pháp hữu vi, vô vi. Pháp hữu vi, vô vi chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp hữu vi, vô vi.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! **Trong chân pháp giới không có tất cả các loại phân biệt, hý luận.** Pháp giới chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Pháp giới tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp giới. Như vậy, cho đến pháp giới chẳng phải là pháp hữu vi, vô vi, cũng chẳng lìa pháp hữu vi, vô vi. Pháp giới chính là pháp hữu vi, vô vi. Pháp hữu vi, vô vi tức là pháp giới.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, nếu thấy có pháp lìa pháp giới, thì chẳng thể đạt sở cầu Vô thượng Bồ đề. Vậy nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã chẳng thấy có pháp lìa chân pháp giới.

Thiện Hiện nên biết! Lúc hành sâu Bát Nhã, các đại Bồ Tát biết **tất cả pháp tức là chân pháp giới** nhưng bằng phương tiện thiện xảo đối với

pháp không có danh tướng, vì các hữu tình vị ấy mượn danh tướng nói: Đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; đây là 12 xứ cho đến 18 giới; đây là nhãn xúc cho đến ý xúc; đây là các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra; đây là địa giới cho đến thức giới; đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đây là các pháp do nhân duyên sanh ra; đây là vô minh cho đến lão tử; đây là pháp thiện, pháp ác; đây là pháp hữu ký, pháp vô ký; đây là pháp hữu lậu, pháp vô lậu; đây là pháp thế gian, pháp xuất thế gian; đây là pháp hữu vi, pháp vô vi; đây là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; đây là pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không; đây là chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; đây là tất cả pháp Phật. *(Q.472, ĐBN)*

Giống như nhà ảo thuật giỏi hoặc các đệ tử của vị ấy, ở trước mọi người cầm một ít vật biến hóa làm các loại sắc tướng khác nhau, hóa làm nam, nữ, lớn, nhỏ, hoặc hóa làm các loại cầm thú voi, lừa, ngựa, trâu, dê, lạc đà… hoặc hóa làm thành ấp, xóm làng, vườn cây, ao, hồ, trang nghiêm đủ cách rất là đáng ưa; hoặc hóa làm quần áo, đồ ăn, thức uống, nhà cửa, ngọa cụ, hương hoa anh lạc, các loại trân bảo, của cải, lúa, kho tàng, hoặc hóa làm vô số các loại kỹ nhạc, kỹ nữ, làm cho vô số người vui vẻ hưởng lạc; hoặc hóa làm các loại hình tướng làm cho họ thực hành bố thí, hoặc dạy họ trì giới, hoặc dạy họ an nhẫn, hoặc dạy họ tinh tấn, hoặc dạy họ tập định, hoặc dạy họ tu huệ; hoặc lại thị hiện sanh các dòng họ lớn như Sát đế lợi cho đến cư sĩ; hoặc lại hóa làm các núi, biển cả, núi Diệu cao, núi luân vi… hoặc lại thị hiện sanh ra trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại; hoặc lại hiện sanh trời Phạm chúng cho đến trời sắc cứu cánh; hoặc lại hiện sanh trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc lại thị hiện làm Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác; hoặc lại hiện làm đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm tu hành bố thí cho đến Bát Nhã; tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; học trụ pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không; học trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; học an trụ tất cả pháp Phật và thành tựu vô lượng vô biên công đức thù thắng bất khả tư nghì. Này Thiện Hiện! Để mê hoặc người khác nên ở trước mặt mọi người, huyễn sư cùng các đệ tử của ông ấy hóa làm các việc huyễn hóa như vậy.

Sau khi thấy việc này những nam nữ lớn nhỏ thiếu hiểu biết đều kinh ngạc khen ngợi: Kỳ lạ thay! Người này thật tài giỏi, có thể làm các việc hy hữu, có thể hóa hiện thân Như Lai tướng tốt trang nghiêm, đầy đủ công đức làm cho mọi người thích thú tài năng vừa hiển bày của mình. Sau khi thấy việc này, những người trí trong số ấy nghĩ: Thật là thần dị, người này làm sao có thể hiển bày việc này. Tuy trong ấy không có sự thật nào có thể nắm bắt được, nhưng kẻ kia làm cho người ngu mê lầm, thích thú tưởng là thật, đối với vật không thật chỉ có người trí thấu rõ các việc ấy đều là không, **nên tuy có thấy nghe nhưng không chấp trước.**

Như vậy, Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, tuy không thấy pháp giới lìa các pháp, cũng không thấy các pháp lìa pháp giới, chẳng thấy hữu tình và thi thiết hữu tình thật sự khá được, mà năng phát sanh phương tiện khéo léo. Tự tu hành sáu Ba la mật cũng khuyên người tu hành sáu Ba la mật, xưng nêu không trái pháp tu hành sáu Ba la mật. Vui mừng khen ngợi kẻ tu hành sáu Ba la mật. *(Q.473, ĐBN)*

Tự mình thọ trì mười thiện nghiệp đạo, cũng khuyên người khác thọ trì 10 thiện nghiệp đạo, xưng nêu không trái với pháp thọ trì 10 thiện nghiệp đạo, hoan hỷ tán thán người thọ trì 10 thiện nghiệp đạo. Tự mình thọ trì 5 giới, cũng khuyên người khác thọ trì 5 giới, xưng nêu không trái với pháp thọ trì 5 giới, hoan hỷ tán thán người thọ trì 5 giới. Tự mình thọ trì 8 giới, cũng khuyên người khác thọ trì 8 giới, xưng nêu không trái với pháp thọ trì 8 giới, hoan hỷ tán thán người thọ trì 8 giới. Tự mình thọ trì giới xuất gia, cũng khuyên người khác thọ trì giới xuất gia, xưng nêu không trái với pháp thọ trì giới xuất gia, hoan hỷ tán thán người thọ trì giới xuất gia. Tự mình tu hành 4 tĩnh lự, cũng khuyên người khác tu hành 4 tĩnh lự, xưng nêu không trái với pháp tu hành 4 tĩnh lự, hoan hỷ tán thán người tu hành 4 tĩnh lự. Tự mình tu hành 4 vô lượng, 4 định vô sắc cũng khuyên người khác tu hành 4 vô lượng, 4 định vô sắc, xưng nêu không trái với pháp tu hành 4 vô lượng, 4 định vô sắc hoan hỷ tán thán người tu hành 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Tự mình an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không, cũng khuyên người khác an trụ nội không cho đến vô tính tự tính không, xưng nêu không trái với pháp an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không, hoan hỷ tán thán người an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Tự mình an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, cũng khuyên người khác an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, xưng

nêu không trái với pháp an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, hoan hỷ tán thán người an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, tự mình an trụ viên mãn tất cả pháp Phật, cũng khuyên người khác an trụ viên mãn tất cả pháp Phật, xưng nêu không trái với tất cả pháp Phật, hoan hỷ tán thán người an trụ viên mãn tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Nếu biên tế đầu, giữa, cuối của chơn pháp giới có sai khác thì khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, không thể phát khởi phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình mà nói chân pháp giới, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, làm lợi lạc tất cả hữu tình cho đến tận đời vị lai. Vì biên tế đầu giữa cuối của chân pháp giới thường không sai khác, nên khi đại Bồ Tát hành Bát Nhã, khéo phát khởi phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình mà nói chân pháp giới, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, làm lợi lạc tất cả hữu tình đến tận đời vị lai.

Thích nghĩa:

(1). Thắng giải: Nghĩa là sự tỏ ngộ thù thắng, tức đối với các cảnh sở duyên (đối tượng nhận thức) khởi lên tác dụng phán đoán chính xác. Đây là giải thích ngắn gọn. Trước đã thích nghĩa rồi.

(2). Pháp hữu tránh, vô tránh (有諍, Phạm, Pàli:Sa-raịa): Tên khác của Hữu lậu. Tránh là phiền não, Hữu là tùy tăng. Hữu tránh nghĩa là pháp Khổ đế và Tập đế thuận theo phiền não, va chạm với thiện phẩm, gây tổn hại đến thân mình và thân người, cho nên gọi là Hữu tránh.- Từ điển Phật Quang.

(3). Pháp lưu chuyển (流轉, Phạm: Pravftti). Đối lại: Hoàn diệt. Trôi lăn xoay vòng, tức là sinh tử nối nhau không dứt, phải vòng quanh trong 3 cõi, 6 đường, là 1 trong 24 pháp Bất tương ứng hành. Tông Duy thức cho rằng do tạo nghiệp thiện ác mà phải chịu quả báo sinh tử liên tục không gián đoạn, gọi là Nhiễm ô thanh tịnh lưu chuyển; các pháp hữu vi sinh diệt từng sát na nối nhau không dứt, gọi là Sát na triển chuyển lưu chuyển; sự sinh diệt chuyển biến liên tục của hữu tình trong 1 kỳ hạn, gọi là Sinh triển chuyển lưu chuyển, cũng gọi là Sinh thân triển chuyển lưu chuyển. - Từ điển Phật Quang.

(4). Pháp hoàn diệt (還滅) cũng gọi Hoàn nguyên. Đối lại với Lưu chuyển. Chuyển mê lầm để trở về tịch diệt. Luận Đại tì bà sa quyển 100 và

luận Hiển dương Thánh giáo quyển 15 nói, nhờ công hạnh tu hành, đoạn trừ phiền não, ra khỏi sinh tử mà trở về nguồn gốc Niết bàn. Ma ha chỉ quán quyển 5 thượng (Đại 46, 56 trung), nói: Trở về cội nguồn, pháp giới đều lặng, ấy gọi là Chỉ. Luận Câu xá quyển 3 căn cứ vào Lưu chuyển và Hoàn diệt mà lập thành 22 căn, trong đó, 14 căn trước được thành lập theo 4 nghĩa: Sở y, Sinh, Trụ, Thụ dụng của Lưu chuyển; còn 8 căn sau cũng được thành lập theo 4 nghĩa trên, nhưng là của Hoàn diệt. Tức là 5 căn Tín, Tiến, v.v... là sở y (chỗ nương) của Hoàn diệt; còn trong 3 căn vô lậu, thì nhờ Vị tri đương tri căn mà sinh trí Vô lậu, nhờ Dĩ tri căn mà được Vô lậu trí trụ, nhờ Cụ tri căn mà được Thụ dụng hiện pháp lạc trụ.- Phỏng theo Từ điển Phật Quang

*(5). **Phẩm "Các Tướng Bình Đẳng" Q.383, Hội thứ I, ĐBN. Nói về "sắc như" như sau:*** "Này Thiện Hiện! Như thật biết sắc như ấy không sanh, không diệt, không đến, không đi, không tăng, không giảm, không cấu, không tịnh. Như đó là nói như thật chẳng hư. Như đó là trước sau và chặng giữa cũng vậy, thường chẳng đổi khác". *Đó là cách nói khác về "như tánh", "pháp như" hay chơn như của tất cả pháp.*

Sơ giải:

***1**. Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới:*

"**...** Hành Bát Nhã **đối tất cả pháp đều không sở hành**. Đấy là khéo đạt thật tướng các pháp". *Đó là câu nói nghịch đời của Bát Nhã! Hành Bát Nhã như hóa nhân thính pháp, hành tất cả pháp mà không có sở hành; hành như vậy thì* "hoàn toàn thông suốt thật tướng của các pháp".

*Hữu tình cho các pháp là thật, vì chấp vào **danh tướng hư vọng** của tất cả pháp. Bồ Tát vì vậy* "dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa giúp xa lìa vọng chấp bằng cách dạy họ: Danh là do vọng tưởng phân biệt phát sanh, cũng là do các duyên hòa hợp giả lập ra, các ngươi không nên chấp trước. Danh không có thật, tự tánh đều rỗng không".

"Ở trong các pháp có sắc vô sắc, phàm phu ngu si chấp tướng phân biệt sanh các phiền não gọi là tướng, vô tướng. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, dạy các hữu tình xa lìa hai tướng, lại dạy họ **an trụ vào cảnh giới vô tướng**. Tuy dạy họ trụ vào cảnh giới vô tướng nhưng không làm cho họ rơi vào kiến chấp nhị biên, cho rằng đây là

tướng, đây là vô tướng. Thế nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, giúp các hữu tình xa lìa các tướng, hành cảnh vô tướng mà không chấp trước".

*Tất cả pháp chỉ có danh tướng, tất cả danh tướng đều là giả lập, do phân biệt hư vọng phát sanh, ở trong đó hoàn toàn không có chút thật, có thể nắm bắt. Vì vậy, Bồ Tát dùng **Vô tướng làm phương tiện** tăng trưởng thiện pháp và cũng dùng vô tướng làm phương tiện giáo hóa hữu tình viên mãn Phật đạo, tu hành các thiện pháp mà chứng Niết bàn an vui rốt ráo!*

Phật bảo: "Nếu trong các pháp có thật tướng lượng bằng đầu mảy lông thì lúc hành sâu Bát Nhã, các đại Bồ Tát chẳng cần hiểu biết vô tướng, vô niệm cùng vô tác ý để chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, an lập hữu tình vào pháp vô lậu. Nhưng do **các pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý**, nên đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã bằng phương tiện thiện xảo, an lập hữu tình vào pháp vô lậu mới được gọi là việc lợi ích cho người khác một cách chân thật".

Pháp vô tướng, vô niệm, vô tác ý là tam giải thoát môn không, vô tướng, vô tác. **"Vì giải thoát môn Không quán tự tướng tất cả pháp đều là Không. Giải thoát môn vô tướng quán tất cả pháp xa lìa các tướng. Giải thoát môn vô tác quán tất cả pháp xa lìa tạo tác. Các đại Bồ Tát dựa vào ba môn này có thể tóm thu tất cả pháp lành thù thắng. Lìa ba môn này thì các pháp lành không sanh trưởng được".**

Chính nhờ pháp môn vô lậu mà khi hành Bát Nhã, Bồ Tát có thể an trụ trong pháp môn này nên có thể học vô lượng vô biên các pháp môn khác. Điều này cũng rất dễ hiểu: Khi thấy các pháp không thật, giả có, chỉ là duyên hợp, như huyễn như hóa, không có tánh tướng, chỗ gọi là vô tướng, nên bảo là không. Vì thấy tất cả pháp là không, tức sở hành vắng lặng, thì tâm hành dứt, mọi thi vi tạo tác không còn cơ hội phát sanh nữa. Đó là hành mà không có sở hành mới gọi là hành Bát Nhã. Giáo pháp này khế hợp tam muội không, vô tướng, vô tác liền thấy thật tướng các pháp. Thật tướng tất cả pháp tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, v.v... Ngộ thật tướng này tức nhập pháp giới.

Đại Bồ Tát nào muốn học pháp giới thì phải học tất cả pháp. Nhưng với điều kiện là phải ngộ được chân như thật tướng của tất cả pháp thì mới có thể nhập pháp giới mà tuyên bố rằng: Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới.

"Pháp giới tức không phải tất cả pháp, cũng chẳng phải lìa tất cả pháp". *Tất cả pháp như, tất cả pháp bình đẳng là pháp giới*. "Pháp giới chẳng phải là pháp hữu ký, vô ký, cũng chẳng lìa pháp hữu ký, vô ký. Pháp hữu ký, vô ký chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp hữu ký, vô ký. Pháp giới chẳng phải là pháp hữu lậu, vô lậu, cũng chẳng lìa pháp hữu lậu, vô lậu. Pháp hữu lậu, vô lậu chính là pháp giới. Pháp giới tức là pháp hữu lậu, vô lậu v.v…"

Nếu hiểu tất cả pháp như vậy thì nhập pháp giới, lúc đó mới có thể nói rằng pháp giới là tất cả pháp, tất cả pháp không lìa pháp giới, tất cả pháp là pháp giới. Hiểu được như vậy gọi là "thiện đạt". Thiện đạt thì dẫn đến giác ngộ, đến Nhất thiết chủng trí.

Phật bảo Thiện Hiện: "Dù Phật xuất thế hay không xuất thế thì các pháp vốn là pháp như vậy, đều nhập vào pháp giới, không có tướng sai khác, không phải do Phật nói. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc pháp lành-pháp ác, hoặc pháp hữu ký-pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu-pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian-pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi-pháp vô vi, tất cả pháp như vậy đều nhập vào pháp giới vô tướng, vô vi, tánh không. Vì thế, này Thiện Hiện! Lúc hành sâu Bát Nhã, các đại Bồ Tát muốn học pháp giới thì phải học tất cả các pháp, nếu học tất cả pháp tức là học pháp giới".

Tất cả pháp đều là duyên hợp, giả có tức không; tất cả pháp như huyễn như mộng cũng là không; các pháp không có tự tánh, không có tự tánh nên không; các pháp lấy vô tánh làm tự tánh, vô tánh là không có bản tánh, không có bổn thể, không bổn thể nên nói là không; các pháp nhất tướng chỗ gọi là vô tướng, vô tướng là không có định tướng, không có định tướng nên không; các pháp vốn trì độn vô tri, có mà cũng như không; tất cả pháp là như tướng, như tướng cũng tức là không; tất cả pháp đều bình đẳng, bình đẳng cũng là không. Biết như vậy là vào được đệ nhất nghĩa để sống trong bình đẳng, nên không còn phân biệt chấp trước nữa.

Dù Phật xuất thế hay không các pháp vốn là không, là như, như pháp tánh, như pháp giới, như thật tế, như bình đẳng tánh, như ly sanh tánh, như pháp định, như pháp trụ, như cảnh giới hư không, như cảnh giới bất tư nghì… Đó là chơn như thật tướng của tất cả pháp, đó cũng là biên tế cuối cùng của thực tại nên nói tất cả pháp đều nhập vào pháp giới thật tế không có tướng sai khác.

*Vì vậy, ngài Thạch Đầu mới nói: **"Người hội muôn vật làm tự mình, ấy là Thánh nhân..."** và Tăng Triệu pháp sư cũng nói: **"Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể".** Cũng từ cảm hứng này chúng tôi nói: Cây cỏ cùng ta đồng gốc, sông núi cùng ta đồng nguồn.*

Nếu hiểu biết như vậy thì có cơ hội mở cửa Cam lồ mà nhập pháp giới.

***2.** Sau đây là các pháp tu thiết thật mà cũng giản dị nhất nhưng lại có **ảnh hưởng nhiều nhất đối với đời sống tâm linh**, chúng tôi cố gắng nêu ra để nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng trong việc tu học Bát Nhã:*

Phẩm "Thiện Đạt", Q.472, Hội thứ II, ĐBN: Đại khái Kinh bảo "Do tiếp xúc với ngoại trần (con người và ngoại cảnh), rồi sanh ra cảm thọ và ý thức" mà trở nên điên đảo, rồi tạo tác thi vi mà tạo nghiệp. Muốn không tạo nghiệp, Phật bảo:

"*(...)* Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thật biết về **tướng của thức**? Lúc hành Bát Nhã, như thật biết **thức như các việc huyễn, nhiều duyên hòa hợp, giả thi thiết có, thật chẳng khá được**. Giống như nhà ảo thuật cùng các học trò của ông ta hóa làm bốn loại quân ở ngã tư đường, đó là quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, hoặc lại hóa hiện các sắc loại khác, tướng tuy có mà không có thật. Thức cũng như thế thật chẳng khá được. Đó gọi là đại Bồ Tát như thật biết về tướng của thức khi hành Bát Nhã".

Vì vậy, Phật dạy:

- "Lúc thực hành Bát Nhã, đại Bồ Tát nào như thật biết về các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, **tự tánh không** của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, **tự tánh không** của các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra thì này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát có thể học ba môn giải thoát như vậy, cũng có thể học các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra".

*Trước hết nên biết "**thức như việc huyễn**, nhiều duyên hòa hợp, giả thi thiết có, thật chẳng khá được" và cũng phải như thật biết "các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra **tự tánh đều không**".*

Phải quán biết thức như huyễn, thấy biết như huyễn tức biết nhân không, pháp không. Nhân không là nhân vô ngã, pháp không là sắc pháp

tự tánh không, là vô tánh. Khi có cái thấy biết như vậy thì không còn bị động chuyển trôi lăn. Nếu không bị động chuyển trôi lăn thì không thi vi tạo tác hý luận nữa. Như thế tức không còn ngăn ngại mà Tâm Kinh bảo là đạt tới cứu cánh Niết bàn.

Đó chính là do nên học ba giải thoát môn: Không, Vô tướng, Vô tác. Nếu học được như vậy thì có thể học tất cả pháp môn, nên có thể tránh được ngoại cảnh đốt cháy nhận chìm. Cảnh không ngăn che tức không chuyển được tâm thì tâm có thể chuyển được cảnh.

Kết luận:

Phẩm "Thiện Đạt" của Hội thứ II này tương đương với phẩm có tên là "Các Pháp Bình Đẳng", ***phần sau Q.383 cho đến phần đầu Q.386, Hội thứ I, ĐBN:*** *Nói lên bản tánh bình đẳng của tất cả pháp để đưa đến giác ngộ về thật tướng tất cả pháp. Hội thứ II lại có phẩm tựa là "Thiện Đạt", chỉ thẳng thật tướng của các pháp, và khi hiểu được thật tướng này thì giác ngộ, mà nhập chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế... Cả 2 phẩm cùng một tiến trình như nhau trong việc dẫn dắt chúng sanh vào Niết bàn. Phẩm tựa có khác, nhưng nội dung không khác!*

Đọc phẩm này nếu gặp nhiều trở ngại, các đạo hữu có thể quay lại tụng đọc phẩm "Các Pháp Bình Đẳng", Hội thứ I, ĐBN./.

---o0o---

77. PHẨM "THẬT TẾ"

Cuối Q.473 đến đầu Q.374, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Bất Khả Động", cuối Q.386 đến đầu Q.390, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Hữu tình tế không khác với thật tế)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình và thi thiết *(an lập)* hữu tình hoàn toàn chẳng thể được. Vậy, các đại Bồ Tát vì ai mà hành sâu Bát Nhã?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát chỉ lấy thật tế làm *(định)* lượng, mà hành sâu Bát Nhã.

Thiện Hiện nên biết! Nếu hữu tình tế khác với thật tế thì không nên hành sâu Bát Nhã. **Vì hữu tình tế không khác với thật tế nên chúng đại Bồ Tát vì các hữu tình mà hành sâu Bát Nhã**.

Lại nữa Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, không hoại pháp thật tế, an lập hữu tình khiến cho trụ pháp thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu hữu tình tế tức là thật tế thì tại sao đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, không hoại pháp thật tế, an lập hữu tình khiến trụ thật tế?

Bạch Thế Tôn! Nếu khi đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, an trụ hữu tình, khiến cho trụ thật tế thì tức là an trụ thật tế, khiến cho trụ thật tế.

Bạch Thế Tôn! Nếu khi đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, an lập thật tế, khiến cho trụ thật tế thì tức là an lập tự tánh, khiến cho trụ tự tánh. Nhưng đúng lý thì không nên an lập tự tánh khiến cho an trụ tự tánh, vậy tại sao có thể nói khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, không hoại pháp thật tế, an lập hữu tình, khiến trụ thật tế?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Không thể an lập thật tế khiến trụ thật tế, cũng không thể an lập tự tánh, khiến trụ tự tánh. Nhưng khi các đại Bồ Tát hành

sâu Bát Nhã, vì có phương tiện thiện xảo, nên có khả năng an lập hữu tình khiến trụ thật tế, mà hữu tình không khác với thật tế, hữu tình tế và thật tế không hai, không khác.

(Sáu Ba la mật là phương tiện thiện xảo để an lập hữu tình, khiến trụ thật tế mà không hoại tướng thật tế)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phương tiện thiện xảo của các đại Bồ Tát, khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, nhờ lực phương tiện thiện xảo này nên an lập hữu tình, khiến trụ thật tế mà không hoại tướng thật tế?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy. Do lực phương tiện thiện xảo này, nên an lập hữu tình, khiến **trụ bố thí**. Sau khi an lập xong, vì họ mà nói tướng trước, sau, giữa của bố thí không có khác nhau. Nghĩa là nói bố thí như vậy thì trước, sau, giữa hoàn toàn đều là không. Người thí, người thọ thí và kết quả thí cũng đều là không. Tất cả pháp như vậy ở trong thật tế, đều vô sở hữu, đều chẳng thể đắc. Các ông chớ cho rằng sự bố thí, người thí, người thọ thí và quả thí, mỗi mỗi khác nhau. Nếu các ông **không chấp** sự bố thí, người thí, người thọ thí và quả thí đều khác nhau thì việc tu thí phước sẽ hướng đến cam lồ, được quả cam lồ, **nhất định lấy Cam lồ làm hậu cứ.**

Lại nói như vầy: Các ông dụng pháp tu bố thí này, **chớ nắm giữ sắc cho đến thức**; chớ nắm giữ mười hai xứ cho đến mười tám giới; chớ nắm giữ nhãn xúc cho đến ý xúc; chớ nắm giữ nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ; chớ nắm giữ địa giới cho đến thức giới; chớ nắm giữ nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; chớ nắm giữ từ duyên sanh ra các pháp; chớ nắm giữ vô minh cho đến lão tử; chớ nắm giữ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; chớ nắm giữ bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; chớ nắm giữ bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chớ nắm giữ giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện; chớ nắm giữ nội không cho đến vô tánh tự tánh không; chớ nắm giữ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; chớ nắm giữ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo… cho đến chớ nắm giữ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; chớ

nắm giữ quả Dự lưu cho đến quả Độc giác; chớ nắm giữ tất cả Bồ Tát hạnh; chớ nắm giữ Vô thượng Bồ đề; chớ nắm giữ pháp thiện, pháp ác; chớ nắm giữ pháp hữu ký, vô ký; chớ nắm giữ pháp hữu lậu, vô lậu; chớ nắm giữ pháp thế gian, xuất thế gian; chớ nắm giữ pháp hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì tất cả sự **bố thí, tánh bố thí đều không**. Tất cả người thí, tánh người thí đều không. Tất cả quả thí, tánh quả thí đều không. **Trong không ấy, sự thí, người thí, người thọ thí và các quả thí đều chẳng thể nắm bắt được.** Vì sao? Vì tự tánh sai biệt của các pháp như vậy, hoàn toàn không. Trong không rốt ráo ấy, các pháp như vậy đều không thể được. Do các pháp đây chẳng thể được, nên nắm giữ pháp khác cũng chẳng thể được.

Lại nữa Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy. Do lực phương tiện thiện xảo này, nên an lập hữu tình khiến **trụ tịnh giới**. Sau khi an lập xong, lại nói như vầy: Ngày nay, đối với các hữu tình, các ông nên hết lòng thương yêu, lìa bỏ sự giết hại sanh mạng, cho đến lìa bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến. Vì sao? Vì các pháp như vậy đều không có tự tánh. Các ông không nên phân biệt chấp trước. Các ông phải nên như thật quán sát pháp nào gọi là sanh, sao muốn đoạn mạng sống ấy, lại dùng nhân duyên gì mà đoạn mạng sống ấy, nói rộng cho đến pháp nào gọi là cảnh tà kiến, sao muốn khởi tà kiến! Lại vì nhân duyên gì mà khởi tà kiến! Tất cả pháp như vậy, tự tánh đều không.

Này Thiện Hiện! Khi đại Bồ Tát ấy hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, hay khéo thành thục các loài hữu tình, dùng vô lượng môn giảng nói bố thí và quả tịnh giới đều chẳng thể được, khiến cho họ biết **tự tánh của sự bố thí và quả tịnh giới đều không**. Họ đã biết tự tánh của sự tu bố thí và quả tịnh giới đều không rồi, nên ở trong ấy không sanh chấp trước. Do không chấp trước nên tâm không tán loạn. Do tâm không tán loạn nên có khả năng phát sanh diệu tuệ. Nhờ diệu tuệ này mà đoạn trừ vĩnh viễn tùy miên và các triền phược, rồi nhập vào cảnh giới Vô dư y bát Niết bàn.

Này Thiện Hiện! Như vậy, nương vào thế tục mà nói, chẳng phải nương vào thắng nghĩa. Vì sao? **Vì trong không, không có chút pháp nào có thể nắm bắt được. Hoặc đã Niết bàn, hoặc sẽ Niết bàn, hoặc nay Niết bàn, hoặc người Niết bàn, hoặc do đây nên được bát Niết**

bàn; tất cả pháp như vậy, đều không thật có, đều rốt ráo không. Tánh không rốt ráo tức là Niết bàn, lìa Niết bàn này không có pháp khác.

Lại nữa Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy. Nhờ lực phương tiện thiện xảo này, nên thấy tâm các hữu tình nhiều sân hận, liền hết lòng thương yêu dạy bảo, điều phục tâm họ khiến cho nhận hạnh **an nhẫn**, nói như vầy: Nay các ông nên tu an nhẫn, vui với pháp an nhẫn. Pháp mà các ông sân, tự tánh đều không. Vì sao đối với pháp ấy lại sanh tâm sân hận? Các ông nên như thật quán sát, do pháp nào mà ta sanh sân hận, ai sân hận, sân hận với ai. **Các pháp như vậy đều là bản tánh không. Pháp bản tánh không chưa từng chẳng không. Tánh không như vậy, chẳng phải Phật tạo ra, chẳng phải Bồ Tát tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Thanh văn tạo ra; cũng chẳng phải trời, rồng, các thần Dược xoa, Kiền đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già, nhơn, phi nhơn tạo ra; cũng chẳng phải trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại tạo ra, cũng chẳng phải trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh tạo ra, cũng chẳng phải trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ tạo ra.**

Các ông lại nên như thật quán sát, sân hận như vậy do đâu sanh, thuộc về ai, ai khởi, sẽ được quả gì, hiện tại được lợi gì! Tất cả pháp này đều là bản tánh không, chẳng phải trong tánh không mà có sân hận, **cho nên an nhẫn để tự được lợi ích.**

Như vậy, Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã thẳm sâu, thành tựu phương tiện thiện xảo tối thắng, an lập hữu tình nơi lý tánh không, nhân quả của tánh không, dần dần đem pháp Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chỉ dạy, vui vẻ khuyến khích cổ vũ khiến cho an trụ, sớm được chứng đắc.

Này Thiện Hiện! Như vậy là nương vào thế tục mà nói, chẳng phải nương thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong bản tánh không, tất cả năng đắc, sở đắc, xứ đắc, thời đắc đều chẳng có.

Thiện Hiện nên biết! Đó gọi là lý thật tế bản tánh không. Các đại Bồ Tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên nương vào lý thật tế bản tánh không này mà hành Bát Nhã thẳm sâu, chẳng thấy có hữu tình và

pháp tạo ra. Vì sao? Vì tất cả pháp lìa hữu tình. Vì lìa hữu tình nên pháp chẳng thể đắc. **Pháp và hữu tình an lập đối đãi mà có**.

Lại nữa Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy. Do lực phương tiện thiện xảo này, nên thấy thân tâm của các hữu tình biếng nhác, thối mất **tinh tấn**, mới liền khích lệ làm cho phát khởi thân tâm tinh tấn, tu các thiện pháp, bằng những lời như vầy: Này các thiện nam! Các ông nên ghi nhận, tin sâu: Trong bản tánh không, không có pháp biếng nhác, không có người biếng nhác, không có xứ biếng nhác, không có thời biếng nhác, không do pháp đây mà phát sanh biếng nhác. Tất cả pháp như vậy, bản tánh đều không, không vượt qua lý không. Các ông nên phát khởi thân tâm tinh tấn, xả bỏ biếng nhác, chuyên cần tu thiện pháp. Đó là tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Hoặc tu bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Hoặc tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Hoặc tu môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc trụ nội Không cho đến vô tính tự tính Không. Hoặc trụ chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo… cho đến hoặc tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Hoặc tu quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề. Hoặc tu tất cả Bồ Tát hạnh. Hoặc tu Vô thượng Bồ đề. Hoặc tu vô lượng các pháp Phật khác.

Đại Bồ Tát nên khuyên họ tinh tấn, chớ sanh biếng nhác. Nếu sanh biếng nhác thì thọ khổ vô cùng.

Này các thiện nam! Tất cả pháp này đều bản tánh không, không có các chướng ngại. Các ông nên quán lý bản tánh không. Trong ấy, không có chướng ngại, không có pháp biếng nhác, không có người biếng nhác. Duyên xứ *(chỗ)*, thời *(thời gian)* cũng chẳng thể được.

Như vậy, Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, an lập hữu tình, khiến cho trụ lý bản tánh không của các pháp. Tuy làm cho an trụ, nhưng không có hai tưởng. Vì sao? Vì lý bản tánh không không có hai, không phân biệt, chẳng thể ở trong pháp không hai mà tác hai tưởng.

Lại nữa Thiện Hiện! đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, nương vào bản tánh không mà giáo giới dạy bảo các loài hữu tình, khiến cho tinh cần tu học, bằng những lời như vầy:“Này các thiện nam! Đối với thiện pháp, các

ông nên chuyên cần tinh tấn tu tập. Như khi tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp này, các ông không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng. Hoặc khi tu bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, đối với các pháp này, các ông **không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng**. Hoặc khi tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đối với các pháp này, các ông không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng. Hoặc khi tu giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện, đối với các pháp này, các ông không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng. Hoặc khi trụ nội không cho đến vô tính tự tính không, đối với các pháp này, các ông không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng. Hoặc khi trụ chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đối với các pháp này, các ông không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng. Nói rộng ra, hoặc khi tu vô lượng các Phật pháp khác, đối với các pháp này, các ông không nên tư duy phân biệt hai tướng hay không hai tướng. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì các pháp như vậy đều bản tánh không. Trong lý bản tánh không, không nên tư duy phân biệt hai hay không hai.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, hành Bồ Tát hạnh, thành thục hữu tình. Các loài hữu tình sau khi được thành thục, tùy theo sự ứng hợp với mình mà được an lập dần theo thứ lớp. Như làm cho họ trụ quả Dự lưu, hoặc làm cho trụ quả Nhất Lai, quả Bất Hoàn, quả A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc làm cho trụ ngôi vị thù thắng của Bồ Tát, hoặc làm cho trụ Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, do lực phương tiện này nên thấy tâm của các hữu tình rất tán loạn. Đối với các cảnh dục, hữu tình chẳng thể thu nhiếp các căn, phát sanh đủ loại nghiệp chẳng tịch tĩnh. Thấy vậy, đại Bồ Tát dùng phương tiện làm cho họ **nhập vào định thù thắng** và dạy như vầy: Lại đây thiện nam! Ông nên tu tập Tam ma địa thù thắng, chớ khởi tâm tán loạn và tưởng thắng định. Vì sao? Vì tất cả pháp này đều là bản tánh không. Trong bản tánh không, không có pháp để được, không có tên gọi tán loạn hay tên gọi nhất tâm. Nếu các ông trụ định thù thắng này, làm các việc thiện thì đều sớm được thành tựu viên mãn, cũng tùy theo sở dục mà trụ bản tánh không.

Thế nào gọi là làm các việc thiện? Đó là phát khởi thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh thù thắng. Như tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Hoặc tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Hoặc tu giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc trụ nội Không cho đến vô tính tự tính Không. Hoặc trụ chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì. Nói rộng ra, hoặc tu hoặc trụ tất cả pháp Phật từ tứ Thánh đế cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hoặc thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật. Tất cả thiện pháp thù thắng như vậy đều do định lực thù thắng mà sớm thành tựu, và tùy theo sở nguyện mà trụ bản tánh không.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, từ sơ phát tâm cho đến cứu cánh, mong làm điều thiện lợi ích thường không gián đoạn. Vì muốn làm lợi lạc cho các hữu tình, nên từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, đại Bồ Tát gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn; ở chỗ chư Phật, nghe nhận giáo pháp, bỏ thân, thọ thân, trải qua vô lượng kiếp cho đến khi thành tựu Vô thượng Bồ đề. Trong thời gian ấy, đại Bồ Tát không bao giờ quên mất. Đại Bồ Tát này đắc Đà la ni, các căn không giảm. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này thường khéo tu đầy đủ Nhất thiết trí trí, nên các việc làm đều được tư duy chơn chánh. Do khéo tu đầy đủ Nhất thiết trí trí, các việc làm đều tư duy chơn chánh, nên đối với tất cả đạo, đều có thể tu tập. Đó là đạo Thanh văn, hoặc đạo Độc giác, hoặc đạo Bồ Tát, hoặc đạo chư Phật, hoặc thiên đạo thù thắng, hoặc nhơn đạo thù thắng, hoặc đạo thần thông thù thắng của chư Bồ Tát.

Các đại Bồ Tát này, do trụ đạo thần thông thù thắng, nên thường làm các việc lợi ích cho các hữu tình. Tuy trải qua các cõi sanh tử luân hồi, nhưng thần thông thù thắng vẫn không thối giảm. Do thần thông không thối giảm, nên thường làm việc lợi ích thù thắng cho mình và người.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo Bát Nhã, trụ bản tánh không, bằng phương tiện thiện xảo, khéo làm lợi lạc cho các loài hữu tình, sớm chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy. Do lực phương tiện thiện xảo này nên trụ bản tánh không, thấy các hữu tình trí tuệ kém mỏng, ngu si điên đảo, tạo các ác nghiệp, đại Bồ Tát phương tiện dẫn họ **nhập vào Bát Nhã**, bằng lời dạy như vầy: "Lại đây thiện nam tử! Các ông nên tu Bát Nhã, quán bản

tánh không tịch của tất cả pháp. Nếu các ông khéo tu tập Bát Nhã đây, **quán bản tánh không tịch của tất cả pháp, thì thân ngữ ý nghiệp mà các ông tu hành đều hướng đến Cam lồ, được quả Cam lồ, nhất định lấy Cam lồ làm hậu cứ.** Này các thiện nam! Tất cả pháp này đều bản tánh không. Trong bản tánh không, hữu tình và pháp tuy chẳng thể đắc được, nhưng việc tu hành không có thối mất. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì lý bản tánh không chẳng tăng, chẳng giảm. Trong bản tánh không, pháp cũng không tăng, không giảm. Vì sao? Vì **lý bản tánh không lấy vô tánh làm tánh, lìa phân biệt, tuyệt hý luận, nên ở trong đây, pháp không tăng giảm.** Do đây, việc làm cũng không thối mất. Vì vậy, các ông phải nên tu tập **Bát Nhã**, quán bản tánh không, làm việc nên làm.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phương tiện khéo léo dạy bảo, trao truyền cho các hữu tình, khiến cho nhập vào Bát nhã Ba la mật, trụ bản tánh không, tu các thiện nghiệp.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy dạy bảo, trao truyền cho các hữu tình như vậy, thường không biếng nhác phế bỏ. Nghĩa là tự mình thường hành mười thiện nghiệp đạo, cũng khuyên người khác thường hành mười thiện nghiệp đạo. Tự mình thường thọ trì năm giới cận sự, cũng khuyên người khác thường thọ trì năm giới cận sự. Tự mình thường thọ trì tám giới cận trụ, cũng khuyên người khác thọ trì tám giới cận trụ. Tự mình thường thọ trì giới xuất gia, cũng khuyên người khác thường thọ trì giới xuất gia. Tự mình thường tu hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, cũng khuyên người khác thường tu hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Tự mình thường tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng khuyên người khác thường tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tự mình thường tu giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện, cũng khuyên người khác thường tu giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện. Tự mình thường tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng khuyên người khác thường tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Tự mình thường trụ nội không cho đến vô tính tự tính không, cũng khuyên người khác thường trụ nội không cho đến vô tính tự tính không. Tự mình thường an trụ chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng khuyên người khác thường an trụ chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nói rộng ra, tự mình tu hành tất cả pháp Phật cũng khuyên người khác thường tu hành tất cả pháp Phật. Như vậy, Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát hành phương

tiện thiện xảo Bát Nhã, tự tu nghiệp thiện, thường không biếng nhác phế bỏ, dạy bảo truyền trao cho các loài hữu tình, khiến tu nghiệp thiện thường không biếng nhác phế bỏ.

Này Thiện Hiện! Đó gọi là các đại Bồ Tát khi hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật do lực phương tiện thiện xảo này, nên an lập hữu tình ở trong thật tế, mà chẳng hoại tướng thật tế.

(Hữu tình và tất cả pháp đều không thể nắm bắt)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều bản tánh không, thì trong bản tánh không này, hữu tình và pháp đều chẳng thể nắm bắt được. Do đây không có phi pháp. Vậy, tại sao đại Bồ Tát vì loài hữu tình mà cầu chứng đắc Vô thượng Bồ đề, muốn làm lợi ích cho đến tận đời vị lai?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói! **Tất cả các pháp đều bản tánh không. Trong bản tánh không, hữu tình và pháp đều chẳng thể nắm bắt được. Do đây không có phi pháp.**

Thiện Hiện nên biết! Nếu tất cả pháp chẳng phải bản tánh không, thì khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, chẳng nên an trụ lý bản tánh không, cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích hữu tình, nói pháp bản tánh không. Vì tất cả pháp đều bản tánh không, cho nên khi đại Bồ Tát hành Bát Nhã, trụ lý bản tánh không của tất cả pháp, cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích hữu tình, mà nói pháp bản tánh không.

Này Thiện Hiện! Những <u>pháp nào bản tánh đều không</u>, mà khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, như thật hiểu biết bản tánh không rồi, trụ bản tánh không vì người nói pháp?

Này Thiện Hiện! **Sắc cho đến thức, bản tánh đều không**. 12 xứ cho đến 18 giới, bản tánh đều không. Nhãn xúc cho đến ý xúc, bản tánh đều không. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, bản tánh đều không. Địa giới cho đến thức giới, bản tánh đều không. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, bản tánh đều không. Các pháp từ duyên sanh ra, bản tánh đều không. Vô minh cho đến lão tử, bản tánh đều không. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, bản tánh đều không.

Nội không cho đến vô tính tự tính không, bản tánh đều không. Chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, bản tánh đều không. **Nói rộng ra, tất cả pháp Phật bản tánh đều không. Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, như thật hiểu biết các uẩn, xứ, giới… cho đến tất cả pháp Phật bản tánh không rồi, liền trụ bản tánh không, vì các hữu tình mà tuyên thuyết pháp bản tánh không như vậy.**

Lại nữa Thiện Hiện! Nếu tánh nội Không bản tánh chẳng không; hoặc tánh ngoại Không, nội ngoại Không, không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, tán vô tán Không, bản tánh Không, tự cộng tướng Không, nhất thiết pháp Không, bất khả đắc Không, vô tánh Không, tự tánh Không, vô tánh tự tánh Không, bản tánh cũng chẳng không, thì khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, chẳng vì các hữu tình mà nói tất cả pháp bản tánh đều không. Nếu nói như vậy là hoại bản tánh không, nhưng lý bản tánh không chẳng thể hoại, chẳng phải thường cũng chẳng phải đoạn. Vì sao? **Vì lý bản tánh không vô phương, vô xứ, không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Lý không như vậy cũng gọi là pháp trụ. Trong ấy, không có pháp tụ-tán, tăng-giảm, sanh-diệt, sạch-dơ. Tất cả pháp ấy vốn trụ như vậy. Các đại Bồ Tát an trụ trong ấy, cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng không thấy có pháp, có chỗ mong cầu hướng đến. Vì tất cả pháp đều không có chỗ trụ nên gọi là trụ pháp.**

Các đại Bồ Tát an trụ trong ấy, hành sâu Bát Nhã, thấy bản tánh không của tất cả pháp rồi, nhất định đối với Vô thượng Bồ đề được bất thối chuyển. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát này không thấy có pháp hay làm chướng ngại. Vì thấy tất cả pháp không có chướng ngại, nên đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không sanh nghi ngờ, được bất thối chuyển.

(Bản tánh không đều không có chỗ đắc)

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát trụ trong bản tánh không của tất cả pháp, **quán bản tánh không đều không có chỗ đắc**. Nghĩa là ngã, hữu tình, dòng sanh mạng, người sanh, sự dưỡng dục, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, người làm, người thọ, người biết, người thấy, tất cả đều chẳng thể đắc. Sắc cho đến thức cũng chẳng thể đắc. 12 xứ cho đến 18 giới cũng chẳng thể đắc. Nhãn xúc cho đến ý xúc cũng chẳng thể đắc.

Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng chẳng thể đắc. Địa giới cho đến thức giới cũng chẳng thể đắc. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng chẳng thể đắc. Các pháp từ duyên sanh ra cũng chẳng thể đắc. Vô minh cho đến lão tử cũng chẳng thể đắc. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thể đắc. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng chẳng thể đắc. Chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì cũng chẳng thể đắc. Nói rộng ra, **tất cả pháp Phật cũng không thể đắc**. Thiện Hiện! Trong bản tánh không, pháp sắc phi sắc chẳng thể đắc; pháp hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi cũng chẳng thể đắc. 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp cũng chẳng thể đắc. *(Q.473, ĐBN)*

Thiện Hiện nên biết, như có đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm bốn chúng, đó là Bí sô, Bí sô ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ; giả sử hóa Phật trải qua một kiếp, hoặc hơn một kiếp, tuyên thuyết chánh pháp cho bốn chúng ấy. Ý ngươi nghĩ sao? Hóa chúng như vậy có thể đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được! Bạch Thiện Huệ! Chẳng được! Vì sao? Vì các hóa chúng này đều không thật. Chẳng phải pháp không thật có thể đắc, có thể được thọ ký.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các pháp cũng vậy, đều bản tánh không, đều không thật. Trong ấy, đại Bồ Tát nào, vì hữu tình nào, nói pháp nào để cho họ chứng được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, Độc giác Bồ đề, hoặc được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Thiện Hiện phải biết! Các đại Bồ Tát tuy vì hữu tình tuyên nói pháp không, nhưng các hữu tình thật bất khả đắc. Vì thương xót họ đọa pháp điên đảo nên cứu vớt khiến trụ pháp không điên đảo. **Không điên đảo ấy là không phân biệt. Không phân biệt là không điên đảo. Nếu có phân biệt thời có điên đảo.**

Thiện Hiện nên biết! Điên đảo tức là pháp không điên đảo. Trong pháp không điên đảo không có ngã, không có hữu tình; nói rộng cho đến không có người biết, không có người thấy; cũng không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng không có sắc xứ cho đến

pháp xứ; cũng không có nhãn giới cho đến ý giới; cũng không có sắc giới cho đến pháp giới; cũng không có nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng không có nhãn xúc cho đến ý xúc; cũng không có nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ; cũng không có địa giới cho đến thức giới; cũng không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; cũng không có các pháp từ duyên sanh ra; cũng không có bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; cũng không có nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng không có chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nói rộng ra, cũng không có tất cả pháp Phật.

(Bản tánh không)*(1)*

Thiện Hiện! **Vô sở hữu đây tức bản tánh không**. Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã an trụ trong đây thấy các hữu tình đọa tưởng điên đảo, phương tiện khéo léo khiến được giải thoát. Nghĩa là khiến giải thoát không ngã tưởng ngã, không hữu tình tưởng hữu tình, nói rộng cho đến không tri giả tưởng tri giả, không kiến giả tướng kiến giả. Cũng khiến giải thoát không thường tưởng thường, không lạc tưởng lạc, không ngã tưởng ngã, bất tịnh tưởng tịnh. Cũng khiến giải thoát không sắc thọ tưởng hành thức, tưởng sắc thọ tưởng hành thức. Cũng khiến giải thoát không mười hai xứ mười tám giới tưởng mười hai xứ mười tám giới. Cũng khiến giải thoát không nhãn xúc cho đến ý xúc tưởng nhãn xúc cho đến ý xúc. Cũng khiến giải thoát không nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, tưởng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Cũng khiến giải thoát không địa giới cho đến thức giới, tưởng địa giới cho đến thức giới. Cũng khiến giải thoát không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, tưởng nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Cũng khiến giải thoát không theo duyên sanh ra các pháp, tưởng theo duyên sanh ra các pháp. Cũng khiến giải thoát không bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, tưởng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Cũng khiến giải thoát không nội không cho đến vô tánh tự tánh không, tưởng nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Cũng khiến giải thoát không chơn như cho đến bất tư nghì giới, tưởng chơn như cho đến bất tư nghì giới. Nói rộng ra, cũng khiến giải thoát không tất cả pháp Phật, tưởng tất cả pháp Phật. Cũng khiến giải thoát không năm thủ uẩn cùng các pháp

hữu lậu. Cũng khiến giải thoát không bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định. Vì sao? bốn niệm trụ cùng các pháp vô lậu chẳng phải như thắng nghĩa, *(vì trong thắng nghĩa)* không sanh không diệt, không tướng không vi, không hý luận, không phân biệt, vậy nên cũng phải là giải thoát. **Chân thắng nghĩa ấy tức bản tánh không. Bản tánh không đây tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chư Phật đã chứng.**

Thiện Hiện nên biết, trong đây không có ngã cho đến người thấy có thể được; cũng không có sắc cho đến thức có thể được; cũng không có 12 xứ cho đến 18 giới có thể được; cũng không có nhãn xúc cho đến ý xúc có thể được; cũng không có nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ có thể được; cũng không có địa giới cho đến thức giới có thể được; cũng không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên có thể được; cũng không có các pháp từ duyên sanh ra có thể được; cũng không có vô minh cho đến lão tử có thể được; cũng không có bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật có thể được; cũng không có nội không cho đến vô tánh tự tánh không có thể được; cũng không có chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể được; nói rộng ra cũng không có tất cả pháp Phật có thể được.

Thiện Hiện phải biết: Các đại Bồ Tát chẳng vì đạo Vô thượng Bồ đề cầu tới Vô thượng Bồ đề. Chỉ vì các pháp bản tánh không nên cầu tới Vô thượng Bồ đề. Bản tánh không ngằn mé trước sau giữa thường bản tánh không, chưa từng chẳng không.

Các đại Bồ Tát trụ bản tánh không Ba la mật, vì muốn độ thoát các loại hữu tình chấp tưởng hữu tình và tưởng pháp nên hành Đạo tướng trí. Đại Bồ Tát này khi hành Đạo tướng trí tức được tất cả đạo, là đạo Thanh văn, hoặc đạo Độc giác, hoặc đạo Bồ Tát, hoặc đạo chư Phật.

Thiện Hiện phải biết: Đại Bồ Tát này đối tất cả đạo được viên mãn rồi, mới năng thành thục giáo hóa hữu tình, cũng năng nghiêm tịnh sở cầu cõi Phật, gạt bỏ các thọ hành, tới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, năng khiến Phật nhãn thường không đoạn hoại.

Sao gọi Phật nhãn? **Nghĩa là bản tánh không**. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại trụ 10 phương cõi, vì các hữu tình tuyên nói Chánh pháp, không có vị nào mà không dùng bản tánh không làm Phật nhãn.

Thiện Hiện phải biết: Nhất quyết không thể có chư Phật nào lìa bản tánh không mà xuất hiện ở đời. Chư Phật ra đời không vị nào chẳng thuyết nghĩa bản tánh không. Hữu tình được hóa cần nghe Phật thuyết bản tánh không mới vào Thánh đạo, đắc Thánh quả. Lìa bản tánh không không có phương tiện nào khác.*(Q.474, ĐBN)*

Vì vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, phải nên an trụ chơn chánh lý bản tánh không, tu hành sáu pháp Ba la mật và các hạnh khác của đại Bồ Tát. Nếu an trụ chơn chánh lý bản tánh không, tu hành sáu pháp Ba la mật và các hạnh khác của đại Bồ Tát thì chẳng bao giờ thối mất Nhất thiết trí trí, thường làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát thật là hiếm có, tuy hành tất cả pháp đều là bản tánh không, nhưng đối với bản tánh không, thường không hoại mất. Nghĩa là không chấp sắc cho đến thức khác với bản tánh không. Cũng không chấp mười hai xứ cho đến mười tám giới khác với bản tánh không. Cũng không chấp nhãn xúc cho đến ý xúc khác với bản tánh không. Cũng không chấp nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ khác với bản tánh không. Cũng không chấp địa giới cho đến thức giới khác với bản tánh không. Cũng không chấp nhân duyên cho đến tăng thượng duyên khác với bản tánh không. Cũng không chấp các pháp từ duyên sanh ra khác với bản tánh không. Cũng không chấp vô minh cho đến lão tử khác với bản tánh không. Cũng không chấp bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật khác với bản tánh không. Cũng không chấp nội không cho đến vô tính tự tính không khác với bản tánh không. Cũng không chấp chơn như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn khác với bản tánh không. Nói rộng ra, cũng không chấp tất cả pháp Phật khác với bản tánh không.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, các đại Bồ Tát thật là hiếm có. Tuy hành tất cả pháp đều bản tánh không, nhưng đối với bản tánh không thường không hoại mất.

Thiện hiện nên biết, sắc chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác sắc. Sắc tức là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật chẳng khác bản tánh không, bản tánh không

không khác tất cả pháp Phật. **Tất cả pháp Phật tức là bản tánh không, bản tánh không tức là tất cả pháp Phật**.

Thiện Hiện nên biết, nếu sắc khác bản tánh không, bản tánh không khác sắc, sắc chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng phải sắc; như vậy cho đến tất cả pháp Phật chẳng khác bản tánh không, bản tánh không khác tất cả pháp Phật, tất cả pháp Phật chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng khác tất cả pháp Phật, thì khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật, không cần phải quán tất cả pháp đều bản tánh không, cũng chẳng cần chứng đắc Nhất thiết trí trí. Vì sắc chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác sắc, sắc tức là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc; như vậy cho đến tất cả pháp Phật chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác tất cả pháp Phật. Tất cả pháp Phật tức là bản tánh không, bản tánh không tức là tất cả pháp Phật, nên khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật, quán tất cả pháp đều bản tánh không, mà chứng được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì lìa bản tánh không, không có một pháp nào là thật, là thường, có thể hoại, có thể đoạn. Trong bản tánh không, cũng không có một pháp nào là thật, là thường, có thể hoại, có thể đoạn. Nhưng các kẻ ngu si mê muội, điên đảo khởi tưởng phân biệt khác. Nghĩa là phân biệt sắc khác bản tánh không; hoặc phân biệt thọ, tưởng, hành, thức khác bản tánh không. Như vậy, cho đến phân biệt tất cả pháp Phật khác bản tánh không. **Các kẻ ngu si này phân biệt các pháp khác với bản tánh không, nên chẳng như thật biết sắc; chẳng như thật biết thọ, tưởng, hành, thức. Do không biết nên liền chấp trước sắc; chấp trước thọ, tưởng, hành, thức.** Do chấp trước nên đối với sắc, thấy có ngã, ngã sở; đối với thọ, tưởng, hành, thức, thấy có ngã, ngã sở. Do thấy sai lầm nên chấp vật trong ngoài, lãnh thọ sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở thân sau. Do đây, nên không thể thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, sầu, ưu, khổ, não trong các cõi, lưu chuyển qua lại trong ba cõi không cùng tận. Do nhân duyên đây, nên các đại Bồ Tát trụ bản tánh không Ba la mật, hành sâu Bát Nhã, **không chấp thủ sắc, cũng không hoại sắc hoặc không, hoặc chẳng không**; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức, cũng không hoại thọ, tưởng, hành, thức hoặc không, hoặc chẳng không. Như vậy, cho đến chẳng chấp thủ tất cả tất cả pháp Phật, cũng chẳng hoại tất cả pháp Phật hoặc không, hoặc chẳng không. Vì sao? Vì sắc chẳng hoại không, không chẳng hoại sắc. Tức đây là sắc, đây

là không. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng hoại không; không chẳng hoại thọ, tưởng, hành, thức. Tức đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là không. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật chẳng hoại không; không chẳng hoại tất cả pháp Phật. Tức đây là tất cả pháp Phật, đây là không. Thí như hư không chẳng hoại hư không. Cõi hư không nội chẳng hoại cõi hư không ngoại. Cõi hư không ngoại chẳng hoại cõi hư không nội.

Như vậy Thiện Hiện! Sắc chẳng hoại không, không chẳng hoại sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hoại không, không chẳng hoại thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì các pháp như vậy đều không có tự tánh, không thể phân biệt. Tức đây là không, đây là bất không. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật chẳng hoại không, không chẳng hoại tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì các pháp như vậy đều không có tự tánh, không thể phân biệt. Tức đây là không, đây là bất không.

(Không có chỗ nào trong Đại Bát Nhã thuyết "lý Bản tánh không" hay "Pháp Không" rốt ráo như chỗ này: "**Nhất quyết không thể có chư Phật nào lìa bản tánh không mà xuất hiện ở đời").**

(Bồ đề không hai, không hành hai tướng, không phân biệt)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều bản tánh không, hoàn toàn không sai khác, thì các đại Bồ Tát trụ nơi nào để hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật không có hai hành tướng. Do chẳng có hai hành tướng nên có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Cúi xin đức Thế Tôn vì con mà giảng nói.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ngươi nói! Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có hai hành tướng. Do chẳng có hai hành tướng nên có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ đề không hai, không phân biệt. Nếu đối với Bồ đề, mà phân biệt, hành hai tướng thì nhất định chẳng thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện nên biết! **Các đại Bồ Tát đối với Bồ đề chẳng hành hai tướng, cũng chẳng phân biệt; đều không trụ mà phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đối với tất cả pháp, các đại Bồ Tát**

chẳng hành hai tướng, cũng chẳng phân biệt, cũng không có sở hành thì có thể chứng được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện nên biết, **Vô thượng Bồ đề mà Bồ Tát mong cầu, chẳng hành hai tướng năng chứng được**. Các đại Bồ Tát có bao Bồ đề đều vô sở hành. Nghĩa là chẳng hành đối với sắc; cũng chẳng hành đối với thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến chẳng hành nơi tất cả hạnh Bồ Tát, cũng chẳng hành nơi chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát có bao Bồ đề, chẳng duyên danh thân, chấp ngã và ngã sở. Nghĩa là chẳng nghĩ này: Ta hành nơi sắc; ta hành nơi thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến chẳng nghĩ này: Ta hành nơi tất cả hạnh Bồ Tát, ta hành nơi chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát có bao Bồ đề, chẳng thủ nên hành, chẳng xả nên hành.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các đại Bồ Tát có bao Bồ đề, chẳng thủ nên hành, chẳng xả nên hành. Vậy, các đại Bồ Tát sẽ hành Bồ đề ở đâu?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Hóa thân của Như Lai có bao Bồ đề sẽ hành ở đâu? Vì thủ nên hành, hay vì xả nên hành?

Thiện Hiện đáp:

- Không. Bạch Thế Tôn. Hóa thân của Như Lai thật vô sở hữu. Làm sao có thể nói có bao Bồ đề, có hành xứ hoặc thủ, hoặc xả!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Bồ đề trong mộng của các A la hán sẽ hành ở đâu? Vì thủ nên hành, hay vì xả nên hành?

Thiện Hiện đáp:

- Không. Bạch Thế Tôn. Các A la hán đã dứt hẳn các lậu; hôn trầm, thụy miên, chướng cái, triền phược đều đã diệt sạch, tuyệt đối không có mộng, làm sao có Bồ đề trong mộng, có hành xứ, hoặc thủ, hoặc xả!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ngươi nói! Các A la hán tuyệt đối không có mộng; hôn trầm, thụy miên, phân biệt không còn. Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có bao Bồ đề cũng lại như vậy, chẳng thủ nên hành, chẳng xả nên hành, hoàn toàn không có hành xứ, vì thấu đạt bản tánh không của tất cả pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, có bao Bồ đề chẳng thủ nên hành, chẳng xả nên hành, hoàn toàn không có hành xứ*(chỗ hành)*, nghĩa là không hành nơi sắc; cũng không hành nơi thọ, tưởng, hành, thức; như vậy cho đến không hành nơi tất cả pháp Phật, thì há chẳng phải các đại Bồ Tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên chẳng hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; chẳng hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không; chẳng hành chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; nói rộng ra, chẳng hành tất cả pháp Phật chẳng hành Nhất thiết trí trí; chẳng trụ thần thông thù thắng của Bồ Tát, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật mà được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề sao?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát có bao Bồ đề, tuy không có hành xứ, nhưng các đại Bồ Tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình nên phải hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật**; như vậy cho đến phải hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; phải trụ thần thông thù thắng của Bồ Tát, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thì mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã có bao Bồ đề chẳng thủ nên hành, chẳng xả nên hành đều không chỗ hành. Nghĩa là chẳng hành nơi sắc, cũng chẳng hành nơi thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến chẳng hành Bồ Tát hạnh, cũng chẳng hành nơi chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chẳng phải đại Bồ Tát vì muốn nhiêu ích các hữu tình, mà chẳng hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng hành chơn như cho đến bất tư nghì giới. Chẳng hành khổ tập diệt đạo Thánh đế. Chẳng hành bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi. Chẳng hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định. Chẳng hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ Chẳng hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Chẳng hành năm nhãn, sáu thần thông. Chẳng hành Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Chẳng hành pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Chẳng hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng trụ Bồ Tát thần thông thù thắng, thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật, mà được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát có bao Bồ đề, tuy không có chỗ hành, nhưng các đại Bồ Tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình nên phải trụ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, tu lâu dài cho đến viên mãn; như vậy cho đến phải trụ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tu lâu dài cho đến viên mãn; phải trụ thần thông thù thắng của Bồ Tát, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tu lâu dài cho đến viên mãn, mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Thiện Hiện nên biết! Nếu các đại Bồ Tát tu các căn lành chưa được viên mãn đầy đủ thì chẳng bao giờ đắc được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà mình mong cầu.

Thiện Hiện nên biết! **Nếu các đại Bồ Tát muốn chứng được Vô thượng Bồ đề thì phải trụ bản tánh không của sắc**; phải trụ bản tánh không của thọ, tưởng, hành, thức; như vậy cho đến phải trụ bản tánh không của tất cả pháp Phật; phải trụ bản tánh không của tất cả pháp; phải trụ bản tánh không của tất cả hữu tình; phải tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cho được viên mãn; như vậy, cho đến phải tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, làm cho được viên mãn; phải tu thần thông thù thắng của Bồ Tát, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật làm cho được viên mãn rồi, thì mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện phải biết: Tất cả pháp này lý bản tánh không và các hữu tình lý bản tánh không rất cực vắng lặng, không có chút pháp năng tăng năng giảm, năng sanh năng diệt, năng đoạn năng thường, năng nhiễm năng tịnh, năng đắc quả năng hiện quán. *(Q.474, ĐBN)*

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát nương vào thế tục nên nói tu Bát Nhã, như thật liễu tri bản tánh không rồi, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chẳng nương vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong chơn thắng nghĩa không có sắc có thể đắc; cũng không có thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc. Như vậy, cho đến không có tất cả pháp Phật có thể đắc.

Thiện Hiện! Các pháp như thế đều nương ngôn thuyết thế tục thi thiết, chẳng nương thắng nghĩa.

(Hành Bồ đề mà chẳng đắc Bồ đề)

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, từ sơ phát tâm, tuy rất dũng mãnh vì các hữu tình mà hành hạnh Bồ đề, nhưng đối với tâm này đều không có chỗ đắc; đối với các hữu tình cũng không có chỗ đắc; đối với đại Bồ đề cũng không có chỗ đắc; đối với Phật, Bồ Tát cũng không có chỗ đắc. Vì tất cả pháp, tất cả hữu tình đều chẳng thể đắc được.

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp hoàn toàn vô sở hữu, đều không thể đắc thì vì sao đại Bồ Tát hành hạnh Bồ đề? Vì sao đắc được Vô thượng Bồ đề mà mình mong cầu? Ai hành hạnh Bồ đề? Ai chứng đắc?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Vào thời gian trước đây, ngươi nương vào đâu để đoạn trừ các cõi, đoạn trừ các phiền não, được căn vô lậu; trụ định vô gián, được quả Dự lưu cho đến quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Vào thời gian ấy, ngươi có thấy có hữu tình, hoặc có tâm, hoặc có đạo, hoặc có các đạo quả, có chứng đắc không?

Thiện Hiện đáp:

- Không! Bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Nếu lúc ấy, ngươi nương vào đâu để đoạn trừ các cõi, đoạn các phiền não, được căn vô lậu; đối với hữu tình, tâm, đạo và đạo quả đều không có chỗ đắc thì vì sao nói đắc quả A la hán được?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Con nương thế tục mà nói, chứ chẳng nương thắng nghĩa.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ngươi nói! Các đại Bồ Tát cũng lại như vậy, **nương vào thế tục mà nói hành đạo Bồ đề và đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chẳng nương vào thắng nghĩa** vậy.

Thiện Hiện nên biết! Vì nương vào thế tục nên giả nói có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; như vậy cho đến vì nương vào thế tục nên giả nói có tất cả pháp Phật; vì nương vào thế tục nên giả nói có hữu tình, Bồ Tát và chư Phật, chẳng nương vào thắng nghĩa.

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát không thấy có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, có tăng, có giảm, có ích, có tổn. Vì tất cả pháp đều bản tánh không.

Thiện Hiện nên biết! Đối với tất cả pháp, các đại Bồ Tát quán bản tánh không, còn chẳng thể được, huống nữa là sơ phát tâm mà có thể đắc. Tối sơ phát tâm còn chẳng thể được, huống nữa là tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mà có thể được; huống nữa là trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không mà có thể được; huống nữa là trụ chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì mà có thể được; huống nữa là trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo mà có thể được; huống nữa là tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo mà có thể được; huống nữa là tu bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà có thể được; tu tám giải thoát cho đến mười biến xứ; tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện mà có thể được; huống nữa là tu Như Lai 10 lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả mà có thể được; huống nữa là tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tu tất cả Bồ Tát hạnh cho đến Vô thượng Bồ đề mà có thể được.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đối với sở tu, trụ được tất cả Phật pháp nếu có sở đắc, thì không lẽ ấy.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phương tiện tu Bồ đề hạnh, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, lợi lạc hữu tình thường không gián đoạn.

Thích nghĩa:

(1). Bản tánh không: Phẩm "Biện Đại Thừa" Q.51, Hội thứ I; phẩm "Tam Ma Địa" Q.417, Hội thứ II và phẩm "Thiện Hiện" Q.488, Hội thứ III, ĐBN do Ngài Huyền Trang dịch, định nghĩa "bản tánh không" như sau:

"Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là **bản tánh không**?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Bản tánh nghĩa là bản tánh của tất cả pháp, hoặc tánh của pháp hữu vi, hoặc tánh của pháp vô vi, đều chẳng phải Thanh văn làm ra, chẳng phải Độc giác làm ra, chẳng phải Bồ Tát làm ra, chẳng phải Như Lai làm ra, cũng chẳng phải ai khác làm ra. **Bản tánh này gắn liền với cái không của bản tánh. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy**. Thiện Hiện! Đó là bản tánh không".

Định nghĩa này quá tổng quát, khó nắm.

Thiền sư DT. Suzuki định nghĩa khái quát bản tánh không là:

"Prakriti (bản tánh) là cái làm cho lửa nóng và nước lạnh, nó là bản chất nguyên sơ của mỗi vật thể cá biệt. Khi nói rằng nó Không, có nghĩa không có Tự ngã (Atman) bên trong nó để tạo ra bản chất nguyên sơ của nó, và ý niệm đích thực về bản chất nguyên sơ là một ý niệm Không. Chúng ta đã ghi nhận rằng không có tự ngã cá biệt nơi hậu cứ của cái chúng ta coi như vật thể cá biệt, bởi vì vạn hữu là những sản phẩm của vô số nhân và duyên và chẳng có gì đáng gọi một bản chất nguyên sơ nó độc lập, đơn độc, tự hữu. Tất cả là Không triệt để và nếu thật sự có thứ bản chất nguyên sơ nào đó, thì bằng cách nào cũng vẫn là Không".

Thấy như thế mới khế hợp với tư tưởng "nhất thiết pháp không" của Bát nhã Ba la mật.

(2). Hành xứ: (行處*) Chỗ hành, đối tượng của sự tu hành quán tưởng.*

(3). Hành tướng: (行相) *Chỉ cho tác dụng nhận thức hoặc trạng thái của bóng dáng ảnh hiện trong tâm và tâm sở. Về danh từ Hành tướng, giữa tông Câu xá và tông Duy thức có sự giải thích khác nhau. Tông Câu xá chủ trương tâm có thể trực tiếp duyên theo cảnh ngoài tâm, nên cho tâm và tâm sở là năng duyên, cho cảnh ngoài tâm là sở duyên. Khi duyên cảnh, cảnh hiện ra trong tâm và tâm sở tức là hành tướng. Câu xá luận ký quyển 1 phần cuối (Đại 41, 26 hạ), nói: Hành tướng nghĩa là thể của tâm và tâm sở thanh tịnh, khi đối trước cảnh không có tác ý, nhậm vận tự nhiên mà hiện ra hình tượng, giống như ao nước trong, tấm gương sáng, các hình bóng đều hiện rõ . Cũng Câu xá luận ký quyển 4 còn tiến thêm bước nữa mà nói rõ rằng: Hành nghĩa là hành giải, như tác dụng liễu biệt; Tướng nghĩa là tướng mạo, như hình tượng, cho nên lấy tướng mạo của sự vật được liễu biệt làm hành tướng. Nhưng tông Duy thức thì cho rằng tâm không thể trực tiếp duyên theo cảnh bên ngoài, mà tất cả ảnh tượng đều hiển hiện trong tâm và tâm lấy đó làm sở duyên, rồi sinh khởi tướng năng duyên. Tức là trong tâm có 2 tướng năng duyên và sở duyên. Tướng năng duyên gọi là kiến phần, tướng sở duyên gọi là tướng phần. Kiến phần chính là hành tướng thuộc về tác dụng nhận thức chứ không phải hình ảnh sự vật. Cho nên, nói theo quan điểm của tông Duy thức, cái mà tông Câu xá gọi là hành tướng thực ra là hành tướng tướng phần, khác xa với hành tướng kiến phần của tông Duy thức. Thành Duy thức luận thuật ký quyển 3 (Đại 43, 318 hạ), nói: Tiểu thừa cho rằng ngoài tâm*

có cảnh và lấy đó làm sở duyên; vì Đại thừa không chủ trương ngoài tâm có cảnh nên lấy hành tướng của Tiểu thừa làm tướng phần của Đại thừa. Đại thừa cho tâm có thể tự duyên nên lập riêng phần tự thể và lấy đó làm cảnh, vì vậy gọi kiến phần là hành tướng. [X. luận Thành duy thức Q.2; luận Nhập a tỳ đạt ma Q.hạ; Thành duy thức luận chương trung xu yếu Q.thượng, Q.hạ; Câu xá luận yếu giải Q.1]. - Tự điển Phật Quang. Đã thích nghĩa rồi, nay nhắc lại cho nhớ.

Sơ giải:

Phải nói tất cả giáo pháp của phẩm "Thật Tế" này được xem là tuyệt đỉnh của Bát Nhã. Vì thật tế với chơn như hay pháp giới chỉ là một. Chúng ta cũng nhiều lần phát biểu người nào thâm hiểu chơn như được xem như giác ngộ. Vì vậy, mới nói giáo pháp của phẩm này hết sức khó khăn. Phật phải đứng trên cái nhìn của Thắng nghĩa đế để thuyết giảng phẩm này.

Phẩm "Thật tế" của Hội thứ II tương đương với phẩm ***"Bất Khả Động" cuối Q.386 cho đến đầu Q.390, Hội thứ I, ĐBN****. Đây là một phẩm khó, rất dễ lẫn lộn nhất từ cách dịch cho đến cách dùng danh từ.*

Sau khi tham khảo nhiều bản dịch, chúng tôi dùng ***phẩm "Thật Tế" quyển thứ 28, Kinh MHBNBLMĐ*** *tương đương với phẩm "Bất Khả Động" của ĐBN phù hợp với bản gốc bằng chữ Hán trong Hoavouu.com, ghi lại cuộc đối thoại giữa Ngài Tu Bồ đề và đức Phật, để mở đầu cho phần chiết giải này:*

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc thì Bồ Tát vì ai mà thực hành Bát Nhã?".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát vì thật tế*(1)* mà hành Bát Nhã.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thật tế cùng chúng sanh tế*(2)* dị biệt thì Bồ Tát chẳng hành Bát Nhã. Nhưng vì thật tế, chúng sanh tế chẳng dị biệt nên đại Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát Nhã.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát vì chẳng (phá) hoại thật tế mà kiến lập chúng sanh trong thật tế.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sanh tế thì đại Bồ Tát kiến lập thật tế ở nơi thật tế. Nếu kiến lập thật tế ở nơi thật tế có nghĩa là kiến lập tự tánh ở nơi tự tánh. Nhưng chẳng thể kiến lập tự tánh nơi tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Tại sao lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát kiến lập chúng sanh nơi thật tế?

- Này Tu Bồ Đề! **Thật tế chẳng thể kiến lập thật tế, tự tánh chẳng thể kiến lập tự tánh. Nay đại Bồ Tát lúc hành Bát Nhã vì sức phương tiện nên kiến lập chúng sanh ở thật tế. Thật tế chẳng khác chúng sanh tế. Thật tế cùng chúng sanh tế không hai, không khác".**

"… các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, vì có phương tiện thiện xảo, nên có khả năng an lập hữu tình khiến trụ thật tế, mà hữu tình không khác với thật tế, hữu tình tế và thật tế không hai, không khác".

Đoạn Kinh này không khác với các đoạn Kinh được dịch trong Tuvienquangduc.com, hay bản dịch đã củ soát trong Quang duc.com. Sở dĩ, chúng tôi dùng đoạn Kinh này là vì chúng tôi thấy các từ trong đoạn kinh này hợp với nguyên bản bằng chữ Hán và dễ hiểu hơn.

1. Thật tế và chúng sanh tế:

*(Để giải thích cho đoạn Kinh mở đầu ở trên, **Đại Trí Độ Luận, phẩm 80, "Thật Tế", Tập 5, quyển 90,** luận rằng:*

"Lại nữa, kinh dạy: Nếu thật tế và chúng sanh sai khác nhau, thì Bồ Tát chẳng hành Bát nhã Ba la mật. Nhưng vì thật tế và chúng sanh đều là rốt ráo không, nên Bồ Tát mới vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba la mật.

Nếu chúng sanh là thật có, thì Bồ Tát chẳng có thể vì chúng sanh tu thật tế được. **Vì chúng sanh là rốt ráo không, và thật tế cũng là rốt ráo không, chúng sanh và thật tế chẳng có sai khác, nên Bồ Tát mới có thể vì chúng sanh mà hành thật tế vậy**. *(Luận sở dĩ cho rằng chúng sanh và thật tế không sai khác là vì: Chúng sanh là không mà thật tế cũng không)*

Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật mới có thể đưa chúng sanh ra khỏi điên đảo, kiến lập họ nơi thật tế, mà chẳng phá hoại thật tế vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: **Nếu chúng sanh tế và thật tế chẳng có sai khác nhau, thì kiến lập chúng sanh nơi thật tế là kiến lập thật tế nơi thật tế vậy.**

Thật chẳng thể là như vậy được. Ví như ngón tay chẳng có thể tự chỉ ngón tay được vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Chẳng có thể kiến lập thật tế nơi thật tế. Thế nhưng Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng các lực phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế. Ở nơi thật tế, thì chúng sanh tế cùng thật tế chẳng sai khác nhau, vì đều là bất khả đắc cả.

Chúng sanh và thật tế chỉ là một tánh, nên chúng sanh tế chẳng phá hoại thật tế vậy.

Bồ Tát biết rõ hai pháp đó chẳng phải một, chẳng phải hai, là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có hý luận.

Bởi vậy nên Bồ Tát vì thương xót chúng sanh mà muốn giáo hóa họ, nhằm đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo").

Luận Đại Trí Độ đã giải thích xong "Chẳng có thể kiến lập thật tế nơi thật tế. Thế nhưng Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng các lực phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế. **Ở nơi thật tế, thì chúng sanh tế cùng thật tế chẳng sai khác nhau".**

Thật tế là biên tế chân thật tận cùng của tất cả pháp, vậy làm sao kiến lập chúng sanh nơi thật tế? Đó là lý do tại sao Đại trí Độ Luận nói: "Ví như ngón tay chẳng có thể tự chỉ ngón tay được vậy".

Bây giờ, chúng ta thuyết tiếp tại sao "Chúng sanh tế" cùng "Thật tế" chẳng sai khác nhau?

Thế nào là Chúng sanh tế, thế nào là Thật tế?

1- Cái thấy biết của người chưa chứng ngộ (nói theo Tục đế):

Tri kiến của mỗi người về nhân sinh và vũ trụ khác nhau hay nói theo thuật ngữ ngày nay gọi chung tri kiến đó là ***văn hóa****. Thứ văn hóa (bao gồm khoa học kỹ thuật, văn chương, mỹ thuật, tôn giáo, luân lý, đạo đức, thói quen tập tục cũng như quan điểm sống v.v...) của mỗi cá nhân đều khác nhau tùy theo hoàn cảnh sống và sự thâu thập hay học hỏi của mỗi cá nhân đó.*

Người ít học, quê mùa thì có văn hóa thấp; người thông minh, lanh lợi, chịu khó học hỏi thâu lượm có văn hóa cao hơn. Ta có thể biểu thị văn hóa của mỗi phần tử đó trong xã hội bằng những vòng tròn khác nhau: Các vòng tròn đều có giới hạn của nó: Vòng tròn nhỏ tiêu biểu

cho người ít học và vòng tròn lớn tiêu biểu cho người học rộng hiểu nhiều. Giới hạn của các vòng tròn lớn nhỏ đó có thể xem là "biên tế tri thức" của mỗi người. Danh từ tri thức có thể xem là sự hiểu biết của mỗi cá nhân mà thiền ngữ thường gọi là kiến văn giác tri(thấy nghe hay biết), cái giác tri của hữu sư trí, lượm lặt từ ngoài vào để tạo thành văn hóa riêng cho từng cá thể:

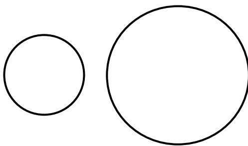
- Hai vòng tròn có thể lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp tùy theo văn hóa của mỗi người, có thể không gặp nhau, không đồng quan điểm với nhau (Hình 1).

- Hai vòng tròn có thể giao thoa ở một điểm, chỗ giao thoa duy nhất đó là chỗ tư tưởng gặp nhau (Hình 2). Chỗ gặp nhau này rất là hạn hẹp.

- Hai vòng tròn có thể tiếp xúc với nhau ở nhiều điểm, đó là chỗ tương đồng văn hóa (Hình 3). Chỗ của hai thứ văn hóa này tuy tương đồng ở một số điểm, nhưng cũng rất giới hạn.

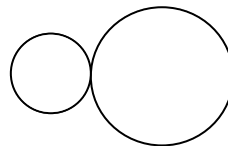
- Hai vòng tròn có thể chồng lên nhau, nghĩa là văn hóa gặp gở tương thông rất nhiều điểm (Hình 4), nhưng chắc chắn là hai vòng tròn không thể chập khít lên nhau và có cùng một tâm điểm, trừ hợp các chư Như Lai với nhau.

(Hình 1)



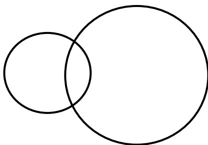
Hai vòng tròn lớn nhỏ xa nhau.

(Hình 2)



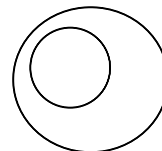
Hai vòng tròn giao thoa ở 1 điểm.

(Hình 3)



Vòng tròn lớn và nhỏ giao nhau ở nhiều điểm.

(Hình 4)



Hai vòng tròn chập vào nhau nhưng không có cùng 1 trọng tâm.

Chỗ mà hai vòng tròn không tiếp xúc với nhau (không chập lên nhau) đó là ***chỗ sai biệt tư tưởng*** *của hai cá thể. Sự sai biệt trở thành tất nhiên trong thế giới Tục đế này. Giới hạn của các tư tưởng tương đồng và dị biệt đó có thể tạm gọi là* ***biên tế tri kiến****(trí thức thế gian)****của hữu tình hay gọi là chúng sanh tế trong thế giới đa thù đa dạng này****. Đó là quan niệm về cái nhìn của chúng sanh hay Tục đế.*

2- Cái thấy biết của bậc chứng ngộ pháp không, pháp như (nói *theo Đệ nhất nghĩa đế):*

Chư Phật, chư Bồ Tát do sự tu tập và hành trì các diệu pháp chứng Bát Nhã Trí, nên thấy biết được cái bản thể rốt ráo chân thường của vạn pháp (thật pháp hay chơn như thật tướng của tất cả pháp) là "không", là "như" nên bảo là ***chứng được giới hạn chung cùng của hết thảy thực tại, gọi là thật tế****. Ngộ rồi thì cùng có một thứ tri kiến như như, như pháp giới, như pháp tánh, như thật tế v.v... không sai khác. Đó là nói theo Đệ nhất nghĩa đế(Chân đế), vì chơn như hay thật tế không phải hai không phải khác.*

"*Biên tế của Thực tại", bhùta:* ***Thực*** *(thực tại), và koti:* ***Tế*** *(biên tế). Không phải chiết tự là như thế, nhưng chư Phật bằng Phật nhãn (đồng hóa với trí Bát Nhã, tiêu biểu bằng con mắt thứ ba giữa trán) soi thấy cái biên tế chung cùng thực tại tuyệt đối của vạn hữu không ngoài Bản tánh không, hay Như như. Bản tánh không hay Như như là thật tướng của tất cả pháp, nó chính là cái biên tế tuyệt đối cùng đích của hết thảy thực tại. Thật tế (Bhutakoti) cũng là một dụng ngữ khác chỉ cho Tuyệt Đối. Vậy thật tế tức là "Không" tức là "Như như" và "Không" hay "Như như" tức là thật tế.(3)*

Cái thấy biết của chư Phật với chư Phật đối với mọi vật thể trần gian là bình đẳng. Cái thấy biết trong sát na chứng ngộ của chư Phật rộng lớn như hư không, không có biên giới, không có tiền tế, không có trung tế, không có hậu tế, vô giới hạn... tạm gọi là thật tế. Biên tế của Phật này không khác với biên tế của Phật kia hay nói khác biên tế của tất cả chư Phật không hai không khác.

Cái thấy biết của chúng sanh do nghiệp dư nói theo đạo Phật hay do hoàn cảnh huân tập nói theo Tục đế, biểu hiện bằng những vòng tròn có giới hạn lớn nhỏ khác nhau, tạm gọi là chúng sanh tế như diễn tả trên.

Sự phân biệt giữa thật tế và chúng sanh tế là do chúng sanh sống trong mê muội, còn chư Bồ Tát, chư Phật cũng là chúng sanh, nhưng chỉ khác với chúng sanh là giác ngộ nên được gọi là hữu tình giác ngộ. Do đâu mà chư Bồ Tát chư Phật giác ngộ, vì chư Bồ Tát chư Phật không còn phân biệt chấp trước nữa, tâm như như bất động nên nhìn thấy muôn sự muôn vật trong chơn như thật tướng (bhùtatathatà) của nó hay nói khác là nhìn thấy biên tế tột cùng của thực tại nên nói là chứng thật tế.

Nếu hữu tình có cái thấy biết cùng đích trên hết thảy mọi thực tại như chư Phật thì hữu tình không còn là hữu tình nữa. Vì chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, tánh không, thật tướng, Như Lai tạng, pháp thân, Phật tính, tự tính thanh tịnh thân, nhất tâm, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tịnh, cảnh giới Niết bàn, bổn vô, bản thể, thật tế, v.v… của hữu tình và chư Phật không hai, không khác. Bổn thể(4) tức Lý và hiện thực(5) tức Sự chỉ là một, trong một thế giới mà ở đó tất cả các pháp hoàn toàn dung hợp trong pháp không và pháp như. Đó là nói theo Đệ nhất nghĩa đế. Vì pháp không, pháp như là không, Phật cũng không, Bồ Tát không, chúng sanh không, không hai không khác. Chỉ có chúng sanh không nhập được pháp không, pháp như nên phân biệt chấp trước mà thấy có sai khác nên sanh nhiều khổ lụy, nên chư Phật chư Bồ Tát thuyết Bát Nhã Tánh Không cứu độ chúng sanh ra khỏi.(6)

***

Phàm phu trong cõi mê nếu lột được cái vỏ triền phược, cũng có khả năng thể hiện cảnh giới mà chư Phật giác ngộ, trong đó hiện tượng tức thực tại, sai biệt tức bình đẳng, nghĩa là "thật tế cũng đồng

nghĩa với chúng sanh tế" nếu tu học Bát nhã Ba la mật, chứng được chơn như thật tướng của tất cả pháp.

Trên thực tế, cảnh giới mà chư Phật đạt được là do tu tập Bát nhã Ba la mật trong nhiều kiếp... không ai có thể kiến lập cho chư Phật và khi chư vị chứng đắc giác ngộ cũng không thể kiến lập cho chúng hữu tình. Chỉ có hữu tình, không ai khác hơn hữu tình tự kiến chiếu vào tự tánh, vươn lên trong ánh sánh giác ngộ để chứng lấy thật tế. Đó là đứng về tư sinh, thế tục trí mà nói.

***

Do phân biệt nên chúng sanh lúc nào cũng thấy thế giới phân hai có mê là có ngộ, có chúng sanh là có Phật, có Tục đế là có Thắng nghĩa đế v.v... Vì vậy, Bát Nhã lúc nào cũng chỉ cho chúng sanh thấy hai chiều đối lập để chúng sanh tự tìm lấy lối thoát giữa những bế tắt đó. Còn chư Phật chư Bồ Tát có trí tuệ thanh tịnh, sống trong Đệ nhất nghĩa đế nên vượt qua và vượt trên cả 2 nên không còn ngăn ngại.

***

Phật với cái nhìn bao dung khi thuyết pháp nói rằng hữu tình tâm đồng tâm Phật, cảnh giới của hữu tình đồng với cảnh giới Phật, thật tế chẳng khác hữu tình tế để khuyến tấn chúng sanh tu học Bát Nhã để trở về với cái bản hữu bình đẳng thanh tịnh của chính mình.

Phần "Mạn Thù Thất lợi"*(7)*, ***Q.574, Hội thứ VII, ĐBN.*** *Mạn Thù bạch Phật:*

- "Bạch Thế tôn! Hữu tình tâm đồng tâm Phật, tánh chẳng nghĩ bàn ư?

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Đồng Tử! Như vậy, như ngươi đã nói. Vì sao? Vì Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng chẳng nghĩ bàn vậy".

Trong Thắng nghĩa đế không có phân biệt. Tất cả đều cùng một Phật tánh, bản hữu bình đẳng như nhau nên nói hữu tình sanh ra từ

bào thai của vũ trụ hay cùng trong một Như Lai tạng vì cùng là anh em với nhau.

***

Tất cả dẫn chứng trên cốt thâu về một mối: Khi thâm nhập Bát nhã Ba la mật rồi thì không phân biệt phàm Thánh, thật tế hay chúng sanh tế. Tất cả đều bình đẳng như như nằm trong cùng pháp giới, cũng gọi là chơn như, pháp tánh, thật tế v.v...

Để dẫn chứng cho luận giải này tôi lấy một đoạn Kinh trong phẩm "Các Tướng Bình Đẳng", Q.384, ĐBN làm thí dụ: "**Tất cả pháp là pháp giới. Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới**. Như Lai dù có ra đời, hoặc chẳng ra đời, các pháp vẫn như vậy, đều nhập pháp giới, không có tướng sai biệt, chẳng phải do Phật thuyết. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện hoặc pháp phi thiện, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi, **đều nhập pháp giới tánh không, vô tướng, vô vi. Cho nên, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, muốn học pháp giới, nên học tất cả pháp. Nếu học tất cả pháp tức là học pháp giới. Nếu phân biệt pháp tức là phá hoại pháp".**

*Như vậy, pháp giới cũng là chơn như, là pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... Hữu tình tế hay chúng sanh tế cũng phải nằm gọn trong đó, vì tất cả pháp đều cùng trong pháp giới. **Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới, bình đẳng, vì như trên đã nói là anh em với nhau trong cùng bào thai của Như Lai Tạng nên nói thật tế tức hữu tình tế không hai không khác.***

2. Tất cả pháp bản tánh không:

*Phần trên phẩm này đã luận xong về "Thật tế và Chúng sanh tế", phần dưới của phẩm này nói về **bản tánh không**, giống như phẩm "Bất Khả Động" của Hội thứ I, ĐBN. Nội dung như sau:*

1- Những pháp nào bản tánh đều không?

"Phật bảo cụ thọ:

- Thiện Hiện! **Sắc bản tánh không, thọ, tưởng, hành, thức bản tánh không**; đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật rõ biết các uẩn bản tánh không như thế rồi, an trụ bản tánh không, vì các hữu tình, tuyên thuyết bản tánh không; mười hai xứ, mười tám giới bản tánh không, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao bản tánh không; đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, như thật rõ biết bản tánh không rồi, an trụ bản tánh không, vì các hữu tình, tuyên thuyết bản tánh không như thế.

Nếu bản tánh của tất cả pháp chẳng không, thì các đại Bồ Tát chẳng vì các hữu tình thuyết tất cả pháp đều bản tánh không; thuyết như thế là hoại bản tánh không. Nhưng bản tánh không, lý chẳng thể hoại, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì lý bản tánh không không phương hướng, không xứ sở, không từ đâu đến, cũng không về đâu. Lý không như thế cũng gọi là pháp tánh. Trong ấy không có pháp tụ-tán, tăng-giảm, sanh-diệt, nhiễm-tịnh; tất cả pháp ấy vốn là tánh an trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, cầu đạt quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thấy các pháp có chỗ hướng đến, không chỗ hướng đến, vì tất cả pháp hoàn toàn không sở trụ, cho nên gọi là pháp trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, tu hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp bản tánh không rồi, nhất định hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, được bất thối chuyển. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp có thể gây chướng ngại. Vì thấy tất cả pháp không chướng ngại nên đối với quả vị Giác ngộ tối cao chẳng sanh nghi hoặc, vì vậy nên không bao giờ thối thất.

Trong bản tánh không, ngã chẳng thể nắm bắt được, hữu tình chẳng thể nắm bắt được, sự an lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được; dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi... cho đến cái biết, cái thấy cũng chẳng thể nắm bắt được.

Trong bản tánh không, sắc chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được; mười hai xứ, mười tám giới

chẳng thể nắm bắt được; bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thể nắm bắt được. Trong bản tánh không, pháp sắc-phi sắc chẳng thể nắm bắt được; pháp hữu kiến-vô kiến, hữu đối-vô đối, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện! Như 4 chúng mà Phật hóa ra là Tỳ kheo nam, Tỳ kheo nữ, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, giả sử có hóa Phật, trải qua trăm ngàn, triệu kiếp, vì bốn chúng ấy tuyên thuyết pháp yếu, hóa chúng ấy cũng chẳng thể đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc đắc quả vị Độc giác, hay quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì hóa chúng đó hoàn toàn không phải thật, nên không thể đắc quả. **Các pháp cũng vậy, đều bản tánh không, hoàn toàn không thật có thì làm sao có thể quả đắc**. Đại Bồ Tát, vì hữu tình gì, nói pháp gì khiến hữu tình có thể đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn v.v…?

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp bản tánh không, nhưng các hữu tình, thật chẳng thể hiểu biết được, thương xót họ rơi vào điên đảo, nên cứu vớt khiến an trụ pháp không điên đảo, không điên đảo nghĩa là không phân biệt; không phân biệt thì không điên đảo, nếu có phân biệt thì có điên đảo vì chúng đồng loại.**

Thiện Hiện! Trong cái không phân biệt, không điên đảo, không có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi… cho đến cái biết, cái thấy; cũng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Cũng không có pháp sắc-phi sắc, không có pháp hữu kiến-vô kiến, hữu đối-vô đối, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi; cũng không có ba mươi hai tướng Đại sĩ, không có yam1 mươi vẻ đẹp phụ thuộc.

Như vậy, nói *(tóm)*lược là "tất cả đều không": Không ngã, không chúng sanh, không mạng giả… cho đến không có cái thấy cái biết; không có sắc thọ tưởng hành thức; không có xứ giới; không có 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, không có tập diệt đạo, không có vô minh cũng không hết vô minh, không có già chết cũng

không hết già chết, cũng không có pháp không nội, không có pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn... cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng không có đạo, không có quả, cũng không có chứng đắc v.v… Tất cả đều không có sở hữu, nếu không có sở hữu thì gọi là bản tánh không. Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, an trụ trong đó thấy các hữu tình đọa vào tưởng điên đảo, phương tiện thiện xảo khiến được giải thoát. Giải thoát những gì? Giải thoát những trói buộc: "Không có ngã, tưởng có ngã; không có chúng sanh, tưởng có chúng sanh… cho đến không có cái thấy cái biết, tưởng có thấy biết. Cũng giải thoát những trói buộc: Không có sắc, tưởng có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, tưởng có thọ, tưởng, hành, thức. Cũng khiến giải thoát những trói buộc: Không có xứ, giới, tưởng có xứ, giới, không có tất cả pháp Phật, tưởng có tất cả pháp Phật. Cũng khiến giải thoát những trói buộc: Không có pháp sắc-phi sắc mà tưởng có pháp sắc-phi sắc; không có pháp hữu kiến-vô kiến, hữu đối-vô đối, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi, mà tưởng có pháp hữu kiến-vô kiến cho đến hữu vi-vô vi".

Tất cả pháp đều không, cho đến cái thấy cái biết cũng không. Vì thấy biết không nên mới được giải thoát. Giải thoát không có nghĩa đi lên thiên đàng hay đi đâu cả mà giải thoát có nghĩa là chặt đứt được những trói buộc do cảm thọ hay thức vọng gây ra. Nếu thấy biết của chúng sanh (Tục đế) là không thì cái thấy biết này ngang đồng với cái thấy biết của Thánh giả (Chân đế hay Thắng nghĩa đế). Nên Phật bảo:

"Còn Đệ nhất nghĩa đế thì không sanh, không diệt, không tướng, không tác, không hý luận, không phân biệt. **Thắng nghĩa đế tức là bản Tánh Không**. Bản Tánh Không này tức là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo. Trong ấy chúng sanh bất khả đắc, cho đến người thấy, người biết bất khả đắc; sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc cho đến 80 tùy hình hảo bất khả đắc. Tại sao? **Vì đại Bồ Tát chẳng phải vì đạo pháp mà cầu Vô Thượng Bồ Đề. Đại Bồ Tát vì chư pháp thật tướng tánh không mà cầu Vô Thượng Bồ Đề. Tánh không ấy, tiền tế, hậu tế và trung tế đều tánh không! Thường là tánh không, chưa từng chẳng không"**.

*Để giải thích đoạn Kinh này, **phẩm "Thật Tế" của Đại Trí Độ Luận**, nói:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là tánh không, mà trong tánh không thì chẳng có pháp, chẳng có phi pháp, cũng chẳng có chúng sanh; Như vậy, Bồ Tát làm sao có thể trú trong tánh không, mà cầu Nhất thiết chủng trí được?

Phật dạy: Do Bồ Tát thường an trú trong tánh không nên mới thường hành bố thí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ở trong tánh không thì hết thảy pháp đều bị phá, chẳng còn gì nữa cả. Như vậy Bồ Tát làm sao có thể an trú trong tánh không để thường hành bố thí?

Phật dạy: Do nhân duyên, Bồ Tát biết rõ thật tướng của các pháp và an trú trong đó, tức là an trú trong tánh không, mà được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp, nói hết thảy các pháp đều là tánh không; nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tánh không... dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí là tánh không.

Tánh không chẳng có trú xứ, nên được gọi là pháp tánh thường trú, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh, chẳng có tăng giảm. **Tánh không cũng được gọi là thật tướng pháp**. Bồ Tát trú nơi tánh không chẳng thấy có chướng ngại, chẳng thấy có pháp chướng ngại, nên dù biết rõ chúng sanh là rốt ráo không, mà vẫn có thể dùng các lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Hỏi: *Nếu pháp và chúng sanh bản lai đều là không, thì ai dùng lực phương tiện? Ai được độ thoát?*

Đáp: "Tánh không" chẳng có tánh tướng. Nếu chấp "tánh không" có tánh tướng, mới nên nạn hỏi.

Lại nữa, khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì vào được tánh không; biết rõ trong tánh không là chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh.

Chỉ vì phàm phu chưa vào được thật tướng, nên mới ức tưởng phân biệt, chấp thật có các pháp hữu vi. Bồ Tát vì chúng sanh mà nói có các pháp, có phân biệt, rồi dần dần đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, tức là nơi tánh không vậy. Bồ Tát an trú trong tánh không, mà chẳng chấp tánh không, nên mới dùng lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Trong kinh, Phật dạy: Trong tánh không đó, thì chúng sanh là bất khả đắc, sắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp đều là bất khả đắc cả.

Thế nhưng vì muốn kiến lập chúng sanh nơi thật tế, nên Bồ Tát phải vì chúng sanh nói thế đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy.

--o0o--

Phật hỏi: Các người hóa có được đạo chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng được vậy. Vì các người hóa chẳng có căn bản thật sự. Hết thảy pháp đều là tánh không, nên cũng chẳng có căn bản thật sự.

Phật dạy: Bồ Tát hóa độ chúng sanh cũng là như vậy. Chúng sanh và các pháp đều chẳng có căn bản thật sự, mà chúng sanh điên đảo chấp là có. Nay Bồ Tát muốn đưa chúng sanh ra khỏi các chấp điên đảo, nên vì họ nói pháp "không điên đảo". Ở nơi chỗ "không điên đảo" chẳng có ngã, chẳng có chúng sanh... dẫn đến chẳng có trí giả, chẳng có kiến giả.

Các pháp tuy chỉ một tướng (nhất tướng) mà chúng sanh điên đảo chấp có rất nhiều tướng.

Bồ Tát trú trong tánh không, phá các vọng chấp của chúng sanh mà chẳng phá chúng sanh; Ở ngay nơi tướng chúng sanh điên đảo, mà độ chúng sanh ra khỏi tướng điên đảo, ra khỏi các pháp hữu lậu, và an trú họ trong pháp vô lậu.

Các pháp vô lậu mà Bồ Tát dùng để giáo hóa chúng sanh, như bốn niệm xứ... dẫn đến tám thánh đạo v.v..., đều y theo thế đế sanh diệt mà nói ra, nên chẳng bằng được đệ nhất nghĩa đế vậy".

2- Bản tánh không là sở chứng chư Phật, cũng gọi là Phật đạo.

"Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại 10 phương đều dùng bản tánh không, làm Phật nhãn. **Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời.** Chư Phật xuất thế đều thuyết bản tánh không; hữu tình được giáo hóa cần phải lắng nghe Phật thuyết lý bản tánh

không, mới có thể nhập Thánh đạo, chứng quả Thánh đạo; lìa bản tánh không, không có phương tiện nào khác”.

“... Nếu đại Bồ Tát muốn đắc Vô Thượng Bồ đề thì phải an trụ tất cả pháp Phật, mà an trụ tất cả pháp Phật tức là an trụ bản tánh không... “Bản tánh không là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo”. “Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời”. Vậy, bản tánh không là Như Lai Ứng Cúng Đẳng giác, là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, là Phật Đạo”.

Kết luận:

*Nếu thấy tất cả pháp bản tánh không thì không phân biệt, vì trong không chẳng có gì để phân biệt, không phân biệt tức không chấp. Không chấp tức vô thức thì được **vô niệm vô tâm,** nên nói là chứng tánh. Chứng tánh đó là tánh gì? Tánh đó là Tánh không. Chỗ cao nhất của Bát Nhã. Nhưng thật ra chứng mà chẳng có gì để chứng nên bảo là không. **Tất cả đều vô sở hữu, bất khả đắc, rỗng không, trong suốt**. Đỉnh cao của giáo lý Bát Nhã ở chỗ đó! Tất cả nổ lực của chúng ta là học ở cái rỗng không trong suốt này. Câu nói trong Truyền Đăng Lục “Vin vào cái có mà chẳng có, tựa vào cái không mà chẳng không” chỉ là câu nói trào lộng đối với hành giả Bát Nhã! Nói Có nói Không đối với Đệ nhất nghĩa đế chỉ là hý luận.*

Đây là bài pháp rất mắc mỏ, khó nuốt khó tiêu hóa nhưng hay vô cùng. Tất cả Bát Nhã Tánh Không đều được gói trọn trong đó. Khi nào hiểu được nó thì giải thoát!

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

*(1). **Thật tế:** Bản dịch ĐBN của HT Thích Trí Nghiêm trong Tuvienquangduc.com dùng từ thật tế, bản dịch của cùng một tác giả nhưng được củ soát trong thuvienhoasen.org dịch là **Niết bàn**. Nguyên bản bằng chữ Hán trong hoavouu.com âm là thật tế* (實際). *Chúng tôi dùng từ thật tế, vì từ này cũng được HT Thích Trí Tịnh dùng để dịch Kinh MHBNBLMĐ, tức là Kinh Đại Bát Nhã do Phật thuyết ở Hội thứ II cũng còn gọi là đại bản như nhiều lần giải thích.*

Thực tế hay Thật tế là một trong những từ khó giải thích nhất mà Bát nhã Ba la mật thường lặp đi lặp lại nhiều lần. Tùy các tông phái, tùy theo trình độ tu tập, công phu hành trì của mỗi cá nhân, mỗi nhà, mỗi tông có những nhận định khác nhau. Trong Kinh điển Phật học thường đặt từ này ngang hàng hay có thể thay thế với các từ như chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, hư không giới, bất tư nghì giới, Phật tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, như như, Niết bàn, Như lai tạng v.v... như đã giải thích ở trên.

*Từ điển Phật học Việt Anh - Minh Thông **giải thích Thật tế** (S: Bhùtakoti): Reality-limit. Chân thật tế cực, chỉ Niết bàn thật chứng lìa hẳn hư vọng. Từ này được thích nghĩa nhiều lần ở các phẩm trước. Ở đây giải thích này của từ điển Minh Thông rất phù hợp với các bản Việt dịch ĐBN, nên được nêu ra để độc giả nắm vững vấn đề.*

*(2). **Chúng sanh tế**: Từ này được HT Thích Trí Tịnh dùng khi dịch Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa; Tuvienquangduc.com dịch là **hữu tình tế**; Quangduc.com cũng dịch là hữu tình tế, trong khi thuvienhoasen.org dịch là **cõi hữu tình**; nguyên văn bản chữ Hán trong hoavouu.com âm là **hữu tình tế** 有情際. Chúng tôi dùng cụm từ chúng sanh tế vì thuận tai hơn.*

Cái cùng đích biên tế của hết thảy mọi thực tại gọi là thật tế, riêng con người thì gọi là chúng sanh tế hay hữu tình tế. Cũng như nói chơn như của chúng sanh thì gọi là chúng sanh như, thật tế của chúng sanh gọi là chúng sanh tế. Trong phần lược giải trên đã giải thích rộng rồi.

(3). Định nghĩa Thật tế này của Thiền sư D.T. Suzuki trích từ Thiền luận III.

(4). Bản thể, bổn thể, bản chất (本體): Thông thường, các nhà triết học phương Tây giải thích bản thể: Là cái tự nó tồn tại đích thực đối lập với hiện tượng. Trong Phật giáo, danh từ pháp thể được dùng để diễn đạt ý nghĩ tương đồng như thế, tức chỉ cái thể tính các pháp, hoặc những danh từ như bản chất các pháp, bản tính, pháp tính, chân như v.v... là những dụng ngữ đồng loại. Trước thời Phật giáo, người Ấn độ cổ đại nhận bản thể của vũ trũ là Phạm (Phạm: brahman), bản thể của cá nhân là Ngã (Phạm: àtman) và cho rằng bản chất của Phạm và Ngã là một (Phạm ngã nhất như). Về bản thể ngã của cá nhân, thì Phật giáo lập thuyết Vô ngã, chủ trương hết thảy các pháp đều do mối quan hệ tương y tương hỗ (nhân

duyên) mà tồn tại; trong Phật giáo Đại thừa tư tưởng này còn triệt để hơn nữa mà sản sinh tư tưởng không (Phạm: Sùnya). Trong các phái thuộc Phật giáo Bộ phái, có những phái như Độc tử, Pháp thượng, Chính lượng v.v... khẳng định sự tồn tại của ngã thể chủ quan (phi tức phi ly uẩn ngã), cũng khẳng định các pháp hiện tượng giới, các phái này thuộc tông Pháp ngã câu hữu (ngã pháp đều có). Lại như Thuyết nhất thiết hữu bộ cho rằng, thể tính của vạn hữu là thường hằng bất diệt suốt trong quá khứ, hiện tại và vị lai, đây tức là thuyết Tam thế thực hữu, pháp thể hằng hữu (ba đời thực có, pháp thể hằng có), nhưng ở một mặt khác, thì lại không thừa nhận sự tồn tại của Ngã, vì thế thuộc tông Ngã không pháp hữu (ngã không pháp có). Còn các phái Kinh lượng, Hóa địa, Pháp tạng, Đại chúng, Kê dận, Tây sơn trụ, Bắc sơn trụ v.v... thì chủ trương các pháp quá khứ và vị lai không có thể tính, duy chỉ pháp hiện tại là thực có, đây tức là thuyết Quá vị vô thể (quá khứ vị lai không có thể tính). Lại như Thuyết giả bộ, thì không những chỉ nhận quá vị vô thể, mà ngay cả đối với các pháp hiện tại cũng chủ trương có giả có thực. Theo Thuyết giả bộ nói, thì vạn hữu chia làm năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, trong đó năm uẩn là thực thể, nhưng mười hai xứ, mười tám giới là những pháp sở y, sở duyên, thuộc pháp tích tụ, là có giả, đây tức là thuyết Hiện pháp giả thực (pháp hiện tại có giả có thực). Ngoài ra, Thuyết xuất thế bộ thì cho các pháp thế gian đều là có giả, duy chỉ pháp xuất thế gian là có thực thể, đây tức là thuyết Tục vọng chân thực (tục đế vọng chân đế thực). Nhất thuyết bộ thì chủ trương hết thảy vạn hữu, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, đều chỉ có giả danh chứ không có thực thể, đây tức là thuyết Chư pháp đãn danh (các pháp chỉ có cái tên). Vào giữa thế kỷ thứ IV Tây lịch, Ha lê bạt ma (Phạm: Harivarman), viết luận Thành thực 16 quyển, nêu cao tư tưởng không, phản đối thuyết Tam thế thực hữu, pháp thể hằng hữu của Nhất thiết hữu bộ, không những chỉ phủ nhận sự tồn tại của ngã thể chủ quan, mà còn bác luôn cả sự tồn tại của pháp thể vạn tượng khách quan, đây tức là thuyết Ngã pháp câu không (cả ngã và pháp đều là không). Giáo hệ Phật giáo có liên quan đến vấn đề bản thể tính tướng, mở đầu tự Hữu không luận của Tiểu thừa, biến chuyển mà thành Hữu không luận của Đại thừa, như giáo nghĩa Duy thức dùng thuyết Tam tính, Tam vô tính để trình bày hữu không quan về vạn hữu, và khảo sát thực lý Hữu, Không, Trung đạo. Tức dựa vào ba tính Biến kế sở chấp, Y tha khởi, Viên thành thực, từ

phương diện có thuyết minh tự tính của vạn hữu, đồng thời, dựa vào ba vô tính: Tướng vô tính, Sinh vô tính, Thắng nghĩa vô tính, từ phương diện không hiển bày cái chí lý các pháp đều không, cho nên nhấn mạnh hiện tượng tuy là không hoặc có giả, nhưng thực thể thì là có thật, đây tức là luận Hữu Không Trung Đạo. Tông Tam luận thì bác bỏ loại tư tưởng có, không tương đối ấy, mà lấy cái Không tuyệt đối bất khả đắc làm lý tưởng cùng cực, cho nên đem Tứ trùng nhị đế, Bát bất trung đạo để thuyết minh chân đế pháp tính siêu việt tình chấp, bặt hết tư lự, đây tức là luận Vô tướng giai không. Tư tưởng Không này của tông Tam luận bị coi là Bản thể luận tiêu cực; đối lại, được coi là Bản thể luận tích cực, phát huy giáo chỉ cao nhất của Đại thừa, là luận Chư pháp thực tướng của tông Thiên thai. Tông Thiên thai dựa vào Kinh Pháp hoa và mấy câu kệ trong phẩm Quán Tứ đế của Trung luận (Đại 30, 33 trung): Các pháp nhân duyên sinh, Tôi bảo đó là không, cũng tức là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo, và câu nói trong luận Đại trí độ Trong một tâm được ba trí, mà thuyết minh cái lý mầu nhiệm Không, Giả, Trung ba đế viên dung, và nêu tỏ thể tính của các pháp xưa nay vốn viên dung vô ngại. Đồng thời, chủ trương nếu người ta phá tan được khối mê vọng thì lập tức bước vào cảnh giới thông suốt sáng chói, thể nhận hết thảy các pháp thuần là thực tướng, ngoài thực tướng ra, không có một pháp nào khác. Pháp giới muôn tượng la liệt, mỗi mỗi đều là thực tướng, vì thế sai biệt tức là bình đẳng, hiện tượng tức là thực thể, sự tướng và thực thể chẳng hai chẳng khác, muôn pháp là nhất như. Trong Phật giáo Đại thừa, ngoài luận Chư pháp thực tướng của tông Thiên thai ra, như Pháp giới duyên khởi của tông Hoa nghiêm, Lục đại duyên khởi của Mật tông, đều là tư tưởng lí luận chủ trương hiện tượng tức là bản thể. Tóm lại, cái Không mà Phật giáo Đại thừa thuyết minh, tức là cái trạng thái không thể chấp trước. Bát Nhã tâm Kinh (bản dịch của Ngài Huyền trang) dùng những tiếng sau đây để thuyết minh mối quan hệ giữa bản thể và hiện tượng (Đại 8, 848 hạ): Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Trong Kinh Phổ biến trí tạng Bát nhã Ba la mật đa tâm do Ngài Pháp nguyệt dịch, trước hai câu trên đây, còn có hai vế (Đại 8, 849 thượng): Sắc tính là không, không tính là sắc. Thông thường người ta dùng hiện tượng để nắm bắt vật chất tồn tại. Nhưng cái gọi là hiện tượng, tức phải dựa vào vô số nguyên nhân, điều kiện và luôn luôn biến hóa; trên đời

tuyệt không có một hiện tượng nào là không biến hóa, vì biến hóa không ngừng nên mới có hiện tượng sản sinh, cho nên người ta mới mong nắm bắt sự tồn tại của chúng, đây tức là thế giơi Sắc tính là không, không tính là sắc, tương đương với cái Không trong ba đế Không Giả Trung do đại Sư Trí khải lập ra. Cái thế giới hỗn độn không chủ thể, chưa chia thành chủ khách, là thế giới duy nhất, toàn nhất, thế giới một tức hết thảy, hết thảy tức một, người ta nên nắm bắt cái thế giới ấy. Nhưng, muốn đạt được cảnh giới ấy, người ta không thể không dựa vào hiện tượng làm cơ sở. Duy có điều là một hiện tượng tuyệt không có bản thể, mà do nhiều hiện tượng và hết thảy pháp hỗ tương quan hệ mới có thể thành lập được; đồng thời, cũng thể nhận được thế giới duyên khởi tất cả đều do nguyên nhân và điều kiện hỗ tương y tồn mà vận hành. Giả sử hiện tượng Ngã không hoạt động, thì hãy quan sát mối liên quan với người khác, lúc đó có thể hiểu hiện tượng Ngã thường không phải do Ngã mà do các nhân tố ngoại lai người khác thêm vào khiên chế mà dần dần khác với cái Ngã hiện tại. Đứng trên lập trường lý luận mà nói, cũng có thể lý giải hết thảy sự vật ngoại tại không ngừng phủ định tự kỷ, hoặc đối lập với tự kỷ, và trong những điều kiện như thế, người ta phải hạn định quan hệ để khẳng định tự kỷ, đây tức là thế giới Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, tương đương với thế giới Giả của tông Thiên thai. Đã có thể nắm bắt được sự thể nghiệm ở giai đoạn thứ nhất, thứ hai trên đây mà bàn đến giai đoạn thứ ba, nếu thuyết minh bằng lời nói, thì hoàn toàn tương đồng với giai đoạn trước. Song, trong kinh nghiệm sinh động của nhân loại, trên thực cảm, xác thực có cái thế giới có thể nắm bắt được và so với giai đoạn thứ hai thì thế giới ấy cao hơn, đó tức là thế giới Sắc tức là không, không tức là sắc, tương đương với thuyết Trung của tông Thiên thai. Nói theo nghĩa cùng tột thì ba đế Không Giả Trung không có thứ tự trước sau cách lịch, mà là viên dung vô ngại, một tức ba, ba tức một, đó là nghĩa đích thực của Viên giáo tam đế viên dung trong tông Thiên thai. Mà tư tưởng ấy không những chỉ là một trong những giáo nghĩa trung tâm của tông Thiên thai, mà cũng là chứng minh của Phật pháp Đại thừa đối với bản thể viên thục nhất của muôn pháp. Từ điển Phật Quang.

Chúng ta chỉ cần biết bản thể là bản chất của các pháp, bản tính của tất cả pháp. Nhưng theo Bát nhã Ba la mật thì chẳng có gì là bản chất hay

bản tánh nguyên sơ, độc lập, sở hữu trong chúng, tất cả đều giả lập cũng tức là không. ***TB***.

(5). Hiện thực hay hiện tượng (現象*): Đối lại với Bản thể, bản chất. Cái trạng thái của sự vật mà người ta có thể cảm và biết được hiện bày ra trước mắt (nói theo* ***Sự****). Trong Phật giáo, các hiện tượng được xem là giả có, mà bản thể, bản chất, hoặc gọi là tự tính, bản tính mới là có thật (nói theo* ***Lý****). Tông Duy thức gọi đối tượng của nhận thức là ảnh tượng (bóng dáng), gọi thực chất của ảnh tượng là bản chất, còn cái hiện tượng biểu hiện trong thực tại thì được gọi là Hiện hành. Những hiện tượng mà người ta thấy chỉ là bóng huyễn do nhận thức sai lầm mà có. Ngoài ra, bản thể nhất như gọi là lý, hiện tượng sai biệt gọi là sự. Từ điển Phật Quang.*

Hiểu được hiện thực và bản thể là hiểu được Tục đế (hiện thực-tương đối) và Đệ nhất nghĩa đế (bản thể-tuyệt đối) tức hiểu được sự và lý. Vượt qua và vượt trên lý và sự, tức hiểu được tánh bình đẳng của tất cả pháp tức thâm nhập được Bát nhã Ba la mật. ***TB***

*(6). "*Do thế tục pháp, nên nói có Bồ Tát, có hết thảy các sắc pháp. Trái lại, ở nơi Bồ Đề thì chẳng có một định pháp nào cả, chẳng có Phật, chẳng có Bồ Tát, chẳng có chúng sanh, cũng chẳng có Bồ Đề vậy". *Phẩm thứ 80. "Thật Tế", Tập 5, quyển 90, Đại Trí Độ Luận.*

(7). Mạn Thù Thất Lợi có tên khác là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Nhân vật chánh của Hội thứ VII, ĐBN mà chúng ta sẽ có dịp tham khảo sau.

Những thích nghĩa trên tuy rất dài dòng lại có tánh cách siêu hình. Tuy nhiên, rất hữu ích cho sự hiểu biết không những cho phẩm này mà còn cho các phẩm khác nữa nói riêng hay trong Phật đạo nói chung. Phải cố gắng đọc thôi./.

---o0o---

78. PHẨM "VÔ KHUYẾT"

Cuối Q.474 đến hết Q.475, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thành Thục Hữu Tình", cuối Q.390 đến đầu Q.393, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Vô Khuyết" của Hội thứ II, tương đương với phẩm "Thành Thục Hữu Tình", cuối Q.390 đến đầu Q.393, Hội thứ I, ĐBN. Phẩm "Vô Khuyết" cũng tương đương với phẩm thứ 81, có tên là "Cụ Túc", Tập 5, quyển 91, Đại Trí Độ Luận. Ba phẩm này có nội dung như nhau tuy phẩm tựa có khác. "Vô Khuyết", "Thành Thục Hữu Tình" hay "Cụ Túc" có nghĩa là tu tất cả các pháp mầu Phật đạo và sáu pháp Ba la mật tức là tu Đạo Bồ đề, tu Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh. Nếu tu đầy đủ: Trên cầu Vô Thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh thì gọi là tu không thiếu sót(vô khuyết), hay nói khác là tu đầy đủ(cụ túc). Tu như vậy thì có thể thành thục được hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại an vui cho toàn thể chúng sanh.

Một lần nữa Kinh khuyên nên tu tập tất cả các pháp Phật nhất là sáu pháp Ba la mật hay tu Bồ Tát hạnh, Bồ Tát đạo hay đạo Bồ đề trước khi chấm dứt Hội thứ II, ĐBN.

Tóm lược:

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát tuy tinh tấn tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; an trụ nội không cho đến vô tính tự tính không; an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; tu hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; tu hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; tu hành tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn

xả; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tu hành tất cả Bồ Tát hạnh; tu hành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề *(tức là tu tất cả pháp Phật)*. **Nhưng, nếu tu đạo Bồ đề*(1)* chưa được viên mãn thì chẳng thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nên tu đạo Bồ đề như thế nào để được viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Nếu khi đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, đầy đủ phương tiện thiện xảo thù thắng, do lực phương tiện thiện xảo này, nên khi tu hành bố thí Ba la mật, chẳng thấy bố thí, chẳng thấy người thí, chẳng thấy người thọ thí, cũng chẳng lìa các pháp như vậy mà hành bố thí Ba la mật. Khi đại Bồ Tát ấy bố thí như vậy, thì có khả năng soi sáng ba đạo Bồ đề *(Thanh văn Bồ đề, Bích chi Bồ đề và Chánh đẳng Bồ đề)*, tu đạo Bồ đề sớm được thành tựu. *(Q.474, ĐBN)*

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, bằng phương tiện thiện xảo tu Bồ đề đạo làm cho viên mãn, thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu khi đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, đầy đủ phương tiện thiện xảo thù thắng, do lực phương tiện thiện xảo này, nên tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, nói rộng cho đến tu tất cả Bồ Tát hạnh và Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dũng mãnh, chuyên cần chơn chánh tu đạo Bồ đề?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Khi hành sâu Bát Nhã, đại Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo, nên **chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức ly**. Chẳng thấy 12 xứ cho đến 18 giới hợp, chẳng thấy mười hai xứ cho đến mười tám giới ly. Chẳng thấy nhãn xúc hợp, chẳng thấy nhãn xúc ly cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng thấy địa giới hợp, chẳng thấy địa giới ly cho đến thức giới. Chẳng thấy nhân duyên hợp, chẳng thấy nhân duyên ly cho đến tăng thượng duyên. Chẳng thấy các pháp hợp, chẳng thấy các pháp ly từ duyên sanh ra. Chẳng thấy vô minh hợp, chẳng thấy vô minh ly cho đến lão tử. **Vì sao? Vì các pháp như vậy đều không có tự tánh để hợp, để ly.**

Này Xá lợi Tử! Khi hành sâu Bát Nhã, đại Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo, nên chẳng thấy bố thí hợp, chẳng thấy bố thí ly cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng thấy nội không hợp, chẳng thấy nội không ly cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng thấy chơn như hợp, chẳng thấy chơn như ly cho đến cảnh giới bất khả tư nghì. Nói rộng ra, chẳng thấy với tất cả pháp Phật hợp, cũng chẳng tất cả pháp Phật ly. Vì sao? **Vì các pháp như vậy đều không có tự tánh để hợp, để ly**.

Này Xá lợi Tử! Ấy là các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dũng mãnh, chuyên cần chơn chánh tu Bồ đề đạo như vậy.

Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không có tự tánh để hợp, để ly thì tại sao đại Bồ Tát hướng đến Bát nhã Ba la mật để tu để học? Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát không học Bát nhã Ba la mật thì quyết không bao giờ chứng đắc sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông nói. Nếu đại Bồ Tát không học Bát nhã Ba la mật thì không bao giờ chứng đắc được sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **phải có phương tiện thiện xảo thì mới chứng được**, chẳng phải không có phương tiện thiện xảo mà có thể chứng được. Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, nếu thấy có pháp tự tánh khá được thời nên nắm giữ. Nếu chẳng thấy có pháp tự tánh khá được sẽ nắm giữ cái gì? Nghĩa là chẳng nắm giữ đây là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đây là sắc cho đến thức. Đây là nhãn xứ cho đến ý xứ. Đây là sắc xứ cho đến pháp xứ. Đây là nhãn giới cho đế ý giới. Đây là sắc giới cho đến pháp giới. Đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Đây là nhãn xúc cho đến ý xúc. Đây là nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Đây là địa giới cho đến thức giới. Đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Đây là các pháp từ duyên sanh ra. Đây là vô minh cho đến lão tử. Đây là nội không cho đến vô tính tự tính không. Đây là chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì. Nói rộng ra, đây là tất cả Phật pháp.

Này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, như thật rõ **biết tánh của tất cả pháp đều chẳng thể nắm giữ. Nghĩa là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, đều chẳng thể nắm giữ.** Sắc cho đến thức cũng chẳng thể

nắm giữ. 12 xứ cho đến 18 giới cũng chẳng thể nắm giữ. Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng thể nắm giữ. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng chẳng thể nắm giữ. Địa giới cho đến thức giới cũng chẳng nằm giữ. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng chẳng thể nắm giữ. Các pháp từ duyên sanh ra cũng chẳng thể nắm giữ. Vô minh cho đến lão tử cũng chẳng thể nắm giữ. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng chẳng thể nắm giữ. Chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì cũng chẳng thể nắm giữ. Nói rộng ra, **cho đến tất cả Phật pháp cũng chẳng thể nắm giữ**.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, vì như thật rõ biết tánh của tất cả pháp chẳng thể nắm giữ, nên không bị chướng ngại đối với tất cả pháp.

Này Xá lợi Tử! Chẳng thể nắm giữ Ba la mật, tức là không chướng ngại Ba la mật. Không chướng ngại Ba la mật, tức là Bát nhã Ba la mật. Các đại Bồ Tát nên học như vậy**.**

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát khéo học như vậy, thì **đối với tất cả pháp đều không có chỗ đắc**; sự học còn chẳng được, huống nữa được là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống nữa là được Bát nhã Ba la mật, huống nữa là được pháp của Dị sanh, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và Phật. Vì sao? Vì không có một chút pháp nào là thật có tự tánh. Trong tất cả pháp không có tự tánh, những gì là pháp Dị sanh? Những gì là pháp Dự lưu? Nhất lai? Bất hoàn? A la hán? Những gì là pháp Độc giác? Những gì là pháp Bồ Tát ? Những gì là pháp Như Lai?

Này Xá lợi Tử! Các pháp như vậy đã chẳng thể đắc được, thì nương vào những pháp nào mà có thể hiển bày có Dị sanh. Dị sanh đã chẳng thể đắc được, thì làm sao có thể hiển bày đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đây là Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Như Lai?

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không có tự tánh, đều chẳng thật có, thì dựa vào đâu mà có thể rõ biết đây là Dị sanh, đây là pháp Dị sanh; nói rộng cho đến đây là Như Lai, đây là pháp Như Lai?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Thật có sắc hoặc đã, hoặc đang như các kẻ Dị sanh ngu si chấp không? Như vậy, cho đến, thật có tất cả Bồ Tát hạnh hoặc đã, hoặc đang như các kẻ Dị sanh ngu si chấp không? Thật có

Vô thượng Bồ đề hoặc đã, hoặc đang như các kẻ Dị sanh ngu si chấp không? Thật có Dị sanh, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Phật hoặc đã, hoặc đang như các kẻ Dị sanh ngu si chấp không?

Xá lợi Tử thưa:

- Không, bạch Thế Tôn! Chỉ do Dị sanh ngu si điên đảo chấp như vậy.

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, bằng phương tiện thiện xảo, tuy quán các pháp đều không có tự tánh, đều chẳng thật có, nhưng dựa vào tục đế để cầu hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; vì hữu tình mà phương tiện giảng nói, khiến cho được hiểu biết chơn chánh, xa lìa các điên đảo.

Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao như vậy?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Khi các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như vầy: Đó là hoàn toàn **không thấy có một chút thật pháp nào có thể trụ** ở trong ấy. Nếu trụ trong ấy thì có chướng ngại. Do chướng ngại nên bị thối mất. Do thối mất nên tâm liền yếu hèn. Do tâm yếu hèn nên sanh biếng nhác. *(Q.475, ĐBN)*

Này Xá lợi Tử! **Vì tất cả pháp đều không thật có, lìa ngã và ngã sở, đều lấy vô tánh làm tự tánh, bản tánh không tịch, tự tướng không tịch**. Chỉ có Dị sanh ngu si mê lầm điên đảo, **chấp trước** sắc uẩn cho đến thức uẩn. Chấp trước xứ cho đến giới. Chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc. Chấp trước nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chấp trước địa giới cho đến thức giới. Chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Chấp trước các pháp từ duyên sanh ra. Chấp trước vô minh cho đến lão tử. Chấp trước bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chấp trước nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chấp trước chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì. Nói rộng ra, **chấp trước tất cả Phật pháp.**

Do nhân duyên này, nên các đại Bồ Tát quán tất cả pháp đều không thật có, lìa ngã và ngã sở; đều lấy vô tánh làm tự tánh, bản tánh không tịch, tự tướng vắng lặng, mà hành sâu Bát Nhã, tự an lập như huyễn sư, vì các hữu tình mà nói pháp; vì những người san tham mà nói pháp bố thí; vì những người phá giới mà nói tịnh giới; vì

những người sân nhuế mà nói an nhẫn. Vì những người biếng nhác mà nói tinh tấn; vì những người tán loạn mà nói tĩnh lự; vì những người ngu si mà nói Bát nhã Ba la mật. *(Q.475, ĐBN)*

Các đại Bồ Tát ấy an lập hữu tình, khiến cho trụ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật rồi, lại vì họ mà nói Thánh pháp thù thắng có thể ra khỏi sanh tử, khiến cho các hữu tình nương vào đó tu học, mà được quả Dự lưu, hoặc được quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A la hán, hoặc được quả Độc giác, hoặc nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, hoặc trụ bậc đại Bồ Tát, hoặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, sao chẳng gọi là có sở đắc; nghĩa là các hữu tình thật chẳng có, mà làm cho họ an trụ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; lại vì hữu tình mà giảng nói Thánh pháp thù thắng có thể ra khỏi sanh tử, khiến cho được quả Dự lưu, cho đến chứng được Vô thượng Bồ đề?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! **Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, đối với các hữu tình, thật chẳng có chỗ đắc**. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì khi các đại Bồ Tát ấy hành sâu Bát Nhã, chẳng thấy chút hữu tình nào có thể đắc, chỉ có thế tục giả gọi là hữu tình. Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, an trụ nhị đế, vì các hữu tình mà giảng nói chánh pháp. Thế nào gọi là nhị đế? Một là thế **tục đế**. Hai là **thắng nghĩa đế**. Trong hai đế, tuy hiển bày hữu tình đều chẳng thể được, nhưng khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình mà tuyên nói chánh pháp, khiến cho các hữu tình nghe chánh pháp rồi, rõ biết ở trong hiện pháp còn chẳng thể đắc ngã, huống là sẽ đắc sở cầu là quả chứng.

Như vậy, Xá lợi Tử! Khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, tuy vì hữu tình tuyên nói chánh pháp, khiến tu chánh hạnh, để chứng chánh quả, nhưng tâm của vị ấy hoàn toàn không thấy có sở đắc. Vì đã thấu đạt tất cả pháp đều bất khả đắc.

Khi ấy, cụ thọ Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát ấy, tuy đối với các pháp, chẳng đắc nhất tánh, chẳng đắc dị tánh, chẳng đắc tổng tánh, chẳng đắc biệt tánh, nhưng mặc giáp đại công đức như vậy. Do mặc giáp đại công đức như vậy, nên chẳng lưu chuyển ở cõi Dục, chẳng lưu chuyển ở cõi

Sắc, chẳng lưu chuyển ở cõi Vô sắc, chẳng lưu chuyển ở cõi hữu vi, chẳng lưu chuyển ở cõi vô vi. Tuy giáo hóa hữu tình, làm cho ra khỏi ba cõi, nhưng đối với hữu tình, hoàn toàn không có sở đắc; cũng lại chẳng đắc sự an lập hữu tình. Vì sự an lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên không buộc không mở. Do không buộc không mở nên không nhiễm không tịnh; vì không nhiễm không tịnh nên chẳng khá rõ biết các thú sai khác; vì chẳng khá rõ biết các thú sai khác nên không nghiệp, không phiền não; vì không nghiệp không phiền não nên cũng không bị quả báo. Đã không bị quả báo thì làm sao biết được có ngã và hữu tình lưu chuyển các thú, hiện ở ba cõi, đủ các loại sai khác?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông nói. Nếu các hữu tình trước có sau không thì Bồ Tát, chư Phật đều có nhầm lẫn. Nếu các cõi sanh tử trước có sau không thì Bồ Tát, chư Phật cũng có nhầm lẫn. Trước không sau có cũng như vậy. Cho nên, này Xá lợi Tử! Dù Phật có xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời thì pháp tướng thường trụ, chơn như, pháp giới, tánh chẳng hư vọng trọn không thay đổi. Vì tất cả pháp, pháp tánh, pháp giới, pháp trụ, pháp định, chơn như, thật tế, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác đều như hư không. Trong ấy, còn không có ngã v.v… có thể đắc, huống nữa là có các pháp như sắc, thọ, tưởng v.v… có thể đắc. Đã không có các pháp có thể đắc, thì lẽ nào có các cõi sanh tử. Các cõi sanh tử đã chẳng thể đắc thì lẽ nào có sự thành thục hữu tình, khiến cho họ được giải thoát! Chỉ dựa vào thế tục mà giả nói là có.

Này Xá lợi Tử! Từ Phật quá khứ, các đại Bồ Tát nghe tất cả pháp tự tánh đều không, sau khi nghe xong, đại Bồ Tát này buộc niệm tư duy như thật, vì giải thoát cho các hữu tình điên đảo chấp trước, mà cầu hướng Vô thượng Bồ đề. Trong khi cầu hướng Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng: Đối với pháp này, ta đã, hay sẽ được, khiến có thể dẫn dắt hữu tình kia vượt qua chỗ chấp trước mà thoát khỏi các khổ sanh tử.

Này Xá lợi Tử! Vì giải thoát cho các hữu tình thoát khỏi điên đảo chấp trước, các đại Bồ Tát ấy mặc giáp bị công đức đại thệ trang nghiêm, dũng mãnh tinh cần chơn chánh, không luyến ái, không thối bỏ Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không còn do dự đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ

đề, nghĩa là ta sẽ chứng được hay không chứng được! Chỉ chánh niệm rằng: Ta nhất định sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm lợi ích chơn thật cho các hữu tình, nghĩa là làm cho họ thoát khỏi mê lầm điên đảo, thoát khỏi sự luân hồi các cõi, thọ khổ sanh tử.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tuy cởi bỏ mê lầm điên đảo cho các hữu tình, thoát khỏi các cõi sanh tử, **nhưng không có sở đắc**, chỉ dựa vào thế tục mà nói có. Như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta dựa vào thuật Đế võng (Phạm thiên), hóa làm vô lượng trăm ngàn ức các loài hữu tình, lại hóa làm đủ loại thức ăn thượng diệu, bố thí cho hữu tình đều được no đủ. Làm việc ấy xong, huyễn sư xướng rằng: Ta đã được phước tụ rộng lớn.

Này Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Huyễn sư ấy, hoặc đệ tử của ông ta, thật có làm cho hữu tình no đủ không?

Xá lợi Tử đáp:

- Không. Bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát cũng lại như vậy. Từ lúc mới phát tâm, vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên tu hành bố thí cho đến Bát Nhã. An trụ nội Không cho đến vô tánh tự tánh Không. An trụ chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì. An trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tu hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Tu hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ. Tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện… cho đến tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Viên mãn đạo đại Bồ đề của Bồ Tát, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tuy làm việc ấy, nhưng đối với hữu tình và tất cả pháp, hoàn toàn không có sở đắc, cũng chẳng nghĩ rằng: Ta đem pháp này điều phục các loài hữu tình như vậy, khiến cho họ lìa xa điên đảo chấp trước, không còn luân hồi sanh tử các cõi.

(Thế nào là đạo Bồ đề của Bồ Tát?)

Bấy giời cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao nói đạo Bồ đề của Bồ Tát, nếu các đại Bồ Tát tu hành đạo này, phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thì sớm chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Từ lúc mới phát tâm, các đại Bồ Tát đã hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; đã hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không; đã hành chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; đã hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đã hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đã hành bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; đã hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ; đã hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; đã hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; đã hành tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa; đã hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; đã hành Như Lai mười lực cho đến mười pháp Phật bất cộng; đã hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đã hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí và vô lượng vô biên Phật pháp khác **đều là đạo Bồ đề của Bồ Tát.**

(Hành Bố thí Ba la mật)

Các đại Bồ Tát hành đạo này, phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, sớm chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mà không có tưởng hữu tình, tưởng cõi Phật…

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khi các đại Bồ Tát tu **hành bố thí** Ba la mật, phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình như thế nào?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật phương tiện thiện xảo, tự hành bố thí, cũng khuyên người khác hành bố thí, ân cần truyền trao dạy bảo cho người kia rằng: Các thiện nam tử! Chớ chấp trước bố thí, nếu chấp bố thí thì sẽ lại thọ thân, nếu lại thọ thân thì do đây mà lần lượt sẽ thọ vô lượng khổ lớn. Trong thắng nghĩa đế hoàn toàn không có sự bố thí, cũng không có người thí, người thọ thí, vật thí và các quả thí. Các pháp như vậy đều bản tánh không. Trong bản tánh không không có pháp để nắm giữ. Tánh không của các pháp cũng chẳng thể nắm giữ.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, tuy đối với hữu tình, tự mình hành bố thí, cũng khuyên người khác bố thí, nhưng đối với sự bố thí, người thí, người thọ thí, vật thí và quả thí đều chẳng thể đắc được. Bố thí Ba la mật như vậy, gọi là **vô sở đắc Ba la mật**.

Này Thiện Hiện! Khi đại Bồ Tát ấy đối với pháp vô sở đắc này, dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa hữu tình, làm cho họ trụ quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Như vậy, Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, thì thành thục hữu tình, làm cho được lợi ích lớn.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tự mình hành bố thí, cũng khuyên người khác hành bố thí, không khen ngợi kẻ hành trái ngược với pháp bố thí, hoan hỷ tán dương người hành bố thí.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy hành bố thí như vậy rồi, thì được sanh vào nhà đại tộc Sát đế lợi, hoặc sanh vào nhà đại tộc Bà la môn, hoặc sanh vào đại tộc Cư sĩ giàu sang, hoặc làm tiểu vương trong một nước nhỏ, hoặc làm đại vương trong một nước lớn, hoặc làm Chuyển luân vương trong bốn châu giàu sang tự tại. Đại Bồ Tát ấy sanh vào các chỗ tôn quí như vậy, dùng tứ nhiếp sự thu nhiếp các hữu tình. Trước là dạy cho hữu tình an trụ bố thí, do nhân duyên bố thí này mà tâm họ được điều hòa an lành. Thứ đến làm cho họ an trụ tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Lại khiến cho họ an trụ bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Lại khiến cho họ an trụ bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Lại khiến cho họ an trụ pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện.

Đại Bồ Tát ấy khiến cho các hữu tình an trụ các thiện pháp như vậy rồi, được quả Dự lưu cho đến được quả A la hán; hoặc dần dần chứng được Độc giác Bồ đề; hướng nhập Chánh tánh ly sanh, dần dần tu học các địa Bồ Tát, sớm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại dạy họ rằng: Này các thiện nam! Các ông nên phát nguyện sớm chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề, làm các việc thù thắng lợi ích cho các hữu tình. Các loài hữu tình hư vọng phân biệt, chấp chặt các pháp hoàn toàn không có tự tánh cho là có tự tánh. Do điên đảo hư vọng chấp có như vậy, cho nên các ông phải thường chuyên cần tinh tấn tự mình loại trừ điên đảo, cũng khuyên người khác đoạn trừ điên đảo. Tự mình giải

thoát sanh tử, cũng làm cho người khác thoát khỏi sanh tử. Tự mình được lợi lớn, cũng làm cho người khác được lợi lớn.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường nên tu hành bố thí Ba la mật như vậy. Do tu bố thí Ba la mật, nên từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không đọa vào cõi ác, hay nơi biên địa bần cùng. Vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên đời đời sanh trong cõi người làm Chuyển luân vương, giàu sang tự tại, được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì tùy theo uy thế của nghiệp mà được quả như vậy. Nghĩa là khi Bồ Tát đó làm Chuyển luân vương, thấy kẻ ăn xin đến, liền nghĩ rằng: Vì việc gì mà ta lưu chuyển trong sanh tử, làm Chuyển luân vương. Trụ trong sanh tử, lẽ nào ta chẳng làm lợi ích cho các hữu tình mà được quả thù thắng ấy. Ngoài việc này, không làm việc khác! Nghĩ vậy xong, Bồ Tát bảo kẻ ăn xin: Ngươi cần gì, ta sẽ thí cho. Khi ngươi lấy vật như lấy vật của mình, ngươi chớ nghĩ là ta cho ngươi. Vì sao? Vì ta nhờ các ngươi mà được lợi ích, được thọ thân đây đầy đủ tài vật, nên tài vật đây là do các ngươi mà có. Các ngươi cứ tùy ý lấy dùng, hoặc đem cho người khác, chớ có nghi ngại.

Khi đại Bồ Tát thương xót các hữu tình như vậy, thì sẽ sớm được **viên mãn vô duyên đại bi***(2)***.** Do đại bi đây sớm viên mãn, nên tuy luôn làm lợi ích cho vô lượng hữu tình, nhưng đối với hữu tình, hoàn toàn không có sở đắc, cũng lại chẳng muốn được quả thù thắng. Bồ Tát rõ biết như vậy, nhưng vì thế tục mà nói làm đủ loại việc lợi ích cho các hữu tình. Lại như thật biết các việc làm ấy đều như tiếng vang, tuy hiện tương tự có nhưng không chơn thật. Do đây, đối với tất cả pháp, Bồ Tát đều không nắm lấy.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường nên tu hành bố thí Ba la mật như vậy, đó là bố thí cho hữu tình, song hoàn toàn không nhớ nghĩ. Thậm chí đến cả xương thịt của mình, Bồ Tát còn thí, huống nữa là xả các tài vật bên ngoài! Bồ Tát bố thí các tài vật, nhiếp thọ hữu tình, khiến cho sớm được giải thoát sanh, lão, bệnh, tử.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những tài vật nào nhiếp thọ hữu tình, khiến cho sớm được giải thoát sanh, lão, bệnh, tử?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đó là "tài vật" bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc tài vật nội không cho đến vô tính tự tính không; hoặc tài vật chơn

như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; hoặc tài vật Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc tài vật bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc tài vật bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc tài vật tám giải thoát cho đến mười biến xứ; hoặc tài vật pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc tài vật Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa; hoặc tài vật Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; hoặc tài vật tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa; hoặc tài vật ngũ nhãn, lục thần thông; hoặc tài vật Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc tài vật pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc tài vật Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng tri; hoặc tài vật quả Dự lưu cho đến Độc giác; hoặc tài vật tất cả Bồ Tát hạnh; hoặc tài vật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Này Thiện Hiện! Các tài vật thiện pháp như vậy*(tức tất cả pháp Phât)* nhiếp thọ hữu tình, làm cho sớm được giải thoát sanh, lão, bệnh, tử.

(Nên thọ trì tịnh giới Ba la mật)

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, tự mình hành bố thí, cũng khuyên các hữu tình bố thí xong; nếu thấy hữu tình hủy phạm tịnh giới, thì vô cùng thương xót, dạy họ rằng: Nay các ông **nên thọ trì tịnh giới**, ta sẽ thí cho các ông đủ loại tài vật, khiến cho không còn thiếu thốn. Do các ông thiếu thốn các đồ dùng, tài vật, nên hủy phạm tịnh giới, làm các nghiệp ác. Ta sẽ cung cấp đầy đủ tài vật tùy theo nhu cầu của các ông. Các ông an trụ luật nghi giới rồi, dần dần làm cho khổ cạn mỏng, nương vào pháp tam thừa, tùy theo pháp thích hợp với mình mà được thoát ly sanh tử, đạt đến chỗ an vui rốt ráo.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ Ba la mật, tự thọ trì tịnh giới, cũng khuyên người khác thọ trì tịnh giới, không tán dương kẻ làm trái nghịch với pháp thọ trì tịnh giới, hoan hỷ tán thán người thọ trì tịnh giới.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình an trụ tịnh giới, giải thoát tất cả khổ sanh, lão, bệnh, tử, chứng được an lạc lợi ích rốt ráo.

(Nên tu an nhẫn Ba la mật)

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, nếu thấy hữu tình oán giận lẫn nhau, thì nên thương xót dạy họ như vầy: Vì nhân duyên gì mà các ông oán giận lẫn nhau? Nếu các ông vì sự thiếu thốn, tương duyên lưu chuyển làm các điều ác thì nên theo ta mà đòi, ta sẽ giúp cho. Những tài vật gì các ông cần dùng, ta đều thí cho, khiến cho không còn thiếu thốn. Các ông không nên oán hận lẫn nhau, mà **nên tu an nhẫn**, phát khởi tâm từ.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình tu an nhẫn xong, vì muốn họ kiên cố nên dạy thêm như vầy: Nhân duyên sân hận hoàn toàn không cố định chắc thật, đều do tâm phân biệt hư vọng sanh ra, vì tất cả pháp đều bản tánh không. Đối với việc không thật, vì duyên gì mà các ông vọng khởi sân hận, sát hại lẫn nhau. Các ông chớ duyên vào tâm phân biệt hư vọng mà oán hận lẫn nhau, tạo các ác nghiệp sẽ đọa địa ngục, bàng sanh, cõi quỉ và cõi ác khác thọ các khổ não. Khổ ấy đớn đau, sắc bén dữ dội, cắt xé thân tâm thật khó nhẫn được. Các ông chớ chấp việc chẳng thật có, mà oán hận nhau, tạo nghiệp ác ấy. Do nghiệp ác đây mà thân người hạ liệt còn khó có được, huống nữa là được sanh lên trời, hoặc được gặp Phật, nghe chánh pháp, tu hành theo lời Phật dạy.

Các ông nên biết, thân người khó được, Phật xuất hiện ở đời khó gặp, sanh được niềm tin lại còn khó hơn. Nay các ông đã đủ các việc ấy, chớ vì sân nhuế mà làm mất cơ hội quí báu ấy. Nếu để mất cơ hội thì chẳng thể tìm cầu được. Cho nên các ông đối với các hữu tình, chớ khởi sân nhuế, nên tu an nhẫn.

Này Thiện Hiện! đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, tự mình hành an nhẫn, cũng khuyên người khác hành an nhẫn, không tán dương kẻ làm trái ngược với pháp hành an nhẫn, hoan hỷ tán thán người hành an nhẫn.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình tu hành an nhẫn. Các loài hữu tình do triển chuyển ấy, dần dần nương vào tam thừa mà được giải thoát.

(Nên tu tinh tấn Ba la mật)

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình thân tâm biếng nhác, mà vô cùng thương xót, dạy bảo

như vầy: Vì duyên gì mà các ông lại biếng nhác, không chuyên cần **tinh tấn** tu các thiện pháp?

Những hữu tình kia thưa rằng: Chúng tôi thiếu thốn tài vật, nên đối với các việc thiện, chúng tôi chẳng chuyên cần tu tập được.

Bồ Tát liền bảo: Ta có thể thí cho các ông những tài vật mà các ông thiếu thốn. Các ông nên chuyên cần tu tập các pháp bố thí, tịnh giới, an nhẫn v.v…

Các hữu tình được Bồ Tát ấy thí cho các tài vật thì không còn thiếu thốn, liền phát khởi thân tâm tinh tấn, tu các thiện pháp sớm được viên mãn. Do các thiện pháp được viên mãn, nên dần dần phát sanh các pháp vô lậu. Nhờ pháp vô lậu nên được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề, hoặc hướng nhập các địa Bồ Tát, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, tự mình hành tinh tấn, cũng khuyên người khác hành tinh tấn, không tán dương kẻ làm trái ngược với pháp hành tinh tấn, hoan hỷ tán thán người hành tinh tấn.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, làm cho các hữu tình sớm lìa xa biếng nhác, chuyên cần tu các thiện pháp, sớm được giải thoát, lại có khả năng làm lợi lạc cho các hữu tình.

(Nên tu tĩnh lự Ba la mật)

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình các căn tán loạn, quên mất chánh niệm, thì rất thương xót, dạy bảo như vầy: Vì duyên gì các ông không tu **tĩnh lự**, làm cho tán loạn, thất niệm, trầm luân sanh tử, thọ khổ vô cùng?

Những hữu tình kia đáp: Chúng tôi thiếu thốn tài vật, nên đối với tĩnh lự, chúng tôi không chuyên cần tu tập được.

Bồ Tát liền bảo: Ta có thể thí cho các ông những tài vật mà các ông thiếu. Từ nay các ông không nên phát khởi tầm tứ hư vọng, phan duyên trong ngoài, nhiễu loạn tâm mình.

Các hữu tình được Bồ Tát ấy thí cho tài vật, không còn thiếu thốn, liền có khả năng đoạn trừ tầm tứ hư vọng, nhập định sơ thiền, dần dần lại nhập đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền; nương vào các tĩnh lự này, lại dẫn phát bốn

loại vô lượng từ, bi, hỷ, xả. Tĩnh lự, vô lượng làm chỗ nương tựa, lại có thể dẫn phát bốn định vô sắc. Tĩnh lự, vô lượng, vô sắc điều hòa tâm khiến cho nhu nhuyến rồi, tu bốn niệm trụ, triển chuyển cho đến tám chi Thánh đạo. Do đây lại có thể dẫn phát các thiện pháp thù thắng không, vô tướng, vô nguyện… Tùy theo pháp thích hợp với mình mà được quả tam thừa.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, tự mình tu tĩnh lự, cũng khuyên người khác tu tĩnh lự, không tán dương kẻ làm trái ngược với pháp tu tĩnh lự, hoan hỷ tán thán người tu tĩnh lự.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình sớm lìa tán loạn, tu các tĩnh lự, được lợi lạc lớn.

(Nên tu Bát nhã Ba la mật)

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình ngu si điên đảo, thì rất thương xót dạy bảo rằng: Vì duyên gì các ông không **tu diệu tuệ***(tức Bát Nhã Ba la mật)*, ngu si điên đảo thọ khổ vô cùng?

Những hữu tình ấy đáp: Chúng tôi thiếu tài vật, nên đối với diệu tuệ, chúng tôi không chuyên cần tu được. Bồ Tát liền bảo: Tôi có thể thí cho các ông các vật mà các ông thiếu thốn. Các ông nên nhận nó. Trước tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự được viên mãn, rồi quán sát kỹ thật tướng các pháp, tu hành Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là khi ấy, **nên quán sát kỹ có một chút pháp nào có thể nắm giữ được chăng**? Ngã, hữu tình, cho đến tri giả, kiến giả có thể nắm giữ được chăng? Sắc cho đến thức có thể nắm giữ được chăng? Mười hai xứ cho đến mười tám giới có thể nắm giữ được chăng? Nhãn xúc cho đến ý xúc có thể nắm giữ được chăng? Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ có thể nắm giữ được chăng? Địa giới cho đến thức giới có thể nắm giữ được chăng? Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên có thể nắm giữ được chăng? Các pháp từ duyên sanh ra có thể nắm giữ được chăng? Vô minh cho đến lão tử có thể nắm giữ được chăng? Dục giới, sắc giới, vô sắc giới có thể nắm giữ được chăng? Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật có thể nắm giữ được chăng? Nội Không cho đến vô tính tự tính Không có thể nắm giữ được chăng? Chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì có thể nắm giữ được chăng? Nói rộng ra, tất cả pháp Phật có thể nắm giữ được chăng?

Các hữu tình ấy đã được tài vật, không còn thiếu thốn, nương vào lời Bồ Tát đã dạy, trước tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự được viên mãn rồi, lại quán sát kỹ thật tướng các pháp, tu hành Bát nhã Ba la mật. Khi quán sát kỹ các pháp như trước đã nói, thấu rõ thật tánh các pháp đều không thể đắc. Vì không thể đắc nên không chấp thủ. Do không chấp thủ nên không thấy chút pháp nào có sanh có diệt, có nhiễm có tịnh. Khi đối với các pháp, các hữu tình ấy không nắm giữ, nên đối với tất cả chỗ, không khởi phân biệt. Nghĩa là không phân biệt, đây là địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, hoặc A tu la, hoặc trời, hoặc người; cũng không phân biệt đây là trì giới, đây là phạm giới; cũng không phân biệt đây là Dị sanh, đây là bậc Thánh, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, là Bất hoàn, A la hán, đây là Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Phật, đây là hữu vi, đây là vô vi. Do hữu tình kia không phân biệt như vậy nên theo pháp thích hợp với mình, mà dần dần chứng được Niết bàn của tam thừa, rốt ráo an vui.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, tự mình tu Bát Nhã, cũng khuyên người khác tu Bát Nhã, không khen ngợi kẻ làm trái ngược với pháp tu Bát Nhã, hoan hỷ tán thán người tu Bát Nhã.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình chuyên cần tu Bát nhã Ba la mật, khiến cho được lợi ích an lạc rốt ráo.

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí, tự mình hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng khuyên người khác hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật rồi, lại thấy hữu tình luân hồi các cõi, thọ vô lượng khổ chưa được giải thoát. Vì muốn làm cho họ thoát khỏi khổ sanh tử, nên trước hết Bồ Tát dùng đủ loại tài vật để làm lợi ích, sau đó đem các **pháp vô lậu xuất thế**, phương tiện thiện xảo mà nhiếp hóa họ.

Các hữu tình ấy được tài vật rồi, không còn thiếu thốn, thân tâm quyết định mạnh mẽ, có thể an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng có thể an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; nói rộng ra cũng có thể an trụ tất cả pháp Phật; cũng có thể tu vô lượng vô biên các Phật pháp khác.

Các hữu tình ấy do được các pháp vô lậu nhiếp thọ, nên giải thoát sanh tử, chứng được Niết bàn, an lạc cứu cánh.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, tự mình hành đủ loại pháp vô lậu thù thắng, cũng khuyên người khác hành đủ loại

pháp vô lậu thù thắng, không tán dương kẻ làm trái ngược với pháp hành đủ loại pháp vô lậu thù thắng, hoan hỷ tán thán người hành đủ loại pháp vô lậu thù thắng.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy an trụ bố thí Ba la mật, dùng pháp vô lậu nhiếp thọ hữu tình, khiến cho họ giải thoát các khổ sanh tử, chứng được Niết bàn thường vui rốt ráo, cũng có thể vì người khác làm lợi ích lớn.

Lại nữa Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình không có nơi nương tựa, thiếu thốn đủ điều, nhiều khổ não, liền sanh tâm thương yêu, với những lời an ủi: Ta có thể vì các ngươi mà làm nơi nương tựa, khiến cho các ngươi thoát khỏi các việc thọ khổ. Với các vật cần dùng như: Thức ăn, thức uống, y phục, đồ nằm, xe cộ, nhà cửa, hương hoa, kỹ nhạc, đèn sáng, tài bảo... và các loại tài vật cần dùng khác mà các ngươi cần, các ngươi cứ tùy ý đòi, chớ có nghi ngại. Ta sẽ theo ý các ngươi mà cho tất cả, khiến các ngươi được lợi ích an lạc mãi mãi.

Khi các ngươi nhận vật ta bố thí, thì nên nghĩ đó là vật của mình, chớ có nghĩ tưởng khác. Vì sao? Vì nhiều đời nhiều kiếp, ta tích tụ được tài vật, được lợi lạc, chỉ vì nhờ các ngươi. Nay các ngươi cứ tự nhiên, đối với tài vật này, tùy ý lấy dùng. Thọ nhận rồi, trước hết các ngươi nên tự dùng cho chơn chánh, **tu tập các nghiệp thiện**; sau đó lấy tài vật này thí cho các hữu tình, cũng làm cho họ tu các nghiệp thiện. Nghĩa là khiến cho tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; cũng khiến cho an trụ nội không cho đến vô tính tự tính không; cũng khiến cho an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; nói rộng ra cũng khiến cho an trụ tất cả pháp Phật; cũng khiến cho tu vô lượng vô biên các Phật pháp khác.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy chỉ dạy cho các hữu tình như vậy rồi, tùy theo pháp mà họ thích hợp, lại khiến cho họ tu tập các pháp vô lậu, trụ quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, quả Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề hoặc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình, làm cho họ thoát khỏi cõi ác sanh tử, chứng đắc Niết bàn của tam thừa, làm lợi ích cho mình, cho người, rốt ráo an lạc.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu hành tịnh giới Ba la mật và đạo đại Bồ đề của Bồ Tát, phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình như thế nào?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát tu hành tịnh giới Ba la mật, phương tiện thiện xảo, thấy các hữu tình thiếu thốn tài vật, phiền não mạnh mẽ, chẳng thể tu các thiện pháp thì liền bảo rằng: Các ông nếu vì thiếu thốn tài vật mà chẳng thể tu thiện, thì ta sẽ thí cho các loại tài vật. Các ông chớ khởi phiền não ác nghiệp, nên tu tập các pháp thiện như bố thí v.v… Đại Bồ Tát ấy an trụ tịnh giới Ba la mật, nên nhiếp thọ các loài hữu tình như vầy: Đối với người xan tham, nên khiến cho họ **tu bố thí**, không còn luyến tiếc thân mạng, tiền của. Đối với người phá giới, khiến cho họ **tu tịnh giới**, khéo thọ trì thực hành mười thiện nghiệp đạo, trụ luật nghi giới, không khuyết, không mất, không nhơ không tạp, cũng không chấp thủ. Đối với người sân nhuế, khiến cho họ **tu an nhẫn**. Đối với người biếng nhác, khiến cho họ **tu tinh tấn**. Đối với người tâm tán loạn, khiến cho họ **tu tĩnh lự**. Đối với người ngu si, khiến cho họ **tu diệu tuệ**. Đối với người chấp pháp, khiến cho họ **tu pháp Không**. Đối với người không có các loại công đức thù thắng khác, khiến cho họ tu học đầy đủ.

Như vậy Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ tịnh giới Ba la mật, thành thục hữu tình, phương tiện thiện xảo, khiến cho họ thoát khỏi cõi ác sanh tử, chứng đắc Niết bàn của tam thừa, làm lợi ích cho mình, cho người, rốt ráo an lạc.

Thiện Hiện nên biết, Các đại Bồ Tát tu hành bốn Ba la mật khác *(phương tiện thiện xảo, nguyện, lực, trí Ba la mật)*, và đạo Bồ đề của Bồ Tát khác, mỗi mỗi đều có thể làm phương tiện thiện xảo, dùng tất cả thiện pháp thành thục hữu tình, khiến cho họ thoát khỏi cõi ác sanh tử, chứng đắc Niết bàn của tam thừa, làm lợi ích mình người, rốt ráo an lạc.

Mỗi mỗi rộng nói như pháp bố thí đã lược nói ở trên.

Thích nghĩa:

*(1). Đạo Bồ đề hay đạo xuất thế gian (*出世間道*; C: chūshìjiāndào; J: shusse-kendō)đưa đến giác ngộ. Đạo giác ngộ được hành trì để tăng trưởng đạo tâm: Đó là Kiến đạo* (見道)*, Tu đạo* (修道) *và Cứu cánh đạo* (究竟道). *(Từ điển Đạo Uyển).*

(2). Vô duyên đại bi: **Vô duyên** *là không duyên cớ, không có nguyên nhân;* ***bi*** *(悲; S, P: karuṇā): Lòng thương yêu, đau xót đối với chúng sinh; thấy chúng sanh khổ là mình khổ, thấy chúng sanh đau là mình đau, một trong bốn phạm trú quan trọng của Chư Bồ Tát và Chư Phật. Lòng thương yêu này trải rộng vô phân biệt đến tất cả các loài Hữu tình, xuất phát từ trí huệ nhận ra rằng tất cả là một, là biểu hiện cụ thể của trí huệ đạt được qua Giác ngộ (s, p: bodhi). Vì vậy, lòng bi luôn luôn cùng đi với Trí huệ (s: prajñā). Người ta cho rằng đức Quán Thế Âm Bồ Tát là hiện thân của lòng Bi và vì vậy, Ngài cũng mang danh hiệu Đại Bi (s: mahākaruṇika).* ***Vô duyên đại bi có nghĩa là lòng thương yêu vô bờ bến, vô duyên cớ, vô điều kiện của các bậc đại tâm đối với sự đau khổ của các loài hữu tình.***

Sơ giải:

1. *Phần gợi ý đã nói rõ nội dung của phẩm này, ngoài ra những giáo lý khác nhắc trong phẩm này như ngã và ngã sở, vô sở đắc, vô chấp… chúng ta cũng đã học qua trong hai Hội đầu nhiều lần rồi, nên không cần lặp lại nữa. Phẩm này có một đoạn Kinh nói lên những nghĩ tưởng của thế gian, đi ngược với Thánh đế cần nêu ra đây để cùng nhau thảo luận:*

"Cụ thọ Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát ấy, tuy đối với các pháp, chẳng đắc nhất tánh, chẳng đắc dị tánh, chẳng đắc tổng tánh, chẳng đắc biệt tánh, nhưng mặc giáp đại công đức như vậy. Do mặc giáp đại công đức như vậy, nên chẳng lưu chuyển ở cõi Dục, chẳng lưu chuyển ở cõi Sắc, chẳng lưu chuyển ở cõi Vô sắc, chẳng lưu chuyển ở cõi hữu vi, chẳng lưu chuyển ở cõi vô vi. Tuy giáo hóa hữu tình, làm cho ra khỏi ba cõi, nhưng đối với hữu tình, hoàn toàn không có sở đắc; cũng lại chẳng đắc sự an lập hữu tình. Vì sự an lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên không buộc không mở. Do không buộc không mở nên không nhiễm không tịnh; vì không nhiễm không tịnh nên chẳng khá rõ biết các thú sai khác; vì chẳng khá rõ biết các thú sai khác nên không nghiệp, không phiền não; vì không nghiệp không phiền não nên cũng không bị quả báo. Đã không bị quả báo thì làm sao biết

được có ngã và hữu tình lưu chuyển các thú, hiện ở ba cõi, đủ các loại sai khác?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông nói. Nếu các hữu tình trước có sau không thì Bồ Tát, chư Phật đều có nhầm lẫn. Nếu các cõi sanh tử trước có sau không thì Bồ Tát, chư Phật cũng có nhầm lẫn. Trước không sau có cũng như vậy. Cho nên, này Xá lợi Tử! Dù Phật có xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời thì pháp tướng thường trụ, chơn như, pháp giới, tánh chẳng hư vọng trọn không thay đổi. Vì tất cả pháp, pháp tánh, pháp giới, pháp trụ, pháp định, chơn như, thật tế, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác đều như hư không. Trong ấy, còn không có ngã v.v… có thể đắc, huống nữa là có các pháp như sắc, thọ, tưởng v.v… có thể đắc. Đã không có các pháp có thể đắc, thì lẽ nào có các cõi sanh tử. Các cõi sanh tử đã chẳng thể đắc thì lẽ nào có sự thành thục hữu tình, khiến cho họ được giải thoát! Chỉ dựa vào thế tục mà giả nói là có".

Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 81, "Cụ Túc", Tập 5, quyển 91, *giải thích đoạn Kinh này như sau:*

"Ngài Xá Lợi Phất hoan hỷ thưa: Bồ Tát dùng tâm quảng đại, tự nói lên các pháp nhân duyên chẳng có pháp nào khả đắc cả. Người buôn bán ở giữa chợ ắt phải có giao dịch*(có nghĩa là đổi chát)*. Thế nhưng, người có đại tâm chẳng phải như vậy; chẳng có chỗ y chỉ mà thường phát đại trang nghiêm. Vì thường phát đại trang nghiêm *(Kinh ĐBN gọi là mặc giáp đại công đức)*, nên Bồ Tát chẳng sanh vào 3 cõi, mà còn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi 3 cõi. Bồ Tát biết rõ chứng sanh và pháp đều bất khả đắc, nên ở nơi hết thảy pháp đều chẳng phược (chẳng trói), chẳng giải (chẳng mở). Bồ Tát biết rõ các pháp vốn là không, mà chúng sanh từ lâu bị phiền não che tâm chẳng hay biết như vậy. **Nếu biết rõ các phiền não là hư vọng, chẳng thật có, thì chẳng còn thấy trói buộc, có giải thoát nữa.**

Theo thế tục thì nói khi cấu tâm được giải thì tâm trở lại thanh tịnh, nhưng thật ra tâm vốn chẳng có cấu tịnh. **Vì tâm vốn là vô cấu, vô tịnh, nên chẳng có phân biệt tội phước nghiệp báo. Do có thường khởi nghiệp tội, và nghiệp phước mới thành các nghiệp quả báo**. Bồ Tát biết các nghiệp tội, nghiệp phước đều không, nên chẳng còn có điên đảo. Như

vậy, Bồ Tát trú trong các pháp "không" mà đại trang nghiêm. Thật là rất hy hữu, ví như trồng cây giữa hư không, mà thân, cành, lá, hoa, quả đều làm lợi ích cho chúng sanh".

Phật dạy tiếp:

"Nếu chúng sanh trước có, sau không, thì chư Phật, chư đại Bồ Tát mới có lầm lỗi. Nếu nói đưa chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn, vào nơi không, nơi vô sở hữu là đoạn diệt chúng sanh cùng hết thảy pháp, thì như vậy mới là lầm lỗi. Chúng sanh cùng hết thảy pháp từ trước đến nay vẫn là "không", dù có Phật hay dù chẳng có Phật cũng vẫn thường trú, chẳng thay đổi. **Như vậy ở nơi thật tướng pháp, thì chẳng phân biệt có các đạo chúng sanh, cũng chẳng có chúng sanh thoát ra khỏi sanh tử.** Vì sao? Vì các pháp vốn không, do nghiệp của chúng sanh mà thành có vậy.

Bồ Tát nghe chư Phật thuyết về pháp tướng mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề tự nghĩ rằng, "**Chẳng có pháp nào là có định tướng, là thật có. Dẫn đến Bồ đề cũng chẳng phải là pháp khả đắc. Chỉ vì ngu muội điên đảo mà chúng sanh hư vọng chấp có các pháp vậy thôi**" .

Bồ Tát phát đại trang nghiêm, thệ nguyện rằng, "Ta quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải chẳng được vậy. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ dùng thật pháp khai thị rõ ràng cho chúng sanh, đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo, khiến họ được lợi ích".

Kinh nói theo hai đế: Tục đế và Đệ nhất nghĩa đế. Luận cũng giải thích theo hai đế. Theo Tục đế thì có uế-tịnh, có thiện-ác, tội-phước, có sanh-tử qua lại... Chúng sanh vì vô minh điên đảo do phân biệt chấp trước mà thấy có uế có tịnh, có thiện ác, tội phước, có sanh tử qua lại… nên mới cần tháo gỡ. Vì vậy, chúng sanh suốt đời loanh quanh hết buộc rồi gỡ, tự mình làm rối mình, nên không được giải thoát.

Các Bồ Tát biết "căn trần đồng gốc, triền phược giải thoát không hai". Đối với các ngài tất cả pháp đều không, tất cả pháp đều bất khả đắc, nên được tâm vô cầu, vô chấp, vô ngại, nên không thấy có nhiễm-tịnh, có thiện-ác, tội-phước… Vì biết tất cả pháp không, bất khả đắc nên Bồ Tát cũng biết chẳng có chúng sanh thoát khỏi sanh tử, chẳng có chúng sanh được an lập trong ba thừa, chẳng có Bồ đề để chứng, chẳng có Niết bàn để vào. Vì biết như vậy, nên các Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp dạy chúng sanh tu học tất cả pháp mầu Phật đạo và sáu pháp Ba la mật để tự

mình lìa chấp điên đảo mà thoát khổ, được thong dong tự tại thoát khỏi những hệ lụy thế gian!

2. Thế nào là đạo Bồ đề của Bồ Tát ?

Chúng ta đã học qua và hiểu rõ câu hỏi này, câu trả lời là:

"… các đại Bồ Tát đã hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; đã hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không; đã hành chơn như cho đến cảnh giới bất khả tư nghì; đã hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; đã hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; đã hành 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; đã hành 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ; đã hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; đã hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; đã hành tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa; đã hành 5 loại mắt, 6 phép thần thông; đã hành Như Lai 10 lực lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; đã hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đã hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí và vô lượng vô biên Phật pháp khác…"

*Tất cả pháp đó là **pháp mầu Phật đạo, còn gọi là các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát, Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh được gọi chung là đạo Bồ đề của Bồ Tát.** Bồ Tát học hết tất cả pháp này có thể thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, chứng Nhất thiết trí trí, chuyển pháp luân vi diệu độ thoát tất cả hữu tình.*

Tất cả pháp mầu Phật đạo và nhất là 6 pháp Ba la mật chúng ta đã đọc tụng thọ trì nhiều lần ở Hội thứ I và Hội này rồi nên không cần lặp lại ở đây nữa. Phần cuối phẩm này lại một lần nữa đề cập lục Ba la mật khá chi li. Tuy nhiên, các đạo hữu có thể quay lại "Phần thứ I Tổng luận" hay phẩm "Các Tướng Công Đức", Hội thứ I hoặc phẩm "Các Đức Tướng", Hội thứ II, ĐBN tham khảo thêm nếu muốn. Ngoài ra, 6 pháp hội cuối cùng từ Hội thứ XI cho đến Hội thứ XVI, mỗi pháp hội thuyết một Ba la mật hết sức vi diệu, chúng ta sẽ có dịp tiếp tục thọ trì./.

---o0o---

79. PHẨM "ĐẠO SĨ"

Quyển 476, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Nghiêm Tịnh Cõi Phật", cuối Q.393 đến đầu Q.394, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Một trong những tiêu đề lớn của Phật đạo là phá ngã, diệt tội, thành thục chúng sanh, nghiệm tịnh cõi Phật. Nếu thực hiện được những mục tiêu này thì tất cả cõi nước sẽ biến thành cõi Tịnh độ. Đó là ước nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng nói riêng và tất cả Bồ Tát 10 phương ba đời nói chung. Đạo Khổng với chiêu bài: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ cũng đáng được xem là những chiêu bài quan trọng trong việc xây dựng cá nhân và quốc độ, đã một thời ngự trị trên dòng lịch sử cổ đại thời phong kiến của Trung Hoa và các nước láng diềng mãi cho tới thời cận đại. Bây giờ, các nhà được mệnh danh là "Kinh bang tế thế" cũng không ngớt hô hào chấn hưng đạo đức và phát triển quốc gia trên phương diện văn hóa, kinh tế, khoa học, kỹ thuật v.v... Tất cả đều phát xuất từ Bồ đề tâm, không ngừng được cổ động suốt dòng lịch sử trong việc tạo dựng thế gian này.

Phẩm trước có tựa là "Vô Khuyết", nhưng nói nhiều về thành thục hữu tình; phẩm này có tên là "Đạo Sĩ" nói về nghiêm tịnh cõi Phật. Hội thứ I có ba phẩm có tình tiết và giáo lý giống với Hội này có phẩm tựa là "Thành Thục Hữu Tình", "Nghiêm Tịnh Cõi Phật" và "Phương Tiện Tịnh Độ". Cả 2 Hội có cùng 1 thứ rượu chỉ khác bình, tụng tiếp sẽ rõ!

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện suy nghĩ: Đạo của đại Bồ Tát như thế nào mà các đại Bồ Tát an trụ vào đạo này có thể mặc những loại áo giáp công đức thù thắng và như thật làm lợi ích cho tất cả hữu tình?

Biết tâm niệm của cụ thọ Thiện Hiện, đức Thế Tôn liền bảo:

- Này Thiện Hiện! Nên biết, bố thí cho đến Bát Nhã là đạo của các đại Bồ Tát. Bốn niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo là đạo của các đại Bồ Tát. Pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không là đạo của các đại Bồ

Tát. Chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì là đạo của các đại Bồ Tát. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là đạo của các đại Bồ Tát. 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc là đạo của các đại Bồ Tát. Tám giải thoát cho đến 10 biến xứ là đạo của các đại Bồ Tát. Pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện là đạo của các đại Bồ Tát. Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa là đạo của các đại Bồ Tát. Tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa là đạo của các đại Bồ Tát. Năm loại mắt, 6 phép thần thông là đạo của các đại Bồ Tát. Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng là đạo của các đại Bồ Tát. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là đạo của các đại Bồ Tát. Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là đạo của các đại Bồ Tát. Vô lượng, vô biên Phật pháp khác là đạo của các đại Bồ Tát.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nói chung tất cả **pháp Phật đều là đạo của các đại Bồ Tát.**

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Vậy thì có pháp nào mà các đại Bồ Tát không nên học không? Nếu các đại Bồ Tát không học tất cả pháp thì có thể chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Đúng vậy! Đúng vậy! Nhất định không có một pháp nào mà đại Bồ Tát không nên học. Nếu các đại Bồ Tát không học pháp ấy thì chắc chắn không thể cầu được quả vị Vô Thượng Bồ đề. Vì sao? Vì nếu đại Bồ Tát không học tất cả pháp, thì nhất định không thể đạt được Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Nếu tự tánh của tất cả các pháp đều không thì tại sao đại Bồ Tát cần phải học? Và như vậy thì học ở chỗ nào? Nếu có thì Bạch Thế Tôn không lẽ đối với pháp không hý luận mà làm ra hý luận, cho là có các pháp đây, hoặc thế này, thế nọ: Đây là thế gian, đây là xuất thế gian, đây là hữu lậu, đây là vô lậu, đây là hữu vi, đây là vô vi; đây là pháp phàm phu, đây là pháp Dự lưu, đây là pháp Nhất lai, pháp Bất hoàn, A la hán, đây là pháp Độc giác, đây là pháp Bồ Tát, đây là pháp Như Lai?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này Thiện Hiện! Như ông đã nói, tự tánh của các pháp sở hữu đều không, **nếu tất cả các pháp tự tánh chẳng không, thì đại Bồ Tát sẽ không chứng quả vị Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề**. Do tự tánh của tất cả pháp đều không, cho nên đại Bồ Tát có thể chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Như ông đã nói, nếu tự tánh của tất cả pháp đều không. Vì sao đại Bồ Tát cần phải học, và như vậy thì học ở chỗ nào v.v…? Này Thiện Hiện! Nếu các hữu tình biết tự tánh tất cả pháp đều không, thì các đại Bồ Tát không cần học tất cả pháp để chứng đắc Nhất thiết trí trí, vì các hữu tình mà tìm phương cách để giáo hóa họ. **Bởi vì các hữu tình không biết tự tánh các pháp đều không. Các đại Bồ Tát nhất định phải học tất cả pháp, để chứng đắc Nhất thiết trí trí, vì các hữu tình mà lập những phương cách để giáo hóa.**

Này Thiện Hiện! Ông nên biết các đại Bồ Tát khi mới tu học Bồ Tát đạo, nên quán sát thật kỹ các pháp tự tánh đều không thể đắc, chỉ do chấp trước, hòa hợp mà tạo ra, nên quán sát thật kỹ tự tánh của các pháp hoàn toàn không, ở trong đó không nên chấp trước. Nghĩa là không nên chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Không nên chấp trước 12 xứ cho đến 18 giới. Không nên chấp trước nhãn xúc cho đến ý xúc. Không nên chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Không nên chấp trước địa giới cho đến thức giới. Không nên chấp trước nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Không nên chấp trước các pháp do duyên sanh. Không nên chấp trước vô minh cho đến lão tử. Không nên chấp trước bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Không nên chấp trước pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. Không nên chấp trước chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, **không nên chấp trước tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp đều không.Tánh không chẳng lẽ chấp trước tánh không. Trong tánh không không hãy bất khả đắc, huống chi có tánh không năng chấp trước không**.

Này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát quán sát tất cả pháp như vậy, đối với tánh của các pháp tuy không chấp trước, nhưng với các pháp phải học hỏi không nhàm chán. Đại Bồ Tát ấy trụ trong sự học này mà quán tâm hành sai khác của các hữu tình. Nghĩa là quán sát tâm hành của các hữu tình ở đâu? Sau khi quán sát rồi biết rõ như thật tâm của họ **chỉ do hư vọng chấp đắm**. Bấy giờ, Bồ Tát suy nghĩ: Tâm kia chỉ do hư vọng chấp đắm. Nay ta hãy làm cho họ giải thoát chắc chắn không khó. Suy nghĩ như vậy rồi, đại Bồ Tát an trụ vào Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện thiện xảo khuyên răn, dạy bảo nói với các hữu tình: Bây giờ các ngươi hãy tránh xa những kiến chấp do hư vọng để đi vào chánh pháp, tu tập các hạnh

lành. Lại nói: Bây giờ các ngươi nên thực hành bố thí để được đầy đủ tư lương không còn thiếu kém, chớ nên ỷ vào đó mà sanh lòng kiêu mạn, buông lung. Vì sao? Vì trong ấy hoàn toàn không có gì lâu bền chắc thật. Bây giờ các ngươi nên tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật sẽ được đầy đủ những loại công đức, nhưng đừng ỷ vào đó mà sanh lòng kiêu mạn, buông lung. Vì sao? Vì trong ấy hoàn toàn không có gì lâu bền, chắc thật. Bây giờ các ngươi nên hành pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. Nên hành chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, nên tu hành vô lượng các Phật pháp khác, nhưng đừng ỷ vào đó mà sanh tâm ngã mạn, buông lung. Vì sao? Vì trong ấy đều không có gì bền vững, chắc thật.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy an trụ vào Bát Nhã dùng phương tiện thiện xảo khuyên răn, dạy bảo cho các hữu tình hành Bồ Tát đạo nhưng **không chấp trước**. Vì sao? Vì không nên chấp trước vào tánh của tất cả pháp, hoặc năng chấp, hoặc sở chấp, hoặc thời chấp, hoặc xứ chấp hoàn toàn không có tự tánh, **vì tự tánh của tất cả pháp là không**.

Này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát tu hành đạo của Bồ Tát như vậy, thì đối với tất cả pháp đều **không có chỗ trụ. Lấy vô sở trụ làm phương tiện. Tuy hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật nhưng trong đó cũng không có chỗ trụ**. Tuy hành pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không, nhưng trong đó không có chỗ trụ. Tuy hành chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Nói rộng ra tuy hành vô lượng các Phật pháp khác nhưng trong đó đều không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tự tánh của hành giả và hành tướng tất cả đều không, ở trong đó hoàn toàn vô sở trụ.

Thiện Hiện! Phải biết các đại Bồ Tát tuy có khả năng đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, mà với trong ấy chẳng muốn chứng trụ. Vì sao? Có hai duyên cớ: Một là quả kia đều vô tự tánh, năng trụ sở trụ đều bất khả đắc. Hai là đối với quả kia chẳng sanh hoan hỷ. Vậy nên, đối trong chẳng muốn chứng trụ. Nghĩa là các Bồ Tát thường khởi nghĩ này: Đối với quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, ta chẳng nên thủ đắc, cũng chẳng nên chứng trụ. Vì sao? Vì ta từ sơ phát tâm muốn hướng đến Vô Thượng Bồ đề đến nay, đối tất cả thời không có tưởng nào khác, **chỉ một mực cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.** Ta sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không lẽ ở thời gian giữa lại đi trụ các quả khác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy từ lúc chứng đắc sơ địa lần lượt chứng đắc địa thứ mười chưa từng có tư tưởng nào khác, chỉ mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy một lòng cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với tất cả thời tâm không tán loạn. Hoạt động, tạo tác của thân, khẩu, ý hoàn toàn tương ưng với Bồ đề tâm.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy trụ vào tâm Bồ đề để hành Bồ đề đạo, không bị những việc khác khuấy nhiễu tâm mình.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rốt ráo chẳng sanh, đại Bồ Tát làm sao khởi đạo Bồ đề?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng như ngươi nói! Tất cả pháp đều chẳng sanh, nhưng làm sao các kẻ không sở tác không sở thú biết tất cả pháp đều chẳng sanh?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Dù chư Phật xuất hiện hoặc chẳng xuất hiện ở đời thì pháp tánh, pháp giới các pháp vẫn thường trụ chăng?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Nhưng các hữu tình không thể hiểu rõ **pháp giới của các pháp là pháp thường trụ** như vậy, nên luân hồi trong sanh tử, chịu các khổ não. Các đại Bồ Tát vì làm lợi ích cho họ, mà hành Bồ đề đạo. Nhờ Bồ đề đạo mà làm cho các hữu tình hoàn toàn giải thoát các khổ sanh tử và chứng đắc Niết bàn thường lạc thanh tịnh.

(Đại Bồ Tát làm sao chứng Vô Thượng Giác Ngộ?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát nhờ dùng sanh đạo mà chứng Bồ đề phải không?

Phật bảo:

- Không!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nhờ dùng bất sanh đạo nên đắc Bồ đề phải không?

Phật bảo:

- Không!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nhờ dùng sanh đạo hay bất sanh đạo mà đắc Bồ đề chăng?

Phật bảo:

- Không! Thiện Hiện!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nhờ dùng đạo chẳng sanh, chẳng phải chẳng sanh mà đắc Bồ đề chăng?

Phật bảo:

- Không! Thiện Hiện!

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì do đâu mà đắc Bồ đề?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bồ đề không do đạo, chẳng phải chẳng do đạo mà đạt được. Vì sao? Vì Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề. Cho nên không do đạo, phi đạo mà được.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề phải chăng đại Bồ Tát đã đắc Bồ đề đạo thì cũng phải chứng Bồ đề? Nếu vậy thì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do duyên gì mà vì chư Bồ Tát nói 10 lực của Như Lai, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Phật và vô lượng, vô biên các Phật pháp khác để khiến cho họ tu chứng?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện: Ý ông nghĩ sao? Chẳng lẽ ông cho là Phật thật có đắc Bồ đề sao?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật. Nên không nên nói Phật thật có đắc Bồ đề.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Nhưng theo điều ông hỏi phải chăng đại Bồ Tát đã đắc đạo Bồ đề thì là chứng Bồ đề. Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu Bồ đề đạo chưa viên mãn thì làm sao nói đã chứng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Nên biết, các đại Bồ Tát nếu đã viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nếu đã viên mãn pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không. Nếu đã viên mãn chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, nếu đã viên mãn vô lượng, vô biên các Phật pháp khác. Từ đây không xen hở dùng Kim cương dụ định tương ưng với diệu tuệ chỉ trong sát na, đoạn trừ vĩnh viễn hai chướng *(phiền não và sở tri chướng)* tập khí tương tục thô trọng mà chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề. Tới đây mới gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Với tất cả pháp đều được đại tự tại cho đến tận đời vị lai luôn làm lợi ích cho hữu tình.

(Để giải thích chỗ này, ***Luận Đại Trí Luận, phẩm thứ 82, "Tịnh Phật Quốc Độ", Tập 5, quyển 92*** *luận rằng:*

"**Hỏi:** *Trước đây nói Bồ đề cùng đạo là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nay vì sao kinh lại nói "Đạo tức là Bồ để, Bồ đề tức là đạo", rồi lại nói Phật tức là Bồ đề, Bồ để tức là Phật?"*

Đáp: Dù nói "một", dù nói "khác" cũng đều chẳng phải thật. Phần nhiều thường dùng "một", nên nói "Đạo tức Bồ đề, nói Bồ đề tức đạo", nói Phật tức Bồ đề, nói Bồ đề tức Phật" đều chẳng có lỗi lầm.

Ví như "thường" và "vô thường" là hai bên đối đãi nhau. "Thường" phần nhiều hay dẫn sanh phiền não, nên ít được dùng. "Vô thường" hay phá được phiền não, nên được dùng nhiều hơn. **Thế nhưng chấp thường và chấp vô thường đều là lầm lỗi. Khi đã dùng "vô thường" để phá chấp "thường", thì phải xả luôn cả "vô thường".**

Trên đây cũng như vậy. Nếu quán các pháp khác nhau, thì phần nhiều sanh tâm chấp; trái lại, nếu quán các pháp là nhất tướng, như quán các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì ít khởi phiền não, nên ít sanh tâm chấp vậy.

Bởi vậy nên phần nhiều dùng "một". Thế nhưng khi đã vào được nơi thật tướng nghĩa, thì "một" cũng chẳng còn dùng nữa, vì nếu còn chấp "một", thì cũng là lầm lỗi vậy. Nói "một", nói "hai", nói "khác" v.v... đều là nói lên những tướng đối đãi. Phải chẳng (khởi) chấp tâm, chẳng thủ tướng mới là chẳng lầm lỗi. **Nói "nhất tướng" cũng chẳng thật, nên Bồ Tát phải chẳng đắc hết thảy pháp tướng mới là Phật vậy**.

Nơi đây, Phật nói lên nhân duyên Bồ đề tuy là tướng tịch diệt, nhưng Bồ Tát phải đầy đủ các công đức, phải trú trong kim cang tam muội, ở

trong nhất niệm tương ưng huệ mới được Vô Thượng Bồ Đề. Đến khi được tự tại vô ngại nơi hết thảy pháp, thì sẽ được gọi là Phật. Bồ Tát tuy biết đạo và Bồ đề chẳng khác, nhưng vì chưa đầy đủ công đức, nên chưa được gọi là Phật.

Phật rốt ráo được đầy đủ các công đức các hạnh nguyện nên chẳng gọi là Bồ Tát, mà được gọi là Phật. Ở trong đạo Bồ đề mà còn cầu Bồ đề, thì vẫn còn gọi là Bồ Tát").

(Nói về nghiêm tịnh cõi Phật)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Chư đại Bồ Tát từ mới phát tâm cho đến đời vị lai, luôn làm <u>thanh tịnh ba nhgiệp thô trọng thuộc về thân, khẩu, ý của mình và làm thanh tịnh ba nghiệp thô trọng ấy cho người thì có thể trang nghiêm cõi Phật.</u>**

(Dạy cho chúng sanh học tất cả 6 Ba la mật và tất cả pháp mầu Phật đạo thì nói là thành thục chúng sanh. Dạy cho chúng sanh thanh tịnh tam nghiệp thô trọng thân, khẩu, ý thì gọi là trang nghiêm cõi Phật).

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là ba nghiệp thô trọng thuộc thân, khẩu, ý của đại Bồ Tát?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu sát hại sanh mạng*(sát=giết hại),* không cho mà lấy*(đạo = trộm cướp)* và dục tà hạnh*(dâm=dâm dục trái phép)* đó là thô trọng thuộc về **thân***(sát, đạo, dâm)*. Nếu nói lời hư dối, lời ly gián, lời hung ác, lời tạp uế đó là sự thô trọng thuộc về **khẩu**. Nếu tham muốn, sân hận, tà kiến đó là sự thô trọng thuộc về **ý**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn của đại Bồ Tát mà không thanh tịnh thì cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát có tâm xan tham, tâm phạm giới, tâm tức giận, tâm biếng nhác, tâm tán loạn, tâm ác tuệ, cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát có tâm xa lìa bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng gọi là thô trọng. Nếu đại Bồ Tát có tâm xa lìa pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không cũng gọi là thô trọng. Nếu đại Bồ Tát có tâm xa lìa chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, cũng gọi là thô trọng. **Nói rộng ra, cho đến nếu đại Bồ Tát có tâm xa lìa tất cả pháp Phật cũng gọi là thô trọng.**

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát tham trước quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề cũng gọi là thô trọng.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **có tưởng** về sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về 12 xứ cho đến 18 giới cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về nhãn xúc cho đến ý xúc cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về địa giới cho đến thức giới cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về các pháp do duyên sanh ra cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về vô minh cho đến lão tử cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì cũng gọi là thô trọng. Nói rộng ra, cho đến có tưởng về tất cả pháp Phật cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về địa ngục, tưởng về bàng sanh, tưởng về ngạ quỷ, tưởng về người, tưởng về trời, tưởng về nam, tưởng về nữ cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về cõi Dục, tưởng về cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về pháp thiện, tưởng về pháp phi thiện cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về pháp hữu ký, tưởng về pháp vô ký cũng gọi là thô trọng. Có tưởng về pháp hữu lậu, tưởng về pháp vô lậu, có tưởng về pháp thế gian, tưởng về pháp xuất thế gian, có tưởng về pháp hữu vi, có tưởng về pháp vô vi cũng gọi là thô trọng.

Này Thiện Hiện! **Tất cả vô lượng, vô biên sự chấp trước các pháp như vậy cho đến các phân biệt do hư vọng của hữu tình tạo ra, cùng với thân, khẩu, ý nghiệp phát khởi và các chủng loại mà không kham nhận nổi đều gọi thô trọng. Các đại Bồ Tát đều nên xa lìa**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nên xa lìa tất cả thô trọng như đã nói trên**. Tự mình hành bố thí Ba la mật và dạy bảo người khác hành bố thí Ba la mật. Nếu các hữu tình cần thức ăn thì bố thí thức ăn, cần thức uống thì bố thí thức uống, cần xe cộ thì bố thí xe cộ, cần y phục thì bố thí y phục, theo những gì họ cần thì giúp đỡ đầy đủ. Tùy thời, tùy nơi mà bố thí tất cả. Mình tu hành những gì thì dạy bảo người khác tu hành như vậy. Bố thí như vậy rồi đem những căn lành ấy ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở, để mau viên mãn làm lợi lạc cho hữu tình. Đại Bồ Tát ấy tự mình hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và dạy bảo người khác cũng hành tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Làm những việc ấy rồi, đem căn lành ban cho tất cả hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mình đang ở, để mau viên mãn làm lợi lạc hữu tình.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát dùng nguyện lực thần thông tóm thâu bảy báu thượng diệu trong tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Cúng dường rồi đại Bồ Tát hoan hỷ phát lời thệ nguyện rộng lớn như vầy: Con đem tất cả những căn lành đã trồng được đây ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng nhau hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Con sẽ làm cho cõi của con trang nghiêm bằng bảy báu và tất cả hữu tình tùy ý hưởng thụ các trân bảo tốt đẹp nhưng không có nhiễm trước.

Đại Bồ Tát dùng nguyện lực thần thông làm cho Tam thiên đại thiên thế giới đầy đủ các thứ hương hoa, kỹ nhạc, lương thực, y phục vi diệu cúng dường Tam Bảo và tháp Phật. Cúng dường xong hoan hỷ, phát thệ rộng lớn: **Con nay nguyện đem thiện căn đã gieo trồng như thế ban cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng sở cầu là nghiêm tịnh cõi Phật, sẽ làm cho quốc độ của con thường có các loại hương hoa, âm nhạc thượng diệu, thức ăn trăm món, y phục đủ loại như thế, hữu tình tùy ý thọ dụng thân tâm thoải mái mà không nhiễm trước**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát dùng nguyện thần thông làm năm cảnh diệu dục phát sanh tùy ý trong cõi người, cõi trời, để cúng dường chư Phật và tháp Phật, Độc giác, Thanh văn và chúng đại Bồ Tát, bố thí cho các hữu tình khác. Cúng dường xong đại Bồ Tát hoan hỷ phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: Con đem những căn lành này ban cho các

hữu tình một cách bình đẳng và cùng nhau **hồi hướng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật** mình đang ở. Khi chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khiến cho các loại hữu tình trong quốc độ của con, tùy tâm ưa thích cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tốt đẹp thì ứng với ý nghĩ đó mà hiện ra, vui sướng hưởng thọ nhưng không nhiễm trước.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dõng mãnh siêng năng, phát thệ nguyện rộng lớn như vầy: Tự mình trụ trong pháp **nội không cho đến pháp vô tính tự tính** không, và dạy người khác trụ trong pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. Làm những việc như vậy rồi, đại Bồ Tát phát nguyện: Khi chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nguyện cho tất cả loài hữu tình trong quốc độ của con không lìa pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dõng mãnh siêng năng, phát thệ nguyện như vầy: Tự mình **trụ trong chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì**, và dạy bảo người trụ trong chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Làm như vậy rồi, Bồ Tát phát nguyện: Khi chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề, nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của con **không xa lìa chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì.**

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, dõng mãnh tinh tấn và phát thệ nguyện rộng lớn: **Tự mình trụ trong tất cả pháp Phật và dạy bảo người khác cũng trụ trong tất cả pháp Phật**. Làm những việc như vậy xong đại Bồ Tát lại phát thệ nguyện như vầy: Khi chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, con nguyện cho các loài hữu tình trong quốc độ của con **không lìa bỏ tất cả pháp Phật v.v…**

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, **do các hạnh nguyện trên nên đại Bồ Tát có thể nghiêm tịnh cõi Phật.**

Thiện Hiện nên biết: Chúng đại Bồ Tát ấy tùy theo nơi chốn và thời gian mà hành Bồ đề đạo nên được viên mãn hạnh nguyện đã phát thệ. Tức là bất cứ nơi nào, lúc nào cũng tinh tấn tu học. Do nhân duyên này mà tự mình có thể thành tựu tất cả pháp lành, cũng có thể khiến cho người khác tuần tự thành tựu tất cả pháp lành. Tự mình có thể tu đắc tướng tốt đẹp, thù thắng để trang nghiêm thân, cũng có thể khiến người khác lần lượt tu được tướng tốt đẹp thù thắng để trang nghiêm, đó là do phước đức rộng lớn bảo hộ.

Thiện Hiện, nên biết: Chúng đại Bồ Tát ấy hạnh nguyện tu tập đã được viên mãn, và đều được ở chỗ Phật trang nghiêm thanh tịnh. Khi chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề, loài hữu tình được giáo hoá cũng sanh vào cõi đó cùng nhau thọ hưởng pháp lạc Đại thừa của tịnh độ.

Thiện Hiện nên biết: Các đại Bồ Tát nên tu hành trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như vậy, bởi vì trong cõi đó không nghe có ba đường ác, cũng không nghe có các cảnh giới thuộc ác kiến; không nghe có ba độc tham, sân, si; không nghe có hình tướng nam nữ; không nghe có Thanh văn, Độc giác; không nghe có khổ, vô thường, những việc không vừa ý; không nghe có cất chứa của cải; không nghe có chấp ngã, ngã sở, tùy miên, kiết sử, điên đảo, chấp trước; không nghe có an lập quả vị sai khác của hữu tình. Chỉ nghe nói về không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh, vô diệt, vô tánh; nghĩa là tùy theo những điều ưa thích riêng biệt của hữu tình. Tất cả những vật trong ngoài ở trong rừng thường có gió nhẹ làm va chạm vào nhau phát ra những loại âm thanh vi diệu. Trong âm thanh đó nói tất cả pháp đều không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên nó là không. Vì không nên vô tướng. Vì vô tướng nên vô nguyện. Vì vô nguyện nên vô sanh. Vì vô sanh nên vô diệt. Cho nên các pháp xưa nay tịch tịnh, tự tánh Niết bàn. Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời pháp giới của các pháp vẫn là pháp thường trụ như vậy, nghĩa là tất cả pháp đều vô tánh v.v... Trong cõi Phật đó các loại hữu tình hoặc đêm, hoặc ngày, hoặc đi đứng, nằm, ngồi thường nghe những âm thanh diệu pháp như vậy.

Thiện Hiện nên biết: Chúng đại Bồ Tát đó đều trụ ở cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh khi chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong 10 phương đều khen ngợi danh hiệu của các vị Phật ấy. Nếu hữu tình nào nghe danh hiệu của chư Phật như thế thì nhất định đối quả vị Vô Thượng Bồ đề được đắc Bất thối chuyển.

Thiện Hiện nên biết: Chúng đại Bồ Tát đều trụ ở cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, khi chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tuyên nói Chánh pháp cho các hữu tình. Hữu tình nào nghe rồi nhất định không còn nghi ngờ: Đó là pháp hay phi pháp. Vì sao? Vì các hữu tình đó thấu đạt tất cả pháp đều là chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v... tất cả là chánh pháp chẳng phải phi pháp.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy đều có thể trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như vậy.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Chúng đại Bồ Tát có vị do hóa sanh mà thiện căn chưa đầy đủ, chưa trồng các căn lành với chư Phật, Bồ Tát, Độc giác và Thanh văn, vì **bị các bạn ác khống chế**. Vì xa lìa bạn lành nên không nghe được chánh pháp, thường bị chấp trước vào những loại ngã kiến, hữu tình kiến và các cảnh giới kiến chấp, rơi vào đoạn kiến và thường kiến. Các hữu tình đó tự phát sanh tà chấp, và thường dạy bảo người khác phát sanh tà kiến. Chẳng phải Tam bảo mà tưởng Tam bảo, ở trong Tam bảo mà cho là chẳng phải Tam bảo, chê bai chánh pháp, khen ngợi tà pháp. Do nhân duyên ấy, sau khi qua đời đọa vào các đường ác, chịu khổ sở. Các đại Bồ Tát mỗi vị ở cõi của mình, khi chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề rồi, thấy các hữu tình kia chìm đắm trong sanh tử bị vô lượng khổ, dùng lực thần thông và phương tiện để giáo hóa khiến cho họ xả bỏ ác kiến mà sống trong chánh kiến. Ra khỏi đường ác được sanh vào cõi người. Sanh vào cõi người rồi, lại dùng phương tiện thần thông giáo hóa khiến họ trụ trong chánh định tụ, nhờ vậy mà hoàn toàn không bị đọa vào đường ác. Lại khuyên họ tu tập hạnh nguyện để sau khi qua đời được sanh về cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, thọ hưởng pháp lạc Đại thừa của tịnh độ.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đều có thể ở cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Nhờ được ở cõi trang nghiêm thanh tịnh mà các hữu tình ấy đối với các pháp không có nghi ngờ. Nói đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi. Tất cả phân biệt nghi ngờ hoàn toàn không sanh. Do nhân duyên này mà các loài hữu tình ấy nhất định chứng đắc Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Như vậy là Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh.

Sơ giải:

1. *Phần trên của phẩm này tiếp tục nói về Đạo Bồ đề của Bồ Tát với câu hỏi: Cái gì tạo thành tinh thể của Bồ Tát mà gọi là Bồ Tát đạo?*

Phẩm trước nói rằng hành trang của Bồ Tát trên con đường hành đạo là 6 pháp Ba la mật, 37 phẩm trợ đạo, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực… dẫn đến 18 bất cộng pháp, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí hay nói rộng ra tất cả vô biên Phật pháp là Bồ Tát đạo. Chẳng có pháp nào mà Bồ Tát chẳng học, nếu chẳng học thì không thể chứng

Nhất thiết chủng trí, không thể trở thành Vô Thượng Bồ đề. Học như vậy để làm gì? Để hóa độ chúng sanh. Nên, ý nghĩa phẩm tựa của Hội thứ I có tên là "Thành thục Hữu Tình".

Giáo lý của phẩm này là Bồ Tát học 18 pháp không, thập nhị chơn như và tất cả pháp Phật để dạy chúng sanh trang nghiêm Phật độ bằng cách ***diệt trừ 3 nghiệp thô trọng của thân khẩu ý****. Một khi chúng sanh xa lìa được 3 nghiệp này rồi thì quốc độ sẽ được trang nghiêm như cõi Tịnh Độ. Nên tương đương với phẩm này Hội thứ I có tên là "Nghiêm Tịnh Cõi Phật". Phẩm tựa của Hội thứ I, dễ hiểu vì có thể nói lên ý nghĩa toàn bộ của 2 phẩm: Thành thục chúng sanh và nghiêm tịnh Phật độ. Tên phẩm: Vô khuyết và Đạo sĩ, khó hiểu nên khó nhớ!*

2. *Thành thục chúng sanh là nhân, nghiêm tịnh Phật độ là quả. Khi nhân tròn thì quả mãn: Chúng sanh thành thục thì quốc độ được thành thục. Chúng sanh thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh. Hai pháp này chỉ là một tiến trình.*

Vì vậy, muốn quốc độ thanh tịnh thì trước hết phải thành thục toàn thể quốc dân. Một công dân được giáo hóa thuần thục, thì gia đình thành thục, gia đình thành thục thì làng xã, quận thành thục. Làng xả quận thành thục, thì tỉnh được thành thục. Toàn thể tỉnh thành thục thì xứ sở quốc độ thành thục. Thành thục trong ý niệm là tất cả công dân đều biết chia sẻ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, vui cùng hưởng, khổ cùng chịu trong tinh thần tương thân tương ái và thượng tôn luật pháp.

Thực thi như vậy thì nhà nhà được an lạc thanh bình. Nhà nhà được thanh bình thì làng xả quận được an lạc thanh bình. Tất cả quận thanh bình thì tất cả tỉnh cho đến quốc độ đều an lạc thanh bình.

Vậy, ***muốn quốc độ thanh tịnh thì phải thanh tịnh cá nhân trước đã****. Đó là điều kiện tiên quyết. Nên Kinh bảo muốn được như thế thì Bồ Tát phải tự thanh tịnh ba nghiệp thô trọng của mình và cũng thanh tịnh ba nghiệp thô trọng cho người. Thanh tịnh ba nghiệp thô trọng của mình không ngoài giữ gìn THÂN, KHẨU, Ý. Tất cả tốt hay xấu, thiện hay ác, tội phước đều bắt nguồn từ ba nhân tố này.*

THÂN: Có ba lỗi là ***sát, đạo, dâm****; KHẨU: Có bốn là* ***vọng ngữ, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu;*** *Ý: Có ba là* ***tham, sân, si.***

Nếu ba yếu tố này rơi vào tay những kẽ ác tâm, vô đạo đức sẽ gây bất ổn đối nhân quần xã hội. Bất cứ cộng đồng xã hội nào cũng có những phần tử xa đọa, tham ô, khác ái. Nếu muốn xã hội tốt đẹp, thanh tịnh, thì trước hết phải giáo dục công dân bằng cách bỏ ác tùng thiện.

Ngoài ra, Kinh MHBNBLMĐ còn kể thêm các thô nghiệp mà Bồ Tát cần phải tránh như "... Xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đãi, tán loạn, ngu si v.v… đều là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ Tát. Giới bất tịnh cũng là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ Tát.

Lại nữa, xa lìa 4 niệm xứ là thô nghiệp của Bồ Tát. Xa lìa 4 chánh cần... dẫn đến xa lìa 8 thánh đạo cũng là thô nghiệp của Bồ Tát.

Lai nữa, tham chấp quả A la hán, tham chấp Bích Chi Phật đạo... dẫn đến tham chấp Phật đạo cũng là thô nghiệp của Bồ Tát".

Nói chung có các tội lỗi thô trọng của thế tục cũng như của Thánh đế. Nhưng Thánh là những bậc có tu học không dễ gì phạm tội, cái đáng quan tâm chính là sự lãnh đạo của các ngài trong việc hướng dẫn quần chúng để tạo dựng một quốc độ thanh tịnh.

Còn đa số chúng sanh là sống trong dục vọng tham ái nên dễ gây tội. Nếu dạy cho chúng sanh xả bỏ được các bệnh này thì thế gian trở thành Thiên đàng. Vì vậy, Bồ Tát tạo điều kiện dùng tứ nhiếp pháp đưa chúng sanh vào đạo, dạy chúng sanh học Phật pháp, sống với tứ vô lượng tâm… mới hy vọng thiên hạ thái bình, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ.

Để thực hiện các mục tiêu đó, ngay từ đầu Phật đạo đã chia làm ba tạng là Kinh, Luật và Luận mà trong đó Luật là những giới cấm do Phật chế định không ngoài mục đích giúp Phật tử Tăng cũng như Tục giữ giới để thân tâm trở nên thánh thiện mà được giải thoát.

***Luật** như "cây gậy" dùng để răn đe hay trừng phạt những kẽ gây tội, nhưng "có đánh thì phải có xoa". **Kinh** với lục Ba la mật và tứ vô lượng tâm như "bàn tay của từ mẫu", có thể xoa diệu tất cả nỗi thương đau của nhân loại. Biết như vậy, tự học giới luật và tất cả pháp mầu Phật đạo và cũng dạy cho người, thì trần gian biến thành Thiên đàng của hạ giới.*

Chắc ai cũng nhớ trước khi Phật nhập Niết bàn, Ngài A Nan thỉnh Phật bốn điều. Điều thứ nhất: "Sau khi Phật nhập diệt, phải dựa vào ai làm thầy? Phật đáp: Dựa vào giới làm thầy!" Giới quan trọng như vậy, nên Kinh bảo "giới thanh tịnh thì hạnh cũng thanh tịnh". Hạnh thanh tịnh thì thất cũng sanh về cõi Phật thanh tịnh!

Tóm lại, muốn tịnh hạnh Bồ đề, thanh tịnh Phật độ thì phải giữ giới và học tất cả pháp mầu Phật đạo, ngoài ra không có giải pháp nào khác!

3. *Phần cuối của phẩm này nói đến ước nguyện của các Bồ Tát giống như ước nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng trước khi thành Phật A Di Đà, muốn cõi nước mình trở thành một mô hình hoàn hảo gương mẫu nhất mà tất cả các quốc độ trong thế giới 10 phương hằng ngưỡng mộ mà:* "…Trong cõi đó không nghe có ba đường ác, cũng không nghe có các cảnh giới thuộc ác kiến; không nghe có ba độc tham, sân, si; không nghe có hình tướng nam nữ; không nghe có Thanh văn, Độc giác; không nghe có khổ, vô thường, những việc không vừa ý; không nghe có cất chứa của cải; không nghe có chấp ngã, ngã sở, tùy miên, kiết sử, điên đảo, chấp trước; không nghe có an lập quả vị sai khác của hữu tình. Chỉ nghe nói về không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh, vô diệt, vô tánh; nghĩa là tùy theo những điều ưa thích riêng biệt của hữu tình. Tất cả những vật trong ngoài ở trong rừng thường có gió nhẹ làm va chạm vào nhau phát ra những loại âm thanh vi diệu. **Trong âm thanh đó nói tất cả pháp đều không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên nó là không. Vì không nên vô tướng. Vì vô tướng nên vô nguyện. Vì vô nguyện nên vô sanh. Vì vô sanh nên vô diệt. Cho nên các pháp xưa nay tịch tịnh, tự tánh Niết bàn. Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời pháp giới của các pháp vẫn là pháp thường trụ như vậy, nghĩa là tất cả pháp đều vô tánh v.v... Trong cõi Phật đó các loại hữu tình hoặc đêm, hoặc ngày, hoặc đi đứng, nằm, ngồi thường nghe những âm thanh diệu pháp như vậy**".

Không những đây là ước nguyện của tất cả Bồ Tát mà cũng là ước nguyện chung của toàn thể chúng sanh trong vũ trụ này./.

---o0o---

80. PHẨM "CHÁNH ĐỊNH"

Đầu quyển 477, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tịnh Độ Phương Tiện", cuối Q.394 đến đầu Q.395, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Bồ Tát trụ vào chánh định không bao giờ bị đọa vào đường ác)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát ấy do trụ vào chánh định hay trụ vào bất định*(1)*?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy đều trụ vào chánh định, chứ chẳng phải bất định.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát ấy trụ những chánh định nào? Thanh văn thừa, Độc giác thừa, hay Bồ Tát thừa?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy đều **trụ vào chánh định của Bồ Tát,** chẳng phải trụ vào chánh định của hai thừa kia.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát ấy khi nào trụ vào chánh định? Lúc mới phát tâm, lúc ở địa vị Bất thối hay ở thân cuối?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy khi mới phát tâm hoặc ở địa vị bất thối, hay thân cuối cùng, đều trụ vào chánh tánh định tụ của Bồ Tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát trụ vào chánh định có đọa vào đường ác không?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát trụ vào chánh định nhất định không đọa cảnh giới ác.

Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác có đọa vào cảnh giới ác không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cũng vậy, từ lúc mới phát tâm tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật và vô lượng, vô biên Phật pháp khác đều đoạn trừ các pháp ác. Do đó, mà không có chuyện bị đọa vào các đường ác, sanh vào trời trường thọ cũng không có việc đó. Nghĩa là ở nơi đó, không thể tu tập các pháp lành thù thắng được. Nếu các đại Bồ Tát ấy sanh nơi biên địa xa xôi, chỗ mọi rợ… thì không có việc đó. Vì ở chỗ đó không thể tu hành các thiện pháp thù thắng, vì chỗ đó sanh nhiều ác kiến, không tin nhân quả, thường hành những nghiệp xấu ác. Ở đó cũng chẳng nghe tên Phật, Pháp, Tăng, cũng không có bốn chúng là Tỳ kheo nam, Tỳ kheo nữ, cư sĩ nam và cư sĩ nữ. Nếu đại Bồ Tát sanh vào nhà tà kiến, thì cũng không có việc đó. Vì sanh vào nhà đó thì thường chấp trước, đầy ác kiến hay bài bác, không nói các hạnh lành, không tu tập các điều thiện lại ưa thích làm điều ác.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, do thọ lạc thắng ý mà tạo ra mười nghiệp đạo bất thiện thì không có việc đó.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát từ sơ phát tâm trọn nên công đức căn lành như thế, đối các chỗ ác chẳng thọ sanh nữa, cớ sao Thế Tôn mỗi khi vì chúng nói việc “tự bổn sanh” nhiều trăm ngàn thứ, trong ấy cũng có kẻ thọ sanh các ác thú, vậy căn lành lúc đó ở đâu?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Chẳng phải đại Bồ Tát do nghiệp bất tịnh mà thọ thân ác thú. Chỉ vì lợi vui các loại hữu tình, do cớ đó nên vì nguyện mà thọ thân kia. Vì vậy, không nên đem những việc như thế để hỏi.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Có các Độc giác, hoặc A la hán, dùng phương tiện thiện xảo, giống như các Bồ Tát mà thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, thọ thân bàng sanh như voi trắng v.v... thấy kẻ thù đến muốn làm tổn hại, nhưng phát sanh lòng từ bi an nhẫn vô thượng để làm

cho kẻ kia được lợi ích, tự mình chịu bỏ thân mạng, chứ không hại người kia có phải như vậy không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các vị Độc giác v.v... không làm những việc như vậy.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này nên biết Bồ Tát vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình và mau viên mãn lòng đại bi, mặc dù hiện thân làm các loài bàng sanh nhưng không bị tội lỗi của bàng sanh làm ô nhiễm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát trụ vào căn lành nào để làm lợi ích các hữu tình mà phải thọ thân bàng sanh?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát không có căn lành nào mà không viên mãn**! Các Bồ Tát từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi tòa Bồ đề, căn lành nào cũng viên mãn. **Cần phải làm viên mãn đầy đủ tất cả pháp lành mới được chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.** Nếu chưa viên mãn bất cứ một pháp lành nào mà đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì không có việc đó. Cho nên Bồ Tát từ mới phát tâm cho đến lúc ngồi tòa Bồ đề, ở khoảng giữa đó thường học viên mãn tất cả pháp lành. Học xong sẽ đạt được Nhất thiết tướng trí, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí tương tục mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Vì sao đại Bồ Tát thành tựu bạch pháp và chơn Thánh trí mà còn thọ thân bàng sanh ở các cõi ác?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông thế nào? Như Lai có thành tựu tất cả bạch pháp và chơn Thánh trí không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai có thành tựu tất cả bạch pháp và chơn Thánh trí.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông thế nào? Như Lai có hóa làm thân bàng sanh để làm Phật sự lợi ích cho chúng sanh hay không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai có hóa làm bàng sanh để làm Phật sự lợi ích cho hữu tình.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông thế nào? Khi Như Lai hóa làm thân bàng sanh là có thật là bàng sanh bị các khổ không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Khi Như Lai hóa làm thân bàng sanh chẳng phải thật là bàng sanh bị các khổ.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cũng vậy, mặc dù thành tựu bạch pháp và chơn Thánh trí nhưng đó là vì thành thục hữu tình nên mới dùng phương tiện thiện xảo thọ thân bàng sanh, tùy theo căn cơ mà thành thục các loại hữu tình.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Ý ông thế nào? Có A la hán nào đoạn tận các lậu mà có thể hóa thân làm các sự nghiệp rồi nhờ sự nghiệp ấy mà có thể làm người khác sanh tâm hoan hỷ không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy! Bạch Thiện Thệ! Như vậy! Có A la hán hết hẳn các lậu, năng hóa làm thân khởi các sự nghiệp, do sự nghiệp kia khiến người khác sanh hoan hỷ.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cũng vậy, tuy thành tựu bạch pháp và chơn Thánh trí, nhưng vì lợi ích cho các loài hữu tình mà dùng phương tiện thiện xảo thọ thân trong đường ác, ứng hiện như vậy để giáo hóa các loại hữu tình. Tuy thọ thân như vậy, nhưng không bị các khổ não. Cũng không bị tội lỗi của cõi đó làm ô nhiễm.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Ý ông thế nào? Có nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, hóa làm những việc như voi, ngựa v.v... làm cho mọi người thấy thích thú. Nhưng đó có phải voi, ngựa v.v... thật sự không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đó không phải voi, ngựa v.v... thật.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cũng vậy, mặc dù thành tựu bạch pháp và chơn Thánh trí nhưng vì làm lợi ích cho các loài hữu tình mà thị

hiện thọ các loại thân bàng sanh. Tuy thọ thân như vậy nhưng thật chẳng phải là bàng sanh, cũng không bị tội lỗi của loài ấy làm ô nhiễm.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo rộng lớn như vậy, tuy thành tựu bạch pháp và chơn Thánh trí, nhưng vì hữu tình mà thọ các loại thân, tùy theo từng loài mà ứng hiện làm lợi ích. Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát trụ vào những pháp nào để có thể làm những phương tiện thiện xảo như thế? Tuy thọ đủ loại thân hình trong các loài nhưng không bị tội lỗi của loài đó làm ô nhiễm?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát trụ vào Bát Nhã có thể làm phương tiện thiện xảo như vậy**. Nhờ năng lực phương tiện thiện xảo này mà mặc dầu đến hằng hà sa số thế giới chư Phật trong 10 phương để hiện các loại thân làm lợi ích an lạc cho các loại hữu tình đó, nhưng ở trong đó không có chấp trước. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát ấy đối với tất cả pháp hoàn toàn không có sở đắc, nghĩa là hoàn toàn không có người nhiễm, bị nhiễm và pháp nhiễm. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp đều không.

(Tánh không và bất khả đắc không)

Thiện hiện nên biêt! Không chẳng thể nhiễm không, không chẳng thể nhiễm các pháp, cũng không có các pháp năng nhiễm được không. Vì sao? Trong tánh không, không còn bất khả đắc huống chi có các pháp khác có thể nhiễm trước không. Như vậy, gọi là bất khả đắc không. Các đại Bồ Tát an trụ trong đây năng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình thường làm nhiêu ích.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát chỉ an trụ vào Bát Nhã mà có thể hành phương tiện thiện xảo, hay có thể an trụ vào các pháp nào khác?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Chẳng lẽ còn có pháp nào khác không được bao gồm vào trong Bát nhã Ba la mật mà ông nghi ngờ như vậy?

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thẳm sâu đã tự tánh không, làm sao nói Bát Nhã có thể nhiếp tất cả pháp? Chẳng phải ở trong không khá nói được có pháp nhiếp cùng chẳng nhiếp?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Há chẳng phải tất cả pháp tự tánh đều không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp tự tánh đều không thì trong cái bất không làm sao nhiếp thọ được tất cả pháp.

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này mà Bát Nhã này bao gồm tất cả pháp. Thiện Hiện nên biết! Bồ Tát trụ Bát Nhã mà có thể hành phương tiện thiện xảo như thế.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao khi đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, an trụ vào trong tự tánh không của các pháp để phát ra thần thông Ba la mật? An trụ vào thần thông này có thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật trong 10 phương, để cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, được thọ lãnh Chánh pháp của chư Phật mà gieo trồng vô lượng căn lành thù thắng.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, thấy khắp mười phương hằng hà sa số thế giới chư Phật và nhiều chư Phật, cùng nhau thuyết các pháp tự tánh không. Nhưng chỉ giả danh theo thế tục, thuyết đây là thế giới Phật, chúng Tăng và đây là các pháp. Nhưng danh tự như vậy, do thế tục giả nói, tự tánh cũng không.

Thiện Hiện nên biết! Nếu thế giới chư Phật trong 10 phương cùng nhau thuyết pháp, giả nói danh tự mà tự tánh chẳng không, thì cái không được thuyết đó sẽ thành một phần. Vì cái không được thuyết chẳng thành một phần, nên tự tánh của tất cả pháp đều là không. Lý của nó tròn đầy, không hai không khác. Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, do quán thấy là không, dùng phương tiện thiện xảo mà phát sanh **thần thông Ba la**

mật. An trụ vào Bát Nhã đó có thể phát sanh Thiên nhãn, thiên nhĩ, thần cảnh, tha tâm, túc trụ, tùy niệm và biết lậu tận.

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát không xa lìa thần thông Ba la mật thì có thể tự tại, thành thục hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, để chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Cho nên thần thông Ba la mật là đạo Bồ đề.** Các đại Bồ Tát đều y vào đạo này mà cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Khi cầu có thể tự mình viên mãn tất cả pháp lành, cũng có thể dạy bảo người khác tu tập các pháp lành. Tuy làm những việc như vậy, nhưng đối với pháp lành đó, đại Bồ Tát đều không chấp trước. Vì sao? Vì đại Bồ Tát đó biết tự tánh của các pháp lành đều không. Chẳng phải tự tánh không mà có chấp trước. Nếu có chấp trước thì có vị ngọt của ái. Do không chấp trước nên không có vị ngọt của ái, vì trong tự tánh không không có vị ngọt của ái, người hưởng vị, sự hưởng vị và pháp được hưởng vị, ở trong pháp không đều không thể đắc.

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, an trụ trong thần thông Ba la mật, mà phát sanh thiên nhãn thanh tịnh hơn người. Dùng thiên nhãn này thấy tự tánh của tất cả pháp đều là không. Vì thấy tự tánh của tất cả pháp đều không, nên không dựa vào tướng của pháp để tạo ra các nghiệp, mặc dù vì hữu tình nói pháp như vậy nhưng cũng không thấy tướng của các hữu tình và pháp được thuyết. Đại Bồ Tát ấy lấy vô sở đắc để làm phương tiện, sanh ra các thần thông thù thắng của Bồ Tát. Dùng thần thông này làm tất cả sự nghiệp cần làm. Đại Bồ Tát ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn người, thấy khắp hằng hà sa số thế giới chư Phật trong mười phương. Thấy rồi phát sanh thần cảnh trí thông, đến đó làm lợi ích cho các loại hữu tình. Lấy bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật mà làm lợi ích. Hoặc lấy bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo để làm lợi ích. Hoặc lấy bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc để làm lợi ích. Hoặc lấy tám giải thoát cho đến mười biến xứ để làm lợi ích. Hoặc lấy pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện để làm lợi ích. Hoặc lấy các pháp lành thù thắng khác để làm lợi ích. Hoặc lấy pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và chư Phật để làm lợi ích.

Ở trong thế giới mười phương, thấy hữu tình nào **nhiều xan tham**, thì đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, nói pháp như vầy: Hữu tình các ngươi **nên hành bố thí**. Những ai xan tham thì chịu nghèo khổ cùng cực. Vì nghèo khổ cùng cực nên không có oai đức, tự mình không thể có lợi ích

huống chi có thể làm lợi ích cho người. Cho nên các người hãy siêng năng thực hành bố thí, tự mình được an vui, còn làm cho người khác được an vui, đừng vì nghèo khổ cùng cực mà ăn nuốt lẫn nhau, để rồi mình và người không thể giải thoát nỗi khổ khỏi các đường ác.

Nếu thấy hữu tình **hủy phạm tịnh giới**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, nói pháp như vầy: Hữu tình các ngươi **nên giữ gìn tịnh giới**. Những ai phá giới thì bị khổ trong đường ác. Người phá giới không có oai đức, mình không có lợi ích làm sao có thể làm lợi ích cho người. Do phá giới mà đọa trong ba đường ác, chịu quả báo khổ đau đớn khó chịu nổi, tự mình không thể cứu được, thì làm sao có thể cứu người. Cho nên các ngươi nên giữ gìn tịnh giới, không nên dung chứa tâm phá giới dù trong sát na, huống chi thời gian lâu, đừng để tâm buông lung để rồi sau này hối hận buồn khổ.

Nếu thấy hữu tình **sân hận** nhau rồi trở thành hận thù làm tổn hại lẫn nhau, thì đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, nói pháp như vầy: Hữu tình các ngươi **nên tu tập an nhẫn**, đừng sân hận nhau mà kết oán kết thù tàn hại nhau. Vì tâm sân hận đó nó không thuận với pháp lành, làm tăng trưởng pháp ác, rồi nhận lấy sự tổn hại trong đời hiện tại. Do tâm sân giận này mà sau khi qua đời các ngươi sẽ đọa vào đường ác chịu nhiều khốn khổ, chẳng biết lúc nào thoát ra được. Cho nên các ngươi không nên dung chứa tâm sân hận dù trong sát na, huống chi để nó kéo dài liên tục. Các ngươi hiện nay hãy lần lượt nương tựa, nên khởi lòng từ để làm việc lợi ích nhau.

Nếu thấy hữu tình **biếng nhác, giải đãi**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, nói pháp như vầy: Hữu tình các ngươi **nên tinh tấn** siêng năng, đừng biếng nhác, giải đãi với pháp lành. Người giải đãi không thể nào thành tựu các pháp lành và những việc thù thắng. Do biếng nhác, giải đãi mà các ngươi đọa vào các đường ác chịu vô lượng khổ. Cho nên các ngươi không nên dung chứa tâm biếng nhác, giải đãi, dù trong sát na, huống chi kéo dài liên tục.

Nếu thấy hữu tình **thất niệm, tâm tán loạn** không tịch tịnh, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, nói pháp như vầy: Hữu tình các ngươi **nên tu tập tịnh lự**, tâm đừng có thất niệm, tán loạn. Tâm như vậy không thuận với pháp lành mà tăng trưởng pháp ác, hiện tại nhận lấy suy tổn. Do đó, các ngươi sau khi qua đời, đọa các cõi ác chịu vô lượng khổ. Cho nên các

ngươi không nên dung chứa tâm tương ưng với thất niệm, tán loạn dù trong sát na, huống chi kéo dài liên tục.

Nếu thấy hữu tình **ngu si ác tuệ**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, nói pháp như vầy: Hữu tình các ngươi **nên tu thắng tuệ** *(Bát Nhã)* chớ khởi ác tuệ. Người có ác tuệ không thể đến các cõi lành thì làm sao giải thoát được. Do nhân ác tuệ này mà các ngươi đọa vào các cõi ác bị vô lượng khổ. Cho nên các ngươi không nên dung chứa tâm tương ưng với ngu si, ác tuệ, dù trong sát na, huống chi kéo dài liên tục.

Nếu thấy hữu tình nhiều **tham dục**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ **tu tập quán bất tịnh.** Nếu thấy hữu tình nhiều **sân giận**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu tập về phép **quán từ bi**. Nếu thấy hữu tình nhiều **ngu si**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ tu tập phép **quán về duyên khởi**. Nếu thấy hữu tình nhiều **kiêu mạn**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ **tu tập giới phân biệt**. Nếu thấy hữu tình nhiều **tầm tứ**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy họ **tu phép quán hơi thở.**

Nếu thấy hữu tình mất **chánh đạo**, đại Bồ Tát sanh lòng thương xót, dùng phương tiện dạy bảo, **hướng dẫn để trở về chánh đạo**. Nghĩa là đạo Thanh văn, đạo Độc giác, đạo Như Lai thì dùng phương tiện vì họ nói pháp như vầy: Những gì mà các ngươi chấp lấy tự tánh của nó đều không, chẳng phải trong pháp không có thể chấp. Vì **vô sở chấp là tướng không**.

Như vậy, này Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát thực hành sâu Bát Nhã, an trụ trong thần thông Ba la mật, dùng phương tiện tự tại, giảng nói chánh pháp để làm lợi ích an lạc cho các loài hữu tình.

Thiện Hiện nên biết! Nếu đại Bồ Tát lìa xa thần thông Ba la mật thì không thể nào tự tại, giảng nói chánh pháp, làm những việc lợi ích cho các hữu tình.

Thiện Hiện nên biết! Như con chim không có cánh thì không thể nào bay lượn trên bầu trời để đến những chỗ xa. Các đại Bồ Tát cũng như vậy. Nếu không có thần thông Ba la mật thì không thể tự tại giảng nói chánh pháp, làm những lợi ích cho các loài hữu tình. Cho nên, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã sẽ phát sanh thần thông Ba la mật, nếu phát sanh thần thông Ba la mật tức là có thể tự tại giảng nói chánh pháp, tùy ý làm lợi lạc cho các loài hữu tình.

Thiện Hiện nên biết! Các đại Bồ Tát **dùng thiên nhãn thanh tịnh** hơn người, nhìn khắp hằng hà sa số thế giới chư Phật trong 10 phương và thấy các loài hữu tình sống nơi đó. Thấy rồi **phát sanh thần cảnh trí thông**, chỉ trong khoảnh khắc, đã đến được cảnh giới ấy. Dùng **trí tha tâm** mà như thật liễu tri tâm và tâm sở pháp của các hữu tình ấy. Tùy theo căn cơ thích ứng mà nói pháp giải thoát. Nghĩa là nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc nói 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; hoặc nói 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc nói 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ; hoặc nói pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc nói tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn; hoặc nói pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không; hoặc nói chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; hoặc nói Tứ đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc nói nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; hoặc nói các pháp do duyên sanh; hoặc nói vô minh cho đến lão tử; hoặc nói tất cả pháp môn của uẩn, xứ, giới; hoặc nói đạo Thanh văn, hoặc nói đạo Độc giác, hoặc nói Bồ Tát đạo, hoặc nói Bồ đề, hoặc nói Niết bàn để cho các hữu tình đó nghe pháp này rồi đều đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Đại Bồ Tát ấy **dùng thiên nhĩ thanh tịnh** hơn người **có thể nghe tiếng tất cả người, phi người**. Nhờ thiên nhĩ này mà nghe chánh pháp của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong hằng hà sa số thế giới chư Phật ở mười phương nói. Nghe rồi thọ trì, tư duy y theo pháp đã nghe mà giảng nói cho hữu tình, hoặc nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ đề, hoặc nói Niết bàn, để các hữu tình đó sau khi nghe pháp đều đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

Đại Bồ Tát ấy **dùng tha tâm trí thông thanh tịnh** hơn người, **như thật biết rõ tâm, tâm sở của các loại hữu tình**. Tùy theo căn cơ thích ứng mà nói pháp giải thoát cho chúng. Nghĩa là nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ đề, hoặc nói Niết bàn để cho hữu tình kia sau khi nghe pháp ấy, đều đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Đại Bồ Tát ấy **dùng túc trụ tùy niệm trí thông** nhớ được những việc **quá khứ của mình và người**. Nhờ túc trụ tùy niệm trí thông này mà như thật nhớ biết tất cả tên sai khác của chư Phật và chúng đệ tử ở quá khứ.

Nếu các hữu tình nào thích nghe những việc đời trước ở quá khứ để được lợi ích, thì liền giảng nói những việc đời trước cho họ nghe. Nhờ đây mà dùng phương tiện nói chánh pháp cho họ. Nghĩa là nói bố thí cho đến Bát Nhã. Nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ đề, hoặc nói Niết bàn, để các hữu tình đó sau khi nghe pháp ấy, đều đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Đại Bồ Tát ấy **dùng tấn tốc thần cảnh trí thông** đến hằng hà sa số thế giới chư Phật trong mười phương, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn. Trồng các căn lành với chư Phật rồi trở về cõi của mình để nói cho hữu tình nghe những việc ở cõi Phật ấy. Nhờ đó dùng phương tiện đem chánh pháp nói cho họ. Nghĩa là nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ đề, hoặc nói Niết bàn, để cho các hữu tình đó sau khi nghe pháp này, đều đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Đại Bồ Tát ấy **dùng tùy sở đắc lậu tận trí thông**, mà như thật **biết rõ các loại hữu tình lậu đã tận hoặc chưa tận**, cũng như thật biết phương tiện lậu tận vì những người chưa lậu tận để giảng nói pháp giải thoát. Nghĩa là nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nói đầy đủ cho đến hoặc nói Bồ đề, hoặc nói Niết bàn, để cho các hữu tình đó sau khi nghe pháp này, đều đạt được lợi ích an vui thù thắng.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, nên phát sanh thần thông Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy do tu tập thần thông Ba la mật nên được viên mãn, **có thể thọ nhiều loại thân tùy theo ý muốn**, nhưng không bị tội lỗi của khổ vui làm ô nhiễm. Giống như hoá thân của Phật, mặc dầu làm những sự việc như vậy nhưng không bị tội lỗi của khổ vui làm ô nhiễm.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, nên đạt được du hý thần thông Ba la mật. Nếu đạt được du hý thần thông Ba la mật, thì có thể giáo hóa cho các hữu tình thành tựu trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, mau chóng chứng quả vị Vô Thượng Bồ đề.

Thiện Hiện nên biết! Nếu đại Bồ Tát không giáo hóa các hữu tình được thành tựu trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thì không thể nào đạt được sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề Vì sao? Vì các đại Bồ Tát chưa viên mãn tư lương Bồ đề thì chắc chắn không thể nào chứng được sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

(Tất cả thiện pháp là tư lương Bồ đề Bồ Tát)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật.

- Bạch Thế Tôn! Tư lương Bồ đề Bồ Tát là những gì mà chư đại Bồ Tát nên viên mãn Bồ đề đạo mới có thể chứng Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Tất cả các thiện pháp là tư lương Bồ đề Bồ Tát.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cái gì là tất cả thiện pháp?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, trong đó đều không phân biệt chấp trước, nghĩa là nghĩ như vầy: "Đây là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Do đây vì đây mà tu bố thí cho đến Bát Nhã". Ba phân biệt chấp trước ấy đều không, vì biết tự tánh của các pháp đều không vậy. Do tu sáu Ba la mật: Bố thí, tịnh giới, v.v... mà có thể tự mình được lợi ích và cũng có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình, để thoát khỏi sanh tử, chứng Niết bàn. **Đó gọi là thiện pháp, cũng gọi là tư lương Bồ đề Bồ Tát, cũng gọi là đạo Bồ Tát**. Chúng đại Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai đều tu hành đạo này. Được đạo này rồi sẽ được đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề ngay hiện tại, cũng làm cho hữu tình ngay hiện tại vượt qua biển lớn sanh tử, được Niết bàn an lạc.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu hành 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. An trụ trong pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. An trụ vào chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. An trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Tu hành 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Tu hành địa vị đại Bồ Tát. Tu hành tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa. Tu hành Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Trong đó hoàn toàn không phân biệt chấp trước. Nghĩa là suy nghĩ như vầy: "Đây là 4 niệm trụ cho đến Nhất thiết tướng trí. Do đây vì đây mà tu 4 niệm trụ cho đến Nhất thiết tướng trí". Ba phân biệt chấp trước này hoàn toàn không, vì biết tự tánh của các pháp là không. Nhờ đã tu 4 niệm trụ

cho đến Nhất thiết tướng trí này mà có thể tự mình được lợi ích, và cũng làm lợi ích cho tất cả hữu tình, độ chúng thoát khỏi sanh tử mà được Niết bàn. Nói là thiện pháp, cũng gọi là tư lương Bồ đề Bồ Tát, cũng gọi là đạo Bồ Tát. Quá khứ, vị lai, hiện tại chúng đại Bồ Tát đều tu hành đạo này. Được đạo này rồi, hiện tại sẽ chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề. Cũng có thể khiến hữu tình được đạo ấy, vượt qua biển lớn sanh tử đạt được Niết bàn an vui rốt ráo.

Thiện Hiện nên biết! Lại có vô lượng công đức mà đại Bồ Tát tu tập cũng đều gọi là thiện pháp, cũng gọi là tư lương Bồ đề Bồ Tát, cũng gọi là đạo Bồ Tát. Các đại Bồ Tát cần phải tu tập các thiện pháp thù thắng như vậy cho hoàn toàn viên mãn, thì mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Chứng Nhất thiết trí trí rồi, mới có thể chuyển Chánh pháp luân không sai lầm, khiến cho hữu tình hoàn toàn an lạc. *(Q.477, ĐBN)*

Thích nghĩa:

1). Bất định tụ (不定聚, Phạm: aniyataràzi, Pàli: aniyata-ràsi) cũng gọi Bất định tính tụ, Bất định. Chẳng thuộc chính chẳng thuộc tà. Một trong ba tụ. Tụ nghĩa là chia loại thành từng nhóm. Dựa theo sự sai khác của căn cơ chúng sinh, có thể chia thành ba nhóm. Tâm tính chúng sinh nào chưa thuộc chính hay tà, hễ gặp duyên lành thì thành quyết định chính, hễ gặp duyên ác thì thành quyết định tà. Vì bất định như thế, nên gọi Bất định tụ.- Từ điển Phật Quang.

Sơ giải:

*Phẩm "Phương Tiện Tịnh Độ" của ĐBN do nhóm của ngài Huyền Trang dịch và phẩm "Quyết Định" của Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của ngài La Thập dịch, giống nhau như hai giọt nước, chỉ khác phẩm tựa. Phương tiện tịnh độ có nghĩa là gì? **Bồ Tát thực thi các phương tiện thiện xảo để biến cõi đất này trở thành cõi Tịnh độ giống như mong ước của Bồ Tát Pháp Tạng trước khi trở thành Phật A Di Đà**. Đó là một trong những hạnh nguyện cao cả của bất cứ Bồ Tát nào từ sơ phát tâm cho đến khi thành chánh quả.*

Nhưng trước khi thực thi những chương trình cứu rỗi chúng sanh, Bồ Tát phải học tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ

đề Bồ Tát... để có đủ trí tuệ, các biện tài, các thần thông... mà hóa độ chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ.

Kinh bảo: "Nếu đại Bồ Tát chẳng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thì chẳng bao giờ chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ. Vì sao? **Vì tư lương Bồ đề của các đại Bồ Tát nếu chưa đủ thì nhất định chẳng có thể đắc sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao**".

Điều đó có nghĩa phải có đủ tư lương Bồ đề thì mới có thể chứng đắc sở cầu quả vị giác ngộ, rồi sau đó mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh Phật độ. Vậy, điều kiện cần và đủ là phải có tư lương Bồ đề.

Kinh bảo: **"các thiện pháp còn gọi là tư lương Bồ đề"**. *Như vậy, các thiện pháp hay tư lương Bồ đề (nói chung là các pháp mầu Phật đạo) đóng một vai trò quan trọng trong việc tu Bồ Tát đạo. Không có các thiện pháp là không có Phật, không có Bồ Tát, không có Phật đạo nói chi đến giác ngộ mà cứu độ chúng sanh.*

Đó là lý do tại sao chúng tôi tách các thiện pháp ra làm thành một phần riêng biệt của thiên Tổng luận này, lấy tên là "các pháp mầu Phật đạo". Kinh một lần nữa trước khi chấm dứt, nhấn mạnh vai trò của các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát, Bồ Tát đạo... hay còn gọi là 81 khoa danh tướng Bát Nhã.

Ở phẩm này Kinh nhấn mạnh thêm vai trò của các **thần thông Ba la mật** *được coi như là phương tiện thiết yếu khác giúp Bồ Tát trong việc cứu độ chúng sanh. Ngoài ra một số pháp quán như quán bất tịnh, quán từ bi, quán duyên khởi, quán giới phân biệt, quán hơi thở, v.v... cũng tích cực góp phần giáo hóa hữu tình trên con đường cải thiện tâm linh để đưa đến giác ngộ. Tất cả pháp đó được xem là "Tịnh Độ Phương Tiện" như Hội thứ I, ĐBN định danh. Tất cả các pháp môn trên đã được giải thích rõ ràng trong "Phần thứ I, Tổng luận", nên không cần lặp lại nữa./.*

---o0o---

81. PHẨM "PHẬT PHÁP"

Cuối quyển 477, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Vô Tánh Tự Tánh", cuối Q.395 đến đầu Q.396, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Phẩm "Phật Pháp", phần sau Q.477, Hội thứ II, ĐBN. *Thế Tôn bảo:*

Này Thiện Hiện! Nếu trong đạo tu hành không có gián đoạn đối với tất cả pháp mà chưa thoát khỏi ám chướng, chưa đến bờ bên kia, chưa được tự tại, chưa đắc quả thì gọi là Bồ Tát. Nếu trong đạo tu hành giải thoát đối với tất cả pháp mà thoát khỏi ám chướng, đã tới bờ bên kia, đã được tự tại, đã được chứng quả mới được gọi là Phật, đấy là Bồ Tát cùng Phật có khác. **Quả vị có khác, pháp tu chẳng khác**, nên chẳng thể nói tánh của các pháp có khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu **tự tướng của tất cả pháp đều không** thì tại sao trong cái không của tự tướng có các sự sai khác, nói đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là ngạ quỷ, đây là người, đây là trời, đây là Chủng tánh địa, đây là Đệ bát địa, đây là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đây là Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Như Lai?

Bạch Thế Tôn! Những chúng sanh đó đã bất khả đắc và nghiệp họ tạo cũng bất khả đắc. Nếu nghiệp đã tạo bất khả đắc, thì quả dị thục kia cũng phải bất khả đắc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông nói! **Tự tướng tất cả pháp đều không, trong cái không của tự tướng thì hữu tình đã vô sở hữu, nghiệp quả dị thục cũng vô sở hữu, trong vô sở hữu không có tướng sai biệt. Nhưng các hữu tình đối lý tất cả pháp tự tướng không chẳng thật biết, tạo nên các nghiệp**: Do nơi nghiệp dữ tăng trưởng nên bị đọa ba ác thú; do nghiệp lành tăng trưởng nên được sanh trong người trời ở cõi Dục. Nếu định nghiệp tăng trưởng hơn nữa thì được sanh cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc. Bởi nhân duyên đây mới có tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. An trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. An trụ

chơn như cho đến bất tư nghì giới. An trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tu hành 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Tu hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Tu hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa. Tu hành tất cả Đà la ni, Tam ma địa môn. Tu hành năm nhãn, sáu thần thông. Tu hành Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tu hành pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát đối Bồ đề phần pháp như thế thảy không hở không khuyết tu cho đến viên mãn**. Đã viên mãn rồi, bèn năng dẫn phát định Kim cương dụ cận trợ Bồ đề, mới chứng được Vô thượng Bồ đề, cùng các hữu tình làm đại nhiêu ích, thường không mất hoại. Vì không mất hoại nên khiến các hữu tình giải thoát các khổ sanh tử.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Phật đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rồi, thì có bị sanh tử trong các cõi không?

Phật nói:

- Chẳng bị!

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Phật được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rồi, có bị rơi vào hắc nghiệp, bạch nghiệp, hắc bạch nghiệp, phi hắc bạch nghiệp chăng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Không!

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu Phật chẳng bị rơi vào các thú sanh tử và nghiệp sai biệt, làm sao biết có thi thiết đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là quỷ giới, đây là người, là trời, là Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán? Đây là Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Như Lai?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu các hữu tình tự biết các pháp tự tướng không ấy, thì các đại Bồ Tát bèn đối Vô thượng Bồ đề chẳng cần cầu chứng, phương tiện khéo léo cứu vớt các hữu tình ra khỏi ác thú sanh tử. Vì các hữu tình chẳng biết các pháp tự tướng không, nên trôi lăn các thú chịu vô lượng khổ. Vậy nên, Bồ Tát theo chỗ chư Phật, nghe tất cả pháp tự tướng không rồi, vì muốn nhiêu ích các hữu tình, nên cầu chứng Vô thượng Bồ đề phương tiện khéo léo cứu vớt hữu tình ra khỏi các thú sanh tử.

Thiện Hiện phải biết! Các đại Bồ Tát thường khởi nghĩ này: Chẳng phải tất cả pháp thật có tự tướng như chỗ chấp của các ngu phu dị sanh, nhiên hậu **do phân biệt điên đảo**, nên trong chẳng phải thật có khởi tưởng thật có, nghĩa là trong vô ngã khởi tưởng có ngã, trong vô hữu tình khởi tưởng hữu tình. Nói rộng, cho đến không có người biết, người thấy khởi tưởng có người biết người thấy. Với trong không có sắc khởi tưởng có sắc, trong không có thọ tưởng hành thức khởi tưởng thọ tưởng hành thức cho đến trong không có tất cả pháp hữu vi, khởi tưởng pháp hữu vi. Vì sức hư dối phân biệt điên đảo nên không thật bảo thật, không đáng chấp lại chấp… Do đây gây tác nghiệp thân ngữ ý, không thể giải thoát sanh tử các thú, ta phải cứu vớt khiến được giải thoát.

Đại Bồ Tát này khởi nghĩ đây rồi, hành sâu Bát Nhã, đem các thiện pháp mà Bồ Tát đã tu hành nhiếp thọ hữu tình để họ lần hồi viên mãn tư lương Bồ đề. Tư lương Bồ đề đã được viên mãn, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Được Bồ đề rồi, vì các hữu tình tuyên nói khai thị, phân biệt kiến lập nghĩa bốn Thánh đế: Rằng đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là tới đạo khổ Thánh đế. Lại đem tất cả Bồ đề phần pháp nương trí thông đạt, nhiếp vào bốn Thánh đế như thế. Lại nương tất cả Bồ đề phần pháp, dùng trí vi diệu thi thiết kiến lập Phật Pháp Tăng bảo. Nhờ Tam Bảo đây xuất hiện thế gian nên các loại hữu tình giải thoát sanh tử. Nếu các hữu tình chẳng năng quy chánh Phật Pháp Tăng bảo, tạo tác các nghiệp lộn quanh các thú chịu khổ vô cùng, nên phải quy y Phật Pháp Tăng bảo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì **nhờ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo** mà các loại hữu tình được nhập Niết bàn, hay vì **nhờ trí Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo** mà các loại hữu tình được Niết bàn?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Chẳng do khổ tập diệt đạo Thánh đế mà các loại hữu tình được vào Niết Bàn, cũng chẳng do trí khổ tập diệt đạo Thánh đế mà các loại hữu tình được vào Niết Bàn. Ta nói **tánh bình đẳng của bốn Thánh đế tức là Niết bàn**. Như vậy, Niết bàn không do khổ, tập, diệt, đạo đế mà được, không do khổ, tập, diệt, đạo trí mà được. Chỉ do Bát nhã Ba la mật **chứng tánh bình đẳng** mới gọi là được Niết bàn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là tánh bình đẳng của khổ tập diệt đạo?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu chỗ nào không có khổ tập diệt đạo đế, không có khổ tập diệt đạo trí, thì gọi tánh bình đẳng của 4 Thánh đế. Tánh bình đẳng đây tức là 4 Thánh đế. Sở hữu chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới, dù Phật ra đời hoặc chẳng ra đời, tánh tướng thường trú, không mất không hoại, không biến đổi. Như vậy, gọi là tánh bình đẳng của khổ tập diệt đạo.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, muốn giác ngộ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này nên hành sâu Bát Nhã. Khi biết rõ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này gọi là giác ngộ chơn chánh tất cả Thánh đế, không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác mà lại nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh? Tại sao thế Bạch Thế Tôn?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã, không có một chút pháp nhỏ nhiệm nào mà chẳng như thật thấy. **Khi thấy biết như thật về tất cả pháp thì đối với tất cả pháp đều không sở đắc. Đối với tất cả pháp không sở đắc rồi, thì như thật thấy tất cả pháp đều không**. Nghĩa là như thật thấy biết các pháp được thâu nhiếp hay không thâu nhiếp trong bốn đế đều là không. Khi thấy như vậy có thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Do nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, nên trụ trong chủng tánh địa của Bồ Tát. Trụ trong chủng tánh địa của Bồ Tát rồi thì nhất định không bị rơi từ đỉnh cao. Rơi từ cao xuống có nghĩa lui thụt vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác. Đại Bồ Tát này an trụ bậc Bồ Tát chủng tánh phát khởi bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, Bồ Tát này an trụ trong Xa ma tha địa như thế, mới có thể quyết trạch*(1)* tánh của tất cả pháp và từ đó có thể giác ngộ lý của bốn Thánh đế.

Bấy giờ, Bồ Tát dù khắp biết khổ mà chẳng khởi tâm duyên chấp **khổ**. Dù dứt hẳn tập mà chẳng khởi tâm duyên chấp **tập**. Dù chứng diệt, mà chẳng khởi tâm duyên chấp **diệt**. Dù thường tu đạo, mà chẳng khởi tâm duyên chấp **đạo**. Chỉ khởi tâm tùy thuận hướng tới đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, như thật quán sát thật tướng các pháp.

(Các Bồ Tát làm sao quán sát thật tướng các pháp?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Đại Bồ Tát này làm sao quán sát thật tướng các pháp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đối tất cả pháp như thật quán sát tự tướng*(2)* đều không. Như vậy quán sát các pháp đều không. Đại Bồ Tát này dùng tướng Tỳ bát xá na như thế, như thật quán thấy các pháp đều không, trọn chẳng thấy có tự tánh*(3)* các pháp khá trụ tánh kia, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? **Chư Phật Vô thượng Bồ đề và tất cả pháp đều lấy vô tánh mà làm tự tánh***(4)*.Chỗ gọi sắc cho đến thức, đều lấy vô tánh mà làm tự tánh. 12 xứ cho đến 18 giới cũng lấy vô tánh làm tự tánh. Nhãn xúc cho đến ý xúc cũng lấy vô tánh làm tự tánh. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Địa giới cho đến thức giới cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Theo duyên sanh ra các pháp cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Vô minh cho đến lão tử cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không*(5)* cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Chơn như cho đến bất tư nghì giới cũng lấy vô tánh mà làm tự tánh. Nói rộng ra, **tất cả pháp Phật đều lấy vô tánh làm tự tánh**. Như vậy, vô tánh như thế chẳng phải chư Phật làm ra, chẳng Bồ Tát làm, chẳng Độc giác làm, Thanh Văn làm, cũng chẳng phải bậc trụ quả hành hướng tạo ra, chỉ **vì tất cả hữu tình không biết không thấy như thật về tất cả pháp đều không,** nên các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã phương tiện thiện xảo, theo sự giác ngộ của mình vì các hữu tình như thật tuyên nói, khiến lìa chấp trước, giải thoát tất cả sanh lão bịnh tử, được Niết Bàn an vui rốt ráo.

Thích nghĩa:

(1). Quyết trạch: Quyết định và chọn lựa.

*(2). Tự tướng (*自相*, s: svātman):1- Bản chất. Vật thể như chính nó. 2- Đặc tính nguyên thủy, phẩm tính đặc biệt. Đặc tính nhất định của một vật. Tự tánh của một người hay vật thể (s: svarūpa). 3- Tự thể của chính mình,*

chính nó (s: svātman) - Từ điển Phật học Anh-Hán-Việt. (Trích dịch từ Digital Dictionary of Buddhism của A. Charles Muller).

(3). Tự tánh(自性)*: 1- Bản tánh, tánh chất nhất định của một vật (s: svabhāva, dharmatā, tathatā). 2- Như là nguyên lý hoặc thể tính bất biến, giáo lý tánh không Phật giáo hoàn toàn phủ nhận ý niệm nầy. 3- Tự lập, độc lập - Từ điển Phật học Anh-Hán-Việt.*

(4). Vô tánh tự tánh: Bản tánh của tất cả pháp là không, rỗng không, chẳng có lúc nào chẳng không. Bởi vì, bản tánh nó như vậy là như vậy, không phải do Phật làm ra, cũng không do ai làm ra.

Trong phẩm này Phật thuyết các pháp tự tướng là không, tự tánh cũng không và vô tánh tự tánh cũng không nốt. Nên trong Thiền luận III, Thiền sư DT. Suzuki giải thích 18 pháp không mà trong đó có ba pháp không cuối cùng là:

1.Vô Tánh Không (Abhava-sunyata): Không của vô thể.

2. Tự Tánh Không (Svabhava-sunyata): Không của tự tánh và

3. Vô Tánh Tự Tánh Không (Abhava-svabhava-sunyata): Không của vô thể của tự tánh.

Thiền sư luận giải chung ba loại này như sau: "Ở đây hiện hữu được nhìn từ quan điểm hữu (astiva) và vô (nastiva); cả hai, đứng riêng biệt hay tương đối, đều được nói là không. Vô Tánh (Abhava) là phủ định của hữu, cùng một nghĩa với Không. Tự Tánh (svabhava) có nghĩa "nó là nó", nhưng không có "cái nó" nào như thế, cho nên Không. Vậy thì, đối nghịch của hữu và vô là thực? Không! Nó cũng không luôn, vì mỗi phần tử trong đối lập vốn là Không".

Luận giải này đưa đến ý niệm, nếu tất cả pháp nào rơi vào 3 đặc tánh này: Vô tánh không, tự tánh không và vô tánh tự tánh không thì ***như thật thấy tất cả pháp đều không, rỗng không!*** *Giải thích này hết sức quan trọng không những cho sự hiểu biết phẩm này mà còn để hiểu toàn bộ thật tướng của tất cả pháp. Nên được trích dẫn và giải thích nhiều lần.*

Sơ giải:

Như phẩm trước nói học Bát Nhã phải biết "…tự tướng của tất cả pháp là không, **trong cái không của tự tướng thì hữu tình đã vô sở hữu, nghiệp quả dị thục cũng vô sở hữu, trong vô sở hữu không có tướng**

sai biệt. Nhưng các hữu tình đối lý tất cả pháp tự tướng không chẳng thật biết, tạo nên các nghiệp". *Vì tạo nghiệp nên phải trôi lăn trong sáu cõi luân hồi*.

"Bởi nhân duyên đó nên Bồ Tát mới tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. An trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. An trụ chơn như cho đến bất tư nghì giới. An trụ khổ tập diệt đạo Thánh đế. Tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí".

Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 84, "Tứ Đế", Tập 5, quyển 95, nói:

(Vì muốn phá các nhân duyên quả báo sanh tử của chúng sanh, mà Bồ Tát nguyện ở trong Bát nhã Ba la mật, nhiếp hết thảy các thiện pháp, hành Bồ Tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề, rồi vì chúng sanh thuyết 4 thánh đế, gồm khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Hỏi: *Phật có rất nhiều pháp vi diệu dẫn đến "vô ngại giải thoát". Vì sao chỉ nói đến 4 thánh đế mà thôi?*

Đáp: Vì chúng sanh khổ, nên trước hết phải trừ khổ cho chúng sanh; sau đó mới khai thị Phật đạo.

Ví như người lâm bệnh nặng, trước hết phải trừ gốc bệnh cho họ; sau đó mới cho họ bổ dưỡng để phục hồi lại.

--o0o--

Chúng sanh thọ thân 5 ấm, mà **5 ấm là gốc của hết thảy khổ**. Do vậy mà phải vì chúng sanh nói về "khổ đế".

Có vô lượng khổ; nếu nói lược thì có các khổ "sanh, già, bệnh, chết".

Lại phải cho chúng sanh biết về các nguyên nhân sanh khổ, nên phải vì họ nói về "tập đế". Do có "ái, thủ và hữu" mà chúng sanh phải thọ thân ở đời sau. Đã thọ thân tức là phải thọ khổ. Do vậy mà nói "ái, thủ, hữu là các nhân chính tạo ra khổ".

Lại phải dạy cho chúng sanh biết về cách diệt khổ, nên phải vì họ nói về "diệt đế". Chúng sanh muốn đoạn khổ thì trước phải đoạn "ái". Đoạn ái rồi, thì thủ, hữu….dẫn đến sanh, già, chết đều đoạn cả. Do vậy mà nói "ái" đoạn thì "khổ" tự diệt.

Lại phải cho chúng sanh biết con đường đưa đến sự diệt khổ, nên phải vì họ nói về “đạo đế”. Con đường diệt khổ tức là “đạo” vậy.

Ở đời này, chúng sanh phải quán thân 5 ấm là gốc của khổ, nên phải quán thân này là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Lại phải biết do “ái” mà phải thọ thân, nên phải quán “ái” như bệnh, như ung nhọt, như giặc cướp; phải hành 8 thánh đạo, tu chánh kiến và 7 pháp thánh đạo kia, để giúp cho sự phát đạo tâm, giúp đoạn sạch pháp “ái”, ví như dùng chất rượu để dẫn thuốc vậy.

Nếu ở nơi hết thảy pháp thế gian mà chẳng còn khởi tâm tham đắm nữa, thì mới ly được khổ. Khi ly được khổ rồi, thì ảnh hưởng của khổ liền tự diệt. Có như vậy mới thành tựu được diệu pháp.

Bởi vậy nên, ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy “bốn thánh đế nhiếp hết thảy các thiện pháp”.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói đến các pháp trợ đạo?*

Đáp: Vì hết thảy các thiện pháp nhiếp bên trong bốn pháp đế. Các thiện pháp trợ đạo làm nhân duyên giúp chúng sanh tin kính ba ngôi Tam Bảo. Nếu chúng sanh chẳng tin Tam Bảo, thì chẳng thể ra khỏi 6 đường sanh tử. Bởi vậy, nên trước hết phải dạy cho chúng sanh bốn thánh đế, khiến họ trừ được khổ, rồi sau đó mới dùng các thiện pháp trợ đạo để đưa họ vào đạo.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Dùng khổ đế mà được diệt độ, hay dùng khổ trí mà được diệt độ chăng?*

Đáp: Hỏi như vậy chẳng phải là thô. Hỏi như vậy để cho thấy rõ về thể của bốn thánh đế. Muốn diệt độ thì phải dùng đến trí. Khi đã diệt sạch hết các phiền não rồi, thì được diệt độ, tức là được Niết Bàn vậy.

Khổ đế là do khổ trí hòa hợp mà thành tựu.

Cho nên chẳng phải dùng khổ đế được diệt độ, được Niết Bàn, mà phải do khổ trí mới được như vậy. Dẫn đến đạo đế và đạo trí cũng như vậy.

Phật dạy: Chẳng phải dùng khổ đế, cũng chẳng phải dùng khổ trí mà được diệt độ… dẫn đến chẳng phải dùng đạo đế, cũng chẳng dùng đạo trí mà được diệt độ. Tất cả bốn đế đều bình đẳng; bốn đế tức là Niết Bàn. Chẳng phải dùng khổ đế hay khổ trí… dẫn đến, chẳng phải dùng đạo đế hay đạo trí mà được diệt độ. Vì sao? Vì khổ, tập, diệt và đạo đều do nhân duyên sanh, là hư dối, là chẳng thật có, là chẳng có tự tánh. Nếu khổ, tập,

diệt và đạo đều chẳng thật có, thì chẳng có thể dùng các pháp ấy để được diệt độ vậy".

"…Khi mới vào đạo, thì chỉ mới biết có hai đế hư dối, là khổ đế và tập đế mà thôi. Khi đã vào vô dư Niết Bàn rồi, thì cũng sẽ biết đạo đế và diệt đế chính là "không tam muội".

Do hữu lậu, hữu vi mà nói đến vô lậu, vô vi. "Khổ" khi đã diệt rồi, ví như cây đèn đã tắt, chẳng nên hý luận, tầm cầu xứ sở làm gì nữa. Bởi vậy nên Phật dạy, "Chẳng phải dùng khổ mà được diệt độ… dẫn đến chẳng phải dùng đạo mà được diệt độ".

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói 4 đế bình đẳng?

Phật dạy: Chẳng có khổ cũng chẳng có khổ trí… dẫn đến chẳng có đạo cũng chẳng có đạo trí; Chẳng có chỗ chia bốn đế ra làm 8 pháp, thì gọi là bình đẳng. "Đế" là như thật, chẳng hư dối, là như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tướng vẫn thường trú, chẳng hư dối.

Chúng sanh chẳng biết rằng chỉ có thật tướng pháp là chẳng hư dối, là thường trú, bất diệt, mà cứ mãi vọng chấp điên đảo, tạo nên các nghiệp nhân duyên, khiến phải thọ lãnh các nghiệp quả báo; dù được quả báo phước lạc ở cõi trời người, thì phước lạc đó lâu sau cũng sẽ bị hoại diệt.

Bởi vậy nên Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, thông đạt "thật đế", dùng các lực phương tiện vì chúng sanh nói ra "thật đế" vậy).

Đây là bài giảng tuy ngắn ngủi cô đọng về Tứ đế nhưng hết sức sâu sắc của bậc thật tu thật chứng. Nên cố gắng nghiền ngẫm, vì Tứ đế là pháp tu chính của hàng Thanh văn.

Phần kế tiếp Đại Trí Độ Luận thuyết về tự tướng không:

(Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát thông đạt thật đế như thế nào, mà vào thẳng Bồ Tát vị?

Phật dạy: Bồ Tát tư duy hết thảy pháp đều không; pháp nhiếp trong 4 thánh đế là không, pháp chẳng nhiếp trong 4 thánh đế cũng là không. Do quán hết thảy pháp không, mà Bồ Tát vào thẳng Bồ Tát vị.

Hỏi: *Vì sao nói chẳng quán các pháp không như trên đây, thì chẳng vào được Bồ Tát vị?*

Đáp: Quán hết thảy pháp không, như nói trên đây, có nghĩa là quán hết thảy pháp đều không, và ở trong "không" đó, thì "không" cũng là không. Nếu trong "không" mà còn có "bất không" thì chẳng thể gọi là hết thảy pháp không vậy.

Bồ Tát hành "không" như vậy, nên vào thẳng Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị, Bồ Tát an trú trong "tánh địa", chẳng còn bị lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

"Tánh địa" là đệ nhất pháp thế gian. Pháp này tùy thuận "vô lậu đạo" nên gọi là tánh.

Bồ Tát an trú trong "tánh địa" cầu được làm Phật, nên sanh 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định.

Khi vào được thiền định, Bồ Tát nhiếp tâm phân biệt các pháp, thông đạt 4 đế, nghĩa là biết khổ mà chẳng duyên khổ.

Phàm phu cũng biết khổ, nhưng cứ mải miết tạo tác ra các nhân duyên nghiệp khổ, khiến mãi miết thọ thân trong các nẻo đường sanh tử.

Bồ Tát biết rõ thân là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là oán tặc, là giặc cướp. Biết rõ như vậy, nên gặp khổ Bồ Tát liền xả, chẳng chấp tướng khổ, cũng chẳng chấp khổ đế. Dẫn đến đạo cũng là như vậy.

Bồ Tát chỉ nhất tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề; biết 4 đế chỉ là phương thuốc để đối trị bệnh chấp của chúng sanh, nên chẳng chấp 4 đế, Bồ Tát chỉ quán thật tướng pháp, nên chẳng có phân biệt 4 pháp quán về 4 đế vậy.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là như thật quán các pháp?

Phật dạy: Đó là quán "không".

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu nói Bồ Tát quán hết thảy các pháp, từ lớn đến nhỏ đều "không", thì như vậy dùng pháp "không" gì để quán?

Phật dạy: Dùng **"tự tướng không"** để quán.

Hỏi: *Có đến 18 pháp không, vì sao Phật chỉ nói đến "tự tướng không" mà thôi?*

Đáp: Nói "tự tướng không" là nói ở trong "không", thì "tự tướng có" mặc nhiên bị phá rồi. Do vậy mà tâm chẳng còn bị chìm đắm, dẫn đến chẳng còn thấy một pháp "hữu tánh" nào nữa… dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là tự tướng không. Bồ Tát an trú trong "tánh không" mà được Vô Thượng Bồ Đề. Tánh không đó chẳng phải do Phật làm ra chẳng phải do ai khác làm ra, là thường tịch diệt, chẳng có hý luận vậy.

Vì chúng sanh chẳng có thể biết được như thật tướng của các pháp, nên Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, vì chúng sanh nói ra diệu pháp đó.

Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn, đã vào Bồ Tát vị, đã thông đạt đệ nhất nghĩa đế, nên có đầy đủ các lực phương tiện. Bồ Tát quán các đạo tướng thậm thâm vi diệu, mà chẳng đắc, chẳng xả; lại dùng trí huệ quán biết chúng sanh ở trong "không" mà phải đọa vào ba đường ác, phải thọ bao nhiêu khổ não. Quán như vậy rồi, Bồ Tát trải rộng lòng từ bi, thâm niệm chúng sanh, dùng mọi phương tiện cứu vớt chúng sanh ra khỏi các khổ.

Nếu Bồ Tát nói thẳng về tự tướng không của các pháp, thì chúng sanh sẽ chẳng tin, chẳng thọ, dẫn đến sẽ phá hoại pháp, khiến phải bị đọa vào địa ngục. Bởi vậy nên Bồ Tát phải thành tựu hết thảy các thiện pháp, tự trang nghiêm thân tướng của mình, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh, tùy từng đối tượng chúng sanh mà thuyết pháp, khiến họ được giải thoát).

Bồ Tát Long Thọ là Tổ thứ XIV của dòng thiền Tây Thiên truyền thừa từ đức Phật, nên hơn ai hết ngài biết rõ pháp tu Tứ Đế của Thanh văn, mới có thể truyền dạy cho Tăng đoàn. Đó là lý do, khiến chúng tôi trích dẫn luận giải này của Đại Trí Độ Luận, để mọi chúng sanh có dịp học hỏi thêm. Đắc Tứ đế thành bậc vô lậu, vô học, thì không còn trong luân hồi sanh tử nữa, nên gọi là ***Vô sinh, Ứng cúng, hay Phá ác****. Đó là pháp tu quan trọng của hàng Thanh văn, cần hiểu cần học./.*

---o0o---

82. PHẨM "VÔ SỰ"

Đầu quyển 478, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phần cuối Q.395, phẩm "Vô Tánh Tự Tánh", Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Vô Sự" của Hội thứ II, ĐBN giống ***phẩm thứ 85, "Thất Dụ"*** *(Bảy Thí Dụ)****, Tập 5, quyển 95, Đại Trí Độ Luận****. Hai phẩm này nội dung giống nhau đều thuyết tất cả pháp thế gian đều như mộng huyễn bèo bọc… không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh. Nhưng pháp lấy vô tánh tự tánh cũng là không, không có tác dụng. Nên tuy có hành mà không tạo tác; nếu không tạo tác, tức không có tác giả. Vậy ai là người có tội có phước? Nên nói, tuy có hành mà coi như vô sự. Đó là nội dung của phẩm "Vô Sự" này.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều **lấy vô tánh làm tự tánh**; như thế vô tánh chẳng phải chư Phật làm, chẳng phải Bồ Tát làm, chẳng phải Độc giác làm, chẳng phải Thanh văn làm, cũng chẳng phải những bậc trụ quả hành hướng làm. Vì sao bày ra các pháp có khác, rằng đây là địa ngục, đây làm bàng sanh, đây là cõi quỷ, đây là người, trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đây là Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Như Lai. Do nghiệp đây nên tạo ra địa ngục, do nghiệp đây nên tạo ra bàng sanh, do nghiệp đây nên tạo ra cõi quỷ, tạo ra người, tạo ra trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại, do nghiệp đây nên tạo ra trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, do nghiệp đây nên tạo ra trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do pháp đây nên tạo ra Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, do pháp đây nên tạo ra A la hán, do pháp đây nên tạo ra Độc giác, do pháp đây nên tạo ra Bồ Tát, do pháp đây nên tạo ra Như Lai?

Bạch đức Thế Tôn! Pháp vô tánh nhất định không có tác dụng, sao có thể nói do nghiệp như thế nên sanh bàng sanh, do nghiệp như thế nên sanh cõi quỷ, do nghiệp như thế nên sanh trong loài người. Do nghiệp như thế nên sanh vào trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại, v.v… Do pháp như thế nên được quả Dự lưu, do pháp như thế nên được quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, do pháp như thế nên được Độc giác Bồ đề, do pháp như thế nên vào địa vị Bồ Tát, Bồ Tát đạo. Do pháp như thế nên được Nhất thiết tướng trí, gọi là Phật Thế Tôn, khiến các hữu tình giải thoát sanh tử?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! **Đúng như ngươi đã nói. Trong pháp vô tánh chẳng thể tạo ra các pháp sai khác, không nghiệp, không quả, cũng không tác dụng**. Nhưng những người ngu chẳng rõ Thánh pháp Tỳ nại da, nên chẳng như thật biết các pháp đều lấy vô tánh làm tánh, ngu si điên đảo, phát khởi nhiều thứ nghiệp thân, ngữ, ý, theo nghiệp sai khác chịu các loại thân. Dựa vào phẩm loại sai khác của thân mà có địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, hoặc người, hoặc trời cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Vì muốn cứu vớt những người ngu si điên đảo như thế, nên bày ra phần vị Thánh pháp Tỳ nại da sai khác. Nương vào phần vị đây mà có Dự lưu cho đến Độc giác, Bồ Tát, Như Lai, nhưng tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. **Trong pháp vô tánh thật không có pháp khác, không nghiệp, không quả cũng không tác dụng. Pháp vô tánh thường vô tánh vậy**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như ngươi đã nói, **pháp vô tánh nhất định không có tác dụng**, sao có thể nói do pháp như thế được quả Dự lưu, nói rộng cho đến do pháp như thế được Nhất thiết tướng trí, gọi là Phật Thế Tôn, khiến các hữu tình thoát sanh tử. Ý ngươi nghĩ sao? Các việc tu đạo là vô tánh chăng? Các quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và Bồ Tát đạo, Nhất thiết tướng trí là vô tánh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Thưa Thế Tôn! Đúng vậy! Các việc tu đạo nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí đều là vô tánh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Pháp vô tánh có thể được pháp vô tánh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng được.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Vô tánh và đạo là tất cả pháp đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi là vô tướng.** Phàm phu dị sanh ngu si điên đảo, đối với pháp vô tướng khởi tưởng có pháp, chấp đắm năm uẩn; ở trong vô thường khởi tưởng là thường, ở trong các khổ khởi tưởng là vui, ở trong vô ngã khởi tưởng là ngã, ở trong bất tịnh khởi tưởng là tịnh, ở pháp vô tánh chấp đắm có tánh. Do đây, chúng đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, phương tiện khéo léo cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến lìa điên đảo hư vọng phân biệt; phương tiện an trú trong pháp vô tướng, khiến siêng năng tu học giải thoát sanh tử, chứng được Niết bàn thường vui rốt ráo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu việc mà phàm phu ngu si dị sanh chấp đắm có phần nào chơn thật, ngu phu ấy chấp đắm rồi, tạo tác các nghiệp, do nhân duyên này nên chìm đắm luân hồi các cõi, chẳng được thoát khổ sanh tử chăng?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện**! Phàm phu ngu si dị sanh chấp đắm, không có phần nào chơn thật thậm chí bằng đầu sợi lông. Kẻ ngu ấy chấp đắm rồi, tạo tác các nghiệp. Do nhân duyên này nên chìm đắm các cõi, chẳng thoát khỏi các khổ sanh tử được. Chỉ có hư vọng điên đảo chấp đắm**. Ta nay vì ông rộng nói thí dụ, làm rõ nghĩa ấy khiến cho ông dễ hiểu. Những người có trí nhờ các thí dụ đây, đối với nghĩa mà Ta nói có thể hiểu được chơn chánh.

(Tác dụng của trò huyễn?)

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Trong mộng thấy người hưởng vui năm dục. Trong **mộng** có chút phần nào là thật khiến cho người kia hưởng dục lạc chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người được thấy trong mộng còn chẳng thật có, huống là có việc hưởng vui năm dục.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Trong mộng thật có các việc sanh tử qua lại trong các cõi chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thật có.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Trong mộng thật có việc tu đạo, nương việc tu đạo ấy mà lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có. Vì sao? Vì các pháp trong mộng thấy được đều không thật có, chẳng có người tạo ra, chẳng có việc tạo ra, tu đạo còn không có huống là có việc nương vào sự tu đạo lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Các hình tượng hiện ra trong gương**… có thật sự gây nghiệp, bởi đã gây nghiệp nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng khổ vui chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các hình tượng hiện ra trong gương… đều không thật có, chỉ gạt trẻ nít ngu si. Những hình ấy làm sao có thể gây các nghiệp, do nghiệp đã tạo nên bị đọa cõi ác, hoặc sanh loài người, trời hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các hình tượng ấy có chơn thật tu đạo, nương việc tu đạo nên lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các hình tượng trong gương… đều không thật có, chẳng phải người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không, huống nương tu đạo lìa xa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Các tiếng vang phát ra từ trong hang núi**… có thật sự tạo nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng khổ vui chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các tiếng vang phát ra từ trong hang núi… đều không thật có, chỉ gạt trẻ nít ngu si. Những âm thanh ấy làm sao có thể gây tạo các nghiệp, do nghiệp đã tạo nên đọa cõi ác, hoặc sanh trời người hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các tiếng vang ấy có thật tu đạo, nương sự tu đạo nên lìa nhiễm, được tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì tiếng vang phát ra từ hang núi… đều không thật có, chẳng có người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không có, huống nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Trong **quáng nắng hiện như nước**… có thật sự tạo nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng khổ vui chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong quáng nắng hiện ra nước thảy đều không thật có, chỉ gạt trẻ nít ngu si. Những hiện tượng ấy làm sao có thể gây tạo các nghiệp, do nghiệp đã tạo nên đọa cõi ác, hoặc sanh cõi trời người hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nước trong các quáng nắng có chơn thật tu đạo, nương tu đạo nên lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì nước trong quáng nắng đều không thật có, chẳng có người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không có huống nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Sắc tướng hiện ra trong các ánh sáng**, có thật sự tạo nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng khổ, vui chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sắc tướng hiện ra trong các ánh sáng đều không thật có, chỉ gạt trẻ nít ngu si. Các sắc tướng ấy làm sao có thể gây tạo các nghiệp, bởi nghiệp nên đọa ác thú, hoặc sanh cõi trời người hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Sắc tướng trong các ánh sáng có thật tu đạo, nương sự tu đạo ấy xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật. Vì sao? Vì sắc tướng trong các ánh sáng đều không thật có, chẳng có người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không huống nương vào sự tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Huyễn sư hóa làm bốn loại quân hùng mạnh**: Quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, hoặc hóa tạo ra trâu, dê, nam, nữ và các việc lạ khác rất hiếm có. Các loại do huyễn hóa… đây có thật tạo nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng khổ, vui chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Voi huyễn, ngựa huyễn… đều không thật có, chỉ gạt trẻ nít khờ dại. Những loại này làm sao có thể gây tạo các nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa ác thú, hoặc sanh trời, người hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các việc huyễn hóa có thật tu đạo, nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật. Vì sao? Vì voi huyễn, ngựa huyễn… đều không thật có, chẳng có người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không huống nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Những thân mà kẻ biến hóa ra**, hóa thân ấy có thật tạo nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng các khổ, vui chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các thân biến hóa đều không thật có, làm sao có thể gây tạo các nghiệp, bởi nghiệp đã tạo nên bị đọa ác thú, hoặc sanh cõi trời người hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Hóa thân thật có tu đạo, nương tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật. Vì sao? Vì các thân biến hóa đều không thật, chẳng phải người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không huống nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? **Các vật hiện ra trong thành Tầm hương**, có thật tạo nghiệp, bởi nghiệp đã gây nên đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, hoặc đọa cõi quỷ, hoặc sanh trong loài người, hoặc sanh trên trời hưởng các khổ vui chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các vật hiện ra trong thành Tầm hương đều không thật có, làm sao có thể tạo các nghiệp, bởi nghiệp đã tạo nên đọa ác thú, hoặc sanh cõi trời người hưởng các khổ vui!

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Các vật hiện ra trong thành Tầm hương có thật tu đạo, nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật. Vì sao? Vì các vật hiện ra trong thành Tầm hương đều không thật, chẳng phải người tạo, chẳng do việc tạo, sự tu đạo còn không huống nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Trong đây thật có kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong đây không thật có kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh thật không có. Do nhân duyên đây nên tạp nhiễm, thanh tịnh cũng chẳng thật có. Vì sao? Vì các loài hữu tình trụ ngã, ngã sở hư vọng phân biệt nói có kẻ tạp nhiễm và thanh tịnh. Do nhân duyên đây, nói có tạp nhiễm và thanh tịnh. Kẻ chẳng thấy thật, nói có kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh. <u>Còn người thấy như thật, thì biết không có kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh, cũng không có tạp nhiễm, thanh tịnh thật sự để được, vì tất cả pháp rốt ráo không vậy</u>. *(Q.478, ĐBN)*

Sơ giải:

*Phẩm "Phật Pháp" của Hội thứ II, ĐBN chúng ta vừa tụng qua Phật thuyết về Tánh không mà trong đó có ba pháp không cuối cùng quan trọng là tự tướng không, tự tánh không và vô tánh tự tánh không để chúng ta tri nhận cái không của vạn hữu là "**nhất thiết pháp không**". Khi tri nhận được như vậy thì biết tất cả pháp rốt ráo không có tác dụng:*

"(…) tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. Trong pháp vô tánh thật không có pháp khác, không nghiệp, không quả cũng không tác dụng. Pháp vô tánh thường vô tánh vậy".

Kinh bảo rằng: Các pháp không có chút phần nào chơn thật thậm chí bằng đầu mảy lông. Kẻ ngu phu dị sanh chấp đắm, khởi tạo tác mà bị rơi vào các nghiệp. Do nhân duyên này nên chìm đắm các cõi, chẳng thoát khỏi các khổ sanh tử.

Nếu hiểu các pháp đều không, thì các pháp không có ảnh hưởng, không có tác dụng, nên không còn thi vi tạo tác nữa. Vì vậy, phẩm này Phật bảo: Các pháp chẳng khác nào cảnh mộng, như hình tượng trong

gương, như tiếng vang phát ra từ hang động, như nước hiện trong nắng nóng, như bèo bọt sương khói, như thành tầm hương v.v... đều không thật có, chẳng phải người tạo, chẳng do ai tạo, chẳng do việc tạo, trong đây không thật có kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh. Vì vậy, mới biết sự tu đạo còn không hiến chi nương vào tu đạo xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh.

Phật kết luận:

- "Này Thiện Hiện! Kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh thật không có. Do nhân duyên đây nên tạp nhiễm, thanh tịnh cũng chẳng thật có. Vì sao? Vì các loài hữu tình trụ ngã, ngã sở hư vọng phân biệt nói có kẻ tạp nhiễm và thanh tịnh. Do nhân duyên đây, nói có tạp nhiễm và thanh tịnh. Kẻ chẳng thấy thật, nói có tạp nhiễm, có thanh tịnh. Còn người thấy như thật, thì biết không có kẻ tạp nhiễm, kẻ thanh tịnh, cũng không có tạp nhiễm, thanh tịnh thật sự để được, vì tất cả pháp rốt ráo không vậy".

Câu nói đáng ghi nhớ trong phẩm này là: **"Trong pháp vô tánh thật không có pháp khác, không nghiệp, không quả cũng không tác dụng. Pháp vô tánh thường vô tánh vậy"**. *Pháp vô tánh cũng gọi là không, trong không làm gì có nghiệp, có quả, có tác dụng... Tất cả đều như cảnh mộng như trò huyễn v.v... Nếu thấy biết như thế thì lấy gì để giữ bỏ, nắm bắt? Không giữ bỏ, nắm bắt thì không có tạo tác thi vi. Nếu không tạo tác thi vi thì làm gì có tội phước nhân quả?*

*Nên **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 85, "Thất Dụ", Tập 5, quyển 95** giải thích rằng:*

"Phật nói chúng sanh do điên đảo mà khởi chấp các pháp, nhưng **thật sự chẳng có sự tương đãi sai biệt giữa thật pháp và giả pháp**. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là rốt ráo không vậy".

Do vậy, mới có câu hỏi:

"Hỏi: *Nếu nói giả pháp và thật pháp đều chẳng thật có, thì làm sao có thể được giải thoát? Ví như tay bẩn mà dùng nước bẩn để rửa tay, thì làm sao rửa cho sạch được?*

Đáp: Các pháp tướng đều là rốt ráo không. Sở dĩ nói đệ nhất nghĩa thanh tịnh, vì có phàm phu điên đảo, chẳng thanh tịnh.

Pháp thanh tịnh là chẳng bị phá hoại, chẳng bị biến đổi. Do phàm phu ở nơi các pháp thật tướng mà khởi chấp, sanh phiền não, nên phải vì họ nói pháp tướng là không, là vô sanh, là vô sở hữu. Vì là vô sở hữu nên là chẳng thật.

Tuy nói hai pháp, mà cả hai đều chẳng thật. **Nhưng dù đều chẳng thật mà vẫn có chỗ sai khác nhau.** Ví như 10 thiện pháp và 10 bất thiện pháp đều là pháp hữu vi, đều là pháp hư dối, chẳng thật, mà giữa thiện và bất thiện vẫn có chỗ sai khác vậy. Ví như người phạm tội sát sanh bị đọa vào đường ác; người chẳng sát sanh được sanh làm người, làm trời. Ví như ở nơi vô sở hữu mà não hại chúng sanh thì bị tội; khởi tâm từ bi đối với chúng sanh thì được phước v.v…

Lại nữa, tuy các pháp đều là không, là hư dối, nhưng lại có tác dụng khác nhau. Ví như từ bi phá được sân hận, bố thí phá được xan tham v.v…

Bởi vậy nên nói các pháp chẳng có bản định thật. Để chứng minh, Phật nên lên 7 thí dụ.

Phật nêu thí dụ trong mộng thấy có người thọ 5 dục, mà cảnh mộng đó chẳng thật có. Sở dĩ Phật nêu thí dụ trên đây để phá chấp cho rằng "Nếu các pháp là không, là vô sở hữu, thì làm sao khiến mắt có thể thấy được Phật, tai có thể nghe được pháp…"

Thí dụ này cho thấy mộng tuy chẳng thật có, mà vẫn có nghe thấy, có sân hận, có vui mừng v.v…; khi tỉnh mộng rồi, thì chẳng có thấy gì nữa cả. Phàm phu do vô minh điên đảo che tâm, nên cảm thấy có sân hận có vui mừng v.v… còn các bậc thánh đã được giác ngộ rồi, thì chẳng thấy gì cả.

Hết thảy các pháp, dù là hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi v.v… đều là hư dối, chẳng thật có, đều ví như cảnh mộng vậy. Cũng như cảnh mộng, khi mê thì thấy có 6 đường sanh tử, thấy có chúng sanh qua lại 6 đường sanh tử, thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát… dẫn đến có Phật; khi ngộ, chẳng còn thấy gì nữa. Cũng như cảnh mộng, khi mê thì thấy các nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm người, làm trời, thấy có cấu có tịnh; khi ngộ, thì chẳng thấy có các nghiệp nhân duyên, chẳng thấy có cấu tịnh. Chỉ do điên đảo chấp đắm mới khởi các nghiệp nhân duyên… dẫn đến phải thọ các nghiệp quả báo; khi ngộ, thì chẳng còn thấy gì nữa.

Các chấp điên đảo là hư dối, là chẳng thật có. **Nếu trừ được các chấp điên đảo rồi, là liền được đạo. Thế nhưng, <u>khi các chấp điên đảo đã tận trừ rồi thì đạo cũng là chẳng thật có vậy</u>. Tất cả đều là như mộng… dẫn đến đều là như bóng trong gương, như tiếng vang, như sóng nắng, như thành Càn Thát Bà, như huyễn, như hóa cả**".

Nhưng đó là lối nói theo Đệ nhất nghĩa đế. Chúng ta sống ở cõi đời này đã bị luân lý đạo đức, cái gọi là ***đạo làm người, đạo nhân gian*** *ăn sâu tận xương tủy lâu đời trong máu mũ, nên phân biệt chấp trước mà nói có nghiệp quả, nhiễm tịnh trong sinh hoạt thường nhật của đời sống chúng ta? Chỉ trừ khi nào nhập được tánh không biết được tất cả pháp là vô tánh tự tánh không thì khi ấy không còn thấy nghiệp quả, uế tịnh... lúc đó mới có thể tháo gỡ cái án treo đang trồng trên cỗ trong suốt cuộc đời này.*

Câu nói ghê gớm nhất làm chúng ta không che dấu nổi phiền muộn là "sanh ra là để trả nghiệp". Nó đe dọa thường xuyên chúng ta khi mới vào đời và bắt đầu có ý thức về phải trái tội phước. Nhưng nếu chứng được pháp không, pháp như và sống trong Đệ nhất nghĩa đế sẽ không thấy uế tịnh, tội phước, tất được thong dong tự tại thôi.

Ở đây, thay vì Phật nói đến chứng nhập pháp không, pháp như hay sống trong Đệ nhất nghĩa đế, Phật nói nếu thấy được các pháp như huyễn như mộng, như thành tầm hương, như bèo bọc, sương khói… thì chẳng có gì để bám vúi, nên không còn quái ngại, vướng mắc nữa.

Phật bảo:

"...phàm phu ngu si dị sanh chấp đắm, không có phần nào chơn thật thậm chí bằng đầu sợi lông. Kẻ ngu ấy chấp đắm rồi, tạo tác các nghiệp. Do nhân duyên này nên chìm đắm các cõi, chẳng thoát khỏi các khổ sanh tử được. Chỉ có hư vọng điên đảo chấp đắm".

Vì chẳng thấy chân tướng của sự vật tức chưa vào được nơi thật tướng pháp, chỉ sống trong hư vọng điên đảo chấp đắm, nên tạo tác thi vi mà bị nghiệp quả trói buộc, nên lưu đài trong ba cõi sáu đường. Phật thức tỉnh chúng sanh, nói rằng "tự tướng các pháp là không, ở nơi thật tướng các pháp là không nên không chấp cấu, chấp tịnh nữa".

Giáo pháp rất sâu, phải tu tập, quán tưởng thực hành miên mật mới hy vọng cởi bỏ những thói quen điên đảo chấp đắm của con người thế tục. Nếu không làm được như vậy thì chúng ta ngàn đời ngu phu dị sanh vẫn là

ngu phu dị sanh, và sẽ không bao giờ tháo gỡ được cái án treo của nghiệp quả đã quàng lên cổ từ khi chúng ta mới chào đời.

Để kết luận cho phẩm này, chúng ta có thể nói: "Đại Bồ Tát đối với tất cả pháp đều ***quán tự tướng không****. Đại Bồ Tát ấy, dùng Tỳ bà xá na* ***quán tất cả pháp tự tướng không rồi, thì tự biết không thể an trụ trong ấy*** *để chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao?* ***Vì quả vị Giác ngộ và tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh****; vô tánh như thế chẳng phải do Phật làm ra, cũng không bất cứ ai làm ra. Chỉ vì hữu tình đối với tất cả pháp chẳng biết chẳng thấy tất cả đều không, tất cả đều như huyễn mộng... Do nhân duyên này, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến hữu tình lìa chấp, lìa đắm, thoát khổ sanh tử, an vui Niết bàn".*

Vậy, chẳng có gì là chẳng không, chẳng có gì khác với cảnh mộng, trò huyễn… đối với Bát Nhã Tánh không. Học Bát Nhã phải biết quán không như huyễn như mộng... mới vào được nhân không, pháp không, mới không còn thấy sở hành, sở tác. Không thấy sở hành sở tác, là hành như vô sự, vô đạo hành, vô công dụng hạnh… Hành như vậy là không thấy tác chủ, sở hành, thời hành, xứ hành, pháp hành… thì làm gì thấy có nhiễm tịnh, nghiệp quả, báo chướng nữa?

Học đạo tới đây thì thấy rõ đâu là Tục đế? Đâu là Chân hay Đệ nhất nghĩa đế? Huyễn dụ có tác dụng to lớn có thể tháo gỡ mọi câu thúc thế gian, nếu quán đúng tác dụng của nó. Bài pháp của Kinh và Luận tuy giản dị mà hiệu năng lại phi thường, phải chịu khó tư duy quán tưởng thôi./.

---o0o---

83. PHẨM "NÓI THẬT"

Giữa quyển 478, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thắng Nghĩa Du Già",
cuối Q.396 đến đầu Q.397, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Nói Thật" của Hội thứ II này là một trong hai phẩm cuối cùng trước khi Phật chấm dứt Hội thứ II, tương đương với phẩm "Thắng Nghĩa Du Già" của Hội thứ I, ĐBN. Đây là phẩm hay, giải quyết được một số thắc mắc cũng có thể coi là mâu thuẫn trong tư duy thường tục của chúng ta khi thọ trì các giáo pháp có vẻ "nghịch đời" này.

Phẩm "Nói Thật" của Hội thứ II, cũng tương đương với ***phẩm thứ 86, "Bình Đẳng", Tập 5, quyển 95, Đại Trí Độ Luận.***

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người thấy thật đã không tạp nhiễm, không thanh tịnh, người chẳng thấy thật cũng không tạp nhiễm, không thanh tịnh. Vì sao? Vì **tất cả pháp vô sở hữu**.

Bạch Thế Tôn! Người nói thật đã không tạp nhiễm, không thanh tịnh, người chẳng nói thật cũng không tạp nhiễm, không thanh tịnh. Vì sao? Vì **tất cả pháp không có tự tánh**.

Bạch Thế Tôn! Pháp không có tự tánh là không tạp nhiễm, không thanh tịnh. Pháp có tự tánh cũng không tạp nhiễm, không thanh tịnh. Các pháp có tự tánh và không có tự tánh cũng không tạp nhiễm, không thanh tịnh. Vì sao? Vì **tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh** vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu người thấy thật và người nói thật không nhiễm không tịnh, người chẳng thấy thật và người chẳng nói thật cũng không nhiễm, thì tại sao đức Thế Tôn có lúc nói có pháp thanh tịnh?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ta nói **tất cả pháp tánh bình đẳng là pháp thanh tịnh**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi tất cả pháp tánh bình đẳng?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Vì các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới như hư không, cảnh giới bất tư nghì, dù có Phật ra đời hay không có Phật ra đời thì tánh tướng của các pháp vẫn thường trụ. Đấy gọi là tất cả các pháp tánh bình đẳng. Tánh bình đẳng đây gọi là pháp thanh tịnh. Đây nương vào thế tục nói là thanh tịnh, chẳng phải nương vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế không có sự phân biệt, ngôn ngữ dứt, bặt hý luận.*(Q.478, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như mộng, như tượng, như tiếng vang, như quáng nắng, như ảo ảnh, như huyễn hóa, như thành Tầm hương, tuy hiển hiện như có nhưng không thật có, vậy làm sao các đại Bồ Tát nương vào pháp chẳng thật có đây để phát tâm hướng tới Vô thượng Bồ đề, rồi tuyên thệ như: Ta sẽ viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Ta sẽ viên mãn thù thắng thần thông Ba la mật. Ta sẽ viên mãn phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật. Ta sẽ viên mãn bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Ta sẽ viên mãn 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Ta sẽ viên mãn pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Ta sẽ viên mãn 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ. Ta sẽ viên mãn nội không cho đến vô tính tự tính không. Ta sẽ viên mãn chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. Nói rộng ra, Ta sẽ viên mãn tất cả pháp Phật. Ta sẽ phát khởi vô lượng quang minh chiếu khắp 10 phương vô biên thế giới. Ta sẽ phát khởi diệu âm biến khắp 10 phương vô biên thế giới, tùy theo tâm, tâm sở của các hữu tình hiểu biết khác nhau mà nói nhiều thứ pháp môn vi diệu khiến được lợi vui?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Tất cả pháp mà ông đã nói đây há chẳng phải đều như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang, như quáng nắng, như ảo ảnh, như huyễn hóa, như thành Tầm hương sao?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Như vậy! Như vậy! Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như mộng cho đến như thành Tầm hương đều không thật có, thì tại sao khi đại Bồ Tát

hành sâu Bát Nhã, phát đại thệ nguyện rằng: Ta sẽ viên mãn tất cả công đức, làm lợi ích an vui cho vô lượng hữu tình?

Bạch Thế Tôn! Các vật loại được thấy trong mộng, nói rộng cho đến hiện ra thành Tầm hương, hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật còn chẳng có, huống nữa là có khả năng viên mãn. Tất cả pháp khác cũng như vậy đều không thật có.

Bạch Thế Tôn! Các vật loại được thấy trong mộng, nói rộng cho đến hiện ra như thành Tầm hương, hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ còn chẳng có, huống nữa là có khả năng viên mãn. Tất cả pháp khác cũng như vậy đều chẳng thật có.

Bạch Thế Tôn! Các vật loại được thấy trong mộng, nói rộng cho đến hiện ra như thành Tầm hương, thành tựu tất cả sự nghiệp sở nguyện còn chẳng thật có, huống nữa là có khả năng viên mãn. Tất cả pháp khác cũng như vậy đều chẳng thật có.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Pháp chẳng thật có còn chẳng thể hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, huống nữa là có khả năng viên mãn. Như vậy, cho đến pháp chẳng thật có còn chẳng thể hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, huống nữa là có khả năng viên mãn. Pháp chẳng thật có chẳng thể thành tựu sự nghiệp sở nguyện. Pháp chẳng thật có chẳng thể chứng được sở cầu Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên thiện pháp khác chẳng thật có, nên chẳng thể chứng được sở cầu Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Ông phải biết các pháp như thế, tất cả đều là pháp suy nghĩ tạo tác. Các pháp do suy nghĩ tạo tác đều chẳng thể chứng được Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các pháp như thế đối với đạo Bồ đề tuy có thể dẫn phát, song đối với quả Bồ đề không có tác dụng giúp ích gì. Bởi các pháp này không sanh, không khởi, không có thật tướng nên khi các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, từ sơ phát tâm, tuy khởi các loại thiện nơi thân, ngữ, ý như là tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Như vậy cho đến hoặc tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, mà biết tất cả đều như mộng, như bóng, như tiếng

vang, như quáng nắng, như ảo ảnh, như huyễn hóa và như thành Tầm hương đều chẳng thật có.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Các pháp như thế tuy chẳng thật có, nhưng nếu chẳng viên mãn thì quyết định chẳng thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Bồ đề.** Nghĩa là đại Bồ Tát nếu chẳng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật thì quyết định chẳng thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Bồ đề. *(Q.478, ĐBN)*

(Tất cả pháp mà Kinh bảo chẳng thật có (kể cả pháp Phật) do suy nghĩ tạo tác đều chẳng thể chứng được Nhất thiết trí trí. Nhưng nếu chẳng viên mãn thì quyết định chẳng thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Bồ đề. Đó là cái mà chúng ta gọi là "nghịch đời" đối với suy nghĩ của con người trần tục. Hãy lắng nghe Phật giải thích).

Lại nữa, Thiện Hiện! Khi các đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, dù tu tất cả thiện pháp cũng đều như thật biết như mộng cho đến như thành Tầm hương. Nghĩa là nếu tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật thì như thật biết như mộng cho đến như thành Tầm hương. Như vậy, cho đến nếu tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thì như thật biết như mộng cho đến như thành Tầm hương. Nếu thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì như thật biết như mộng cho đến như thành Tầm hương. Cũng như thật biết tâm hành sai khác của các loài hữu tình như mộng cho đến như thành Tầm hương.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Khi các đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, đối với tất cả pháp chẳng lấy đó làm có, chẳng lấy đó làm không.** Nếu do lấy như thế nên chứng được Nhất thiết trí trí thì cũng biết pháp kia như mộng cho đến như thành Tầm hương, chẳng lấy đó làm có, chẳng lấy đó làm không. Vì sao? Vì **6 pháp Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí đều chẳng thể lấy được**. Pháp thiện, bất thiện cũng chẳng thể lấy được. Pháp hữu ký, vô ký cũng chẳng thể lấy được. Pháp hữu lậu, vô lậu cũng chẳng thể lấy được. Pháp thế gian, xuất thế gian cũng chẳng thể lấy được. Đại Bồ Tát này biết tất cả pháp chẳng thể lấy được rồi cầu chứng Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả pháp đều chẳng thể lấy, đều chẳng thật có,

như mộng cho đến như thành Tầm hương. **Chẳng thể lấy, chẳng thể chứng được pháp, nhưng các hữu tình đối với pháp như thế chẳng biết, chẳng thấy. Đại Bồ Tát này vì làm lợi ích cho các hữu tình kia, nên cầu chứng Vô thượng Bồ đề.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, vì muốn làm lợi vui cho các hữu tình nên tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, chẳng vì việc mình, chẳng vì việc nào khác. Vì muốn lợi vui cho các hữu tình nên cầu chứng Vô thượng Bồ đề, chẳng vì việc mình, chẳng vì việc nào khác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Khi đại Bồ Tát này hành sâu Bát Nhã, thấy các người ngu ở trong phi ngã mà tưởng trụ ngã, ở trong phi hữu tình mà tưởng trụ hữu tình, như vậy cho đến chẳng phải người biết *(tri giả)* mà tưởng trụ người biết; đối với chẳng phải người thấy *(kiến giả)* mà tưởng trụ nơi người thấy. Thấy việc đây rồi, đại Bồ Tát này rất thương xót, phương tiện giáo hóa khiến xa lìa điên đảo vọng tưởng chấp trước, an trú trong cõi Cam lồ vô tướng. Trụ trong cõi này chẳng còn khởi tưởng ta cho đến tưởng người thấy người biết. Khi đó, tất cả sự dao động, tán loạn, hý luận, phân biệt chẳng hiện hành nữa. Tâm thường an trụ cõi vắng lặng đạm bạc không hý luận. *(Q.478, ĐBN)*

Này Thiện Hiện! Nhờ phương tiện đây, nên đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, tự đối với các pháp **không có chấp trước**, cũng dạy người đối với tất cả pháp không chấp trước. Đây là nương thế tục, chẳng nương thắng nghĩa, vì trong thắng nghĩa không có chấp trước ta, người sai khác, chẳng thể đắc vậy.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Khi Phật đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, pháp mà Phật chứng được là nương vào thế tục mà nói là được, hay nương vào thắng nghĩa nói là được?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Khi Phật đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, pháp mà Phật chứng là nương vào thế tục mà nói là được, chẳng nương vào thắng nghĩa. Nếu nương vào thắng nghĩa, thì năng đắc sở đắc đều chẳng thể được. Vì sao? **Vì nếu bảo là được pháp như vậy bèn có sở đắc. Kẻ có sở đắc thì liền chấp có hai. Kẻ chấp có hai thì chẳng được quả, cũng chẳng hiện quán.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chấp có hai thì chẳng đắc quả, cũng chẳng hiện quán; nếu chấp không hai thì có đắc có hiện quán không?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Kẻ chấp có hai chẳng đắc quả, cũng chẳng hiện quán. Kẻ chấp không hai cũng lại như thế, vì có sở chấp vậy. Vì chấp đây, chấp kia đều là hý luận. Chẳng phải trong tánh bình đẳng tất cả pháp có hý luận. Nếu lìa hý luận mới được gọi là pháp tánh bình đẳng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, trong đây sao gọi pháp tánh bình đẳng?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Nếu ở chỗ này đều không có hữu tánh, cũng không có vô tánh, cũng chẳng thể nói là tánh bình đẳng thì như vậy mới gọi là pháp tánh bình đẳng. Phải biết tánh bình đẳng đã chẳng thể nói, cũng chẳng thể biết, trừ tánh bình đẳng không pháp có thể đắc, lìa tất cả pháp không tánh bình đẳng.**

Này Thiện Hiện! Phải biết pháp tánh bình đẳng, Thánh giả dị sanh đều chẳng thể hành, vì chẳng phải cảnh giới kia vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp tánh bình đẳng há cũng chẳng phải là cảnh sở hành của Phật sao?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Pháp tánh bình đẳng, tất cả Thánh giả đều chẳng thể hành, cũng chẳng thể chứng. Nghĩa là các vị Dự lưu, hoặc các vị Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc Như Lai đều **chẳng thể lấy pháp tánh bình đẳng làm cảnh sở hành**. Trong đây, tất cả hý luận phân biệt đều chẳng thể hành vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Phật đối với các pháp đều được tự tại, như thế có thể nói pháp tánh bình đẳng cũng chẳng phải cảnh sở hành của chư Phật sao?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Phật đối với các pháp tuy được tự tại, nếu tánh bình đẳng cùng Phật có khác, thì có thể nói là cảnh giới sở hành của Phật.

Nhưng tánh bình đẳng cùng Phật không khác, làm sao có thể nói Phật hành cảnh ấy.

Này Thiện Hiện! Phải biết, nếu pháp tánh bình đẳng của các dị sanh, hoặc pháp tánh bình đẳng của các Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai, tất cả pháp tánh bình đẳng như vậy đều đồng một tướng, đó là vô tướng. Tướng bình đẳng đây không hai không khác, nên chẳng thể nói đây là pháp tánh bình đẳng của dị sanh, nói rộng cho đến đây là pháp tánh bình đẳng của Như Lai. Ở trong pháp tánh bình đẳng này, tánh bình đẳng đã bất khả đắc. Ở trong tướng của dị sanh và Dự lưu… sai khác cũng bất khả đắc. *(Q.478, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, các tướng sai khác đều bất khả đắc thì các pháp dị sanh, Dự lưu… và hữu tình cũng phải không sai khác?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ngươi đã nói! Trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, các dị sanh, hoặc các Thánh giả, cho đến pháp Như Lai và hữu tình đều không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, dị sanh, Thánh giả, pháp Như Lai và hữu tình đều không sai khác thì tại sao có Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo xuất hiện ở thế gian?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Pháp tánh bình đẳng của Phật, Pháp, Tăng bảo, mỗi mỗi có khác chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì pháp tánh bình đẳng của Phật, Pháp, Tăng bảo đều không sai khác. Vì sao? Vì pháp tánh bình đẳng của Phật, Pháp, Tăng bảo, tất cả pháp như thế đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. Nhưng Phật Thế Tôn đối với pháp vô tướng, **phương tiện khéo léo kiến lập nhiều thứ pháp và hữu tình gọi tướng sai khác**, chỗ gọi đây là dị sanh và pháp, cho đến đây là Như Lai và pháp?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ngươi đã nói! Chư Phật đối pháp vô tướng phương tiện khéo léo kiến lập nhiều thứ pháp và hữu tình gọi tướng sai khác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng chứng Vô thượng Bồ đề, hoặc chứng Vô thượng Bồ đề, chẳng vì hữu tình kiến lập danh tướng các pháp sai khác, thì các loại hữu tình có thể tự biết đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là cõi quỷ, đây là người, đây là trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; đây là sắc cho đến thức; đây là 12 xứ cho đến 18 giới; đây là nhãn xúc cho đến ý xúc; đây là nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ; đây là địa giới cho đến thức giới; đây là nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; đây là theo duyên sanh ra các pháp; đây là vô minh cho đến lão tử; đây là pháp thiện, pháp ác; đây là pháp hữu ký, vô ký; đây là pháp hữu lậu, vô lậu; đây là pháp thế gian, xuất thế gian, đây là pháp hữu vi, vô vi; đây là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; đây là 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; đây là nội không cho đến vô tính tự tính không; đây là chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; đây là Tam bảo, đây là Tam thừa; các loại hữu tình đối với danh tướng sai khác như thế có thể tự biết chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không! Nếu Phật chẳng vì hữu tình kiến lập các danh tướng sai khác như thế thì các loài hữu tình chẳng thể tự biết các danh tướng sai khác như thế.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Vì vậy, đối với pháp vô tướng, Như Lai tuy vì hữu tình, phương tiện khéo léo kiến lập các loại danh tướng sai khác, nhưng đối với tánh bình đẳng của các pháp thì không thể động chuyển. Tuy đối với hữu tình, Như Lai là đại ân đức, song ở trong ấy chẳng giữ lấy tướng.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ví như đức Như Lai đối với tánh bình đẳng của tất cả pháp đều không thể bị động chuyển. Như vậy, tất cả dị sanh, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát đối với tánh bình đẳng của tất cả pháp cũng không thể bị động chuyển chăng?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Vì tất cả pháp và các hữu tình đều chẳng ra khỏi tánh bình đẳng vậy. Như tánh bình đẳng, phải biết chơn như nói rộng cho đến bất tư nghì giới cũng lại như thế. Các pháp dị sanh và các Thánh giả đối chơn như thảy không sai khác vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Như các dị sanh và các Thánh giả cùng với tánh của tất cả pháp bình đẳng không sai khác nhau. Nhưng tướng của tất cả pháp đây và tướng của các hữu tình đều khác nhau nên tánh cũng phải khác. Vậy thì pháp tánh cũng phải khác nhau**. Nghĩa là sắc cho đến thức, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. 12 xứ cho đến 18 giới, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Địa giới cho đến thức giới, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Các pháp theo duyên sanh ra, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Vô minh cho đến lão tử, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Tướng tham, sân, si đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Tướng dị sanh, kiến thú, đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Tướng 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Tướng 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Tướng của pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Nội không cho đến vô tính tự tính không, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. 8 giải thoát cho đến 10 biến xứ, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Nói rộng ra, tất cả pháp Phật tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau? Pháp thế gian, xuất thế gian, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau. Pháp hữu vi, vô vi, tướng đều khác nhau nên tánh cũng phải khác nhau?

Bạch Thế Tôn! Các pháp như thế, nếu tướng đều khác nhau thì pháp tánh cũng phải khác nhau? **Vậy đối với các pháp tướng khác nhau, làm**

sao có thể an lập nơi pháp tánh nhất tướng? Khi đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, làm sao chẳng phân biệt pháp và các hữu tình có các thứ tánh? Nếu đại Bồ Tát chẳng phân biệt pháp và các hữu tình có các thứ tánh, thì chẳng thể hành sâu Bát Nhã. Nếu chẳng thể hành sâu Bát Nhã thì chẳng thể từ bậc Bồ Tát này tiến đến bậc Bồ Tát khác. Nếu chẳng được từ bậc Bồ Tát này tiến đến bậc Bồ Tát khác thì chẳng thể nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu chẳng vào được Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì chẳng thể vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác. Nếu chẳng vượt qua được các bậc Thanh văn và Độc giác thì chẳng thể viên mãn thần thông Ba la mật. Nếu chẳng viên mãn được thần thông Ba la mật thì chẳng thể đối với các thần thông, du hý tự tại. Nếu đối với các thần thông, chẳng du hý tự tại được thì chẳng thể viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Nếu chẳng viên mãn được bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thì chẳng thể từ cõi Phật này tới cõi Phật khác, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn. Nếu chẳng được từ cõi Phật này tới cõi Phật khác, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn thì chẳng thể ở chỗ chư Phật trồng các căn lành. Nếu chẳng được ở chỗ chư Phật trồng các căn lành thì chẳng thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình. Nếu chẳng được nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình thì chẳng thể chứng được Vô Thượng Bồ đề, chuyển bánh xe chánh pháp độ chúng hữu tình khiến cho lìa hẳn sanh tử ác thú?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như ngươi đã nói, các dị sanh và các Thánh giả cùng với tánh của tất cả pháp bình đẳng không sai khác. Nhưng tướng của tất cả pháp đây và tướng của các hữu tình đều khác nhau nên tánh cũng phải khác. Vậy thì pháp tánh cũng phải khác nhau. Đối với các pháp tướng khác nhau, làm sao có thể an lập nơi pháp tánh nhất tướng? Khi đại Bồ Tát hành sâu Bát nhã Ba la mật, làm sao chẳng phân biệt pháp và các hữu tình có các thứ tánh, cho đến nói rộng như trên?

Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Pháp tánh của các sắc là **tánh không** chăng? Pháp tánh của các thọ, tưởng, hành, thức là tánh không chăng? Như vậy cho đến tất cả pháp tánh hữu vi, vô vi là tánh không chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! **Tất cả pháp tánh đều là tánh không**.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Ở trong tánh không, tướng khác nhau của các pháp có thể đắc được chăng? Nghĩa là tướng khác nhau của sắc, nói rộng cho đến tất cả tướng khác nhau của hữu vi, vô vi có thể đắc được chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được. **Ở trong tánh không, tất cả tướng khác nhau đều chẳng thể đắc.**

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Do đây phải biết, pháp tánh bình đẳng chẳng phải là tất cả phàm phu ngu si dị sanh, cũng chẳng lìa tất cả phàm phu ngu si dị sanh. Như vậy, cho đến chẳng phải là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cũng chẳng lìa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Pháp tánh bình đẳng chẳng phải là sắc cũng chẳng lìa sắc; chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, cho đến chẳng phải pháp hữu vi và vô vi, cũng chẳng lìa pháp hữu vi và vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vậy pháp tánh bình đẳng chính là hữu vi hay vô vi?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Pháp tánh bình đẳng chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi. Nhưng lìa pháp hữu vi, pháp vô vi thì chẳng thể được; lìa pháp vô vi, pháp hữu vi cũng chẳng thể được.

Thiện Hiện nên biết! Cõi hữu vi, hoặc cõi vô vi, hai cõi như thế chẳng hợp chẳng tan, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương thế tục mà nói, chẳng nương thắng nghĩa. Vì sao? Vì chẳng phải trong thắng nghĩa thân hành, ngữ hành, ý hành có thể được; chẳng lìa thân hành, ngữ hành, ý hành, thắng nghĩa có thể được. *(Q.478, ĐBN)*

Thiện Hiện nên biết! **Pháp tánh bình đẳng của pháp hữu vi và pháp vô vi gọi là thắng nghĩa,** chẳng phải lìa tất cả hữu vi, vô vi riêng có thắng nghĩa. Cho nên, đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã chẳng động thắng nghĩa mà hành Bồ Tát hạnh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp độ chúng hữu tình, khiến cho dứt hẳn sanh, lão, bệnh, tử, chứng được Niết bàn tuyệt đối an vui.

Sơ giải:

1. "Nói Thật":

Thiện Hiện bạch Phật:

"- Bạch Thế Tôn! Các vật loại được thấy trong mộng, nói rộng cho đến hiện ra như thành Tầm hương, thành tựu tất cả sự nghiệp sở nguyện **còn chẳng thật có**, huống nữa là có khả năng viên mãn. Tất cả pháp khác cũng như vậy đều chẳng thật có.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Pháp chẳng thật có còn chẳng thể hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, huống nữa là có khả năng viên mãn. Như vậy, cho đến pháp chẳng thật có còn chẳng thể hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, huống nữa là có khả năng viên mãn. Pháp chẳng thật có chẳng thể thành tựu sự nghiệp sở nguyện. Pháp chẳng thật có chẳng thể chứng được sở cầu Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô biên thiện pháp khác chẳng thật có, nên chẳng thể chứng được sở cầu Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! **Ông phải biết các pháp như thế, tất cả đều là pháp suy nghĩ tạo tác. Các pháp do suy nghĩ tạo tác đều chẳng thể chứng được Nhất thiết trí trí.**

Câu trả lời từ kim khẩu của Phật, chẳng khác nào tiếng sét giáng mạnh ngang tai. Tất cả pháp kể cả pháp Phật đều do suy nghĩ tạo tác làm ra, những pháp ấy chẳng thể chứng được Nhất thiết trí trí. Vậy, bao nhiêu lời nói, bao nhiêu giấy mực, bao nhiêu Kinh Luận, những lời khuyên bảo, táng tụng các pháp mầu Phật đạo… rốt cục đổ sông đổ biển. Đến đây chúng ta chẳng khác nào người câm ăn phải mướp đắng. Vậy, công trình xây dựng đạo Phật ở chỗ nào? Đâu là lập cước của đạo Phật?

Để trả lời vấn nạn này. Phật bảo:

"... **Các pháp như thế tuy chẳng thật có, nhưng nếu chẳng viên mãn thì quyết định chẳng thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Bồ đề".**

À! Ra thế! Các pháp không những như huyễn như mộng, không thật có, là vô tri trì độn v.v... nhưng nếu không viên mãn thì không thể thành thục chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc Vô thượng Bồ đề.

Câu trả lời này thật nghịch đời trong tư duy thường tục, nhưng rất hợp lý đối với Thánh giả. Bởi vì, chư Phật bảo tu là đừng nắm bắt cất giữ. Tu như vậy là có sở đắc thì sẽ không đắc không hiện quán. Muốn đắc muốn hiện quán phải viên mãn tất cả pháp Phật, lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đó là thật ngữ của chư Phật mà phẩm này gọi là "Nói Thật".

Tới đây chúng ta thấy nhẹ nhỏm: Biết tất cả pháp là như huyễn như mộng nên đừng mong cầu nắm bắt, đừng bám vúi vào bất cứ pháp nào dù là pháp thắng diệu mang nhiều công đức nhất, lấy vô sở hữu bất khả đắc viên mãn tất cả pháp Phật thì chứng được Vô Thượng Bồ đề. Nhưng với điều kiện là đừng thủ tâm chấp tướng, đừng lấy cái ngã tu Phật, cũng chẳng hành nhị pháp để tu đạo.

Rốt lại là phải viên mãn lục Ba la mật và các pháp mầu Phật đạo.

2. Pháp tánh bình đẳng:

Vì tất cả pháp là vô sở hữu, vì tất cả pháp không có tự tánh, nên tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh. Nhưng chẳng có pháp nào có tự tánh, nên nói tất cả là không. Trong không thì chẳng có tạp nhiễm hay thanh tịnh. Vì vậy, Phật bảo tất cả pháp tánh bình đẳng là pháp thanh tịnh. **"Vì pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới như hư không, cảnh giới bất tư nghì, dù có Phật ra đời hay không có Phật ra đời thì tánh tướng của các pháp vẫn thường trụ. Đấy gọi là tất cả các pháp tánh bình đẳng. Tánh bình đẳng đây gọi là pháp thanh tịnh. Đây nương vào thế tục nói là thanh tịnh, chẳng phải nương vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế không có sự phân biệt, ngôn ngữ dứt, bặt hý luận".**

Đoạn Kinh này dựa vào thập nhị chơn như để giải thích về tánh bình đẳng. Trong như thì tất cả pháp đều bình đẳng và vì bình đẳng nên nói là thanh tịnh. Đó là nói theo Tục đế, trong thắng nghĩa không có phân biệt.

***Kinh MHBNBLMĐ** đồng với phẩm này nói về bình đẳng như sau:*

"Hành "2 pháp" chẳng có đạo, chẳng có quả, hành "chẳng 2 pháp" cũng chẳng có đạo, chẳng có quả. Chẳng dùng "2 pháp" (nhị pháp), cũng chẳng dùng "chẳng 2 pháp" (bất nhị pháp) thì đó là đạo, là quả vậy.

Vì sao? Vì nói dùng pháp ấy mà được đạo, được quả là hý luận, nói dùng pháp ấy mà chẳng được đạo, chẳng được quả cũng là hý luận. Nơi các pháp bình đẳng chẳng có hý luận chẳng có tướng hý luận. Các pháp chẳng có hý luận là các pháp bình đẳng".

Kinh MHBNBLMĐ chỉ giải thích giản tiện: "Các pháp chẳng có hý luận là các pháp bình đẳng".

Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 86, "Bình Đẳng", Tập 5, quyển 95*, giải thích như sau:*

"Dùng "2 pháp" (nhị pháp) mới phân biệt có địa ngục, có ngạ quỷ, có súc sanh, có trời, có người; phân biệt có phàm phu, có các bậc thánh hiền... dẫn đến có các đức Phật v.v...

Dùng "chẳng 2 pháp" (bất nhị pháp) thì chẳng có các sự phân biệt như vậy. Vì sao? **Vì Phật pháp là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận**. Nếu ở trong Phật pháp mà còn phân biệt có các pháp tướng sai khác, như có tướng địa ngục, tướng ngạ quỷ, tướng súc sanh v.v... thì chẳng phải là tịch diệt nữa. "Chẳng 2 pháp" (bất nhị pháp) là chẳng có hý luận.

Phật ở nơi tướng tịch diệt mà vẫn thường vì chúng sanh phân biệt các pháp. Tuy phân biệt các pháp mà chẳng đọa vào hý luận, cũng chẳng ly thật tướng pháp".

"Phật bất động ở nơi hết thảy các pháp, mà phân biệt được hết thảy các pháp. Do bất động mà phân biệt các pháp như vậy, nên chẳng có chấp "hai tướng" (nhị tướng), cũng chẳng có chấp "một tướng" (nhất tướng) vậy".

*Phật đối với tất cả pháp tuy bất động mà phân biệt được hết thảy các pháp. Nên "*chẳng đọa vào hý luận, cũng chẳng ly thật tướng pháp". *Luận không nói gì về bình đẳng tánh ở chỗ này.*

3. Tất cả pháp tánh đều rỗng không.

Pháp tánh của sắc là rỗng không, pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không. Pháp tánh của 12 xứ, 18 giới cũng rỗng không. Pháp tánh của 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất

cộng cho đến Nhất thiết chủng trí… cũng rỗng không. Pháp tánh của phàm phu rỗng không. Pháp tánh của tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát, cho đến Phật Vô Thượng cũng rỗng không. Pháp tánh của pháp thế gian, xuất thế gian rỗng không. Pháp tánh của pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi cũng rỗng không. Nói chung, tất cả pháp tánh đều là rỗng không.

*Trong cái rỗng không, tất cả tướng sai khác đều chẳng thể nắm bắt được. Do đó nên biết, **pháp tánh bình đẳng chẳng phải sắc, chẳng lìa sắc**; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức; pháp tánh bình đẳng chẳng phải 12 xứ, 18 giới, chẳng lìa 12 xứ, 18 giới; pháp tánh bình đẳng chẳng phải tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết chủng trí…cho đến Vô Thượng Chánh giác, cũng chẳng lìa tất cả các pháp ấy; pháp tánh bình đẳng chẳng phải pháp thế gian xuất thế gian, chẳng lìa pháp thế gian xuất thế gian; chẳng phải pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi, chẳng lìa pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi. Vì lìa pháp hữu vi, thì không có pháp vô vi; lìa pháp vô vi, thì không có pháp hữu vi.*

*Để giải thích điểm này, **Đại Trí Độ Luận phẩm "Bình Đẳng"**. Nói:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như Phật chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, thì làm sao phàm phu, Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng đều chẳng động ở nơi các tướng bình đẳng? Như vậy, Phật làm sao phân biệt được các pháp có tướng sai khác nhau, như tướng sắc khác... dẫn đến tướng pháp hữu vi khác, tướng pháp vô vi khác? Nếu chẳng có phân biệt như vậy thì làm sao Bồ Tát tu từ địa này lên địa khác,... dẫn đến thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ?

Phật dạy: Tướng sắc là không chăng? Dẫn đến tướng Phật là không chăng? Trong không thì có các tướng sai khác có khả đắc chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Các pháp tướng đều là không. Trong rốt ráo không, trong vô tướng, thì làm sao nói các pháp tướng sai khác được.

Phật dạy: Trong "không" chẳng có các pháp tướng sai khác. **Pháp "không" là thật pháp, thì làm sao ở trong "không" ông lại phân biệt các pháp, và nêu lên các lời vấn nạn? Trong rốt ráo "không" thì "không" là bất khả đắc, các pháp tướng mỗi mỗi đều bất khả đắc, thì ông còn vấn nạn làm gì nữa?**

Bởi vậy nên phải biết rằng các pháp bình đẳng là chẳng có phân biệt. Ở nơi các pháp bình đẳng đó, chẳng có phàm phu, cũng chẳng ly phàm phu... dẫn đến chẳng có Phật, cũng chẳng ly Phật. Tướng của phàm phu cũng tức là tướng của Thánh Hiền... dẫn đến cũng tức là tướng của Phật. Bởi vậy nên nói Thánh Hiền chẳng phải phàm phu mà cũng chẳng ly phàm phu... dẫn đến Phật chẳng phải phàm phu mà cũng chẳng ly phàm phu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề muốn hiểu rõ hơn về tướng bình đẳng, nên hỏi: Các pháp bình đẳng là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải là pháp hữu vi, cũng chẳng phải là pháp vô vi.

Vì sao? Vì pháp hữu vi là pháp hư vọng, chẳng thật; còn pháp vô vi thì chẳng có sanh trú diệt, nên là vô pháp (chẳng có pháp nào như vậy). Nếu đã là vô pháp, thì cũng chẳng thể gọi là pháp vô vi được.

Vì sao? Vì do đối đãi với hữu vi, mà nói có vô vi; nếu ly hữu vi ra, thì vô vi là bất khả đắc. Ví như dài và ngắn là hai khái niệm tương đãi; nếu chẳng có khái niệm về dài, thì cũng chẳng có khái niệm về ngắn, hay ngược lại.

Hỏi: *Pháp hữu vi là pháp vô thường; pháp vô vi là pháp thường. Như vậy vì sao nói, ly hữu vi, thì vô vi là bất khả đắc?*

Đáp: Pháp vô vi là pháp vô phân biệt (chẳng có phân biệt), là pháp vô tướng (chẳng có tướng).

Nếu pháp vô vi là thường, thì chẳng phải là vô tướng được vậy. Chỉ vì nhằm phá hữu vi, nên mới nói vô vi. Một khi hữu vi đã bị phá rồi, thì chẳng cần nói đến vô vi nữa. Ví như người bị giam cầm ở trong ngục tối, tìm mọi cách đục thủng vách tường, để thoát ra bên ngoài. Khi vách tường đã được đục thủng rồi, thì nó chẳng còn là vật ngăn cách bên trong và bên ngoài nữa. Lúc bấy giờ thì khoảng hư không bên trong và khoảng hư không bên ngoài đã hòa đồng với nhau, chẳng còn có sự phân biệt, chẳng còn sai khác nữa.

Pháp vô vi chẳng phải do các nhân duyên sanh. Sở dĩ lập ra tánh vô vi là để phá chấp về tánh hữu vi. **Khi đã phá hữu vi rồi, thì chẳng còn phân biệt hữu vi và vô vi nữa.**

Pháp hữu vi và pháp vô vi đều là bất khả đắc, chẳng hợp, chẳng tan, đều là nhất tướng (một tướng), là vô tướng (chẳng có tướng) vậy.

Vì y theo thế tục đế mà nói có hữu vi, có vô vi; chẳng phải là y theo đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì chẳng còn có thân hành, khẩu hành và ý hành. Hữu vi và vô vi bình đẳng mới tức là đệ nhất nghĩa đế.

Bồ Tát biết rõ pháp hữu vi và pháp vô vi đều là bình đẳng tướng, là nhất tướng, là vô tướng, mà chẳng chấp bình đẳng tướng, nhất tướng, vô tướng đó.

Bồ Tát an trú bất động ở nơi đệ nhất nghĩa mà làm các việc lợi ích cho chúng sanh, dùng các lực phương tiện để vì chúng sanh thuyết pháp".

Chứng giải này thật sự giúp chúng ta thấu hiểu tất cả các giáo lý khó khăn mà đôi khi chúng ta tưởng chừng như nghịch đảo theo sự hiểu biết thường tục. Trong đệ nhất nghĩa không phân biệt hữu vi hay vô vi, tất cả pháp đều bình đẳng. Chẳng có gì nghịch đảo đối với Thánh giả khi thâm nhập được pháp không, pháp như, sống trong đệ nhất nghĩa thì tâm như như bất động. Nên thấy tất cả pháp đều như như, đều bình đẳng cả thì được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì linh chi sẽ mở.

Rốt lại Phật kết luận:

"… Các pháp như thế tuy chẳng thật có, nhưng nếu chẳng viên mãn thì quyết định chẳng thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

*Phật không phá pháp mà **phá chấp**. Dù Phật nói tất cả pháp là giả danh, không thật, như huyễn như mộng v.v… Nhưng nếu không học, không hành, không viên mãn quyết định không thể thành thục hữu tình,* nghiêm *tịnh cõi Phật, chứng Vô thượng Bồ đề. Đó là "nói thật"! Phải tin tưởng lời Phật dạy* này và *phải chấp hành nghiêm chỉnh, chẳng có chọn lựa* nào *khác./.*

---o0o---

84. PHẨM "TÁNH KHÔNG"

Cuối quyển 478, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Pháp Tánh Vô Động", phần sau Q.397, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Kết thúc Hội thứ I, Phật thuyết ba phẩm: "Bồ Tát Thường Đề", "Bồ Tát Pháp Dũng" và "Kết Khuyến". Trong Phẩm "Bồ Tát Pháp Dũng" thuyết nhiều về Tánh không để kết thúc pháp hội thứ I. Pháp hội thứ II không có ba phẩm này nhưng có phẩm "Tánh Không" để thay thế.

Phẩm "Tánh Không" của Hội thứ II, ĐBN tương đương với phẩm thứ 87, "Như Hóa", Tập 5, quyển 96 của Đại Trí Độ Luận.

*Tựa của phẩm này là "Tánh Không", nhưng không thuyết về "tính cách tôn dẫn của Tánh không" như trong phẩm "Thật Tế" Q.474, Hội thứ II, ĐBN, mà Tánh không hay Bản tánh không trong phẩm này thuyết về năng tác sở tác của tất cả pháp, nghĩa là chỉ nói về **kết quả của việc hành không** khi đã thâm nhập được "pháp không".*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp bình đẳng đều bản tánh không, bản tánh không đây đối tất cả pháp chẳng phải năng tác sở tác, đại Bồ Tát làm sao khi hành sâu Bát nhã Ba la mật chẳng động thắng nghĩa dùng bốn nhiếp sự nhiêu ích hữu tình?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Như vậy, như vậy! **Tất cả pháp tánh bình đẳng đều bản tánh không, bản tánh không đây đối tất cả pháp chẳng năng tác sở tác**, nhưng các Bồ Tát vì hữu tình đem bố thí thường làm việc nhiêu ích. Nếu các hữu tình tự biết các pháp đều bản tánh không, thời các Như Lai và các Bồ Tát chẳng hiện thần thông làm việc hy hữu. Nghĩa là **đối trong các pháp bản tánh không dù không sở động mà khiến hữu tình xa lìa vọng tưởng điên đảo**, nghĩa là khiến các hữu tình xa lìa tưởng ngã, tưởng hữu tình, cho đến tưởng tri giả, kiến giả. Cũng khiến xa lìa

tưởng sắc cho đến thức. Tưởng nhãn xúc cho đến ý xúc. Tưởng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Tưởng địa giới cho đến ý thức giới. Tưởng vô minh cho đến lão tử. Cũng khiến xa lìa tưởng hữu vi giới, trụ vô vi giới giải thoát tất cả sanh lão bệnh tử. Vô vi giới ấy tức các pháp không, nương thế tục nói danh vô vi giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Do cái gì không nên nói các pháp không**?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Do <u>tưởng không</u> nên nói các pháp không**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu thân biến hóa lại làm việc hóa, đây có thật mà chẳng phải không chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các việc biến hóa đều không thật có, tất cả đều không.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Biến hóa và không, hai pháp như thế chẳng hợp chẳng tan. Vì 2 pháp đây đều "không không" nên "không" chẳng nên phân biệt cái này không, cái này hóa. Vì sao? Vì chẳng phải trong tánh không có không có hóa hai việc khá được, vì tất cả pháp rốt ráo không vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Không có sắc nào mà chẳng phải hóa; không có thọ, tưởng, hành, thức nào mà chẳng phải hóa. Các pháp hóa này đều không. Các pháp khác, hữu tình cũng phải biết như vậy.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các pháp thế gian như uẩn, giới, xứ v.v… và các hữu tình đều là hóa. Pháp xuất thế gian như bốn niệm trụ v.v… và các hữu tình lẽ nào cũng lại là hóa nốt?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều là biến hóa, nhưng trong đó, có pháp là sở hóa của Thanh văn, có pháp là sở hóa của Độc giác, có pháp là sở hóa của Bồ Tát, có pháp là sở hóa của Như Lai, có pháp là sở hóa của phiền não, có pháp là sở hóa của thiện pháp. Do nhân duyên này mà Ta nói là **tất cả pháp đều như biến hóa như nhau không sai khác.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả quả đoạn trừ như là quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Như Lai, đoạn trừ hẳn phiền não tập khí nối nhau, lẽ nào cũng là hóa?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Các pháp nếu cùng hai tướng sanh diệt hợp nhau, thì đều là hóa. Nếu pháp chẳng cùng với tướng sanh diệt hợp nhau, pháp ấy chẳng phải hóa.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp nào là pháp chẳng phải là hóa?

- Này Thiện Hiện! Pháp chẳng hư dối tức là Niết bàn. Pháp này chẳng hợp với tướng sanh diệt, vì vậy chẳng phải là hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Như Thế Tôn đã nói, pháp tánh bình đẳng, tất cả đều không, không lay động, không hai có thể nắm bắt được, không có pháp nhỏ nào chẳng phải là tự tánh không, thì tại sao nói Niết bàn chẳng phải là hóa?

- Này Thiện Hiện! **Không có bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhặt bằng đầu mảy lông mà tự tánh chẳng không, tự tánh không này không do ai làm ra, tánh nó thường không, đây tức là Niết bàn. Vì không ai làm ra, tự tánh thường không, chẳng lúc nào chẳng không, nên mới gọi là Niết bàn. Niết bàn là vô sanh, vô diệt, phi hóa.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Ta vì các Bồ Tát tân học nói Niết Bàn chẳng phải hóa, chẳng riêng thật có bất không Niết Bàn. Vậy nên, chẳng nên chấp đây làm nạn.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bèn thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dùng phương tiện nào dạy bảo trao truyền tân học Bồ Tát khiến biết các pháp tự tánh thường không?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đâu tất cả pháp trước có sau không mà chẳng thường không? Nhưng tất cả pháp trước đã chẳng phải có, sau cũng chẳng phải không, tự tánh thường không, chẳng nên kinh sợ. Nên dùng phương tiện khéo léo như thế dạy bảo trao truyền tân học Bồ Tát khiến biết các pháp tự tánh thường không.

Khi Thế Tôn thuyết kinh này rồi, vô lượng chúng đại Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát làm thượng thủ, cụ thọ Thiện Hiện và Xá Lợi Tử, Đại Thái Thục Thị Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp Ba, A Nan Đà v.v…, các Đại Thanh Văn

và các Thiên Long, A tu la thảy tất cả đại chúng nghe Phật đã thuyết đều vui mừng lớn, tín thọ phụng hành.

Sơ giải:

Phẩm này tuy ngắn nhưng có nhiều giáo lý ảo diệu khác nhau, nên tùy theo từng giáo lý chúng tôi chia ra nhiều đoạn để chiết giải:

1. "Các việc biến hóa đều không thật có, tất cả đều không".

Tất cả pháp đều do duyên hợp, không có tự tánh nên bảo là không hiển chi các pháp do biến hóa. Nên nói "Các việc biến hóa đều không thật có, tất cả đều không".

Tất cả pháp đều duyên hợp, giả có, nên nói là không. Các hóa vật do huyễn sư hay đệ tử y làm ra cũng như hóa, không thật, nên gọi là không. Cả 2 đều không, trong tất cả không, không có phân biệt là "không" hay "hóa". Tất cả đều bất khả đắc, nên nói rốt ráo đều không.

2. "Pháp tánh bình đẳng, tất cả đều không".

Để giải thích điểm nầy, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 87, "Như Hóa", Tập 5, quyển 96****, nói rằng:*

"Ngài Tu Bồ Đề biết rõ hết thảy pháp tướng đều rốt ráo không, nên ngài hỏi Phật: Các pháp bình đẳng chẳng có tướng tạo tác; việc làm lợi ích chúng sanh là có tướng tạo tác. Như vậy, làm sao Bồ Tát trú trong không, trong vô tác, mà lại thường làm lợi ích cho chúng sanh?

Phật ấn chứng chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Làm việc lợi ích cho chúng sanh nghĩa là giáo hóa họ, khiến họ biết rõ được <u>các pháp bình đẳng là rốt ráo không, để có thể tự độ cho chính mình</u>, mà chẳng phải nhờ đến ân đức Phật. Ví như người bệnh tự biết được bệnh mình, tự tìm lấy thuốc để trị bệnh cho mình, thì chẳng cần phải nhờ đến thầy thuốc nữa".

Tại sao nói "các pháp bình đẳng là rốt ráo không?" Nếu chúng sanh biết rõ như vậy là có thể tự độ cho chính mình?

Theo các nhà địa lý muốn đo núi cao bao nhiêu thì lấy mặt biển làm chuẩn, chuẩn của mặt biển ở không độ. Thí dụ núi Trường Sơn so với mặt biển Đông cao nhất là 2.819 mét, người ta nói cao độ của Trường Sơn là 2.819 mét. Núi Hi mã lập sơn, ngọn Everest có độ cao nhất là 8.848 mét

so với mặt biển Ấn độ dương. Nhưng, mặt biển ở bất nơi nào trên thế giới dù là biển Đông hay biển Tây đều có một mực nước ngang nhau, ***bình đẳng là 0 mét****. Pháp tánh bình đẳng rốt ráo là không cũng lại như thế.*

Chúng ta biết rằng thập nhị chân như gồm chân như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, li sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới. Chân như hay như như đó tức là không, bình đẳng cũng là không, nên Kinh bảo là "Pháp tánh bình đẳng, tất cả đều không".

3. "Tất cả pháp tánh bình đẳng đều bản tánh không, bản tánh không đây đối tất cả pháp chẳng năng tác sở tác…"

Vì là không, không có y chỉ, nên không thể nương gá, đình trú, bám víu… thì làm gì có năng tác sở tác. Tác giả còn không hiến chi sở tác. Khi nhập được pháp không, pháp như và sống trong đệ nhất nghĩa đế thì tâm như như bất động, tức lìa ngôn ngữ, tâm hành dứt, bặt hý luận thì không còn thi vi tạo tác nữa.

4. "Không có sắc nào mà chẳng phải hóa; không có thọ, tưởng, hành, thức nào mà chẳng phải hóa. Các pháp hóa này đều không. Đối với các pháp khác, hữu tình cũng phải biết như vậy".

"Tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều là biến hóa, nhưng trong đó có pháp là sở hóa của Thanh văn, có pháp là sở hóa của Độc giác, có pháp là sở hóa của Bồ Tát, có pháp là sở hóa của Như Lai, có pháp là sở hóa của phiền não, có pháp là sở hóa của thiện pháp. Do nhân duyên này Ta nói là tất cả pháp đều như biến hóa như nhau không sai khác".

Để giải thích điểm này ***Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên****, nói:*

"Phàm phu chấp các pháp là thật có, mà chẳng biết rằng các pháp là không, là chẳng thật có, là như hóa.

Phật nêu lên các thí dụ để cho họ thấy rằng hết thảy các pháp đều là như hóa; hết thảy pháp cùng hóa chẳng có sai khác vậy.

Phật dạy: Sắc tức là hóa; thọ, tưởng, hành và thức tức là hóa… dẫn đến nhất thiết chủng trí tức là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nói pháp phàm phu là hư vọng, là như hóa, thì còn hợp lý. Vì sao cũng nói các pháp xuất thế gian là như hóa?

Nếu pháp xuất thế gian đều như hóa, thì Niết Bàn cũng là như hóa; Các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật… dẫn đến quả Phật cũng là như hóa chăng?

Phật dạy: **Hết thảy các pháp hữu vi và vô vi đều là như hóa**. **Tất cả các bậc Thánh Hiền… dẫn đến Phật cũng đều là như hóa, đều là rốt ráo không cả.**

Nghĩa này, Phật đã dạy rõ ở các phẩm trước rồi. Nay chỉ rộng nói thêm rằng "Hết thảy pháp đều là như hóa".

Hỏi: *Nếu các pháp đều là như hóa, thì làm sao phân biệt có các pháp sai khác?*

Đáp: Ví như Phật hóa hiện ra các hóa nhân(người hóa). Các hóa nhân, tuy chẳng phải là thật có, nhưng cũng có những tướng mạo khác nhau, có những tâm tư tình cảm khác nhau, như có xấu, có đẹp, có buồn, có vui, có sợ hãi, có an ổn v.v… Hết thảy các pháp đều ví như bóng trong gương. Tuy có hình tướng sai nhau, mà đều là chẳng thật có.

Phật dạy: Hết thảy pháp đều là biến hóa. Pháp Thanh Văn biến hóa, pháp Bích Chi Phật biến hóa, pháp Bồ Tát biến hóa… dẫn đến pháp Phật là biến hóa. Lại có các pháp phiền não biến hóa, nên có các pháp nghiệp nhân duyên biến hóa. Vì Thanh Văn biến hóa, nên 4 niệm xứ… dẫn đến 8 thánh đạo biến hóa, Tứ đế… dẫn đến 3 giải thoát môn biến hóa. Vì sao? Vì người tu pháp Thanh Văn, trú trong giới luật, trong thiền định nhiếp tâm cầu Niết Bàn, quán nội ngoại thân bất tịnh, nên gọi là thân niệm xứ. Đây là vì cầu Niết Bàn mà siêng năng, tinh tấn tu tập, sanh khởi các pháp ấy. Các pháp ấy, ngay từ căn bản, vốn là không, vốn không mà nay trở thành có; nay có rồi lại trở lại thành không. Như vậy gọi là Thanh Văn biến hóa.

Người tu Bích Chi Phật đạo, do quán 12 nhân duyên mà được đạo. Như vậy gọi là Bích Chi Phật biến hóa.

Người hành Bồ Tát đạo, do tu đầy đủ 6 pháp Ba La Mật, mà được đầy đủ các quả báo thần thông, đầy đủ các Phật pháp. Như vậy gọi là Bồ Tát biến hóa.

Phật biến hóa thành tựu đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 10 Phật lực… dẫn đến nhất thiết chủng trí; ở nơi vô lượng Phật pháp đều được bình đẳng.

Phiền não biến hóa là do phiền não mà khởi sanh ra các nghiệp; trong đó có nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Là còn có nghiệp định, nghiệp bất định, nghiệp bất động hoặc thiện hoặc ác, cùng vô lượng nghiệp khác".

5. "Các pháp nếu cùng hai tướng sanh diệt hợp nhau, thì đều là hóa. Nếu pháp chẳng cùng với tướng sanh diệt hợp nhau, pháp ấy chẳng phải hóa".

*Để giải thích điểm khó khăn này, **Đại Trí Độ Luận** nói:*

Phật dạy: Các pháp có sanh, có diệt đều là như hóa. Vì sao? Vì các pháp ấy trước là không, nay là có; nay có rồi lại trở thành không, nên là như hóa, chỉ làm cho tâm người lầm chấp mà thôi.

Ý Phật muốn nói rằng hết thảy pháp đều do nhân duyên sanh, chẳng có tánh, nên là rốt ráo không, là như hóa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề cầu thật tướng pháp, muốn hiểu được rõ hơn, nên lại hỏi Phật: Có pháp gì chẳng phải như hóa chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng ắt phải có 1 pháp quyết định chẳng phải như hóa, thì mới có thể nương theo đó mà tinh tấn tu hành vậy.

Phật dạy: Pháp chẳng sanh, chẳng diệt là pháp chẳng như hóa. Chỉ có Niết Bàn là pháp chẳng phải là tướng hư vọng, là pháp chẳng có biến hóa.

Pháp này chẳng có sanh (vô sanh), nên là chẳng có diệt (vô diệt). Do pháp này chẳng diệt, nên chẳng làm cho người tu sanh ưu bi, buồn khổ.

Như vậy là Phật phân biệt nói hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, là hư hóa; duy chỉ có Niết Bàn là chẳng phải như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Như lời Phật dạy thì pháp bình đẳng chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng pháp do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ Tát làm ra… dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra; dù có Phật hay chẳng có Phật thì tánh của pháp vẫn thường trú, thường không, mà tánh không tức là Niết Bàn.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói "Nếu thâm nhập vào trong Bát nhã Ba la mật, thì Niết Bàn cũng là không. Như vậy vì sao nay Phật lại dạy Niết Bàn là như hóa?"

Suy nghĩ như vậy, nên ngài dẫn lời Phật để hỏi lại: Thật tướng các pháp là tánh không, là pháp thường trú, mà chư Phật chỉ vì chúng sanh diễn nói tánh không tức là Niết Bàn. Nay vì sao ở nơi các pháp sanh diệt

mà nói tướng không tức là tướng Niết Bàn, và nói Niết Bàn là chẳng như hóa?

Phật dạy: Các pháp bình đẳng là thường trú, chẳng phải do chư Thánh làm ra… dẫn đến chẳng phải do chư Phật làm ra. Nếu các Bồ Tát tân học nghe như vậy mà sanh sợ hãi, thì phải nên vì họ nói các pháp sanh diệt là như hóa, các pháp chẳng sanh diệt là chẳng như hóa.

Đây chỉ vì hàng tân học Bồ Tát mà Phật nói Niết Bàn là chẳng phải như hóa.

Hỏi: *Như vậy là vì tùy đối tượng mà chuyển các pháp tướng chăng?*

Đáp: Phật thường nói "Các pháp tướng là tánh không, mà tánh không thì chẳng làm sao có thể chuyển được".

Lúc ban đầu, khi vừa mới thành đạo, chứng được thật tướng các pháp, Phật chỉ muốn hướng về Niết Bàn tịch diệt. Lúc bấy giờ, chư Thiên ở các cõi Phật khắp 10 phương đồng thỉnh Phật chớ nên vào Niết Bàn, và nên vì hết thảy chúng sanh trụ lại ở đời này, nhằm độ thoát hết thảy chúng sanh thoát khỏi các khổ.

Trong suốt thời gian thuyết pháp, độ sanh, Phật đã tùy thuận theo từng đối tượng chúng sanh mà phương tiện nói pháp.

Phật dạy chúng sanh tu tập, hướng về Niết Bàn tịch tịnh. Thế nhưng có nhiều vị Bồ Tát sơ phát ý, khi quán hết thảy các pháp đều là hư vọng, chỉ riêng có Niết Bàn là chẳng biến đổi, nên họ liền khởi tâm chấp Niết Bàn. Do nơi tâm chấp đó mà khởi sanh phiền não, chẳng còn muốn có độ sanh nữa. Đối với những Bồ Tát sơ phát ý này, Phật nói "Niết Bàn là như hóa".

Như vậy, đối với hạng người chẳng có chấp tâm, thì Phật dạy họ rằng "Niết Bàn chẳng phải như hóa".

Nói như thế nọ hay như thế kia cốt để 2 hạng Bồ Tát xả chấp Niết bàn thì chẳng có lỗi.

6. Dùng phương tiện nào dạy bảo trao truyền tân học Bồ Tát khiến biết các pháp tự tánh thường không?

"Không có bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhặt bằng đầu mảy lông mà tự tánh chẳng không, tự tánh không này không do ai làm ra, tánh nó thường không, đây tức là Niết bàn. Vì không ai làm ra, tự tánh thường không, chẳng lúc nào chẳng không, nên mới gọi là Niết bàn. Niết bàn là vô sanh, vô diệt, phi hóa".

Luận Đại Trí Độ *giải thích câu hỏi cuối cùng này như sau:*

"Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng "Phàm phu rất sợ hãi khi nghe nói các pháp là tánh không. Khi họ nghe nói tánh không, tánh vô sở hữu của các pháp, họ tự xem mình như rơi xuống hầm sâu thăm thẳm.

Vì sao? Vì người chưa được đạo, do tâm chấp sâu dày, nên vừa nghe nói đến pháp không, thì liền sanh tâm sợ hãi, nghĩ rằng "Phật dạy người đời phải nên hành các thiện pháp. Nhưng nếu rốt ráo sau cùng, ai cũng trở về trong không, trong vô sở hữu, thì hành đạo đâu có sự lợi ích gì?

Phật dạy: Đối với hạng người này, nên nói "Các pháp trước có, nay không".

Ý Phật muốn nói rằng "Vì các Bồ Tát tâm phát ý này sợ hãi về sau cùng sẽ không, nên phải vì họ nói các pháp trước có, nay không".

Nói như vậy có nghĩa là ở ngay hiện tại, nếu biết được thật tướng các pháp, thì liền thấy các pháp là không vậy".

Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ các pháp từ trước vốn là không, nay cũng là không. Chỉ vì các Bồ Tát tân phát ý, do bị phiền não che tâm, mà sanh sợ hãi. Nếu trừ được tâm chấp điên đảo của họ, khiến họ thấy được chỗ rốt ráo không, biết được thật tướng của phiền não cũng là rốt ráo không, thì chẳng còn sợ hãi nữa.

Bởi vậy, phải nên dạy các Bồ Tát tân phát ý rằng "Các pháp trước có, do hành đạo mà nay mới được không, chớ nên sợ hãi". Vì sao? Vì các pháp từ ban đầu vốn đã là không rồi, nên chẳng có gì mà phải sợ hãi. Chỉ cần trừ tâm chấp là thấy rõ như vậy".

Để giải rộng Kinh, Bồ Tát Long Thọ không ngại diễn dịch ý của Tu Bồ Đề, cũng như diễn dịch ý của Phật không những trong phẩm này mà còn trong toàn bộ Hội thứ II của Đại Bát Nhã, có tên là MHBNBLMĐ. Chúng tôi hy vọng những chú giải trên đem lại kết quả tốt cho cho người thọ trì Kinh này./.

---o0o---

Kết luận của pháp hội thứ II, ĐBN.

Hội thứ I tổng cộng có đến 400 quyển, Hội thứ II ngắn gọn hơn, chỉ có 78 quyển(1) bắt đầu từ quyển 401 cho đến quyển 478, thiếu ba phẩm: "Bồ Tát Thường Đề", "Bồ Tát Pháp Dũng" và phẩm "Kết Khuyến". Tuy nhiên, giáo lý, hạnh quả, tu chứng cùng kỹ thuật tu trì quán chiếu... của hai Hội như nhau. Điểm đáng lưu ý là Hội thứ II cô động, rõ ràng, chúng tôi mặc dù nói là tóm lược, nhưng thật sự chẳng tóm lược mấy. Toàn bộ Kinh văn thuộc Hội thứ II, gần như giữ "nguyên chất", hơn 90%.

Nếu tụng hết phần tóm lược 400 quyển của Hội thứ I, gặp nhiều trở ngại, không nắm được đầu mối (tổng quát), Hội thứ II bổ túc và giúp ích rất nhiều. Tuy nhiên, nếu tụng phần thứ II còn trở ngại nữa các đạo hữu có thể tụng Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ Phạn sang Hán và HT Thích Trí Tịnh dịch từ Hán sang Việt. Vì Kinh MHBNBLMĐ do Phật thuyết ở Hội thứ II cũng được gọi là đại bản như Hội thứ I vậy. Nếu tụng Kinh MHBNBLMĐ còn trở ngại nữa thì nên tụng thêm Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ biên soạn, và cũng do nhóm của Tam tạng Cưu Ma La Thập dịch từ Tạng sang Hán và Ni trưởng TN Diệu Không dịch từ Hán sang Việt.

Nhờ bộ Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ biên soạn thảo làm cho công việc chiết giải Tổng Luận Đại Bát Nhã Ba La Mật của chúng tôi dễ dàng hơn. Tuy nhiên, Đại Trí Độ Luận là một bộ Luận đồ sộ, tổng cộng hơn 4.000 trang, chúng tôi không thể trích dẫn hết được, chúng tôi chỉ trích dẫn những phần cần thiết cho luận giải của chúng tôi mà thôi.

Pháp hội thứ II của Tổng luận do chúng tôi biên soạn ở TẬP 3 và TẬP 4 tổng cộng gần 1.600 trang gồm chánh văn, thích nghĩa với chiết giải của chúng tôi cùng trích dẫn Kinh MHBNBLMĐ và Bộ Đại Trí Độ Luận, như vậy là quá dài. Nên, chúng tôi không thể trích dẫn thêm một số chiết giải cần thiết đã trình bày trong 100 quyển của Đại Trí Độ Luận được. Do đó, chúng tôi lúc nào cũng khuyên các đạo hữu tụng thêm bộ Luận này song hành với thiên Tổng luận của chúng tôi.

Cũng xin nhắc lại rằng Bồ Tát Long Thọ là Tổ thứ XIV có công rất lớn, nối giáo Phật Thích Ca Mâu Ni làm chủ Tăng đoàn và phát huy Phật đạo. Ngài là bậc tu hành có công phu sâu dày, một học giả uyên thâm, một Tổ sư đáng xưng tụng của Phật giáo thế giới. Nhờ bộ Đại Trí Độ Luận mà chúng ta biết được bối cảnh lịch sử cũng như tiến trình của các giáo lý Phật đạo 26 thế kỷ trước. Chúng tôi nghiêng mình kính lễ và xưng

táng công đức này của bậc Đại long tượng. Đó cũng là lý do mà Phật Thích Ca Mâu Ni tiên đoán, Bồ Tát Long Thọ với bộ Luận này sẽ làm sáng tỏ thêm giáo lý của Đại Bát Nhã và đó cũng chính là lý do khiến chúng tôi khuyên dẫn các thiện hữu nên thọ trì thêm bộ Đại Trí Độ Luận này song song với Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật.

Sẳn dây chúng tôi một lần nữa chân thành cám ơn Sư Trưởng TN Diệu Không, HT Thích Thiện Trí, Cư Sĩ Tâm Viên Lê Văn Lâm, là những vị có công trong việc dịch thuật cùng xiển dương bộ Đại Trí Độ Luận mà chúng tôi không có dịp diện kiến để xin phép. Công việc của chúng tôi cũng vì Phật đạo liên hệ đến Kinh Đại Bát Nhã mà suốt hơn 15 năm qua hy sinh bỏ cả công sức kể cả tiền bạc để xiển dương Kinh này hơn là vì lợi nhuận.

Thích nghĩa của phần tổng luận của Hội thứ II này:

(1). Hội thứ II bắt đầu từ Q.401 chấm dứt ở Q.478, tức Hội thứ II chỉ có 78 quyển và 84 phẩm do nhóm của Ngài Huyền Trang sao lại và ghi vào đại phẩm Đại Bát nhã, thiếu ba phẩm cuối cùng là Bồ Tát Thường Đề, Bồ Tát Pháp Dũng và phẩm Kết Khuyến.

Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài La Thập dịch từ Phạn sang Hán, gồm 29 quyển, 87 phẩm, thiếu 3 quyển cuối cùng. HT. Thích trí Tịnh dịch từ Hán sang Việt thêm vào một quyển nữa, nên Kinh MHBNBLMĐ mới được 30 quyển, 90 phẩm với 3 phẩm cuối cùng là Tát Đà Bà Luân, Đàm Vô Kiệt và phẩm Chúc Lụy.

Xin đừng lẫn lộn Hội thứ II, ĐBN với Kinh MHBNBLMĐ. Hai Kinh khác nhau và hai nhóm dịch thuật cũng khác nhau. Kinh MHBNBLMĐ là một Kinh riêng nằm ngoài Kinh Đại Bát Nhã, nội dung tương đương với Hội thứ II ĐBN như trong phần dẫn hướng mà chúng tôi có lưu ý lúc mới khai Kinh ở đầu Tập 3, Hội thứ II, ĐBN.

Chính văn của Kinh MHBNBLMĐ và chính văn của Đại Trí Độ Luận chỉ là một. Bồ Tát Long Thọ dùng Kinh MHBNBLMĐ để soạn thảo Đại Trí Độ Luận. Chúng tôi dùng Kinh Đại Bát Nhã để soạn thảo Tổng luận Đại Bát Nhã. Xin nhớ cho!

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần hai,
(Hội thứ II)

Khi chiết giải Hội thứ I chúng tôi có nói dùng Kinh MHBNBLMĐ làm khung, so chiếu từ chi tiết đến tổng quát của từng phẩm, để giúp các đạo hữu nắm vững Hội thứ I, ĐBN mà không than phiền tác giả dẫn các đạo hữu vào rừng, mà "các đạo hữu nói không thấy rừng, chỉ thấy lá và cây".

*Đồng thời để giúp các đạo nắm vững Hội thứ II, ở mỗi phẩm của Hội này, chúng tôi có ghi phẩm tương đương với Hội thứ I và phẩm tương đương của Đại Trí Độ Luận để các đạo hữu dễ tra cứu. Công việc tuy rất nhiêu khê phức tạp, nhưng rất hữu ích trong việc thọ trì Kinh này. Vì **văn từ cũng như lối dịch thuật** trong mỗi pháp hội rất khác nhau, có thể gây trở ngại cho sự hiểu biết. Trong 5 Hội đầu, chỉ cần nắm vững một Hội là hiểu tất cả.*

Chúng tôi lưu ý các đạo hữu kinh nghiệm quý báo này: Hội thứ I quản diễn và trùng tụng quá nhiều so với bất cứ Hội nào trong 16 pháp hội của Kinh ĐBN nên việc thọ trì trở nên khó khăn. Trong khi Hội thứ II cũng được xem là đại bản(hay đại phẩm) như Hội thứ I, nhưng các phẩm của Hội này đặc biệt lại ngắn gọn, dễ hiểu hơn. Nên chúng tôi thường dùng Hội thứ II để ôn tập. Kèm theo đó chúng tôi cũng đọc thêm Kinh MHBNBLMĐ do HT Thích Trí Tịnh dịch và Đại Trí Độ Luận để thâm hiểu 5 Hội đầu của Kinh ĐBN. Đây là phần căn bản trong việc học tập giáo lý Bát nhã Ba la mật, và các pháp mầu Phật đạo để phát triển trí tuệ.

Các đạo hữu nào đã chịu khó theo dõi đọc tụng đến đây đã thật sự tinh tấn lắm rồi. Giáo pháp của 5 Hội đầu chỉ đặt nền móng. Nếu không có nền móng làm sao có thể xây dựng lâu dài trí tuệ, nói chi đến việc chứng đắc.

***Hội thứ III kế tiếp, chúng tôi chỉ tóm lược**. Tuy nhiên, trên đầu mỗi phẩm tựa của Hội thứ III, chúng tôi có ghi các phẩm tương đương với Hội thứ I hay Hội thứ II để các đạo hữu tiện việc đối chiếu, tra cứu nếu cần. Hội thứ III này ngắn hơn hai Hội trước, chỉ có điều là các phẩm của Hội thứ III hơi dài vì thường nhập nhiều phẩm của Hội thứ I và Hội thứ II thành một phẩm duy nhất, nên sự đọc tụng có thể làm cho các đạo hữu không được thoải mái như Hội thứ II.*

Cũng nên nói trước, nếu các đạo hữu trì tụng Hội thứ I và Hội thứ II kỹ rồi, Hội thứ III chỉ cần đọc lướt qua thôi, ***chúng tôi không lược giải Hội thứ III****, các đạo hữu đọc và tự chiết giải lấy để xây dựng trí tuệ cho chính mình. Hy vọng các đạo hữu có thể làm được việc này, không khó!*

Giáo pháp của 5 Hội đầu giống nhau, có thể làm cho các đạo hữu chán nản? Kinh nầy được xem là mẹ của chư Phật, sanh ra tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, chắc chắn sẽ mang lại nhiều diệu dụng không thể nghĩ bàn. Điều cần nhất người học đạo là phải siêng năng trì tụng. Tụng nhiều sẽ ru ngủ được cảm quan và ý thức, chúng chỉ là những thức vọng sanh diệt và nhờ sự tụng đọc lâu ngày tâm sẽ sạch trí sẽ sáng thôi./.

Chấm dứt phần hai, Hội thứ II, ĐBN.

HẾT TẬP 4

---o0o---

Xin đọc tiếp TẬP 5, bắt đầu Hội thứ III, ĐBN.